# A DI ĐÀ KINH SỚ SAO DIỄN NGHĨA

## QUYỂN VIII

**Liên Trì đại sư chùa Vân Thê soạn sớ sao**
**Pháp sư Cổ Đức diễn nghĩa**

# 阿彌陀經疏鈔演義講記

## 卷八

明古杭雲棲寺沙門袾宏述
明雲棲寺古德法師演義
民國淨業學人釋淨空講述
越南譯本

**Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không**
**Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa**
**Giảo duyệt: Minh Tiến - Huệ Trang - Đức Phong**

Printed for free distribution by
**The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation**
11F., 55 Hang Chow South Road Sec 1, Taipei, Taiwan, R.O.C.
Tel: 886-2-23951198 , Fax: 886-2-23913415
Email: overseas@budaedu.org
Website:http://www.budaedu.org
Mobile Web: m.budaedu.org
**This book is strictly for free distribution, it is not to be sold.**
KINH ẤN TỐNG KHÔNG ĐƯỢC BÁN

# A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Quyển VIII

# 阿彌陀經疏鈔演義講記

# 卷八

明古杭雲棲寺沙門袾宏述
明雲棲寺古德法師演義
民國淨業學人釋淨空講述
Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không
Địa điểm: Đài Loan Cảnh Mỹ Hoa Tạng Đồ Thư Quán
Thời gian: Tháng 12 năm 1984
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo duyệt: Minh Tiến - Huệ Trang - Đức Phong

***Tập 217***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm ba mươi mốt:

***(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh xuất sanh nhất thiết pháp, thị thiện căn nghĩa. Tự tánh phú hữu nhất thiết pháp, thị phước đức nghĩa.***

**(疏)稱理，則自性出生一切法，是善根義；自性富有一切法，是福德義。**

*(**Sớ**: Xứng Lý thì tự tánh sanh ra hết thảy các pháp là ý nghĩa của thiện căn, tự tánh phong phú hết thảy các pháp là ý nghĩa của phước đức).*

Trong đoạn văn thuộc phần trước, đối với đoạn kinh văn *"bất khả dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc"* (chẳng thể do ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy), Liên Trì đại sư đã nói thiện căn là gì, phước đức là gì, *"nhiều thiện căn, nhiều phước đức"* là gì, Ngài đã giải thích rất cặn kẽ. Ở đây, trong đoạn này,

lời chỉ dạy của Ngài mang tính cách hướng dẫn tiêu quy tự tánh, cũng chính là *"tâm đắc tu học"* như người thế gian chúng ta thường nói. Trong Phật pháp, [tâm đắc ấy] được gọi là *"tiêu quy tự tánh"*.

***(Diễn) Tự tánh xuất sanh nhất thiết pháp, thị thiện căn nghĩa giả, Căn hữu xuất sanh nghĩa.***

**(演)自性出生一切法，是善根義者，根有出生義。**

*(**Diễn**: Tự tánh xuất sanh hết thảy các pháp là ý nghĩa của thiện căn. "Căn" lại có nghĩa là "xuất sanh").*

Kinh nói Căn (根) thì Căn có nghĩa là căn bản. Thực vật có gốc, có rễ, thì nó có thể đơm hoa, kết trái. Vì thế, Căn có ý nghĩa sanh trưởng. Ở đây nói *"Căn có nghĩa là xuất sanh"* tức là nói theo ý nghĩa "sanh trưởng".

***(Diễn) Kim tứ thánh lục phàm, sắc tâm y chánh, tùng tự tánh sanh.***

**(演)今四聖六凡，色心依正，從自性生。**

*(**Diễn**: Nay tứ thánh, lục phàm, sắc, tâm, y báo, chánh báo đều sanh từ tự tánh).*

*"Tứ thánh, lục phàm"* là nói tới mười pháp giới. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do đâu mà có? Thực tại là tìm đến căn bản thật sự, nó cũng chính là *"bản thể của vạn hữu trong vũ trụ"* như triết học đã nói. *"Thánh"* là thánh nhân, *"tứ thánh"* (四聖) là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, và Phật. *"Lục phàm"* (六凡) là nói tới lục đạo. Mười pháp giới đều được bao gồm trọn vẹn [trong từ ngữ *"tứ thánh, lục phàm"*]. Chánh báo là như vậy, y báo cũng chẳng ra ngoài lệ ấy. Y báo là hoàn cảnh sống của chúng ta, núi, sông, đại địa, cho đến hư không, đều là hoàn cảnh sống của chúng ta, những thứ ấy do đâu mà có? Từ trong tự tánh biến hiện. Do vậy, điều được mong cầu trong Phật pháp chính là cầu minh tâm kiến tánh. Tâm tánh là cái mà mỗi chúng sanh đều trọn đủ viên mãn, thường nói là *"tại thánh chẳng tăng, nơi phàm chẳng giảm"*. Tự tánh của lũ phàm phu chúng ta xác thực là chẳng bị giảm thiểu chút nào; tự tánh của chư Phật cũng chẳng thể nhiều hơn chúng ta chút nào! Nói theo tự tánh, hoàn toàn là bình đẳng: Thể bình đẳng, tướng bình đẳng, tác dụng bình đẳng, chẳng có gì bất bình đẳng. Tuy bình đẳng,

trong ấy có mê hay ngộ sai khác. Trừ mê và ngộ ra, chẳng có gì khác nhau. Vì chư Phật, Bồ Tát cũng ở trong mười pháp giới, phàm phu chúng ta cho đến các loài ngọ ngoạy, bay, bò, ngạ quỷ, địa ngục, vẫn sống trong mười pháp giới. Đã ngộ thì sẽ tự tại, vui sướng; hễ mê bèn tạo nghiệp chịu báo, vấn đề xuất hiện từ mê hay ngộ. Giáo học Phật pháp nhằm dạy chúng ta phá mê khai ngộ. Mê chính là cái nhân của hết thảy phiền não, khổ nạn; ngộ là cái nhân của hết thảy vui sướng. Chỉ cần phá mê khai ngộ bèn lìa khổ được vui. *"Lìa khổ được vui"* là nói về quả báo; phá mê khai ngộ là nói đến nhân duyên, phải thực hiện từ nhân duyên. Vì vậy, chúng ta biết chân tướng sự thật là [hết thảy các pháp] sanh từ tự tánh.

Chư Phật, Bồ Tát đã ngộ, ngộ gì vậy? Ngộ tự tánh. Hết thảy phàm phu mê thì cũng là mê tự tánh. Trong tự tánh, chẳng có mê hay ngộ; mê hay ngộ do con người! Chúng ta phải hỏi: "Mê là như thế nào? Chư Phật, Bồ Tát ngộ như thế nào?" Đó là điều then chốt. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật dạy chúng ta: *"Hết thảy chúng sanh đều do vọng tưởng, chấp trước, mà chẳng thể chứng đắc"*. Vọng tưởng, chấp trước là mê. Chư Phật, Bồ Tát chẳng có vọng tưởng, mà cũng chẳng có chấp trước. Đại Thừa Khởi Tín Luận nói: *"Một niệm bất giác, bèn có vô minh"*. Kinh Lăng Nghiêm đã giảng rất rõ về hiện tượng mê: *"Một niệm bất giác"*. Do vậy có thể biết, một niệm bất giác còn có trước vô minh. Do một niệm bất giác, nên mới thành vô minh. Do vô minh, nên mới sanh ra ba tế tướng. Từ ba tế tướng mới biến hiện sáu thô tướng. Tam tế và lục thô mới diễn biến thành y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do vậy mà có. Nếu nay chúng ta truy cứu: Cớ sao có một niệm bất giác? Nói thật ra, bất giác là "có" một niệm. Hễ có một niệm thì gọi là bất giác. Nói kiểu này rất minh bạch, trong chân tâm bản tánh quyết định chẳng có một niệm. Quý vị khởi một niệm là bất giác, bèn mê. Chúng ta từ sáng đến tối niệm này nối tiếp niệm kia, chẳng biết là có bao nhiêu vọng niệm? [Muốn] ngưng dứt niệm cũng chẳng thể ngưng được, chuyện này rất rắc rối! Vì sao biến thành nông nỗi này? Ấy là vì một niệm bất giác trong quá khứ cho đến nay đã dưỡng thành thói quen. Nếu nói khó nghe hơn thì là đã "dưỡng thành thói quen dấy vọng tưởng". Do vậy, vọng tưởng vĩnh viễn có muốn ngưng dứt cũng chẳng thể ngưng được, rắc rối xuất hiện từ chỗ này!

Đức Phật dạy: Nếu quý vị muốn khôi phục bản lai diện mục,

muốn thật sự triệt để giác ngộ, ắt phải đoạn sạch vọng niệm. Trong các vọng niệm, vọng niệm vi tế nhất được gọi là Vô Minh, vọng niệm thô hơn một chút bèn gọi là Trần Sa, lại thô hơn chút nữa, bèn gọi là Kiến Tư phiền não. Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, và Vô Minh phiền não được gọi chung là "vọng niệm", còn gọi là "vọng tưởng". Vọng tưởng dấy lên, từ vi tế nhất dần dần cho đến cái thô nhất. Nay đức Phật dạy chúng ta muốn đoạn vọng niệm thì chỉ có thể [dốc sức đoạn trừ] từ cái thô nhất, [rồi đến] cái ít thô hơn, [kế đó là cái] vi tế rồi đến cái vi tế nhất. Đoạn trừ như vậy đó. Giống như chúng ta mặc quần áo: Mặc lớp quần áo thứ nhất ở bên trong, lại mặc lớp khác ra ngoài; khi cởi thì cũng phải cởi từ lớp ngoài cùng, cởi từng lớp một cho đến lớp trong cùng, chẳng thể cởi ngay từ lớp bên trong. Có cùng một đạo lý!

Do đó, trước hết là phải đoạn Kiến Tư phiền não. Nếu chư vị chẳng đổ công dốc sức nơi đây, niệm kinh sẽ là niệm uổng công, niệm Phật cũng chẳng thể vãng sanh, cũng chẳng thu được hiệu quả. Trong vô lượng vô biên pháp môn của Phật pháp, các phương pháp và đường lối là để làm gì? Nhằm giúp chúng ta đoạn phiền não, phá trừ vọng tưởng và chấp trước. Bởi lẽ, Kiến Tư phiền não là thô nhất, đoạn được Kiến phiền não, sẽ chứng quả Tu Đà Hoàn trong Tiểu Thừa. Do quý vị đã phá phiền não, nên dự vào dòng Thánh. Quả Tu Đà Hoàn, nói thông thường theo Giáo Hạ, sẽ là Vị Bất Thoái. Tuy chẳng ra khỏi tam giới, nhưng từ nay trở đi, người ấy quyết định chẳng đọa trong ba đường ác, hạn mực thấp nhất sẽ là nhân đạo, qua lại trong cõi trời hay chốn nhân gian. Kiến phiền não là gì? Tư phiền não là gì? Nói theo kiểu hiện thời, Kiến (見) là kiến giải. Quý vị có cách nhìn sai, đã thấy sai bét. Đó gọi là Kiến Hoặc. Tư Hoặc (思惑) là [sai lầm nơi] tư tưởng, quý vị đã suy nghĩ sai bét. Do vậy có thể biết, đã đoạn Kiến Tư phiền não, đối với vũ trụ và nhân sinh, quý vị sẽ có cách nhìn và cách nghĩ rất chánh xác, chẳng sai lầm. Đoạn Tư Hoặc bèn chứng quả A La Hán. Trong pháp môn Niệm Phật, đoạn sạch Kiến Hoặc bèn chứng Sự nhất tâm bất loạn, đó là hạ phẩm. Nếu đoạn Tư Hoặc, phẩm vị bèn cao, chứng thượng phẩm Sự nhất tâm bất loạn.

Nếu chúng ta chia Sự nhất tâm thành ba phẩm thượng, trung, hạ; Tiểu Thừa Tu Đà Hoàn là hạ phẩm, Tiểu Thừa Nhị Quả và Tam Quả là trung phẩm, Tứ Quả A La Hán là thượng phẩm. Nhưng pháp môn [Niệm Phật] này hết sức đặc thù, xét theo phương diện đoạn chứng, tức là xét theo tầng cấp đoạn phiền não, sẽ giống như người Tiểu Thừa, nhưng xét

theo thiện căn, phước đức, trí huệ và đức năng thì hàng Tiểu Thừa chẳng mong hít bụi kịp! Chẳng thể sánh bằng được! Vì lẽ đó, pháp môn này thù thắng, vượt trỗi hàng Nhị Thừa quá nhiều. Nếu tiến hơn bước nữa, Trần Sa phiền não cũng đoạn hết, lại phá một phẩm vô minh, chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm cũng có ba phẩm thượng, trung, hạ. Hạ phẩm là Sơ Trụ Bồ Tát, thượng phẩm là Đẳng Giác Bồ Tát. Kinh Hoa Nghiêm nói bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ, còn nói theo Tịnh Độ sẽ đều là [những vị đã] chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn. Do vậy có thể biết, bất luận là Sự nhất tâm hay Lý nhất tâm, đối với người thật sự chứng đắc, công phu của mỗi người cạn hay sâu vẫn khác nhau! Nói theo Đại Thừa Phật pháp, Lý nhất tâm có bốn mươi mốt tầng cấp, thứ tự cạn hay sâu khác biệt. Lý nhất tâm là như thế, mà Sự nhất tâm cũng chẳng phải là ngoại lệ. Do vậy có thể biết, chúng ta nói *"công phu thành phiến"* tức là chưa thể phá một phẩm phiền não. Thật sự đắc nhất tâm, tối thiểu là đoạn hết Kiến Hoặc, [tức là đoạn hết] tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, mới thật sự thuộc về Sự nhất tâm bất loạn.

Chúng ta biết chân tướng sự thật này, phải nghiêm túc tự kiểm điểm bản thân: Chúng ta niệm Phật, niệm kinh, tu hành, cớ sao công phu chẳng đắc lực? Phải tìm cho ra nguyên nhân ấy. Chuyện này giống như chữa bệnh, tìm cho ra nguyên nhân gây bệnh, sau đó mới có thể cắt thuốc đúng theo chứng bệnh, mới có thể đạt công hiệu! Chúng ta xem Cao Tăng Truyện, hoặc xem Cư Sĩ Truyện trong Đại Tạng Kinh, [sẽ thấy] xưa kia, tại gia, xuất gia, nam chúng, nữ chúng tu hành, người căn tánh nhạy bén, dăm ba năm bèn khai ngộ, cũng có người chứng quả. Người căn tánh kém hơn đôi chút thì mười năm hay tám năm cũng có thành tựu. Vì sao chúng ta tu suốt đời mà chẳng thể thành tựu? Nguyên nhân ở chỗ nào? Tìm ra nguyên nhân ấy chẳng khó! Tuyệt đại đa số người tu hành chúng ta trong hiện thời nhắm đến mục đích là cầu phước báo nhân thiên, cầu điều này. Cổ nhân tu hành nhằm mục đích đoạn Kiến Tư phiền não, họ có mục đích khác hẳn! Cùng niệm Phật như nhau, nhưng họ niệm Phật nhằm niệm cho hết vọng tưởng, chấp trước, hoặc chế ngự chúng, mục đích của người ta là ở chỗ này! Nay chúng ta niệm Phật, mong mỏi sẽ được Phật, Bồ Tát phù hộ chúng ta thăng quan phát tài, khác hẳn! Vì vậy, thành tựu của chúng ta chẳng bằng cổ nhân.

Niệm Phật, Bồ Tát có thể thật sự thăng quan phát tài hay chăng? Nếu thật sự linh như vậy, cứ niệm Phật, Bồ Tát sẽ thăng quan phát tài, quý vị còn phải đến trường học hành để làm gì nữa? Chẳng cần thiết!

Còn phải làm lụng vất vả để làm gì? Niệm Phật, Bồ Tát bèn có thể phát tài, quý vị còn phải đi làm vất vả chi nữa? Do đó, phải hiểu: Bất quá chỉ là một chút an ủi về mặt tinh thần mà thôi! Giống như chích thuốc tê vậy, hễ tan thuốc rồi thì có hữu dụng gì hay không? Một tí tác dụng cũng chẳng có! Nhưng những điều đức Phật đã dạy trong kinh đều là lời thật, đức Phật chẳng nói dối. *"Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng"*. Đáng tiếc là chúng ta nghe câu này chỉ hiểu bề ngoài, chẳng lãnh hội nội dung chân thật. *"Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng"* thì cách cầu như thế nào? Vì sao có cầu ắt ứng? Vì tự tánh có thể sanh ra vạn pháp, cho nên cầu nơi cửa Phật là cầu ở nơi đâu? Cầu từ ngay trong tự tánh. Chẳng phải là cầu từ bên ngoài, cầu từ bên ngoài sẽ chẳng đạt được. Quý vị cầu nơi Phật, Bồ Tát, Phật bên ngoài, tượng Phật, Bồ Tát bằng đất nặn, gỗ khắc, bản thân [những tượng ấy] khó thể giữ vững, làm sao có thể phù hộ quý vị cho được? Phải cầu từ trong tự tánh, sẽ đích xác là *"có cầu ắt ứng"*, chẳng phải là giả! Vì thế, cổ nhân tu hành thật sự đổ công dốc sức nơi tự tánh, còn người học Phật chúng ta trong hiện thời chuyên môn đổ công dốc sức bề ngoài, dụng công nơi hình thức, chẳng hướng đến tự tánh để cầu. Đấy là nguyên nhân căn bản.

Trong các buổi giảng, tôi thường kính khuyên các đồng tu, nhất định phải hiểu rõ chân tướng sự thật này, phải trừ sạch chướng ngại trên đường Bồ Đề. Đối với chướng ngại, chúng tôi không nói tới chướng ngại vi tế. Vì sao? Chúng ta chẳng làm được. Chúng tôi nói những thứ trước mắt, những thứ nặng nề, thô thiển nhất! Trong là phải đoạn phiền não, ngoài là chẳng bị dụ dỗ, mê hoặc, công phu của chúng ta mới có thể đắc lực. Phiền não bên trong gọi là Tam Độc, [kể cả mạn và nghi sẽ là] tham, sân, si, mạn, nghi. Tham, sân, si là Tam Độc, phải trừ khử những thứ ấy. Dụ dỗ, mê hoặc bên ngoài lớn nhất là tài, sắc, danh, lợi. Tài, sắc, danh, lợi là tứ đại ma vương. Hằng ngày quý vị ở trong lòng bàn tay của ma vương, trốn chẳng khỏi lòng bàn tay của hắn, há còn có thành tựu gì nữa ư? Quý vị làm sao có thể thoát khỏi lục đạo luân hồi? Làm sao có thể vãng sanh cho được? Do đó, ngàn muôn phần phải ghi nhớ: Ngoài là chẳng bị dụ dỗ, mê hoặc, trong là phải diệt trừ tham, sân, si; sau đấy mới khôi phục tự tánh, tự tánh có thể sanh ra vạn pháp.

Thù thắng nhất trong vạn pháp, đó cũng là điều chúng ta hằng ngày mong cầu, có thể sanh trí huệ, có thể sanh thiện căn, có thể sanh phước đức, đấy đều là những điều chúng ta mong cầu. Những điều ấy đều phải cầu từ cái tâm thanh tịnh thì mới có thể cầu được. Lìa khỏi tâm

thanh tịnh, quý vị ngẫm xem, tâm độc địa dường ấy, những thứ do nó sanh ra toàn là có chất độc, lẽ đâu có thể sanh ra những thứ tốt lành cho được? Những thứ được sanh ra là Thập Ác, Ngũ Nghịch, sanh ra những thứ đó. Nếu dẹp trừ Tam Độc, sẽ sanh ra Thập Thiện, khác hẳn!

***(Diễn) Dĩ tùng Lý cụ khởi Sự tạo cố.***

**(演)以從理具起事造故。**

*(**Diễn**: Vì từ Lý sẵn đủ mà dấy lên sự tạo tác nơi Sự).*

*"Lý"* (理) là lý luận, phàm hết thảy mọi sự đều nương theo Lý mà sanh. Rời lìa đạo lý, chẳng thể nào có sự tướng. Mỗi sự tướng đều có một đạo lý tồn tại [trong ấy]. Khoa học hiện thời nói "vật lý", [tức là]: Hễ là vật thì vật chất luôn có đạo lý, luôn có một cái Lý. Nhưng các nhà Vật Lý Học trên thế giới hiện thời nghiên cứu lý của hết thảy các vật, chỉ là nghiên cứu hời hợt bề ngoài, chỉ thấy tầng bên ngoài, chứ họ vẫn chưa phát hiện cái lý tinh vi, sâu xa thật sự! Bất quá chúng ta nhìn vào sự thành tựu của họ, cũng chẳng thể không bội phục, họ cũng có thành tựu khá khả quan, nhưng vẫn chưa thể tìm được căn bản thật sự. Nếu họ tìm được căn bản thật sự, họ sẽ thành Phật, thành Bồ Tát, sẽ khác hẳn, sẽ mới có thể thật sự giải quyết vấn đề.

***(Diễn) Tự tánh phú hữu nhất thiết pháp, thị phước đức giả. Phước đức hữu phú hữu nghĩa. Kim tứ thánh, lục phàm, y, chánh, sắc, tâm, tự tánh bổn cụ, dĩ bỉ Sự tạo do Lý cụ cố.***

**(演)自性富有一切法，是福德者，福德有富有義，今四聖六凡，依正色心，自性本具，以彼事造由理具故。**

*(**Diễn**: "Tự tánh giàu có hết thảy các pháp là phước đức": Phước đức có ý nghĩa "giàu có". Nay tứ thánh, lục phàm, y báo, chánh báo, sắc, tâm, tự tánh vốn trọn đủ, tạo tác nơi mặt Sự là do Lý sẵn trọn đủ vậy).*

Hai cách nói đều cùng diễn tả một đạo lý. Một là nói theo phương diện *"có thể sanh"* (năng sanh), nên gọi là thiện căn. Một đằng là nói theo phương diện *"vốn sẵn trọn đủ"* (bổn lai cụ túc).

Câu cuối cùng hay lắm. Cuối cùng, Ngài trích dẫn hai câu nói từ trong Lục Tổ Đàn Kinh.

***(Sao) Hà kỳ tự tánh, năng sanh vạn pháp; hà kỳ tự tánh, bổn tự cụ túc.***

**(鈔)何期自性，能生萬法；何期自性，本自具足。**

*(**Sao**: Nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp, nào ngờ tự tánh vốn tự trọn đủ).*

Lục Tổ đại sư nói như vậy. Ý nghĩa *"có thể sanh"* chính là ý nghĩa thiện căn. Ý nghĩa *"trọn đủ"* là ý nghĩa phước đức. Tự tánh chẳng có gì không trọn đủ. Trí huệ trọn đủ, đức năng trọn đủ, tài nghệ trọn đủ. Lại thưa cùng quý vị, các thứ thọ dụng vật chất cũng trọn đủ. Mọi người cầu tài, tài cũng trọn đủ, chẳng có gì không trọn đủ. Nếu quý vị tu từ nơi tự tánh, chẳng có gì không trọn đủ! Thứ gì cũng đều trọn đủ. Vì sao? Hết thảy vật chất đều do tự tánh biến hiện, tự tánh là bản thể của vạn pháp. Vì vậy, từ nơi tâm tánh mà nói đến thiện căn và phước đức. Do vậy có thể biết, thiện căn và phước đức của mỗi người chúng ta chẳng hai, chẳng khác với chư Phật, quyết định chẳng thể nói "chính mình chẳng có thiện căn, chẳng có phước đức". Chúng ta tuy có, [không những có mà còn] bình đẳng, chẳng hai với đức Phật, vấn đề hiện thời là thiện căn và phước đức của chúng ta chẳng thấu lộ, tuy có mà chẳng khởi tác dụng! Trong kinh luận, đức Phật đã dạy: Chúng ta tuy trọn đủ Tánh Đức, nhưng khuyết thiếu Tu Đức. Ắt cần phải dùng Tu Đức để hiển lộ, khiến cho Tánh Đức khai hiển thì chúng ta sẽ có thể thọ dụng. *"Tu"* là tu chỉnh, sửa chữa, sửa đổi hết thảy những chỗ trái nghịch Tánh Đức, khiến cho tư tưởng, kiến giải, và hành vi của chúng ta đều có thể tương ứng với Tánh Đức; như thế thì Tánh Đức sẽ dần dần có thể khai hiển.

Tu Đức có tiêu chuẩn hay không? Chẳng có tiêu chuẩn. Chúng ta tu theo cách nào? Có tiêu chuẩn! Kinh luận của đức Phật là tiêu chuẩn tốt nhất. Trong hết thảy các kinh, nhất là kinh này và kinh Vô Lượng Thọ, tức là Tiểu Bổn và Đại Bổn, kinh Vô Lượng Thọ là Đại Bổn, kinh A Di Đà là Tiểu Bổn. Đại Bổn và Tiểu Bổn là tiêu chuẩn thù thắng nhất trong Phật pháp. Nương theo tiêu chuẩn ấy để tu, quyết định thành tựu trong một đời. Cách tu như thế nào? [Điều ấy sẽ được trình bày] trong khoa tiếp theo.

***Nhị, thị chánh hạnh.***

**二、示正行。**

*(Hai, nêu bày chánh hạnh).*

Dạy chúng ta phương pháp tu hành, chương này hết sức quan trọng. Đoạn lớn này giảng về cách tu hành; phần trước giảng về trợ hạnh, nay bèn giảng về chánh hạnh. Chánh hạnh là nhân, trợ hạnh là duyên. Trước hết, ắt phải hội đủ các điều kiện tu hành, [tức là] thiện căn, phước đức, nhân duyên. *"Chẳng thể do chút thiện căn, phước đức, nhân duyên"* [mà được sanh về cõi ấy], những điều kiện này quý vị đều hội đủ, bèn có thể bắt đầu tu. Tu chứng chẳng dễ dàng! Chúng ta chẳng hội đủ điều kiện tu hành, mà đã toan bắt đầu thực hiện, tu kiểu nào cũng đều chẳng đạt được kết quả chi hết, công phu dự bị chưa được thực hiện tốt đẹp mà! Những điều đã nói trong phần trước toàn là công phu dự bị, nay nói đến chánh hạnh. Chúng ta hãy xem kinh văn:

***(Kinh) Xá Lợi Phất! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu, nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật, nhược ngũ nhật, nhược lục nhật, nhược thất nhật, nhất tâm bất loạn.***

**(經)舍利弗。若有善男子。善女人。聞說阿彌陀佛。執持名號。若一日。若二日。若三日。若四日。若五日。若六日。若七日。一心不亂。**

*(**Kinh**: Xá Lợi Phất. Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe nói A Di Đà Phật, bèn chấp trì danh hiệu hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, nhất tâm bất loạn).*

Đoạn kinh văn này dạy chúng ta cách tu hành, [nói đến] chánh hạnh. Chánh hạnh là gì? *"Chấp trì danh hiệu"*, danh hiệu là *"A Di Đà Phật"*. Liên Trì đại sư niệm Phật bèn niệm bốn chữ, chỉ niệm A Di Đà Phật, không niệm Nam-mô. Ngài dạy kẻ khác niệm Phật niệm sáu chữ, Nam-mô A Di Đà Phật. Người khác hỏi Ngài "do lý do nào?", Ngài bảo: *"Ta quyết định cầu sanh Tịnh Độ trong một đời này, cho nên chẳng cần tới những lời lẽ khách sáo!"* Nam-mô là từ ngữ khách sáo! Chẳng cần phải khách sáo, niệm ngay A Di Đà Phật. Vì kinh nói *"chấp trì danh hiệu"*, *"danh hiệu"* là bốn chữ A Di Đà Phật. Vì sao dạy người khác niệm sáu chữ? Họ chẳng mong vãng sanh thế giới Cực Lạc, thêm vào chữ Nam-mô, khách sáo một chút. Nam-mô có nghĩa là Quy Y, [Nam-mô A Di Đà Phật] là *"quy y A Di Đà Phật"*. Nam-mô còn có nghĩa là Cung Kính, mang ý nghĩa lễ kính. Lễ kính A Di Đà Phật, kết thiện duyên

với A Di Đà Phật. Đời này chẳng thể vãng sanh, đợi tới nhiều đời, nhiều kiếp sau, cũng có lẽ [chờ tới khi] duyên ấy đã chín muồi, lại dùng cái nhân ấy để làm chánh nhân vãng sanh.

***(Sớ) Thừa thượng "đa thiện, đa phước, nãi sanh bỉ quốc".***

**(疏)承上多善多福，乃生彼國。**

*(**Sớ**: Nối tiếp ý "nhiều thiện, nhiều phước thì mới sanh về cõi ấy" trong phần trước).*

Trong phần trên đã nói *"nhiều thiện căn, nhiều phước đức"*, đó là duyên. Hội đủ những điều kiện ấy thì mới có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

***(Sớ) Nhi thiện căn nan thực, phước đức nan tu, huống phục vân đa, lũy kiếp cù lao, mạc chi năng biện, như Bảo Tích thập tâm, Hoa Nghiêm thập nguyện đẳng.***

**(疏)而善根難植，福德難修，況復云多，累劫劬勞，莫之能辦，如寶積十心，華嚴十願等。**

*(**Sớ**: Nhưng thiện căn khó gieo, phước đức khó tu, huống lại còn là nhiều! Trải bao kiếp nhọc nhằn mà chẳng thể làm được, như mười tâm trong kinh Bảo Tích, mười nguyện trong kinh Hoa Nghiêm v.v...).*

Nói lên thiện căn và phước đức xác thực là khó tu.

***(Sớ) Kim hữu nhất pháp, trực tiệp giản dị, tức vi đa thiện, đa phước, cố hiển trì danh công đức thù thắng.***

**(疏)今有一法，直捷簡易，即為多善多福，故顯持名功德殊勝。**

*(**Sớ**: Nay có một pháp thẳng chóng, đơn giản, dễ dàng để đạt được nhiều thiện, nhiều phước, tỏ rõ pháp trì danh có công đức thù thắng).*

Hiện thời có một phương pháp để tu nhiều thiện căn, nhiều phước đức rất dễ dàng. Pháp dễ dàng là như thế nào? Niệm A Di Đà Phật, thiện căn và phước đức của quý vị thảy đều đầy đủ. Nếu chẳng niệm A Di Đà Phật, tu thiện căn và phước đức hết sức khó khăn, tỏ rõ công đức thù

thắng chẳng thể nghĩ bàn của câu Phật hiệu. Nói thật thà, câu Phật hiệu này tuy rất dễ niệm, [chỉ là] *"Nam-mô A Di Đà Phật"*, có mấy ai chịu niệm? Không chịu niệm! Người thật sự chịu niệm câu Phật hiệu sẽ như kinh Vô Lượng Thọ đã nói: Nhất định là từ đời quá khứ trong vô lượng kiếp cho tới nay, thiện căn do người ấy tu tập, tích lũy nay đã chín muồi, tức là: Thiện căn và phước đức đã chín muồi, nay lại được mười phương chư Phật Như Lai âm thầm gia trì, che chở, đó là nhân duyên. Mười phương hết thảy chư Phật Như Lai gia trì, nhiều nhân duyên đấy nhé! Do trong đời quá khứ có nhiều thiện căn, nhiều phước đức, người ấy mới nghe một câu A Di Đà Phật bèn sanh tâm hoan hỷ, khăng khăng một mực thật thà niệm mãi, chẳng phải là chuyện đơn giản! Vì thế, phàm là người niệm Phật vãng sanh, tuyệt đối chẳng phải là tu trong một đời, mà là đã tu tập, tích lũy nhiều đời, nhiều kiếp, tới đời này chín muồi.

***(Sao) Thiện căn nan thực giả, như tiền Thân Tử phát Đại Thừa tâm, nhân Bà-la-môn khất nhãn thoái thất đẳng.***

**(鈔)善根難植者，如前身子發大乘心，因婆羅門乞眼退失等。**

*(**Sao**: "Thiện căn khó gieo": Như trước kia, ngài Thân Tử phát tâm Đại Thừa, do bị Bà-la-môn xin mắt mà thoái thất v.v...).*

Thân Tử là tôn giả Xá Lợi Phất, [câu chuyện của Ngài] nói rõ: Tu hành chẳng dễ dàng! Tôn giả Xá Lợi Phất thị hiện làm một vị Tăng Tiểu Thừa. Ngài nghe Đại Thừa Phật pháp bèn hết sức hâm mộ, phát tâm muốn học theo Bồ Tát, muốn hành Bồ Tát đạo. Bồ Tát đạo là "có thể bỏ điều khó bỏ", Ngài phát tâm bằng lòng bố thí, bằng lòng thí xả. Khi ấy, người cõi trời biến hóa đến khảo nghiệm Ngài, biến thành một người mắc bệnh, bệnh tình rất đáng thương, khóc lóc trên đường. Ngài Xá Lợi Phất gặp kẻ ấy, bèn nói: "Ngươi gặp khó khăn gì? Ta hành Bồ Tát đạo, có thể giúp đỡ ngươi". Người bệnh ấy nghe nói, rất hoan hỷ, thưa: "Nay tôi đang mắc bệnh nặng, tuy có thuốc, nhưng chẳng có thứ để dẫn thuốc". Tôn giả hỏi: "Ngươi cần vật dẫn thuốc như thế nào?" Người ấy nói: "Phải dùng một con mắt của người đã chứng quả A La Hán để dẫn thuốc". Tôn giả nói: "Ta đã chứng A La Hán, ta sẽ thí xả một con mắt cho ngươi". Ngài liền móc một con mắt ra cho. Sau khi [tôn giả] móc xong, kẻ ấy nói: "Sai rồi! Ta cần con mắt trái, ông móc con mắt phải". Ngài Xá Lợi Phất nói: "Sao ngươi không nói sớm? Ngươi nói sớm thì ta

còn giữ được một con mắt, nay thì đến nỗi cả hai con mắt đều chẳng còn". Do muốn hành Bồ Tát đạo, bất đắc dĩ, lại móc con mắt kia ra cho kẻ ấy. Bệnh nhân ngửi rồi nói: "Mùi vị rất khó ngửi, chẳng thể dùng làm đồ dẫn thuốc được, thôi đi!" Vứt đi, chẳng cần nữa! Ngài Xá Lợi Phất nghe vậy, rất tức giận: "Thôi đi! Ta vẫn hành Tiểu Thừa, chẳng hành Bồ Tát đạo". Câu chuyện là như thế, vì bị xin mắt mà ngã lòng, vẫn là làm A La Hán hay hơn, chẳng làm Bồ Tát nữa! Chuyện này nói rõ tu tập, tích lũy thiện căn khó khăn, thật sự chẳng dễ dàng! Đây gọi là *"nội tài bố thí"*. Nay chúng ta vật ngoài thân còn chưa buông xuống được, còn có thể dùng nội tài bố thí được ư? Quý vị hãy nghĩ thử xem, há dễ dàng ư? Chẳng phải là chuyện đơn giản! Nói thì rất dễ nghe, xác thực là chẳng dễ gì thực hiện!

Chư vị nhất định phải biết, đức hạnh của chính mình chưa thật sự kiến lập thì phát tâm luôn luôn là chẳng chân thật. Ngỡ chính mình đã phát đại tâm, thật ra là *"lộ thủy đạo tâm"* (露水道心: Đạo tâm mong manh như sương sớm), gặp phải cảnh duyên [trái nghịch] bèn lui mất. Nếu còn xen tạp tiếng tăm, lợi dưỡng, sẽ chẳng phải là thiện tâm, mà là ác tâm. Đấy chẳng phải là hoằng pháp lợi sanh, mà là buôn bán Như Lai, mượn chiêu bài nhà Phật để cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, coi Phật pháp như công cụ để cầu danh lợi, tội nghiệp hết sức to lớn, quả báo chắc chắn là trong tam đồ. Quý vị bèn hiểu: Tu hành thật sự không dễ dàng. Bởi lẽ, tu hành trong hiện tại, nói thật thà, người xuất gia chẳng bằng kẻ tại gia. Người tại gia dùng Phật pháp để đạt danh lợi còn ít, chẳng dễ dàng cho lắm! Hàng xuất gia dùng Phật pháp làm công cụ cầu danh lợi dễ dàng, cũng đông lắm! Thời cổ, người ta xuất gia bèn thật sự tu hành, họ vì liễu sanh tử, thoát tam giới. Người thời nay có quan niệm khác hẳn! Sanh tử là chuyện lớn, vô thường nhanh chóng, nếu kẻ xuất gia chẳng giữ bổn phận, còn muốn làm những thứ ngoài bổn phận, lầm lẫn đặc biệt to tát, cớ gì cứ phải xuất gia?

Học Phật phải học theo những chuyện thuộc về bổn phận trong Phật pháp. Khổng lão phu tử nói: *"Quân tử vụ bổn, bổn lập nhi đạo sanh"* (Người quân tử chú trọng cái gốc, sau khi gốc đã lập, đạo bèn sanh). Bổn phận của người xuất gia là tu hành, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, đó là căn bản của người xuất gia. Từ xưa tới nay, Phật môn chưa từng lập Phật Học Viện. Hiện thời có rất nhiều Phật Học Viện mà chẳng xuất hiện nhân tài! Xưa kia, chẳng lập Phật Học Viện, nhân tài liên tục xuất hiện! Nhân tài chẳng xuất thân từ Phật Học Viện,

mà xuất hiện ra sao? Do họ ngộ được cái gốc bèn xuất hiện. Bản thân họ tu hành là "trước đoạn phiền não, sau học pháp môn". Cổ đức bồi dưỡng nhân tài sử dụng phương thức khác với chúng ta trong hiện thời. Nhân tài do thầy chọn lựa từ học trò. Cách chỉ dạy phổ biến là dạy quý vị hãy đoạn phiền não. Nghiêm túc đoạn phiền não, đã đoạn có hiệu quả kha khá, thầy sẽ chọn kẻ ấy ra và bảo: "Ngươi có thể học pháp môn". [Đối với kẻ] phiền não tập khí còn rất nặng, [thầy sẽ răn dạy]: "Nay ngươi còn chưa thể học. Vì sao? Chẳng phải là pháp khí!" Chẳng phải là thầy có lòng thiên vị!

Trong Phật môn thường có một tỷ dụ: Ở đây, thầy có đề-hồ, đó là một món ngon nhất được luyện từ sữa, [thầy bảo]: "Nay ta cho các con, các con phải mang đồ đến đựng". Tôi đem bát đến đựng, trước kia bát ấy đựng thuốc độc, thầy thấy cái bát ấy chẳng sạch, chẳng cho: "Hãy rửa đi! Rửa sạch thuốc độc thì thầy mới cho con". Vì sao? Trong bát có chất độc, đựng đề-hồ trong bát, đề-hồ liền biến thành thuốc độc. Quý vị có hiểu ý nghĩa này hay không? Ý nghĩa rất sâu! Chẳng gột sạch sẽ Tam Độc phiền não trong tâm mà quý vị học Phật pháp, Phật pháp đều biến thành độc tố. Độc tố gì vậy? Sở Tri Chướng. Trong bộ Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao, khi giảng về tựa đề kinh, Thanh Lương đại sư đã nói: *"Chẳng đoạn phiền não mà tu học pháp môn, cái đạt được sẽ là tà tri tà kiến"*. Cớ sao là tà tri tà kiến? Trong tâm quý vị có tham, sân, si. Tham, sân, si biến Phật pháp thành tà tri tà kiến. Sau khi dẹp trừ tham, sân, si, Phật pháp sẽ là chánh tri, chánh kiến, Phật tri, Phật kiến. Quý vị bèn hiểu đoạn phiền não có tầm mức trọng yếu dường ấy! Chẳng đoạn phiền não, chẳng có tư cách học pháp môn.

Tứ Hoằng Thệ Nguyện có thứ tự, trước hết bảo quý vị hãy phát tâm. Sau khi đã phát tâm bèn tu hành; phát tâm là phát nguyện, nguyện để hướng dẫn, giống như kẻ dẫn đường. Phát ra nguyện ấy *"chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"*, đồng tâm đồng nguyện với Phật. Nếu muốn độ chúng sanh thì thực hiện từ nơi đâu? Trước hết là phải đoạn phiền não. *"Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn"*. Sau khi đã đoạn phiền não rồi mới học pháp môn, sẽ chẳng sai! Người hiện thời học Phật chắc chắn là chưa đoạn phiền não, đã ngay lập tức toan học pháp môn. Càng học nhiều pháp môn, càng kiêu căng, ngã mạn, tham, sân, si tăng trưởng giống hệt [như sự tăng trưởng tri kiến về] pháp môn. Thanh Lương đại sư nói chẳng sai tí nào. Vì sao? Kẻ ấy chẳng có bản lãnh trong Phật pháp thì còn tạo nghiệp ít; đã hiểu đôi chút Phật pháp bèn tạo nghiệp to đùng. Nói

cách khác, trong tương lai, người ấy đọa địa ngục cũng sâu!

Chúng ta học Phật phải lấy cổ đại đức làm gương, chớ nên nhìn theo người hiện thời. Thấy người hiện thời học như thế nào, chúng ta học theo họ, họ vào địa ngục, ta cũng theo họ đọa địa ngục. Đó là ngu si! Học theo cổ nhân sẽ chẳng sai. Thật sự phát tâm muốn tiếp nối huệ mạng của Phật, hoằng pháp lợi sanh, nhất định phải thực hiện từ đoạn phiền não, phải xa lìa phiền não (tức là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước). Đoạn càng sạch càng hay, quyết định chớ nên tăng trưởng. Những thứ này mỗi năm một ít hơn, mỗi tháng một ít hơn, tức là quý vị công phu đắc lực. Tuyệt đối chẳng phải là quý vị nghiên cứu kinh luận mỗi ngày một nhiều hơn, giảng diễn ngày càng hay hơn. Đó là giả, là gạt người, chẳng thật! *"Thật"* là phiền não tập khí mỗi ngày một giảm thiểu, trí huệ và đức năng ngày càng tăng trưởng. Bồ Tát có Ngũ Đức và Lục Hòa. Lục Hòa là Lục Hòa Kính, Ngũ Đức là như trong Nho gia, các môn đệ đã tán thán Khổng lão phu tử là *"ôn, lương, cung, kiệm, nhượng"*, đó là Ngũ Đức! [Tức là tán thán Khổng Tử có các phẩm đức] ôn hậu (溫厚: ôn hòa, đôn hậu), thiện lương, khiêm cung (謙恭: khiêm hư, cung kính), nhường nhịn, tiết kiệm, đấy là các đức của Bồ Tát. Chúng ta phải thực hiện từ chỗ này, phải nghiêm túc tu học từ chỗ này.

***(Sao) Phước đức nan tu giả.***

**(鈔)福德難修者。**

*(**Sao**: Phước đức khó tu).*

Thiện căn chẳng dễ dàng, khó tu. Phước đức cũng chẳng dễ dàng.

***(Sao) Như Niết Bàn tam thập tứ kinh vân.***

**(鈔)如涅槃三十四經云。**

*(**Sao**: Như kinh Niết Bàn, quyển ba mươi tư có nói).*

Kinh Niết Bàn, quyển ba mươi bốn…

***(Sao) Ngũ phẩm tâm tu Thập Thiện, vị hạ, trung, thượng, thượng trung, thượng thượng, các thập thiện nhi thành ngũ thập, thỉ tu, chung tu, phương thành bách phước.***

**(鈔)五品心修十善 ，謂下 、中、上、上中、上上，各**

**十善而成五十，始修終修，方成百福。**

*(**Sao**: Cái tâm tu Thập Thiện chia thành năm phẩm, tức là hạ, trung, thượng, thượng trung, thượng thượng. Mỗi điều trong Thập Thiện [ứng hợp với năm tâm ấy] bèn thành năm mươi, [năm mươi điều ấy lại ứng với] tu lúc ban đầu và tu lúc rốt cục nên mới trở thành trăm phước).*

Hiện thời Tết đến, chúng ta đều chúc kẻ khác trăm phước. Trăm phước do đâu mà có? Trăm phước phát xuất từ Phật pháp. Do đâu mà có trăm phước, kinh Niết Bàn đã nói rất rõ ràng.

***(Sao) Tắc phước chi bất dị tu, minh hỹ.***

**(鈔)則福之不易修明矣。**

*(**Sao**: Rõ ràng là phước chẳng dễ tu!).*

Tu phước cũng khó! Nhưng chỗ tinh yếu của phước đức là Thập Thiện, tức là quý vị đã dùng cái tâm như thế nào để tu Thập Thiện? Tâm chia thành năm bậc: Thượng thượng, thượng trung, thượng, trung, hạ. Quý vị dùng tâm loại nào để tu Thập Thiện Nghiệp Đạo? Chúng ta là tâm gì, phải hiểu điều này. Tâm thanh tịnh hoàn toàn nhằm lợi ích chúng sanh, đó là thượng thượng tâm. Theo Liễu Phàm Tứ Huấn, cư sĩ Viên Liễu Phàm cầu công danh phú quý cho chính mình, nên tu Thập Thiện, đó là hạ tâm. Vì thế, phước cũng chẳng phải là dễ tu! Thoạt đầu, cư sĩ Liễu Phàm phát tâm làm ba ngàn chuyện lành, mười năm mới làm viên mãn, quý vị thấy khó lắm! Sau khi đã viên mãn, lại phát tâm làm ba ngàn việc thiện, ba năm mới làm viên mãn. Phải có cái tâm thường hằng, phải có nghị lực, phải nghiêm túc đoạn ác tu thiện.

*"Bảo Tích thập tâm"* (Mười tâm theo kinh Bảo Tích): Câu này nhằm giải thích *"huống phục vân đa"* (huống hồ nói là "nhiều"). Thiện căn và phước đức khó tu, kinh lại còn nói là "nhiều"! Ít là không được rồi! *"Lũy kiếp cù lao, mạc chi năng biện"* (Nhọc nhằn trải bao kiếp, chẳng thể thực hiện). Câu này là thật, tu chẳng thành công! Trong đời này, chúng ta thấy người thật sự tiếp nhận A Di Đà Phật, niệm Phật vãng sanh, đó là do thiện căn và phước đức đã tu tập, tích lũy từ vô lượng kiếp, *"lũy kiếp"* hãy còn quá ít! Nhìn từ kinh Vô Lượng Thọ, kinh nói vương tử A Xà Thế và năm trăm đại trưởng giả trong đời quá khứ trụ Bồ Tát đạo, cúng dường bốn trăm ức Phật. [Cúng dường] bốn trăm ức Phật là [tu tập trong] bao nhiêu kiếp? Thiện căn như vậy, vẫn chẳng thể vãng

sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thiện căn và phước đức của họ như vậy chưa đáng coi là nhiều! Vì từ kinh ấy, chúng ta đã thấy rất minh bạch: Họ nghe đức Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ, nghe rất hoan hỷ, tâm dấy lên ý niệm "trong tương lai, ta thành Phật, sẽ giống như A Di Đà Phật", chẳng dấy khởi ý niệm "ta quyết định cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới". Có thể thấy là họ dấy lên ý niệm trong tương lai thành Phật thì phải giống như A Di Đà Phật, chứ đời này chẳng vãng sanh, chẳng thể vãng sanh. Điều này chứng tỏ thiện căn và phước đức của họ vẫn chưa đủ nhiều, khó quá!

Nay chúng ta nghe kinh này, có thể tiếp nhận Phật hiệu, khăng khăng một mực y theo pháp này để tu học, hết thảy đều có thể bỏ sạch, buông xuống, [tức là] thiện căn và phước đức do chúng ta tu tập và tích lũy trong quá khứ đã vượt trỗi họ quá nhiều, họ chẳng thể sánh bằng chúng ta! Từ kinh ấy, chúng ta thấy: Tôn giả A Nan thấy A Di Đà Phật, liền phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Từ kinh Vô Lượng Thọ ta thấy, ngài A Nan cầu vãng sanh, nhóm vương tử A Xà Thế chẳng cầu vãng sanh. Ở đây, kinh dạy: *"Chẳng thể do chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi ấy"*. Đúng là chẳng dễ! Quý vị gộp chung những kinh luận ấy để xem, sẽ liễu giải chân tướng sự thật.

***(Sao) Bảo Tích thập tâm giả. Nhất, ư chúng sanh khởi đại từ, vô tổn hại tâm. Nhị, ư chúng sanh khởi đại bi, vô bức não tâm. Tam, ư Phật pháp, bất tích thân mạng, nhạo thủ hộ tâm. Nãi chí thập, ư chư Phật, xả ly chư tướng, khởi tùy niệm tâm. Cụ thử thập tâm, vãng sanh Tịnh Độ.***

**(鈔)寶積十心者。一、於眾生起大慈，無損害心。二、於眾生起大悲，無逼惱心。三、於佛法不惜身命，樂守護心。乃至十，於諸佛捨離諸相，起隨念心。具此十心，往生淨土。**

*(**Sao**: "Mười tâm theo kinh Bảo Tích": Một là dấy lòng đại từ đối với chúng sanh, chẳng có tâm tổn hại. Hai là dấy lòng đại bi đối với chúng sanh, chẳng có tâm bức não. Ba là đối với Phật pháp, chẳng tiếc thân mạng, tâm thích bảo vệ, gìn giữ. Cho đến cái tâm thứ mười là đối với chư Phật, xả lìa các tướng, khởi tâm tùy niệm. Trọn đủ mười tâm ấy, bèn vãng sanh Tịnh Độ).*

Đây là những điều được nói trong kinh Đại Bảo Tích. Tuy chẳng trích lục hoàn toàn mười điều, nhưng bốn điều này cũng khá trọng yếu. Chúng ta xem chú giải:

***(Diễn) Khởi đại từ, vô tổn hại tâm giả, vị ư pháp giới chúng sanh, dữ tự tánh chúng sanh, hàm dục dữ Vô Thượng Bồ Đề Giác pháp lạc, Vô Thượng Niết Bàn tịch tĩnh lạc, thị vô tổn hại tâm.***

**(演)起大慈無損害心者，謂於法界眾生，與自性眾生，咸欲與無上菩提覺法樂，無上涅槃寂靜樂，是無損害心。**

***(Diễn**: "Dấy lòng đại từ, chẳng có tâm tổn hại" nghĩa là đối với chúng sanh trong pháp giới và tự tánh chúng sanh, đều muốn cho họ được hưởng pháp lạc giác ngộ nơi Vô Thượng Bồ Đề và niềm vui tịch tĩnh nơi Vô Thượng Niết Bàn. Đấy là chẳng có tâm tổn hại).*

Tiêu chuẩn này khá cao. *"Pháp giới chúng sanh"* là hết thảy chúng sanh. *"Tự tánh chúng sanh"* là nói chính mình. Nói theo cách hiện thời, sẽ là đối với người khác và đối với chính mình, nói theo kiểu này. Đối với người khác phải từ bi, đối với chính mình cũng chớ nên gây tổn thương. Kẻ ngu si hằng ngày hại chính mình. Hằng ngày hại chính mình như thế nào? Quý vị tăng trưởng vô minh là hại chính mình, tăng trưởng tà kiến là hại chính mình, tăng trưởng tham, sân, si là hại chính mình. [Nói cách khác], hằng ngày hại tự tánh chúng sanh, có lỗi với chính mình! Mỗi ngày giác ngộ, mỗi ngày ta bớt mê hoặc, điên đảo, giác ngộ nhiều hơn, đó là dấy lòng đại từ đối với tự tánh chúng sanh. Như vậy thì mới chẳng có lỗi với chính mình. Tâm chính mình mỗi ngày một thanh tịnh hơn, diệt tham lạc, lìa khổ, ban vui. Tâm chúng ta có phải là ngày càng thanh tịnh hơn hay không? Trí huệ của chúng ta có phải là ngày càng tăng trưởng hơn không? Nếu đúng là như thế, thì là dấy lòng đại từ đối với tự tánh chúng sanh, chẳng có tâm tổn hại. Trước hết là có thể độ chính mình; sau đấy, giúp đỡ người khác, tự lợi, lợi tha, lại giúp pháp giới chúng sanh lìa khổ được vui, phá mê khai ngộ. Đó là hạnh tu tập của Bồ Tát, chẳng phải là hạnh tu của phàm phu. Do vậy biết: Thiện căn khó gieo, phước đức khó tu!

***(Diễn) Khởi đại bi vô bức não tâm giả, vị ư hữu tình thế gian cập Ngũ Ấm thế gian, giai dục bạt cảnh giới bức bách chi khổ, phiền***

***não triền phược chi khổ, thị vô bức não tâm.***

**(演)起大悲無逼惱心者，謂於有情世間及五陰世間，皆欲拔境界逼迫之苦、煩惱纏縛之苦，是無逼惱心。**

*(**Diễn**: "Dấy lòng đại bi, chẳng có tâm bức não" nghĩa là đối với hữu tình thế gian và Ngũ Ấm thế gian, đều muốn dẹp trừ nỗi khổ bị cảnh giới bức bách, nỗi khổ phiền não trói buộc. Đó là "tâm chẳng bức não").*

*"Hữu tình thế gian"* là pháp giới chúng sanh, *"Ngũ Ấm thế gian"* là tự tánh chúng sanh. Bản thân chúng ta có phiền não, vướng mắc, lo âu, pháp giới chúng sanh cũng có. Cùng một đạo lý như vậy, trước hết là phải dẹp trừ nỗi khổ của chính mình, sau đấy mới có thể giúp đỡ người khác lìa khổ được vui. Nói thật ra, [cả hai điều] đều khó, bất luận tu học pháp môn nào, đạt tới mục đích này đều chẳng dễ dàng. Kinh văn nói đến cuối cùng bèn kết quy Tịnh Độ, pháp môn này chẳng khó, ai nấy đều có thể làm được. Tuy nói là chẳng khó, cũng đừng nên nghĩ nó quá dễ dàng, chẳng khó. [Nói dễ dàng] là vì so sánh với các pháp môn khác, nó chẳng khó khăn như trong các pháp môn khác. "Không dễ dàng" tùy thuộc quý vị đã thật sự giác ngộ hay chưa! Nếu thật sự giác ngộ, sẽ dễ dàng. Thật sự giác ngộ, bèn hiểu sanh tử là chuyện lớn, vô thường nhanh chóng. Chúng ta ở trong thế gian này, cổ nhân sánh ví *"thạch hỏa, điển quang"* (石火電光: tia lửa xẹt ra do đá đập vào nhau, ánh sáng của tia chớp). *"Điển"* (電) là tia chớp. *"Mạng người vô thường"*, thật sự giác ngộ, mười năm hay hai mươi năm đúng là khảy ngón tay một cái đã trôi qua. Người từ lứa tuổi trung niên trở đi, nghĩ lại thuở trẻ trung, giống như mới ngày hôm qua, thời gian trôi qua quá nhanh! Từ nay về sau còn có được thời gian dài như thế hay chăng? Chẳng có. Dẫu có thời gian dài ngần ấy, cũng là sát-na đã qua, quý vị nghĩ đến đây, đáng sợ thay! Một hơi thở ra chẳng hít vào được nữa, làm thế nào đây? Những chúng sanh trong thế gian làm chuyện gì? Sanh tử luân hồi! Phật pháp nói *"sanh tử bì lao"* (生死疲勞: sanh tử nhọc nhằn), sanh rồi tử, tử rồi sanh, từ vô thỉ kiếp tới nay sanh sanh tử tử, luôn làm chuyện này, đúng là đáng thương, đáng xót! Thật sự giác ngộ chân tướng sự thật này, phát tâm dũng mãnh, từ nay trở đi, ta chẳng muốn luân hồi sanh tử nữa, quý vị gặp gỡ pháp môn này sẽ thấy là dễ dàng, nhất định thành tựu trong một đời này.

Người thế gian đừng nói là chưa học Phật, [ngay cả] những đồng tu đã học Phật, có thể nói đại đa số là "sống say, chết mộng!" Có mấy ai từ trong sanh tử luân hồi mà giác ngộ, thức tỉnh? Quá ít! Trong một vạn

người học Phật, kẻ suốt ngày từ sáng đến tối *"A Di Đà Phật, A Di Đà Phật"*, thật sự tỉnh thức, tôi thấy có được dăm ba người là đã ghê gớm lắm rồi! Đúng là rất thưa thớt, rất ít thấy! Tuy niệm Phật, vẫn ở trong mộng, vẫn đang nằm mộng, vẫn đang mê hoặc, điên đảo, làm sao có thể thành tựu cho được? Vẫn tiếp tục ngày ngày sanh tử luân hồi chẳng ngừng! Đấy là tổn hại chính mình, tổn hại chúng sanh, chính là ngu si trong Tam Độc, hoàn toàn chẳng liễu giải chân tướng sự thật, mà cũng chẳng nhận thức Phật pháp.

***(Diễn) Bất tích thân mạng nhạo thủ hộ giả, ước Lý, tắc bị Tu Đức nhi viên Tánh Đức. Ước Sự, tắc cầu bán kệ nhi xả toàn thân. Tự lợi, tắc như Thiện Tài bất tỵ hỏa khanh; lợi tha, tắc như Bất Khinh cam thọ đả trịch.***

**(演)不惜身命樂守護者，約理則備修德而圓性德，約事則求半偈而捨全身，自利則如善財不避火坑，利他則如不輕甘受打擲。**

*(**Diễn**: "Chẳng tiếc thân mạng, thích bảo vệ, gìn giữ": Xét theo Lý, sẽ là đầy đủ Tu Đức bèn viên mãn Tánh Đức. Xét theo Sự, sẽ là vì cầu nửa bài kệ mà xả toàn thân. Tự lợi thì như Thiện Tài chẳng tránh hố lửa, lợi tha thì như Thường Bất Khinh cam chịu bị đánh đập).*

Thật sự nhận thức Phật pháp, thật sự hiểu rõ Phật pháp thì người ấy mới chịu phát tâm hộ trì, hộ pháp chẳng tiếc thân mạng. Vì sao người ấy làm như vậy? Hiểu Phật pháp thật sự quý báu, không chỉ là độ chính mình, mà có thể độ hết thảy chúng sanh. Trên thế gian hiện thời, chúng ta nói sự nghiệp gì có giá trị nhất? Hộ trì Phật pháp có giá trị nhất. Đấy là công đức và lợi ích chân thật, những thứ khác đều là giả, chết rồi sẽ chẳng mang theo được. *"Vạn ban tương bất khứ, duy hữu nghiệp tùy thân"* (Muôn thứ chẳng mang được, chỉ có nghiệp theo thân), công đức hộ trì Phật pháp có thể đem theo được. Vì thế, nó là chuyện có giá trị nhất, có ý nghĩa nhất.

Nói theo lý luận, *"bị Tu Đức nhi viên Tánh Đức"* (đầy đủ Tu Đức bèn viên mãn Tánh Đức), đây là thật sự hộ pháp. Nói cách khác, chúng ta nói theo niệm Phật thì niệm đến nhất tâm bất loạn mới là "hộ pháp". Niệm đạt đến Lý nhất tâm, sẽ minh tâm kiến tánh. Chẳng có công phu cao như thế, niệm Phật đạt đến Sự nhất tâm, hoặc niệm đến mức công phu thành phiến, sẽ quyết định vãng sanh Tịnh Độ, sanh vào cõi Phàm

Thánh Đồng Cư, hạ hạ phẩm vãng sanh cũng là thật sự hộ trì Phật pháp. Phật pháp ở đây là Phật pháp của chính mình, Phật pháp của chính mình cũng là Phật pháp của pháp giới chúng sanh. Quý vị vãng sanh thành Phật, sau khi thành Phật, tất nhiên sẽ phổ độ chúng sanh. Do đó, chính mình đã thành tựu, nhất định là có thể thành tựu người khác. Đó là từ Tu Đức mà viên mãn Tánh Đức; đấy là hộ pháp.

Nói theo sự tướng, *"tắc cầu bán kệ nhi xả toàn thân"* (vì cầu nửa bài kệ mà bỏ toàn thân). Đây là chuyện xảy ra khi Thích Ca Mâu Ni Phật còn đang tu nhân. Thời Ngài cầu học, Phật pháp khó được nghe, rất khó khăn! Đế Thích Thiên (tức chúa trời Đao Lợi) biến hóa thành một La Sát đến thử thách Ngài. Thấy người tu hành bèn đến khảo nghiệm, bảo: "Ta là quỷ La Sát, bụng rất đói. Ta có Phật pháp, nhưng ta phải ăn no trước đã rồi mới nói cho ngươi được". Ngài hỏi: "Ông ăn gì vậy?" Quỷ đáp: "Ta ăn thịt người". Tiên nhân nói: "Chỉ cần ông chịu thuyết pháp cho tôi, tôi bằng lòng đem thân thể này cúng dường ông". La Sát nói cho Ngài bốn câu kệ, nói thật ra, đối với bốn câu kệ, quỷ chỉ nói hai câu[1], Ngài có thể chẳng tiếc thân mạng cầu pháp. Đó là nói theo Sự, thật sự hành Bồ Tát đạo!

Nay chúng ta cầu pháp, nói thật ra, có được Phật pháp dễ dàng hơn thuở ấy nhiều lắm; hiện thời, kỹ thuật ấn loát phát triển, có được kinh điển chẳng khó khăn chút nào. Vì có được quá dễ dàng, đâm ra đánh mất tấm lòng cung kính và tôn trọng. Hiện thời tại Đài Loan, Đại Tạng Kinh bị tùy tiện bỏ lăn, bỏ lóc, chẳng có ai quý trọng. Trái lại, ở Đại Lục [tình hình] khác hẳn! Ở Đại Lục, kinh điển hết sức khó có. Chúng tôi đưa [Đại Tạng Kinh] sang Đại Lục, người đến nghênh tiếp đều quỳ mọp dưới đất, mỗi người đầu đội một cuốn, đảnh đới (頂戴: đội trên đầu), cung kính dường ấy. Chúng ta thấy vậy, trong tâm có cảm tưởng gì? Chúng ta tùy tiện bỏ lăn, bỏ lóc. Họ hết sức khó có được, cho nên có lòng cung kính, tôn trọng như vậy, chính là có phước! Bất luận họ có cơ hội đọc hay không, tâm cung kính ấy chính là gieo phước. Xưa

---

[1] Câu chuyện này trích từ kinh Đại Bát Niết Bàn, phẩm Thánh Hạnh. Thuở ấy, đức Phật làm Bà-la-môn, tu hạnh Bồ Tát, nên kinh gọi Ngài là "tiên nhân". Ngài chẳng được nghe kinh điển Đại Thừa, thậm chí tên gọi Phương Đẳng cũng chẳng được nghe. Do tu hành tinh tấn, nên Ngài mong được nghe biết kinh điển Đại Thừa. Chư thiên trông thấy, tán thán, khen ngợi. Đế Thích hóa thành La Sát, nói nửa bài kệ: *"Các hành vô thường, là pháp sanh diệt"*. Tiên nhân vì nửa bài kệ còn lại mà xả thân cúng dường, quỷ La Sát bèn nói tiếp: *"Sanh diệt diệt xong, là vui tịch tịnh"*.

kia, có được kinh luận chẳng dễ dàng, tâm thái cung kính và tôn trọng [của cổ nhân] khác hẳn tâm thái của chúng ta trong hiện thời.

*"Tự lợi, tắc như Thiện Tài bất tỵ hỏa khanh"* (Tự lợi thì như Thiện Tài chẳng tránh hầm lửa): Thiện Tài tới tham phỏng Bà-la-môn Thắng Nhiệt. [Bà-la-môn bảo]: "Ngươi muốn cầu pháp, hãy nhảy vào hầm lửa". Thiện Tài đồng tử vì cầu pháp, đành phải nghe lời, nhảy xuống hầm lửa. Kết quả là hầm lửa ấy rất mát mẻ, rất tự tại, Ngài trọn chẳng bị thương tổn. Chư vị đọc kinh Hoa Nghiêm có thể thấy chuyện này.

*"Lợi tha, tắc như Thường Bất Khinh Bồ Tát"* (Lợi lạc người khác thì như Thường Bất Khinh Bồ Tát). Kinh Pháp Hoa có nói: Thường Bất Khinh Bồ Tát thấy bất cứ ai cũng đều đảnh lễ, vái lạy, chẳng dám coi thường bất cứ chúng sanh nào! Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật, chẳng dám khinh mạn một người nào.

Đây là nói đối với Phật pháp, chẳng tiếc thân mạng để thủ hộ, nêu lên mấy trường hợp đều là nói đến người thuở trước. Nay chúng ta phải biết thủ hộ như thế nào? Đối với ý nghĩa chân thật trong [từ ngữ] *"thủ hộ"* (守護), nghĩa thứ nhất là *"y giáo tu hành"*, bắt đầu làm từ chỗ này, sau đấy cùng nhau tu học: Tu học Phật pháp, hoằng dương Phật pháp, lợi ích chúng sanh, đó là *"thủ hộ"*. Đồng tu tại gia có trách nhiệm này, các đồng tu xuất gia lại còn phải gánh vác cái được gọi là *"gia nghiệp của Như Lai"*. Sự nghiệp của Phật là gì? Là hoằng pháp lợi sanh. Vì thế, đạo tràng danh phù hợp sự thật, đạo tràng ấy có đạo! Đạo gì vậy? Đạo thành Phật. Đạo tràng ấy xác thực có "đạo thành Phật", mới đáng gọi là đạo tràng. Nay chúng ta có tràng mà chẳng có đạo. Không chỉ là nói hộ pháp [chẳng được], mà ngay cả pháp, pháp cũng chẳng có! Chẳng có pháp, hộ gì đây? Cũng chẳng thể nói đến chuyện hộ được. Điều này đáng để cho chúng ta phản tỉnh sâu xa!

Đạo chẳng ở trong kinh điển, đạo ở trong tâm tánh, trong hành vi sinh hoạt, đạo ở nơi ấy. Đạo là xử sự, đãi người, tiếp vật trong cuộc sống hằng ngày, thường nói là *"người có thể hoằng đạo, chẳng phải là đạo có thể hoằng người"*. Chữ Đạo trong câu trên đây là nói tới kinh điển, phải nương vào lý luận, giáo huấn và cảnh giới trong kinh điển để thực hiện. Có như vậy thì mới có thể hoằng dương rạng rỡ Phật pháp, lợi ích chúng sanh. Nay chúng ta in rất nhiều kinh, đem kinh điển tặng cho kẻ khác, người ta đọc cũng không hiểu, dẫu đọc mấy lượt cảm thấy [kinh điển]

hay quá, họ cũng chẳng thể làm, vậy thì có tác dụng gì? Do đó, chúng ta in rất nhiều kinh điển, đưa đến khắp nơi trên thế giới, tôi lại còn phải tới những nơi đó biểu diễn, còn phải giảng giải. Chẳng giảng giải, họ sẽ không hiểu.

Dịp Tết âm lịch này, ngày mồng Bảy, tôi phải sang Tân Gia Ba để giảng A Di Đà Kinh Yếu Giải. Không giảng cho họ, họ chẳng hiểu, chẳng biết tu như thế nào! Đi khắp nơi giảng giải, khiến cho các kinh điển đã gởi đi có thể dấy lên đôi chút tác dụng. Vì vậy, các đồng tu phải phát tâm, nhất là những người trẻ tuổi, phải nghiêm túc, phải nỗ lực sốt sắng tu hành, thành tựu đức hạnh, sau đó là thành tựu học vấn của chính mình. Đấy mới là *"nhạo thủ hộ tâm"*. Vì pháp quên mình, chẳng tiếc thân mạng, nỗi khổ nào cũng đều bằng lòng hứng chịu, đấy mới là tự lợi lợi tha thật sự. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này.

***Tập 218***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm ba mươi hai.

***(Sao) Bảo Tích thập tâm giả. Nhất, ư chúng sanh khởi đại từ, vô tổn hại tâm. Nhị, ư chúng sanh khởi đại bi, vô bức não tâm. Tam, ư Phật pháp bất tích thân mạng, nhạo thủ hộ tâm.***

**(鈔)寶積十心者。一、於眾生起大慈，無損害心。二、於眾生起大悲，無逼惱心。三、於佛法不惜身命，樂守護心。**

*(**Sao**: "Mười tâm theo kinh Bảo Tích": Một là dấy lòng đại từ đối với chúng sanh, chẳng có tâm tổn hại. Hai là dấy lòng đại bi đối với chúng sanh, chẳng có tâm bức não. Ba là đối với Phật pháp, chẳng tiếc thân mạng, tâm thích bảo vệ, gìn giữ).*

Từ đoạn này trở đi của sách Sớ Sao Diễn Nghĩa, [chúng ta] tiến nhập một bộ phận trọng yếu nhất trong toàn bộ bản kinh, chúng ta tu hành gần như dựa theo một đoạn lớn này. Phần sau của đoạn lớn này sẽ giảng về nhất tâm bất loạn. Đoạn chú giải này của Liên Trì đại sư chiếm hết một phần bảy toàn bộ Sớ Sao, nên nó là một bộ phận hết sức trọng yếu. *"Bảo Tích thập tâm"* [là mười loại tâm] được nói trong kinh Đại Bảo Tích.

***(Diễn) Khởi đại từ vô tổn hại tâm giả, vị ư pháp giới chúng sanh, dữ tự tánh chúng sanh, hàm dục dữ Vô Thượng Bồ Đề Giác pháp lạc, Vô Thượng Niết Bàn tịch tĩnh lạc, thị vô tổn hại tâm.***

**(演)起大慈無損害心者，謂於法界眾生，與自性眾生，咸欲與無上菩提覺法樂，無上涅槃寂靜樂，是無損害心。**

*(**Diễn**: "Dấy lòng đại từ, chẳng có tâm tổn hại" nghĩa là đối với chúng sanh trong pháp giới và tự tánh chúng sanh, đều muốn cho họ được hưởng pháp lạc giác ngộ nơi Vô Thượng Bồ Đề, niềm vui tịch tĩnh nơi Vô Thượng Niết Bàn. Đấy là chẳng có tâm tổn hại).*

Xem từ lời chú giải, [sẽ thấy] tiêu chuẩn *"đại từ vô tổn hại"* là tiêu chuẩn tuyệt đối, chẳng phải là tiêu chuẩn thông thường. *"Pháp giới chúng sanh"* là nói tới người khác, *"tự tánh chúng sanh"* là nói tới chính mình. Nói cách khác, đối với chính mình và đối với người khác đều phải có Từ tâm, đều chớ nên tổn hại. Có lẽ chúng ta nghe nói như vậy bèn cảm thấy lạ lùng, người ta còn có thể tự hại chính mình ư? Há có kẻ nào ngu si dường ấy? Nói thật ra, kẻ tự hại chính mình quá đông, không chừng chính quý vị là một kẻ trong số đó. Do vậy, sau đó, Ngài đề ra một tiêu chuẩn tuyệt đối: Nếu chính quý vị là mê, chẳng giác, há chẳng phải là hại chính mình ư? Bản thân quý vị vẫn còn là phàm phu sanh tử trong lục đạo, tức là chính quý vị hại mình. Đại Niết Bàn bất sanh, bất diệt, [thế mà] chúng ta vẫn luân hồi trong lục đạo, tức là tự hại chính mình. Từ vô thỉ kiếp tới nay, đời đời kiếp kiếp chính mình tạo nghiệp chịu báo, há chẳng phải là tự hại chính mình ư? Ai chẳng hại chính mình? Thưa cùng quý vị, từ A La Hán trở lên, đã thật sự giác ngộ, sẽ chẳng hại chính mình. Lục đạo phàm phu và Quyền Giáo Bồ Tát quá nửa là hại người, hại mình, ai biết chân tướng sự thật này?

Nay chúng ta muốn đạt tới mục tiêu như vậy, hãy dùng Từ tâm giúp đỡ hết thảy chúng sanh, phải làm cho chúng sanh đắc Vô Thượng Bồ Đề, phải khiến cho chúng sanh vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, bất thoái thành Phật, chúng ta có thể làm được hay không? Nói thật thà, đối với chuyện này, Đẳng Giác Bồ Tát còn cảm thấy khó khăn, [vậy thì] chúng ta có thể làm được hay không? Thật ra, xác thực là chúng ta có thể làm được. Dùng phương pháp gì để thực hiện? Niệm một câu Di Đà đến cùng, chính mình có thể thật thà niệm Phật. Giáo huấn ở trong kinh điển. Vì vậy, tôi đặc biệt nhắc nhở các đồng tu, bắt đầu chỗ này, liên tiếp cho

đến phần sau, nói chung là cả một đoạn kinh văn khá dài này, từng câu, từng chữ đều đáng cho chúng ta học tập. Tiêu chuẩn để bản thân chúng ta tu hành là: Dùng phương pháp Niệm Phật để cứu chính mình, dùng phương pháp Niệm Phật để cứu độ hết thảy chúng sanh. Vì lẽ đó, mười phương hết thảy chư Phật, chẳng có vị nào không tán thán, không tuyên dương pháp môn này. Đạo lý ở ngay chỗ này. Đấy mới là thật sự đại từ, thật sự chẳng tổn hại. Người thật thà niệm Phật thì mới có thể thành tựu. Nếu vừa niệm Phật, vừa dấy vọng tưởng; nói cách khác, vẫn chẳng tránh khỏi "tự hại, hại người!" Có rất nhiều đồng học than thở: "Niệm Phật công phu chẳng đắc lực". [Đó là] chẳng khéo niệm Phật! Vì sao chẳng khéo niệm Phật? Có nguyên nhân cả đấy!

Điều thứ hai là *"ư chúng sanh khởi đại bi"* (dấy lòng đại bi đối với chúng sanh), Từ là ban vui, Bi là dẹp khổ.

***(Diễn) Khởi đại bi vô bức não tâm giả, vị ư hữu tình thế gian cập Ngũ Ấm thế gian.***

**(演)起大悲無逼惱心者，謂於有情世間及五陰世間。**

*(**Diễn**: "Dấy lòng đại bi, chẳng có tâm bức não" nghĩa là đối với hữu tình thế gian và Ngũ Ấm thế gian…).*

*"Hữu tình thế gian"* là nói tới người khác. *"Ngũ Ấm thế gian"* là nói về chính mình, nói theo phía chính mình. *"Ngũ Ấm thế gian"* là tự tánh chúng sanh, *"hữu tình thế gian"* là pháp giới chúng sanh.

***(Diễn) Giai dục bạt cảnh giới bức bách chi khổ, phiền não triền phược chi khổ, thị vô bức não tâm.***

**(演)皆欲拔境界逼迫之苦、煩惱纏縛之苦，是無逼惱心。**

*(**Diễn**: Đều muốn dẹp trừ nỗi khổ bị cảnh giới bức bách, nỗi khổ phiền não trói buộc. Đó là tâm chẳng bức não).*

Câu này là nguyện thứ hai, tức là *"phiền não vô tận thệ nguyện đoạn"* trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện. Chúng ta biết chính mình có phiền não, có nghiệp chướng, có tập khí, vì sao chẳng chịu dẹp trừ? Chẳng chịu dẹp trừ chính là thiếu bi tâm. Phật pháp, chúng ta nói quy nạp lại, sẽ chẳng ngoài *"thanh tịnh, bình đẳng, từ bi"*, ba câu ấy bao gồm trọn hết toàn thể Phật pháp. Chúng ta chẳng từ bi, không chỉ là thiếu từ bi đối với

pháp giới chúng sanh, mà đối với chính mình cũng chẳng có từ bi. Nếu mọi người hỏi phải đối xử với chính mình như thế nào thì mới là từ bi? Vẫn là một câu cũ mèm: *"Thật thà niệm Phật"*. Quý vị có thể thật thà niệm Phật thì là từ bi đối với chính mình, từ bi đối với hết thảy chúng sanh trong pháp giới, công đức niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn! Niệm Phật nhất định phải niệm đến mức "thanh tịnh, bình đẳng, giác". Mục đích của niệm Phật là ở chỗ nào? Niệm đến mức cái tâm của chính mình thanh tịnh, bình đẳng, tự nhiên sẽ là "giác chứ không mê". Nếu nói theo Tam Vô Lậu Học thì thanh tịnh là Giới, bình đẳng là Định, giác là Huệ. Tam Vô Lậu Học Giới, Định, Huệ, câu Phật hiệu là phương tiện, niệm nào cũng đều tương ứng với Tam Học. Niệm Phật như vậy, công phu mới có thể đắc lực. Niệm Phật như vậy, từng tiếng Phật hiệu trọn đủ "thanh tịnh, bình đẳng, giác", tự nhiên là đại từ đại bi.

Người chẳng chịu tự độ, còn có thể độ kẻ khác ư? Chẳng từ bi đối với chính mình, làm sao có thể từ bi đối với người khác cho được? Chẳng có lẽ ấy! Nay nói [kẻ chẳng chịu tự độ] là "hại người" thì chẳng có gì đáng để ngạc nhiên hết cả. Vì sao? Kẻ ấy đã hại chính mình, làm sao không thể hại người khác? Đồng tu học Phật nhất định phải hiểu minh bạch, rõ ràng chân tướng sự thật của bản thân và hoàn cảnh. Học Phật là đối trị, sửa đổi cách nghĩ, cách nhìn và cách làm sai lầm, đó gọi là tu hành. Trước kia, chẳng từ bi đối với chính mình, từ nay khởi tâm từ bi đối với chính mình. Trong quá khứ đã thiếu từ bi đối với người khác, từ nay trở đi, phải từ bi đối với kẻ khác. Nghiêm túc niệm Phật, nhất tâm nhất ý niệm Phật, thật thà niệm Phật, thảy đều làm được.

Nói thật ra, trong đoạn này, đại sư đã nêu lên khá nhiều kinh luận. Ở đây là nói đến các thứ pháp môn thuộc về hạnh nguyện Bồ Tát, một câu A Di Đà Phật đã bao gồm toàn bộ. Quả thật là chẳng thể nghĩ bàn. Quý vị mới biết công đức thù thắng của danh hiệu này. Điều thứ ba:

***(Diễn) Bất tích thân mạng, nhạo thủ hộ giả.***
**(演)不惜身命樂守護者。**
*(**Diễn**: Chẳng tiếc thân mạng, thích bảo vệ, gìn giữ).*

Chúng ta nói tới chuyện hộ pháp, nói thật ra, trước hết phải hộ trì pháp chính mình, sau đó mới có thể hộ trì pháp của chư Phật, mới có thể hộ trì pháp của chúng sanh trong pháp giới. Trong ấy có sự luận định dựa theo Lý hay theo Sự.

***(Diễn) Ước Lý tắc bị Tu Đức nhi viên Tánh Đức.***
**(演)約理則備修德而圓性德。**
*(**Diễn**: Xét theo Lý thì trọn đủ Tu Đức để viên mãn Tánh Đức).*

Đây là nói theo Lý, *"Bị"* (備) là đầy đủ. Lục Tổ đại sư nói: *"Nào ngờ tự tánh vốn trọn đủ"*. *"Vốn trọn đủ"* là Tánh Đức; chẳng có Tu Đức thì Tánh Đức chẳng thể hiện tiền.

Ví như trong tựa đề của Đại Kinh, Vô Lượng Thọ là Tánh Đức, là điều chúng ta mong cầu, chúng ta hy vọng đạt được. Tánh Đức là vô lượng vô biên. Trong vô lượng vô biên Tánh Đức, Vô Lượng Thọ là chủ yếu, [bởi lẽ], chẳng có thọ mạng, những thứ khác đều như không! Vì thế, thọ mạng là phẩm đức bậc nhất. Ngoại giáo nói vô lượng thọ là "sống đời đời". "Sống đời đời" của họ là giả, [sống đời đời của] chúng ta là thật.

Trang Nghiêm: Trang Nghiêm là Tánh Đức khởi tác dụng. Nay chúng ta nói Trang Nghiêm là tốt đẹp đến tột bậc, chẳng tìm được mảy may khiếm khuyết nào. Trong mười phương cõi Phật, chẳng có các thứ trang nghiêm như trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Cõi nước của bất cứ vị Phật nào cũng đều còn có những chỗ khuyết hãm, chỉ riêng Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng bị khuyết hãm; [đó là] Trang Nghiêm.

*"Thanh tịnh, bình đẳng, giác"* thuộc về Tu Đức, chúng ta tu gì? Tu tâm thanh tịnh, tu tâm bình đẳng, đó là Tu Đức. Hằng ngày niệm một câu Phật hiệu, tuyệt đối chẳng phải là niệm cho A Di Đà Phật nghe! Ngàn muôn phần đừng nghĩ "ta nay niệm ba vạn câu hoặc năm vạn câu, nhất định A Di Đà Phật sẽ rất hoan hỷ", [nghĩ như vậy là] sai bét mất rồi! Vừa niệm Phật, vừa nghĩ "Phật ưa thích ta, Phật chẳng ưa kẻ nọ!" Vừa niệm Phật vừa dấy vọng tưởng, làm sao có thể thành tựu cho được? Do đó, câu Phật hiệu phải khôi phục tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng của chính mình. Phật hiệu chỉ là phương tiện mà thôi, phải nghiêm túc niệm. Nói "nghiêm túc" tức là quyết định chẳng hoài nghi, chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp. Niệm Phật hay niệm kinh đều phải căn cứ trên nguyên tắc này, đó mới là *"đầy đủ Tu Đức để viên mãn Tánh Đức"*. Tánh Đức là giác, nhà Thiền gọi giác là "đại triệt đại ngộ". Tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, sẽ triệt ngộ. Đã đại triệt đại ngộ, vô lượng trí huệ và vô lượng đức năng thảy đều hiện tiền. Đó là nói theo Lý.

Xét theo Sự thì thực hiện từ chỗ nào? Nay ta đã biết phải tu thanh tịnh, bình đẳng, giác, nhưng thực hiện từ chỗ nào?

***(Diễn) Ước Sự tắc cầu bán kệ nhi xả toàn thân.***
**(演)約事則求半偈而捨全身。**
*(**Diễn**: Xét theo Sự thì do cầu nửa bài kệ mà bỏ toàn thân).*

Ở đây, đại sư nêu tỷ dụ để nói với chúng ta, giống như tinh thần của những vị Bồ Tát đã xả thân vì pháp trong quá khứ, hy sinh thân mạng chẳng tiếc nuối. Phật pháp là trọng yếu, Pháp Thân huệ mạng chắc chắn là quan trọng hơn thân mạng; người hiện thời biết sự thật này chẳng nhiều! Mất đi Pháp Thân huệ mạng, không chỉ là chính mình khổ sở, mà chúng sanh cũng khổ. Vì sao chúng sanh khổ? Chúng sanh nhất định là càng mê càng sâu hơn, do mê hoặc bèn tạo nghiệp, do tạo nghiệp bèn hứng chịu quả báo. Càng mê sâu hơn, tạo nghiệp càng nặng, quả báo ngày càng tàn khốc! Pháp Thân huệ mạng trọng yếu dường ấy!

Nói theo sự tướng, Pháp Thân huệ mạng của đức Thế Tôn chính là Tam Tạng kinh điển. Ở Trung Hoa vào thời cổ, các vị cao tăng sang Ấn Độ chẳng tiếc thân mạng để thỉnh kinh, cầu pháp. Thuở ấy, giao thông chẳng thuận tiện. Từ Trung Hoa sang Ấn Độ đi đường bộ phải mất ba năm, trên đường đi phải vượt qua sa mạc Đại Qua Bích (Gobi)[2]. Đối với sách vở thế gian thì Tứ Khố Toàn Thư là Pháp Thân huệ mạng, phải nghiêm túc cầu pháp. Tứ Khố Toàn Thư có phân lượng bằng mười lăm bộ Đại Tạng Kinh. Chúng ta phát tâm nối tiếp huệ mạng của Phật, hoằng pháp lợi sanh thì phải đọc những sách ấy. Mênh mông như khói trên biển cả, thực hiện từ chỗ nào? Có phương pháp, phương pháp ở chỗ nào? Chính là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Học Phật thì học khởi đầu từ đâu? Học khởi đầu từ cái tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng. Tâm địa thật sự thanh tịnh, bình đẳng, chỉ cần đọc lướt những sách ấy liền thông đạt ngay lập tức. Một quyển kinh thư, xem mấy dòng đầu, mấy dòng sau chẳng cần phải xem nữa, đều biết, còn có bản lãnh này. Quý vị đọc Lục Tổ Đàn Kinh, [sẽ thấy] Lục Tổ chưa hề đọc kinh Pháp Hoa. Thiền sư Pháp Đạt thỉnh giáo Tổ, Ngài nói: "Ông hãy niệm kinh cho ta nghe". Pháp Đạt là người đã niệm ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa. Kinh Pháp Hoa

---

[2] Sa mạc Gobi (người Hoa còn gọi nó là Hàn Hải) rất lớn, diện tích đến 1.295.000 km$^2$, nằm giữa miền Bắc Trung Hoa và Nam Mông Cổ, được bao bọc bởi rặng núi Altai và thảo nguyên Mông Cổ ở phía Bắc, tiếp giáp sa mạc Taklamakan ở phía Tây và hành lang Hà Tây cùng với cao nguyên Tây Tạng. Sa mạc Gobi mỗi năm lớn dần với tốc độ đáng ngại do các hoạt động tàn phá như đốt rừng, chăn nuôi, tàn phá nguồn nước, khai thác quặng vô kế hoạch v.v… của Trung Cộng.

gồm hai mươi tám phẩm, Sư chỉ đọc đến phẩm thứ hai là phẩm Phương Tiện, Lục Tổ đã nói: "Được rồi! Chẳng cần niệm nữa, ta biết cả rồi". Lục Tổ có năng lực ấy. Khi chư vị thật sự đạt đến thanh tịnh, bình đẳng, trí huệ mở mang, quý vị mỗi ngày xem một quyển trong Đại Tạng Kinh chắc chắn là chẳng có vấn đề gì. Thông đạt toàn bộ! Toàn bộ Đại Tạng Kinh sẽ xem xong trong vòng một trăm ngày, tốt nghiệp! Đâu phải tốn phí tinh thần to tát như vậy! Một bộ Tứ Khố Toàn Thư, tuy gồm một ngàn năm trăm tập, mỗi ngày xem năm sáu tập, chưa đầy một năm đã xem xong xuôi!

Nay chúng ta mê mà bất giác, cho nên gặp khó khăn. Đức Phật nói hết thảy các kinh, chắc chắn là chúng sanh trong cõi Nam Diêm Phù Đề có năng lực thọ trì. Chẳng có năng lực thọ trì, chắc chắn là đức Phật sẽ chẳng nói. Đức Phật thuyết pháp thí giáo ứng theo căn cơ. Nói cách khác, chúng ta nhất định phải khôi phục căn tánh của chính mình, phải tuân theo nguyên tắc tu học do đức Phật đã chỉ dạy. Nguyên tắc ấy chính là Tứ Hoằng Thệ Nguyện. Điều thứ nhất là phải phát tâm, ở đây là *"Bảo Tích thập tâm"*, [cũng như] *"Hoa Nghiêm thập nguyện"* trong phần sau đều dạy chúng ta phát tâm. Sau khi đã phát tâm, sẽ thực hiện từ chỗ nào? *"Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn"*, trước là đoạn phiền não. Đoạn hết phiền não rồi mới học pháp môn. Thật sự học pháp môn là khi nào? Bắt đầu từ địa vị Sơ Trụ của Viên Giáo. Trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử đã nêu gương cho chúng ta. Ngài ở chỗ Văn Thù Bồ Tát, Văn Thù là thầy Ngài. Trong hội Văn Thù, Ngài tu *"phiền não vô tận thệ nguyện đoạn"*. Đoạn hết phiền não, khai trí huệ rồi mới đi tham học. Tham học, tức năm mươi ba lần tham học, chính là *"pháp môn vô lượng thệ nguyện học"*. Chính mình đã đích thân chứng đắc Sơ Trụ trong Viên Giáo. Nói cách khác, Kiến Tư phiền não đã đoạn hết, tâm thanh tịnh. Đoạn hết Trần Sa phiền não, tâm bình đẳng, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, đã giác rồi thì mới có tư cách *"pháp môn vô lượng thệ nguyện học"*. Quý vị chẳng thực hiện hoàn tất công phu phía trước, bắt đầu bằng học ngay vào pháp môn, chẳng có lẽ ấy! Thanh Lương đại sư nói: *"Có giải, thiếu hành, tăng trưởng tà kiến"*. Những thứ quý vị đã học chính là tà tri tà kiến, chẳng phải là trí huệ, lấy đâu ra Phật pháp! Coi tà tri tà kiến như Phật pháp, quý vị nói xem có hỏng bét hay là không? Đó là chính mình hại chính mình, lại còn hại chúng sanh, hằng ngày đều tạo nghiệp, cứ ngỡ chính mình có vô lượng công đức, chẳng phải là điên đảo hay sao? Do vậy, các đồng học chớ nên không biết, chớ

nên không dụng công, dụng công gì vậy? Đoạn phiền não, sửa trừ tập khí, phải đổ công dốc sức ở chỗ này, thật thà niệm Phật. Đó là nói về chuyện *"xả thân cầu pháp"*. Tiếp theo đây lại nói theo phương diện tự lợi lợi tha.

***(Diễn) Tự lợi tắc như Thiện Tài bất tỵ hỏa khanh.***
**(演)自利則如善財不避火坑。**
*(**Diễn**: Tự lợi thì như Thiện Tài chẳng tránh né hầm lửa).*

Thiện Tài đồng tử tham phỏng bà-la-môn Thắng Nhiệt. Bà-la-môn Thắng Nhiệt bảo Ngài nhảy vào hầm lửa, [giống như vào] hầm lửa, [lên] núi đao. [Thắng Nhiệt] bảo Thiện Tài: "Ngươi muốn hướng về ta cầu pháp ư? Hãy nhảy vào hầm lửa!" Thiện Tài suy nghĩ rồi vẫn nhảy, vì cầu pháp mà! Nào ngờ, sau khi đã nhảy xuống đó, toàn thân mát mẻ, tự tại. Thấy là một vùng biển lửa, nhảy xuống đó bèn mát mẻ, tự tại. Ngài thật sự đạt được pháp ích (lợi ích nơi pháp). Nếu chúng ta nhảy xuống hầm lửa đó, chắc chắn sẽ bị thiêu chết. Vì sao Ngài nhảy vào hầm lửa mà mát mẻ? Trong tâm Ngài chẳng có ý niệm sân hận, ganh tỵ, nên lửa chẳng thể đốt được! Đối với chuyện này, chư vị niệm phẩm Phổ Môn cho nhiều sẽ biết: Vì sao lửa bên ngoài có thể đốt chúng ta? Chúng ta có những thứ lửa từ tâm sân khuể, tâm ganh tỵ, lửa bên ngoài dẫn khởi lửa bên trong bùng cháy. Chuyện này phiền toái to lớn. Bên ngoài có, nhưng bên trong chẳng có, sẽ chẳng thiêu được, chắc chắn là an toàn. Đây là nêu một thí dụ về chuyện bỏ thân cầu pháp.

***(Diễn) Lợi tha tắc như Bất Khinh cam thọ đả trịch.***
**(演)利他則如不輕甘受打擲。**
*(**Diễn**: Lợi tha thì như ngài Thường Bất Khinh cam chịu bị đánh đập).*

Bất Khinh chính là Thường Bất Khinh Bồ Tát. Khi Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, tu Phổ Hiền hạnh, tâm lượng Phổ Hiền hạnh rộng lớn khôn sánh, đối với bất cứ chúng sanh nào trong pháp giới đều giữ tấm lòng cung kính, quyết định chẳng ngạo mạn. Thường Bất Khinh Bồ Tát đối với bất cứ ai cũng đều đảnh lễ, đều khen ngợi, đoạn sạch sành sanh thói kiêu căng ngã mạn từ vô thỉ kiếp tới nay. Thường Bất Khinh Bồ Tát thường bị đánh đập, Ngài có tâm oán hận hay không? Mảy may tâm oán

hận cũng chẳng có. Người hiện thời chẳng chịu nổi, hễ có đôi chút thái độ nào không đúng cho lắm bèn ngã lòng, người như vậy làm sao có thể thành công cho được? Chẳng thể nhẫn! Trong nguyên tắc tu hành của Bồ Tát có Nhẫn Nhục Ba La Mật. Kinh Kim Cang dạy: *"Nhất thiết pháp đắc thành ư Nhẫn"* (Hết thảy các pháp do Nhẫn mà thành tựu). Quý vị chẳng thể nhẫn, há còn có thành tựu chi nữa? Chúng ta đọc Thiền Lâm Bảo Huấn, xem gương của cổ nhân, [hễ thấy] trong một đạo tràng nào thật sự có pháp, bèn cam tâm chịu đựng hết thảy nhục mạ, khinh thường, ta cũng nhất quyết chẳng bỏ đi, ta đến đây để học pháp! Có như vậy thì mới có thể thành tựu.

Trong Thiền Lâm Bảo Huấn có chuyện một vị lão hòa thượng nhìn trúng một người học trò. Người học trò ấy là pháp khí, nhưng phải rèn luyện người ấy, xem thử người ấy rốt cuộc có đúng [là pháp khí] hay không? Đối trước công chúng, Sư chưa hề lộ vẻ mặt tử tế với người ấy, luôn kiếm chuyện gây khó dễ, muốn tống cổ người ấy đi. Đại chúng và đồng học thấy sư phụ chẳng có ấn tượng tốt đối với người ấy, nên họ cũng lăng nhục, khinh nhờn người ấy gấp bội. Người ấy đều chịu đựng được. Có lần, lão hòa thượng đem nước rửa chân hắt lên thân người ấy, tạt lên đầu, người ấy vẫn có thể chịu đựng, vẫn chẳng bỏ đi. Chẳng bỏ đi thì lão hòa thượng chẳng khách sáo nữa, dời đơn[3], đuổi người ấy đi. Đơn đã bị dời thì chẳng thể không đi, đi đến nơi đâu? Bỏ ra ngoài cửa. Lão hòa thượng giảng kinh, thuyết pháp, người ấy núp ngoài cửa sổ nghe, vẫn chẳng đi. Lão hòa thượng có biết hay không? Biết chứ! Biết người ấy có thành tựu. Có một ngày, lão hòa thượng muốn truyền pháp, mọi người đều chẳng biết lão hòa thượng sẽ truyền cho ai. Lão hòa thượng nói: "Kẻ ở ngoài cửa còn chưa đi, hãy tìm nó đến đây!" Nguyên lai là truyền cho người ấy! Mới biết lão hòa thượng dụng tâm, thành tựu Nhẫn Nhục Ba La Mật cho người ấy. Sau khi đã có Nhẫn thì mới có Định, có Định rồi mới có Huệ, đấy mới là pháp khí thật sự, là vật báu của đất nước. Gây đôi chút khó chịu, bèn bỏ đi, [người như vậy] chẳng thể thành

---

[3] Nguyên văn là *"thiên đơn"* (遷單). Đơn (單) là một tấm ván có bề ngang đủ rộng cho đúng một người nằm, dùng thay cho giường trong tăng phòng. Hễ trở mình không khéo sẽ rơi xuống đất. Khi xin nhập chúng, nếu thường trụ chấp nhận, sẽ cho kê đơn trong tăng đường cho ở, gọi là *"quải đơn"* (掛單). Khi vị khách tăng ấy, xin giã từ ra đi, bèn gọi là *"trừu đơn"* (抽單: rút đơn). Còn *"thiên đơn"* là dẹp bỏ đơn của người ấy, tỏ thái độ thẳng thừng không cho người ấy ở nữa.

tài, giữ kẻ ấy lại sẽ vô dụng! Đúng như vậy đó, người như vậy thêm hay bớt một kẻ cũng chẳng sao cả!

Tông Thiên Thai nói: *"Nói được, chẳng làm được, chính là bậc quốc sư"*. Có thể làm bậc thầy của đất nước, chỉ dạy mọi người. Những gì người ấy nói chính là Chánh Pháp, kiến giải chẳng sai, người ấy chẳng làm được [những gì đã nói] lại là chuyện khác nữa. Người ấy nói chẳng sai, Phật môn nói là *"phá giới, chẳng phá kiến"* bèn là quốc sư. *"Nói được, lại làm được, vật báu của đất nước. Làm được, chẳng nói được, hiền nhân của đất nước"*. Nhất định là phải tu Nhẫn Nhục Ba La Mật! Pháp thế gian chẳng thể nhẫn thì còn chưa thể thành tựu, huống hồ Phật pháp? Phật pháp là vô thượng đại pháp trong thế gian và xuất thế gian, chẳng nhẫn thì làm sao thành tựu cho được?

[Tổ Liên Trì] nêu ra ba điều, pháp sư Cổ Đức đã chú giải cho chúng ta. Những điều khác, đại sư chẳng trích dẫn, chúng tôi cũng muốn nói. Thứ tư là…

***Tứ, ư nhất thiết pháp, phát sanh thắng nhẫn, vô chấp trước tâm.***
**四、於一切法發生勝忍無執著心。**

*(Bốn là trong hết thảy các pháp, phát sanh nhẫn thù thắng, chẳng có tâm chấp trước).*

Đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, phải phát khởi lòng kiên nhẫn thù thắng nhất, có lòng kiên nhẫn khôn sánh để tu học. Tuy tu học, chẳng chấp trước hết thảy các pháp thì mới có thể thật sự thông đạt hết thảy các pháp. Vì sao? Hễ chấp trước pháp, sẽ là phạm lỗi, chấp trước biến thành gì? Biến thành thành kiến, chẳng phải là Kiến Thủ Kiến thì sẽ là Giới Thủ Kiến, biến thành tà kiến. Bất luận là đối với pháp thế gian hay pháp xuất thế gian, bất luận Lý hay Sự, nhân hay quả, điều gì ta cũng đều thông đạt, chẳng chấp trước điều gì. Vì sao không chấp trước? Vì *"hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng"*, chẳng chấp trước là huệ, chấp trước là phạm sai lầm. Người khéo học, đối với những chỗ sáu căn tiếp xúc đều là trí huệ, đều là trí huệ hiện tiền. Người chẳng biết học, những chỗ sáu căn tiếp xúc sẽ đều là chướng ngại! Học Phật pháp bèn chết cứng nơi kinh Phật. Cổ đức bảo: *"Y văn giải nghĩa, tam thế Phật oan"*, Phật phải than oan uổng! Chẳng phải là đức Phật nói như vậy, những điều đức Phật giảng "ý ở ngoài lời", quý vị ngỡ là thật, luôn chấp trước, nên Phật bị oan uổng! Khéo sao trong kinh Kim Cang,

đức Phật đã nói rất hay: *"Phật vô hữu định pháp khả thuyết"* (Phật chẳng có pháp nhất định nào để có thể nói), cuối cùng là *"Phật vô pháp khả thuyết"* (Phật chẳng có pháp nào để có thể nói). Khi nào quý vị nghe Phật pháp? Nếu ai nói đức Phật thuyết pháp, đó là báng Phật, Phật chẳng hề thuyết pháp! Những lời này nói rất hay! Hết thảy các pháp đã nói trong bốn mươi chín năm bị phủ định hoàn toàn, đức Phật chẳng nói một câu nào, chẳng nói một chữ nào. Nếu quý vị nói ta đã nói năng gì đó tức là báng Phật. Hay lắm! Điều này có ý nghĩa nhằm bảo quý vị đừng nên chấp trước hết thảy. Chớ nên chấp trước thì hết thảy các pháp do đức Phật đã nói bèn tương ứng với tự tánh của chúng ta. Mở kinh Phật ra, nghe đức Phật giảng kinh, thuyết pháp, hoàn toàn là do tự tánh lưu lộ; đó là đúng, đó mới là nghĩa chân thật của Phật. Bài kệ Khai Kinh có câu *"nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa"*, có như vậy thì mới là ý nghĩa chân thật của Phật.

Đấy chính là phải *"thắng nhẫn"*, đặc biệt là trong giai đoạn thứ nhất. Điều được mong cầu trong giai đoạn thứ nhất là Căn Bản Trí, tức là *"Bát Nhã vô tri"* như kinh Bát Nhã đã nói. Trước hết, phải có lòng nhẫn nại để cầu vô tri, đã vô tri rồi thì mới có thể cầu *"vô sở bất tri"* (không gì chẳng biết). Giống như Thiện Tài đồng tử trong pháp hội thuộc phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, hội ấy chính là hội của Văn Thù Bồ Tát, sở học của Thiện Tài là vô tri. Nói cách khác, chính là tu tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tu những tâm ấy. Chẳng cầu hiểu biết nhằm thành tựu Căn Bản Trí, thành tựu vô tri mà! Sau đấy mới đi tham học, từ tỳ-kheo Đức Vân mãi cho đến Phổ Hiền Bồ Tát, [tham học với] năm mươi ba vị thiện tri thức, đó là *"không gì chẳng biết"*, được gọi là Hậu Đắc Trí. Do đó, kinh Bát Nhã nói: *"Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết"*. Do vậy, [quá trình] tu học của Ngài gồm hai giai đoạn, trong giai đoạn thứ nhất, phải có lòng kiên nhẫn, phải nhẫn nại. Hiện thời, chúng ta phạm phải khuyết điểm là điên đảo, vừa khởi đầu bèn mong "không gì chẳng biết", học đến cuối cùng sẽ là "thứ gì cũng đều không biết", phạm phải khuyết điểm to lớn, hoàn toàn trái nghịch lời dạy bảo của đức Phật, học thứ này, thứ nọ, nhưng chẳng biết học từ căn bản.

Học theo căn bản, kinh Phật thường dùng cây cối để tỷ dụ. Quý vị muốn trồng cây, trước hết phải gieo hạt của cây ấy xuống đất. [Thoạt đầu] thứ gì cũng đều chẳng thấy, rất lâu sau mới nẩy mầm thành một chồi cây nhỏ. Phải mất vài năm, cây mới có thể mọc lớn, đơm hoa, kết

quả. Người hiện thời chẳng cần rễ cây lẫn mầm cây, cứ mong hoa quả! Có thể đạt được hoa quả hay không? Có thể đạt được! Hoa quả ở trong bình rất nhiều, thiếu rễ, sẽ chết rụi! Từ vô tri đến "không gì chẳng biết" thì sống. Vừa bắt đầu liền học "không gì chẳng biết", thứ gì cũng đều học thì chết cứng! Chết cứng là sao? Chẳng có trí huệ. Xác thực hoàn toàn là vô minh, là vọng tưởng, là tà kiến, chẳng phải là sống động. Sống động là trí huệ. Ở đây, chúng ta nhất định phải nhận biết rõ ràng giáo pháp cao minh của đức Phật. Từ mấy ngàn năm qua, tại Trung Hoa, tại ngoại quốc, những vị đại đức thuộc hàng xuất gia hay tại gia đã nương theo phương pháp này để tu học đều thành tựu. Trong thời đại của chúng ta, vì sao chẳng có cao tăng đại đức xuất hiện? Phương pháp sai lầm. Tuyệt đối chẳng phải là do sự thông minh và trí huệ của chúng ta không bằng cổ nhân, mà là do phương pháp sai lầm, bày vẽ kiểu mới, lập ra phương cách khác lạ, chẳng biết tuân thủ các phương pháp trong quá khứ, chính mình sáng chế một kiểu cọ mới mẻ, vấn đề bèn to đùng!

***Ngũ, bất tham lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tịnh ý nhạo tâm.***
**五、不貪利養恭敬尊重淨意樂心。**

*(Năm, chẳng tham lợi dưỡng, tâm cung kính, tôn trọng, ý ưa thích thanh tịnh).*

Đây cũng là chướng ngại rất lớn trong việc học Phật: Danh vọng, lợi dưỡng! Nhất là trong thời đại hiện tại, đủ mọi thứ! Những gì lục căn tiếp xúc có thể nói đều là sự dụ dỗ, mê hoặc ở mức độ cao nhất. Thời cổ chẳng có nhiều dụ dỗ, mê hoặc ngần ấy, còn hiện thời, nói thật ra, dụ dỗ, mê hoặc quá nhiều. Gần như là những gì quý vị mắt thấy, tai nghe toàn là dụ dỗ, mê hoặc, há quý vị có thể chẳng động tâm ư? Trong các buổi giảng, chúng tôi cũng thường khuyên lơn, khích lệ các đồng học, tôi nói: Nay chúng ta học Phật, chúng ta nằm trong lòng bàn tay của ma. Tứ đại ma vương xòe rộng tay, chúng ta chẳng có cách nào vượt khỏi bàn tay của họ, còn có thể thành tựu gì chăng? Tôi chẳng nói tới tứ đại ma vương như kinh Bát Đại Nhân Giác đã giảng, mà là nói đến "tài, sắc, danh, lợi", tứ đại ma vương ấy, mấy ai có thể nhảy ra khỏi lòng bàn tay của chúng nó? Quý vị chẳng nhảy thoát khỏi lòng bàn tay của chúng nó, còn nói tới thành tựu chi nữa? Chẳng vãng sanh được! Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì tâm phải thanh tịnh mới hòng vãng sanh. Tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh. Trong tâm còn có những thứ ấy, bên ngoài là

tài, sắc, danh, lợi, trong là tham, sân, si, mạn, chẳng đọa vào địa ngục A Tỳ là đã may mắn quá rồi, còn có thành tựu chi nữa? Do vậy, các đồng tu học Phật phải có tâm cảnh giác cao độ, thời thời khắc khắc cảnh giác.

Đầu tập sách kỷ niệm pháp sư Ấn Quang có đề mấy chữ Sanh, Tử, tôi phóng to chữ ấy ra, in thành rất nhiều bản, hy vọng các đồng tu thỉnh về, dán ở chỗ thường trông thấy nhất trong nhà của chính mình để tự nhắc nhở, trọng yếu lắm! Thường nghĩ đời người sống trên thế gian rỗng tuếch, giống như nằm mộng, cũng giống như diễn tuồng, giả trất, chẳng thật! Gì là thật? Tạo nghiệp là thật. Phật môn thường nói *"muôn thứ chẳng mang được, chỉ có nghiệp theo thân". "Chẳng mang theo được"* tức là quý vị chẳng đạt được gì, thứ gì cũng chẳng cầm theo được. Thứ quý vị có thể cầm theo được là gì? Nghiệp. Nghiệp chướng là thứ quý vị có thể cầm theo. Trừ thứ ấy ra, bất luận là quá khứ, hiện tại, vị lai, thứ gì quý vị cũng đều chẳng đạt được, toàn là giả. Trong thế gian này, có gì đáng cho quý vị tranh giành? Khởi tâm động niệm tranh danh, đoạt lợi, tạo nghiệp đấy nhé! Người sáng mắt thấy rõ, [những kẻ tranh danh đoạt lợi] đáng thương thay! Hạng người ấy đáng thương nhất. Thứ gì cũng đều chẳng cần, suốt ngày từ sáng đến tối thật thà niệm A Di Đà Phật, người ấy có phước, thật sự rất lỗi lạc! Nhưng người thế gian coi kẻ ấy là vô dụng, tiêu cực! Người thế gian thấy hạng người như vậy tiêu cực, nhưng Phật, Bồ Tát thấy hạng người ấy thật sự có phước. [Những kẻ] hằng ngày tranh danh đoạt lợi, người thế gian thấy: Người ấy rất tài ba, có rất nhiều biện pháp. Phật thấy kẻ ấy quá sức đáng thương! Hiện tại tạo nghiệp, trải qua mấy năm bèn chịu báo, quả báo liền xảy tới. Đó là sự thật, nhất định phải nhận biết rõ ràng thì chúng ta mới có thể thật sự hờ hững đối với tài, sắc, danh, lợi, biết những thứ ấy là có hại, chẳng có lợi ích gì! Nói thật ra, chúng có trăm điều hại, chẳng có lợi một điều nào, chẳng có tí ti lợi ích nào! Chúng ta đời đời kiếp kiếp học Phật mà đều chẳng có thành tựu là do bị những thứ ấy làm hại. Đời này vẫn bị chúng nó hãm hại, lại lỡ làng mất rồi, phải cảnh tỉnh chính mình!

***Lục, cầu Phật Chủng Trí, ư nhất thiết thời, vô vong thất tâm.***

**六、求佛種智於一切時無忘失心。**

*(Sáu, cầu Chủng Trí của Phật, trong hết thảy các thời, tâm chẳng quên mất).*

Phần trước là nói về chuyện đoạn phiền não. Phiền não đoạn sạch,

bèn cầu trí huệ. Phật pháp là pháp trí huệ, Phật giáo là giáo dục trí huệ. Chỉ có trí huệ thì mới có thể thấy rõ ràng chân tướng của hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian. Chỉ có trí huệ thì mới biết: Trong thế gian và xuất thế gian, bản thân chúng ta phải nên làm theo cách nào, mới hòng có thể thật sự lìa khổ, được vui! Phá mê khai ngộ, sẽ lìa khổ, được vui. Khổ là do mê hoặc, điên đảo mà có, lạc là do khai ngộ mà đạt được. Từ nay trở đi, chẳng còn tạo nghiệp nữa. Không chỉ là chẳng tạo ác nghiệp, mà thiện nghiệp cũng chẳng tạo. Nhưng chư vị phải hiểu rõ: Chẳng phải là Phật pháp thường dạy chúng ta tu Thập Thiện Nghiệp Đạo đó ư? Cớ sao thiện nghiệp cũng chẳng tạo? Đoạn hết thảy ác, tu hết thảy thiện, mà nếu quý vị chấp tướng, sẽ là quả báo hữu lậu trong thế gian. Đoạn ác tu thiện chẳng chấp tướng thì chẳng gọi là thiện hay ác nghiệp, mà gọi là tịnh nghiệp. Chư vị nghĩ xem: Danh từ "tịnh nghiệp" danh phù hợp thực, mục tiêu của nó là "tu tâm thanh tịnh, đoạn ác". Ta tu tâm thanh tịnh, tu thiện, vẫn là tu tâm thanh tịnh, mục đích chỉ là tu "thanh tịnh, bình đẳng" mà thôi, đó là tịnh nghiệp. Tây Phương Tịnh Độ cần phải có tịnh nghiệp thì mới có thể thành tựu, chớ nên quên điều này!

***Thất, ư chư chúng sanh, tôn trọng, cung kính, vô hạ liệt tâm.***

**七、於諸眾生尊重恭敬無下劣心。**

*(Bảy, đối với các chúng sanh tôn trọng, cung kính, chẳng có tâm kém hèn).*

Nói thật ra, câu này là điều được tu tập bởi Thường Bất Khinh Bồ Tát: Quyết định chớ nên khinh dễ hết thảy chúng sanh. Khinh dễ hết thảy chúng sanh, sai mất rồi! Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật, làm sao có thể khinh dễ họ cho được? Thường Bất Khinh Bồ Tát biết chân tướng sự thật này, nên Ngài mới thật sự triệt để làm được *"lễ kính chư Phật"*.

***Bát, bất trước thế luận, ư Bồ Đề phần, sanh quyết định tâm.***

**八、不著世論於菩提分生決定心。**

*(Tám, chẳng chấp trước những luận định thế gian, sanh tâm quyết định đối với Bồ Đề phần).*

*"Trước"* (著) là chấp trước. [*"Trước thế luận"*] là chấp trước những ngôn luận phê bình hoặc cách nhìn của người thế gian. Nếu quý

vị chấp trước những điều ấy, sẽ chẳng thể tu Phật pháp. Trong kinh Bảo Tích, đức Phật dạy chúng ta: Bất luận người thế gian bình luận như thế nào, chẳng cần phải bận tâm. Vì sao? Người thế gian là Thế Trí Biện Thông, nói thật thà, năng lực của họ còn thua cả A La Hán. A La Hán đã đoạn Kiến Tư phiền não, còn các triết gia, nhà khoa học, nhà tôn giáo trong thế gian đều chưa đoạn Kiến Tư phiền não, hãy còn thị phi, nhân ngã, tham, sân, si, mạn. Không chỉ người đời là như vậy, chư thiên cũng chẳng phải là ngoại lệ, dẫu đạt đến Sắc Giới Thiên hay Vô Sắc Giới Thiên, phiền não vẫn chẳng đoạn. Chẳng đoạn phiền não thì tri kiến của kẻ ấy là tình kiến, [tức là] tri kiến phát xuất từ cảm tình, chẳng phải là chánh tri chánh kiến. Họ phê bình, lẽ nào chúng ta có thể quan tâm? Nhưng trong thế gian này, họ đông người, chúng ta ít người, chúng ta nói chẳng lại họ. Chúng ta nói một câu, họ nói mười câu! Trong tình huống ấy, họ nói cứ nói, ta làm chuyện của ta. Dẫu họ nói nhiều cách mấy, cũng chẳng ảnh hưởng đến ta, ta vẫn là một câu A Di Đà Phật. Quý vị nói ta tiêu cực, ta cũng A Di Đà Phật; quý vị quở ta mê tín, ta vẫn một câu A Di Đà Phật, trọn chẳng lay động!

Nhất là trong thời kỳ Mạt Pháp, kinh Lăng Nghiêm nói thời đại này *"tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng"*, chúng ta rốt cuộc nghe lời ai? Nói ngay trong Phật môn, pháp sư này nói pháp môn này hay, bộ kinh này hay, pháp sư kia nói bộ kinh kia hay, pháp môn kia hay. Tiếp xúc mấy vị pháp sư bèn chẳng biết học môn nào thì mới nên! Tôi thường gặp lắm! Gặp người đến nói với tôi họ thân cận vị pháp sư nào đó, dạy họ pháp môn gì đó, pháp sư nọ cũng có pháp môn [hay lắm]. Tôi nói: "A Di Đà Phật! Quý vị thấy pháp sư nào là tốt, tốt nhất là hãy theo học với pháp sư đó thì mới có thể thành tựu. Môn nào cũng đều hay, chẳng có môn nào không hay, nhưng chỉ cần học một môn là được rồi. Học hai ba môn sẽ không hay! Giống như giảng đường này có rất nhiều cửa, theo mỗi cửa để tiến vào đều được. Quý vị muốn đồng thời bước vào bằng hai cửa hoặc ba cửa sẽ không bước vào được. Vì sao? Quý vị chẳng bước vào được! Nhất định phải là một môn thâm nhập".

Một môn thâm nhập, vì sao chúng ta chọn lựa pháp môn Tịnh Độ? Ấy là vì bản thân chúng ta chẳng có trí huệ, chẳng có năng lực, chính mình chẳng biết căn tánh của chính mình, chẳng biết phải nên chọn lựa như thế nào! Pháp môn này do Thích Ca Mâu Ni Phật và hết thảy chư Phật chọn lựa cho bọn hồ đồ chúng ta. Ta thừa nhận chính mình chẳng [chọn lựa] được, Phật thay ta chọn lựa, ta bèn y giáo phụng hành, đó là

đúng. Chính mình có năng lực, sẽ chẳng cần đức Phật chọn lựa giùm ta, mà là chính mình chọn lấy. Bản thân ta chẳng có năng lực, Phật thay ta chọn lựa, ta đương nhiên tiếp nhận. Đấy là nên quyết trạch (chọn lựa nhất quyết) pháp môn như thế nào. Sau khi đã quyết định, chẳng thay đổi ý niệm, nhất tâm nhất ý tu học, quyết định có thành tựu.

***Cửu, chủng chư thiện căn, vô hữu tạp nhiễm, thanh tịnh chi tâm.***

**九、種諸善根無有雜染清淨之心。**

*(Chín, gieo các thiện căn chẳng có tạp nhiễm, tâm thanh tịnh).*

*"Thiện căn"*: Kinh Vô Lượng Thọ nói đến thiện căn bèn chỉ thẳng: *"Một mực chuyên niệm"*. Gieo thiện căn là gì? Quý vị niệm một câu *"Nam-mô A Di Đà Phật"* là gieo thiện căn. Chúng ta đã thấy điều này trong kinh Vô Lượng Thọ. Xưa nay, các vị tổ sư đại đức khác miệng cùng lời bảo chúng ta: "Câu Phật hiệu này là tốt lành nhất trong các điều lành, tổng trì vô lượng pháp môn. Hết thảy chư Phật đều do niệm Phật mà thành Phật, chẳng có gì tốt lành hơn điều này". Vì thế, tín nguyện trì danh là gieo thiện căn viên mãn tối thắng bậc nhất, chẳng giả tí nào!

***Thập, ư chư Phật xả ly chư tướng, khởi tùy niệm tâm.***

**十、於諸佛捨離諸相起隨念心。**

*(Mười, đối với chư Phật bỏ lìa các tướng, khởi tâm tùy niệm).*

Chúng ta hãy xem sách Diễn Nghĩa chú giải:

***(Diễn) Xả ly chư tướng giả, thị niệm chư Phật Thật Tướng thân, tức sở vị: Sắc thân phi thị Phật, âm thanh diệc phục nhiên. Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai dã.***

**(演)捨離諸相者，是念諸佛實相身，即所謂色身非是佛，音聲亦復然，若見諸相非相，即見如來也。**

*(**Diễn**: "Bỏ lìa các tướng" là niệm thân Thật Tướng của chư Phật, nghĩa là nói: "Sắc thân chẳng là Phật, âm thanh cũng như vậy". Nếu thấy các tướng chẳng phải là tướng, chính là thấy Như Lai vậy).*

*"Ư chư Phật xả ly chư tướng"*: Niệm Phật như vậy, thưa cùng quý

vị, chính là Thật Tướng Niệm Phật trong bốn cách niệm Phật, bọn sơ học chúng ta chẳng làm được! Kẻ sơ học phải chấp tướng niệm Phật, phải từ hữu tướng niệm đến vô tướng. Nếu chúng ta niệm theo kiểu chấp tướng niệm Phật mà niệm còn không nên hồn, mong học cách ly tướng niệm Phật, chắc chắn chẳng làm được! Nhưng phải biết sự thật này xác thực là có, nó thuộc về pháp môn Niệm Phật bậc cao. Từ *"sắc thân phi thị Phật"* (sắc thân chẳng phải là Phật) cho đến *"nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai"* (nếu thấy các tướng chẳng phải là tướng chính là thấy Như Lai) chính là kinh văn trích từ kinh Kim Cang. Mấy câu kinh văn ấy có ý nghĩa rất sâu. Khi nào thì mới có thể thấy? Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, sẽ là cảnh giới này. Khi ấy, sẽ vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ, sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chẳng phải là cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Tâm địa thật sự đạt đến thanh tịnh, bình đẳng, giác, sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài đều nhất loạt bình đẳng, vì sao? Người ấy chẳng có hết thảy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng. Phân biệt, chấp trước, vọng tưởng đều đoạn sạch, vạn pháp như một, tánh tướng bất nhị, nhập cảnh giới này, Thiền Tông gọi là *"minh tâm kiến tánh"*. Tánh là gì? Tánh là pháp bình đẳng, tánh là *"các tướng chẳng phải là tướng"*. Đó là kiến tánh. *"Khởi tùy niệm tâm"*, phải hiểu tùy niệm tâm như thế nào? *"Tùy"* (隨) là tùy thuận, nói thật ra chính là *"hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức"* trong mười nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát. Có thể thấy: Để hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, phải phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, bậc Pháp Thân đại sĩ mới có thể làm được, chúng ta chẳng làm được.

***(Diễn) Tùy, thuận dã, vị thuận lý chi niệm, tức Thiên Thai sở vị "an trụ Trung Đạo, bất vị nhị biên sở động", danh chi vi niệm dã.***

**(演)隨，順也，謂順理之念，即天台所謂安住中道，不為二邊所動，名之為念也。**

*(**Diễn**: Tùy là thuận, ý nói: Niệm thuận theo Lý, tức là như tông Thiên Thai đã nói: "Trụ yên nơi Trung Đạo, không bị lay động bởi hai bên" nên gọi là Niệm).*

Tông Thiên Thai nói rất chánh xác, nhưng chúng ta không dễ thấu hiểu ý nghĩa của họ. Tôi vừa mới nêu ra hai nguyện trong Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, chắc là dễ hiểu hơn đôi chút, đó là ý nghĩa của Thiên Thai đại sư. Thật sự có thể đạt đến thần thông du hý, Lý Sự vô

ngại, Sự Sự vô ngại, thật sự đắc đại tự tại, bèn gọi là *"khởi tùy niệm tâm"*. Đó cũng chính là như kinh Kim Cang đã dạy: *"Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm"* (Hãy nên không trụ vào đâu mà sanh tâm). *"Ư chư Phật xả ly chư tướng"* (Xả lìa các tướng nơi chư Phật) chính là *"ưng vô sở trụ"*. *"Khởi tùy niệm tâm"* chính là *"nhi sanh kỳ tâm"*. Cách nói khác nhau, nhưng cảnh giới hoàn toàn giống nhau.

***(Sao) Cụ thử thập tâm, vãng sanh Tịnh Độ.***

**(鈔)具此十心，往生淨土。**

*(**Sao**: Đầy đủ mười tâm ấy sẽ vãng sanh Tịnh Độ).*

Vãng sanh Tịnh Độ cũng chẳng đơn giản. Tôi đã giới thiệu đại lược *"mười tâm"* cùng quý vị, điều sau sâu hơn điều trước, điều trước cạn, điều sau sâu. Vãng sanh như thế nào? Nói thật ra, khái quát là bốn cõi, ba bậc, chín phẩm. Điều cuối cùng nói tới chuyện sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Điều thứ nhất và thứ hai nói về cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Xét như vậy, tâm chúng ta lại thêm thực tế hơn một chút, điều sau làm không được, nhưng hai điều trước có lẽ là có thể làm được. Cõi Thật Báo chẳng có phần, nhưng cõi Đồng Cư vẫn có phần. Mọi người phải đặc biệt chú ý ba điều trước, vì sao? Đó là điều kiện để sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Tuy suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật, nhưng chẳng hội đủ [những điều kiện ấy], sẽ không được! Nhưng tôi thưa cùng quý vị, quả nhiên là thật thà niệm Phật thì một câu Phật hiệu thảy đều trọn đủ những điều ấy, quyết định được vãng sanh, chúng ta chớ nên hoài nghi! Nhưng trong cuộc sống hằng ngày, xử sự, đãi người, tiếp vật phải biết nguyên tắc ấy, phải ghi nhớ những lời khai thị này của đức Phật. Thật ra, đối với những lý luận, phương pháp, và giáo huấn do đức Phật đã giảng, có thể nói là trong kinh Vô Lượng Thọ đều có đầy đủ, xác thực là *"một chính là hết thảy, hết thảy chính là một"*.

***(Sao) Hoa Nghiêm thập nguyện giả, nhất giả lễ kính chư Phật, nãi chí thập, phổ giai hồi hướng, diệc dĩ thử thập, sanh bỉ quốc độ.***

**(鈔)華嚴十願者，一者禮敬諸佛，乃至十普皆迴向，亦以此十生彼國土。**

*(**Sao**: "Mười nguyện Hoa Nghiêm": Một là lễ kính chư Phật, cho đến mười là hồi hướng khắp cả, cũng dùng mười điều này để sanh vào cõi nước ấy).*

Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, các đồng tu chúng ta đều biết điều này. Trong ấy, có ý nghĩa sâu rộng, chẳng có mấy người biết! Mọi người đều biết kinh Hoa Nghiêm, trong toàn thể Phật pháp, nó đại diện cho pháp luân viên mãn, trong hết thảy các kinh, [kinh Hoa Nghiêm] được gọi là *"vua của các kinh"*, thường nói *"hết thảy các kinh đều là quyến thuộc của Hoa Nghiêm"*. Hoa Nghiêm giống như một cái cây, nó là cội gốc, hết thảy các kinh đều là cành lá, quý vị mới hiểu tầm trọng yếu của kinh Hoa Nghiêm.

Đức Thế Tôn nói *"thành Phật trong một đời"*, chỉ có mình kinh Hoa Nghiêm là nói viên mãn rốt ráo chuyện "thành Phật trong một đời". Nhưng thật sự đạt tới viên mãn rốt ráo thì chính là đến cuối cùng, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền dẫn về Cực Lạc. Nói cách khác, nếu không cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ chẳng thể viên mãn! Cổ đức thấy điều này, mới nói *"Hoa Nghiêm và Pháp Hoa dẫn đường cho kinh Vô Lượng Thọ"*. Thật sự thâm nhập Đại Thừa, quý vị sẽ tin tưởng và có thể tiếp nhận cách nói này của cổ đức. Sau đó mới hiểu giá trị và địa vị chiếm lãnh trong toàn thể Phật pháp của kinh Vô Lượng Thọ.

Kinh Hoa Nghiêm dẫn đường là dẫn về đâu? Dẫn về kinh Vô Lượng Thọ. Kinh này (kinh Di Đà) là Tiểu Bổn của kinh Vô Lượng Thọ, kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ cùng bộ, chỉ là nói rộng rãi hay nói đại lược mà thôi. Tuy kinh A Di Đà nói đại lược, nhưng do có thêm bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư và sách Diễn Nghĩa, nên lại còn nói rộng rãi, rõ ràng, minh bạch hơn kinh Vô Lượng Thọ. Nếu thấy Sớ Sao Diễn Nghĩa là một bộ sách to như thế, niệm sẽ rất khó khăn, quý vị hãy niệm kinh Vô Lượng Thọ, niệm bản đơn giản ấy. [Niệm Sớ Sao Diễn Nghĩa] sẽ biến thành phức tạp, Tiểu Bổn biến thành Đại Bổn, Đại Bổn [so với Sớ Sao Diễn Nghĩa] lại biến thành Tiểu Bổn. Có thể thấy là lớn hay nhỏ chẳng có nhất định, nó có thể biến hóa. Nhận thức rõ ràng kinh Vô Lượng Thọ, nhận thức rõ ràng pháp môn này, chúng ta mới có thể hạ quyết tâm, đời này chẳng còn thay đổi nữa, nghiêm túc tu học, chính mình tràn trề tín tâm, quyết định thành tựu trong một đời này, công đức lợi ích thù thắng khôn sánh!

Nhìn thì dễ dàng, thật ra chẳng dễ dàng, chúng ta đọc kinh Đại Thừa nhiều, sẽ hiểu: Nếu chẳng phải là thiện căn, phước đức, và nhân duyên trong đời quá khứ đã chín muồi trong một đời này thì trong kiếp sống này, sẽ chẳng làm được! Quý vị chẳng gặp kinh điển này! Dẫu có

gặp, cũng chẳng tin tưởng. Có tin tưởng thì quý vị cũng không chịu nghiêm túc tu hành. Một người có thể tín, có thể nguyện, có thể hành, phải là do thiện căn trong vô lượng kiếp quá khứ tới nay đã chín muồi, đồng thời được mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai âm thầm gia trì. Đó là nhân duyên tụ hội, khiến cho chúng ta trong một đời này có thể vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, vãng sanh bất thoái thành Phật. Chẳng gặp được nhân duyên này! Ông Bành Tế Thanh nói: *"Một ngày hiếm có khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay"*. Lời ấy là thật, chẳng giả tí nào! Hiếm có, khó gặp, nay chúng ta đã gặp gỡ. Đã gặp gỡ, há nên khinh thường, vứt bỏ? Nhất định là phải trân trọng. Hôm nay đã hết thời gian rồi!

***Tập 219***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm ba mươi ba:

***(Sao) Hoa Nghiêm thập nguyện giả, nhất giả lễ kính chư Phật, nãi chí thập, phổ giai hồi hướng, diệc dĩ thử thập sanh bỉ quốc độ.***

**(鈔)華嚴十願者，一者禮敬諸佛，乃至十普皆迴向，亦以此十生彼國土。**

*(**Sao**: "Mười nguyện trong Hoa Nghiêm": Một là "lễ kính chư Phật", cho đến mười là "hồi hướng trọn khắp", cũng dùng mười điều này để sanh về cõi kia).*

Đây là điều kiện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới của bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ trong hội Hoa Nghiêm. Những vị Bồ Tát ấy chẳng phải là Bồ Tát bình phàm, mà đều là bậc Bồ Tát đã minh tâm kiến tánh. Các Ngài sanh về Tây Phương Tịnh Độ đều là sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Do vậy có thể biết, mười điều kiện ấy là các điều kiện của cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chẳng giống với mười điều kiện của kinh Bảo Tích đã được nói trong phần trước. Kinh Bảo Tích bao gồm bốn cõi, chín phẩm, từ cạn đến sâu. Trong hội Hoa Nghiêm, thật ra là cạn và sâu một vị! Đấy là điều kiện để thượng thượng phẩm vãng sanh; tuy chúng ta chẳng làm được, nhưng nhất định phải hiểu. Nếu có thể nỗ lực tu học theo tiêu chuẩn ấy, tất nhiên sẽ nâng cao phẩm vị vãng sanh của chính mình. Điều thứ nhất là *"lễ kính chư Phật"*:

***(Diễn) Lễ kính chư Phật giả, sở hữu tận pháp giới hư không giới, thập phương tam thế nhất thiết chư Phật, ngã tất dĩ thanh tịnh tam nghiệp, thường tu lễ kính, nhất nhất Phật sở giai hiện bất khả thuyết vi trần số thân, nhất nhất thân biến lễ bất khả thuyết vi trần số Phật.***

**(演)禮敬諸佛者，所有盡法界虛空界，十方三世一切諸佛，我悉以清淨三業，常修禮敬，一一佛所皆現不可說微塵數身，一一身遍禮不可說微塵數佛。**

*(**Diễn**: "Lễ kính chư Phật": Đối với tất cả tận pháp giới hư không giới, mười phương ba đời hết thảy chư Phật, tôi đều dùng ba nghiệp thanh tịnh để thường tu lễ kính. Nơi mỗi đức Phật đều hiện bất khả thuyết vi trần số[4] thân, mỗi thân lễ khắp bất khả thuyết vi trần số Phật).*

---

[4] *"Bất khả thuyết"* có thể hiểu theo hai ý nghĩa:

1) Chẳng thể diễn tả được, đây là cách nói và hiểu thông thường. Chẳng hạn theo Du Già Sư Địa Luận, "bất khả thuyết" lại có bốn nghĩa:

- Vô cố bất khả thuyết: Do chẳng thể nào nói rạch ròi nên chẳng thể nói, vì vượt ngoài khả năng diễn tả của ngôn ngữ, do không chấp trước vào hai bên, nên chẳng thể nói.
- Thậm thâm bất khả thuyết: Nghĩa lý quá sâu nên chẳng thể nói được. Chẳng hạn Pháp Thân của Như Lai chẳng thể nghĩ bàn, cảnh giới của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn v.v… nên nói là bất khả thuyết.
- Năng dẫn vô nghĩa cố bất khả thuyết: Nếu điều gì chẳng thể dẫn khởi lợi ích nơi pháp, chư Phật Như Lai chẳng nói.
- Pháp tướng pháp nhĩ chi sở an lập cố bất khả thuyết: Pháp tướng về bản chất vốn được an lập như vậy, nên chẳng thể nói. Chẳng hạn cảnh giới Hoa Nghiêm là "trong một đầu lông, vô biên chư Phật chuyển pháp luân", trùng trùng duyên khởi, chẳng có cách nào nói trọn hết được.

2) Bất khả thuyết (不可說) là một con số rất lớn trong cách đếm của cổ Ấn Độ. Như trong phẩm A Tăng Kỳ của Bát Thập Hoa Nghiêm đã nói: *"Một trăm lạc-xoa là một câu chi, câu chi lần câu chi là một a dữu đa. A dữu đa lần a dữu đa là một na do tha. Na do tha lần na do tha là một tần bà la. Tần bà la lần tần bà la là một căng yết la. Căng yết la lần căng yết la là một a già la. A già la lần a già la là một tối thắng. Tối thắng lần tối thắng là một ma bà la. Ma bà la lần ma bà la là một a bà la… A tăng kỳ lần a tăng kỳ là một a tăng kỳ chuyển. A tăng kỳ chuyển lần a tăng kỳ chuyển là một vô lượng. Vô lượng lần vô lượng là một vô lượng chuyển. Vô lượng chuyển lần vô lượng chuyển là một vô biên. Vô biên lần vô biên là một vô biên chuyển. Vô biên chuyển lần vô biên chuyển là một vô đẳng. Vô đẳng lần vô đẳng là một vô đẳng chuyển. Vô đẳng chuyển lần vô đẳng chuyển là một bất khả số. Bất khả số lần bất khả số là một bất khả số chuyển. Bất khả số chuyển lần bất khả số chuyển là một bất khả xưng. Bất khả xưng lần bất khả xưng là một bất khả xưng chuyển. Bất khả xưng*

Trong lời chú giải có cả Sự lẫn Lý. Nửa trước nói về Lý, cảnh giới của Ngài (bậc Pháp Thân đại sĩ) là tận hư không khắp pháp giới. Tất cả hết thảy *"thập phương tam thế chư Phật"*, đối với tam thế, Phật trong đời quá khứ thì đức Thế Tôn đã từng nói, chúng ta cũng từng nghe nói về chư Phật trong đời hiện tại, còn chư Phật trong đời vị lai là những ai? Chữ *"tam thế"* (三世) bao gồm đời vị lai; chư Phật trong đời vị lai chính là hết thảy chúng sanh. Hết thảy chúng sanh vốn sẵn thành Phật, [bởi lẽ], hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh. Đã có Phật Tánh, ắt sẽ thành Phật. Đó là Phật trong tương lai. Bao gồm toàn bộ phạm vi của lễ kính; hễ chẳng tôn trọng một chúng sanh nào, tức là công đức lễ kính chư Phật của quý vị chẳng viên mãn, bị khiếm khuyết. Do vậy, chẳng dễ sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Tìm chẳng ra mảy may khuyết điểm nào nơi đại chúng trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Công đức của cõi ấy đích xác là viên mãn rốt ráo. Nay chúng ta thấy người khác có rất nhiều kẻ chẳng thuận mắt, thấy có rất nhiều chuyện chẳng vừa lòng, vậy thì làm sao được nữa? Đó chẳng phải là Phổ Hiền hạnh; dẫu tu tốt đẹp cách mấy đi nữa, vẫn chẳng phải là Phổ Hiền hạnh! Do vậy có thể biết, Phổ Hiền hạnh chính là dùng cái tâm thanh tịnh và cái tâm bình đẳng để tu.

*"Thanh tịnh tam nghiệp"*: Thanh tịnh thân, thanh tịnh ngữ, thanh tịnh ý; ba nghiệp thân - khẩu - ý thanh tịnh thì mới có thể tu Phổ Hiền hạnh. Nói cách khác, đối với hết thảy các loài chúng sanh trong hư không pháp giới, quyết định chẳng có phân biệt, chấp trước; khi ấy, sự lễ kính do quý vị tu sẽ chính là Phổ Hiền hạnh. Quý vị đối trước tượng Phật lạy Phật một lạy, sẽ là lạy khắp tận hư không khắp pháp giới mười phương ba đời hết thảy chư Phật. Vì sao? Vì trong tâm quý vị chẳng có giới hạn. Tâm chẳng có giới hạn, cái tâm ấy sẽ to như hư không pháp giới; do đó, lễ một vị Phật bèn là lễ hết thảy chư Phật. Do cái tâm của bọn phàm phu chúng ta có phân biệt, có chấp trước, cho nên tâm lượng hết sức nhỏ bé, công đức đã tu tập cũng là chút ít, thuận theo tâm lượng, chẳng có cách nào mở rộng ra ngoài! Tu kiểu nào cũng không được, tâm lượng vẫn rất nhỏ hẹp. Đây là nói theo cảnh giới. Nói theo Lý, ắt phải do ba nghiệp thanh tịnh.

---

*chuyển lần bất khả xưng chuyển là một bất khả tư. Bất khả tư lần bất khả tư là một bất khả tư chuyển. Bất khả tư chuyển lần bất khả tư chuyển là một bất khả lượng. Bất khả lượng lần bất khả lượng là một bất khả lượng chuyển. Bất khả lượng chuyển lần bất khả lượng chuyển là một bất khả thuyết"*. Một lạc-xoa là một trăm ngàn.

*"Vi trần số"* (微塵數) là số lượng vi trần trong một tam thiên đại thiên thế giới.

*"Thường tu lễ kính"*: Hãy chú trọng chữ Thường (常). *"Thường"* là chẳng gián đoạn, suốt ngày từ sáng đến tối trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ chưa hề gián đoạn. Đó là tâm cung kính. Nói thô thiển một chút, sẽ là đối với người, đối với sự, đối với vật, từ đầu đến cuối một lòng cung kính. Nếu nói theo cảnh giới của mười tâm trong kinh Bảo Tích thì là đối với pháp giới chúng sanh và tự tánh chúng sanh, đối với người, đối với sự, đối với vật mà cung kính, đấy chính là cung kính tự tánh của chính mình. Đối với người, đối với sự, đối với vật mà chẳng cung kính, tức là phạm lỗi đối với tự tánh chúng sanh, có lỗi với chính mình! Vì sao? Lễ kính là Tánh Đức, [thiếu lễ kính tức là] Tánh Đức của quý vị chẳng thể lưu lộ, Tánh Đức bị chướng ngại; đó là lầm lỗi, là nghiệp chướng! Phải trừ khử nghiệp chướng, giống như chư Phật và các vị đại Bồ Tát, Tánh Đức của các Ngài chẳng bị chướng ngại. Vì thế, các Ngài đối với người, đối với sự, đối với vật đều là bình đẳng cung kính. Mỗi vị Bồ Tát thuộc bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ trong hội Hoa Nghiêm đều tu theo cách này.

Hai câu tiếp theo chính là nói theo mặt Sự. Sự chẳng thể nghĩ bàn, Sự là cảnh giới Hoa Nghiêm, là cảnh giới Sự Sự vô ngại. *"Nhất nhất Phật sở"* (Ở nơi mỗi đức Phật), ở nơi mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai, đối trước các Ngài, *"giai hiện bất khả thuyết vi trần số thân"* (đều hiện bất khả thuyết vi trần số thân). Người trong thế giới Tây Phương có thể hóa thân bao nhiêu? Kinh Phạm Võng nói *"trăm ngàn ức hóa thân Thích Ca Mâu Ni Phật"*, con số trăm ngàn ức ấy rất nhỏ, hễ tính toán là tính được liền. Nói thật ra, mỗi cá nhân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có năng lực hóa thân giống như kinh Hoa Nghiêm [đã nói] *"vô lượng vô biên hóa thân"*. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, ai nấy đều chứng đắc [năng lực hóa thân ấy].

Chiều nay, pháp sư Ngộ Không đến chỗ tôi. Ở bên ngoài, ông ta làm rất nhiều chuyện náo nhiệt. Tôi bảo ông ta: "Thứ gì cũng đều là giả! Rỗng tuếch". Kinh Kim Cang dạy chẳng sai: *"Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"*, *"hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng"*. Điều gì là thật? Vãng sanh thế giới Cực Lạc là thật, tâm địa thanh tịnh là thật. Ngày hôm nay, ông ta nói với tôi muốn tổ chức Phật Thất, đại khái là quy mô rất đáng nể. Tôi bảo ông ta: - Tốt nhất là Phật Thất đừng vượt quá mười người. Nếu mười người ấy vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới làm Phật, mười vị Phật! Tuyệt diệu thay! Quý vị mấy ngàn, mấy vạn người [đả Phật Thất xong, đời sau] là ngạ quỷ, súc sanh,

hay đọa địa ngục thì chẳng có ý nghĩa gì hết! Bảy ngày bảy đêm một câu Phật hiệu không gián đoạn, không xen tạp, đó gọi là Phật Thất. Nói chung là đối với người mới học, bảy ngày sẽ chịu không nổi; trước hết, hãy bắt đầu bằng một ngày một đêm, sau đó lại tăng thành hai ngày hai đêm, ba ngày ba đêm, tăng lên dần dần. Vẫn là mười người ấy, đừng nên thay người khác, đấy gọi là người thật sự thành tựu. Thời kỳ Mạt Pháp, *"tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng"*, người xuất gia phải chú tâm cẩn thận, hôm nay tôi nhắc nhở thầy ấy. Pháp sư Tường Vân kể với tôi: "Người xuất gia tướng trạng khi mất cũng chẳng tốt lành, chẳng tốt đẹp như người tại gia!" Nhất định phải chú ý, cẩn thận, phải thật sự phát đạo tâm, đừng làm chuyện thuộc về tiếng tăm, lợi dưỡng, dính dáng đến chúng cũng không được.

Chỉ có mình Tây Phương là chân thật! Tây Phương Cực Lạc thế giới thọ mạng vô lượng, đó là thật, chẳng giả. Vì sao trong thế gian này, hết thảy đều là giả? Vì thọ mạng quá ngắn, sau khi đã chết, thứ gì cũng chẳng mang theo được! Chẳng có gì là của chính quý vị. Sanh mạng rất mong manh, mất đi bất cứ lúc nào! Đừng tưởng là trong tương lai ta còn sống được bao nhiêu năm, chẳng có chuyện đó đâu nhé! Trong kinh, đức Phật thường cảnh tỉnh chúng ta: *"Nhân mạng tại hô hấp chi gian"* (Mạng người trong hơi thở). Một hơi thở ra, chẳng hít vào được nữa, bèn sang đời thứ hai. Do đó, chẳng có gì là thật, chẳng có thứ gì để chính mình có thể đạt được! Quý vị bèn hiểu vô lượng thọ là chân thật.

Danh hiệu của đức Di Đà trong thế giới Tây Phương là vô lượng, trong vô lượng [ý nghĩa và đức năng], vì sao chỉ dịch thành Vô Lượng Thọ? Thọ mạng là phẩm đức bậc nhất. Chẳng có thọ mạng, vô lượng gì đi nữa cũng đều uổng phí, đều là rỗng tuếch. Chỉ riêng thọ mạng là vô lượng thì hết thảy những thứ vô lượng khác bèn biến thành chân thật. Vì lẽ đó, thọ mạng được xếp hàng đầu, là phẩm đức bậc nhất. Kế đó là vô lượng quang, *"quang"* là trí huệ. Tuy có thọ mạng, nhưng hồ đồ, mơ màng, thì cũng chẳng có ý nghĩa gì cả, vẫn phải tạo nghiệp chịu báo. Có thọ mạng, còn phải có trí huệ, quyết định là chẳng mê hoặc, điên đảo, thì mới là phước báo thật sự. Chẳng có trí huệ, lấy đâu ra phước báo? Do vậy, trong vô lượng, chỉ dùng thọ mạng và quang minh để đại diện là được rồi!

Ở đây, [phần kinh văn trích dẫn từ kinh Hoa Nghiêm] đã hiển thị vô lượng thần thông, trong thần thông nêu ra một loại là *"hóa thân"*. Người ấy có thể biến hóa vô lượng vô biên thân. Vì thế, trước vô lượng

vô biên chư Phật Như Lai, đều có bản thân người ấy, tức là hóa thân [của người ấy] đến lễ bái, cung kính, cúng dường, nghe pháp. Đấy là hiển thị nhiều thân. *"Nhất nhất thân biến lễ bất khả thuyết vi trần số Phật"* (Mỗi một thân lễ khắp bất khả thuyết vi trần số Phật), nói về một hóa thân, hóa thân lại có thần thông to lớn ngần ấy. Mỗi hóa thân có thể lễ khắp vô lượng vô biên hết thảy chư Phật. Nếu chư vị suy nghĩ, hiểu rõ sự thật này, có muốn đến thế giới Tây Phương hay không? Chẳng bàn tới những điều tốt đẹp khác, chỉ riêng một điều này, chúng ta đã muốn đến đó rồi! Chẳng đến thế giới Tây Phương, sẽ chẳng thể đạt được loại năng lực ấy. Kinh Hoa Nghiêm nói Bát Địa Bồ Tát mới có năng lực này. Sự thù thắng của thế giới Tây Phương chính là bọn phàm phu lè tè sát đất như chúng ta hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, năng lực sẽ bằng với bậc Bát Địa Bồ Tát trở lên! Đây là pháp khó tin, thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Liên Trì đại sư tỉnh lược những nguyện giữa, nhưng chúng tôi vẫn phải giảng.

Nguyện thứ hai là *"xưng tán Như Lai"*. Cảnh giới của mỗi nguyện trong mười nguyện đều giống nhau, đều là tất cả tận pháp giới hư không giới mười phương ba đời hết thảy chư Phật. Cảnh giới giống nhau, tâm thái cũng giống nhau, đều là dùng ba nghiệp thanh tịnh. Nguyện thứ nhất là thường tu lễ kính, nguyện thứ hai là thường tu xưng tán, tâm thái giống nhau. Ở đây, xưng tán không dùng *"chư Phật"* mà đổi thành *"Như Lai"*. Như Lai và chư Phật có gì sai biệt? Kinh Kim Cang có lúc nói *"chư Phật"*, có khi nói Như Lai. Hễ nói *"chư Phật"* tức là nói theo sự tướng. Hễ nói Như Lai thì là nói theo Tánh Đức; đó là chỗ khác biệt. Lễ kính thì phải nhất loạt bình đẳng, thật sự bình đẳng đối với hết thảy chúng sanh, chẳng có thân, sơ, xa, gần, thiện, ác, tà, chánh. Dùng cái tâm thanh tịnh tột bậc của chính mình để tu lễ kính, quyết định chẳng có phân biệt, chấp trước. Xưng tán chẳng giống như vậy, trong ấy có phân biệt: Tương ứng với Tánh Đức thì xưng tán; trái phạm Tánh Đức bèn chẳng xưng tán.

Khổng lão phu tử gọi "lễ kính chứ không xưng tán" là *"kính nhi viễn chi"* (敬而遠之). Viễn (遠) là gì? Chẳng phải là lánh thật xa kẻ ấy, mà là chẳng tán thán, [vẫn] kính trọng, nhưng chẳng thân cận. Trong Tứ Thập Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, có ba người (ba vị thiện tri thức) tượng trưng cho sự trái nghịch Tánh Đức:

1) Người thứ nhất là Bà-la-môn Thắng Nhiệt, đại diện cho ngu si trong Tam Độc phiền não. Thiện Tài đến tham phỏng, lễ kính, nhưng

chẳng tán thán.

2) Vị thứ hai là Cam Lộ Hỏa Vương, tượng trưng cho sân khuể. Vua cảm thấy chẳng vừa ý, ngay lập tức dùng hình phạt hết sức tàn khốc để đối trị. Thiện Tài đồng tử tham phỏng nhà vua, có lễ kính, nhưng chẳng tán thán.

3) Vị thứ ba là cô gái Phạt Tô Mật Đa, tượng trưng cho tham ái. Thiện Tài đồng tử đến tham phỏng [cô ta] cũng là lễ kính, chẳng tán thán.

Tương ứng với tham, sân, si bèn chẳng tán thán, nhưng có lễ kính. Ở đây, [kinh văn] không dùng chữ *"chư Phật"*, mà đổi thành Như Lai, đấy là đại từ đại bi, rát miệng buốt lòng [khuyên bảo]! Trong thế gian, Bồ Tát nêu tấm gương tốt lành cho mỗi chúng sanh, niệm niệm thành tựu hết thảy chúng sanh. Đó là từ bi. Thành tựu chúng sanh chính là thành tựu chính mình. Có thể suy nghĩ vì người khác, đó là Phật pháp; suy tưởng vì chính mình, đó là mê hoặc, điên đảo, nhất định là khởi Hoặc, tạo nghiệp. Do đó, xưng tán thì có thể xưng tán người nào? Nhất định là phải xưng tán người nào chẳng khởi tác dụng phiền não, người như vậy bèn có thể xưng tán.

Thuở ấy, tôi cầu học nơi thầy Lý, mới thân cận thầy được một tuần, thầy bảo tôi: *"Đừng nên hủy báng người khác"*, tôi hiểu điều này. *"Đừng ca ngợi kẻ khác"*, tôi chẳng hiểu điều này! Ca ngợi là chuyện tốt, người Hoa có nói *"ẩn ác, dương thiện"* (ẩn giấu điều ác, tuyên dương chuyện lành). Thầy lại chẳng giải thích cho tôi. Tôi nghĩ suốt một hai tuần mà vẫn nghĩ chẳng thông. Vì sao thầy chẳng cho phép chúng tôi khen ngợi kẻ khác? Có một hôm, thầy bảo tôi: *"Khen ngợi người ta còn gây hại cho người ta dữ dội hơn hủy báng họ"*. Vì sao? Quý vị vừa khen, kẻ ấy sẽ cảm thấy chính mình ghê gớm lắm, vừa mới có một tí thành tựu bèn chẳng còn tinh tấn nữa, [cứ nghĩ] "đến đây là đủ rồi, được rồi", [như vậy là ca ngợi không đúng chỗ] đã chặt đứt con đường tiến lên của người ta! Tôi mới hiểu rõ: Đúng là hại người! Nhất là khen ngợi quá lố, càng hại người ta, khiến cho kẻ ấy đắc ý, vênh váo, lui sụt Bồ Tát đạo, dấy Hoặc, tạo nghiệp.

Khi nào thì có thể tán thán? Phải là [khi người được tán thán đã đạt đến mức] *"tám gió thổi chẳng động"*. Quý vị hủy báng người ấy, người ấy chẳng tức giận. Khen ngợi người ấy, người ấy trọn chẳng hoan hỷ, như như bất động. Người như vậy thì có thể tán thán. Nói cách khác, hễ được khen mà còn có tâm hoan hỷ, chớ nên khen ngợi! Thỉnh thoảng khen ngợi đúng mức như một hình thức cổ vũ, khích lệ thì được, đó là

một biện pháp. Đệ tử Phật tán thán Phật, Bồ Tát nhằm mục đích khuyên lơn, hướng dẫn những chúng sanh chưa nhận biết Phật pháp, khiến cho họ sanh tâm cung kính, dẫn dụ họ thân cận Phật, Bồ Tát, mang ý nghĩa này, trọn chẳng phải là Phật, Bồ Tát ham chuộng tán thán. Tán thán nhằm tiếp dẫn chúng sanh, mục đích ở chỗ này, dụng tâm ấy hết sức tốt đẹp. Do vậy, trong *"xưng tán Như Lai"* có trí huệ cao độ.

Nguyện thứ ba là *"quảng tu cúng dường"*. Chư vị phải ghi nhớ, cảnh giới và tâm thái hoàn toàn giống nhau. Cảnh giới của việc cúng dường cũng là tận hư không khắp pháp giới, hữu tình và vô tình thảy đều được bao gồm trong ấy. Đối với hữu tình chúng sanh, chúng ta tận tâm tận lực cúng dường, mà đối với vô tình [chúng sanh] thì cũng tận tâm tận lực cúng dường. Lau bàn sạch sẽ, sắp xếp ngay ngắn, đó là cúng dường và lễ kính nó. Chúng ta tùy tiện quăng đồ đạc loạn xạ, không được rồi! Đó là đại bất kính! Hễ còn có những hành vi ấy, chúng ta biết người ấy dẫu niệm Phật tốt đẹp cách mấy, vãng sanh tuyệt đối chẳng phải là trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Phàm là người vãng sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, nhất cử nhất động nhất định tương ứng với mười đại nguyện vương. Mười đại nguyện vương là điều kiện để sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Bản thân chúng ta niệm Phật có niệm đến mức Lý nhất tâm hay không? Mười đại nguyện vương thảy đều làm được, [sẽ là] Lý nhất tâm bất loạn. Người đã đạt Sự nhất tâm bất loạn chưa làm được, còn [người đã chứng đắc] Lý nhất tâm sẽ tự nhiên làm được. Vì sao? Hoàn toàn do Tánh Đức tự nhiên lưu lộ.

Đối với chuyện cúng dường, đích xác là đệ tử Phật tại Đài Loan tu cúng dường bậc nhất thế giới, có phước hay không? Chưa chắc! Cuộc đất Đài Loan giàu có, nhưng chẳng có phước. Hoàn cảnh cư trú chẳng bằng người ngoại quốc, ăn mặc cũng rất lôi thôi, cũng chẳng bằng người ngoại quốc. Ăn uống thì ba bữa đều là nuốt chất độc, cũng chẳng bằng người ngoại quốc! Có một đồng tu bảo tôi, chỉ có lá khoai lang là không có thuốc sát trùng, những loại rau xanh khác đều dính thuốc sát trùng, đều chẳng nên ăn! Người học Phật tuy rất đông, nhưng mê chứ không giác, họ mê tín, chẳng phải là chánh tín, rất đáng thương! Do vậy có thể biết, cúng dường thì cũng phải có trí huệ, cũng phải có phước báo. Người chẳng có phước thì mong tu phước cũng chẳng tu nổi! Người thiếu trí huệ thì mong tu phước cũng tu chẳng được! Người thật sự tu phước bèn có phước, có huệ, đương nhiên là có mối quan hệ đối với thiện căn, phước đức, và nhân duyên trong đời quá khứ. Vì thế, cúng

dường tuyệt đối chẳng phải là chuyện dễ dàng!

Rốt cuộc phải tu cúng dường như thế nào thì mới là phước điền thật sự? Thật ra, muốn phân biệt chẳng khó, nhìn vào kết quả sẽ biết ngay. Chúng ta cúng dường để tạo dựng một tự viện đạo tràng. Sau khi tự viện đạo tràng ấy dựng xong, hằng ngày hoằng pháp, lợi sanh, giảng kinh, thuyết pháp, lãnh chúng tu hành, sẽ đúng là phước điền. Sau khi đạo tràng xây dựng xong, chúng thường trụ trong ấy tranh danh, đoạt lợi, hằng ngày cãi cọ, tranh đoạt tài sản nhà chùa, đấy là tạo tội nghiệp. Chẳng cúng dường sẽ chẳng có tội nghiệp; hễ cúng dường, tội nghiệp đều có. Cúng dường người xuất gia, người xuất gia ấy thật sự tinh tấn dụng công, sự cúng dường ấy có phước. Cúng dường người xuất gia, người xuất gia có tiền, cất trong ngân hàng mấy trăm vạn, mấy ngàn vạn, vênh váo đắc ý, tội lỗi của quý vị bèn to kềnh. Vì sao? Kẻ ấy chẳng có đạo tâm. Khi chẳng có tiền thì có đạo tâm, chẳng suy nghĩ gì, chỉ nghĩ đến Phật, Bồ Tát. Đã có tiền, hằng ngày nghĩ tới tiền, quên bẵng Phật, Bồ Tát, đáng ngại quá! Vì vậy, trước khi diệt độ, Thích Ca Mâu Ni Phật đã khuyên lơn, khích lệ chúng ta hãy *"lấy khổ làm thầy"*. Người tu đạo lấy khổ làm thầy, khổ một chút cũng được! Khổ sở đôi chút, sẽ chẳng lưu luyến thế giới này. Quá giàu có, quá sung sướng, chẳng tốt! Sẽ dấy tâm tham đối với thế giới này, chẳng nỡ rời khỏi thế giới này, có cầu vãng sanh cũng chẳng cầu nổi! Chỉ cần miễn cưỡng có thể sống được, chẳng cần tranh chấp với kẻ khác. Có thể ăn no, mặc ấm, có căn nhà nhỏ để che mưa tránh gió, đủ rồi! Thân, tâm, thế giới, hết thảy đều buông xuống, thật thà niệm Phật, người như vậy có phước báo bậc nhất, thật sự có phước báo. Cúng dường người như vậy thì mới thật sự có phước, đấy mới là phước điền chân thật.

Hiện thời, chỗ chúng ta rất nhỏ, vì sao chẳng dựng cho to hơn chút nữa? Nếu dựng to hơn, sẽ chẳng có phước! Mấy người sống ở nơi đây, vừa khít. Nếu to hơn nữa, to mà chẳng có đông người như vậy, *"phước địa, phước nhân cư"*, chẳng có lắm người có phước như vậy đến ở, chẳng phải là phiền phức ư? Đạo tràng chẳng quan trọng ở chỗ lớn hay nhỏ, quan trọng là có đạo hay không? Có người tu đạo hay không? Cơ sở nhỏ, ít người, chi tiêu ít, cuộc sống đơn giản, dễ dàng, tâm mọi người đều đặt nơi đạo. Nơi chốn nhỏ, trụ nơi này bèn chẳng tranh giành, chẳng có gì đáng để tranh giành! Chùa chiền to, trong ấy liền chia bè kết đảng giành quyền, tranh danh, đoạt lợi, tạo nghiệp mất rồi! Vì thế, phải rất lắng lòng quan sát rõ ràng: Tu cúng dường như thế nào?

Kể từ khi học Phật tới nay, tôi chưa hề khuyên người khác kiến lập đạo tràng, mà khuyên kẻ khác in kinh, phóng sanh, cứu giúp người nghèo khổ, tôi cảm thấy những chuyện ấy là công đức chân thật. Tôi muốn lập đạo tràng thì cũng chẳng có tiền, đó là nhân quả báo ứng. Tôi cũng chẳng dám hóa duyên, vì sao? Tôi biết mình có hóa duyên thì cũng không được. Vì tôi chẳng tán thành tạo dựng đạo tràng, lấy đâu ra duyên? Chẳng có duyên! Vì thế, đạo tràng là do Phật, Bồ Tát tạo dựng, chẳng liên can gì đến tôi! Vì sao Phật, Bồ Tát tạo dựng? Đại khái là do thấy có mấy người thật sự muốn tu đạo. Do vì có người mà phải có nơi chốn, nên Phật, Bồ Tát sẽ đưa cơ sở đến. Không có người, thì cũng chẳng có cơ sở. Điều này tốt lắm! Đỡ lo, bớt việc, hễ đến lúc [cần phải có đạo tràng] thì sẽ có đạo tràng đưa đến. Trước mắt, thấy đạo tràng này thành tựu rất thuận lợi, xem ra chúng sanh thuộc thế hệ sau có phước, bèn có một nhóm người thật sự phát khởi đạo tâm, siêng năng tu học ở nơi đây, trong tương lai hoằng pháp lợi sanh, giáo hóa chúng sanh trong thế hệ tiếp theo. Họ có phước, chúng tôi thấy vậy rất hoan hỷ. Cư sĩ Giản Phong Văn nói với tôi, ông ta nói: "Thật sự có phước". Tôi nói: "Chúng ta tạo phước, họ hưởng phước". Chúng tôi mua một bộ Tứ Khố Toàn Thư, có thể sẽ được chuyển đến Mỹ rất nhanh; trong tương lai, thư viện tại Mỹ sẽ hết sức hoàn bị. Tôi nói với Giản cư sĩ: *"Những thứ thuộc Tam Tạng mười hai bộ nhường cho họ ngộ; chúng ta tuổi già, cũng trao quyền lại, thật thà niệm Phật. Những kẻ trẻ tuổi thuộc thế hệ sau có phước, họ phải gánh vác sứ mạng phục hưng Phật giáo. Chúng ta tận tâm tận lực chuẩn bị tư lương cho họ, tạo cho họ một hoàn cảnh tu học, chúng ta có thể làm được điều này"*. Quảng tu cúng dường!

Đừng nghĩ đạo tràng này có chút xíu, [diện tích] là một trăm năm mươi Bình, quảng tu cúng dường như thế nào? Tôi bồi dưỡng nhân tài ở nơi đây để trong tương lai họ hoằng pháp khắp nơi trên thế giới, làm sao không rộng cho được? Đương nhiên là rộng rãi. Học trò xuất thân từ nơi đây trong tương lai đều sẽ hoằng pháp trên khắp thế giới. Vì thế, tôi yêu cầu mọi người ở chung một chỗ phải thật sự tu Tam Phước và Lục Hòa. Chẳng tu Tam Phước và Lục Hòa, sẽ chẳng ở trong đạo tràng được. Vì sao? Phật, Bồ Tát, thần hộ pháp ở trong đạo tràng ấy, quý vị chẳng phải là người tu hành thật sự, thần hộ pháp sẽ khuấy phá bên cạnh, đuổi quý vị đi. Không đi thì cũng ngã bệnh, khiến cho quý vị sống không được, mà chết cũng không xong, khiến cho quý vị phải chịu tội. Do vậy, phải thật sự phát đạo tâm, mọi người ở chung với nhau cộng tu. Vì đây là đạo

tràng chân thật, chẳng phải trò đùa bỡn của trẻ con, người chẳng thật sự có đạo tâm sẽ chẳng ở được, nhất định sẽ nẩy sanh phiền phức, sẽ sanh ra rối loạn. Đối với bất cứ ai, chúng ta đều cung kính, lễ bái. Nếu hành vi của kẻ ấy chẳng đoan chánh, chúng ta cũng chẳng cần phải đuổi kẻ ấy đi, Phật, Bồ Tát sẽ đuổi họ đi. Chúng ta đuổi thì sẽ mắc tội với người ta, đôi bên kết thành mối oán cừu; Phật, Bồ Tát, thần hộ pháp đuổi kẻ ấy, chứ chúng ta không đuổi. Tôi dạy Giản cư sĩ như vậy. Trước kia, có mấy người sau khi gia nhập Cơ Kim Hội[5] đã khiến cho Giản cư sĩ rất đau đầu, đến nói với tôi, tôi bảo: "Không sao đâu! Đạo tràng này do Phật, Bồ Tát dựng, Phật, Bồ Tát sẽ chịu trách nhiệm. Chúng ta cứ mắt nhắm, mắt mở". Không lâu sau, kẻ ấy xuất hiện vấn đề, tự hắn bỏ đi. Tốt hơn nhiều! Gặp lại nhau, chúng ta đều rất hoan hỷ, khẽ gật đầu, tốt lắm! Phật, Bồ Tát chịu trách nhiệm, chúng ta chẳng cần làm mất lòng kẻ khác, chẳng cần bận lòng chuyện tầm phào ấy! Tâm thanh tịnh là được rồi. Quý vị thấy rõ ràng, rành rẽ hết thảy sự lý này, xử sự sẽ rất đúng pháp, thích đáng!

Điều thứ tư là *"sám hối nghiệp chướng"*. Hai chữ Sám Hối tuân theo thể lệ *"Phạn Hoa hợp dịch"* trong việc phiên dịch kinh Phật. Sám là phiên âm tiếng Phạn, Hối là chữ Hán. Chữ Sám Ma (Kṣamā) trong tiếng Phạn và Hối Cải (悔改) của tiếng Hán có ý nghĩa rất gần gũi, nên ghép cả hai lại, [đó là thể lệ] Phạn Hoa hợp dịch! Đối với nghiệp chướng, mỗi người chúng ta đều biết: "Tôi nghiệp chướng rất nặng". Lại hỏi quý vị "nghiệp chướng là gì?" Chẳng biết! Chẳng hiểu rõ nghiệp chướng, lại còn là nghiệp chướng rất nặng, rất kỳ quái! Nghiệp chướng là gì? Nếu chẳng hiểu rõ nghiệp chướng, chư vị ngẫm xem, làm sao có thể sám trừ cho được? Giống như bắt thằng trộm vặt, quý vị phải biết nó là thằng trộm vặt thì mới có thể bắt được. Bắt thằng trộm vặt, mà thằng trộm vặt là đứa nào? Chẳng biết! Đến đâu để bắt nó? Chịu hết mọi nỗi khổ, tốn sạch công sức, vẫn chẳng bắt được. Trước hết, quý vị phải hiểu điều này! Tại Đài Loan, người bái sám rất nhiều! Hằng ngày cầu sám hối, nhưng nghiệp chướng chẳng sám trừ được. Vì sao chẳng sám trừ được? Chẳng biết nghiệp chướng là gì, sám kiểu nào cũng chẳng sám được! Nếu hiểu nghiệp chướng là gì, sám hối sẽ chẳng khó, sẽ thật sự có hiệu quả!

---

[5] Đây chính là cơ sở Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội, chính là một tổ chức bất vụ lợi chuyên ấn hành để biếu tặng kinh sách, băng giảng, tranh tượng Phật miễn phí đặt cơ sở tại Đài Bắc. Cơ sở này do ông Giản Phong Văn và các đạo hữu cùng chí hướng sáng lập.

*"Nghiệp"* là hoạt động, hoạt động ấy đủ để tạo thành chướng ngại, chướng ngại trí huệ và đức năng trong tự tánh. Nghiệp ấy sanh ra chướng ngại bèn gọi là nghiệp chướng. Đương nhiên là phạm vi của hoạt động hết sức rộng lớn, quy nạp lại thì không ngoài ba loại lớn là thân, ngữ, ý; do vậy, gọi là tam nghiệp, tức ba loại hoạt động lớn. Thân thể tạo tác, nhất cử nhất động là tạo tác. Ngữ nghiệp là ngôn ngữ. Ý nghiệp là tư tưởng, ý niệm, kiến giải. Chỉ cần có động tác bèn gọi là Nghiệp. Nghiệp chia thành ba loại lớn là thiện nghiệp, ác nghiệp và vô ký nghiệp (không thiện, không ác). Thiện nghiệp có lợi ích cho hết thảy chúng sanh. Ác nghiệp có lợi cho chính mình, bất lợi cho chúng sanh. Vô ký nghiệp là chẳng nói tới thiện hay ác, loại này chẳng thiện, chẳng ác.

Ba loại này đều sanh ra chướng ngại. Thiện nghiệp và ác nghiệp sanh ra chướng ngại gì? Phiền Não Chướng, tất cả hết thảy phiền não phát sanh từ chỗ này. Vô ký nghiệp sanh ra chướng ngại gì? Vô minh chướng ngại, thứ gì cũng đều chẳng hiểu rõ, đó chính là ngu si trong Tam Độc. Do vậy, Tam Độc sanh từ nghiệp chướng. Thiện nghiệp khởi tham ái, ác nghiệp là sân khuể, vô ký nghiệp là ngu si. Suốt ngày từ sáng đến tối luôn tạo tác, hằng ngày tạo tác tham, sân, si, làm sao có thể tiêu nghiệp chướng cho được? Thậm chí tôi còn nghe nói, niệm Phật mà luôn dấy lên tham, sân, si. Niệm Phật mà dấy lên tham, sân, si là như thế nào? Kẻ khác mỗi ngày niệm một vạn câu, ta niệm hai vạn câu, phải vượt trội hắn! Đó là tâm tham, tâm ngạo mạn, tâm ganh tỵ. Niệm Phật kiểu đó có thể vãng sanh Tây Phương được không? Thắp hương trong chùa miếu cũng phải giành thắp nén hương đầu tiên! Pháp sư cũng cao minh, đòi tín đồ phải giao ra mười vạn đồng để thắp nén hương đầu tiên! Nộp tám vạn đồng cho nén thứ hai, mọi người giành nhau, ngu si đấy nhé! Nói thật ra, những điều đã làm đều tăng trưởng tham, sân, si, làm sao có thể tiêu trừ nghiệp chướng cho được?

Nếu hiểu rõ nghiệp chướng, tâm chúng ta thanh tịnh. Hiểu rõ rệt, minh bạch hết thảy cảnh giới, đó là Huệ. Trong hết thảy các cảnh giới, như như bất động, chẳng phân biệt, không chấp trước, đấy là Định. Có Định, có Huệ, nghiệp chướng bèn chẳng còn! Niệm Phật và tụng kinh là biện pháp, biện pháp ấy nhằm sanh ra hiệu quả Giới, Định, Huệ. Trì giới là vâng giữ pháp tắc, Tam Phước và Lục Hòa là pháp căn bản. Niệm câu Phật hiệu này, Tam Học Giới, Định, Huệ được hoàn thành cùng một lượt. Đó là thật sự tiêu trừ nghiệp chướng, thật sự sám hối nghiệp chướng. Do vậy, niệm kinh Vô Lượng Thọ, tôi khuyên đồng tu niệm kinh, số lần

niệm mỗi ngày càng nhiều càng tốt. Mỗi ngày phải niệm đủ số lượt, chớ nên gián đoạn, dần dần nghiệp chướng sẽ tiêu trừ. Hằng ngày [do niệm kinh], chánh niệm nhiều, vọng niệm ít đi, [nghiệp chướng] tiêu trừ. Vọng niệm là nghiệp chướng, niệm kinh là chánh niệm. Thời gian chánh niệm càng dài, thời gian vọng niệm càng ngắn, đó gọi là *"tiêu nghiệp chướng"*. Vì thế, hết thảy đều phải quan sát từ hiệu quả thì mới biết có phải thật sự là hữu hiệu hay không? Có phải là thật sự đạt tới mục tiêu tu học hay không? Tuyệt đối chẳng phải là nói hôm nay tôi đã lạy Bát Thập Bát Phật[6], hoặc hôm nay tôi đã lạy Lương Hoàng Sám, đã cử hành nghi thức Thủy Lục, nghiệp chướng của tôi bèn tiêu trừ, chẳng có chuyện ấy! Tôi là kẻ bàng quan, tỉnh táo quan sát, [nhận thấy] không chỉ là [nghiệp chướng] chẳng tiêu trừ, mà còn tăng thêm chẳng ít! Vì sao chẳng tiêu trừ? Tăng trưởng tham, sân, si, mạn, tăng trưởng những thứ ấy.

Nguyện thứ năm là *"tùy hỷ công đức"*. Đây là nói các vị đại Bồ Tát, Pháp Thân đại sĩ phát nguyện, chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, độ như thế nào? Tùy hỷ công đức. Tùy hỷ là gì? Chẳng phan duyên thì gọi là tùy hỷ. Hữu tâm để làm thì chẳng phải là tùy hỷ. Hữu tâm thực hiện, tâm sẽ chẳng thanh tịnh. Vô tâm thực hiện thì tâm mới thanh tịnh, hết thảy mọi sự thuận theo tự nhiên. Vì sao thế giới loạn như vậy? Vì sao chúng sanh khổ sở ngần ấy? Chư vị hãy ngẫm xem, căn nguyên từ đâu ra? Do có những kẻ thông minh quyết đoán chủ ý thay cho chúng ta: Phải nên làm như thế này! Kẻ khác lại nói làm như thế nọ! Người đề ra chủ ý quá đông, kẻ muốn thực hiện quá đông, bèn [nẩy sanh] tranh cãi. Ai chịu tội? Dân chúng chịu tội!

Đối với chư Phật, Bồ Tát, chư vị hãy xét kỹ năm mươi ba lần tham học [của Thiện Tài đồng tử]. Năm mươi ba vị thiện tri thức các nghề nghiệp đều có, chẳng có vị nào là chủ động "ta phải làm những chuyện gì". Chẳng hề có! Đều là tùy hỷ. Các vị thích làm như thế nào, chuộng làm như thế nào, tôi biết quý vị chẳng làm chuyện xấu, tôi bèn tận tâm tận lực giúp quý vị làm, tùy hỷ công đức! Nói cách khác, tùy hỷ công đức không chỉ chẳng ngăn ngại Tam Học Giới, Định, Huệ, mà trái

---

[6] Bát Thập Bát Phật nói ở đây chính là nghi thức sám hối Hồng Danh Bảo Sám. Danh hiệu của tám mươi tám vị Phật ấy bao gồm danh hiệu ba mươi lăm vị Phật trích từ kinh Quyết Định Tỳ Ni (từ Thích Ca Mâu Ni Phật cho đến Bảo Liên Hoa Thiện Trụ Sa La Thụ Vương Phật) và năm mươi ba vị Phật trích từ kinh Quán Dược Vương Dược Thượng Nhị Bồ Tát (từ Phổ Quang Phật cho đến Nhất Thiết Pháp Thường Trụ Mãn Vương Phật).

lại còn có thể tăng trưởng sự tu dưỡng Giới, Định, Huệ; đó là đúng! Nếu phá hoại Tam Học, trái nghịch Tam Học, sẽ là lầm lỗi đặc biệt to lớn! Đấy là lý do vì sao chư Phật, Bồ Tát, lịch đại tổ sư bất cứ lúc nào cũng đều răn dạy chúng ta *"tùy duyên, chớ nên phan duyên"*. Phan duyên là rất miễn cưỡng, không tốt! Chuyện tốt chẳng bằng không có chuyện gì! Vô sự thì thiên hạ thái bình, dân chúng mới có thể sống cuộc đời thật sự hạnh phúc. Có một ngày, thầy Lý dạy chúng tôi học, thầy viết bốn chữ to trên bảng đen: *"Hảo nhân háo sự"* (好人好事: Người tốt ham bới ra chuyện). Thầy bảo chúng tôi: Đang trong lúc bầu cử, bầu cử để chọn lựa người tốt, việc tốt, thầy khoanh tròn bên cạnh câu *"hảo nhân háo sự"*, người tốt háo sự (ưa bới ra chuyện bày vẽ rườm rà thêm). Lắm người hiếu sự (háo sự) sẽ hay tranh cãi, các vấn đề xã hội đều xuất hiện! Trong Phật pháp, quyết định chẳng chấp nhận chuyện này! Chớ nên đa sự, hãy tùy duyên, đừng phan duyên. Tùy duyên thì sẽ pháp hỷ sung mãn, công đức là gì? Là Tam Học Giới, Định, Huệ tăng thượng, đấy là công đức. Không chỉ là chẳng phá hoại Giới, Định, Huệ, mà ngược lại còn tăng trưởng Giới, Định, Huệ. *"Tùy"* (隨) là tùy duyên, *"hỷ"* (喜) là pháp hỷ. Chỉ có tùy duyên thì mới có thể đạt được pháp hỷ, mới có thể tăng thượng Tam Học Giới, Định, Huệ.

Thứ sáu là *"thỉnh chuyển pháp luân"*. Nói thật ra, thỉnh chuyển pháp luân là thỉnh Phật, Bồ Tát giảng kinh, thuyết pháp. Chúng sanh bình phàm chẳng biết tới trí huệ và đức năng của Phật, Bồ Tát, mà cũng chẳng biết khải thỉnh. Người đã biết, người có cơ duyên ấy, hãy nên thay cho hết thảy đại chúng thỉnh Phật thuyết pháp. *"Chuyển pháp luân"* chính là thuyết pháp. Chỉ có Phật pháp là có thể giác ngộ hết thảy chúng sanh, chẳng phải là mê hoặc hết thảy chúng sanh.

Phật pháp là phá mê khai ngộ; hiện thời, lắm kẻ học Phật chúng ta mê chứ chẳng ngộ. Chúng ta thấy chuyện này rất đau lòng, cảm thấy rất khó chịu. Hãy gấp rút tuyên dương Chánh Pháp. Thật sự phát tâm, phát khởi tâm thanh tịnh và tâm vô thượng để theo đuổi công tác này, mười phương chư Phật hộ niệm, long thiên hộ pháp ủng hộ, điều này chẳng giả tí nào! Do đó, chúng ta tu cúng dường, trao cho họ một hoàn cảnh tu học thuận lợi dường ấy. Sự thuận lợi không thể tưởng tượng ấy là do Phật, Bồ Tát, hộ pháp long thiên âm thầm gia trì, và do những người ấy thật sự phát đạo tâm. Trong mười người, chỉ cần có một hai người thật sự phát đạo tâm, Phật, Bồ Tát liền chiếu cố, những người khác đều được hưởng lây, đều có phước.

Thỉnh Phật, Bồ Tát thì nay Phật, Bồ Tát chẳng trụ thế, hễ có thiện tri thức thật sự, có bậc hữu tu hữu học, hãy thỉnh họ giảng kinh, thuyết pháp hòng lợi ích chúng sanh. Hôm trước, bên Mỹ gọi điện thoại cho tôi, nói có mấy trường đại học gần đó yêu cầu chúng ta phái người đến giảng kinh, họ hỏi tôi có nên hay không? Tôi nói: "Được chứ!" Các đồng học chúng ta đến trường để luyện giảng, đến dạy họ.

Nhân duyên đúng là hết sức thù thắng, chúng ta gặp gỡ bậc đại đức thật sự hữu tu hữu học thì phải thỉnh pháp. Trong thế giới hiện thời, do thông tin phát triển, giao thông nhanh chóng và tiện lợi, chẳng còn giới hạn trong một khu vực nào nữa, có thể nói là đã phổ biến trên toàn thể thế giới, khắp nơi đến thỉnh thì sẽ chẳng có cách nào phân thân. Vì thế, thiện tri thức thật sự thì chưa chắc là đã nhất định có thể thỉnh được; nhưng có một biện pháp: Hiện thời có băng thâu âm, chúng ta thỉnh băng thâu âm về, mọi người cùng nhau nghe, cùng nhau học, được lắm! Lần trước, ở Hương Cảng tôi đã gặp hai vị tỳ-kheo-ni từ phương Bắc, kể với tôi: Họ có một bộ băng thâu âm lời giảng kinh Vô Lượng Thọ của tôi tại chùa Bát Nhã ở Cáp Nhĩ Tân ([chùa ấy là] đạo tràng của lão pháp sư Đàm Hư). Ni sư nói: - Có hơn hai trăm người đến nghe, người đến nghe giống như thấy pháp sư vậy. Máy thâu âm đặt trên giảng đài, mọi người ngồi ở dưới nghe. Hơn hai trăm người cung kính, vô cùng thù thắng trang nghiêm.

Nay chúng ta đọc đến *"thỉnh chuyển pháp luân"* thì cũng chớ nên chấp chết cứng nơi câu chữ, phải nên liên tưởng: Hễ là những gì có thể khiến cho chúng sanh có cơ duyên nghe pháp thì đều được gộp trong một điều này, chúng ta hãy nên tận tâm tận lực hiệp trợ.

Thứ bảy là *"thỉnh Phật trụ thế"*. Căn tánh của chúng sanh đều kém hèn, há có chúng sanh nào nghe kinh một lần, hoặc nghe giảng một bộ kinh liền khai ngộ chứng quả? Tuyệt đại đa số những người có thành tựu đều là do không ngừng huân tập: Hằng ngày đều nghe, mỗi ngày đều học, không ngừng huân tập thì mới có thể thành tựu. Thỉnh thoảng mời một vị pháp sư đến giảng kinh, giảng xong, [pháp sư] ra đi, vô ích, chỉ có thể thu được hiệu quả tuyên truyền Phật giáo, chắc chắn là chẳng thu được hiệu quả thành tựu chúng sanh! Nếu muốn chúng sanh thật sự thành tựu, chỉ có một phương pháp: Thỉnh thiện tri thức ở lâu dài nơi chỗ chúng ta, đừng rời đi, phải thỉnh Phật trụ thế. Lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam nếu chẳng trụ tại Đài Trung Liên Xã suốt bốn mươi năm, Ngài chẳng thể nào có thành tựu. Giống như tôi giảng kinh suốt ba mươi ba

năm mà chẳng có thành tựu, vì sao? Chẳng thể ở tại nơi này, cứ đi khắp nơi! Đối với chính mình thì có một chút thành tựu, nhưng đối với mọi người chẳng có thành tựu chi cả! Chính mình huân tập chẳng gián đoạn, nhưng các đồng tu huân tập bị gián đoạn, đấy gọi là *"một ngày nóng, mười ngày lạnh"*, khó lắm!

Nói thật ra, mười nguyện Phổ Hiền chỉ có bảy thệ nguyện, từ *"lễ kính"* cho đến *"thỉnh Phật trụ thế"* là bảy điều, ba điều sau thuộc loại hồi hướng. Điều hồi hướng thứ nhất là *"thường tùy Phật học"*, điều này là hồi hướng Bồ Đề. *"Hằng thuận chúng sanh"* là hồi hướng chúng sanh. *"Phổ giai hồi hướng"* là hồi hướng Thật Tế. Thật Tế là pháp giới, là Chân Như bản tánh.

Học Phật thì đức Phật là gương mẫu, điển hình, khuôn phép cho chúng ta, chúng ta phải học giống như Phật. Chúng ta học giống như một vị Phật như thế nào? Ở đây, mọi người đừng lầm lẫn, chớ nên hiểu là giống như tượng Phật suốt ngày từ sáng đến tối ngồi ì ra cho người khác lễ bái, học Phật kiểu ấy có tác dụng chi đâu? [Làm như vậy] là sai mất rồi! Đối với vũ trụ, nhân sinh, hết thảy vạn pháp, đức Phật có cách nhìn ra sao? Phật có cách nghĩ ra sao? Phật có cách làm ra sao? Chúng ta học những điều ấy! Trong hết thảy các kinh, giảng cặn kẽ và hoàn bị nhất là kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm quá to, niệm phần trước chẳng hiểu phần sau, niệm đến phần sau, quên sạch phần trước, chẳng có tác dụng! Rất khó có là chúng ta tìm được một bản kinh Hoa Nghiêm đại lược, tức là kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bổn Hoa Nghiêm, kinh Di Đà là Tiểu Bổn Hoa Nghiêm. Trung Bổn Hoa Nghiêm có phân lượng rất thích đáng, vừa phải. Tiểu Bổn Hoa Nghiêm quá đơn giản, [nên người đọc và học] chẳng thể thọ dụng. Chúng ta niệm kinh Di Đà rất khó được thọ dụng. Kinh Vô Lượng Thọ phân lượng vừa khéo, chẳng nhiều mà cũng chẳng ít, hãy y giáo phụng hành. Quý vị hãy xem A Di Đà Phật có cách nhìn ra sao đối với vũ trụ và nhân sinh? Cách nghĩ ra sao? Thực hiện như thế nào?

Đọc kinh thì phải biến những giáo huấn trong kinh điển thành tư tưởng, kiến giải và hành vi trong cuộc sống của chính mình, ta và A Di Đà Phật chẳng khác nhau. Đó là học Phật. Chẳng phải là mỗi ngày niệm bao nhiêu kinh, lễ bao nhiêu lạy, niệm bao nhiêu câu A Di Đà Phật thì gọi là học Phật. Kẻ ấy hoàn toàn chẳng học Phật! Học là làm theo, phải học sao cho giống hệt như Phật, đó gọi là "học Phật". Vì lẽ này, quý vị đọc kinh, hoặc nghiên cứu kinh điển, mỗi ngày học một câu, mỗi ngày

học một chuyện, một năm học được ba trăm sáu mươi điều, ba năm sẽ giống Phật. Tuy chưa thành Phật, nhưng là tương tự Phật, chẳng kém Phật cho mấy. Học Phật có gì khó khăn? Thật sự làm! Thực hiện từng điều một, quý vị có thể làm trọn hết kinh Vô Lượng Thọ, sẽ là A Di Đà Phật.

*"Hằng thuận chúng sanh"*: Chỉ có hằng thuận chúng sanh, trong tâm mới chẳng dấy lên phiền não, tâm mới có thể bình lặng. Đối với chúng sanh ác, hãy uyển chuyển dẫn dụ họ; nếu thật sự chẳng thể [dẫn dụ], đành để mặc họ! Khi nào họ hồi tâm chuyển ý, khi ấy sẽ lại tới độ họ. Độ chúng sanh chẳng phải là trong một đời này, mà là đời đời kiếp kiếp. Đời này chẳng quay đầu, đời sau hoặc kiếp sau, người ấy có thể quay đầu. Đời sau, kiếp sau chẳng quay đầu thì lại qua một kiếp, hai kiếp, vô lượng A-tăng-kỳ kiếp sau, người ấy vẫn có thể quay đầu, chẳng cần lo lắng! Chư Phật, Bồ Tát đều chẳng lo lắng, chúng ta nóng lòng, không chỉ chẳng thể độ chúng sanh, mà chính mình cũng bị vạ lây, vấn đề bèn nghiêm trọng. Do vậy, nếu hằng thuận chúng sanh mà tâm địa của chính mình thanh lương tự tại, sẽ chẳng bị quấy nhiễu chút nào!

Trong cuộc sống, trong gia đình, đối với xóm giềng, làng nước, thân thích, bạn bè, phải hằng thuận. Hằng thuận là có trí huệ, có phương tiện thiện xảo, thật sự tự lợi, lợi tha, khiến cho hết thảy chúng sanh giác ngộ Phật pháp, chẳng đến nỗi hiểu lầm Phật pháp. Có những kẻ chẳng tin Phật pháp, tưởng lầm [Phật pháp] là mê tín, chúng ta bảo họ: "Phật pháp chẳng mê tín". Có những kẻ nói "Phật pháp có chấp trước", chúng ta bảo họ: "Phật pháp không chấp trước". Đối với người nào bèn dùng phương pháp nấy, người học Phật viên dung tự tại, thấy người bèn nói tiếng người, thấy quỷ bèn nói tiếng quỷ. Nói chung, người cũng vậy, mà quỷ cũng vậy, họ đều tin tưởng Phật pháp, đều tán thán Phật pháp, mục đích liền đạt được, đó là chánh pháp, phá mê khai ngộ. Phải hằng thuận chúng sanh!

Có nhiều đồng tu thông thường chẳng tụ hội với người già trong nhà, khi sum họp vào dịp Tết, ăn chay trường, người nhà trông thấy bèn chán ngán, chê là mê tín. Người già rất yêu thương con trẻ, [cứ nghĩ] "ăn chay trường chẳng đủ dinh dưỡng". Trong tình huống ấy, họ muốn quý vị ăn thịt, quý vị cũng có thể ăn vài miếng. [Họ thắc mắc]: "Nhà ngươi học Phật ăn chay trường, cũng có thể ăn thịt à?" "Có thể ăn, cớ sao không thể ăn?" Quý vị giảng đạo lý cho họ một bài, [họ sẽ nói]: "Học Phật như vậy thì chẳng khó, ta cũng có thể học", họ liền học Phật. Nếu

dứt khoát bắt ăn chay, khá nhiều kẻ sẽ chẳng dám học Phật, đó là sai lầm! Khuyên người khác ăn ba thứ tịnh nhục, đừng nên sát sanh thì họ có thể tiếp nhận! Nhất định nói "chẳng thể không ăn chay", tra duyệt khắp Đại Tạng Kinh cũng chẳng [thấy] có [lời dạy ấy]. Trên toàn thế giới, chỉ có người Hoa ăn chay, người xuất gia ngoại quốc thấy người Hoa ăn chay rất lấy làm lạ, người Hoa thấy người xuất gia ngoại quốc không ăn chay cũng rất lạ lùng. Trong giới kinh, đức Phật bảo các tỳ-kheo ăn ba thứ tịnh nhục, [tức là thịt của các con vật] chẳng thấy chúng bị giết, chẳng nghe tiếng chúng bị giết, chẳng vì ta mà giết. Do đức Phật chế định [tăng sĩ nuôi thân bằng cách] khất thực, trong nhà người ta ăn món gì bèn cúng dường món đó, chẳng cần phải nấu riêng những món dành cho người xuất gia. Đó là từ bi, chẳng muốn làm phiền người khác! Ăn chay đương nhiên là tốt, đặc biệt là người trung niên hoặc lão niên, ăn chay chắc chắn có lợi cho sức khỏe, giảm bớt khá nhiều bệnh tật. Quý vị có thể giảng đạo lý một phen, họ sẽ nói: "Phật giáo có lý", sẽ tin tưởng, tiếp nhận. Do vậy, Phật pháp hưng suy, mỗi cá nhân chúng ta có trách nhiệm, do sự tạo tác nơi ba nghiệp mà chúng ta phải gánh lấy trách nhiệm trọng đại.

Thứ mười là *"phổ giai hồi hướng"*, tâm lượng mở rộng như hư không pháp giới, công đức như vậy mới là công đức viên mãn. [Đoạn kinh văn này nhằm] nói rõ các vị Pháp Thân đại sĩ trong hội Hoa Nghiêm niệm Phật vãng sanh phải tu mười thứ tâm này, đó là điều kiện [để vãng sanh trong] cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Hôm nay tôi giảng tới đây.

***Tập 220***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm ba mươi ba.

***(Sao) Hoa Nghiêm thập nguyện giả, nhất giả lễ kính chư Phật, nãi chí thập, phổ giai hồi hướng, diệc dĩ thử thập sanh bỉ quốc độ. Dĩ thượng giai Bồ Tát quảng đại trí hạnh, phi khả dị thực, dị tu. Kim trì danh công đức, tựu sử thập tâm vị bị, thập nguyện vị tề, tịnh nghiệp nhất thành, tiện sanh bỉ quốc. Ký đắc vãng sanh, thử tâm, thử nguyện, tự nhiên thành tựu, khởi phi đa thiện căn phước đức hồ? Bất kinh vu khúc, thị vị trực tiệp; vô chư phiền tỏa, thị vị giản dị. Trực tiệp nhi***

***thâm tạo, giản dị nhi quảng hoạch, chư dư pháp môn chi sở bất cập, thị vị thù thắng.***

**(鈔)華嚴十願者，一者禮敬諸佛，乃至十普皆迴向，亦以此十生彼國土。以上皆菩薩廣大智行，非可易植易修。今持名功德，就使十心未備，十願未齊，淨業一成，便生彼國。既得往生，此心此願，自然成就，豈非多善根福德乎。不經迂曲，是謂直捷；無諸煩瑣，是謂簡易。直捷而深造，簡易而廣獲，諸餘法門之所不及，是謂殊勝。**

*(**Sao**: "Mười nguyện Hoa Nghiêm": Một là lễ kính chư Phật, cho đến mười là hồi hướng trọn khắp, cũng dùng mười nguyện này để sanh về cõi nước ấy. Những điều trên đây đều là trí hạnh rộng lớn của Bồ Tát, chẳng thể dễ gieo, dễ tu. Nay do công đức của trì danh bèn khiến cho [hành nhân tuy] mười tâm chưa đầy đủ, mười nguyện chưa bằng [với Phổ Hiền Bồ Tát], nhưng hễ tịnh nghiệp đã thành, liền sanh về cõi ấy. Đã được vãng sanh thì tâm ấy và nguyện ấy tự nhiên thành tựu, há chẳng phải là nhiều thiện căn, lắm phước đức hay chăng? Chẳng phải quanh co, nên nói là "thẳng chóng". Không có các nỗi rắc rối, nên nói là "đơn giản, dễ dàng". Thẳng chóng mà thành tựu sâu xa; đơn giản, dễ dàng mà thu hoạch rộng lớn, các pháp môn khác chẳng sánh bằng, nên nói là "thù thắng").*

Mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát chính là pháp được tu học bởi các vị Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi mốt địa vị trong hội Hoa Nghiêm, dùng công đức tu hành ấy để vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ. Từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy các vị Bồ Tát trong thế giới Tây Phương từ hạ hạ phẩm cho đến thượng thượng phẩm, chẳng có vị nào không tu mười nguyện Phổ Hiền. Cư sĩ Bành Tế Thanh nói kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bổn Hoa Nghiêm, kinh A Di Đà là Tiểu Bổn Hoa Nghiêm. Kinh văn của ba bộ kinh ấy có giản lược [hay chi tiết] khác nhau, nhưng có thể nói là nghĩa lý và cảnh giới chẳng có mảy may sai biệt. Chúng ta có thể tin tưởng điều này, ông ta chẳng tùy tiện thốt ra lời ấy. Nhất là nay chúng ta xem đoạn khai thị này của Liên Trì đại sư, càng đáng cho chúng ta cảnh giác sâu xa!

*"Bồ Tát quảng đại trí hạnh, phi khả dị thực, dị tu"* (Trí hạnh rộng lớn của Bồ Tát chẳng phải là dễ gieo, dễ tu): *"Thực"* (植) là gieo trồng, vun bồi, cũng là gặp gỡ, chẳng dễ gì gặp gỡ. Chẳng dễ gì gieo trồng, vun

bồi, chẳng dễ gì tu học! Nay chúng ta có được phương pháp kỳ diệu nhất trong Đại Kinh là Trì Danh Niệm Phật. Công đức trì danh *"tựu sử thập tâm vị bị"* (khiến cho mười tâm chưa đầy đủ), *"thập tâm"* chính là mười thứ tâm vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới được nói trong kinh Bảo Tích, đó là pháp tu của Bồ Tát, chúng ta chưa tu, chưa có đủ mười tâm ấy. *"Thập nguyện vị tề"* nghĩa là chúng ta cũng chẳng tu mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát giống như Ngài. Chẳng cần nói tới Phổ Hiền Bồ Tát, ngay cả địa vị Bồ Tát thấp nhất trong hội Hoa Nghiêm là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, chúng ta cũng chẳng bằng người ta, thế nhưng *"tịnh nghiệp nhất thành, tiện sanh bỉ quốc"* (tịnh nghiệp vừa thành, liền sanh về cõi ấy).

Điều then chốt trong hiện thời chính là tịnh nghiệp. Nghiệp là gì? Trước hết, phải hiểu rõ ràng, minh bạch hai chữ ấy. Hiện thời gọi Nghiệp là *"hoạt động"*, cổ nhân nói là *"tạo tác"*. Động tác nơi thân chúng ta gọi là *"thân nghiệp"*, ngôn ngữ nơi miệng gọi là *"khẩu nghiệp"*. Trong tâm, khởi tâm động niệm được gọi là *"ý nghiệp"*. Ba nghiệp có thanh tịnh hay không? Nay chúng ta lại phải hỏi: Ba nghiệp thanh tịnh là gì? Chẳng thanh tịnh là gì? Thanh tịnh và không thanh tịnh có một tiêu chuẩn: Bị nhuốm bẩn thì chẳng thanh tịnh, chẳng bị nhuốm bẩn bèn là thanh tịnh. Nhuốm bẩn là gì? Trong là vọng tưởng, chấp trước; ngoài là sáu trần dụ dỗ, mê hoặc. Tướng cảnh giới bên ngoài dụ dỗ, mê hoặc, nội tâm quý vị có bị nhuốm bẩn hay không? Bên ngoài dụ dỗ, mê hoặc, thuận với ý nghĩ của quý vị bèn dấy lòng tham ái. Tham ái là nhuốm bẩn, nghiệp bất tịnh. Hễ trái ý [tâm bèn nẩy sanh ý niệm] chán ghét, ganh tỵ, oán hận, thì cũng là nhuốm bẩn. Nói cách khác, thất tình ngũ dục là nhuốm bẩn. Nếu ba nghiệp của quý vị còn có nhuốm bẩn, sẽ chẳng thành công, chẳng thể vãng sanh. Vãng sanh thì ba nghiệp phải thanh tịnh. Nói thật ra, công phu ấy cũng chẳng khác với tiêu chuẩn đã nói trong kinh Kim Cang cho mấy: *"Ngoài chẳng chấp tướng, trong chẳng động tâm"*. Bất luận thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, đều phải đạt tới *"chẳng chấp tướng, như như bất động"*. Đó là tu tịnh nghiệp; muốn vãng sanh trong một đời này thì nhất định phải ghi nhớ điều này.

Bồ Tát cậy vào mười tâm và mười nguyện để có thể thanh tịnh ba nghiệp, chúng ta cậy vào gì? Chúng ta cậy vào một câu A Di Đà Phật. Trong tâm mới khởi tâm động niệm, ngay lập tức chuyển [niệm ấy] thành A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là tịnh nghiệp. Nói cách khác, nơi

tâm và miệng chẳng có A Di Đà Phật thì là nhiễm nghiệp, nghiệp chẳng thanh tịnh. Nhiễm nghiệp thì chẳng thể vãng sanh, tịnh nghiệp mới có thể vãng sanh. Hễ tịnh nghiệp đã thành, một mai đã thành tựu, bèn sanh vào cõi ấy, người ấy liền vãng sanh. Do vậy, pháp môn này không cần phải tu mười tâm, chẳng cần phải tu mười đại nguyện vương, biết có mười tâm và mười nguyện là được rồi, có thể làm được thì đương nhiên là rất tốt; chẳng thể làm cũng không sao. Quý vị suốt ngày từ sáng đến tối trong mười hai thời, trong tâm đừng quên A Di Đà Phật, niệm niệm đều khởi lên A Di Đà Phật, đó là tịnh nghiệp. Trong tâm có A Di Đà Phật, tâm thanh tịnh; nơi miệng có A Di Đà Phật, miệng thanh tịnh; thân thể lễ bái A Di Đà Phật, thân thanh tịnh. Ba nghiệp thanh tịnh chính là điều kiện để vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị thấy điều kiện này đơn giản, dễ dàng nhiều lắm!

*"Ký đắc vãng sanh"* (Đã được vãng sanh), đã sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, *"thử tâm, thử nguyện"* (tâm ấy, nguyện ấy), tức là mười tâm Bồ Tát được nói trong kinh Bảo Tích và mười đại nguyện của Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm, chỉ cần sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ tự nhiên viên mãn, sẽ thành tựu, chẳng tu mà đạt được! Nếu quý vị hỏi: Vì sao có thể đạt được ư? Họ tu mười tâm và mười nguyện bèn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ta dùng một câu A Di Đà Phật cũng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đã tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, còn có gì khác nhau nữa? Thế giới ấy là một thế giới bình đẳng, mọi thứ thảy đều đạt được! Vì thế, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đừng nói là mười tâm hay mười nguyện, [mà là] vô lượng vô biên pháp môn thảy đều đạt được. Do vậy, pháp môn này đúng là thù thắng khôn sánh!

*"Khởi phi đa thiện căn phước đức hồ?"* (Há chẳng phải là nhiều thiện căn, nhiều phước đức ư?) Thiện căn và phước đức ít ỏi, sẽ không được nghe pháp môn này, chẳng gặp pháp môn này. [Dẫu có] gặp gỡ, nghe thấy, kẻ ấy cũng chẳng nghe hiểu pháp môn này, cũng chẳng tin tưởng pháp môn này. Phàm là kẻ nghe, đọc kinh này mà đọc không được, nghiệp chướng hết sức nặng nề. Phàm là ai niệm kinh này mà rất hoan hỷ, tức là nghiệp chướng nhẹ nhàng, là người nhiều thiện căn và nhiều phước đức. Một số đồng tu từ Hương Cảng sang Đại Lục thăm viếng cụ Hoàng Niệm Tổ, cụ Hoàng Niệm Tổ đã khai thị cho họ: *"Đọc tụng kinh Vô Lượng Thọ, y giáo phụng hành, khẳng định là đại thiện căn và đại phước đức"*.

*"Bất kinh vu khúc"* (Chẳng quanh co). *"Vu"* (迂) là quanh co, *"khúc"* (曲) là uốn lượn. Chẳng cần phải vòng vèo, cũng chẳng cần uyển chuyển uốn lượn, nên gọi là *"trực tiệp"* (直捷). *"Trực tiệp"* là nhanh chóng. Quý vị nghĩ xem: Bảo Tích và Hoa Nghiêm đều là quanh co, ngoắt ngoéo, phải tu nhiều kiếp mới có thể đạt được, trì danh niệm Phật thành tựu ngay trong một đời, há còn có gì nhanh chóng hơn pháp này? *"Vô chư phiền tỏa, thị vị giản dị"* (Chẳng có các nỗi rắc rối, nên gọi là đơn giản, dễ dàng). Không rắc rối, mà cũng không phiền toái, [nên gọi là] đơn giản, dễ dàng. *"Trực tiệp nhi thâm tạo"* (Thẳng chóng mà thành tựu sâu xa), thành tựu sâu rất quan trọng! Nếu thẳng chóng mà chúng ta đạt được [thành tựu] rất nông cạn, rất ít ỏi, sự thẳng chóng ấy cũng trọn chẳng đáng quý. Do pháp môn thẳng chóng này mà đạt đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, những gì quý vị đạt được gần như bằng với Đẳng Giác Bồ Tát, chẳng dễ dàng! Đấy mới là thật sự hy hữu, thật sự đáng quý. *"Giản dị nhi quảng hoạch"* (Đơn giản, dễ dàng, mà thu hoạch rộng lớn): Đơn giản, dễ dàng mà [những gì] quý vị đạt được đều là hữu hạn thì sự đơn giản, dễ dàng ấy chẳng đáng coi là quý. Do sự đơn giản, dễ dàng này mà sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong kinh, đức Phật thường bảo, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới giống như sanh về các thế giới của hết thảy chư Phật, thấy A Di Đà Phật sẽ giống như thấy hết thảy chư Phật Như Lai, thảy đều đạt được. Đơn giản, dễ dàng, mà thu hoạch chẳng thể nghĩ bàn! *"Chư dư pháp môn chi sở bất cập"* (Các pháp môn khác chẳng thể sánh bằng): Trừ pháp môn Trì Danh Niệm Phật ra, tất cả hết thảy các pháp môn khác, chẳng có pháp môn nào có thể sánh bằng. Chẳng phải là thật sự có đại thiện căn, đại phước đức, đại nhân duyên, làm sao quý vị có thể gặp gỡ? Đừng nói là hiện thời trong thế gian này, ngay tại thành phố Đài Bắc, người học Phật chẳng ít, có mấy ai nghe bộ kinh này? Mấy ai sau khi đã nghe, trong tâm thật sự giác ngộ, thật sự hiểu rõ, khăng khăng một mực tu học? Chẳng có mấy ai! *"Thị vị thù thắng"* (Nên gọi là thù thắng). Đúng là thù thắng khôn sánh!

***(Sớ) Thiện nam tử nữ nhân giả.***

**(疏)善男子女人者。**

*(**Sớ**: Thiện nam tử, thiện nữ nhân là…).*

Kinh nói *"thiện nam tử, thiện nữ nhân"* thì "thiện" là gì? Bất thiện là gì? Trong kinh, đức Phật thường gọi *"thiện nam tử, thiện nữ*

*nhân"*, có gọi ta hay không? Gọi người khác chẳng quan trọng, có gọi ta hay không? Ta có phải là một trong số những người được đức Phật gọi là "thiện nam tử, thiện nữ nhân" hay không? Điều này rất trọng yếu. Ở đây, đại sư đã giải thích, thiện có hai loại:

***(Sớ) Thiện hữu nhị nghĩa: Nhất thị túc sanh thiện nhân, nhất thị kim sanh thiện loại. Nam nữ giả, thông chỉ truy tố lợi độn, cập lục đạo nhất thiết hữu duyên chúng sanh dã.***

**(疏)**善有二義：一是宿生善因，一是今生善類。男女者，通指緇素利鈍，及六道一切有緣眾生也。

*(**Sớ**: Thiện có hai nghĩa: Một là cái nhân lành trong đời trước, hai là những điều thiện trong đời này. "Nam nữ" chỉ chung tăng, tục, lợi căn, độn căn và hết thảy chúng sanh hữu duyên trong lục đạo).*

Hai câu này bao quát hết sức rộng rãi. Trừ Bồ Tát và thánh nhân ra, phàm phu trong lục đạo đều được bao gồm, nhưng những người ấy phải hội đủ hai điều kiện: Một là có nhân lành trong nhiều đời nhiều kiếp, hai là thiện duyên trong kiếp này. Nhiều đời nhiều kiếp có thiện căn, nhưng đời này chẳng gặp duyên thì cũng không được. Trong các điều thiện, đặc biệt chú trọng nơi duyên. Chúng ta xem lời giải thích dưới đây của đại sư.

***(Sao) Túc thế thiện nhân giả, Đại Bổn vân: "Thế gian nhân dân, tiền thế vi thiện, nãi đắc văn A Di Đà Phật danh hiệu công đức".***

**(鈔)**宿世善因者，大本云：世間人民，前世為善，乃得聞阿彌陀佛名號功德。

*(**Sao**: "Nhân lành đời trước": Kinh Đại Bổn nói: "Nhân dân trong thế gian, đời trước làm lành, bèn được nghe công đức nơi danh hiệu A Di Đà Phật").*

Nói rõ ràng: Đại Bổn là kinh Vô Lượng Thọ. Trong kinh ấy, đức Phật đã dạy: *"Thế gian nhân dân"*, nhân dân bao gồm lục đạo chúng sanh. *"Tiền thế vi thiện"* (Đời trước làm lành), *"đời trước"* chẳng phải là một đời, hai đời, ba đời, chẳng phải vậy! Vì mọi người niệm kinh Vô Lượng Thọ rất thuần thục đều biết: Đó chính là cái nhân lành đã tu trong nhiều đời nhiều kiếp từ vô lượng kiếp trong quá khứ cho đến nay. Do cái

nhân lành ấy quá dầy, quý vị mới gặp gỡ [pháp môn này]. Do thiện căn sâu dầy như vậy, người ấy mới có cơ hội, có cơ duyên nghe đến công đức của danh hiệu A Di Đà Phật. Hãy đặc biệt chú ý tới công đức. Vì sao? Người nghe danh hiệu quá đông. Tại Đài Loan, có ai mà chẳng từng nghe danh hiệu A Di Đà Phật? Có thể là chẳng tìm được một ai, ngay cả tín đồ Cơ Đốc giáo hoặc tín đồ Thiên Chúa giáo cũng biết có một vị A Di Đà Phật. Nhưng, công đức của danh hiệu ấy thì có mấy ai biết. Vì sao? Nếu chẳng nghe kinh Vô Lượng Thọ, chẳng nghe Sớ Sao và Yếu Giải, làm sao họ có thể biết công đức của danh hiệu ấy cho được? Chư vị hãy ngẫm xem, trước khi chúng ta nghe kinh này, chúng ta cũng chẳng biết công đức của danh hiệu ấy. Do đó, tuy niệm, nhưng chẳng thấm vào lòng, tuy niệm mà chẳng khởi tác dụng.

Nếu quý vị hỏi vì sao niệm Phật mà chẳng khởi tác dụng ư? Do chẳng biết công đức của danh hiệu, đó gọi là "tâm chẳng chân thành". Khi niệm bèn nửa tin nửa ngờ, luôn luôn gián đoạn, luôn luôn xen tạp; vì vậy, chẳng có tác dụng. Chúng ta thấy niệm Phật công phu rất đắc lực thì niệm dăm ba năm bèn nghiễm nhiên vãng sanh. Niệm dăm ba năm, thân thể chẳng đau bệnh, cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Do người ấy biết công đức của danh hiệu, khác hẳn! Dưới đây là những điều được nói trong kinh Vô Lượng Thọ.

***(Sao) Nhất văn Phật danh, Từ tâm hỷ duyệt, chí ý thanh tịnh, mao phát tủng nhiên, lệ tức xuất giả, hoặc túc thế tằng hành Phật đạo, hoặc tha phương Phật sở Bồ Tát, cố phi phàm nhân, tắc tín tâm niệm Phật giả, giai túc tu thiện bổn giả dã.***

**(鈔)一聞佛名，慈心喜悅，志意清淨，毛髮聳然，淚即出者，或宿世曾行佛道，或他方佛所菩薩，固非凡人，則信心念佛者，皆宿修善本者也。**

*(**Sao**: Vừa nghe danh hiệu Phật, tâm sanh lòng Từ, vui sướng, chí ý thanh tịnh, lông tóc dựng lên, liền ứa lệ, thì hoặc là do trong đời trước đã từng hành Phật đạo, hoặc là Bồ Tát từ nơi các đức Phật ở những phương khác, chẳng phải là phàm nhân. Vì vậy, người tín tâm niệm Phật đều là do gốc lành đã tu trong đời trước).*

Đây là thiện căn trong đời quá khứ phát hiện. Thích Ca Mâu Ni Phật dạy như vậy: Người ấy chẳng phải là phàm nhân, mà là người như thế nào? Nói thật ra, người ấy là Bồ Tát trong thế giới Cực Lạc, nay tuy

chưa đến thế giới Cực Lạc, nhưng đã ghi danh, nhập sổ bộ trong thế giới Cực Lạc, có thể ra đi bất cứ lúc nào. Họ là Bồ Tát trong thế giới Cực Lạc, chẳng phải là phàm nhân.

***(Diễn) "Nhất văn Phật danh, Từ tâm hỷ duyệt" ngũ cú.***

**(演)一聞佛名慈心喜悅五句。**

*(**Diễn**: Năm câu [kể từ] "vừa nghe danh hiệu Phật, tâm sanh lòng Từ, vui sướng" trở đi...).*

Năm câu ấy cho đến *"lệ tức xuất giả"* (liền ứa lệ), nói lên sự cảm động. Sự cảm động ấy rất tự nhiên. Đời đời kiếp kiếp trong quá khứ niệm Phật mà chưa thể vãng sanh, [là do] một niệm sai lầm! Nay lại gặp gỡ, trong tâm cảm động.

***(Diễn) Dĩ Phật nãi khoáng kiếp tu Từ vi Thể cố, Phật nãi đoạn tận vô minh tối thanh tịnh cố, Phật nãi huýnh xuất thường lưu, vạn kiếp nan văn cố.***

**(演)以佛乃曠劫修慈為體故，佛乃斷盡無明最清淨故，佛乃迥出常流，萬劫難聞故。**

*(**Diễn**: Do từ nhiều kiếp lâu xa, đức Phật đã dùng "tu lòng Từ" để làm Thể, Phật đã đoạn hết vô minh, thanh tịnh bậc nhất, Phật đã vượt xa những hạng bậc thông thường, muôn kiếp khó được nghe [danh hiệu Ngài]).*

Ba đạo lý, ba lý do này hết sức thù thắng. Đức Phật được nói ở đây là A Di Đà Phật. Nói thật ra, trong vô lượng kiếp, A Di Đà Phật đã tu trì đại từ đại bi. Vì thế, nguyện của Ngài khác với những lời nguyện thông thường của các vị Phật. Lời nguyện thông thường của Phật là độ chúng sanh có phạm vi, có hạn lượng. Chỉ riêng A Di Đà Phật phát nguyện độ chúng sanh chẳng có số lượng, chẳng có phạm vi. Vì thế, khu vực giáo hóa của A Di Đà Phật cũng đặc biệt. Từ kinh điển, chúng ta thường đọc thấy đức Thế Tôn dạy: Khu vực giáo hóa của một đức Phật là một đại thiên thế giới. Cũng có những vị Phật đặc biệt thệ nguyện rộng lớn, khu vực giáo hóa của Ngài là hai đại thiên thế giới, ba đại thiên thế giới, hoặc mười, hoặc hai mươi [đại thiên thế giới], vẫn là có phạm vi, có hạn lượng. Chỉ riêng đại nguyện của A Di Đà Phật lão nhân gia là tận hư không khắp pháp giới. Chúng sanh thuộc chín pháp giới trong tất

cả hết thảy các cõi Phật chỉ cần trọn đủ tín nguyện trì danh, phát nguyện vãng sanh, lão nhân gia thảy đều tiếp dẫn, bình đẳng nhiếp thọ. Đó là chỗ hết thảy chư Phật chẳng thể sánh bằng!

Lần này, tôi ở Tân Gia Ba, có đồng học đến hỏi tôi: "Có những kinh dạy còn có những thế giới Phật trang nghiêm thù thắng hơn thế giới Cực Lạc. Không phải chỉ là một cõi, mà là rất nhiều. Tây Phương Cực Lạc thế giới trọn chẳng phải là trang nghiêm bậc nhất, vì sao thầy nói cõi Cực Lạc thù thắng bậc nhất?" Tôi nói: - Quý vị đã xem, tôi cũng đã xem, những thế giới ấy thù thắng hơn thế giới Cực Lạc, chẳng sai! Nhưng những vị Phật ấy có phát nguyện "tín nguyện trì danh bèn vãng sanh" hay chăng? Chẳng có! Chẳng phát ra nguyện ấy, tức là chẳng sánh bằng thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc dễ đến, các thế giới khác chẳng dễ đến được! Huống chi trong kinh đức Phật lại còn dạy: Quý vị sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ giống như sanh trong những thế giới thù thắng hơn Tây Phương Cực Lạc thế giới, thảy đều sanh về. Sanh về một cõi là sanh trong hết thảy các cõi! Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, trọn chẳng nói "ngoại trừ những cõi Phật nào". Ngài đã chẳng nói câu ấy, vậy thì "sanh về một là sanh về hết thảy". Mười phương vô lượng vô biên các cõi Phật tốt đẹp hơn hoặc chẳng bằng thế giới Cực Lạc, quý vị đều có thể tới. [Vậy thì] thế giới Cực Lạc vẫn là thù thắng bậc nhất, A Di Đà Phật vẫn là bậc nhất, chẳng tìm thấy [cõi nước hay vị Phật nào] thứ hai [mà có những điều thù thắng như vậy được]! Do đó, đối với pháp môn này, mọi người quyết định chớ nên hoài nghi.

Câu đầu tiên nói về Tu Đức chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật. Câu thứ hai nói về Đoạn Đức của A Di Đà Phật, Kiến Tư, Trần Sa, bốn mươi mốt phẩm vô minh đều đoạn hết, thanh tịnh tột bậc. Vì thế, nghe danh hiệu này, lẽ nào chẳng cảm động? Câu thứ ba là tán thán: Trong hết thảy chư Phật, A Di Đà Phật thù thắng khôn sánh. *"Phật nãi huỳnh xuất thường lưu"* (Phật vượt xa những hạng bậc thông thường), *"thường lưu"* (常流): Những vị cùng hàng với Ngài đều là Phật, Ngài đã vượt trỗi hết thảy chư Phật! Trong hết thảy chư Phật, A Di Đà Phật bậc nhất. *"Vạn kiếp nan văn cố"* (Do muôn kiếp khó được nghe), chẳng có cơ hội nghe danh hiệu này. Hiện thời, trên quả địa cầu này, người được nghe danh hiệu A Di Đà Phật chẳng nhiều! Có người suốt một đời chẳng có cơ hội nghe, suốt cả đời chẳng có duyên phận trông thấy tượng Phật, hoặc nghe danh hiệu Phật. Có thể đọc hoặc nghe bộ kinh này, chẳng thể nghĩ bàn! Đây chính là *"thân người khó được, Phật pháp khó nghe"*. Danh hiệu A

Di Đà Phật càng khó nghe hơn, khó nhất trong những điều khó!

***(Diễn) Kim văn Phật danh tức sanh Từ tâm.***
**(演)今聞佛名即生慈心。**
*(**Diễn**: Nay nghe danh hiệu Phật bèn sanh lòng Từ).*

Đây là trong đời quá khứ đã có thiện căn chân thật, nghe danh hiệu A Di Đà Phật, tâm từ bi liền hiện tiền.

***(Diễn) Nãi chí lệ tức xuất giả.***
**(演)乃至淚即出者。**
*(**Diễn**: Cho đến "liền ứa lệ").*

Đó là cảm động.

***(Diễn) Nhĩ văn Phật danh, tâm khế Phật tâm.***
**(演)耳聞佛名，心契佛心。**
*(**Diễn**: Tai nghe danh hiệu Phật, tâm khế hợp tâm Phật).*

Nghe danh hiệu Phật, sanh khởi tâm từ bi, cảm động đến nỗi ứa lệ. Do lòng đại từ, đức Phật đời đời kiếp kiếp hộ niệm chúng ta, thời thời khắc khắc duỗi tay tiếp dẫn chúng ta. Bản thân chúng ta chẳng tốt, tự mình tạo nghiệp, tự mình chướng ngại chính mình, cô phụ đức Phật một dạ từ bi, [do nghĩ đến điều này] bèn cảm động ứa lệ. *"Nhĩ văn Phật danh, tâm khế Phật tâm"* (Tai nghe danh hiệu Phật, tâm khế hợp tâm Phật), chư vị phải ghi nhớ: Quý vị chẳng biết công đức của danh hiệu thì nghe danh hiệu Phật, tâm cũng chẳng phải là tâm Phật. [Bởi lẽ], tâm địa của quý vị chẳng sanh khởi từ bi. Nay tôi bảo mọi người đọc kinh Vô Lượng Thọ, quý vị niệm càng nhiều càng tốt, đạo lý ở chỗ nào? Nếu nhân lành trong đời quá khứ hơi kém, dùng phương pháp này có thể bổ túc, có thể vãng sanh sớm hơn trong một đời này. Nói cách khác, quý vị vốn chẳng thể nào vãng sanh trong một đời này, do gặp duyên thù thắng này, tiên thiên bất túc, nhưng hậu thiên[7] có thể bù đắp. Nếu tiên thiên bất túc, mà hậu thiên lại chẳng có nhân duyên thù thắng để bù đắp, đời này chỉ có

[7] Tiên thiên (先天) và hậu thiên (後天) ở đây là hai khái niệm được dùng trong y học cổ, với ý nghĩa: Tiên thiên là điều kiện bẩm sinh, còn hậu thiên là những điều kiện

thể kết thiện duyên, gieo thiện căn, chẳng thể vãng sanh!

Đọc nhiều, nghe nhiều, giảng nhiều, mọi người cùng tu với nhau, nghiên cứu thảo luận. Do giảng nhiều, sự xác nhận đối với công đức của danh hiệu sẽ ngày càng sâu thêm, quyết định sẽ đoạn nghi sanh tín. Sau đấy, quý vị tín nguyện trì danh mới thật sự đạt đến *"chẳng hoài nghi, không gián đoạn, không xen tạp"*, quyết định vãng sanh trong một đời này. Do đó, trong công khóa sáng tối, chúng tôi bảo mọi người [khóa sáng] niệm bốn mươi tám nguyện, [khóa tối] niệm từ chương ba mươi hai cho đến chương ba mươi bảy, nhằm khiến cho cái tâm của chính mình giống như tâm Phật, nguyện giống như Phật nguyện, kiến giải giống như kiến giải của Phật, hạnh đồng hạnh Phật, ba nghiệp thanh tịnh.

***(Diễn) Như Tu Đạt trưởng giả, nhân văn Phật tự, thông thân mao thụ, thị dã.***

**(演)**如須達長者，因聞佛字，通身毛豎是也。

*(**Diễn**: Như trưởng giả Tu Đạt Đa do nghe chữ Phật mà lông trên khắp thân dựng hết lên, chính là vì lẽ này).*

Nói về bậc đại hộ pháp Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên thuở ấy, tức trưởng lão Tu Đạt Đa (Sudatta). Thoạt đầu, ông ta vừa nghe một chữ Phật, lông trên thân dựng hết cả lên!

***(Diễn) Kim nhân văn Phật danh, phiếm nhĩ tầm thường giả, bất tri Phật nghĩa, thiện căn thiển cố.***

**(演)**今人聞佛名，泛爾尋常者，不知佛義，善根淺故。

*(**Diễn**: Người thời này nghe danh hiệu Phật, nói chung là cảm thấy tầm thường, do chẳng biết đến ý nghĩa của chữ Phật, là vì thiện căn nông cạn vậy).*

Nay chúng ta nghe danh hiệu Phật, thấy tượng Phật, chẳng cảm thấy gì hết, rất bình thường, chính là vì thiện căn nông cạn, chẳng biết đến công đức của danh hiệu Phật. Biết công đức của danh hiệu, ắt sẽ cảm động. Do vậy, thiện căn của chính mình nông cạn thì phải đặc biệt

---

do bồi dưỡng, vun bồi, tập luyện mà có. Chữ "tiên thiên" ở đây chỉ thiện căn, phước đức và nhân duyên của hành nhân đã tích tập trong đời trước.

cảnh tỉnh, răn nhắc: Nhất là trong đời loạn này, chỉ có tu phước, tích lũy công đức thì mới là thật sự bảo đảm. Trừ chuyện này ra, muốn tìm một chỗ nào bình an, há có được chăng? Trên thế giới này, chẳng có nơi nào an toàn! Người có phước bất luận ở nơi đâu cũng đều an toàn, đều có phước. Quý vị bèn hiểu tích lũy công đức trọng yếu dường ấy! Tích lũy công đức phải bắt đầu bằng việc đọc sách thánh hiền. Đọc sách thánh hiền, quý vị sẽ giác ngộ. Giác ngộ, sẽ chẳng mê hoặc. Chẳng mê hoặc, sẽ không tạo tội nghiệp. Như vậy thì mới có thể tích lũy công đức. Phát tâm đi khắp nơi bỏ tiền bố thí, nếu chẳng hiểu rõ, quý vị bố thí tiền, người ta cầm tiền tạo tội nghiệp. Tiền ít, họ tạo tội nghiệp nhỏ; tiền nhiều, họ tạo tội nghiệp to. Nói cách khác, quý vị giúp họ tạo tội nghiệp. Bố thí kiểu đó, họ đọa địa ngục, quý vị theo chân họ! Họ là kẻ đầu sỏ làm ác, quý vị giúp họ làm ác, lẽ nào chẳng đọa địa ngục? Tùy thời gieo phước, còn phải là [chọn đúng] người có phước thì mới thật sự gieo được phước. [Gieo phước] nơi kẻ chẳng có phước, gieo trật mất rồi!

Quý vị mong có thể phân biệt chân, vọng, tà, chánh, đúng, sai, mà nếu chẳng đọc sách thánh hiền, tìm đâu ra tiêu chuẩn? Do vậy, chúng tôi đề xướng các đồng tu hãy đọc kinh. Hiện thời, đọc nhiều nhất là Tịnh Độ Ngũ Kinh. Đọc Ngũ Kinh mà còn ngại nhiều thì mức độ thấp nhất là kinh Vô Lượng Thọ, Di Đà Kinh Yếu Giải, đương nhiên là có thể đọc Sớ Sao thì tốt nhất, và Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện Phẩm. Tôi kể ra bảy bộ sách mà các đồng tu Tịnh Độ chúng ta bắt buộc phải đọc. Trong bảy bộ sách, bốn bộ là kinh Phật, tức là ba thứ trên đây (kinh Vô Lượng Thọ, kinh Di Đà, Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm), cộng thêm A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung Kinh, ba thứ khác là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, Liễu Phàm Tứ Huấn và Tứ Thư.

Các đồng tu trong đạo tràng này xác thực là có thiện căn, có phước đức, hy vọng mọi người phải trân trọng, y giáo phụng hành, chẳng cô phụ Phật, Tổ, chẳng cô phụ đời này được làm thân người, quyết định phải thành tựu trong một đời này. Đoạn này nhằm giải thích cái nhân lành trong đời trước.

***(Sao) Kim sanh thiện loại giả.***

**(鈔)**今生善類者。

*(**Sao**: Những điều lành trong đời này).*

*"Thiện loại"* nói thật ra là nói về nhân duyên.

***(Sao) Như Hoa Nghiêm vân: "Ninh tại chư ác thú, hằng đắc văn Phật danh. Bất dục sanh thiện đạo, tạm thời bất văn Phật".***

**(鈔)**如華嚴云：寧在諸惡趣，恆得聞佛名。不欲生善道，暫時不聞佛。

*(**Sao**: Như kinh Hoa Nghiêm nói: "Thà trong các đường ác, luôn được nghe tên Phật. Chẳng muốn sanh đường lành, tạm thời chẳng nghe Phật").*

Chư vị thấy bài kệ này trong kinh Hoa Nghiêm, bèn hiểu tiêu chuẩn của *"thiện loại"* là gì. Tôi vừa mới nói với các đồng tu, cốt yếu là duyên phận, chẳng phải là do [ở trong] ba thiện đạo hay ba ác đạo, chẳng nói tới điều ấy. Chúng ta nếu sanh vào nơi có cơ hội nghe danh hiệu và công đức của Phật Di Đà; đó là *"thiện loại"*. Nhất là còn thuộc loại tối thiện, đó là gì? Hằng ngày cùng nhau nghiên cứu, thảo luận, niệm Phật cộng tu, tốt lành tột bậc, chẳng có điều gì tốt lành hơn được nữa! Thuở tổ Ấn Quang đại sư tại thế, Niệm Phật Đường ở núi Linh Nham ngày đêm Phật hiệu chẳng gián đoạn, đó là thiện khôn sánh! Do vậy, nay chúng tôi cũng hy vọng như vậy, nhưng Phật hiệu trong giảng đường của chúng ta vẫn bị gián đoạn, nguyên nhân gây gián đoạn ở chỗ nào? Do mọi người chẳng biết công đức của Phật hiệu. Tuy đã giảng nhiều năm ngần ấy, chẳng có ai tin tưởng, cho nên Phật hiệu mới bị gián đoạn.

Nếu quý vị thật sự tin tưởng, hiện thời có máy niệm Phật rất tốt, có thể dùng nó. Phật đường trong mười hai thời, từ đầu năm đến cuối năm, Phật hiệu quyết định chẳng gián đoạn. Khi chúng ta giảng kinh, mở [máy sao cho tiếng] Phật hiệu nhỏ nhất, Phật hiệu vẫn chẳng gián đoạn. Khi không giảng kinh, mở Phật hiệu hơi to một chút, ngày đêm đều chẳng gián đoạn. Máy niệm Phật hư cái này thì thay tiếp bằng cái khác, huống hồ một cái máy niệm Phật dùng mấy tháng cũng chẳng hư. Vì sao Phật hiệu bị gián đoạn? Do chẳng biết công đức của danh hiệu! Quý vị thấy chúng tôi đã giảng ở đây nhiều năm như vậy, đừng nói là quý vị nghe, người trong nhà chẳng biết, có cách gì đây? Tôi cũng chẳng tiện nói với họ, nhân duyên của mỗi người mỗi khác. Quý vị gián đoạn là chuyện của quý vị, tôi nhất định chẳng gián đoạn là được rồi, hết sức khó khăn!

*"Ninh tại chư ác thú, hằng đắc văn Phật danh"* (Thà ở trong đường ác, thường được nghe danh hiệu Phật), *"hằng"* (恆) là chẳng gián đoạn, [*"hằng đắc văn Phật danh"* là] có thể nghe danh hiệu Phật chẳng

gián đoạn. *"Bất dục sanh thiện đạo"* (Chẳng muốn sanh trong đường lành), Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên, phước trời to lớn, thọ mạng lâu dài, nhưng chẳng được nghe Phật hiệu. Đối với chỗ chẳng được nghe Phật hiệu, dẫu hoàn cảnh tốt đẹp, ta cũng chẳng muốn đến đó. Nơi có thể nghe Phật hiệu, dẫu hoàn cảnh xấu hèn, ta cũng chẳng muốn lìa khỏi.

***(Sao) Phù bất dĩ nhân thiên vi thiện, nhi dĩ đắc văn Phật danh vi thiện, tắc tín tâm niệm Phật giả, giai thiện nhân chi trù loại dã.***

**(鈔)夫不以人天為善，而以得聞佛名為善，則信心念佛者，皆善人之儔類也。**

*(**Sao**: Chẳng coi nhân thiên là lành, mà coi chuyện được nghe danh hiệu Phật là lành. Do vậy, người tín tâm niệm Phật đều thuộc loại người lành).*

Trong quá khứ, ở Đài Trung, các đồng học chúng tôi cùng nhau nghiên cứu thảo luận, mỗi tuần một lần, mười năm như một ngày, chúng tôi cùng tu với nhau mười năm, đó là chuyện rất khó có trong đời mỗi người, hết sức hiếm có! Hiện thời, chúng thường trụ tại Đồ Thư Quán mới giác ngộ, rất khó có, tôi thấy vậy rất hoan hỷ, [những người ấy] mới giác ngộ, mới quay đầu. Mỗi ngày cũng có tiểu tòa phức giảng[8], sáng sớm đến dụng công, mọi người thảy đều tụ tập cùng một chỗ, chẳng dễ dàng! Nếu quý vị thật sự liễu giải rõ ràng, duyên sẽ càng thù thắng hơn tôi trong quá khứ. Vì sao? Quý vị mỗi tuần năm lần, còn tôi thuở đó mỗi tuần một lần, nhân duyên này thù thắng lắm!

Tại Bắc Kinh, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã bảo tôi rất nhiều lượt, khi viết thư, cụ cũng thường nhắc tới. Cụ khuyên tôi đừng giảng kinh nữa, cụ nói: "Thầy đã giảng kinh hơn ba mươi năm rồi, chẳng cần phải giảng nữa. Phật môn chúng ta chẳng có người kế tục, đó là đại sự!" Cụ

---

[8] Tiểu tòa phức giảng (小座複講): các đồng học tụ lại với nhau giảng lại những điều thầy đã giảng, câu chữ có thể khác, lời giảng dài ngắn không nhất định, nhưng người giảng không tự tiện thêm vào ý của chính mình, chẳng thêm vào những ý nào thầy không nói, nên gọi là *"phức giảng"* (lặp lại ý tưởng của thầy). Chúng tôi không dịch chữ *"phức giảng"* thành *"trùng tuyên"* vì trùng tuyên là lặp lại y hệt từng chữ, từng câu của thầy đã nói, chẳng khác gì chính thầy đang nói. Do đối tượng nghe giảng chính là đồng học, thường là một ít người. Người nghe giảng đóng vai trò khuyến khích, tán trợ, đồng thời góp ý phê bình để người tập giảng có thể cải tiến tốt đẹp hơn, nên gọi là *"tiểu tòa"*.

khuyên tôi hãy viết sách, bồi dưỡng học trò. Đối với tiêu chuẩn dành cho học trò, lão nhân gia đặc biệt nhấn mạnh: Pháp sư Tịnh Tông "tông lẫn thuyết đều thông" thì mới có thể thật sự đạt tới mục tiêu "nối tiếp huệ mạng của Phật, hoằng pháp lợi sanh". *"Tông lẫn thuyết đều thông"* là gì? Thuyết (說) là có thể giảng. Hiện thời, người có thể giảng rất nhiều, thuyết thông, nhưng tông chẳng thông! Tông (宗) là gì? Tâm địa thanh tịnh, tương ứng với Phật tâm và Phật nguyện, tôi thường nói là "tín nguyện giải hạnh tương ứng với Phật". Tâm đồng Phật, nguyện đồng Phật, giải đồng Phật, hạnh đồng Phật thì gọi là *"tông thông"*. Hạng nhân tài ấy khó có, chứ "nói được, mà chẳng làm được" thì chẳng đáng quý. Phải là "thật sự làm được", tâm thật sự thanh tịnh, đắc nhất tâm bất loạn, giảng kinh thuyết pháp sẽ như Phật, không hai! Khác hẳn!

Cụ Hoàng Niệm Tổ một lòng mong mỏi có nhân tài như vậy xuất hiện. Chẳng phải là tôi không có tâm, tôi đã có nguyện vọng ấy từ lâu, nhưng chẳng có cơ duyên, tìm đâu ra học trò? Giống như thầy Lý thuở còn tại thế, tôi khuyên thầy Lý hãy thu thêm mấy học trò, cụ bảo: "Anh hãy tìm học trò giùm tôi đi!" Sau đó, tôi không dám nói năng chi nữa, tìm không ra! Nay nhân duyên chín muồi, có mấy đồng tu ở cùng một chỗ với tôi để cộng tu, tốt lắm! Cơ duyên này khó có! Đã có đồng học có thể cộng tu cùng một chỗ với tôi, số người chẳng câu nệ bao nhiêu, dăm ba người đã là rất nhiều, chẳng coi là ít. Vì thế, từ nay về sau, thời gian giảng kinh bên ngoài sẽ giảm thiểu khá lớn, chẳng đi giảng kinh bên ngoài, tôi cũng dành ra thời gian để hướng dẫn các đồng tu cùng nhau nghiên cứu, thảo luận. Chúng tôi giảng tiểu tòa nhằm giúp đỡ mọi người, thật sự tu hành thì phải hiểu rõ kinh nghĩa (ý nghĩa trong kinh điển). Kinh nghĩa là Phật nghĩa; trong bài kệ Khai Kinh có câu: *"Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa"*. Sau khi đã hiểu nghĩa, điều đáng quý là dâng hiến, y giáo tu hành. Điều này trọng yếu, có giải và có hạnh, sẽ tự nhiên biết giảng.

Do vậy, tôi hy vọng thế hệ sau phải vượt trỗi thế hệ chúng tôi thì Phật pháp mới có thể hưng long, chúng sanh mới có phước. Nếu chẳng thể vượt trỗi, chúng sanh sẽ khổ sở, đáng thương. Đối với các sản phẩm khoa học kỹ thuật, hiện thời họ cũng nói [sản phẩm thuộc] thế hệ thứ nhất, thế hệ thứ hai. Thế hệ thứ hai nhất định tiến bộ hơn thế hệ thứ nhất, thế hệ thứ ba nhất định tiến bộ hơn thế hệ thứ hai. Chẳng tiến bộ hơn sẽ chẳng có ai thèm, công xưởng cũng bị đóng cửa, công nhân cũng bị thất nghiệp. Hằng ngày đều nghiên cứu, không ngừng tiến bộ, cải tiến; hễ

thay đổi liền tiến bộ hơn, Phật pháp cũng là như vậy.

Hôm nay, tôi nói những lời này, nhằm tạo cơ sở cho mọi người. Quý vị cải tiến thì dùng những điều cơ sở này để cải tiến. Hễ quý vị sửa đổi, đương nhiên là nhất định sẽ vượt trội tôi; nhưng nay quý vị sửa kiểu nào vẫn chẳng có cách nào vượt trỗi tôi, nguyên nhân ở chỗ nào? Do Tu Đức của quý vị chẳng đủ; do vậy, quý vị phải thật sự tu. Tâm quý vị phải thật sự thanh tịnh, bình đẳng, từ bi. Quý vị có công phu thật sự, dùng những điều tôi nói để sửa, chắc chắn sẽ vượt trỗi tôi. Tôi đem bí mật này nói với quý vị, hy vọng quý vị sẽ gánh vác trách nhiệm hoằng pháp lợi sanh của thế hệ kế tục. Nói rất trọng yếu, nhưng hành quan trọng hơn, nhất định phải thực hiện được những giáo huấn trong kinh Phật.

***(Diễn) Ninh tại chư ác thú tứ cú, ác thú nhiệt não, thiện thú thanh lương.***

**(演)寧在諸惡趣四句，惡趣熱惱，善趣清涼。**

*(**Diễn**: Bốn câu "thà ở trong các đường ác": Đường ác nóng bức, khổ não, đường lành mát mẻ).*

Dùng tám chữ này để cân nhắc thiện, ác. Nay chúng ta được làm thân người, cũng là đường ác. Vì sao? Phiền não quá nhiều, chẳng dễ sống, thân tâm chẳng thanh lương. Tuy được làm thân người, thân người chẳng dễ chịu đựng. Đây là nói về ba thiện đạo và ba ác đạo, hai đường thiện ác.

***(Diễn) Kim ninh thọ nhiệt não, bất dục thanh lương giả.***

**(演)今寧受熱惱，不欲清涼者。**

*(**Diễn**: Nay thà thọ nhiệt não, chẳng muốn thanh lương).*

Đây là nói tỷ dụ, nguyện thà ở trong ba đường ác chịu khổ. Chẳng hy vọng được hưởng phước báo nhân thiên, vì sao?

***(Diễn) Dĩ hữu văn Phật, bất văn Phật chi đắc thất, nhi phân tổn ích cố.***

**(演)以有聞佛不聞佛之得失，而分損益故。**

*(**Diễn**: Dùng lẽ được, mất do được nghe danh hiệu Phật hay không để phân định tổn hại hay lợi ích).*

Trong ác đạo mà giả sử có thể được nghe danh hiệu Phật thì ta nguyện thà ở trong ác đạo, chẳng mong ở trong thiện đạo, tiêu chuẩn ở chỗ này. Nếu dùng tiêu chuẩn này, chúng ta có phước sanh lên trời, trên cõi trời chẳng được nghe danh hiệu Phật, nhưng trong nhân gian có thể nghe danh hiệu Phật, ta chẳng mong hưởng phước trời, chẳng mong hưởng thọ cõi trời, ta sẽ vào nhân gian để chịu khổ, chịu nạn, [ngõ hầu] hằng ngày được nghe danh hiệu Phật. Nay danh hiệu Phật được nghe trọn khắp, nhưng mọi người chẳng hiểu công đức của danh hiệu, [vậy thì có khác gì] nghe cũng như chẳng nghe. Do vậy có thể biết: Vì sao mọi người chẳng hiểu công đức của danh hiệu? Người tuyên dương quá ít, chẳng có ai phổ biến, giới thiệu. Tuy kinh điển rất hay, hiện thời, mọi người công việc bận bịu, đó là một nguyên nhân. Thời đại biến đổi, văn chương Văn Ngôn chẳng có ai đọc. Dẫu có gặp gỡ, họ xem cũng chẳng hiểu. Hiện thời, nếu muốn Phật pháp được phổ cập, thuận tiện nhất vẫn là dùng băng thâu âm, họ nghe băng sẽ hiểu! Sau khi đã nghe, họ có thể đọc [các sách vở giảng giải] bèn hiểu. Họ chẳng nghe, sẽ đọc mà không hiểu. Chúng ta phải nghiêm túc nỗ lực thực hiện những công tác ấy.

***(Diễn) Ác đạo văn Phật, như nhân thiệp khanh khảm hiểm đạo, đắc đổ nhật nguyệt quang minh.***

**(演)**惡道聞佛，如人涉坑坎險道，得睹日月光明。

*(**Diễn**: Trong ác đạo được nghe [danh hiệu] Phật, như người đi trên đường hiểm trở đầy hầm hố, được trông thấy quang minh của mặt trời và mặt trăng).*

Đây là tỷ dụ, giống như người đang ở trong đường hầm hố hay đường hiểm trở, tuy rất nguy hiểm, nhưng có quang minh của mặt trời và mặt trăng [soi đường].

***(Diễn) Thiện thú bất văn Phật, như nhân lý bình thản, khang trang, bất kiến nhật nguyệt chi quang.***

**(演)**善趣不聞佛，如人履平坦康莊，不見日月之光。

*(**Diễn**: Trong đường lành chẳng nghe [danh hiệu] Phật, như người đi trên đường bằng phẳng, khang trang, mà chẳng thấy ánh sáng của mặt trời hay mặt trăng).*

Đây là tỷ dụ. Do vậy có thể biết, được nghe danh hiệu hay không,

xác thực là có thể biết là thiện căn dầy hay mỏng, duyên phận cạn hay sâu.

***(Sao) Truy tố lợi độn giả, Tịnh Độ pháp môn, nhất thiết thâu nhiếp.***

**(鈔)緇素利鈍者，淨土法門，一切收攝。**

*(**Sao**: "Tăng, tục, lợi căn, độn căn": Pháp môn Tịnh Độ thâu nhiếp hết thảy).*

Pháp môn này hết sức rộng lớn, chẳng thể nghĩ bàn, trên là đến bậc Đẳng Giác Bồ Tát, dưới là cho tới A Tỳ địa ngục, đều là đối tượng được nhiếp thọ của A Di Đà Phật. Chỉ cần có thể tin tưởng, có thể nguyện, có thể niệm câu danh hiệu này, A Di Đà Phật thảy đều tiếp dẫn. Pháp môn này là pháp môn bình đẳng thành Phật, là phương pháp để hữu tình thuộc chín pháp giới bình đẳng thành Phật, chẳng thể nghĩ bàn!

***(Sao) Như Đại Bổn vân.***

**(鈔)如大本云。**

*(**Sao**: Như kinh Đại Bổn nói).*

Kinh Vô Lượng Thọ nói…

***(Sao) Kỳ thượng bối giả, xả gia ly tục nhi tác sa-môn, diệc hữu bất xả gia ly tục giả, tức xuất gia ngũ chúng, tại gia nhị chúng dã.***

**(鈔)其上輩者，捨家離俗而作沙門，亦有不捨家離俗者，即出家五眾、在家二眾也。**

*(**Sao**: Bậc thượng là những người bỏ nhà lìa tục, làm sa-môn, mà cũng có người chẳng bỏ nhà lìa tục, tức là [bao gồm] năm chúng xuất gia và hai chúng tại gia).*

Nói tới *"truy"* và *"tố"*, *"truy"* (緇) là người xuất gia, Truy là gì? Quần áo nhuộm màu [hoại sắc]. Người xuất gia mặc y nhuộm hoại sắc [nên còn gọi là *"truy y"*, hay *"truy"*]. *"Tố"* (素) là áo trắng, tức là tại gia cư sĩ. Trên đây đã trích dẫn đại ý của đoạn kinh văn trong chương Tam Bối Vãng Sanh của kinh Vô Lượng Thọ. Thượng bối vãng sanh là những người bỏ nhà lìa tục làm sa-môn, mà cũng có người chẳng bỏ nhà lìa tục,

trung bối vãng sanh và hạ bối vãng sanh. Nói thật ra, xuất gia và chẳng xuất gia không do hình thức, khi giảng kinh Vô Lượng Thọ, chúng tôi đã nói rất rõ ràng. Xuất gia trên hình thức, tâm chẳng xuất gia, làm kiểu đó sẽ chẳng thể vãng sanh. Tâm xuất gia, chẳng xuất gia nơi hình thức, đó là thượng phẩm thượng sanh. Nhóm Hiền Hộ mười sáu vị Chánh Sĩ trong kinh Vô Lượng Thọ đều là tại gia Đẳng Giác Bồ Tát, địa vị của các Ngài chẳng khác Di Lặc, Quán Âm, Phổ Hiền. Do vậy, người xuất gia chú trọng tâm xuất gia, chẳng coi trọng thân xuất gia.

Nếu chư vị phát nguyện báo ơn Phật, trên đền bốn trọng ân, dưới cứu khổ tam đồ, quý vị phát nguyện trong tương lai đi hoằng kinh, tôi khuyên quý vị tốt nhất là vẫn phải xuất gia nơi hình thức. Vì sao? Người tại gia và người xuất gia cùng ra ngoài giảng kinh như nhau, do thính chúng có phân biệt, có vọng tưởng, họ sẽ có cảm nhận khác nhau. Quý vị mặc y phục của người xuất gia, có giảng sai, họ vẫn tin tưởng, [vì họ] chấp trước: "Đó là sư phụ, chắc chắn là [thuyết pháp] không sai!" Người tại gia giảng đúng, họ cũng chẳng tin tưởng. Vì sao? Thấy quý vị nói chung là kẻ tại gia, chẳng có gì nổi trội cả, chẳng khác ta cho mấy, [lý do] là như vậy đó. Vì thế, nếu thật sự mong phát tâm hoằng pháp lợi sanh, quý vị phải thọ hình thức ấy sẽ tốt hơn. Nếu quý vị chẳng phát tâm giảng kinh trong tự viện, làm kẻ hộ trì thì tại gia cũng được. Người hộ trì chẳng cần lên đài giảng kinh, nên có thể [giữ hình thức tại gia], chẳng sao cả. Nếu phát tâm lên đài giảng kinh, nhất định phải xuất gia. Đó cũng là hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức! Xuất gia năm chúng là tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, sa-di, sa-di-ni, học pháp nữ (thức-xoa-ma-na)[9], tại gia gồm ưu-bà-tắc (cận sự nam) và ưu-bà-di (cận sự nữ).

---

[9] Học pháp nữ (còn gọi là Thức-xoa-ma-na, Sikkhamānā) là giai đoạn tu tập chuyển tiếp giữa sa-di-ni và tỳ-kheo-ni. Trước khi thọ Cụ Túc Giới, sa-di-ni phải trải qua giai đoạn này hòng tập quen với cuộc sống và giới luật của hàng tỳ-kheo-ni. Luật Tứ Phần quy định Học Pháp Nữ ngoài mười giới Sa Di phải tuân thủ, còn thọ thêm sáu giới nữa (chẳng đụng chạm thân thể của nam nhân, chẳng được ăn trộm của người khác dù vật ấy giá trị chưa đến bốn đồng, chẳng được cố ý dứt mạng sống của súc sanh, chẳng được nói dối dù những điều nhỏ nhặt, chẳng ăn phi thời, chẳng uống rượu). Nhưng Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Bật Sô Ni Tỳ Nại Da quy định Học Pháp Nữ ngoài mười giới có sáu pháp (chẳng được đi đường một mình, chẳng được vượt sông một mình, chẳng được đụng chạm thân chồng (điều này dành cho những người đã từng kết hôn trước khi xuất gia), chẳng được ngủ chung một nơi với đàn ông, chẳng được làm mai mối, chẳng được giấu diếm những trọng tội của tỳ-kheo-ni khác) và sáu tùy pháp (chẳng được cầm giữ tiền bạc, chẳng được cạo lông ở chỗ kín, chẳng được khai khẩn vỡ đất để trồng cấy, chẳng được cố ý giết chết cây cối

***(Sao) Đản niệm Phật giả, câu đắc vãng sanh, thị thông truy tố.***

**(鈔)**但念佛者，俱得往生，是通緇素。

*(**Sao**: Chỉ cần là người niệm Phật, sẽ đều được vãng sanh, tăng lẫn tục đều là như vậy).*

Chỉ cần tu học đúng pháp, tín nguyện trì danh, chẳng có ai không vãng sanh. Do vậy, pháp môn này rộng lớn khôn sánh.

***(Sao) Hựu liên phân cửu phẩm.***

**(鈔)**又蓮分九品。

*(**Sao**: Lại chia thành chín phẩm sen).*

Đây là nói sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, phẩm vị sai biệt.

***(Sao) Thượng cai thịnh đức Bồ Tát, hạ cập du du phàm phu, nãi chí ác nhân đẳng.***

**(鈔)**上該盛德菩薩。下及悠悠凡夫。乃至惡人等。

*(**Sao**: Trên bao gồm bậc Bồ Tát đức dầy, dưới là đến hàng phàm phu chểnh mảng, cho đến những kẻ ác v.v...).*

Nói đến căn tánh lợi hay độn.

***(Diễn) Thượng cai thịnh đức Bồ Tát, hạ cập du du phàm phu giả, Quán Kinh Sớ vân: "Thượng phẩm chi nhân, thỉ tùng Tập Chủng, chung chí Giải Hạnh Bồ Tát. Trung phẩm giả, tùng ngoại phàm Thập Tín dĩ hạ. Hạ phẩm tức thị kim thời du du phàm phu".***

**(演)**上該盛德菩薩，下及悠悠凡夫者，觀經疏云：上品之人，始從習種，終至解行菩薩；中品者，從外凡十信以下；下品，即是今時悠悠凡夫。

*(**Diễn**: "Trên bao gồm bậc Bồ Tát đức dầy, dưới là đến hàng phàm phu chểnh mảng". Quán Kinh Sớ giảng: "Thượng phẩm, khởi đầu*

---

đang sống, chẳng được ăn những thứ không được mời, chẳng được ăn những thứ đã từng bị đụng chạm làm dơ). Nói chung, những giới ấy đều nhằm ngăn ngừa phạm giới, tránh tai tiếng, thị phi, cũng như để bảo vệ các nữ tu không bị ác nhân xâm phạm.

*từ hàng Tập Chủng (Thập Trụ) cho đến cuối cùng là bậc Giải Hạnh Bồ Tát. Trung phẩm là từ hạng ngoại phàm Thập Tín trở xuống. Hạ phẩm chính là hạng phàm phu chểnh mảng trong hiện thời").*

[Quán Kinh Sớ ở đây chính là bộ] Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ Sao, lời Sớ do Thiên Thai Trí Giả đại sư chú giải, lời Sao do tôn giả Tứ Minh soạn.

***(Sao) Thích vân: Thập Trụ danh Tập Chủng Tánh, Thập Hạnh danh Tánh Chủng Tánh, Thập Hồi Hướng danh Đạo Chủng Tánh. Thử tam thập vị tổng danh Giải Hạnh, thị Biệt Giáo nội phàm, Thập Tín tức thị ngoại phàm.***

**(鈔)**釋云：十住名習種性，十行名性種性，十回向名道種性，此三十位總名解行。是別教內凡，十信即是外凡。

*(**Sao**: Giải thích: Thập Trụ gọi là Tập Chủng Tánh, Thập Hạnh gọi là Tánh Chủng Tánh, Thập Hồi Hướng gọi là Đạo Chủng Tánh. Ba mươi địa vị này được gọi chung là Giải Hạnh, thuộc về nội phàm trong Biệt Giáo, Thập Tín chính là ngoại phàm).*

Đây là cách giảng của Thiên Thai đại sư, nói theo Duy Thức Luận. *"Tập"* (習) là thói quen. Tục ngữ thường nói: *"Thiểu thành nhược thiên tánh, tập quán thành tự nhiên"* (Do đã hình thành từ nhỏ nên giống như là bẩm sinh, do thói quen mà thành tự nhiên). Đây là địa vị thấp nhất trong hàng Bồ Tát, huân tập thành chủng tánh. *"Tánh"* (性) là không thay đổi, có ý nghĩa "chẳng thay đổi". Nói cách khác, đây chính là Sự nhất tâm bất loạn như kinh Di Đà đã nói, phẩm vị vãng sanh đương nhiên là cao. Thượng phẩm vãng sanh gồm nhiều thứ bậc, cho đến Đẳng Giác Bồ Tát gồm bốn mươi mốt cấp bậc. Đây là công phu thấp nhất trong thượng phẩm vãng sanh. Hiểu đạo lý này, chúng ta bèn biết tầm trọng yếu của việc niệm Phật. Chúng ta niệm Phật có còn cần phải tạp tu hay không? Tạp tu thì khi nào quý vị mới có thể tu đạt đến Tập Chủng Tánh? Tập Chủng Tánh chẳng thể đạt tới thì Tánh Chủng Tánh càng khó hơn nữa, Đạo Chủng Tánh khỏi phải trông mong! Mỗi tầng một cao hơn, chúng ta nhất định phải nhớ kỹ điều này, cảnh giác rất sâu!

Trong Tây Phương Xác Chỉ, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát đã

cảnh tỉnh chúng ta: *"Người niệm Phật kỵ nhất là xen tạp"*. Xen tạp là gì? Có khi đọc kinh hoặc tụng kinh, tụng kinh là xen tạp. Đương nhiên là chẳng phải tụng kinh Di Đà hay kinh Vô Lượng Thọ. Nếu tụng những kinh này [mà là xen tạp], Ngài đã không chủ trương niệm Phật trong một cây hương, niệm một quyển kinh A Di Đà, niệm ba biến Vãng Sanh Chú, niệm một ngàn câu Phật hiệu. Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát dạy chúng ta như thế. Nếu niệm kinh Vô Lượng Thọ cũng là xen tạp, chẳng phải là chính Ngài đã ăn nói điên đảo ư? Kinh Vô Lượng Thọ và kinh Di Đà đồng bộ, những gì chẳng đồng bộ thì đều là xen tạp. Nói cách khác, chẳng cần niệm những kinh khác [ngoài kinh Tịnh Độ]! Đối với Tịnh Độ Ngũ Kinh, niệm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm hoặc niệm Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, theo tiêu chuẩn của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát, đều là xen tạp, huống hồ những kinh điển ở ngoài Tịnh Tông! Vì sao hạn chế nghiêm ngặt như vậy? Khiến cho quý vị thành tựu Tập Chủng Tánh, đạo lý ở chỗ này! Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, vô lượng vô biên pháp môn không cần học mà thảy đều đạt được, thảy đều thành tựu, điều này chẳng thể nghĩ bàn, chúng ta nhất định phải ghi nhớ chuyện này!

Tam Hiền Bồ Tát *"tổng danh giải hạnh"* (gọi chung là giải hạnh), địa vị Tam Hiền (trên Tam Hiền là địa vị Thập Thánh), thuộc về nội phàm trong Biệt Giáo. Địa vị Thập Tín là ngoại phàm. Thập Tín vị Bồ Tát đắc Sự nhất tâm bất loạn, chúng ta cũng thường nói là "công phu thành phiến". Trong công phu thành phiến, cũng có cạn hay sâu khác nhau, các Ngài tương đối sâu hơn một chút.

***(Diễn) Du du phàm phu thị danh tự nhân, thượng vị phục Hoặc, tu hành bất tinh tấn giả.***

**(演)悠悠凡夫是名字人，尚未伏惑，修行不精進者。**

*(**Diễn**: "Phàm phu chểnh mảng" là người thuộc địa vị Danh Tự, còn chưa chế phục phiền não, tu hành chẳng tinh tấn)*.

Nói hàng *"phàm phu chểnh mảng"*, [tức là những kẻ] giống như phàm phu, ắt phải niệm đến mức công phu thành phiến, tịnh nghiệp hễ thành sẽ được vãng sanh. Quý vị phải thành tựu tịnh nghiệp thì mới được! Ba nghiệp thân, miệng, ý đã thanh tịnh, phiền não sẽ như thế nào? Còn chưa đoạn phiền não, thậm chí còn chưa chế phục. Nhưng ba nghiệp thanh tịnh, nói thật ra, phiền não bị khuất phục, mới bị khuất phục, vừa mới chế ngự, điều phục nó. Vừa chế phục, bèn có thể vãng sanh, hạ hạ

phẩm vãng sanh! [Phiền não] vừa mới có thể chế phục mà còn có hiệu quả to tát ngần ấy. Chế phục phiền não do một câu Phật hiệu. Trong tâm chúng ta vừa khởi tâm động niệm, ngay lập tức đổi nó thành Phật hiệu, tuyệt đối đừng để vọng niệm tiếp tục dấy lên; đó chính là chỗ chúng ta trông cậy để vãng sanh. Trong kinh, đức Phật dạy chúng ta: Chúng ta có thể làm được điều này, kinh điển là giấy bảo chứng, bảo đảm và chứng thực quý vị vãng sanh.

*"Nãi chí ác nhân"* (Cho đến kẻ ác), suốt đời mê hoặc, điên đảo, tạo tác khá nhiều tội ác; một ngày nào đó, người ấy nghe tới công đức của danh hiệu bèn giác ngộ, thật sự sám hối. Sám hối có phải là đối trước Phật, Bồ Tát, dập đầu đảnh lễ, gào to khóc rống, kể lể tội lỗi của chính mình hay không? Chẳng cần phải vậy. Vì sao? Quý vị ở nơi Phật, Bồ Tát nghĩ tưởng tội lỗi một lần, nhắc lại một lần, tức là lại tạo tác hai lần. Sám hối là gì? Một câu A Di Đà Phật là sám hối. Những thứ trước kia đều đoạn hết, thảy đều chẳng màng tới chúng, thảy đều vứt bỏ, từ nay trở đi, sẽ là một câu A Di Đà Phật, đấy chính là thật sự sám hối. Những tội ác trong quá khứ còn nghĩ tới để làm gì? Nghĩ một lần là trong tâm tạo một lần, đáng sợ thay! Định nghĩa của sám hối là *"hậu bất tái tạo"* (về sau chẳng còn tạo nữa), từ nay trở đi, ta chẳng còn tạo nữa! Niệm A Di Đà Phật sẽ chẳng tạo; chẳng niệm A Di Đà Phật sẽ còn tiếp tục tạo. Chẳng niệm A Di Đà Phật bèn tạo nghiệp. Vì lẽ đó, người niệm Phật suốt ngày từ sáng đến tối Phật chẳng lìa tâm, phải như vậy thì mới được.

Hoàn cảnh trong nhà khiến ta chẳng thể giữ cho Phật hiệu không gián đoạn suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ thì chúng ta mang theo máy nghe cá nhân, thứ này rất hợp mode. Người khác nghe lục đạo luân hồi, chúng ta nghe A Di Đà Phật, nghe Tây Phương Cực Lạc thế giới, do chúng ta tạo tịnh nghiệp nên thành tựu tịnh nghiệp, dùng phương pháp này. Cả nhà niệm Phật là tốt nhất. Âm thanh của Phật hiệu suốt hai mươi bốn giờ từ đầu năm cho đến cuối năm đều chẳng gián đoạn, đạo tràng ấy chẳng thể nghĩ bàn.

***(Sao) Đản niệm Phật giả, diệc đắc vãng sanh, thị thông lợi độn.***

**(鈔)但念佛者，亦得往生，是通利鈍。**

*(**Sao**: Chỉ cần niệm Phật cũng được vãng sanh, lợi căn và độn căn đều là như vậy).*

Bồ Tát lợi căn, chúng sanh chểnh mảng là độn căn.

***(Sao) Hựu quỷ, súc, địa ngục, thư, hùng, tẫn, mẫu, diệc khả quân danh nam nữ.***

**(鈔)又鬼畜地獄，雌雄牝牡，亦可均名男女。**

*(**Sao**: Lại nữa, quỷ, súc sanh, địa ngục, trống, mái, đực, cái, cũng đều có thể gọi là nam nữ).*

Lục đạo chúng sanh thảy đều được bao gồm.

***(Sao) Đản niệm Phật giả, câu đắc vãng sanh, thị thông nhất thiết chúng sanh dã.***

**(鈔)但念佛者，俱得往生，是通一切眾生也。**

*(**Sao**: Chỉ cần niệm Phật sẽ đều được vãng sanh, hết thảy chúng sanh đều là như vậy).*

Quý vị ngẫm xem, pháp môn này có phạm vi nhiếp thọ rộng lớn dường ấy! Không chỉ là thế giới này, mà mười phương vô lượng vô biên các cõi Phật, A Di Đà Phật đều bình đẳng nhiếp thọ.

***(Sao) Kê cổ nghiệm kim, phả tải nhất, nhị, nguyện tường lãm yên.***

**(鈔)稽古驗今，頗載一二，願詳覽焉。**

*(**Sao**: Dẫn chuyện xưa để suy nghiệm chuyện nay, [những điều được chép trong truyện ký] chỉ là ghi chép một hai điều, mong hãy xem kỹ).*

Bảo chúng ta hãy quan sát cặn kẽ, chứng nghiệm. Từ xưa đến nay đã có các ghi chép, đúng là trong ngàn vạn chỉ ghi chép một, hai [trường hợp]. Người được chép trong Vãng Sanh Truyện chẳng nhiều. Đó là những người vãng sanh được mọi người hay biết, còn có nhiều người vãng sanh nhưng không ai biết, nên chẳng ghi chép. Chúng sanh trong ác đạo, quỷ đạo, địa ngục đạo, chúng ta đâu có biết. Bộ sách Vật Do Như Thử chuyên ghi chép chuyện súc sanh vãng sanh. Sau khi quý vị đọc sách ấy, liền biết danh hiệu Di Đà có công đức chẳng thể nghĩ bàn.

Phàm là người tin nhận, nhất tâm xưng niệm, chẳng có ai không vãng sanh. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, công đức học Phật

của chúng ta mới coi như viên mãn, đại công cáo thành. Phải biết rằng đây chẳng phải là chuyện một đời, mà là do nhiều đời nhiều kiếp tích lũy, nên mới có thành tựu như ngày nay. Do vậy, phải quý trọng đời này, phải nỗ lực, phải tinh tấn, quyết định chớ nên bỏ lỡ. Hết thảy chuyện thuộc về nhân sự trong thế gian hãy để mặc nó, phải chịu đựng, chỉ cần chẳng trở ngại chúng ta niệm Phật thì chuyện gì cũng đều hứng chịu được, hòng thành tựu đạo nghiệp của chính mình. Đây là chuyện lớn bậc nhất trong một đời này. Hôm nay, chúng tôi giảng tới đây!

***Tập 221***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm ba mươi lăm:

***(Sớ) Thứ văn hữu tam: Vị Di Đà danh hiệu, thị tiêu niệm cảnh; chấp trì nhất tâm, thị minh niệm pháp; nhất nhật, thất nhật, thị khắc niệm kỳ.***

**(疏)次文有三：謂彌陀名號，是標念境；執持一心，是明念法；一日七日，是剋念期。**

*(**Sớ**: Đoạn kinh văn kế tiếp gồm có ba phần: Nói đến danh hiệu Di Đà nhằm nêu ra niệm cảnh. Chấp trì và nhất tâm là nêu rõ cách niệm. Một ngày [cho đến] bảy ngày là ấn định kỳ hạn niệm Phật).*

*"Cảnh"* (境) là nói tới cảnh giới.

***(Diễn) Niệm cảnh giả, tức sở quán chi lý; niệm pháp, tức năng quán chi trí.***

**(演)念境者，即所觀之理；念法，即能觀之智。**

*(**Diễn**: Niệm cảnh là cái lý được quán, niệm pháp là cái trí để quán [cái lý ấy]).*

Đều dùng cách giải thích của tông Thiên Thai. Một câu A Di Đà Phật là đức hiệu của tự tánh lý thể. Từ kinh Đại Bổn và kinh này, đối với tầng ý nghĩa này, có thể nói là chúng ta đều có mức độ thấu hiểu kha khá. Ý nghĩa được bao hàm trong danh hiệu này xác thực là sâu rộng, chẳng có ngằn mé, xác thực là toàn thể của chân tâm trong tự tánh. Theo Đàn

Kinh, khi khai ngộ, Lục Tổ đại sư đã nói ra năm câu, chẳng có câu nào ra ngoài những ý nghĩa được bao hàm trong một câu danh hiệu [A Di Đà Phật] này. Do vậy có thể biết, câu danh hiệu này chẳng có pháp thế gian hay xuất thế gian nào là chẳng bao trùm.

*"Chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn"*, câu này là phương pháp. Ở đây, đại sư đã chỉ ra *"năng quán chi trí"*. Câu này hết sức hay. Vì có những người hiểu lầm "do niệm Phật thì nhiều nhất là có thể đắc Định, niệm đến mức tâm thanh tịnh, chứ người niệm Phật chẳng có trí huệ Bát Nhã". Khá nhiều kẻ có sự nhận biết sai lầm ấy, trọn chẳng biết *"chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn"* là trí huệ tối thượng thừa. Trong hội Hoa Nghiêm, Văn Thù và Phổ Hiền chọn lựa pháp môn này. Trong Đại Kinh, chúng ta thấy Di Lặc Bồ Tát cũng chọn lựa pháp môn này. Di Lặc Bồ Tát không chỉ chọn lựa trong kinh Vô Lượng Thọ, trong kinh Di Đà cũng nêu tên Ngài. A Dật Đa (Ajita)[10] chính là tên của Ngài. Có thể thấy là những vị Đẳng Giác Bồ Tát đều chọn lựa pháp môn này, chẳng thể nói các Ngài không có trí huệ.

***(Sao) Phi cảnh, tắc pháp vô sở thi.***
**(鈔)非境，則法無所施。**
*(**Sao**: Chẳng có cảnh, sẽ chẳng có pháp nào để thực hiện).*

Cảnh giới là phương hướng và mục tiêu, cũng là điều chúng ta mong cầu. Nếu chẳng có điều này, tất cả hết thảy các phương pháp rốt cuộc đều dẫu có mà như không. Dẫu phương pháp tốt đẹp đến mấy mà chẳng có mục tiêu thì cũng trở thành rỗng tuếch.

***(Sao) Phi pháp, tắc cảnh vi hư lập.***
**(鈔)非法，則境為虛立。**
*(**Sao**: Chẳng có pháp thì cảnh chỉ được kiến lập suông).*

Chẳng có phương pháp tốt đẹp, A Di Đà là Chân Như bản tánh của chúng ta, vĩnh viễn chẳng thể chứng đắc Chân Như bản tánh ấy.

---

[10] A Dật Đa có nghĩa là "không ai thắng được". Do đó, người Hoa thường dịch danh hiệu này thành Vô Năng Thắng. A Dật Đa là tên, còn Di Lặc (Maitreya, Từ) là họ. Vì thế, đôi khi kinh điển ghi tên họ của Bồ Tát là Từ Thị Vô Năng Thắng.

***(Sao) Phi kỳ, tắc tuy cảnh thắng, pháp cường, giải đãi, nhân tuần, công bất tốc kiến.***

**(鈔)非期，則雖境勝法強，懈怠因循，功不速建。**

*(**Sao**: Chẳng có kỳ hạn thì tuy cảnh thù thắng, pháp mạnh mẽ, nhưng vì biếng nhác, chần chừ, công phu chẳng được kiến lập nhanh chóng).*

Nếu chẳng có kỳ hạn nhất định để đạt tới, sự tu hành sẽ xa vời vợi, khi nào thì mới có thể thành tựu? Hễ thời gian lâu dài, người ta sẽ giải đãi, lười nhác. Nói cách khác, tinh thần chẳng thể phấn chấn được! Nhất định là phải ấn định một kỳ hạn, định ra một thời khóa biểu hằng ngày, trong một thời gian bao lâu đó, chúng ta nhất định phải hoàn thành đại sự này. Do vậy, ba điều kiện *"cảnh, pháp, kỳ hạn"* thiếu một cũng không được!

***(Sao) Tam sự cụ cố, năng linh tịnh nghiệp quyết định thành tựu.***

**(鈔) 三事具故，能令淨業決定成就。**

*(**Sao**: Do ba chuyện ấy đầy đủ, có thể khiến cho tịnh nghiệp quyết định thành tựu).*

Ở đây, Liên Trì đại sư dùng lời lẽ hết sức khẳng định, khiến cho chúng ta xem xong, chẳng còn có mảy may hoài nghi nào nữa! Tiếp đó, Ngài giải thích tỉ mỉ ba điều kiện *"cảnh, pháp, ấn định kỳ hạn"*.

***(Sớ) Tiêu niệm cảnh giả.***

**(疏)標念境者。**

*(**Sớ**: Nêu ra cảnh để niệm).*

*"Tiêu"* (標) là nêu bày.

***(Sớ) Bỉ Phật vạn đức thành tựu Tịnh Độ nhiếp sanh, cố dĩ A Di Đà Phật tứ tự hồng danh, vi sở niệm chi cảnh. Y chi tu hành, hữu sở nghệ cố.***

**(疏)彼佛萬德成就淨土攝生，故以阿彌陀佛四字洪名，為所念之境，依之修行，有所詣故。**

*(**Sớ**: Đức Phật ấy do vạn đức mà thành tựu cõi Tịnh Độ để nhiếp*

*hóa chúng sanh, nên dùng hồng danh bốn chữ A Di Đà Phật làm cảnh để niệm. Nương theo đó tu hành thì sẽ có chỗ để đạt đến).*

*"Nghệ"* (詣: đạt đến) là [nói tới] phương hướng, mục tiêu. *"Bỉ Phật"* là Tây Phương giáo chủ A Di Đà Phật. Từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy một đoạn lịch sử từ lúc Ngài thoạt ban sơ phát tâm tu hành, phát nguyện kiến lập thế giới Cực Lạc.

***(Diễn) Vạn đức thành giáo Tịnh Độ nhiếp sanh giả, nhân tu vạn hạnh, quả thành vạn đức, gia dĩ tứ thập bát nguyện, trang nghiêm Tịnh Độ, nhiếp hóa chúng sanh, bất đồng dư cố.***

**(演)萬德成教淨土攝生者，因修萬行，果成萬德，加以四十八願，莊嚴淨土，攝化眾生，不同餘故。**

*(**Diễn**: "Vạn đức tạo thành cõi Tịnh Độ để nhiếp hóa chúng sanh": Cái nhân là tu vạn hạnh, nên quả là thành tựu vạn đức, lại thêm bốn mươi tám nguyện, trang nghiêm Tịnh Độ, nhiếp hóa chúng sanh, chẳng giống [các vị Phật] khác).*

*"Dư"* (餘) [ở đây] là nói tới những vị Phật Như Lai khác. Nếu chúng ta nói hết thảy chư Phật *"cái nhân là tu vạn hạnh, thành tựu cái quả là vạn đức"*, thì có thể nói là hết thảy chư Phật đều như nhau, chẳng có vị Phật nào không phải là như vậy; nhưng *"bốn mươi tám nguyện, trang nghiêm Tịnh Độ, nhiếp hóa chúng sanh"* thì những vị Phật khác chẳng có. Trong hết thảy chư Phật, bi nguyện của Phật Di Đà chẳng thể nghĩ bàn, phương tiện thiện xảo chẳng thể nghĩ bàn, những vị Phật khác đều chẳng có những điều này. Ngài (A Di Đà Phật) dùng một câu danh hiệu để nhiếp thọ hết thảy chúng sanh. Lý trong ấy hết sức sâu xa, đó gọi là *"chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo"*. Phương pháp hết sức đơn giản, dễ dàng, lý quá sâu, ngay cả Bồ Tát cũng đều chẳng hiểu rõ ràng. Vì vậy, [phàm nhân] vừa thấy phương pháp dễ dàng ngần ấy, chẳng khỏi hoài nghi, [phương pháp này] có xài được hay chăng? Có thể thành tựu hay chăng? Vì lẽ đó, pháp môn này được gọi là *"pháp khó tin"*. Lý quá sâu, chẳng có cách nào thực hiện, chẳng phải là cảnh giới chính mình hòng đạt được. Phương pháp quá dễ dàng, chẳng dám tin tưởng, đó đều là chướng ngại.

Thật ra, tại giảng tòa ở nơi đây, đã nhiều năm ngần ấy, chúng tôi không ngừng lật đi lật lại, nghiên cứu thảo luận, ít nhiều thì [quý vị]

cũng hiểu rõ đôi chút; do vậy, cũng có thể miễn cưỡng tin tưởng. Người tin tưởng, nương theo phương pháp này để tu học, ít nhiều thì cũng đều đạt được đôi chút lợi ích. Sau khi đã đạt được lợi ích, tín tâm càng thêm mạnh mẽ, thật sự có hiệu quả. Trước kia, tu các pháp môn khác, tu bao nhiêu năm chẳng thấy có hiệu quả, tu pháp môn này mấy tháng, quả nhiên thân tâm có biến hóa, khác hẳn. Như vậy thì mới có thể đạt được pháp hỷ, mới có thể chứng thực phương pháp này đáng để học tập, chẳng lừa gạt chúng ta.

***(Diễn) Y chi tu hành giả, chúng sanh vị năng liễu ngộ tự tâm.***

**(演)依之修行者，眾生未能了悟自心。**

*(**Diễn**: Người nương theo pháp ấy tu hành chính là chúng sanh chưa thể liễu ngộ tự tâm).*

Nói rõ vì sao A Di Đà Phật dùng phương pháp thiện xảo như vậy có thể phổ độ lục đạo chúng sanh. Ở đây, đã vì chúng ta nói ra sự thật này, chúng sanh chưa khai ngộ!

***(Diễn) Vị đắc thoát thể vô y.***

**(演)未得脫體無依。**

*(**Diễn**: Chưa thể thoát khỏi thể, không nương cậy).*

Chưa khai ngộ thì phải tìm nơi nương tựa, phải tìm chỗ nương dựa vững chắc. Đã ngộ thì chẳng cần, lúc đó mới thật sự là đội trời đạp đất, là bậc vô y đạo nhân. Vô y đạo nhân thì mức độ thấp nhất là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, mới là thật sự đội trời đạp đất. Trước khi đạt đến Sơ Trụ, tức là trước khi kiến tánh, kể cả hàng Thanh Văn, Duyên Giác, và Quyền Giáo Bồ Tát, trước khi minh tâm kiến tánh thì đều phải có nơi nương tựa.

***(Diễn) Tất tu y cảnh phát tâm thú hướng hữu địa.***

**(演)必須依境發心趣向有地。**

*(**Diễn**: Ắt phải nương vào cảnh để phát tâm, thì sẽ có mục đích để hướng về).*

Phải cậy vào những điều này. Ở đây, tôi khuyên khắp các vị đồng tu, chúng ta dựa vào kinh Vô Lượng Thọ, dựa vào Di Đà Kinh Sớ Sao

Diễn Nghĩa, chúng ta phải dựa vào những thứ ấy, nương tựa câu vạn đức hồng danh này. Dựa vào kinh nhằm giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín. Tín tâm chẳng thể kiến lập thì nguyện hạnh chẳng cần bàn tới nữa. Do vậy, quan trọng nhất là kiến lập tín tâm. *"Tín tâm thanh tịnh, tắc sanh Thật Tướng"* (Tín tâm thanh tịnh, bèn sanh Thật Tướng), trong kinh Kim Cang, đức Phật nói như vậy. Thật Tướng là chân lý, tín tâm thanh tịnh thì quý vị có thể thấy chân lý, chân lý là gì? Xác thực là một câu danh hiệu này. *"Thú hướng hữu địa"* (趣向有地), *"địa"* (地) là mục đích.

***(Diễn) Kim y Phật danh, như long đắc thủy, như hổ kháo sơn, hữu sở nghệ cố.***

**(演)今依佛名，如龍得水，如虎靠山，有所詣故。**

*(**Diễn**: Nay nương vào danh hiệu Phật, sẽ như rồng được nước, như cọp dựa vào núi, nên có chỗ để hướng về).*

Nay chúng ta nương vào câu vạn đức hồng danh này, chúng ta biết chỉ cần thật thà niệm Phật chẳng gián đoạn, quyết định vãng sanh Tịnh Độ, sanh vào thế giới Tây Phương bèn quyết định thành Phật trong một đời. Đúng là *"như long đắc thủy, như hổ kháo sơn"* (như rồng được nước, như cọp dựa vào núi), mới biết pháp môn này thù thắng khôn sánh! Có thể nghe pháp môn này tức là chư vị có phước, có duyên phận được nghe. Nhưng sau khi đã nghe, chính mình có chịu nghiêm túc thực hiện hay không, đó là phước phận của chư vị! Đã có duyên mà thiếu phước, thiếu phước tức là chẳng chịu nghiêm túc tu. Chẳng có huệ, tức là chẳng lý giải lý luận này. Chẳng có huệ cũng không sao cả! Hễ có phước thì đều có thể thành tựu. Ta không hiểu, không hiểu đừng sợ, ta cứ thật thà niệm, sẽ vãng sanh y hệt, thành công y hệt. Phước còn trọng yếu hơn huệ! Người chẳng có phước thật đáng thương, có huệ [mà thiếu phước] sẽ vô dụng! Có huệ [mà thiếu phước] chính là cuồng huệ; tuy hiểu, chẳng chịu hành! Dưới đây là hiển thị công đức của danh hiệu.

***(Sao) Cực Lạc y chánh, ngôn Phật tiện châu. Phật công đức hải, diệc ngôn danh tiện châu. Cố dĩ tứ tự danh hiệu vi cảnh.***

**(鈔)極樂依正，言佛便周，佛功德海亦言名便周，故以四字名號為境。**

*(**Sao**: Đối với y báo và chánh báo trong cõi Cực Lạc, hễ nói*

*"Phật" liền trọn đủ. Đối với biển công đức của Phật, cũng nói đến danh hiệu liền trọn đủ. Vì thế, dùng danh hiệu gồm bốn chữ để làm cảnh).*

Chẳng ai có thể nói trọn hết về y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc. Kinh Vô Lượng Thọ có nói: Dẫu tất cả hết thảy chúng sanh trong mười phương thế giới đều chứng quả Bích Chi Phật, trí huệ và thần thông đều giống như Đại Mục Kiền Liên, cùng nhau tính toán, vẫn tính chẳng ra, thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Nhưng câu A Di Đà Phật bốn chữ này có thể nói là hết thảy trang nghiêm đều được bao gồm. *"Ngôn Phật tiện châu"* (Nói Phật liền trọn hết), Châu (周) có nghĩa là viên mãn, một câu Phật hiệu bèn viên mãn. *"Phật công đức hải"* (Biển công đức của Phật), [nói đến] công đức của A Di Đà Phật. *"Hải"* (海) là tỷ dụ sự rộng lớn, công đức sâu rộng chẳng thể nghĩ bàn, cũng là một câu danh hiệu này bao trùm trọn hết. Danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn! Trong vô lượng vô biên pháp môn, chẳng có pháp môn nào có thể sánh cùng danh hiệu này để luận định. Chúng ta phải nhận biết rõ ràng chuyện này; sau đó, quý vị mới có thể khăng khăng một mực chấp trì danh hiệu.

Chiều hôm nay, có một vị lão cư sĩ đến đây thọ Tam Quy, có kể với tôi là năm mươi năm trước cụ đã được một vị Thượng Sư bên Mật Tông quán đảnh, dạy cụ trì ba bài chú: "Ba bài chú ấy đã niệm hơn năm mươi năm, tôi chẳng thể buông bỏ được. Dẫu quy y ở nơi đây, tôi vẫn tiếp tục trì chú". À! Ông cứ tiếp tục trì chú cũng được thôi! Chẳng biết công đức của danh hiệu. Danh hiệu có công đức vượt trỗi thần chú quá nhiều, [công đức của thần chú] chẳng thể sánh bằng! Niệm chú văn hơn năm mươi năm mà vẫn là tình cảnh như vậy. Nếu khăng khăng một mực niệm danh hiệu này, niệm ba năm, quý vị sẽ khác hẳn! Thật sự nghiêm túc niệm ba năm, quý vị sẽ đạt được kết quả như thế nào? Sanh tử tự tại, quý vị muốn vãng sanh lúc nào bèn vãng sanh lúc ấy. Mong ở lại thêm mấy năm nữa, cũng chẳng trở ngại, công đức của danh hiệu có thể khiến cho quý vị đạt tới cảnh giới ấy.

Theo Vãng Sanh Truyện và Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, bao nhiêu người niệm Phật ba năm bèn vãng sanh, có phải là thọ mạng của những người ấy còn đúng ba năm? Chẳng phải vậy! Công phu của họ đã đạt đúng mức, có thể tùy ý vãng sanh. Do họ chẳng muốn ở trong thế giới này lâu hơn nữa, họ đi trước, chẳng phải là thọ mạng đã hết mới ra đi, mà là đi trước. Nếu không, rất nhiều người ba năm vãng sanh, há có

chuyện khéo trùng hợp như vậy ư? Chẳng phải vậy, công phu niệm Phật của người ta đã đạt mức, so sánh giữa hai thế giới, ở đây quá khổ, bên đó quá thoải mái, ai mà chẳng muốn ra đi? Họ có bản lãnh ấy. Còn có những người chưa đi là vì có chuyện còn vướng mắc ở nơi đây. Chuyện gì vậy? Tuyệt đối chẳng phải là chuyện vướng mắc trong gia đình, mà là chuyện hoằng pháp lợi sanh: Còn có những chúng sanh hữu duyên với họ, có thể giúp họ vãng sanh. Để giải quyết mối duyên ấy, họ phải chậm trễ mấy hôm, khuyên lơn người nhà, quyến thuộc, đồng tham đạo hữu, giúp đỡ họ tu tịnh nghiệp. Chỉ có lý do này mà họ bằng lòng ở lại lâu dài trong thế gian. Những bài chú kia chẳng có năng lực ấy, nhưng pháp môn này có năng lực ấy! Nếu quý vị chẳng chịu làm, hết cách!

Quý vị niệm Phật đứt đứt nối nối, dường có, dường không, khi niệm lại xen tạp vọng tưởng, niệm kiểu đó thì ba mươi năm, ba trăm năm vẫn chẳng đắc lực. Thật sự niệm đến mức *"tịnh niệm tương kế"* (tịnh niệm liên tục), chỉ cần đạt tới tiêu chuẩn bốn chữ ấy. *"Tịnh niệm tương kế"* là chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, chẳng hoài nghi. Có hoài nghi, tâm quý vị chẳng thanh tịnh, tâm xen tạp chẳng thanh tịnh. Hai chữ *"tịnh niệm"* (淨念) bao gồm [các ý nghĩa] chẳng hoài nghi, không xen tạp. *"Tương kế"* (相繼: tiếp nối) là không gián đoạn. Nếu nói theo kinh, bảy ngày bèn thành tựu; nhưng do chúng ta nghiệp chướng quá nặng, bảy ngày chẳng đạt được, tuyệt đại đa số là ba năm. Người ta ba năm thành tựu, chẳng thể kể xiết! Họ ba năm bèn có thể thành tựu, cớ sao chúng ta ba năm mà vẫn chẳng thể thành tựu? Quyết định là có thể thành tựu. Vì sao không nghiêm túc hành ba năm hòng giải quyết cho xong đại sự sanh tử của chính mình? Đây là nhân duyên hy hữu khó gặp từ vô thỉ kiếp tới nay. Trong một đời này, vì sao hằng ngày chúng ta cứ vận dụng hết mưu mẹo để đấu đá cùng kẻ khác, tranh luận đúng sai với người ta? Chẳng có ý nghĩa chi hết! Suy nghĩ về những khởi tâm động niệm, hết thảy những gì đã làm trong cuộc sống hằng ngày, [sẽ thấy] toàn là tạo nghiệp luân hồi. Trong nghiệp luân hồi, lại còn tạo nghiệp của ba ác đạo, đáng sợ quá! Vì sao chẳng buông hết những thứ ấy xuống để thật thà niệm Phật?

Trịnh cư sĩ bảo tôi: Ở chỗ pháp sư Diệu Liên tại Bộ Lý[11] thường đả Phật Thất, có những bà cụ tham gia mấy chục Phật Thất. Tôi nói: "Có

[11] Bộ Lý (埔里), còn đọc là Phố Lý là một trấn thuộc huyện Nam Đầu ở miền trung Đài Loan, khá nổi tiếng về phong cảnh ngoạn mục. Tên gọi Bộ Lý phát xuất từ chữ Purisia trong thổ ngữ Kaxabu của thổ dân Đài Loan.

hữu dụng hay không?" Người nào hữu dụng? Ở đó, có những bà cụ rất thật thà, chuyện gì cũng chẳng biết, suốt ngày từ sáng đến tối chỉ biết *"A Di Đà Phật, A Di Đà Phật"*, quý vị chửi họ, họ cũng không biết là đang chửi họ! Người như vậy sẽ thành công, vì sao? Họ chẳng có vọng niệm. Quý vị chửi họ, châm chọc họ, lăng nhục họ, họ chẳng hiểu là đang chửi họ. Hạng người ấy trong tương lai quyết định vãng sanh. Vì sao? Người ta thật sự làm được bốn chữ *"tịnh niệm tương kế"*. Người Hoa thường nói *"thông minh đâm ra bị thông minh làm cho lầm lẫn"*. Thông minh chẳng phải chuyện tốt, vì chính mình quá thông minh, nên mới tạo tác ba ác đạo. Kẻ chẳng thông minh, sẽ chẳng tạo tác ba ác đạo.

***(Diễn) Ngôn danh tiện châu giả, dĩ thế gian chi danh, danh vô đắc vật chi công, vật vô đương danh chi thật, danh thật bất năng tương xứng.***

**(演)言名便周者，以世間之名，名無得物之功，物無當名之實，名實不能相稱。**

*(**Diễn**: Nói tới danh hiệu liền trọn đủ, bởi đối với danh từ trong cõi đời thì danh xưng chẳng có công năng của vật, mà vật chẳng phải là thực chất xứng với tên gọi. Danh xưng và sự thật chẳng thể tương xứng).*

Nói tới thế giới của chúng ta, danh là giả. Lão Tử nói: *"Danh khả danh, phi thường danh; đạo khả đạo, phi thường đạo"*[12]. Trong Bách Pháp của tông Duy Thức, Danh được xếp vào loại Bất Tương Ứng Hành Pháp. Đó là danh và thực chẳng tương xứng.

***(Diễn) Kim Phật danh giả.***

**(演)今佛名者。**

*(**Diễn**: Nay danh hiệu Phật).*

Giải thích danh hiệu A Di Đà Phật khác hẳn. Quý vị coi Phật hiệu như danh hiệu trong thế gian sẽ là sai lầm đặc biệt to tát.

---

[12] Câu này đã được Vương Bật (226-249), tự là Phụ Tự, một nhà kinh học (chuyên nghiên cứu kinh điển Nho gia) nổi tiếng thời Tấn - Ngụy, giảng như sau: *"Khả đạo chi đạo, khả danh chi danh, chỉ sự tạo hình, phi kỳ thường dã"* (Cái đạo mà có thể diễn tả, cái tên mà có thể gọi thì toàn là những điều thuộc về sự vật, có hình tướng, chẳng phải là thường hằng). Điều này có thể tạm hiểu thô thiển là ngôn ngữ, danh xưng có hạn cuộc, chẳng thể diễn tả đạo lý chân thật và chân tánh được!

***(Diễn) Danh ngoại vô thật, thật ngoại vô danh, danh thật bất nhị, cố ngôn danh tiện châu.***

**(演)名外無實，實外無名，名實不二，故言名便周。**

*(**Diễn**: Ngoài danh chẳng có thật, ngoài thật chẳng có danh, danh và sự thật chẳng hai, nên nói đến danh bèn trọn đủ).*

Danh hiệu ấy chân thật, chẳng giả! *"Danh khả danh, phi thường danh"* như Lão Tử đã nói chẳng thể áp dụng vào A Di Đà Phật được. A Di Đà Phật đích xác là *"thường danh"* (danh hiệu thường hằng)! Thế giới này có thành, trụ, hoại, không, danh hiệu A Di Đà Phật chẳng có thành, trụ, hoại, không. Tận hư không khắp pháp giới, mười phương ba đời hết thảy chư Phật, Bồ Tát đều tuyên dương [danh hiệu A Di Đà Phật], vượt trỗi thời gian và không gian! Vì thế, danh hiệu A Di Đà Phật là thường danh, thường đạo, tuyệt đối chẳng phải là cái danh chẳng thường hằng, hoặc đạo chẳng thường hằng. Rất khó nhận biết điều này! Người bình phàm trong cõi đời, nói thật ra, ngay cả Quyền Giáo và Tiểu Thừa cũng bao gồm trong ấy (trong số những kẻ không nhận biết), từ vô lượng kiếp tới nay, do tập khí hư vọng giở trò quấy phá, [ai nấy] cũng đều coi danh hiệu [A Di Đà Phật] này như giả danh. Coi như giả danh, sẽ chẳng thọ trì nghiêm túc, chẳng dễ gì đạt được nhất tâm.

***(Sao) Y ư thử cảnh, nhi gia chấp trì, nhiên hậu hướng vãng hữu địa. Nghệ, chí dã, vị chí ư bỉ quốc dã.***

**(鈔)依於此境，而加執持，然後向往有地。詣，至也，謂至於彼國也。**

*(**Sao**: Nương theo cảnh ấy, lại còn chấp trì, sau đấy sẽ có chỗ để hướng về. "Nghệ" là đến, ý nói: Đạt tới cõi ấy).*

Đối với thế gian, [thật ra] đừng nói là thế gian, kể cả xuất thế gian, ngay cả bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ trong thế giới Hoa Tạng đều chẳng thể vượt khỏi phạm vi này. Phạm vi gì vậy? Phạm vi hạnh phúc. Người nào hạnh phúc nhất? Người niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ hạnh phúc bậc nhất, ngay cả Văn Thù, Phổ Hiền đều thuộc trong số ấy. Các Ngài niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, hạnh phúc bậc nhất! Nay chúng ta phước báo đích xác là ở ngay trước mặt, nhưng chính mình chẳng muốn hưởng thụ, vứt bỏ nó, suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung, chẳng chịu thật thà niệm Phật. Đáng tiếc lắm! Có những

người thật sự dụng công, nhưng chẳng gặp được duyên phận này, chẳng biết pháp môn này, rất đáng thương, chẳng có cách nào cả! Có duyên phận gặp gỡ, mà chẳng chịu nghiêm túc tu tập, đó là *"kẻ đáng thương xót"* như kinh điển đã nói, thật sự đáng thương! Người khác nghĩ [muốn biết pháp môn này] còn chẳng được, quý vị gặp gỡ mà chẳng biết dùng! Đã gặp gỡ mà chẳng thể nắm chặt lấy, quý vị nói xem: Đáng tiếc lắm phải không? Do đó, nhất định phải nương theo bộ kinh điển này và nương theo Phật hiệu này. Người hủy báng bộ kinh điển này, chướng ngại nó, mắc tội bậc nhất trong hết thảy các tội báng pháp. Quý vị hủy báng Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh cũng chẳng nặng bằng hủy báng kinh này. Vì sao? Đối với Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, chưa chắc quý vị đã có thể thành tựu trong một đời! Gặp gỡ bộ kinh này, nhất định sẽ thành Phật trong một đời; do đó, nó có công đức bậc nhất. [Vì thế], hủy báng [kinh này] cũng mắc tội báo bậc nhất, nhất định sẽ đọa vào địa ngục A Tỳ.

Bản thân chúng ta chẳng học, [lại còn] chướng ngại người khác học, do tội lỗi ấy sẽ đọa địa ngục. Bản thân chúng ta không học, tán thán người khác học, hoan hỷ người khác học, người ta thành Phật, tương lai còn có thể lôi kéo chúng ta, ta còn được hưởng ké. Nếu ta hủy báng, chướng ngại họ, họ chẳng thể vãng sanh, trong tương lai, ta đọa địa ngục càng sâu. Những chân tướng sự thật này đều phải hiểu rõ ràng, sau đấy, quý vị mới biết "trong kiếp này, ta tu phước như thế nào". Tu phước, chính mình nghiệp chướng sâu dầy, niệm chẳng được! Khuyên người khác niệm, tốt lắm, đó là tu đại phước báo. Nhất là bản hội tập của Hạ lão cư sĩ thật sự rất tuyệt diệu, bản hội tập ấy là bản tổng hợp hoàn thiện của năm bản dịch gốc, thật sự là kinh bậc nhất *"danh xứng với thực"* trong hết thảy các kinh. Quý vị niệm kinh này một lần cũng giống như niệm cả năm bản dịch một lượt, quá khó có!

Nương theo bộ kinh này, nương theo danh hiệu này, *"nhi gia chấp trì"* (lại còn chấp trì), kiên định chấp trì, quyết định chớ nên lơi lỏng, *"nhiên hậu hướng vãng hữu địa"* (sau đấy mới có chỗ để hướng về). *"Hướng"* (向) là phương hướng. Đời này, quý vị có phương hướng, có một mục tiêu. Trong đời người có phương hướng, có mục tiêu, thì đời này mới thật sự có ý nghĩa, thật sự có giá trị, biết ta vì sao mà sống. Có bao nhiêu người sống say chết mộng, chẳng biết vì sao mà sống, đáng thương quá! Suốt một đời nỗ lực, vì ai nỗ lực, cũng chẳng hiểu rõ ràng. Do vậy, mỗi người, nhất là người thuộc lứa tuổi trung niên, hãy khéo

phản tỉnh, ta sống trong thế gian này để làm gì? Ta mỗi ngày bận bịu như thế là vì ai mà bận bịu? Bận bịu như vậy có đáng hay chăng? Bận bịu suốt cả một đời, chẳng thành tựu được gì, chẳng biết là đang làm gì? Đó mới là đáng thương, đó là mê hoặc, điên đảo!

Người học Phật đến hỏi tôi, tôi hỏi ngược lại kẻ đó: "Quý vị học Phật gì vậy? Học Phật như thế nào?" Người ấy đáp: "Tôi tu hành". "Tu hành gì vậy?" Đều đáp chẳng được! [Nếu đáp] "tôi niệm kinh gì" hoặc "niệm chú gì", đó là đáp chẳng đúng với câu hỏi! Học Phật kiểu đó, sẽ đạt được kết quả gì? Đó là mê tín thật sự. Nói thật ra, chẳng bằng một bà lão! Hỏi bà lão: "Bà cầu gì?" "Tôi cầu Tây Phương Cực Lạc thế giới, tôi mong gặp A Di Đà Phật". Mục tiêu ấy thật sự vĩ đại! Bà cụ có phương hướng, có mục tiêu, chẳng sống uổng phí một đời này. Mục tiêu và phương hướng đã xác định, thân, tâm, thế giới hết thảy đều buông xuống! Buông xuống hết thảy, quý vị hướng đến mục tiêu ấy chẳng bị chướng ngại. Nếu không thể buông xuống thì "buông xuống chẳng được" chính là chướng ngại. Tuy quý vị có phương hướng và mục tiêu, chưa chắc đã có thể đạt tới. Vì sao? Chướng ngại trùng trùng!

Vị thầy Chủ Thất trong Niệm Phật Đường thời thời khắc khắc nhắc nhở quý vị: *"Buông thân, tâm, thế giới xuống, dấy khởi chánh niệm". "Chánh niệm"* là chấp trì danh hiệu. Chỉ có một niệm ấy là chánh niệm. Nói cách khác, trừ một niệm ấy ra, [những niệm khác] thảy đều là tà niệm, phải ghi nhớ điều này. Chỉ có một niệm này là Chánh Tư Duy; ngoài niệm này ra, toàn là vọng tưởng, có mấy ai biết? Lão cư sĩ Hạ Liên Cư nói: *"Trong ức vạn người, một, hai kẻ biết"*. Đúng là chẳng có mấy kẻ biết! Do đó, người học Phật chớ nên làm những chuyện khác nữa, phải chuyên nhất. Hoằng pháp lợi sanh, trước hết là phải nắm vững sao cho chính mình bất cứ lúc nào cũng đều có thể vãng sanh. Ta quyết định đã nắm chắc; sau đấy, ta mới lại hoằng pháp lợi sanh. Vì sao? Chẳng ngăn ngại sự vãng sanh của ta, có thể ra đi bất cứ lúc nào, như vậy thì mới được! Chính mình còn chưa nắm chắc liễu sanh tử, [đã toan] hoằng pháp lợi sanh thì độ sanh chẳng độ được, mà chính mình cũng hỏng bét! Tôi khuyên chư vị đồng tu, không chỉ riêng là tôi khuyên lơn quý vị [như thế], mà trong sự truyền thừa từ đời này sang đời khác của Phật pháp, có vị thầy nào chẳng dặn dò học trò như vậy? Trước hết, hãy thành tựu chính mình. Thiền Tông thì nhất định là đại triệt đại ngộ rồi mới hoằng pháp lợi sanh, Giáo Hạ là đã đại khai viên giải rồi mới ra ngoài giảng kinh, thuyết pháp. Bậc đại đức trong Tịnh Tông cũng nhất

định là chính mình đã nắm vững vãng sanh rồi mới suất lãnh mọi người niệm Phật. Đó là tiêu chuẩn xưa kia. Nay thì chính mình điều gì cũng chẳng hiểu, vẫn cứ muốn hoằng pháp lợi sanh, cổ nhân bảo là *"dĩ manh dẫn manh"*, [nghĩa là] mắt chính mình đã đui, còn dẫn dắt một đám người mù, đi đường nguy hiểm lắm! *"Tương khiên nhập hỏa khanh"* (Sẽ dắt nhau vào hố lửa), kẻ nọ dẫn kẻ kia vào địa ngục A Tỳ!

Thành tựu chính mình như thế nào? Vẫn là một câu nói: *"Thâm nhập một môn"*. Một bộ kinh, một câu Phật hiệu, từ ba năm đến năm năm, quyết định thành tựu. Đến khi chính mình đã thành tựu, sau đấy, quý vị mới có thể học rộng nghe nhiều. Học rộng nghe nhiều chẳng phải vì chính mình, mà nhằm ứng phó với đông đảo chúng sanh. Học rộng nghe nhiều là giai đoạn thứ hai, chẳng phải là giai đoạn thứ nhất, chẳng phải là trong hiện tiền. Hiện tiền phải tu Giới, Định, Huệ, phải tu Căn Bản Trí, phải thành tựu chính mình. Tam Học Giới, Định, Huệ, nói thật ra chính là cuộc sống của chính mình, từ sáng đến tối xử sự, đãi người, tiếp vật là Giới, Định, Huệ. Giới là học gì? Là vâng giữ pháp tắc, tuân thủ quy củ. Xét theo nguyên tắc thì pháp thế gian và Phật pháp chẳng khác gì nhau. Giới học là *"chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành"* (đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành). Ta ghi nhớ điều này, ta tuân thủ. Cụ thể là tổ sư đại đức đã dạy chúng ta bên trong phải tu năm đức: Ôn, lương, cung, kiệm, nhượng (溫,良,恭,儉,讓), tức là tự tu sao cho chính mình ôn hòa, trung hậu, thiện lương, cung thận (恭慎: cung kính, thận trọng, bất luận làm chuyện gì cũng chú ý cẩn thận, đó là cung kính), tiết kiệm (quyết định chẳng lãng phí), nhường nhịn. Chính mình trong tu năm đức, ngoài tu Lục Hòa. Đó là vâng giữ pháp, vâng giữ pháp căn bản, đấy chính là trì giới. Đó là căn cội to lớn của giới hạnh. Năm đức là đối với chính mình, Lục Hòa là đối với người khác, cư xử cùng người khác.

*"Định"* là trong tâm có chủ tể, chẳng tán loạn, nhất tâm hướng tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, hòng thấy A Di Đà Phật, tâm ta có Định. *"Huệ"* là gì? Huệ là hiểu rõ [cảnh giới] bên ngoài, chẳng bị nó dụ dỗ, mê hoặc. Đấy là *"ngoài chẳng chấp tướng, trong chẳng động tâm"*. Ngoài chẳng chấp tướng là Huệ, chẳng có gì ta không minh bạch, chẳng có gì ta không hiểu rõ, tuyệt đối chẳng bị ngoại cảnh ảnh hưởng. Ngoại cảnh thiện cũng vậy, mà ác cũng vậy, thuận cũng thế, mà nghịch cũng thế, thảy đều chẳng liên quan gì đến ta. Trong cảnh giới, ta chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, một câu A Di Đà Phật niệm đến cùng. Do đó, Giới, Định, Huệ là hành vi trong cuộc

sống, từ sáng đến tối mặc quần áo, ăn cơm đều là Giới, Định, Huệ, nói năng, cử chỉ, tất cả đều là Giới, Định, Huệ. Quý vị mới biết Phật pháp chẳng phải là nói suông, chẳng phải là huyền học[13]. Phật pháp là cuộc sống, cuộc sống là Phật pháp. Chư Phật, Bồ Tát xuất hiện trên thế gian như vậy đó, sống cuộc đời như vậy, làm người như vậy, xử thế như vậy. Chúng ta học được bản lãnh ấy, sẽ chẳng khác chư Phật, Bồ Tát.

Quý vị bèn hiểu phương hướng và mục tiêu [có tánh chất] trọng yếu dường ấy. Kiến Hòa Đồng Giải trong Lục Hòa, [có nghĩa là] chúng ta có kiến giải giống nhau, có cùng nhận thức, đều hướng theo phương hướng ấy để nỗ lực, mọi người ở chung với nhau, đương nhiên là một bầu hòa khí, cùng hội cùng thuyền sẽ giúp đỡ lẫn nhau, đôi bên giúp đỡ lẫn nhau, tuyệt đối chẳng thể nào còn có ý kiến tranh chấp, vẫn muốn gây chuyện thị phi. Tranh chấp ý kiến, gây chuyện thị phi, đó chẳng phải là đạo tràng. Nếu nói đó là đạo tràng, sẽ là đạo tràng của địa ngục đạo, chẳng phải là đạo tràng của Phật đạo, mọi người cùng nhau chuẩn bị đọa địa ngục, muốn làm chuyện này. Chúng ta thảy đều phải thấy rõ điều này. Thấy rõ ràng thì hiện thời trong thế gian này, họ vào địa ngục, ta không vào. Ta chính mắt thấy họ đọa địa ngục, mà cũng chẳng có cách nào, chẳng phải là thiếu từ bi, mà vì níu kéo chẳng được! Quý vị khuyên họ, họ đâu có nghe! Nói với họ, họ chẳng hiểu! Đấy là nghiệp chướng quá nặng. Thấy rõ ràng, minh bạch kẻ ấy sẽ đọa lạc, chẳng có cách nào cứu kẻ ấy. Nếu quý vị nói lời thật với họ, họ còn hủy báng thêm. Do lẽ đó, Phật, Bồ Tát chẳng thể xuất hiện trên thế gian, [vì nếu các Ngài] xuất hiện trên thế gian, họ sẽ báng Phật, báng Pháp, tội càng nặng hơn! Phật,

---

[13] Huyền học (玄學): Huyền học là một học phái hình thành từ thời Ngụy - Tấn, chú trọng giải thích, đàm luận những khái niệm u huyền, siêu thế của Lão Tử, Trang Tử và Châu Dịch. Những ngôn từ được dùng trong luận đàm thường cao sâu, uyên áo, xa lìa thực tế, chuyên môn chú trọng đàm luận những thứ được coi là *"siêu ngôn tuyệt tướng"*, trở thành một thứ học thuật nặng tính huyền bí, thậm chí mông lung, đôi khi trở thành lý luận suông, huyền hoặc, không tưởng. Những đại biểu nổi tiếng của trường phái này là Hà Án, Vương Bật, Nguyễn Tịch, Kê Khang, Hướng Tú, Quách Tượng v.v… Về sau, khi đạo Phật truyền vào Trung Quốc, một số danh sĩ vẫn quen thói diễn giải những giáo nghĩa của Phật giáo theo cách huyền học, nên thường bị chư tổ quở trách. Do không hiểu thấu đáo các khái niệm huyền học, bọn đạo sĩ hoặc thuật sĩ nửa mùa bèn vận dụng những danh từ ấy vào các cách tu luyện, bói toán, hoặc ma thuật mê tín. Từ đó hình thành các môn Bát Tự, Mạng Lý, Nạp Âm, Tính Danh Học, Trạch Nhật (chọn ngày), Địa Lý, bùa chú, trừ tà, ếm đối, triệu thần, tróc quỷ v.v…

Bồ Tát thấy kẻ ấy đọa địa ngục, tuyệt đối sẽ không giúp cho kẻ ấy bị đọa sâu thêm, [nếu khiến cho kẻ ấy đọa sâu hơn], Phật sẽ chẳng từ bi. Vì lẽ đó, khi quý vị chẳng thể tiếp nhận, Phật, Bồ Tát chẳng xuất hiện, quý vị chẳng có cơ duyên hủy báng, có bị đọa thì sẽ đọa nông cạn đôi chút, chẳng đến nỗi đọa quá sâu. Do đó, quý vị hãy ngẫm xem, Phật, Bồ Tát xuất hiện là đại từ đại bi, mà không xuất hiện vẫn là đại từ đại bi. Xuất hiện hay không xuất hiện, chẳng do phía Phật, Bồ Tát, mà do duyên của chúng sanh. Chúng sanh có thể tiếp nhận, Phật, Bồ Tát sẽ xuất hiện. Chẳng thể tiếp nhận, Phật, Bồ Tát chẳng xuất hiện. Đúng là một dạ từ bi!

*"Nghệ"* (詣) là tới, là đạt tới. Trong một đời này, chúng ta quyết định có thể đạt đến mục tiêu, quyết định có thể thỏa mãn nguyện vọng của chúng ta.

***(Sao) Hoặc vị tâm ngoại vô cảnh, quán tâm tức túc, hà dĩ cảnh vi?***

**(鈔)或謂心外無境，觀心即足，何以境為。**

*(**Sao**: Chắc là có kẻ sẽ nói "ngoài tâm chẳng có cảnh, quán tâm là đủ", sao lại có cảnh để làm gì?)*

Xác thực là có không ít kẻ học Phật chưa thể thông đạt rốt ráo câu này! Đó gọi là "hiểu biết nửa vời" cho nên mới hiểu lầm lời Phật nói. *"Tâm ngoại vô cảnh, ngoại cảnh vô tâm"*, xác thực là do đức Phật đã nói. Nếu chẳng thật sự hiểu rõ ý nghĩa này, sẽ nẩy sanh nghi hoặc, sẽ lầm lẫn to lớn. Do vậy, ở đây, Liên Trì đại sư đặc biệt nhắc nhở chúng ta. Những điều dưới đây đều là vấn nạn.

***(Diễn) "Hoặc vị" hạ nạn vân.***

**(演)或謂下難云。**

*(**Diễn**: Từ chữ "hoặc nói" trở đi là lời cật vấn).*

*"Hoặc vị"* chính là câu *"hoặc vị tâm ngoại vô cảnh"* (hoặc có kẻ nói "ngoài tâm chẳng có cảnh").

***(Diễn) Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức, tâm ngoại vô cảnh, nhiên tắc hành nhân chỉ ưng quán tâm, hà vi quán cảnh hồ?***

**(演)三界唯心 ，萬法唯識 ，心外無境 ，然則行人止**

**應觀心，何為觀境乎。**

*(**Diễn**: Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức, ngoài tâm chẳng có cảnh, vậy thì người tu hành chỉ nên quán tâm, sao lại quán cảnh?)*

Lời hỏi có ý nghĩa này. Điều này đích xác là đã căn cứ trên kinh văn do đức Phật nói, thoạt nhìn, [lời hỏi] rất hữu lý. Nhà Thiền dùng đạo lý này: Nhà Thiền chủ trương quán tâm, có thể thành công hay không? Có thể thành công, nhưng chẳng phải là người bình phàm có thể thành công! Quý vị xem Đàn Kinh, [sẽ thấy] đối tượng tiếp dẫn của Lục Tổ đại sư là bậc thượng thượng thừa, [người như vậy] mới có cách để quán tâm. Người căn cơ Đại Thừa chẳng làm được, huống hồ trung hạ căn? Huống chi chúng ta ngay cả tư cách trung hạ còn chưa có? Do vậy, phải biết quán tâm là một biện pháp tốt đẹp, là một con đường tắt trong pháp môn Đại Thừa, nhưng kẻ bình phàm chẳng thể làm được! Thiền do Đạt Ma tổ sư truyền sang Trung Hoa là quán tâm. Về sau, cũng chẳng có cách nào quán tâm, căn tánh [của học nhân] ngày càng kém cỏi, tổ sư bèn đổi sang dùng tham thoại đầu. Nói thật ra, tham thoại đầu rất gần với niệm Phật, chẳng sai khác cho mấy! Nhưng tham thoại đầu có thể đắc Định, chẳng thể khai ngộ; quán tâm thì có thể khai ngộ. Đắc định thì quả báo là sanh vào Tứ Thiền Thiên, chẳng ra khỏi tam giới. Huống chi đắc Định vẫn là khá khó khăn! Đạt được công phu định lực mà tâm địa có đôi chút chẳng thanh tịnh thì vẫn phải đọa lạc.

Lão pháp sư Đàm Hư có kể một đồng học của Ngài, tức là một đồ đệ của lão hòa thượng Đế Nhàn, tham Thiền ở chùa Giang Thiên thuộc Trấn Giang hai mươi mấy năm. Về sau, vị ấy làm đến chức Thủ Tọa[14] chùa Giang Thiên, tâm ngạo mạn dấy lên, cảm thấy chính mình lỗi lạc lắm, ma chướng hiện tiền, nhảy xuống sông tự sát, trở thành Thổ Địa

---

[14] Thủ Tọa (首座) là một chức vụ rất lớn trong tùng lâm, chỉ dưới Trụ Trì. Theo Bách Trượng Thanh Quy, vị này thường là một vị Tăng đức hạnh kiêm ưu, giữ vai trò phụ tá Trụ Trì, quản sự mọi việc trong chùa, thống lãnh các chức sự trong tùng lâm, an bài ổn thỏa hoàn cảnh tu học cho đại chúng, cắt đặt mọi việc trong tự viện, đôn đốc, kiểm tra các chức sự, cũng như có quyền dựa theo giới luật, thanh quy, tự quy để trừng phạt những vị tăng không giữ oai nghi, kể cả quở phạt các chức sự cao cấp như Điển Tọa, Duy Na, Tri Khách, Điển Khố v.v… Đồng thời, vị này cũng xếp đặt việc chăm sóc những vị tăng già bệnh, sắp xếp người lo hậu sự tống táng cho những người đã khuất. Đồng thời còn đảm nhiệm việc chỉ dạy đàn em, đồ tử, đồ tôn trong tu học.

Công (ông Địa). Công tu Thiền hai mươi mấy năm để đổi lấy chức vị Thổ Địa Công. Thổ Địa Công là địa vị gì? Là chức lý trưởng trong ngạ quỷ đạo! Trong tâm có đôi chút ngăn ngại, chẳng thanh tịnh, kiêu căng, ngã mạn, oan gia trái chủ bèn tìm được ông ta. Oan gia chính là bà vợ của ông ta. Vì khi ông xuất gia, bà vợ không cam lòng bèn tự sát, hồn ma của bà vợ luôn quanh quẩn bên ông ta. Do bản thân ông ta có công phu tu hành, có thần hộ pháp bảo vệ, nên hồn ma chẳng có cách nào tiếp cận. Đến khi ông ta dấy lên ý niệm kiêu căng, ngã mạn, đánh mất đạo tâm, thần hộ pháp bỏ đi, oan hồn của bà vợ liền dựa thân, ông ta trở thành điên điên khùng khùng. Do bà vợ nhảy sông tự vận, trở thành quỷ dưới nước dẫn dụ ông ta, khiến cho ông nhảy xuống sông tự sát!

Sau khi đã thật sự liễu giải, quý vị mới biết danh hiệu này có công đức chẳng thể nghĩ bàn! Quý vị thật sự chấp trì danh hiệu, sẽ chẳng bị ma dựa! Nhưng chư vị phải ghi nhớ, cũng có kẻ niệm Phật mà bị ma dựa. Chúng tôi cũng có khi nghe nói, mà cũng đã từng thấy. Vì sao bị ma dựa? Tâm chẳng thanh tịnh. Do đó, ma chướng, nói chung đều do tâm chẳng thanh tịnh. Tham, sân, si, mạn là nội ma! Kinh Bát Đại Nhân Giác nói tới bốn loại ma, [trong đó] phiền não ma là nội ma. Nội ma làm nội gian (內奸: kẻ gian nằm vùng) kết hợp với ngoại ma, chẳng có cách nào cả! Quý vị trong là đoạn tham, sân, si, mạn, do bên trong chẳng có ma, dẫu ma bên ngoài có sức mạnh to đến mấy, bên trong chẳng có gì làm nội ứng cho nó, ma đành bó tay, hết đường xoay sở đối với quý vị. Sợ là trong tâm có nội gian, trong ngoài phối hợp, quý vị xong đời!

***(Diễn) Đáp vân: Nhữ đản tri tâm ngoại vô cảnh, bất tri cảnh ngoại vô tâm.***

**(演)答云：汝但知心外無境，不知境外無心。**

*(**Diễn**: Đáp rằng: - Ông chỉ biết ngoài tâm không có cảnh, chẳng biết ngoài cảnh chẳng có tâm).*

Đức Phật nói hai câu này, cớ sao quý vị [chỉ] nói một câu, hãy còn một nửa sau nữa, ngoài cảnh cũng chẳng có tâm!

***(Diễn) Tâm giả toàn cảnh chi tâm, cảnh giả toàn tâm chi cảnh.***

**(演)心者全境之心，境者全心之境。**

*(**Diễn**: Tâm là cái tâm nơi toàn thể cảnh, cảnh là cái cảnh trong toàn bộ cái tâm).*

Sau khi quý vị đã hiểu rõ điều này, niệm cảnh và niệm tâm có gì khác nhau? Chẳng khác nhau, tâm và cảnh như nhau, tâm cảnh bất nhị. Pháp niệm tâm chẳng dễ thành tựu, chúng ta bèn niệm cảnh, cảnh là tâm, có gì mà chẳng thể? Tôi vừa mới nói, kẻ ấy chỉ hiểu một nửa, chưa hiểu rõ ràng, thuộc loại gà mờ nên mới xuất hiện vấn đề! Thật sự hiểu rõ Phật pháp, sẽ chẳng có vấn đề! Biết tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào cũng đều chánh xác, đều chẳng sai lầm. Môn nào cũng đều chẳng mâu thuẫn nhau, chẳng bị xung đột; do vậy, *"pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp"*, thật vậy! Chẳng thể nói pháp môn này hay, pháp môn kia chẳng hay, chẳng thể nói như vậy được! Chỉ có thể nói là pháp môn này khế hợp căn cơ của loại người nào đó, pháp môn kia khế hợp căn cơ của hạng người khác, chỉ có thể nói theo kiểu như vậy. Căn tánh giống như chúng ta, tu pháp môn nào cũng đều chẳng thể thành tựu, đều chẳng có cách nào, thật đấy, chẳng giả đâu nhé! Bao nhiêu người tu mãi cho đến già mới quay đầu!

Lần trước, tôi đến giảng kinh tại Bình Đông, gặp Chung lão cư sĩ. Cụ học Phật lâu hơn tôi, đã từng học Mật, học Thiền, học khá nhiều pháp môn. Ngày đó, tôi gặp cụ tại chùa Đông Sơn, [cụ bảo]: "Pháp sư à! Tuổi tôi đã cao rồi, những điều đã học trong quá khứ thảy đều chẳng đắc lực, nay tôi thật thà niệm Phật!" Tôi chúc mừng cụ, khó có! Thật thà niệm Phật, mỗi ngày niệm Phật hiệu ba vạn câu. Cụ đã tám mươi mấy tuổi, sắc mặt hồng hào, âm thanh sang sảng. Cụ vận động cũng nhiều, cụ niệm Phật bằng cách vừa đi vừa niệm. Cụ tản bộ ngoài đồng trong vùng làng quê, cứ niệm một tiếng Phật hiệu bèn bước một bước. Nói cách khác, ba vạn câu Phật hiệu là ba vạn bước. Sự vận động ấy tốt đẹp, hữu ích cho sức khỏe. Do vậy, quán tâm và niệm cảnh giống nhau!

***(Diễn) Ký vô tâm ngoại chi cảnh, vi tâm sở chiếu, diệc vô cảnh ngoại chi tâm, năng chiếu ư cảnh.***

**(演)既無心外之境，為心所照，亦無境外之心，能照於境。**

*(**Diễn**: Đã không có cảnh ở ngoài tâm để được chiếu bởi tâm, thì cũng chẳng có cái tâm ở ngoài cảnh để có thể chiếu cảnh).*

Những lời ấy đều nhằm đạt đến kết luận sau đây.

***(Diễn) Tâm cảnh nhất như dã.***

**(演)心境一如也。**

*(**Diễn**: Tâm và cảnh như một).*

Bảo cho chúng ta biết chân tướng sự thật này: Tâm và cảnh như một.

***(Diễn) Bất độc tâm cảnh nhất như, diệc phục tâm cảnh hỗ phát.***

**(演)不獨心境一如，亦復心境互發。**

*(**Diễn**: Không chỉ là tâm và cảnh như nhau, mà còn là tâm và cảnh phát khởi lẫn nhau).*

Ý nghĩa này hết sức trọng yếu. Tâm và cảnh không chỉ là như nhau, mà đích xác là tâm và cảnh phát khởi lẫn nhau. Do chúng phát khởi lẫn nhau, Thiền Tông sau khi ngộ tánh, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều thông đạt vô ngại. Hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian là cảnh, nơi cảnh bèn thông đạt. Nói cách khác, thông đạt nơi cảnh, nhất định phải ngộ tâm tánh, cùng một đạo lý như nhau. Vì thế, đối với niệm Phật, quý vị ngàn muôn phần đừng nghĩ các bà cụ chỉ niệm một câu Phật hiệu, thấy bà cụ đứng vãng sanh hoặc ngồi mất, quý vị chẳng biết là khi ấy, bà cụ đã thông đạt hết thảy. Vì sao? Khi niệm đến nhất tâm bất loạn, tâm và cảnh như nhau, trí huệ mở mang, chính là như trong Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương đã chép: *"Chẳng nhờ vào phương tiện mà tâm được tự khai"*. Trong cảnh giới đó, bà cụ đã thông đạt hết thảy.

Đọc kinh cũng là như thế, chúng tôi thường nói: *"Một kinh thông, hết thảy các kinh đều thông"*. Vì sao? Kinh là cảnh giới, quý vị chỉ cần thật sự tiến nhập cảnh giới này, tâm và cảnh như một. Vì thế, hết thảy các kinh đều thông đạt. Nói thật ra, "hết thảy các kinh đều thông đạt" chẳng có nghĩa là quý vị thứ gì cũng đều chẳng học mà hiểu rõ. Chẳng phải là như vậy, quý vị không tiếp xúc sẽ chẳng biết, hễ tiếp xúc liền biết. Giống như Lục Tổ đại sư chẳng tiếp xúc kinh Pháp Hoa, Ngài không biết; bèn bảo thiền sư Pháp Đạt: "Ông hãy niệm kinh Pháp Hoa cho ta nghe". Sư vừa niệm, Ngài liền biết trọn vẹn. Người niệm chẳng biết, Ngài là người nghe bèn biết, lại còn chẳng cần phải niệm xong. Kinh Pháp Hoa có hai mươi tám phẩm, niệm đến phẩm thứ hai là phẩm Phương Tiện, Lục Tổ bảo Sư: "Dừng lại, không cần niệm nữa! Ta đã biết toàn bộ kinh này". Vì sao? Tâm và cảnh như nhau. Lục Tổ đã ngộ

tâm, vừa tiếp xúc cảnh bèn thông đạt. Trừ phi lục căn chẳng tiếp xúc, chứ vừa tiếp xúc bèn thông đạt. Người niệm Phật niệm đến mức nhất tâm bất loạn là như vậy đó, hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng có pháp nào người ấy không hiểu. Hết thảy chúng sanh khởi tâm động niệm, người ấy cũng biết. Công phu cạn thì chẳng tác ý sẽ không biết; hễ tác ý sẽ biết. Tác ý (作意) là gì? Nay chúng ta nói là "chú ý". Người ấy chú ý tới quý vị bèn hiểu rõ; chẳng chú ý, sẽ không biết. Người công phu sâu, không cần tác ý vẫn biết. Kẻ công phu cạn phải tác ý, giống như Tiểu Thừa A La Hán, muốn biết tình hình trong đời một người thì phải nhập Định. Nhập Định quan sát, người ấy sẽ biết. Nếu chẳng nhập Định, vị ấy sẽ không biết. Hễ nhập Định quan sát, vị ấy có thể thấy đời quá khứ của quý vị, có thể thấy tới năm trăm đời. Bồ Tát thuộc địa vị sâu, hàng kiến tánh Bồ Tát không cần tác ý, vì công phu của các Ngài sâu xa.

Tổ sư đại đức thường khuyên lơn, khích lệ chúng ta, học Phật thì mở đầu là *"thâm nhập một môn"*, đây là pháp tu học phương tiện để thông đạt hết thảy, người hiện thời chẳng biết chuyện này! Người hiện thời vừa bắt đầu bèn "thứ gì cũng đều phải học", vừa bắt đầu bèn học rộng nghe nhiều, học suốt một đời, thứ gì cũng chẳng biết, thứ gì cũng chẳng thông, đáng tiếc lắm! Chẳng biết tu từ căn bản, căn bản chính là tâm tánh. Vì tâm và cảnh có thể phát khởi lẫn nhau, chỉ cần quý vị chuyên chú một thứ, chuyên nhất nơi tâm cũng được, mà chuyên nhất nơi cảnh cũng được. Vấn đề là quý vị chuyên hay không chuyên, chỉ cần là chuyên thì đều được. Quý vị chẳng muốn chuyên tu, cứ mong tu mấy thứ. Sai mất rồi, mê hoặc, điên đảo mất rồi!

***(Diễn) Tiên tá Tây Phương giả tưởng chi cảnh, phát ngã linh minh diệu tâm, dĩ ngã linh minh diệu tâm, phục phát Tây Phương chân cảnh.***

**(演)先借西方假想之境，發我靈明妙心，以我靈明妙心，復發西方真境。**

*(**Diễn**: Trước hết, mượn cảnh giả tưởng của Tây Phương để phát khởi cái tâm mầu nhiệm linh minh của ta, [sau đó], dùng cái tâm mầu nhiệm linh minh của ta để lại phát khởi cảnh Tây Phương chân thật).*

Mấy câu này hay lắm! Chúng ta chưa tận mắt thấy cảnh giới Tây Phương, chỉ là thấy những điều kinh dạy. Cảnh giới ấy là cảnh giới

tương tự, là giả cảnh, chẳng phải là chân cảnh. Nhưng giả cảnh ấy rất hữu dụng, khiến cho cái tâm của chúng ta chuyên chú nơi cảnh ấy, tâm thật sự chuyên nhất, sẽ biến thành nhất tâm, Tây Phương chân cảnh bèn hiện tiền. Đó chẳng phải là cảnh giới tương tự, đã thấy chân cảnh, thấy trọn hết những điều kinh đã nói. Trong quá khứ, Huệ Viễn đại sư trong một đời đã thấy ba lần, Ngài bảo với người khác: *"Cảnh giới hoàn toàn giống hệt như kinh Vô Lượng Thọ đã nói"*. Trong xã hội hiện thời, kẻ bịa đặt đồn thổi rất nhiều. Có người nói [chính mình] đã đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, còn đưa ra báo cáo, viết thành một quyển sách nhỏ. Kết quả là xem quyển sách nhỏ ấy, tôi thấy hoàn toàn khác hẳn những điều kinh đã dạy, chẳng thể tin tưởng được! Trong thế gian hiện thời, những thứ giả dối quá nhiều, nhất định phải nhận thức rõ ràng, đừng mắc lừa! Đúng là còn chẳng ít kẻ bị lừa! Còn có rất nhiều người phát tâm bỏ rất nhiều tiền để ấn hành [quyển sách ấy]. Kinh Phật họ không tin, tin vào những thứ do gã ấy viết, rất đáng thương! Quên sạch sành sanh Tứ Y Pháp của Phật! Điều thứ nhất trong Tứ Y Pháp là dạy chúng ta *"y pháp, bất y nhân"*. Người hiện thời y nhân, chẳng y pháp, hỏng mất rồi! "Người" là phàm phu, mê hoặc, điên đảo, làm sao có thể "y" (nương tựa, vâng theo) cho được? Pháp là kinh điển do đức Phật đã giảng, từ Ấn Độ truyền sang Trung Hoa, được phiên dịch tại Trung Hoa, xác thực là có người phiên dịch, xác thực là có nơi chốn phiên dịch, có căn cứ ấy, chẳng phải là những lời lẽ bịa đặt!

***(Diễn) Dĩ cảnh phát tâm, dĩ tâm phát cảnh, trùng trùng hỗ phát, hỗ hiển, dụ như ma kính, dũ ma dũ tịnh, dũ tịnh dũ ma dã.***

**(演)以境發心，以心發境，重重互發互顯，喻如磨鏡，愈磨愈淨，愈淨愈磨也。**

*(**Diễn**: Dùng cảnh để phát khởi tâm, dùng tâm để phát khởi cảnh, phát khởi, hiển lộ lẫn nhau tầng tầng giao xen, ví như mài gương, càng mài càng sạch, càng sạch bèn càng mài).*

Tâm phát khởi cảnh, cảnh phát khởi tâm, đích xác là trùng trùng vô tận. Mấy chữ này cũng thuộc về thế giới Hoa Nghiêm, thế giới trùng trùng vô tận. *"Ma kính"* (磨鏡: mài gương), xưa kia là gương đồng, chẳng mài [cho sạch những vết teng rỉ], sẽ không thể soi. Vì thế, kính phải thường xuyên mài, càng mài càng sáng. Chuyện này tỷ dụ tâm và cảnh phát khởi lẫn nhau!

***(Sao) Bất tri tâm cảnh nhất như, diệc phục hỗ phát. Tiên đức vị "hữu tam-muội trực quán tam đạo, hiển bổn tánh Phật".***

**(鈔)**不知心境一如，亦復互發。先德謂有三昧直觀三道，顯本性佛。

*(**Sao**: Chẳng biết tâm và cảnh như một, chúng cũng lại phát khởi lẫn nhau. Bậc cổ đức nói: "Có khi dùng tam-muội để quán thẳng vào tam đạo hòng hiển thị vị Phật trong bản tánh").*

Chúng ta xem trước câu này, trong mỗi câu đều chứa đựng ý nghĩa rất sâu.

***(Diễn) Hựu hỗ phát giả, tức Diệu Tông sở vị "cứ hồ tâm tánh, quán bỉ y chánh, y chánh khả chương. Thác bỉ y chánh, quán ư tâm tánh, tâm tánh dị phát dã".***

**(演)**又互發者，即妙宗所謂據乎心性，觀彼依正，依正可彰，託彼依正，觀於心性，心性易發也。

*(**Diễn**: "Lại phát khởi lẫn nhau" chính là như Diệu Tông Sao đã nói: "Dựa trên tâm tánh để quán y báo và chánh báo thì y báo và chánh báo có thể hiển lộ. Nương vào y báo và chánh báo để quán tâm tánh, tâm tánh sẽ dễ phát khởi").*

Trích dẫn một đoạn trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Diệu Tông Sao để giải thích lý luận và sự thật của "tâm và cảnh phát khởi lẫn nhau", nhằm chứng minh cho chúng ta.

***(Diễn) Trực quán tam đạo hiển bổn tánh Phật giả, tam đạo tức chúng sanh Hoặc, Nghiệp, Khổ dã.***

**(演)**直觀三道顯本性佛者，三道即眾生惑業苦也。

*(**Diễn**: "Quán thẳng vào tam đạo nhằm hiển lộ vị Phật trong bản tánh": Tam đạo chính là Hoặc, Nghiệp, Khổ của chúng sanh).*

Hoặc, Nghiệp, Khổ là cảnh.

***(Diễn) Bổn tánh nãi Tam Đức bí tạng, tức Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát.***

**(演)**本性乃三德秘藏，即法身、般若、解脫。

*(**Diễn**: Bản tánh chính là Tam Đức bí tạng, tức là Pháp Thân, Bát Nhã và Giải Thoát).*

Mê thì Tam Đức biến thành Hoặc, Nghiệp, Khổ. Giác ngộ thì Hoặc, Nghiệp, Khổ biến thành Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát, là một, không hai! Đến khi thật sự thành Phật, Lục Tổ đại sư nói rất hay: *"Chỉ thay đổi tên gọi, chẳng chuyển cảnh"*. Khai ngộ, thành Phật, thay đổi danh từ, chẳng phải là hiện thời quý vị gọi chúng là Hoặc, Nghiệp, Khổ ư? Đến lúc quý vị giác ngộ, đổi thành Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát, thay đổi danh từ. Cảnh có thay đổi hay không? Chẳng thay đổi! Ví như một người đang theo học trong nhà trường, đạt được học vị Tiến Sĩ, khi ấy, quý vị có thêm danh vị tiến sĩ, nhưng người thì vẫn vậy, trọn chẳng dấy lên biến hóa, chỉ thêm tước hiệu vào tên gọi mà thôi! Quý vị mới biết cảnh giới của chư Phật, Bồ Tát chẳng hai, chẳng khác chúng ta, nhưng thọ dụng khác nhau! Chúng ta thật sự có khổ não, thật sự chịu tội, các Ngài thật sự vui sướng, thật sự chẳng có khổ não! Trong cảnh giới giống hệt nhau, do tâm tình khác nhau, hưởng thụ khổ lạc khác nhau, gốc bệnh là do chúng ta ở trong cảnh giới nẩy sanh khá nhiều quan niệm sai lầm, khá nhiều phân biệt, chấp trước, chẳng khổ mà tự mình chuốc khổ, tự tìm nỗi khổ, chính mình mê hoặc, điên đảo, chính mình tạo nghiệp, chính mình chịu khổ báo, làm chuyện này. Giống như người nằm mộng, mỗi đêm gặp ác mộng, khổ chẳng thể nói nổi, ai khiến kẻ ấy chịu khổ? Chính mình gây cho chính mình, tuyệt đối chẳng phải là bên ngoài có người tạo khổ cho quý vị hứng chịu. Chẳng hề có, tự làm tự chịu!

***(Diễn) Chúng sanh mê Tam Đức bí tạng, vi Hoặc, Nghiệp, Khổ tam đạo.***

**(演)眾生迷三德秘藏，為惑業苦三道。**

*(**Diễn**: Chúng sanh do mê tam đức bí tạng nên là tam đạo Hoặc, Nghiệp, Khổ).*

Hoặc, Nghiệp, Khổ là lục đạo luân hồi. *"Hoặc"* (惑) là mê hoặc, tà tri tà kiến; *"Nghiệp"* (業) là tạo tác, tạo mười ác nghiệp; *"Báo"* (報) là quả báo trong lục đạo. Do vậy, luân hồi là Hoặc, Nghiệp, Khổ biến hiện. Hoặc, Nghiệp, Khổ là nói tới lý luận của sự luân hồi trong lục đạo. Luân hồi trong lục đạo là hiện tượng, vì quý vị mê hoặc tạo nghiệp nên mới

chịu báo, mới có lục đạo quả báo. Quý vị thật sự giác ngộ, lục đạo chẳng còn nữa! Chứng Đạo Ca của Vĩnh Gia đại sư có câu: *"Giác hậu không không vô đại thiên"* (Giác rồi ba cõi rỗng toang hoang), đại thiên thế giới là lục đạo. *"Vô đại thiên"* là chẳng có lục đạo. Chẳng có lục đạo luân hồi, khi ấy sẽ là Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát.

***(Diễn) Chư Phật ngộ Hoặc, Nghiệp, Khổ tam đạo, vi Tam Đức bí tạng.***

**(演)諸佛悟惑業苦三道，為三德秘藏。**

*(**Diễn**: Chư Phật đã ngộ tam đạo Hoặc, Nghiệp, Khổ, [chúng bèn] trở thành Tam Đức bí tạng).*

Giác ngộ là Tam Đức, đã mê bèn là tam đạo.

***(Diễn) Cố viên đốn hành nhân, bất tất ly thử tam đạo, biệt quán Tam Đức.***

**(演)故圓頓行人，不必離此三道，別觀三德。**

*(**Diễn**: Vì thế, hành nhân viên đốn chẳng cần phải lìa khỏi tam đạo để quán riêng Tam Đức).*

Đây là nói tới người căn tánh viên đốn, họ tu hành có cần phải lìa Hoặc, Nghiệp, Khổ hay không? Chẳng cần!

***(Diễn) Quán Khổ đạo tức Pháp Thân.***

**(演)觀苦道即法身。**

*(**Diễn**: Quán Khổ đạo chính là Pháp Thân).*

Khổ là gì? Những gì chúng ta đang hứng chịu trong hiện tiền, muôn hình muôn vẻ, nguyên lai chính là Pháp Thân thanh tịnh của chính mình.

***(Diễn) Huyễn hóa không thân tức Pháp Thân cố. Quán Hoặc đạo tức Bát Nhã.***

**(演)幻化空身即法身故，觀惑道即般若。**

*(**Diễn**: Thân huyễn hóa, rỗng rang chính là Pháp Thân. Quán Hoặc đạo chính là Bát Nhã).*

Đã giác ngộ thì mê hoặc là Bát Nhã; đã mê thì Bát Nhã là vô minh, vọng tưởng.

***(Diễn) Tham, sân, si tức chư Phật bất động trí cố.***

**(演)**貪瞋痴即諸佛不動智故。

*(**Diễn**: Tham, sân, si chính là trí bất động của chư Phật).*

Tâm hễ động thì còn có tham, sân, si, tâm bất động là Bát Nhã. Pháp môn Niệm Phật cầu gì? Cầu tâm thanh tịnh. Tam Học Giới, Định, Huệ là cuộc sống hằng ngày, trong chẳng động tâm, ngoài chẳng chấp tướng, ngay lập tức là Tam Đức bí tạng, là Tam Học Giới, Định, Huệ, chính là cuộc sống, chẳng phải là gì khác.

***(Diễn) Quán Nghiệp đạo tức Giải Thoát, thân khẩu sở tác tức pháp tánh chi đại dụng cố.***

**(演)**觀業道即解脫，身口所作即法性之大用故。

*(**Diễn**: Quán Nghiệp đạo chính là Giải Thoát, những điều tạo tác bởi thân và miệng chính là tác dụng to lớn của pháp tánh).*

Ba nghiệp thân, khẩu, ý tạo tác là tự lợi, lợi tha, vô lượng công đức. Đấy là đức dụng của tự tánh, đức dụng là Giải Thoát. Có thể thấy chúng sanh và Phật [khác biệt] chỉ trong một niệm, có thể chuyển ý niệm ấy hay không? Ý niệm ấy là mê hay ngộ. Một niệm mê bèn là chúng sanh pháp giới, một niệm giác là Phật, Bồ Tát pháp giới; tùy thuộc quý vị có thể chuyển niệm ấy hay không. Chuyển chẳng được, hãy thật thà niệm Phật. Chuyển được thì phải là người thượng thượng căn như trong Thiền Tông đã nói, lập tức chuyển biến. Lục Tổ chuyển nhanh chóng, Ngài nghe kinh Kim Cang, nghe người ta niệm chưa đến một phần ba, Ngài đã chuyển được.

Nếu quý vị hỏi, vì sao Ngài chuyển nhanh như vậy ư? Nói thật thà, tuy trong Lục Tổ Đàn Kinh chẳng ghi chép cặn kẽ, nhưng người học Phật chúng ta có thể suy nghĩ để thấy Ngài là một người hết sức thật thà, tâm địa thành khẩn, chân thật, vọng tưởng ít, chẳng có tâm tham. Tâm tham, sân, si, mạn đều chẳng có. Do vậy, Ngài vừa tiếp xúc bèn khai ngộ. Nay chúng ta tiếp xúc, cớ sao không khai ngộ? Vọng niệm quá nhiều, tham, sân, si, mạn quá nặng, đó gọi là nghiệp chướng, đóng lấp và chướng ngại ngộ môn của chính mình, nên chẳng khai ngộ, đó là căn

tánh trung hạ. Căn tánh như vậy, chỉ nên thật thà niệm Phật, niệm Phật tiêu nghiệp chướng. Tiệm tu (漸修: tu tập dần dần), thong thả dùng câu Phật hiệu để chế phục những tập khí phiền não ấy. Chế phục lâu ngày, sẽ tự nhiên đoạn hết. Sau khi đã đoạn, chẳng khác gì cảnh giới ngộ nhập của Thiền Tông. Đấy là do quán cảnh bèn có thể thấu đạt tâm tánh, dùng phương pháp này. Hôm nay, chúng tôi giảng tới đây.

***Tập 222***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm ba mươi sáu:

***(Sao) Hữu tam-muội kiêm trì chú, hữu tam-muội kiêm tụng kinh, hữu tam-muội kiêm niệm Phật đẳng. Kim tiêu niệm cảnh, tức thị kiêm Niệm Phật tam-muội, giai trợ hiển bổn tánh chi Phật dã, hoặc trực hiển, hoặc trợ hiển, kỳ trí nhất dã. Huống sơ học phàm phu, chướng nhiễm nùng hậu, toàn tư thắng cảnh, phát ngã diệu tâm, thật vi tu hành yếu thuật, bất khả hốt dã.***

**(鈔)有三昧兼持咒，有三昧兼誦經，有三昧兼念佛等。今標念境，即是兼念佛三昧，皆助顯本性之佛也。或直顯，或助顯，其致一也。況初學凡夫，障染濃厚，全資勝境，發我妙心，實為修行要術，不可忽也。**

*(**Sao**: Có tam-muội kiêm trì chú, có tam-muội kiêm tụng kinh, có tam-muội kiêm niệm Phật v.v... Nay nêu lên niệm cảnh, tức là kiêm thêm Niệm Phật tam-muội, đều nhằm giúp hiển lộ vị Phật nơi bản tánh. Hoặc là trực hiển (hiển lộ trực tiếp), hoặc là trợ hiển (phụ trợ hiển lộ), nhưng đạt đến mục tiêu thì là một. Huống hồ phàm phu sơ học chướng nhiễm nồng đậm, hoàn toàn cậy vào cảnh thù thắng để phát khởi diệu tâm của chính mình, thật sự là cách thức trọng yếu trong tu hành, chớ nên sơ sểnh vậy).*

Đoạn khai thị trong phần sau này hết sức khẩn thiết, có mối quan hệ chặt chẽ hết sức trọng yếu đối với sự thành tựu trong tu học của chúng ta. Trong phần trước đã nói: *"Trực quán tam đạo, hiển bổn tánh Phật"* (Quán thẳng vào tam đạo để hiển lộ vị Phật trong bản tánh); đó là nói theo Lý. Tiếp theo đây, hoàn toàn nói về sự tu học.

***(Diễn) Hữu tam-muội kiêm trì chú giả, vị bất năng trực quán bổn tánh giả, cánh dĩ dị phương tiện, trợ hiển Đệ Nhất Nghĩa, như Phương Đẳng tam-muội kiêm trì chú.***

**(演)有三昧兼持咒者，謂不能直觀本性者，更以異方便，助顯第一義，如方等三昧兼持咒。**

*(**Diễn**: "Có tam-muội kiêm trì chú" nghĩa là đối với người chưa thể quán trực tiếp bản tánh, bèn dùng phương tiện khác biệt để giúp hiển lộ Đệ Nhất Nghĩa, như Phương Đẳng tam-muội có kèm thêm trì chú).*

Do vậy có thể biết, để trực tiếp hiển lộ tâm tánh, pháp môn theo đường lối thông thường là Thiền Quán. Thiền Tông dùng phương pháp Quán Tâm, tham thoại đầu kém hơn, [phương pháp] trực tiếp là quán tâm. Tuy quán tâm là trực tiếp, kẻ bình phàm tuyệt đối chẳng thể làm được. Vì sao? Tâm người bình phàm rất thô tháp, thường nói là *"thô tâm đại ý"*, chẳng thể sử dụng pháp môn này. Về sau, Thiền Tông đổi sang tham thoại đầu, người căn tánh trung hạ cũng có thể sử dụng, nhưng người đắc Định thì có, rất ít thấy ai khai ngộ! Khai ngộ do tham thoại đầu chẳng dễ dàng, đặc biệt là trong thời cận đại, gần như chẳng thấy có người nào khai ngộ! Giống như lão pháp sư Đàm Hư đã nói, thời đại của Ngài xác thực thù thắng hơn thời đại hiện thời nhiều lắm, tức là trong bốn mươi, năm mươi năm trước, lòng người trong xã hội nồng hậu hơn hiện thời rất nhiều, hoàn cảnh cũng an định hơn rất nhiều, [thế mà] tham Thiền đã không dễ dàng, huống hồ hiện thời!

Chẳng thể dùng công phu này, lại cầu pháp phương tiện, pháp phương tiện là trì chú. Sự tu học trong Phương Đẳng kiêm trì chú rất nhiều. Kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà đều được xếp vào Phương Đẳng Bộ[15]. *"Phương Đẳng kiêm trì chú"*, người niệm Phật trì kèm thêm

[15] Phương Đẳng Bộ (方等部) là một bộ (thể loại lớn) trong cách phân chia kinh điển Đại Thừa. Đây là cách phán giáo do ngài Ngẫu Ích đưa ra trong tác phẩm Duyệt Tạng Tri Tân, dựa theo ngũ thời phán giáo của tổ Thiên Thai Trí Giả. Ngài Thiên Thai chia kinh điển nhà Phật thành năm thời (Hoa Nghiêm, A Hàm, Bát Nhã, Phương Đẳng, Pháp Hoa). Trước đó, đa số các tông tuân theo cách phán định của Khai Nguyên Thích Giáo Lục, chia kinh điển Đại Thừa thành năm bộ là Bát Nhã, Bảo Tích, Đại Tập, Hoa Nghiêm và Niết Bàn. Ngài Ngẫu Ích đã gộp các kinh được xếp vào hai bộ Bảo Tích và Đại Tập thành Phương Đẳng, đồng thời kèm thêm những kinh trước đó không thuộc vào bộ Pháp Hoa, tạo thành Phương Đẳng Bộ. Trong Phương Đẳng Bộ, lại chia làm hai loại Phương Đẳng hiển thuyết và Phương Đẳng

Vãng Sanh Chú, có người dùng phương pháp này. Nhưng trì chú có thể đắc lực hay không, xét theo lý luận, sẽ tương đồng với đọc tụng và niệm Phật, quyết định là chẳng xen tạp, không gián đoạn, không hoài nghi, công phu mới có thể đắc lực. Hoài nghi, xen tạp, sẽ hoàn toàn chẳng đắc lực. Trong Tây Phương Xác Chỉ, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát dạy: *"Niệm Phật kỵ nhất là xen tạp"*. Nói thật ra, trong hết thảy các pháp môn, Niệm Phật thù thắng nhất, mà nó còn kỵ xen tạp, thì những công phu khác đương nhiên càng kỵ xen tạp, xen tạp sẽ chẳng thể thành tựu. Các đồng tu bình phàm trong hiện thời chẳng biết chân tướng sự thật này, thích xen tạp, cứ nghĩ "chẳng xen tạp sẽ không thể đạt thành tựu". Quan niệm ấy là cái gốc bệnh. Nhất định muốn đồng thời học nhiều pháp môn, trọn chẳng biết khá nhiều pháp môn tương khắc. Pháp môn Không Tông và pháp môn Hữu Tông tương khắc. Ví như niệm Phật là từ Hữu Môn mà vào, lại đồng thời học những thứ thuộc về Không Môn, sẽ bị tương khắc. Nhà Thiền niệm Phật một tiếng, phải súc miệng ba ngày. Thiền nói Không, Tịnh nói Hữu, phải biết điều này. Do vậy, bất luận tu học pháp môn nào, đều quý ở chỗ thâm nhập một môn. Từ Không để tiến nhận cũng được, mà từ Hữu để tiến nhập cũng được, quý vị hành theo một môn thì mới hòng thành tựu. Hành đồng thời hai môn, lại là hai môn Không và Hữu bất đồng, hết sức khó thành tựu!

***(Diễn) Pháp Hoa tam-muội kiêm tụng kinh, Thập Lục Quán, Bát Châu Tam Muội cập dữ thử kinh tắc kiêm niệm Phật. Vị chi kiêm giả, dĩ lý quán vi chánh, sự hành vi trợ cố.***

**(演)法華三昧兼誦經，十六觀、般舟三昧及與此經則兼念佛。謂之兼者，以理觀為正，事行為助故。**

*(**Diễn**: Pháp Hoa tam-muội kiêm tụng kinh. Kinh Thập Lục Quán, Bát Châu Tam Muội và kinh này thì kiêm niệm Phật. Nói là "kiêm" vì dùng lý quán là chánh yếu, dùng sự hành (thực hành nơi mặt Sự) để giúp thêm).*

Thập Lục Quán Kinh, kinh Bát Châu Tam Muội, kinh Di Đà, những pháp môn này đều nói tới Niệm Phật tam-muội. Có [tam-muội]

---

mật thuyết (các kinh chuyên dạy về Đà La Ni, Nghi Quỹ, Quán Đảnh v.v…), nhưng cũng có những kinh tuy thuộc Phương Đẳng hiển thuyết lại kèm thêm nhiều bài chú như kinh Địa Tạng Thập Luân, kinh A Sai Mạt Bồ Tát v.v…

kiêm tụng kinh, từ đọc tụng có thể đạt được tam-muội. Nói thật ra, Giáo Hạ sử dụng phương pháp đọc tụng hết sức phổ biến, mà cũng hết sức có hiệu quả. Nay có nhiều đồng tu chúng ta niệm kinh Vô Lượng Thọ, đấy chính là *"đọc tụng Đại Thừa"* trong Tam Phước như Quán Kinh đã nói. Quý vị đạt được lợi ích nhờ đọc tụng, lợi ích gì vậy? Vọng tưởng ít, tâm địa thanh tịnh, trí huệ tăng trưởng; đấy là tiêu nghiệp chướng, tăng phước huệ, từ chỗ này mà đạt được! Chư vị nhất định phải hiểu, chẳng tu hành thật sự sẽ chẳng tiêu nghiệp chướng được. Nghiệp chướng là gì, nhất định phải hiểu rõ ràng, rành rẽ. Nghiệp chướng là vọng tưởng. Công phu được thấy từ nơi đâu? Vọng tưởng của ta thật sự ít hơn trước kia, chánh niệm càng ngày càng nhiều. Chánh niệm là gì? Phật niệm. Nay thời gian ta tưởng Phật, thời gian niệm Phật nhiều, nhiều hơn vọng tưởng, thì đó là thật sự tiêu nghiệp chướng, là thành tích diệt tội nghiệp. Nếu quý vị đọc tụng hằng ngày, niệm Phật mỗi ngày, mà vọng niệm vẫn nhiều như vậy, [tức là] quý vị đọc tụng hoặc niệm Phật chẳng đạt được hiệu quả. Vì sao chẳng thu được hiệu quả? Tất nhiên là do hoài nghi, xen tạp, gián đoạn; khuyết điểm nẩy sanh từ ba phương diện ấy. Thật sự chẳng hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, công phu nhất định đắc lực. Thời gian tu học ngắn, hiệu quả còn kém một chút. Nếu muốn đạt được hiệu quả rõ rệt, nhất định là thời gian tu học phải dài hơn. Nếu mỗi ngày có thời gian tu hành như vậy từ sáu giờ trở lên, đó gọi là *"tu hành đúng lý, đúng pháp"*. Đại khái là từ ba tháng đến nửa năm, sẽ có hiệu quả rất rõ rệt, cũng là vọng tưởng, tạp niệm ít đi, trong xử sự, đãi người, tiếp vật thấy rõ ràng hơn trước kia, chẳng hồ đồ, mờ mịt như trước. Đó là hiệu quả tu học, tu học có thành tích. *"Tâm tịnh, cõi nước tịnh"*, vãng sanh mới thật sự nắm chắc. Pháp môn này là *"kiêm niệm Phật, kiêm trì chú"*. Pháp môn này trì chú Vãng Sanh. Chú Vãng Sanh là mật thuyết của đức Phật. Nếu quý vị hỏi nội dung của bài chú ấy là gì ư? Nội dung là kinh Vô Lượng Thọ, là kinh A Di Đà, được mật thuyết (nói bí mật). Liên Trì đại sư soạn Di Đà Kinh Sớ Sao, đã xếp chú Vãng Sanh vào cuối kinh, nhằm hiển thị *"Hiển Mật viên dung, Tịnh và Mật bất nhị"*, có thâm ý trong ấy.

Tiếp đó, giải thích chữ Kiêm (兼) là *"dĩ lý quán vi chánh, sự hành vi trợ"* (dùng Lý để quán là chánh yếu, thực hành nơi mặt Sự làm phụ trợ). *"Lý quán"* là tu tâm, là ý nghiệp; *"Sự hành"* là khẩu nghiệp và thân nghiệp. Nói cách khác, tu hành thì trước hết là phải sửa đổi quan niệm sai lầm, điều này vô cùng quan trọng. Vì sao cần phải có Sự tu (tu hành

nơi mặt Sự)? Sự giúp cho quý vị nhập Lý, đạo lý ở chỗ này. Lý và Sự có liên quan, đương nhiên nếu phép Quán ấy thành tựu, cũng có thể nói là tư tưởng và kiến giải của quý vị đã hoàn toàn chánh xác, sẽ không bắt buộc phải tu ngữ và thân. Chúng sẽ tự nhiên đúng pháp, sẽ chẳng tạo nghiệp, do ý đã chánh! Tạo tác nơi thân thể và ngôn ngữ nơi miệng chúng ta do ai chỉ huy? Ý thức chỉ huy. Ý thức đã thuần chánh, làm sao thân và miệng có lầm lỗi cho được? Chẳng thể có lầm lỗi. Có thể thấy tu hành trọng yếu ở chỗ tu tâm, phải sửa đổi cách nghĩ và cách nhìn sai lầm!

Nói tới tà chánh tuyệt đối, chỉ có tưởng A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật thì cách nghĩ và cách nhìn sẽ chánh xác. Trừ pháp này ra, bất luận quý vị nghĩ gì, thấy gì, đều chẳng chánh xác, đều là sai lệch. Ta muốn hoằng pháp lợi sanh, mong phổ độ chúng sanh, vẫn là sai lầm, vẫn là dấy vọng tưởng! Tứ Hoằng Thệ Nguyện đã nói rõ ràng *"chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"*, cớ sao lại bảo [tâm mong hoằng pháp lợi sanh, phổ độ chúng sanh] sẽ là "dấy vọng tưởng"? Trong kinh, đức Phật chẳng nói sai lầm! Do nay quý vị đều chẳng thể độ chính mình, há còn có thể độ chúng sanh ư? Vì lẽ đó, quý vị phát nguyện độ chúng sanh bèn gọi là "dấy vọng tưởng". Vì sao? Chính mình chưa đắc độ. Ắt phải là sau khi chính mình đã đắc độ, quý vị đã thành Phật, thành Bồ Tát, khi ấy, quý vị khởi tâm động niệm phổ độ chúng sanh bèn gọi là chánh niệm, chẳng phải là vọng tưởng. Hãy ngẫm xem, nay chúng ta là thân phận gì? Người khác tán thán một tiếng, lòng tràn trề vui sướng. Người khác chửi mấy câu, sẽ tức tối mấy ngày! Không được rồi! Đó là phàm phu. Nguyện của người ta là Bồ Tát nguyện! Do đó, đối với việc học Phật, độ chính mình trước chính là điều quan trọng. Để độ chính mình, hãy thật thà niệm Phật, phải thật thà! Quý vị đọc kinh, niệm Phật, đó là chánh niệm thật sự hiện tiền. Tiếng niệm kinh và Phật hiệu vừa buông xuống, vọng niệm liền dấy lên, rất đáng sợ! Chánh là gì, Kiêm là gì, quý vị bèn hiểu rõ.

***(Sao) Kim tiêu niệm cảnh.***
**(鈔)今標念境。**
*(**Sao**: Nay nêu ra niệm cảnh).*

Câu Phật hiệu là cảnh giới được niệm bởi chúng ta. Bộ kinh Di Đà này hoặc kinh Vô Lượng Thọ là cảnh giới được niệm bởi chúng ta.

***(Sao) Tức thị kiêm Niệm Phật tam-muội, giai trợ hiển bổn tánh***

***chi Phật dã.***

**(鈔)即是兼念佛三昧，皆助顯本性之佛也。**

*(**Sao**: Tức là kèm thêm Niệm Phật tam-muội, đều nhằm giúp hiển lộ vị Phật trong bản tánh).*

*"Bản tánh Phật"* là gì? Lìa khỏi vọng tưởng, chấp trước, chính là bản tánh Phật. Mục đích niệm Phật của chúng ta trong hiện thời là niệm sao cho hết vọng tưởng, chấp trước. Niệm đến mức trừ sạch vọng tưởng, chấp trước, bản tánh Phật bèn hiện tiền. Bản tánh Phật là Chân Như bản tánh đã hiện tiền. Đây là pháp môn phương tiện hết sức thù thắng.

***(Sao) Hoặc trực hiển, hoặc trợ hiển, kỳ trí nhất dã.***

***(Diễn) "Hoặc trực hiển" hạ, hoặc vấn vân: Trực quán, trợ hiển công hạnh bất đồng, chứng quả chi thời, đắc vô thâm thiển.***

**(鈔)或直顯，或助顯，其致一也。**

**(演)或直顯下，或問云：直觀助顯功行不同，證果之時得無深淺。**

*(**Sao**: Hoặc là trực hiển, hoặc là trợ hiển, nhưng đạt đến mục tiêu đều là một.*

***Diễn**: Từ câu "hoặc là trực hiển" trở đi, có lẽ có người hỏi: "Trực quán và trợ hiển công hạnh khác nhau, khi chứng quả, há chẳng có sâu hay cạn ư?)*

Đây là lời vấn đáp giả thiết, nhằm nói rõ sự thật này. Có lẽ sẽ có người đưa ra câu hỏi như thế. *"Trực quán"* là công phu của nhà Thiền. *"Trợ hiển"*: Nay chúng ta trì danh, đọc kinh, trì chú đều là trợ hiển, chẳng phải là trực tiếp, đó là công phu khác nhau, chẳng giống nhau, chứng quả tự nhiên sẽ có sâu hay cạn. Trực quán thì công phu chứng quả sâu xa, trợ hiển thì công phu tương đối cạn hơn.

***(Diễn) Cố vân trực quán, trợ hiển, tuy vân bất đồng, trực chí thành công, vô nhị, vô biệt, phương tiện đa môn, quy nguyên vô nhị cố.***

**(演)故云直觀助顯，雖云不同，直至成功無二無別，方便多門，歸元無二故。**

*(**Diễn**: Vì thế nói: Trực quán và trợ hiển tuy khác nhau, nhưng đạt đến thành công bèn chẳng hai, chẳng khác, do phương tiện có nhiều*

*môn, nhưng trở về nguồn thì chẳng hai).*

Đặc biệt là trong pháp môn Tịnh Tông, do có lắm kẻ hiểu lầm câu danh hiệu [A Di Đà Phật] thuộc về trợ hạnh. Trong các đồng học chúng ta, những người mấy năm qua mỗi ngày đều đọc tụng Đại Kinh, nghe giảng về Tịnh Độ, ít nhiều cũng đã hiểu rõ vấn đề ấy phần nào; nhưng còn có rất nhiều người chưa thể thật sự hiểu rõ. Câu Phật hiệu này là đức hiệu của Chân Như bản tánh; do vậy, cổ nhân nói: *"Tâm năng niệm là Thỉ Giác, đức Phật được niệm là Bổn Giác"*. Bổn Giác là tự tánh. Nếu nhìn theo câu nói ấy, niệm câu A Di Đà Phật là trực hiển, chẳng phải là trợ hiển, chẳng khác gì quán tâm của Thiền Tông. Quán tâm là *"trực"*, niệm Phật cũng là *"trực"* y hệt như vậy. [Coi] *"quán tâm là trực"*, mọi người dễ dàng thừa nhận, nhưng mọi người dường như chẳng dám thừa nhận *"niệm Phật là trực"*, vì họ chẳng hiểu câu Phật hiệu A Di Đà Phật là tự tánh. Thiền Tông dùng phương pháp quán tâm để hiển lộ tự tánh, Tịnh Tông dùng phương pháp *"niệm tự tánh"* để niệm cho ra tự tánh. Theo cái nhìn của nhà Thiền, phương pháp này của chúng ta là trợ hiển; thật ra, nếu chúng ta thật sự triệt để hiểu rõ chân tướng của tông này, [sẽ thấy] niệm Phật là trực hiển, chẳng phải là trợ hiển. Huống chi pháp môn này được oai thần của chư Phật gia trì, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới quả báo thù thắng, tuyệt đối chẳng phải là sự thành tựu do tham thẳng vào công án của Thiền Tông có thể sánh bằng! Họ đâu có biết chuyện này!

Chúng ta tu Tịnh Độ, đối với kinh Vô Lượng Thọ, Sớ Sao Diễn Nghĩa, và Yếu Nghĩa, sau khi đã thâm nhập nghiên cứu, nếu còn có hoài nghi, vẫn ngỡ niệm câu A Di Đà Phật và niệm kinh Vô Lượng Thọ là gián tiếp, chẳng phải là trực tiếp, tức là quý vị chưa thật sự hiểu! Thật sự thông hiểu, [sẽ biết] niệm kinh Vô Lượng Thọ, niệm kinh Di Đà, niệm câu Phật hiệu đều là trực tiếp, chẳng phải là gián tiếp. Người khác nói pháp môn này là gián tiếp là vì họ chẳng lý giải, chẳng biết chân tướng sự thật. Pháp này được gọi là pháp khó tin!

***(Sao) Huống sơ học phàm phu, chướng nhiễm nùng hậu, toàn tư thắng cảnh, phát ngã diệu tâm.***

**(鈔)**況初學凡夫，障染濃厚，全資勝境，發我妙心。

*(**Sao**: Huống hồ kẻ phàm phu mới học, chướng nhiễm sâu đậm, hoàn toàn cậy vào cảnh thù thắng để phát khởi cái diệu tâm của ta).*

Nói thẳng thừng nhằm đối trị [những kiến chấp] của chúng ta.

***(Diễn) Huống sơ học hạ, vị sở vân trợ hiển giai cửu tu thượng sĩ, lý quán tinh thuần, đản giả sự vi trợ. Nhược sơ học phàm phu chướng nhiễm nùng hậu, lý quán hoang vu, toàn tư Di Đà thắng cảnh, phát ngã linh minh diệu tâm, tu ư tứ tự hồng danh, toàn thân trước đảo. Cố tri trì danh thật vi tu hành yếu thuật, bất khả hốt dã.***

**(演)**況初學下，謂所云助顯皆久修上士，理觀精純，但假事為助。若初學凡夫障染濃厚，理觀荒蕪，全資彌陀勝境，發我靈明妙心，須於四字洪名，全身著倒。故知持名實為修行要術，不可忽也。

*(**Diễn**: Từ câu "huống hồ hàng sơ học" trở đi, ý nói: Bảo là "trợ hiển" thì đều là bậc thượng sĩ tu tập đã lâu, Lý quán tinh thuần, chỉ mượn Sự để phụ trợ. Nếu là kẻ phàm phu sơ học, chướng nhiễm nồng đậm, lý quán mù mịt, thì phải hoàn toàn nương nhờ cảnh thù thắng của Phật Di Đà hòng phát khởi cái tâm mầu nhiệm linh minh của ta. Hãy nên toàn thân dốc sức nơi bốn chữ hồng danh. Vì thế biết trì danh thật sự là một thuật trọng yếu trong tu hành, chớ nên sơ sểnh).*

Đoạn này nói hết sức viên mãn. Nửa đoạn đầu nói về những bậc Pháp Thân đại sĩ như Văn Thù, Phổ Hiền, các Ngài đích xác là *"Lý quán tinh thuần"*, [thế mà] vẫn phải tín nguyện trì danh niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì mới có thể thành Phật viên mãn. Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta đã thấy chuyện này, trong kinh Vô Lượng Thọ cũng thấy. Pháp môn này nhiếp thọ chúng sanh viên mãn rốt ráo, trên là cho đến bậc Đẳng Giác Bồ Tát, dưới là đến chúng sanh trong ác đạo, đều được gộp vào trong. Lại xét tới bọn chúng ta, đây là điều chúng ta quan tâm nhất, chúng ta là *"sơ học phàm phu, chướng nhiễm nùng hậu"* (phàm phu mới học, nghiệp chướng, ô nhiễm nồng đậm, sâu dầy), *"chướng"* (障) là nghiệp chướng, *"nhiễm"* (染) là ô nhiễm, đặc biệt là trong thời đại hiện tại. Nói thật thà, đối với hết thảy sự vật thuộc thế gian và xuất thế gian ở ngay trước mắt, rốt ráo gì là thật, gì là vọng, gì là chánh, gì là tà, gì là đúng, gì là sai, đều chẳng hiểu rõ! Thị phi, tà chánh điên đảo lẫn lộn, [kẻ như vậy] chiếm tuyệt đại đa số, điều này đáng sợ đến cùng cực! Chính mình tạo một thân tội nghiệp mà chẳng biết, cứ ngỡ những hành vi của chính mình đều là chánh đáng. Vì

sao? Quan niệm điên đảo. Cái tâm, tư tưởng, và kiến giải của quý vị từ ngày được sanh ra đã bắt đầu ô nhiễm, một mực ô nhiễm cho đến hiện thời, càng nhiễm càng nồng, càng nhiễm càng dầy, làm sao quý vị hiểu tà chánh, đúng sai cho được? Chẳng thể nào!

Cổ đức có ưu điểm là từ bé đã đọc sách thánh hiền, các giáo huấn trong sách thánh hiền nhằm gột rửa những thứ ô nhiễm ấy mà thôi! Đối với những thứ quý vị bị ô nhiễm trong xã hội, các sách ấy sẽ dần dần gột sạch. Tuy gột trừ, nhưng chưa sạch hết, chỉ là bị nhuốm bẩn ít hơn một chút. Nay ta nhuốm bẩn mười phần, gột rửa bảy tám phần, cho nên đối với việc cân nhắc hết thảy lý sự, hãy còn có đôi chút tiêu chuẩn. Chẳng giống như hiện thời, sách thánh hiền đều không đọc, cả khuôn mặt đen thui, chẳng có gương soi, vẫn cứ tưởng mặt mũi của chính mình rất rạng rỡ! Sách thánh hiền là gương soi, khiến cho quý vị soi vào, ối chao! Ta vốn xấu xí dường ấy! Hiện thời đã đánh mất gương. Xưa kia, đọc sách thánh hiền, họ (cổ nhân) còn có một tấm gương để thường soi rọi, chính mình còn phản tỉnh đôi chút. Nay chẳng cần đến những thứ ấy, trong tương lai đọa vào địa ngục A Tỳ, vẫn chẳng biết vì sao bị đọa. Vua Diêm La đến thẩm vấn quý vị, [quý vị vẫn khăng khăng]: "Tôi làm bao nhiêu công đức". Vẫn tranh biện cùng ông ta, vẫn cãi lẫy với vua Diêm La. Vua Diêm La đâu có ngán, khởi tâm động niệm, nhất cử nhất động [của quý vị] đều được ghi chép ở nơi ấy (trong địa ngục). Đem sổ sách mở ra, cho quý vị tự xem, quý vị mới giác ngộ, đến khi đó, hối hận chẳng kịp, đã bị định tội rồi. Vì thế, chẳng đọc sách thánh hiền sẽ không xong!

Xưa kia, tại Trung Hoa, người đọc sách tối thiểu là có thể đọc thuộc lòng Tứ Thư, đó là mức độ thấp nhất. Chư vị ngẫm xem, quan trọng lắm! Không chỉ là phải đọc thuộc lòng, lại còn phải giảng giải. Không chỉ là phải giảng giải, các đồng học rèn giũa, giồi mài lẫn nhau, nghiên cứu, thảo luận. Qua nghiên cứu, thảo luận, lý sự ngày càng minh bạch, càng ngày càng rõ rệt, cách nhìn, cách nghĩ, và cách làm của chính mình đối với hết thảy các pháp tự nhiên có tiêu chuẩn. Cổ nhân nói *"độc thư chí tại thánh hiền"* (đọc sách noi theo chí của thánh hiền), học Phật lại càng chẳng cần phải nói nữa. Người học Phật chúng ta có chí muốn làm Phật, Phật là bậc đại thánh! Chúng ta cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là đến làm Phật. Chư vị nhất định phải biết điều này.

Cách nghĩ, cách nhìn, và cách làm của chúng ta đối với hết thảy sự vật có giống Phật hay không? Phật có cách nghĩ như vậy hay không? Phật có cách nhìn như vậy hay không? Phật có cách làm như vậy hay

không? Chư vị có thể thường nghĩ tưởng như vậy, đó là hồi quang phản chiếu, có thể quay đầu. Nhà Phật thường nói: *"Quay đầu là bờ"*, quay đầu như thế nào? Thường quay đầu, thường nghĩ tưởng, kiểm điểm, chúng ta mới có thể tỉnh táo, gột trừ đôi chút ô nhiễm. Đó gọi là quay đầu. Quay lại một lần, ô nhiễm bèn nhẹ nhàng mấy phần. Khi tạo tác hết thảy các nghiệp, khởi tâm động niệm, hết thảy tạo tác sẽ tự nhiên thâu liễm đôi chút, chẳng dám buông lung. Đây là nói về phàm phu.

*"Lý quán hoang vu"*, do tâm tánh đã mê quá sâu, tư tưởng lẫn kiến giải đều thuộc loại tà tri tà kiến, lấy đâu ra lý để quán? Quán (觀) là quán chiếu. Mất sạch quán chiếu, chẳng có, nay chúng ta dựa vào đâu để tu hành? Nếu quý vị biết sự thật này, mới biết những vị tổ sư đại đức trong thời cận đại đã dạy: Trong Phật môn, quý vị tu học bất cứ pháp môn gì, cũng đều chẳng thể thành tựu, nguyên nhân là vì chẳng có lý quán. Nếu lý quán trọn đủ, bất luận tu học pháp môn nào cũng đều có thể thành tựu; nay quý vị chẳng có! *"Lý"* là lý trí. [Người hiện thời] thuần là dựa vào tình cảm để xử sự, chẳng có lý tánh, chẳng có trí huệ! Quý vị khởi tâm động niệm, hết thảy tạo tác đều do tình thức chi phối, điều này quá đáng sợ! Trong trạng huống ấy, nếu quý vị chẳng học pháp môn này, sẽ chẳng cứu được! Pháp môn này có nơi nương tựa, hoàn toàn cậy vào cảnh giới Di Đà, dựa vào một câu A Di Đà Phật. Quý vị đọc tụng, bèn dựa vào một bộ kinh Di Đà hoặc kinh Vô Lượng Thọ. Dựa vào một bộ kinh này, đầu tiên là phải thuộc. Tôi dạy cho quý vị một phương pháp: Trước hết là phải niệm thuộc, đó là giai đoạn thứ nhất. Sau khi đã thông thuộc, phải nương theo kinh điển để tu hành; đó là giai đoạn thứ hai. Quý vị không thông thuộc, sẽ chẳng có tiêu chuẩn để tu tập. Sau khi đã thông thuộc, quý vị thời thời khắc khắc nghĩ tới những giáo huấn trong kinh Phật. Ta động một niệm, đức Phật có nói một niệm như thế ấy hay không? Nếu đức Phật chẳng nói như thế, [tức là] một niệm này của ta trái nghịch giáo huấn của đức Phật, hãy ngay lập tức dứt trừ. Niệm ấy phù hợp với giáo huấn của đức Phật, đó là thiện niệm, chúng ta có thể làm, có thể tích lũy công đức, đoạn ác, tu thiện.

Kinh điển, đặc biệt là kinh Vô Lượng Thọ, giảng rất tỉ mỉ, giảng rất nhiều! Chúng ta khởi tâm động niệm đối với hết thảy chúng sanh thì niệm ấy có giống bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật hay không? Bốn mươi tám nguyện là nguyện tâm của đức Di Đà, nguyện tâm của chúng ta có giống như Ngài hay chăng? Nương theo nguyện của Ngài để sửa đổi những ý niệm sai lầm của chúng ta. Do vậy, kinh chẳng thể

không thuộc, phải thuộc làu! Trước hết, khuyên chư vị niệm thuộc, sau đấy bèn dùng các giáo huấn trong kinh điển để uốn nắn tư tưởng, kiến giải và hành vi của chúng ta, như vậy thì mới có thể đạt được lợi ích chân thật do đọc tụng. Quý vị chẳng đọc tụng, sẽ chẳng thông thuộc. Nói cách khác, quý vị vĩnh viễn chẳng có tấm gương ấy. Đã thông thuộc, tức là đã nắm được tấm gương trong tay, thường soi chiếu chính mình hòng uốn nắn! Ở chỗ nào có dơ bẩn, bèn gột rửa, lau sạch, có một tấm gương để làm tiêu chuẩn. Chẳng có tấm gương ấy, chắc chắn quý vị chẳng biết tâm hạnh xấu xí của chính mình, chẳng có gì để căn cứ hòng sửa chữa!

Trong kinh, đức Phật có nói: Quả báo của việc chướng ngại [người khác] đọc tụng là trong A Tỳ địa ngục. Chướng ngại đọc tụng tức là quý vị xóa bỏ tấm gương của người khác. Bản thân quý vị chẳng cần gương, vậy thì quý vị tự làm tự chịu, [thế mà] quý vị còn cắt đứt một tia hy vọng của người khác, quả báo chẳng ở trong địa ngục thì ai đọa địa ngục? Trong bản chú giải [kinh Vô Lượng Thọ], Hoàng lão cư sĩ đã chép ra những phần trích dẫn từ kinh điển, [khẳng định] trong hết thảy các kinh, đặc biệt là bộ kinh này, trong thời kỳ Mạt Pháp, bộ kinh này thật sự có thể cứu người. Nếu quý vị chướng ngại, nói cách khác, quý vị đã đoạn đứt Pháp Thân huệ mạng của chúng sanh. Nói thật thà, quý vị tiêu diệt toàn thể Phật giáo, tội ấy còn chẳng lớn hơn tội trở ngại người khác đọc tụng kinh này, chẳng có! Kinh này trực tiếp dạy người ta thành Phật. Đoạn mất nhân duyên thành Phật của người khác, còn khiến cho người ấy bị luân hồi trong lục đạo, đáng sợ lắm! Vì thế, chính mình chẳng đọc, quyết định chớ nên chướng ngại người khác, chư vị đồng tu nhất định phải nhớ kỹ điều này. Tôi đã nói rõ ràng! Nếu trong tương lai, quý vị chướng ngại [kẻ khác], bị đọa địa ngục, về sau sẽ chẳng thể chửi tôi, chẳng thể trách: "Chuyện nghiêm trọng như thế mà sao thuở ấy thầy không bảo cho tôi biết?" Tôi đã bảo quý vị, mà quý vị vẫn cứ làm, chẳng có cách nào hết! Tôi đã nói rõ ràng, quý vị vẫn cứ làm, tự làm tự chịu mà!

Chúng ta là chúng sanh đời Mạt Pháp, hoàn toàn dựa vào bộ kinh này, hoàn toàn nương tựa câu danh hiệu này, toàn thân nương tựa, sẽ khởi tác dụng. Tác dụng ấy chính là niệm đến mức thân tâm thanh tịnh. Thân tâm thanh tịnh là *"phát ngã linh minh diệu tâm"* (phát khởi cái tâm mầu nhiệm linh minh của chính mình), niệm cho phiền não, vọng tưởng, tri kiến (tri (知) là tri thức, kiến (見) là kiến giải) thảy đều đoạn hết. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đã nói: Chân tâm là gì? Chân tâm là *"vốn chẳng có một vật"*. Trong tâm quý vị có một vật, đó là vọng tâm, chẳng

phải là chân tâm. Niệm cho hết sạch những thứ tạp nhạp trong tâm, khiến cho trong tâm chỉ có một Phật hiệu, đó là đúng. *"Cố tri trì danh thật vi tu hành yếu thuật"* (Cho nên biết trì danh thật sự là phương cách trọng yếu trong tu hành), *"thật"* (實) là chân thật, quyết định chẳng giả. Cổ nhân nói pháp môn này chân thật nhất trong các thứ chân thật, viên mãn nhất trong các pháp viên, chuyên nhất trong các pháp chuyên, đốn nhất trong các pháp đốn, tán thán đến tột cùng! *"Tu hành yếu thuật"*, *"yếu"* (要) là trọng yếu, tinh yếu, *"thuật"* (術) là phương pháp, [*"yếu thuật"*] là phương pháp trọng yếu nhất. *"Bất khả hốt dã"* (Chớ nên sơ sểnh), quyết định chớ nên chểnh mảng. Đoạn kế tiếp nói về cách niệm:

***(Sớ) Minh niệm pháp giả.***

**(疏)明念法者。**

*(**Sớ**: Nói rõ về cách niệm).*

Phần trên giảng về cảnh giới, nhằm dạy chúng ta có nhận thức chánh xác đối với lý luận của pháp môn này. Sau khi đã nhận rõ, sẽ chẳng còn hoài nghi, kiến lập tín tâm và nguyện tâm. Đoạn này sẽ giảng về phương pháp tu hành.

***(Sớ) Vị ký văn thánh hiệu, yếu tại chấp trì. Chấp giả, văn tư thọ chi, dũng mãnh, quả quyết, bất dao đoạt cố.***

**(疏)謂既聞聖號，要在執持。執者，聞斯受之，勇猛果決，不搖奪故。**

*(**Sớ**: Nghĩa là đã nghe thánh hiệu, cốt yếu là chấp trì. "Chấp" là nghe điều ấy (bộ kinh này và danh hiệu đức Phật) rồi tiếp nhận, dũng mãnh, quả quyết, chẳng bị lay chuyển, chẳng bị đoạt mất ý nguyện).*

Cách niệm ở ngay trong [câu kinh văn] *"chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn"*, phương pháp tu hành được giảng trong kinh Di Đà là tám chữ ấy, đặc biệt khẩn yếu là chấp trì danh hiệu. Danh hiệu thì mọi người đều biết, [chính là] bốn chữ A Di Đà Phật, đương nhiên khẩn yếu là hai chữ *"chấp trì"*. Chấp (執) là gì? Trì (持) là gì? Trước tiên, giải thích cho chúng ta biết: Chấp là gì? *"Văn tư, thọ chi, dũng mãnh, quả quyết, bất dao đoạt cố"* (Nghe điều ấy rồi tiếp nhận, dũng mãnh, quả quyết, chẳng bị lay chuyển, đoạt mất ý nguyện) chính là ý nghĩa của Chấp.

***(Diễn) Văn tư thọ chi giả.***

**(演)聞斯受之者。**

*(**Diễn**: Nghe điều ấy rồi tiếp nhận).*

Chữ *"tư"* (斯) nhằm chỉ bộ kinh này. Quý vị nghe những điều được giảng trong bộ kinh này phải hoàn toàn tiếp nhận.

***(Diễn) Vị văn tư thù thắng pháp môn, thông thân lãnh hà, trực hạ thừa đương.***

**(演)謂聞斯殊勝法門，通身領荷，直下承當。**

*(**Diễn**: Nghĩa là: Nghe pháp môn thù thắng này, toàn thân tiếp nhận, gánh vác, ngay lập tức đảm đương).*

Đó là *"chấp"*. Đức Phật giảng bộ kinh này, chúng ta nghe xong, hoàn toàn chấp nhận, suốt cả một đời hành đúng theo giáo huấn của đức Phật. Đó là Chấp. Chẳng thể hành đúng theo kinh này, sẽ chẳng gọi là Chấp. Có kẻ hiểu lầm, cứ ngỡ mỗi ngày niệm bộ kinh này một lần thì là thọ trì. Niệm một lần, hoặc niệm mười lần cũng vô dụng, [vì] chẳng làm theo! Miệng niệm mà tâm và hạnh đều chẳng tương ứng, sẽ như cổ nhân đã nói: *"Hãm phá hầu lung dã uổng nhiên"* (Gào toác cuống họng cũng uổng công). *"Hãm"* (喊) là lớn tiếng niệm, niệm rách toang cổ họng vẫn vô dụng. Mỗi ngày niệm một trăm bộ cũng vô dụng, phải làm được! Tôi nói với các đồng tu: Giai đoạn thứ nhất là thuộc, giai đoạn thứ hai là "phải làm được". Không thuộc, sẽ chẳng làm được. Trong cuộc sống, từ sáng đến tối xử sự, đãi người, tiếp vật luôn khởi tâm động niệm. Dấy lên ý niệm, bèn hiểu: Trong kinh đức Phật đã nói như thế nào, ta có nên khởi ý niệm này hay chăng? Ta có nên làm hành vi này hay không? Đó gọi là tu hành. Kinh chẳng thuộc, quý vị sẽ chẳng có tiêu chuẩn, quý vị tu bằng cách nào? Quý vị chẳng có cách nào tu được! Đó gọi là *"thông thân lãnh hà"* (toàn thân nhận lãnh, gánh vác), *"lãnh"* (領) là lãnh nạp, là tiếp nhận, hoàn toàn tiếp nhận, *"hà"* (荷) là gánh vác. Tiếp nhận là tự lợi, gánh vác là hoằng pháp lợi sanh. Không chỉ là bản thân ta phải làm như vậy, mà ta còn phải khuyên người khác làm như thế. Tự hành, hóa độ người khác, nay chúng ta nói là *"chuyên tu, chuyên hoằng"*. *"Chuyên tu"* có nghĩa là lãnh nạp, *"chuyên hoằng"* có nghĩa là gánh vác, chúng ta phải đảm nhận trọng trách ấy. *"Trực hạ thừa đương"* (Ngay lập tức đảm đương): Chính mình phải đảm đương, chẳng thể đùn đẩy cho người khác!

***(Diễn) Dũng vãng trực tiền, bất vị tha kỳ sở động.***

**(演)勇往直前，不為他岐所動。**

*(**Diễn**: Mạnh mẽ tiến thẳng lên trước, chẳng bị lay động bởi những đường rẽ khác).*

*"Tha kỳ"* (他岐) là lối rẽ, đường nhánh. Quyết chẳng bị dao động! Không chỉ chẳng bị pháp thế gian dao dộng, pháp thế gian là tiếng tăm, lợi dưỡng, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, ngũ dục, lục trần, tuyệt đối chẳng động tâm. Vì sao? Gánh vác gia nghiệp của Như Lai và trọng trách hoằng pháp lợi sanh, há còn rỗi hơi dính dáng đến những chuyện ấy nữa ư? Không chỉ là pháp thế gian chẳng động tâm, mà trong Phật pháp gặp gỡ những tông phái khác hoặc những pháp môn khác cũng chẳng động tâm, như vậy thì mới được. Chớ nên nói: Gặp Thiền thì Thiền hay lắm, ta cũng tham Thiền vài hôm. Gặp Mật, Mật cũng khá lắm, ta cũng theo họ niệm chú vài ngày. Vậy là hỏng bét, chẳng có Chấp (chấp trì)! Chấp trì chẳng dễ dàng đâu nhé! Hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian bày ra trước mặt mà như như bất động, chẳng lấy, chẳng bỏ, đó gọi là Chấp.

***(Sớ) Trì giả, thọ tư, thủ chi, thường vĩnh trinh cố, bất di vọng cố.***

**(疏)持者，受斯守之，常永貞固，不遺妄故。**

*(**Sớ**: Trì là đã tiếp nhận pháp ấy bèn gìn giữ cho thường hằng, bền chắc, chẳng để sơ sót, quên mất).*

Đó là Trì. *"Trì"* là gìn giữ. *"Chấp"* là tiếp nhận. Sau khi đã tiếp nhận thì phải gìn giữ.

***(Diễn) Vị lãnh tư thù thắng pháp môn.***

**(演)謂領斯殊勝法門。**

*(**Diễn**: Ý nói đã lãnh nhận pháp môn thù thắng này).*

*"Lãnh"* (領) có ý nghĩa Chấp, cũng là tiếp nhận. Ta tiếp nhận pháp môn thù thắng như vậy.

***(Diễn) Chung thân y phó, niệm niệm bất ly, dữ sanh câu sanh, bất chí trung đạo nhi phế dã.***

**(演)終身依付，念念不離，與生俱生，不至中道而廢也。**

*(**Diễn**: Suốt đời nương tựa, trông cậy [pháp môn] ấy, niệm niệm chẳng lìa, luôn gắn liền với cuộc đời, chẳng đến nỗi phế trừ giữa chừng).*

Do đó, quý vị nhất định phải nhận biết sự thù thắng của pháp môn này. Vì sao đối với pháp môn này, người ta hoặc có, hoặc không, có lúc niệm, có lúc dứt? Do quý vị chẳng biết công đức chân thật của danh hiệu. Nếu quý vị biết công đức chân thật, lẽ nào có thể vứt bỏ cho được? Chẳng chịu vứt bỏ! Mọi người chẳng biết công đức chân thật của danh hiệu, có tin tưởng thì tín tâm cũng là lúc có, lúc không, một hồi tin tưởng, một hồi không tin, nguyện lẫn hạnh đều chẳng tha thiết. Như thế thì công phu của quý vị chẳng đắc lực. Công phu chẳng đắc lực, càng ngày càng hoài nghi, nguyện càng ngày càng thoái chuyển, khuyết điểm phát sanh từ chỗ này.

Do đó, vì quý vị giảng giải, nghiên cứu, thảo luận, nói rõ cặn kẽ, nhằm kiến lập tín tâm, [giúp quý vị] nhận biết rõ rệt chuyện này. Có như vậy thì quý vị mới hiểu: Đây mới là đại sự duy nhất trong một đời này, là chuyện có giá trị nhất trong mạng sống của chúng ta, là chuyện có ý nghĩa nhất, chẳng có gì thù thắng hơn! Quý vị thật sự nhận biết thì mới lý giải, cuộc sống mới đầy đủ, chính quý vị sẽ thật sự cảm nhận: Mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút, mỗi giây của ta đều chẳng phí uổng, cuộc sống của ta hết sức thực tiễn, đời người mới thật sự sung sướng! Trước kia, khi chưa hiểu rõ ràng, cuộc đời là sống say chết mộng, chẳng biết "Vì sao mà sống? Sống rốt cuộc để làm gì?" đều chẳng biết, là chuyện rất đáng thương. Trong cuộc sống, kẻ ấy làm sao có thể đạt đến sung sướng cho được?

Mấy câu kế tiếp đã nói rõ ý nghĩa viên mãn của thọ trì. *"Niệm niệm bất ly"* (Niệm niệm chẳng lìa) là chẳng gián đoạn. *"Dữ sanh câu sanh, bất chí trung đạo nhi phế dã"* (Luôn gắn liền với cuộc đời, chẳng đến nỗi phế trừ giữa chừng). Niệm niệm chẳng gián đoạn. Chẳng gián đoạn thì chắc chắn là không xen tạp; hễ xen tạp, nhất định bị gián đoạn. Quý vị dấy lên vọng tưởng, sẽ bị gián đoạn một chốc, xen lẫn vọng tưởng vào. Nếu Phật hiệu mà thật sự niệm niệm chẳng gián đoạn, vọng niệm làm sao có thể chen vào được? Vì vậy, chấp trì danh hiệu, *"chấp"* có nghĩa là chẳng hoài nghi, *"trì"* có nghĩa là không gián đoạn, không xen tạp. Đấy mới thật sự là chấp trì danh hiệu, đó chính là bí quyết niệm

Phật.

***(Sao) Chấp trì phân thích như thượng.***
**(鈔)執持分釋如上。**
*(**Sao**: Chấp trì được tách ra để giải thích như trên).*

Tách hai chữ này ra để giảng, giống như đã nói trong phần trước: Chấp là gì, Trì là gì?

***(Sao) Đơn ngôn Trì, tắc nhiếp Chấp.***
**(鈔)單言持，則攝執。**
*(**Sao**: Chỉ nói là Trì thì đã bao gồm Chấp).*

Tách hai chữ này ra để nói thì cũng được, mà nói gộp lại cũng được. Chỉ nói một chữ, bất luận nói chữ nào: Nói là Chấp thì trong Chấp đã bao gồm Trì. Nói là Trì thì trong Trì đã bao gồm Chấp. Do vậy, bất luận nói theo kiểu nào, ý nghĩa đều viên mãn.

***(Sao) Tổng chi vi chuyên niệm bất vong ý dã.***
**(鈔)總之為專念不忘意也。**
*(**Sao**: Nói chung, sẽ là ý nghĩa "chuyên niệm chẳng quên").*

Có ý nghĩa *"chuyên niệm chẳng quên"*.

***(Sao) Hựu trì phục hữu sổ chủng.***
**(鈔)又持復有數種。**
*(**Sao**: Lại nữa, trì lại có mấy loại).*

Trì có đến mấy loại. Có rất nhiều đồng tu chẳng liễu giải, thường hỏi: "Chúng ta niệm Phật, rốt cuộc là niệm ra tiếng mới nên? Hay là chẳng niệm ra tiếng mới nên? Không niệm ra tiếng có được hay không?" Có người bảo: "Niệm Phật ra tiếng mới có thể vãng sanh, chẳng niệm Phật ra tiếng sẽ không thể vãng sanh". Còn có những cách nói kiểu đó, đấy chính là những quan niệm sai lầm! Niệm ra tiếng phải tốn hơi sức, suốt ngày niệm từ sáng đến tối, hơi sức chẳng đủ thì làm thế nào được? Ở đây, đại sư đã giảng rất rõ ràng, minh bạch. Niệm Phật có rất nhiều

phương pháp.

***(Sao) Nhất giả, minh trì, vị xuất thanh xưng niệm.***
**(鈔)一者明持，謂出聲稱念。**
*(**Sao**: Một là minh trì, tức là xưng niệm ra tiếng).*

Niệm ra tiếng thì lớn tiếng hay nhỏ tiếng đều chẳng sao cả! Cổ nhân nói: *"Tiếng lớn thấy Phật lớn, tiếng nhỏ thấy Phật nhỏ"*. A! Vậy thì không có âm thanh, sẽ chẳng thấy Phật! Cách nói này xác thực là do cổ đức nói, nhưng kinh chẳng nói, nên quý vị phải ghi nhớ *"y pháp, bất y nhân"*. Vì sao tổ sư đại đức nói kiểu đó? Các Ngài nhằm ứng cơ thuyết pháp. Các Ngài nói lời này là nói với người nào? Chuyên đối với người ấy mà nói, chẳng phải là nói với mọi người. Có những kẻ vọng tưởng, hôn trầm đặc biệt nặng nề, liền bảo họ hãy lớn tiếng niệm, vọng tưởng sẽ mất. Niệm nhỏ tiếng thì vọng niệm của họ sẽ ồ ạt xuất hiện, chẳng thể đoạn, cho nên bảo họ niệm lớn tiếng. Hiện thời, nói thật thà, niệm lớn tiếng sẽ làm phiền người khác, người ta sẽ đến can thiệp, nhưng chẳng niệm lớn tiếng, đích xác là chẳng đuổi vọng tưởng được. Càng niệm, vọng tưởng càng nhiều! Đây cũng là chuyện phiền phức. Vì thế, tôi dạy các đồng tu, quý vị hãy dùng máy nghe nhạc cá nhân. Máy nghe nhạc có thể mở đến mức âm thanh lớn nhất, dùng ống nghe (headset). [Do nghe] âm thanh ấy, thật sự là vọng tưởng gì cũng đều chẳng có, hoàn toàn nghe Phật hiệu, người khác cũng chẳng nghe thấy, cũng chẳng làm phiền người khác. Âm thanh ấy chấn động quý vị, âm thanh nào khác cũng đều chẳng nghe thấy, chỉ là một Phật hiệu, nên vọng niệm cũng chẳng dấy lên được. Phương pháp này tốt lắm! Tiếng lớn hay tiếng nhỏ đều nhằm chữa bệnh, khi quý vị cần tiếng lớn thì dùng tiếng lớn, khi cần tiếng nhỏ thì dùng tiếng nhỏ.

***(Sao) Nhị giả, mặc trì, vị vô thanh mật niệm.***
**(鈔)二者默持，謂無聲密念。**
*(**Sao**: Hai là mặc trì, ý nói không có âm thanh, niệm thầm).*

*"Mặc trì"* (默持) là không phát ra âm thanh, chúng ta nói là *"mặc niệm"* (niệm thầm), miệng cũng chẳng động. Nói cách khác, trong tâm niệm Phật, nhìn theo hình tướng thì chẳng thấy [người ấy đang niệm Phật]. Có những đồng tu, người nhà phản đối họ học Phật, nên trong nhà

chẳng dám bày kinh sách, tôi dạy họ niệm thầm, không cần phát ra tiếng. Ở trong hoàn cảnh nào, dùng phương pháp nấy để tu hành, sẽ chẳng có chướng ngại. *"Mặc trì, vị vô thanh mật niệm"* (Mặc trì là không có âm thanh, niệm thầm). Người khác không biết, phương pháp này áp dụng trong gia đình không học Phật, áp dụng khi quý vị đi làm. Khi đi làm, hễ có chút thời gian rảnh rỗi bèn niệm thầm, không trở ngại người khác, người khác cũng chẳng thể trở ngại quý vị.

***(Sao) Tam giả, bán minh bán mặc trì, vị vi động thần thiệt niệm, chú gia danh Kim Cang Trì thị dã.***

**(鈔)三者半明半默持，謂微動脣舌念，咒家名金剛持是也。**

*(**Sao**: Ba là bán minh bán mặc trì, nghĩa là khẽ động môi lưỡi để niệm, người trì chú gọi cách này là Kim Cang Trì).*

Người niệm Phật gọi cách này là Kim Cang Trì (金剛持), trong Mật Tông cũng gọi [cách niệm này] là Kim Cang Trì, tức là miệng mấp máy, nhưng không phát ra âm thanh. Phương pháp này hết sức hay, vì sao? Có thể trì lâu dài. Niệm ra tiếng thì chẳng thể niệm lâu dài, tốn hao thể lực! Chẳng phát ra tiếng, niệm lâu dễ bị hôn trầm, niệm đến nỗi Phật hiệu cũng chẳng có, không biết đi đâu mất rồi! Kim Cang Trì là một phương pháp rất tốt, miệng động, thậm chí trên tay lần chuỗi, tuy động mà chẳng có âm thanh, có thể trì lâu dài.

Đây là nói có ba cách niệm như vậy, ba cách ấy có hiệu quả hoàn toàn giống nhau, chẳng có cao hay thấp. Công phu sâu hay cạn là do khi quý vị niệm Phật có vọng niệm hay không! Vọng niệm nhiều, công phu cạn. Vọng niệm ít, công phu sâu. Đương nhiên, khi bắt đầu niệm, nhất định là có vọng niệm. [Chứ nếu] vừa bắt đầu niệm đã chẳng có vọng niệm, quý vị là Phật, Bồ Tát tái lai, chẳng phải là phàm nhân! Nếu là phàm nhân, nhất định sẽ có vọng niệm. Vọng niệm dấy lên, đừng sợ, quý vị phải giống như tham Thiền, lo chú ý câu thoại đầu, phải dồn sức chú ý tập trung nơi Phật hiệu, khiến cho câu Phật hiệu rành mạch, rõ ràng, chẳng cần quan tâm tới vọng niệm. Mặc cho vọng niệm dấy lên, về căn bản là chẳng cần ngó ngàng tới nó, như thế thì vọng niệm sẽ dần dần ít đi, Phật hiệu dần dần đắc lực. Có những kẻ khi vọng niệm dấy lên bèn sợ hãi, càng mong chế phục vọng niệm, càng nghĩ tới thì vọng niệm càng nhiều, chắc chắn là chẳng thể chế phục được, đã phạm sai lầm nơi

phương pháp!

***(Sao) Hựu hoặc ký số trì, hoặc bất ký số trì, cụ như Mật giáo trung thuyết, tùy tiện giai khả.***

**(鈔)又或記數持，或不記數持，具如密教中說，隨便皆可。**

*(**Sao**: Lại còn hoặc là trì bằng cách nhớ số, hoặc trì không nhớ số, cụ thể là như trong Mật giáo có nói, tùy thuộc phép nào thuận tiện [mà sử dụng] đều được).*

Nhớ số hay không nhớ số chẳng quan trọng. Có người chủ trương nhớ số, có người chẳng chủ trương nhớ số. Thật ra, nhớ số hay không là vì mỗi người mỗi khác, vì công phu này nhằm để nhiếp tâm. Ta nhớ số bèn có thể nhiếp tâm thì phương pháp ấy cũng rất thực dụng đối với ta. Không nhớ số vẫn có thể nhiếp tâm thì ta chẳng cần nhớ số, khiến cho ta tu học càng hoạt bát, sống động, càng thâm nhập. Nói chung, tu hành phải áp dụng trong cuộc sống hằng ngày, sống động, hoạt bát thì quý vị mới có thể đạt được pháp hỷ. Công phu và cuộc sống chẳng thể tương ứng, sẽ không đạt được pháp hỷ, sẽ cảm thấy tu hành rất khổ. Có thể hòa quyện thành một khối với cuộc sống, quý vị sẽ cảm thấy tu hành rất vui sướng. Vì thế, đối với những chỗ giống như thế này, chớ nên chấp trước. Cầm tràng hạt (xâu chuỗi) để lần, nó có hai thứ tác dụng: Một là tác dụng nhớ số, hai là tác dụng nhắc nhở. Người ấy không nhớ số, cớ sao lần tràng hạt? Nhắc nhở chính mình, sợ chính mình quên bẵng Phật hiệu. Trông thấy tràng hạt, bèn nghĩ "ta phải niệm Phật". Có người nhớ số, có người chẳng nhớ số, mỗi người có phương pháp riêng, cốt sao công phu đắc lực là được rồi.

***(Sao) Nhi các phân Sự Lý.***

**(鈔)而各分事理。**

*(**Sao**: Nhưng mỗi pháp đều có chia thành Sự và Lý).*

Cầm tràng hạt thì hoặc là niệm ra tiếng hay niệm thầm, trong ấy đều có Sự và Lý.

***(Sao) Ức niệm vô gián, thị vị Sự Trì.***

**(鈔)憶念無間，是謂事持。**
*(**Sao**: Nhớ nghĩ chẳng gián đoạn thì là Sự Trì).*

Về mặt Sự, chẳng bị gián đoạn, đó là Sự Trì. Câu Phật hiệu của ta chẳng bị gián đoạn.

***(Sao) Thể cứu vô gián, thị vị Lý Trì.***
**(鈔)體究無間，是謂理持。**
*(**Sao**: Thể cứu[16] chẳng gián đoạn thì gọi là Lý Trì).*

Trong phần trước, Lý Trì được gọi là trực quán, chẳng phải là Sự niệm (niệm theo mặt Sự). Xét theo Sự, người ấy chẳng niệm, nhưng tâm người ấy giống như tâm A Di Đà Phật, nguyện của người ấy giống như nguyện của A Di Đà Phật. Tư tưởng và kiến giải của người ấy tương ứng với tư tưởng và kiến giải của A Di Đà Phật. Đó là Lý Trì, điều này được gọi là *"thể cứu"*. Xét theo Sự, tuy chẳng niệm câu A Di Đà Phật, nhưng tâm nguyện giải hạnh nhất trí với A Di Đà Phật, chẳng khác biệt, thì gọi là Lý Trì.

***(Sao) Hạ đương tường biện.***
**(鈔)下當詳辯。**
*(**Sao**: Trong phần sau sẽ biện định cặn kẽ).*

Đối với Sự Trì và Lý Trì, trong phần tiếp theo còn được nói rõ tường tận trong đoạn giảng về Nhất Tâm Bất Loạn. Phần giải thích câu *"nhất tâm bất loạn"* của Liên Trì đại sư chiếm đến một phần tám toàn bộ tác phẩm Sớ Sao, vì điều này là chuyện trọng yếu nhất trong công phu [tu tập].

***(Sao) Dĩ thị vi nhân.***
**(鈔)以是為因。**
*(**Sao**: Lấy đó làm cái nhân).*

Đây là tu nhân, là sự tu hành trong Tịnh Tông.

---

[16] Trong tập 215, Hòa Thượng đã giảng chữ Thể Cứu như sau: *"Thể là 'thể hội' (thấu hiểu, lãnh hội), Cứu là tham cứu".*

***(Sao) Hậu nhất tâm bất loạn.***

**(鈔)後一心不亂。**

*(**Sao**: Sau đó là nhất tâm bất loạn).*

*"Nhất tâm bất loạn"* là quý vị đạt được kết quả, mà cũng là thành tích tu học của quý vị. Trong nhất tâm bất loạn, có Sự nhất tâm và Lý nhất tâm. Sự nhất tâm và Lý nhất tâm cũng đều có thứ tự cạn hay sâu khác nhau.

***(Sao) Diệc hữu Sự Lý, kỳ bất giải thử ý giả, dĩ niệm Phật thị bị độn căn, tham Thiền nãi năng ngộ đạo. Sơ cơ văn thử, mạc năng tự quyết, bất tri thể cứu niệm Phật, dữ tiền đại tôn túc giáo nhân cử thoại đầu, hạ nghi tình, ý cực tương tự. Cố vị "tham Thiền bất tu biệt cử thoại đầu, chỉ tiêu hướng nhất cú A Di Đà Phật thượng trước đảo", diệu tai ngôn hồ!***

**(鈔)亦有事理，其不解此意者，以念佛是被鈍根，參禪乃能悟道。初機聞此，莫能自決，不知體究念佛，與前代尊宿教人舉話頭、下疑情，意極相似。故謂參禪不須別舉話頭，只消向一句阿彌陀佛上著倒，妙哉言乎。**

*(**Sao**: "Cũng có Sự và Lý": Kẻ chẳng hiểu ý này, cho rằng niệm Phật là để thích ứng kẻ độn căn, tham Thiền mới có thể ngộ đạo. Kẻ sơ cơ nghe như vậy, chẳng thể tự quyết, chẳng biết thể cứu niệm Phật có ý nghĩa hết sức tương tự với chuyện các bậc cổ tôn túc dạy người ta đề khởi thoại đầu, dấy lên nghi tình. Vì thế nói "tham Thiền chẳng cần đề khởi câu thoại đầu nào khác, chỉ cần quy hết về một câu A Di Đà Phật để nghiền ngẫm", lời ấy mầu nhiệm thay!)*

Ý nghĩa này cũng nhằm trực tiếp bảo chúng ta: Niệm Phật là cách tham Thiền cao minh nhất, nhưng Thiền Tông không thừa nhận. Vì sao họ chẳng thừa nhận? Họ chẳng hiểu rõ! Sau khi đã hiểu rõ, mới thật sự liễu giải: Nguyên lai niệm một câu A Di Đà Phật là công phu rất sâu vi diệu trong Thiền Tông. *"Kỳ bất giải thử ý giả"* (Kẻ chẳng hiểu ý này), do chẳng hiểu rõ, chẳng liễu giải nghĩa lý và chân tướng sự thật này, họ có quan niệm sai lầm, ngỡ niệm Phật là pháp để Thích Ca Mâu Ni Phật độ kẻ độn căn, tham Thiền nhằm độ hàng lợi căn, đều ngỡ căn tánh của chính mình rất nhạy bén, chẳng cam lòng làm kẻ độn căn. Thật ra, căn

cơ [của chính mình] độn nhất! Thông thường, chúng ta nghe cách nói này bèn hoài nghi. Rất nhiều đồng tu niệm Phật nghe kẻ tham Thiền nói mấy câu, bèn chẳng niệm Phật nữa mà hành tham Thiền. Gặp phải Thượng Sư Mật Tông nói vài câu, chẳng niệm Phật nữa mà đi niệm chú. Đấy là kẻ chẳng hiểu rõ, chẳng gặp gỡ một vị thiện tri thức thật sự! Quý vị gặp gỡ thiện tri thức thật sự, vị ấy sẽ chẳng dạy theo kiểu đó!

Khi tôi mới học Phật, gặp gỡ Chương Gia đại sư, Ngài là Mật Tông Thượng Sư, là một trong tứ đại lạt-ma của Mật Giáo Trung Hoa, thuộc Hoàng Giáo[17]. Đệ tử của đại sư Tông Khách Ba là Đạt Lại (Dalai Lama), Ban Thiền (Panchen), Chương Gia (Changkya) và Triết Bất Tôn Đan Ba (Jebtsundampa)[18], là bốn đại lãnh tụ Phật giáo ở biên cương

---

[17] Hoàng Giáo là cách người Hoa gọi tông phái Cách Lỗ Ba (Gelugpa) của Tây Tạng. Tông phái này do đại sư Tsong Khapa (Tông Khách Ba) sáng lập, và được coi là hậu duệ của dòng Phật giáo Ca Đương Ba (Kadampa) truyền thừa bởi đại sư A Để Sa (Atisha). Gelug có nghĩa là Quy Củ Tốt Lành, do phái này coi trọng giới luật, tăng sĩ bắt buộc phải sống độc thân, tuân thủ giới luật, không được phép kết hôn như các lạt-ma thuộc các dòng Nyingma, Kargyu và Sakya, cũng như không được phép tu pháp "song tu thành tựu". Do phái Gelugpa thường đội mũ vàng, trong khi các phái cổ hơn thường đội mũ đỏ, nên người Hoa thường gọi Gelugpa là Hoàng Mạo Phái (phái mũ vàng), hoặc gọi tắt là Hoàng Giáo (trong khi các phái cổ hơn được gọi là Hồng Giáo. Tuy nhiên, có khi Hồng Giáo chỉ dùng để gọi riêng tông Cổ Mật Nyingmapa). Phái này cũng chú trọng nhiều đến giáo nghĩa Duy Thức hơn các tông phái khác, đặc biệt là học thuyết Trung Quán. Tăng sĩ thuộc Hoàng Giáo bắt buộc phải học Nhân Minh, Bát Nhã Trung Quán, Luật Học, Câu Xá Luận, nhất là Hiện Quán Trang Nghiêm Luận và Trung Quán Luận, đặc biệt là Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Luận.

[18] Đạt Lại Lạt Ma (thông thường gọi là Đạt Lai Lạt Ma hoặc Đại Lại Lạt Ma), danh xưng này phát nguồn từ tiếng Mông Cổ Dalai (biển lớn), một danh xưng được ban tặng bởi thủ lãnh Mông Cổ tại Thanh Hải là Altan Khan cho vị tăng Sonam Gatso. Theo truyền thống, Sonam Gatso được coi là hóa thân của Gendun Drup (đại đệ tử của TsongKhapa). Do đó, Gendun Drup được tôn là Đạt Lại Lạt Ma đời thứ nhất, và được coi là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát (vì Đạt Lai Lạt Ma đời thứ năm tự xưng như thế), trong khi đại sư Tsong Khapa được coi là hóa thân của Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.

Ban Thiền (Panchen Erdeni), có nghĩa là đại học giả. Danh xưng này do Đại Lai Lạt Ma đời thứ năm (Ngawang Lobsang) đã tôn xưng thầy mình là Lobsang Choekyi, và do Đại Lai Lạt Ma thứ năm đã tự xưng là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, đương nhiên thầy ông ta được tôn xưng là hóa thân của A Di Đà Phật. Đồng thời, ông ta cũng tôn xưng ba đời trước của tu viện trưởng tu viện Tashilungpo đều là các vị Ban Thiền Lạt Ma. Do vậy, Lobsang Choekyi trở thành Ban Thiền đời thứ tư. Do vị Ban Thiền thứ nhất là Khedrup Je cũng là một đại đệ tử của đại sư Tsong Khapa, nên các vị Ban Thiền đời đời là được coi là đồ đệ của Tsong Khapa. Tuy có quan hệ thầy trò,

Trung Hoa. Chúng tôi may mắn gặp được Ngài, Ngài chẳng dạy tôi trì chú, mà dạy tôi học Giáo, đổ công dốc sức nơi kinh điển. Đó là chánh xác. Chẳng giống những vị Kim Cang Thượng Sư bình phàm, vừa thấy quý vị bèn lập tức quán đảnh, truyền dạy [Mật pháp] cho quý vị, dạy quý vị một pháp môn [trong Mật Tông]. Quý vị tu học, tu suốt một đời chẳng

---

nhưng giữa Ban Thiền và Đạt Lai thường xảy ra xung đột về quyền bính. Ban Thiền Lạt Ma đời thứ chín (Thubten Choekyi Nyima) do tranh chấp quyền bính và thuế má với Đại Lai Lạt Ma đời thứ mười ba đã phải trốn chạy sang Mông Cổ vào năm 1924 và chết tại thành phố Gyêgu thuộc vùng tự trị Ngọc Thụ của Trung Hoa. Ban Thiền Lạt Ma thứ mười đã từng nhờ tướng lãnh quân phiệt Mã Bộ Phương đem quân đánh nhau với chính quyền Lhasa để giành quyền cai trị vùng Gyaltsen của Tây Tạng. Sau đó, ông ta cộng tác chặt chẽ với chính quyền Mao Trạch Đông trong việc sát nhập Tây Tạng vào Trung Hoa. Khi Đại Lai Lạt Ma lưu vong, Ban Thiền Lạt Ma đã trở thành chủ tịch bù nhìn ủy ban lâm thời tự trị Tây Tạng. Sau khi đi thăm khắp Tây Tạng với sự cho phép của Bắc Kinh vào năm 1962, Ban Thiền Lạt Ma vỡ mộng, viết thư phản đối gởi lên Mao Trạch Đông và chính quyền Trung Cộng, nên bị chính quyền Bắc Kinh giam cầm mãi cho đến năm 1977 mới được thả, nhưng vẫn tiếp tục bị giam lỏng tại nhà cho đến năm 1982. Từ năm 1978, ông ta đã hoàn tục, cưới vợ và có một người con gái. Tuy thế, người Tây Tạng vẫn tôn sùng Ban Thiền và dòng hóa thân này vẫn có Ban Thiền đời thứ mười một. Hiện thời người Tây Tạng vẫn đang tranh đấu để Trung Cộng phóng thích Ban Thiền Lạt Ma đời thứ mười một và coi Ban Thiền Lạt Ma đương nhiệm là bù nhìn giả mạo của chính quyền Bắc Kinh.

Chương Gia (lCang skya, Changkya) được coi là hóa thân của A La Hán Tôn Đạt (Chandaka, tức Xa Nặc, người giữ ngựa của thái tử Tất Đạt Đa). Vị Chương Gia Hô Đồ Khắc Đồ đời thứ ba được tôn làm quốc sư của vua Càn Long, và từ đó, Ngài trở thành lãnh tụ Phật giáo của Mông Cổ cũng như cố vấn tôn giáo quan trọng của nhà Thanh. Thầy của hòa thượng Tịnh Không là Chương Gia đại sư đời thứ bảy, có tên gọi đầy đủ là Lobsang Pelden Tenpe Dronme (1890-1951, người Hoa thường phiên âm là La Tang Ban Điện Đan Tất Dung Mai). Khi mới lên chín tuổi, vị này đã được vua Quang Tự phong mỹ hiệu là Quán Đảnh Phổ Thiện Quảng Từ Chương Gia Hô Đồ Khắc Đồ. Năm 1947, được phong thêm mỹ hiệu Hộ Quốc Tịnh Giác Phụ Giáo Đại Sư. Sư là chủ tịch hội Phật Giáo Trung Quốc tại Đài Loan cho đến khi tịch.

Triết Bất Tôn Đan Ba (Jebtsundamba, còn phiên âm là Triết Bố Tôn Đan Ba, Javzandamba, Tối Thắng, Cao Vị Quang Minh Giả, hoặc Thánh Quang Minh Giả) là một lạt-ma cao cấp của vùng Mông Cổ, chỉ thua Chương Gia. Theo truyền thuyết, vị này vốn là một trong năm trăm vị La Hán thời Thích Ca Mâu Ni Phật, về sau chuyển thế thành học giả Đa La Na Tha (Taranatha, 1557-1634). Vị này đã nhận lời thỉnh cầu của Khả Hãn (Khan) bộ tộc Kalka người Mông Cổ đến Kuriye để truyền giáo suốt hai mươi năm, nên được dân chúng tôn sùng bằng danh xưng Triết Bố Tôn Đan Ba, nhưng dòng truyền thừa này chỉ tính từ đời thứ nhất khi các học trò tôn xưng Zanabazar là hóa thân của Taranatha. Vị Jebtsundamba cuối cùng là đời thứ chín, sinh năm 1932 và mất năm 2012.

thể thành tựu. Thiện tri thức thật sự sẽ quan sát căn cơ, sẽ vạch ra một con đường cho quý vị đi, mong mỏi quý vị trong tương lai có thể đạt được kết quả, chẳng hại quý vị, chẳng gạt gẫm quý vị. Đó là thiện tri thức thật sự. Ngày hôm qua, có một tỳ-kheo-ni đến tìm tôi, bà ta xuất gia tại chùa Thừa Thiên đã hai năm. Nay đã rời khỏi nơi đó, muốn tìm chỗ để trụ. Tôi hỏi bà: "Vì sao bà xuất gia?" Bà ta đáp không được! Hồ đồ, mơ màng xuất gia, làm sao được nữa! Gần đây thường có người muốn đến xuất gia với tôi, tôi liền hỏi họ: "Động cơ (motivation) xuất gia của quý vị là gì? Vì sao quý vị muốn xuất gia?" Họ nói rất nhiều lý lẽ, tôi nghe xong, [cảm thấy] đều chẳng phải là lý do [chánh đáng] để xuất gia. Tôi nói: "Những điều đó tại gia vẫn có thể làm được, không cần phải xuất gia". Xuất gia khó khăn, chẳng dễ dàng! Tôi phân tích cho bà ta nghe, cuối cùng bà ta khai ngộ, hoàn tục.

Mục đích phải thuần chánh, Tăng đoàn có cùng một mục tiêu, một phương hướng, mọi người ở chung với nhau, nỗ lực hướng đến một mục tiêu, một phương hướng chung thì mọi người ở chung với nhau mới rất vui sướng. Nếu chẳng có mục tiêu và phương hướng chung, mỗi người ấp ủ một mưu tính riêng, ở chung với nhau, cuộc sống sẽ khó sống lắm! Do đó, phải hiểu người và người đối xử với nhau chẳng đơn giản. Một gia đình mấy người còn có mối quan hệ máu mủ mà còn đối xử với nhau chẳng tốt đẹp, huống hồ một đoàn thể đông người như thế, trong quá khứ cũng chẳng có quan hệ gì, lại còn mỗi ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ ở chung với nhau. Trong nhà quý vị, đi làm mất tám tiếng đồng hồ, khi trở về, mỗi ngày chỉ tụ họp có mấy giờ, mà còn càm ràm, cãi cọ. Những người xuất gia chẳng đi làm, lại chẳng cần phải đi ra ngoài, mỗi ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ ở chung với nhau, không càm ràm, cãi cọ, chẳng dễ dàng! Đối với chùa miếu, đoàn thể, pháp sư nào đi nữa, chúng ta chớ nên hủy báng, chớ nên phê bình. Tôi chỉ có thể nêu ra ý kiến này để chính quý vị suy nghĩ cho kỹ. Quý vị đến Tăng đoàn có lắm kẻ xa lạ ngần ấy, có thể ở chung với họ hay không? Có thể ở yên ổn, không xảy ra chuyện gì, chẳng cãi lẫy hay không? Chẳng dễ dàng.

Xã hội hiện thời đúng như kinh Lăng Nghiêm đã nói: *"Tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng"*, nghe lắm kẻ giảng, sẽ chẳng có cách nào quyết định trong một đời này ta muốn học gì, muốn hành theo pháp môn nào, hỏng bét! Suốt một đời, quý vị theo cố định một vị thầy thì còn có một con đường để đi! Thầy phải chịu trách nhiệm về kết quả. Nếu quý vị có mấy vị thầy chỉ dạy, nghe theo mấy vị thầy, sẽ chẳng có

con đường nào để theo, điều này rất trọng yếu! Vì thế, thiện tri thức thật sự sẽ thời thời khắc khắc cảnh tỉnh chúng ta.

*"Bất tri thể cứu niệm Phật"* (Chẳng biết thể cứu niệm Phật), *"thể cứu"* (體究) là công phu, cũng là Lý niệm. Lý niệm và Thiền Tông hoàn toàn giống nhau. Trong quá khứ, bậc từng trải thật sự sẽ dạy người ta khác hẳn, ở đây nói là *"tiền đại"*, tiền đại (前代) là thời cổ. *"Tôn túc"*, *"tôn"* (尊) là nói tới những vị đại đức thông thường, bậc đại đức Thiền Tông *"giáo nhân cử thoại đầu, hạ nghi tình, ý cực tương tự"* (dạy người khác đề khởi thoại đầu, dấy lên nghi tình, ý hết sức tương tự). Xét theo lý luận và phương pháp, thể cứu niệm Phật và tham cứu trong Thiền Tông đều giống nhau. Vì thế, thẳng thừng dạy người tham Thiền chẳng cần tham câu thoại đầu nào khác, cứ tham câu *"người niệm Phật là ai"* là được rồi, có niệm hay không? Niệm! Suốt ngày từ sáng đến tối niệm A Di Đà Phật. Niệm A Di Đà Phật xong bèn nghĩ *"niệm Phật là ai?"*, *"ai đang niệm Phật?"* Khởi lên mối nghi tình ấy, chỉ cần hướng đến một câu A Di Đà Phật để nghiền ngẫm là được rồi!

***(Diễn) Cổ vân: "Nam-mô A Di Đà Phật, Tông Môn đầu tắc công án đẳng", thị dã.***

**(演)古云：南無阿彌陀佛，宗門頭則公案等，是也。**

*(**Diễn**: Cổ nhân nói: "Nam-mô A Di Đà Phật chính là công án trong Tông Môn" v.v... là nói về ý này).*

Những câu ấy đều xuất phát từ miệng các vị đại đức trong Thiền Tông. Bậc từng trải mới biết niệm Phật chẳng khác tham Thiền, công đức còn to hơn tham Thiền, quả báo còn thù thắng hơn tham Thiền. Chớ nên không biết điều này! Đã biết thì trong tương lai, khi tiếp xúc Thiền Tông, sẽ chẳng bị nó lay động. Cũng giống như vậy, tiếp xúc bất cứ tông phái hay pháp môn nào, chính mình đều có thể như như bất động, hiểu rõ ràng, đó là Huệ. Quý vị thấy thấu suốt, hiểu rõ ràng, rành mạch pháp thế gian và xuất thế gian, trong tâm như như bất động, đó là nhất tâm bất loạn. Hôm nay chúng tôi giảng tới đây.

***Tập 223***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm ba mươi chín:

***(Sớ) Hựu chấp trì, tức quy mạng nghĩa.***

**(疏)又執持，即歸命義。**

*(**Sớ**: Chấp trì lại có nghĩa là quy mạng).*

*"Quy mạng"* và *"quy y"* có ý nghĩa giống nhau.

***(Sao) Quy mạng giả, Phạn ngữ Nam-mô.***

**(鈔)歸命者，梵語南無。**

*(**Sao**: Quy mạng: Tiếng Phạn là Nam-mô).*

*"Nam-mô"*, thời cổ hai chữ này được đọc là Nam-mô (ná-móu), hiện thời đọc thành nam-vô (nán-wú), chúng ta phải đọc theo âm thời cổ.

***(Sao) Giải kiến tiền tự.***

**(鈔)解見前序。**

*(**Sao**: Xem [lời giải thích chữ Nam-mô] trong phần Tự ở trước).*

Trong phần trước đã giải thích, ở đây tỉnh lược.

***(Sao) Nhược bất ủy thân quy mạng, yên năng nhất tâm chấp trì, cố nghĩa đồng dã.***

**(鈔)若不委身歸命，焉能一心執持，故義同也。**

*(**Sao**: Nếu chẳng toàn thân quy mạng, làm sao có thể nhất tâm chấp trì cho được? Vì thế, có ý nghĩa giống nhau).*

[Nam-mô và "quy mạng"] có ý nghĩa giống nhau.

***(Diễn) Nhược bất ủy thân nhị cú, vị nhược triệt kiến niệm Phật chi diệu, tắc tự nhiên bất tích hình hài, bất cố thân mạng. Thiểu hữu ái luyến chi tâm, tắc bất năng nhất tâm chấp trì dã.***

**(演)若不委身二句，謂若徹見念佛之妙，則自然不惜形骸，不顧身命。少有愛戀之心，則不能一心執持也。**

*(**Diễn**: Hai câu "nếu chẳng toàn thân..." ý nói: Nếu đã thấy thấu suốt sự mầu nhiệm của niệm Phật, sẽ tự nhiên chẳng tiếc hình hài, chẳng đoái hoài thân mạng. Nếu có chút tâm yêu luyến, sẽ chẳng thể nhất tâm chấp trì).*

Nói kiểu này là nói theo cảnh giới, mà cũng là nói đến công phu. Người biết đến ưu điểm của niệm Phật thật sự chẳng nhiều, nguyên nhân là do công phu vẫn chưa đủ; [do đó], người niệm Phật vẫn chưa thể nếm trải lợi ích chân thật. Thật sự đạt được lợi ích do niệm Phật, sẽ hiểu được ưu điểm của việc niệm Phật. Trong phần trước, chúng tôi đã từng trình bày công đức của danh hiệu cùng chư vị. Có biết công đức của danh hiệu, mới biết sự mầu nhiệm do niệm Phật. Kẻ biết sự mầu nhiệm do niệm Phật, sẽ chẳng yêu tiếc thân thể. Niệm mệt bèn nghỉ ngơi, nghỉ đã khỏe khoắn lại niệm tiếp. Sau khi đã nhập cảnh giới, thời gian nghỉ ngơi ngày càng ít, thời gian niệm Phật ngày càng dài. Đó là đạo lý nhất định. Kẻ bình phàm chưa nhập cảnh giới, [thường cảm nhận] giống như họ đang phải liều hết tánh mạng, cho rằng niệm Phật rất vất vả. Người đã nhập cảnh giới, không chỉ chẳng [cảm thấy] nhọc nhằn, mà còn biết niệm Phật có lạc thú trong ấy. Đối với thân thể của chính mình, hễ còn có *"ái luyến chi tâm"* (cái tâm yêu luyến), sẽ chẳng để cho mình quá sức vất vả, [sẽ cảm thấy] niệm Phật quá nhọc nhằn. Như vậy thì muốn đạt tới công phu thành phiến, đắc nhất tâm bất loạn sẽ rất khó khăn, khó khăn ở chỗ nào? Rất hiển nhiên, chúng ta có thể cảm nhận: Chính là vì đã xen tạp vọng tưởng. Vọng tưởng gì vậy? Sợ quá vất vả, sợ quá mệt mỏi. Có vọng niệm ấy xen tạp vào đó, sẽ chẳng có cách nào niệm đến mức tâm địa thanh tịnh. Sau khi đã thật sự đoạn trừ vọng tưởng thì mới thật sự có thể một mực xưng niệm, nhất tâm chuyên niệm.

***(Diễn) Cổ vân: "Giả sử cân đoạn cốt khô, ngã thử công phu quyết bất thoái chuyển".***

**(演)古云：假使筋斷骨枯，我此工夫決不退轉。**

*(**Diễn**: Cổ nhân nói: "Giả sử gân đứt, xương khô, công phu này của ta quyết chẳng thoái chuyển").*

Cổ đức nói như vậy, hàm ý: Tín tâm kiên cố, công phu tinh tấn. Vất vả đến đâu đi nữa, họ cũng chẳng bị thoái chuyển. Dụng công như thế thì công phu mới đắc lực. Khi công phu đã đắc lực, tinh thần tự nhiên phấn chấn. Vì thế, khi người ta đang giải đãi, mệt mỏi, vừa dụng công bèn ngay lập tức có thể xua tan mệt mỏi. Do vậy, người tham Thiền chẳng cần ngủ nghê. Chúng ta nói: "Lẽ nào chẳng ngủ cho được? Mệt mỏi, vất vả lắm!" Trên thực tế, khi họ mệt mỏi, nhọc nhằn, bèn tĩnh tọa nhập Định, trong một thời gian rất ngắn bèn có thể khôi phục. Công phu

trong Niệm Phật Đường cũng là như vậy, khi niệm đến lúc thân thể rất mệt mỏi, rất nhọc nhằn, bèn niệm mấy câu Phật hiệu trong Niệm Phật Đường, tinh thần lại khôi phục. Thoạt nghe, chúng ta [cảm thấy] dường như là chuyện thần thoại, trên thực tế, đấy là sự thật. Nếu quý vị hỏi vì sao người ta mệt mỏi ư? Thân thể này có thể bị mệt nhọc ư? Thân thể là một cỗ máy. Quý vị thấy máy móc trong công xưởng vận hành suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ, nó có kêu mệt mỏi hay chăng? Có đòi phải nghỉ ngơi một lát hay chăng? Thân thể là một cỗ máy, cỗ máy ấy vận hành; nói thật ra, chẳng khác gì máy móc trong công xưởng, rốt cuộc vì sao bị mệt nhọc? Do vọng niệm nên nói là "mệt mỏi", tức là vọng niệm "làm lụng lâu như thế, phải nên nghỉ chốc lát". Tới khi đó, kẻ ấy bèn mệt mỏi, chẳng nghỉ ngơi đôi chút sẽ chẳng thể chịu nổi. Hoàn toàn là vọng tưởng!

Vì thế, khi tâm đã đạt đến thanh tịnh, không chỉ là có thể chẳng cần ngủ, mà cũng có thể chẳng cần ăn uống! Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ được gọi là Ngũ Dục. Dục Giới mới có [Ngũ Dục]. Càng lên cao hơn, nhu cầu càng ít hơn, Ngũ Dục càng nhạt mỏng hơn. Đến Sơ Thiền, hoàn toàn chẳng cần nữa! Sơ Thiền Thiên chẳng có ngủ nghỉ và ăn uống, trong Dục Giới Thiên mới có ăn uống và ngủ nghê. Vì sao đạt đến Sơ Thiền bèn chẳng cần ăn uống và ngủ nghê nữa? Tâm họ thanh tịnh, Thiền Định đắc lực, đắc lực gì vậy? Sức mạnh chế phục phiền não, đã chế phục vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, hoàn toàn chưa đoạn; họ có năng lực ấy. Đáng tiếc là họ chẳng biết niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nếu họ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, họ sẽ đến [Cực Lạc] ngay lập tức. Chúng ta niệm Phật, phải niệm đến mức độ ấy, chắc chắn vãng sanh, [trình độ] ấy được gọi là "công phu thành phiến", phải đạt tới tiêu chuẩn ấy. Các đồng tu niệm Phật chớ nên không biết chuyện này, đấy chính là công phu.

***(Diễn) Hựu vân: "Giả sử nhiệt thiết luân, tại ngã đảnh thượng tuyền, chung bất dĩ thử khổ, thoái thất Bồ Đề tâm".***

**(演)又云：假使熱鐵輪，在我頂上旋，終不以此苦，退失菩提心。**

*(**Diễn**: Lại nói: "Ví bánh xe sắt nóng, xoay trên đỉnh đầu tôi, trọn chẳng do khổ ấy, thoái thất tâm Bồ Đề").*

Đây là một tỷ dụ do đức Phật đã nói trong kinh điển. *"Nhiệt thiết luân"* (熱鐵輪) là hỏa luân (火輪: bánh xe bốc lửa, cháy rừng rực, hoặc

bánh xe nung đỏ). Hỏa luân đè xuống đỉnh đầu, rất đau khổ. Đó chính là *"nhiệt thiết"* (sắt nung), tức là bánh xe bằng sắt nung đỏ rực, người ấy vẫn chẳng thoái thất tâm Bồ Đề. Tỷ dụ này hình dung Bồ Tát phát tâm kiên cố, bất luận trong nghịch cảnh hay ác duyên nào cũng đều chẳng bị thoái chuyển.

Chẳng giống như bọn phàm phu chúng ta, tu hành hễ hơi gặp phải đôi chút thử thách liền thoái chuyển. Do đó, rất khó thành tựu. Những điều này nhằm giải thích câu *"nhược bất ủy thân quy mạng"* (nếu chẳng toàn thân quy mạng), *"ủy thân"* (委身) là toàn thân. Nếu chẳng gieo trọn toàn thân nương tựa, làm sao có thể đạt đến nhất tâm? *"Nhất tâm"* được nói ở đây hoàn toàn là nói về Sự nhất tâm.

***(Sao) Quy phục nhị nghĩa.***

**(鈔)歸復二義。**

*(**Sao**: Quy lại có hai nghĩa).*

*"Quy"* (歸) lại có hai ý nghĩa.

***(Sao) Diệc như tiền Tự trung thuyết.***

**(鈔)亦如前序中說。**

*(**Sao**: Cũng như trong phần [giải thích] lời Tựa ở trước đã nói).*

Trong phần Tự trước đó đã từng giải thích cặn kẽ, dưới đây, vẫn nêu đại lược.

***(Sao) Nhất giả quy đầu nghĩa, chấp trì danh hiệu, nhất tâm hướng vãng, tức Sự nhất tâm. Nhị giả quy nguyên nghĩa, chấp trì danh hiệu, hoàn quy nhất tâm, tức Lý nhất tâm dã.***

**(鈔)一者歸投義，執持名號，一心向往，即事一心。二者歸元義，執持名號，還歸一心，即理一心也。**

*(**Sao**: Một là ý nghĩa "quay về, gieo vào". Chấp trì danh hiệu, nhất tâm hướng về, tức là Sự nhất tâm. Hai là ý nghĩa "quy nguyên". Chấp trì danh hiệu, trở về nhất tâm, tức là Lý nhất tâm).*

*"Quy đầu"* và *"quy nguyên"* có ý nghĩa cạn và sâu khác biệt, chúng ta hãy xem lời chú giải:

***(Diễn) "Nhất giả quy đầu nghĩa" hạ, vị tiền quy mạng hữu đầu nghĩa.***

**(演)一者歸投義下，謂前皈命有投義。**

*(**Diễn**: Từ câu "một là ý nghĩa quay về, gieo vào" trở đi, ý nói: Trong sự quy mạng trên đây, có ý nghĩa "gieo vào").*

Tức là có ý nghĩa "tiến nhập, nương cậy".

***(Diễn) Kim chấp trì danh hiệu, nhất tâm hướng vãng, như điểu đầu lâm, như khách đầu chủ, như du tử linh đinh, duy hữu tư quy nhất niệm. Thử đản sự tướng tinh cần, do vị minh Lý, tức Sự nhất tâm.***

**(演)今執持名號，一心向往，如鳥投林，如客投主，如游子伶仃，唯有思歸一念。此但事相精勤，猶未明理，即事一心。**

*(**Diễn**: Nay chấp trì danh hiệu, nhất tâm hướng đến, như chim quay về rừng, như khách nương tựa chủ, như kẻ lưu lạc lênh đênh, chỉ có một niệm mong quay về. Loại này chỉ chuyên tinh, siêng gắng nơi sự tướng, còn chưa hiểu Lý, chính là Sự nhất tâm).*

Niệm Phật có Sự Trì và Lý Trì. Lý Trì hay Sự Trì là do cảnh giới khác nhau, chứ công phu y hệt! Nhất định phải niệm đến mức đoạn Kiến Tư phiền não thì mới đắc Sự nhất tâm bất loạn. Niệm đến mức phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân thì mới là Lý nhất tâm bất loạn. Do vậy, hai loại Lý niệm Phật và Sự niệm Phật đều chẳng quan trọng, điều khẩn yếu là công phu. Do Sự Trì có thể niệm đến mức Lý nhất tâm bất loạn, Lý Trì vẫn phải trải qua Sự nhất tâm bất loạn rồi mới có thể chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn. Do vậy có thể biết: Đoạn phiền não và đoạn tập khí hết sức khẩn yếu, ngàn muôn phần đừng nên coi nhẹ! Dẫu mỗi ngày niệm Phật hiệu nhiều đến mấy đi nữa, nhưng chẳng đoạn vọng tưởng, chấp trước, tập khí phiền não, sẽ là vô dụng. Mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, vẫn chẳng thể vãng sanh. Vãng sanh nhất định phải là tâm địa thanh tịnh, nhất định là phải chế phục phiền não. Chẳng đoạn phiền não, không sao cả! Chế phục là như thế nào? Phiền não chẳng khởi tác dụng, đó là chế phục. [Có thể chế phục phiền não] thì niệm câu Phật hiệu mới được gọi là "có công phu, có sức mạnh", có thể đè nén phiền não; tham, sân, si, mạn chẳng thể phát tác. Hễ chúng còn có

thể phát tác; nói cách khác, câu Phật hiệu của chúng ta vẫn chưa thể đè nén phiền não, phải cảnh giác điều này! Nói thật ra, cuộc sống hằng ngày đang khảo nghiệm chúng ta. Đối với khởi tâm động niệm trong cuộc sống thường nhật, [hãy xét xem] Phật hiệu có thể chèn ép phiền não hay chăng?

*"Quy đầu"* thì mỗi người chúng ta đều có thể làm được. *"Quy"* (歸) là trở về, quay lại. *"Đầu"* (投) là dựa vào. *"Đầu"* còn có nghĩa là "có chỗ nương tựa", tức là ý nghĩa Quy Y. Nay chúng ta từ hết thảy cảnh duyên quay về, *"cảnh"* là hoàn cảnh vật chất, *"duyên"* là hoàn cảnh nhân sự. Từ hết thảy người, hết thảy sự quay lại, chẳng còn phan duyên (nắm níu) những thứ đó. Từ nay trở đi, nhất tâm nhất ý nương cậy A Di Đà Phật. Đó là ý nghĩa *"quy đầu"*. A Di Đà Phật ở nơi đâu? A Di Đà Phật ở ngay trong kinh này. Chỗ có kinh điển chính là nơi A Di Đà Phật ngự. Nương cậy bằng cách nào? Đọc tụng, thọ trì. Đọc tụng kinh điển, chấp trì danh hiệu, câu hồng danh sáu chữ niệm niệm chẳng lìa tự tâm. Đó là "nương tựa". Vì sao? Trong tâm chẳng có A Di Đà Phật, chắc chắn sẽ lại dấy vọng tưởng. Nếu chẳng dấy vọng tưởng, sẽ rớt vào vô minh. Vô minh và vọng tưởng đều là nghiệp nhân của ba ác đạo. Vô minh đọa súc sanh đạo, súc sanh hồ đồ, mờ mịt. Do vọng tưởng, bèn đọa trong ngạ quỷ đạo hoặc địa ngục đạo. Vọng tưởng tốt là ba thiện đạo, vọng tưởng xấu là ba ác đạo, đều phải luân hồi trong lục đạo. Do vậy, chúng ta hiểu rõ chỉ có một câu Phật hiệu này là có thể giúp chúng ta vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, liễu sanh tử, thoát tam giới ngay trong một đời này. Không chỉ là có công đức ấy, công đức thù thắng nhất là nó giúp chúng ta thành Phật viên mãn ngay trong một đời này. Do vậy, kinh này và pháp môn này thật sự chẳng thể nghĩ bàn.

Trong lời chú giải đã nêu ra mấy tỷ dụ, những tỷ dụ ấy rất dễ hiểu, nhưng chẳng dễ thấu hiểu cho mấy. Vì sao? Mỗi cá nhân, nhất là trong xã hội hiện thời, xã hội hiện thời chẳng giống xã hội thuở trước. Chú giải do cổ nhân viết, cổ nhân chỉ có thể viết theo bối cảnh xã hội, tâm thái và hình thái ý thức trong thời đại của họ, chẳng giống [bối cảnh sống của] người hiện thời. Người hiện thời lìa nhà, chẳng nhớ nhà cho mấy. Thời cổ, rời khỏi nhà, người nhớ nhà rất nhiều. Hiện thời, nói thật thà, người vừa mới rời khỏi cửa, ra khỏi nhà, đại khái là một hai tháng còn nhớ nhà, một thời gian lâu sau cũng chẳng nhớ nhà nữa, quên bẵng quê nhà! Người thuở trước biết quay về, đặc biệt là người đã rời nhà lâu ngày, ở bên ngoài khi chẳng đắc ý, càng nhớ nhà. Khi đắc ý, sẽ quên bẵng nhà

cửa!

Ý nghĩa trong đoạn thứ nhất là tinh tấn, siêng gắng tu học nơi Sự, chẳng hiểu rõ Lý. Vì thế, [ý nghĩa thứ nhất] thuộc về Sự nhất tâm. Ý nghĩa thứ hai là nói đến quy nguyên. *"Nguyên"* (元) là Lý, chẳng phải là Sự.

***(Diễn) Nhị giả, quy nguyên nghĩa, vị chấp trì danh hiệu, hoàn quy nhất tâm, tắc bối trần hợp giác, phản bổn hoàn nguyên, niệm niệm hoàn quy tự tâm, tức danh "quy nguyên". Thử tắc bất duy Sự hành, kiêm tu Lý quán, vi Lý nhất tâm.***

**(演)二者歸元義，謂執持名號，還歸一心，則背塵合覺，返本還源，念念還歸自心，即名歸元。此則不唯事行，兼修理觀，為理一心。**

*(**Diễn**: Hai là ý nghĩa quy nguyên, nghĩa là chấp trì danh hiệu, trở về nhất tâm, tức là trái nghịch trần lao, xuôi theo tánh giác, quay về nguồn cội, niệm niệm trở về tự tâm, nên gọi là "quy nguyên". Đây chẳng phải chỉ là hành theo Sự, mà còn kiêm tu Lý quán, là Lý nhất tâm).*

Quy nguyên, *"nguyên"* (元) là Chân Như bản tánh. Chân Như bản tánh là cội nguồn của vũ trụ và nhân sinh. *"Nhân sinh"* là nói về bản thân chúng ta, là chính bản thân ta. *"Vũ trụ"* là nói theo không gian hoạt động, hoặc hoàn cảnh hoạt động của chúng ta. [Nhân sinh và vũ trụ là] chính mình và hoàn cảnh. Hoàn cảnh rất lớn, tận hư không khắp pháp giới đều là hoàn cảnh sinh tồn của chúng ta. Ví như không gian hoạt động của chúng ta hiện thời thuộc phạm vi của tỉnh Đài Loan, hòn đảo này ở trên địa cầu, địa cầu là hoàn cảnh sinh tồn của chúng ta. Địa cầu là một tinh cầu trong thái dương hệ; thái dương hệ là hoàn cảnh sống của chúng ta. Thái dương hệ là một tiểu tập đoàn [các thiên thể] trong hệ Ngân Hà, hệ Ngân Hà là hoàn cảnh sống của chúng ta. Quý vị tiếp tục mở rộng, [sẽ thấy] tận hư không khắp pháp giới đều là hoàn cảnh sống của chúng ta. Hoàn cảnh sống rất lớn, do đâu mà có? Từ tự tánh biến hiện, xác thực là *"ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm"*. Hư không pháp giới do tự tánh của chúng ta biến hiện. Ai biết? Thưa cùng chư vị, chỉ có chư Phật, Bồ Tát biết, từ Quyền Giáo và Nhị Thừa trở xuống đều chẳng biết. Tuy trong kinh, đức Phật đã nói đến sự thật này, chúng ta nghe xong vẫn chẳng biết. Vì sao nghe mà vẫn chẳng biết?

Người thật sự biết, thái độ xử thế làm người sẽ thay đổi. Thái độ xử thế làm người chẳng biến đổi, ta biết kẻ ấy chẳng biết! Bất quá, chúng ta nghe đức Phật nói như thế mà thôi, chẳng thể đích thân chứng nhập. Đích thân chứng nhập cảnh giới này, quý vị chẳng gọi là phàm phu nữa, mà thay đổi danh từ, gọi là Phật, hoặc Bồ Tát. Đây là tướng chân thật của hết thảy các pháp, tức là *"chư pháp Thật Tướng"* như kinh Bát Nhã đã nói, còn gọi là Đệ Nhất Nghĩa Đế, cũng gọi là minh tâm kiến tánh. Danh xưng khác nhau, ý nghĩa hoàn toàn tương đồng.

Từ mấy câu này, chúng ta thấu hiểu thật sâu: Pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn. Người dùng phương pháp chấp trì danh hiệu này có thể *"hoàn quy nhất tâm"*. Nhà Thiền gọi *"hoàn quy nhất tâm"* là minh tâm kiến tánh, cũng là như trong kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ Tát đã dạy chúng ta: *"Chẳng nhờ vào phương tiện, tâm được tự khai"*, mới biết sự xảo diệu của phương pháp này. Quý vị thấy [phương pháp này] đơn giản ngần ấy, dễ dàng ngần ấy, mà có công đức thù thắng dường ấy. Thật sự niệm đến mức nhất tâm bất loạn thì cái nhất tâm bất loạn ấy sẽ được gọi là Lý nhất tâm bất loạn. *"Lý"* (理) là tánh, [do đã] kiến tánh, nên gọi là Lý nhất tâm bất loạn. Nó là Huệ, chẳng phải là Định. Trong Huệ đương nhiên có Định. Sự nhất tâm bất loạn là Định, chẳng phải là Huệ. Nếu nói đến Huệ thì là đã kiến tánh. Vì nó (Sự nhất tâm bất loạn) là Định, chẳng có Huệ, chẳng kiến tánh, nên gọi là Sự nhất tâm. Định có thể đoạn Kiến Tư phiền não, chẳng thể phá vô minh. Huệ chính là trí huệ Bát Nhã hiện tiền, mới có năng lực phá vô minh, chứng Pháp Thân.

*"Bối trần hợp giác"* (Trái nghịch trần lao, hợp với tánh giác) là công phu chúng ta phải làm trong hiện tại. Trần là gì? Trần (塵: bụi bặm) là tỷ dụ, Trần có nghĩa là "ô nhiễm". Giống như cái bàn này, quý vị một ngày chẳng lau nó, trên bàn sẽ đóng bụi. Vì thế, phải lau chùi hằng ngày. Trần là ô nhiễm, tỷ dụ cái tâm thanh tịnh của chúng ta bị nhuốm bẩn. Thứ gì nhuốm bẩn? Phiền não nhuốm bẩn, tà kiến nhuốm bẩn, vô minh nhuốm bẩn, phải vĩnh viễn rời lìa những thứ ấy. Nói cách khác, chúng ta khởi tâm động niệm đều là ô nhiễm. Ác niệm ô nhiễm, mà thiện niệm vẫn là ô nhiễm. Chẳng khởi tâm, không động niệm, khi trong tâm điều gì cũng không biết, nó vẫn ô nhiễm, tức là bị ô nhiễm bởi vô minh. Phải như thế nào thì mới chẳng bị ô nhiễm? Chẳng ô nhiễm là giác, giác là bản năng trong bản tánh. Tự tánh vốn là giác, chẳng phải là vô minh, cũng chẳng phải là vọng tưởng, nó vốn là giác. *"Giác"* là hết thảy đều hiểu rõ. Đối với chúng ta, trong giai đoạn sơ học này, một câu *"Nam-mô*

*A Di Đà Phật"* là giác, vì trong tâm quý vị có câu Phật hiệu này, chẳng có hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tức là chẳng có vọng niệm, cũng chẳng phải là vô minh. Niệm câu Phật này rành mạch, rõ ràng, đó là giác. Vì lẽ đó, *"một niệm tương ứng một niệm giác, niệm niệm tương ứng niệm niệm giác"*. Tương ứng là gì? Chẳng có phiền não bèn tương ứng, chẳng có vọng tưởng bèn tương ứng.

Người thật sự niệm Phật, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, bất luận là thuận cảnh, hay nghịch cảnh, chỉ cần nhất tâm nhất ý nương cậy một câu Phật hiệu sẽ thành công, cảnh giới gì cũng chẳng thể nhiễu loạn quý vị. Khi cảnh giới chẳng nhiễu loạn, thưa cùng chư vị, cảnh giới ấy được gọi là "cảnh giới Phật", là cảnh giới tốt đẹp. Nếu cảnh giới nhiễu loạn quý vị thì gọi là "cảnh giới ma", phá sạch công phu của quý vị. Vì thế, cảnh giới bên ngoài hiện tiền, tâm địa của ta thanh tịnh, một câu Phật hiệu miên mật bất đoạn, cảnh giới bên ngoài sẽ là cảnh giới tốt đẹp. Dẫu là nghịch cảnh ác duyên, vẫn là cảnh giới tốt đẹp, nó chính là để xét nghiệm công phu của ta có tiến bộ hay không. Vì lẽ đó, bên ngoài là Phật hay là ma là do một niệm tâm của chính quý vị chuyển biến. Cảnh giới bên ngoài chẳng phải là Phật, mà cũng chẳng phải là ma. Nói cách khác, bên ngoài chẳng có người tốt, mà cũng chẳng có kẻ xấu. Con người là trung lập, chẳng có tốt hay xấu. Người tốt hay kẻ xấu là do trong tâm chính quý vị dấy phiền não. Quý vị thấy người này sanh tâm hoan hỷ, người ấy là người tốt. Quý vị thấy kẻ kia bèn sanh tâm sân ác, người ấy là kẻ xấu. Thật ra, kẻ ấy há có tốt hay xấu? Chính quý vị dấy động tâm tốt, tâm xấu, chẳng phải là cảnh giới bên ngoài có tốt hay xấu, mà là do tâm quý vị có tốt hay xấu, then chốt ở chỗ này.

Ngẫu Ích đại sư nói: *"Cảnh duyên vô hảo xú, hảo xú khởi ư tâm"* (Cảnh duyên không tốt xấu, tốt xấu dấy nơi tâm), ở trong tâm của chính mình, phải biết điều này! Nếu cảnh giới bên ngoài thật sự có tốt xấu, cảnh giới làm sao có thể bình đẳng cho được? Chẳng thể bình đẳng! Bên ngoài xác thực là chẳng có tốt, xấu, do tâm của chính mình biến hiện cảnh giới. Vì vậy, cảnh giới là thanh tịnh, cảnh giới vĩnh viễn là bình đẳng. Chỉ cần quý vị dùng giác tâm để đối ứng cảnh giới, cảnh giới nhất định sẽ là thanh tịnh, bình đẳng. Nhà Phật thường nói: *"Tâm thanh tịnh, thân bèn thanh tịnh"*. Thân tâm thanh tịnh, cảnh giới bèn thanh tịnh. Đây là chân tướng sự thật. Chúng ta thấy cảnh giới bên ngoài có tốt, xấu, chính mình phải giác ngộ: [Bản thân ta] phiền não tập khí còn hiện hành, câu Phật hiệu chẳng đắc lực. Phải thật sự có tâm sám hối, có tâm hổ thẹn,

sửa lỗi đổi mới: Vì sao ta còn có những ác niệm này? Hãy còn có vọng tưởng hiện tiền? Khi nào lục căn trong lúc đối đãi cảnh giới mà chẳng có vọng niệm, chẳng có vọng tưởng, chúc mừng quý vị, tối thiểu là quý vị đã đắc Sự nhất tâm bất loạn, đó là mức tối thiểu! Người đắc Sự nhất tâm bất loạn, chẳng có lẽ nào không vãng sanh. Bản thân chúng ta hãy suy nghĩ đôi chút, có nắm chắc vãng sanh hay không? Hãy suy nghĩ, ta suốt ngày từ sáng đến tối, thấy người, thấy sự, thấy vật, còn có phiền não hay không? Còn có mừng, giận, buồn, vui hay chăng? Nếu còn có những thứ ấy, vãng sanh chẳng đáng trông cậy, chẳng trông mong được! Thật sự niệm Phật đến mức "hết thảy cảnh giới hiện tiền, ta chẳng khởi tâm, không động niệm, đối với bất cứ ai, cũng đều là một tâm, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi", quý vị quyết định vãng sanh! Vì thế, có thể vãng sanh hay không, chẳng cần phải hỏi ai khác, cũng chẳng cần hỏi Phật, Bồ Tát, hãy hỏi chính mình! Chính mình biết rõ hơn ai hết, điều này trọng yếu lắm! Đó là cách tu trái nghịch trần lao, hợp với tánh giác. Câu Phật hiệu là giác, lìa khỏi Phật hiệu là mê. Quý vị nghĩ xem: Câu Phật hiệu trọng yếu dường ấy, một thời một khắc đều chớ nên buông bỏ.

*"Phản bổn hoàn nguyên"* (Trở về nguồn cội): Niệm cho đến khi công phu thuần thục, thấu suốt, sẽ phản bổn hoàn nguyên. Nhà Thiền gọi *"phản bổn hoàn nguyên"* là *"minh tâm kiến tánh"*, cũng chính là *"đại khai viên giải"*, hoặc *"đại triệt đại ngộ"* như Giáo Hạ đã nói. Khi ấy, *"niệm niệm hoàn quy tự tâm"* (niệm nào cũng trở về tự tâm), câu này nói về cảnh giới. Tận hư không khắp pháp giới là tự tâm, hư không pháp giới biến hiện từ tự tâm, trở về tự tâm, đó là *"quy nguyên"*.

*"Thử tắc bất duy Sự hành, kiêm tu Lý quán"* (Đây chẳng phải chỉ là hành theo mặt Sự mà còn kiêm tu Lý Quán). Lý Quán chẳng phải là dấy vọng tưởng, chẳng phải là suy nghĩ loạn xạ. Nay chúng ta thường coi suy xét là Lý Quán, sai mất rồi! Quán và vọng tưởng sai khác ở chỗ: Một đằng dùng tâm ý thức, một đằng chẳng dùng tâm ý thức. Chẳng dùng tâm ý thức thì gọi là Quán, dùng tâm ý thức thì gọi là Tưởng. Ý thức là gì? Phân biệt. Thức thứ sáu là Ý Thức [có công năng] phân biệt, thức thứ bảy chấp trước, thức thứ tám ghi giữ ấn tượng. Nói cách khác, chẳng phân biệt, không chấp trước, không ghi giữ ấn tượng, đó mới là Quán. Công phu được nói trong Phật môn là *"quán chiếu"*, tuyệt đối chẳng phải là suy xét. Hễ dùng suy xét, sẽ rơi vào thức thứ sáu, tức Ý Thức, đó là vọng tưởng. Nay chúng ta nói là "nghiên cứu", hoặc "suy nghĩ", thảy đều là vọng tưởng. Vọng tưởng thì làm sao có thể đạt đến

chân tướng cho được? Bài kệ Khai Kinh có câu: *"Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa"*. Quý vị dùng vọng tưởng, làm sao biết nghĩa chân thật của Như Lai cho được? Nếu muốn biết nghĩa chân thật của Như Lai, quyết định chớ nên dấy vọng tưởng, chớ nên suy tưởng, chớ nên phân biệt, chớ nên chấp trước, chớ nên dùng tâm ý thức, hãy bỏ sạch những thứ ấy! Lìa tâm ý thức, Thiền gia dạy tham Thiền phải lìa tâm ý thức để tham, [hay nói cách khác là] "tham cứu", chẳng phải là nghiên cứu. Trong Giáo Hạ, lìa tâm ý thức thì mới có thể đại khai viên giải, người niệm Phật lìa tâm ý thức thì mới là Lý nhất tâm bất loạn. Dùng tâm ý thức sẽ là Sự nhất tâm bất loạn; chẳng dùng tâm ý thức là Lý nhất tâm bất loạn, đương nhiên chuyện này chẳng dễ dàng cho lắm!

Xét theo sự dụng công trong Thiền gia, *"quán chiếu"* là công phu mới vừa đắc lực, giống như "công phu thành phiến" trong pháp môn Niệm Phật, là cảnh giới ấy, có năng lực chế phục phiền não, vẫn chưa có năng lực đoạn trừ. Nếu công phu tiến cao hơn một bậc, sẽ gọi là Chiếu Trụ (照住). Chiếu Trụ là đắc Định, trong pháp môn Niệm Phật sẽ là "đắc Niệm Phật tam-muội", đoạn Kiến Tư phiền não, chưa phá vô minh, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư. Lại lên cao hơn nữa, sẽ là Chiếu Kiến (照見), Tâm Kinh nói *"Quán Tự Tại Bồ Tát chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không"*, đó là công phu bậc cao. Chiếu Kiến tương đương với Lý nhất tâm bất loạn trong pháp môn Niệm Phật. Chiếu Kiến là kiến (thấy) gì? Thấy bản tánh, thấy tự tâm, trở về tự tâm. Từ đoạn chú giải này, chúng ta có thể thông hiểu: Công đức và sự thành tựu của pháp môn Niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn. Đã thật sự thấu hiểu, chúng ta mới thật thà niệm câu Phật hiệu này, sẽ chẳng thấy những pháp môn khác liền mong học tập, như vậy là lại bị xen tạp mất rồi!

***(Sớ) Dĩ thượng cảnh pháp nhị trung, phục hữu tam nghĩa.***

**(疏)以上境法二中，復有三義。**

*(**Sớ**: Đối với hai thứ cảnh và pháp trên đây, lại có ba nghĩa).*

Trên đây đã nói tới cảnh giới và phương pháp, trong hai điều ấy còn có các ý nghĩa; ở đây, đại sư lại nêu ra.

***(Sớ) Nhất giả, văn thuyết Phật danh, thị vi Văn Huệ; nhị giả, chấp thọ tại hoài, thị vi Tư Huệ; tam giả, trì thủ bất vong, thị vi Tu Huệ.***

**(疏)一者聞說佛名，是為聞慧；二者執受在懷，是為思慧；三者持守不忘，是為修慧。**

*(**Sớ**: Một là nghe nói danh hiệu Phật, đó là Văn Huệ. Hai là tiếp nhận, gìn giữ trong tâm, đó là Tư Huệ. Ba là gìn giữ chẳng mất, đó là Tu Huệ).*

Đối với hai pháp ấy (cảnh giới và phương pháp), nêu ra ba đại cương lãnh tu học của Bồ Tát là Văn, Tư, Tu. Nêu ra điều này rất hay. Nếu không nêu ra, có lẽ chúng ta cũng hiểu lầm niệm Phật là Tiểu Thừa, lẽ nào niệm Phật là pháp Bồ Tát cho được? Bồ Tát tu Tam Huệ Văn, Tư, Tu, niệm Phật có phải là Tam Huệ Văn, Tư, Tu hay không? Quý vị có biết niệm Phật là Tam Huệ Văn, Tư, Tu thì mới biết chấp trì danh hiệu chính là Bồ Tát hạnh.

***(Sao) Văn Huệ giả, A Di Đà Phật tuy hữu vô lượng công đức, nhi thử công đức, phi văn bất tri, phi thuyết bất văn. Cố Hoa Nghiêm vân: "Đắc vô sanh huệ, tiên lại đa văn". Hựu vân: "Phật pháp vô nhân thuyết, tuy huệ bất năng liễu". Hoặc văn kinh luận chi sở tuyên dương, hoặc văn tri thức chi sở khai thị, nhất lịch nhĩ căn, vĩnh vi đạo chủng, thị chi vị Văn.***

**(鈔)聞慧者，阿彌陀佛，雖有無量功德，而此功德，非聞不知，非說不聞。故華嚴云：得無生慧，先賴多聞。又云：佛法無人說，雖慧不能了。或聞經論之所宣揚，或聞知識之所開示，一歷耳根，永為道種，是之謂聞。**

*(**Sao**: Văn Huệ: Tuy A Di Đà Phật có vô lượng công đức, nhưng công đức ấy nếu chẳng được nghe, sẽ không biết, nếu chẳng nói, sẽ không nghe. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm nói: "Đắc vô sanh huệ thì trước hết phải cậy vào đa văn". Lại nói: "Phật pháp không có ai nói thì tuy có trí huệ vẫn chẳng thể hiểu". Hoặc nghe kinh luận tuyên dương, hoặc nghe tri thức khai thị, hễ thoảng qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo. Đó gọi là Văn).*

Đoạn này giải thích chữ Văn.

***(Sao) Nhi ngôn Huệ giả, Văn tức thị Huệ. Đối mộc thạch thuyết, ngoan bất văn cố. Đối ngu nhân thuyết, văn bất xan thái, như bất văn***

***cố. Cố viết Văn Huệ.***

**(鈔)而言慧者，聞即是慧。對木石說，頑不聞故；對愚人說，聞不餐采，如不聞故。故曰聞慧。**

*(**Sao**: Nói là Huệ vì Văn chính là Huệ. Do nói với gỗ, đá, chúng trơ trơ chẳng nghe. Vì nói với kẻ ngu, họ tuy nghe mà chẳng thể tiêu hóa được, [cho nên] cũng như chẳng nghe. Vì thế, nói đến Văn Huệ).*

Đại sư giải thích ý nghĩa này rất rõ ràng, đơn giản, rất dễ hiểu. Nói thật ra, ý nghĩa trong ấy hết sức tinh tường, sâu xa. Đoạn văn tự này cũng chỉ rõ một câu danh hiệu A Di Đà Phật có vô lượng vô biên công đức, chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo, Đẳng Giác Bồ Tát cũng chẳng có cách nào nói trọn vẹn, [vì] trí huệ của bậc Đẳng Giác vẫn chưa đủ! Công đức như vậy *"phi văn bất tri"* (chẳng nghe sẽ không biết). Nếu chúng ta chẳng nghe nhiều, làm sao có thể hiểu cho được? Chẳng biết. *"Phi thuyết bất văn"* (Chẳng nói sẽ không được nghe), nếu không có ai nói với quý vị, làm sao quý vị có thể biết? Ai nói? Chính là Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật nói. Chỉ có đức Phật mới biết thấu triệt, mới có thể nói rõ ràng. Trong phần trước đã có nói, Đẳng Giác Bồ Tát chẳng biết triệt để, vẫn chưa thể diễn tả rõ ràng. Chúng sanh trong chín pháp giới, *"chín pháp giới"* bao gồm Đẳng Giác Bồ Tát, nếu chẳng do oai thần của chư Phật Như Lai gia trì, họ sẽ chẳng thể hiểu, mà cũng chẳng thể nói. Bọn phàm phu lục đạo chúng ta nếu chẳng được oai thần của chư Phật gia trì, [cộng với] thiện căn từ nhiều đời nhiều kiếp của chính mình; nói thật thà, Phật, Bồ Tát có giảng cho chúng ta nghe, chúng ta nghe xong cũng chẳng hiểu!

Kinh Hoa Nghiêm có nói: *"Đắc vô sanh huệ, tiên lại đa văn"* (Đắc trí huệ vô sanh thì trước hết phải cậy vào đa văn). *"Vô sanh"* là trí huệ của chư Phật, Bồ Tát, là trí huệ chân thật, [muốn đạt được trí huệ ấy], trước hết, phải cậy vào đa văn. *"Đa văn"* có hai ý nghĩa: Một là học rộng nghe nhiều, ý nghĩa khác là "nghe nhiều lần, lặp đi lặp lại không gián đoạn". Đối với hai ý nghĩa ấy, tùy thuộc thiện căn, phước đức và nhân duyên của mỗi người mà khác nhau. Kẻ nghiệp chướng tập khí sâu nặng, phải không ngừng huân tu một môn, dùng phương pháp đa văn theo kiểu này: Nghe từ lần này sang lần khác, nghe xong bèn nghe lại lần nữa. Sau đấy, nghiệp chướng mới có thể tiêu trừ. Nghiệp chướng tiêu trừ, tín tâm của quý vị bèn thanh tịnh. Kinh Kim Cang nói: *"Tín tâm thanh tịnh bèn sanh ra Thật Tướng"*. Kẻ tập khí nghiệp chướng nặng nề, chúng

ta thường nói là *"nghiệp chướng rất nặng"*, sử dụng phương pháp này!

Chúng ta thấy các vị tổ sư đại đức của Trung Hoa trong quá khứ, khá nhiều vị sử dụng phương pháp này. Thanh Lương đại sư suốt đời niệm kinh Hoa Nghiêm, chúng ta chẳng biết Ngài đã niệm bao nhiêu lượt. Ngài giảng kinh ấy đến năm mươi lần, quý vị có biết Ngài đã niệm bao nhiêu lần? Một bộ kinh thôi nhé! Từ Đàn Kinh, chúng ta thấy thiền sư Pháp Đạt niệm ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa. Mỗi ngày niệm một bộ, [niệm] ba ngàn bộ cũng phải mất ba ngàn ngày, cũng phải là gần mười năm. Quý vị bèn hiểu đa văn là một bộ kinh được nghe nhiều lần lặp đi lặp lại không ngừng! Đời Đường, tổ sư đời thứ nhất của Luật Tông Trung Hoa là Chung Nam Sơn Đạo Tuyên luật sư, nghe [các vị đại đức giảng] luật Tứ Phần[19] hơn hai mươi lượt, truyện ký có chép điều này. Thời đầu Dân Quốc, cư sĩ Giang Vị Nông suốt đời tu học kinh Kim Cang, dùng thời gian suốt bốn mươi năm để viết một quyển Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa. Cũng giống như vậy, cư sĩ Châu Chỉ Am cũng dùng thời gian bốn mươi năm để viết quyển Tâm Kinh Thuyên Chú. Trong lời tựa của bộ Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa, lão pháp sư Viên Anh có nói từ lúc hai mươi lăm tuổi, Ngài đã chú ý kinh Lăng Nghiêm, suốt cả một đời chẳng gián đoạn. Sư sáng lập Viên Minh Giảng Đường tại Thượng Hải, mở Lăng Nghiêm Chuyên Tông Học Viện, dùng thời gian cả đời để đổ công dốc sức nơi một bộ kinh Lăng Nghiêm, mãi cho đến lúc xế bóng, bảy mươi mấy tuổi mới hoàn thành một bộ Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa. Những vị ấy đều là những tấm gương, những khuôn mẫu cho chúng ta. Do đó, đa văn là một bộ kinh nghe đi nghe lại, đọc đi đọc lại, nghiên cứu chẳng ngừng, thâm nhập một môn.

---

[19] Tứ Phần Luật là một bộ luật trong Luật Tạng theo truyền thống của Đàm Vô Đức Bộ (Pháp Tạng Bộ, Dharmagupta). Bộ luật này do bốn phần hợp thành, phần thứ nhất là giới Tỳ Kheo, phần thứ hai là giới Tỳ Kheo Ni, phần thứ ba là các pháp an cư, tự tứ v.v… phần thứ tư là các quy định về phòng ở, các oai nghi v.v… Tương truyền sau khi đức Phật diệt độ, tôn giả Ưu Bà Ly trùng tuyên giới luật, định ra giới luật căn bản, truyền cho các vị Ca Diếp, A Nan; sau đó, các vị Thương Na Hòa Tu, Mạt Điền Địa, Ưu Ba Quật Đa… truyền thừa. Sau khi đức Phật diệt độ một trăm năm, tôn giả Chánh Pháp chọn lựa những giới luật được lưu truyền trong Thượng Tọa Bộ, kết tập thành văn bản, trước sau trải qua bốn lần kết tập, chia thành bốn bộ phận, nên bộ luật này có danh xưng là Tứ Phần Luật. Bộ luật này được hai vị Phật Đà Da Xá và Trúc Phật Niệm dịch sang tiếng Hán tại Trường An. Đây là bộ luật có ảnh hưởng lớn nhất trong giới luật tại Trung Hoa và tác động sâu xa đến các nước theo Phật giáo Đại Thừa. Tác phẩm nổi tiếng nhất để chú giải bộ luật này chính là bộ Tứ Phần Luật San Phồn Bổ Khuyết Hành Sự Sao của ngài Đạo Tuyên.

Thứ hai là *"quảng học đa văn"*. Đối với quảng học đa văn, tôi thường khuyên các đồng tu, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới chúng ta sẽ lại làm chuyện này. Vì sao? Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, điều bậc nhất là thọ mạng của chúng ta lâu dài, [học vô lượng vô biên kinh điển đi nữa] vẫn kịp, chẳng sợ! Nói thêm, thầy giỏi, bạn học tốt, học rộng nghe nhiều sẽ chẳng tốn công sức cho mấy, dễ thực hiện! Mong học rộng nghe nhiều trong cõi này, chẳng tìm thấy thầy giỏi, mà cũng chẳng tìm thấy đồng tham đạo hữu, hễ có nghi nan, chẳng có chỗ nào để hỏi, có khổ lắm hay không? Do đó, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ lại thực hiện. Nay chúng ta đa văn một môn, chọn lựa kinh thì đương nhiên thù thắng nhất là chọn kinh Vô Lượng Thọ, Sớ Sao Diễn Nghĩa, hoặc Di Đà Kinh Yếu Giải, đó đều là những chọn lựa tối thượng, chắc chắn có lợi cho việc cầu sanh Tịnh Độ.

*"Phật pháp vô nhân thuyết, tuy huệ bất năng liễu"* (Phật pháp không có ai nói, dẫu có trí huệ vẫn chẳng thể hiểu): Hai câu này cũng là lời kệ trong kinh Hoa Nghiêm. Phật pháp phải do ai nói? Nhất định là phải do một vị hữu tu hữu chứng nói, lại còn phải là đã chứng đắc quả vị viên mãn rốt ráo thì mới có thể nói. Chứng đắc quả vị viên mãn rốt ráo tức là thành Phật. Vì lẽ đó, *"Phật pháp vô nhân thuyết"*, phải do người nào nói? Phải do đức Phật nói, chẳng phải là Phật sẽ chẳng thể nói! Tuy kinh dạy: *"Kinh do năm loại người [khác nhau] nói"*, nhưng trừ kinh do đức Phật đã nói ra, những gì do bốn loại người kia nói đều phải được đức Phật ấn chứng thì mới có thể xem như kinh Phật. Chẳng được đức Phật ấn chứng, chẳng thể coi [là kinh Phật]. Có thể thấy là vẫn lấy những gì do đức Phật đã nói làm tiêu chuẩn bậc nhất. Người thông minh trí huệ trong thế gian chẳng thể liễu giải, chẳng thể hiểu rõ. Nếu mở rộng tiêu chuẩn này một chút, người nói kinh phải có mức độ thấp nhất là đã phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Người như vậy tiếp xúc kinh điển, dẫu chẳng nói viên mãn, cũng sẽ không nói sai. Vì sao? Dụng tâm của người ấy và dụng tâm của Phật như nhau, đều là dùng chân tâm, chẳng dùng vọng tâm. Từ Quyền Giáo, Tiểu Thừa trở xuống, toàn là dùng tám thức và năm mươi mốt Tâm Sở, đó là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Từ Sơ Trụ của Viên Giáo trở lên, các Ngài chuyển A Lại Da thành Đại Viên Kính Trí, sử dụng Tứ Trí Bồ Đề tâm, chẳng dùng tám thức và năm mươi mốt Tâm Sở, quyết định chẳng thể nói sai!

Tại Trung Hoa, trong quá khứ, những vị cao tăng đại đức phiên dịch kinh điển, những vị tổ sư của các tông, phần nhiều đều là Phật, Bồ

Tát tái lai, đấy là người Hoa có phước! Cận đại, Ấn Quang đại sư là hóa thân của Tây Phương thế giới Đại Thế Chí Bồ Tát. Đại Thế Chí là Đẳng Giác Bồ Tát, chẳng phải là phàm nhân! Trong các vị cao tăng đại đức, có vị hé lộ thân phận nên chúng ta biết, còn có rất nhiều vị chẳng bộc lộ [thân phận], chúng ta hoàn toàn không biết. Có thể thấy [những vị ấy] chẳng phải là phàm nhân, phàm nhân còn chưa thể hiểu rõ, làm sao có thể nói cho được? Chú sớ của lịch đại tổ sư quyết định chẳng có vấn đề. Nếu có vấn đề, chắc chắn sẽ chẳng thể lưu truyền hậu thế. Trước kia, kỹ thuật ấn loát chẳng phát triển. Tại Trung Hoa, đến đời Tống mới phát minh kỹ thuật ấn loát, dùng ván gỗ khắc thành bản in, in từng trang một [bằng cách ép giấy lên bản gỗ khắc đã bôi mực], giá thành quá cao. Nếu chẳng phải là thứ thật sự tốt đẹp, ai chịu bỏ tiền, bỏ công sức lưu thông? Chẳng như hiện thời, hiện nay kỹ thuật ấn loát phát triển, in thứ này thứ nọ quá thuận tiện, trước kia khó khăn! Vì thế, những thứ của cổ nhân được lưu truyền cho tới hiện thời, có thể nói là đã được khảo nghiệm bởi thời đại và lịch sử, chịu được khảo nghiệm, đã vượt qua sự phê bình của đại chúng, là thứ thật sự tốt đẹp được truyền lại cho đời sau.

Do vậy, tôi khuyên các đồng tu xem chú giải thì phải đọc chú giải của cổ nhân, đừng xem những bản chú giải của người hiện thời. Vì sao? [Quan điểm được trình bày trong các bản chú giải của] người hiện thời rốt cuộc là thật hay là giả, chúng ta chẳng có năng lực phân biệt. Thật đấy, điều này hữu ích cho chúng ta. Lỡ không may xem nhầm thứ giả, chúng ta sẽ bị mắc lừa, thua thiệt! Chẳng có năng lực phân biệt, hãy đọc những thứ của cổ nhân vẫn tốt hơn, đáng tin cậy! Giống như bộ sách này, Liên Trì đại sư cách chúng ta hơn năm trăm năm, [từ đó đến nay] đã trải qua những năm cuối đời Minh, suốt cả một triều đại nhà Thanh, từ Dân Quốc [thành lập] cho tới nay cũng là đã tám mươi năm, [tác phẩm này] đã được bao nhiêu cao tăng đại đức ngó tới, chẳng có vị nào không tán thán, nên chúng ta có thể yên tâm đọc tác phẩm này. Vì lẽ đó, tôi chẳng đọc những thứ của người hiện thời, rất nhiều người biết điều này. Tuyệt đối chẳng phải là tôi coi thường người hiện thời, mà là do bản thân tôi chẳng có con mắt sáng suốt, chẳng phân biệt được hiền hay ngu, [vì chính mình] là kẻ ngu! Vì thế, nghĩ tưởng cổ nhân đã được mọi người thừa nhận, đáng tin cậy hơn, nên tôi mới đọc những tác phẩm của cổ nhân. Những trước tác hiện thời, nếu trải qua năm trăm năm mà còn có người lưu truyền, tức là đã chịu được sự khảo nghiệm, tự nhiên là thứ tốt đẹp. Đấy là một tiêu chuẩn để chọn lựa cho chúng ta.

Đối với trước tác của cổ nhân, văn chương Văn Ngôn tương đối khó đọc. Thật ra, đây là tác dụng tâm lý, đọc nhiều lần sẽ [cảm thấy] chẳng còn khó nữa! Tôi xem những bài luận của học trò Tiểu Học thời đầu Dân Quốc. Đối với những bài văn do những đứa trẻ mười một, mười hai tuổi viết ấy, chỉ sợ sinh viên đại học ngành Hán văn [hiện thời] đọc đến vẫn phải tra tự điển, còn có khá nhiều điều họ không hiểu! Vì sao người thời đó có thể, mà người hiện thời chẳng thể? Chẳng phải là do người hiện thời không thể, mà là do người hiện thời chẳng chịu đọc văn chương Văn Ngôn. Bí quyết để đọc được Văn Ngôn chẳng có gì khác: Hãy đọc, hãy học thuộc lòng. Trước kia, tại Đài Trung, thầy Lý dạy chúng tôi: Có thể học thuộc lòng năm mươi bài cổ văn, sẽ có thể xem đọc [Văn Ngôn], sẽ chẳng bị chướng ngại, quý vị đọc Văn Ngôn sẽ hiểu. Quý vị có thể học thuộc lòng một trăm bài cổ văn, bèn có thể viết theo lối Văn Ngôn. Thầy khích lệ chúng tôi học thuộc lòng, cho nên hiện thời tôi khuyên các đồng học thuộc lòng kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ gồm bốn mươi tám chương, còn kém quy định năm mươi bài của thầy Lý hai bài, chẳng sai biệt cho mấy! Có thể đọc thuộc lòng kinh Vô Lượng Thọ, khả năng đọc kinh Phật của quý vị quyết định chẳng có vấn đề gì, chẳng còn bị văn tự chướng ngại nữa! Do lẽ đó, phải nên đổ công dốc sức nơi chuyện này. Chẳng cần cố ý học thuộc lòng; cố ý học thuộc lòng sẽ tăng thêm áp lực. Mỗi ngày tối thiểu đọc ba lần, chẳng thiếu ngày nào; niệm suốt một năm sẽ có thể đọc thuộc lòng. Chẳng cần thuộc lòng mà tự nhiên có thể thuộc làu làu! Có không ít đồng tu chúng ta niệm [kinh Vô Lượng Thọ] ba tháng bèn có thể đọc thuộc lòng. Do vậy có thể biết: Đây chẳng phải là một chuyện khó, chính mình phải đổ công dốc sức!

Phàm phu cũng phải phát tâm tuyên dương pháp môn này, vì đại chúng giải nói, làm như thế nào? Chính mình chưa khai ngộ, chưa kiến tánh, thầy Lý dạy chúng ta một phương pháp, chúng ta chẳng thể giảng kinh bèn giảng chú giải. Giống như ở đây chúng tôi giảng Sớ Sao là bản chú giải của Liên Trì đại sư, giảng Diễn Nghĩa là [giảng] bản chú giải của pháp sư Cổ Đức.

*"Hoặc văn kinh luận chi sở tuyên dương"* (Hoặc nghe kinh luận tuyên dương), đây là đọc kinh và nghe kinh. Đọc tụng, lợi ích hết sức nhiều! Nếu có mấy vị đồng tu cộng tu với nhau, đọc tụng thì tốt nhất là một người đọc, những người kia chuyên tâm lắng nghe. Thân, tâm, thế giới hết thảy vạn duyên thảy đều buông xuống, mắt nhìn vào kinh văn,

tai lắng nghe, đọc kinh cũng có thể khai ngộ. Mọi người thay phiên nhau đọc, thay phiên nghe, lợi ích hết sức to lớn. *"Hoặc văn tri thức chi sở khai thị"* (Hoặc nghe tri thức khai thị), [nghe] *"khai thị"* là nghe giảng giải, giống như các khóa giảng của chúng tôi trong hiện tại là giảng giải. *"Nhất lịch nhĩ căn, vĩnh vi đạo chủng"* (Một phen thoảng qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo), bất luận là nghe kinh hay nghe giảng, chủng tử của thế giới Tây Phương nhất định đã gieo vào A Lại Da Thức. *"Thị chi vị văn"*, [có nghĩa là] đấy là Văn.

Vì sao gọi Văn là Huệ? *"Văn tức thị Huệ"* (Văn chính là Huệ). Đối với Tam Huệ của Bồ Tát, Huệ nói ở đây chính là Huệ trong Giới, Định, Huệ. Do đó, pháp Bồ Tát là pháp Đại Thừa, cao hơn pháp Tiểu Thừa. Chẳng có cơ sở Tiểu Thừa, làm sao có Đại Thừa cho được? Khó khăn trong hiện thời của chúng ta là ở chỗ này: Chẳng có cơ sở Tiểu Thừa mà trực tiếp học Đại Thừa, đây là chuyện hết sức khó khăn. Tại Trung Hoa, vào thời Tùy - Đường, Tiểu Thừa từng hưng vượng trong một thời gian rất ngắn, sau đấy bị suy vi. Vì sao bị suy vi? Do bị Nho gia và Đạo gia của Trung Hoa thay thế. Trong quá khứ, người Hoa hầu như hễ là người học Phật thì đều là người đã từng đọc sách Khổng Tử. Vì thế, người học Phật xưa kia, nói thật ra là giai cấp sĩ đại phu, là người đọc sách. Quý vị chẳng có tu dưỡng học thuật kha khá, chẳng dễ gì lý giải kinh Phật. Đã đọc sách của Nho gia và Đạo gia, nếu đọc tới kinh Tiểu Thừa, sẽ cảm thấy chẳng cần đọc, không cần phải đọc nữa. Do vậy, Tiểu Thừa suy vi, chẳng còn tồn tại ở Trung Hoa.

Kinh Tiểu Thừa được phiên dịch hết sức đầy đủ. Nay chúng ta so sánh giữa kinh A Hàm và kinh điển Tiểu Thừa bằng tiếng Ba Lợi (Pāḷi), nghe nói họ chỉ nhiều hơn chúng ta năm mươi mấy bộ. Kinh Tiểu Thừa có gần hai ba ngàn thứ, họ chỉ nhiều hơn chúng ta năm mươi bộ. Người hiện thời học Tiểu Thừa rất ít, thế hệ chúng ta vứt bỏ những trước tác của Nho gia và Đạo gia, cũng chẳng đọc nữa. Kinh Tiểu Thừa cũng chẳng cam tâm đọc, ngay lập tức mong học Đại Thừa, giống như xây nhà chẳng có nền móng. Người thành tựu trong thời đại này quá ít, nguyên nhân chủ yếu là ở chỗ này! Vì lẽ đó, các đồng tu nếu muốn học Phật, đặc biệt là những đồng tu phát tâm muốn hoằng pháp trong tương lai, chẳng đọc sách Nho sẽ không được! Thập Tam Kinh quá nhiều, mức độ thấp nhất là Tứ Thư và Ngũ Kinh nhất định phải đọc. Phải đọc Tứ Thư cho nhuần, Ngũ Kinh cũng phải xem mấy lượt, phải có cơ sở này thì mới có thể nhập Đại Thừa.

Tiểu Thừa là tu Giới, tu Định, từ Định khai Huệ. Sau khi đã khai Huệ, những cái gọi là Văn, Tư, Tu đều là Huệ. Văn Huệ, Tư Huệ, Tu Huệ chính là Huệ trong Giới, Định, Huệ. Văn là gì? Văn là tiếp xúc, tai nghe âm thanh bên ngoài; đó là Văn (聞), tức là tiếp xúc. Mắt thấy sắc tướng bên ngoài cũng là Văn, dùng một chữ [Văn] này để biểu thị. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài thì gọi là Văn. Hễ tiếp xúc bèn hiểu rõ, chẳng cần thông qua suy lường bèn hiểu rõ, "hiểu rõ" được hiểu theo ý nghĩa này, chúng ta gọi đó là Tư Huệ. Trên thực tế, [sự hiểu rõ ấy] chẳng cần thông qua suy xét. Tư (思) biểu thị hiểu rõ, Tu (修) biểu thị quyết định chẳng sai lầm. Chẳng có sai lầm chính là Tu. Đó là sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bèn khởi tác dụng, đấy chính là điều tu tập của Đại Thừa Bồ Tát. Từ tiếp xúc bèn gọi là Văn, từ hiểu rõ bèn gọi là Tư, từ quyết định chẳng phạm sai lầm thì gọi là Tu. Đó là Tam Huệ. Tam Huệ chính là Huệ trong Giới, Định, Huệ. Nay chúng ta chẳng đắc Định, lấy đâu ra Huệ? Do đó, ở đây, Tổ nêu ra ý nghĩa ở mức độ khá cạn.

*"Đối mộc thạch thuyết, ngoan bất văn cố"* (Do nói với gỗ, đá, chúng trơ trơ chẳng nghe). Quý vị nói với khúc gỗ hay tảng đá, chúng nó sẽ chẳng thể nghe, chẳng nghe được! *"Đối ngu nhân thuyết, văn bất xan thái"* [nghĩa là] nói với kẻ ngu, hắn nghe xong chẳng hiểu, chẳng thể tiếp nhận. Chẳng thể hấp thụ, cũng như chẳng nghe, chẳng khác gì không nghe! Nói thật ra, ý nghĩa này đã bao gồm cả ý nghĩa tôi vừa mới nói: Nay chúng ta nghe, tuy nghe cũng như chẳng nghe. Vì sao? Nghe chẳng hiểu, chẳng hiểu rõ. Vừa nghe liền hiểu rõ thì mới là Văn Huệ. Do vậy, hiểu rõ Tam Huệ là một, tuy một mà ba, tuy ba mà một, đồng thời, chẳng phải là có giai đoạn. Vừa nghe thì sự nghe ấy gọi là Văn, hiểu rõ là Tư, chẳng sai lầm là Tu. Vì thế, Tam Huệ đồng thời viên mãn trong một sát-na. Đó là phương pháp tu học của Bồ Tát.

***(Sao) Tư Huệ giả, ký nhập hồ nhĩ, tu tồn hồ tâm, đế thẩm, đế quán, thị hà pháp môn, thị hà nghĩa lý, thị chi vị Tư.***

**(鈔)思慧者，既入乎耳，須存乎心，諦審諦觀，是何法門，是何義理，是之謂思。**

*(**Sao**: Tư Huệ: Đã lọt vào tai, cần giữ mãi trong tâm, suy nghĩ, quan sát kỹ lưỡng "là pháp môn nào, là nghĩa lý như thế nào", đó gọi là Tư).*

Giải thích chữ Tư. Người bình phàm sẽ nói là "suy xét". Chúng ta

nghe ngôn luận của kẻ khác, nhất định sẽ suy nghĩ đạo lý trong ấy; đó là Tư.

***(Sao) Nhi ngôn Huệ giả, Tư tức thị Huệ.***

**(鈔)**而言慧者，思即是慧。

*(**Sao**: Nhưng nói là Huệ, Tư chính là Huệ).*

Vừa tiếp xúc bèn hiểu rõ thì mới được.

***(Sao) Cầm súc tuy văn, bất giải tư cố. Ngu nhân tuy văn, nhập nhĩ xuất khẩu, bất ức tưởng cố. Cố viết Tư Huệ.***

**(鈔)**禽畜雖聞，不解思故；愚人雖聞，入耳出口，不憶想故。故曰思慧。

*(**Sao**: Do chim, thú tuy nghe, nhưng chẳng suy nghĩ, hiểu biết. Do kẻ ngu tuy nghe, lọt vào tai, bèn tuôn ra miệng, chẳng nhớ nghĩ. Vì thế, nói là Tư Huệ).*

Kẻ ngu nghe xong chẳng thâm nhập, liễu giải nghĩa lý, chẳng thể gọi là Tư Huệ, gọi là Tư thì được!

***(Sao) Tu Huệ giả, ký thâm tư chi, nghi lực hành chi, thị chi vị Tu.***

**(鈔)**修慧者，既深思之，宜力行之，是之謂修。

*(**Sao**: Tu Huệ là đã suy nghĩ sâu xa, hãy nên tận lực hành, đó gọi là Tu).*

Chỉ nói tới Văn, Tư, Tu, chưa nói tới Huệ. Có nhiều người tách Tam Huệ Văn, Tư, Tu của Bồ Tát thành từng phần để nói. Nói kiểu ấy chẳng sai, nhưng chỉ có thể gọi là Văn, Tư, Tu, chẳng thể gọi là Văn Huệ, Tư Huệ, Tu Huệ, chẳng thể gọi chúng là Huệ được! Lũ bình phàm chúng ta đều có Văn, Tư, Tu, kẻ ngu cũng có, người đọc sách càng chẳng cần phải nói nữa. Người đời có Văn, Tư, Tu, nhưng chẳng có Tam Huệ. Đây là Tu.

***(Sao) Nhi viết Huệ giả, Tu tức thị Huệ. Cuồng nhân tuy tư, tế tinh dịch thần, bất thực tiễn cố.***

**(鈔)而言慧者，修即是慧。狂人雖思，敝精役神，不實踐故。**

*(**Sao**: "Mà nói là Huệ": Tu chính là Huệ. Do kẻ cuồng tuy suy nghĩ, nhọc nhằn tinh thần, nhưng chẳng thể biến thành thực tiễn).*

Kẻ cuồng tuy suy nghĩ, suy xét, cũng rất dụng tâm, cũng rất mệt óc, nhưng chẳng thể làm được, chẳng thể thực hiện triệt để, chẳng thể viên mãn. Do đó, kẻ ấy chỉ có thể gọi là Văn, Tư, Tu, chẳng thể gọi là Tam Huệ. Chư vị ghi nhớ ý nghĩa Tam Huệ như tôi vừa mới nói, sẽ liễu giải: Quả thật Tam Huệ chẳng giống Tam Học. Do có Tam Học, nên mới có Tam Huệ. Dưới đây là một đoạn vấn đáp giả thiết:

***(Sao) Vấn: Thử chỉ Tam Huệ, hữu hà chứng cứ?***

**(鈔)問：此指三慧，有何證據？**

*(**Sao**: Hỏi: Tam Huệ như vừa được nêu ra đó, có chứng cớ gì hay không?).*

*"Thử chỉ"*, *"thử"* (此) là nói tới niệm Phật. Niệm câu A Di Đà Phật, chính là Tam Huệ, có chứng cứ gì hay không? Niệm Phật đích xác là Tam Huệ, xác thực là Tam Huệ Văn, Tư, Tu được bao gồm trong ấy. Một câu Phật hiệu, khi tiếp xúc là Văn; tiếp xúc liền hiểu rõ, câu Phật hiệu trọn đủ vô lượng vô biên công đức, chẳng cần thông qua suy tưởng bèn lập tức biết ngay. Lại còn lập tức thật thà niệm. Nghe niệm Phật thì chẳng có ai không thật thà niệm theo; niệm chính là Tu.

***(Sao) Phật Địa Luận vân.***

**(鈔)佛地論云。**

*(**Sao**: Phật Địa Luận nói).*

Liên Trì đại sư trích dẫn kinh điển. Phật Địa Luận nói:

***(Sao) Bồ Tát lý tam diệu huệ, Tịnh Độ vãng hoàn.***

**(鈔)菩薩履三妙慧，淨土往還。**

*(**Sao**: Bồ Tát [do] thực hành ba diệu huệ mà qua lại Tịnh Độ).*

Nêu lên chứng cứ này quá hay! Nêu trường hợp Bồ Tát tu Tịnh Độ, tức Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. *"Lý"* (履: đạp lên,

bước đi) là thực hiện, thực hành. Thực hành *"tam diệu huệ"* nghĩa là gì? Là niệm câu A Di Đà Phật. Niệm câu A Di Đà Phật, thường qua lại Tây Phương Cực Lạc thế giới và các thế giới phương khác, tới lui qua lại! Bồ Tát trong thế giới Tây Phương hằng ngày đều đến các thế giới ở phương khác để *"thượng cúng chư Phật, hạ hóa chúng sanh"* (trên là cúng dường chư Phật, dưới là hóa độ chúng sanh). Dùng phương pháp gì? Dùng một câu A Di Đà Phật để phổ độ hết thảy các chúng sanh có duyên đã chín muồi trong pháp giới. Duyên chưa chín muồi, họ sẽ chẳng tiếp nhận. Nếu duyên đã chín muồi, họ vừa nghe bèn tiếp nhận, độ những chúng sanh ấy, [đó chính là] *"Tịnh Độ vãng hoàn"* (qua lại Tịnh Độ). Đấy là nguyên văn lời luận; kế đó, còn có lời giải thích.

***(Sao) Dĩ Văn Tư Tu, đắc nhập Tịnh Độ, cố tri niệm Phật tất hữu tam huệ.***

**(鈔)以聞思修，得入淨土，故知念佛必有三慧。**

*(**Sao**: Do Văn, Tư, Tu được vào Tịnh Độ; vì thế biết niệm Phật ắt có ba thứ huệ).*

Nói thật ra, đây là vì khá nhiều kẻ nẩy sanh hiểu lầm đối với pháp môn Niệm Phật, cho rằng "niệm Phật nếu nói miễn cưỡng sẽ là đắc Định đôi chút" thì họ còn có thể tiếp nhận. [Họ nghĩ] niệm Phật đạt đến nhất tâm bất loạn là Định, chứ người niệm Phật chẳng có trí huệ. Kẻ bình phàm nói như vậy; thật ra, họ chẳng liễu giải pháp môn này, nghe lỏm nói mò, kẻ khác bảo thế nào bèn lặp y hệt như vậy, nẩy sanh khá nhiều quan niệm sai lầm. Lũ sơ học chúng ta tiếp xúc kinh luận Tịnh Tông cũng nông cạn, ít ỏi, nghe kẻ khác nói như vậy, chẳng đành lòng, thôi đi! Ta không học pháp môn này nữa, ta theo học pháp môn có trí huệ, kết quả là lầm lỡ tương lai! Đoạn vấn đáp này của Liên Trì đại sư hết sức hay, giúp chúng ta phá nghi sanh tín, hiểu pháp môn Niệm Phật thật sự đạt viên mãn rốt ráo, vượt trỗi thù thắng hết thảy các pháp môn khác, nay chúng ta gặp được mới thật sự là đáng vui mừng. Hôm nay, tôi giảng tới chỗ này!

***Tập 224***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm bốn mươi mốt.

***(Sớ) Phục hữu tam nghĩa, văn thuyết Phật danh, tâm bất nghi nhị, thị chi vị Tín. Tín dĩ nhi chấp, tâm khởi nhạo dục, thị chi vị Nguyện. Nguyện dĩ nhi trì, tâm cần tinh tấn, thị chi vị Hạnh.***

**(疏)復有三義，聞說佛名，心不疑貳，是之謂信；信已而執，心起樂欲，是之謂願；願已而持，心勤精進，是之謂行。**

*(**Sớ**: Lại có ba nghĩa: Nghe nói danh hiệu Phật, tâm chẳng nghi ngờ, đó gọi là Tín. Tin rồi giữ lấy, dấy lòng ưa thích, đó gọi là Nguyện. Nguyện rồi vâng giữ, tâm siêng năng, tinh tấn, đó gọi là Hạnh).*

Trong Tịnh Tông, Tín Nguyện Hạnh vô cùng trọng yếu. Đấy chính là ba điều kiện tu học trong Tịnh Tông, thiếu khuyết một điều sẽ chẳng thể vãng sanh. Câu Phật hiệu trọn đủ Tín Nguyện Hạnh. *"Văn thuyết Phật danh"* (Nghe nói danh hiệu Phật), nghe danh hiệu thì một là [nghe] Phật hiệu, hai là [nghe] kinh A Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ, [cùng với] kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Ba kinh ấy đều dạy chúng ta chuyên tu Tịnh nghiệp. Sau khi đã nghe, trong tâm quyết định chẳng ngờ vực, đó mới là Tín.

Tín hết sức khó, rất chẳng dễ dàng. Chúng tôi tu học pháp môn này, học rất nhiều năm, thậm chí tín tâm vẫn chưa kiến lập. Tôi xuất gia năm Dân Quốc 48 (1959), năm Dân Quốc 50 (1961) thọ giới. Sau khi thọ giới, đến Đài Trung bái tạ thầy Lý, gặp mặt, câu đầu tiên thầy bảo tôi *"phải tin Phật"*. Tôi học Phật đã nhiều năm như vậy, vừa xuất gia bèn dạy tại Phật học viện, lại đã thọ đại giới, cớ sao thầy còn bảo tôi *"phải tin Phật"*? Lão nhân gia giải thích: *"Tin Phật hết sức khó khăn, có nhiều kẻ xuất gia suốt một đời mãi cho đến khi già chết vẫn chẳng tin Phật. Nếu tin Phật, cớ sao bị đọa trong ba ác đạo? Đã tin Phật, lẽ nào tạo ác nghiệp? Chỉ có kẻ không tin Phật mới đọa trong tam đồ, mới tạo ác nghiệp!"* Do vậy, tin Phật hết sức khó khăn!

*"Tâm bất nghi nhị"* (Tâm chẳng nghi ngờ, tán loạn). *"Nhị"* (貳) là tam tâm nhị ý, tâm chẳng chuyên nhất. *"Nghi"* (疑) là có lòng hoài nghi, tín tâm chẳng thanh tịnh, đều chẳng gọi là Tín. Vì thế, nhất định phải đạt được "chẳng nghi ngờ, chẳng xen tạp". Nói thật ra, *"bất nhị"* (不貳) là không xen tạp. Không hoài nghi, không gián đoạn, không xen tạp thì mới thật sự là Tín. Không chỉ xen tạp pháp thế gian bèn chẳng phải là Tín, tức là xen tạp danh vọng, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, thị phi, nhân

ngã trong pháp thế gian, quý vị xen tạp những thứ ấy sẽ chẳng gọi là Tín. Xen tạp Phật pháp cũng chẳng phải là Tín. Ta niệm Phật lại muốn tham Thiền, lại toan trì chú, lại muốn nghiên cứu kinh giáo, đều chẳng gọi là Tín, mà là tạp loạn! Do vậy có thể biết, phải chuyên ròng thì mới là Tín. Chẳng chuyên ròng, chẳng thể gọi là Tín được! Chúng tôi giảng kinh, giảng rất nhiều năm tại đạo tràng này, người nghe đông ngần ấy, tin tưởng có mấy ai? Nói thật ra, mười người hoặc tám người là đã khá quá rồi! Người đã tin chẳng có ai không nghiêm túc tu hành, người đã tin không ai chẳng vãng sanh. Nhất định phải biết: Đại đa số là *"một phen thoảng nghe qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo"* mà thôi, chẳng thể thành tựu trong một đời này. Kẻ nghe xong chẳng tin tưởng, dẫu chẳng tin tưởng cũng đến nghe giảng hằng ngày, ít nhiều cũng có đôi chút thiện căn, nhưng thiện căn chưa chín muồi!

*"Tín dĩ nhi chấp"* (Đã tin tưởng bèn giữ lấy), sau khi đã tin bèn giữ lấy. *"Chấp"* (執) là nắm thật chặt, chẳng khinh thường bỏ qua. *"Tâm khởi nhạo dục"* nghĩa là thật sự sanh khởi tâm hoan hỷ. *"Nhạo"* (樂) là yêu thích, *"dục"* (欲) là mong cầu. Ta hết sức hoan hỷ cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nếu đối với thế giới Tây Phương, thế giới Sa Bà và các thế giới của mười phương chư Phật đều chưa hiểu rõ ràng, làm sao có thể sanh tâm hoan hỷ đối với thế giới Tây Phương? Do đó, tâm nguyện "nguyện sanh Tây Phương" chẳng dễ dàng sanh khởi. Làm thế nào thì mới có thể hiểu rõ nó? Nói chung là có hai loại, trong quá khứ đã gieo thiện căn rất lớn chính là nhân, hai thứ duyên bất đồng:

1) Một loại duyên là trong lúc phải hứng chịu những nỗi khổ sở to lớn trong đời người, hoặc lúc gặp phải kiếp nạn to lớn, nghe nói có một nơi như thế, điều gì cũng chẳng nghĩ tới, thật thà nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

2) Loại kia là người thông Tông thông Giáo, thấu triệt nhuần nhuyễn kinh luận, hiểu rõ các nhân quả trong thế giới Sa Bà, đối với các thế giới của mười phương chư Phật và thế giới Tây Phương cũng hiểu rõ, chẳng phải là chọn lựa tùy tiện, mà là dùng trí huệ để chọn lựa dứt khoát.

Chúng ta đọc kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, thấy phu nhân Vi Đề Hy chọn lựa Tây Phương Cực Lạc thế giới khi gặp đại nạn, con cái bất hiếu, giết cha, giết mẹ, gặp nạn như vậy. Thích Ca Mâu Ni Phật triển hiện mười phương thế giới chư Phật trước mặt bà ta, để bà ta tự xem. Sau khi xem trọn khắp, bà chọn lựa Tây Phương Cực Lạc thế giới. Có thể thấy là nguyện này chẳng dễ phát!

Một số người thường nói, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, nguyện ấy là đạo tâm [mong manh] như sương buổi sáng, vô dụng, chẳng phải là chân tâm thành ý, mà là giả tâm, nói suông ngoài miệng mà thôi. Thành tâm thành ý, thái độ xử sự làm người sẽ hoàn toàn khác hẳn, chẳng có tâm so đo hết thảy thị phi nhân ngã trong thế gian. Người ấy nhất tâm nhất ý chuyên cầu Tịnh Độ, luôn sợ chẳng kịp thời gian, chẳng đủ dùng, còn có thời gian nào để lo chuyện thị phi nhân ngã chi nữa! Đối với hết thảy sự, hết thảy người, hết thảy vật trong thế gian, người ấy đều chẳng quan tâm cho mấy. Hằng ngày mặc ấm, ăn no, có thời gian niệm Phật, đủ rồi! Vui sướng khôn sánh! Hễ còn toan làm chuyện thị phi nhân ngã, tiếng tăm, lợi dưỡng, nguyện ấy giả trất. Nói cách khác, chưa nhận thức rõ rệt! Do vậy có thể biết, giảng kinh thuyết pháp là Tăng Thượng Duyên rất trọng yếu. Khá nhiều người giác ngộ nhờ kinh giáo nên mới thật sự phát nguyện. Đã thật sự phát nguyện, không chỉ là bỏ sạch pháp thế gian, mà còn cư xử tốt đẹp đối với đại chúng trong thế gian. Chúng ta ở chung với nhau, nếu cư xử không tốt, tôi liền tránh đi. Tôi cũng chẳng để quý vị xua đuổi, tự mình bỏ đi, vì sao? Đối với hết thảy người, hết thảy sự, hết thảy vật, quyết định chẳng lưu luyến, đó là nguyện sanh Tịnh Độ chân chánh. Vì lẽ này, nghiên cứu giáo lý thật sự thấu triệt, nhất định là "vạn duyên buông xuống" ngay cả Phật pháp cũng buông xuống. Giống như Liên Trì đại sư hoặc Ngẫu Ích đại sư đến tuổi xế chiều, đã triệt để giác ngộ, chỉ có một bộ kinh A Di Đà, một câu Phật hiệu. Kinh Kim Cang nói: *"Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp"* (Pháp còn nên bỏ, huống gì phi pháp).

Một người thật sự tu hành, phải nhớ kỹ những giáo huấn trong kinh. Người khác tán thán chúng ta, ắt cũng chẳng hoan hỷ. Giả trất! Kẻ khác hủy báng, lăng nhục chúng ta, cũng chẳng cần tức giận. Giả trất! Thảy đều là giả trất, chẳng có gì là thật. Nếu quý vị coi đó là thật, sẽ bị thua thiệt, mắc lừa, sai lầm đặc biệt to lớn! Chỉ có một câu Phật hiệu là thật, trong mười hai thời, niệm niệm chẳng quên! Thế gian này chẳng có gì đáng để tranh giành, thứ gì cũng đều chẳng mang theo được. Hơi chẳng cẩn thận, tội nghiệp đầy thân! Vì sao một người suốt cả một đời cứ phải tạo tội nghiệp? Do những tội nghiệp ấy, ắt đọa tam đồ, người ấy tu tam ác đạo. Hạng người như vậy ngu si, đáng thương. Bậc thiện nhân quân tử trong thế gian chú trọng quan niệm đạo đức, đó là tu ba thiện đạo. Người niệm Phật chúng ta nếu chẳng cầu sanh Tịnh Độ, dẫu giới luật tinh nghiêm, trọn đủ Ngũ Đức và Lục Hòa, vẫn là ba thiện đạo,

chẳng thể thoát khỏi tam giới. Do vậy có thể biết: Trong một đời này, nếu muốn thoát khỏi tam giới, liễu sanh tử, thành tựu trong một đời, trừ pháp môn này ra, chẳng có pháp môn thứ hai!

Đối với kinh Di Đà, ắt cần phải có Sớ Sao và Yếu Giải thì chúng ta mới thật sự hiểu sự bác đại tinh thâm (rộng lớn, tinh vi, sâu xa) của kinh. Kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ nói rất rõ ràng, chẳng cần đọc chú giải, vẫn có thể chiếu kiến để xét coi khởi tâm động niệm của chính mình có giống như trong kinh hay không. Vì thế, tôi khuyên các đồng học, trong giai đoạn thứ nhất, trước hết là phải niệm thuộc lòng. Kinh chẳng niệm thuộc làu, chẳng thể nói tới chuyện tu hành được! Nếu kinh đã thuộc làu, trong tâm chúng ta dấy một niệm, sẽ nghĩ trong kinh có [chấp nhận] niệm ấy hay không? Ta có nên dấy lên niệm ấy hay không? Giáo huấn trong kinh điển là tiêu chuẩn để tu hành. Kinh chẳng thuộc, quý vị khởi tâm động niệm bèn chẳng có tiêu chuẩn. Chẳng có tiêu chuẩn thì tu bằng cách nào? Chẳng tu được! Đấy là lý do vì sao tôi dạy quý vị phải niệm kinh cho thuần thục. Nói cách khác, quý vị có mong vãng sanh Tịnh Độ hay không? Chẳng mong thì quý vị không niệm cũng chẳng sao! Vì sao? Chẳng mong [vãng sanh Tịnh Độ], vẫn mong luân hồi trong lục đạo. Thật sự mong vãng sanh Tịnh Độ trong một đời này mà kinh chẳng thuộc thì làm sao được? Vì thế, trong tâm khởi tâm động niệm đều phải dùng kinh điển để đối chiếu: Niệm nào chẳng nên dấy lên, chớ nên dấy lên; niệm nào đáng nên dấy lên, hãy khéo dấy. *"Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành"* (Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện), trong kinh điển, đức Phật đã dạy chúng ta như vậy. Vì thế, quý vị phải hiểu rõ thì mới có thể nắm được, nắm thật chắc!

So sánh giữa hai kinh, kinh Vô Lượng Thọ hay hơn kinh A Di Đà, [bởi lẽ], kinh văn là rốt ráo, [còn những điều được trình bày ở đây] là chú giải của tổ sư. Đức Phật dạy chúng ta, *"y pháp, bất y nhân"*, kinh là pháp, chú giải là do người [đời sau] nói. Chú giải chỉ để chúng ta tham khảo, khiến cho chúng ta càng thâm nhập, thấu hiểu những ý nghĩa được bao hàm trong kinh văn, uốn nắn cách nghĩ, cách nhìn, và cách làm của chúng ta đối với người, sự, vật. *"Tu"* (修) là tu sửa, chúng ta có rất nhiều cách nghĩ, cách nhìn, cách làm sai lầm đối với người, sự, vật. Nương theo giáo huấn của đức Phật trong kinh điển để uốn nắn những sai lầm ấy thì gọi là *"tu hành"*. Do vậy, tu hành là tu ở chỗ nào? Tu nơi khởi tâm động niệm. Phàm phu chẳng thể không đọc kinh mỗi ngày. Ba ngày chẳng đọc kinh, đạo tâm thảy đều chẳng còn. Đối với phàm phu chúng ta,

sức mạnh do niệm kinh tối đa chỉ có thể giữ được ba ngày, ba ngày chẳng niệm thì thôi rồi, phiền não tập khí, tà tri tà kiến thảy đều hiện hành. Do vậy, tu hành khó khăn, đó gọi là *"một ngày nóng, mười ngày lạnh"*.

Vì sao trong đạo tràng xưa kia, người ta thành tựu dễ dàng? Người trong đạo tràng hiện thời chẳng dễ thành tựu? Đạo tràng xưa kia buộc quý vị mỗi ngày nghe kinh trong giảng đường tám tiếng đồng hồ, mọi người cùng nhau cộng tu cũng là tám tiếng đồng hồ. Mỗi ngày mất đứt mười sáu giờ [để tu tập], dẫu có muốn dấy vọng tưởng cũng chẳng có thời gian, [tu tập xong] vội vã tìm thời gian để nghỉ ngơi, ngủ nghê, dưỡng thần, chẳng có hơi sức đâu để trò chuyện. Tu hành ba năm như vậy, có hiệu quả không chỉ bằng chúng ta tu hành suốt ba mươi năm. Thông thường, tu hành chẳng ngoài một là tham Thiền, hai là niệm Phật. [Tĩnh tọa] trong Thiền Đường tám tiếng đồng hồ, hoặc niệm Phật suốt tám tiếng đồng hồ trong Niệm Phật Đường, nghe kinh suốt tám giờ nữa, còn nghiêm ngặt hơn các môn học trong nhà trường. Được hun đúc trong một thời gian dài như vậy, tập khí của mỗi người tự nhiên biến đổi. Hiện thời, chẳng có đạo tràng như vậy, chẳng có cơ hội như vậy, nhưng người thật sự dụng công vẫn có cơ hội ấy. Nay chúng ta dùng máy nghe nhạc cá nhân để mỗi ngày nghe kinh suốt tám tiếng đồng hồ cũng được! Thật sự chịu nỗ lực, không cần phải nghe tám tiếng đồng hồ, mỗi ngày có thể nghe từ bốn giờ đến sáu giờ cũng rất tốt. Niệm Phật sáu tiếng đồng hồ thì cũng dùng máy nghe nhạc cá nhân để niệm theo, có khác gì đạo tràng thời cổ? Chúng ta lợi dụng những công cụ khoa học ấy, chuyển đạo tràng về nhà của chính mình, người thuở trước chẳng có cách nào tưởng tượng chuyện này!

Nghe kinh thì nghe một bộ kinh càng nhiều lần càng hay! Năm xưa, tại Lạc Sam Cơ (Los Angeles) có một vị cư sĩ tên là Triệu Lập Bổn nghe tôi giảng Lục Tổ Đàn Kinh và kinh Kim Cang, chỉ nghe hai bộ kinh ấy. Tôi ghé qua Los Angeles, ông ta kể với tôi đã nghe [những băng giảng ấy] hai mươi sáu lần. Tôi khuyên ông ta: "Ông hãy tiếp tục nghe không ngừng cho tới một trăm lượt". Nay tôi nghe những đồng tu bên Los Angeles kể ông ta giảng hai bộ kinh ấy rất hay, thường có người mời ông ta giảng kinh, đã thuần thục rồi! Ông ta nói: "Suốt đời tôi chẳng học thứ gì khác, chỉ học hai bộ kinh này, thật thà niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ". Ông này là giáo sư đại học tại Mỹ, nay đã về hưu, thật sự có thành tựu! Cổ nhân thường nói: *"Thiên hạ vô nan sự, chỉ phạ hữu tâm*

*nhân"* (Thiên hạ chẳng có chuyện gì khó, chỉ sợ thiếu người có tâm). Người có lòng thì trong thiên hạ chẳng có chuyện gì là khó. Tín nguyện chuyên chú, chuyên ròng sẽ thành công. Do vậy, cớ sao chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối cứ làm những chuyện thị phi, nhân ngã, danh vọng, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, chẳng thể giống như cư sĩ Triệu Lập Bổn chuyên nhất nơi một bộ kinh? Tốn thời gian tám năm, ông ta đã giảng hai bộ kinh ấy rất khá. Tiếp tục nỗ lực không ngừng, trong tương lai, ông ta sẽ là người có đầy uy tín về kinh Kim Cang và Lục Tổ Đàn Kinh. Vì thế, nguyện thì phải có chánh nguyện, mong cầu chánh đáng, yêu mến chánh đáng, có thể mong cầu Tịnh Độ, nguyện sanh Tây Phương, đó là thuần chánh bậc nhất.

*"Nguyện dĩ nhi trì"* (Đã nguyện bèn gìn giữ), *"trì"* (持) là bảo trì (保持: gìn giữ). Sau khi đã phát nguyện, phải có hằng tâm (tâm thường hằng), kiên nhẫn, nghị lực để gìn giữ không bị mất đi. *"Tâm cần tinh tấn"* (Tâm siêng năng, tinh tấn), một mục tiêu, một phương hướng để nỗ lực, đó là Hạnh. Ví như mỗi ngày nghe kinh này tám tiếng đồng hồ, niệm Phật tám tiếng đồng hồ, đó là Hạnh. Kinh Vô Lượng Thọ là kinh bậc nhất để mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai độ chúng sanh thành Phật đạo. Từ hàng Bồ Tát trở xuống, giảng kinh thuyết pháp đều cần phải được Phật lực gia trì. Bản thân đức Phật giảng kinh thuyết pháp tất nhiên chẳng cần được gia trì. Nhưng từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy đức Thế Tôn giảng kinh Vô Lượng Thọ được A Di Đà Phật gia trì, được mười phương chư Phật Như Lai gia trì. Vì thế, Ngài dấy lên ý niệm muốn giảng bộ kinh này, thụy tướng (tướng trang nghiêm tốt lành) đặc biệt đẹp đẽ. Ngài A Nan làm thị giả của đức Phật, suốt đời chưa từng thấy tướng hảo như vậy, đó là gì? Mười phương chư Phật gia trì. Đức Phật giảng những kinh khác có hiện tượng này hay không? Quý vị hãy tra duyệt Đại Tạng Kinh, chẳng có! Quý vị bèn hiểu bộ kinh này có công đức và lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Đức Phật giảng bộ kinh này, mười phương chư Phật đều gia trì. Vì thế, đọc và thọ trì bộ kinh này, cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn! Hiện thời có chẳng ít đồng tu mỗi ngày niệm mười lượt, đó là Hạnh.

Thâm nhập một môn, càng chuyên càng hay, càng ròng càng hay. Vì hoằng pháp lợi sanh, nhằm ứng phó các loại căn tánh bất đồng của chúng sanh, chúng ta phải tham khảo, xem đọc các kinh luận, đó là chuyện tất yếu. Nếu chẳng phát nguyện giảng kinh, thuyết pháp, một bộ kinh này là đủ rồi, thật sự thấu triệt một bộ kinh là được rồi! Ta vì người

khác giảng kinh thuyết pháp, ta giảng bộ kinh này, nhưng người căn tánh khác biệt mong học kinh khác, ta bèn giới thiệu pháp sư khác. Vị pháp sư ấy biết giảng, thỉnh vị ấy giảng, ta chỉ biết giảng một bộ kinh này. Năm mươi ba vị thiện tri thức trong kinh Hoa Nghiêm có thái độ hoằng pháp lợi sanh như thế. Thiện Tài đến tham phỏng, các Ngài nói: "Ta chỉ học một môn này. Nếu ngươi muốn học rộng nghe nhiều, lại giới thiệu ngươi đến tham phỏng một vị thiện tri thức khác".

***(Sao) Tín Nguyện Hạnh, hạ văn trung đương biện.***

**(鈔)**信願行，下文中當辯。

*(**Sao**: Tín Nguyện Hạnh sẽ được biện định trong phần kinh văn ở phía sau).*

Ý nghĩa này hết sức sâu rộng, trong phần sau sẽ còn nói cặn kẽ, ở đây chỉ nêu đại lược mà thôi.

***(Sớ) Danh hiệu giả, A Di Đà Phật tứ tự hồng danh, bất kiêm sắc tượng đẳng. Như Văn Thù Bát Nhã, cập Tỳ Bà Sa Luận trung thuyết, dĩ sắc tượng đẳng nhiếp danh trung cố.***

**(疏)**名號者，阿彌陀佛四字洪名，不兼色像等。如文殊般若，及毗婆沙論中說，以色像等攝名中故。

*(**Sớ**: Danh hiệu là hồng danh bốn chữ A Di Đà Phật, [pháp tu trong kinh này là chuyên chấp trì danh hiệu] chẳng kèm thêm hình sắc v.v... Như trong kinh Văn Thù Bát Nhã và luận Tỳ Bà Sa đã nói, những thứ như hình sắc v.v... đã đều được bao gồm trong danh hiệu).*

Pháp môn này chuyên chú trọng trì danh, chẳng cần kèm thêm quán tưởng, niệm một câu Phật hiệu đến cùng là được rồi. Nay vì sao lại khuyên quý vị niệm kinh? Vì sao đặc biệt nhấn mạnh chuyện niệm kinh? Quý vị chẳng đủ tín tâm, nguyện tâm chẳng tha thiết; do đó mới bảo quý vị niệm kinh. Niệm kinh nhằm giúp quý vị đoạn nghi sanh tín. Còn có một ý nghĩa nữa: Nghiệp chướng quá nặng, làm thế nào để sửa lỗi đổi mới? Vì nguyên nhân này mà khuyên mọi người hãy niệm kinh. Bản thân chúng ta trong cuộc sống hằng ngày đâu biết cách nghĩ và cách làm của chính mình đều sai lầm, luôn ngỡ là rất chánh xác: "Cách nghĩ, cách nhìn, và cách làm của ta luôn đúng, còn các ngươi sai be bét", luôn có cách nghĩ như vậy. Đúng sai có tiêu chuẩn, tiêu chuẩn ở chỗ nào? Những

điều được giảng trong kinh điển là tiêu chuẩn. Quý vị niệm nhiều, niệm thuần thục, bèn có tiêu chuẩn. Dùng tiêu chuẩn ấy để kiểm điểm hành vi trong cuộc sống của chính mình thì mới có thể phát hiện những lầm lỗi nơi bản thân. Phát hiện lầm lỗi nơi bản thân, đó là trí huệ, là người tự giác, tự mình đã giác ngộ. Kẻ chẳng biết lầm lỗi của chính mình thì là ngu mê, ngu si, mê hoặc, điên đảo, kẻ ấy rất đáng thương! Tạo tác cái nhân trong ba ác đạo, tạo nghiệp luân hồi trong lục đạo, thế mà chính mình vẫn chẳng biết, cứ ngỡ chính mình đang học Phật, đang tu hành. Kẻ ấy hết sức đáng thương! Người thật sự niệm Phật có so đo cùng kẻ đáng thương hay chăng? Chẳng thể nào! Chỉ có lòng thương xót kẻ ấy. Kẻ đó chấp trước kiên cố, quý vị giải thích cho kẻ đó, kẻ ấy chẳng thể tiếp nhận. Kẻ ấy vọng tưởng, chấp trước kiên cố, luôn nghĩ mình chánh xác, người khác sai lầm, thậm chí những điều đức Phật đã dạy trong kinh cũng sai tuốt luốt, chỉ có hắn là đúng! Chúng ta thấy kẻ đó tạo cái nhân trong ba ác đạo, chẳng có cách nào cứu! Vì thế, đọc kinh, niệm thuần thục, chính mình mới có tiêu chuẩn chân thật. Tiêu chuẩn này do đức Thế Tôn và A Di Đà Phật kiến lập cho chúng ta, quyết định chẳng sai lầm. Đây là khuyên mọi người hãy đọc kinh nhằm tiêu nghiệp chướng. Đọc kinh, phải làm theo kinh thì mới có thể tiêu nghiệp chướng. Chỉ đọc suông, chẳng làm, nghiệp chướng chẳng tiêu được, chư vị phải biết điều này. Đọc kinh là dạy quý vị y giáo phụng hành. Y giáo phụng hành sẽ tiêu nghiệp chướng. Nghiệp chướng tiêu trừ, công phu đi vào nề nếp, công phu sẽ đắc lực.

***(Sao) Bất kiêm sắc tượng đẳng giả, chánh minh thử kinh chuyên chủ chấp trì danh hiệu dã. Văn Thù Bát Nhã kinh vân: "Phật cáo Văn Thù, dục nhập Nhất Hạnh tam-muội giả, ưng xử không nhàn, xả chư loạn ý, bất thủ tướng mạo, hệ tâm nhất Phật, chuyên xưng danh tự, tùy Phật phương sở, đoan thân chánh hướng, năng ư nhất Phật niệm niệm tương tục, tức thị niệm trung, năng kiến quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật. Niệm nhất Phật công đức, dữ niệm vô lượng Phật công đức vô nhị.***

**(鈔)**不兼色像等者，正明此經專主執持名號也。文殊般若經云：佛告文殊，欲入一行三昧者，應處空閒，捨諸亂意，不取相貌，繫心一佛，專稱名字，隨佛方所，端身正向，能於一佛念念相續，即是念中，能見過去未來現

在諸佛。念一佛功德，與念無量佛功德無二。

*(**Sao**: "Chẳng kèm thêm hình sắc v.v..." chỉ rõ kinh này chuyên chú trọng chấp trì danh hiệu. Kinh Văn Thù Bát Nhã chép: "Đức Phật bảo ngài Văn Thù: - Người muốn nhập Nhất Hạnh tam-muội, hãy nên ở chốn thanh vắng, bỏ các ý niệm loạn động, chẳng chấp tướng mạo, chú tâm nơi một đức Phật, chuyên xưng danh hiệu Ngài. Tùy theo nơi chốn của đức Phật [ở phương nào], mà thân hình đoan chánh hướng thẳng về đó. Có thể đối với một đức Phật niệm niệm tiếp nối thì chính ngay trong một niệm ấy, có thể thấy chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Công đức niệm một vị Phật và công đức niệm vô lượng chư Phật chẳng hai").*

Đây là một đoạn khai thị của đức Phật trong kinh Văn Thù Bát Nhã[20]. *"Nhất Hạnh tam-muội"*: Niệm Phật tam-muội còn gọi là Nhất Hạnh tam-muội.

***(Diễn) Nhất Hạnh tam-muội giả, kinh vân "pháp giới nhất tướng".***

**(演)**一行三昧者，經云法界一相。

*(**Diễn**: Nhất Hạnh tam-muội: Kinh nói "pháp giới một tướng").*

Tướng pháp giới là tướng bình đẳng.

***(Diễn) Hệ duyên pháp giới, thị danh Nhất Hạnh tam-muội. Luận vân: "Vị nhất thiết chư Phật Pháp Thân dữ chúng sanh thân bình đẳng vô nhị, tức danh Nhất Hạnh tam-muội".***

**(演)**繫緣法界，是名一行三昧。論云：謂一切諸佛法身與眾生身平等無二，即名一行三昧。

---

[20] Kinh này có tên gọi đầy đủ là Văn Thù Sở Thuyết Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Kinh, do ngài Thích Mạn Đà La Tiên xứ Phù Nam dịch vào đời Lương. Kinh này chính là bản dịch khác của hội thứ bảy trong bộ Đại Bát Nhã Ba La Mật Kinh sáu trăm quyển do ngài Huyền Trang dịch. Về sau, kinh này được xếp thành một hội trong kinh Đại Bảo Tích. Cổ đức phán định kinh này chủ yếu dạy về Thật Tướng Niệm Phật, kiêm Trì Danh Niệm Phật. Phật môn Trung Hoa thường ghép kinh này và kinh Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới cùng Đại Tập Hiền Hộ Phẩm (còn gọi là Bát Châu Tam Muội Kinh) thành Niệm Phật Viên Đốn Tam Kinh. Cả ba kinh này đã được sa-môn Thích Minh Lễ dịch ra tiếng Việt vào khoảng năm 1968.

*(**Diễn**: Duyên chặt chẽ nơi một pháp giới thì gọi là Nhất Hạnh tam-muội. Luận chép: "Ý nói Pháp Thân của hết thảy chư Phật và thân chúng sanh bình đẳng, chẳng hai, nên gọi là Nhất Hạnh tam-muội).*

Trước hết, giải thích ý nghĩa của Nhất Hạnh tam-muội. Ý nghĩa được bao hàm trong danh từ này cũng là định nghĩa của danh từ. Hạnh (行) là hành vi, cũng là hoạt động. Tam-muội (Samādhi) là Chánh Thọ (正受), tức sự hưởng thụ chánh đáng. Chư vị hãy ngẫm xem, Nhất Hạnh là chú trọng nơi một. *"Một"* có nghĩa là trong tâm quyết định chẳng khởi một niệm, tâm ấy mới là một. Khởi một niệm, sẽ chẳng phải là một. Vì sao? Hữu niệm và vô niệm là hai. Thật sự là một niệm bất sanh, rõ ràng, minh bạch. Vì thế, Nhất chính là Nhất Chân pháp giới. *"Nhất thiết chư Phật Pháp Thân"* (Pháp Thân của hết thảy chư Phật) tức là bản thể của vũ trụ và nhân sinh, *"dữ chúng sanh thân bình đẳng vô nhị"* (và thân của chúng sanh bình đẳng chẳng hai), Pháp Thân là Lý Thể, *"chúng sanh thân"* là hiện tượng. Sâm la vạn tượng trong mười pháp giới sanh khởi từ nơi nào? Từ Pháp Thân Lý Thể biến hiện. Vì thế, hết thảy vạn pháp, chẳng có pháp nào không bình đẳng. Sự bình đẳng này là chân tướng, sự bình đẳng này là bình thường. Trong hết thảy các pháp, dấy lên bất bình đẳng thì gọi là vọng niệm, là mê. Kinh thường nói: *"Do một niệm bất giác mà có vô minh"*. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã giải thích cặn kẽ vấn đề này. Vì sao có một niệm bất giác? Trong Nhất Chân pháp giới, quý vị khởi tâm động niệm, đó là bất giác, là mê. Giác tâm bất động, giác tâm thanh tịnh, giác tâm ly niệm, bất động. Ly niệm là giác, tâm động là mê.

Mê ở chỗ nào? Tìm không thấy, chỗ nào có mê! Khi nào có mê? Do nguyên nhân nào mà có mê? Chẳng có nguyên nhân, cũng chẳng nói được khi nào sẽ mê. Quý vị tìm lúc [bị mê] đó, sẽ chẳng tìm thấy! Vì sao? Nó là hư vọng. Quý vị một niệm giác bèn thành Phật, một niệm mê thì là chúng sanh khổ não. Phật và chúng sanh sai biệt ở chỗ mê hay ngộ. Nay chúng ta muốn giác, chẳng giác được, vì sao chẳng giác được? Tập khí quá nặng, chẳng thể dùng cái tâm thanh tịnh để đối ứng với hoàn cảnh sống, tâm địa luôn ô nhiễm, dơ bẩn. Khởi tâm động niệm là thị phi, nhân ngã, lợi hại, được mất, luôn làm những chuyện ấy. Trong kinh Kim Cang, đức Phật đã nói về những thứ ấy rất rõ ràng: *"Phàm những gì có tướng đều là hư vọng"*, *"hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng"*. Họ muốn làm những chuyện ấy, quý vị nói xem có đáng thương hay

không? Thật sự chịu tiếp nhận, thật sự chịu sửa lỗi đổi mới, Phật và thiện tri thức sẽ bằng lòng dạy họ. Vì sao? Người ấy có thể cứu, cứu được! Chẳng thể sửa lỗi, chẳng thể đổi mới, chư Phật, Bồ Tát chẳng dạy kẻ ấy. Vì sao? Dạy uổng công! Chẳng khởi tác dụng, oan uổng! Hao phí tinh thần lẫn công sức, cho nên chẳng dạy! Tuyệt đối chẳng phải là Phật, Bồ Tát, thiện tri thức bất công, chẳng phải vậy! Vì sao [các Ngài] chịu dạy kẻ này, chẳng dạy kẻ kia? Người ta thấy rất rõ rệt, kẻ này sau khi được dạy, sẽ có thể sửa lỗi đổi mới. Kẻ kia có dạy thì vẫn chẳng thể sửa lỗi đổi mới! Vì lẽ này, duyên ở nơi chúng sanh, chẳng phải do phía Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát vô tâm, Phật, Bồ Tát thanh tịnh, bình đẳng. Chúng ta thường nói *"có duyên với Phật"* hay không là ở chỗ này. Hoan hỷ tiếp nhận, nghe xong thật sự chịu làm, đó là hữu duyên. Nghe xong chẳng chịu sửa lỗi, đó là vô duyên. Vì thế, *"Phật chẳng độ kẻ vô duyên"*, Phật chẳng thể độ được! Đã hiểu rõ ý nghĩa của Nhất Hạnh tam-muội, làm thế nào để đạt được?

***(Diễn) Dục nhập thị tam-muội giả.***
**(演)欲入是三昧者。**
*(**Diễn**: Người muốn nhập tam-muội ấy).*

Nhập Nhất Hạnh tam-muội, mức độ thấp nhất là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Nhập Nhất Hạnh tam-muội là nhập pháp giới, nói cách khác, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Năng lực của hàng Bồ Tát ấy giống như kinh đã nói: *"Ưng dĩ Phật thân nhi đắc độ giả, tức hiện Phật thân nhi vị thuyết pháp"* (Nên dùng thân Phật để đắc độ, bèn hiện thân Phật để thuyết pháp). Ngài có năng lực thị hiện tám tướng thành đạo, có năng lực tùy loại hóa thân, trí huệ và thần thông đều tương tự như Phật. Ở đây, Ngài dạy một phương pháp rất đặc biệt để nhập Nhất Hạnh tam-muội.

***(Diễn) Ưng hệ tâm nhất Phật, chuyên xưng danh tự dã.***
**(演)應繫心一佛，專稱名字也。**
*(**Diễn**: Hãy nên chuyên tâm nơi một đức Phật, chuyên xưng danh hiệu Ngài).*

Dạy chúng ta, *"phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm"* như kinh Vô Lượng Thọ của Tịnh Tông đã nói, chính là Nhất Hạnh tam-muội.

Đây là Niệm Phật tam-muội, vua trong các thứ tam-muội, là phương pháp tu hành thù thắng nhất, chuyên xưng danh hiệu.

***(Diễn) Tức thị niệm trung, năng kiến quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật giả.***

**(演)即是念中，能見過去未來現在諸佛者。**

*(**Diễn**: Tức là ngay trong niệm ấy, có thể thấy quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật).*

Trì danh niệm Phật, niệm đến mức nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn chính là như trong chương Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm đã nói: *"Chẳng cậy vào phương tiện, tâm được tự khai"*. *"Tâm khai"* chính là *"đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh"* trong Thiền Tông. Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh của Thiền Tông chẳng thể thấy mười phương hết thảy chư Phật, chẳng thấy Phật nhiều ngần ấy. Nhưng quý vị niệm A Di Đà Phật, [tu tập] pháp môn Di Đà, sẽ thấy vô lượng vô biên chư Phật. Đó là chỗ thù thắng của pháp môn này. Pháp môn này được hết thảy chư Phật Như Lai tán thán là do chỗ này. Đấy là chính mình nhập Nhất Hạnh tam-muội, lại được oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Vì thế, pháp giới do người ấy duyên đến sẽ chẳng hai, chẳng khác với Phật, chẳng thể nghĩ bàn!

***(Diễn) Tận tri Hằng sa chư Phật pháp giới vô sai biệt tướng dã. Chư Phật Pháp Thân dữ chúng sanh tâm đồng thể vô nhị.***

**(演)盡知恆沙諸佛法界無差別相也。諸佛法身與眾生心同體無二。**

*(**Diễn**: Biết trọn tướng chẳng sai biệt của chư Phật pháp giới nhiều như cát sông Hằng, Pháp Thân của chư Phật và tâm chúng sanh đồng thể, chẳng hai).*

Thấy tướng bình đẳng của mười pháp giới, thật sự bình đẳng, thấy pháp giới đồng thể. Do pháp giới bình đẳng, nên thái độ xử sự, đãi người liền biến đổi, có thể sử dụng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm đại từ bi để đối đãi hết thảy chúng sanh, người ấy đã thành Phật. Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, tuy chẳng phải là một vị Phật viên mãn rốt ráo, nhưng đã thuộc loại Phần Chứng Phật. Đối với Lục Tức Phật được nói trong tông Thiên Thai, người ấy thuộc địa vị Phần Chứng Phật,

chẳng phải là địa vị Tương Tự, chẳng phải là Quán Hạnh hay Tương Tự, mà là Phần Chứng. Đây là vị Phật chân thật, chẳng phải là giả Phật. Do đó, có thể thị hiện tám tướng thành đạo.

***(Diễn) Kim đản kiến chúng sanh tâm, bất kiến Phật Pháp Thân giả, dĩ vị năng ly niệm cố.***

**(演)**今但見眾生心，不見佛法身者，以未能離念故。

*(**Diễn**: Nay chỉ thấy tâm chúng sanh, chẳng thấy Pháp Thân của Phật, vì chưa thể lìa niệm).*

Nói tới cảnh giới hiện tiền của chúng ta, chúng ta chỉ thấy tâm chúng sanh, chẳng thấy Pháp Thân của Phật (tức là chẳng thấy cảnh giới bình đẳng), nguyên nhân ở chỗ nào? Chúng ta chẳng lìa khỏi vọng niệm. *"Niệm"* ở đây là vọng tưởng và chấp trước như kinh Hoa Nghiêm đã nói. Chúng ta chẳng thể lìa khỏi vọng tưởng, lìa khỏi chấp trước, nên quý vị là phàm phu, chẳng thấy Pháp Thân. Chẳng thấy Pháp Thân, nói cách khác, quý vị chẳng đạt được Nhất Hạnh tam-muội.

Chúng ta là phàm phu, nghiệp chướng rất nặng, nếu chẳng được Phật pháp hun đúc trong một thời gian dài, sẽ chẳng có cách nào! Thật sự chú trọng sao cho sự hun đúc có sức mạnh, hữu hiệu, từ kinh nghiệm giảng kinh trên giảng đài của bản thân tôi, đó là sự hun đúc có sức mạnh to tát nhất. Vì quý vị muốn lên giảng đài giảng kinh, phải chuẩn bị rất chu đáo. Chúng tôi chưa khai ngộ, đã từng kể với các đồng tu: Thuở đầu, khi tôi học giảng kinh, để lên giảng đài giảng một tiếng đồng hồ, phải chuẩn bị hai mươi tiếng đồng hồ, chẳng dám giải đãi tí nào. Hễ giải đãi thì lên giảng đài sẽ bị mất mặt. Vì vậy, phương pháp này có hiệu quả hơn so với thầy giáo dạy học. Thầy có thể nói qua quít [cho xong buổi giảng], gạt được học trò.

Giảng kinh, dưới tòa có mấy chục, mấy trăm người nghe, chẳng lừa được ai! Nhiều cặp mắt nhìn vào quý vị ngần ấy, quý vị giảng sai cũng chẳng thể được. Vì thế, phải chuẩn bị rất chu đáo. Gần như là đối với người mới học giảng kinh, quý vị bảo họ giảng mỗi tuần một tiếng rưỡi, gần như họ dành thời gian trọn cả tuần để bận bịu lo toan việc ấy. Ngay cả đêm ngủ cũng mơ thấy đang sửa chữa bài giảng. Chuyên tâm đến mức độ ấy thì gọi là "hun đúc". Quý vị có thể giảng chẳng gián đoạn, sẽ có lợi cho bản thân không chi lớn bằng, nghiệp chướng tập khí từ vô thỉ kiếp sẽ dần dần bất tri bất giác tiêu mất.

[Để đạt đến mức] trên giảng đài có thể vận dụng tùy theo lòng muốn, mọi việc thuận lợi, theo kinh nghiệm của chính tôi, phải mất mười năm. Cho tới nay, tôi đã giảng ba mươi ba năm; do đó, mọi người thấy tôi giảng kinh cũng chẳng cần phải chuẩn bị sẵn, cũng chẳng cần phải đọc tài liệu. Mười năm đầu rất khổ! Năm đầu tiên khổ nhất, đến năm thứ hai, tôi giảng một giờ thì ước chừng mất thời gian chuẩn bị mười giờ là đủ rồi. Đến năm thứ ba, hai giờ là đủ rồi, đến năm thứ tư, thứ năm, tôi chuẩn bị một giờ có thể giảng hai, ba giờ, càng giảng càng thoải mái. Năm Dân Quốc 60 (1971), khi tôi giảng kinh Lăng Nghiêm và Hoa Nghiêm, chuẩn bị một ngày bèn có thể giảng bảy ngày. Hiện thời giảng kinh chẳng cần phải chuẩn bị. Chẳng chịu khổ sẽ không được! Mở đầu khổ nhất, sau khi đã vượt cái ải ấy, sẽ ngày càng dễ dàng, càng ngày càng hoan hỷ. Nghiệp chướng ngày càng ít, tâm ngày càng thanh tịnh, trí huệ ngày càng tăng trưởng. Tu học như vậy thì mới vui sướng, lìa khổ được vui, thật sự đạt được lợi ích nơi Phật pháp. Đối với hết thảy người, hết thảy sự, hết thảy vật, trước mắt, phương khác, quá khứ, vị lai đều có thể biết đôi chút. Đó chẳng phải là thần thông, mà giống như là trực giác, tự nhiên có thể biết đôi chút. Người đọc sách thời cổ biết cảnh giới này!

Do vậy, nếu chúng ta muốn gạt gẫm một kẻ bình phàm sẽ dễ dàng. Lừa một kẻ có học thật sự sẽ chẳng dễ dàng, chẳng thể lừa nổi họ. Vì sao? Người ta nhìn vào ánh mắt, nhìn cách quý vị ăn nói, nhìn vào động tác, cát hung họa phước của cả đời quý vị đều bị người ta nhìn thấy tuốt luốt, quý vị còn chỗ nào để phỉnh phờ họ được nữa? Chẳng phỉnh phờ được ai! Một người có học vấn trong thế gian mà còn như thế, huống hồ một người thật sự tu hành trong Phật pháp, muốn gạt họ, lẽ nào họ bị mắc lừa? Thật sự là chính mình gạt gẫm chính mình mà thôi! Những bậc cao nhân biết hết, cớ sao chẳng nói? Mỗi người có nhân duyên, quả báo riêng; vì thế, chẳng cần nói, nhìn kẻ đó tạo tác, nhìn thấy hắn hứng chịu quả báo. Chỉ có khi nào thấy kẻ đó có thể thật sự quay đầu, bèn nhẹ nhàng chỉ điểm cảnh tỉnh. Chỉ điểm mà vẫn chẳng tỉnh, sẽ chẳng nói nữa. Kẻ ấy chẳng ngộ, là người ngu mà! Nguyên nhân là do phiền não chưa đoạn. Chúng ta mong cầu học Phật thì trước hết phải đoạn phiền não, đặc biệt là kẻ phát tâm học giảng kinh, nhất định là trước hết đoạn phiền não, sau đó sẽ học pháp môn. Nếu chẳng đoạn phiền não, sẽ chẳng học pháp môn nên hồn được! Học chẳng tới nơi, những thứ học được toàn là tri kiến dựa trên sự hiểu biết văn tự bề ngoài mà thôi, chẳng đạt được những thứ chân thật trong Phật pháp.

***(Diễn) Tu Nhất Hạnh tam-muội giả, niệm Không chân niệm, hoạch tự bổn tâm.***

**(演)修一行三昧者，念空真念，獲自本心。**

*(**Diễn**: Người tu Nhất Hạnh tam-muội, niệm Không chính là chân niệm, đạt được bổn tâm của chính mình).*

Nói tới cảnh giới. *"Niệm Không chân niệm"* là câu nói phát xuất từ kinh Lăng Nghiêm. *"Bổn tâm"* là tự tánh, là minh tâm kiến tánh, là Nhất Hạnh tam-muội. Trong tông này, phương pháp được sử dụng là *"một mực xưng niệm"*, chuyên niệm một câu A Di Đà Phật. Nhưng khi quý vị niệm, nhất định là buông xuống vạn duyên, như vậy thì mới có thể thành công. Suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật, mà suốt ngày từ sáng đến tối vẫn làm chuyện thị phi, nhân ngã, vẫn chẳng buông xuống được, vô dụng! Đây chính là như cổ đức đã nói: *"Hét toạc cuống họng vẫn uổng công"*. Do vậy, trong khi chúng ta niệm Phật, khi dấy khởi một câu Phật hiệu này, buông xuống vạn duyên, tâm địa thanh tịnh, chỉ có một câu Phật hiệu này thì gọi là "công phu", là niệm Phật chân chánh. Khi niệm Phật, quyết định chớ nên xen tạp. Người niệm Phật còn nghĩ Đông tưởng Tây thì là xen tạp, chẳng thể thành công. Niệm mấy câu Phật hiệu là gieo thiện căn mà thôi. Đời này chẳng đạt được lợi ích. Thầy Lý thường nói: *"Đáng nên sanh tử như thế nào thì vẫn phải sanh tử như thế đó!"* Chẳng có cách nào! Chẳng chuyển nổi nghiệp của quý vị. Vì lẽ này, nhất định phải khởi đầu từ nội tâm. Tu hành là sửa đổi cái tâm, đổi cái tâm hư vọng thành cái tâm chân thành, đổi cái tâm ô nhiễm thành tâm thanh tịnh, đổi cái tâm bất bình đẳng thành tâm bình đẳng. Đó là tu hành. Phải niệm Phật hiệu theo cách như vậy thì mới có thể đạt được hiệu quả, niệm đến mức công phu thành phiến, Sự nhất tâm bất loạn, hoặc Lý nhất tâm bất loạn. Nhất Hạnh tam-muội là Lý nhất tâm bất loạn.

***(Diễn) Tắc chư Phật Pháp Thân ư trung hiển hiện, như kính trung tượng.***

**(演)則諸佛法身於中顯現，如鏡中像。**

*(**Diễn**: Nên Pháp Thân của chư Phật hiển hiện trong ấy, như hình bóng trong gương).*

Khi ấy, tự nhiên quý vị hiểu rõ ràng minh bạch hết thảy Sự, Lý trong tận hư không khắp pháp giới. Vì sao? Tâm quý vị giống như một

tấm gương, chiếu kiến đấy! Chẳng phải là quý vị mong thấy, mà tự nhiên thấy, chẳng cần mong thấy, không cần tác ý để thấy, tự nhiên thấy.

Gần đây, có một vị đồng tu đến Bắc Kinh ở nửa năm, thân cận lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, đích xác là lão cư sĩ có duyên phận với ông ta. Duyên phận là người ấy có thể tiếp nhận, thật sự hiếu học. Lão cư sĩ dạy người ấy nửa năm, mỗi ngày đều lên lớp, dạy người ấy như học trò. Lão cư sĩ dặn dò người ấy trở về Đài Loan kiếm tôi, người ấy nhắn lại: "Lão cư sĩ nói Đài Loan chẳng có Phật giáo. Phật giáo thật sự ở Đại Lục. Tại Đại Lục, người tu hành thật sự ở trong núi sâu, quý vị chẳng tìm thấy. Phật giáo Đài Loan chỉ có bề ngoài, chẳng có người thật sự tu hành". Điều này đáng cho chúng ta cảnh giác thật sâu! Học Phật chẳng thể giả vờ được! Pháp thế gian mà giả tạo còn chẳng đáng một đồng; toan giả trá Phật pháp, tội lỗi oan nghiệt nặng nề! Tục ngữ thường nói: *"Địa ngục môn tiền tăng đạo đa"* (Trước cửa địa ngục, tăng đạo đông). Vì sao tăng nhân, đạo sĩ đọa địa ngục? Do họ giả vờ, chẳng tu hành thật sự. Người ấy nói: "Tuy lão cư sĩ không ra khỏi cửa, đối với mỗi đạo tràng tại Đài Loan, thậm chí hễ nhắc tới mỗi vị pháp sư, cụ đều biết". Quý vị ngẫm xem, có thể nào là có người nói cho cụ biết hay không? Chẳng thể nào có chuyện ấy! Ai có thể đến trước mặt cụ để nói kẻ này hay, kẻ kia dở? [Chuyện gì cũng] đều hiểu rõ ràng, đều biết, đó là tâm địa thanh tịnh tự nhiên chiếu kiến. Vị đồng tu ấy quay về kể với tôi, ông ta bội phục lão cư sĩ năm vóc sát đất. Năm nay, lão cư sĩ bảy mươi chín tuổi, đã từng chịu tai nạn rất lớn, chịu đựng rất nhiều nỗi khổ. Tuổi tác cao như thế, chúng tôi vốn tưởng là có người chăm sóc cụ, chẳng có! Nấu cơm, giặt quần áo do chính mình tự làm, chẳng có ai hầu hạ. Thấy vậy, trong tâm tôi thật sự hổ thẹn. Chúng tôi tuổi trẻ mà còn phải có người hầu hạ. Cuộc sống hằng ngày của bậc đại đức như vậy hoàn toàn cậy vào chính mình, chẳng có người nào hầu hạ, rất lỗi lạc!

Chúng ta ở Đài Loan, tôi biết trong quá khứ lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam chín mươi bảy tuổi vãng sanh. Trước lúc chín mươi lăm tuổi, cuộc sống của cụ vẫn là tự mình lo liệu, cơm ăn cũng do tự mình nấu. Chỉ đến hai năm cuối cùng, do thể lực đã suy mới cho phép học trò chăm sóc, rất khó có! Nay chúng ta mới chịu khổ một tí đã chẳng muốn học Phật, lấy đâu ra thành công? Học Phật là hưởng phước ư? Vì vậy, thật sự học Phật thì phải học theo hành trạng của những bậc đại đức ấy.

***(Diễn) Cổ vân: Chư Phật do như tịnh minh kính.***

**(演)古云：諸佛猶如淨明鏡。**
*(**Diễn**: Cổ nhân nói: - Chư Phật như gương sáng sạch).*

Ý nói tâm Phật giống như một tấm gương sáng ngời rất thanh tịnh.

***(Diễn) Ngã tâm diệc tự ma-ni châu.***
**(演)我心亦似摩尼珠。**
*(**Diễn**: Tâm ta cũng giống như Ma-ni châu).*

*"Ma-ni châu"* (Cintāmaṇi) tỷ dụ cái tâm thanh tịnh. Tâm Phật thanh tịnh, tâm ta thanh tịnh, chẳng có chướng ngại. Tâm Phật thanh tịnh, nơi Phật chẳng có chướng ngại. Tâm ta chẳng thanh tịnh, ta có chướng ngại, chẳng thể cảm ứng đạo giao. Tâm ta thanh tịnh bèn cùng Phật cảm ứng đạo giao.

***(Diễn) Chư Phật thường lai nhập ngã thân.***
**(演)諸佛常來入我身。**
*(**Diễn**: Chư Phật thường vào trong thân ta).*

Tấm gương sáng này và tấm gương kia soi rọi lẫn nhau, trong tâm ta có Phật, trong tâm Phật có ta.

***(Diễn) Ngã thân biến nhập chư Phật khu, thị dã.***
**(演)我身遍入諸佛軀，是也。**
*(**Diễn**: Thân ta nhập khắp thân chư Phật, là nói lên ý nghĩa này).*

Thân thể của Phật xác thực là như thế. Đây chính là lý do vì sao quý vị có thể thấy hết thảy chư Phật. Cái thấy ấy chẳng phải là mong thấy, chẳng phải là hy vọng được thấy, mà là tự nhiên thấy, đó là *"pháp vốn là như thế đó"*. Đoạn này nhằm giải thích Nhất Hạnh tam-muội.

***(Sao) Dục nhập Nhất Hạnh tam-muội giả.***
**(鈔)欲入一行三昧者。**
*(**Sao**: Người muốn nhập Nhất Hạnh tam-muội).*

Nếu quý vị muốn niệm Phật đến mức Lý nhất tâm bất loạn (Lý

nhất tâm bất loạn là Nhất Hạnh tam-muội).

***(Sao) Ưng xử không nhàn, xả chư loạn ý.***

**(鈔)應處空閒，捨諸亂意。**

*(**Sao**: Hãy nên ở chỗ thanh vắng, bỏ các ý niệm loạn động).*

Hoàn cảnh tu hành rất trọng yếu, nhất định phải có một hoàn cảnh thanh tịnh. Hoàn cảnh thanh tịnh chẳng bị ai quấy nhiễu. Cổ nhân thường nói: *"Ninh động thiên giang thủy, bất động đạo nhân tâm"* (Thà khuấy nước ngàn sông, chẳng động tâm người tu hành). Một người đang tu hành, nếu chúng ta nhiễu loạn, phá hoại người ấy, tội lỗi là đọa địa ngục, tạo tội nghiệp địa ngục. Đối với người tu hành, quyết định chẳng nhiễu loạn họ, quyết định chẳng phá hoại hoàn cảnh tu học của họ, điều này rất trọng yếu. Vì sao? Thường là bản thân chúng ta tạo tội nghiệp địa ngục mà chính mình chẳng biết. Một người đang dụng công, chúng ta liều mạng làm khó dễ họ. Trừ phi thật sự bất đắc dĩ, hãy để cho người ấy khéo dụng công, hoặc là đối với công việc, ta bằng lòng làm nhiều hơn một chút thay cho người ấy. Đấy chính là tự mình tu đại phước báo, vì sao? Quý vị thành tựu người khác dụng công, đó là tu đại phước báo. Phá hoại thì chính mình tạo tội rất nặng, nhất định phải biết điều này. Vì thế, hại người thật ra là hại chính mình, chẳng hại ai khác. Người khác bị tổn thương ít, chính mình bị tổn hại to lớn, chẳng tương xứng! Chính mình tạo cái nhân địa ngục, còn làm sao được nữa! Một người thật sự tu đạo, thấy kẻ khác dụng công, sẽ chắp tay hoan hỷ tán thán, tu tùy hỷ công đức. Hoàn cảnh thanh tịnh là một nhân duyên trợ đạo thù thắng. *"Xả chư loạn ý"*: Tâm phải thanh tịnh, phải buông xuống vạn duyên, phải chuyên tâm tinh tấn.

***(Sao) Bất thủ tướng mạo, hệ tâm nhất Phật, chuyên xưng danh tự.***

**(鈔)不取相貌，繫心一佛，專稱名字。**

*(**Sao**: Chẳng giữ lấy tướng mạo, chuyên tâm nơi một đức Phật, chuyên xưng danh hiệu Ngài).*

Chuyên môn niệm Phật hiệu, chẳng cần thêm quán tưởng, đấy là chánh tu. Nhưng có những kẻ nghiệp chướng tập khí rất nặng, niệm câu Phật hiệu mà tâm vẫn chẳng thể định, bèn thêm vào đôi chút quán tưởng,

hoặc là tưởng hoa sen, hoặc tưởng nhục kế của Phật, hay tưởng tướng hảo của Phật. Quán tưởng như vậy, vọng niệm của người ấy ít hơn thì được. Đó là trợ tu, dùng để phụ trợ thì được. Đợi cho đến khi tâm thanh tịnh, chẳng cần quán tưởng nữa.

*"Chuyên xưng danh hiệu"*, đó là đúng. Dùng quán tưởng để tạm thời đối trị thì có thể sử dụng; nếu tâm địa đã thanh tịnh, chẳng cần phải kèm thêm quán tưởng.

***(Sao) Tùy Phật phương sở, đoan thân chánh hướng.***

**(鈔)**隨佛方所，端身正向。

*(**Sao**: Tùy theo nơi chốn của đức Phật mà thân đoan chánh, hướng thẳng về đó).*

Kinh đã giảng rất rõ ràng: A Di Đà Phật ở phương Tây của thế giới này. Vì thế, người niệm Phật chúng ta, bất luận ngồi hay đứng, đều hướng về phương Tây, như vậy thì cảm ứng sẽ nhanh chóng. Nói chung, khiến cho quý vị niệm niệm chẳng quên Tây Phương. *"Tùy Phật phương sở"*: Niệm Dược Sư Như Lai liền xoay mặt về phương Đông, ngồi hay đứng đều hướng về phương Đông thì mới đạt được cảm ứng. Niệm A Di Đà Phật liền ngoảnh mặt về phương Tây.

***(Sao) Năng ư nhất Phật niệm niệm tương tục.***

**(鈔)**能於一佛念念相續。

*(**Sao**: Có thể đối với một đức Phật niệm niệm liên tục).*

*"Niệm niệm liên tục"* là chẳng gián đoạn, *"bất thủ tướng mạo"* (chẳng giữ lấy tướng mạo) là không xen tạp. Thật sự có thể chẳng xen tạp, không gián đoạn, há lẽ nào chẳng thành công?

***(Sao) Tức thị niệm trung, năng kiến quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật.***

**(鈔)**即是念中，能見過去未來現在諸佛。

*(**Sao**: Ở ngay trong niệm ấy, có thể thấy quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật).*

Sách Diễn Nghĩa đã giảng điều này.

***(Sao) Niệm nhất Phật công đức, dữ niệm vô lượng Phật công đức vô nhị.***

**(鈔)念一佛功德，與念無量佛功德無二。**

*(**Sao**: Công đức niệm một đức Phật và công đức niệm vô lượng chư Phật chẳng hai).*

Biết sự thật này, nỗi nghi hoặc của chúng ta sẽ đoạn trừ. Tết đến, Phật đường vẫn phải lạy ba ngàn vị Phật[21], các vị thích lạy cứ lạy! Tôi cũng chẳng nói câu nào! Đã thật sự hiểu rõ, ba ngày ấy chuyên lễ A Di Đà Phật. Đây là một đạo tràng chuyên tu Tịnh Tông, mỗi ngày lễ sáu trăm lạy, lễ cả sáu trăm lạy đều là lạy A Di Đà Phật. Tôi nghe nói pháp hội Thanh Minh năm nay, quý vị niệm kinh Vô Lượng Thọ, đó là đúng. Mọi người đã kiến lập nhận thức chung, có thể đề xướng. Vẫn phải niệm kinh Địa Tạng, vẫn phải lạy Lương Hoàng Sám, hoặc Thủy Sám, tức là mọi người chưa nhận thức rõ ràng. Giảng kinh ấy đã lâu như thế, mọi người hiểu rõ, giác ngộ, pháp hội này chúng ta niệm kinh Vô Lượng Thọ. Hy vọng thật sự giác ngộ, minh bạch, đến Tết năm tới, chẳng phải là lạy một ngàn vị Phật hay một vạn vị Phật, mà là lạy A Di Đà Phật, mỗi ngày lễ sáu trăm lạy. Lạy năm ngày bèn lễ được ba ngàn lạy.

Thật ra, sáu trăm lạy chẳng nhiều. Thuở tôi vừa mới học Phật ở Bộ Lý, mỗi ngày tôi lễ tám trăm lạy. Tôi còn rất nhiều việc phải làm, sống trong núi Bộ Lý, tám giờ tối đi ngủ, hai giờ rưỡi sáng thức dậy, ba giờ sáng là khóa sáng. Khóa sáng tôi lễ Phật ba trăm lạy. Sau khi lạy xong, bèn nấu cơm sáng. Tôi ở trên núi với pháp sư Sám Vân[22], công

---

[21] Tức là Thiên Phật Danh Kinh gồm ba bản kinh ghép lại, tức là Quá Khứ Trang Nghiêm Kiếp Thiên Phật Danh Kinh, Hiện Tại Hiền Kiếp Thiên Phật Danh Kinh, và Vị Lai Tinh Tú Kiếp Thiên Phật Danh Kinh. Ba kinh ấy ghi chép tên các vị Phật trong ba kiếp quá khứ, hiện tại và vị lai. Không rõ tên người dịch. Chỉ biết kinh được dịch vào đời Lương (502-557). Phật môn Trung Hoa thường lạy Tam Thiên Phật hoặc kinh Vạn Phật vào dịp Tết.

[22] Pháp sư Sám Vân (1915-2009), họ Tào, pháp danh Thành Không, người xứ Đông Bắc, sanh quán gần sông Áp Lục (tức biên giới Trung Hoa và Đại Hàn). Sư tinh chuyên giới luật, có chí nguyện tuyên dương Tịnh Tông, sáng lập chùa Liên Nhân. Sư từng du học tại Nhật Bản, theo học ngành mỹ thuật. Đến năm 24 tuổi, bắt đầu học Phật, 26 tuổi thọ Ngũ Giới. Năm 30 tuổi, Sư xuất gia tại chùa Quảng Tế ở Bắc Kinh, theo học tại Trung Quốc Phật Giáo Học Viện suốt bốn năm. Năm 1948, Sư xuống Phước Châu y chỉ pháp sư Từ Châu học Duy Thức. Năm 1949, sang Đài Loan. Sư tạo dựng Ấn Hoằng Mao Bồng tại núi Quán Âm, trấn Bộ Lý. Do ngôi chùa này bị

việc trong bếp do mình tôi làm. Ăn cơm sáng xong, dọn dẹp chung quanh xong xuôi bèn tụng kinh. Giữa trưa, sau khi ăn trưa xong, bèn lạy hai trăm lạy, sau buổi cơm chiều bèn lạy ba trăm lạy, một ngày lễ tám trăm lạy. Người chẳng đi làm thông thường mỗi ngày lễ ba ngàn lạy, đó là chuyên tu lễ Phật. Lễ Phật cũng là một pháp môn tu hành. Vì thế, học Phật đừng sợ vất vả, sợ vất vả là sai lầm. Do vậy, công đức niệm một vị Phật và công đức niệm vô lượng chư Phật chẳng hai, chẳng khác.

***(Sao) A Nan sở văn Phật pháp, do trụ lượng số.***

**(鈔)阿難所聞佛法，猶住量數。**

*(**Sao**: Phật pháp do ngài A Nan đã được nghe vẫn còn hạn cuộc trong số lượng).*

Tôn giả A Nan làm thị giả của Thích Ca Mâu Ni Phật, một mực hầu hạ cho đến khi Thích Ca Mâu Ni Phật nhập diệt. Có thể nói Phật pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong suốt một đời, tôn giả thảy đều nghe, nhưng vẫn là có số lượng.

***(Sao) Nhược đắc Nhất Hạnh tam-muội, chư kinh pháp môn, nhất nhất phân biệt, giai tất liễu tri, trú dạ tuyên thuyết, trí huệ biện tài, chung bất đoạn tuyệt.***

**(鈔)若得一行三昧，諸經法門，一一分別，皆悉了知，晝夜宣說，智慧辯才。終不斷絕。**

*(**Sao**: Nếu đắc Nhất Hạnh tam-muội, pháp môn trong các kinh mỗi mỗi đều phân biệt, thảy đều biết trọn vẹn, ngày đêm tuyên nói, trí huệ, biện tài trọn chẳng ngưng dứt).*

Nếu quý vị thật sự đắc Niệm Phật tam-muội, sẽ khác hẳn, tâm khai ý giải, trong Giáo Hạ gọi là *"đại khai viên giải"*, hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều thông đạt, đều hiểu rõ.

---

nạn lụt tàn phá, nên năm 1963, Sư cùng đệ tử là pháp sư Tánh Nhân dựng chùa Liên Nhân tại làng Thủy Lý cũng thuộc huyện Nam Đầu và trụ tại đó cho tới khi tịch. Năm 1966, Sư sáng lập Đại Chuyên Thanh Niên Trai Giới Học Hội nhằm đề xướng, hướng dẫn thanh niên tu Bát Quan Trai Giới, tổ chức các khóa tu Bát Quan Trai Giới tại nhiều nơi. Chùa Liên Nhân quy củ rất nghiêm, sau bốn giờ chiều, nữ giới không được lưu lại chùa. Trong các khóa tu, Sư chuyên giảng Tịnh Độ, đề xướng Niệm Phật và dùng lễ Phật như một phương tiện sách tấn tu hành, vun bồi công đức.

***(Sao) A Nan đa văn biện tài, bách thiên đẳng phần, bất cập kỳ nhất.***

**(鈔)阿難多聞辯才，百千等分不及其一。**

*(**Sao**: Sự đa văn và biện tài của ngài A Nan chẳng sánh bằng một phần trăm, một phần ngàn v.v...).*

Chẳng thể so sánh! Quý vị mới biết công đức thâm nhập chuyên tu một môn là bậc nhất. Thật vậy đó!

***(Sao) Long Thọ.***

**(鈔)龍樹。**

*(**Sao**: Ngài Long Thọ).*

Tức Long Thọ Bồ Tát.

***(Sao) Tỳ Bà Sa Luận vân: "Phật pháp hữu vô lượng môn, như thế gian đạo, hữu nan, hữu dị, dị hành tật chí".***

**(鈔)毗婆沙論云：佛法有無量門，如世間道，有難有易，易行疾至。**

*(**Sao**: [Đã viết] trong Tỳ Bà Sa Luận như sau: "Phật pháp có vô lượng môn, giống như đường nẻo trong thế gian, có dễ, có khó, [có con đường đi] dễ dàng mà tới nơi nhanh chóng").*

Pháp môn Niệm Phật là *"dị hành đạo"* (đạo dễ hành), có thể thành tựu rất nhanh.

***(Sao) Ưng đương niệm Phật, xưng kỳ danh hiệu, A Di Đà Phật bổn nguyện như thị.***

**(鈔)應當念佛，稱其名號，阿彌陀佛本願如是。**

*(**Sao**: Hãy nên niệm Phật, xưng danh hiệu Ngài, bổn nguyện của A Di Đà Phật là như vậy đó).*

Từ ba kinh, chúng ta thấy bổn nguyện của Phật Di Đà, đặc biệt là phần bốn mươi tám nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ, có thể y giáo phụng hành, đấy chính là thiện căn và phước đức thật sự chín muồi. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này.

***Tập 225***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm bốn mươi hai:

***(Sao) Nhiếp danh trung giả nhị nghĩa: Nhất giả, danh tất hữu tướng cố. Nhị giả, danh tướng giai bất ly nhất tâm cố. Tắc nhất cử Phật danh, chánh báo y báo nhiếp vô bất tận, hà nghi sắc tượng?***

**(鈔)攝名中者二義，一者名必有相故，二者名相皆不離一心故。則一舉佛名，正報依報攝無不盡，何疑色像。**

*(**Sao**: Nói "bao gồm trong danh hiệu" là có hai nghĩa: Một là danh ắt có tướng; hai là danh và tướng đều chẳng lìa nhất tâm. Vì thế, vừa nêu lên danh hiệu Phật, chánh báo và y báo đều được thâu nhiếp, không gì chẳng trọn hết, sao lại nghi ngờ hình sắc [chẳng được nhiếp trong danh hiệu Phật]?)*

Đoạn này nhằm giải thích một câu trong lời Sớ: *"Như Văn Thù Bát Nhã, cập Tỳ Bà Sa luận trung thuyết, dĩ sắc tượng đẳng nhiếp danh trung cố"* (Như kinh Văn Thù Bát Nhã và Tỳ Bà Sa Luận đã nói: "Các thứ như hình sắc v.v… được thâu nhiếp trong danh hiệu"). Câu này [ý nói]: Được thâu nhiếp trong danh hiệu như thế nào? Các hình sắc đều được thâu nhiếp trong danh hiệu. Nói cách khác, đều được bao hàm trong danh hiệu [A Di Đà Phật]. Liên Trì đại sư dùng hai ý nghĩa để giải thích:

1) Thứ nhất là *"danh tất hữu tướng"* (danh ắt có tướng). Danh tuy là giả danh, nhưng vì có tướng, nên mới kiến lập danh hiệu. Dẫu chẳng có tướng trạng ấy, ví như kinh có nói *"quy mao, thố giác"* (lông rùa, sừng thỏ), chắc chắn là chẳng có *"quy mao, thố giác"*, con thỏ nào có sừng? Con rùa đen nào có lông? Chúng ta suy nghĩ danh từ ấy, có phải cũng là "hễ có danh, ắt phải có tướng" hay chăng? Giả sử chẳng có rùa, quý vị sẽ chẳng thể nghĩ ra chuyện "rùa có thể mọc lông" được! Tuy rùa đen chẳng có lông, nhưng rùa chính là có tướng, lông cũng là có tướng. Trên thân rùa chẳng có lông, quý vị nói "nó có lông", vẫn là [danh từ] được kiến lập theo tướng. Ngay cả loại danh hiệu hoàn toàn hư vô, mờ mịt ấy, vẫn chẳng lìa khỏi tướng trạng, có thể thấy: Danh xác thực là có tướng, huống hồ nó là do tướng mà lập danh. Do vậy, danh nhất định tương ứng với Thể và Tướng. Đó là ý nghĩa thứ nhất.

2) Ý nghĩa thứ hai càng sâu hơn: *"Danh tướng giai bất ly nhất tâm"* (Danh lẫn tướng đều chẳng lìa khỏi nhất tâm). Tâm là có thể hiện (năng hiện). Kinh Hoa Nghiêm nói: *"Hết thảy vạn pháp, duy tâm sở hiện, duy thức sở biến"*. Tâm và thức là cùng một thứ. Tâm là Thể của thức, thức là tác dụng của tâm. Chúng ta nói tới tâm hay thức là nói đến Thể và tác dụng của cùng một thứ. Nói theo Thể bèn gọi là Tâm. Xét theo tác dụng, chúng ta gọi nó là Thức. Sâm la vạn tượng trong thế gian và xuất thế gian, đều chẳng lìa khỏi nhất tâm.

Danh hiệu *"A Di Đà Phật"* là danh hiệu của bản thể tâm tánh. Vừa xưng danh hiệu này, có thể nói là tác dụng của tâm thể hoàn toàn được thâu nhiếp trong ấy. Niệm Phật mà biết niệm và không biết niệm sai biệt rất lớn. Người biết niệm, niệm nào cũng đều tương ứng, tương ứng với gì? Tương ứng với bản thể của tự tánh, tương ứng với Thể và Dụng của nhất tâm. Tương ứng thì gọi là "thành Phật". Vì thế, *"một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật"*. Trạng huống tương ứng là như thế nào? Trong tâm tánh chẳng lập một pháp, chẳng có bất cứ gì; đó là tâm tánh. Tâm tánh thanh tịnh, thứ gì cũng đều chẳng có. Lục Tổ nói rất hay: *"Vốn chẳng có một vật"*; đúng như vậy đó, vật gì cũng đều chẳng có, đó chính là bản thể của nó. Khi chúng ta niệm câu Phật hiệu này, câu Phật hiệu này rành mạch, rõ ràng, trong tâm chẳng có một vọng niệm nào, chẳng lập một pháp; khi ấy, xác thực là tâm giống như thái hư không, lượng trọn khắp các cõi với số lượng nhiều như cát, tương ứng với Thể. Đồng thời, trong một câu Phật hiệu ấy, thân thể của chúng ta tương ứng với hết thảy các cõi nước của chư Phật trong tận hư không khắp pháp giới và y báo lẫn chánh báo trang nghiêm trong ấy. Đó là tác dụng tương ứng của nhất tâm. Đó là *"biết niệm"*, công đức và lợi ích của việc niệm Phật sẽ là vô lượng vô biên, hết thảy chư Phật, Bồ Tát tán thán chẳng cùng tận. Thật đấy, chẳng giả tí nào!

Niệm Phật, khá nhiều kẻ niệm chẳng tương ứng. Nguyên nhân khiến cho chẳng tương ứng là ở chỗ nào? Nói thật ra, là do nghiệp chướng quá nặng. Nghiệp chướng là gì? Hễ câu Phật hiệu chẳng thể tương ứng với Thể và Dụng của nhất tâm, chướng ngại ấy được gọi là "nghiệp chướng". Chướng ngại ấy ngăn trở, khiến cho quý vị chẳng thể tương ứng. Nếu trừ khử chướng ngại ấy, há có lẽ nào chẳng tương ứng? Tương ứng thì mới thật sự thọ dụng. Trong Đại Kinh có nói *"trụ chân thật huệ, chân thật tế, chân thật lợi"*, ba thứ chân thật ấy thảy đều đạt

được. Do vậy, chúng ta phải biết niệm. Nếu nói tương phản, nếu nói rõ ràng hơn một chút: Vì sao chẳng biết niệm? Vì ý niệm tự tư tự lợi quá nặng, chẳng buông xuống thị phi, nhân ngã, đó là đại chướng ngại. Chư vị phải hiểu: Thị phi, nhân ngã, tự tư tự lợi thuần là vọng tưởng, chẳng chân thật. Vì sao nói chúng là chẳng chân thật? Nếu chư vị chú tâm lãnh hội, quan sát, [sẽ thấy] trong hết thảy các pháp, xác thực là chẳng có Ngã. Hết thảy chúng sanh đều coi thân thể của chính mình là Ngã. Thân thể chúng ta biến hóa trong từng sát-na, các tế bào thay cũ đổi mới. Chúng ta từ lúc bước vào Phật đường này, sau một tiếng rưỡi lại đi ra, chẳng biết bao nhiêu tế bào trong thân thể đã chết, cũng chẳng biết bao nhiêu [tế bào mới] được sanh ra! Thay cũ đổi mới mà! Y học hiện tại đã chứng minh, bảy năm là một chu kỳ, các tế bào cũ hoàn toàn chẳng còn nữa, sau bảy năm [các tế bào trên thân] đều đổi mới. Nếu quý vị coi thân thể này là Ngã, cái Ngã bảy năm trước chẳng còn vì các tế bào cũ trên thân chẳng còn một tế bào nào! Lại qua bảy năm sau, cũng tìm chẳng ra một tế bào nào nơi thân hiện tại; rốt cuộc, Ngã là gì? Ngã còn chẳng thể được, lấy đâu ra cái được sở hữu bởi ta (ngã sở hữu)? Vật ngoài thân [mà nghĩ] là thứ sở hữu của ta, giả trất! Có Ngã, ngã sở (cái của ta), đó chính là vọng tưởng, là chấp trước.

Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói rất rõ ràng: Chúng ta chẳng thể minh tâm kiến tánh, chẳng thể tương ứng với Thể và Dụng của nhất tâm là vì *"vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc"*. Nếu chúng ta hỏi: Học Phật là học gì? Chính là trừ sạch vọng tưởng, chấp trước, khiến cho chính mình tương ứng viên mãn với Thể và Dụng của nhất tâm; đó gọi là học Phật. Đối với các chấp trước và vọng tưởng trước mắt, quý vị hãy còn chấp trước kiên cố như vậy, chẳng chịu buông xuống; đó chẳng phải là học Phật. Học Phật kiểu đó tức là đã hoàn toàn hiểu sai ý nghĩa Phật pháp. Chúng ta biết chân tướng sự thật này, đối với việc chấp trì danh hiệu sẽ chẳng hoài nghi. Thông thường, nói đến niệm Phật, muốn niệm câu Phật hiệu cho tốt đẹp, thứ nhất là đừng hoài nghi, thứ hai là đừng xen tạp, thứ ba là chẳng gián đoạn. Quý vị có thể làm được chín chữ ấy (*"đừng hoài nghi, đừng xen tạp, đừng gián đoạn*"), trong một đời này, quyết định là thượng thượng phẩm vãng sanh.

Tổ sư đại đức chú giải kinh điển cặn kẽ và minh bạch như thế, nhằm mục đích gì? Nhằm mục đích khiến cho chúng ta đoạn nghi sanh tín. Chẳng thể không đọc và không nghe kinh, chớ nên không chú tâm lãnh hội. Nguyên nhân ở chỗ nào? Quý vị chẳng nghiêm túc thấu hiểu,

tham cứu, sẽ chẳng thể đoạn nghi hoặc! Chẳng thể đoạn nghi hoặc, chắc chắn là chẳng thể vứt bỏ vọng tưởng và chấp trước được, dẫu niệm Phật suốt một đời, cũng chưa chắc có thể vãng sanh. Điều này cũng cho thấy: Chướng ngại kẻ khác lãnh hội, tham cứu kinh giáo, chính là đoạn Pháp Thân huệ mạng của người ta. Đoạn thân mạng của kẻ khác, quý vị giết chết người ấy, tội ấy chẳng lớn, tối đa là đời sau đền cho người ấy một mạng mà thôi! Đoạn Pháp Thân huệ mạng của người ấy, tội ấy đáng sợ lắm, chính là quả báo địa ngục.

***(Sớ) Kim nhân văn Phật bất khẳng chấp trì giả, ước hữu tứ chướng. Tứ chướng phá trừ, phương năng chấp trì, nãi chí nhất tâm cố.***

**(疏)今人聞佛不肯執持者，約有四障，四障破除，方能執持，乃至一心故。**

*(**Sớ**: "Người thời nay nghe nói tới [danh hiệu] Phật, chẳng chịu chấp trì": Nói đại lược thì có bốn chướng. Phá trừ bốn chướng thì mới có thể chấp trì, cho đến [đạt được] nhất tâm).*

Đại sư nói: Thông thường, chúng ta chẳng thể tiếp nhận pháp môn Niệm Phật, chẳng thể khăng khăng một lòng y giáo phụng hành, [xét đến nguyên nhân], quy nạp lại bèn có bốn loại chướng ngại lớn.

***(Sao) Chướng giả, giá dã.***

**(鈔)障者，遮也。**

*(**Sao**: Chướng là ngăn che).*

*"Giá"* (遮) là chướng ngại.

***(Sao) Dĩ thử tứ chủng, giá chướng niệm tâm.***

**(鈔)以此四種，遮障念心。**

*(**Sao**: Do bốn loại ấy, ngăn che, trở ngại cái tâm niệm Phật).*

Chướng ngại tâm niệm Phật, không chịu niệm Phật.

***(Sao) Bất khẳng chấp trì, cố tu phá trừ.***

**(鈔)不肯執持，故須破除。**

*(**Sao**: Chẳng chịu chấp trì, vì thế, cần phải phá trừ).*

Nhất định phải bài trừ bốn loại chướng ngại lớn ấy.

***(Sao) Tứ chướng giả, nhất vị tức tâm thị Phật, hà tất xả kỷ niệm bỉ.***

**(鈔)四障者，一謂即心是佛，何必捨己念彼。**

*(**Sao**: "Bốn chướng": Một là nói "tâm chính là Phật, cần gì phải bỏ vị Phật của chính mình để niệm vị Phật khác").*

Nói thật thà, bốn loại [chướng ngại] ấy đều do người học Phật học [đến nỗi] trở thành chấp trước. Đó là cái thường gọi là *"tiên nhập vi chủ, môn hộ chi kiến"* (điều gì được tiếp xúc đầu tiên bèn trở thành chánh yếu, tri kiến chấp trước môn hộ, tông phái). Quả thật, trong hết thảy các kinh Đại Thừa có cách nói như vậy: *"Tâm tức là Phật, Phật tức là tâm"*. Đã là *"tâm chính là Phật"*, ta niệm cái tâm của chính mình là được rồi, cần gì phải niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật? Chẳng cần niệm Phật. Trên thực tế, họ chẳng biết: Phật là tâm, niệm Phật là niệm tự tâm, niệm tự tâm là niệm A Di Đà Phật. Họ chẳng hiểu chân tướng sự thật này, nên nẩy sanh hiểu lầm.

***(Sao) Bất tri tức Phật thị tâm, bất phương niệm Phật cố. Lương diêu tức tâm thị Phật, khởi bất tức Phật thị tâm, đản chấp niệm tâm, bất hứa niệm Phật. Tắc tâm Phật thị nhị, Tức nghĩa bất thành.***

**(鈔)不知即佛是心，不妨念佛故。良繇即心是佛，豈不即佛是心，但執念心，不許念佛，則心佛是二，即義不成。**

*(**Sao**: Chẳng biết Phật chính là tâm, nên chẳng trở ngại niệm Phật. Ấy là vì tâm đã chính là Phật, há chẳng phải Phật chính là tâm ư? Chỉ chấp vào niệm tâm, chẳng chấp thuận niệm Phật. [Do sự chấp trước ấy] tâm và Phật là hai, nên cái nghĩa "tức" (tâm tức là Phật, Phật tức là tâm) chẳng thành).*

Ý nghĩa *"tức"* nói chẳng suông được!

***(Sao) Thị dĩ niệm Phật, niệm tâm, lưỡng bất ngại cố.***

**(鈔)是以念佛念心，兩不礙故。**

*(**Sao**: Do vậy, niệm Phật và niệm tâm, hai đằng chẳng trở ngại nhau).*

Không chỉ là chẳng trở ngại, chúng xác thực là cùng một chuyện. Tâm là Phật, Phật là tâm, niệm Phật là niệm tâm; niệm tâm thì mới thật sự niệm Phật. Nếu chư vị nghe nhiều hơn, rắc rối còn to hơn. Tâm chính là Phật, vậy thì tâm này có phải là Bồ Tát hay không? Tâm này có phải là Thanh Văn hay không? Tâm này có phải là tham, sân, si hay không? Đều là! Nói cách khác, hằng ngày ta tham thì cũng là niệm Phật, cũng là niệm tâm, chẳng sai tí nào! *"Hết thảy vạn pháp chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến"*, có pháp nào chẳng phải là tâm? Thảy đều là tâm. Đã đều là tâm, vì sao ta phải niệm Phật? Ta thích ăn thì hằng ngày nghĩ tới ăn không được sao? Ăn cũng là tâm biến hiện. Ta thích chưng diện quần áo, quần áo cũng do tâm biến, hằng ngày ta nghĩ tới quần áo cũng chẳng phải là niệm tâm đó sao? Nói theo Lý, chẳng sai tí nào! Nhưng chư vị phải hiểu, tâm có giác và mê. Nói theo giác hay mê: Thuần giác, rốt ráo giác, viên mãn giác là Phật. Niệm Phật là niệm tánh giác viên mãn của chính mình. Hằng ngày nghĩ tới cái ăn, cái mặc, nghĩ tới danh vọng, lợi dưỡng, nghĩ tới tham, sân, si, mạn, đó là cái tâm mê hoặc, điên đảo. Như vậy thì mới biết vì sao đức Phật dạy chúng ta niệm Phật, chẳng bảo chúng ta niệm từ Bồ Tát trở xuống. Chúng ta phải giác, phải đạt đến cứu cánh giác, phải là viên mãn giác, mong đạt đến mục tiêu ấy thì chỉ có niệm Phật. Trong hết thảy chư Phật, A Di Đà Phật là bậc nhất! Vì sao A Di Đà Phật là bậc nhất? Trong giảng đường, chúng tôi đã nói quá nhiều, ở đây, không cần rườm lời nữa, phải nhận thức rõ ràng điều này, sau đấy đọc kinh, hoặc nghe pháp sư đại đức khác giảng diễn, tín niệm của chính mình mới chẳng bị dao động. Lại xem loại thứ hai:

***(Sao) Nhị vị hà bất biến niệm chư Phật, nhi duy niệm nhất Phật?***

**(鈔)二謂何不遍念諸佛，而唯念一佛？**

*(**Sao**: Hai là nói "sao không niệm khắp chư Phật, chỉ niệm một vị Phật?")*

Phật quá nhiều. Trong kinh Vạn Phật Danh[23], Thích Ca Mâu Ni

[23] Kinh này có tên gọi đầy đủ Phật Thuyết Vạn Phật Danh Kinh, gồm mười hai quyển,

Phật đã nói ra danh hiệu của hơn một vạn hai ngàn vị Phật. Niệm Phật thì cớ sao chúng ta chẳng niệm một vạn vị Phật mà cứ phải niệm một vị Phật? Khá nhiều người lạy Vạn Phật Sám hoặc Thiên Phật Sám. Trong đầu họ cứ nghĩ: "Ta lạy nhiều vị Phật như thế, sẽ có sức [công đức lợi ích] mạnh hơn lạy một vị Phật". Đấy cũng là một chướng ngại.

***(Sao) Bất tri tâm chuyên chí nhất, nãi thành tam-muội cố.***

**(鈔)不知心專志一，乃成三昧故。**

*(**Sao**: Chẳng biết tâm chí chuyên nhất thì mới thành tựu tam-muội).*

Chúng ta niệm Phật nhằm mục đích nào? Mục đích chẳng phải là kết duyên cùng chư Phật. Nếu là để kết duyên cùng chư Phật, đương nhiên quý vị lạy Thiên Phật Sám, hoặc lạy Vạn Phật Sám được lắm, kết duyên cùng hết thảy chư Phật. Hiện thời, chúng ta niệm Phật nhằm mục đích mong đắc nhất tâm bất loạn, mong đắc Niệm Phật tam-muội. Nếu nói theo nhất tâm bất loạn hoặc Niệm Phật tam-muội, niệm một vị Phật sẽ dễ dàng đạt được, niệm nhiều vị Phật sẽ chẳng dễ gì đạt được!

***(Sao) Lương diêu chúng sanh trí thiển, phồn tắc bất thắng.***

**(鈔)良繇眾生智淺，繁則不勝。**

*(**Sao**: Ấy là vì chúng sanh trí cạn, rườm rà sẽ chẳng thể đảm đương).*

*"Thắng"* là *"thắng nhậm"* (勝任: đảm đương). Quá rườm rà, chúng ta chẳng có cách nào làm trọn, chẳng gánh vác được!

***(Sao) Cố dụng chí bất phân giả thần ngưng.***

**(鈔)故用志不分者神凝。**

*(**Sao**: Cho nên dụng tâm chẳng phân tán hòng tĩnh lặng tinh thần).*

---

do ngài Bồ Đề Lưu Chi dịch sang tiếng Hán dưới đời Nguyên Ngụy. Do trong kinh này nêu danh hiệu của một vạn một ngàn chín trăm lẻ ba vị Phật, Bồ Tát và Bích Chi Phật, nên thường gọi là kinh Vạn Phật. Đôi khi còn gọi là Vạn Phật Hồng Danh Bảo Sám vì trong kinh có một phẩm trần thuật lời sám hối.

*"Dụng chí"* (用志) là dụng tâm, cũng có nghĩa là người chuyên tâm sẽ có thể tập trung tinh thần, người ấy có thể dốc hết tinh thần. *"Thần ngưng"* (神凝) là tập trung tinh thần, nói theo Phật pháp thì là Định.

***(Sao) Dịch tâm đa kỳ giả, công táng.***
**(鈔)役心多岐者功喪。**
*(**Sao**: Tâm nhọc nhằn theo nhiều ngã rẽ, công sức mất sạch).*

*"Dịch"* (役) là nhọc nhằn. Bận tâm quá nhiều chuyện, công phu chẳng thể thành tựu, công phu bị mất đi. Quý vị niệm nhiều vị Phật, tâm niệm phân tán, chẳng dễ đắc Niệm Phật tam-muội. Quý vị niệm một vị Phật, niệm một bộ kinh, đắc Định dễ dàng, khai ngộ dễ dàng. Nếu quý vị niệm nhiều kinh, nhiều vị Phật, trong xã hội hiện thời, quý vị có thể trở thành một nhà Phật học, trở thành một học giả Phật giáo, thành tiến sĩ trong Phật môn, nhưng chẳng có mảy may nào liên quan tới Giới, Định, Huệ, phải biết điều này. Nói cách khác, quý vị có thể đạt được danh vọng và lợi dưỡng trong thế gian, chẳng có phần trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sau khi đã chết thì đáng luân hồi như thế nào, vẫn luân hồi như thế ấy, làm chuyện này! Đó chẳng gọi là học Phật, mà là Phật học. Phật học là pháp thế gian, học Phật là pháp vượt trỗi thế gian. Chư vị phải biết, học Phật chú trọng thâm nhập một môn. Ở đây, Sự và Lý đã được nói rõ ràng như vậy, nếu chúng ta vẫn chẳng thể thông hiểu, đúng là ngu si đến tột cùng. Vì sao không bảo chúng ta một mực học nhiều? Ở đây đã nói rất rõ ràng: Quý vị học nhiều, thử hỏi có phải nhọc lòng hay chăng? Có phải là tinh lực bị phân tán hay không? Chuyên học [một thứ] có phải là dễ dàng đắc Định hay không? Những chuyện này đã bày ra trước mặt rất rõ ràng! Tuyệt đối chẳng phải là các vị thầy, những bậc đại đức lừa gạt quý vị, sợ quý vị học nhiều, trong tương lai sẽ vượt trỗi họ. Đó là quan niệm và kiến giải sai lầm của chính quý vị, đúng là nghiệp chướng của chính mình.

Thiện tri thức thật sự, một vị thầy tốt thật sự, luôn hy vọng học trò vượt trỗi chính mình. Người làm cha mẹ hy vọng trong tương lai con cái có thành tựu vượt trỗi chính mình. Bản thân ta suốt một đời này rất vất vả, hy vọng con cái có thể sống rất hạnh phúc, đó là nỗi lòng của cha mẹ. Có kẻ làm cha mẹ nào [suy nghĩ] "ta rất khổ sở, trong tương lai con cái sẽ càng khổ hơn ta. Ta học Đại Học, trong tương lai chúng nó học Trung

Học là được rồi" hay không? Có người làm cha mẹ nào hy vọng con cái hoặc thế hệ sau mỗi đời một kém hơn đời trước hay không? Chẳng có. Ở Trung Hoa vào thời cổ, y phục do người làm quan mặc được gọi là *"chương phục"* (章服). Trên y phục thêu hoa văn. Hoa văn (花紋) được gọi là *"văn chương"* (文章). Văn (文) là *"văn thái"* (文采: màu sắc đẹp đẽ, rực rỡ), *"chương"* (章) là rõ rệt, hiển thị ý nghĩa biểu thị được bao hàm trong ấy. Mão họ đội được gọi là *"tấn hiền quan"* (進賢冠: mũ đề cao người hiền), gồm hai tầng, phía trước thấp, phía sau cao. Phần trước tượng trưng cho chính mình, phía sau biểu thị thế hệ kế tiếp, niệm niệm chẳng quên thế hệ sau phải cao hơn thế hệ chúng ta. Dụng ý hay lắm, tốt lành lắm!

Phương pháp giáo học ấy chính là kinh nghiệm tích lũy mấy ngàn năm, chuyên ròng! Tại Trung Hoa, Nho gia dùng phương pháp này; tại Ấn Độ, nhà Phật dùng phương pháp này. Hoài nghi, chẳng thể tin tưởng, chẳng thể tiếp nhận phương pháp này, đó là ngu si, là nghiệp chướng sâu nặng. Tôi còn nghe có người kể với tôi, họ nói những năm qua, tôi giảng kinh, thuyết pháp, dạy người khác phương pháp này, bên ngoài có rất nhiều kẻ phê bình, nói: "Lẽ nào có chuyện niệm một bộ kinh, niệm một câu A Di Đà Phật, đơn giản dường ấy mà có thể thành tựu ư? Chẳng tin được! Hãy nên biết: Phải học rộng, nghe nhiều, thâm nhập kinh tạng". Lời lẽ ấy dường như hết sức hữu lý; cứ làm thử xem, sẽ biết ngay! Học rộng nghe nhiều, thâm nhập kinh tạng, thời cổ thì có. Giở xem lịch sử, đọc truyện ký, [sẽ thấy] cổ nhân học tập như thế nào. Thoạt ban sơ, vẫn là thâm nhập một môn, đặc biệt là Thiền Tông. Thiền Tông nêu tiêu chuẩn *"ngộ hậu khởi tu"* (sau khi đã ngộ mới bắt đầu tu), khi nào sẽ thâm nhập kinh tạng? Sau khi đã đại triệt đại ngộ. Trước khi đạt đến đại triệt đại ngộ, quyết định chẳng cho phép quý vị xem kinh. Ngay như Giáo Hạ, trước khi đại khai viên giải, chỉ có thể tuân thủ lời dạy răn của thầy. Thầy dạy quý vị niệm một bộ, hoặc hai bộ, tuyệt đối chẳng thể dạy quý vị nghiên cứu hết thảy kinh điển, chẳng có lẽ ấy! Sau khi đã chuyên dốc công sức nơi một bộ, đã đại khai viên giải, khi ấy, thầy liền bỏ hết mọi ngăn cấm, mới cho quý vị thâm nhập kinh tạng, cho quý vị ra ngoài tham học. Tham học là đa văn, đọc nhiều, nghe nhiều.

Thật ra, kinh Hoa Nghiêm đã nêu bày một tấm gương cho chúng ta noi theo, tức là Thiện Tài đồng tử. Thiện Tài đồng tử trong hội của thầy mình, phẩm cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm là phẩm Nhập Pháp Giới, cũng chính là Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm. Trong phẩm ấy, có

hai hội Bổn và Mạt: Bổn hội (hội căn bản, hội gốc) là hội của Văn Thù Bồ Tát. Thiện Tài đồng tử cầu học trong hội của Văn Thù Bồ Tát, chính là thâm nhập một môn, cầu chuyên ròng. Từ nơi Văn Thù Bồ Tát mà đắc Định, đạt được tam-muội, trí huệ đã mở mang, đại triệt đại ngộ, đại khai viên giải. Khi ấy, Văn Thù Bồ Tát bảo Thiện Tài đi tham học, đấy mới là năm mươi ba lần tham học. Năm mươi ba lần tham học là học rộng nghe nhiều, là giai đoạn thứ hai. Nay chúng ta chẳng cần đến giai đoạn thứ nhất, bắt đầu ngay bằng giai đoạn thứ hai, chẳng hợp lý! Chẳng có lẽ này! Nghe người khác nói những lời lẽ đó, nói khá lắm, [thế nhưng] kẻ đó chỉ nói một nửa, nửa trước chẳng nhắc tới, chỉ nói nửa sau! Phải hiểu rõ chuyện này!

Nếu chúng ta đem Tứ Hoằng Thệ Nguyện phối hợp với năm mươi ba lần tham học để xem, bổn hội chính là *"phiền não vô tận thệ nguyện đoạn"*, năm mươi ba lần tham học thuộc mạt hội (hội cuối, hội đằng ngọn) chính là *"pháp môn vô lượng thệ nguyện học"*. Đến cuối cùng, Thiện Tài đồng tử gặp Phổ Hiền Bồ Tát [dùng] mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, chính là *"Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành"*. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới mới là thành tựu Phật đạo, Tứ Hoằng Thệ Nguyện mới viên mãn. Tứ Hoằng Thệ Nguyện là tổng cương lãnh của cả bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm, hoặc là [tổng cương lãnh] của phẩm Nhập Pháp Giới trong kinh [Bát Thập] Hoa Nghiêm. Bốn câu ấy được giảng giải tường tận nhất trong bộ kinh Hoa Nghiêm bốn mươi quyển (Tứ Thập Hoa Nghiêm).

***(Sao) Như Phổ Quảng đại sĩ vấn Phật, thập phương câu hữu Phật độ, hà dĩ độc tán Tây Phương?***

**(鈔)如普廣大士問佛，十方俱有佛土，何以獨讚西方？**

*(**Sao**: Như Phổ Quảng đại sĩ hỏi đức Phật: "Trong mười phương đều có các cõi Phật, cớ sao lại riêng xưng tán cõi Tây Phương?")*

Liên Trì đại sư trích dẫn một đoạn kinh văn để phá trừ nỗi nghi hoặc của chúng ta. Nói thật ra, lẽ nào pháp sư Phổ Quảng chẳng biết? Há bậc Đẳng Giác Bồ Tát chẳng biết! Đây là diễn tuồng, bọn phàm phu chúng ta không hiểu, Ngài hỏi thay cho chúng ta: "Mười phương đều có các cõi Phật. Vì sao đức Phật khăng khăng dạy chúng con niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật?".

***(Sao) Phật ngôn: "Diêm Phù Đề nhân, tâm đa tạp loạn, linh kỳ chuyên tâm nhất cảnh, nãi đắc vãng sanh".***

**(鈔)**佛言閻浮提人，心多雜亂，令其專心一境，乃得往生。

*(**Sao**: Đức Phật dạy: "Người trong cõi Diêm Phù Đề tâm lắm nỗi tạp loạn, [dạy như vậy] để khiến cho họ chuyên tâm nơi một cảnh bèn được vãng sanh").*

Đức Phật dạy rõ: Những điều được nói ở đây đều là chân tướng. Chúng ta là chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề, *"tâm nhiều tạp loạn"*, đã tạp lại còn loạn, đó là cái gốc bệnh của chúng ta. Gốc bệnh của lục đạo luân hồi sanh tử là do cái tâm quá tạp, quá loạn, Phật pháp nhằm trị chứng bệnh này. Đức Phật giảng tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, mỗi pháp môn đều là một liều thuốc để chữa bệnh. Trong các pháp môn nhiều ngần ấy, thù thắng nhất, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, đắc lực nhất, không chi hơn pháp môn Niệm Phật. Thường nói là *"trong vô lượng tam-muội, Niệm Phật tam-muội là vua của các tam-muội"*, đạo lý ở chỗ này!

Trong phần trước, tôi đã thưa cùng quý vị: Vì sao dạy chúng ta niệm Phật? Phật là giác tánh viên mãn rốt ráo, niệm Phật là niệm giác tánh viên mãn rốt ráo. Dạy chúng ta *"chuyên tâm một cảnh"*, duyên nơi một cảnh giới, buông xuống tất cả hết thảy tạp niệm, vọng niệm, như vậy thì sẽ có thể vãng sanh.

***(Sao) Dĩ chư Phật đồng nhất Pháp Tánh thân, niệm nhất Phật, tức niệm nhất thiết Phật cố.***

**(鈔)**以諸佛同一法性身，念一佛，即念一切佛故。

*(**Sao**: Do chư Phật có cùng một thân Pháp Tánh, niệm một vị Phật chính là niệm hết thảy Phật).*

Đức Phật dạy chúng ta: Vì sao trong hết thảy chư Phật, lại khuyên chúng ta niệm một vị Phật? Đạo lý này được nói rất rõ ràng! Tiếp đó, lại hỏi: Niệm một vị Phật thì tùy tiện niệm bất cứ vị Phật nào cũng đều có thể được chứ? Vì sao nhất định phải niệm A Di Đà Phật? Có những kẻ chẳng phục, ta niệm Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng giống như vậy hay sao? Chẳng lẽ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật còn thua A Di Đà Phật ư?

***(Sao) Tam vị Phật Phật khả niệm.***

**(鈔)**三謂佛佛可念。

*(**Sao**: Ba là nói "Phật nào cũng đều có thể niệm được").*

Đã là hết thảy Phật thì tùy tiện bất cứ vị Phật nào cũng đều có thể niệm.

***(Sao) Hà bất tùy niệm nhất Phật, nhi tất niệm A Di Đà Phật?***

**(鈔)**何不隨念一佛，而必念阿彌陀佛？

*(**Sao**: Sao chẳng tùy ý niệm một vị Phật, mà cứ ắt phải niệm A Di Đà Phật?)*

Nói thật ra, trong lời hỏi này, là đã có lỗi lầm. [Vì nếu] đức Phật bảo quý vị niệm Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, quý vị sẽ hỏi: "Cớ sao cứ phải niệm Thích Ca Mâu Ni Phật? Ta niệm đức Phật khác chẳng được hay sao?" [Do vậy], đây chẳng phải là một câu hỏi thích đáng! Nhưng ở đây, đức Phật giải thích: Niệm A Di Đà Phật xác thực là có nhân duyên đặc biệt.

***(Sao) Bất tri bỉ Phật dữ chư chúng sanh thiên hữu nhân duyên cố.***

**(鈔)**不知彼佛與諸眾生偏有因緣故。

*(**Sao**: Chẳng biết đức Phật ấy có nhân duyên đặc biệt với chúng sanh).*

A Di Đà Phật kết duyên với hết thảy chúng sanh, đặc biệt thù thắng so với các vị Phật khác, khác hẳn! Phật Di Đà do tâm đại từ, đại bi, thanh tịnh, bình đẳng giúp đỡ hết thảy chúng sanh trong pháp giới, dùng pháp bình đẳng để nhanh chóng viên thành Phật đạo. Duyên ấy đặc biệt thù thắng. Duyên nhìn từ chỗ nào? Nhìn từ bốn mươi tám nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ, nguyện nào cũng đều nhằm phổ độ chúng sanh. Hỏi: "Ta và A Di Đà Phật có duyên hay không?" Xem lại bốn mươi tám nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ, chẳng hề nói loại trừ kẻ nào đó. Đã chẳng nói loại trừ ta ra, đương nhiên ta cũng là một phần tử trong đó, tức là có duyên. Xác thực là A Di Đà Phật chẳng nói ngoại trừ một ai, thảy đều có duyên. Các vị Phật khác chẳng phát nguyện như vậy. Thích Ca Mâu Ni Phật phát nguyện độ chúng sanh trược ác trong thế giới Sa Bà,

Ngài chẳng phát nguyện độ chúng sanh trong các thế giới phương khác, chẳng giống như A Di Đà Phật phát nguyện phổ độ. Nếu chúng ta hỏi: Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật dùng phương pháp gì để độ chúng sanh trong đời trược ác? Chính là khuyên chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đó là phương pháp độ chúng sanh của Ngài. Chúng ta phải tin tưởng, tiếp nhận, thật thà niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, hòng thỏa mãn đại nguyện độ sanh của đức Bổn Sư. Nếu quý vị chẳng tin tưởng, khăng khăng chấp trước "Thích Ca Mâu Ni Phật ban cho ta ân đức rất lớn, hằng ngày niệm Thích Ca Mâu Ni Phật", cũng chẳng bằng lòng vãng sanh. Thích Ca Mâu Ni Phật thấy vậy cũng lắc đầu: "Nghiệp chướng sâu nặng, ngu si, ngoan cố, chẳng thể đắc độ!" Bởi lẽ, Phật Di Đà có duyên hết sức sâu xa với chúng ta.

***(Sao) Lương diêu bỉ Phật danh hiệu, nhân sở nhạo xưng, tựu linh ác nhân, hữu thời bất giác thất thanh niệm Phật. Nãi chí nhân phùng thiện sự, bất giác niệm Phật, hoan hỷ tán thán. Nhân phùng ác sự, cập dữ khổ nạn, bất giác niệm Phật, thương bi thống thiết. Cơ cảm nhân duyên, mạc hoặc sử chi nhi tự nhiên cố.***

**(鈔)**良繇彼佛名號，人所樂稱，就令惡人，有時不覺失聲念佛；乃至人逢善事，不覺念佛，歡喜讚歎；人逢惡事，及與苦難，不覺念佛，傷悲痛切，機感因緣，莫或使之而自然故。

*(**Sao**: Ấy là vì danh hiệu của đức Phật ấy, người ta thích xưng niệm, khiến cho kẻ ác có lúc bất giác thất thanh niệm Phật. Cho đến người ta gặp chuyện tốt lành, bất giác niệm Phật, hoan hỷ khen ngợi. Người gặp chuyện ác và khổ nạn, bất giác niệm Phật, bi thương, thống thiết. Do nhân duyên cơ cảm, chẳng ai bảo ban, mà khiến tự nhiên thành như vậy).*

Đối với danh hiệu Di Đà, vì đức Thế Tôn thuở tại thế đã nhiều lần tuyên thuyết, hoằng dương, người tu học pháp môn này đông đảo, gia tộc của Thích Ca Mâu Ni Phật đều niệm Phật. Sau khi truyền đến Trung Hoa, được Huệ Viễn đại sư đề xướng, pháp môn Niệm Phật đã trải qua thời gian lâu dài chẳng suy. Nay chúng ta nhìn vào Phật giáo trên thế giới hiện thời, pháp môn Niệm Phật có xu thế ngày càng hưng vượng, có thể thấy danh hiệu này có công đức chẳng thể nghĩ bàn, Phật Di Đà và

chúng ta có duyên phận chẳng thể nghĩ bàn. Dẫu là kẻ không học Phật, trong lúc bất tri bất giác, thỉnh thoảng miệng cũng niệm một câu A Di Đà Phật. Chúng ta thường thấy, thường nghe chuyện này. Không chỉ là người Hoa biết niệm, ngay cả người ngoại quốc cũng biết niệm A Di Đà Phật. Họ chẳng hiểu A Di Đà Phật có nghĩa là gì, nhưng biết niệm A Di Đà Phật. Phật có duyên sâu đậm với chúng ta.

***(Sao) Tứ vị hà bất niệm Phật công đức, trí huệ, tướng hảo, quang minh, nhi đản niệm danh hiệu?***

**(鈔)四謂何不念佛功德智慧相好光明，而但念名號？**

*(**Sao**: Bốn là nói "sao chẳng niệm công đức, trí huệ, tướng hảo, quang minh của Phật mà chỉ niệm danh hiệu?")*

Chúng ta niệm công đức, trí huệ, tướng hảo, quang minh của Phật, há chẳng phải là thù thắng hơn danh hiệu ư? Cách nói này thoạt nghe rất có lý, thật ra, chư vị phải hiểu: Đối với công đức, trí huệ, tướng hảo, quang minh, chúng ta phải hỏi, chúng có đều được bao gồm trong câu danh hiệu này hay không? Hoàn toàn đều bao gồm! Nói cách khác, quý vị niệm công đức thì chẳng bao gồm trí huệ, niệm trí huệ chẳng bao gồm tướng hảo, niệm tướng hảo chẳng bao gồm quang minh. Niệm danh hiệu thì thảy đều được bao gồm. Phải hiểu rõ ràng những sự thật này, sau đấy mới thật sự chẳng hoài nghi danh hiệu.

***(Sao) Bất tri trì danh, ư Mạt Pháp trung, tối đậu cơ cố, bất tư nghị cố.***

**(鈔)不知持名，於末法中最逗機故，不思議故。**

*(**Sao**: Chẳng biết trong thời Mạt Pháp, trì danh thích hợp căn cơ nhất, chẳng thể nghĩ bàn).*

*"Đậu cơ"* (逗機) là khế cơ. Trong thời Mạt Pháp, chấp trì danh hiệu khế cơ nhất.

***(Sao) Đậu cơ giả, Văn Thù Bát Nhã kinh vân: "Chúng sanh ngu độn, quán bất năng giải, đản linh niệm thanh tương tục, tự đắc vãng sanh".***

**(鈔)逗機者，文殊般若經云：眾生愚鈍，觀不能解，但令念聲相續，自得往生。**

*(**Sao**: Khế hợp căn cơ: Kinh Văn Thù Bát Nhã chép: "Chúng sanh ngu độn, chẳng thể hiểu cách quán, chỉ nên dạy họ niệm sao cho tiếng niệm liên tục, sẽ tự được vãng sanh").*

Đây là nói theo phía lợi ích chân thật. Quán tưởng là một phương pháp thường được sử dụng nhất trong Phật môn. Xưa kia rất hữu hiệu, hiện thời khó khăn. Vì sao trước kia hữu hiệu, nay chẳng có công hiệu? Người thuở trước thật thà và nồng hậu hơn người hiện thời. Do hình thái xã hội xưa kia khác hẳn hiện thời, họ chẳng có nhiều vọng tưởng và tạp niệm như người hiện thời, tâm địa thanh tịnh hơn, [cho nên] có thể sử dụng công phu quán chiếu. Người hiện thời hoàn cảnh tiếp xúc quá phức tạp, không chỉ là phức tạp gấp trăm ngàn lần quá khứ. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, suốt ngày từ sáng đến tối [hoàn cảnh bên ngoài] giúp quý vị suy nghĩ loạn xạ. Xem TV giúp quý vị suy nghĩ loạn xạ. Đọc báo giúp quý vị suy nghĩ loạn xạ. Quý vị tiếp xúc, chuyện gẫu với kẻ nào cũng là suy nghĩ loạn xạ. Chư vị hãy ngẫm xem, có đúng hay không? Tâm tạp loạn đến tột cùng; tuy phương pháp quán chiếu, quán tưởng rất hay, nhưng quán chẳng nổi!

Nghiên cứu, lý giải kinh giáo, lý giải cũng rất khó thành tựu. Vì sao? Tà tri tà kiến quá nhiều. Nghe người này giảng theo cách này, người kia giảng kiểu kia, xem sách này thấy viết như thế này, sách nọ viết như thế kia, chẳng biết sách nào đúng, sách nào sai! Đúng như kinh Lăng Nghiêm đã nói: *"Tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng"*. Chẳng có tiêu chuẩn, chẳng có gì để nương tựa, làm thế nào được nữa? Đó là chúng sanh ngu độn đến tột cùng! Ngu là thiếu trí huệ, chẳng có năng lực phân biệt tà chánh, chẳng có năng lực phân biệt đúng sai, thậm chí ngay cả lợi hại cũng chẳng có năng lực phân biệt.

Nếu quý vị có năng lực phân biệt lợi hại, làm sao bị thua thiệt, mắc lừa cho được? Làm sao có thể bị kẻ khác gạt gẫm cho được? Quý vị bị thua thiệt, mắc lừa, bị kẻ khác phỉnh phờ, nói cách khác, ngay cả lợi hại đều chẳng có năng lực phân biệt, quý vị nói xem có đáng thương lắm hay không? Nhưng chỉ cần người ấy có thể thật thà niệm Phật, sẽ còn có thể thành tựu. Đấy là *"niệm thanh tương tục"* (tiếng niệm liên tục), cũng là không xen tạp, không gián đoạn. Điều kiện tiên quyết để chẳng xen tạp, không gián đoạn là chẳng hoài nghi. Hoài nghi thì về căn bản là chẳng thể nào niệm được, người như vậy làm sao có thể vãng sanh cho được?

Chúng sanh trong thời kỳ Mạt Pháp do pháp môn này có thể đắc độ. Thật sự có thể đắc độ, quyết định nắm chắc đắc độ, ắt phải hờ hững đối với các duyên trong cõi đời, xem nhẹ chúng, chớ nên so đo quá lố! Lỗi lầm ấy rất lớn, thưa cùng chư vị, chẳng tổn hại ai khác, mà là tổn hại chính mình. Ngăn trở, quấy nhiễu người khác, tức là ngăn trở, quấy nhiễu những kẻ thiếu công phu. Người thật sự có công phu, quyết định chẳng thể ngăn trở, quấy nhiễu được! Nhưng mê mất tự tánh, tự mình tổn thất quá lớn, chẳng có cách nào bù đắp! Người thế gian thường nói: *"Hại người là hại chính mình"*. Nhưng ý nghĩa chân thật được bao hàm trong câu nói ấy chính là kẻ đó chẳng biết mức độ [chính mình] bị hại sâu đậm.

Nếu thật sự hiểu rõ, kẻ ấy tuyệt đối sẽ chẳng làm chuyện tổn hại người khác. Vì sao? Kẻ ấy biết: Người khác bị tổn hại đôi chút, còn chính mình bị tổn hại vô lượng vô biên, khiến cho chính mình mê mất tự tánh, phá hoại Tam Học Giới, Định, Huệ của chính mình. Lục Tổ đại sư nói rất hay: *"Nếu người thật tu đạo, chẳng thấy lỗi người khác"*. Cớ sao người ấy chẳng thấy lỗi kẻ khác? Tâm người ấy thanh tịnh. Mỗi ngày thấy lỗi người này, thấy lỗi kẻ kia, tâm người ấy chẳng thanh tịnh, sanh phiền não. Sanh phiền não, nói cách khác, nói theo phía người niệm Phật, công phu thành phiến đã bị phá hoại, chẳng có hy vọng vãng sanh Tịnh Độ, đã bị đoạn tuyệt, tổn thất quá to!

Mỗi người chúng ta đời đời kiếp kiếp gặp pháp môn này, đích xác là hiếm có khó gặp. Gặp cơ hội tốt đẹp dường ấy, [thế mà] hờ hững bỏ qua, đúng là ngu si đến tột cùng, tự mình hủy diệt chính mình. Lỗi lầm của kẻ khác ăn nhằm gì đến ta? Ta mong vãng sanh, họ mong làm chuyện thuộc lục đạo. Họ làm chuyện của họ, chúng ta chẳng đi cùng một đường, bận tâm đến người ta làm chi? Người chẳng quản chuyện của kẻ khác bèn thành tựu. Kẻ lo bao đồng chuyện của người khác, sẽ chẳng thể thành tựu. Xưa kia, Trụ Trì, Đương Gia, người quản chúng, hoặc Chấp Sự trong tự viện là Phật, Bồ Tát tái lai, chuyển thế, chính họ đã đắc độ, bèn giúp đỡ người khác. Chính mình chưa đắc độ, bèn làm thanh chúng (đại chúng thanh tịnh tu hành), tuyệt đối chẳng đảm nhiệm Chấp Sự, nghe theo sự cai quản của người khác, chính mình quyết định chẳng dám quản người khác. Vì sao? Tâm chẳng thanh tịnh. Phật, Bồ Tát đến cai quản đại chúng, thấy lỗi này, lỗi nọ, hằng ngày xử phạt, quở trách người khác, tâm các Ngài thanh tịnh, chẳng nhiễm, các Ngài có bản lãnh ấy.

Chúng ta không được, chúng ta thật sự dấy động tâm sân hận, có tham, sân, si. Hễ có tham, sân, si, sẽ là một lần quả báo trong tam đồ. Nay quý vị một lần động niệm tâm sân khuể, chính là tạo một cái nhân địa ngục. Động tâm sân khuể lần thứ hai liền tạo nhân địa ngục lần thứ hai. Động tâm tham một lần là động một cái nhân trong ngạ quỷ đạo. Từ sáng đến tối đã khởi bao nhiêu tham, sân, si, mạn? Sẽ biết mỗi ngày quý vị đã bao nhiêu lần tạo nghiệp trong tam ác đạo. Trong ngày hôm nay, có mấy phút, mấy giờ niệm Phật? Lại còn là dùng cái tâm thanh tịnh để niệm Phật, khi niệm Phật chẳng có một vọng niệm, đó gọi là tạo nhân tịnh nghiệp. So sánh hai chuyện ấy, sẽ biết chính mình có nắm chắc vãng sanh hay không? Nếu trong một ngày, thời gian ta dùng cái tâm thanh tịnh để niệm Phật ít ỏi, thời gian dấy động tham, sân, si nhiều. Nói cách khác, đời sau vẫn chẳng tránh khỏi ba ác đạo, chẳng có cách nào! Phật, Bồ Tát cũng chẳng thể nào cứu quý vị, tự làm tự chịu mà! Do đó, chính mình phải hiểu: Chúng ta là phàm phu nghiệp chướng sâu nặng, tự mình cứu chính mình còn chẳng kịp, há có thời gian để quản chuyện của người khác ư? Thật vậy! Đó là sự thật. Chúng ta có thể đề cao cảnh giác ở chỗ này, đó là khai ngộ. Người ấy đã giác ngộ, đã giác ngộ bèn quay đầu, quay đầu là bờ. Quay đầu chính là chuyên niệm A Di Đà Phật.

Thường trụ có khá nhiều công việc, trong gia đình cũng có nhiều chuyện vụn vặt, chi ly, chẳng thể không làm những chuyện thuộc về chức trách của chính mình. Phải dùng thái độ gì để làm? Xét theo Sự thì phải nghiêm túc làm, tâm địa phải thanh tịnh, từ bi, niệm niệm chẳng quên A Di Đà Phật, đó là đúng. Công việc có trở ngại tu hành hay chăng? Chẳng ngăn ngại! Cuộc sống và công việc chính là tu hành. Do vậy, pháp này được gọi là khế cơ, *"đậu cơ"* là khế cơ.

***(Sao) Bất tư nghị giả, như tiền sở minh Nhất Hạnh tam-muội, tắc bất đản đậu hồ độn cơ, thần dụng bất trắc cố.***

**(鈔)**不思議者，如前所明一行三昧，則不但逗乎鈍機，神用不測故。

*(**Sao**: "Chẳng thể nghĩ bàn": Như Nhất Hạnh tam-muội đã được nói trong phần trước không chỉ là khế hợp độn cơ, mà còn có tác dụng thần diệu chẳng thể lường).*

Chúng ta thuộc loại *"độn cơ"*, [nghĩa là căn cơ] ngu si, thô lỗ, chậm lụt, nhưng oai thần và đức dụng của pháp môn này chẳng thể nghĩ

bàn. Chúng ta có thể lý giải điều này thì quý vị có thể tập trung năng lực, tâm không có hai tác dụng.

***(Sao) Như Di Giáo kinh ngôn: "Tâm giả chế chi nhất xứ, vô sự bất biện".***

**(鈔)如遺教經言：心者制之一處，無事不辦。**

*(**Sao**: Như kinh Di Giáo có nói: "Tâm mà có thể chế ngự sao cho chuyên nhất một chỗ thì không chuyện gì chẳng thể thực hiện được").*

Đức Phật nói câu này trong kinh Di Giáo[24], nêu rõ tầm trọng yếu của việc tu Định. Tu Định là *"chế tâm nhất xứ"*, bất luận chuyện gì cũng đều có thể làm viên mãn, đều có thể thành tựu. Chỉ sợ tâm loạn. Hễ tâm đã loạn, chuyện gì cũng chẳng thể làm được; hễ làm, sẽ xuất hiện sai sót!

***(Sao) Kim chế tâm Phật hiệu, nhi chí nhất tâm, hà khả tư nghị.***

**(鈔)今制心佛號，而至一心，何可思議。**

*(**Sao**: Nay do chế tâm nơi Phật hiệu, bèn đạt đến nhất tâm, há có thể nghĩ bàn ư?)*

Chế tâm nhất xứ thì chỗ thù thắng nhất chính là A Di Đà Phật. Chúng ta chế tâm nơi Phật hiệu A Di Đà Phật, tuyệt diệu thay, có thể thực hiện đại sự bậc nhất là thành Phật viên mãn. Chế tâm nhất xứ, không chuyện gì chẳng làm được. *"Chế tâm Phật hiệu"* chẳng thể nghĩ bàn, quyết định thành Phật. Đời này, quý vị tu hành chứng quả, thoát tam giới, liễu sanh tử, thành Phật đạo, một câu [Phật hiệu] này đều giải quyết tất cả. Ngàn kinh vạn luận đều phải nói một câu này, mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai khuyên dạy chúng sanh trọn khắp cũng

---

[24] Bản kinh này còn gọi là Phật Thùy Niết Bàn Lược Thuyết Di Giáo Kinh (kinh đức Phật sắp nhập Niết Bàn nói đại lược di giáo), do ngài Cưu Ma La Thập dịch sang Hán văn. Đây là những lời dạy cuối cùng của đức Phật. Kinh văn khá ngắn, nhưng ý nghĩa rất hàm súc, nên có khá nhiều bản chú sớ. Nổi tiếng nhất là các bộ Phật Di Giáo Kinh Luận Sớ Tiết Yếu (trích yếu những đoạn chú giải kinh Di Giáo từ các bộ luận của Thiên Thân Bồ Tát, Trí Giả đại sư, Tịnh Nguyên và Liên Trì Châu Hoằng đại sư), Di Giáo Kinh Luận Trụ Pháp Ký (do ngài Nguyên Chiếu soạn vào đời Tống), Di Giáo Kinh Luận Ký (do ngài Quán Phục soạn vào đời Tống), Phật Di Giáo Kinh Bổ Chú (do ngài Thủ Toại chú giải, ngài Liễu Đồng chú thích thêm), Phật Di Giáo Kinh Giải (do Ngẫu Ích đại sư soạn), Di Giáo Kinh Chỉ Nam (do ngài Đạo Bái soạn vào đời Minh)…

là một câu này. Câu [Phật hiệu] này thật sự chẳng thể nghĩ bàn, đáng tiếc là chẳng có ai hiểu được.

Lão cư sĩ Hạ Liên Cư nói: *"Đức Phật nói khó tin, thật sự khó tin, trong ức vạn người chỉ có một, hai người biết"*. Trong ức vạn người [chỉ] có một hai người biết! Câu này bày ra trước mặt, [chỉ có] một hai người trong ức vạn người thật sự biết. Sau khi đã thật sự biết, từ nay trở đi, tâm của quý vị là Phật tâm, hạnh của quý vị là Phật hạnh, quý vị đã thành Phật, chẳng giả tí nào!

***(Sớ) Khắc niệm kỳ giả, nhất nhật chí thất nhật, thị sở khắc định chi kỳ yếu dã.***

**(疏)剋念期者，一日至七日，是所剋定之期要也。**

*(**Sớ**: "Ấn định kỳ hạn để niệm": Từ một ngày cho tới bảy ngày chính là ấn định thời hạn cần thiết).*

Đây là thời gian niệm Phật được ấn định trong kinh này, pháp môn này [tu tập trong] bao lâu bèn có thể thành công? Bảy ngày bèn có thể thành công! Hoặc một ngày cho đến bảy ngày, bảy ngày thật sự có thể thành công. Chỉ cần quý vị niệm đúng pháp, như trong phần trước đã nói, quý vị niệm nào cũng đều tương ứng, bảy ngày [thành tựu], tuyệt diệu thay! Chư vị phải biết: Nếu niệm chẳng tương ứng, càng niệm, vọng tưởng càng nhiều, càng niệm, phiền não càng nhiều, càng niệm, càng chẳng niệm được, đấy là nghiệp chướng sâu nặng, mà cũng là ma chướng.

*"Ma"* là vùi dập, chướng ngại quý vị chẳng thể dụng công niệm Phật, như vậy thì phải nghiêm túc sám trừ nghiệp chướng. Sám trừ nghiệp chướng như thế nào? Thứ nhất là phải biết lỗi lầm nơi khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, và tạo tác của chính mình. Nếu có thể phát hiện, cảm nhận, sau khi đã cảm nhận, phải thật sự triệt để sửa trừ, nghiệp chướng sẽ tiêu trừ. Phải nghiêm túc sửa lỗi, đổi mới, tiêu trừ chướng ngại; sau đấy, quý vị mới niệm câu Phật hiệu suông sẻ. Khi quý vị niệm, vọng tưởng sẽ ít đi, tâm cũng có thể định được. Đây là điểm then chốt hết sức trọng yếu trong việc thật sự dụng công, chính mình phải hiểu, chính mình phải biết dùng phương pháp nào để khắc phục, khiến cho công phu của chính mình có thể đắc lực. Tiếp đó, nói rõ vì sao phải là bảy ngày.

***(Sớ) Thế xuất thế gian, trọng kỳ sự giả, hằng dĩ thất cố, thất nhật xưng Phật, miễn địa ngục cố.***

**(疏)**世出世間，重其事者，恆以七故，七日稱佛，免地獄故。

*(**Sớ**: Đối với [các pháp] thế gian và xuất thế gian, hễ coi trọng chuyện gì, luôn dùng con số bảy. Bảy ngày xưng niệm danh hiệu Phật, khỏi đọa địa ngục).*

Nói rõ thế gian lẫn xuất thế gian đều rất coi trọng con số Bảy. Không chỉ là người Hoa coi trọng, hay người Ấn Độ coi trọng, mà người Âu Tây cũng coi trọng. Tại Trung Hoa, vào thời Thương - Châu có nói *"thất nhật lai phục", "lai phục"* (來復) là chu kỳ, [bảy ngày là] một chu kỳ. Vì thế, đức Phật cũng ấn định bảy ngày. *"Thất nhật xưng Phật"* là xưng niệm, [ở đây] *"xưng niệm"* là nhất tâm xưng niệm. Nhất tâm xưng niệm thánh hiệu của Phật, Bồ Tát, có thể tránh thoát nỗi khổ địa ngục. Nhưng chư vị đồng tu phải biết: Trong quá khứ, chúng ta tạo tác tội nghiệp rất nhiều, ta niệm Phật bảy ngày, kinh nói "có thể thoát khỏi nỗi khổ địa ngục" là lời chân thật, nhưng quý vị đừng nên hiểu lầm [rồi sanh vọng tưởng]: "Ta niệm Phật bảy ngày, chắc chắn chẳng bị đọa địa ngục. Sau đấy, lại tạo tội nghiệp, do ta đã từng niệm Phật bảy ngày [không sợ bị đọa địa ngục nữa]", chẳng được đâu nhé! Sau khi đã niệm Phật bảy ngày, sau đó, chẳng còn tạo nữa thì mới chẳng bị đọa địa ngục. Chứ sau khi đã niệm Phật bảy ngày, sau đấy lại tạo tội nghiệp, vẫn đọa vào địa ngục y hệt, chẳng sai! Đây là nói rõ công đức và lợi ích thù thắng do niệm Phật. Địa ngục là chỗ khổ sở nhất; [do niệm Phật mà] quả báo khổ nhất còn có thể tránh được, huống hồ những thứ khác? Những tội be bé đương nhiên là bị tiêu diệt, đấy là đạo lý nhất định. Có thể thấy công đức và lợi ích to lớn của niệm Phật.

***(Sớ) Hựu thất nhật chi kỳ, phục hữu nhị nghĩa, các phân lợi độn.***

**(疏)**又七日之期，復有二義，各分利鈍。

*(**Sớ**: Lại nữa, kỳ hạn bảy ngày lại có hai nghĩa, mỗi nghĩa đều chia thành lợi căn và độn căn).*

Sách Diễn Nghĩa có chú giải câu này:

***(Diễn) Phục hữu nhị nghĩa các phân lợi độn giả, nhất giả tùng tán nhập định nghĩa, nhị giả tùng định nhập tán nghĩa.***

**(演)**復有二義各分利鈍者，一者從散入定義，二者從定入散義。

*(**Diễn**: "Lại có hai nghĩa, mỗi nghĩa đều chia thành lợi căn và độn căn": Một là nghĩa từ tán nhập định; hai là nghĩa từ định nhập tán).*

*"Tùng tán nhập định"*: Bảy ngày, công phu ngày càng thù thắng hơn, thành tựu Niệm Phật tam-muội. *"Tùng định nhập tán"*: Sau khi đã được Niệm Phật tam-muội, dần dần lại lui sụt, mất đi.

***(Diễn) Tùng tán nhập định, tắc lợi giả nhật thiểu, độn giả nhật đa.***

**(演)**從散入定，則利者日少，鈍者日多。

*(**Diễn**: Từ tán nhập định thì người lợi căn ít ngày (tốn ít thời gian), kẻ độn căn nhiều ngày (phải tốn nhiều thời gian)).*

Nói theo căn tánh, kẻ lợi căn thì một hai ngày sẽ đắc Niệm Phật tam-muội. Nói cách khác, lợi căn và độn căn là gì? Chính là phiền não nhẹ hay nặng khác nhau, vọng tưởng nhiều hay ít khác nhau. Phiền não nặng, vọng niệm nhiều, phải niệm bảy ngày thì mới có thể đắc Niệm Phật tam-muội, tâm mới có thể thanh tịnh. Căn tánh bén nhạy, phiền não nhẹ nhàng, vọng niệm ít, một hoặc hai ngày sẽ đạt được. Sau khi đã được lại nỗ lực, cũng là trong một hai ngày bèn đắc công phu thành phiến, ba bốn ngày bèn có thể đắc Sự nhất tâm bất loạn, sáu bảy ngày sẽ có thể đắc Lý nhất tâm bất loạn. Đó là [nói theo] hạng lợi căn.

***(Diễn) Tùng định nhập tán, tắc lợi giả nhật đa, độn giả nhật thiểu.***

**(演)**從定入散，則利者日多，鈍者日少。

*(**Diễn**: Từ định mà trở thành tán loạn thì người lợi căn phải mất một thời gian dài, kẻ độn căn chẳng tốn nhiều thời gian).*

Đã đắc cái tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh ấy sẽ dần dần mất đi theo thời gian. Đối với người lợi căn, họ giữ được [cái tâm thanh tịnh] trong một thời gian lâu dài. Sau khi đã đạt được, có thể giữ suốt bảy

ngày chẳng tan mất, tâm chẳng tán loạn. Kẻ độn căn sau khi đạt được, sau một, hai ngày, tâm bèn tán loạn.

Chúng ta hãy nghĩ lại để thấy chính mình thuộc loại căn tánh nào? Trước kia, thầy Lý tổ chức Đại Chuyên Phật Học Giảng Tòa (khóa diễn giảng Phật pháp cho các sinh viên trường đại học và chuyên nghiệp) tại Đài Trung, sinh viên các trường đại học và chuyên nghiệp nghỉ hè bèn tham gia khóa giảng ấy, được huấn luyện trong bốn tuần, xác thực là có sự biểu hiện rất rõ rệt, cử chỉ, ăn nói đều có biến hóa, rất có tiến bộ. Khi kết thúc khóa học, thầy Lý đã hết sức cảm khái nói một câu: *"Trong khóa học này, chúng tôi đã tốn nhiều tâm tư ngần ấy, mời nhiều vị thầy như thế đến giảng giải Phật pháp cho chư vị, cùng nhau cộng tu, [kết quả] khá lắm, nhưng sau khi khóa học kết thúc, quý vị đến rạp chiếu bóng xem phim hai tiếng đồng hồ, sẽ khôi phục lại tình trạng y hệt như cũ! Bốn tuần [tu tập] của chúng ta chẳng thể chống lại hai tiếng đồng hồ trong rạp chiếu phim"*. Hiện thời, chẳng cần đến rạp chiếu phim, trong nhà mở TV hai tiếng đồng hồ là thôi rồi, quý vị nói thế nào được nữa đây! Thuở ấy, TV còn chưa phổ biến, Đài Loan vẫn chưa có TV màu, [chỉ là] TV đen trắng, những gia đình bình dân còn chưa có, thời chúng tôi còn chưa hề thấy TV. Quý vị bèn hiểu chúng ta thuộc loại căn tánh nào, chính mình nhất định phải răn dè điều này!

Đức Phật nói kỳ hạn bảy ngày, đối với người thuở trước thì hữu hiệu, chứ đối với người hiện thời chẳng hữu hiệu. Nói thật thà, người hiện thời, ngay cả đả liên tiếp bảy Phật Thất, chỉ sợ là một cuốn phim đã [đủ sức] đánh tan [mọi hiệu quả tu tập], còn làm sao được nữa! Sau đó, quý vị mới biết vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng dễ dàng! Thật sự quyết tâm cầu sanh Tây Phương, hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều phải bỏ sạch, không xem phim, không coi TV, không nghe radio, không đọc báo chí, tạp chí, không nói chuyện thị phi, ưu khuyết điểm, suốt ngày từ sáng đến tối trong mười hai thời thật thà niệm Phật, người như vậy mới có hy vọng vãng sanh. Xã hội này chỗ nào cũng thông tới ba ác đạo, là bẫy rập của địa ngục A Tỳ, một bước chẳng cẩn thận sẽ sụp bẫy, chẳng thể không biết điều này! Hôm nay, tôi giảng tới đây!

## *Tập 226*

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm bốn mươi ba:

***(Sớ) Hựu đa tắc Đại Bổn thập nhật, Thanh Vương thập nhật, Đại Tập thất thất nhật, Bát Châu cửu thập nhật đẳng; thiểu tắc Đại Bổn nhất nhật, Quán Kinh thập niệm đẳng. Ngôn nhật giả, dĩ kinh thiên đạo hối minh chi nhất châu cố.***

**(疏)又多則大本十日，聲王十日，大集七七日，般舟九十日等；少則大本一日，觀經十念等。言日者，以經天道晦明之一周故。**

*(**Sớ**: Lại nữa, nhiều thì như kinh Đại Bổn nói mười ngày, kinh Cổ Âm Thanh Vương nói mười ngày, kinh Đại Tập nói bốn mươi chín ngày, kinh Bát Châu nói chín mươi ngày v.v… Ít thì như kinh Đại Bổn nói một ngày, Quán Kinh nói mười niệm v.v… Nói "ngày" là nói đã tròn một chu kỳ trời tối rồi sáng vậy).*

Vẫn là nói về chuyện ấn định kỳ hạn để niệm Phật, nói "bảy ngày" chủ yếu là kinh A Di Đà, ấn định kỳ hạn từ một ngày cho đến bảy ngày. Nhiều thì như kinh Vô Lượng Thọ nói mười ngày, kinh Đại Tập nói bốn mươi chín ngày, [tức là] dự liên tiếp bảy Phật Thất, kinh Bát Châu Tam Muội dạy chuyên tu pháp môn Niệm Phật, lấy chín mươi ngày làm kỳ hạn. Do vậy có thể biết: Đối với thời gian dài hay ngắn, trong kinh, đức Phật trọn chẳng nói nhất trí. Vì sao? Chư vị phải hiểu, đức Phật giảng kinh khế cơ, khế lý, một pháp hội nào đó có thính chúng [riêng biệt] của pháp hội ấy. Thính chúng khác nhau, cũng có nghĩa là thiện căn và tập khí của thính chúng chẳng giống nhau. Có những người thiện căn sâu dầy, căn tánh nhạy bén, đức Phật nói kỳ hạn ít hơn. [Thính chúng] căn tánh chậm lụt, nghiệp chướng sâu nặng, đức Phật sẽ nói kỳ hạn dài hơn. Tôi nghĩ nếu đức Phật Thích Ca xuất hiện trước mặt chúng ta trong hiện thời, nhất định sẽ chẳng thể nói [kỳ hạn] bảy ngày! Chắc chắn là "bảy ngày" chúng ta chẳng làm được! Bốn mươi chín ngày cũng chẳng làm được. Chỉ sợ phải nói "bảy năm", từ ba năm cho đến bảy năm chắc là cũng có thể thành tựu.

Căn tánh của chúng ta trong hiện thời kém xa cổ nhân, tâm địa tạp loạn, tâm cổ nhân xác thực là thanh tịnh. Tạp loạn là cội nguồn của khổ báo, tâm địa thanh tịnh là nguyên do của lạc báo. Đại Bổn và Quán Kinh nói "ít" thì là một ngày, Quán Kinh nói ít hơn nữa, *"mười niệm"*. Câu kế tiếp rất trọng yếu, bất luận là một ngày, bảy ngày, hay mười ngày, hễ nói tới *"ngày"* đều là nói một ngày đêm, *"hối minh chi nhất châu"* (một chu kỳ tối rồi sáng), hai mươi bốn giờ được coi là một ngày. Do vậy có thể

biết: Niệm Phật mà nếu là ban ngày niệm, tối nghỉ ngơi thì đó là niệm nửa ngày, chẳng phải là một ngày.

***(Sao) Kỳ yếu giả, nhược cứ Như Lai đắc Bồ Đề, thật bất hệ ư nhật, tắc phi nhật, phi kiếp, yên hữu thất nhật?***

**(鈔)**期要者，若據如來得菩提，實不係於日，則非日非劫，焉有七日。

*(**Sao**: "Kỳ hạn": Nếu xét theo phương diện đức Như Lai đắc quả Bồ Đề, thật sự chẳng hạn cuộc nơi ngày giờ, chẳng thể nói đến ngày hay kiếp, há có bảy ngày ư?)*

Đây là nói theo Lý.

***(Sao) Nhược cứ Bồ Tát tu hành, động kinh trần kiếp, tắc vô cùng vô tận, hà chỉ thất nhật?***

**(鈔)**若據菩薩修行，動經塵劫，則無窮無盡，何止七日。

*(**Sao**: Nếu xét theo sự tu hành của Bồ Tát, trải qua số kiếp nhiều như vi trần, nên [thời gian tu tập] vô cùng vô tận, há chỉ là bảy ngày?)*

Nói theo phương diện tu hành nơi mặt Sự của hàng Bồ Tát, phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, hoặc vô lượng kiếp, bảy ngày làm sao có thể thành tựu cho được? Đây là một đằng nói theo Sự, một đằng nói theo Lý.

***(Diễn) Như Lai đắc Bồ Đề, thật bất hệ ư nhật, dĩ nhật giả thời dã, y sắc tâm phận vị giả lập, vô hữu tự thể cố. Bách pháp trung thời, vi nhị thập tứ bất tương ứng hành nhiếp. Kim Như Lai đắc Bồ Đề, tọa đoạn tam tế, hà hữu ư thời? Thời giả, giai chúng sanh vọng tưởng phân biệt dã!***

**(演)**如來得菩提，實不係於日，以日者時也，依色心分位假立，無有自體故，百法中時，為二十四不相應行攝。今如來得菩提，坐斷三際何有於時，時者皆眾生妄想分別也。

*(**Diễn**: "Như Lai đắc quả Bồ Đề, thật sự chẳng hạn cuộc nơi ngày giờ": Do "ngày" là thời, nương theo sự phân biệt giữa sắc pháp và tâm*

*pháp mà giả lập, chẳng có tự thể. Trong Bách Pháp, Thời thuộc vào hai mươi bốn món Bất Tương Ứng Hành pháp. Nay Như Lai đắc Bồ Đề, dứt sạch ba thời, há có thời ư? [Sở dĩ có] "Thời" đều là do chúng sanh vọng tưởng, phân biệt).*

Thời gian và không gian đều chẳng phải là chân thật, chẳng có thực thể để có thể đạt được! Trong Bách Pháp, Thời và Không (thời gian và không gian) thuộc về Bất Tương Ứng Hành Pháp. Nói theo cách hiện thời, chúng thuộc loại khái niệm trừu tượng, tuyệt đối chẳng phải là sự thật. Phật pháp nói hết thảy các pháp, tâm pháp thuộc về phương diện tinh thần, sắc pháp thuộc phương tiện vật chất. Bất Tương Ứng Hành Pháp chẳng phải là tâm pháp, mà cũng chẳng phải là sắc pháp, thậm chí cũng chẳng phải là Tâm Sở Hữu Pháp (các pháp thuộc về tác dụng tâm lý), chúng từ Tâm, Tâm Sở, và Sắc pháp mà giả lập, chẳng phải là sự thật. Vì vậy, chúng ta phải hiểu rõ những điều này, chớ nên chấp trước. Hễ chấp trước, sẽ biến thành vọng tưởng. Đối với thời kiếp, nói thật ra, chính là một thứ cảm nhận sai lầm nẩy sanh từ quan niệm của mỗi cá nhân. Có người cảm thấy thời gian trôi qua rất nhanh, có người cảm thấy thời gian trôi qua quá chậm, mỗi người cảm nhận khác nhau. Trong kinh thường nói *"niệm kiếp viên dung"* (một niệm và một kiếp viên dung), biến một niệm hoặc một sát-na thành vô lượng kiếp; khi ấy, thời gian bèn quá chậm! Vô lượng kiếp cô đọng thành một sát-na, thời gian trôi qua rất nhanh! Mỗi cá nhân cảm nhận khác nhau, huống hồ lục đạo chúng sanh? Huống hồ chúng sanh trong mười pháp giới? Đời Tống, Tần Cối hại chết Nhạc Phi, đọa vào địa ngục A Tỳ, nghe nói hiện thời hắn đã biến thành lợn, từng bị người ta giết. Khi giết, lột da, thấy trên thân lợn viết "thân đời thứ bảy của Tần Cối", [tức là] hắn đã bảy lần làm lợn. Địa ngục A Tỳ là vô lượng kiếp, cớ sao hắn thoát ra làm lợn? Hắn đọa vào địa ngục, cảm nhận [thời gian trong ấy] là vô lượng kiếp, đó gọi là *"sống một ngày bằng cả năm"*, sống một năm mà như đã sống mấy trăm năm. Hắn cảm nhận như vậy, quyết chẳng phải là dùng ngày tháng năm trong thế gian để tính toán. Do vậy, đức Phật nói lời thật cùng chúng ta: Thời gian chẳng phải là pháp cố định.

***(Diễn) Kinh vân: "Nhất niệm phổ quán vô lượng kiếp, vô khứ, vô lai, diệc vô trụ, như thị liễu tri tam thế Phật, siêu chư phương tiện thành Thập Lực".***

**(演)經云：一念普觀無量劫，無去無來亦無住，如是了知三世佛，超諸方便成十力。**

*(**Diễn**: Kinh dạy: "Một niệm quán khắp vô lượng kiếp, chẳng đến, chẳng đi, mà cũng chẳng trụ. Biết rõ tam thế Phật là như thế, vượt trỗi các phương tiện thành Thập Lực").*

Đây là nói rõ chân tướng cùng chúng ta. Chân tướng là như thế đó, vì sao đức Phật phải nêu ra một kỳ hạn?

***(Sao) Kim lập kỳ yếu giả, dĩ Mạt Pháp chúng sanh tu chư công đức, tinh tấn hằng nan, phế thi hằng dị, ưng tu khắc hạn, nãi phát thắng tâm dã.***

**(鈔)今立期要者，以末法眾生修諸功德，精進恆難，廢弛恆易，應須剋限，乃發勝心也。**

*(**Sao**: Nay lập kỳ hạn là do chúng sanh đời Mạt Pháp tu các công đức, luôn khó tinh tấn, luôn dễ dàng buông bỏ, lơi là, [cho nên] cần phải ấn định kỳ hạn hòng phát tâm thù thắng).*

Vì sao ấn định một kỳ hạn cho chúng ta? Sợ chúng ta giải đãi! Hy vọng chúng ta sẽ có thành tích trong kỳ hạn do lão nhân gia quy định, nhằm [thúc đẩy chúng ta] tinh tấn, tránh khỏi giải đãi, dụng ý ở chỗ này. Vì thế, Ngài hạn định một ngày, bảy ngày, mười ngày, hoặc là ba tháng, ba năm, năm năm. Các tổ sư Trung Hoa ấn định [kỳ hạn] năm năm cho hàng sơ học, [thường nói là] *"năm năm học giới"*, mong mỏi trong năm năm ấy [các đệ tử] sẽ hoàn thành cơ sở dự bị cho việc tu học. Đây vẫn chưa phải là học Phật, mà là cơ sở dự bị cho việc học Phật, kiến lập trong năm năm, nhấn mạnh thân tâm thanh tịnh. Người thuộc thế hệ hiện thời tu học khó khăn là do thiếu cơ sở này.

Nói thật ra, pháp thế gian và xuất thế gian đều phải kiến lập trên cơ sở tâm thanh tịnh, vì sao? Chỉ có tâm thanh tịnh thì mới có ngộ xứ, mới có thể ngộ nhập. Trước kia, đối với chuyện học hành, Nho gia nói đến chữ *"ngộ"*, Phật pháp càng coi trọng *"ngộ nhập"*. Tâm địa tạp loạn, quyết định chẳng thể ngộ nhập. Nếu quý vị muốn ngộ nhập, phải buông tất cả hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống. Phật pháp cũng là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, ngay cả Phật pháp cũng phải buông xuống.

Bảo quý vị niệm một bộ kinh, niệm một bài chú, mục đích chỉ nhằm dùng một niệm để ngăn dứt hết thảy vọng niệm, dùng phương cách này, hy vọng quý vị khôi phục tâm địa thanh tịnh. Khi nào tâm đã thanh tịnh, có thể tiếp nhận Phật pháp, lúc đó mới học rộng nghe nhiều, mới có năng lực nghe kinh, tham Thiền. Chẳng có đủ cơ sở này, vô dụng! Cổ nhân dùng phương pháp này, trong mấy ngàn năm qua, người thành tựu chẳng thể kể xiết; nay chúng ta vứt bỏ phương pháp này, thế hệ này không chỉ chẳng có ai khai ngộ, [mà còn như] lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã nói *"ngay cả người tu hành cũng chẳng có"*. Chẳng có người tu hành; nói cách khác, chẳng được chư Phật, Bồ Tát hộ niệm gia trì, chẳng có chỗ nào để tu hành. Do vậy, yêu ma quỷ quái hoành hành, làm thế nào được nữa? Người ở nơi ấy lẽ nào chẳng gặp tai nạn? Lẽ nào chẳng bị khổ sở? Chúng ta nhất định phải giác ngộ điều này. Hiện thời, bất luận là kẻ nào, khoe mình là Phật chi đó hay Bồ Tát chi đó tái lai, nếu chẳng tương ứng với giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, chúng ta thảy đều chẳng tiếp nhận, quyết định chẳng thâu nạp. Cổ thánh tiên hiền dạy chúng ta *"thâm nhập một môn"*. Sau khi đã tiến nhập thì mới học rộng nghe nhiều, nhất định phải biết thứ tự theo chiều thuận này.

Một bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm nhằm giảng giải cặn kẽ Tứ Hoằng Thệ Nguyện. *"Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành"*. Trong Tứ Thập Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tham phỏng Văn Thù Bồ Tát, phát Bồ Đề tâm, học Bồ Tát đạo, đó là *"chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"*. Ngài phát ra đại nguyện ấy, thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh. Ngài tu học như thế nào? Trong hội Văn Thù, hội này được gọi là *"bổn hội"* (hội gốc, hội căn bản). Từ đầu đến cuối, Tứ Thập Hoa Nghiêm chia thành hai hội bổn và mạt, bổn hội là tiếp nhận sự huấn luyện về cơ sở Phật pháp, nhằm đoạn phiền não: *"Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn"*. Đã đoạn Kiến Tư phiền não, đã đoạn Trần Sa phiền não, phá một phẩm vô minh, lúc ấy thầy mới thả lỏng, cho Ngài đi tham học. Tham học là *"mạt hội"* (hội cuối, hội đằng ngọn), chính là năm mươi ba lần tham học. Tham học năm mươi ba lần nói lên điều gì? *"Pháp môn vô lượng thệ nguyện học"*. Lần tham học cuối cùng gặp Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát *"mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc"*, đó chính là đạt đến nguyện thứ tư *"Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành"*. Một bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm há chẳng phải là nói về Tứ Hoằng Thệ Nguyện ư? Tứ Hoằng Thệ Nguyện chính là

trình tự học Phật tu hành do đức Phật dạy cho chúng ta.

Theo sự truyền thừa từ đời này sang đời khác của các tổ sư Trung Hoa, [để nhập môn bắt buộc phải là] năm năm học giới, chú trọng đoạn phiền não, tập khí, thành tựu pháp khí của chính mình. Sau năm năm, thân tâm đã thật sự thanh tịnh, chẳng bị cảnh giới lay động, Phật môn chúng ta thường nói là *"tám gió thổi chẳng động"*, khi ấy, mới có tư cách đi tham học, tuyệt đối chẳng bị cảnh giới lay động. Nghe người khác nói vẫn bị động tâm, [tức là] chẳng đủ tư cách để tham học! Nhất định phải đạt đến mức như như bất động thì mới có tư cách tham học. Cổ đức ấn định kỳ hạn năm năm. Tham học rốt cuộc là đến khi nào thì mới có thể khai ngộ? [Tùy thuộc] mỗi cá nhân không nhất định, vì thiện căn của mỗi người khác nhau, những hạnh tu tập trong đời đời kiếp kiếp quá khứ khác nhau, phước đức chẳng giống nhau, duyên phận khác biệt nhau!

Trong pháp môn Tịnh Tông, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới có ba bậc chín phẩm. Trong Tứ Thiếp Sớ, Thiện Đạo đại sư đã nói: *"Do gặp duyên khác nhau"*. Ngài nói hay quá! Câu ấy mới thật sự phù hợp bổn hoài của Phật Di Đà và đức Thế Tôn. Vì Phật Di Đà và đức Thế Tôn dùng pháp bình đẳng để bình đẳng phổ độ hết thảy chúng sanh. Nếu người này thiện căn trong đời quá khứ sâu dầy, sẽ thượng phẩm thượng sanh. Kẻ kia thiện căn kém hơn, sẽ là hạ phẩm hạ sanh, vẫn là bất bình đẳng. Lão nhân gia nói *"chín phẩm vãng sanh do gặp duyên bất đồng"*, người thiện căn mỏng mà gặp duyên tốt đẹp, gặp duyên thù thắng bèn thượng phẩm thượng sanh. Người thiện căn dầy nhưng suốt cả một đời chẳng gặp duyên thù thắng, phẩm vị vãng sanh thấp hơn! Duyên là gì? Duyên là Tín Nguyện Hạnh. Quý vị gặp thiện tri thức, gặp gỡ đồng tham đạo hữu, giúp quý vị kiến lập tín tâm kiên định; đó là duyên thù thắng. Nếu gặp duyên [tức là gặp thiện hữu] chỉ khuyên quý vị niệm Phật, nhưng vì sao niệm Phật vẫn chưa hiểu rõ, chính mình nửa tin nửa ngờ, thiện tri thức cũng chẳng nói rõ ràng, [tức là] gặp duyên kém cỏi hơn, quý vị cũng chẳng rất nghiêm túc niệm Phật. Như vậy thì đương nhiên là phẩm vị vãng sanh phải thấp hơn! Gặp duyên bất đồng thì mới thật sự phù hợp tông chỉ *"bình đẳng độ sanh"*. Nói thật ra, không chỉ là một đời này, mà là nhiều đời! Nay chúng ta gặp duyên thù thắng khôn sánh, Liên Trì, Ngẫu Ích, lão cư sĩ Hạ Liên Cư, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã giới thiệu Đại Bổn và Tiểu Bổn cặn kẽ dường ấy, duyên này đích xác là hiếm có, khó gặp. Nếu trong một đời này, chúng ta chẳng thể thượng phẩm

thượng sanh vãng sanh, rất oan uổng!

Ngày hôm qua, tôi nghe pháp sư Diễn Bồi giảng diễn, Ngài thấy những người trẻ tuổi luôn miệng đề cao *"nhân gian Phật giáo"*. Chư vị đồng tu hãy suy nghĩ kỹ lưỡng, nay chúng ta niệm Phật rốt cuộc là nhân gian Phật giáo hay là thiên thượng Phật giáo? Đối với Tịnh Nghiệp Tam Phước như đức Thế Tôn đã khẩn thiết răn bảo trong Quán Kinh, [chúng ta] ắt phải tuân thủ, quý vị nói xem đó là Phật giáo loại nào vậy? Hiếu thảo với cha mẹ, tôn trọng thầy, tâm từ bi, tu Thập Thiện Nghiệp; đó là nhân thiên Phật giáo. Chẳng làm được bốn điều ấy, chẳng có tư cách thọ Tam Quy, vì Tam Quy Ngũ Giới được kiến lập trên cơ sở nói trên. Nay chúng ta thọ Tam Quy, có khảo hạch xem quý vị đủ tư cách thọ Tam Quy hay không? Hồ đồ mờ mịt mà thọ. Đó gọi là *"nhân tình Phật sự"* (làm Phật sự theo kiểu tình cảm cá nhân), chẳng biết kẻ ấy có đủ tư cách hay không! Kẻ đó có phải là thật sự hiếu thuận cha mẹ, tôn sư, trọng đạo, tu Thập Thiện Nghiệp hay không? Nếu dựa theo tiêu chuẩn ấy, nói thật thà, chúng ta có tư cách để thọ Tam Quy hay không đều trở thành vấn đề! Lại quay về xem kinh Vô Lượng Thọ, nửa phần sau kinh Vô Lượng Thọ hoàn toàn dạy chúng ta sống như thế nào, xử sự, đãi người, tiếp vật như thế nào! Đấy chính là nhân gian Phật giáo thật sự, chẳng phải là nói lời giả dối.

Nhân, thiên, Nhị Thừa, Bồ Tát, Phật là một! Chẳng thể tách ra. Chúng ta đoạn Kiến Tư phiền não, bèn thay đổi danh xưng, gọi quý vị là A La Hán, chứ người ấy chẳng thay đổi. Ví như quý vị học hành, học đến khi tốt nghiệp Đại Học, người ta gọi quý vị là "phần tử trí thức". Quý vị giành được học vị Tiến Sĩ, từ nay trở đi, người ta gọi quý vị là Tiến Sĩ. Quý vị có thay đổi diện mạo hay chăng? Vẫn là dáng vẻ ấy, thay đổi danh xưng mà thôi. Quý vị triệt để giác ngộ vũ trụ và nhân sinh, bèn ban cho quý vị một tước hiệu, gọi quý vị là Phật. Do vậy, giới tuyến của Ngũ Thừa Phật pháp ở chỗ nào? Quý vị hãy tìm xem: Giới tuyến ở chỗ nào? Quý vị có thể tìm ra giới tuyến hay không? Tìm ra giới tuyến thì mới có sự khu biệt; tìm chẳng ra giới tuyến, nguyên lai là một Thể.

Kinh Lăng Nghiêm nói *"lìa hết thảy tướng chính là hết thảy các pháp"*. Tôi lại phải hỏi một câu, *"trụ hết thảy tướng"* thì câu kế đó sẽ như thế nào? Các vị có hiểu hay không? Vẫn là hết thảy các pháp! Ví như khi quý vị chưa đạt được học vị Tiến Sĩ, quý vị là chính mình, nhưng sau khi đã đạt học vị Tiến Sĩ, vẫn là quý vị, có khác gì chăng? Lìa hết thảy các pháp là giác; trụ hết thảy các pháp là mê. Giác là người ấy,

mê vẫn là người ấy, có gì khác nhau? Do vậy, thưa cùng quý vị, mê và ngộ chẳng hai, cùng là một người. Ly và Tức đồng thời, Ly là như thế, mà Tức cũng là như thế. Chư Phật, Bồ Tát sống cùng một chỗ với chúng ta, cũng phải mặc áo, ăn cơm, cuộc sống hằng ngày chẳng khác biệt. Giác là Phật, mê là phàm phu. Người giác ngộ lìa hết thảy tướng, trong tâm chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Người mê trong tâm có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, khác nhau ở chỗ này. *"Khắc kỳ"* (剋期) là ấn định một kỳ hạn, dụng ý thật sự là ngăn ngừa chúng ta giải đãi. Tiếp theo đây, sẽ giải thích người thế gian coi trọng con số bảy [là như thế nào].

***(Sao) Thất vi thế trọng giả, như lễ sám viết thất dạ, trì chú viết thất biến, thử kinh lan võng hàng thụ viết thất trùng, nãi chí quốc gia tự tổ viết thất miếu, giáo dân viết thất niên, kiệt thành viết thất nhật trai giới chi loại, thị dã.***

**(鈔)七為世重者，如禮懺曰七夜，持咒曰七遍，此經欄網行樹曰七重，乃至國家祀祖曰七廟，教民曰七年，竭誠曰七日齋戒之類，是也。**

*(**Sao**: "Con số bảy được thế gian coi trọng": Như lễ sám bèn nói là bảy đêm, trì chú bèn nói bảy lần, kinh này đối với lan can, lưới mành, hàng cây bèn nói là bảy tầng, cho đến miếu thờ tổ tiên của quốc gia (miếu thờ tổ tiên của hoàng đế) được gọi là "thất miếu"[25], dạy dân bèn nói là bảy năm[26], dốc hết lòng thành bèn nói là bảy ngày trai giới v.v..., là như thế đó).*

Người thế gian có thói quen coi trọng số bảy, nên trong kinh đức Phật hay dùng con số này. Nếu người thế gian coi trọng số tám, đức Phật liền nói tám, Phật chẳng có pháp nhất định để có thể nói. Các vị coi

---

[25] *"Thất miếu"* là tuân theo quy định của Lễ Ký, mang ý nghĩa tôn thờ bảy đời tổ tiên của hoàng đế. Miếu thờ tổ tiên của nhà vua bao gồm bảy ngôi điện thờ, ngôi chính giữa gọi là Thái Miếu (太廟: thờ tổ phụ, vua khai sáng vương triều và các đời vua nối tiếp), ba miếu thờ bên trái gọi là Tam Chiêu (三昭), ba miếu thờ bên phải gọi là Tam Mục (三穆). Chiêu miếu và Mục miếu dành để thờ các vị chú bác, anh em bên nội của nhà vua.

[26] Đây là nói theo ý nghĩa của một câu trong thiên Tử Lộ của sách Luận Ngữ: *"Thiện nhân giáo dân thất niên, diệc khả tức nhung hỹ"* (Người tốt lành dạy dân suốt bảy năm, cũng có thể chấm dứt binh đao).

trọng điều này, ta bèn nói tới điều này, khiến cho quý vị chú ý. Người Hoa coi chuyện bị khinh nhục rất nặng, *"sĩ khả sát, bất khả nhục"* (kẻ sĩ có thể giết, chứ không thể làm nhục). Được rồi! Tổ sư dịch kinh bèn dịch chữ "nhẫn nại" thành "nhẫn nhục". Vì người Hoa rất coi trọng sự nhục nhã, cho là chẳng thể chịu đựng. Chẳng thể chịu đựng thì vẫn phải nhẫn, [những thứ] có thể nhẫn càng chẳng cần phải nói tới! Có ý nghĩa như thế đó! Đức Phật thuyết pháp khế cơ, khế lý, đức Phật thuyết pháp chẳng lìa Nhị Đế. Nhị Đế là Chân Đế và Tục Đế. Chân Đế là kiến giải của Như Lai, Tục Đế là kiến giải của lũ phàm phu chúng ta. Nói chung, chẳng lìa hai nguyên lý ấy để nói hết thảy các pháp cho mọi người.

***(Sao) Miễn địa ngục giả.***

**(鈔)免地獄者。**

*(**Sao**: Thoát khỏi địa ngục).*

Chú giải lời Sớ *"thất nhật xưng Phật, miễn địa ngục khổ"* (bảy ngày xưng niệm danh hiệu Phật, thoát khỏi nỗi khổ trong địa ngục).

***(Sao) Kinh Luật Dị Tướng vân: "Hữu vương hại phụ, thất nhật đương đọa địa ngục. Nhất tôn giả giáo kỳ xưng nam-mô Phật, vương tiện nhất tâm xưng Phật, thất nhật bất giải. Mạng chung, chí địa ngục môn, xưng "nam-mô Phật", biến ngục tội nhân giai đắc giải thoát.***

**(鈔)經律異相云：有王害父，七日當墮地獄。一尊者教其稱南無佛，王便一心稱佛，七日不懈。命終，至地獄門，稱南無佛，遍獄罪人皆得解脫。**

*(**Sao**: Sách Kinh Luật Dị Tướng chép: "Có một ông vua hại cha, sau bảy ngày sẽ đọa địa ngục. Một vị tôn giả dạy nhà vua xưng niệm Nam-mô Phật, vua bèn nhất tâm xưng niệm danh hiệu Phật suốt bảy ngày chẳng lười nhác. Khi mạng chung, tới cửa địa ngục, xưng 'nam-mô Phật', tội nhân khắp ngục đều được giải thoát").*

Trong Kinh Luật Dị Tướng[27] có một câu chuyện như vậy: Quốc vương giết hại cha, đó là tội Ngũ Nghịch, là tội cực nặng, quả báo là địa

[27] Sách Kinh Luật Dị Tướng gồm năm mươi quyển do ngài Bảo Xướng soạn, sách được hoàn thành vào năm Thiên Giám 15 (516) đời Lương. Sách này thâu thập những chuyện hy hữu, những tướng trạng lạ lùng trong Tam Tạng kinh điển, nên

ngục A Tỳ. Vì sao niệm Phật bảy ngày có thể miễn trừ địa ngục? Thật sự sám hối. Chư vị ngẫm xem, nếu ông ta chẳng sám hối, làm sao có thể chịu niệm Phật cho được? Chịu niệm Phật là sám hối, quay đầu là bờ. Trong quá khứ, đã lầm lỡ phạm các tội ác chớ sợ, chỉ sợ chẳng chịu quay đầu, không chịu sửa lỗi, đáng ngại lắm! Nho gia nói: *"Quá nhi năng cải, thiện mạc đại yên"* (Có lỗi mà có thể sửa đổi, không gì tốt lành hơn). Đại thiện là gì? Sửa lỗi là đại thiện. Thật sự có thể niệm Phật, có thể niệm suốt bảy ngày bảy đêm, đó là triệt để hối cải, không chỉ chính mình chẳng đọa địa ngục, mà còn cảm hóa chúng sanh trong địa ngục đều siêu độ.

***(Sao) Lợi độn giả, hữu vị lợi căn nhất nhật, độn hoặc chí thất.***

**(鈔)利鈍者，有謂利根一日，鈍或至七。**

*(**Sao**: "Lợi căn, độn căn": Có người nói là lợi căn thì một ngày, độn căn thì có thể tới bảy ngày).*

Đây là nói tới cái tâm người ta từ tán loạn đạt đến Định. Tâm tán loạn niệm Phật, niệm đến mức tâm đắc Định, niệm đến mức thanh tịnh, người lợi căn có thể đạt được trong một ngày. Người độn căn phải niệm mất vài ngày, thậm chí đến bảy ngày thì mới có thể đạt được. Phải thật sự đổ công dốc sức. Nay chúng ta niệm Phật suốt bảy ngày, tâm vẫn chẳng thanh tịnh, nguyên nhân ở chỗ nào? Vừa niệm Phật, vừa dấy vọng tưởng. Nói cách khác, công phu đã bị phá hoại. Vì thế, bảy ngày, hoặc bốn mươi chín ngày đều chẳng thể thành tựu. Tôi nghĩ rất nhiều đồng tu đều hy vọng thật sự thành tựu, vì sao chẳng thể thành tựu? Có mấy ai đi tìm nguyên nhân khiến [chính mình] chẳng thể thành tựu? Quý vị chẳng đi tìm. Nếu quý vị tìm được nguyên nhân khiến chẳng thể thành tựu, tiêu trừ nguyên nhân ấy, chướng ngại chẳng còn nữa, sẽ có thể thành tựu. Chướng ngại là gì? Nói đại khái sẽ là tham, sân, si, mạn, ngũ dục, lục trần, quý vị chẳng buông xuống được! Vì thế, vừa niệm Phật, vừa thường xuyên có chuyện vướng mắc trong lòng tự nhiên trào ra, nói chung là chẳng buông xuống được. Nhân tố thứ hai là chưa thể chết sạch cái tâm mong ngóng, mưu mẹo, mánh mung. Chẳng tiêu diệt ý niệm ấy, cái tâm niệm Phật của chúng ta chẳng chân thật, chẳng chân thành. Do

---

thuộc loại Bách Khoa Toàn Thư. Sách thoạt đầu do Lương Vũ Đế sai ngài Tăng Mân biên soạn, rồi giao cho ngài Bảo Xướng chủ trì. Về sau, sách được các vị Tăng Hào, Pháp Sanh v.v… bổ sung và nhuận văn.

vậy, đó cũng là chướng ngại trọng đại khiến cho tâm chẳng thể thanh tịnh, chẳng đạt được nhất tâm. Vì lẽ đó, chính mình phải nghiêm túc kiểm thảo, phải tiêu trừ những chướng ngại ấy, triệt để buông xuống. Vì sao cổ nhân có thể, ta chẳng thể? Bất luận nói theo Sự hay Lý, người khác có thể thì ta cũng phải là có thể, đúng như vậy đó. Nếu từ định trở lại tán loạn, người độn căn nhất định là có thể trong một ngày liền mất định, kẻ lợi căn có thể gìn giữ bảy ngày. Tâm thanh tịnh bèn có thể gìn giữ lâu dài như thế, chẳng bị tiêu mất.

***(Sao) Kim vị lợi độn nhị căn, các nhất chí thất.***

**(鈔)**今謂利鈍二根，各一至七。

*(**Sao**: Nay nói đến lợi căn và độn căn thì mỗi căn đều là từ một đến bảy ngày).*

Từ một ngày cho đến bảy ngày.

***(Sao) Lợi căn giả, tánh mẫn tiệp cố, nhất nhật công thành, tức đắc nhất tâm, tiện vô sở loạn.***

**(鈔)**利根者，性敏捷故，一日功成，即得一心，便無所亂。

*(**Sao**: Lợi căn là căn tánh nhanh nhạy, một ngày bèn thành công, liền đắc nhất tâm, chẳng bị loạn động).*

Niệm một ngày bèn có thể đắc nhất tâm bất loạn. Đối với nhất tâm bất loạn, trừ Sự nhất tâm và Lý nhất tâm ra, mỗi người đều có công phu sâu hay cạn khác nhau. Nếu sâu hay cạn giống hệt nhau, làm sao có thể chia thành chín phẩm cho được? Chín phẩm cũng chẳng thể chia ra. Chia thành chín phẩm, có thể thấy là công phu tối thiểu chia thành chín bậc. Bậc thấp kém nhất còn có tư cách vãng sanh, huống hồ thượng phẩm? Chúng ta thường gọi hạ hạ phẩm Sự nhất tâm là công phu thành phiến. Thành phiến là gì? Có phải là ta suốt ngày từ sáng đến tối trong mười hai thời tâm và miệng Phật hiệu chẳng đoạn bèn gọi là "một phiến" hay không? Tình hình ấy đích xác là giống như thành phiến, [nhưng là] tương tự thành phiến! Thành phiến thật sự là gì? Nếu trong lòng chẳng vướng mắc tất cả hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, trong lòng chỉ còn giữ một câu A Di Đà Phật, đó là công phu thành phiến thật sự. Còn vướng mắc những chuyện khác, chẳng gọi là công phu thành phiến.

Cổ nhân nói là niệm câu Phật hiệu đến mức giống như tường đồng vách sắt. Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư nói là *"phong xuy bất nhập, vũ đả bất thấp"* (gió thổi chẳng lọt, mưa tạt chẳng ướt), vẫn vô dụng! Quý vị đạt tới thành phiến trên hình thức, vô ích! Ắt cần phải là trong tâm xác thực chẳng vướng mắc! Cũng có lẽ các đồng tu sẽ nói: "Thật là khó! Chẳng dễ làm được!" Khó ở chỗ nào? Khó ở chỗ ngỡ hết thảy các pháp là thật, coi chúng là thật, chẳng biết hết thảy các pháp đều là giả. Kinh Kim Cang dạy: *"Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"*, *"hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng"*. Trong tâm quý vị vướng mắc hết thảy các pháp, chẳng buông xuống được, chẳng thấy thấu suốt, oan uổng! Chúng chẳng phải là chân thật. Đó là lý do khiến chúng ta niệm Phật cầu vãng sanh chẳng thể thành công! Trở ngại lớn nhất ở ngay chỗ này!

Quý vị có thể thấy thấu suốt hết thảy các pháp thế gian, đó là trí huệ. Thật sự buông xuống hết thảy, chính là công phu! Sau đấy, một câu Phật hiệu, như thường nói *"một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật"*, quý vị mới có thể tương ứng. Có mảy may vướng mắc trong tâm chẳng thể buông xuống, sẽ không tương ứng, phiền phức ở ngay chỗ này. Cũng phải nhận thức rõ ràng hai chữ *"tương ứng"*. Có những kẻ cứ ngỡ trong tâm ta có Phật hiệu, miệng niệm ra, tai nghe vào, đó là tương ứng. [Thật ra] đó chính là tâm, tai và miệng tương ứng, chẳng tương ứng cùng Phật; đối với chuyện *"một niệm tương ứng một niệm Phật"*, chẳng tương ứng với Phật! Phật là gì? Phật là tự tánh. Tự tánh là gì? Tự tánh là pháp giới. Chẳng có mảy may vướng mắc nào, tâm ấy sẽ giống như hư không pháp giới, thân và hư không pháp giới giống hệt như nhau, thân cũng chẳng có sai biệt!

Chư vị hãy thấu hiểu cặn kẽ hai câu tôi vừa mới đề cập: *"Lìa hết thảy tướng, tức là hết thảy các pháp"* và *"trụ hết thảy tướng, tức là hết thảy các pháp"*. *"Lìa hết thảy tướng, tức là hết thảy các pháp"* chính là bốn thánh pháp giới. *"Trụ hết thảy tướng, tức hết thảy các pháp"* là lục phàm pháp giới. Tứ thánh và lục phàm chẳng hai, là một, không hai. Vì sao? Đều là hết thảy các pháp, hết thảy các pháp chẳng khác gì nhau! Vậy thì sẽ tương ứng với hết thảy các pháp. Hễ có một niệm chấp trước, sẽ chẳng tương ứng. Hoàn toàn chẳng chấp trước hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, như thế thì mới tương ứng, như vậy mới là đạt đến nhân sinh rốt ráo viên mãn. Đời người vui sướng khôn sánh, ai mong khổ não dường ấy! Khổ từ đâu mà có? Do quý vị chấp trước mà có. Quý

vị chẳng chấp trước, lấy đâu ra khổ? Quý vị có thể thật sự chẳng chấp trước hết thảy các pháp, khổ bèn đoạn sạch, chẳng còn khổ nữa!

***(Sao) Kỳ sảo độn giả, hoặc nhị, hoặc tam, nãi chí thất nhật, phương đắc thuần nhất. Diệc hữu lợi căn, kinh ư thất nhật, đoan nhiên nhất tâm, chung bất thiểu loạn. Kỳ sảo độn giả, cẩn lục, cẩn ngũ, nãi chí nhất nhật, hoặc tiện tán loạn. Thị cố các hữu lợi độn, bất ưng thiên thuộc.***

**(鈔)**其稍鈍者，或二或三，乃至七日，方得純一；亦有利根，經於七日，端然一心，終不少亂；其稍鈍者，僅六僅五，乃至一日，或便散亂。是故各有利鈍，不應偏屬。

*(**Sao**: Kẻ căn tánh hơi độn thì hoặc hai, hoặc ba, cho đến bảy ngày mới được thuần nhất. Cũng có người lợi căn, trải qua bảy ngày, nghiễm nhiên nhất tâm, trọn chẳng bị tán loạn chút nào. Kẻ căn tánh hơi độn, chỉ [giữ được nhất tâm] sáu ngày hoặc năm ngày, thậm chí một ngày bèn tán loạn. Do vậy, đều có lợi căn và độn căn [khác biệt], chớ nên chấp trước).*

Nói *"thiên thuộc"* (偏屬) là bảo quý vị chớ nên chấp trước, những điều này đều là hiện tướng. *"Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"*; tướng có hay không? Tướng có; tuy có, chẳng phải là thật.

***(Sao) Thập nhật giả, Đại Bổn vân: "Trai giới thanh tịnh, nhất tâm thường niệm, thập trú dạ bất tuyệt giả, mạng chung, tất sanh ngã sát".***

**(鈔)**十日者，大本云：齋戒清淨，一心常念，十晝夜不絕者，命終必生我剎。

*(**Sao**: Mười ngày là như kinh Đại Bổn dạy: "Trai giới thanh tịnh, nhất tâm thường niệm mười ngày đêm chẳng dứt, mạng chung ắt sanh về cõi ta").*

Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật đã dạy như vậy. Ngài ấn định kỳ hạn là mười ngày mười đêm, then chốt là *"trai giới thanh tịnh, nhất tâm thường niệm"*. *"Trai giới thanh tịnh"* là chẳng hoài nghi, không xen tạp, *"thường niệm"* là không gián đoạn. Thật sự nắm được

điểm quan trọng này, chẳng có ai không thành tựu. Nhất định phải biết những chỗ then chốt trong kinh văn, nhất định phải nắm chắc, thì mới biết cách niệm Phật hiệu như thế nào!

***(Sao) Hựu Cổ Âm Vương kinh vân: "Nhược thọ trì bỉ Phật danh hiệu, kiên cố kỳ tâm, ức niệm bất vong, thập nhật, thập dạ, trừ xả tán loạn, tất đắc kiến bỉ A Di Đà Phật".***

**(鈔)又鼓音王經云：若受持彼佛名號，堅固其心，憶念不忘，十日十夜，除捨散亂，必得見彼阿彌陀佛。**

*(**Sao**: Kinh Cổ Âm Vương lại nói: "Nếu thọ trì danh hiệu của đức Phật ấy, tâm kiên cố, nghĩ nhớ chẳng quên suốt mười ngày mười đêm, trừ bỏ tán loạn, ắt sẽ được thấy A Di Đà Phật").*

Kinh Cổ Âm Vương (kinh A Di Đà Phật Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni) cũng nói mười ngày mười đêm, phương pháp chẳng khác, đều là không hoài nghi, không gián đoạn, không xen tạp. Như vậy thì mới có thể thành công.

***(Sao) Thất thất nhật giả, Đại Tập kinh vân: "Nhược nhân chuyên niệm nhất phương Phật, hoặc hành, hoặc tọa, chí thất thất nhật, hiện thân kiến Phật, tức đắc vãng sanh".***

**(鈔)七七日者，大集經云：若人專念一方佛，或行或坐，至七七日，現身見佛，即得往生。**

*(**Sao**: Bốn mươi chín ngày là như kinh Đại Tập nói: "Nếu ai chuyên niệm vị Phật ở một phương, hoặc đi, hoặc ngồi, cho tới bốn mươi chín ngày, thân hiện tại thấy Phật, liền được vãng sanh").*

Trong kinh Đại Tập[28], đức Phật trọn chẳng chỉ ra vị Phật nào, chẳng đặc biệt nêu rõ A Di Đà Phật. Nói cách khác, hết thảy chư Phật

[28] Bộ kinh này có tên gọi đầy đủ là Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh (Mahāvaipulya Mahāsamghāta Sūtra), gồm sáu mươi quyển. Thật ra, đây không phải là một bản kinh riêng biệt mà là tập hợp của nhiều bản kinh giảng về các pháp môn liên hệ. Trong sáu mươi quyển ấy, hai mươi lăm quyển đầu, cũng như từ quyển thứ ba mươi mốt cho đến quyển ba mươi ba do ngài Đàm Vô Sấm dịch vào đời Bắc Lương, các quyển còn lại do các vị Trí Nghiêm Bảo Vân, Na Liên Da Xá, Na Liên Đề Da Xá, An Thế Cao v.v… dịch.

đều có Tịnh Độ, quý vị mong vãng sanh [cõi Tịnh Độ của vị Phật nào], sử dụng phương pháp niệm Phật này đều có thể mãn nguyện. Huống hồ bổn nguyện của A Di Đà Phật là dùng danh hiệu để tiếp dẫn hết thảy chúng sanh. Do vậy, niệm A Di Đà Phật càng thù thắng hơn!

***(Sao) Cửu thập nhật giả, Bát Châu Tam Muội kinh vân: "Nhược nhân tự thệ, cửu thập nhật trung, thường hành, thường lập, nhất tâm hệ niệm, ư tam-muội trung, đắc kiến A Di Đà Phật".***

**(鈔)九十日者，般舟三昧經云：若人自誓，九十日中常行常立，一心繫念，於三昧中得見阿彌陀佛。**

*(**Sao**: "Chín mươi ngày": Kinh Bát Châu Tam Muội chép: "Nếu có người tự thề, trong chín mươi ngày, thường đi, hoặc thường đứng, nhất tâm hệ niệm, trong tam-muội sẽ được thấy A Di Đà Phật").*

Tu Bát Châu tam-muội khá khó khăn. Thời gian rất dài, chín mươi ngày! *"Chín mươi ngày"* là suốt chín mươi ngày đêm chẳng được ngủ, chẳng được ngồi xuống, có thể đứng, có thể nhiễu Phật, có thể đi lại, nhưng chẳng thể ngồi hoặc nằm xuống. Chư vị ngẫm xem: Kẻ bình phàm chẳng thể tu Bát Châu tam-muội, kẻ bình phàm chẳng có năng lực ấy. Phải là kẻ trẻ tuổi, phải có sức lực, phải có tinh thần thì mới có thể tu Bát Châu tam-muội.

*"Nhất tâm hệ niệm"*, [nói tới] nhất tâm là đã bao gồm *"yếu lãnh"* (cương lãnh trọng yếu) của việc tu hành. Trong tâm quý vị còn có vọng tưởng, chấp trước, sẽ chẳng phải là nhất tâm. Hễ còn có nghi hoặc, cũng chẳng phải là nhất tâm.

***(Sao) Hựu Văn Thù Bát Nhã vân: "Cửu thập nhật trung, đoan tọa Tây hướng, chuyên niệm ư Phật, tức thành tam-muội".***

**(鈔)又文殊般若云：九十日中，端坐西向，專念於佛，即成三昧。**

*(**Sao**: Kinh Văn Thù Bát Nhã lại nói: "Trong chín mươi ngày, ngồi ngay ngắn hướng về Tây, chuyên niệm đức Phật, liền thành tam-muội").*

Văn Thù Bát Nhã là ngồi niệm, Bát Châu Tam Muội là đứng niệm, đều lấy chín mươi ngày làm kỳ hạn, rất khó, chẳng dễ dàng.

***(Sao) Nhất nhật giả, Đại Bổn Pháp Tạng nguyện vân: "Nhất tâm hệ niệm ư ngã, tuy chỉ nhất trú dạ bất tuyệt, tất sanh ngã sát". Thập niệm giả, Quán Kinh hạ hạ phẩm vân: "Kỳ nhân khổ bách, bất hoàng niệm Phật, thập thanh xưng Phật" đẳng. Tắc tri nhất nhật chí thất, tùy nhật đa thiểu, giai vãng sanh kỳ, cố lực hành hà như nhĩ.***

**(鈔)一日者，大本法藏願云：一心繫念於我，雖止一晝夜不絕，必生我剎。十念者，觀經下下品云，其人苦迫，不遑念佛，十聲稱佛等。則知一日至七，隨日多少，皆往生期，顧力行何如耳。**

*(**Sao**: "Một ngày" là như trong kinh Đại Bổn, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: "Nhất tâm hệ niệm ta, tuy chỉ một ngày đêm chẳng dứt, ắt sanh về cõi ta". "Mười niệm" là như trong phần hạ hạ phẩm [vãng sanh] của Quán Kinh có nói: "Người ấy bị sự khổ bức bách, chẳng rảnh rỗi để niệm Phật [bằng cách quán tưởng, bèn dạy cho người ấy] xưng danh hiệu Phật mười tiếng" v.v.... Do đó, biết từ một ngày cho tới bảy ngày, bất luận số ngày nhiều hay ít, đều là kỳ hạn [ấn định nhằm tu tập để được] vãng sanh xét theo khả năng [của hành nhân] như thế nào đó thôi).*

Đây là pháp Thập Niệm được nói trong Quán Kinh; một niệm hay mười niệm trong Quán Kinh đều được kinh Vô Lượng Thọ nói rất cặn kẽ. Bất luận là Sự, Lý, hay cảnh giới, đều nói rất nhiều. Điều khẩn yếu là thật thà niệm Phật, ấn định kỳ hạn để cầu chứng nhập, khiến cho chính mình thật sự tinh tấn chẳng biếng nhác, mục đích là ở chỗ này.

***(Sao) Hối minh nhất châu giả, tùng Tý chí Ngọ, nãi tự hối nhi minh; tùng Ngọ chí Tý, nãi tự minh nhi hối. Thị vi thiên đạo nhất trú dạ.***

**(鈔)晦明一周者，從子至午，乃自晦而明；從午至子，乃自明而晦。是為天道一晝夜。**

*(**Sao**: "Một chu kỳ sáng tối": Từ giờ Tý đến giờ Ngọ là từ tối đến sáng; từ giờ Ngọ đến giờ Tý là từ sáng đến tối. Đó là một ngày đêm trong trời đất).*

Giờ Tý là từ mười một giờ đêm cho đến một giờ [sáng]. Giờ Ngọ là từ mười một giờ trưa cho đến một giờ [chiều]. Từ giờ Tý vào ban đêm

cho đến giờ Ngọ ngày hôm sau là từ tối đến sáng; từ giờ Ngọ cho đến giữa đêm là từ sáng đến tối, [gọi gộp chung] là *"hối minh nhất châu"* tức là một ngày đêm.

***(Sao) Phù tâm cố sát-na sanh diệt, huống trú dạ hồ, ư thử nhất tâm, sở vị "nhị lục thời trung, niệm niệm vô gián" giả dã.***

**(鈔)夫心固剎那生滅，況晝夜乎，於此一心，所謂二六時中，念念無間者也。**

*(**Sao**: Ôi! Tâm vốn sanh diệt trong từng sát-na, huống là ngày đêm ư? Đối với nhất tâm, bèn nói là "trong mười hai thời, niệm niệm chẳng gián đoạn" vậy).*

Nói rõ bổn ý trong kinh Phật, dạy chúng ta niệm Phật đừng gián đoạn. Vì thế, nhất định phải phấn chấn tinh thần, lo liệu đại sự sanh tử của chính mình. Người học Phật chớ nên không biết: Người có thể lo liệu sanh tử đại sự, há có lẽ nào đời người chẳng hạnh phúc mỹ mãn? Lớn có thể bao gồm nhỏ, nhỏ chẳng bao gồm lớn. Vô thượng Phật thừa quyết định bao gồm nhân thiên, nhưng nhân thiên chẳng thể bao gồm vô thượng Phật thừa, đấy là đạo lý nhất định.

Nhưng học Phật thì phải khởi đầu từ học làm người. Làm người chẳng xong, lẽ đâu có thể thành Phật cho được? Do vậy, trước khi Thích Ca Mâu Ni Phật dạy phu nhân Vi Đề Hy phương pháp cầu sanh Tịnh Độ, bèn dạy bà ta tu Tam Phước trước. Quý vị muốn thành Phật, phải làm người tốt đẹp trước đã. Làm người chẳng trọn vẹn, chẳng có hy vọng thành Phật!

***(Sớ) Hựu thử thất nhật, bất tất định thị lâm chung thất nhật, dĩ bình thời hữu như thị định lực giả, tất sanh bỉ quốc.***

**(疏)又此七日，不必定是臨終七日，以平時有如是定力者，必生彼國。**

*(**Sao**: Lại nữa, "bảy ngày" không nhất định là bảy ngày khi lâm chung. Do lúc thông thường mà có định lực như thế, ắt sẽ sanh về cõi kia).*

Đoạn khai thị này vô cùng trọng yếu, trọng yếu là công phu trong lúc thường nhật, ngàn muôn phần chớ nên sơ sót, coi nhẹ.

***(Sao) Bình thời giả, khủng nhân chấp thất nhật chi văn, vị tất nhất nhật chí thất nhi tiện mạng chung, phương danh thất nhật.***

**(鈔)平時者，恐人執七日之文，謂必一日至七而便命終，方名七日。**

*(**Sao**: "Lúc thông thường": Sợ người ta chấp vào câu chữ "bảy ngày" rồi cho rằng: Ắt phải là từ một ngày cho tới bảy ngày liền mạng chung thì mới gọi là bảy ngày).*

Sợ người ta sẽ hiểu lầm [kinh văn nói] "bảy ngày", đại khái là bảy ngày trước khi lâm chung, niệm Phật bảy ngày bèn vãng sanh. Sợ người ta hiểu lầm ở chỗ này.

***(Sao) Cố ngôn "hoặc lâm chung, hoặc bình thời, đản hữu nhất nhật hoặc thất nhật chi Định lực giả, giai đắc vãng sanh" dã. Sở vị "nhàn thời biện, mang thời dụng", hậu chí mạng chung, nhân quả tương phù, tất sanh bỉ quốc.***

**(鈔)故言或臨終、或平時，但有一日或七日之定力者，皆得往生也。所謂閒時辦，忙時用，後至命終，因果相符，必生彼國。**

*(**Diễn**: Vì thế, nói: "Hoặc khi lâm chung, hoặc lúc bình thời, nhưng người có định lực từ một ngày cho đến bảy ngày đều được vãng sanh". Đó gọi là "lo toan lúc rảnh rỗi để dùng khi bận bịu", sau này, đến khi mạng chung, nhân và quả phù hợp lẫn nhau, ắt sanh sang cõi kia).*

Mấy câu này rất khẩn yếu: Niệm lúc bình thường, niệm đến mức tâm thanh tịnh, phải giữ cho cái tâm thanh tịnh ấy chẳng bị mất đi. Nếu muốn gìn giữ vĩnh viễn thì phải là *"tin sâu nhân quả"* như trong Tam Phước của Quán Kinh mới hòng thật sự là duy trì vĩnh viễn. Vì sao? Người thật sự tin sâu nhân quả, tâm sẽ định, chẳng sợ hãi, chẳng bị tán loạn. Người thế gian sợ nhất là sống không nổi! Luôn vì áo cơm mà phiền não! Người thật sự tin sâu nhân quả, biết *"một miếng ăn, một hớp uống đều đã định trước"*, chẳng cần phải bận lòng vì những chuyện ấy. Hằng ngày bận tâm thì cuộc sống của quý vị vẫn là như thế, mà chẳng quan tâm thì vẫn sống như thế, chẳng thể nói "không quan tâm, sẽ sống không nổi!" Vẫn chưa nghe nói [có một ai không bận tâm cơm áo mà

chẳng sống được], sự bận tâm ấy há chẳng phải là nhọc trí oan uổng ư? Suốt một đời, Ấn Quang đại sư cực lực đề xướng Liễu Phàm Tứ Huấn nhằm khiến cho mọi người thật sự giác ngộ, thật sự nhận biết sự thật này, chẳng bận tâm, chẳng còn dấy vọng tưởng. Số mạng cả một đời người đã được định sẵn, quý vị còn bận tâm để làm gì? Dẫu cho số mạng chẳng tốt đẹp, cũng phải hứng chịu. Vì sao mạng chẳng tốt? Đời trước đã tạo ra cái nhân chẳng tốt đẹp. Nếu muốn số mạng tốt đẹp, chỉ đành trong hiện thời tạo cái nhân tốt, sửa đổi vận mạng của chính mình, thay đổi tái tạo vận mạng của chính mình. Sách Liễu Phàm Tứ Huấn nói hết sức thấu triệt, bận tâm để làm gì? Xác thực là không chỉ học Phật, ngay cả làm người cũng đều phải lấy sách ấy làm cơ sở, làm căn bản. Chẳng có những thứ ấy, bàn đến Phật pháp chi nữa, làm sao có thể học Phật cho được? Đấy mới là điều khẩn yếu thật sự, [sách ấy] cũng giống như một bộ kinh điển, chẳng kém gì kinh điển!

Tâm chúng ta quả nhiên là *"chẳng tranh với người, chẳng cầu nơi đời"*, tâm bèn định, tri túc thường lạc (biết đủ, thường vui), thỏa mãn với cuộc sống hiện thực, hễ thỏa mãn bèn vui sướng. Có người nói: "Như vậy thì chẳng khỏi là quá tiêu cực, xã hội làm sao có thể tiến bộ cho được?" Chắc chắn chẳng phải là tiêu cực, mà cũng chắc chắn chẳng ngăn trở xã hội tiến bộ. Xã hội càng tiến bộ, đời sống càng mỹ mãn, vì sao? Khi ấy, thật sự biết vì chúng sanh phục vụ.

Khi tiên sinh Liễu Phàm chưa hiểu rõ, ông rất tiêu cực; sau khi đã hiểu rõ, bèn hết sức tích cực, chẳng tiêu cực. Có vị Bồ Tát nào tiêu cực? Có vị Phật nào tiêu cực? Chúng ta chưa hề thấy, thậm chí ngay cả một vị A La Hán tiêu cực cũng chẳng tìm thấy. Thật sự có thể tìm được kẻ tiêu cực trong hàng trời người, chứ đối với Thanh Văn, Duyên Giác, chư Phật, Bồ Tát sẽ chẳng tìm thấy! Các Ngài đều tích cực phát tâm vì hết thảy chúng sanh phục vụ.

Do vậy, công phu niệm Phật phải dưỡng thành trong lúc thường nhật, đến khi lâm chung mới hữu dụng. Thường ngày chẳng dưỡng thành, khi lâm chung, tay cuống chân loạn, vô dụng! Vì thế, chuyện gì cũng đều phải xem nhẹ, chớ nên riết róng, phá tan cửa ải "được, mất", tuyệt đối chẳng có tâm được mất. Hễ đạt được, bèn coi giống như trong mơ đạt được; mất đi thì cũng như mất mát trong giấc mộng, như vậy là tốt. Có được mất hay không? Có, nhưng chẳng quan tâm đến chuyện được hay mất, chẳng có tí nào dính dáng đến ta, lẽ nào tâm quý vị chẳng thanh tịnh? Khi ấy, công phu niệm Phật mới đắc lực!

Người thật sự tu đạo, tinh tấn nơi đạo nghiệp, đối với sự nghiệp bèn tùy duyên. Duyên thù thắng bèn làm nhiều, chẳng có duyên bèn không làm thì mới tự tại. Lần này, pháp sư Diễn Bồi đến trụ tại giảng đường của chúng ta, các đồng tu Đài Loan đều cảm thấy bất ngờ, nghĩ cách nào cũng không hiểu vì sao Sư đến trụ tại giảng đường của chúng ta? Thật ra, Sư muốn xem chúng ta rốt cuộc đang làm gì? Ở lại nhiều ngày như vậy, Sư thấy sự nghiệp của chúng ta là tùy duyên, chẳng hóa duyên, chẳng phải là suy nghĩ kế hoạch, năm nay chúng ta phải làm những gì? Chẳng làm chuyện ấy, đó là dấy vọng tưởng! Ngày mai còn chưa tới! Nghĩ tới chuyện ngày mai là dấy vọng tưởng. Do đó, chúng ta chẳng có kế hoạch. Chúng ta cũng chẳng hỏi xin tiền ai! Chúng ta giữ vững một nguyên tắc: *"Nhiều chuyện chẳng bằng ít chuyện, ít chuyện chẳng bằng vô sự"*. Tâm sẽ tự tại lắm! Nhưng nếu người ta biếu tiền, chúng ta phải làm thay cho họ. Họ biếu nhiều bèn làm nhiều, biếu ít bèn làm ít. Chẳng biếu là tốt nhất, chúng ta chẳng phải làm, vui sướng lắm! Lần này, Sư thấy mọi người ở cùng một chỗ, đối xử hoan hỷ với nhau, vui sướng lắm! Sự vui sướng ấy, nói thật ra là do đức Phật đã dạy, chúng ta làm theo nên mới đạt được vui sướng.

Lý tưởng của chúng ta là giúp đỡ hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Mục tiêu của chúng ta, xét theo mức độ gần, sẽ là cá nhân hạnh phúc, gia đình mỹ mãn, xã hội hài hòa, thế giới hòa bình; mức độ xa là chúng ta mong sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị nói xem: Phật pháp của chúng ta là nhân thừa hay thiên thừa? Vì thế, tuyệt đối chớ nên nói suông, chúng ta thật sự đạt được! Hạnh phúc mỹ mãn, đó là nhân gian Phật giáo thật sự, hết sức thực tiễn, sung sướng, vui vẻ. Chẳng dấy vọng tưởng, chẳng dối gạt mình, chẳng lừa gạt người, ứng dụng giáo huấn trong kinh điển vào cuộc sống hằng ngày; đó gọi là học Phật.

Đoạn lớn kế tiếp rất dài, chiếm đến một phần tám của toàn bộ kinh văn, nhằm giải thích *"nhất tâm bất loạn"*. Đây là trọng điểm của kinh Di Đà, đặc biệt là tác phẩm Di Đà Kinh Sớ Sao.

***(Sớ) Nhất tâm bất loạn, ngôn chấp trì chi cực dã, thị vi nhất kinh yếu chỉ.***

**(疏)一心不亂，言執持之極也，是為一經要旨。**

*(**Sớ**: Nhất tâm bất loạn là nói chấp trì đến mức cùng tột, đây là tông chỉ chánh yếu của cả bộ kinh).*

Câu này là nói tổng quát, nêu ra tổng cương lãnh.

***(Sao) Tâm giả, giản khẩu tụng, nhi tâm bất niệm dã.***

**(鈔)心者，揀口誦而心不念也。**

*(**Sao**: [Nói là] "tâm" nhằm loại trừ chuyện miệng tụng, tâm chẳng niệm).*

Chú trọng nhất tâm bất loạn.

***(Sao) Nhất giả, giản tâm tuy niệm, nhi niệm bất nhất dã.***

**(鈔)一者，揀心雖念而念不一也。**

*(**Sao**: [Nói là] "nhất" nhằm loại trừ trường hợp tâm tuy niệm, nhưng niệm chẳng chuyên nhất).*

Mỗi một chữ đều vô cùng trọng yếu. Niệm Phật chú trọng tâm niệm. Miệng niệm mệt mỏi có thể nghỉ ngơi, không niệm chẳng sao, trong tâm chẳng thể không có Phật. Nếu trong tâm có Phật, miệng chẳng niệm không sao. Trong tâm chỉ có thể có một vị Phật, chẳng thể có hai vị Phật, vì hai vị Phật sẽ là hai niệm, đó là nhị tâm niệm Phật. Vậy là chẳng thể được, phải là nhất tâm, phải chuyên nhất.

***(Sao) Bất loạn giả, giản niệm tuy nhất, nhi hữu thời hồ bất nhất dã.***

**(鈔)不亂者，揀念雖一而有時乎不一也。**

*(**Sao**: [Nói] "bất loạn" là loại trừ trường hợp niệm tuy chuyên nhất, nhưng có lúc chẳng chuyên nhất).*

*"Bất loạn"* là nhất tâm đạt tới mức độ thuần thục, vì hễ có một tạp niệm sẽ loạn.

***(Sao) Nhất tâm bất loạn, tịnh nghiệp chi năng sự tất hỹ.***

**(鈔)一心不亂，淨業之能事畢矣。**

*(**Sao**: Nhất tâm bất loạn thì tịnh nghiệp mới có thể hoàn tất).*

Nhất tâm bất loạn, từ Sự đến Lý có các mức độ sai biệt. Nếu phân loại đại khái, Lý [nhất tâm] có chín phẩm, Sự [nhất tâm] cũng có chín

phẩm. Lại chia chi tiết hơn, mỗi cõi trong bốn cõi [Tịnh Độ] lại có chín phẩm, bốn lần chín là ba mươi sáu phẩm, Lý nhất tâm gồm ba mươi sáu phẩm, Sự nhất tâm cũng gồm ba mươi sáu phẩm. Đây là vẫn phân chia thô lược, phân chia đại khái. Tuy đều đạt tới nhất tâm bất loạn, nhưng trong nhất tâm bất loạn còn có mức độ sâu hay cạn khác nhau!

***(Diễn) Khẩu tụng nhi tâm bất niệm giả, khẩu tụng Phật danh, tâm trì vạn cảnh, thị vi độc Phật, phi niệm Phật dã, dĩ niệm tùng tâm cố.***

**(演)口誦而心不念者，口誦佛名，心馳萬境，是為讀佛，非念佛也，以念從心故。**

*(**Diễn**: "Miệng tụng mà tâm chẳng niệm" là miệng tụng danh hiệu Phật, tâm rong ruổi theo muôn cảnh. Đó là đọc danh hiệu Phật, chẳng phải là niệm Phật, vì niệm xuất phát từ tâm).*

Trong "đọc" chẳng có tâm, đó gọi là đọc Phật, chẳng phải là niệm Phật. Niệm Phật là có tâm, [niệm (念) là] kim tâm (今心), [nghĩa là] cái tâm hiện tại là Phật, Phật là tâm, đó mới là niệm Phật. Đọc Phật thì chẳng có tâm, nơi miệng niệm rất to tiếng, trong tâm suy nghĩ loạn cào cào, đều là đọc Phật. Đọc Phật lớn tiếng, vô dụng!

***(Diễn) Tâm tuy niệm nhi niệm bất nhất giả, tuy tâm niệm Phật, tịnh uế giao trì, thị tuy niệm Phật, phi nhất tâm dã. Dĩ nhất tâm giả thuần tịnh cố.***

**(演)心雖念而念不一者，雖心念佛，淨穢交馳，是雖念佛，非一心也。以一心者純淨故。**

*(**Diễn**: "Tâm tuy niệm, nhưng niệm chẳng chuyên nhất": Tuy tâm niệm Phật mà tịnh uế xen lẫn, đấy là tuy niệm Phật, nhưng chẳng nhất tâm. Bởi lẽ, nhất tâm là thuần tịnh).*

Tâm chẳng thanh tịnh, không thanh tịnh là có xen tạp. Niệm Phật có xen tạp bèn chẳng chuyên nhất, chuyên nhất thì chẳng thể có xen tạp.

***(Diễn) Niệm tuy nhất nhi hữu thời bất nhất giả, tuy thiểu thời nhất tâm, hậu phục hoàn loạn. Sở vị "triêu tắc cần, nhi mộ tắc đãi, nhất nhật bạo chi, thập nhật hàn chi", thị tuy nhất tâm hoàn phục loạn dã. Dĩ bất loạn tại vô gián cố, giai phi tịnh nghiệp chi năng sự dã.***

**(演)念雖一而有時不一者，雖少時一心，後復還亂。所謂朝則勤，而暮則怠，一日暴之，十日寒之，是雖一心還復亂也。以不亂在無間故，皆非淨業之能事也。**

*(**Diễn**: "Niệm tuy nhất mà có lúc chẳng chuyên nhất": Tuy chuyên nhất một thời gian ngắn, sau đó bị loạn trở lại. Thường nói là "sáng siêng, tối lười, một ngày nóng, mười ngày lạnh". Đó là tuy đã nhất tâm rồi lại loạn. Do bất loạn phải là chẳng gián đoạn, cho nên những tâm ấy đều chẳng thể hoàn thành tịnh nghiệp được).*

Lời này rất rõ ràng, minh bạch! Cốt yếu là niệm chẳng gián đoạn. Gián đoạn sẽ chẳng chuyên nhất. Dẫu có lúc đạt đến nhất tâm, nhưng sau mấy tiếng đồng hồ lại thoái chuyển, lại loạn. Chư vị hãy suy xét cặn kẽ nguyên nhân ở chỗ nào? Tôi cũng đã thưa cùng mọi người, hãy thật sự thấu hiểu cặn kẽ, truy cứu, phải tìm cho ra. Đó mới là chuyện đại sự bậc nhất trong cuộc đời chúng ta. Hiện thời là thời Mạt Pháp, tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng, có rất nhiều kẻ chất vấn: "Một câu A Di Đà Phật đơn giản như vậy, có được hay không? Có đáng tin cậy hay không? Suốt một đời dựa vào một bộ kinh có thể thành tựu hay không? Nếu nương theo một bộ kinh mà thành tựu, vì sao đức Phật nói kinh điển nhiều dường ấy? Nói pháp môn nhiều ngần ấy?" Nghe ra cũng rất có lý! Chúng ta nghe xong tâm có bị dao động hay không? Có biến đổi ý niệm hay không? Đó là điểm then chốt khiến cho chúng ta thành hay bại trong cả một đời. Vì thế, niệm Phật đòi hỏi phải thật thà niệm Phật. "Thật thà" thì tiếp xúc cảnh giới bên ngoài càng ít càng tốt. Chúng ta cũng chẳng cần tranh luận cùng kẻ khác. Họ tu pháp của họ, ta tu pháp của ta thì mới có thành tựu để trông mong. Hôm nay tôi giảng tới chỗ này.

***Tập 227***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm bốn mươi bảy:

***(Sớ) Thích thử tứ tự, tiên tổng minh đại ý, thứ nãi tường trần Sự Lý. Đại ý vị "nhất, loạn" thị chánh phản ngữ, chánh ngữ nhất tâm, phản ngữ bất loạn.***

**(疏)釋此四字，先總明大意，次乃詳陳事理。大意謂一亂是正反語，正語一心，反語不亂。**

*(**Sớ**: Giải thích bốn chữ này, trước hết là nêu tổng quát đại ý, kế đến là trình bày cặn kẽ Sự và Lý. Đại ý là "nhất" và "loạn" là những từ ngữ được nói [theo hai phương diện] thuận và nghịch: Nói theo chiều thuận là "nhất tâm", nói theo phía tương phản là "bất loạn").*

Bốn chữ ấy chính là*"nhất tâm bất loạn"*; câu này là cốt lõi của kinh Di Đà, là một câu khai thị hết sức quan trọng. Nói tổng quát đại ý thì *"nhất"* là nhất tâm, *"loạn"* là nói tới bất loạn. Nói *"nhất"* hay nói *"loạn"* chính là nói theo phương diện thuận hay nghịch. Nói theo chiều thuận sẽ là *"nhất tâm"*, nói tương phản sẽ là *"bất loạn"*.

***(Sao) Nhất tắc bất loạn, loạn tắc bất nhất, hữu kỳ nhất tâm, vô kỳ loạn tâm, cố vân "chánh, phản". Như ngôn "thuần nhất bất tạp, tinh nhất vô nhị" chi loại, thị dã.***

**(鈔)一則不亂，亂則不一，有其一心，無其亂心，故云正反。如言純一不雜，精一無二之類，是也。**

*(**Sao**: "Nhất" là bất loạn, hễ loạn sẽ chẳng nhất. Hễ có nhất tâm, sẽ chẳng có loạn tâm. Vì thế, nói là "thuận và nghịch". Như nói "thuần nhất chẳng tạp, ròng rặt, chẳng hai" v.v... chính là theo ý nghĩa này).*

Niệm Phật có thể thật sự sanh về Tịnh Độ hay không, then chốt ở ngay chỗ này. Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã bảo chúng ta: *"Có thể vãng sanh hay không được quyết định bởi có tín nguyện hay không?"* Nói cách khác, quý vị có tín tâm hay không? Có nguyện tâm hay không? Có tín và có nguyện, quyết định vãng sanh. Xét theo phẩm vị vãng sanh, Tây Phương Tịnh Độ có bốn cõi, ba bậc, chín phẩm: *"Phẩm vị cao hay thấp được quyết định bởi công phu niệm Phật sâu hay cạn"*. Công phu sâu là tâm thanh tịnh; công phu cạn là tâm tán loạn, điều này có quan hệ chặt chẽ với Tín và Nguyện. Tin thật sự, nguyện thiết tha, tâm thường chuyên nhất. Vì sao? Người ấy nhất tâm nhất ý chuyên cầu Tịnh Độ, đối với các pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều chẳng phan duyên, đấy mới là Tín. Tin Tây Phương Tịnh Độ, lại tin tham Thiền, lại tin trì giới, lại tin niệm chú, đó chẳng phải là chân tín, chẳng phải là Tín. Lại còn nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, vừa nguyện có tiếng tăm, lợi dưỡng trong hiện tiền. Đó chẳng phải là Nguyện. Nguyện của quý vị quá tạp, quá nhiều. Ở đây, [tổ Liên Trì] muốn nói tới sự chuyên nhất, "*tinh nhất vô nhị"* là nhấn mạnh điều này.

Người thật sự chuyên nhất ý chí, đích xác là tự nhiên buông xuống vạn duyên. Nhà khoa học dốc toàn bộ tinh thần làm thí nghiệm, ngay cả ăn lẫn ngủ đều quên bẵng, thời gian cũng quên khuấy, làm việc chẳng biết tới thời gian. [Có trường hợp] nhà khoa học Âu Tây đói bụng, luộc trứng gà, kết quả là đã bỏ cái đồng hồ đeo tay của chính mình vào nồi luộc! Nhìn từ chỗ này, [có thể] thấy người ấy dụng tâm chuyên chú. Tín tâm và nguyện tâm của chúng ta phải chuyên như vậy thì mới được. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư đã nói: *"Nếu người thật tu đạo, chẳng thấy lỗi thế gian"*. Một người thật sự tu đạo, tâm chuyên chú nơi đạo, chuyện gì trong thế gian người ấy cũng chẳng màng, chẳng có thời gian để hỏi tới, thị phi, nhân ngã thảy đều chẳng biết, tâm người ấy chuyên chú nơi công phu. Đó là bậc tu đạo thật sự. Người tu Tịnh Độ, tâm chuyên chú nơi y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương; trong mười hai thời, khởi tâm động niệm tưởng Tây Phương Cực Lạc thế giới, hễ nghĩ bèn nghĩ tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, hễ niệm bèn niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đấy chính là "trọn đủ Tín Nguyện Hạnh". Hội đủ ba điều kiện ấy, người đó quyết định vãng sanh. Thiện Đạo đại sư bảo: *"Trăm người tu, trăm người vãng sanh; ngàn người tu, ngàn người vãng sanh"*. Chẳng sót một ai! Cái tâm còn tạp, còn loạn, còn dấy vọng tưởng, sẽ chẳng thể vãng sanh! Ngàn muôn phần chúng ta phải ghi nhớ điều này.

Có các đồng tu đến hỏi tôi: "Tiêu nghiệp chướng sâu nặng bằng cách nào? Làm thế nào thì mới có thể sám trừ nghiệp chướng?" Chư vị hãy nghĩ xem, người ấy có thể tiêu nghiệp chướng được hay chăng? Chẳng thể tiêu nổi! Vì sao chẳng thể tiêu nổi? Suốt ngày từ sáng đến tối luôn tăng trưởng nghiệp chướng! Nghiệp chướng là gì? Dấy vọng tưởng là nghiệp chướng. Suy Đông nghĩ Tây, suy trước nghĩ sau, đó là nghiệp chướng. Tiêu trừ nghiệp chướng như thế nào? Niệm A Di Đà Phật, nghiệp chướng liền tiêu trừ, vì một câu A Di Đà Phật chẳng phải là nghiệp chướng. Chẳng niệm A Di Đà Phật bèn dấy vọng tưởng; đó là nghiệp chướng hiện tiền. Chư vị hãy ngẫm xem, phương pháp nào tiêu trừ nghiệp chướng hữu hiệu nhất? Chính là niệm Phật. Niệm Phật, đọc kinh, quyết định tiêu trừ nghiệp chướng. Đọc kinh thì chẳng được nghiên cứu; hễ nghiên cứu, sẽ lại biến thành nghiệp chướng! Làm sao có thể nghiên cứu kinh cho được? Kinh là nghĩa chân thật của Như Lai; ta chưa thành Như Lai, làm sao có thể hiểu nghĩa chân thật của Như Lai? Về căn bản là chẳng thể nào! Do đó, quý vị hãy thật thà niệm. Niệm kinh bèn

tiêu nghiệp chướng; nghiên cứu kinh sẽ tăng trưởng nghiệp chướng. Chuyện này chẳng do tôi đặt ra, mà do Thanh Lương đại sư đã nói. Tâm quý vị vẫn là loạn tâm, tạp tâm, vẫn là cái tâm nhiễm ô. Nhiễm ô là trong tâm có tham, sân, si, mạn, những gì quý vị hiểu về Phật pháp toàn là tà tri tà kiến, vì quý vị chẳng đoạn phiền não. Đoạn phiền não, Phật pháp do quý vị đã hiểu sẽ được gọi là Chánh Đẳng Chánh Giác, khác hẳn! Đoạn Kiến Tư phiền não, tri kiến sẽ là Chánh Giác. Chẳng đoạn Kiến Tư phiền não, đều là tà tri tà kiến. Bản thân chúng ta nhất định phải nhận biết rõ ràng điều này. Chúng ta chưa đoạn Kiến Tư phiền não, hãy thật thà niệm Phật, sẽ tiêu nghiệp chướng, phá vô minh, đoạn tà kiến.

*"Nhất"* rất trọng yếu, [Nhất có nghĩa là] thuần nhất, chẳng tạp. Có những kẻ cảm thấy một quyển kinh, một Phật hiệu quá đơn giản, sau khi niệm một khoảng thời gian bèn hoài nghi, chỉ sợ [hành trì theo] kiểu này không được, chẳng đáng tin cậy! Không sao cả! Quý vị cảm thấy cách nào đáng tin cậy cứ chọn cách đó. Quý vị chẳng sợ phiền phức thì kinh Hoa Nghiêm nhiều lắm, hãy học Hoa Nghiêm đi, kinh ấy chẳng đơn giản! Duy Thức có rất nhiều thứ, [tông ấy có] sáu kinh, mười một luận [căn bản][29], lại còn có chú sớ của tổ sư đại đức, tổng cộng hơn mấy trăm loại, chẳng đơn giản! Thích từ môn nào bèn vào từ môn đó. Nếu nghĩ pháp môn này quá đơn giản, chẳng đáng tin cậy cho lắm, quý vị hãy hành theo những bộ đại kinh, đại luận đó! Bởi lẽ, vô lượng pháp môn trong Phật pháp nhằm thích hợp các loại căn cơ khác nhau để cho quý vị tự do chọn lựa. Nói thật ra, do sợ phiền phức, chúng ta mới chọn lựa pháp môn này. Đầu óc chúng ta đơn giản, nên chọn lựa một pháp đơn giản, dễ dàng, chẳng tốn công sức gì, chúng ta đi theo đường lối này. Nếu quý vị chẳng sợ phiền phức, chuộng rườm rà, trong Phật môn có rất nhiều thứ phức tạp, rườm rà. Đây là lòng đại từ đại bi của đức Phật.

Pháp môn này nhấn mạnh "thuần nhất chẳng tạp". Phải áp dụng thuần nhất chẳng tạp vào khởi tâm động niệm trong cuộc sống, đó là tu hành. Từ sáng đến tối thường giữ cho tâm chuyên nhất, tâm người ấy

---

[29] Sáu kinh là kinh Hoa Nghiêm, kinh Giải Thâm Mật, kinh Như Lai Xuất Hiện Công Đức Trang Nghiêm, kinh Đại Thừa A Tỳ Đạt Ma, kinh Lăng Già, kinh Đại Thừa Mật Nghiêm. Mười một luận là Du Già Sư Địa Luận, Hiển Dương Thánh Giáo Luận, Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh Luận, Tập Lượng Luận, Nhiếp Đại Thừa Luận, Thập Địa Kinh Luận, Quán Sở Duyên Duyên Luận, A Tỳ Đạt Ma Tập Luận, Nhị Thập Duy Thức Luận, Thập Biện Trung Biên Luận, Phân Biệt Du Già Luận. Tuy vậy, trên thực tế, tại Trung Hoa, hai bộ luận chủ yếu để nghiên cứu Duy Thức Pháp Tướng lại là Thành Duy Thức Luận và Du Già Sư Địa Luận.

(người tu pháp môn Tịnh Độ) chỉ có một chuyện là A Di Đà Phật. Kẻ khác khen ta hay, chê ta dở, ta thảy đều chẳng nghe, ta chỉ là "A Di Đà Phật". Người khác bảo ta đúng, hoặc chê ta sai, chẳng liên quan gì đến ta, ta vẫn "A Di Đà Phật", đó là đúng. Hễ hơi bị dao động bởi cảnh giới, tâm ta sẽ loạn, sẽ tạp, đã bị nhuốm bẩn, như vậy sẽ chẳng phải người niệm Phật, chẳng phải là tu Tịnh Độ. Người tu Tịnh Độ phải tu gì? Thấy mà chẳng thấy, nghe mà chẳng nghe. Ở chung một chỗ với kẻ khác, gật gù ứng phó cho qua chuyện, người ta nói gì cũng gật đầu, "đúng vậy, đúng vậy". "Đúng vậy, đúng vậy" cả buổi, kẻ khác hỏi: "Hắn nói chi đó?" Chẳng biết! *"Chẳng biết"* là đúng đấy! Trong tâm ta chỉ có A Di Đà Phật, đúng là như vậy, chớ nên chẳng [gật gù đồng ý với ý kiến của kẻ khác] cho xong chuyện! Đấy chính là *"kính nhi viễn chi"* như cổ đức đã dạy. Thái độ và tướng mạo của chúng ta rất cung kính, *"viễn"* (遠) là "kẻ ấy nói gì, ta chẳng nghe thấy", chẳng phải là "lánh thật xa kẻ đó". Thường gìn giữ tâm địa của chính mình *"thuần nhất bất tạp, tinh nhất vô nhị"* (thuần nhất chẳng tạp, ròng rặt chẳng hai), kẻ thật sự tu Tịnh Độ phải tu từ chỗ này. Do đó, kẻ biết tu rất ít, đại đa số chẳng biết tu! Tuy niệm Phật, mà hễ nghe thấy đôi chút âm thanh, trong tâm bèn nghi thần nghi quỷ, nghe kẻ khác nói mấy câu, [liền băn khoăn, thắc mắc] có phải là họ đang nói điểm hay điều dở của ta hay chăng? Vậy thì có hỏng bét hay là không? Chẳng nói tới họ, mà họ cũng vơ quàng vào, cũng cho là [kẻ khác] đang nói tới điều đúng, lẽ sai của chính mình, suốt ngày từ sáng đến tối sống trong cảnh giới sợ hãi, kẻ ấy rất đáng thương! Đúng là *"thiên hạ vốn vô sự, kẻ vụng về tự rối bời"*. Chính mình tự tìm nỗi phiền phức cho chính mình!

Nói thật ra, bản thân Tăng đoàn cũng rất phức tạp. Đừng nói hiện thời đang nhằm thời kỳ Mạt Pháp, Tăng đoàn trong thuở Thích Ca Mâu Ni tại thế, nhóm Lục Quần tỳ-kheo[30] là những học trò chẳng nghe lời. Trong Tăng đoàn, họ tạo tác thị phi, khơi gợi ly gián. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế mà tình hình đã là như thế. Do vậy, đoàn thể [luôn luôn] là rắn rồng hỗn tạp! Thuở đức Phật tại thế, đương nhiên Phật là

[30] Lục Quần Tỳ Kheo (ṣaḍ-vargiṇīyo bhikṣuṇīyaḥ) là từ ngữ chỉ sáu vị tỳ-kheo kết bè đảng, gây rối Tăng đoàn thời đức Phật tại thế. Họ không giữ giới luật, làm nhiều chuyện ác, nhằm tạo cơ hội cho đức Phật chế giới. Theo luật Tứ Phần, các vị đó là Nan Đà (Nanda, đôi khi còn phiên âm là Nạn Đồ), Bạt Nan Đà (Upananda), Ca Lưu Đà Di (Kālodāyin), Xiển Na (Chanda, tức Xa Nặc), A Thuyết Ca (Aśvaka, còn dịch nghĩa là Mã Túc hoặc Mã Sư), và Phất Na Bạt (Punarvasu, Mãn Túc).

tiêu chuẩn tuyệt đối cho chúng ta, dẫu [kẻ nào] ăn nói khuấy động thị phi thế nào đi nữa, họ (các đệ tử Phật) chẳng cần nghe, mà nghe lời Phật dạy. Lời Phật dạy là lời chân thật. Đức Phật chẳng tại thế, những kẻ [quấy hôi bôi nhọ] ấy càng đông, làm thế nào đây? Đức Phật dạy chúng ta một phương pháp rất mầu nhiệm. Để đối phó những gã tỳ-kheo xấu ác chuyên môn làm khó dễ, gây chuyện ấy, đức Phật dùng một phương pháp gọi là Mặc Tẫn (默擯, Brahma-danda), Mặc Tẫn là không quan tâm đến họ. Họ nói chuyện với ta, nói đúng, sai, ưu, khuyết, ta cung kính "dạ, dạ, vâng vâng", vâng dạ cả buổi, chẳng nghe lọt tai câu nào. Đó là phương pháp Mặc Tẫn. Hoặc là nghe xong, quyết định không kể lại, ta tuyệt đối chẳng nói cho người thứ hai biết, kẻ [lắm điều, xấu ác] ấy đành bó tay! Do vậy, Tăng đoàn chân chánh phải gìn giữ sự hòa hợp, điều này rất khẩn yếu. Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta, dùng chánh pháp để ảnh hưởng kẻ ấy, dần dần kẻ ấy cũng sẽ cải tà quy chánh. Nếu kẻ ấy chẳng cải tà quy chánh, mọi người trong Tăng đoàn ấy đều chẳng quan tâm tới hắn, hắn biến thành kẻ trơ trọi, cô đơn, chỉ đành phục tùng đa số, phục tùng đại chúng. Nếu không, tự nhiên hắn sẽ lìa khỏi Tăng đoàn, quý vị cũng chẳng cần xua đuổi hắn, hắn chẳng ở được! Không ai đếm xỉa tới hắn, tự nhiên hắn lìa khỏi. Đức Phật dạy chúng ta phương pháp này, quyết định chẳng mất lòng ai! Do vậy có thể biết, *"thuần nhất bất tạp, tinh nhất vô nhị"* hết sức trọng yếu.

***(Sao) Hoa Nghiêm Thập Hồi Hướng đệ tứ văn vân.***

**(鈔)華嚴十回向第四文云。**

(***Sao****: Kinh văn trong phần giảng về địa vị thứ tư trong phẩm Thập Hồi Hướng của kinh Hoa Nghiêm có nói).*

Phần kinh văn giảng về địa vị Đệ Tứ Hồi Hướng Bồ Tát.

***(Sao) Sở vị bất loạn hồi hướng, nhất tâm hồi hướng.***

**(鈔)所謂不亂回向，一心回向。**

(***Sao****: Có nói "bất loạn hồi hướng, nhất tâm hồi hướng").*

*"Bất loạn"* là hồi hướng, *"nhất tâm"* là hồi hướng. Chư vị tham cứu thấu đáo ý nghĩa này, mới có thể thấu hiểu lời cổ nhân nói: Pháp môn Niệm Phật được gọi là *"bất hồi hướng pháp môn"*. Chẳng cần phải hồi hướng, vì sao? Vì nhất tâm là hồi hướng, bất loạn là hồi hướng,

chẳng cần phải đặc biệt hồi hướng. Lời giải thích kế đó rất trọng yếu:

***(Sao) Thích vân nhất tâm giả, chuyên chú chánh cảnh dã.***
**(鈔)**釋云一心者，專注正境也。
*(**Sao**: Giảng rằng: Nhất tâm là chuyên chú nơi chánh cảnh).*

*"Chánh cảnh"* của người niệm Phật là gì? Chính là y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Tây Phương. Nói tổng quát sẽ là một câu A Di Đà Phật. Tâm quý vị *"chuyên chú"*, đó chính là như chúng tôi thường nói: "Đối với câu Phật hiệu này, chẳng hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn". Đấy là chuyên chú, là nhất tâm. Nói *"nhất tâm xưng niệm"* thì phải niệm theo kiểu ấy. Niệm Phật như thế sẽ là công đức, thật sự đang tu Tịnh nghiệp, tu nhất tâm bất loạn.

***(Sao) Bất loạn giả, bất sanh vọng niệm dã.***
**(鈔)**不亂者，不生妄念也。
*(**Sao**: Bất loạn là chẳng sanh vọng niệm).*

Ngoài một niệm A Di Đà Phật ra, tuyệt đối chẳng có niệm thứ hai. Vì quý vị có niệm thứ hai sẽ là vọng niệm. Bất luận dấy lên niệm nào, cũng đều là vọng niệm. Quý vị tưởng Thích Ca Mâu Ni Phật cũng là vọng niệm, tưởng Tỳ Lô Giá Na Như Lai vẫn là vọng niệm. Bảo quý vị niệm A Di Đà Phật, cớ sao quý vị nghĩ tới Bồ Tát, Phật khác? Đó đều là vọng niệm. Ngay cả tưởng chư Phật, Bồ Tát mà đều là vọng niệm, huống hồ những thứ khác? Nếu chẳng hiểu rõ chuyện này, công phu niệm Phật lúc bình thường của chúng ta làm sao đắc lực cho được?

***(Sao) Chuyên chú bất vọng, tức chánh phản ý.***
**(鈔)**專注不妄，即正反意。
*(**Sao**: Chuyên chú chẳng vọng, tức là ý nghĩa thuận và nghịch).*

*"Chuyên chú"* là nói theo phương diện thuận. *"Chẳng sanh vọng niệm"* là nói theo phía tương phản. Đây chính là lời giải thích của nhất tâm bất loạn. Đoạn này nhằm nêu tổng quát đại ý, đoạn dưới đây sẽ giải thích cặn kẽ.

***(Sớ) Thứ minh Sự Lý giả.***

**(疏)次明事理者。**

*(**Sớ**: Kế tiếp là giảng về Sự và Lý).*

Nhất tâm bất loạn có Sự nhất tâm bất loạn và Lý nhất tâm bất loạn.

***(Sớ) Như Lai nhất ngữ, Sự Lý song bị, cố đồng danh Nhất Tâm, hữu Sự, hữu Lý.***

**(疏)如來一語，事理雙備，故同名一心，有事有理。**

*(**Sớ**: Một lời của Như Lai đầy đủ Sự lẫn Lý; vì thế, cùng gọi là Nhất Tâm mà có Sự và Lý).*

Một câu nói của đức Phật, không chỉ là có Sự, có Lý, mà còn có Thể, có Tướng, có Dụng, có nhân, có quả, pháp nào cũng đều viên dung, khía cạnh nào cũng xét tới. Do đó, muốn hiểu từng câu, từng chữ của Như Lai chẳng phải là chuyện dễ dàng! Chỉ có thể dùng cái tâm cực thanh tịnh để lãnh hội, chứ tư duy, tưởng tượng, ngôn thuyết đều chẳng có cách nào nói viên dung, chỉ có thể diễn tả một phần mà thôi, chẳng có cách nào liễu giải toàn thể! Ở đây, [lời Sớ] đã nêu đại lược Sự và Lý.

***(Diễn) Sự Lý song bị giả, Như Lai dĩ Quyền Thật nhị trí, chứng Chân Tục nhị đế chi lý. Phàm thuyết pháp thời, bất ly Nhị Đế. Y Tục Đế thuyết pháp, cố hữu Sự, y Chân Đế thuyết pháp, cố hữu Lý. Sở y chi Đế, Chân Tục bất nhị, cố nhất tự, nhất ngữ, Sự Lý song bị dã.***

**(演)事理雙備者，如來以權實二智，證真俗二諦之理。凡說法時不離二諦，依俗諦說法故有事，依真諦說法故有理。所依之諦，真俗不二，故一字一語，事理雙備也。**

*(**Diễn**: "Đầy đủ Sự lẫn Lý"": Như Lai dùng Quyền Trí và Thật Trí để chứng lý Chân Đế và lý Tục Đế. Mỗi khi thuyết pháp, đều chẳng rời khỏi Nhị Đế. Do nương theo Tục Đế để thuyết pháp bèn có Sự. Nương theo Chân Đế để thuyết pháp bèn có Lý. Đối với Đế để nương vào thì Chân Đế và Tục Đế chẳng hai; vì thế, mỗi chữ, mỗi lời đều trọn đủ Sự lẫn Lý).*

Đây là một điều thường thức quan trọng trong Phật học, tức là nói

*"Phật nương vào Nhị Đế để thuyết pháp"*. Nếu quý vị chẳng hiểu nguyên lý và nguyên tắc thuyết pháp này, sẽ rất khó hiểu rốt cuộc đức Phật nói điều gì, thường hiểu lầm ý nghĩa. Đã hiểu lầm ý nghĩa, còn oán thầm đức Phật, hủy báng Tam Bảo, tạo tội nghiệp sâu xa. Đức Phật thuyết pháp là nói trong trường hợp nào? Nói với người nào? Điều này có mối quan hệ rất lớn. Thuở đức Phật tại thế thuyết pháp, Ngài ứng cơ thuyết pháp: Người nào đưa ra vấn đề nào, đức Phật có năng lực thần thông thù thắng, chuyện trong đời đời kiếp kiếp của người ấy, đức Phật đều biết. Vì thế, Ngài thuyết pháp rất khế cơ. Người khác lại đến hỏi, căn cơ trong đời trước của hai người ấy chẳng giống nhau, cùng hỏi một vấn đề giống như nhau, nhưng có thể là đức Phật có hai lời đáp khác nhau. Chúng ta thấy vậy ngơ ngác: "Vì sao đối với người này, đức Phật nói như vậy; đối với kẻ kia, lại nói như thế nọ?" Không chỉ đức Phật là như thế, Khổng lão phu tử cũng là như thế. Trong Luận Ngữ, khi học trò hỏi về đạo hiếu, Khổng lão phu tử đã trả lời mỗi người mỗi khác. Hỏi về lòng nhân, Ngài cũng trả lời chẳng giống nhau, rốt cuộc câu trả lời nào là đúng? Thuở ấy, khi có người đến hỏi, Khổng lão phu tử giảng giải cho người ấy [cách nào cũng] đều đúng, ứng cơ mà! Phật pháp là khế cơ, khế lý. Vì thế, chuyện này chẳng dễ dàng.

Nay chúng ta mở kinh điển ra xem, đôi khi [bộ kinh nào đó] chẳng khế hợp căn cơ của chúng ta. Vì sao? Chẳng phải là điều chúng ta thắc mắc. Nếu đức Phật tại thế, hễ chúng ta hỏi, đức Phật nhất định sẽ khai thị, [lời khai thị tức là] bộ kinh ấy nhằm giảng cho chúng ta, nên sẽ khế hợp căn cơ của ta. Những kinh khác là để giảng cho người khác. Giống như thầy thuốc chữa bệnh, người bệnh nào đến, thầy sẽ bắt mạch rồi mới kê toa. Người thứ hai đến, cùng một chứng bệnh, thầy bắt mạch, kê toa, cho thuốc chẳng giống, phân lượng có tăng giảm, há lẽ nào có chuyện toa thuốc giống hệt nhau? Hai người mắc bệnh giống hệt nhau, mà bệnh tình nặng như nhau, chẳng thể nào có chuyện ấy! Vì sao? Thể chất mỗi người khác nhau. Có người sức đề kháng mạnh, có kẻ sức đề kháng yếu ớt. Chúng ta phải hiểu rõ đạo lý ấy. Do vậy, đức Phật chẳng có pháp nhất định để có thể nói. Quý vị coi Phật pháp là pháp cố định, lẽ nào Phật chẳng kêu oan uổng? *"Y văn giải nghĩa, tam thế Phật oan"* (Dựa theo kinh văn để hiểu nghĩa, ba đời chư Phật bị oan uổng), ba đời chư Phật đều kêu oan uổng, quý vị đã hiểu sai bét ý nghĩa của ta! Phật, Bồ Tát thuyết pháp còn như thế, chúng ta thuyết pháp bị người khác hiểu oan uổng càng nhiều hơn! Phải hiểu tình hình này, phải hiểu căn cứ thuyết

pháp này.

Quyền Trí là Phương Tiện Trí, là phương tiện thiện xảo. Thật Trí là trí huệ chân thật. Nói đơn giản, Thật Trí là tâm thanh tịnh, Quyền Trí là tác dụng phát khởi bởi cái tâm thanh tịnh. Giảng kinh, thuyết pháp, các thứ thị hiện đều nhằm giúp người khác khai ngộ, các phương pháp và phương cách ấy đều gọi là Quyền Trí. Do đâu mà có Quyền Trí? Do Thật Trí mà có. *"Như Lai dĩ Quyền Thật nhị trí, chứng Chân Tục nhị đế chi lý"* (Như Lai dùng Quyền Trí và Thật Trí để chứng lý Chân Đế và Tục Đế). *"Chân"* là Thật Tướng, tức là chân tướng của hết thảy các pháp. Thật Tướng còn gọi là Chân Như Bản Tánh, Pháp Giới, hoặc Đệ Nhất Nghĩa Đế, có đến mấy chục loại danh từ, nhưng đều là nói về cùng một chuyện. Tục Đế là nói theo hiện tượng, là hình thái ý thức của hết thảy chúng sanh. Lục căn của họ tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, tư tưởng, kiến giải, việc làm đều là Tục Đế, chẳng có gì đức Phật không biết, thảy đều hiểu rõ ràng, minh bạch. Căn cứ để đức Phật thuyết pháp là chân tướng do chính Ngài đã thấy và căn cứ trên tất cả những cảm nhận sai lầm của đại chúng. Đức Phật thuyết pháp nhằm mục đích phá trừ cảm nhận sai lầm của quý vị, giúp quý vị nhận biết Thật Tướng. Nhận biết Thật Tướng được gọi là khai ngộ, phá mê, khai ngộ.

Đã mê bèn khổ! Đau khổ, hễ ngộ bèn vui, quý vị chẳng thấu hiểu niềm vui do ngộ, vì sao? Vì quý vị chưa hề khai ngộ, chẳng biết niềm vui sướng do ngộ. *"Mê"* là trong tâm quý vị có vọng tưởng, có chấp trước, có phân biệt, có phiền não, có ưu lự, có vướng mắc, làm sao quý vị vui sướng cho được? Dẫu quý vị có vui, niềm vui ấy là giả, chẳng thật. Người đã ngộ, chẳng mê, không chấp trước, chẳng phân biệt, chẳng có ưu lự, vướng mắc, phiền não. Mê hay ngộ sai biệt ở ngay chỗ này. Sau khi nghe kinh còn có cả đống vấn đề muốn hỏi, chắc chắn là người ấy chưa khai ngộ. Hễ ngộ, sẽ chẳng có thắc mắc. Trước kia, thầy Lý giảng kinh, thuyết pháp, nghe chẳng hiểu thì thôi! Có hỏi, thầy cũng chẳng nói. Nói một lần, chẳng nhắc lại nữa, chẳng hiểu thì cứ là chẳng hiểu, phương pháp này rất hay! Lần sau, quý vị muốn nghe hiểu thì phải chú ý nghe. Hễ nghe mà bỏ sót thì chắc chắn là thầy chẳng lặp lại lần thứ hai. Đấy là phương cách thầy Lý sử dụng trong cả một đời giảng kinh dạy học, đúng là đã giảm bớt rất nhiều việc.

*"Phàm thuyết pháp thời bất ly Nhị Đế"* (Phàm là lúc thuyết pháp bèn chẳng lìa Nhị Đế). Suốt một đời, đức Phật thuyết pháp bốn mươi chín năm chẳng lìa khỏi nguyên lý và nguyên tắc này. Nói theo kiến giải

và thường thức của đại chúng, sẽ là có Sự. Vì sao? Những điều ấy đều là do mọi người phân biệt, chấp trước, cho rằng nhất định là có, nhất định tồn tại, đức Phật bèn nói thuận theo quý vị, đức Phật hoàn toàn chẳng phản bác. Hễ phản bác, chắc chắn là quý vị chẳng thừa nhận. Lũ phàm phu chúng ta nói "đây là ngã", đức Phật nói "vô ngã", hai điều ấy chẳng thể nào không mâu thuẫn! Có lúc, đức Phật thuyết pháp thuận theo tri kiến của chúng sanh, cách thuyết pháp ấy được gọi là *"bất liễu nghĩa"*. Thuyết pháp [theo kiểu] "bất liễu nghĩa" rất nhiều! Trong Tứ Y Pháp, đức Phật đã dạy chúng ta: *"Y liễu nghĩa, bất y bất liễu nghĩa"*. Vì sao đức Phật phải nói [các pháp] bất liễu nghĩa? Nói bất liễu nghĩa, quý vị mới hiểu; nói pháp liễu nghĩa, quý vị chẳng thể tiếp nhận. Càng liễu nghĩa, trình độ càng cao; càng là bất liễu nghĩa, trình độ càng thấp. Nếu nói theo Ngũ Thừa Phật pháp: Nhân Thừa là bất liễu nghĩa nhất. So với nhân thì thiên được coi là liễu nghĩa. Nếu so sánh giữa thiên và Thanh Văn thì thiên là bất liễu nghĩa, Thanh Văn là liễu nghĩa. So sánh giữa Thanh Văn và Duyên Giác, Thanh Văn là bất liễu nghĩa, Duyên Giác là liễu nghĩa. So sánh giữa Duyên Giác và Bồ Tát, Bồ Tát là liễu nghĩa, Duyên Giác là bất liễu nghĩa. So sánh giữa Bồ Tát và Phật, Phật là liễu nghĩa, Bồ Tát là bất liễu nghĩa. Đức Phật dạy chúng ta *"y liễu nghĩa, bất y bất liễu nghĩa"*, hy vọng chúng ta sẽ dần dần nâng cao trình độ, đừng giữ mãi tầng cấp "bất liễu nghĩa". Đức Phật mong mỏi chúng ta sẽ tinh tấn, sẽ tiến bộ thuần nhất, Ngài chẳng tán thành quý vị giữ chặt giai đoạn hiện tiền, phải là hằng ngày đều cầu tiến bộ.

*"Y Chân Đế thuyết pháp cố hữu Lý"* (Nương theo Chân Đế để thuyết pháp nên có Lý). Lý là căn do của sự tướng. Vì sao có Sự? Vì sao có hiện tượng ấy? Nói chung là có đạo lý. Nói thật ra, nhìn theo Sự dễ dàng, xét theo Lý, khó khăn! Chúng ta mỗi ngày mặc quần áo, ăn uống, đó là Sự, mọi người quen thói coi là chuyện thường. Nếu quý vị nghiên cứu vì sao phải ăn uống, rất có thể là [sẽ nhận thấy] Lý ấy phiền phức to lớn. Nói thế nào cũng chỉ sợ chẳng nói rõ được! Diện mạo của con người rất thanh tú, ngũ quan rất đoan chánh, nếu quý vị hỏi: "Vì sao có hai mắt? Vì sao có một cái miệng? Vì sao không mọc ra hai cái miệng? Chẳng mọc bốn mắt?" Chuyện này bèn trở thành phiền phức, đạo lý rất sâu, đều có Lý trong ấy. Thông đạt lý luận, những vấn đề nơi Sự đều được giải quyết. Thông đạt Sự, lý luận cũng minh bạch. Lý và Sự giúp nhau hoàn thành. Nghiên cứu khoa học cũng giống như vậy, thường thường là phát hiện dựa trên lý luận, tuân theo lý luận để tìm tòi, kết quả là có sự vật

được phát minh. Quá nửa phát minh khoa học kỹ thuật hiện thời là do trước hết đã phát hiện theo lý luận, sau đó mới căn cứ trên lý luận ấy để tìm ra phát minh khoa học, kỹ thuật mới. Phật pháp cũng là như thế; vì vậy, mỗi chữ, mỗi câu đều có Sự và Lý.

*"Sở y chi Đế"* (Đế lý để nương vào), Đế (諦, Satyāni) là chân lý. *"Đế"* có nghĩa là chân thật, tuyệt đối chẳng phải là hư vọng. *"Chân Tục bất nhị"* (Chân Đế và Tục Đế chẳng hai). Lý là bản thể của sự tướng, sự tướng là sự tướng của Lý, là sự tướng của bản thể. Thể, Tướng, Dụng là cùng một chuyện, tuy một mà ba, tuy ba mà một. Chân và Tục chẳng hai, như vậy mới là pháp nào cũng viên dung, chuyện gì cũng vô ngại. Kinh Hoa Nghiêm nói *"Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại"*. Dựa theo đạo lý ấy mà nói. Theo Lý là như thế, mà theo Sự cũng là như thế. Nơi Sự cũng là vô ngại. Vì sao hiện thời chúng ta bị trở ngại nơi Sự? Sự trở ngại ấy là do dấy lên mê chấp, do quý vị có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vốn chẳng có chướng ngại mà biến thành chướng ngại tầng tầng. Khuyết điểm nẩy sanh từ chỗ này. Đến khi nào mới thật sự nhập vô chướng ngại, sống đại tự tại? Kinh Hoa Nghiêm có nói: Từ Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên, đã đoạn Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não đã đoạn, cũng phá một phẩm vô minh, bèn nhập vô chướng ngại pháp giới. Tựa đề của kinh Tứ Thập Hoa Nghiêm là Nhập Bất Tư Nghị Giải Thoát Cảnh Giới, cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn. Giải thoát là thật sự tự do tự tại, nhập cảnh giới ấy. Chẳng phá vô minh, sẽ chẳng thể tiến nhập được, luôn bị chướng ngại. Phương pháp [được sử dụng] trong pháp môn Niệm Phật thật sự xảo diệu tột bậc, dùng một câu Phật hiệu để khiến cho chúng ta đạt tới cảnh giới ấy. Tây Phương Cực Lạc thế giới là cảnh giới giải thoát viên mãn rốt ráo chẳng thể nghĩ bàn, các đồng tu chúng ta chớ nên hoài nghi, vì kinh Vô Lượng Thọ đã dạy rất rõ ràng: *"Giai tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức"* (Đều tu phẩm đức của Phổ Hiền đại sĩ). Đức của Phổ Hiền đại sĩ là "pháp giới vô chướng ngại"; tựa đề của kinh [Tứ Thập Hoa Nghiêm] là Nhập Bất Tư Nghị Giải Thoát Cảnh Giới. Tây Phương Cực Lạc thế giới là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Đấy chính là nói: *"Nhất tự, nhất ngữ, Sự Lý song bị"* (Từng chữ, từng lời đều trọn đủ Sự lẫn Lý).

***(Sớ) Như Đại Bổn vân: "Nhất tâm hệ niệm", chánh sở vị nhất tâm bất loạn dã, nhi Sự Lý các biệt. Sơ, Sự nhất tâm giả, như tiền ức niệm, niệm niệm tương tục, vô hữu nhị niệm, Tín Lực thành tựu, danh Sự nhất tâm, thuộc Định môn nhiếp, vị hữu huệ cố.***

**(疏)如大本云：一心繫念，正所謂一心不亂也，而事理各別。初事一心者，如前憶念，念念相續，無有二念，信力成就，名事一心，屬定門攝，未有慧故。**

*(**Sớ**: "Nhất tâm hệ niệm" như được nói trong kinh Đại Bổn chính là "nhất tâm bất loạn" [được nói trong kinh này], nhưng [nhất tâm] có Sự và Lý khác biệt. Trước hết, [luận về] Sự nhất tâm: Như đối với sự ức niệm đã nói trong phần trước, niệm niệm liên tục, chẳng có hai niệm, Tín Lực thành tựu, gọi là Sự nhất tâm, thuộc về Định môn, do chưa có huệ).*

Giải thích tướng mạo của Sự nhất tâm. Kinh Vô Lượng Thọ nói là *"nhất tâm hệ niệm"*, dễ hiểu hơn điều được nói trong kinh này, kinh này nói là *"nhất tâm bất loạn"*. Trong bản tiếng Phạn của kinh A Di Đà cũng ghi là *"nhất tâm hệ niệm"*, chẳng phải là *"nhất tâm bất loạn"*. *"Nhất tâm bất loạn"* là do Cưu Ma La Thập đại sư dịch ý, chẳng phải là "trực dịch", [mà là] dịch theo ý nghĩa, chẳng phải là dịch theo mặt chữ. Bản dịch của Huyền Trang đại sư là trực dịch, [nghĩa là] văn tự ghi như thế nào, Ngài bèn dịch như thế đó. Đây là hai phương thức dịch thuật khác biệt. Bản dịch của Huyền Trang đại sư ghi là *"nhất tâm hệ niệm"*. *"Hệ niệm"* (繫念) là vương vấn, nhất tâm nhất ý vương vấn điều gì? Vương vấn A Di Đà Phật, những thứ khác đều chẳng bận tâm tới, thảy đều buông xuống. Từ nay trở đi, nhất tâm chỉ nghĩ niệm A Di Đà Phật. Nghe như vậy, [sẽ cảm thấy] dễ hiểu và dễ học hơn nhiều. Đấy chính là ý nghĩa *"nhất tâm bất loạn"* được chép trong kinh Tiểu Bổn. Có thể thấy là kinh Đại Bổn nói *"nhất tâm hệ niệm"* thì ý nghĩa xác thực của *"hệ niệm"* là *"nhất tâm bất loạn"*. La Thập đại sư dùng cách dịch ý, [vì thế, lời Sớ mới ghi]: *"Chánh sở vị nhất tâm bất loạn dã"* (Chính là nói tới nhất tâm bất loạn). Phạm vi của nhất tâm bất loạn rất rộng, rốt cuộc, nhất tâm là gì? Bất loạn là gì? Trong ấy, có rất nhiều tiêu chuẩn. Nếu chẳng có lắm tiêu chuẩn ngần ấy, Tịnh Độ Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng thể có bốn cõi, ba bậc, chín phẩm. Bốn cõi, ba bậc, chín phẩm đều là nhất tâm bất loạn. Vãng sanh cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng là nhất tâm bất loạn. Thượng thượng phẩm vãng sanh trong cõi Thật Báo vẫn là nhất tâm bất loạn. Danh xưng giống nhau, nhưng trình độ trong ấy khác nhau, có cạn hay sâu khác biệt. Ngẫu Ích đại sư bảo điều này là do công phu cạn hay sâu, tức là công phu nhất tâm hệ niệm, công phu nhất tâm

bất loạn.

Trong ấy có Sự và Lý, đó là sự sai khác to lớn. Có sự sai khác to lớn vì có Sự và Lý. Hiện thời, trước hết bèn nói rõ Sự nhất tâm là gì. Sự nhất tâm chú trọng nơi sự tướng, dễ hiểu! Nói cách khác, đó là kiến thức thông thường, tư tưởng và kiến giải của bọn phàm phu chúng ta có thể đạt tới, đức Phật nói [những chuyện ấy] chúng ta rất dễ tiếp nhận. *"Lý"* là cảnh giới của Như Lai, chúng ta chẳng thấy, chẳng dễ tin tưởng cho lắm, khá khó tiếp nhận!

Sự nhất tâm sẽ được nói như thế nào? [Nói] từ cạn đến sâu. Trước hết, nói theo mức độ nông cạn nhất. *"Như tiền ức niệm"* [nghĩa là] như trong phần trước đã nói về ức niệm. *"Ức"* (憶) là tưởng, *"niệm niệm tương tục, vô hữu nhị niệm"* (niệm niệm nối tiếp, chẳng có hai niệm), như thế thì mới được. Niệm này nối tiếp niệm kia, chẳng thể gián đoạn. Hễ gián đoạn, sẽ còn có vọng tưởng xen tạp vào đó. Khi đoạn, cũng chẳng dấy vọng tưởng; [thế nhưng] không dấy vọng tưởng thì vô minh xen lẫn trong đó. Vô minh và vọng tưởng đều là đại chướng ngại. Do vậy có thể biết: Điều khẩn yếu trong câu Phật hiệu là niệm nào cũng đều chẳng gián đoạn. Sau khi đã đoạn, nếu chẳng phải là vọng tưởng thì nhất định là vô minh, hai thứ ấy đều là đại chướng ngại cho tâm tánh. Sở dĩ phàm phu chẳng thể minh tâm kiến tánh là do hai đại chướng ngại ấy. Vọng tưởng thuộc về Sở Tri Chướng, vô minh thuộc về Phiền Não Chướng. Thật ra, hai thứ ấy có thể dùng lẫn cho nhau, cũng có thể nói vọng tưởng là Phiền Não Chướng, vô minh là Sở Tri Chướng. Ý nghĩa gốc của vô minh là "chẳng hiểu rõ hết thảy vạn sự vạn pháp". Đó là vô minh, rất khó hiểu!

Đã từng có một người giảng kinh, khi giảng kinh, thính chúng hỏi người ấy "vô minh là gì", người ấy trích dẫn cả đống kinh điển. Kết quả là người nghe vẫn chẳng hiểu gì hết! Pháp sư Diễn Bồi đã kể một công án: Thuở xưa, có một vị Tể Tướng. Nhằm lúc vị pháp sư đang niệm kinh, ông ta bèn thỉnh giáo: "Vô minh là gì?" Vị pháp sư ấy chẳng đếm xỉa tới ông ta, cứ tiếp tục niệm. Hỏi hai ba câu vẫn chẳng đoái hoài, kết quả là ông ta nổi cáu: "Ngươi phách lối quá đi!" Pháp sư ngó lại: "Đó gọi là vô minh". Ông ta bèn lập tức đảnh lễ, đã biết vô minh là gì. Pháp sư đã thật sự dạy ông ta thấu hiểu ý nghĩa ấy. Ông ta có thật sự thấu hiểu hay không? Ông ta lãnh hội "vô minh" là "lửa vô minh", nói thật ra, vẫn chưa hiểu rõ ràng! Tôi bổ sung một câu: "Chẳng hiểu rõ thì chính là vô minh. Nghe xong bèn hiểu rõ, chứ nghe mà chẳng hiểu rõ thì là vô

minh". Tôi nói cả buổi, quý vị nghe chẳng hiểu, đó là vô minh. "*Minh*" (明) là hiểu rõ, thông đạt hết thảy vạn sự, vạn pháp, quá khứ, hiện tại, vị lai. Quý vị chẳng có năng lực ấy thì chính là vô minh.

Chẳng phải là vô minh, bèn là vọng tưởng, điều này rất phiền phức. Phá trừ vô minh, vọng tưởng bằng cách nào? Phật hiệu mầu nhiệm lắm! Đại Thế Chí Viên Thông Chương có nói *"tịnh niệm tương kế"* (tịnh niệm tiếp nối); quý vị chỉ cần làm được bốn chữ ấy, công phu niệm Phật sẽ đắc lực. *"Tịnh niệm"*: Tịnh (淨) là thanh tịnh. Trong tâm quý vị hoài nghi, tâm chẳng thanh tịnh. Niệm ấy chẳng gọi là "tịnh niệm". Quý vị còn suy nghĩ loạn cào cào, còn có xen tạp, tâm sẽ chẳng thanh tịnh, niệm ấy chẳng phải là tịnh niệm. *"Tịnh niệm"* (淨念) là chẳng hoài nghi, không xen tạp, *"tương kế"* (相繼) là chẳng ngừng. Chúng tôi thường nói, nói rất minh bạch: *"Chẳng hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn"*. Đối với chín chữ ấy, kinh Lăng Nghiêm chỉ dùng bốn chữ *"tịnh niệm tương kế"*. Niệm Phật như vậy, công phu đắc lực, niệm Phật như vậy sẽ là tương ứng.

*"Vô hữu nhị niệm, Tín Lực thành tựu, danh Sự nhất tâm"* (Chẳng có hai niệm, Tín Lực thành tựu, gọi là Sự nhất tâm). Liên Trì đại sư nói câu này hay quá. Đấy mới được coi là tin tưởng, ngưỡng mộ Tịnh Tông, mới được coi là tin tưởng A Di Đà Phật. Chúng ta có tin hay không? Chúng ta chẳng tin! Hằng ngày niệm Phật phát nguyện cầu vãng sanh, [thế mà] hằng ngày làm kẻ đối đầu với A Di Đà Phật, làm kẻ oan gia của tổ sư đại đức. Vì sao? Xen tạp, hoài nghi, gián đoạn, đó là làm kẻ oan gia, làm kẻ đối đầu, chẳng tin tưởng mà! Chúng ta nói tới Tín Nguyện Hạnh, [chỉ là] Tín Nguyện Hạnh ngoài miệng; trên thực tế, Tín Nguyện Hạnh thảy đều chẳng có, làm sao có thể vãng sanh cho được? Thật sự vãng sanh thì phải kiến lập từ chỗ này, *"Tín Lực thành tựu"*. Đó mới là Sự nhất tâm. Sự nhất tâm kiểu này chẳng cao, mà là Sự nhất tâm ở mức độ tối thiểu, cũng là điều kiện để hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Có điều kiện này là được, sẽ vãng sanh.

Điều này thoạt nhìn khó lắm, chẳng dễ dàng! Đúng thế! Nếu dễ dàng, há chẳng phải là người niệm Phật thảy đều vãng sanh ư? Thầy Lý thường nói: *"Trong một vạn người niệm Phật, chỉ có dăm ba kẻ vãng sanh"*, quý vị biết nguyên nhân là do chỗ này. Nói thật ra, dăm ba người vãng sanh đó, đúng là người thật thà. Quý vị chửi, đánh, nhục mạ họ, họ cũng không biết. Thậm chí, quý vị ở bên cạnh chửi họ cả buổi, họ chẳng biết quý vị đang chửi ai. Họ ở đó niệm *"A Di Đà Phật, A Di Đà Phật"*.

Họ có thể vãng sanh, vì sao? Họ có thể chuyên nhất, chẳng hai!

***(Diễn) Tín Lực thành tựu giả, Sự nhất tâm nhân, bất tu Lý Quán.***

**(演)信力成就者，事一心人，不修理觀。**

*(**Diễn**: Tín Lực thành tựu là người đắc Sự nhất tâm, chẳng tu Lý Quán).*

Lý luận của pháp môn này quá sâu, quá mầu nhiệm, kẻ bình phàm chẳng thể lý giải! Chẳng hiểu [vẫn] không sao cả, vẫn có thể vãng sanh y hệt! Thực hiện từ phương diện sự tướng là được rồi! Vì thế, pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn.

***(Diễn) Duy bằng Tín Lực.***

**(演)唯憑信力。**

*(**Diễn**: Chỉ cậy vào Tín Lực).*

Người ấy tin tưởng! Hai câu khai thị cốt lõi của kinh Di Đà là *"nhất tâm bất loạn, tâm chẳng điên đảo"*. Hai câu này khẩn yếu! Dùng phương pháp gì để đạt được? *"Chấp trì danh hiệu"*. Ba câu gồm mười hai chữ đã nói trọn hết cả bộ kinh Di Đà, toàn thể pháp môn Tịnh Tông cũng được nói trọn hết. Không chỉ là nói trọn hết toàn thể pháp môn Tịnh Tông, mà hết thảy kinh giáo và hết thảy các pháp môn do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm cũng đều được nói trọn, mới biết lời khai thị đại từ đại bi phổ độ chúng sanh tinh yếu nhất của chư Phật chính là ba câu này. Nếu quý vị thật sự nắm vững ba câu này, chẳng có lẽ nào không vãng sanh! Có thể nhất tâm thọ trì, từ Sự nhất tâm sẽ tự nhiên niệm đạt đến Lý nhất tâm. Bởi lẽ, do Sự nhất tâm có thể đắc Định. Sau khi đã đắc Định bèn khai ngộ, hễ ngộ bèn nhập Lý nhất tâm, chẳng khác gì đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh của Thiền Tông. *"Duy bằng Tín Lực"* (Chỉ cậy vào Tín Lực)! Do đó, chúng ta phải tin tưởng. Người nào thật sự tin tưởng? Từ nay trở đi, chẳng còn có thị phi, nhân ngã; chẳng còn có vọng tưởng, chấp trước, người ấy đã tin tưởng. Hễ còn suy nghĩ lung tung, còn có thị phi, nhân ngã, người ấy vẫn chẳng tin. Kẻ không tin đông đảo, người tin tưởng ít ỏi. Trong một vạn người, thật sự có dăm ba người tin tưởng, đại đa số là người nghe kinh bất quá chỉ gieo một tí thiện căn mà thôi. Do vậy có thể biết: Tín Căn kiến lập,

xác thực là như kinh Đại Bổn đã nói rất tỉ mỉ, người ấy từ vô lượng kiếp đến nay đã hành Bồ Tát đạo, cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, nay được mười phương chư Phật gia trì, tín tâm thành tựu, chẳng phải là kẻ bình phàm.

***(Diễn) Như thủy thanh châu, năng thanh trược thủy.***

**(演)如水清珠，能清濁水。**

*(**Diễn**: Như thủy thanh châu có thể lắng trong nước đục).*

Đây là nói theo tỷ dụ, *"thủy thanh châu"* là bảo châu. Nước đục ngầu, dơ bẩn, sau khi bỏ hạt châu này vào, những chất bẩn trong nước tự nhiên lắng xuống. Có loại châu để lắng trong nước hay không? Có! Rất tầm thường! Mua ngoài phố đều có. Nước đục bẩn, chúng ta biết dùng phèn chua. Bỏ phèn chua[31] vào, nước tự nhiên lắng cặn, bèn trong trẻo. Đấy chính là thủy thanh châu. Do vậy, thứ này hoàn toàn chẳng phải là thần thông, kỳ quái chi cả! Do nó phát sanh tác dụng phân giải hóa học khiến cho những chất cặn trong nước lắng chìm xuống đáy, nước khôi phục sự thanh tịnh.

***(Diễn) Cổ vân: Thanh châu đầu ư trược thủy, trược thủy bất đắc bất thanh.***

**(演)古云：清珠投於濁水，濁水不得不清。**

*(**Diễn**: Cổ nhân nói: "Thanh châu gieo vào nước đục, nước đục chẳng thể không trong").*

Câu này là tỷ dụ, kế đó là chánh thuyết (nói đến vấn đề chánh yếu, nói thẳng vào vấn đề).

***(Diễn) Phật niệm đầu ư tán tâm, tán tâm bất đắc bất nhất.***

---

[31] Phèn chua (Potassium Alum) là muối sulfate kép ngậm nước của kalium và nhôm, có công thức hóa học là $KAl(SO_4)_2 \cdot 12H_2O$. Chất này còn được gọi là minh phàn (明礬), giáp phàn (鉀礬), giáp lữ phàn (鉀鋁礬), bạch phàn (白礬), sanh phàn (生礬), vũ niết (羽涅), vân mẫu phàn (雲母礬) v.v… Ngoài tác dụng làm trong nước do làm kết tủa các tạp chất, nó còn dùng để thuộc da, nhuộm màu và chế tạo bột nổi làm bánh (baking powder), cũng như dùng để chế các thuốc khử mùi hôi nơi thân thể. Nó cũng được dùng làm chất cầm máu tạm thời khi cấp cứu.

**(演)佛念投於散心，散心不得不一。**

*(**Diễn**: Niệm Phật hiệu gieo vào tâm tán loạn, tâm tán loạn chẳng thể không chuyên nhất).*

Người ấy tự nhiên có thể niệm đến mức nhất tâm, chỉ sợ quý vị chẳng niệm. Có người mới niệm Phật nói với tôi: "Khi tôi không niệm Phật, tâm rất thanh tịnh, chẳng có vọng niệm. Càng niệm Phật, vọng niệm càng nhiều, chớ nên niệm Phật!" Tình hình có phải là như vậy hay chăng? Đúng vậy! Không chỉ người ấy như thế, mà rất nhiều người cũng như thế. Đây là chuyện như thế nào? Nói thật ra, bình thường người ấy có lắm vọng niệm dường ấy, nhưng chẳng phát hiện, chẳng hay biết, cứ ngỡ chính mình chẳng có vọng niệm! Nay vừa niệm Phật, mong thu hồi cái tâm, mới phát hiện có lắm vọng niệm như thế. Phát hiện [chính mình có nhiều vọng niệm] là chuyện tốt, chẳng phải là chuyện xấu. Sau khi đã phát hiện, dùng phương pháp gì để đối trị? Dùng một câu Phật hiệu để đối trị. Trong phương pháp niệm Phật, dẫu vọng niệm nhiều cách mấy, chẳng cần quan tâm đến chúng. Vọng niệm và Phật hiệu đồng thời dấy lên chẳng sao hết, quý vị dốc sức chú ý nơi Phật hiệu, mặc kệ vọng niệm, tự nhiên Phật hiệu ngưng tụ, có sức mạnh, vọng niệm tự nhiên sẽ giảm ít. Ngàn muôn phần đừng quan tâm vọng niệm: "Ta có lắm vọng niệm dường ấy". Càng nghĩ, sẽ càng nhiều, phiền toái to lớn, vĩnh viễn cũng chẳng có cách nào đoạn hết. Phương pháp tốt nhất là chẳng nghĩ tới. Điều này thuộc về pháp môn sám hối, pháp môn sám trừ nghiệp chướng. Chính mình có nghiệp chướng, có tội nghiệp, chớ nên nghĩ tới chúng, vì quý vị nghĩ tới nó một lần sẽ giống như lại tạo một lần nữa. Nghĩ hai lần lại tạo hai lần. Chỉ sợ nghiệp chướng vẫn chưa đủ nhiều! Đó là ngu si!

Người thật sự giác ngộ từ nay trở đi chẳng nghĩ đến tất cả hết thảy lầm lỗi, hãy tưởng A Di Đà Phật. Từ nay trở đi, ta đổi thành tưởng A Di Đà Phật, nghiệp chướng sẽ tiêu trừ. Mọi người phải hiểu rõ đạo lý này. Đó là thật sự tiêu trừ nghiệp chướng. Từ nay trở đi, vọng niệm gì cũng đều chẳng có. Như thế thì công phu do niệm câu Phật hiệu của quý vị mới có sức mạnh chế phục phiền não, tới cuối cùng là đoạn hết phiền não. *"Phật niệm đầu ư tán tâm, tán tâm bất đắc bất nhất"* (Phật niệm gieo vào cái tâm tán loạn, tâm tán loạn chẳng thể không chuyên nhất), thật sự có thể đạt đến nhất tâm. Nhất tâm là khôi phục tâm địa thanh tịnh, vọng niệm tự nhiên ít đi. Vọng niệm ít tức là công phu của chính mình đắc lực, công phu niệm Phật của chính mình có tiến bộ. Từ chỗ này, cảm

nhận rất rõ công phu của ta có tiến bộ hay không? Niệm kinh cũng giống như vậy, mục đích không gì chẳng nhằm niệm cho hết sạch vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Có người bắt đầu niệm Phật, vọng niệm quá nhiều, đổi thành niệm kinh bèn tốt đẹp hơn một chút. Đấy cũng là một biện pháp. Chẳng cầu hiểu nghĩa mà niệm kinh. Nói cách khác, thảy đều nhằm đạt đến mục tiêu "nhất tâm bất loạn". Niệm kinh hay niệm Phật đều là biện pháp, là phương pháp.

***(Diễn) Thuộc Định môn nhiếp giả.***

**(演)屬定門攝者。**

*(**Diễn**: Thuộc vào Định môn).*

Đã thành tựu thì đều gọi là Niệm Phật tam-muội. Tam-muội thuộc về Định.

***(Diễn) Định hữu thế xuất thế, dữ Đại Tiểu Thừa, cập Sự Lý chư Thiền Định bất đồng.***

**(演)定有世出世，與大小乘，及事理諸禪定不同。**

*(**Diễn**: Định có thế gian và xuất thế gian, và có các loại Thiền Định Đại Thừa, Tiểu Thừa, Sự, Lý khác nhau).*

Trong Phật pháp, nói đến Định thì có thế gian Thiền Định và xuất thế gian Thiền Định. Tứ Thiền Bát Định thuộc loại thế gian Thiền Định, cũng khá khó khăn! Người tu Thiền Định hiện thời công phu đạt đến cảnh giới gì chúng ta chẳng biết! Bản thân chúng ta có thể tu tập [Thiền Định] hay không? Chính mình phải rất lắng lòng suy nghĩ: Ngũ dục, lục trần, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê bày ra trước mắt chúng ta, có còn động niệm hay chăng? Nếu động niệm, tức là quý vị còn có dục, chưa đoạn dục! Chẳng đoạn dục, sẽ thuộc vào trong Dục Giới, chẳng có phần nơi Sắc Giới Thiên. Thấp nhất trong Sắc Giới Thiên là Sơ Thiền. Nói cách khác, quý vị tu Sơ Thiền chẳng thành công! Tu Sơ Thiền thành công, đoạn hết ngũ dục, lục trần. Đoạn hết ngũ dục, như đã nói *"tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê, là năm cội gốc của địa ngục"*, hễ có một điều, quý vị sẽ bị lôi lại, huống hồ vẫn còn cả năm điều! Quý vị có năng lực đoạn trừ hay chăng? Chẳng có năng lực đoạn trừ, sẽ chẳng có tư cách tu Thiền Định. Trước kia, nhà Thiền độ người, thường là hễ có người đến tham học, họ bảo người ấy hãy quay về: "Ngươi chẳng có tư cách

xuất gia, vì sao? Trần duyên của ngươi chưa hết". Nhìn từ chỗ nào? Chưa đoạn trừ dục niệm! Chẳng đoạn trừ dục niệm, chẳng có tư cách học Thiền. Quý vị xuất gia học Thiền vô dụng, suốt đời chẳng thể nào thành tựu. Vì thế, [tốt hơn là] vẫn bảo quý vị hãy trở về nhà. Chẳng thà ở trong xã hội, trong tương lai làm quan, hoặc làm chuyện này nọ, làm một chút chuyện tốt đẹp cho dân chúng để tu phước. Tu Định chẳng thành, bèn tu phước, phải hiểu điều này. Vì thế, tham Thiền chẳng dễ dàng, vờ vĩnh ngồi đó, cũng được vậy, nhưng ngồi đó mà đầu óc luôn suy nghĩ loạn cào cào, vô dụng! Lừa kẻ khác thì được, chứ chẳng có cách nào lừa gạt chính mình! Chúng ta phải hiểu điều này.

*"Dữ Đại Tiểu Thừa"* (và Đại Thừa, Tiểu Thừa). Tiểu Thừa đạt đến Đệ Cửu Định, vượt thoát tam giới, được gọi là Thiền Định xuất thế gian. Kinh Lăng Nghiêm đã giảng rất rõ ràng: A La Hán chứng Cửu Thứ Đệ Định, Định thứ tám là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Thiên, Đệ Cửu Định vượt trỗi, đã thoát khỏi tam giới. A La Hán và Bích Chi Phật đã chứng đắc Cửu Thứ Đệ Định, đó là Thiền Định xuất thế gian, nhưng các Ngài vẫn là Tiểu Thừa. Đại Thừa Thiền Định càng nhiều hơn, giống như Niệm Phật tam-muội trong pháp môn Niệm Phật này. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật giảng Thủ Lăng Nghiêm tam-muội, trong Hoa Nghiêm giảng Sư Tử Phấn Tấn tam-muội; những [tam-muội] ấy đều thuộc loại Đại Thừa.

*"Cập Sự Lý chư Thiền Định bất đồng"* (Và các thứ Sự Thiền Định và Lý Thiền Định khác nhau). Có loại là Sự Định, có loại là Lý Định. Sự Định chú trọng nơi sự tướng, Định thuộc về Lý sẽ là *"Sự Sự vô ngại"*. Trong kinh Hoa Nghiêm, trưởng giả Dục Hương tu Thiền Định, tu Thiền Định Ba La Mật trong Thập Ba La Mật, đến đâu để tu? Đến nơi chợ búa để tu. Chợ búa là gì? Là công ty bách hóa hoặc các chợ hiện thời, là nơi náo nhiệt nhất. Ông ta hằng ngày la cà nơi đó, tu Thiền Định. Trong hết thảy trần duyên, tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, đó là Định, thượng thượng thừa Định. Ông ta tu [Thiền Định] kiểu ấy chẳng phải là Sự, mà là Lý, đó là chân Định. Thứ gì cũng thấy rõ ràng, rành rẽ, đó là Huệ, là Định Huệ đẳng học (Định và Huệ học cân bằng). Học ở chỗ nào? Học nơi chợ búa, đó là đạo tràng của ông ta. Hý viện (rạp hát) là đạo tràng, tiệm khiêu vũ là đạo tràng, rất lỗi lạc! Nay chúng ta gọi đạo tràng của rất nhiều vị thiện tri thức trong kinh Hoa Nghiêm là *"chỗ vui chơi"*, các Ngài tu Định tu Huệ nơi đó, thành tựu Vô Lậu Học, thuộc về Lý Định.

***(Diễn) Nhi yếu chi Định giả vô tán chi vị.***

**(演)而要之定者無散之謂。**

*(**Diễn**: Điều cốt yếu là Định có nghĩa là "chẳng tán loạn").*

Bất luận là thế gian Định hay xuất thế gian Định, Đại Thừa, Tiểu Thừa, Sự Định, hay Lý Định, nói gọn một câu sẽ là *"nhất tâm bất loạn"*. Nhất tâm bất loạn bao gồm trọn hết, tâm chẳng tán loạn là Định.

***(Diễn) Kim niệm niệm tương tục, vô hữu nhị niệm.***

**(演)今念念相續，無有二念。**

*(**Diễn**: Nay niệm niệm tiếp nối, chẳng có hai niệm).*

Nay chúng ta là người niệm Phật, A Di Đà Phật câu này tiếp nối câu kia, từng câu một nối tiếp nhau, chẳng gián đoạn, tuyệt đối chẳng có một tạp niệm nào. Niệm Phật hiệu tinh thuần, sẽ chẳng có niệm thứ hai xen vào.

***(Diễn) Tắc tâm bất tán loạn, cố thuộc Định nhiếp.***

**(演)則心不散亂，故屬定攝。**

*(**Diễn**: Do tâm chẳng tán loạn nên thuộc về Định).*

Công phu niệm Phật đến mức này được gọi là *"công phu thành phiến"*. Công phu thành phiến là mức thấp nhất của Sự nhất tâm bất loạn. Có thành tích như vậy, vãng sanh cõi Phàm Thánh Đồng Cư nhất định là nắm chắc. Phẩm vị trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư cao hay thấp tùy thuộc công phu định lực của quý vị sâu hay cạn. Phẩm vị sâu, công phu cao; phẩm vị thấp, công phu kém hơn.

***(Diễn) Nhiên bỉ thể cứu vô gián, chí như tĩnh dạ chung thanh, trừng đàm nguyệt ảnh.***

**(演)然彼體究無間，至如靜夜鐘聲，澄潭月影。**

*(**Diễn**: Nhưng người ấy thấu hiểu, tham cứu chẳng gián đoạn đến mức như tiếng chuông trong đêm vắng, bóng trăng in nơi mặt đầm trong lặng).*

Mấy câu này nhằm hình dung cảnh giới nơi tâm địa của người ấy.

Tâm người ấy thanh tịnh bất loạn, công phu miên mật, thấu hiểu, thể cứu chẳng gián đoạn. Thiền Tông gọi *"thể cứu"* là *"tham cứu"*, chẳng rơi vào tâm ý thức. Phật hiệu câu nọ nối tiếp câu kia, trong tâm chẳng có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng. Phân biệt là thức thứ sáu, tức ý thức, chấp trước là thức thứ bảy, vọng tưởng là thức thứ tám. Chẳng dùng tâm ý thức để thể cứu, chẳng gián đoạn. Cảnh giới nơi tâm địa của người ấy giống như *"tĩnh dạ chung thanh"*, [ý nói] vì [trong tâm] người ấy có Phật hiệu, Phật hiệu rành rẽ, minh bạch, giống như lúc trời đêm rất an tĩnh mà thỉnh chuông, âm thanh niệm Phật giống như tiếng chuông, tâm địa an tĩnh dường ấy. Lại giống như *"trừng đàm nguyệt ảnh"*, *"trừng đàm"* (澄潭: cái đầm trong lặng) ví như cái tâm thanh tịnh, bóng trăng ví như Phật hiệu. Phật hiệu rành mạch, rõ ràng. Đó là cảnh giới Sự nhất tâm bất loạn, lẽ nào người ấy chẳng vui sướng? Thật sự vui sướng!

***(Diễn) Nhược vị đắc lãnh hôi đậu bộc, họa địa nhất thanh, diệc thuộc Định nhiếp, diệc tức thị Sự nhất tâm.***

**(演)若未得冷灰豆爆，囚地一聲，亦屬定攝，亦即是事一心。**

*(**Diễn**: Nếu chưa đạt đến mức "đậu nổ trong tro lạnh, hộc lên một tiếng" thì cũng thuộc về Định, đó là Sự nhất tâm).*

*"Tĩnh dạ chung thanh, trừng đàm nguyệt ảnh"* như đã nói trong phần trước chính là công phu thành phiến. Công phu vừa mới thành phiến cũng là hạ hạ phẩm Sự nhất tâm bất loạn. Nếu người ấy không ngừng nâng cao công phu, tăng cao tới mức Kiến Tư phiền não đều đoạn hết, sẽ là thượng thượng phẩm Sự nhất tâm bất loạn, công phu bằng với cảnh giới của A La Hán và Bích Chi Phật, nhưng chưa khai ngộ, chưa kiến tánh. *"Lãnh hôi đậu bộc"* (Đậu nổ trong tro lạnh) là tỷ dụ kiến tánh. Đậu vùi trong tro nóng mới có thể nổ. Nổ trong tro nóng thì chẳng có gì lạ lùng, nổ trong tro lạnh mới là lạ. Câu *"họa địa nhất thanh"* hình dung sự hoát nhiên khai ngộ (Chú thích: Chữ Họa là bên trong chữ Vi (口) có chữ Lực (力), âm đọc là Huò (Họa), chính là âm thanh phát ra khi kéo thuyền, hoặc âm thanh phát ra khi phải dùng sức, hoặc âm thanh phát ra khi đột nhiên tìm được vật đã mất. Trong sách vở nhà Thiền, chữ này được dùng để biểu thị âm thanh do vị tăng tu Thiền bất giác phát ra lúc đốn nhiên đại ngộ, mang ý nghĩa trông thấy vật bị mất, vui sướng khôn ngằn. *"Họa địa nhất thanh"* là từ ngữ Thiền Tông thường dùng để biểu

thị sự đại triệt đại ngộ). *"Vị đắc"* (未得) nghĩa là người ấy chưa đạt đến trình độ ấy. Chưa đạt đến trình độ ấy thì vẫn là Sự nhất tâm, là thượng thượng phẩm Sự nhất tâm. Nếu đã đạt đến trình độ ấy, bèn gọi là Lý nhất tâm, chẳng phải là Sự nhất tâm, đã kiến tánh. Do vậy, đã tịnh, tịnh đến cùng cực, nhưng còn chưa thông đạt. Kinh Lăng Nghiêm nói là *"tịnh cực quang thông đạt"*. Đạt đến mức độ *"quang thông đạt"* thì phải là Lý nhất tâm, minh tâm kiến tánh, phá vô minh. Do vậy có thể biết: Trước hết, phải đoạn vọng tưởng và tạp niệm thì mới có năng lực phá vô minh. Vô minh phải dùng công phu định lực để phá, chứ tri kiến chẳng thể phá vô minh, đó là chướng ngại. Nhất định phải dùng công phu định lực, nhất định phải niệm Phật đến mức tâm thật sự thanh tịnh tột cùng, Kiến Tư và Trần Sa thảy đều đoạn hết, hoát nhiên khai ngộ, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Chưa đạt đến cảnh giới ấy thì vẫn thuộc về Định.

***(Diễn) Nhi Sớ Sao chuyên dĩ Sự nhất thuộc ức niệm, diệc nhất loạn ngôn nhĩ.***

**(演)而疏鈔專以事一屬憶念，亦一亂言耳。**

*(**Diễn**: Nhưng Sớ Sao chuyên coi Sự nhất tâm thuộc về ức niệm, cũng là nói theo kiểu chánh diện và tương phản).*

*"Nhất loạn"* (一亂) là chánh diện và tương phản, cũng là nói theo chiều thuận hay theo chiều nghịch. Ý nghĩa *"chuyên dĩ Sự nhất thuộc ức niệm"* (chuyên coi Sự nhất tâm thuộc về ức niệm) của Liên Trì đại sư trong Sớ Sao cũng là nói theo hai phương diện chánh diện và tương phản. *"Vị hữu huệ cố"* (Do chưa có Huệ) là chưa khai ngộ, chưa kiến tánh.

***(Diễn) Vị hữu huệ cố giả, dĩ tức tựu ức niệm vô gián, niệm đáo liên niệm thoát lạc, đốn nhập vô niệm, tức thuộc Huệ môn.***

**(演)未有慧故者，以即就憶念無間，念到連念脫落，頓入無念即屬慧門。**

*(**Diễn**: "Do chẳng có Huệ", chính là ức niệm chẳng gián đoạn, niệm đến mức ngay cả "niệm" cũng mất, nhanh chóng tiến nhập vô niệm, bèn thuộc vào Huệ môn).*

Từ hữu niệm, niệm đến mức vô niệm, đấy mới thuộc về Huệ. Nhưng có những kẻ niệm Phật bảo: "Ta niệm Phật, niệm đến một

khoảng thời gian thì chính mình cũng quên mất, đạt đến cảnh giới niệm mà vô niệm". Họ đem chuyện ấy hỏi tôi, tôi bảo: "Công phu của quý vị khá lắm, rất khó có". Thật ra là như thế nào? Người ấy còn biết chính mình vô niệm, còn biết thân thể của kẻ ấy chẳng còn nữa. Người ấy biết như thế nào? Vẫn là vọng tưởng, chấp trước. Đạt tới cảnh giới ấy, người ấy đến nói với tôi, nhằm khoe công phu của chính mình rất lỗi lạc, toàn là vọng tưởng! Người thật sự dụng công, hễ đạt tới cảnh giới ấy, tuyệt đối sẽ chẳng nói với người khác. Có nói, kẻ khác cũng chẳng hiểu, [vì] kẻ khác chẳng đạt tới cảnh giới ấy! Khi sinh tiền, Huệ Viễn đại sư ba lượt thấy y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, trọn chẳng nhắc tới, đến lúc lâm chung vãng sanh mới kể với mọi người. Lâm chung vãng sanh, cảnh giới lại hiện tiền, Phật đến tiếp dẫn, [Sư chính mắt thấy] Phật và đại chúng, [cũng thấy] những người trong liên xã đã vãng sanh trước theo A Di Đà Phật đến tiếp dẫn Sư; khi đó, Sư mới tuyên bố cùng mọi người: "Trong quá khứ, tôi đã thấy cảnh giới ấy hai lần. Lần này là lần thứ ba, tôi sắp vãng sanh".

Công phu ấy chính là *"ức niệm vô gián"* (ức niệm chẳng gián đoạn), thật sự niệm đến mức *"niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm"*. Vô niệm chẳng phải là không niệm Phật hiệu "A Di Đà Phật, A Di Đà Phật", vẫn niệm y hệt như cũ! Vô niệm là gì? Cái tâm trước kia đặt nơi niệm Phật, có tâm và có nguyện niệm Phật. Bây giờ, tâm và nguyện đều chẳng có. Nói cách khác, trước kia là có tâm ý thức trong khi niệm, nay chẳng còn tâm ý thức. Chẳng còn tâm ý thức bèn thành Phật, chuyển thức thành trí, có còn niệm hay không? Vẫn niệm, chẳng phải là không niệm. Đại Thế Chí Bồ Tát hằng ngày niệm A Di Đà Phật, trước nay chưa từng gián đoạn, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Do vậy, Phật hiệu vĩnh viễn chẳng gián đoạn. Chẳng phải là nói *"niệm tức vô niệm, vô niệm tức niệm"* [có nghĩa là] "ta không niệm chính là niệm", chẳng phải là nói như vậy. [Nói như vậy] tức là đã hiểu sai ý nghĩa, là tà tri tà kiến, chẳng phải là chánh tri chánh kiến. Niệm đến mức phá vô minh, thấy bản tánh, đốn nhập vô niệm; đó là Huệ môn.

***(Diễn) Cổ vân: Chỉ nhất trực niệm khứ, diệc hữu ngộ nhật, thị dã.***

**(演)**古云：只一直念去，亦有悟日是也。

*(**Diễn**: Cổ nhân nói: "Chỉ một mực niệm, cũng có ngày khai ngộ", nhằm nói lên ý này).*

Câu này của cổ nhân luận về kinh nghiệm, là lời chân thật, xác thực là lời chú giải cho câu nói của Đại Thế Chí Bồ Tát: *"Chẳng cậy vào phương tiện, tự được tâm khai"*. Chỉ cần niệm miết một câu Phật hiệu này, tự nhiên sẽ có ngày khai ngộ, có thể minh tâm kiến tánh, chẳng cần dùng đến pháp môn thứ hai! Đấy là chỗ tuyệt diệu thù thắng của pháp môn này. Vì thế, mười phương chư Phật tán thán.

***(Diễn) Kim công phu thỉ thành phiến đoạn, thượng vị khế nhập bổn tâm, cố chỉ thuộc Định môn dã.***

**(演)**今工夫始成片段，尚未契入本心，故止屬定門也。

*(**Diễn**: Nay công phu vừa mới thành phiến, còn chưa khế nhập bổn tâm, nên chỉ thuộc về Định môn).*

Đây là kết luận cho đoạn [kinh văn luận định] về cảnh giới Sự nhất tâm. Công phu vừa mới thành phiến, chưa kiến tánh, chưa minh tâm, thuộc về Định. Định ở đây là Niệm Phật tam-muội, vừa mới đắc Niệm Phật tam-muội. Tuy chẳng cao, quyết định vãng sanh. Nói cách khác, đối với trình độ như vậy, bản thân chúng ta nỗ lực một chút sẽ làm được, ai nấy đều làm được, chỉ sợ chẳng chịu làm! Nếu quý vị chịu làm, ai nấy đều làm được! Nếu nói tới thượng phẩm, đã đoạn Kiến Tư phiền não, chẳng phải là ai cũng sẽ làm được. Còn công phu như thế này, ai cũng có thể làm được! Thế nhưng, điều khẩn yếu là từ nay về sau chẳng còn làm chuyện thị phi nữa thì mới có thể làm được. Vẫn chẳng lìa khỏi thị phi, nhân ngã, quý vị sẽ chẳng làm được. Rốt cuộc, cả một đời này chúng ta làm gì? Ta vì cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ta bèn nghiêm túc học, chớ nên có tri kiến giống như kẻ bình phàm. Ta chớ nên đi theo ai khác, mà phải đi theo Phật, đó là đúng. Hôm nay chúng tôi nói tới đây!

***Tập 228***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm bốn mươi tám:

***(Sao) Tiền chấp trì trung, dĩ ức niệm thể cứu, lược phân nhị chủng: Ức niệm giả, văn Phật danh hiệu, thường ức, thường niệm, dĩ tâm duyên lịch, tự tự phân minh. Tiền cú, hậu cú, tương tục bất đoạn,***

***hành trụ tọa ngọa, duy thử nhất niệm, vô đệ nhị niệm, bất vị tham sân phiền não chư niệm chi sở tạp loạn. Như Thành Cụ Quang Minh Định Ý Kinh, sở vị không nhàn tịch mịch nhi nhất kỳ tâm, tại chúng phiền não nhi nhất kỳ tâm, nãi chí bao sán lợi thất thiện ác đẳng xứ, giai nhất kỳ tâm giả, thị dã.***

**(鈔)前執持中，以憶念體究，略分二種：憶念者，聞佛名號，常憶常念，以心緣歷，字字分明，前句後句，相續不斷，行住坐臥，唯此一念，無第二念，不為貪瞋煩惱諸念之所雜亂。如成具光明定意經，所謂空閒寂寞而一其心，在眾煩惱而一其心，乃至褒訕利失善惡等處皆一其心者，是也。**

*(**Sao**: Trong đoạn nói về Chấp Trì trong phần trước, đã chia đại lược ức niệm và thể cứu thành hai loại. Ức niệm là nghe danh hiệu Phật, thường nhớ, thường niệm, dùng tâm duyên theo từng chữ rõ ràng. Câu trước, câu sau, tiếp nối chẳng ngừng. Đi, đứng, ngồi, nằm, chỉ có một niệm này, chẳng có niệm thứ hai, chẳng bị tạp loạn bởi các niệm tham, sân phiền não. Như kinh Thành Cụ Quang Minh Định Ý đã nói: "Nơi thanh vắng, yên lặng, chuyên nhất cái tâm; ở trong các phiền não, chuyên nhất cái tâm. Cho đến đối với những chỗ khen, chê, được lợi, mất mát, thiện, ác v.v... tâm đều chuyên nhất" là nói về ý này).*

Lại giải thích câu *"chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn"* được nói trong phần trước. Nói đến chấp trì danh hiệu, bèn nói tới câu *"ức niệm, thể cứu"*. Câu này có hai ý nghĩa là *"ức niệm"* và *"thể cứu"*.

Trước hết, giải thích *"ức niệm"*. Ức niệm thuộc về Sự, tức là Sự Trì, Sự nhất tâm bất loạn được bao gồm trong phạm vi của chữ này. Ức niệm là gì? *"Văn Phật danh hiệu, thường ức, thường niệm"* (Nghe danh hiệu Phật thường nhớ, thường nghĩ), *"thường"* (常) là không gián đoạn, *"ức"* (憶) là trong tâm niệm, miệng chẳng niệm ra tiếng, tâm niệm bèn gọi là Ức. Nói thật ra, niệm kiểu này cũng có thể thuộc loại tâm niệm, nhưng nếu hợp hai chữ lại thì như nay ta nói "niệm ra tiếng, niệm thầm, hoặc Kim Cang Trì" đều được bao gồm trong đó. Khẩn yếu là một chữ Thường, chớ nên gián đoạn! Bốn câu kế tiếp nhằm nói rõ, niệm Phật thì phải niệm theo cách nào: Phải là *"dĩ tâm duyên lịch, tự tự phân minh"* (dùng tâm duyên theo từng chữ rõ ràng).

***(Diễn) Dĩ tâm duyên lịch, tự tự phân minh giả, thử thị tâm niệm.***

**(演)以心緣歷，字字分明者，此是心念。**

*(**Diễn**: Dùng tâm duyên theo từng chữ rõ ràng, đây là tâm niệm).*

*"Dĩ tâm duyên lịch, tự tự phân minh"* rất trọng yếu. Nếu miệng niệm mà tâm chẳng niệm, vô dụng! Miệng có, tâm không, vô dụng! Tâm niệm, miệng chẳng niệm, vẫn hữu dụng. Vì sao? Dưới đây sẽ giải thích rõ ràng!

***(Diễn) Bất đồng tiền khẩu niệm nhi tâm bất niệm dã.***

**(演)不同前口念而心不念也。**

*(**Diễn**: Chẳng giống như trong phần trên đã nói "miệng niệm mà tâm chẳng niệm").*

Trong phần trên đã nói, miệng niệm, tâm chẳng niệm, vậy là không được.

***(Diễn) Tiền cú, hậu cú tương tục bất đoạn, nãi chí vô đệ nhị niệm giả, thử thị nhất tâm niệm, bất đồng tiền tâm tuy niệm, nhi niệm bất nhất dã.***

**(演)前句後句相續不斷，乃至無第二念者，此是一心念，不同前心雖念，而念不一也。**

*(**Diễn**: "Câu trước, câu sau tiếp nối không ngừng, cho đến chẳng có niệm thứ hai": Đấy là nhất tâm niệm, chẳng giống như trong phần trên đã nói "tâm tuy niệm, nhưng niệm chẳng chuyên nhất").*

Tâm trước là niệm Phật, sau đấy, tâm lại dấy vọng tưởng, như vậy thì không được. Nhất định là niệm này tiếp nối niệm kia, như vậy thì mới có thể niệm hết sạch vọng tưởng, phiền não.

***(Diễn) Bất vị tham sân phiền não chi sở tạp loạn.***

**(演)不為貪瞋煩惱之所雜亂。**

*(**Diễn**: Chẳng bị tạp loạn bởi tham sân phiền não).*

*"Tạp loạn"* là xen tạp. Niệm Phật ắt phải là không gián đoạn, chẳng xen tạp. Thật sự có thể chẳng gián đoạn, không xen tạp, chư vị

ngẫm xem, người ấy có còn hoài nghi hay chăng? Quyết định chẳng hoài nghi! Đấy mới là *"tịnh niệm tiếp nối"* như Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói trong kinh Lăng Nghiêm thì mới có thể thành công.

***(Diễn) Thử thị nhất tâm bất loạn, bất đồng tiền niệm tuy nhất, nhi hữu thời bất nhất dã.***

**(演)此是一心不亂，不同前念雖一，而有時不一也。**

*(**Diễn**: Nhất tâm bất loạn ở đây chẳng giống như trong phần trước đã nói, "niệm tuy nhất, nhưng có lúc chẳng chuyên nhất").*

Xen tạp, gián đoạn sẽ chẳng chuyên nhất. Chúng ta cũng thường thấy hoặc nghe nói có kẻ nào đó trước kia tu học pháp môn Niệm Phật rất dụng công, rất tinh tấn, về sau, biến đổi, thoái chuyển, hoặc là đổi sang học pháp môn khác, lại là do nguyên nhân nào? Nói thật ra, là vì kẻ ấy chẳng hiểu rõ công đức của danh hiệu. Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói minh bạch: Kẻ ấy cho rằng còn có pháp môn khác thù thắng, ổn thỏa, thích đáng, nhanh chóng hơn pháp môn này, cho nên thay đổi phương hướng, đều là vì thiếu hiểu biết Tịnh Tông. Tu học thuở ban đầu, do thấy người khác tu, nên chính mình cũng tu. Tu một khoảng thời gian, chẳng đạt được lợi ích thật sự, bèn vứt bỏ, đi theo người khác. Hiện thời, trong thế gian này, trong ngoài nước, tình hình như vậy rất nhiều. Cổ nhân nói pháp môn này *"duy thượng trí dữ hạ ngu bất di"* (chỉ có bậc thượng trí và kẻ hạ ngu là chẳng đổi dời [chí hướng tu tập]). Hai loại người ấy chẳng thay đổi cái tâm. Bậc thượng trí hiểu rõ ràng, minh bạch công đức của danh hiệu nên chẳng hoài nghi; kẻ hạ ngu tin tưởng lời chư Phật, Bồ Tát dạy, sau khi nghe xong, họ tuyệt đối chẳng bị dao động, thay đổi. Hai hạng người ấy quyết định thành tựu. Trừ phi người ấy trong suốt một đời chẳng có duyên phận gặp gỡ pháp môn này, chứ hễ gặp, quyết định thành tựu. Đó là bậc đương cơ của Tịnh Tông. Gặp được pháp môn này mà chẳng thể thành tựu, nói cách khác, kẻ ấy vừa chẳng phải là thượng trí, mà cũng chẳng phải là hạ ngu, phiền phức to lớn! Chẳng thừa nhận chính mình là kẻ ngu, nhưng cũng chẳng đủ tư cách để làm bậc thượng trí! Tuy học, nghi vấn cả một đống lớn, vĩnh viễn cũng chẳng giải quyết được. Đến nơi nào để gặp bậc thiện tri thức, đến chỗ nào để có thể gặp [dịp nghe] khai diễn đại kinh, giảng giải các kinh luận ấy tỉ mỉ, minh bạch trong một thời gian dài? Nhân duyên ấy chẳng dễ gì gặp được!

Đài Loan có người thật sự tu hành hay không, hãy khoan bàn tới, chỉ xét theo mặt ngoài, cơ duyên giảng kinh thuyết pháp đứng đầu thế giới! Có mấy ai giảng Di Đà Kinh Sớ Sao? Có mấy ai giảng Di Đà Kinh Yếu Giải? Có mấy ai giảng kinh Vô Lượng Thọ? Đó là những kinh điển tối thiểu trong Tịnh Tông. Đối với ba thứ ấy, nếu theo như tấn độ (mức độ tiến triển) của chúng ta trong hiện thời, giảng cặn kẽ một lần, giảng hằng ngày chẳng gián đoạn, cũng phải mất trọn hai năm. Chỉ riêng một bộ Sớ Sao này, chúng tôi giảng lần này chỉ sợ cũng phải hơn bốn trăm giờ. Dẫu là có người bằng lòng giảng, chẳng có ai nghe! Trong nước là như thế, mà ngoài nước cũng là như vậy. Ở nước ngoài, giảng hơi dài một chút, người ta chẳng có thời gian nghe, làm sao có thể giải quyết nghi vấn cho được? Nỗi nghi hoặc chẳng thể phá tan sẽ chính là chướng ngại căn bản; trong tương lai, trong quá trình tu học, quý vị sẽ ngã lòng, sẽ thay đổi! Chỉ có thông đạt, hiểu rõ triệt để thì tâm mới định. Vì thế, duyên này khá khó khăn! Có một vị đồng tu sang Đại Lục thăm người thân trở về, [cho biết]: Tại Đại Lục có đồng tu sau khi nghe băng giảng kinh của tôi rất hoan hỷ, cậy người ấy cầm về hai ngàn Nhân Dân Tệ, đổi thành tiền Đài Loan là một vạn đồng, giao cho tôi in kinh, chẳng [ghi lại] tên họ, địa chỉ. Đích xác là người tu hành thật sự, là người thật sự phát tâm! Cơ duyên càng khó gặp, càng quý trọng. Chúng ta ở bên này có quá nhiều cơ hội. Hôm nay chẳng nghe [giảng kinh], hãy còn có ngày mai. Năm nay chẳng nghe, hãy còn có năm sau, biếng nhác, buông lung! Do cơ duyên chẳng dễ gặp gỡ, cho nên hết sức quý trọng, hết sức trân quý, người như vậy bèn thành tựu. Tuy chúng tôi chẳng có cơ hội sang bên kia gặp họ giảng kinh, họ vâng theo lời giảng trong băng thâu âm để tu hành, bèn cảm thấy hết sức thỏa mãn.

Không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn chẳng dễ làm được, nhưng phải hiểu: Nếu quý vị mong vãng sanh, chẳng làm như vậy (chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn) thì sẽ không được. Nếu quý vị mong niệm Phật đến mức nhất tâm bất loạn thì cũng chẳng thể nào không thực hiện [những điều ấy]. Thật sự làm được, thưa cùng chư vị, vui sướng khôn sánh! Thật sự làm được, sẽ chuyển phàm thành thánh. Tuy quý vị chưa đoạn Kiến Tư phiền não, ngay cả bậc đã chứng Sơ Quả trong Tiểu Thừa cũng chẳng bằng [quý vị]! Nhưng thật sự đạt được công phu thành phiến, xác thực là quý vị chẳng có phiền não. Vì sao? Phật hiệu từng tiếng nối tiếp nhau, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, phiền não chẳng thấm vào được. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước,

tham, sân, si, mạn chẳng khởi, cảnh giới ấy chính là thánh nhân. Nay quý vị chưa ra đi, nói thật ra, quý vị đã là Bồ Tát trong thế giới Cực Lạc, đã chẳng còn là phàm phu trong lục đạo. Khi nào sẽ chuyển phàm thành thánh? Khi quý vị niệm tới mức vọng tưởng, chấp trước chẳng thấm vào, tức là đã trở thành thánh nhân, là Bồ Tát. Bồ Tát và phàm phu sai khác ở ngay chỗ này! Phàm phu vẫn thường dấy vọng tưởng, Bồ Tát chẳng có vọng tưởng, chẳng có tạp niệm, niệm niệm đều là A Di Đà Phật, niệm niệm là kinh Vô Lượng Thọ. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta xử sự, đãi người, tiếp vật, tư tưởng và kiến giải hoàn toàn tương ứng với kinh Vô Lượng Thọ. Trong mười hai thời, một câu Phật hiệu chẳng gián đoạn, người ấy là Bồ Tát trong cõi Cực Lạc, chẳng phải là phàm phu. Lời này chẳng phải do tôi nói, mà là do đức Thế Tôn đã nói trong kinh Vô Lượng Thọ, *"chẳng phải là phàm nhân"*. Chẳng phải là phàm nhân thì phải là Bồ Tát trong cõi Cực Lạc. Bồ Tát trong cõi Cực Lạc cao hơn các Bồ Tát trong những thế giới phương khác quá nhiều! Bồ Tát trong các phương khác chẳng nhất định có thể thành Phật trong một đời, Bồ Tát trong cõi Cực Lạc nhất định thành Phật ngay trong một đời này. Vì thế, các Bồ Tát nơi phương khác chẳng thể sánh bằng! Từ chỗ này, chúng ta bèn hiểu rõ: Chúng ta tu gì? Chính là tu điều này!

Thật sự tu hành thì phải niệm niệm cảnh giác. Quên bẵng Phật hiệu, vọng niệm bèn dấy lên, ngay lập tức sẽ luân hồi sanh tử trong lục đạo, nhất định phải đọa trong ba ác đạo. Thời gian trong ác đạo dài lâu, thời gian trong thiện đạo ngắn ngủi. Nếu thời gian trong thiện đạo lâu dài, rất dễ gặp gỡ hai đường trời, người, thành Phật há phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp? Chẳng cần! Thời gian trong ác đạo lâu dài, hễ thoái chuyển, chẳng biết sẽ thoái chuyển đến đâu! Nói thật ra, đúng là phải luôn luôn cảnh giác, niệm niệm cảnh giác. Phải thường dán hai chữ Sanh và Tử do tổ Ấn Quang đã viết ở chỗ chúng ta dễ thấy nhất để thời thời khắc khắc đề cao cảnh giác. Tổ Ấn Quang nói: Người có thể thường nhận biết chính mình sắp chết thì đạo tâm mới có thể kiên cố. Nói *"đạo tâm kiên cố"* có nghĩa là Phật hiệu thật sự niệm đến mức tịnh niệm tiếp nối.

Tịnh niệm tiếp nối thì quý vị là Bồ Tát trong cõi Cực Lạc. Từ phàm phu chuyển biến thành Bồ Tát trong cõi Cực Lạc, ai nấy đều có cơ hội, ai nấy đều có thể chuyển, vấn đề là bản thân quý vị có chịu chuyển hay không? Tu hành cốt yếu do cá nhân, chẳng cần phải bận tâm đến kẻ khác. Người khác chuyển cũng thế, mà không chuyển cũng vậy, chẳng

liên can gì đến ta! Quý vị thường bận lòng dòm ngó người bên cạnh, nói thật thà, chính quý vị sẽ chuyển không được! Người thật sự từ bi, chuyện gì cũng chẳng quản! Chính mình tới Tây Phương thành Phật, hoặc làm Bồ Tát trước; sau đấy mới thả chiếc bè Từ trở lại cứu độ chúng sanh. Đó là thật sự từ bi, thật sự trí huệ.

***(Diễn) Hựu dĩ tâm duyên lịch, tự tự phân minh, thị nhất cú bất loạn.***

**(演)又以心緣歷，字字分明，是一句不亂。**

*(**Diễn**: Lại nữa, dùng tâm duyên theo từng chữ rõ ràng chính là "một câu bất loạn").*

Nam-mô A Di Đà Phật, từng chữ phân minh, rõ ràng, trong một câu [Phật hiệu] chẳng xen tạp vọng tưởng, phiền não vào đó. Đó là một câu bất loạn.

***(Diễn) Tiền cú, hậu cú tương tục, thị đa cú bất loạn.***

**(演)前句後句相續，是多句不亂。**

*(**Diễn**: Câu trước, câu sau tiếp nối là nhiều câu bất loạn).*

Ta niệm một trăm câu, niệm một ngàn câu, niệm Phật nhớ số bằng cách dùng tràng hạt, đấy là nhiều câu bất loạn.

***(Diễn) Bất vị tham, sân đẳng tạp loạn, thị đối cảnh bất loạn dã.***

**(演)不為貪瞋等雜亂，是對境不亂也。**

*(**Diễn**: Chẳng bị tạp loạn bởi tham, sân v.v... là đối trước cảnh chẳng loạn).*

Sáu căn đối ứng cảnh giới sáu trần, tu nhất tâm bất loạn.

***(Diễn) Thành Cụ hạ, dẫn chứng bất loạn.***

**(演)成具下，引證不亂。**

*(**Diễn**: Từ câu "kinh Thành Cụ Quang Minh" trở đi là dẫn chứng về sự bất loạn).*

Dẫn kinh Thành Cụ Quang Minh Định Ý để chứng minh.

*"Không nhàn tịch mịch nhi nhất kỳ tâm"* (Chỗ thanh vắng tĩnh mịch chuyên nhất cái tâm): Khi thanh vắng, tĩnh mịch, bèn nhất tâm bất loạn. Hoàn cảnh thanh tịnh chẳng có ai quấy nhiễu; khi ấy, tâm địa quý vị thanh tịnh, công phu niệm Phật hiệu rất đúng nề nếp, niệm đến mức tịnh niệm tiếp nối. *"Tại chúng phiền não nhi nhất kỳ tâm"* (Ở trong các phiền não mà chuyên nhất cái tâm): Ở trong các cảnh giới chẳng như ý, tâm vẫn bất loạn, vẫn dấy lên một câu Phật hiệu. Chúng ta đối ứng với hoàn cảnh nhân sự, *"bao"* (褒) là được người khác khen ngợi, ca tụng quý vị. *"Sán"* (訕) là người khác chê cười, hủy báng. *"Lợi"* (利) là khi quý vị đạt được điều tốt đẹp. *"Thất"* (失) là khi quý vị bị tổn thất, mất mát tài vật hoặc địa vị. *"Giai nhất kỳ tâm"* (Đều chuyên nhất cái tâm), tám gió thổi chẳng động. Đối trước hết thảy các cảnh giới bên ngoài, thuận cảnh hay nghịch cảnh cũng có thể niệm đến mức nhất tâm bất loạn. *"Không nhàn tịch mịch"* là thuận cảnh, *"chúng phiền não"* là nghịch cảnh. *"Bao san lợi thất thiện ác đẳng xứ"* (Những chỗ khen, chê, được lợi, mất mát, thiện, ác v.v…) là nói tới hoàn cảnh nhân sự. Bất luận trong hoàn cảnh nhân sự hay hoàn cảnh vật chất, từ đầu đến cuối gìn giữ một câu Phật hiệu, câu trước câu sau tiếp nối chẳng ngừng, sẽ thành công.

Do đó, chỗ hay của pháp môn này là trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng đều có thể tu, dễ dàng hơn các pháp môn khác. Quý vị mong tu Thiền, Thiền Định, đích xác là phải [ở nơi] thanh vắng, tĩnh mịch thì mới tọa Thiền hay tham Thiền được! Nếu trong hoàn cảnh nhiễu loạn, cũng chẳng dễ dàng tĩnh tọa cho lắm! Chỗ này của chúng ta chỉ có thể làm giảng đường, chẳng thể làm Thiền đường, tạp âm bên ngoài quá nhiều, quấy nhiễu quá nhiều. Thiền đường quyết định chẳng thể bị hoàn cảnh bên ngoài quấy nhiễu. Hễ có quấy nhiễu, khi người nhập Định chẳng cẩn thận, dễ nhập ma cảnh. Khi tâm người ấy tột bậc thanh tịnh, đối với âm thanh của người đi đường bên ngoài, chúng ta cảm thấy rất bình thường, người đó nghe âm thanh ấy sẽ thấy rất khó chịu. Trong khi vắng lặng, chỗ ngồi Thiền chỉ có một con bọ chét rớt xuống đất, ngã gãy chân, đau đớn, kêu gào tại đó, âm thanh cực vi tế ấy [người ngồi Thiền] sẽ nghe rất rõ ràng. Khi có người đang đi đường rống lên một tiếng lớn, người [tọa Thiền] ấy kinh hoảng liền xảy ra chuyện, bị ma dựa! Do vậy, ngoài Thiền đường có người tuần liêu trông nom. Một Niệm Phật Đường chân chánh cũng là như thế, quyết định chẳng thể bị quấy nhiễu, nhất định phải là hoàn cảnh rất thanh tịnh. Nhưng niệm Phật thuận tiện quá

nhiều, chỉ cần sao cho câu này tiếp nối câu kia chẳng dứt; [niệm] lớn tiếng hay nhỏ tiếng chẳng sao hết. Hoàn cảnh thanh tịnh rất tốt, không thanh tịnh vẫn có thể niệm, chẳng gặp trở ngại rất lớn, điều này khó có! Hết thảy chư Phật đặc biệt ca ngợi pháp môn này quả thật là rất có lý.

***(Sao) Sự thượng tức đắc, Lý thượng vị triệt.***

**(鈔)事上即得，理上未徹。**

*(**Sao**: Đã đạt về Sự, nhưng chưa thấu triệt Lý).*

Xét theo Sự, người ấy đã đắc Định. Tuy đắc Định, trong tâm chẳng có vọng tưởng, chấp trước, cũng có thể nói tâm ấy chẳng tạp, chẳng loạn, chẳng nhiễm. Chẳng tạp, chẳng loạn, chẳng nhiễm là Định, đó là Niệm Phật tam-muội, nhưng người ấy chưa khai ngộ. Vì thế, *"Lý thượng vị triệt"* (chưa thấu triệt Lý).

***(Sao) Duy đắc Tín Lực, vị kiến đạo cố, danh Sự nhất tâm dã.***

**(鈔)惟得信力，未見道故，名事一心也。**

*(**Sao**: Chỉ đắc Tín Lực, do chưa kiến đạo, nên gọi là Sự nhất tâm).*

Người ấy đắc Tín Lực, chưa kiến đạo. Đạo là Chân Như bản tánh. Người ấy đã đoạn Kiến Tư phiền não, thậm chí Trần Sa phiền não cũng đoạn, [nhưng] vô minh còn chưa phá. Khi nào phá một phẩm vô minh, chứng một phần bản tánh, trí huệ bèn mở mang, bèn nhập Lý nhất tâm, thì chẳng gọi là Sự nhất tâm. Do vì lẽ này, người ấy thuộc về Niệm Phật tam-muội.

***(Sao) Ngôn Định giả, dĩ phục vọng cố; vô huệ giả, dĩ vị năng phá vọng cố.***

**(鈔)言定者，以伏妄故；無慧者，以未能破妄故。**

*(**Sao**: Nói là Định vì đã chế phục vọng, [bảo là] chẳng có Huệ là do chưa thể phá vọng).*

*"Vọng"* (妄) là vọng tưởng, chấp trước, chúng ta cũng gọi nó là Kiến Tư phiền não. [Đối với người đã đắc Sự nhất tâm bất loạn], một câu Phật hiệu có thể chế phục, nhưng chẳng đoạn trừ [Kiến Tư phiền não]. Chúng ta thường nói A La Hán đã đoạn Kiến Tư phiền não, thật ra,

có phải là A La Hán đã thật sự đã đoạn hết hay chưa? Có thể nói là Ngài đã đoạn; vì sao? Phiền não vĩnh viễn chẳng còn khởi tác dụng nữa. Căn cội phiền não có còn hay không? Căn cội vẫn còn! Căn cội hoàn toàn chẳng đoạn, nhưng do Ngài công phu Thiền Định sâu xa, chẳng mất Định, có thể vĩnh viễn khống chế [phiền não], chẳng cho chúng nó khởi tác dụng. Đến khi nào thì mới chẳng còn có căn cội phiền não? Nhất định phải là khai trí huệ. Khai trí huệ thì phiền não có còn hay không? Vẫn còn, nhưng phiền não bị biến chất, biến thành Bồ Đề. Vì thế, phiền não tức là Bồ Đề. Khi mê, Bồ Đề biến thành phiền não, một mai minh tâm kiến tánh, phiền não lại biến thành Bồ Đề. Nói cách khác, cảnh giới của A La Hán và Bích Chi Phật là đã khống chế phiền não, nhưng chẳng có cách nào biến chúng thành Bồ Đề. Vì thế, phiền não và Bồ Đề là cùng một thứ, chẳng phải là hai thứ, chuyển biến đó thôi! Do vậy, nhiều phiền não, sợ gì! Tới khi quý vị đã giác ngộ, Bồ Đề sẽ nhiều, đúng không? Chuyện là như vậy đó! Bồ Đề là trí huệ, trí huệ bèn nhiều. Nếu quý vị chẳng biết chuyển biến, phiền não luôn luôn là phiền não, quý vị vẫn phải chịu khổ, mắc nạn. Một mai chuyển biến, sẽ là đại tự tại, dùng trí huệ ấy để hoằng pháp lợi sanh. Hết thảy chúng sanh có phiền não kỳ quái kiểu nào đi nữa, Phật, Bồ Tát đều biết. Vì sao? Vì trong quá khứ các Ngài cũng có; nhưng các Ngài đã chuyển biến trọn hết phiền não thành trí huệ, trí huệ có thể giải quyết vấn đề. Đó là chế phục vọng. *"Vô huệ giả, dĩ vị năng phá vọng cố"* (Chẳng có huệ là vì chưa thể phá vọng). Huệ thật sự là chuyển vọng tưởng thành trí huệ.

***(Sớ) Lý nhất tâm giả.***

**(疏)理一心者。**

*(**Sớ**: Lý nhất tâm là...).*

Trong phần trên là nói về Sự nhất tâm, ở đây, giảng về Lý nhất tâm.

***(Sớ) Như tiền thể cứu, hoạch tự bổn tâm, cố danh nhất tâm.***

**(疏)如前體究，獲自本心，故名一心。**

*(**Sớ**: [Do] thể cứu như trong phần trước [đã nói] mà đạt được bổn tâm, nên gọi là nhất tâm).*

Đầu tiên, giải thích Lý nhất tâm. Lý nhất tâm chẳng tu từ mặt Sự.

Niệm A Di Đà Phật, niệm này tiếp nối niệm kia, chẳng để cho tạp niệm xen tạp trong đó, chẳng hoài nghi, không gián đoạn, không xen tạp, thuộc về Sự tu (tu theo mặt Sự). Thoạt nhìn, tu theo Lý dễ dàng hơn tu theo Sự, chẳng cần phải niệm nhọc nhằn dường ấy. Nhưng chư vị phải hiểu: Vất vả kiểu đó, suốt ngày từ sáng đến tối lần chuỗi niệm Phật hiệu; niệm đến mức thật sự chẳng hoài nghi, không gián đoạn, không xen tạp, xét theo mặt Sự, mỗi cá nhân đều có thể thành công. Hành theo Lý, phải có túc căn, chẳng phải là ai nấy đều có thể làm được! Đó gọi là *"vừa tiếp xúc Phật pháp bèn hoát nhiên khai ngộ"*. Trong một đời này, quý vị thấy mấy ai khai ngộ? Nhìn vào lịch sử Trung Hoa, chúng ta thấy rõ ràng nhất. Lục Tổ Huệ Năng đại sư là một [trong số đó], vừa nghe bèn khai ngộ; những vị khác, tối thiểu cũng phải tu dăm ba năm mới khai ngộ, chẳng phải là vừa tiếp xúc bèn khai ngộ. Do vậy có thể biết, căn tánh mỗi người khác nhau, điều này chẳng thể miễn cưỡng.

*"Nhân quý tự tri"* [nghĩa là] kẻ đáng khen nhất chính là người tự biết mình. Chính mình hiểu mình, quý vị sẽ giữ bổn phận. Một người có thể tuân thủ bổn phận, suốt một đời này, sẽ sống bình an, hạnh phúc, sẽ chẳng tạo tội nghiệp. Vào thời cổ, giáo dục tại Trung Hoa nhằm dạy quý vị nhận biết chính mình, nhận biết hoàn cảnh. Nói theo Phật pháp là vũ trụ và nhân sinh, nhân sinh là chính mình, vũ trụ là hoàn cảnh sống. Triệt để thông đạt, hiểu rõ, biết chúng ta sống trên cõi đời, trong vài chục năm ấy, phải biết làm người như thế nào, thì trong đời này, chúng ta mới có thể đạt đến hạnh phúc thật sự. Đó là giáo dục, tuyệt đối chẳng thể bộp chộp làm xằng, tuyệt đối chẳng thể không tuân thủ bổn phận. Nho gia dạy chúng ta Ngũ Luân, Thập Nghĩa. *"Nghĩa"* (義) là quý vị hãy nên làm như thế nào. Điều thứ nhất trong Ngũ Luân (五倫) là chồng vợ. Chồng phải nên làm chồng ra sao? Vợ phải nên làm vợ như thế nào? Giống như biểu diễn trên sân khấu, phải biểu diễn cho giống! Đều phải đạt tới tiêu chuẩn. Cha con: Làm cha phải nên làm giống như một người cha; làm con phải nên [cư xử sao cho] ra dáng một đứa con. Anh em, vua tôi, bạn bè, ai nấy đều gìn giữ bổn phận của chính mình, trọn hết nghĩa vụ cá nhân, gia đình sẽ mỹ mãn, xã hội hài hòa, quốc gia cường thịnh, thế giới đại đồng. Giáo dục xưa kia nhắm đến mục tiêu ấy, ai nấy đều hạnh phúc, toàn thể nhân loại hạnh phúc, đều do coi trọng chuyện này.

Vì sao xã hội hiện thời rối loạn dường ấy? Người ta chẳng biết bổn phận của chính mình, chẳng biết mình phải nên làm những gì trong

thế gian này. Thấy người khác muốn làm, ta cũng muốn làm, khó lắm! Một quốc gia chỉ có một Tổng Thống, ông ta làm [Tổng Thống], ta cũng muốn làm, ông ta cũng muốn làm, sẽ như thế nào? Đánh nhau! Đánh đến nỗi toác đầu tươm máu, thế giới loạn tùng phèo! Trước kia, [người nắm giữ địa vị cai trị] do ai làm? Kẻ có phước báo to lớn làm; kẻ ấy có phước, có trí huệ, mọi người hưởng phước của kẻ ấy. Người hiện thời chẳng đọc sách [thánh hiền], chẳng tin tưởng lời này; chứ người đọc sách thời cổ tin tưởng. Trong gia đình, người làm Đương Gia (當家: người tổng quản trị trong một gia tộc hoặc một đoàn thể) là do anh em đông, nói chung là chọn lựa một người làm Đương Gia. Người làm Đương Gia có trí huệ, có phước, người một nhà hoặc người cùng dòng họ hưởng phước của người ấy. Người lãnh đạo một quốc gia có phước, người dân trong nước hưởng phước của vị lãnh đạo ấy. Người có phước được mọi người kính phục, nghe lời, ưa chuộng người ấy. Đó là có phước. Làm người lãnh đạo mà kẻ dưới chẳng nghe lời, chẳng phục quý vị, chẳng có phước! Chẳng có phước sẽ ngay lập tức rút lui, chẳng rút lui sẽ tạo tội nghiệp. Hiện thời, mọi người chẳng nói đến chuyện này, cảm thấy "ngươi có khả năng, ta còn có khả năng hơn ngươi". Chuyện này chẳng phải là có khả năng hay không, mà là phước báo, đặc biệt là kẻ làm lãnh tụ. Tiên sinh Tôn Trung Sơn đã luận về lãnh tụ rất hay: Lãnh tụ chẳng cần có năng lực, lãnh tụ phải có quyền, cán bộ cấp dưới của lãnh tụ phải có năng lực. Vì sao? Họ là những kẻ chấp hành, làm việc. Nói theo Phật pháp, hoặc nói theo Nho gia, chẳng phải là nói tới chuyện "có quyền", [mà là nói] phải "có phước", tu phước! Nói thật ra, có phước thì sẽ có quyền, có quyền chẳng nhất định là có phước! Có phước thì mọi người nghe lời, tuân phục quý vị, đó là "quyền". Ai nấy đều nghe lời, chẳng chống trái.

Nếu muốn làm người lãnh đạo, hãy tu theo cách nào? Đoạn ác, tu thiện, tích lũy công đức. Chư vị phải biết: Một vị lãnh tụ do thiện căn, phước đức đã tu tập từ nhiều đời nhiều kiếp, làm sao có thể tranh chấp cho được? Trong đời quá khứ, người ấy đã vun bồi sâu dầy như vậy, ta chẳng bằng kẻ ấy, há có thể tranh ư? Ta có trí huệ vừa có năng lực, thậm chí ta nêu ra chủ ý, thực hiện những chánh sách còn tốt đẹp hơn người ấy, nhưng chẳng có ai nghe theo ta, đó là thiếu phước báo! Chẳng có phước báo, làm sao có thể tranh cho được? Chẳng thể tranh! Người thuở trước hiểu rõ đạo lý này, tuân thủ bổn phận, không tranh giành, xã hội mới thật sự đạt đến an hòa, lợi lạc. Trong quá khứ, tuyển lựa người hiền đức và có khả năng, người được tuyển còn chưa chắc đã chịu đi [làm

quan]. Vì sao? Trách nhiệm quá lớn, là chuyện rất vất vả, chẳng ai bằng lòng làm! Nếu quý vị thật sự làm một công chức, tuân thủ pháp luật và lẽ công chính, được đãi ngộ rất đơn bạc, làm bất cứ nghề nào [khác] cũng có nhiều lợi nhuận hơn! Ai chịu làm chuyện nhọc nhằn đó? Đều là những kẻ thật sự có học vấn, có đạo đức, hy sinh, phụng hiến, dấn thân làm việc thay cho đại chúng. Khi đến tuổi về hưu, hai tay áo nhẹ tênh, chẳng sở hữu gì, lưu tiếng thơm trong lịch sử mà thôi! Người đời sau tán thán người ấy, trừ chuyện ấy ra, người ấy đạt được gì? Nói thật ra, chết rồi cũng chẳng biết luân hồi trong đường nào. Chẳng giống như hiện thời, mọi người giành nhau làm quan, xưa kia chẳng có ai muốn làm, người đầu óc thật sự sáng suốt sẽ chẳng làm. Đừng nói là ra tranh cử, quý vị đưa tôi lên làm Tổng Thống, tôi cũng chẳng làm. Tôi cảm thấy khổ quá, ràng buộc quá, đi đường còn phải có người bảo vệ, chẳng thuận tiện! Người chẳng muốn gặp, hằng ngày vẫn phải bắt tay, mệt quá đi! Hằng ngày họp hành mệt chết luôn! Chẳng thể làm chuyện ấy. Vui sướng nhất là làm dân đen. Những người ấy tạo phước, dân chúng hưởng phước, phải hiểu rõ đạo lý này. Trong một đoàn thể cũng là như thế, Trụ Trì, Đương Gia, Chấp Sự trong chùa chiền là người tạo phước, thanh chúng (đại chúng tu hành thanh tịnh) là kẻ hưởng phước. Những người phụ trách chiếu cố quý vị mọi mặt, quý vị mới có thể an tâm tu đạo.

Do vậy có thể biết: Thiện căn, phước đức, nhân duyên của mỗi cá nhân khác nhau, chẳng có cách nào nói đến chuyện bình đẳng được! Do tu tập và tích lũy trong đời quá khứ [mà thành ra như thế], quý vị làm sao nói bình đẳng cho được? Do vậy, đức Thế Tôn tuyên thuyết một pháp môn bình đẳng thành Phật, chẳng có ai tin tưởng. Về căn bản là chẳng thể nào bình đẳng, há có thể bình đẳng thành Phật ư? Chẳng có ai tin tưởng. Do vậy, người thâm nhập kinh tạng tuyệt đối chẳng thể tin tưởng pháp môn này. Nói thật ra, pháp môn này lý luận quá sâu, trong Đại Kinh đã nói rõ ràng: Nếu chẳng do chư Phật Như Lai gia trì, chúng sanh thuộc chín pháp giới cậy vào năng lực của chính mình sẽ chẳng có cách nào lý giải. Giáo Hạ chấp trước giáo tướng, [sẽ cảm thấy]: Thiện căn, phước đức, và nhân duyên của mỗi người trong đời quá khứ đều khác nhau, làm sao có thể bình đẳng thành Phật cho được? Nói chẳng suông! Họ chẳng hiểu lý luận này được kiến lập trên Chân Như bản tánh, tánh là bình đẳng, kiến lập từ nơi Lý, chẳng phải là kiến lập nơi Sự, đấy mới là bình đẳng thật sự. Do đó, câu Phật hiệu thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Câu Phật hiệu là tên gọi của Chân Như bản tánh. Cái tâm năng niệm

là Thỉ Giác, đức Phật được niệm là Bổn Giác. Người hiểu đạo lý này rất ít, người có thể tiếp nhận càng ít hơn! Nếu chúng ta muốn trong cuộc đời này sống rất hạnh phúc, bình an, đạo nghiệp có thể quyết định thành tựu, thì phải nhận biết chính mình, phải nhận biết hoàn cảnh. Thật sự nhận biết, tâm sẽ bình, chẳng có tham, sân, ghen tỵ, chẳng còn có những cái tâm và những vọng tưởng ấy. Người nào thiện căn sâu dầy, bèn xin họ làm nhiều chuyện hơn cho chúng ta. Chúng ta là những kẻ ít thiện căn, phước đức kém hơn bèn hưởng phước nhiều hơn đôi chút. Người thiện căn và phước đức nhiều hãy thay chúng tôi tạo nhiều phước hơn, sẽ chẳng có tranh chấp. Đó là học vấn thật sự, cổ nhân nói *"học vấn thâm thời, ý khí bình"* (khi học vấn sâu đậm, ý khí sẽ bình ổn).

*"Thể cứu"*: Thể Cứu là sử dụng chân tâm. Vọng tâm chẳng phải là Thể, chân tâm mới là bản thể. Thể (體) là nói tới chân tâm, bản tánh, Cứu (究) là hiểu rõ. Thể Cứu như thế nào? Thiền gia nói rất hay: *"Ly tâm ý thức tham"* (Lìa cái tâm ý thức để tham cứu), đó là Thể Cứu. Quý vị sử dụng tâm ý thức, sẽ rơi vào Sự, chẳng phải là Thể. Rốt cuộc tâm ý thức là gì? Nói thô thiển nhất, Thức là thức thứ sáu, tức ý thức, có đặc tánh phân biệt, thức thứ bảy là Mạt Na có tánh chất chấp trước, thức thứ tám là A Lại Da có tác dụng giữ lại ấn tượng. Lìa tâm ý thức là chẳng phân biệt, không chấp trước, không giữ lại ấn tượng, đó mới gọi là Thể Cứu. Chúng ta vẫn dùng tâm ý thức, chắc chắn chẳng thể làm được hai chữ Thể Cứu. Như tham Thiền phải lìa tâm ý thức thì mới có thể minh tâm kiến tánh; Giáo Hạ nói là *"đại khai viên giải"*. Làm như thế nào thì mới có thể đạt tới đại khai viên giải? Cũng phải lìa tâm ý thức. Lìa tâm ý thức thì quý vị mới thật sự hiểu rõ, thông đạt ý nghĩa chân thật của Như Lai. Nói cách khác, chỉ cần quý vị sử dụng tâm ý thức, chắc chắn là quý vị sẽ chẳng hiểu ý nghĩa chân thật của Như Lai. Quý vị đọc kinh bèn đoán mò, đại khái là ý nghĩa này, phỏng chừng là ý nghĩa nọ, hoàn toàn là phỏng đoán sai lầm, vẫn cứ ngỡ mình là chánh xác!

Không chỉ là quý vị suy đoán, cổ đại đức cũng suy đoán. Liên Trì đại sư có một tác phẩm chú giải kinh Lăng Nghiêm, Ngài chẳng giải thích dựa trên từng câu kinh văn một. Tác phẩm của Ngài thuộc thể loại Luận, có tựa đề là Lăng Nghiêm Mô Tượng Ký (楞嚴摸象記: những ghi chép sờ voi về kinh Lăng Nghiêm), [ý nói giống như] kẻ mù sờ voi, mỗi người mò trúng một bộ phận, chẳng biết toàn thể. Mò phải chân voi, [bèn kết luận] voi giống như cây cột. Mò trúng đuôi voi, [cứ ngỡ] voi giống như cái chổi xể. Họ có nói đúng hay không? Quý vị chẳng thể bảo

họ không đúng, họ [chỉ nói] đúng một bộ phận. Họ thật sự chạm vào voi, bất quá chẳng thấy voi hoàn toàn đúng. Người hiện thời mò trúng một khối đá lớn bèn ngỡ là voi, hỏng bét, hoàn toàn sai lầm, còn kém người mù sờ voi quá xa! Điều này cho thấy người thuộc thế hệ chúng ta chẳng có phước báo, chẳng có người tu hành thật sự. Lìa tâm ý thức thì mới có thể hiểu ý nghĩa của kinh. Chẳng lìa tâm ý thức, trong tâm còn có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị mong hiểu ý Phật sẽ là chuyện chẳng thể được! Mọi người cầm lấy kinh điển suy đoán vung vít. Nếu suy đoán như thế bèn tiếp tục không ngừng, suy đoán mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, dần dần họ sẽ mò được, dần dần sẽ phát hiện có thể mò được, chứ trong một thời gian ngắn bèn chẳng mò được. Vì họ làm như vậy trong một thời gian dài, không ngừng sửa đổi, cải tiến, cuối cùng sẽ phát hiện. Nếu chẳng phải là trong một thời gian dài, sẽ rất khó phát hiện sai lầm của chính mình. Tự mình chẳng biết chính mình sai lầm, sửa chữa từ chỗ nào? Vĩnh viễn sai lầm, điều này hết sức đáng sợ.

Chư vị phải hiểu: Niệm Phật cũng phải lìa tâm ý thức, cớ sao nói cũng phải lìa? Lý nhất tâm thì phải lìa. Chẳng lìa tâm ý thức chính là Sự nhất tâm. Nói cách khác, trong các pháp môn khác, nếu chẳng lìa tâm ý thức, quyết định chẳng thể thành tựu. Trong pháp môn này, chẳng lìa tâm ý thức vẫn có thể vãng sanh, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ tiếp tục làm chuyện ấy. Như vậy là quá sức thuận tiện, pháp môn này thù thắng ở ngay chỗ này! Lìa tâm ý thức vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là [sanh vào] cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Chẳng lìa tâm ý thức, sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, có thể vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, hoặc cõi Phương Tiện Hữu Dư. Chúng ta mới biết vì sao phải chọn lựa pháp môn này, do chúng ta chẳng có cách nào lìa tâm ý thức. Người nào có bản lãnh ấy, trong cuộc sống hằng ngày, xử sự, đãi người, tiếp vật, ta chẳng phân biệt, không chấp trước, không giữ lại ấn tượng, ai có thể làm được? Nói thì hay lắm, nhưng chẳng làm được! Nếu ta có thể làm được, sẽ chẳng niệm Phật, chẳng học pháp môn này. Suy nghĩ, [sẽ thấy rõ là] chẳng làm được! Làm không được thì như thế nào? Vẫn đới nghiệp vãng sanh! Chuyện này có thể nắm chắc, có thể làm được. Đới nghiệp là mang theo phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, ta có thể mang theo những thứ ấy vãng sanh, ta có thể làm được chuyện này. Chẳng mang theo những thứ ấy, ta chẳng làm được. Nhưng ở chỗ này, phải hiểu Lý, chẳng làm được thì [vẫn là] chẳng làm được, nhưng chẳng thể không biết! Đã biết thì đến Tây Phương Cực

Lạc thế giới sẽ còn biết nâng cao phẩm vị của chính mình, sẽ chẳng "được chút ít bèn cho là đủ"!

***(Sớ) Ư trung phục nhị.***

**(疏)於中復二。**

*(**Sớ**: Trong ấy lại có hai loại).*

Trong Thể Cứu có hai loại.

***(Sớ) Nhất giả, liễu tri năng niệm, sở niệm, cánh phi nhị vật, duy nhất tâm cố.***

**(疏)一者，了知能念所念，更非二物，唯一心故。**

*(**Sớ**: Một là biết rõ năng niệm và sở niệm trọn chẳng phải là hai vật, vì chỉ là nhất tâm).*

*"Năng niệm"* (Chủ thể niệm) là tâm, *"sở niệm"* (đối tượng được niệm) là y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Năng niệm và sở niệm là cùng một thứ, đều là tự tánh. Do đâu mà có y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới? Do tự tánh biến hiện, chính là cái được gọi là *"duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà"*.

***(Diễn) Năng niệm, sở niệm cánh phi nhị vật giả, dĩ sở niệm giả Phật, thị tức Bổn Giác chi Lý.***

**(演)能念所念更非二物者，以所念者佛，是即本覺之理。**

*(**Diễn**: "Năng niệm và sở niệm chẳng phải là hai vật": Do đức Phật được niệm chính là Lý Bổn Giác).*

Đấy là tự tánh Di Đà.

***(Diễn) Năng niệm giả tâm, thị tức Thỉ Giác chi trí. Nhược năng Thỉ Bổn hợp nhất, phương liễu năng sở bất nhị.***

**(演)能念者心，是即始覺之智。若能始本合一，方了能所不二。**

*(**Diễn**: Năng niệm là tâm, chính là trí Thỉ Giác. Nếu có thể hợp*

*nhất Thỉ Giác và Bổn Giác thì mới có thể hiểu rõ Năng và Sở chẳng hai).*

Khi nào quý vị giác ngộ Thỉ Giác và Bổn Giác là cùng một chuyện thì Tự và Tha chẳng hai. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Tây Phương cùng cái tâm năng niệm của chính mình chẳng hai. Nếu chúng ta hỏi: Sâm la vạn tượng trước mắt chúng ta trong thế giới này và tự tánh là một hay là hai? Cũng là chẳng hai. Tận hư không khắp pháp giới là một tự tánh. Cảnh giới triệt ngộ trong Thiền Tông có thể nói thành một câu: *"Tận hư không khắp pháp giới là một con mắt của sa-môn"*, đó chính là Tự và Tha là một, không hai. Đến lúc đó, chư vị ngẫm xem, quý vị còn có thể đối lập cùng hết thảy vạn pháp ư? Chẳng thể! Quý vị còn có thể có thị phi, nhân ngã hay không? Chẳng có. Toàn bộ tất cả hết thảy vọng tưởng, tạp niệm đều chẳng có. Đấy là sự thật, là chân tướng. Kinh Bát Nhã nói *"chư pháp Thật Tướng"*, đó là tướng chân thật, chẳng giả tí nào! Nhập cảnh giới ấy chính là minh tâm kiến tánh, được gọi là *"kiến tánh thành Phật"*. Nếu quý vị hỏi khi nào sẽ thành Phật ư? Khi nào tận hư không khắp pháp giới và chính mình là một khối, trở thành một, bèn gọi là thành Phật. Nếu còn cảm thấy có ta, có quý vị, có người khác, chắc chắn sẽ là lục đạo phàm phu, ngay cả Tiểu Thừa A La Hán vẫn chưa chứng đắc. Tiểu Thừa A La Hán đã chẳng có ngươi, ta, kẻ khác. Đã phá trừ Ngã Chấp, nhưng các Ngài còn có tâm, có pháp, có tâm năng niệm, có pháp sở niệm (pháp được niệm), vẫn chưa thể hợp thành một. Đó là Tiểu Thừa, có Năng và Sở, Năng và Sở chưa thể hợp thành một. Hợp thành một thứ, sẽ là Đại Thừa Bồ Tát, đấy là kiến tánh thành Phật.

Tiểu Thừa đã phá Ngã Chấp; do vậy, trong kinh luận, đức Phật thường nhắc nhở chúng ta: Khởi tâm động niệm đừng nghĩ tới chính mình. Nghĩ tới chính mình bèn tăng trưởng Ngã Chấp, đấy chẳng phải là thiện pháp, mà là ác pháp, là chướng ngại, là nghiệp chướng lớn nhất. Khởi tâm động niệm đều nghĩ đến ta, thậm chí còn nói "phái của ta, đảng của ta", càng hỏng bét! Ta cùng kẻ khác đối lập, tạo tội nghiệp ngày càng sâu hơn, phải vào ba ác đạo. Khổng Tử nói: *"Nhân giả vô địch"* (Người nhân từ chẳng có kẻ đối địch), *"Địch"* (敵) là đối địch. Một người nhân từ thì trong tâm chẳng có kẻ đối lập, suốt một đời người ấy vĩnh viễn chẳng có oan gia đối đầu, người ấy chẳng đối lập với kẻ khác. Phật pháp nói từ bi, so với lòng Nhân, từ bi còn được giảng tinh vi hơn. Khởi tâm động niệm đối lập kẻ khác, đó là phàm phu ngu muội,

phàm phu bậc thấp, quả báo trong tương lai là ác đạo, chẳng phải là hai đường nhân, thiên.

Nho gia nói Ngũ Thường (五常). Điều thứ nhất trong Ngũ Thường là Nhân, [Ngũ Thường là] nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Người ta thường có oan gia đối đầu, [là do vì] vẫn còn vạch giới hạn đối lập với người khác. Hễ có lòng Nhân, sẽ chẳng có [oan gia, chẳng có giới hạn đối lập]. Sau khi đã bị thiếu khuyết Ngũ Thường, đời sau chẳng được làm thân người. Ngũ Thường chính là Ngũ Giới trong nhà Phật, giữ năm giới thì đời sau có thể được làm thân người. Kẻ chẳng phải là đệ tử Phật, nhưng vâng giữ giáo dục đạo đức luân thường của Nho gia cũng có thể được làm thân người.

Đời người rất ngắn, cớ gì chẳng thể chung sống với người khác? Cần gì cứ phải đối lập với người ta? Nhường nhịn, nhường một bước là được rồi, chớ nên đối lập. Người chẳng học Phật sẽ không biết, người thật sự học Phật đầu óc sáng tỏ, quan sát vi tế: Phá Ngũ Giới, đánh mất Ngũ Thường thì đời sau chẳng được làm thân người. Nay tuy là người, nhưng đã ghi danh, nhập sổ bộ trong ba ác đạo, chẳng bao lâu phải đi trình diện, người đáng thương như vậy, quý vị có còn tranh đua với họ nữa chăng? Chúng ta thương xót còn chẳng kịp, chớ nên tranh giành cùng họ. Họ vạch giới tuyến với ta, ta chẳng vạch giới tuyến với họ. Họ coi ta là kẻ đối địch, ta chẳng đối địch họ, đó là người học Phật. Gia đình cũng thế, mà đoàn thể cũng thế, quốc gia cũng thế, hễ có kẻ đối địch, phiền phức sẽ đưa đến, chẳng thể nào có hạnh phúc!

***(Sớ) Nhị giả, phi hữu, phi vô, phi diệc hữu diệc vô, phi phi hữu phi vô, ly ư tứ cú, duy nhất tâm cố. Thử thuần Lý Quán, bất chuyên sự tướng, quán lực thành tựu, danh Lý nhất tâm, thuộc Huệ môn nhiếp, kiêm đắc Định cố.***

**(疏)二者，非有，非無，非亦有亦無，非非有非無，離於四句，唯一心故。此純理觀，不專事相，觀力成就，名理一心，屬慧門攝，兼得定故。**

*(**Sớ**: Hai là "chẳng có, chẳng không, chẳng phải là cũng có, cũng không, chẳng phải là không phải có, không phải không", lìa bốn câu, vì chỉ là nhất tâm. Điều này là thuần Lý Quán, không chuyên trọng sự tướng. Quán lực thành tựu, gọi là Lý nhất tâm, thuộc về Huệ môn, kiêm đắc Định).*

*"Chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải là cũng có, cũng không, chẳng phải là không phải có, không phải không"*, được gọi là *"lìa bốn câu"*. Phật gia thường nói *"ly tứ cú, tuyệt bách phi"*.

***(Diễn) Ly ư tứ cú, duy thị nhất tâm giả, vị ly nhất thiết pháp sai biệt chi tướng.***

**(演)離於四句，唯是一心者，謂離一切法差別之相。**

*(**Diễn**: "Lìa bốn câu, chỉ là nhất tâm", ý nói: Lìa tướng sai biệt của hết thảy các pháp).*

Hết thảy các pháp có sai biệt hay không? Có sai biệt! Vì sao có sai biệt? Duyên bất đồng. Hết thảy các pháp đều sanh bởi duyên. Pháp sanh bởi nhân duyên, mà duyên bất đồng, đương nhiên là có sai biệt bất đồng, nhưng tâm chẳng bất đồng, tâm giống như nhau. Quý vị dùng cái tâm thanh tịnh để nhìn hết thảy vạn pháp, [sẽ thấy] tướng của hết thảy các pháp là bình đẳng, thanh tịnh. Vì sao? Vì quý vị chẳng có phân biệt. Hễ có phân biệt, sẽ khác hẳn. Trong lúc quý vị chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, vạn pháp bình đẳng, thanh tịnh như nhau, đấy là cảnh giới của chư Phật, Bồ Tát. Vì thế, chư Phật, Bồ Tát chẳng có phiền não, chẳng có chấp trước, chẳng có vọng tưởng, chẳng có ưu lự, chẳng có vướng mắc. Vì sao? Các Ngài chẳng phân biệt, không chấp trước! Phàm phu chúng ta đối với các cảnh giới, do vì phân biệt, chấp trước, nên quý vị sanh phiền não, có ưu lự, có vướng mắc. Nói thật ra, những ưu lự, vướng mắc, phân biệt, chấp trước ấy có thật hay không? Đối với tâm thái và cách làm ấy, quý vị có thể thật sự đạt được gì hay không? Rỗng tuếch, thứ gì cũng chẳng đạt được! Nếu quý vị chẳng tin tưởng, hãy suy nghĩ kỹ càng, đêm ngủ, quý vị có gì hay không? Quý vị được gì trong thế gian này? Đã ngủ say, người ta khiêng quý vị đi cũng chẳng biết, còn được gì nữa đây? Chẳng cần chờ đến chết, ngủ say là đã chết tạm thời, thời gian chết rất ngắn, sau mấy giờ, quý vị sống lại, vẫn chẳng giác ngộ ư? Vốn là người sau khi đã chết, thứ gì cũng chẳng mang theo được, giống như khi ngủ, thứ gì cũng chẳng mang theo được, thứ gì cũng chẳng có!

Vì thế, đối với thế gian này, xác thực là chúng ta chẳng mang theo được gì, chẳng đạt được gì, rỗng tuếch! Chẳng khác gì nằm mộng! Mỗi ngày đều nằm mộng, vì sao chẳng mơ giấc mộng đẹp? Cớ sao nằm ác mộng? Người giác ngộ bèn mơ giấc mộng đẹp, đó là du hý thần thông.

Chư Phật, Bồ Tát thị hiện du hý thần thông trên thế gian, mỗi ngày đều có mộng đẹp. Lục đạo phàm phu nằm ác mộng mỗi ngày, chẳng biết chân tướng sự thật của cái được tạo thành, cứ ngỡ hết thảy vạn pháp là thật có, cứ ngỡ cái thân của chính mình là thật có, cho nên mới có Ái, Thủ, Hữu, mới làm những chuyện ấy, mới phân biệt, chấp trước, chẳng biết thân là giả, cảnh giới bên ngoài cũng là không.

***(Diễn) Dĩ vô hư vọng tâm niệm cố.***

**(演)以無虛妄心念故。**

*(**Diễn**: Vì chẳng có tâm niệm hư vọng).*

Điều trọng yếu nhất là người ấy chẳng có vọng niệm. *"Hư vọng tâm niệm"* là vọng tưởng, người ấy chẳng có vọng tưởng.

***(Diễn) Sở vị Chân Như tự tánh, phi hữu tướng, phi vô tướng, phi phi hữu phi vô tướng, phi hữu vô câu tướng.***

**(演)所謂真如自性，非有相，非無相，非非有非無相，非有無俱相。**

*(**Diễn**: Nói đến Chân Như tự tánh thì nó chẳng phải là có tướng, chẳng phải là không có tướng, chẳng phải là "chẳng phải có, chẳng phải không có tướng", chẳng phải là "vừa có tướng, vừa vô tướng").*

*"Phi hữu vô câu tướng"*: Chẳng phải là vừa có vừa không. Đức Phật nói lắm danh từ thuật ngữ dường ấy, đều là từ vọng tưởng của hết thảy chúng sanh. Nếu chúng sanh chẳng có vọng tưởng, đức Phật sẽ chẳng nói một câu nào. Vì quý vị có vọng tưởng, đức Phật mới nói, giống như thầy thuốc chữa bệnh, quý vị chẳng có bệnh, lấy đâu ra thuốc? Chẳng có thuốc! Vì quý vị có bệnh, nên mới có thuốc để đối trị. Chúng sanh có vọng tưởng, đức Phật mới có pháp. Chúng sanh chẳng có vọng tưởng, Phật pháp cũng chẳng có. Kinh Kim Cang nói *"pháp còn nên bỏ, huống hồ phi pháp"*, *"pháp"* là Phật pháp.

***(Diễn) Y nhất thiết chúng sanh dĩ hữu vọng tâm, niệm niệm phân biệt, giai bất tương ứng, cố thuyết vi Không. Nhược ly vọng tâm, thật vô khả không cố.***

**(演)依一切眾生以有妄心 ，念念分別 ，皆不相應，故**

說為空；若離妄心，實無可空故。

*(**Diễn**: Do hết thảy chúng sanh có vọng tâm, niệm niệm phân biệt, đều chẳng tương ứng, nên nói là Không. Nếu lìa vọng tâm, sẽ thật sự chẳng có gì là không).*

Vì quý vị "Có", đức Phật mới nói "Không". Chẳng còn "Có" thì đức Phật cũng chẳng thể nói Không được! Phàm những gì có thể nói ra toàn là tương đối, cái bên này được kiến lập thì mới có thể lập ra cái tương đối với nó. Nếu cái bên này chẳng có, cái bên kia cũng chẳng có! Nhà Thiền thường nói: *"Ly danh tự tướng, ly tâm duyên tướng, ly ngôn thuyết tướng, đạo nhất cú lai!"* (Lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, lìa tướng ngôn thuyết, hãy nói một câu coi nào!). Ví như đối với thứ này, tôi hỏi quý vị nhé: Lìa tướng tâm duyên, lìa tướng danh tự, lìa tướng ngôn thuyết, quý vị hãy nói một câu cho tôi biết, đó là gì vậy? Thứ này thật sự tồn tại, là chân thật, quý vị có thể nói ra được không? Nói chẳng được! "Nói chẳng được" sẽ là thật, "có thể nói được" là giả! Vì sao là giả? Danh tự do người ta gán cho nó, chẳng phải là cái nó vốn có. *"Danh khả danh, phi thường danh"* (Cái tên mà có thể gọi ra được, chẳng phải là cái tên thường hằng). Nó chẳng có danh tự, mà cũng chẳng có ngôn thuyết, quý vị có thể nói ra được hay không? Nói chẳng được!

***(Diễn) Vô tâm vô niệm Không Huệ tương ứng, cố thuộc Huệ môn. Chư vọng tiêu vong, cố kiêm đắc Định.***

**(演)**無心無念空慧相應，故屬慧門，諸妄消亡，故兼得定。

*(**Diễn**: Vô tâm vô niệm tương ứng với Không Huệ, nên thuộc về Huệ môn. Các vọng tiêu vong, nên kèm thêm đắc Định).*

Lý nhất tâm nhất định là đắc Niệm Phật tam-muội, đã đắc Định. Sự nhất tâm thì không nhất định là có Huệ. Người có Huệ nhất định có Định, người có Định chưa chắc đã có Huệ. Lý nhất tâm cao hơn Sự nhất tâm.

Còn như phương pháp tu học Lý nhất tâm thì đoạn tiếp theo sẽ nói rõ. Tuy nói rõ, cũng chỉ có thể dùng làm tham khảo, rất khó tu học. Chúng ta phải nhận biết chính mình, chính mình chẳng có năng lực ấy, hãy nên tu tập theo mặt Sự! Sự tu vẫn có thể vãng sanh y hệt, đừng thấy Lý nhất tâm của người ta là cao, chúng ta chẳng vói tới được! Giống như

trèo núi, người ta ngồi xe cáp treo, hoặc ngồi máy bay trực thăng lên núi, chúng ta chẳng có bản lãnh ấy, chỉ đành trèo từ từ, sau một thời gian dài hơn đôi chút, cũng có thể lên đến đỉnh núi. Do vậy, nhất định phải nhận biết chính mình, nhất định phải giữ bổn phận, đạo nghiệp như vậy thì mới có thể thành công. Hôm nay, chúng tôi giảng tới chỗ này!

***Tập 229***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm năm mươi:

***(Sao) Thể cứu giả, văn Phật danh hiệu, bất duy ức niệm, tức niệm phản quán, thể sát cứu thẩm, cúc kỳ căn nguyên. Thể cứu chi cực, ư tự bổn tâm, hốt nhiên khế hợp. Trung nhị nghĩa giả, sơ tức Như Trí bất nhị.***

**(鈔)體究者，聞佛名號，不惟憶念，即念反觀，體察究審，鞫其根源，體究之極，於自本心，忽然契合。中二義者，初即如智不二。**

*(**Sao**: "Thể cứu" là nghe danh hiệu Phật, không chỉ ức niệm, mà còn từ ngay nơi niệm quán ngược lại, hòng lãnh hội thấu hiểu, truy tìm đến tận nguồn cội của nó. Thể cứu đến mức cùng cực, sẽ bỗng dưng khế hợp bản tâm của chính mình. Trong ấy có hai nghĩa, nghĩa thứ nhất là Như và Trí chẳng hai).*

Giải thích lời giảng về Lý nhất tâm bất loạn trong phần Sớ. Hai chữ *"thể cứu"* (體究) chẳng dễ hiểu cho lắm, vì nó đòi hỏi phải là công phu nội tại. Lại còn phải lìa hết thảy tư duy và phân biệt thì mới là Thể Cứu. Chẳng giống như *"nghiên cứu"* mà chúng ta đang nói trong hiện thời; nghiên cứu là dùng thức thứ sáu, tức ý thức, [tức là] dùng cái tâm có thể tư duy. Ở đây, ắt phải lìa khỏi hết thảy phân biệt và chấp trước, đấy mới là Thể Cứu. Tiếp đó, [lời Sao] giải thích Thể Cứu là gì? *"Văn Phật danh hiệu, bất duy ức niệm"* (Nghe danh hiệu Phật, không chỉ là ức niệm), [hãy chú ý] *"không chỉ là ức niệm"*. Nếu nghe danh hiệu Phật, ức niệm chẳng quên, sẽ chẳng thuộc về Thể Cứu, mà thuộc về Sự niệm, là cảnh giới Sự nhất tâm bất loạn. *"Tức niệm phản quán, thể sát cứu thẩm"* (Từ ngay nơi niệm, quán ngược lại, hòng lãnh hội xem xét), đó là Thể

Cứu, có độ sâu hơn công phu Sự niệm một tầng nữa. Chúng ta dùng phương pháp nào [để Thể Cứu] chẳng quan trọng! Chẳng cần phải dùng [phương pháp nào cả], có dùng cũng vô ích. Vì sao? Quý vị vẫn dùng tâm ý thức, dùng tâm ý thức thì chắc chắn chẳng phải là Thể Cứu. Chẳng bằng thật thà niệm một câu Phật hiệu đến mức "không xen tạp, không gián đoạn", Sự niệm quyết định thành công. Sau khi Sự niệm đã thành công, niệm lâu ngày, niệm nhuần nhuyễn, niệm thấu suốt, tự nhiên bèn nhập Lý niệm. Kinh Lăng Nghiêm dạy: *"Chẳng cậy vào phương tiện, tâm được tự khai"*. *"Tâm được tự khai"* chính là Thể Cứu. Tâm khai ý giải bèn minh tâm kiến tánh, pháp môn này thù thắng ở chỗ này! Bậc thượng thượng căn nghe đoạn khai thị này, vừa nghe bèn ngộ nhập, chẳng khác gì Thiền; kẻ trung hạ căn chẳng có phần. Trung hạ căn chẳng có phần nơi Thiền, vậy là [kẻ trung hạ căn tu Thiền sẽ] chẳng thoát khỏi tam giới, chẳng có cách nào liễu sanh tử. Trong Tịnh Tông, tuy kẻ trung hạ căn chẳng có phần [nơi Thiền], vẫn có thể vãng sanh y hệt, đới nghiệp vãng sanh. Sau khi sanh đến thế giới Tây Phương, ba căn thượng trung hạ bình đẳng, chẳng hai, chẳng khác, điều này chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta nhất định phải nhận thức rõ rệt điều này!

*"Tức niệm phản quán"*: Phản quán (反觀) rất khó diễn tả, mà cũng rất khó hiểu. Trong kinh Lăng Nghiêm, pháp *"phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo"* (xoay ngược cái Nghe để nghe tự tánh, tánh trở thành vô thượng đạo) của Quán Thế Âm Bồ Tát chính là ý nghĩa này. Kinh Lăng Nghiêm dạy chúng ta phương pháp xoay chuyển lục căn, đức Phật chỉ nêu ra một căn của sáu trần bên ngoài, quay ngược lại duyên theo tự tánh để nói: Hãy nên xoay ngược dòng[32] của sáu căn, [chuyện đó] được gọi là *"phản văn"* (反聞) , dùng chữ Văn (聞: nghe) để biểu thị. Nói cách khác, lục căn chẳng duyên theo trần cảnh, mà duyên theo căn tánh của sáu căn, đó là đúng! Căn tánh của sáu căn là Chân Như bản tánh của chính mình. Do vậy, quý vị có thể quay lại. Trong hội Lăng Nghiêm, đối với sáu căn, đức Phật nêu ra một căn là Nhãn Căn. Phần đầu của kinh Lăng Nghiêm có một đoạn kinh văn rất dài [thường được các vị chú giải] gọi là *"thập phiên hiển kiến"* (十番顯見: mười phen

[32] Nguyên văn là *"phản lưu"* (反流). *"Phản lưu"* là nói tương phản với *"nhập lưu"* (入流). Nhập Lưu là khi căn tiếp xúc trần, nẩy sanh thức, mê muội chấp trước, phân biệt, đuổi theo trần cảnh, hoàn toàn bị cảnh bên ngoài chi phối. *"Phản lưu"* là hễ căn tiếp xúc trần cảnh, bèn truy ngược lại để hiểu thấu suốt tánh của căn và trần là một, không hai, tìm lại tự tâm.

giảng rõ cái Thấy). *"Kiến"* ở đây chẳng phải là Nhãn Thức, chẳng phải là *"ngũ câu ý thức"*[33] đồng thời khởi tác dụng với Nhãn Thức, chẳng phải là thứ ấy. Lìa khỏi Nhãn Thức lẫn ngũ câu ý thức; sau khi đã lìa khỏi, sẽ là kiến tánh. Kiến tánh [thì "tánh" như vừa mới nói chính] là chân tánh, nơi mắt gọi là tánh Thấy, nơi tai là tánh Nghe, nơi mũi gọi là tánh Ngửi, là một tánh. Một tánh, chứ không phải là hai tánh! Có thể thật sự tìm được thứ này, bèn thành vô thượng đạo. Vì lẽ này, Phật pháp được gọi là *"nội học"* (內學), phải hướng nội, hồi quang phản chiếu, đừng duyên theo cảnh giới bên ngoài. Duyên theo cảnh giới bên ngoài, sẽ vĩnh viễn chẳng đạt được chân tướng. Đức Phật dạy chúng ta dùng phương pháp này để tu hành. Trì Danh Niệm Phật cũng dùng phương pháp này: Đối với một câu Phật hiệu của ta, ta chẳng duyên theo Thanh Trần bên ngoài. Ta tìm tòi, tìm kiếm cội nguồn của Phật hiệu, Phật hiệu do đâu mà có? Niệm xong, nó lại đến nơi đâu? Hoàn toàn là công phu của nhà Thiền, chẳng khác gì tham Thiền, tham thoại đầu, và quán tâm! Cổ đức nói *"niệm Phật chính là thâm diệu Thiền"*, là có lý! Nếu chư vị mong biết cách phản quán như thế nào, mà chẳng đọc Lăng Nghiêm thì sẽ chẳng có cách nào! Trong quyển sáu của kinh Lăng Nghiêm, nói chung là kinh văn trong nửa quyển ấy hoàn toàn giảng về công phu này, [tức là giảng về] phương pháp và công phu tu hành của Quán Thế Âm Bồ Tát.

*"Thể sát cứu thẩm"*: *"Thể"* (體) là dùng tâm để lãnh hội, trong tâm hiểu rõ là Sát (察). Ba chữ Sát (察), Cứu (究), Thẩm (審) đều có nghĩa là "hiểu rõ". Do lãnh hội mà hiểu rõ, chẳng phải là nghiên cứu hoặc tư duy, chẳng phải là suy luận. Hễ dùng những phương pháp ấy (nghiên cứu, tư duy, suy luận) sẽ đều sai bét, đều rơi vào tâm ý thức. *"Cúc kỳ căn nguyên"* nghĩa là truy cứu đến tận cùng, thấu hiểu đến chỗ sâu thẳm. Chư vị ngẫm xem: Chúng ta có thể làm được ba câu ấy (*"tức niệm phản quán, thể sát cứu thẩm, cúc kỳ căn nguyên"*) hay không? Vì sao chúng ta chẳng làm được? Nói thật ra, tâm quá thô. Ở đây, tâm rất tế, tế tâm là gì? Tế tâm là định tâm, là tâm thanh tịnh. Do vậy, chúng ta hiểu rõ: Lý nhất tâm ở sau Sự nhất tâm. Quý vị chẳng đoạn phiền não, chẳng có cách nào thực hiện công phu này! Chúng ta còn có thị phi, nhân ngã, còn có tham, sân, si, mạn, còn có ưu lự, được, mất, sẽ chẳng có cách nào

[33] Ngũ Câu Ý Thức (五俱意識): Khi năm thức trước sanh khởi, Ý Thức sẽ luôn sanh khởi tác dụng, nên Ý Thức khi đó được gọi là Ngũ Câu Ý Thức.

thực hiện công phu này. Người tâm địa hết sức thanh tịnh thì được, có thể thực hiện công phu này.

Ba câu tiếp theo đó chính là *"tự đắc tâm khai"* như kinh Lăng Nghiêm đã nói, đã khai ngộ, kiến tánh. *"Thể cứu chi cực"*: Thể Cứu là định công (công phu định lực), Định chẳng phải là *"tử định"* (định lực chết cứng, cứng ngắc, chẳng hoạt bát, uyển chuyển). Nếu là tử định, trong ấy chẳng có Quán; còn Định [của Lý nhất tâm] có Quán, như trong phần trước đã nói là *"tức niệm phản quán"* (quán ngược lại ngay nơi niệm). Nói theo Giáo Hạ, sẽ là *"Chỉ Quán song vận"* (vận dụng Chỉ lẫn Quán); nói theo Thiền thì Thiền là Tĩnh Lự, Tĩnh (靜) là Định, Lự (慮) là Huệ, *"Định Huệ đẳng trì"* (giữ cân bằng Định và Huệ). Họ dùng công phu này, dùng đến mức kha khá, sẽ hoát nhiên khai ngộ. *"Ư tự bổn tâm, hốt nhiên khế hợp"* (Bỗng dưng khế hợp bản tâm của chính mình). Đấy là khai ngộ, nhà Thiền nói là *"minh tâm kiến tánh"*, trong Giáo Hạ nói là *"đại khai viên giải"*. Cảnh giới ấy, nói theo kinh Phật, sẽ là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, hoặc Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo. Địa vị này liễu sanh tử, thoát tam giới. Không chỉ là liễu sanh tử, vượt thoát tam giới, mà vị ấy còn có năng lực hóa thân theo từng loài: Đáng nên dùng thân Phật để độ, bèn thị hiện thành Phật, thị hiện tám tướng thành đạo, dùng thân phận Phật để giáo hóa chúng sanh trong thế gian. Đáng nên dùng thân Bồ Tát để độ, Ngài có thể hiện thân Bồ Tát để thuyết pháp, có năng lực ấy.

Trong pháp môn Niệm Phật, chỉ cần niệm một câu A Di Đà Phật đến mức độ này là được rồi, chẳng cần thay đổi phương pháp, chẳng cần thêm vào phương pháp nào khác nữa! *"Chẳng cậy vào phương tiện, tự được tâm khai"*, một câu Phật hiệu niệm đến cùng. Nay chúng ta niệm Phật, chẳng biết phản quán. Nói thật ra, nay quý vị cũng chẳng cần phải phản quán, chỉ cần chú ý sao cho thật sự niệm đến mức không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Chúng ta chỉ yêu cầu ba điều kiện ấy, ba điều kiện ấy chính là Sự niệm. Niệm đạt đến Sự nhất tâm, bèn sanh vào cõi Đồng Cư, hoặc sanh trong cõi Phương Tiện, quyết định vãng sanh! Nhưng nếu quý vị thật sự niệm đến Sự nhất tâm bất loạn, cho tới khi đó, sẽ tự nhiên có thể phản quán. Vì sao? Tâm đã thanh tịnh.

Trong ấy, có hai nghĩa: Trong Thể Cứu có hai loại cảnh giới. Loại thứ nhất là *"Như Trí bất nhị"*. *"Như"* (如) là Lý, là sở chiếu (cái được chiếu). *"Trí"* (智) là Bát Nhã, là năng chiếu (chủ thể chiếu soi). Năng và Sở chẳng hai. Năng và Sở chẳng hai tức là Tự và Tha chẳng hai. Nếu

chư vị hỏi "khi nào tôi sẽ đắc Lý nhất tâm" ư? Thật sự đắc Lý nhất tâm, quan niệm của quý vị sẽ biến đổi, biến đổi như thế nào? Tận hư không khắp pháp giới và chính mình là một. Đó là chánh tri chánh kiến; tuyệt đối chẳng còn có nhân ngã, thị phi, chẳng thể nào còn có quan niệm sai lầm ấy!

***(Sao) Năng niệm tâm ngoại, vô hữu Phật vi ngã sở niệm, thị Trí ngoại vô Như. Sở niệm Phật ngoại, vô hữu tâm năng niệm ư Phật, thị Như ngoại vô Trí. Phi Như, phi Trí, cố duy nhất tâm.***

**(鈔)能念心外，無有佛為我所念，是智外無如；所念佛外，無有心能念於佛，是如外無智。非如非智，故惟一心。**

*(**Sao**: Ngoài cái tâm năng niệm, chẳng có đức Phật để ta niệm. Đó là ngoài Trí chẳng có Như. Ngoài đức Phật được niệm, chẳng có cái tâm có thể niệm Phật. Đó là ngoài Như chẳng có Trí. Chẳng phải là Như, chẳng phải là Trí, nên chỉ là nhất tâm).*

Cảnh giới này chính là: Tận hư không khắp pháp giới là nhất tâm. Kinh Hoa Nghiêm nói tận hư không khắp pháp giới là *"duy tâm sở hiện, duy thức sở biến"*, là cảnh giới này. Khi đó, chính là Pháp Thân đại sĩ, chẳng phải là kẻ bình phàm, mà gọi là *"thành Phật"*. Tuy chưa phải là Cứu Cánh Phật, vị ấy là Phần Chứng Phật, tức Phần Chứng Phật trong Lục Tức Phật như tông Thiên Thai đã nói, được gọi là *"minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật"*.

Chúng ta ắt cần phải biết, phải giác ngộ: Con người sống trên thế gian hết sức ngắn ngủi, tạm bợ. Ngày hôm qua, tôi tham dự cuộc họp mặt bạn học cũ, [là bạn cũ] thuộc trường trung học, hiệu trưởng là lão cư sĩ Châu Bang Đạo. Năm mươi bốn năm trước, trường được thành lập trong thời Kháng Chiến; khi Kháng Chiến[34] kết thúc, trường học cũng đóng cửa. Thuở ấy, trường trung học do quốc gia lập ra nhằm cứu giúp những học trò lưu vong. Chúng tôi học trong trường đó giống như vào lính, hoàn toàn được chính quyền trợ cấp. [Do học trò] mất hẳn liên lạc với gia đình, mọi nguồn kinh tế đều bị cắt đứt, nên quốc gia nuôi dưỡng

[34] Kháng Chiến là gọi tắt của từ ngữ Kháng Nhật Chiến Tranh, là giai đoạn chiến tranh giữa Trung Hoa và Nhật Bản từ ngày 18 tháng Chín năm 1937 cho đến ngày 9 tháng Chín năm 1945.

những đứa trẻ ấy. Toàn bộ cơm áo, chi phí sinh hoạt đều do quốc gia cung cấp, [trường ấy] thuộc loại trung học lâm thời (tạm thời). Khi chúng tôi đến Đài Loan, các bạn học cùng trường có chừng một trăm tám mươi người. Ngày hôm qua, chúng tôi họp mặt, những người có thể đến được đều đến, chỉ có bốn mươi mấy người, một nửa số người đã chẳng còn, còn có những người đã di dân sang hải ngoại. Trong hội bạn cũ ấy, tôi học lớp dưới, tuổi tác nhỏ nhất, các bạn học đều đã trên bảy mươi, đại đa số đều về hưu; cho nên là hội của người già. Cuộc họp mặt ấy rất thương cảm, vì sao? Họp mặt mỗi năm đều thiếu mất mấy người, người mỗi năm một già hơn, mỗi năm một ít hơn. Đối với chuyện học Phật, đây là một sự cảnh giác rất lớn, nhất định phải hiểu: *"Sanh tử là chuyện lớn, vô thường nhanh chóng"*, chúng tôi họp mặt có cảm xúc rất sâu đậm. Tuổi già bệnh tật khổ lắm, còn có một bạn học bị trúng phong đã chín năm, đẩy xe lăn đến tham gia cuộc họp mặt bạn học, nói chuyện cảm động ứa lệ, đau lòng khóc ròng!

Người thế gian mong cầu phước báo, mong cầu thông minh, trí huệ, khỏe mạnh, sống lâu, nhất là lúc tuổi già. Khi trẻ tuổi, chẳng cảm nhận [tầm quan trọng] của sự khỏe mạnh, trường thọ, đến khi già cả, lắm bệnh, mới biết tầm quan trọng của sự khỏe mạnh, trường thọ! Đến khi ấy, biết tầm trọng yếu của khỏe mạnh, trường thọ thì đã muộn rồi! Chữa trị kiểu nào, thuốc men kiểu nào, đều chẳng trông mong được! Nếu do chữa trị và thuốc thang mà có thể chuộc lại sức khỏe, những kẻ có tiền, có thế lực phải nên sống lâu trăm tuổi! Chuyện này tiền bạc chẳng mua được, mà thế lực cũng chẳng thể đạt được! Đức Phật biết chuyện này rất rõ ràng: Của cải là quả báo đạt được do Tài Bố Thí. Quý vị chẳng chịu tu Tài Bố Thí, làm sao đạt được quả báo có của cải? Không thể đạt được! Tu nhân thì mới có thể đắc quả! Không tu nhân mà có thể may mắn đạt được quả báo, chẳng có lẽ ấy! Trồng dưa thì mới có dưa để thâu hoạch, trồng quả thì mới có quả hạt để thâu hoạch. Quý vị chẳng trồng mà hưởng thâu hoạch dưa, trái, há có lẽ ấy? Người thế gian chẳng hiểu rõ! Chư vị đọc thuần thục sách Liễu Phàm Tứ Huấn, [sẽ hiểu]: Nói thật ra, chính mình có thể làm chủ tể vận mạng của chính mình.

Phật pháp dạy chúng ta thật sự lìa khổ được vui, thật sự là hết sức hiện thực. Lìa nỗi khổ nghèo cùng, lìa nỗi khổ ngu muội, lìa nỗi khổ già bệnh, chúng ta thật sự mong cầu những điều này. Phật pháp nói có ba loại bố thí nhằm rời lìa ba loại khổ ấy. Nếu muốn lìa bần cùng, hãy tu Tài Bố Thí. Nếu muốn lìa ngu si, hãy tu Pháp Bố Thí. Có lẽ cũng có kẻ

nói: "Tôi chẳng biết giảng kinh, thuyết pháp, chẳng có cách nào tu pháp bố thí. Trong tương lai, đời đời kiếp kiếp đều ngu muội, đáng thương lắm!" Thật ra, chẳng phải vậy! Pháp Bố Thí, đặc biệt là Phật pháp, [có thể thực hiện bằng cách] ta khuyên kẻ khác đến nghe kinh, giới thiệu người khác đến nghe kinh. Họ nghe kinh khai ngộ, cũng giống như ta bố thí cho họ, đã biến pháp thí giảng kinh của pháp sư thành pháp thí của chính mình, chẳng khác gì hết! Mười phương hết thảy chư Phật Như Lai giới thiệu với đại chúng pháp niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều đã biến pháp thí của A Di Đà Phật thành pháp thí của chính mình. Các vị hãy suy ngẫm: Trong giảng tòa, chúng tôi đã nói nhiều lượt ngần ấy, tôi vừa nhắc tới điều này, chư vị hãy nên có cảm xúc rất sâu. Đặc biệt là đối với kinh A Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ, mười phương hết thảy chư Phật Như Lai đã biến công đức của Phật Di Đà thành công đức của chính mình. Nay chúng ta cũng thực hiện đúng pháp, nay chúng ta phổ biến giới thiệu cho người khác, phổ biến đề xướng rộng rãi, cũng là biến công đức của Phật Di Đà thành công đức của chính mình, bản thân chúng ta cũng chẳng kém mười phương chư Phật Như Lai cho mấy! Vấn đề là quý vị có thể làm hay không? Quý vị có phước ấy hay không? Người chẳng có phước sẽ không tin. Đúng như trong kinh đã nói, kẻ ấy ít thiện căn, ít phước đức, cho nên chẳng tin tưởng. Nếu chướng ngại pháp môn này, chướng ngại kẻ khác pháp thí, có thể suy ra mà biết tội lỗi ấy: Tội lỗi ấy chẳng có cách nào diễn tả trọn hết! Do [pháp thí Tịnh Độ là] công đức bậc nhất, nên chống trái [việc pháp thí ấy] sẽ là tội lỗi bậc nhất. Dẫu bản thân quý vị tu suốt một đời tốt đẹp cách mấy, làm người tốt đẹp cách mấy, mà nếu quý vị phạm tội nghiệp to lớn này, trong tương lai vẫn phải đọa vào địa ngục A Tỳ. Đó chính là chướng ngại Pháp Thân huệ mạng của kẻ khác, chướng ngại cơ duyên đắc độ của kẻ khác trong một đời, đáng ngại lắm!

Chúng ta phải hiểu: Ai nấy đều có thể tu Pháp Bố Thí, chẳng có kẻ nào không thể tu! Nay chúng ta tặng kẻ khác một quyển kinh sách, nói cho họ biết chỗ tốt đẹp của kinh sách, khuyên họ hãy tin nhận phụng hành, đấy là Pháp Thí. Chúng ta biếu họ một cuốn băng thâu âm để họ nghe, đó là Pháp Bố Thí. Người hiện thời tu Pháp Bố Thí dễ hơn người thời cổ, có nhiều cơ duyên hơn. Trước kia, muốn bố thí pháp, thật sự là phải giảng kinh, thuyết pháp. Người giảng kinh, thuyết pháp cũng chẳng nhiều. Nếu muốn tặng người khác kinh sách, chỉ có cách sao chép, đâu có thuận tiện như hiện tại! Hễ in, bèn in mấy ngàn cuốn, mấy vạn cuốn,

chẳng biết bao nhiêu người được lợi ích! Nhất là phát sóng trên đài truyền thanh, phí tổn chẳng nhiều lắm, nhưng người được hưởng lợi ích quá đông. Chẳng ngại phát sóng lặp đi lặp lại trên đài truyền thanh, chỉ có phát sóng trùng lặp thì mới có thể thật sự độ chúng sanh. Vì sao? Vì có khá nhiều người chẳng có dịp nghe đến. Quý vị phát sóng lần thứ nhất, thậm chí đã phát sóng hai hôm rồi họ mới biết. Khi họ biết thì [chương trình ấy đã] phát qua rồi; nếu phát lại lần thứ hai, họ sẽ hoan hỷ. Có rất nhiều người nghe lần thứ nhất, đến lần thứ hai đã phát được một nửa, họ mới nghe. Như vậy thì quý vị phát sóng lần thứ ba để giúp đỡ họ. Đừng sợ phát sóng trùng lặp, phải biết là có nhiều người vẫn chưa nghe. Dẫu đã nghe, nghe thêm một lần, nghe thêm hai lần càng hay! Nghe một lần chưa thể khai ngộ, nghe nhiều lần thì mới có thể có ngộ xứ, mới có thể nhập cảnh giới.

Chúng ta đọc kinh cũng là như vậy. Quý vị đọc càng nhiều lượt càng hay. Quý vị học giảng kinh cũng là như thế, bộ kinh này quý vị giảng càng nhiều lần càng hay. Năm xưa, tôi học kinh ở Đài Trung, nếu một bộ kinh chẳng giảng từ đầu đến cuối mười lượt, tức là chưa học hiểu kinh ấy. Có thể giảng từ đầu đến cuối mười lần, [đó chính là] mức độ thấp nhất để quen tay thạo việc. Đã thông thạo thì ở trên giảng đài mới có thể vận dụng linh hoạt, chẳng bị khô khan. Lần này, pháp sư Diễn Bồi đến ở đây vài ngày, Ngài rất vui thích, rất khách sáo bảo: "Tôi phải học theo thầy". Tôi hỏi: "Học điều gì nơi tôi?" Sư nói: "Trong quá khứ, tôi giảng kinh luôn luôn là giảng một lượt, chẳng nghĩ sẽ giảng lần thứ hai, chẳng giống như thầy giảng một bộ kinh rất nhiều lượt". Đây là do phương pháp học tập của hai người chúng tôi khác nhau. [Tôi học kinh theo cách sau đây]: Một bộ kinh tối thiểu phải giảng mười lần thì mới coi như học hiểu bộ kinh ấy, mới có thể học bộ khác. Chẳng giảng trên giảng đài mười lượt, tôi tuyệt đối chẳng thể suy tính học một bộ kinh khác. Tôi ở Đài Trung mười năm chỉ học năm bộ kinh; tuy học rất ít, nhưng học rất thực tiễn.

Quyết định đừng tiếc pháp! Quả báo của tiếc pháp là ngu si. Kinh Di Đà có nhắc tới ngài Châu Lợi Bàn Đà Già, Ngài là một học trò đầu óc chậm lụt nhất trong hội của đức Thế Tôn, chẳng có trí nhớ. Đức Phật dạy Ngài *"thiều trửu"* (笤帚: Chổi quét bằng cỏ lau bó lại). Dạy chữ Thiều, Ngài quên khuấy chữ Trửu; dạy đến chữ Trửu, lại quên tuốt chữ Thiều trước đó. Ngu si tột bậc! Do nguyên nhân gì? Đời trước, Ngài là một vị Tam Tạng pháp sư hoằng pháp lợi sanh nhưng keo kiệt pháp, dạy người

khác bèn giấu diếm, chẳng thể để kẻ khác vượt trỗi chính mình, đời sau vướng phải quả báo như vậy. Quý vị càng chịu bố thí, trí huệ càng tăng trưởng. Nếu quý vị muốn tăng trưởng trí huệ, phải toàn tâm toàn lực dạy kẻ khác, chẳng giữ lại mảy may, biết bao nhiêu bèn nói bấy nhiêu. Nay ta biết nhiều như thế, ta còn giữ lại hai, ba phần, chẳng hoàn toàn nói ra; nói cách khác, trình độ quý vị sẽ dừng ở đó, chẳng thể tăng cao hơn, rất đáng tiếc! Toàn bộ đều giãi bày hết, chẳng để lại gì, ngày mai sẽ lại tiến cao hơn, cảnh giới mỗi ngày mỗi khác. Vì sao? Do đã bố thí hết sạch. Giữ lại đôi chút, chắc chắn là chẳng thể tăng cao, chẳng thể tăng trưởng. Chúng ta nhất định phải nhận biết rõ ràng sự thật này! Sau đấy, chúng ta bố thí chẳng giữ lại mảy may, thảy đều thí xả hết.

Vô úy bố thí sẽ được khỏe mạnh, trường thọ. Úy (畏) là kinh sợ. Hết thảy chúng sanh trong thế gian đều có những nỗi kinh sợ. Sanh, lão, bệnh, tử đáng sợ, thiên tai nhân họa đáng sợ, những nỗi bức bách trong cuộc sống đáng sợ, những nỗi niềm trong tinh thần đáng sợ, chuyện đáng kinh sợ nhiều lắm! Ta có thể giúp người khác, khiến họ lìa hết thảy các nỗi sợ hãi, đó là vô úy bố thí. Người ấy an tâm, chẳng sợ hãi, lìa khỏi hết thảy buồn đau, khổ não, phàm những gì thuộc loại này đều gọi là vô úy bố thí. Phạm vi của vô úy bố thí vô cùng rộng rãi. Nói quy nạp lại, sẽ là đối với cuộc sống vật chất lẫn cuộc sống tinh thần của chúng sanh, chúng ta đều bảo vệ, khiến cho tâm họ an ổn, sẽ thuộc loại vô úy bố thí. Tương phản, nếu chúng ta cố ý nhiễu loạn tâm tình của chúng sanh, khiến cho họ kinh sợ, bất an; do tạo tác như vậy, sẽ bị già bệnh, thương tổn, tàn tật. Quả báo khiến cho năm căn tàn khuyết là như vậy đó. Nếu chẳng thể hành vô úy bố thí, quyết định chớ nên uy hiếp kẻ khác, khiến cho kẻ khác thân tâm bất an, quyết định chớ nên làm chuyện đó! Quả báo ấy đưa đến quá nhanh, chẳng cần chờ đến đời sau, mà là báo ứng ngay trong hiện đời! Quá đáng sợ! Khi làm [những chuyện sai trái], quý vị chẳng có cảm giác; khi quả báo xảy đến, hối hận chẳng kịp! Bản thân chúng ta nếu muốn được phú quý, được thông minh, được khỏe mạnh, trường thọ, phải tu! Không tu thì làm sao được? Há có lẽ nào chẳng dựa vào đâu mà đạt được ư? Hằng ngày lễ Phật, bái Phật [mà không tu tâm sửa tánh], thưa cùng chư vị, điều gì đều chẳng đạt được. [Tu tập] nơi tâm hạnh, nơi xử sự, đãi người, tiếp vật, nơi khởi tâm động niệm, sẽ đạt được những điều ấy.

Cụ Hoàng Niệm Tổ thường dạy người học Phật chúng ta đừng nên coi trọng hình thức. Lễ Phật hoặc bái Phật là một loại hình thức. Hình

thức chẳng quan trọng, quan trọng ở chỗ sửa lỗi đổi mới nơi khởi tâm động niệm, chính mình phải thường phản tỉnh. Trong quá khứ, tôi đã nhiều lần nhắc nhở mọi người: *"Khóa sáng nhằm nhắc nhở chính mình, khóa tối nhằm phản tỉnh"*. Khóa sáng nhắc nhở trong một ngày hôm nay, khởi tâm động niệm, việc làm, cách đãi người, tiếp vật của chúng ta sẽ chẳng trái nghịch giáo huấn của Phật, Tổ. Khóa tối là phản tỉnh, kiểm điểm, trong một ngày hôm nay, hành vi của chúng ta có chỗ nào trái nghịch giáo huấn của đức Phật, có làm chuyện lầm lỗi hay không? Sau khi phản tỉnh, kiểm điểm, bèn sửa lỗi, đổi mới, ngày mai ta quyết định chẳng tái phạm những lầm lỗi ấy. Mọi người hằng ngày đều có thể sửa một lỗi, ba năm sau, quý vị sẽ là thánh nhân. Trong ba năm, quý vị sửa đổi một ngàn điều lầm lỗi, quý vị chẳng phải là thánh nhân, ai mới là thánh nhân? Đó chính là Phật, Bồ Tát. Đó chính là khóa tụng sáng tối phát sanh tác dụng. Nếu không, khóa tụng sáng tối có tác dụng gì đâu! Bình thường, khởi tâm động niệm lợi mình, tổn người, nói dối, nói đôi chiều, khóa tụng sáng tối chẳng thiếu buổi nào, vẫn là tội lỗi vô biên. Sáng sớm lừa gạt Phật, Bồ Tát một lần, buổi tối lừa một lần nữa. Mỗi ngày đúng lệ lừa hai lần, quý vị nói xem tội lỗi ấy có lớn hay chăng? [Tượng] Phật, Bồ Tát [ta đang thờ phụng] là tượng bằng đất nặn, gỗ khắc, căn bản là [Phật, Bồ Tát] chẳng ngự nơi đó, cứ sáng tối lừa tượng hai lần, huống hồ là [đối với] người thế gian [sẽ còn e ngại gì mà chẳng lừa gạt]? Tu hành như vậy quyết định đọa vào địa ngục A Tỳ! Người thế gian thường nói: *"Trước cửa địa ngục, tăng đạo đông"*. Vì sao? Những kẻ ấy mang tiếng xuất gia tu hành, nhưng hằng ngày lừa gạt chư Phật, Bồ Tát, quỷ thần, chẳng chuyện ác nào không làm, [thế mà] bản thân vẫn cứ ngỡ chính mình đang tu hành, cứ ngỡ chính mình là thiện nhân, đó là mê hoặc, điên đảo. Hạng người như vậy chính mình chẳng nhận biết [những sai trái nơi bản thân], thậm chí là ngu si đến tột cùng, có chỉ điểm vẫn chẳng tỉnh!

Hiện thời, tôi ăn nói chẳng có chút ý nghĩa ẩn tàng như trước kia. Hiện thời [ăn nói kiểu đó sẽ] không được, quý vị nghe chẳng hiểu! Hy vọng bản thân chúng ta hãy thật sự phản tỉnh, thật sự cảnh giác, thật sự quay đầu. Mục tiêu duy nhất trong một đời này là vãng sanh Tịnh Độ, đại sự nhân duyên này bèn thành tựu viên mãn, những thứ khác đều là giả. Hết thảy các pháp trong thế gian này đều tùy duyên, quyết định chẳng phan duyên, tùy duyên sống qua ngày, quyết định chẳng tranh chấp thị phi, nhân ngã cùng kẻ khác!

Hôm qua, có hai vị tỳ-kheo-ni đến kể với tôi: Đạo tràng của họ có vấn đề. Tín đồ cúng một cuộc đất, họ đi khắp nơi để hóa duyên xây chùa. Phòng ốc đã xây dựng xong, chỉ cần sơn phết là xong. Nay chủ đất đổi ý, muốn đưa người con gái đã xuất gia của họ về làm Trụ Trì hòng cai quản ngôi chùa ấy. Họ hỏi tôi nên làm sao? Tôi đáp: "Chỉ sợ chẳng có đạo, đừng sợ chẳng có chùa! Quý vị cứ giao cho họ là xong. Họ tranh, chúng ta chẳng tranh". Tôi bảo: "Nếu trong mạng của quý vị có, sau vài ngày sẽ có người mời quý vị làm Trụ Trì". Nghe xong, bà ta tâm khai ý giải, chẳng còn vướng mắc, ưu lự. Tôi nói: "Khi quý vị trao chùa cho họ, hãy nói với họ một câu là hết trách nhiệm. Nói câu gì vậy? Ngôi chùa này do mười phương tín đồ hiến cúng. Sau khi quý vị nhận lấy, nếu vẫn là tự viện Phật giáo, sẽ chẳng gánh trách nhiệm nhân quả. Nếu quý vị giữ lấy để tự mình hưởng thụ, trong tương lai, sẽ đọa vào địa ngục A Tỳ". Nói lời này với họ là được rồi! Họ có nghe lọt tai hay không, chẳng sao hết! Chúng ta đã dặn dò hòng sau này khi họ bị đọa địa ngục, khỏi tìm đến chúng ta [cật vấn]: "Sao thuở ấy ngươi không bảo cho ta biết? Ngươi là kẻ xấu xa!" Khi đó, tôi đã bảo quý vị, quý vị chẳng làm theo, chẳng giác ngộ, còn nói gì được nữa? Đã trọn hết nghĩa khí bằng hữu rồi! Do vậy, nhất quyết đừng tham luyến, trọn chẳng thèm nghĩ ta phải đi làm Trụ Trì. Phải bảo cho họ biết trách nhiệm nhân quả, phải nói rõ ràng. Đó là yêu thương, bảo vệ họ, tuyệt đối chẳng mong tranh giành đạo tràng ấy, như vậy là đúng.

Phải ghi nhớ, từ sáng đến tối, nơi nào, lúc nào, cũng thực hiện ba loại bố thí này, mỗi ngày chúng ta đều thực hiện ba loại bố thí này. Giảng kinh trên giảng tòa là pháp bố thí và vô úy bố thí. Chúng ta in tặng kinh điển, tặng băng thâu âm, chính là tài, pháp, vô úy ba loại bố thí đều có, viên mãn cùng một lượt! Phải nghiêm túc, nỗ lực thực hiện, chúng ta mới có thể thật sự đạt được. Chẳng cần có của cải, chỉ cần không bị thiếu khuyết là được rồi. Trí huệ ngày một tăng trưởng, khỏe mạnh, sống lâu, ít bệnh tật, ít khổ não, tự tại lắm! Trong tương lai, khi lâm chung, biết trước lúc mất, như nhập Thiền Định, tâm chẳng điên đảo, tự tại vãng sanh, chúng ta chẳng sống uổng một đời này! Cuộc đời này mới thật sự có ý nghĩa, có giá trị. Các đồng tu phải khéo ghi nhớ lời này! Nhất định phải nghe kinh cho nhiều, nghe nhiều thì mới khắc sâu ấn tượng. Hiện thời, trong nhà có TV, xem TV tâm sẽ chuyển theo hình ảnh được chiếu. Thấy TV chiếu kịch vui bèn cười theo; thấy TV chiếu cảnh đấu đá bèn bực tức, tâm đã bị cảnh giới chuyển mất rồi! Tôi thấy tình

hình này, tính bảo người ta thiết kế một tờ băng dính (sticker) nho nhỏ, [trong ấy] thiết kế một tượng Phật, hoa sen, chính giữa in bốn câu kệ của kinh Kim Cang: *"Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng"*, *"nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai"* (Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng. Nếu thấy các tướng chẳng phải là tướng, tức là thấy Như Lai). Dán tấm băng ấy trên màn hình TV để nhắc nhở quý vị khi xem TV phải biết những hình tướng ấy là giả, chẳng thật, đừng bị chúng xoay chuyển. Quý vị có thể thấy *"các tướng chẳng phải là tướng"*, bèn thấy Như Lai. Điều này có thể độ rất nhiều người. Thiết kế sao cho tấm băng dính đó trong suốt, chẳng ngăn ngại hình ảnh [trên màn hình TV]. Chúng ta có thể lưu thông rộng rãi, trong nhà thân thích, bạn bè của quý vị có TV đều tặng cho họ một tấm. Bởi lẽ, ba thứ bố thí ấy rất quan trọng!

Đối với người học Phật, điều thứ nhất trong Lục Ba La Mật của Bồ Tát là Bố Thí. Nói thật ra, một độ Bố Thí bao hàm trọn vẹn Lục Độ, đều được bao gồm. Trong Bố Thí đã bao gồm tài bố thí, pháp bố thí, và vô úy bố thí. Trì giới là vô úy bố thí. Một người trì giới, mọi người chẳng sợ hãi kẻ ấy. Ví dụ như tài vật bị quý vị trông thấy, [họ sẽ tự nhủ]: "Kẻ ấy trì giới, sẽ chẳng trộm cắp, ta rất an tâm, chẳng sao cả! Tiền tài của ta bày ở nơi đó, kẻ ấy sẽ chẳng lấy, chẳng trộm cắp!" Trong tâm người ta chẳng có nỗi sợ hãi. Chúng ta ăn nói mích lòng kẻ ấy, hoặc là nói rất khó nghe, [vẫn an tâm]: "Người ấy trì giới. Người trì giới sẽ chẳng so đo cùng chúng ta", họ an tâm. Nhẫn Nhục là vô úy bố thí; Tinh Tấn, Thiền Định và Bát Nhã là pháp bố thí. Nếu chúng ta hỏi: "Bồ Tát tu hạnh gì?" Bồ Tát tu bố thí. Chẳng tu bố thí sẽ không phải là Bồ Tát. Có người hỏi: "Quý vị học Phật là tu hạnh gì?" Quý vị bảo kẻ ấy: "Tôi tu tài bố thí, pháp bố thí, vô úy bố thí". Đồng thời, nói cho kẻ ấy biết vì sao ta phải tu? Vì ta mong có của cải, mong được thông minh trí huệ, mong được khỏe mạnh, trường thọ, quý vị có mong muốn hay không? Quý vị mong muốn thì phải học theo tôi. Nếu quý vị chẳng mong học theo tôi, chắc chắn quý vị chẳng đạt được điều mong muốn!

Cảnh giới được nói ở đây cao lắm. Năng niệm và sở niệm; Năng và Sở chẳng hai, tâm và cảnh như một, đó là nhất tâm, là thật, chẳng giả! Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã bảo chúng ta: *"Ưng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo"* (Hãy nên quán tánh pháp giới, hết thảy chỉ do tâm tạo). Y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật cũng là *"duy tâm sở hiện, duy thức sở biến"*, chẳng có ngoại lệ. Tâm của ai? Tâm của chính mình! Không chỉ

là y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Tây Phương và A Di Đà Phật là vật được biến hiện bởi cái tâm của chính mình, mà vô lượng vô biên các cõi Phật và vô lượng vô biên chư Phật Như Lai trong tận hư không khắp pháp giới đều do tự tâm biến ra. Vì thế, đủ mọi phương pháp tu học do đức Phật đã dạy đều là Tánh Đức, chẳng phải là ở bên ngoài, tự tánh vốn trọn đủ đức dụng. Giống như ba loại bố thí chúng ta vừa nói, Lục Ba La Mật là công đức của tự tánh, tự tánh khởi tác dụng, hoàn toàn tương ứng với Tánh Đức, cho nên người ấy mới có thể kiến tánh. Nếu trái nghịch, sẽ là mê; còn tương ứng là giác. Giác là Phật, Bồ Tát, mê là lục đạo chúng sanh. Phàm phu và Phật, Bồ Tát sai biệt ở chỗ tự tánh giác hay tự tánh mê, ở nơi mê hay ngộ. Hễ giác thì hết thảy đều giác; hễ mê thì hết thảy đều mê! Chớ nên không biết điều này.

Nương theo giáo huấn của Phật để tu học, đi theo con đường tự tánh giác. Vì sao con đường này khó đi dường ấy? Chúng ta mê quá lâu, mê quá sâu, nay ngay lập tức quay lại sẽ chẳng dễ dàng cho lắm, đạo lý ở chỗ này! Người lợi căn, người thiện căn sâu dầy, sẽ chuyển mình nhanh chóng, do chướng ngại ít. Kẻ thiện căn mỏng, nghiệp chướng tập khí sâu nặng, sẽ chuyển khó khăn, [do bị] nghiệp lực ngăn trở! Phương pháp tiêu trừ nghiệp chướng hữu hiệu nhất là niệm Phật, niệm kinh Vô Lượng Thọ. Trong Quán Kinh Trực Chỉ, Từ Vân Quán Đảnh đại sư bảo: Nếu hết thảy các kinh pháp chẳng thể tiêu nghiệp chướng, [vì] nghiệp chướng ấy nặng nề [đến nỗi] hết thảy các kinh giáo và pháp môn do đức Như Lai đã nói đều chẳng có hiệu quả, đều chẳng thể tiêu nghiệp chướng ấy, thì niệm Phật có thể tiêu, niệm kinh Vô Lượng Thọ có thể tiêu. Chúng ta hãy suy ngẫm, vì sao? Vì Phật hiệu và hai kinh Đại Bổn và Tiểu Bổn được mười phương chư Phật hộ niệm, quý vị mới biết chúng có công đức chẳng thể nghĩ bàn! Đó chẳng phải là do một vị Phật, hai vị Phật, ba, bốn, năm vị Phật tuyên dương, mà là mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai, chẳng có vị Phật nào không hoằng dương, chẳng có vị Phật nào không hộ niệm. Do đó, [Phật hiệu, kinh Đại Bổn và Tiểu Bổn] có sức mạnh đặc biệt thù thắng, chẳng có gì thù thắng hơn được! Nếu quý vị thật sự có thể tin nhận phụng hành, chẳng có nghiệp chướng nào không tiêu được! Trừ phi chính quý vị chẳng làm theo đúng cách này, hiểu sai ý nghĩa kinh, dụng tâm sai lầm, cho nên đọc tụng thọ trì, chấp trì danh hiệu đều chẳng thể tương ứng với giáo huấn trong kinh. Vậy thì [chẳng tiêu được nghiệp chướng cũng] chẳng có gì đáng để trách móc cả! Nếu thật sự tương ứng, chẳng có gì không thể tiêu được!

***(Diễn) Năng niệm tâm ngoại vô hữu Phật vi ngã sở niệm giả, vị nhất niệm vị sanh tiền, Phật tại hà sở? Nhân tâm khởi niệm, cố Phật cảnh hiện tiền. Tắc sở niệm chi Phật, nhân năng niệm chi tâm nhi hữu. Nhược ly năng niệm chi tâm, diệc vô sở niệm chi Phật, tắc Phật cảnh tùng duyên vô hữu tự tánh.***

**(演)**能念心外無有佛為我所念者，謂一念未生前，佛在何所？因心起念故佛境現前。則所念之佛，因能念之心而有，若離能念之心，亦無所念之佛，則佛境從緣無有自性。

*(**Diễn**: "Ngoài cái tâm năng niệm, chẳng có vị Phật để ta niệm", ý nói: Trước khi một niệm sanh khởi, Phật ở chỗ nào? Do tâm khởi niệm, nên Phật cảnh hiện tiền. Vậy thì đức Phật được niệm là do cái tâm năng niệm mà có. Nếu lìa khỏi cái tâm năng niệm, cũng chẳng có đức Phật để niệm, cho nên Phật cảnh do duyên [mà có], chẳng có tự tánh).*

Ý nghĩa này hay lắm, rất rõ ràng, rất minh bạch. Đây chính là *"chư pháp Thật Tướng"* như đức Phật đã nói trong kinh Bát Nhã; đấy mới là chân tướng. Nếu chúng ta chẳng niệm Phật, lấy đâu ra Phật? Phật chẳng có. Phật do đâu mà có? Do vì chúng ta khởi niệm nên Phật mới hiện, duy tâm sở hiện mà! Cớ sao chúng ta biết là Phật, hay là Bồ Tát? Ở đây, có phân biệt, chấp trước, [đó chính là] duy thức sở biến. Tâm chúng ta có thể hiện Phật, có thể biến Phật. Cũng giống như vậy, tâm chúng ta cũng có thể hiện Bồ Tát, cũng có thể biến Bồ Tát. Nói cách khác, tâm chúng ta có thể biến địa ngục, có thể hiện địa ngục, mười pháp giới [hiện hữu] là do đạo lý này. Trong mười pháp giới, quý vị muốn pháp giới nào? Muốn pháp giới nào, bèn có pháp giới ấy; muốn pháp giới nào bèn thành tựu pháp giới ấy. Đạo lý ở chỗ này! Niệm Phật bèn thành Phật, niệm tham, sân, si bèn thành tam ác đạo. Như vậy thì mới biết y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới vốn do khởi tâm động niệm của chúng ta quyết định, chẳng phải do Phật, Bồ Tát làm chủ tể, cũng chẳng phải do Thượng Đế làm chủ tể, cũng chẳng phải do vua Diêm La làm chủ tể, mà do một niệm tâm của quý vị làm chủ tể. Đấy mới là chân tướng sự thật. Quý vị có một niệm thiện tâm, hết thảy cảnh giới tốt lành bèn hiện tiền. Một niệm ác tâm, hết thảy cảnh giới ác hiện tiền, làm sao quý vị có thể oán trời hờn người cho được? Hết thảy Phật cảnh giới đều từ duyên khởi, còn có gì để nói nữa? Đức Phật giảng Pháp Hoa hay Hoa

Nghiêm cũng là một đại duyên khởi. Trừ duyên khởi ra, chẳng có thứ gì khác. Tâm của chính chúng ta hiện, tâm của chính mình biến. Sau khi đã biến, hiện, chính mình chẳng biết chân tướng sự thật, mê muội ngay trong cảnh giới do chính mình biến hiện, đó là phàm phu, khổ lắm! Chư Phật, Bồ Tát tâm hiện, tâm biến, [nhưng] các Ngài chẳng mê mất chính mình trong ấy, mà hiểu rõ ràng, rành rẽ. Đó gọi là *"du hý thần thông"*, chính mình biến hiện để chính mình thọ dụng.

***(Diễn) Sở niệm Phật ngoại, vô hữu tâm năng niệm ư Phật giả, vị Phật cảnh vị hiện chi tiền, tâm tại hà sở?***

**(演)**所念佛外無有心能念於佛者，謂佛境未現之前，心在何所。

*(**Diễn**: "Ngoài đức Phật được niệm, chẳng có tâm để có thể niệm Phật" nghĩa là: Trước khi Phật cảnh hiện ra, tâm ở chỗ nào?)*

Tìm không thấy! Kinh Lăng Nghiêm gạn tâm bảy chỗ, tâm ở nơi nào? Chẳng biết, nhưng vừa động một niệm, tâm bị phát hiện, biết nó đang ở chỗ nào!

***(Diễn) Nhân văn sở niệm chi Phật, nãi dẫn sanh năng niệm chi tâm, tắc năng niệm chi tâm, nhân sở niệm chi Phật nhi hữu. Nhược ly sở niệm chi Phật, diệc vô năng niệm chi tâm, tắc tâm diệc tùng duyên, vô hữu tự tánh.***

**(演)**因聞所念之佛，乃引生能念之心，則能念之心，因所念之佛而有；若離所念之佛，亦無能念之心，則心亦從緣無有自性。

*(**Diễn**: Do nghe đức Phật được niệm mà dẫn khởi cái tâm niệm Phật. Vậy thì cái tâm niệm Phật là do có đức Phật được niệm mà có. Lìa khỏi đức Phật được niệm, cũng chẳng có cái tâm có thể niệm. Do vậy, tâm cũng từ duyên [mà hiện hữu], chẳng có tự tánh).*

Tâm ở chỗ nào? Chẳng thể nói là nó không có. Tâm chẳng có dấu vết, công năng của sáu căn đều chẳng thể thấu đạt. Mắt chẳng trông thấy, tai cũng chẳng nghe thấy, tay cũng chẳng sờ được, ngửi không thấy, nếm chẳng được, cũng chẳng nghĩ tới được. Những gì quý vị có thể suy tưởng đều thuộc trong phạm vi của A Lại Da Thức. Công năng của thức

thứ sáu, tức ý thức rất lớn. Bên ngoài, nó có thể duyên theo cảnh giới sáu trần; bên trong, nó duyên tới thức thứ tám, nhưng chẳng thể duyên chân tánh! Đối với tâm, nó chẳng có một tí biện pháp nào hết, chẳng duyên được! Vì sao chẳng duyên được? Do nó có phân biệt, có chấp trước, cho nên chẳng duyên được. Lìa khỏi hết thảy phân biệt, chấp trước, tâm tánh ở chỗ nào? Không nơi nào chẳng tồn tại! Nó là bản thể của hư không pháp giới. Tách lìa bản thể, nó có thể hiện gì? Tâm tánh giống như màn hình của TV, tất cả hết thảy các hiện tượng đều phải hiện ra trên màn huỳnh quang. Rời lìa màn huỳnh quang, nó hiện gì vậy? Chẳng hiện! Tâm chúng ta là hư không pháp giới, hư không vẫn là vật được biến hiện bởi tâm tánh. Tâm tánh chẳng phải là hư không, hư không vẫn là vật do tâm tánh biến hiện. Tâm tánh cũng chẳng phải là pháp giới, pháp giới là vật được biến hiện bởi tâm tánh.

Tâm chúng ta to cỡ nào? Hiện thời, tâm lượng nhỏ nhen quá đỗi, [chỉ có] hai người mà còn cãi nhau! Quý vị nói xem có đáng thương hay không? Đó gọi là *"mê mất tự tâm, là kẻ đáng thương xót"*. Học Phật thì học từ chỗ nào? Học từ chỗ mở rộng tâm lượng. Tâm lượng chẳng lớn, sẽ chẳng thể tiến nhập Đại Thừa. Trong kiến trúc của chùa miếu, tại Thiên Vương Điện, đối diện với cổng chính bèn bày tượng Phật Di Lặc bụng bự, nhằm dạy quý vị tâm lượng phải lớn thì mới có tư cách bước vào, ngưỡng cửa [của sơn môn] biểu thị cửa Đại Thừa. Phật giáo Trung Hoa là Đại Thừa Phật pháp; quý vị chẳng có tâm lượng to lớn, sẽ chẳng thể bước vào cửa Đại Thừa! Lại thưa cùng quý vị: Chẳng tiến vào được, cũng chẳng sao! Nếu là tâm lượng nhỏ hẹp, sau khi tiến nhập Đại Thừa, sẽ hỏng bét! Ngưỡng cửa ấy là gì vậy? Cửa địa ngục! Vì sao là cửa địa ngục? Tâm lượng hẹp hòi, sau khi tiến vào, sẽ phá hòa hợp tăng, phá hoại tăng đoàn, kẻ ấy tuyệt đối đọa địa ngục. Do vậy, quý vị thấy cửa ấy là Phật môn hay là địa ngục môn? Nói thật ra, nó cũng chẳng phải là Phật môn, mà cũng chẳng phải là địa ngục môn. Tâm lượng lớn, cửa ấy bèn biến thành Phật môn. Tâm lượng hẹp hòi, cửa ấy sẽ biến thành cửa địa ngục. Cảnh giới bên ngoài không Phật cũng không ma, Phật môn và địa ngục đều do tự tâm biến hiện. Cùng là một ngôi chùa như nhau, ta từng bước tiến vào là Phật môn, kẻ khác từng bước tiến vào mà thành địa ngục môn, khác nhau! Chúng ta dắt tay nhau cùng tiến vào, ta vào cửa Phật, họ tiến vào cửa địa ngục, làm sao có thể giống nhau cho được? Sau khi đã bước vào cửa, nhất định là trước hết phải đoạn phiền não, trước hết là tu Giới, Định, Huệ, đoạn phiền não, sau đấy mới lại học vô

lượng pháp môn, viên thành Phật đạo, phổ độ chúng sanh. Quyết định chẳng thể đảo lộn thứ tự này, [nếu đảo lộn] sẽ là sai lầm khôn cùng!

Do vì niệm Phật mà cái tâm phát khởi, hiện ra, Phật cũng phát khởi, hiện ra. Chẳng niệm, Phật chẳng có, mà tâm cũng chẳng có, đều chẳng có. *"Thật Tướng vô tướng"* (Thật Tướng chẳng có tướng); vừa niệm Phật, tâm lẫn cảnh đều hiện tiền, *"Thật Tướng vô bất tướng"*! *"Vô bất tướng"* là có tướng. Nếu chư vị có thể thật sự thấu hiểu hai câu trên đây, bất luận khởi tâm gì, động niệm gì, tâm và cảnh đều hiện tiền. Khi chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, tâm lẫn cảnh cùng mất, hai bên đều chẳng hiện tiền. Hễ khởi tâm động niệm, hai bên đều cùng hiện tiền. Niệm Phật, hai bên hiện tiền; niệm Bồ Tát, hai bên hiện tiền. Khởi một niệm tâm tham lam, hai bên hiện tiền. Dấy tâm nóng giận, cũng là hai bên hiện tiền. Do đó, tâm và cảnh đều sanh từ duyên. Duyên là gì? Ý niệm sanh khởi chính là duyên. Duyên ấy chẳng thể nói tỉ mỉ; hễ nói tỉ mỉ, sẽ rất phức tạp. Trong Duy Thức có giảng cặn kẽ, kinh Hoa Nghiêm nói vô lượng nhân duyên. Cái tâm ấy hễ động, [sẽ là] vô lượng nhân duyên. Nếu quý vị chẳng có duyên, ý niệm sẽ chẳng động. Vô lượng nhân duyên rất phức tạp.

Tuy đoạn này thuộc cảnh giới rất cao, nhưng có thể khiến cho chúng ta nhận biết chân tướng của tâm và cảnh, cái hay [của sự nhận biết chân tướng] là khiến cho chúng ta chẳng hoài nghi, một lòng khăng khăng chuyên chú niệm Phật, biết pháp môn Niệm Phật quyết định là chẳng sai lầm, xác thực là có căn cứ lý luận!

***(Diễn) Trí ngoại vô Như giả, tâm giả thị Trí, Phật giả thị Như. Tâm ngoại vô Phật, thị Trí ngoại vô Như dã.***

**(演)智外無如者，心者是智，佛者是如，心外無佛，是智外無如也。**

*(**Diễn**: "Ngoài Trí chẳng có Như": Tâm là Trí, Phật là Như. "Ngoài tâm chẳng có Phật" là ngoài Trí chẳng có Như).*

*"Trí"* là chân tâm khởi tác dụng. Chân tâm phát khởi tác dụng, hết thảy đều hiểu rõ, hết thảy đều thông đạt, ta thường nói là *"trí huệ Bát Nhã"*. Tâm khởi tác dụng, tâm là trí huệ; Phật là cảnh giới được biến hiện bởi tâm. Nếu nói theo Duy Thức, Trí là Kiến Phần của tâm, Phật là Tướng Phần của tâm. Tâm là bản thể, cái có thể thấy (năng kiến) chính là Kiến Phần của nó, cái bị thấy (sở kiến) chính là Tướng Phần của nó.

Chính mình thấy chính mình, bên ngoài chẳng có thứ gì! Do vậy nói *"ngoài tâm không có Phật"*, đó chính là *"ngoài Trí chẳng có Như"*.

***(Diễn) Thử nãi đoạt cảnh bất đoạt nhân. Cổ vân: "Thượng viên hoa dĩ tạ, xa mã thượng biền điền", thị dã.***

**(演)此乃奪境不奪人。古云：上園花已謝，車馬尚駢填，是也。**

*(**Diễn**: Đây chính là đoạt[35] cảnh, chẳng đoạt người. Cổ nhân nói: "Thượng Uyển hoa tàn lụi, xe ngựa vẫn dập dìu" nhằm nói lên ý này).*

Đây là nêu lên một công án của cổ nhân để nói. *"Thượng viên"* chỉ ngự hoa viên. Thông thường, hễ người ta nói tới Thượng thì đều là tiếng tôn xưng hoàng đế. Điều này tỷ dụ "đoạt cảnh, chẳng đoạt người". Câu kế tiếp nói theo phương diện tương phản.

***(Diễn) Như ngoại vô Trí giả, ký Phật ngoại vô tâm, thị Như ngoại vô Trí dã. Thử nãi đoạt nhân bất đoạt cảnh. Cổ vân: "Thị xứ hữu phương thảo, mãn thành vô cố nhân", thị dã.***

**(演)如外無智者，既佛外無心，是如外無智也。此乃奪人不奪境。古云：是處有芳草，滿城無故人，是也。**

*(**Diễn**: "Ngoài Như không có Trí": Đã là ngoài Phật chẳng có tâm, tức là ngoài Như chẳng có Trí. Đây chính là đoạt người, chẳng đoạt cảnh. Cổ nhân nói: "Nơi đây, cỏ tỏa hương thơm ngát, khắp thành đâu thấy bóng người xưa" là nói lên ý này).*

*"Thị xứ hữu phương thảo"* là cảnh, *"mãn thành vô cố nhân"* là người. Người chẳng có, nhưng cảnh tồn tại. Trong đoạn trước là "chẳng có cảnh, nhưng người tồn tại". Nói cách khác, đối với vũ trụ và nhân sinh, quý vị nhìn từ góc độ nào, sẽ hiểu kết quả như thế đó. Những kết quả ấy đều chánh xác, nhưng vẫn chưa phải là viên mãn. Cũng có nghĩa là: Đối với cảnh giới, quý vị chỉ thấy một mặt, hãy còn các mặt khác. Giống như đối với một cánh tay, quý vị nhìn vào mặt trước, chẳng thấy mặt sau, nhìn vào mặt sau, chẳng thấy mặt trước. Ắt cần phải hợp cả hai mặt lại để nhìn thì mới có thể hoàn toàn liễu giải chân tướng.

---

[35] "Đoạt" (奪) ở đây có nghĩa là làm cho mất đi.

*"Phi Như phi Trí"* là thấy toàn thể. Chẳng thấy toàn thể, ắt sẽ có sự tranh chấp. Chư vị phải hiểu: Ngay trong bản thân Phật môn cũng có rất nhiều tranh chấp. Vì sao có lắm nỗi tranh chấp ngần ấy? Chẳng thể nói là tri kiến của họ không chánh xác, đều chánh xác, nhưng họ thấy một mặt, chẳng thấy mặt khác. Các đại tông phái như Tông Môn, Giáo Hạ công kích lẫn nhau, người học Thiền và kẻ niệm Phật hủy báng lẫn nhau, đều là do nhìn vào một mặt, chẳng thấy mặt thứ hai. Nếu mặt nào cũng đều nhìn thấy, mới biết không chỉ mười đại tông phái chính là một, mà tất cả hết thảy ngoại đạo bên ngoài cũng là một. Đối với những lời tôi nói cùng mọi người trong phần trước, nếu quý vị có thể thấu hiểu, sẽ biết ngay. Vì sao? Chẳng có một pháp nào không phải là *"duy tâm sở hiện, duy thức sở biến"*, đều là như vậy. Tâm hễ niệm ngoại đạo liền hiện ngoại đạo, niệm ma vương liền hiện ma vương. Niệm gì hiện nấy, tâm biến ra cảnh ấy.

Vì thế, quý vị hãy nói xem: Có pháp nào chẳng phải là tự tánh? Pháp nào cũng đều là [tự tánh], pháp nào cũng đều là Như. Tâm chúng ta liền bình, liền thanh tịnh. [Có như vậy thì] trong hết thảy các pháp, mới giống như kinh Kim Cang đã dạy: *"Chẳng chấp lấy tướng, như như bất động"*. Vì sao chẳng chấp lấy tướng? Vì hết thảy các tướng do tự tánh biến hiện, huyễn hóa, chẳng có tự tánh. Không chỉ là chẳng chấp sắc pháp, mà tâm pháp cũng chẳng chấp giữ, tâm cũng là duyên khởi. Hai bên tâm và cảnh đều xóa sạch, tự tánh hiện tiền. Thiên trọng sắc pháp, sẽ là vật chất, duy vật, chẳng thể kiến tánh. Thiên trọng tâm pháp, sẽ là duy tâm, cũng chẳng thể kiến tánh. Ắt phải là tâm và pháp hai bên đều buông xuống thì mới có thể khế nhập, hoát nhiên khế nhập.

Chư vị phải hiểu, khi một câu Phật hiệu niệm đến mức tâm và cảnh như nhau thì sẽ khế hợp. Nếu quý vị hỏi: Niệm đến khi nào thì mới có thể đạt đến Lý nhất tâm bất loạn? Niệm đến khi [tâm và cảnh] như nhau, niệm đến khi cái tâm năng niệm chính là đức Phật được niệm (sở niệm chi Phật), đức Phật được niệm là cái tâm năng niệm, Năng và Sở là một, Năng và Sở chẳng hai, bèn khai ngộ. Do vậy, đây là một công phu rất sâu. Hễ còn có Năng và Sở, nói cách khác, đều rớt vào hai bên, chẳng thể kiến tánh, có thể niệm đến Sự nhất tâm, chẳng phải là Lý nhất tâm.

***(Diễn) Phi Như phi Trí, cố duy nhất tâm giả, Trí ngoại vô Như, dĩ Trí đoạt Như, cố phi Như. Như ngoại vô Trí, dĩ Như đoạt Trí, cố phi Trí. Hỗ đoạt lưỡng vong, tắc phi Như phi Trí, cố duy nhất tâm.***

**(演)非如非智，故唯一心者，智外無如，以智奪如故非如；如外無智，以如奪智故非智。互奪兩忘，則非如非智，故唯一心。**

*(**Diễn**: "Chẳng phải là Như, chẳng phải là Trí, nên chỉ là nhất tâm": Ngoài Trí chẳng có Như, do Trí đoạt Như, nên chẳng phải là Như. Ngoài Như không có Trí, do Như đoạt Trí, nên chẳng phải là Trí. Do [Như và Trí] đoạt lẫn nhau, nên hai bên cùng mất. Vì thế, chẳng phải là Như, chẳng phải là Trí, chỉ là nhất tâm).*

*"Hỗ đoạt lưỡng vong"* (Hai bên đoạt lẫn nhau), hai đằng đều chẳng có. Đây là phương pháp xảo diệu để tô đậm cảnh giới Lý nhất tâm, giống như vẽ vời vậy, dồn mây để mô tả mặt trăng. Do chẳng thể vẽ mặt trăng được, nên trong giữa các đám mây, [vẽ] lộ ra một hình tròn trặn, thoạt nhìn liền biết là mặt trăng. Dùng phương pháp ấy để biểu lộ, khiến cho chúng ta nhờ vào đó bèn có thể thấu hiểu.

***(Diễn) Thử nhân cảnh song đoạt. Cổ vân: "Vân tán, thủy lưu khứ, tịch nhiên, thiên địa không". Hựu vân: "Nhân ngưu câu bất kiến, chánh thị nguyệt minh thời", thị dã.***

**(演)此人境雙奪。古云：雲散水流去，寂然天地空。又云：人牛俱不見，正是月明時。是也。**

*(**Diễn**: Đây chính là người và cảnh đều bị đoạt. Cổ nhân nói: "Mây tan, nước chảy mất, khắp trời đất lặng tênh". Lại nói: "Người, trâu đều chẳng thấy; khi ấy, trăng rạng ngời" là nói về ý này).*

Đây là bài kệ trong Mục Ngưu Đồ Tụng[36] (tranh kệ chăn trâu), những điều này đều thuộc về Thiền cơ, hãy chú tâm lãnh hội, cảm nhận, trong ấy rất có ý vị. Ý thú cạn hay sâu tùy thuộc cảnh giới lãnh ngộ khác

[36] Mục Ngưu Đồ Tụng (牧牛圖頌) là một hình thức chỉ bày phương pháp tu hành điều tâm trong Thiền Tông, sánh ví cái tâm như con trâu, Thiền giả như người chăn trâu. Đúng như tên gọi, tác phẩm này có nhiều bức vẽ, mỗi bức bao gồm hình vẽ và một bài kệ tụng. Mục Ngưu Đồ Tụng có nhiều loại, nói chung, ba loại được người đời chú trọng nhất là Mục Ngưu Đồ Tụng của Thanh Cư (năm bức vẽ), Khuếch Am (mười bức) và Tự Đắc (sáu bức). Trong các bản này, phổ biến nhất là bản của ngài Khuếch Am từ đời Tống. Hiện thời, hầu như chỉ còn hai bản được lưu hành là bản của thiền sư Khuếch Am và thiền sư Phổ Minh.

nhau của mỗi người. Đó là đối với hai nghĩa của chữ Thể Cứu, chúng tôi đã giảng một ý nghĩa. Kế tiếp sẽ là ý nghĩa thứ hai, tức *"tịch chiếu nan tư"*. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi để lần sau sẽ giảng tiếp.

***Tập 230***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm năm mươi:

***(Sao) Nhị tức Tịch Chiếu nan tư. Nhược ngôn kỳ hữu, tắc năng niệm chi tâm, bản thể tự không, sở niệm chi Phật, liễu bất khả đắc. Nhược ngôn kỳ vô, tắc năng niệm chi tâm, linh linh bất muội, sở niệm chi Phật, lịch lịch phân minh. Nhược ngôn diệc hữu vô, tắc hữu niệm vô niệm câu mẫn. Nhược ngôn phi hữu phi vô, tắc hữu niệm vô niệm câu tồn. Phi hữu tắc thường Tịch, phi vô tắc thường Chiếu, phi song diệc, phi song phi, tắc bất Tịch bất Chiếu, nhi Chiếu nhi Tịch. Ngôn tư lộ tuyệt, vô khả danh trạng, cố duy nhất tâm.***

**(鈔)二即寂照難思，若言其有，則能念之心，本體自空，所念之佛，了不可得；若言其無，則能念之心，靈靈不昧，所念之佛，歷歷分明；若言亦有無，則有念無念俱泯；若言非有非無，則有念無念俱存。非有則常寂，非無則常照，非雙亦，非雙非，則不寂不照，而照而寂。言思路絕，無可名狀，故唯一心。**

*(**Sao**: Hai là "Tịch và Chiếu khó nghĩ tưởng". Nếu nói nó là Có thì bản thể của cái tâm năng niệm là Không, đức Phật được niệm trọn chẳng thể được. Nếu bảo là Không thì cái tâm năng niệm linh thông chẳng mê muội, đức Phật được niệm vằng vặc phân minh. Nếu bảo là "vừa Có, vừa Không" thì hữu niệm và vô niệm đều mất. Nếu nói "chẳng phải là Có, chẳng phải là Không" thì hữu niệm và vô niệm cùng tồn tại. Chẳng phải Có mà thường Tịch, chẳng phải là Không mà thường Chiếu, chẳng phải là "cùng Có, cùng Không", chẳng phải là "chẳng phải Có, chẳng phải Không" mà chẳng Tịch, chẳng Chiếu, lại vừa Chiếu, vừa Tịch. Nói năng lẫn suy nghĩ đều chẳng được, không thể nào gọi tên hay hình dung. Vì thế, chỉ là nhất tâm).*

Đoạn này nhằm giảng về ý nghĩa thứ hai của Thể Cứu, tức là

*"Tịch Chiếu nan tư"*. Trước hết, chúng tôi nói ý nghĩa của bốn chữ ấy theo phương diện văn tự. Phàm phu, Nhị Thừa, Quyền Giáo Bồ Tát đều dùng vọng tâm. Dùng vọng tâm thì từ Nhị Thừa trở lên tuy tu Định, công phu định lực đã tu có [mức độ] thành công kha khá, có thể chế phục vọng tưởng, nhưng các Ngài chưa thể kiến tánh. Ắt phải là sau khi đã kiến tánh thì mới dùng chân tâm. Chân tâm là Tịch mà thường Chiếu, Chiếu mà thường Tịch, khác xa vọng tâm! Chúng ta niệm Phật, đương nhiên là đại đa số vẫn dùng vọng tâm để niệm. Dùng vọng tâm để niệm mà rất đúng pháp, bèn có thể đới nghiệp vãng sanh. Trong bốn cõi Tây Phương, cõi Phàm Thánh Đồng Cư và cõi Phương Tiện Hữu Dư đều là đới nghiệp vãng sanh. Nếu niệm đến Lý nhất tâm bất loạn, sẽ sanh trong cõi Thật Báo, hoặc cõi Thường Tịch Quang, khác hẳn!

Chúng ta có thể vãng sanh hay không? Đây là một câu hỏi lớn! Nếu muốn vãng sanh, nhất định là phải chế phục phiền não. Chúng ta chẳng đoạn được thì phải chế phục phiền não. Phiền não là gì? Phiền não là vọng tưởng, ngay cả độ chúng sanh cũng là dấy vọng tưởng. Quý vị thường có ý niệm độ chúng sanh, nói thật thà, chẳng thể đến Tây Phương Cực Lạc thế giới được! Chẳng thể không có nguyện độ chúng sanh, nhưng chớ nên có ý niệm độ chúng sanh; bởi nó là vọng niệm. Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối niệm câu A Di Đà Phật, vẫn thường nghĩ "ta phải độ chúng sanh", tức là vọng niệm ấy xen tạp vào đó. Niệm Phật sợ nhất là xen tạp, quyết định chớ nên hoài nghi, chớ nên gián đoạn, chớ nên xen tạp! Pháp tốt đẹp như vậy, chẳng giới thiệu cho người khác, trong lòng rất khó chịu, đó là vọng tưởng. Chư Phật, Bồ Tát chẳng cảm thấy khó chịu, quý vị khó chịu nỗi gì! Vì sao chư Phật, Bồ Tát chẳng khổ sở? Duyên chưa chín muồi. Nếu duyên đã chín muồi, Phật, Bồ Tát tự nhiên sẽ đến. *"Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai"*, người nào nhân duyên đã chín muồi, Phật, Bồ Tát tự nhiên sẽ hóa thân tới độ kẻ ấy, chẳng vứt bỏ một ai! Duyên chưa chín muồi, không thể đến, [vì có hiện thân đến tiếp độ] không chỉ là chẳng thể thành tựu việc gì, trái lại còn là chuyện xấu. Vì sao? Khiến cho kẻ ấy nẩy sanh ác cảm, khiến cho thời gian [cần thiết] để duyên của kẻ đó chín muồi bị kéo dài, vậy thì từ bi ở chỗ nào? Đó gọi là ngu si, ngu muội.

Do vậy, trong đời này, chúng ta gặp gỡ Phật pháp, ý niệm đầu tiên là "quyết định phải sanh về Tịnh Độ". Chỉ sau khi đã sanh về Tịnh Độ thì mới có thể rộng độ chúng sanh, trong một đời này chẳng vội vàng độ chúng sanh. Có đồng tu đề nghị, bảo tôi phải nghĩ phương pháp lưu

thông băng thâu âm và băng thâu hình giảng kinh của tôi. Trên thực tế, hiện thời đã được lưu thông chẳng ít, tôi biết nhiều nơi trên cả thế giới đều có. Còn có người dấy lên ý niệm muốn lập một hội gây quỹ, quyên mộ một khoản tiền để làm chuyện này, có nên hay không? Thoạt nghe thì dường như hay lắm, hiện thời, trong Phật môn có nhiều đạo tràng đều làm theo kiểu ấy, nhưng hễ làm chuyện ấy, sẽ chẳng thể vãng sanh! Chúng ta ngẫm xem: Vãng sanh là khẩn yếu, hay tu phước báo luân hồi trong lục đạo là khẩn yếu? Chúng ta phải cân nhắc cẩn thận! Trong các buổi giảng, tôi thường khuyên lơn, khích lệ các đồng tu giới thiệu Phật pháp, đề cao Phật pháp, trong Phật môn nói là *"hoằng dương Phật pháp"*, chúng ta phải làm chuyện này. Dùng tâm thái gì để làm? Tùy duyên, tùy phận, như vậy thì tốt. Đừng nên cố ý thực hiện, chớ nên lập kế hoạch để làm, chẳng cần phải có tổ chức để làm, vì sẽ tạo ra quá nhiều điều tệ hại! Lỡ như chúng ta do hảo tâm, có tổ chức sao cho mỗi huyện đều có một tiểu tổ, có một người phụ trách, lỡ như kẻ ấy hóa duyên tại đó, dùng món tiền [quyên góp] được để tiêu xài cho chính mình, trong tương lai kẻ ấy sẽ đọa địa ngục. Vì sao kẻ ấy đọa địa ngục? Chính là do chúng ta đã cài bẫy đưa kẻ ấy vào địa ngục, tội lỗi ấy quá nặng!

Nhà Phật thường nói: *"Một hạt gạo thí chủ, to như núi Tu Di, kiếp này chẳng liễu đạo, mang lông, đội sừng đền"*. Chúng ta an phận thủ thường, chẳng gánh trách nhiệm nhân quả, như vậy thì mới là tốt đẹp. Chúng ta chủ trương "quyết định chẳng hóa duyên, mà là tùy duyên". Người ta cúng dường nhiều bèn làm nhiều, có ít bèn làm ít, chẳng có bèn không làm. Làm và không làm tâm đều thanh tịnh, đều tự tại, như vậy là tốt đẹp. Đạo tràng là như thế, mỗi vị đồng tu tại gia phải giữ vững tâm thái như vậy để sống qua ngày, để xử sự, đãi người, tiếp vật, khiến cho cái tâm của chúng ta có thể thật sự an định, một dạ hướng về đạo! Đó là tốt đẹp!

Chúng sanh có phước, Phật, Bồ Tát tự nhiên tới, Phật pháp có thể phổ biến hoằng dương. Chúng ta thấy thời đại hiện tại là có phước hay là có tai nạn? Có đại tai nạn! Quý vị thấy các hiện tượng trong xã hội chẳng phải là hiện tượng tốt lành, tai nạn xảy đến. Đấy là cộng nghiệp. Chúng ta nhất định phải đề cao cảnh giác, nhất định phải nhận biết rõ ràng "sanh tử là chuyện lớn, vô thường nhanh chóng", phải biết nhân quả, nhất định phải đoạn ác tu thiện. Thiện là gì? Tâm địa thanh tịnh là thiện. Tựa đề kinh Vô Lượng Thọ có nói thanh tịnh, bình đẳng, giác chứ

không mê, đó là thiện. Nói cách khác, tâm không thanh tịnh là ác, tâm bất bình đẳng là ác, trong tâm mê hoặc, điên đảo là ác.

Học Phật quyết định đừng làm theo kiểu hình thức, quyết định chớ nên làm chuyện náo nhiệt, những điều ấy nhất định tổn hại đạo nghiệp. Vì sao? Chẳng thể Tịch! *"Tịch"* (寂) là thanh tịnh, chẳng Tịch lấy đâu ra Chiếu? *"Chiếu"* (照) chính là trí huệ Bát Nhã. Trước hết, chúng ta phải từ mặt chữ mà liễu giải, nhận rõ: Tịch là Định, Chiếu là Huệ. *"Tịch chiếu nan tư"* chính là Tịch và Chiếu được phát huy đến mức cao nhất. Thông thường, nói theo Đại Thừa Phật pháp, mức sơ khởi để đạt tới cảnh giới này sẽ là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, hoặc Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo, chẳng thể nghĩ bàn! Chẳng cần nhắc tới hàng Bồ Tát thuộc địa vị sâu, [hàng Bồ Tát] vừa mới đạt đến cảnh giới này đã chẳng thể nghĩ bàn! Hai mươi lăm vị Bồ Tát được nhắc đến trong hai mươi lăm chương giảng về các phép Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm đều là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, chẳng phải là rất cao, mà là những vị vừa mới tu thành tựu Lăng Nghiêm Đại Định. Ở đây, chúng ta gọi Lăng Nghiêm Đại Định là Lý nhất tâm bất loạn, [Sơ Trụ Bồ Tát] vừa mới đạt đến cảnh giới ấy. Thật sự chẳng thể nghĩ bàn!

Vì sao chẳng thể nghĩ bàn? Trong đoạn văn này, đã nêu ra đạo lý ấy: Vì nghĩ và bàn đều thuộc về Đệ Nhị Nghĩa. Suy nghĩ, nghiên cứu, và thảo luận đều là tác dụng của tâm ý thức. Lìa khỏi tâm ý thức, chẳng có cách nào nghĩ bàn! Chân tâm bản tánh chẳng nghĩ bàn, vì nó chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có vọng tưởng. Lìa khỏi hết thảy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, còn có gì để nói nữa? Tôi phải hỏi các đồng tu: Tôi bày vật này ra nơi đây. Lìa khỏi hết thảy phân biệt, lìa hết thảy tướng danh tự, tướng ngôn thuyết, quý vị hãy nói xem: Đây là gì? Quý vị nói: "Đấy là một mảnh giấy". Tôi bảo quý vị: Chẳng có tướng danh tự, [vậy thì] lấy đâu ra "mảnh giấy"? Hễ dùng tâm ý thức bèn có thể nghĩ bàn. Lìa tâm ý thức, chẳng thể nghĩ bàn! Hết thảy các pháp bày trước mặt chúng ta, [chúng ta hiểu] rõ ràng, rành rẽ, đó gọi là Chiếu Kiến. Tôi vừa mới làm thử, các vị đều trông thấy, đó là Chiếu Kiến, đấy chính là Chiếu. Tâm là Tịch, rành mạch, rõ ràng, chẳng có ngôn thuyết, mà cũng chẳng có tư duy. Cảnh giới ấy ở chỗ nào? Ở ngay trước mặt chúng ta. Trong cảnh giới, hễ chúng ta khởi tâm, động niệm, cảnh giới ấy (cảnh giới "Chiếu mà Tịch, Tịch mà Chiếu") chẳng còn nữa, liền biến thành cảnh giới hư vọng. Quý vị gán cho nó một cái tên, đó là giả danh! Nó vốn chẳng có tên. Quý vị gán cho nó một tướng trạng, nó

vốn chẳng có tướng trạng. [Tên gọi lẫn tướng trạng] đều sanh từ phân biệt, chấp trước của quý vị. Quý vị coi những thứ do phân biệt, chấp trước sanh ra là thật, lầm lẫn đặc biệt to tát, đó là mê hoặc, điên đảo. Đã hiểu rõ đại tiền đề này thì những điều giải thích tiếp đó sẽ chẳng khó hiểu, quý vị càng xem càng hiểu rõ.

Đối với các câu *"nhược ngôn kỳ hữu, tắc năng niệm chi tâm, bản thể tự không, sở niệm chi Phật, liễu bất khả đắc"* (nếu nói là Có thì bản thể của cái tâm năng niệm là không, đức Phật được niệm trọn chẳng thể được), [sách Diễn Nghĩa] có chú giải năm câu ấy.

***(Diễn) Nhược ngôn kỳ hữu ngũ cú, vị năng niệm chi tâm, nhân sở niệm chi Phật nhi hữu.***

**(演)**若言其有五句，謂能念之心，因所念之佛而有。

*(**Diễn**: Năm câu "nếu nói là Có..." ý nói: Cái tâm năng niệm do từ đức Phật được niệm mà có).*

Tâm và cảnh đều là duyên sanh. Nếu trong lúc tâm chẳng sanh một niệm, tâm lẫn cảnh đều Không; nhưng khi chúng ta dấy tâm niệm Phật, cảnh giới Phật hiện tiền, Phật là duyên khởi. Do vì niệm Phật, cũng sẽ hiển lộ ngược lại rõ ràng [sự kiện] "[trong tâm] ta đã dấy lên một niệm niệm Phật", tâm cũng là duyên khởi. Cái tâm năng niệm và đức Phật được niệm làm duyên khởi lẫn nhau. Các pháp do nhân duyên sanh mà! Vì thế nói là nhất tâm, đó là chân tâm. Hễ quý vị niệm Phật, bèn có năng niệm (cái tâm niệm Phật) và sở niệm (đức Phật được niệm). Năng niệm và sở niệm đều phát xuất từ duyên khởi. *"Nhân sở niệm chi Phật nhi hữu"* (Do đức Phật được niệm mà có), [nghĩa là] bèn có cái tâm năng niệm, tâm là duyên khởi. Tâm ấy chính là do có đức Phật được niệm nên mới hiển lộ cái tâm năng niệm. *"Tắc năng niệm chi tâm bản thể tự không"* (bản thể của cái tâm năng niệm là Không): Chẳng có đức Phật được niệm, cái tâm năng niệm của quý vị cũng trọn chẳng thể được, cũng chẳng có. Tâm năng niệm là duyên khởi.

***(Diễn) Sở niệm chi Phật, nhân năng niệm chi tâm nhi hữu, tắc sở niệm chi Phật liễu bất khả đắc.***

**(演)**所念之佛，因能念之心而有，則所念之佛了不可得。

*(**Diễn**: Đức Phật được niệm do cái tâm năng niệm mà có, nên đức Phật được niệm [chính là] trọn chẳng thể được).*

Cũng là "bản thể chính là Không". *"Bản thể tự không"* và *"trọn chẳng thể được"* có cùng một ý nghĩa, tâm và cảnh đều chẳng thể được!

***(Diễn) Dĩ tâm duyên cảnh, tùng vô tự tánh, cố hữu phi hữu dã. Thử vi Không Quán.***

**(演)以心緣境，從無自性，故有非有也。此為空觀。**

*(**Diễn**: Do tâm duyên cảnh, vốn chẳng có tự tánh, cho nên "tuy có mà chẳng có". Đấy chính là Không Quán).*

Cảnh là sắc pháp. Bản thể của tâm pháp và sắc pháp là Không, quý vị còn có chấp trước gì nữa? Còn phải khởi vọng tưởng chi nữa? Đối với tất cả hết thảy tưởng của quý vị, đức Phật thêm vào một chữ Vọng (妄), tức là "vọng tưởng". Chân tâm vốn chẳng có tưởng; chỉ cần quý vị có tưởng đều gọi là vọng tưởng. Quý vị điều gì cũng chẳng tưởng, đó là đúng. Nếu tưởng, sẽ là trật! Chư Phật, Bồ Tát đại từ đại bi phổ độ chúng sanh, các Ngài có tưởng hay chăng? Chẳng tưởng! Chẳng tưởng thì độ [chúng sanh] như thế nào? Tùy duyên độ sanh. Duyên hiện tiền, Phật bèn tận tâm tận lực giúp đỡ kẻ ấy. Duyên chẳng hiện tiền, Ngài như như bất động. Dẫu cho duyên hiện tiền, đến giúp đỡ hết thảy chúng sanh, vẫn là như như bất động, chưa hề khởi tâm động niệm. Kể cả khi đức Phật vì chúng ta giảng kinh, thuyết pháp, Ngài là *"nói mà chẳng nói, chẳng nói mà nói"*. Kẻ sơ học chúng ta [nghe nói như vậy] rất khó hiểu, rõ ràng là có nói, cớ sao [bảo là] "chẳng nói"? Giống như gõ khánh, chúng ta cầm dùi gõ nó, khánh bèn ngân vang. Chẳng gõ, nó sẽ không ngân. Hãy thử hỏi, khi chúng ta gõ, nó có dấy lên ý niệm "ta phải ngân vang" hay không? Chẳng có! Do đó, nó là "chẳng ngân mà ngân, ngân mà chẳng ngân". Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp là như thế đó, chẳng có phân biệt, chấp trước, chẳng có tâm, chẳng khởi tâm động niệm! Chúng sanh hỏi gì, Ngài bèn thuận theo lời hỏi để đáp, tuyệt đối chẳng nói: "Quý vị hỏi, ta phải suy xét, ngẫm nghĩ để trả lời quý vị như thế nào". Nếu là như vậy, sẽ rớt vào ý thức, sẽ là phàm phu. Do vậy, đức Phật thuyết pháp giống như gõ khánh: Gõ mạnh bèn kêu to, gõ nhẹ liền kêu nhỏ, chẳng gõ bèn im tiếng. Đức Phật có thuyết pháp hay không? Chẳng có thuyết pháp! Chúng ta nghe đức Phật thuyết pháp, phải biết

nghe. "Biết nghe" chính là lìa tâm ý thức để nghe. Nói cách khác, nghe đức Phật thuyết pháp mà chẳng phân biệt, không chấp trước, không giữ lại ấn tượng, nghe pháp như vậy bèn có thể khai ngộ. Càng nghe, tâm càng thanh tịnh. Thanh tịnh đến một mức độ nhất định, sẽ khai ngộ, tương ứng với tâm Phật, mà cũng tương ứng với tâm tịch tĩnh. Tâm Phật tịch tĩnh, tâm chúng ta cũng tịch tĩnh. Giữa tịch tĩnh và tịch tĩnh, chẳng có giới tuyến, hết thảy đều thông đạt vô ngại. Thật sự dụng công, thật sự tin Phật, thật sự tin tự tánh có vô lượng công đức, điều này vô cùng quan trọng!

Đây là nhìn theo Thể; vì thế nói là Không Quán. Bản thể của nó chính là Không, trọn chẳng thể được. Những điều này đều nhằm nói rõ chân tướng của nhân sinh và vũ trụ.

***(Diễn) Nhược ngôn kỳ vô ngũ cú, vị nhân sở niệm chi Phật, dẫn sanh năng niệm chi tâm.***

**(演)**若言其無五句，謂因所念之佛，引生能念之心。

*(**Diễn**: Năm câu "nếu nói là không..." ý nói do đức Phật được niệm mà dẫn khởi, phát sanh cái tâm năng niệm).*

Tâm năng niệm do đâu mà có? Do đức Phật được niệm dẫn khởi.

***(Diễn) Tắc năng niệm chi tâm tỉnh tỉnh bất muội.***

**(演)**則能念之心惺惺不昧。

*(**Diễn**: Nên cái tâm năng niệm sáng suốt, chẳng mê muội).*

Tâm ấy rõ ràng, minh bạch, giống như tôi vừa mới cầm một tờ giấy [giơ lên] cho mọi người xem. Há chẳng phải là quý vị đã thấy rõ ràng, minh bạch hay sao? Quý vị dùng gì để thấy? Tâm! Dùng cái tâm thấy. Vì chẳng cho phép quý vị phân biệt, không cho quý vị chấp trước, cái tâm được dùng là chân tâm. Khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước là vọng tâm, thuộc vào tám thức và năm mươi mốt Tâm Sở. Ngay trong khi quý vị chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước, những gì quý vị đã thấy chính là nhìn bằng tánh Thấy, thấy bằng chân tâm. Chân tâm thấy pháp tánh. Phàm phu chúng ta cũng có, đáng tiếc chẳng giữ được lâu dài. Niệm thứ nhất là tâm, thấy bằng tánh Thấy, niệm thứ hai là thấy bằng Nhãn Thức, ngay lập tức [vạn pháp] bị biến chất, biến quá nhanh chóng! Chư Phật, Bồ Tát thấy, vĩnh viễn

chẳng biến chất, cho nên những điều các Ngài thấy toàn là chân tướng, thật tướng. Trong cái Thấy của chúng ta, Thật Tướng đã bị chuyển biến thành tướng hư vọng. Cái tâm này nhận biết rành mạch, rõ ràng!

***(Diễn) Nhân năng niệm chi tâm, dẫn sanh sở niệm chi Phật.***
**(演)因能念之心，引生所念之佛。**
*(**Diễn**: Do cái tâm năng niệm, dẫn khởi đức Phật được niệm).*

Đức Phật được niệm do đâu mà có? Do cái tâm năng niệm hiển hiện.

***(Diễn) Tắc sở niệm chi Phật lịch lịch phân minh.***
**(演)則所念之佛歷歷分明。**
*(**Diễn**: Nên đức Phật được niệm vằng vặc phân minh).*

Vị Phật ấy ở ngay trước mặt, rành rẽ, rõ ràng.

***(Diễn) Dĩ tánh Không chi xứ, bất ngại duyên sanh.***
**(演)以性空之處，不礙緣生。**
*(**Diễn**: Do nơi tánh Không chẳng trở ngại duyên sanh).*

Tâm năng niệm là duyên sanh, đức Phật được niệm là duyên sanh. Nói theo hiện tướng (tướng biến hiện) thì là duyên sanh; nói theo Thể, quyết định là không tịch, trọn chẳng thể được. Tướng có, Thể không, giống như nằm mộng, quyết định là Thật Tướng. Thật Tướng là tướng chân thật, quyết định là tướng chân thật. Quý vị chẳng lãnh hội đến cấp độ này, những gì quý vị trông thấy đều là tướng hư vọng. Tướng hư vọng sẽ đem lại vô lượng vô biên phiền não cho quý vị, khiến cho quý vị tạo nghiệp, khiến cho quý vị bị khổ báo luân hồi. Nếu quý vị thấy Thật Tướng, tâm quyết định thanh tịnh. Tâm quý vị đã định, thường sanh trí huệ, chẳng hai, chẳng khác với Phật. Nói thật ra, Phật và chúng sanh là do một niệm sai khác, thường nói là *"sai chỉ hào ly, mất đi ngàn dặm"*. Sai biệt nhỏ nhặt ngần ấy, hễ quý vị có thể chuyển điều nhỏ nhặt ấy, bèn lập tức thành Phật.

***(Diễn) Cố vô phi vô dã.***

**(演)故無非無也。**
*(**Diễn**: Do đó, không mà chẳng phải là không).*

Chẳng phải là "thứ gì cũng đều chẳng có", tướng là có.

***(Diễn) Thử vi Giả Quán.***
**(演)此為假觀。**
*(**Diễn**: Đây là Giả Quán).*

Chư vị phải hiểu: Tướng toàn là giả. Có tướng hay không? Có, nhưng chẳng thật. Có là giả! Kinh Kim Cang đã nói rất hay: *"Như mộng, huyễn, bào, ảnh"*. Mộng, huyễn, bọt, bóng là có! Ai nấy đều có thể nằm mộng. *"Huyễn"* (幻) là gì? Huyễn là làm ảo thuật. Nhà ảo thuật biến hóa, biến ra những thứ nhìn giống như là có thật, nhưng thật ra, chúng là giả! Đó là huyễn hữu. *"Bào"* (泡) là bọt nước. Các vị đến bờ biển sẽ thấy bọt nước. *"Ảnh"* (影): Nay chúng ta xem TV, những hình ảnh trên TV đều là ảnh. Như mộng, huyễn, bọt, bóng, chẳng có thứ gì là chân thật. Chư Phật, Bồ Tát ở trên thế gian được gọi là *"du hý thần thông"*, du hý thần thông là gì? Trong cảnh giới, các Ngài chẳng phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, chẳng động niệm. Bất luận cảnh duyên là thuận hay nghịch, các Ngài đều tự tại. Trong thuận cảnh, các Ngài chẳng sanh tham ái; trong nghịch cảnh chẳng sanh sân khuể, tâm các Ngài thanh tịnh, bình đẳng. Vì thế, các Ngài cảm nhận vạn pháp như nhau, chẳng có khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Do muôn pháp như nhau, tâm thường trụ trong Định. Hễ có khổ, lạc, ưu, hỷ, xả, tâm chẳng định, Định bị mất đi. Vì sao? Tâm động. Tâm các Ngài bất động.

Người thật sự học đạo trong hết thảy các cảnh duyên, *"cảnh"* là hoàn cảnh vật chất, *"duyên"* là hoàn cảnh nhân sự, trong hết thảy các hoàn cảnh, tu cái tâm bất động. Đó là Phật pháp. Bất luận tông nào hay phái nào, thảy đều tu điều này, chỉ là phương pháp tu khác nhau. Tịnh Độ Tông dùng phương pháp trong pháp môn Niệm Phật để tu, hòng ngăn dứt khởi tâm động niệm. Trong thuận cảnh, dấy lên một chút tâm tham, ngay lập tức "A Di Đà Phật", chuyển ý niệm ấy, chuyển thành A Di Đà Phật, trừ khử tham. Trong nghịch cảnh, tâm khởi lên đôi chút buồn bực, hoặc dấy tâm sân khuể, ngay lập tức đổi thành A Di Đà Phật, trừ bỏ sân niệm, dùng phương pháp này. Dạy quý vị trong bất luận cảnh giới nào, quý vị gìn giữ "thanh tịnh, bình đẳng, giác" trong cái tâm của

chính mình, đó gọi là "người niệm Phật", người ấy thật sự niệm Phật. Trọn chẳng phải là miệng niệm Phật, trong tâm vẫn muốn gây chuyện thị phi, nhân ngã, vẫn muốn nói dối, nói đôi chiều, vẫn muốn tham, sân, si, mạn, miệng đúng, tâm sai, sai bét rồi! Đó chẳng phải là người niệm Phật. Niệm Phật kiểu đó, chẳng thể vãng sanh. Người niệm Phật nhất định là niệm niệm đều trụ trong "thanh tịnh, bình đẳng, giác", niệm Phật kiểu đó quyết định vãng sanh. Bản thân chúng ta tu như vậy, cũng dạy kẻ khác tu như vậy. Đấy mới là tự lợi, lợi tha, hoằng pháp lợi sanh.

Biết hết thảy cảnh giới đều là giả, tự nhiên chẳng sanh phiền não. Hết thảy đều là giả, có gì đáng để tham luyến? Giả trất, chẳng thật! Hết thảy đều là mộng, huyễn, bọt, bóng, có gì đáng để cáu giận? Hiểu Lý, tâm bèn an, thấy rõ ràng, rành rẽ chân lý, đã hiểu, tâm tự nhiên an, tự nhiên buông xuống những nỗi ưu lự, sợ sệt, vướng mắc. Thân tâm của chúng ta cũng là duyên khởi, cũng chẳng phải là chân thật. Ngày mai chẳng có cái để ăn, bèn chết đói. Nói thật ra, ai chết đói? Thân thể trọn chẳng thể được, cảnh giới trọn chẳng thể được, ai chết? Chẳng có sanh tử, ngay lập tức sanh tử được giải quyết, đó là "liễu sanh tử", chẳng có sanh tử! Sanh tử do đâu mà có? Sanh tử cũng từ duyên khởi. Vì quý vị sợ chết, cái chết hiện ra ngay trước mặt, quý vị bèn kinh hoảng, đều do chính mình biến hiện. Trừ tự tâm ra, há còn có pháp nào nữa? Chẳng có! Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều là giả tướng do tự tâm duyên khởi biến hiện. Đấy là Giả Quán. Không Quán là quán bản thể. Đã hiểu rõ Lý, Giả Quán là nhìn vào hiện tượng, cũng hiểu rõ hiện tượng.

Sau đó là nói tới Trung Quán. Trung Quán là gì? Trong cảnh giới, chúng ta sống như thế nào? Hưởng thụ cảnh giới ấy ra sao? Hưởng thụ bình thường. Trong hưởng thụ, quyết định chẳng tạo nghiệp, quyết định chẳng sanh phiền não, quyết định chẳng khởi tâm động niệm. Cuộc sống như vậy là cuộc sống của chư Phật, Bồ Tát. Nếu quý vị học hiểu, sẽ phải thay đổi danh xưng, chẳng thể gọi là người nữa, phải gọi quý vị là Bồ Tát. Những thứ khác cũng chẳng thay đổi, tâm và cảnh đều chẳng thay đổi, thay đổi danh tự mà thôi. Không gọi là người nữa, mà gọi quý vị là Phật, Bồ Tát.

***(Diễn) Nhược ngôn diệc Hữu diệc Vô nhị cú.***

**(演)**若言亦有亦無二句。

*(**Diễn**: Hai câu "nếu cũng có, cũng không").*

Đây là *"tắc hữu niệm vô niệm câu mẫn"* (hữu niệm và vô niệm đều mất).

***(Diễn) Vị nhược song chấp Hữu Vô.***

**(演)謂若雙執有無。**

*(**Diễn**: Ý nói: Nếu cùng chấp Có lẫn chấp Không).*

Nếu quý vị chấp trước "cũng Có, cũng Không", điều then chốt là Chấp. Trừ bỏ Chấp, vấn đề bèn được giải quyết. Quyết định chớ nên chấp trước! Xóa sạch chấp trước, quý vị nói là Có cũng được, bảo là Không cũng được, hoặc nói là "cũng Có, cũng Không", chẳng có gì không đúng. Pháp nào cũng là đạo, việc gì cũng thuận lợi. Hễ có Chấp, câu nào cũng đều trật, chẳng có một câu nào là đúng! Điểm then chốt là chấp trước.

Ở đây, nói tới sự song chấp Hữu Vô, [tức là] đã chấp trước Có, lại chấp trước Không.

***(Diễn) Tắc chánh đương bản thể tự không liễu bất khả đắc thời, hựu linh linh bất muội lịch lịch phân minh, dĩ Hữu đoạt Vô dã.***

**(演)則正當本體自空了不可得時，又靈靈不昧歷歷分明，以有奪無也。**

*(**Diễn**: Như vậy thì ngay trong lúc bản thể là không, trọn chẳng thể được, lại là linh thông, chẳng mê muội, vằng vặc phân minh, tức là dùng Hữu để đoạt Vô vậy).*

Không thể nói là nó chẳng có, rõ ràng là có, rành mạch, rõ ràng. Đây là phá sự chấp trước về Vô.

***(Diễn) Chánh đương linh linh bất muội lịch lịch phân minh thời, hựu bản thể tự không liễu bất khả đắc, dĩ Vô đoạt Hữu dã.***

**(演)正當靈靈不昧歷歷分明時，又本體自空了不可得，以無奪有也。**

*(**Diễn**: Ngay đang trong lúc vằng vặc phân minh chẳng mê muội, bản thể lại trọn chẳng thể được, [chính là] dùng Vô để đoạt Hữu).*

Đây là phá chấp trước Có.

***(Diễn) Hỗ đoạt lưỡng vong, tắc Hữu Vô song mẫn.***

**(演)互奪兩亡，則有無雙泯。**

*(**Diễn**: Hai bên đoạt lẫn nhau nên cùng mất, chính là Hữu và Vô cùng mất).*

Quý vị nói "cũng Không" chẳng thể thành lập, mà quý vị nói "cũng Có" cũng chẳng thể thành lập. *"Hỗ đoạt lưỡng vong"*: Hai bên đều chẳng thể thành lập. *"Tắc Hữu Vô song mẫn"*: *"Mẫn"* (泯) là tiêu mất, hai bên "cũng Có" và "cũng Không" đều tiêu mất.

***(Diễn) Thử song giá nhị biên chi Trung Đạo Quán dã.***

**(演)此雙遮二邊之中道觀也。**

*(**Diễn**: Đây chính là Trung Đạo Quán ngăn dứt cả hai bên [Hữu và Vô]).*

Hai bên đều chẳng chấp trước, đó là Trung Đạo. Đây là *"song giá"* (雙遮: ngăn dứt cả hai). Hễ ngăn dứt bèn tương ứng với Thể, tương ứng với Lý.

***(Diễn) Nhược ngôn phi hữu phi vô nhị cú.***

**(演)若言非有非無二句。**

*(**Diễn**: Hai câu "nếu nói chẳng phải có, chẳng phải không…").*

"Cũng Có, cũng Không" chẳng thể thành lập, tức là "chẳng phải Có, chẳng phải Không". [Nếu chấp là] "chẳng phải Có, chẳng phải Không" thì lại sai mất rồi. Sai ở chỗ nào? Dưới đây, [sách Diễn Nghĩa] giảng giải:

***(Diễn) Vị nhược song phá Hữu Vô.***

**(演)謂若雙破有無。**

*(**Diễn**: Ý nói nếu cùng phá Có và Không).*

Chẳng phải Có, chẳng phải Không, hai bên Có và Không cùng bị phá.

***(Diễn) Tắc nhân bản thể tự không liễu bất khả đắc, cố đắc linh linh bất muội lịch lịch phân minh, nhân Vô thành Hữu dã.***

**(演)則因本體自空了不可得，故得靈靈不昧歷歷分明，因無成有也。**

*(**Diễn**: Thì do bản thể vốn là Không, trọn chẳng thể được, cho nên linh thông chẳng mê muội, vằng vặc phân minh, [đó chính là] do Không mà thành Có vậy).*

*"Linh linh bất muội"* là tâm, *"lịch lịch phân minh"* là cảnh. Tâm và cảnh sanh từ Không, từ trong Không mà sanh ra Có, quý vị chẳng thể nói nó là Không được!

***(Diễn) Nhân linh linh bất muội lịch lịch phân minh, cố đắc bản thể tự Không, liễu bất khả đắc, nhân Hữu thành Vô dã. Hỗ thành song lập, tắc Hữu Vô câu tồn, thử song chiếu nhị biên chi Trung Đạo Quán dã.***

**(演)因靈靈不昧歷歷分明，故得本體自空了不可得，因有成無也。互成雙立，則有無俱存，此雙照二邊之中道觀也。**

*(**Diễn**: Do linh thông bất muội, vằng vặc phân minh, nên bản thể là Không, trọn chẳng thể được, [đó chính là] do Có mà thành Không. Do thành lẫn nhau mà đôi bên cùng được kiến lập, nên Có và Không đều tồn tại. Đấy chính là Trung Đạo Quán chiếu soi cả hai bên).*

Đoạn này nói theo hiện tượng (hình tượng được biến hiện) nơi tâm và cảnh. Nói theo hiện tượng thì Có; nói theo Lý Thể, sẽ là Không. Chỉ cần quý vị không chấp trước, quý vị nói Có, đúng lắm! Quý vị nói Không, cũng đúng luôn! Chỉ sợ chấp trước, chấp trước là bệnh, sự chấp trước ấy được gọi là Pháp Chấp. Chư vị phải biết: Phá Ngã Chấp bèn chứng quả A La Hán; phá Pháp Chấp bèn thành Phật. Vì sao đức Phật coi chấp trước quan trọng dường ấy? Quý vị có những chấp trước ấy, sẽ không thể kiến tánh, chẳng thể thành Phật, nhất định phải phá trừ chấp trước.

Đối trước hết thảy đại chúng thuyết pháp, đức Phật có lúc nói Có, có khi nói Không. Chúng ta nẩy sanh hoài nghi: "Đức Phật thuyết pháp trước sau chẳng nhất trí, thường là trước sau mâu thuẫn"! Phải biết: Phật chẳng có pháp để thuyết! Quý vị chấp trước Có, đức Phật bèn nói Không. Kẻ khác chấp trước Không, đức Phật liền nói Có với kẻ đó. Đức Phật nói

Có hay Không đều nhằm phá chấp trước của quý vị. Chấp trước bị phá vỡ, chuyện ấy chẳng còn nữa! Đức Phật phá chấp trước mà! Quý vị chấp trước Có, Ngài bảo quý vị Không, đúng lắm! Ngài nói rất đúng, ngay lập tức quý vị được thọ dụng. Đối với kẻ chấp trước Không, đức Phật nói Có, kẻ ấy cũng được thọ dụng, ngay lập tức khai ngộ chứng quả, ai nấy đều được lợi ích. Đối với người chấp trước Có mà đức Phật nói Có, sẽ hại kẻ đó. Đối với kẻ chấp trước Không, đức Phật nói Không với người ấy, cũng là nói sai mất rồi!

Quý vị hãy xem Lục Tổ Đàn Kinh, Lục Tổ truyền dạy học trò mai sau thuyết pháp lợi sanh như thế nào? Hết thảy các pháp được nói đều là nói theo hướng phản diện. Đức Phật không có pháp nào để có thể nói, nhằm phá chấp trước của chúng sanh mà thôi. Ba mươi sáu cặp [vấn đáp] trong Lục Tổ Đàn Kinh chính là nguyên lý và nguyên tắc để chư Phật, Bồ Tát thuyết pháp cho hết thảy chúng sanh.

Thật ra có pháp gì hay chăng? Chẳng có pháp! Tâm cũng chẳng có, cảnh cũng chẳng có, còn có pháp gì để nói nữa? Quý vị chấp trước gì, bèn xóa sạch chấp trước ấy, đó là đúng. Đến khi quý vị chẳng chấp trước, còn có Phật pháp hay không? Chẳng có Phật pháp! Phật pháp cũng chẳng có. Do chúng sanh chấp trước mà Phật pháp được kiến lập, giống như chúng sanh có bệnh thì mới có thuốc. Chúng sanh đều chẳng có bệnh, lấy đâu ra thuốc? Chẳng có thuốc! Không chỉ là chẳng có thuốc, danh từ *"thuốc"* cũng chẳng có. Cho thuốc tương ứng căn bệnh, uống thuốc vào bèn hết bệnh. Bệnh đã hết, thuốc cũng chẳng còn. Đó gọi là Phật pháp.

Song Giá là nói theo Lý, Song Chiếu là nói theo Sự, không gì chẳng nhằm phá trừ chấp trước mà thôi!

***(Diễn) Hữu vô tứ cú thị bệnh.***

**(演)有無四句是病。**

*(**Diễn**: Bốn câu "có, không" là bệnh).*

*"Có, không, cũng có cũng không, chẳng phải có chẳng phải không"*, bốn câu ấy là bệnh căn. Tất cả hết thảy chúng sanh đều chấp trước như vậy. Đối với thân, tâm, vạn vật, trong quan niệm và tư tưởng của họ, có bốn thứ chấp trước ấy. Đó gọi là phàm phu, là ngoại đạo, là Tiểu Thừa. Kinh Lăng Nghiêm xếp Tiểu Thừa thành một loại ma, [nguyên nhân là do Tiểu Thừa] tri kiến bất chánh, họ có Pháp Chấp.

***(Diễn) Tam Quán thị dược.***

**(演)三觀是藥。**

*(**Diễn**: Tam Quán là thuốc).*

[Tam Quán là] Không Quán, Giả Quán, và Trung Quán. Trong Trung Quán, có Song Giá Trung Quán và Song Chiếu Trung Quán. Dùng phương pháp ấy để trừ khử bệnh căn mê hoặc, điên đảo.

***(Diễn) Nhược tứ cú ký ly, tắc Tam Quán diệc tuyệt.***

**(演)若四句既離，則三觀亦絕。**

*(**Diễn**: Nếu đã lìa bốn câu thì ba phép Quán cũng mất).*

Tam Quán là thuốc, bệnh đã lành, thuốc chẳng còn nữa, Tam Quán cũng chẳng có. Ngàn muôn phần chớ nên chấp trước có Tam Quán. Chấp trước Tam Quán, sẽ lại biến thành bị bệnh. Rốt cuộc Tam Quán là có hay không? Hay là cũng có cũng không? Hay là chẳng phải có chẳng phải không? Lại biến thành bốn câu. Chư vị phải hiểu, mỗi một pháp đều có bốn câu. Chúng ta chấp trước người này, người này là nam nhân, rốt cuộc là có nam nhân hay không? Hay là cũng có cũng không nam nhân? Hay là chẳng có chẳng không nam nhân? Tùy tiện lấy một pháp nào, cũng đều là bốn câu. Nếu quý vị hỏi: Vô minh là gì? Điên đảo là gì? Bốn câu ấy là vô minh, bốn câu ấy là vọng tưởng điên đảo. Hết thảy vật, hết thảy sự, hết thảy lý, hết thảy cảnh, mỗi một pháp đều có bốn câu này. Chúng ta niệm Phật, có rất nhiều người niệm Phật mà hoài nghi, chẳng đoạn nghi căn: Tây Phương Cực Lạc thế giới rốt cuộc là có hay không? Hay là cũng có cũng không? Hay là chẳng phải có chẳng phải không? Người ấy đề ra những hạng mục ấy. Người ta vừa xướng lên, chúng ta suy nghĩ, [cảm thấy] chẳng sai! Rốt cuộc là có hay chẳng có? Tâm liền loạn động!

***(Diễn) Thử trung, Hữu tức Tục Đế, Vô tức Chân Đế, song diệc song phi tức Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế.***

**(演)此中有即俗諦，無即真諦，雙亦雙非即中道第一義諦。**

*(**Diễn**: Trong ấy, Có chính là Tục Đế, Không là Chân Đế, "cũng có cũng không" và "chẳng phải có chẳng phải không" chính là Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế).*

*"Trung Đạo"* là không rơi vào hai bên, hai bên đều chẳng chấp trước, đó là Trung Đạo. Đối với hết thảy cảnh duyên, tùy thuận là được rồi. Tùy thuận thì quyết định chớ nên khởi tâm động niệm, chớ nên suy nghĩ ta phải như thế nào, [nếu suy nghĩ phải như thế này, như thế nọ] tức là tự mình chuốc khổ. Hễ suy nghĩ ta phải như thế này, như thế nọ, đó là tạo nghiệp. Quý vị hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, sẽ chẳng phải là tạo nghiệp, mà là công đức. Công đức là gì? Tương ứng với pháp tánh, tương ứng với Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế; đấy là công đức. Vì sao phải nghĩ tưởng? Khởi tâm động niệm là phan duyên. Người thật sự học Phật, tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh có quá nhiều lợi ích. [Lợi ích] thứ nhất của tâm thanh tịnh là đắc pháp hỷ, hoan hỷ, vui sướng. Phật pháp nói *"lìa khổ được vui"*, lời này là thật, chẳng giả. Tâm địa quý vị thanh tịnh, bèn vui sướng, pháp hỷ sung mãn. Nho gia cũng nhấn mạnh chuyện này, câu đầu tiên trong Luận Ngữ là *"Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ"* (Học rồi tập luyện, cũng chẳng vui sao)? *"Duyệt"* (悅) là pháp hỷ, *"tập"* (習) là phải đem những điều quý vị đã học ứng dụng vào cuộc sống, biến thành thói quen trong cuộc sống của chính mình. Trong ấy bèn có pháp hỷ. Pháp hỷ là chất bồi bổ tốt nhất đối với thân tâm, khỏe mạnh, sống lâu, chẳng bệnh, chẳng già. Tục ngữ nói: *"Ưu năng sử nhân lão"* (Lo âu khiến người ta già xọm). Một kẻ có nhiều tham, sân, si, mạn, lắm nỗi lo âu, vướng mắc, sẽ già suy rất nhanh, và cũng dễ dàng nhiễm bệnh. Vì sao? Thân tâm chẳng thanh tịnh. Đây là lợi ích thiết thực cho chúng ta, quý vị bèn biết tu tâm thanh tịnh trọng yếu dường ấy! Trong kinh này, điểm lợi ích được đặc biệt chú trọng là [kinh này] thật sự giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín. Học xong, lập tức có thể áp dụng vào cuộc sống, lợi ích ở chỗ này. Nó chẳng phải là lý luận, mà lập tức có thể biến thành cuộc sống của chúng ta.

Nay chúng ta gọi *"Đế"* (諦) là chân lý. Nói theo Phật pháp, Đế chính là ý nghĩa chắc thật, là thực tại, chẳng sai tí nào! Hữu là Tục Đế, tức là kiến giải của người thế tục. Hữu là Giả Hữu, chẳng thật. Vô là Chân Đế, Vô là Không, chớ nên hiểu "Vô là hoàn toàn không có gì", [hãy nên hiểu] là *"Thể vô"*, tức là vô tự tánh. Hết thảy vạn pháp chẳng có tự tánh, chẳng có tự thể, cớ sao mà có? Do duyên sanh. Phàm là duyên sanh thì đều chẳng có tự tánh, đó là thật. *"Song diệc song phi"* là Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế.

***(Diễn) Cử nhất tức tam, ngôn tam tức nhất.***

**(演)舉一即三，言三即一。**

*(**Diễn**: Nêu ra một thì chính là ba, nói ba mà chính là một).*

Ba điều ấy là một chuyện. Nếu chúng ta thật sự triệt để liễu giải hết thảy vạn vật là *"Thể không, Tướng có"*, chúng ta dùng Trung rất sung sướng. Dùng Trung như thế nào? Quyết định chẳng chấp trước chính là quý vị dùng Trung. Người biết dùng Trung, sẽ nhập cảnh giới Hoa Nghiêm *"Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại"*. Vì sao người thế gian khởi tâm động niệm thì hết thảy đều là chướng ngại? Vì họ có chấp trước; hễ có chấp trước thì còn có chướng ngại. Chẳng có chấp trước, sẽ chẳng có chướng ngại. Phật pháp nói xuyên suốt sẽ là "phá chấp trước mà thôi", trọn chẳng có pháp môn nào khác, phá chấp trước mà thôi. Đó là nói *"tuy một mà ba, tuy ba mà một"*. Nói thật ra, tận hư không khắp pháp giới và chính mình là một Thể. Thật đấy! Chẳng giả tí nào. Hư không pháp giới đều là tự tánh duyên khởi, chẳng có gì không phải là tự tánh duyên khởi. Đó gọi là *"ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm"*, là một, không hai.

***(Diễn) Giai như cảnh dã.***

**(演)皆如境也。**

*(**Diễn**: Đều là cảnh của Như vậy).*

*"Như"* là Chân Như bản tánh, đều là cảnh giới của Chân Như bản tánh.

***(Diễn) Cố vân Bát Nhã như hỏa tụ, tứ diện bất khả nhập.***

**(演)故云般若如火聚，四面不可入。**

*(**Diễn**: Vì thế nói Bát Nhã như đống lửa, bốn phía chẳng thể tiến vào được).*

Đây là một tỷ dụ trong kinh Đại Bát Nhã. Bát Nhã giống như đống lửa, bất luận từ phía nào, quý vị cũng đều chẳng thể tiến vào. Hễ tiến vào đều bị nó đốt rụi, tỷ dụ sự chiếu phá: Tất cả hết thảy vọng tưởng, chấp trước, hễ Bát Nhã hiện tiền, chúng đều chẳng còn nữa, đều bị chiếu phá, có ý nghĩa này. Phiền não giống như củi đốt, đụng phải lửa đều bị đốt rụi. Lửa trí huệ, củi phiền não là tỷ dụ này.

***(Diễn) Hựu vân Bát Nhã như thanh lương trì, tứ diện giai khả nhập dã.***

**(演)又云般若如清涼池，四面皆可入也。**

*(**Diễn**: Lại nói Bát Nhã như ao thanh lương, bốn phía đều có thể vào).*

Bát Nhã giống như ao thanh lương, gieo mình vào đó, thân tâm tự tại, vui sướng khôn sánh. Đây là nói tới sự thọ dụng, hưởng vui. Trong đoạn trên là tỷ dụ sự lìa khổ, đoạn phiền não, phá trừ Phiền Não Chướng. Đây là lý do vì sao nói là *"Tịch Chiếu nan tư"*.

*"Tắc bất Tịch, bất Chiếu, nhi Chiếu, nhi Tịch, ngôn tư lộ tuyệt, vô khả danh trạng, cố duy nhất tâm"* (Nên chẳng Tịch, chẳng Chiếu, vừa Chiếu, vừa Tịch, dứt bặt nói năng, suy nghĩ, không thể gọi tên hay mô tả, nên chỉ là nhất tâm). Đó gọi là "nhất tâm bất loạn, Tịch và Chiếu đồng thời", thuộc về hiện tượng tự nhiên. Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật nói tám thứ tự nhiên. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói *"pháp nhĩ tự nhiên"* (pháp vốn tự nhiên là như vậy). Giống như nước, khi nước trong lặng, tự nhiên nó có tác dụng Chiếu. Xét theo sự tịch tĩnh của nước, sẽ là ý nghĩa Tịch. Xét theo [khả năng] chiếu cảnh giới bên ngoài, sẽ là ý nghĩa Chiếu. Chiếu thuộc về Bát Nhã, Tịch thuộc về tâm thanh tịnh, thuộc về Định; chúng ta nói là *"Định Huệ song vận"*, là đồng thời.

Huệ do Định mà có, chẳng phải là đạt được bởi văn tự. Tôi thường khuyên lơn, khích lệ các đồng tu phải tu Định, phải thật sự tu. Quý vị mong trong tương lai trở thành pháp sư đại đức giảng kinh, thuyết pháp, mà cứ một mực nghiên cứu Tam Tạng kinh điển, sẽ chẳng thể thành công. Vì sao? Giảng Tam Tạng kinh điển đến mức hoa trời rơi tán loạn, học thuộc nhuyễn nhừ, chẳng có mảy may nào liên quan đến tâm tánh của chính mình! Quý vị chẳng có trí huệ, những gì quý vị đã giảng là do nhớ nhiều, nghe nhiều, đó gọi là *"ký vấn chi học"* (cái học do hỏi han, ghi nhớ), chẳng phải là trí huệ. Nho gia hết sức coi rẻ cái học ký vấn. Trong sách Lễ Ký có nói: *"Ký vấn chi học, bất khả dĩ vi nhân sư dã"* (Với cái học thức có được do cách học ký vấn, chẳng thể làm thầy người khác). Nếu quý vị làm thầy người khác, nhất định là sẽ khiến cho con em người khác bị lầm lỡ! Nhất định phải khai ngộ! Để khai ngộ thì phải tu Định, nhất định là phải tu tâm thanh tịnh. Đối với pháp môn Tịnh Tông, nhất định là phải niệm đến mức nhất tâm bất loạn. Chẳng đạt được Lý nhất tâm bất loạn thì nhất định phải đạt đến Sự nhất tâm bất loạn. Vì sao?

Mới có thể khai trí huệ. Chư vị phải hiểu: Tu Định quan trọng hơn nghiên cứu giáo pháp khá nhiều! Vì sao chẳng cho phép kẻ mới học nghiên cứu kinh giáo? Nếu cho phép quý vị nghiên cứu kinh giáo, sẽ hại chết quý vị! Nay quý vị không biết, nhưng trong tương lai quý vị chẳng thể thành tựu, sẽ kiếm tôi làm phiền. Quý vị bị đọa trong lục đạo tam đồ, sẽ nói: "Tôi tôn ông làm thầy, bị ông hại". Tới khi đó, chẳng gột sạch quả báo ấy được! Nay tôi dạy quý vị, quý vị chẳng nghe theo, đến lúc đó, quý vị đọa lạc, chẳng thể trách tôi!

Do vậy, tu Định là quan trọng, tu nhất tâm bất loạn quan trọng! Mức độ thấp nhất là phải đạt tới Sự nhất tâm, tâm địa thật sự thanh tịnh, quang minh, từ bi. Từ bi thì mới có thể yêu thương, kính trọng người khác; sau đấy, quý vị nghiên cứu kinh giáo thì mới hữu dụng, có ích cho quý vị, chẳng có chỗ họa hại. Quý vị chẳng có cơ sở này mà nghiên cứu kinh giáo, sẽ có hại, chẳng được lợi. Chẳng thông hiểu kinh giáo thì còn rất thật thà, còn rất khiêm hư, thấy người khác thì hãy còn rất cung kính. Nghiên cứu đôi chút kinh giáo, mắt bèn trợn ngược lên đỉnh đầu, xem thường người khác, kiêu căng, ngã mạn, tạo nghiệp cả đống. Một niệm kiêu căng, ngã mạn, chính là nguyên nhân đọa địa ngục. Vẫn là thật thà một chút, khiêm hư một chút, cung kính người khác một chút sẽ tốt hơn, luôn tu phước, chẳng tạo ác nghiệp. Do vậy, đối với chuyện học Phật, cổ đức thường khuyên chúng ta *"thật thà niệm Phật"*. Nói thật ra, bất luận tông phái nào cũng đều phải thật thà. Người thật thà sẽ có thành tựu, kẻ không thật thà quyết định chẳng có thành tựu. *"Trước cửa địa ngục, tăng đạo đông"*, [những kẻ đọa lạc] đều là phường chẳng thật thà! Người thật thà làm sao có thể đọa địa ngục cho được? Bất luận xuất gia hay tại gia đều phải học thật thà, phải tiến từng bước, tiến dần theo thứ tự, chớ nên vượt cấp, đừng nên ham cao chuộng xa, phải giữ bổn phận của chính mình.

Nói thật thà, đối với chức vụ được giao phó trong đoàn thể, phải tận tâm tận lực làm tròn công việc. Chẳng bị giao phó chức vụ, đúng là được Phật, Bồ Tát gia hộ, ta chẳng có chuyện gì, tâm địa thanh tịnh. Trách nhiệm càng nặng, chịu trách nhiệm nhân quả càng to. Ví như hiện thời có rất nhiều người muốn làm Trụ Trì, hoặc muốn làm Đương Gia. Làm Trụ Trì thì phải giáo hóa một phương, chẳng dùng chánh pháp để giáo hóa một phương, quả báo của người ấy cũng rất thảm. Giống như ở nơi đây mở một trường học, mời quý vị đến làm hiệu trưởng. Hiệu trưởng [có trách nhiệm] giáo dục ở nơi đây. Nếu quý vị chẳng tận tâm

tận lực thực hiện, tuy quý vị là người rất tốt, cũng chẳng tham ô, mà cũng chẳng phạm pháp, nhưng quý vị chẳng tận hết trách nhiệm, tội lỗi bèn nặng nề, chẳng thà làm thanh chúng (đại chúng thanh tịnh tu hành), chẳng có trách nhiệm! Cớ gì phải tranh giành? Người thật sự thông minh, có trí huệ, hễ có chuyện gì dính líu trách nhiệm bèn thoái thác còn chẳng kịp, há lại tranh giành ư? Chẳng có ai làm, chính mình có năng lực để làm thì phải làm, đó gọi là *"đương nhân bất nhượng"* (gặp chuyện nhân bèn chẳng nhường). Nếu có kẻ khác có thể làm được, sao không nhường cho kẻ khác làm?

Nếu quý vị muốn thành tựu đạo nghiệp trong một đời này, nhất định là trước hết phải buông danh lợi xuống, quyết định đừng nên tranh danh tranh lợi. Đó là sự tổn hại lớn nhất. Do vậy, hãy buông xuống, đầu tiên là phải buông danh lợi xuống, [vì] tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần thảy đều là căn bản của địa ngục. Hễ có một điều chẳng thể buông xuống, nói cách khác, quý vị chẳng tránh khỏi bị dính líu với địa ngục. Chẳng tránh khỏi bị liên hệ thì nói cách khác, rất dễ dàng bị nó lôi vào. Vì vậy, nếu quý vị chẳng muốn đọa địa ngục, chắc chắn là quý vị phải buông tham, sân, si, mạn, tiếng tăm, lợi dưỡng xuống. Mỗi điều trong cái được gọi là *"năm cái rễ của địa ngục"* đều có thể lôi quý vị đọa địa ngục. Nếu có đủ năm điều, quý vị còn có thể thoát nổi hay chăng? Quyết định là trốn không thoát.

Nhưng là phàm phu thì phiền não tập khí từ vô lượng kiếp tới nay rất nặng, nghe đức Phật giảng kinh giác ngộ đôi chút, [bèn cảm thấy]: "Đúng quá! Hay lắm, ta buông xuống liền!" Hai hôm sau, do chẳng nghe kinh, chúng lại trồi lên, quên sạch bách kinh Phật, lại tạo tội nghiệp, làm sao được nữa? Vì thế, kinh phải giảng mỗi ngày, niệm mỗi ngày, là do đạo lý này! Đạo tràng xưa kia thù thắng vì giảng kinh mỗi ngày, niệm Phật mỗi ngày. Một ngày giảng kinh tám tiếng đồng hồ, niệm Phật tám tiếng đồng hồ, thời gian còn lại quý vị bèn thật thà đi ngủ. Vì sao? Mệt mỏi, chẳng có tinh thần. Ở trong đạo tràng ấy ba năm, thật sự có thành tựu. Đạo tràng hiện thời lơi lỏng, biếng nhác, chẳng có ai đốc thúc quý vị, tu hành hoàn toàn phải cậy vào chính mình. Nhưng người hiện thời có phước báo của người hiện thời. Nếu quý vị thật sự phấn chấn tinh thần, người khác chẳng học, ta học. Ta mỗi ngày nghe kinh tám tiếng đồng hồ. Ta nghe băng thâu âm, mang máy nghe nhạc cá nhân để nghe. Ta mỗi ngày niệm Phật tám tiếng đồng hồ, ta nghe Phật hiệu, dùng máy nghe nhạc cá nhân để nghe, hoặc dùng máy niệm Phật, đeo ống nghe

riêng, chẳng làm phiền kẻ khác, [làm như thế] sẽ chẳng kém đạo tràng thời cổ. Người hiện thời có phước báo này, cổ nhân có nằm mộng cũng chẳng dám mong cầu. Người thời nay có phước báo này, nói cách khác, quý vị có biết dùng hay không? Quý vị có biết hưởng phước này hay không? Mỗi ngày nghe kinh tám tiếng đồng hồ là hưởng phước!

Có không ít đồng tu ở vùng Bắc Kinh, Thiên Tân nghe băng thâu âm của tôi. Tôi đến Bắc Kinh, họ đến đón tiếp tôi, nói: Họ có phước báo lớn hơn người Đài Loan, lớn ở chỗ nào? "Người Đài Loan nghe pháp sư giảng kinh, mỗi tuần mới nghe hai giờ, mỗi tuần nghe hai lần. Kinh Vô Lượng Thọ giảng hai lần, nghe hai lần, chúng tôi mỗi ngày nghe năm sáu lần, nghe hằng ngày". Họ lấy băng thâu âm, mỗi ngày nghe bảy tám cuộn băng, nghe hai mươi mấy ngày là nghe xong một bộ kinh. Nghe xong, bèn nghe lại từ đầu đến cuối. Họ nói "chúng tôi có phước báo to hơn người Đài Loan" là có lý. Họ hưởng thụ lợi ích do máy móc khoa học đem lại, thật sự dùng được! Đó mới là người thật sự có phước. Họ càng nghe càng hoan hỷ. Nghe xong còn thâu lại, mỗi lần nghe xong lại thâu thêm một bộ. Thâu thêm một bộ để tặng cho người khác nghe. Vị đồng tu ấy kể với tôi là đã thâu ba mươi mấy bộ. Chúng tôi nghe kể rất cảm động. Ba mươi mấy bộ được gởi đi các nơi, mạn Bắc gởi tới Cáp Nhĩ Tân, Trường Xuân; phía Tây gởi đến Tứ Xuyên, mặt Nam gởi tới Vân Nam, gởi tặng rất xa! Mỗi tháng chỉ thu nhập hơn một trăm Nhân Dân Tệ, tức là sáu bảy trăm đồng Đài Loan, giảm bớt chi tiêu để mua băng thâu âm lưu thông, thật sự lỗi lạc! Hoàng lão cư sĩ nói: "Đài Loan chẳng có đạo tràng, chẳng có người tu hành, toàn là giả, đều chẳng thật. Phật pháp thật sự, người tu hành thật sự là ở Đại Lục". Chúng tôi nghe xong rất hổ thẹn.

***(Diễn) Phi Hữu tắc thường Tịch hạ cửu cú, kết quy Tịch Chiếu nan tư.***

**(演)非有則常寂下九句，結歸寂照難思。**

*(**Diễn**: Chín câu từ "chẳng phải là Có nên thường Tịch" trở đi nhằm kết quy [ý nghĩa] Tịch Chiếu khó nghĩ tưởng).*

Đoạn này nhằm tổng kết *"phi Hữu tắc thường Tịch, phi Vô tắc thường Chiếu, phi song diệc, phi song phi, tắc bất Tịch bất Chiếu, nhi Chiếu nhi Tịch, ngôn tư lộ tuyệt, vô khả danh trạng"* (chẳng phải là Có nên thường Tịch, chẳng phải là Không nên thường Chiếu. Chẳng phải là

đều có, chẳng phải là đều không, nên chẳng Tịch chẳng Chiếu mà lại vừa Chiếu vừa Tịch, nói năng, suy nghĩ dứt bặt, chẳng thể gọi tên hay diễn tả hình dạng được). Trạng (狀) là hình trạng, Danh (名) là tên gọi, lìa tướng danh tự, lìa tướng ngôn thuyết, lìa hết thảy sắc tướng, vậy thì làm như thế nào? *"Cố duy nhất tâm"* (Nên chỉ là nhất tâm), khi ấy mới nói xuyên suốt chân tướng của hết thảy các pháp. Nói xuyên suốt sẽ là nhất tâm. *"Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến"*, xác thực là nhất tâm.

***(Sao) Tư tắc năng sở tình tiêu, hữu vô kiến tận.***

**(鈔)斯則能所情消，有無見盡。**

*(**Sao**: Cho nên tình thức Năng lẫn Sở đều tiêu, kiến giải Có và Không đều hết).*

Hai câu này nói hết sức hay, chúng ta hãy xem chú giải:

***(Diễn) Tư tắc hạ tổng kết thượng nhị. Năng Sở tình tiêu, tức Như Trí bất nhị. Hữu Vô kiến tận, tức Tịch Chiếu nan tư.***

**(演)斯則下總結上二。能所情消，即如智不二；有無見盡，即寂照難思。**

*(**Diễn**: Từ chữ "cho nên" trở đi là tổng kết hai [ý nghĩa] trong đoạn trên, tình thức Năng lẫn Sở đều tiêu chính là "Như và Trí chẳng hai"; kiến giải Có và Không đều hết chính là "Tịch và Chiếu khó nghĩ tưởng").*

*"Kiến"* là kiến giải. Đối với hết thảy vạn pháp, quý vị có kiến giải là Có hay là Không. Bỏ sạch những kiến giải ấy thì là Tịch Chiếu chẳng thể nghĩ bàn.

***(Sao) Thanh tịnh bổn nhiên chi thể, cánh hữu hà pháp nhi vi tạp loạn.***

**(鈔)清淨本然之體，更有何法而為雜亂。**

*(**Sao**: Cái Thể thanh tịnh bổn nhiên, há còn có pháp nào để tạp loạn được nữa).*

*"Thanh tịnh bổn nhiên chi thể"* là tự tánh, là chân tâm của chính mình. Tự tánh chân tâm hiển lộ, bèn gọi là *"thành Phật"*, thuộc về Lý

nhất tâm bất loạn, *"cánh hữu hà pháp nhi vi tạp loạn"* (còn có pháp gì để tạp loạn được nữa), chẳng có pháp nào!

***(Sao) Dĩ kiến Đế cố, danh Lý nhất tâm dã.***

**(鈔)以見諦故，名理一心也。**

*(**Sao**: Do đã thấy các Đế, nên gọi là Lý nhất tâm).*

Tam Đế Tam Quán đều viên dung, đó là Lý nhất tâm.

***(Sao) Ngôn Huệ giả, năng chiếu vọng cố. Kiêm Định giả, chiếu vọng bổn không, vọng tự phục cố.***

**(鈔)言慧者，能照妄故。兼定者，照妄本空，妄自伏故。**

*(**Sao**: Nói là Huệ vì nó có thể chiếu thấu vọng. "Kèm thêm Định" vì nó chiếu thấu suốt vọng vốn là Không, nên vọng tự bị chế phục).*

Lý nhất tâm là Huệ, là Bát Nhã Ba La Mật. Trong Huệ, nhất định có Định, vì sao? Chẳng có Định, bèn chẳng có Huệ, Huệ từ Định khởi. Có Định, chưa chắc đã có Huệ. Có Huệ bèn nhất định có Định. Vì sao nói "có Định, chưa chắc đã có Huệ"? Định chẳng đủ sâu, giống như nước đục ngầu, tuy bất động, đã định, nhưng vẫn chưa hoàn toàn trầm lắng, nước trong chẳng hiện tiền, vẫn là nước đục, nhưng xác thực là nước bất động. Do vậy, tu Định, Tứ Thiền Bát Định thế gian chẳng có Huệ. Định của hàng Tiểu Thừa còn sâu hơn Tứ Thiền Bát Định. [Định của Tiểu Thừa là] Cửu Thứ Đệ Định, là chứng đắc của A La Hán và Bích Chi Phật, cũng chẳng có Huệ. Vì sao? Chưa phá vô minh, giống như nước tuy đã định, nhưng vẫn dơ đục như cũ, chẳng thanh tịnh. Ắt là những thứ dơ bẩn đều phải chìm xuống, hoàn toàn hiển lộ nước trong, sẽ khởi tác dụng Chiếu. Do vậy, Huệ nhất định có Định, Định nhất định có Giới. Do Giới sanh Định, do Định sanh Huệ. Do đó, có Huệ thì Tam Học Giới, Định, Huệ nhất định trọn đủ. Người có Giới chưa chắc đã có Định, người có Định chưa chắc đã có Huệ, nhất định phải biết điều này.

*"Huệ, năng chiếu vọng cố"* ([Lý nhất tâm là] Huệ vì có thể chiếu vọng), *"vọng"* là vọng tưởng, phá sạch vọng tưởng của quý vị. *"Kiêm Định"* (Kèm thêm Định), trong Huệ nhất định có Định. *"Chiếu vọng bổn không, vọng tự phục cố"* (Do soi chiếu vọng vốn là Không, nên vọng tự bị khuất phục), vọng bị khuất phục thì chính là Định.

***(Sao) Hựu Chiếu năng phá vọng, bất đản phục cố.***

**(鈔)又照能破妄，不但伏故。**

*(**Sao**: Lại Chiếu có thể phá vọng, không chỉ là chế phục).*

Chế phục vọng là tiểu huệ. Tiểu huệ có thể chế phục vọng tưởng. Giống như nay chúng ta nghe kinh, nếu chư vị rất chú ý nghe kinh, những ý nghĩa trong kinh đều có thể lãnh hội, sẽ tự nhiên do một chút tiểu huệ ấy mà chế phục vọng tưởng. Nhưng sau khi đã thật sự đắc Định, trong Định khai Huệ, phá vọng tưởng, vọng tưởng chẳng còn. Chuyển phiền não thành Bồ Đề, vọng tưởng vừa bị chiếu liền biến thành Bồ Đề, ngay lập tức chuyển biến. Từ nay trở đi, vọng tưởng, phiền não đều chẳng có, biến thành vô lượng trí huệ Bồ Đề. Do đó, vọng tưởng và phiền não cũng chẳng phải là thứ gì xấu xa, hễ được biến đổi sẽ trở thành vô lượng trí huệ, vô lượng phương tiện thiện xảo, có thể lợi ích hết thảy chúng sanh. Nhưng khi chưa thể chuyển, phải luân hồi trong tam đồ lục đạo, khổ chẳng thể nói nổi! Phải luôn giác ngộ điều này.

Do đó, phải thường nghe kinh, phải nghe nhiều, nghe lần này sang lần kia, quyết định chẳng thể nói: "Tôi đã nghe kinh này một lần, chẳng cần nghe nữa". [Kẻ nói như vậy là] người ngu, có chấp trước, chẳng được thọ dụng. Thật sự được thọ dụng thì tất nhiên là cứ nghe một lần bèn được thọ dụng một lần. Hôm nay chúng tôi giảng đến chỗ này!

***Tập 231***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm năm mươi hai:

***(Sớ) Hựu giáo phân tứ chủng niệm Phật, tùng thiển chí thâm, thử cư tối thỉ. Tuy hậu hậu thâm ư tiền tiền, thật tiền tiền triệt ư hậu hậu, dĩ Lý nhất tâm, tức Thật Tướng cố.***

**(疏)又教分四種念佛，從淺至深，此居最始。雖後後深於前前，實前前徹於後後，以理一心，即實相故。**

*(**Sớ**: Lại nữa, giáo pháp chia thành bốn loại niệm Phật, từ cạn đến sâu, pháp [trì danh] này đứng đầu tiên. Tuy pháp sau sâu hơn pháp trước, nhưng thật ra, pháp trước thông thấu pháp sau, vì Lý nhất tâm chính là Thật Tướng).*

Lời Sao có giải thích cặn kẽ đoạn văn này. [Nói] *"bốn loại niệm Phật"* là quy nạp thành từng loại lớn. Có nhiều cách niệm Phật, nhưng quy nạp lại, chẳng ngoài bốn loại lớn ấy. Trong bốn loại lớn, có cạn, có sâu, pháp Trì Danh nông cạn nhất, Thật Tướng là sâu nhất. Càng về sau, càng sâu hơn loại trước. Loại trước tuy nông cạn, nó có thể quán triệt đến loại cuối cùng. Do vậy có thể biết, "cạn" hoàn toàn chẳng phải là "nông cạn, dễ thấy" trong cách nói theo quan niệm của bọn phàm phu chúng ta. Vì sao? Dùng phương pháp Trì Danh có thể niệm đạt tới Lý nhất tâm bất loạn. Nếu niệm đến Lý nhất tâm, sẽ là Thật Tướng Niệm Phật. Có rất nhiều đồng tu thường đến hỏi: "Thật Tướng Niệm Phật phải niệm theo cách nào? Cách tu ra sao?" Nói thật ra, chuyện này có học cũng chẳng hiểu được! Nếu quý vị chẳng minh tâm kiến tánh, bất luận dùng phương pháp gì để niệm Phật, sẽ đều chẳng phải là Thật Tướng Niệm Phật. Sau khi đã phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh, bất luận dùng phương pháp gì để niệm Phật, đều gọi là Thật Tướng Niệm Phật. Vì lẽ này, Thật Tướng Niệm Phật xác thực là phương pháp tu hành sau khi đã chứng đắc Lý nhất tâm.

Chứng đắc Lý nhất tâm, có còn phải niệm Phật hay không? Phải niệm! Không niệm thì vẫn chưa được, vì sao? Bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo bèn chứng đắc Lý nhất tâm. Từ Sơ Trụ cho đến thành Phật còn có bốn mươi mốt tầng cấp. Niệm Phật trong bốn mươi mốt tầng cấp ấy đều gọi là Thật Tướng Niệm Phật. Có thể thấy Thật Tướng Niệm Phật không chỉ là tất yếu, mà còn [phải tu tập hành trì] trong thời kiếp khá dài. Trong kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói là ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Ba đại A-tăng-kỳ kiếp là nói theo Biệt Giáo. Nói chung, sẽ là trong A-tăng-kỳ kiếp thứ hai và thứ ba, [tức là để tu tập] Thật Tướng Niệm Phật, phải dùng tới hai A-tăng-kỳ kiếp trong ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Nay chúng ta dùng Trì Danh thì trong A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất bèn xưng danh, [A-tăng-kỳ] kiếp thứ hai và thứ ba đều là [tu tập] Thật Tướng [Niệm Phật]. Chúng ta biết chuyện này, trong tương lai thảy đều phải tu, hiện thời chẳng cần sốt ruột, có gấp cũng chẳng được!

***(Sao) Tứ chủng như tiền Tự trung thuyết, nhất Xưng Danh, nhị Quán Tượng, tam Quán Tưởng, tứ Thật Tướng.***

**(鈔)四種如前序中說，一稱名，二觀像，三觀想，四實相。**

*(**Sao**: Bốn loại là như trong lời Tự thuộc phần trước đã nói: Một*

*là Xưng Danh, hai là Quán Tượng, ba là Quán Tưởng, bốn là Thật Tướng).*

Trong lời Tựa thuộc phần trước đã giới thiệu danh xưng của bốn loại Niệm Phật ấy. Loại thứ nhất là Xưng Danh, tức chấp trì danh hiệu. Loại thứ hai là Quán Tượng, loại thứ ba là Quán Tưởng, loại thứ tư là Thật Tướng.

***(Sao) Xưng Danh giả, tức kim kinh.***

**(鈔)**稱名者，即今經。

*(**Sao**: Xưng Danh là [pháp hành trì được đề xướng trong] kinh này).*

Kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ đều chủ trương Xưng Danh. Kinh điển trọng yếu nhất của Tịnh Tông, kinh Vô Lượng Thọ là kinh bậc nhất của Tịnh Tông. Kinh Di Đà do đức Thích Ca xứng tánh đàm luận, chẳng ai hỏi mà tự nói, thù thắng khôn sánh.

***(Sao) Quán Tượng giả, vị thiết lập tôn tượng, chú mục quan chiêm. Như Pháp Hoa vân: "Khởi lập hiệp chưởng, nhất tâm quán Phật", tức quán tướng hảo, quang minh hiện tại chi Phật dã. Nhược Ưu Điền vương, dĩ Chiên Đàn tác Thế Tôn tượng, tức quán nê, mộc, kim, đồng chú tạo chi Phật dã, cố vân Quán Tượng.***

**(鈔)**觀像者，謂設立尊像，注目觀瞻。如法華云：起立合掌，一心觀佛，即觀相好光明現在之佛也。若優填王，以栴檀作世尊像，即觀泥木金銅鑄造之佛也，故云觀像。

*(**Sao**: Quán Tượng là thiết lập tôn tượng, mắt chăm chú chiêm ngưỡng. Như kinh Pháp Hoa nói "đứng dậy, chắp tay, một lòng quán Phật" chính là quán tướng hảo và quang minh của vị Phật hiện tại. Còn như vua Ưu Điền dùng gỗ Chiên Đàn tạc tượng đức Thế Tôn, tức quán vị Phật bằng đất, gỗ, vàng, đồng đúc tạo. Do đó nói là "quán tượng").*

Đối với chuyện quán tượng, trong kinh Pháp Hoa có một đoạn kinh văn như vậy. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật có tất cả mười sáu phép Quán, phép Quán thứ mười ba là Quán Tượng Niệm Phật, phép

quán thứ mười hai trước đó là Quán Tưởng Niệm Phật. Nói thật ra, những phương pháp Niệm Phật này đều phát xuất từ kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Để quán tượng, phải tạo lập tượng Phật, tượng Phật càng trang nghiêm càng tốt. Trong nhà có Phật đường hết sức trang nghiêm, tượng Phật trang nghiêm, thờ phụng tượng Phật. Quý vị mỗi ngày từ sáng đến tối chắp tay chăm chú chiêm ngưỡng tượng Phật, khiến cho ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp in hằn trong A Lại Da Thức; đó là Quán Tượng Niệm Phật. Do vậy có thể biết, *"niệm"* không nhất định là miệng [niệm]. Chữ Niệm (念) là [được cấu tạo theo cách] Hội Ý. [Niệm do hai chữ Kim và Tâm ghép thành], kim tâm (今心) chính là một niệm tâm hiện tiền. Một niệm tâm hiện tiền là tượng Phật, niệm nào trong tâm cũng đều nghĩ tới tượng Phật, dùng phương pháp này! Tu học phương pháp này chẳng khó, nhưng phải có phước báo rất lớn: Quý vị chẳng cần đi làm, cũng chẳng bị ai quấy nhiễu, chẳng lo âu về cuộc sống, lại có người hầu hạ thì quý vị mới có thời gian để suốt ngày từ sáng đến tối ngắm tượng Phật. Nếu quý vị có công việc phải đi làm, trong nhà có những chuyện vụn vặt [phải lo liệu], sẽ bị tách rời tượng Phật, công phu tu hành bị đứt đoạn, chẳng thể tiếp nối!

Xưa kia, chạm khắc một bức tượng Phật chẳng dễ dàng. Hai bức tượng Phật được chạm khắc giống hệt nhau chẳng phải là chuyện dễ dàng! Chẳng phải như trong hiện thời có thể dùng máy móc tạo thành một mô hình, [từ mô hình ấy] làm ra một trăm tượng hay một ngàn tượng giống nhau như đúc. Hiện thời, dùng kỹ thuật ấn loát để in tượng Phật càng thuận tiện. Đặc biệt là trong Phật Thất hay trong Niệm Phật Đường, tốt nhất là vây quanh bốn phía đều là tượng Phật. Quý vị đi kinh hành, hoặc chỉ tĩnh (止靜: ngồi yên lặng), bất luận quý vị ngồi hoặc đứng ở nơi đâu, hễ mở mắt đều trông thấy tượng Phật. Đạo tràng Phật Thất phải nên xếp đặt như vậy. Bốn phía treo đầy tượng Phật, quý vị thấy [nhiều hình tượng, nhưng chỉ là] một vị Phật, sẽ chẳng bị tạp loạn. Đích xác là hết sức thù thắng, hoàn toàn tương ứng với sự tu trì và ý nghĩa trong kinh.

Kinh Pháp Hoa dạy chúng ta một phương pháp là *"đứng dậy, chắp tay"*. Nói thật ra, sẽ là đi, đứng, ngồi, vì trong Phật đường chẳng thể nằm xuống, mà là ngồi ở đó niệm Phật, đứng niệm Phật, nhiễu Phật kinh hành. *"Nhất tâm quán Phật"*: Tuy chẳng xưng niệm, mà thấy rất cặn kẽ, mỗi bộ vị trên tượng Phật đều thấy rất rõ ràng, in hằn thật sâu trong tám thức điền.

*"Quán tướng hảo quang minh hiện tại chi Phật"* (Quán tướng hảo và quang minh của vị Phật hiện tại): Đó là [quán tượng] khi đức Phật tại thế. Khởi nguyên của tượng Phật, căn cứ theo kinh đã nói: Vua Ưu Điền là người đầu tiên tạo tượng Phật.

***(Diễn) Như Pháp Hoa hạ, vị Quán Tượng thông nhị chủng: Nhất chân Phật, nhị tượng Phật dã.***

**(演)如法華下，謂觀像通二種：一真佛，二像佛也。**

*(**Diễn**: [Từ câu] "như Pháp Hoa" trở đi, ý nói: Quán Tượng gồm hai loại: Một là quán đức Phật thật sự, hai là quán Phật bởi hình tượng).*

Thuở Phật tại thế, chiêm ngưỡng tướng hảo của đức Phật là quán tượng. Khi đức Phật chẳng còn tại thế, chúng ta tạo tượng Phật để quán tượng Phật.

***(Diễn) Dẫn Pháp Hoa chứng, quán hiện tại chân Phật. Dẫn Ưu Điền chứng, quán hiện tại tượng Phật.***

**(演)引法華證，觀現在真佛；引優填證，觀現在像佛。**

*(**Diễn**: Dẫn kinh Pháp Hoa để làm chứng cho việc quán vị Phật thật sự trong hiện tại. Dẫn vua Ưu Điền để làm chứng cho việc quán tượng Phật trong hiện tại).*

*"Quán hiện tại tượng Phật"* là quán tượng Phật.

***(Diễn) Chiên Đàn tượng giả.***

**(演)栴檀像者。**

*(**Diễn**: "Tượng bằng Chiên Đàn").*

Nói ra nguồn gốc của chuyện tạc tượng.

***(Diễn) Thế Tôn thành đạo hậu, thường vãng Đao Lợi thiên cung vị mẫu thuyết pháp.***

**(演)世尊成道後嘗往忉利天宮為母說法。**

*(**Diễn**: Sau khi thành đạo, đức Thế Tôn đã lên cung trời Đao Lợi thuyết pháp cho mẹ).*

Kinh Địa Tạng do Thích Ca Mâu Ni Phật vì mẹ mà nói tại cung trời Đao Lợi. Suốt ba tháng, đức Phật chẳng ngự trong nhân gian, vua Ưu Điền (Udayana)[37] hết sức mong nhớ đức Thế Tôn, Phật chẳng hiện tiền thì làm thế nào đây? Vua kiếm một người thợ tạc tượng Thích Ca Mâu Ni Phật để thờ phụng trong cung.

***(Diễn) Ưu Điền vương dục cận Phật nhi bất khả đắc, nãi thỉnh Mục Liên tôn giả, đới tam thập nhị tượng, vãng bỉ thiên cung, các thuyết nhất tướng, hoàn lai nhân gian, dụng Chiên Đàn hương mộc khắc Thế Tôn tượng, quan chiêm lễ bái.***

**(演)優填王欲覲佛而不可得，乃請目連尊者，帶三十二匠，往彼天宮，各說一相 ，還來人間 ，用栴檀香木刻世**

---

[37] Vua Ưu Điền, còn phiên âm là Ốt Đà Diễn Na, Ô Đà Diễn Na, hoặc còn gọi đầy đủ là Ốt Đà Diễn Na Phạt Tha (Udayana-vatsa), dịch nghĩa là Nhật Tử Vương hoặc Xuất Ái Vương. Vị này là quốc vương xứ Kiều Thưởng Di (Kausambi), là một trong các vị đại quốc vương hộ pháp mạnh mẽ thời đức Phật. Nhân duyên tin Phật của nhà vua cũng rất đặc sắc. Hoàng hậu là tín đồ Phật giáo thuần thành, đã chứng Tu Đà Hoàn, nhưng nhà vua chẳng tin Phật. Khi ấy, vương phi Vô Tỷ dung mạo có một không hai, thường tự phụ chính mình là người đẹp nhất trong cả xứ Ấn. Khi thái tử Tất Đạt Đa vừa mới xuất gia, phụ thân Vô Tỷ là trưởng giả Thệ Tâm nhất quyết gả Vô Tỷ cho thái tử, nhưng Ngài cự tuyệt để nhất tâm tu đạo. Vô Tỷ ôm hận, thề quyết trả thù. Về sau, trưởng giả Thệ Tâm gả Vô Tỷ cho vua Ưu Điền. Tuy đã là vương phi, Vô Tỷ vẫn không nguôi mối hận, thề chẳng hại được Phật, sẽ sát hại đệ tử Phật. Vì vậy, Vô Tỷ đặt điều vu khống hoàng hậu tin tưởng tà ma ngoại đạo, xúi giục hoàng đế hãy dùng loạn tiễn để sát hại hoàng hậu hòng trừ hậu hoạn. Bị sắc dục làm mờ mắt, vua cho xạ thủ vây quanh hoàng hậu bắn tên. Hoàng hậu đối trước nguy nan vẫn ung dung, chẳng tức giận hay kinh sợ. Bà quỳ trước mặt nhà vua, nhất tâm niệm Phật, tưởng lòng đại từ bi của Phật. Kỳ diệu thay! Các mũi tên bắn tới đều xoay quanh hoàng hậu ba vòng, rồi bay ngược lại, rơi lả tả gãy vụn trước mặt nhà vua. Vua kinh sợ, nghĩ đức Phật là bậc đại thánh nhân, vì một đệ tử bạch y mà còn có thần lực như thế, bèn tìm đến Phật để nghe pháp, rồi trở thành một vị đại hộ pháp. Khi đức Phật lên cung trời Đao Lợi thuyết pháp, vua Ưu Điền mong nhớ đến nỗi ngã bệnh. Các vị đại thần bèn cậy tôn giả Đại Mục Kiền Liên dùng thần thông đem thợ khéo lên cõi trời tạc tượng đức Phật cho vua chiêm ngưỡng đỡ nhớ. Khi đức Phật từ cõi trời trở xuống, mọi người hoan hỷ tranh nhau đến đón tiếp, tượng Chiên Đàn ấy cũng đến đón tiếp. Đức Phật tán thán và nói kệ tụng: *"Kẻ tạo hình tượng Phật, nay ta nói sơ lược: Trước, Nhãn Căn chẳng hoại, sau đắc Thiên Nhãn Thông. Tròng đen trắng phân minh. Do công đức tạo tượng, hình thể thường hoàn chỉnh, ý chánh, chẳng mê hoặc, thế lực vượt mọi người. Kẻ tạo hình tượng Phật, trọn chẳng đọa đường ác, phước chẳng thể nghĩ bàn".*

尊像，觀瞻禮拜。

*(**Diễn**: Vua Ưu Điền muốn thân cận đức Phật mà chẳng thể được, bèn thỉnh tôn giả Mục Liên đem theo ba mươi hai người thợ lên cung trời ấy, mỗi người nói một tướng, trở về nhân gian, dùng gỗ thơm Chiên Đàn khắc hình tượng đức Thế Tôn để nhìn ngắm, lễ bái).*

Thuở ấy, bức tượng thứ nhất dùng gỗ Chiên Đàn[38] [để tạc], tức là như hiện thời chúng ta nói là "tượng khắc bằng gỗ đàn hương". Về sau, tượng Phật cũng có rất nhiều chủng loại, có tượng đắp bằng đất, tượng gỗ khắc, tượng đúc bằng vàng hoặc đồng. Cho đến hiện thời thì có tượng vẽ tô màu, được in màu với số lượng lớn. Tạo tác hoặc vẽ tượng Phật, nhất định phải dựa theo kinh Tạo Tượng Lượng Độ[39] do đức Phật đã dạy. [Dựa theo những điều] kinh Tạo Tượng Lượng Độ đã dạy, [sẽ thấy]: Đích xác là [tượng Phật] không nhất định giống như hình dáng của con người chúng ta, điểm quan trọng nhất trong tượng Phật là biểu thị pháp, phải hiển thị được điểm đặc trưng là ba mươi hai tướng và tám mươi tùy hình hảo của đức Phật. Tướng và tùy hình hảo đều là quả báo, chúng ta trông thấy quả báo ấy phải biết tu nhân: Tu cái nhân lành như thế nào, bèn được quả báo như thế ấy. Đức Phật dạy lũ người đời sau chúng ta cúng dường hình tượng Phật hoặc hình tượng Bồ Tát phải chú trọng điểm này. Có thể thấy là trong ấy chứa đựng ý nghĩa giáo dục rất sâu, tượng không nhất định phải giống hệt như bản thân Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng cần thiết, mà nhất định là phải hiển lộ quả đức nơi các tướng hảo ấy, khiến cho kẻ khác vừa trông thấy bèn nghĩ: Ta muốn có những tướng hảo ấy thì phải tu cái nhân như thế nào? Tu nhân thì mới có thể chứng quả. Tinh thần giáo dục quan trọng nhất của kinh Tạo Tượng Lượng Độ ở ngay chỗ này. Đấy là nói về Quán Tượng Niệm Phật.

***(Sao) Quán Tưởng giả, vị dĩ ngã tâm mục, tưởng bỉ Như Lai.***

**(鈔)**觀想者，謂以我心目，想彼如來。

---

[38] Chiên Đàn (Candana, tên khoa học là Sirium Myrtufolium), là một loại cây thân mộc, có mùi thơm, mọc nhiều tại Ấn Độ, tương ứng với gỗ Đàn Hương tại Trung Hoa.

[39] Tạo Tượng Độ Lượng Kinh là kinh dạy về cách thức tạo tượng Phật, do tôn giả Xá Lợi Phất thỉnh vấn, đức Phật bèn dạy tỷ lệ cần phải có trong khi tạc tượng cũng như cách tạo tác sao cho đúng pháp. Kinh này do lạt-ma Công Bố Tra Bố dịch từ tiếng Tây Tạng sang Hán văn vào năm Càn Long thứ bảy (1742) tại Bắc Kinh.

*(**Sao**: Quán tưởng là dùng tâm mục của ta để quán đức Như Lai kia).*

Quán Tượng trong phần trước là dùng mắt để quán; [còn trong pháp tu] này, không nhất định phải dùng mắt để nhìn, mà là tưởng trong tâm.

***(Sao) Tức Quán Phật Tam Muội Kinh, Thập Lục Quán Kinh sở thuyết, thị dã.***

**(鈔)即觀佛三昧經，十六觀經所說，是也。**

*(**Sao**: Chính là những điều được giảng trong các kinh Quán Phật Tam Muội và Thập Lục Quán Kinh).*

Thập Lục Quán Kinh là một kinh trong Tịnh Độ Tam Kinh. Trừ kinh ấy ra, kinh Quán Phật Tam Muội cũng nói về pháp môn quán tưởng. Kinh Quán Phật Tam Muội [dạy các phép tu thuộc về cách] quán Phật thông thường, còn Thập Lục Quán Kinh là quán y báo và chánh báo trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, chuyên tu Tịnh Độ.

***(Diễn) Dĩ ngã tâm mục giả, Quán Kinh vân: "Kỳ quang, tướng hảo, cập dữ hóa Phật, bất khả cụ thuyết".***

**(演)以我心目者，觀經云：其光相好，及與化佛，不可具說。**

*(**Diễn**: "Dùng tâm mục của ta": Quán Kinh nói: "Quang minh, tướng hảo của đức Phật và các hóa Phật [hóa hiện trong quang minh của Ngài] chẳng thể nói trọn").*

*"Quang"* là quang minh, *"Tướng"* là tướng hảo, [*"quang tướng"* tức là] quang minh và tướng hảo của đức Phật. *"Cập dữ hóa Phật"* (Cùng với các hóa Phật). Bọn phàm phu thế gian chúng ta nghiệp chướng tập khí sâu nặng. Vì thế, đức Phật xuất hiện trong thế gian này bằng Ứng Thân. Ứng Thân ấy kém cỏi nhất, nên gọi là Liệt Ứng Thân (劣應身). *"Liệt"* (劣) là kém cỏi nhất. Loại Ứng Thân này chỉ có ba mươi hai tướng và tám mươi thứ hảo. Nếu là Ứng Hóa Thân của Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, sẽ chẳng phải là Liệt Ứng Thân, mà là Ứng Thân thù thắng (Thắng Ứng Thân, 勝應身). Đức Phật có vô lượng

tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo; chẳng phải chỉ là ba mươi hai tướng, chẳng thể biết rõ số! *"Bất khả cụ thuyết"* (Chẳng thể nói trọn): Chẳng có cách nào nói viên mãn, nói toàn bộ. Quang minh và tướng hảo chẳng thể nghĩ bàn!

***(Diễn) Đản đương ức tưởng, linh tâm nhãn kiến.***
**(演)但當憶想，令心眼見。**
*(**Diễn**: Chỉ nên ức tưởng, khiến cho tâm nhãn trông thấy).*

Nếu người học Phật trong tâm muốn tưởng, phải chiếu theo những gì Thập Lục Quán Kinh đã dạy. Quý vị quán tưởng, tu tập pháp môn này thì tâm phải rất nhỏ nhiệm, mới hòng tưởng tượng được. Chẳng cần nói tới ba mươi hai tướng và tám mươi thứ hảo của đức Phật, đó là [những tướng và tùy hình hảo thuộc] Liệt Ứng Thân, chẳng cần nói tới điều này. Phép Quán thứ nhất trong Thập Lục Quán Kinh là [quán tưởng] *"mặt trời lặn giống như cái trống treo"*, dễ dàng nhất: Tưởng mặt trời. Mặt trời lặn xuống núi, vầng mặt trời đỏ rực, bảo quý vị tưởng điều ấy. Quý vị khéo tưởng, phải tưởng đến mức sao cho bất luận khi nào, bất luận nơi nào, khi mở banh mắt, vầng mặt trời đỏ ở ngay trước mặt. Nhắm mắt lại, vầng mặt trời đỏ vẫn ở ngay trước mặt, phép Quán này đã quán thành công. Nếu trong tâm tưởng mà tướng ấy chẳng thể hiện ra trước mặt, chẳng tu thành công phép Quán này. Thập Lục Quán Kinh khó tu lắm! Người có tâm rất vi tế mới có thể tu. Quán Kinh truyền đến Trung Hoa, người tu học quá ít. Từ đời Tống trở đi, chẳng có ai tu nữa. Vì sao? Chắc chắn là chẳng tu thành công. Quán Kinh có người giảng giải, có người đọc tụng, nhưng chẳng có ai nương theo phương pháp ấy để tu, vì nó rất khó, cảnh vi tế, tâm thô tháp, quán chẳng thành công!

Phép Quán thứ hai là *"biển cả kết băng"*. Sau khi đã quán thành công, sẽ thấy đại địa là đất lưu ly, trong suốt. Lưu ly (Vaidūrya, Tỳ-lưu-ly, Phệ-lưu-ly) là ngọc màu lục, chúng ta gọi là Phỉ Thúy (翡翠). [Lưu Ly] là loại Phỉ Thúy tốt nhất, màu lục, trong suốt. Nếu quý vị thấy nền nhà bằng đá mài, đường sá trải nhựa đường, [tức là] chẳng quán thành công.

Từ Thập Lục Quán Kinh, quý vị bèn lý giải: Trong kinh, đức Phật dạy *"cảnh chuyển theo tâm"*, biết chân tướng sự thật này. Phong Thủy là gì? Phong Thủy chuyển theo tâm. Tu quán tưởng thành công là người có đại phước đức, *"phước nhân cư phước địa"* (người có phước ở nơi

phước đức). Ở nơi đây, chúng ta thấy [nền nhà] là xi-măng, họ thấy là đất bằng lưu ly. Trong sự cảm nhận của người ấy, giảng đường tường vách chói ngời, do bảy báu tạo thành, chẳng khác gì thế giới Cực Lạc, [tức là] phép Quán đã thành tựu. Điều này cho thấy pháp môn này chẳng dễ tu được!

***(Diễn) Kiến thử sự giả, tức kiến thập phương nhất thiết chư Phật, cố danh Niệm Phật tam-muội.***

**(演)見此事者，即見十方一切諸佛，故名念佛三昧。**

*(**Diễn**: "Thấy sự này" chính là thấy mười phương hết thảy chư Phật, nên gọi là Niệm Phật tam-muội).*

Quý vị thật sự quán thành công, cảnh giới hiện tiền. Đã hiện tiền, sẽ chẳng bị mất đi. Cảnh giới của quý vị chẳng giống cảnh giới của người khác, đó gọi là Niệm Phật tam-muội. Tam-muội là Thiền Định. Chúng ta dùng phương pháp Quán Tưởng Niệm Phật để đắc Định, là cảnh giới trong Định.

***(Diễn) Tưởng bỉ Như Lai giả, chư Phật Chánh Biến Tri hải tùng tâm tưởng sanh.***

**(演)想彼如來者，諸佛正遍知海從心想生。**

*(**Diễn**: "Tưởng đức Như Lai kia": Biển Chánh Biến Tri của chư Phật sanh từ tâm tưởng).*

Câu này là nguyên lý, *"chư Phật Chánh Biến Tri hải tùng tâm tưởng sanh"* (biển Chánh Biến Tri của chư Phật sanh từ tâm tưởng). Nếu chúng ta hỏi, Bồ Tát và La Hán có phải là sanh từ tâm tưởng hay không? Lục đạo luân hồi có phải là sanh từ tâm tưởng hay không? Hết thảy nhân quả báo ứng khổ lạc trước mắt có phải là sanh từ tâm tưởng hay không? Đều sanh từ tâm tưởng! Trong tâm quý vị tưởng gì, bèn sanh điều đó; đây là nguyên lý tu hành đã được nêu bày trong Phật pháp. Tây Phương Cực Lạc thế giới do ai ban cho quý vị? Nó sanh từ tâm tưởng của chính quý vị. Mỗi người chúng ta đều tưởng như vậy, hiện ra cảnh giới này là do cộng nghiệp của chúng ta cảm vời. Thông thường, chúng ta suy nghĩ lung tung, mỗi người suy tưởng một cách riêng, nay Thích Ca Mâu Ni Phật dạy mọi người chúng ta hãy đều tưởng giống nhau. Tưởng y hệt nhau, [cảnh giới] sẽ sanh ra y hệt nhau, sanh ra Tây Phương Cực Lạc thế

giới. Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng sanh từ tâm tưởng.

***(Diễn) Tâm tưởng Phật thời, thị tâm tức thị tam thập nhị tướng, bát thập tùy hình hảo.***

**(演)心想佛時，是心即是三十二相八十隨形好。**

*(**Diễn**: Khi tâm tưởng Phật, tâm ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo).*

Người thật sự biết xem tướng, đoán mạng, quý vị thỉnh giáo họ, họ có thể nói tính cách, sự ưa thích, sự thiện ác trong tâm địa quý vị và cát hung họa phước suốt cả một đời quý vị hết sức chuẩn xác! Các vị đọc sách Liễu Phàm Tứ Huấn sẽ biết: Người thật sự cao minh, vừa thấy tướng mạo liền biết cát hung họa phước trong suốt một đời quý vị, đối với những suy nghĩ thông thường trong tâm quý vị, người ấy cũng biết đại khái. Thấy diện mạo của chúng ta chẳng có phước, diện mạo chẳng phải là hảo tướng, [để biết] vận hạn trước mắt bèn xem khí sắc, khí sắc cũng chẳng tốt lắm. Phải sửa đổi ra sao? Hãy thật thà niệm Phật, đoạn ác tu thiện, một niệm hồi tâm, tướng sẽ thay đổi, tướng chuyển theo tâm mà! Tướng chuyển theo tâm tức là mạng chuyển theo tâm, cát hung họa phước đều do ý niệm của quý vị [chi phối]. Quý vị nghĩ xem có trọng yếu lắm không?

Trong học Phật, nói về tu hành, tu từ chỗ nào? Khởi tâm động niệm! Tu từ chỗ này. Khởi lên một niệm, quý vị có thể nhận biết niệm ấy là thiện hay ác, đó là trí huệ. Trong Phật pháp nói giác và mê, giác hay mê quan sát từ chỗ nào? Từ ý niệm. Một niệm dấy lên, chính quý vị biết niệm ấy là thiện hay ác, đó là giác. Một niệm dấy lên, nhưng chính mình chẳng biết niệm ấy là thiện hay ác, đó là mê. Người thật sự tu hành, hễ có một thiện niệm, thiện niệm bèn tiếp tục tăng trưởng; hễ có một niệm ác thì ngay lập tức điều ác ấy bị đoạn trừ. Ác niệm thứ nhất dấy lên, chẳng thể có ác niệm thứ hai; ác niệm thứ hai bị tiêu diệt, đó là thật sự tu hành. Người tu hành như vậy được chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần tôn kính. Họ đã tôn kính quý vị, đương nhiên sẽ gia hộ quý vị. Kẻ mê hoặc, một thiện niệm dấy lên, trong niệm thứ hai, thiện niệm bị đoạn trừ; ác niệm dấy lên, ác niệm này nối tiếp ác niệm kia tăng trưởng, thiện thần xa lìa, yêu ma quỷ quái liền dựa thân, theo sát quý vị. Thảy đều do nơi khởi tâm động niệm, đó là chân tướng của pháp giới duyên khởi. Đức Phật giảng nhiều pháp môn đều là căn cứ trên sự thật này để nói.

***(Diễn) Sở vị: "Dĩ pháp giới tâm, quán pháp giới cảnh, sanh ư pháp giới y chánh sắc tâm dã".***

**(演)**所謂以法界心，觀法界境，生於法界依正色心也。

*(**Diễn**: Đó gọi là "dùng pháp giới tâm để quán pháp giới cảnh, sanh trong y báo, chánh báo, sắc, tâm nơi pháp giới").*

Nói về nguyên lý và nguyên tắc quán tưởng. Nay chúng ta gặp khó khăn ở chỗ nào? Chẳng có pháp giới tâm, tâm lượng quá nhỏ, khởi tâm động niệm đều vì chính mình. Nếu lớn hơn một chút thì là vì gia đình, chẳng thể khởi tâm động niệm vì hết thảy chúng sanh trong pháp giới, chúng ta chẳng có tâm lượng ấy. Do vậy, quán chẳng thành. A Di Đà Phật trong khi tu nhân, kinh nói [Ngài có hiệu là] tỳ-kheo Pháp Tạng, Ngài khởi tâm động niệm suy nghĩ vì ai? Suy nghĩ vì hết thảy chúng sanh trong tận hư không khắp pháp giới, Ngài *"dùng pháp giới tâm để quán pháp giới cảnh"*. Tây Phương Cực Lạc thế giới là y báo và chánh báo trang nghiêm trong pháp giới. Vì thế, phải đọc, phải giảng Quán Kinh, tuy chẳng thể tu, kinh ấy có lợi ích rất lớn, lớn ở chỗ nào? Quán Kinh có lý luận viên mãn và minh bạch nhất. Đức Phật dạy chúng ta, chúng ta tin tưởng, quyết định chớ nên hoài nghi, chúng ta cũng muốn tu, biết phương pháp tu hành ấy quyết định là chánh xác. Quán Kinh nêu ra ba trọng điểm là lý luận, phương pháp, và nhân quả. Chín phẩm vãng sanh là nói về nhân quả, tu nhân gì sẽ đắc quả vị như thế nào.

***(Sao) Thật Tướng giả, tức niệm tự tánh thiên chân chi Phật, vô sanh, diệt, hữu, không, Năng, Sở đẳng tướng.***

**(鈔)**實相者，即念自性天真之佛，無生滅有空能所等相。

*(**Sao**: Thật Tướng là niệm vị Phật Thiên Chân trong tự tánh, chẳng có các tướng như sanh, diệt, có, không, Năng, Sở v.v...).*

Những điều tiếp đó toàn là tương đối. Sanh diệt là tương đối. Hữu - Không là tương đối, Năng - Sở là tương đối. Chữ Vô xuyên suốt, [nghĩa là] *"vô sanh diệt, vô Không Hữu, vô Năng Sở"*, thảy đều là Vô, ngay cả Vô cũng là Vô. Hễ chấp có một cái Vô lại hỏng rồi, lại là chấp tướng. *"Vô"* cũng chẳng cần. Đó là Tự Tánh Thiên Chân Phật, cũng là

như kinh Hoa Nghiêm đã nói: *"Hết thảy chúng sanh vốn thành Phật"*, vốn đã là Phật! Phật là gì? Phật là giác. Vốn đã thành Phật! Nói cách khác, quý vị vốn giác, chẳng mê! Nay vì sao biến thành chúng sanh? Do quý vị mê Bổn Giác, chẳng mê bên ngoài. Quý vị nói "mê cảnh giới bên ngoài", đó là giả, sai lầm đặc biệt to lớn, [phải hiểu là] "đã mê nơi tự tánh". Vì thế, Phật pháp từ đầu đến cuối nói đến "trong", chẳng nói tới "ngoài". Bên ngoài chẳng có mê hay ngộ, mê hay ngộ ở trong tự tâm. Đối với cảnh giới bên ngoài, giác là cảnh giới ấy, mà mê vẫn là cảnh giới ấy. Mê và ngộ chẳng hai, mê và ngộ như một, đó là nói về ngoại cảnh. Mắc mứu là trong nội tâm. Thành Phật, thành Bồ Tát, thành La Hán, cho đến luân hồi trong lục đạo đều do tự tâm. Một niệm giác sẽ tiến lên cao trong mười pháp giới; một niệm mê, bèn đọa lạc. Chuyện là như vậy đó.

Triệt để giác ngộ, mười pháp giới sẽ chẳng có, đã thoát ra ngoài, vượt thoát. Mê nặng nhất, phân biệt, chấp trước nặng nhất, đọa lạc sâu nhất là A Tỳ địa ngục. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều chẳng nói tới mê hay ngộ. Nay chúng ta thấy những lời lẽ này trong kinh, người hiện thời gọi là *"tương đối luận"*. Sanh và diệt là tương đối, Hữu và Vô là tương đối (Không là Vô), Năng và Sở là tương đối, lớn và nhỏ là tương đối, dài và ngắn là tương đối, phàm và thánh là tương đối, tánh và tướng là tương đối. Chỉ cần quý vị có thể nói ra được, sẽ toàn là tương đối. Lìa khỏi tương đối, sẽ chẳng thể nói được, chẳng thể thốt được câu nào. Chúng ta là người sống trên địa cầu, đang sống trong cảnh giới nào? Sống trong cảnh giới tương đối, chẳng thật!

***(Diễn) Vô sanh diệt hữu không Năng Sở đẳng tướng giả, đối thượng tam chủng niệm Phật.***

**(演)無生滅有空能所等相者，對上三種念佛。**

*(**Diễn**: "Chẳng có các tướng sanh, diệt, hữu, không, Năng, Sở"... là đối ứng với ba loại niệm Phật trước đó).*

Tức Xưng Danh, Quán Tượng, Quán Tưởng đã nói trong phần trước.

***(Diễn) Trì Danh thị sanh diệt tướng. Kinh vân: "Chư hành thị vô thường, niệm tánh nguyên sanh diệt cố".***

**(演)持名是生滅相 ，經云：諸行是無常 ，念性元生滅**

故。

*(**Diễn**: Trì Danh là tướng sanh diệt. Kinh nói: "Các hành là vô thường, do tánh của niệm vốn là sanh diệt").*

Trì Danh là sanh diệt, niệm này sanh, niệm kia diệt, niệm trước diệt, niệm sau sanh. [Do đó, xưng danh] niệm Phật là tướng sanh diệt.

***(Diễn) Quán Tượng thị không hữu tướng, đối tượng tắc hữu, ly tượng thị vô cố. Quán Tưởng thị Năng Sở tướng, hữu năng quán chi tâm, sở quán chi cảnh cố.***

**(演)**觀像是空有相，對像則有，離像是無故。觀想是能所相，有能觀之心、所觀之境故。

*(**Diễn**: Quán Tượng là tướng Không Hữu, vì đối trước tượng bèn Có, lìa tượng bèn Không. Quán Tưởng là tướng Năng Sở, do có cái tâm năng quán và cảnh được quán).*

Chân tướng của ba loại [Niệm Phật] trước là như thế.

***(Diễn) Hựu tiền tam, giai bất ly sanh diệt, hữu không, Năng Sở đẳng tướng.***

**(演)**又前三，皆不離生滅有空能所等相。

*(**Diễn**: Lại nữa, ba loại trước đều chẳng lìa các tướng sanh diệt, Có Không, Năng Sở v.v...).*

Trì Danh, Quán Tưởng, Quán Tượng đều có sanh - diệt, có - không, năng - sở.

***(Diễn) Hựu tiền tam, giai bất ly ngôn thuyết tướng, danh tự tướng, tâm duyên tướng.***

**(演)**又前三，皆不離言說相、名字相、心緣相。

*(**Diễn**: Lại nữa, ba cách [niệm Phật] trước đều chẳng lìa tướng ngôn thuyết, tướng danh tự, và tướng tâm duyên).*

Thảy đều chẳng lìa khỏi! [Vì lẽ đó], phàm phu tu học thuận tiện. Chứ thảy đều lìa, chúng ta sẽ chẳng biết tu như thế nào! Chẳng có cách nào tu được!

***(Sao) Diệc phục ly ngôn thuyết tướng, ly danh tự tướng, ly tâm duyên tướng, thị danh Thật Tướng.***

**(鈔)亦復離言說相，離名字相，離心緣相，是名實相。**

*(**Sao**: Lại cũng lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, thì gọi là Thật Tướng).*

Thật Tướng ở chỗ nào? Ở ngay trước mắt chúng ta. Sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chẳng phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm; chính ngay trong khi ấy, Thật Tướng hiện tiền. Tướng được thấy bởi chư Phật, Bồ Tát chính là tướng này. Sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần bèn khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, Thật Tướng liền biến thành tướng hư vọng, xa lìa chân thật. Ví như chúng tôi đưa lên vật này, tất cả mọi người đều trông thấy, thấy rõ ràng, rành rẽ, vật được cầm trên tay cũng là thật sự có, [nhưng] chẳng khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước, [hỏi quý vị] đó là gì? Quý vị có thể nói được hay không? Có thể suy tưởng hay không? Hễ quý vị có thể suy tưởng, có thể nói, thảy đều là chấp tướng! Nay bảo quý vị "chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước", đó là gì? Quý vị đều không biết. Bày ra ngay trước mặt, *"giả khiếu Thật Tướng"* (đó gọi là Thật Tướng), sai mất rồi! Thật Tướng là một danh từ, lại chấp trước mất rồi! Bảo quý vị lìa tướng danh tự, cớ sao lại có Thật Tướng? Thật Tướng vẫn là một danh tự. *"Ngôn ngữ dứt bặt, tâm hành xứ diệt"*, chẳng thể nghĩ bàn, đấy là Thật Tướng.

Chư Phật, Bồ Tát giảng kinh, thuyết pháp cho chúng ta, trong tâm các Ngài xác thực chẳng khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước. Các Ngài nói những danh từ ấy là do phàm phu chấp trước như vậy, "ta tùy thuận theo sự chấp trước của quý vị để nói". Bản thân các Ngài chẳng chấp trước. Các Ngài là *"nói mà không nói"*, nói theo phía bản thân các Ngài thì *"một chữ cũng chẳng hề nói"*. *"Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức"*, thuyết pháp nhằm hằng thuận chúng sanh, cớ sao quý vị chấp trước? Ta tùy thuận sự chấp trước của quý vị [như thế ấy], cớ sao quý vị phân biệt? Ta tùy thuận sự phân biệt của quý vị, chính mình rất hoan hỷ, vì sao? Chính mình chẳng có phân biệt, chấp trước, tâm khai ý giải, chẳng nhiễm mảy trần, đó là Phật tâm. Chúng ta học Phật thì phải học điều này. Đức Phật có lìa khỏi pháp thế gian hay không?

Chẳng lìa khỏi! Thứ gì cũng đều chẳng lìa khỏi, sống vui sướng cùng mọi người. Quý vị có phiền não, các Ngài chẳng có phiền não. Vì sao các Ngài chẳng phiền não? Các Ngài chẳng động niệm. Phiền não của quý vị do đâu mà có? Do khởi tâm động niệm. Trong Chân Như bản tánh vốn chẳng có niệm, khởi tâm động niệm là chẳng tuân thủ tự tánh, quý vị trái nghịch tự tánh, đã mê mất rồi!

*"Lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên"*, ba câu này hết sức quan trọng! Người tham Thiền sử dụng công phu này. Người nghiên cứu kinh giáo cũng dùng công phu này. Quý vị chẳng dùng công phu này, chẳng thể đại khai viên giải. Nhà Thiền chẳng dùng công phu này, chẳng thể đại triệt đại ngộ. Người niệm Phật chẳng dùng công phu này, chẳng thể đắc Lý nhất tâm bất loạn, nhưng có thể đắc Sự nhất tâm bất loạn. Nếu chúng ta hỏi: "Khi nào mới có thể đạt đến Lý nhất tâm bất loạn?" Khi nào quý vị niệm Phật đến mức ngôn thuyết, danh tự, tâm duyên đều thoát lìa, trong hết thảy các cảnh giới cũng chẳng còn có mảy may phân biệt, chấp trước, mà cũng chẳng còn khởi tâm động niệm nữa. Đó là cảnh giới Lý nhất tâm. Nhưng đối với điều này, chớ nên tác ý: "Ta chẳng khởi tâm, ta không động niệm"! Quý vị ngẫm xem, có khởi tâm động niệm hay không? Quý vị đã khởi tâm động niệm. "Ta không động niệm", hễ có niệm ấy là đã động niệm rồi. "Ta chẳng phân biệt", thật ra là đã phân biệt. "Ta không chấp trước", thật ra là đã chấp trước, chấp trước [ý niệm] "không chấp trước". Khó quá! Rất ư là khó! Chuyện này chỉ có chính mình thấu hiểu, người khác chẳng có cách nào truyền cho quý vị, đấy mới là công phu thật sự! Công phu của quý vị càng tiếp cận điều này, quý vị càng vui sướng, xác thực là lìa khổ được vui. Ba thứ ấy (phân biệt, chấp trước, vọng tưởng) càng nhiều, khổ não càng lắm! Ba thứ ấy càng ít, quý vị vui sướng càng nhiều. Đều là ngay trong cuộc sống bình phàm. Người niệm Phật tuy chẳng thể đoạn [phân biệt, vọng tưởng, chấp trước], phải hờ hững [đối với chúng], chớ nên chấp trước quá lố, [chấp trước] càng nhạt mỏng càng tốt! Nói thật ra, những thứ ấy chính là nghiệp chướng. Quý vị có bao nhiêu nghiệp chướng, chính mình tự biết, chẳng cần phải hỏi ai khác. Những thứ ấy rất nhạt mỏng, nghiệp chướng của quý vị bèn nhẹ nhàng. Chấp trước rất nặng nề, coi chúng rất thật, nghiệp chướng cũng rất nặng! Nghiệp chướng nặng nề, sẽ chướng ngại quý vị vãng sanh, đáng ngại lắm!

Điều xảo diệu của pháp môn Tịnh Tông là quý vị thích phân biệt, ưa chấp trước, [pháp môn này bèn dạy] quý vị thay đổi cảnh giới: Hãy

phân biệt ba mươi hai tướng và tám mươi thứ [tùy hình] hảo của A Di Đà Phật, dạy quý vị chấp trước A Di Đà Phật. Nếu quý vị hoan hỷ, mến luyến, hãy mến luyến A Di Đà Phật, chắc chắn sẽ vãng sanh. Quý vị mến luyến người thế gian, mà muốn chẳng luân hồi trong lục đạo sẽ chẳng thể được! Quý vị phải chuyển dời mục tiêu và quan niệm, ta yêu A Di Đà Phật, ta thích Tây Phương Cực Lạc thế giới, hạng người ấy quyết định vãng sanh. Trong tâm chẳng có phân biệt, chỉ có A Di Đà Phật, hằng ngày ngắm nhìn tượng A Di Đà Phật, hằng ngày niệm giáo huấn của A Di Đà Phật. Kinh Vô Lượng Thọ và Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa là gia thư, gia phả của Tây Phương Cực Lạc thế giới, nêu rõ khái lược trạng huống [trong cõi ấy]. Quý vị hằng ngày đọc những sách ấy, suy tưởng những điều ấy, chắc chắn sẽ được sanh về Tịnh Độ. Hễ còn nghĩ tưởng những điều khác, bất luận nghĩ tưởng ai, nghĩ tưởng chuyện gì, thảy đều là lục đạo luân hồi, quyết định chẳng thể thoát khỏi lục đạo!

***(Diễn) Kim Thật Tướng chi Phật, quá khứ vô thỉ, vị lai vô chung, vô sanh diệt tướng. Nhất trần bất lập xứ, vạn pháp tề chương, vô không hữu tướng. Chiếu thể độc lập, tuyệt chư đối đãi, vô năng sở tướng. Hựu phục ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt, từ táng lự vong, ly ngôn thuyết, danh tự, tâm duyên đẳng tướng, thị vô tướng bất tướng, danh vi Thật Tướng dã.***

**(演)**今實相之佛，過去無始，未來無終，無生滅相；一塵不立處，萬法齊彰，無空有相；照體獨立，絕諸對待，無能所相；又復言語道斷，心行處滅，詞喪慮亡，離言說名字心緣等相，是無相不相，名為實相也。

*(**Diễn**: Nay vị Phật Thật Tướng quá khứ không khởi đầu, vị lai chẳng kết thúc, chẳng có tướng sanh diệt. Chẳng có chỗ nào để lập mảy trần, vạn pháp cùng phô bày, chẳng có tướng Có và Không. Chiếu thể độc lập, dứt bặt các đối đãi, chẳng có tướng Năng và Sở. Lại còn chẳng thể diễn tả được, chẳng thể suy lường, dứt bặt ngôn từ, tuyệt dứt suy tưởng, rời lìa các tướng như ngôn thuyết, danh tự, tâm duyên, chẳng có tướng, mà không phải là chẳng có tướng, nên gọi là Thật Tướng).*

Chẳng có cách nào diễn tả Thật Tướng được, cũng chẳng có cách nào tư duy, tưởng tượng! Đức Phật dùng phương tiện thiện xảo để miêu

tả khái lược hình tướng của nó, khiến cho chúng ta từ những điều ấy mà lãnh hội. *"Thật Tướng chi Phật"* là gì? Là Chân Như bản tánh của chính mình, là toàn thể pháp giới. *"Quá khứ vô thỉ, vị lai vô chung, vô sanh diệt tướng"* (Quá khứ chẳng có khởi đầu, vị lai không có kết thúc, chẳng có tướng sanh diệt), nó bất sanh bất diệt. Hết thảy vạn pháp, hễ có sanh bèn có diệt. Từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới có sanh, nó có chẳng diệt hay không? Đương nhiên là có diệt; hễ có sanh bèn có diệt. Vì thế, trong tương lai, A Di Đà Phật sẽ diệt độ, Quán Âm Bồ Tát nối tiếp thành Phật, lại có sanh diệt. Bất quá thời gian quá dài, dài đến nỗi chúng ta chẳng có cách nào tính toán, nên gọi là *"vô lượng thọ"*. Thọ mạng có hạn lượng, chẳng sai! Có hạn lượng, quý vị hãy nói thử xem: Rốt cuộc con số ấy là bao nhiêu? Nói chẳng được! Trong kinh, đức Phật đã dạy minh bạch: Giả sử chúng sanh trong mười phương thế giới đều chứng quả Bích Chi Phật, thần thông đều như ngài Mục Kiền Liên, trong thời gian lâu ngàn ức kiếp như thế cùng nhau tính toán thọ mạng của người trong thế giới Tây Phương, tính chẳng ra! Do vậy, chúng ta có thể nói [thọ mạng ấy] là vô lượng. Tự tánh chẳng có sanh diệt, [nói] Thật Tướng là nói tới Pháp Thân Phật, bất sanh, bất diệt.

*"Nhất trần bất lập xứ, vạn pháp tề chương, vô không hữu tướng"* (Chẳng có chỗ để lập một mảy trần, muôn pháp cùng phô bày, chẳng có tướng Không và Có): Bản thể, tức bản thể của tự tánh, chẳng lập mảy trần, chẳng nhiễm mảy trần, thuần tịnh. *"Vạn pháp tề chương"*: Nó có thể biến hiện y báo và chánh báo trang nghiêm trong vô lượng vô biên thế giới chư Phật, nó có thể biến. Giống như chúng ta nằm mộng, cái tâm nằm mộng chẳng lập mảy trần, trong tâm thứ gì cũng đều chẳng có, nhưng hằng ngày nó có thể biến ra mộng cảnh bất đồng. Thậm chí là một ngày mơ đến mấy giấc mộng, mỗi giấc mộng đều khác nhau. *"Vạn pháp tề chương"* (Muôn pháp cùng phô bày), *"chương"* (彰) là rõ ràng, hiển lộ. Tuy hiện muôn pháp, nhưng như thế nào? *"Vô không hữu tướng"* (Chẳng có tướng Có và Không). Nếu quý vị bảo là Không, nó hiện tướng, tướng chẳng phải là Không. Nếu quý vị bảo là Có, tướng ấy là giả, chẳng thật! *"Đương thể tức không, liễu bất khả đắc"* (Bản thể của chính nó là Không, trọn chẳng thể được). Do vậy, chẳng thể bảo nó là Không, mà cũng chẳng thể nói nó là Có. Hai bên Có và Không đều chẳng nói được!

*"Chiếu thể độc lập, tuyệt chư đối đãi, vô năng sở tướng"* (Chiếu thể độc lập, dứt bặt các đối đãi, chẳng có tướng Năng và Sở). *"Thể"* là bản thể của tự tánh, Chiếu là tác dụng của tự tánh. Chiếu là giác, hết thảy

muôn vàn hình tượng trong tận hư không khắp pháp giới không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. Năng Chiếu và Sở Chiếu là một, Năng Biến và Sở Biến cũng là một. Do vậy, nó chẳng có tương đối. Vì thế, quan niệm tương đối của chúng ta là sai lầm. Trong Nhất Chân pháp giới chẳng có tương đối, hễ có quan niệm tương đối thì là mê. Lìa khỏi quan niệm tương đối là giác. Giác chẳng dễ dàng! Nay chúng ta khởi tâm động niệm còn có Năng và Sở, đó là mê. Nếu mong thật sự giác, đích xác là chớ nên khởi tâm động niệm. Chư Phật Như Lai có năng lực, có bản lãnh: Trong cảnh giới, vĩnh viễn chẳng khởi tâm, không động niệm. Nếu quý vị có thể chẳng khởi tâm, không động niệm, bèn thành Phật, thành Bồ Tát. Chẳng khởi tâm, không động niệm, bèn gọi là Tam-muội, hay Chánh Thọ, [có nghĩa là] hưởng thụ hết sức bình thường. Khởi tâm động niệm bèn có thất tình, ngũ dục, có khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Cảm nhận khổ, lạc, ưu, hỷ, xả là bất bình thường, vì sao? Trong tự tánh vốn chẳng có [những cảm nhận ấy]. Sự hưởng thụ bình thường vốn sẵn có trong tự tánh, cho nên đó là Định, người niệm Phật [gọi Định ấy] là Niệm Phật tam-muội, kinh Lăng Nghiêm gọi nó là Thủ Lăng Nghiêm tam-muội, kinh Hoa Nghiêm gọi nó là Sư Tử Phấn Tấn tam-muội. Danh xưng khác nhau, thật ra là cùng một cảnh giới.

Đây cũng là nói rõ cùng mọi người: Trong sự tu hành của Phật pháp, tu Định là then chốt. Bất luận pháp môn nào trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, hoặc vô lượng pháp môn, *"pháp"* là phương pháp, *"môn"* là cửa nẻo. Nói theo cách hiện thời, [pháp môn] là biện pháp, là phương pháp. Bất luận dùng biện pháp hay phương pháp nào, [đều nhằm] tu gì? Đều nhằm tu Định. Trong Phật giáo, kinh điển Tịnh Tông [gọi Định] là *"nhất tâm bất loạn"*. Thiền Tông gọi *"nhất tâm bất loạn"* là Thiền Định. Danh xưng khác nhau, ý nghĩa và cảnh giới hoàn toàn giống nhau. Hiểu rõ chân tướng này, quý vị mới hiểu *"pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp"*. Pháp môn nào thích hợp căn tánh của chính mình, thuận tiện cho chính mình tu học, ta liền chọn lấy pháp môn ấy. Sau khi đã chọn dứt khoát một pháp môn, điều then chốt là nhất tâm, chuyên tu, sẽ có thể thành tựu. Kỵ nhất là xen tạp, tạp tu, loạn tu, pháp môn gì cũng đều chẳng thể thành tựu, ngay như [tu] pháp môn Niệm Phật [mà tạp tu, loạn tu], cũng chẳng thể vãng sanh. Người chuyên tu Thiền có thể khai ngộ, người chuyên học Giáo có thể đại khai viên giải, người chuyên tu Tịnh có thể đắc nhất tâm bất loạn, điều khẩn yếu là chuyên tu. Học Thiền, học Giáo, thậm chí học Mật, đều phải hội đủ một số điều kiện đặc

thù nào đó thì mới có thể thành tựu trong một đời. Chẳng trọn đủ điều kiện, tuy chuyên, cũng chẳng dễ gì thành tựu! Điều kiện của Tịnh Tông rộng rãi nhất. Điều kiện do Tịnh Tông đặt ra, có thể nói là gần như mỗi cá nhân chúng ta đều trọn đủ. Do vậy, mới là *"vạn người tu, vạn người đến"*. Dẫu tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác, là kẻ tạo tội nghiệp nặng nhất, người ấy [vẫn có thể] hội đủ điều kiện để tu Tịnh Độ. Người ấy tu pháp khác, sẽ chẳng hội đủ điều kiện, nhưng tu Tịnh Độ thì đủ. Do vậy, pháp môn này mới được hết thảy chư Phật tán thán, thật sự có thể rộng độ hết thảy chúng sanh trong pháp giới. Đấy chính là chỗ thù thắng bậc nhất.

*"Hựu phục ngôn ngữ đạo đoạn"* (Lại còn dứt bặt ngôn ngữ): Chẳng thể thốt lên lời được! Ở đây, *"đạo"* (道) là động từ [có nghĩa là "nói"], *"ngôn ngữ"* là danh từ. Quý vị chẳng thể dùng ngôn ngữ để nói được, dùng phương pháp [diễn đạt bằng] ngôn ngữ sẽ chẳng thông suốt, cho nên phải dứt bỏ. *"Tâm hành xứ diệt"*: *"Tâm"* là tư duy, tưởng tượng. Tưởng tượng cũng chẳng được, tưởng tượng không ra! Tưởng tượng chính là quý vị khởi tâm động niệm. Hễ khởi tâm động niệm, bèn rơi vào Năng và Sở (chủ thể và khách thể), tức là rớt vào Không và Có. *"Từ táng lự vong"*: *"Từ"* (詞) là ngôn từ, *"lự"* (慮) là tư lự. *"Từ táng"* (詞喪: chôn vùi ngôn từ) là ngôn ngữ dứt bặt, *"lự vong"* (慮亡) là tâm hành xứ diệt. Đó là một ý nghĩa; ở đây, thêm vào câu này nhằm đặc biệt nhấn mạnh.

*"Ly ngôn thuyết, danh tự, tâm duyên đẳng tướng, thị vô tướng, vô bất tướng"* (Lìa các tướng ngôn thuyết, danh tự, tâm duyên v.v… là vô tướng, là chẳng phải là không có tướng). Vô tướng là Thể, *"vô bất tướng"* là tác dụng của bản thể. Giống như chúng ta nằm mộng, vô tướng là tâm, vô bất tướng là mộng cảnh. Tâm là Không, chẳng có hình dáng, dấu vết, mắt cũng chẳng nhìn thấy, tai cũng chẳng nghe thấy, tay cũng chẳng sờ đến, tâm cũng chẳng nghĩ tới được. Vì thế, gọi là Không. Bất đắc dĩ nói là Không, nhưng nó có thể hiện tướng. Gặp duyên bèn hiện tướng. Tuy hiện tướng, tướng ấy *"đương thể tức Không, liễu bất khả đắc"* (bản thể của nó là Không, trọn chẳng thể được). Quý vị chớ nên chấp trước tướng ấy. Quý vị chấp trước tướng ấy, ngỡ tướng ấy là Có, cho tướng ấy là thật sự tồn tại, lầm lẫn đặc biệt to lớn!

Người thật sự tu hành, tốt nhất là coi cuộc đời là *"mộng, huyễn, bọt, bóng"* như kinh Kim Cang đã dạy. Chúng ta từ sáng đến tối tiếp xúc những thứ ấy, đều đang nằm mộng! Quý vị có thể coi hoàn cảnh như mộng, mộng là giả, chẳng thật! Trong ấy, bất luận quý vị ưa thích thì

cũng thế, mà phiền não cũng thế, phải thật sự hiểu rõ chúng là rỗng tuếch, mức độ ưa thích sẽ nhạt bớt, phiền não cũng nhẹ đi. Vì sao? Trống rỗng, giả trất, chẳng thật! Nay có được một khối vàng to, chẳng vui thích, nằm mộng mà! Chẳng thật! Kẻ này muốn hại ta, hãm hại ta, ta cũng chẳng so đo với kẻ ấy. Vì sao? Giả trất! Mộng, huyễn, bọt, bóng, riết róng so đo là sai mất rồi! Đó là chân tướng sự thật; nhưng người thế gian mê, chẳng biết, cứ ngỡ giả là thật, coi thật là giả!

***(Sao) Sở vị ngã dục kiến Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, tùy ý tức kiến, thị dã.***

**(鈔)所謂我欲見極樂世界阿彌陀佛，隨意即見，是也。**

*(**Sao**: Nói "ta muốn thấy Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, tùy ý bèn thấy" chính là nói về điều này).*

Rất tự tại! Nếu quý vị thật sự đạt tới cảnh giới như đã nói trong phần trước: Quý vị muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, mong thấy A Di Đà Phật, đó là "tùy ý"! Muốn ra đi chừng nào bèn đi khi đó; khi nào mong thấy Phật thì khi đó thấy Phật, tự tại vô ngại. Đấy là *"liễu sanh tử, thoát tam giới"*. Lại thưa cùng các vị đồng học, xác thực là ai nấy đều có thể làm được, quý vị có chịu làm hay không? Tục ngữ có câu: *"Thế gian nan sự, đăng thiên nan, cầu nhân nan"* (Chuyện khó trong thế gian, lên trời khó khăn, cầu cạnh người khác khó khăn). "Thấy A Di Đà Phật, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới" chính là cầu từ chính mình. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chính quý vị có thể thật sự buông vọng tưởng, chấp trước xuống, sẽ thành công. Hễ buông vọng tưởng, chấp trước xuống, thưa cùng chư vị, tất cả hết thảy nghiệp chướng từ vô thỉ kiếp cho đến nay thảy đều tiêu trừ. Nghiệp chướng là vọng tưởng, chấp trước, bị tiêu sạch sành sanh. Do đó, người niệm Phật xử sự, đãi người, tiếp vật trong cuộc sống hằng ngày, nói cách khác, [sẽ đều là] thời thời khắc khắc dấy lên tâm cảnh giác cao độ, giác chứ không mê. Như thế nào thì mới là thật sự giác chứ không mê? Đối trước hết thảy cảnh giới, tuyệt đối chẳng khởi tâm động niệm, tuyệt đối chẳng dấy vọng tưởng, chẳng chấp trước, người ấy giác chứ không mê. Sau đấy mới có thể giúp người khác phá mê khai ngộ, giúp người khác đoạn ác tu thiện. Đó là đại từ đại bi, là tự tánh khởi tác dụng. Người như vậy và chư Phật, Bồ Tát đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh, sẽ thành

Phật. Tục ngữ thường nói: *"Phóng hạ đồ đao, lập địa thành Phật"* (Buông dao đồ tể xuống, ngay lập tức thành Phật). *"Đồ đao"* (屠刀) chính là vọng tưởng, chấp trước. Quý vị chỉ cần buông chúng xuống, sẽ ngay lập tức thành Phật.

***(Diễn) Ngã nhược dục kiến A Di Đà Phật, tùy ý tức kiến, thị Hoa Nghiêm Giải Thoát trưởng giả sở thuyết.***

**(演)我若欲見阿彌陀佛隨意即見，是華嚴解脫長者所說。**

*(**Diễn**: "Nếu ta muốn thấy A Di Đà Phật bèn tùy ý thấy ngay" chính là lời trưởng giả Giải Thoát đã nói trong kinh Hoa Nghiêm).*

Trưởng giả Giải Thoát nói [câu ấy] với Thiện Tài đồng tử.

***(Diễn) Dĩ thử chứng Thật Tướng giả, dĩ trưởng giả dĩ năng liễu tri tự tánh, như ảnh, hưởng, mộng, huyễn.***

**(演)以此證實相者，以長者已能了知自性，如影響夢幻。**

*(**Diễn**: "Dùng điều này để chứng Thật Tướng": Vì trưởng giả đã có thể biết rõ tự tánh như hình bóng, tiếng vang, mộng, huyễn).*

Có ý nghĩa hoàn toàn giống như kinh Kim Cang đã nói: *"Hết thảy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng".*

***(Diễn) Sở kiến chư Phật, giai do tự tâm.***

**(演)所見諸佛，皆由自心。**

*(**Diễn**: Thấy chư Phật đều do tự tâm).*

Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do tự tâm hiện, do tự thức biến, chẳng có gì không thấy. Muốn thấy vị nào trong mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai đều thấy, vì sao? Quý vị đã kiến tánh. Sơ Trụ Bồ Tát của Viên Giáo phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh, bèn có năng lực thị hiện tám tướng thành đạo. Phần đầu kinh Vô Lượng Thọ nói tới tám tướng thành đạo. Đó là địa vị gì? Sơ Trụ trong Viên Giáo, hoặc Sơ Địa trong Biệt Giáo. Giúp đỡ hết thảy chúng sanh thuận theo lòng mong muốn. Đáng nên dùng thân Phật để độ,

bèn hiện thân Phật. Tám tướng thành đạo là hiện thân Phật. Đáng nên dùng thân Bồ Tát để độ, bèn hiện thân Bồ Tát. Đáng nên hiện thân gì, bèn hiện thân ấy, chẳng có gì không tự tại. Cảm ứng đạo giao cùng hết thảy chúng sanh!

***(Diễn) Cố kinh văn vân.***
**(演)故經文云。**
*(**Diễn**: Do vậy, kinh văn nói).*

Dưới đây là trích dẫn kinh văn của kinh Hoa Nghiêm.

***(Diễn) Thiện nam tử.***
**(演)善男子。**
*(**Diễn**: Này thiện nam tử).*

Ở đây, *"thiện nam tử"* là để gọi Thiện Tài đồng tử. Thiện Tài đồng tử đại diện cho tất cả các đồng tu học Phật chúng ta, có thiện căn, có phước đức. Kinh Di Đà dạy: *"Chẳng thể do ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy"*. Có thể thấy vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới phải do nhiều thiện căn, nhiều phước đức. Nhiều thiện căn, nhiều phước đức bèn gọi là Thiện Tài (Sudhanakumâra). Kinh gọi Ngài là *"thiện nam tử"* là do ý nghĩa này, theo tiêu chuẩn như vậy.

***(Diễn) Ngã kiến như thị đẳng thập phương Phật sát vi trần số Như Lai, bỉ chư Như Lai bất lai chí thử, ngã bất vãng bỉ.***
**(演)我見如是等十方佛剎微塵數如來，彼諸如來不來至此，我不往彼。**
*(**Diễn**: Ta thấy chư Như Lai nhiều như số vi trần trong mười phương các cõi Phật như thế đó. Các vị Như Lai ấy chẳng đến đây, ta chẳng đến chỗ ấy).*

Nói rõ *"chẳng đến, chẳng đi, bất sanh, bất diệt"*; đó là chân tướng sự thật.

***(Diễn) Ngã nhược dục kiến An Lạc thế giới.***

**(演)我若欲見安樂世界。**
*(**Diễn**: Nếu ta muốn thấy thế giới An Lạc).*

*"An Lạc thế giới"* là thế giới Cực Lạc.

***(Diễn) A Di Đà Phật Như Lai, tùy ý tức kiến.***
**(演)阿彌陀佛如來，隨意即見。**
*(**Diễn**: A Di Đà Phật Như Lai tùy ý liền thấy).*

A Di Đà Phật chẳng đến, ta cũng không đi. Ta chỉ cần muốn thấy bèn thấy, như đối trước mặt. Ngài chẳng đến, ta cũng chẳng đi, xác thực là như thế. Tịnh Tông có một quyển sách mang tựa đề là Sanh Vô Sanh Luận: *"Sanh tắc quyết định sanh, khứ tắc thật bất khứ"* (Sanh thì quyết định sanh, đi thì thật sự chẳng đi). Người mới học nghe lời này lại hoài nghi: Rốt cuộc là có thể vãng sanh hay không? Nếu chúng ta niệm suốt một đời mà chẳng thể vãng sanh, há chẳng phải là niệm uổng công ư? Đã là sanh thì quyết định sanh, nhưng lại chẳng thể đi, sanh bằng cách nào? Chẳng biết chân tướng sự thật, chẳng biết cảnh giới nơi quả địa Như Lai. Cảnh giới ấy là cảnh giới của Phật, chẳng phải là cảnh giới của bọn phàm phu chúng ta!

Bọn phàm phu chúng ta chấp tướng "đến, đi", tướng sanh diệt. Quý vị trừ sạch các tướng đến, đi, sanh, diệt, Năng, Sở, thì mới hiểu ý nghĩa do Phật, Bồ Tát đã nói, quý vị bèn hoảng nhiên đại ngộ. Có phải là Sanh hay không? Thật sự sanh! Có phải là đi hay không? Thật sự đi, vì sao? Sanh và "chẳng sanh" không hai. Đi và "không đi" như một, phải nhập cảnh giới ấy thì mới được. Chẳng nhập cảnh giới, sanh và "chẳng sanh" là hai chuyện, tuyệt đối chẳng giống nhau, đi và "không đi" cũng là hai chuyện, làm sao có thể cùng bàn luận cho được! Cảnh giới Phật và cảnh giới của chúng ta khác nhau!

Chúng ta là hữu tình chúng sanh trên địa cầu, sống trong không gian ba chiều; không gian của chư Phật là không gian vô hạn chiều, tuyệt đối chẳng phải chỉ là bốn chiều, năm chiều, sáu chiều, bảy chiều! Không gian của Phật là vô hạn chiều, làm sao chúng ta có thể hiểu được? Hoàn toàn chẳng biết! Nếu chư vị thường đọc kinh điển Đại Thừa, rất chú tâm lãnh hội, sẽ có thể thấu hiểu. Tuy chẳng viên mãn, nhưng có thể tăng trưởng tín tâm, có thể dần dần hiểu chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, kinh Phật gọi chuyện này là *"chư pháp Thật Tướng"* (Thật Tướng của

các pháp). Tiếp theo đó, kinh [Hoa Nghiêm] giảng về Lý. Phần trên là nói theo Sự, muốn thấy A Di Đà Phật liền thấy A Di Đà Phật.

***(Diễn) Tri nhất thiết Phật cập dữ ngã tâm, tất giai như mộng. Tri nhất thiết Phật do như ảnh tượng, tự tâm như thủy. Tri nhất thiết Phật sở hữu sắc tướng, cập dĩ tự tâm, tất giai như huyễn, tất giai như hưởng. Ngã như thị tri, như thị ức niệm, sở kiến chư Phật giai do tự tâm.***

**(演)**知一切佛及與我心，悉皆如夢；知一切佛猶如影像，自心如水；知一切佛所有色相，及以自心，悉皆如幻，悉皆如響。我如是知，如是憶念，所見諸佛皆由自心。

*(**Diễn**: Biết hết thảy chư Phật và tâm ta thảy đều như mộng. Biết hết thảy chư Phật giống như hình bóng, tự tâm như nước. Biết tất cả sắc tướng của hết thảy chư Phật và tự tâm thảy đều như huyễn, thảy đều như tiếng vang. Ta biết như thế, ức niệm như thế, các đức Phật được thấy đều do tự tâm).*

Tục ngữ Trung Hoa thường nói: *"Thiên giang hữu thủy, thiên giang nguyệt"* (Nước ngàn sông in bóng ngàn trăng). Vầng trăng trên không trung, chỉ cần trên mặt đất có nước, nước rất sạch sẽ, trăng bèn hiện bóng. Trăng chẳng đến nước, nước cũng chẳng đến trăng, [thế mà] người khác trông thấy [ánh trăng trong nước]. Đây là nói theo tỷ dụ. Tỷ dụ chỉ có thể nói mường tượng, tuyệt đối chẳng phải là sự thật. Sự thật thì phải thân thiết, phải thực tại hơn tỷ dụ. Bất đắc dĩ dùng tỷ dụ để mô tả gián tiếp, khiến cho chúng ta dần dần lãnh hội cảnh giới ấy. Chuyện này chứng tỏ *"vạn pháp duy tâm, vạn pháp duy thức"*, cũng chứng minh điều kinh Hoa Nghiêm đã dạy: *"Ưng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo"* (Hãy nên quán tánh pháp giới, hết thảy đều do tâm tạo), đấy là nói về Thật Tướng.

***(Sao) Thử chi tứ giả, tuy đồng danh Niệm Phật, tiền thiển hậu thâm.***

**(鈔)**此之四者，雖同名念佛，前淺後深。

*(**Sao**: Bốn phép này tuy đều gọi là Niệm Phật, nhưng phép trước cạn, phép sau sâu).*

Bốn phép này tuy đều là pháp môn Niệm Phật, nhưng phép trước cạn, phép sau sâu, càng về sau càng sâu.

***(Sao) Trì Danh tuy tại sơ môn, kỳ thật, ý hàm vô tận. Sự nhất tâm tắc thiển, Lý nhất tâm tắc thâm.***

**(鈔)持名雖在初門，其實意含無盡，事一心則淺，理一心則深。**

*(**Sao**: Trì Danh tuy thuộc môn đầu tiên, nhưng thật ra, chứa đựng vô tận ý nghĩa. Sự nhất tâm là cạn, Lý nhất tâm là sâu).*

Trì Danh Niệm Phật nông cạn nhất, dạy quý vị suốt ngày từ sáng đến tối niệm câu Nam-mô A Di Đà Phật, chẳng hoài nghi, không gián đoạn, không xen tạp. Nông cạn nhất, nhưng chư vị nhất định phải ghi nhớ *"không xen tạp"*. Nay công phu của chúng ta sở dĩ chẳng thể thành tựu là vì xen tạp; xen tạp hết thảy các pháp hư vọng trong thế gian, đồng thời lại còn xen tạp hết thảy Phật pháp, đều là sai lầm. Bất luận xen tạp điều gì cũng đều sai lầm. Làm thế nào thì mới có thể thật sự đạt *"tịnh niệm tương kế"*? Làm được bốn chữ ấy bèn thành công. Bốn chữ ấy chính là *"thật thà niệm Phật"*, mới thật sự là thật thà. Nếu chẳng làm được bốn chữ ấy, chẳng gọi là thật thà! *"Tịnh niệm"*: Tịnh là tâm thanh tịnh, chẳng có hoài nghi, chẳng có xen tạp, cái tâm ấy mới thanh tịnh, mới là tịnh niệm. Câu Phật hiệu này nối tiếp câu Phật hiệu kia, niệm đến mức giống hệt như máy niệm Phật trong hiện thời, nó chẳng xen tạp, không hoài nghi, mà cũng không gián đoạn. *"Tương kế"* (相繼: nối tiếp) là chẳng gián đoạn. Nếu chúng ta thật sự niệm giống như vậy, sẽ thành công! Không chỉ là Sự nhất tâm, mà còn niệm đến mức Lý nhất tâm. Vì sao? Chẳng phân biệt, không chấp trước, lìa hết thảy tướng chính là hết thảy các pháp. Nếu quý vị hỏi "ai là người hành Thật Tướng Niệm Phật" ư? Máy niệm Phật là Thật Tướng Niệm Phật! Các đồng tu hãy khéo lãnh hội ý nghĩa này.

*"Trì Danh tuy tại sơ môn, kỳ thật, ý hàm vô tận. Sự nhất tâm tắc thiển, Lý nhất tâm tắc thâm"* (Trì Danh tuy thuộc môn đầu tiên, nhưng thật ra, chứa đựng vô tận ý nghĩa. Sự nhất tâm là cạn, Lý nhất tâm là sâu). Nếu quý vị niệm tới Sự nhất tâm bất loạn, đó là cạn. Nếu niệm đến Lý nhất tâm bất loạn, sẽ là sâu. Có thể thấy Trì Danh thông đến mức sâu nhất! Cổ nhân chẳng dùng Quán Tượng, hoặc Quán Tưởng, vì sao? Tướng ấy nếu quán thành, ấn tượng khắc sâu, tướng có tốt hay không?

*"Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"*, vẫn phải trừ khử ấn tượng ấy thì mới có thể nhập Thật Tướng. Nếu chẳng trừ hết tướng ấy, chẳng thể nhập Thật Tướng, [bởi lẽ] Thật Tướng chẳng có tướng. Quý vị mới biết Quán Tượng và Quán Tưởng chẳng phải là phương pháp tốt đẹp, vì sao? Chẳng thể thông đến Thật Tướng. Câu Phật hiệu buông bỏ dễ dàng. Sau khi niệm đến một mức độ kha khá, Năng lẫn Sở đều mất, bèn nhập Thật Tướng. Vì thế, Trì Danh rất dễ khế nhập Thật Tướng, Quán Tượng và Quán Tưởng chẳng dễ dàng. Đây là chư Phật Thế Tôn đã đặc biệt dạy chúng ta ý nghĩa chân thật của việc Trì Danh Niệm Phật. Pháp môn này chẳng nông cạn đâu nhé! Mở đầu là nông cạn, về sau, sâu thẳm khôn dò! Tuyệt đối chẳng phải là Quán Tưởng hay Quán Tượng mà hòng đạt đến! Trì Danh Niệm Phật…

***(Sao) Tức Sự, tức Lý, tắc tức thiển, tức thâm, cố viết "triệt tiền, triệt hậu".***

**(鈔)即事即理，則即淺即深，故曰徹前徹後。**

*(**Sao**: Do Sự chính là Lý, nên cạn chính là sâu, vì thế nói "thấu triệt trước sau").*

*"Tiền"* là mới học, *"hậu"* là đạt đến Đẳng Giác Bồ Tát, như Đại Thế Chí Bồ Tát hoặc Quán Thế Âm Bồ Tát, đã nhập cảnh giới của các Ngài. Vì thế, pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn. Hôm nay, chúng tôi giảng tới chỗ này!

***Tập 232***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm năm mươi ba.

***(Sao) Thử chi tứ giả, tuy đồng danh Niệm Phật, tiền thiển, hậu thâm. Trì Danh tuy tại sơ môn, kỳ thật, ý hàm vô tận. Sự nhất tâm tắc thiển, Lý nhất tâm tắc thâm. Tức Sự, tức Lý, tắc tức thiển, tức thâm, cố viết "triệt tiền, triệt hậu". Sở dĩ giả hà? Lý nhất tâm giả, nhất tâm tức thị Thật Tướng, tắc tối sơ tức thị tối hậu cố.***

**(鈔)此之四者，雖同名念佛，前淺後深。持名雖在初門，其實意含無盡，事一心則淺，理一心則深，即事即理，則即淺即深 ，故曰徹前徹後 。所以者何？理一心者，**

一心即是實相，則最初即是最後故。

*(**Sao**: Bốn pháp này, tuy cùng gọi là Niệm Phật, nhưng phép trước cạn, phép sau sâu. Trì Danh tuy thuộc môn đầu tiên, nhưng thật ra, chứa đựng ý nghĩa vô tận. Sự nhất tâm là cạn, Lý nhất tâm là sâu. Do Sự chính là Lý, nên cạn chính là sâu. Vì thế nói là "thông triệt trước sau". Vì sao vậy? Đối với Lý nhất tâm, nhất tâm chính là Thật Tướng, cho nên pháp thoạt đầu chính là pháp tối hậu vậy).*

Từ đoạn kết luận này của đại sư, chúng ta mới thật sự thấu hiểu diệu hạnh Trì Danh chẳng thể nghĩ bàn. Trì Danh, Quán Tượng, Quán Tưởng, Thật Tướng, bốn loại Niệm Phật nếu đều triển khai tỉ mỉ để quan sát, [sẽ thấy]: Nó bao gồm Thiền, Mật, Tông, Giáo, vô lượng pháp môn trong Phật pháp, có nghĩa là Thiền và Mật đều chẳng thể vượt khỏi phạm vi của Niệm Phật! Kết luận này hay lắm, đã tổng kết "danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn; chấp trì danh hiệu cũng là chẳng thể nghĩ bàn". Quý vị nói một câu Phật hiệu là nông cạn thì nó rất nông cạn. Quý vị nói nó là sâu, sẽ là sâu không đáy, nó chính là Sự mà cũng là Lý. Ở đây, đại sư nói *"triệt tiền triệt hậu"*, Tiền là Trì Danh, Hậu là Thật Tướng.

***(Diễn) Triệt tiền triệt hậu giả, Lý tức Sự cố triệt tiền, Sự tức Lý cố triệt hậu.***

**(演)**徹前徹後者，理即事故徹前，事即理故徹後。

*(**Diễn**: "Thông triệt trước sau": Lý chính là Sự cho nên "thông triệt pháp trước", Sự chính là Lý nên "thông triệt pháp sau").*

Trước và sau chẳng hai, Lý và Sự như một, pháp môn như vậy xác thực là các pháp môn bình phàm khác chẳng thể sánh bằng!

***(Diễn) Lý nhất tâm tức Thật Tướng giả, như thượng sở ngôn Lý nhất tâm giả, tắc Năng Sở tình tiêu, Hữu Vô kiến tận, ly sanh diệt, không hữu đẳng tướng, cố tức Thật Tướng dã.***

**(演)**理一心即實相者，如上所言理一心者，則能所情消，有無見盡，離生滅空有等相，故即實相也。

*(**Diễn**: "Lý nhất tâm chính là Thật Tướng": Như trong phần trên đã nói "Lý nhất tâm chính là tình chấp về Năng Sở đều mất, kiến giải về Có và Không đã hết". Do lìa các tướng như sanh, diệt, không, có v.v... nên chính là Thật Tướng).*

Đó là hình trạng của Thật Tướng, trong pháp môn Niệm Phật thảy đều trọn đủ. Niệm đến khi công phu thành tựu, đương nhiên chẳng cần phải nói. Nay chúng ta khởi tâm niệm Phật, một câu Phật hiệu hiện tiền có phải là Thật Tướng hay chăng? Nếu đúng là như vậy, Phật hiệu thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Thưa cùng chư vị, một câu Phật hiệu trong hiện tiền xác thực là Thật Tướng. Cớ sao là Thật Tướng? Nếu niệm Phật chẳng hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, quý vị có thể niệm như vậy, câu Phật hiệu ấy chính là Thật Tướng. Đó gọi là *"một niệm tương ứng một niệm Phật"*, tương ứng với gì? Tương ứng với Thật Tướng. Nói cách khác, quý vị có hoài nghi, sẽ chẳng tương ứng với Thật Tướng, [vì] trong Thật Tướng chẳng có nghi. Quý vị có xen tạp, bèn chẳng tương ứng với Thật Tướng, [bởi lẽ], Thật Tướng là thanh tịnh, chẳng có xen tạp. Quý vị có gián đoạn, lại chẳng tương ứng, vì Thật Tướng bất sanh bất diệt. Có thể thấy ba điều kiện ấy thảy đều trọn đủ, câu Phật hiệu ngay lập tức là Thật Tướng.

*"Tắc Năng Sở tình tiêu"* (Tình chấp Năng và Sở đều tiêu); năng niệm (chủ thể niệm, cái tâm niệm Phật) và sở niệm (đức Phật được niệm, danh hiệu Phật được niệm). Quý vị niệm câu A Di Đà Phật, chớ nên nghĩ: "Ta là năng niệm, A Di Đà Phật là đối tượng được niệm bởi ta". Nếu quý vị còn nghĩ như thế, tức là đã dấy vọng tưởng, xen tạp. Đó gọi là "tạp loạn". Tình chấp Năng và Sở đều tiêu, Năng Niệm và Sở Niệm đã hợp thành một, là nhất niệm. Trong ấy, chẳng thể tìm thấy Năng và Sở. *"Hữu vô kiến tận"* (Kiến giải về Hữu và Vô đã hết). Hữu - Vô là tà kiến, chẳng phải là chánh kiến. Năng và Sở [như đã nhắc tới] trong phần trước chính là phiền não, là mê tình. Vì thế, hết thảy tà tri tà kiến cũng đều chẳng có. Phải niệm sao cho một câu Phật hiệu này dứt sạch phiền não và tri kiến, như vậy thì mới thật sự đạt đến "thanh tịnh, bình đẳng, giác". "Thanh tịnh, bình đẳng, giác" là Thật Tướng, là bản tánh của chính mình, là bản thể của pháp giới. *"Ly sanh diệt không hữu đẳng tướng"* (Lìa các tướng như sanh, diệt, không, có v.v…), đương nhiên đó chính là Thật Tướng, chúng ta thường gọi điều này là "công đức của danh hiệu". Người niệm Phật rất nhiều, người biết công đức chân thật của danh hiệu chẳng mấy. Nếu họ thật sự biết, công phu niệm Phật bèn đắc lực. Người ấy niệm một câu Phật hiệu xác thực là có thể tiêu tai diệt tội, có thể vãng sanh thấy Phật. *"Tối sơ tức thị tối hậu"* (Thoạt đầu chính là cuối cùng), *"tối sơ"* là khi chúng ta vừa mới phát tâm niệm Phật; *"tối hậu"* là viên thành Phật đạo. Điều này rất chẳng thể nghĩ bàn, bất cứ pháp môn nào

cũng đều chẳng có cách nào sánh bằng Niệm Phật! Tuy nói như vậy, người tin tưởng rất ít, kẻ chẳng tin rất nhiều, luôn nghĩ là người niệm Phật tự khoe khoang, bốc phét, chẳng thật; kẻ bình phàm dấy lòng hoài nghi. Họ ít thiện căn, phước đức chẳng đủ, nghe pháp môn này chẳng tránh khỏi hoài nghi, do dự. Do vậy, [để tu tập] pháp môn này, nhất định phải là nhiều thiện căn, nhiều phước đức. Kinh Di Đà dạy: *"Chẳng thể do ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy"*, chính là nói rõ thiện căn và phước đức ít ỏi sẽ không được, sẽ chẳng thể tiếp nhận, thậm chí nghe xong còn hiểu lệch lạc ý nghĩa, hiểu biết sai lầm!

***(Sao) Vấn: Khởi đắc xưng danh tiện thành Thật Tướng?***

**(鈔)**問：豈得稱名便成實相？

*(**Sao**: Hỏi: Há có lẽ nào xưng danh chính là Thật Tướng?)*

Trì Danh là Thật Tướng, thoạt đầu chính là cuối cùng, nghe xong có thể khiến cho người ta hoài nghi, lập tức nêu ra câu hỏi!

***(Diễn) Khởi đắc xưng danh tiện thành Thật Tướng giả, dĩ xưng danh niệm Phật, niệm niệm khởi diệt, thị sanh diệt tướng. Niệm thời tắc hữu, bất niệm tắc vô, thị không hữu tướng. Năng niệm thị tâm, sở niệm thị Phật, thị năng sở tướng. Xưng Phật danh hiệu, dĩ tâm duyên lịch, thị ngôn thuyết, danh tự, tâm duyên đẳng tướng, hà ngôn tức Thật Tướng da?***

**(演)**豈得稱名便成實相者，以稱名念佛，念念起滅，是生滅相；念時則有，不念則無，是空有相；能念是心，所念是佛，是能所相；稱佛名號，以心緣歷，是言說名字心緣等相，何言即實相耶？

*(**Diễn**: "Há có lẽ nào xưng danh chính là Thật Tướng?": Do xưng danh niệm Phật, khởi lên rồi diệt mất trong mỗi niệm. Đó là tướng sanh diệt. Khi niệm thì có, chẳng niệm bèn không. Đó là tướng Không Hữu. Chủ thể để niệm là cái tâm, đối tượng được niệm là Phật. Đó là tướng Năng Sở. Xưng danh hiệu Phật, dùng tâm duyên theo. Đó chính là các tướng ngôn thuyết, danh tự, tâm duyên v.v... Cớ sao nói là Thật Tướng cho được?)*

*"Sanh diệt"* chẳng phải là Thật Tướng, *"Không - Hữu"* chẳng

phải là Thật Tướng. Có Năng có Sở, há có thể gọi là Thật Tướng? Trong một câu hỏi của người ấy chứa đựng nhiều ý nghĩa như vậy.

***(Sao) Đáp: Thật Tướng vân giả, phi tất diệt trừ chư tướng, cái tức tướng nhi vô tướng dã.***

**(鈔)**答：實相云者，非必滅除諸相，蓋即相而無相也。

*(**Sao**: Đáp: Nói "Thật Tướng" chẳng phải là ắt phải diệt trừ các tướng, bởi lẽ, từ ngay nơi tướng mà [nhận biết] chẳng có tướng).*

Nói thật ra, đến chỗ này, đã giải đáp trọn hết, đã giải đáp rất viên mãn, [nhưng Liên Trì đại sư] sợ người nghe vẫn chưa hiểu, nên tiếp đó lại dẫn chứng. Đại sư bảo cho chúng ta biết: Ý nghĩa khẩn yếu là *"Thật Tướng trọn chẳng phải là tiêu diệt hết thảy các tướng". "Chư tướng"* là nói đến tướng sanh diệt, tướng Không Hữu, tướng Năng Sở, cũng như các tướng ngôn thuyết, danh tự, tâm duyên v.v… [những tướng ấy đều] chẳng cần phải tiêu diệt. Vì sao chẳng cần tiêu diệt? Vì *"phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"*. Hư vọng thì quý vị cần gì phải tiêu diệt nó? Nó là thật thì quý vị mới tiêu diệt, nó chẳng phải là thật sự có! Nó là hư vọng, *"đương thể tức Không, liễu bất khả đắc"* (bản thể chính là Không, trọn chẳng thể được). Quý vị muốn tiêu diệt hư vọng, chẳng phải là tự chuốc phiền ư? Lại sai mất rồi! Ví như bóng dáng là giả, cớ gì cứ nhất định phải diệt trừ bóng dáng? Chẳng cần thiết!

***(Diễn) Đáp viết: Vị Thật Tướng giả, phi vi diệt trừ chư tướng, nhi đàm Thật Tướng, tức tướng vô tướng, danh Thật Tướng dã.***

**(演)**答曰：謂實相者，非為滅除諸相，而談實相，即相無相，名實相也。

*(**Diễn**: Đáp: Ý nói "Thật Tướng chẳng phải là diệt trừ các tướng". Nói đến Thật Tướng thì nó chính là tướng mà chẳng có tướng, nên gọi là Thật Tướng).*

Thật vậy! Đấy mới là Thật Tướng thật sự. Câu *"tức tướng vô tướng"* có đạo lý rất sâu, mà cũng là một chuyện rất chân thật. Từ Quyền Giáo và Tiểu Thừa trở xuống, Quyền Giáo Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, lục đạo phàm phu, chẳng hiểu rõ chân tướng vũ trụ và nhân sinh.

Thật Tướng là chân tướng. Do chẳng biết chân tướng, lầm tưởng những tướng ấy đều là chân thật, sai lầm ở chỗ này. Chẳng biết chân tướng của hết thảy các tướng, đó là mê hoặc. Sau khi đã mê bèn tạo nghiệp, tạo nghiệp thì phải hứng chịu quả báo, quả báo ấy vẫn là hư vọng. Tuy Hoặc, Nghiệp, Khổ đều là hư vọng, chẳng thật sự tồn tại, bản thể của chúng là Không, nhưng đối với người mê, bèn thật sự có cảm nhận [dường như chúng thật sự tồn tại], giống như nằm mộng, mộng là giả, nhưng khi nằm mộng, ở trong mộng chẳng biết giấc mộng ấy là giả, trong mộng có khổ nạn, thật sự có cảm nhận [đau đớn, hoảng sợ].

Người giác ngộ ở trong mộng bèn biết chính mình đang nằm mộng, biết hết thảy đều là mộng cảnh, đó gọi là *"thấy thấu suốt"*. Đã là mộng cảnh, trong hết thảy cảnh giới thuận nghịch đều nhất loạt chẳng có cảm thọ, [tức là] trong thuận cảnh chẳng có lạc thọ, trong nghịch cảnh chẳng có khổ thọ, tâm người ấy bình thường. Đó gọi là *"buông xuống"*, là *"Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại"*, chẳng có chướng ngại! Cớ gì cứ nhất định phải phá trừ mộng thì mới gọi là Thật Tướng? Biết giấc mộng ấy là Thật Tướng, mộng cảnh cũng là sự thật. Nhất định phải hiểu rõ chân tướng sự thật, [đã hiểu rõ] bèn gọi là Thật Tướng. Về Thể, quyết định chẳng có, nên gọi là Vô Tướng Thật Tướng. Xét theo Sự, xác thực là có chuyện như vậy, nên gọi là Vô Bất Tướng Thật Tướng. Có thể thấy là Không, Có, sanh diệt, Năng Sở, không gì chẳng phải là Thật Tướng. Quý vị đã hiểu rõ, đã thấu hiểu chân tướng sự thật, đó là Thật Tướng. Chẳng hiểu rõ thì Lý cũng là vọng tướng (妄相: tướng hư vọng), Sự cũng là vọng tướng, chắc chắn là quý vị chẳng thấy Thật Tướng. Người đã thấy Thật Tướng, cũng chính là bậc được gọi là *"viên thật Bồ Tát"*, [nghĩa là] Viên Giáo Bồ Tát, Thật Giáo Bồ Tát. *"Thật"* là nói đối ứng với Quyền, cũng nêu rõ người ấy chính là bậc minh tâm kiến tánh Bồ Tát. Trong bất luận cảnh giới nào, tâm địa người ấy thanh tịnh, bình đẳng, tuyệt đối chẳng khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước.

Sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, còn khởi tâm động niệm hay không? Còn phân biệt, chấp trước hay không? Nếu khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, chính mình hãy suy nghĩ: Ta vẫn là phàm phu, chẳng có năng lực liễu sanh tử, thoát tam giới. Công phu niệm Phật như vậy sẽ chẳng nắm chắc vãng sanh. Chẳng thể nói là "[tuyệt đối] không thể vãng sanh", [vẫn] có thể vãng sanh, nhưng phải xét theo vận may của quý vị! Đó là đới nghiệp vãng sanh. Đới nghiệp vãng sanh thì đích xác là phải xét theo nhân duyên của mỗi người: Khi

quý vị lâm chung, một niệm cuối cùng có phải là A Di Đà Phật hay không? Nếu là A Di Đà Phật, bèn vãng sanh. Niệm Phật suốt một đời, đến khi lâm chung, niệm cuối cùng chẳng phải là A Di Đà Phật thì cũng chẳng có cách nào, đời này chẳng thể thành tựu! Do vậy, quyết định là do duyên. Duyên đã quan trọng như vậy, mới biết tánh chất quan trọng của việc Phật, Tổ dạy chúng ta đoạn hết thảy ác, tu hết thảy thiện. *"Đoạn hết thảy ác"* là xa lìa ác duyên; *"tu hết thảy thiện"* là chúng ta phải khéo tu thiện duyên. Thiện duyên có thể giúp đỡ chúng ta thành tựu đạo nghiệp.

Người tu đạo nếu chẳng phải là bậc tái lai thì nghiệp chướng lẫn tập khí đều rất nặng. Biết chính mình tội nghiệp sâu nặng, biết chính mình trước khi học Phật đã tạo nhiều tội nghiệp. Tội nghiệp ấy chẳng nhất định là chuyện tạo tác hữu hình, mà khởi tâm động niệm đều là tội nghiệp. Kinh Địa Tạng dạy: *"Diêm Phù Đề chúng sanh khởi tâm động niệm, vô phi thị tội"* (Chúng sanh trong Diêm Phù Đề khởi tâm động niệm, không gì chẳng phải là tội). Tội như thế nào? Khởi tâm động niệm đều là lợi mình, tổn người. Do tâm người ấy là như vậy, cho nên hành vi cũng là như vậy. Đã xuất gia, nếu xuất gia mà chẳng thật sự giác ngộ, chẳng thật sự phát tâm tu đạo, vẫn còn mang theo tập khí lúc còn tại gia. Nói cách khác, [kẻ ấy] vào trong Phật môn tạo tội nghiệp còn nặng hơn thuở tại gia rất nhiều lần. Vì nơi đây là đạo tràng Phật pháp, quý vị ở trong tăng đoàn khuấy động thị phi, đòn xóc hai đầu, phá hòa hợp tăng, do tội lỗi ấy, sẽ đọa vào địa ngục A Tỳ. Ở trong thế gian, nếu làm những chuyện ấy, đương nhiên là cũng có tội, nhưng chẳng nặng dường ấy. Sứ mạng của Tăng đoàn là hoằng pháp lợi sanh, quý vị đến hủy hoại, làm tăng đoàn suy bại, tội lỗi ấy nặng nề! Tục ngữ có câu *"trước cửa địa ngục, tăng đạo đông"* là có đạo lý, chẳng phải là nói tùy tiện, cũng chẳng phải là nhiếc móc người xuất gia tu đạo. Đó là sự thật. Đối với tội nghiệp do thế gian đã tạo, trong Phật môn tạo tội nghiệp y hệt, nhưng mức độ [kết tội sẽ] cạn hay sâu khác nhau! Thế gian tạo tội cạn, trong Phật môn tạo tội nặng, khác hẳn! Người học Phật chớ nên không biết, chớ nên chẳng cảnh giác, ngàn muôn phần chớ làm!

Đã học Phật thì quyết định phải thành tựu trong một đời này! Muốn thành tựu trong một đời này, chính mình phải thường tưởng: Ta khởi tâm động niệm, tiếp người, đãi vật có giống Phật, Bồ Tát hay không? Đấy mới là thật sự tu hành. Do vậy, mục đích của khóa tụng sáng tối là ở chỗ này. Đặc biệt là đạo tràng của chúng ta, buổi sáng niệm bốn mươi

tám nguyện. Khi niệm, hãy suy nghĩ: Tâm nguyện của chúng ta có giống A Di Đà Phật hay không? Buổi tối niệm kinh Vô Lượng Thọ từ phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy, trong sáu phẩm kinh ấy, đức Thế Tôn đã ban cho chúng ta khá nhiều khai thị, những khai thị ấy đều là chuẩn mực để xử sự, tiếp người, đãi vật, chúng ta có vi phạm hay không? Có phụng hành hay không? Những điều đức Phật dạy chúng ta hãy nên làm, chúng ta có làm hay không? Những điều đức Phật dạy chúng ta đừng nên làm, chúng ta có làm hay không? Khóa tối nhằm phản tỉnh, đó là thật sự tu hành. Tuyệt đối chẳng phải là niệm cho Phật, Bồ Tát nghe, mà là niệm cho chính mình nghe, niệm cho chính mình phản tỉnh. Ý nghĩa thật sự của công khóa sáng tối là ở chỗ này! Do vậy, có thể lãnh hội đôi chút chân tướng vũ trụ và nhân sinh thì đối với muôn hình tượng, nhất định sẽ chẳng chấp trước, sẽ chẳng riết róng, chẳng tạo tội nghiệp. Người ấy sẽ lợi dụng cơ duyên ấy để tu phước cho chính mình, tu tập, tích lũy thiện căn cho chính mình, tuyệt đối chẳng lợi dụng cơ hội này để tạo tội nghiệp. Học Phật và không học Phật sai biệt ở chỗ này.

***(Sao) Kinh vân: "Trị thế ngữ ngôn, giai dữ Thật Tướng bất tương vi bội".***

**(鈔)**經云：治世語言，皆與實相不相違背。

*(**Sao**: Kinh dạy: "Lời lẽ trị thế đều chẳng trái nghịch Thật Tướng").*

Đấy là một câu trong kinh Phật.

***(Sao) Vân hà vạn đức hồng danh, bất cập trị thế nhất ngữ?***

**(鈔)**云何萬德洪名，不及治世一語？

*(**Sao**: Lẽ nào vạn đức hồng danh chẳng bằng một lời trị thế?)*

*"Trị thế ngữ ngôn"*: *"Thế"* (世) là thế gian, *"trị"* (治) là cai trị. Khiến cho hết thảy chúng sanh trong thế gian đạt được an hòa, lợi lạc, những lời lẽ ấy được gọi là *"trị thế ngữ ngôn"* (lời lẽ trị thế). Giống như Tứ Thư và Ngũ Kinh của Nho gia là "lời lẽ trị thế", xác thực là chẳng trái nghịch Thật Tướng. Nếu trái nghịch Thật Tướng, những sách ấy chẳng thể gọi là *"kinh"*. Gọi là *"kinh"*, nói theo cách hiện thời, nó là chân lý. Chân lý siêu việt không gian, nói theo cách hiện thời, [sẽ là] siêu việt quốc gia, siêu việt dân tộc, siêu việt tôn giáo, siêu việt chánh trị,

bất cứ quốc gia, dân tộc, người thuộc khu vực nào, y theo phương pháp trong ấy, đều có thể đạt được lợi ích. Kế đó, do siêu việt thời gian, nên thời cổ dùng những phương pháp ấy có thể đạt được an hòa, lợi lạc; hiện thời dùng phương pháp ấy thì cũng có thể đạt được [an hòa, lợi lạc y hệt vậy]; ngàn vạn năm trong tương lai dùng phương pháp ấy, vẫn có thể đạt được, đó mới gọi là Kinh. Vì sao nó có thể siêu việt thời gian và không gian? Vì nó tương ứng với Thật Tướng, Thật Tướng siêu việt thời gian và không gian; do đó, kinh cũng siêu việt thời gian và không gian. Chỉ có thể siêu việt thời gian và không gian thì mới gọi là kinh điển. Sách vở thế gian của Khổng, Mạnh, chư tử bách gia còn chẳng trái nghịch Thật Tướng, há câu vạn đức hồng danh A Di Đà Phật còn chẳng sánh bằng Tứ Thư, Ngũ Kinh ư? Đại sư dùng chuyện này làm dẫn chứng để nói.

***(Diễn) Trị thế ngữ ngôn giai dữ Thật Tướng bất vi bội giả, dĩ chứng ý Thật Tướng, tắc chư sở thuyết pháp vô phi Thật Tướng, cố bất tương vi bội, tuy thuyết tục sự, diệc thuận chánh pháp dã.***

**(演)治世語言皆與實相不違背者，以證意實相，則諸所說法無非實相，故不相違背，雖說俗事，亦順正法也。**

*(**Diễn**: "Lời lẽ trị thế đều chẳng trái nghịch Thật Tướng": Do chứng đắc Thật Tướng của Ý nên các pháp đã nói không gì chẳng phải là Thật Tướng, cho nên chẳng trái nghịch. Tuy nói chuyện thế tục, cũng thuận theo chánh pháp).*

Do chứng đắc Thật Tướng nơi Ý Căn, tức là Ý Căn thanh tịnh bèn nhập Thật Tướng, nên những pháp đã được nói ra không gì chẳng phải là Thật Tướng. Đó gọi là *"viên nhân thuyết pháp, vô pháp bất viên"* (người căn tánh viên đốn thuyết pháp, không pháp nào chẳng viên mãn). Người ấy nói kinh điển thế gian, như Tứ Thư, Ngũ Kinh [chẳng hạn], cũng đều chẳng trái nghịch Thật Tướng. Đã chứng đắc Thật Tướng bèn gọi là "viên nhân". Kiến giải và suy nghĩ của người ấy viên mãn, chẳng khiếm khuyết. Người chẳng kiến tánh, tri kiến sẽ chẳng viên. Nói cách khác, người ấy có chấp trước, phân biệt, chúng ta thường nói là "cách nhìn phiến diện", chẳng thể viên dung. Người khế nhập Thật Tướng sẽ viên dung. Chính vì người ấy viên dung, nên có thể ứng cơ thuyết pháp. Như ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, đáng nên dùng thân gì để thuyết pháp bèn hiện thân ấy thuyết pháp, đó là viên dung, xác thực là có thể lợi ích chúng sanh, tuyệt đối chẳng gây trở ngại cho chúng sanh.

Kẻ tri kiến chẳng viên mãn, có thể gây trở ngại cho chúng sanh. Ví như người ấy tu pháp môn này rất khá, mong mỏi người khác thảy đều tu pháp môn này, đó là tri kiến chẳng viên mãn. Vì sao? Những người đó có căn tánh giống như chính mình hay không? Nếu căn tánh khác nhau, ta cưỡng ép người ấy tu pháp môn này, người ấy chẳng thể thành tựu. Nếu học pháp môn khác, người ấy có thể thành công. Ví như người ấy thật thà niệm Phật, chúng ta khích lệ, khuyên người ấy niệm Phật, người ấy có thể thật sự vãng sanh trong một đời này, có thể gặp A Di Đà Phật. Nay ta thích tham Thiền, bèn nói: "Pháp này của ta hay lắm, hãy học theo ta". Người ấy tham Thiền suốt cả một đời, ngay cả Sơ Thiền cũng chưa đạt được, đời sau vẫn phải luân hồi trong lục đạo, đó là cắt đứt cơ hội vãng sanh thành Phật của người ta trong một đời này, tàn khốc dường ấy! Kẻ đó tuy là một phen hảo tâm, nhưng kết quả của hành động ấy hết sức tàn nhẫn. Đó chẳng phải là thiện tri thức, mà là ma! Gặp phải kẻ đó, kể như đời này đã tiêu rồi!

Cư sĩ Giản Phong Văn đặc biệt ưa thích Đàn Kinh và kinh Kim Cang, nhiều lần tuyên giảng ở nơi đây, cũng dùng phương pháp ấy để tiếp dẫn đại chúng. Tôi cảnh tỉnh ông ta: "Ông hãy nên có thái độ giống như Lục Tổ, chỉ dạy người thượng thượng căn, đừng dạy kẻ trung hạ. Vì sao? Họ chẳng có phần!" Tôi nói: "Ông dùng thái độ đó sẽ là đại từ đại bi, chẳng hại chúng sanh. Tu học pháp môn ấy chính là thượng thượng căn, căn tánh Đại Thừa còn chẳng có phần. Đó là đúng, chẳng sai!" Có thể thấy là chẳng có pháp môn nào không hay, nhưng nhất định phải khế cơ và khế lý. Chẳng khế lý, sẽ trở thành ma thuyết. Chẳng khế cơ, sẽ chẳng đạt được lợi ích trong đời này, nói uổng công! Người căn tánh viên đốn thuyết pháp bèn khế cơ, vì họ đại khai viên giải, có trí huệ chân thật viên mãn, dẫu nói chuyện thế tục cũng là chánh pháp, luôn tương ứng với chánh pháp.

***(Diễn) Kinh vân: "Dĩ thị thanh tịnh ý căn, nãi chí văn nhất kệ, nhất cú, thông đạt vô lượng vô biên chi nghĩa, năng diễn thuyết nhất cú, nhất kệ, chí ư nhất nguyệt, tứ nguyệt, nãi chí nhất tuế, chư sở thuyết pháp, tùy kỳ nghĩa thú, giai dữ Thật Tướng bất tương vi bội. Nhược thuyết tục gian kinh thư, trị thế ngữ ngôn, tư sanh nghiệp đẳng, giai thuận chánh pháp".***

**(演)經云：以是清淨意根，乃至聞一偈一句，通達無量無邊之義，能演說一句一偈，至於一月四月乃至一歲，**

**諸所說法，隨其義趣，皆與實相不相違背；若說俗間經書、治世語言、資生業等，皆順正法。**

*(**Diễn**: Kinh nói: "Do Ý Căn thanh tịnh cho đến nghe một kệ, một câu, mà thông đạt vô lượng vô biên nghĩa, có thể diễn thuyết một câu, một kệ, bèn từ một tháng cho đến bốn tháng, thậm chí cả năm, những pháp đã nói đều thuận theo nghĩa thú ấy, đều chẳng trái nghịch Thật Tướng. Nếu có nói đến những kinh sách trong cõi đời, những lời lẽ trị thế, các nghề nghiệp kiếm sống v.v... đều thuận theo chánh pháp").*

Đối với đoạn này, chúng ta có thể dẫn kinh Hoa Nghiêm để chứng minh. Trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, gặp gỡ năm mươi ba vị thiện tri thức, chỉ có sáu vị là người xuất gia[40], những vị khác đều là tại gia, làm các nghề nghiệp trong thế gian, đều là chánh pháp. Nói cách khác, đều có thể tương ứng với Thật Tướng. Kinh doanh, thợ thuyền, cầm quyền, dạy học, làm lính, thảy đều tương ứng với Thật Tướng. Do đó nói: "Có pháp nào chẳng phải là Phật pháp?" Pháp nào cũng đều là [Phật pháp]. Có nghề nghiệp nào chẳng phải là tu Lục Độ, Tứ Nhiếp? Các nghề nghiệp, nam, nữ, già, trẻ, thật sự giác ngộ, thảy đều đang hành Bồ Tát đạo, thảy đều tu Vô Thượng Bồ Đề, chẳng có một pháp nào không phải!

Vì sao nay chúng ta niệm Phật cũng chẳng phải [là tu Vô Thượng Bồ Đề]? Trong đoạn này, có một câu hết sức quan trọng! *"Thanh tịnh Ý Căn"*. Nay chúng ta chẳng có điều này, đó là chỗ then chốt quyết định là Bồ Tát hay phàm phu. Ý Căn của chúng ta là Ý Căn nhiễm ô, có thể chuyển biến nhiễm ô thành thanh tịnh thì là Bồ Tát. Học Phật là học từ chỗ nào? Có một vị tỳ-kheo-ni muốn theo học với tôi, còn có một vị cư sĩ cũng muốn phát tâm theo tôi đến Mỹ để học, hỏi tôi cần có điều kiện gì? Điều kiện của tôi là *"thanh tịnh Ý Căn"*. Như thế nào thì mới có thể thanh tịnh Ý Căn? Trước hết, hãy niệm kinh. Kinh điển để làm căn cứ cho đạo tràng nhỏ này của chúng ta có tất cả bảy bộ: Kinh Vô Lượng Thọ, Di Đà Kinh Yếu Giải, Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, kinh A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung, đối với kinh Phật chúng ta chỉ chọn lấy bốn bộ, ba thứ khác thuộc loại ngôn ngữ trị thế, tức Liễu Phàm Tứ Huấn, Cảm

---

[40] Sáu vị xuất gia thiện tri thức là tỳ-kheo Đức Vân (Cát Tường Vân), tỳ-kheo Hải Vân, tỳ-kheo Thiện Trụ, tỳ-kheo Hải Tràng, tỳ-kheo Thiện Kiến, và tỳ-kheo-ni Sư Tử Tần Thân.

Ứng Thiên, và Tứ Thư. Học nằm lòng bảy thứ ấy, tâm quý vị sẽ thanh tịnh. Trong kinh có ý nghĩa gì, chẳng cần suy nghĩ! Chẳng có ý nghĩa gì, cứ thật thà niệm là được. Mỗi ngày niệm mười lần, hai mươi lần, niệm suốt năm năm, có thể niệm cho cái tâm thanh tịnh. Sau đấy mới tìm tới tôi, điều kiện của tôi là như vậy đó.

Tâm chẳng thanh tịnh, những thứ quý vị đã học đều biến thành tà tri tà kiến. Thanh Lương đại sư đã nói lời này. Nói thật ra, [đó chính là] lời dạy của đức Phật trong kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm dạy chúng ta trước hết hãy phát Bồ Đề tâm. Nói *"phát Bồ Đề tâm"* có nghĩa là dụng tâm chân thành. Tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm cung kính để xử sự, đãi người, tiếp vật, đó là *"phát Bồ Đề tâm"*. Chân tâm khởi tác dụng là đại từ đại bi. Vì thế, *"chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"* trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện chính là Bồ Đề tâm thật sự. *"Độ"* (度) là ta giúp đỡ, hiệp trợ kẻ ấy. Chịu giúp đỡ, hiệp trợ chúng sanh, chư vị ngẫm xem, làm sao có thể hại chúng sanh cho được? Làm sao chướng ngại họ cho được? Làm sao ngăn trở, quấy nhiễu họ cho được? Chẳng thể nào! Sau đấy mới tu hành. Để tu hành, hãy học khởi đầu từ đâu? Đoạn phiền não. Chẳng đoạn phiền não, chẳng thể học pháp môn. Chưa đoạn phiền não, học một chút pháp môn nhằm giúp đoạn phiền não. Sau khi đã đoạn hết phiền não, tiến nhập nguyện thứ ba là *"pháp môn vô lượng thệ nguyện học"*. Khi ấy, vẫn phải đoạn phiền não. Đoạn phiền não nhằm giúp học pháp môn. Khi ấy, học pháp môn là chánh yếu, đoạn phiền não là phụ trợ. Trong giai đoạn thứ nhất này, đoạn phiền não là chánh yếu, học pháp môn là phụ trợ. Chánh Trợ song tu như vậy thì mới có thể viên thành Phật đạo. Toàn thể những thứ tự này đều ở trong kinh Hoa Nghiêm.

Nay chúng ta gặp pháp môn như vậy, có các đồng tu thường ở cùng một chỗ dùi mài lẫn nhau, nhân duyên này chẳng thể nghĩ bàn! Đúng như ông Bành Tế Thanh đã nói: *"Hiếm có, khó gặp, từ vô lượng kiếp tới nay"*. Nếu nay chúng ta đã gặp gỡ, mà khinh thường, bỏ lỡ, nói thật ra, thiện căn và phước đức quá ít. Nếu có thể thật sự nắm chắc cơ duyên này, sẽ quyết định liễu sanh tử, thành Phật đạo ngay trong một đời này. Đã gặp duyên, quyết định chớ nên bỏ lỡ, phải thật sự tu học. Do vậy, điều then chốt là thanh tịnh Ý Căn.

Có những đồng học đến hỏi: "Tu học như vậy có phải là rất ngây ngốc hay chăng? Có phải là rất chậm chạp hay không?" Thật ra, nếu họ nghe hiểu lời tôi nói, chẳng thể nào đưa ra câu hỏi ấy. Vì sao? Bắt đầu,

tôi bảo quý vị tu đoạn phiền não, chẳng bảo quý vị học pháp môn! Pháp môn vẫn chưa bắt đầu học, làm sao quý vị biết là nhanh hay chậm? Trước hết, buộc quý vị thực hành trong năm năm, năm năm chưa được thì mười năm, làm gì vậy? Đoạn phiền não, tu thanh tịnh Ý Căn. Tâm đã thật sự thanh tịnh rồi mới bắt đầu học pháp môn. Khi ấy, học pháp môn, thưa cùng chư vị, giống như một bộ Đại Tạng Kinh, tối đa là ba năm sẽ thông đạt toàn bộ. Ý Căn của quý vị chẳng thanh tịnh, cho quý vị [học Đại Tạng Kinh suốt] ba trăm năm, vẫn chẳng thể thông đạt. Ý Căn thanh tịnh, ba năm bèn thông đạt. Y theo phương pháp này để tu thì mới thật sự là đường tắt. Vì sao nói ba năm bèn thông đạt? Vì tâm quý vị đã thanh tịnh, Phật pháp hoàn toàn lưu lộ từ cái tâm thanh tịnh. Tâm quý vị thanh tịnh giống như tâm Phật, vừa thấy liền thông đạt, liền liễu giải, chẳng cần giảng giải. Vì sao? Văn chương do chính mình viết, còn cần phải có người khác giảng giải cho chính mình, chẳng phải là lời lẽ quá nực cười ư? Đại Tạng Kinh là văn chương, là ngôn ngữ của chính mình; do đó, vừa xem mười hàng, thậm chí vừa lướt mắt nhìn qua hai mươi hàng, vừa đọc bèn hiểu rõ hoàn toàn. Lật từng trang, xem chưa được mấy ngày đã xem xong, có năng lực như vậy đó. Nay tâm quý vị chẳng thanh tịnh, nghe giảng cũng chẳng hiểu, nghe xong còn hiểu sai ý nghĩa, có oan uổng hay không? Do đó, học tập phải có thứ tự, [phải tuân theo] phương pháp, chẳng thể vượt cấp tràn lan! Do vậy, mới hiểu tầm quan trọng của chuyện tu tâm thanh tịnh!

Thanh tịnh Ý Căn là Căn Bản Trí, học rộng nghe nhiều là Hậu Đắc Trí, trí huệ hiện tiền, sáu căn vừa tiếp xúc bèn thông đạt. Quý vị xem Lục Tổ Đàn Kinh, [sẽ thấy] Lục Tổ Huệ Năng đại sư có bản lãnh ấy. Ngài chẳng biết chữ, chưa hề đi học, quý vị niệm kinh cho Ngài nghe, Ngài hiểu ngay. Lại còn chẳng cần phải niệm từ đầu đến cuối, niệm một đoạn ngắn, [thế mà] toàn bộ bản kinh đều biết. Bản thân quý vị hãy suy ngẫm, quý vị học một bộ kinh Pháp Hoa phải mất bao lâu? Trí Giả đại sư giảng tựa đề kinh mất chín mươi ngày, còn chưa giảng đến phần kinh văn. Huệ Năng đại sư phải học trong bao lâu? Tôi thấy là chưa đầy một giờ, Ngài đã quán thông toàn bộ. Tổ bảo thiền sư Pháp Đạt niệm kinh cho Ngài nghe, chỉ niệm đến phẩm thứ hai là phẩm Phương Tiện, Lục Tổ nói: "Chẳng cần niệm nữa, ta biết cả rồi". Ngài đã học hiểu. Ngài bèn nói cho thiền sư Pháp Đạt nghe, thiền sư Pháp Đạt ngay lập tức khai ngộ. Nếu Ngài chẳng thật sự thông đạt, có thể nào nói ra ý nghĩa thật sự đơn giản, ngắn gọn trong ấy, khiến cho người khác vừa nghe bèn khai ngộ,

minh tâm kiến tánh. Do nguyên nhân gì? Người ta Ý Căn thanh tịnh, chẳng có gì khác cả! Tâm lão nhân gia *"vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuốm bụi trần"*. Nay trong tâm chúng ta lộn xộn, gột rửa cũng chẳng thể gột sạch, khác nhau ở ngay chỗ này!

Do vậy, tu học Phật pháp chẳng có gì khác, chính là tu thanh tịnh Ý Căn, tu tâm thanh tịnh. Nếu tâm quý vị đạt đến thanh tịnh, quyết định vãng sanh. Quý vị nếu đắc Ý Căn thanh tịnh, trong suốt một đời này, chắc chắn là hạnh phúc mỹ mãn, quyết định vui sướng vô cùng, đó là đạt được lợi ích ngay trong đời hiện tại. Hết thảy phiền não, hết thảy tai nạn, đều do Ý Căn của chính mình chẳng thanh tịnh mà có. Bất luận là trên phương diện tinh thần, trên phương diện sinh lý, hay trên phương diện vật chất, tất cả hết thảy tai nạn đều do Ý Căn chẳng thanh tịnh, chúng ta phải nên đặc biệt coi trọng điều này. Tu tâm thanh tịnh, tâm tịnh, ắt thân thanh tịnh. Thân tâm thanh tịnh, cảnh giới thanh tịnh (thế giới bèn thanh tịnh). Tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh; điều này không chỉ là tông chỉ tu hành của Tịnh Tông, mà cũng là của toàn thể Phật pháp. Bất luận tông nào, phái nào, đều chẳng lìa khỏi nguyên tắc này.

Do vì người ta có tâm thanh tịnh, [cho nên] *"nãi chí văn nhất kệ, nhất cú, thông đạt vô lượng vô biên chi nghĩa"* (cho đến nghe một kệ, một câu, bèn thông đạt vô lượng vô biên nghĩa). Công án về Lục Tổ đại sư và thiền sư Pháp Đạt là một chứng minh, Ngài chẳng cần nghe toàn bộ kinh, nghe một phần bèn thông đạt toàn bộ. Với điều kiện giống như Lục Tổ, học một bộ Đại Tạng Kinh sẽ mất bao nhiêu thời gian để học xong? Tôi cho Ngài ba năm thì quý vị nghĩ thử xem có phải là thời gian quá dài hay chăng? Đúng là quá dài! Chư vị phải hiểu: Đây chính là bí quyết thông đạt Đại Tạng Kinh nhanh chóng. Nếu không, trong một đời mà quý vị muốn thông đạt một bộ kinh cũng chẳng dễ dàng, luôn luôn là rất khó! Y theo phương pháp này, trong một đời này, quý vị có thể thông đạt hết thảy các kinh, có thể thông suốt hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian.

*"Năng diễn thuyết nhất cú, nhất kệ, chí ư nhất nguyệt, tứ nguyệt, nãi chí nhất tuế"* (Có thể diễn nói một câu, một kệ, từ một tháng cho đến bốn tháng, thậm chí đến suốt cả năm). *"nhất tuế"* (一歲) là một năm. Do Phật pháp và lời lẽ trị thế của thế gian tương ứng với Thật Tướng, đối với *"một câu, một kệ"* ở đây, *"một kệ"* là bốn câu, để giảng giải cho quý vị một câu hoặc một bài kệ bốn câu, có thể giảng suốt một tháng, bốn tháng, hoặc một năm. Chuyện này chẳng giả! Trí Giả đại sư giảng năm

chữ Diệu Pháp Liên Hoa Kinh suốt chín mươi ngày. Điều này cho thấy phàm những gì tương ứng với Thật Tướng thảy đều là vô lượng nghĩa. Vì Thật Tướng vô lượng, [cho nên ý nghĩa sẽ là] vô lượng vô biên. [Đã là] vô lượng nghĩa thì làm sao có thể nói trọn hết cho được? Giảng một câu kinh văn suốt cả năm! Đó là nói rất ít. Nếu nói dài hơn một tí, sợ sẽ dọa quý vị chết khiếp, [thật ra là] một câu kinh văn giảng suốt vô lượng kiếp vẫn chẳng giảng xong. Đó là sự thật, chẳng giả, vô lượng nghĩa mà! *"Chư sở thuyết pháp, tùy kỳ nghĩa thú, giai dữ Thật Tướng bất tương vi bội"* (Các pháp được nói đều thuận theo nghĩa thú ấy, đều chẳng trái nghịch Thật Tướng). Kinh điển Đại Tiểu Thừa không gì chẳng phải là như vậy, đều sanh từ Thật Tướng. Chớ nên xem thường kinh Tiểu Thừa, kinh sách thế gian giống như kinh Tiểu Thừa, bất quá [kinh sách thế gian] nói rất nông cạn, rất thông tục, hoàn toàn thuận theo kiểu nói của thế gian, nhưng vẫn chẳng lìa Thật Tướng. Tùy thuận thế gian mà vẫn chẳng lìa Thật Tướng. Do đó, đều là vô lượng nghĩa.

*"Nhược thuyết tục gian kinh thư, trị thế ngữ ngôn"* (Nếu nói kinh sách, lời lẽ trị thế trong cõi thế tục), kinh sách thế gian [như các tác phẩm của] Nho gia, Đạo gia, cho đến các tác phẩm của chư tử bách gia, nay nói là thư tịch của hết thảy tôn giáo, Cơ Đốc giáo, Thiên Chúa giáo, Y Tư Lan giáo (đạo Hồi), chỉ cần là chánh giáo, sẽ đều là *"tục gian kinh thư"*. *"Trị thế ngữ ngôn"* là các loại học thuyết chánh trị, người hiện thời gọi là "triết học chánh trị". Như sách Trinh Quán Chánh Yếu[41] vào đời Đường là sách thuộc loại này, chính là một tác phẩm khuôn mẫu thuộc thể loại chánh trị, hoặc là sách thực lục của mỗi triều đại trong lịch sử, như Tư Trị Thông Giám[42], đều thuộc loại này. *"Tư sanh nghiệp*

---

[41] Trinh Quán Chánh Yếu (貞觀政要) là tác phẩm được biên soạn bởi Ngô Căng Sở (吳兢所) vào đời Đường Huyền Tông. Sách ghi lại những luận định về chánh trị (chủ yếu là các phương thức, sách lược, kế hoạch, biện pháp v.v… để chánh quyền hoạt động hữu hiệu) giữa Đường Thái Tông và các đại thần cố vấn trọng yếu như Ngụy Trưng, Vương Khuê, Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối, Ngu Thế Nam, Chử Toại Lương, Ôn Ngạn Bác, Lưu Tự, Mã Châu, Đới Trụ, Khổng Dĩnh Đạt, Sầm Văn Bổn, Diêu Tư Liêm v.v…

[42] Tư Trị Thông Giám (資治通鑑) là một bộ sử viết theo thể loại biên niên do sử gia Tư Mã Quang biên soạn suốt mười chín năm, gồm 294 quyển, chép lịch sử Trung Hoa từ năm thứ hai mươi ba đời Châu Oai Liệt Vương (403 trước Công Nguyên) cho đến năm Hiển Đức thứ sáu (959) đời vua Thế Tông nhà Hậu Châu, bao gồm các sự kiện lịch sử trải qua mười sáu triều đại từ thời Chiến Quốc cho đến thời Ngũ Đại.

*đẳng"* là sách vở thuộc về phương diện kinh tế, bao gồm công nghiệp, thương nghiệp, nông nghiệp, y học, thủy lợi. *"Tư sanh"* (資生) có nghĩa là những sách vở ấy cần thiết cho cuộc sống vật chất và tinh thần của chúng ta. *"Giai thuận chánh pháp"* (Đều thuận theo chánh pháp). *"Thuận chánh pháp"* là chẳng trái nghịch Thật Tướng. Thật sự hiểu rõ, quý vị mới biết Phật pháp chẳng lìa khỏi thế gian. Phật pháp ở nơi đâu? Sinh hoạt, cư xử của chúng ta từ sáng đến tối chính là Phật pháp; tuyệt đối chẳng phải là tách rời cuộc sống, tách rời xã hội, tách rời nhân quần mà có riêng Phật pháp. [Nếu hiểu là tách rời] thì sai mất rồi, hoàn toàn chẳng tương ứng. Phật pháp ở ngay trong cuộc sống!

***(Sao) Nhất xưng Nam-mô Phật, giai dĩ thành Phật đạo, hà huống kim danh Lý nhất tâm dã.***

***(Diễn) Dĩ loạn tâm xưng Phật thị vi tối dị, nhi giai thành Phật đạo.***

**(鈔)一稱南無佛，皆已成佛道，何況今名理一心也。**

**(演)以亂心稱佛是為最易，而皆成佛道。**

*(**Sao**: "Vừa xưng Nam-mô Phật, đều đã thành Phật đạo", huống hồ nay gọi là Lý nhất tâm.*

***Diễn**: Dùng loạn tâm để xưng danh hiệu Phật là dễ dàng nhất, đều thành tựu Phật đạo).*

Cách này dễ dàng nhất, người nào cũng có thể niệm. Dùng cái tâm tạp nhiễm, tâm tán loạn để niệm một câu A Di Đà Phật, có ai chẳng thể niệm được? Niệm một câu Nam-mô Phật, sẽ đều thành Phật đạo. Nhưng chư vị phải hiểu: Câu *"giai dĩ thành Phật đạo"* (đều đã thành Phật đạo) là thật, chẳng lừa dối quý vị, hoàn toàn chẳng nói "hiện thời đã thành Phật đạo", chẳng nói "thành Phật đạo ngay trong đời này", chẳng nói theo kiểu ấy. Do vậy, quý vị chớ nên hiểu lầm. Trong kinh Pháp Hoa có một thí dụ nói rõ chuyện này, do đức Phật chính mắt thấy, trí huệ của Phật mới có thể liễu giải rốt ráo. Thuở đức Phật tại thế, có một người muốn xuất gia, các vị đại đệ tử của đức Phật đều đã chứng A La Hán. Thần thông của A La Hán có thể quán năm trăm đời. Mọi người thấy kẻ ấy trong năm trăm đời chẳng có một tí thiện căn nào, người này làm sao

---

Thực Lục (實錄) là những sách ghi chép các sự kiện lịch sử trong một giai đoạn nào đó.

có thể xuất gia cho được? Mọi người thấy vậy đều lắc đầu. Thích Ca Mâu Ni Phật nói người ấy có thể xuất gia, cho người ấy quy y. Những vị A La Hán hỏi đức Phật: "Vì sao?" Đức Phật nói: Vô lượng kiếp trước, người ấy là một tiều phu, lên núi đẵn củi, gặp một con cọp toan ăn thịt ông ta. Ông ta trèo lên ngọn cây, hét lên một tiếng Nam-mô Phật. Do thiện căn xưng một tiếng Nam-mô Phật ấy, nay có tư cách xuất gia trong hội của ta. Đức Phật cho người ấy xuống tóc; về sau, người ấy chứng quả A La Hán. *"Nhất xưng Nam-mô Phật, giai dĩ thành Phật đạo"* (Vừa xưng Nam-mô Phật, đều đã thành Phật đạo). Do một tiếng Nam-mô Phật đến vô lượng kiếp sau mới gặp Thích Ca Mâu Ni Phật, mới thành tựu, chẳng phải là ngay trong hiện tại. Do vậy, một tiếng Phật hiệu là chủng tử Kim Cang vĩnh viễn bất hoại trong A Lại Da Thức, tùy thuộc khi nào người ấy gặp duyên, chủng tử ấy sẽ dấy lên hiện hành, khởi tác dụng. Cậy vào chủng tử ấy, người đó có thể tu hành, có thể chứng quả. Đối với kẻ bình phàm, thậm chí người tạo tội nghiệp rất nặng, cho đến súc sanh, đức Phật dạy chúng ta phải lễ kính, chớ nên khinh thường. Vì sao? Có thể là người ấy sẽ thành Phật trước ta. Nếu ta chẳng tu đàng hoàng, chẳng thành Phật trong một đời này, hễ đọa lạc [rồi mới] lại quay đầu, chẳng biết đã trải qua bao nhiêu A-tăng-kỳ kiếp, không chừng người ấy đã sớm thành Phật, há có nên khi dễ ư?

***(Diễn) Tín hồ đạo vô nan dị, điên bái, tạo thứ, vô phi diệu pháp, vô phi Đệ Nhất Nghĩa dã.***

**(演)信乎道無難易，顛沛造次，無非妙法，無非第一義也。**

*(**Diễn**: Tin tưởng đạo chẳng có khó hay dễ, vất vả, gian nan, không gì chẳng phải là diệu pháp, không gì chẳng phải là Đệ Nhất Nghĩa).*

Thật sự hiểu biết chân tướng sự thật, sẽ biết chúng ta phải nên xử thế, làm người như thế nào. Chúng ta quyết định chẳng hiếp đáp người khác. Kẻ khác hiếp đáp ta, ta tuyệt đối chớ nên ôm lòng báo thù. Nếu quý vị ôm lòng báo thù, oan oan tương báo, sẽ rất thê thảm, chẳng thể nào xong! Người khác hiếp đáp ta, ta chịu thua thiệt, chịu bị mắc lừa, bằng lòng tiếp nhận. Cảnh giới thuận hay nghịch đều tiếp nhận, đó gọi là tu hành. Nói thật ra, vì sao kẻ ấy chẳng hiếp đáp người khác, mà lại hiếp đáp ta? Chuyện trong thế gian đều có nhân quả. Kẻ ấy hiếp đáp ta, có lẽ

là trong đời quá khứ ta đã hiếp đáp kẻ ấy, nay gặp duyên, hắn hiếp đáp ta, mối nợ ấy đã trang trải xong. Về sau, chẳng còn thiếu nợ nữa, đó là chuyện tốt, chẳng phải là chuyện xấu! Giữa người và người với nhau, giữa người và hết thảy chúng sanh, nói xuyên suốt sẽ là bốn thứ duyên, [tức là] báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ, quan hệ là như vậy đó.

Chiều hôm nay, có một vị cư sĩ đến gặp tôi, hỏi tôi một chuyện. Ông ta nói có người thường đến chỗ ông ta hóa duyên, lại còn là định kỳ, mỗi tháng [ông ta] đều bố thí. Về sau, [ông ta] phát hiện kẻ ấy chẳng dùng [tiền quyên tặng] để làm việc thiện, mà là gạt tiền. Ông ta hỏi tôi: "Tôi có bị tội hay không?" Tôi bảo ông ta: "Kẻ lường gạt có tội, ông bị hắn lừa, ông có lỗi, chứ chẳng có tội". Tội và lỗi khác nhau, lỗi là gì? Quý vị ngu si! Nếu quý vị chẳng ngu si, lẽ nào bị người khác lừa gạt cho được? Hiện thời, kẻ mượn danh nghĩa Phật, Bồ Tát để lường gạt người khác rất đông; quý vị bị kẻ khác lừa, chứng tỏ quý vị rất ngu si, chẳng thể phân biệt thị, phi, tà, chánh, đó chính là lầm lỗi của quý vị. Lỗi ở chỗ nào? Kẻ ác ấy nếu chẳng có ai giúp đỡ hắn, hắn chẳng tạo ác to lớn, mà là tạo ác hữu hạn. Quý vị bỏ tiền, bỏ công sức giúp đỡ hắn, hắn có thể làm chuyện ác rất lớn. Hắn là thủ phạm đầu sỏ, quý vị là tùng phạm. Tội lỗi của quý vị nhẹ hơn một chút. Đã giác ngộ thì từ nay về sau đừng nên qua lại với hắn nữa, cũng đừng bị hắn lừa nữa. Đó là đúng.

Tôi bảo ông ta hãy thật thà niệm Phật. Gần đây, ông ta ở nhà nghe băng thâu âm bài giảng kinh Vô Lượng Thọ. Tôi bảo ông ta hãy chăm chỉ niệm Phật, niệm Phật có thể diệt tội, có thể tiêu tai, có thể chuyển nghiệp báo của chúng ta. Quý vị phải thật sự niệm, phải biết niệm! Phải hiểu rõ ý nghĩa trong kinh, phải y giáo phụng hành. Như thế thì mới có thể chuyển thân nghiệp báo thành thân nguyện lực. Nguyện lực là thừa nguyện tái lai, khác hẳn. Ông ta nói: "Nếu pháp sư thường ở ngoại quốc, chúng con sẽ là 'một ngày nóng, mười ngày lạnh', chỉ sợ phiền não nghiệp chướng sẽ lại hiện tiền". Tôi nói: "Ông nghĩ kiểu đó là sai rồi! Hiện thời, khoa học kỹ thuật phát triển, chúng sanh có phước. Ông hãy nghe đi nghe lại băng thâu âm chẳng ngừng. Mỗi ngày tối thiểu nghe hai cuốn băng (tức là nghe giảng ba tiếng đồng hồ), chớ nên gián đoạn ngày nào! Hễ gián đoạn, phiền não của ông sẽ sanh khởi. Nghe kinh nhằm nhắc nhở bản thân ông giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm. Chỉ cần ông thật sự chịu nghe, sẽ chẳng khác gì tôi đang ở tại Đài Loan!" Chư vị ngẫm xem, các vị đều thích nghe kinh. Nay tôi giảng cho mọi người một bộ kinh Hoa Nghiêm, quý vị có thể đến nghe

hay không? Mỗi ngày tôi giảng bốn tiếng, tiếp tục giảng không ngừng trong suốt hai năm, chẳng ngưng ngày nào, quý vị có thể đến nghe hay không? Các vị chẳng đến, sẽ chẳng thể giảng kinh ấy, tức là chẳng thể viên mãn. Nay ở nước Mỹ, chúng tôi có một đạo tràng như thế, tâm chúng ta đã định, sống cuộc đời kham khổ đôi chút, chỉ cần có thể duy trì cuộc sống, tôi nghĩ mỗi ngày sẽ giảng bốn tiếng đồng hồ. Tuy học trò chỉ có mấy người, dăm ba người là đủ rồi, tôi sẽ giảng cho họ nghe, lưu lại một bộ băng thâu âm. Mỗi ngày giảng bốn giờ, thâu âm lại. Ba bốn người nghe tôi giảng kinh ấy cũng chẳng phải là nghe suông vô ích. Tôi bảo họ viết Giảng Ký, giảng xong một bộ kinh, bèn xuất bản sách. Quý vị ngẫm xem, đấy mới là thật sự hữu ích đối với đại chúng. Băng thâu âm có thể đưa về Đài Loan lưu thông, sách đương nhiên phải in ở Đài Loan, chúng ta làm chuyện này. Kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Bát Nhã có mối quan hệ vô cùng mật thiết với Tịnh Tông, quý vị chẳng thể nghiên cứu triệt để những bộ đại kinh đại luận ấy một phen, sẽ chẳng hiểu rõ công đức của danh hiệu cho lắm. Nghiên cứu thấu triệt những bộ đại kinh, đại luận ấy, quý vị mới có thể giảng kinh Vô Lượng Thọ và Di Đà Kinh Sớ Sao một cách tốt đẹp, mới có thể thật sự nói ra ý vị trong ấy. Hôm nay, chúng tôi giảng tới chỗ này.

***Tập 233***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm năm mươi lăm:

***(Sao) Hựu Quán Kinh đệ cửu, quán Phật tướng hảo sớ, trực vị quán Phật Pháp Thân. Tướng hảo ký tức Pháp Thân, danh hiệu hà phi Thật Tướng?***

**(鈔)又觀經第九，觀佛相好疏，直謂觀佛法身，相好既即法身，名號何非實相。**

(***Sao***: *Lại nữa, trong phần Sớ giảng về [phép Quán] thứ chín, tức phép quán tướng hảo của Phật trong Quán Kinh, [tổ sư] đã nói thẳng thừng [quán tướng hảo chính là] quán Pháp Thân của Phật. Tướng hảo đã là Pháp Thân, lẽ nào danh hiệu chẳng phải là Thật Tướng?)*

Đại sư trích dẫn kinh văn để chứng minh "danh hiệu chẳng khác Thật Tướng".

***(Diễn) Trực vị quán Phật Pháp Thân giả, vị lục thập vạn ức na-do-tha do-tuần chi thân, thị Thật Báo thân, danh vi Tôn Đặc, diệc danh Thắng Ứng; nhi đặc danh Pháp Thân giả, vi thành hành nhân viên diệu cảnh dã. Lương dĩ Báo Ứng thuộc Tu, Pháp Thân thị Tánh. Nhược Tiệm Giáo thuyết, biệt khởi Báo Ứng nhị tu, trang nghiêm Pháp Thân nhất tánh. Nhược Đốn Giáo thuyên Báo Ứng nhị tu, toàn thị Tánh cụ Pháp Thân nhất tánh. Cử Thể khởi tu, cố đắc toàn Tánh thành Tu, toàn Tu tại Tánh, tam thân dung diệu, chỉ nhất tức tam dã.***

**(演)直謂觀佛法身者，謂六十萬億那由他由旬之身，是實報身，名為尊特，亦名勝應；而特名法身者，為成行人圓妙境也。良以報應屬修，法身是性。若漸教說，別起報應二修，莊嚴法身一性；若頓教詮報應二修，全是性具法身一性。舉體起修，故得全性成修，全修在性，三身融妙，指一即三也。**

*(**Diễn**: "Nói thẳng thừng là quán Pháp Thân của Phật", ý nói: Thân cao sáu mươi vạn ức na-do-tha do-tuần là thân Thật Báo, được gọi là Tôn Đặc (tôn quý, đặc biệt), cũng gọi là Thắng Ứng. Nhưng đặc biệt gọi là Pháp Thân vì để thành tựu cảnh viên mãn và mầu nhiệm cho hành nhân. Ấy chính là vì Báo Thân và Ứng Thân thuộc về Tu, mà Pháp Thân là Tánh. Nếu nói theo Tiệm Giáo, sẽ lập riêng hai cách tu Báo Thân và Ứng Thân, nhưng Pháp Thân trang nghiêm là cùng một tánh. Nếu căn cứ theo Đốn Giáo để nói về hai loại tu Báo Thân và Ứng Thân, chúng sẽ hoàn toàn là một tánh, tánh ấy vốn sẵn đủ Pháp Thân. Dùng toàn Thể để khởi tu; vì thế, toàn thể Tánh trở thành Tu, toàn thể Tu ở nơi Tánh. Ba thân viên dung mầu nhiệm, cho nên nêu ra một thân là nói trọn cả ba thân).*

Quán Kinh nói về Báo Thân của Phật Di Đà. Chư vị phải biết: Trên thực tế, Báo Thân của Phật Di Đà chính là thân tướng của hết thảy đại chúng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, vì thân tướng trong thế giới Tây Phương bình đẳng. Thế giới ấy rất lớn, dựa theo thân lượng (vóc dáng thân thể) và tâm lượng của chúng ta để quan sát, [sẽ thấy thân tướng ấy] hết sức thù thắng lạ lùng, đặc biệt. Những điều này đều là do quả báo của hết thảy chúng sanh trong pháp giới khác nhau. Thân loài người chúng ta chẳng lớn, nhưng nếu một con kiến trông thấy thân người, sẽ [có cảm nghĩ] chẳng khác gì chúng ta thấy thân tướng của Tây

Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật. Quý vị có thể quan sát từ phương diện này, sẽ biết tướng hảo và sự thọ dụng nơi thân, không gì chẳng phải là quả báo. Do cái nhân của thế giới Tây Phương thù thắng, cho nên quả báo [trong cõi Cực Lạc] cũng thù thắng. Cái nhân trong thế giới [Sa Bà] này kém cỏi, cho nên quả báo cũng kém cỏi. Trong kinh, đức Phật dạy Ngũ Giới, Thập Thiện, Nho gia nói Ngũ Thường, Bát Đức, đều là những cái nhân để được sanh trong cõi trời, người. Tuy chúng ta tu [những cái nhân ấy], rất khó tu viên mãn, rất khó tu thuần tịnh, luôn luôn là xen tạp, chẳng thanh tịnh, chẳng viên mãn. Do vậy, đạt được thân người cũng chẳng viên mãn: Thân chẳng viên mãn, tướng mạo cũng chẳng viên mãn, hết thảy các thứ thọ dụng trong hoàn cảnh sống đều chẳng viên mãn. Do nguyên nhân nào vậy? Do chúng ta đã tu cái nhân chẳng viên mãn.

Người ngoại quốc cảm nhận cuộc sống gian nan, đau khổ chẳng khác chúng ta. Bọn họ quá nửa là tín đồ Cơ Đốc giáo hay Thiên Chúa giáo[43], mỗi Chủ Nhật đều đi nhà thờ. Trong nhà thờ, họ nêu lên rất nhiều câu hỏi về hiện thực, nhưng linh mục lẫn mục sư đều chẳng thể giải thích viên mãn, chỉ đành bảo họ: "Hết thảy đều do Thượng Đế an bài". Họ nghe xong, cũng chẳng có cách nào khác, trở về nhà suy ngẫm: "Cớ sao Thượng Đế an bài chẳng công bằng dường ấy?" Tuy đi nhà thờ, tâm nửa tin nửa ngờ, thậm chí có kẻ chẳng tin tưởng, cho nên từ đấy cũng chẳng thèm đến nhà thờ nữa! Tôn giáo ở phương Tây dần dần sa sút. Trong Phật pháp có cơ sở lý luận rất hay, bảo cho chúng ta biết nhân duyên quả báo chẳng sai suyển mảy may; [Hoàn cảnh sống của chúng ta trong đời này] chẳng phải do Thượng Đế an bài, cũng chẳng phải do Phật, Bồ Tát, hay Diêm La Vương an bài cho quý vị, mà là do chính mình tự an bài cho chính mình. Đó là sự thật lý luận chánh xác!

---

[43] Người Hoa thường gọi Công Giáo (Roman Catholic Church) và đôi khi gọi Chánh Thống giáo (Eastern Orthodox Catholic Church, Eastern Church, Orthodoxy) là Thiên Chúa giáo. Họ gọi các giáo phái khác tin vào Chúa Jesus là Cơ Đốc giáo, tuy cách gọi này không chánh xác, vì Cơ Đốc giáo là chữ dùng để dịch từ ngữ Christianity (Christianity bao gồm tất cả những tông phái tin vào Jesus Christ). Do đó, trong các văn bản chánh thức, người Hoa gọi ba tông phái lớn của Cơ Đốc giáo là Thánh Công Hội (Công giáo), Đông Chánh giáo (Chánh Thống giáo) và Cơ Đốc Tân giáo (các giáo hội Tin Lành, Phúc Âm, Cải Cách, Phản Thệ (Protestant), các giáo hội Cơ Đốc độc lập như Methodism (Tuần Đạo giáo), Unitarist (Nhất Vị Luận), Anh giáo (Anglican Church) và các giáo hội nhỏ hơn phát sinh từ Anh giáo như Espicopal (Mỹ Quốc Thánh Công Hội) v.v…).

Nếu chúng ta muốn được hết thảy viên mãn, quý vị phải tu cái nhân viên mãn tốt lành thì quả báo mới có thể thù thắng. Nhân, duyên, quả báo trong thế giới Tây Phương đều viên mãn. Nay chúng ta phát nguyện tu học pháp môn này, nếu chẳng thể thật thà niệm Phật, thật thà hết sức khó có, như thế nào thì mới được coi là thật thà? Trong cuộc sống hằng ngày, chẳng có một vọng tưởng nào, suốt ngày từ sáng đến tối là một câu A Di Đà Phật. Trừ A Di Đà Phật ra, chẳng có một vọng tưởng nào, đó là "thật thà". Niệm Phật như vậy, quyết định thành tựu! Có thể chẳng cần nghe kinh, chẳng cần nghiên cứu giáo lý. Vì sao? Đối với hết thảy các đạo lý được giảng trong kinh, một câu *"thật thà"* đã bao trùm toàn bộ:

1) Mục tiêu bậc nhất của kinh giáo là *"khuyến tín"*, khuyên chúng ta tin tưởng.

2) Mục tiêu thứ hai là khiến cho chúng ta lý giải chân tướng của vũ trụ và nhân sinh.

3) Mục tiêu thứ ba là dạy quý vị hãy nương theo lý luận và phương pháp trong kinh điển để thật sự tu hành. Thật sự tu hành là như thế nào? Chính là thật thà niệm Phật.

Những bà cụ già niệm một câu Di Đà đến cùng, bèn tiến nhập mục tiêu thứ ba, chẳng cần tới hai mục tiêu trước, đã đạt tới mục tiêu thứ ba rồi! Điều sau nhất định bao gồm điều trước, điều trước không nhất định bao gồm điều sau. Chúng ta tin tưởng, chưa chắc đã lý giải. Đã lý giải, chưa chắc chịu làm, vẫn là làm không được. Nhất định phải làm được thì mới có thể vãng sanh. [Đã có] tín và giải [mà không có hành], đều chẳng thể vãng sanh, các đồng tu ắt phải ghi nhớ điều này! Vì lẽ đó, người niệm Phật đông đảo, người vãng sanh ít ỏi. Thật sự niệm đến mức nhất tâm bất loạn, niệm đến mức tín tâm thanh tịnh, cái nhân [vãng sanh Cực Lạc] liền thù thắng. Kinh Kim Cang đã dạy: *"Tín tâm thanh tịnh, bèn sanh Thật Tướng"*, tương ứng với điều đang nói ở đây, đạt được Báo Thân thù thắng như vậy.

Đấy là Báo Thân chân thật, còn gọi là Tôn Đặc Thân. Tôn (尊) là tôn quý, Đặc (特) là đặc thù. *"Diệc danh Thắng Ứng"* (Còn gọi là Thắng Ứng), Thắng (勝) là cảm ứng hết sức thù thắng. Nói thật ra, đấy chính là Báo Thân, vì sao chẳng nói tới Pháp Thân? Pháp Thân là Lý Thể, bản thể. *"Nhi đặc danh Pháp Thân giả"* (Nhưng đặc biệt gọi là Pháp Thân): Trong Quán Kinh Sớ, chẳng phải là kinh nói, [mà là] đối với Báo Thân và Ứng Thân, các vị tổ sư đại đức đều gọi chúng là Pháp Thân. Có thông

suốt hay chăng? Nói thật ra, thông suốt lắm! Chẳng thể nói là [cách diễn giảng như thế] không thông suốt. Trong các buổi giảng, cổ đức thường dùng tỷ dụ để nói. Chẳng hạn như *"dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng là vàng"*. Vàng ví như Pháp Thân, các món vật giống như Báo Thân và Ứng Thân. Nếu chúng ta nói các món đồ ấy là vàng thì có thể nói suông sẻ hay không? Đương nhiên là có thể nói suông sẻ! Không chỉ thân này là Pháp Thân, mà tùy ý lấy một vật, có vật nào chẳng phải là Pháp Thân? Tướng của hết thảy các vật nói chung chẳng lìa bản thể. Thể là Pháp Thân, *"pháp"* là hết thảy vạn pháp. Do vậy, có thể nói thông suốt. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư nói *"một Thể ba thân"*, thân hiện tiền của chúng ta là Ứng Thân và Báo Thân, mà cũng là Pháp Thân, nói thông suốt! Quý vị phải biết lời các Ngài đã nói chính là ý nghĩa chân thật. Thuyết pháp như vậy là đã nói viên mãn Thể, Tướng, Dụng. Thật Thể và Thật Tướng cũng là tác dụng, điều này thuận tiện cho hàng sơ học chúng ta quán tưởng, tu quán, quán chiếu, chiếu trụ, chiếu kiến. Đây cũng là ba giai đoạn công phu thường được nhắc đến trong Đại Thừa Phật pháp, giai đoạn thứ nhất là Quán Chiếu, giai đoạn thứ hai là Chiếu Trụ, giai đoạn thứ ba là Chiếu Kiến. Trong Tâm Kinh, *"Quán Tự Tại Bồ Tát chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không"*, đó là tu đến giai đoạn cao nhất. *"Vị thành hành nhân viên diệu cảnh dã"* (Vì thành tựu cảnh viên mãn, mầu nhiệm cho hành nhân), *"thành"* (成) là thành tựu, *"hành nhân"* (行人) là người tu hành. Giúp người tu hành thành tựu cảnh giới viên diệu (圓妙: viên mãn, mầu nhiệm). Cảnh giới viên diệu là sở quán (đối tượng được quán), năng quán (chủ thể quán tưởng) là trí.

*"Lương dĩ Báo Ứng thuộc Tu, Pháp Thân thị Tánh"* (Ấy là vì Báo Thân và Ứng Thân thuộc Tu, Pháp Thân là Tánh), Báo Thân và Ứng Thân đều do tu được. Pháp Thân là bản tánh, chẳng do tu được, chẳng tu, chẳng chứng, vô sanh, vô diệt, chẳng đến, chẳng đi, chẳng nhơ, chẳng sạch. Nó là bản thể của hết thảy vạn pháp. Bất luận là Báo Thân hay Ứng Thân đều chẳng lìa khỏi bản thể. Lìa khỏi bản thể, sẽ chẳng có một pháp nào để có thể được, mà cũng chẳng có sự tướng gì để có thể thành tựu. Ví như *"dùng vàng làm đồ vật"*, rời khỏi vàng há có đồ vật? Bất luận làm món gì bằng vàng đều phải có vàng. Vàng là chất liệu. Chẳng có chất liệu ấy, làm thế nào cũng chẳng thành công! Do vậy, hết thảy vạn pháp đều chẳng lìa khỏi bản thể, Tánh là bản thể. Nơi hết thảy hữu tình, chúng ta gọi tánh ấy là Phật Tánh, Phật Tánh là Pháp Thân. Hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh. Đã có Phật Tánh, ắt sẽ thành Phật.

Do vậy, hết thảy chúng sanh bình đẳng. Bình đẳng nhìn từ nơi đâu? Nhìn từ bản tánh. Nơi vô tình chúng sanh (thực vật, khoáng vật), chúng ta gọi tánh ấy là Pháp Tánh. Chư vị phải hiểu: Pháp Tánh và Phật Tánh là một tánh, chỉ là xét theo hữu tình hay vô tình mà đặt cho nó một cái giả danh mà thôi! Chính vì chúng nó (Phật Tánh và Pháp Tánh) là một tánh, kinh Hoa Nghiêm nói: *"Tình và vô tình, cùng viên thành Chủng Trí"*. Chúng ta không chỉ bình đẳng với hết thảy hữu tình chúng sanh, mà cũng bình đẳng với hết thảy vô tình thực vật và khoáng vật. Chẳng có một pháp nào không bình đẳng; đó là thật sự bình đẳng.

Thưa cùng chư vị, tâm bình đẳng chính là bản tánh, là chân tánh, là Phật Tánh của quý vị. Chư vị phải biết: Vốn là bình đẳng, bị biến thành bất bình đẳng, điều gì biến? Chẳng phải là thân tướng của chúng ta biến đổi, mà là tâm biến đổi. Thân tướng là đồ vật, *"món nào cũng đều là vàng"*. Nó sẽ chẳng biến. Cái có thể biến chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng ta. Do quý vị có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên Phật Tánh biến thành A Lại Da Thức. A Lại Da Thức là danh xưng của sự mê mất tánh, nó chẳng phải là gì khác, mà chính là chân tánh của chính mình. Đã giác ngộ bèn gọi nó là Pháp Thân; đã mê bèn gọi là A Lại Da, chuyện là như thế đó! Hễ biến thành A Lại Da, càng mê càng sâu. Do vậy, phải nhận thức chân tướng. Sau khi đã nhận thức, chúng ta mới biết tầm quan trọng của việc tu tâm thanh tịnh và tu tánh bình đẳng. Đức Phật dạy chúng ta tu, chúng ta sẽ hỏi: "Vì sao phải tu? Không tu có được hay không?" Hiểu rõ chân tướng sự thật, sẽ hiểu vì sao chúng ta phải tu, mới hoan hỷ tu học, sẽ chẳng hoài nghi, phát tâm hoan hỷ.

*"Nhược Tiệm Giáo thuyết, biệt khởi Báo Ứng nhị tu"* (Nếu nói theo Tiệm Giáo, lập riêng hai loại tu học Báo Thân và Ứng Thân). Liên Trì đại sư soạn bộ chú giải Di Đà Sớ Sao đã dùng giáo nghĩa của tông Hoa Nghiêm, Ngẫu Ích đại sư viết Di Đà Yếu Giải đã chọn giáo nghĩa Thiên Thai. Tuy Hiền Thủ và Thiên Thai nói Ngũ Giáo hoặc Tứ Giáo bất đồng, nhưng có thể nói là quan niệm về Tiệm và Đốn giống nhau. *"Tiệm tu"* (漸修) là phương tiện tu, từ cạn đến sâu, tu học theo từng bước, giống như chúng ta học hành trong nhà trường hiện thời, Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, lớp Một, lớp Hai, lớp Ba… Tu học như vậy gọi là Tiệm Tu. Pháp môn Niệm Phật chẳng phải là tiệm tu, mà là đốn tu, thành công ngay trong một đời này, chẳng tuân theo thứ tự. Đây là một pháp môn rất đặc biệt. Trong Tiệm Giáo, Báo Thân và Ứng Thân là hai

loại tu học [riêng biệt]. Trong hai loại tu học, đều nói tới nhân duyên; sau khi tu thành [sẽ đều là] *"trang nghiêm Pháp Thân cùng một tánh"*.

*"Nhược Đốn Giáo thuyên Báo Ứng nhị tu"* (Nếu dựa theo Đốn Giáo để nói về hai cách tu Báo Thân và Ứng Thân), cách nhìn và cách nghĩ của Đốn Giáo khác biệt Tiệm Giáo rất lớn. Vì sao? Nó xác thực thấy chân tướng sự thật: *"Toàn thị tánh cụ Pháp Thân nhất tánh"* (Toàn là một tánh, tánh ấy vốn sẵn đủ Pháp Thân). Không chỉ là thân này của chúng ta, mà tùy tiện lấy một vật, có vật nào chẳng phải là Tánh? Nơi hữu tình là Phật Tánh, nơi vô tình là Pháp Tánh. Đó gọi là *"xứng tánh khởi tu, toàn tu tức tánh"*. Có quan niệm và tư tưởng như vậy, nói thật ra, khá nhiều thứ tạp nhạp và tạp niệm đều bị đoạn hết, cho nên thành tựu nhanh chóng. Biết hết thảy vạn pháp vốn cùng một bản thể, biết hết thảy vạn pháp là chân tánh của chính mình. Các đồng học mới tu học sẽ chẳng dễ gì thấu hiểu, quý vị hãy thường từ mộng cảnh mà suy nghĩ, quan sát. Trong kinh, đức Phật thường dùng tỷ dụ này: *"Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng"*, tương tự với chuyện này. Có mộng hay không? Chẳng thể nói là không có, khi nằm mơ, xác thực là có mộng cảnh hiện tiền; nhưng quý vị chẳng thể bảo là nó có. Vì sao? Sau khi tỉnh giấc, thứ gì cũng chẳng có. Mộng do đâu mà có? Mộng do tâm biến hiện. Nói cách khác, tâm là bản thể của chuyện nằm mộng. Mộng nương vào tâm mà khởi. Tâm của quý vị có hình dạng như thế nào? Tâm chẳng có hình dạng. Nếu tâm nằm mộng, chúng ta bèn hỏi: "Tâm có hình dạng gì chăng?" Có! Có như thế nào? Nó biến thành mộng cảnh, mộng cảnh là hình dạng của tâm. Lại hỏi: "Tâm giống như thế nào?" Toàn thể mộng cảnh là tâm, đó gọi là *"toàn thể tâm chính là mộng, toàn thể mộng chính là tâm"*.

Chiếu theo thí dụ này để xem xét bản tánh của chúng ta, bản tánh của chúng ta ở chỗ nào? Bản tánh là tâm, bất luận là chân tâm hay vọng tâm. Trong hội Lăng Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật hỏi A Nan: "Tâm ở nơi đâu?" Ngài A Nan tìm kiếu nào cũng đều bị Thích Ca Mâu Ni Phật phản bác, tìm kiếu nào cũng chẳng tìm được! Thật ra, hết thảy pháp đều là [tâm]! Chẳng cần phải đi tìm. Nói thật ra, chính vì A Nan đã mê, chẳng giác ngộ, tận hết sức dấy vọng tưởng. Hễ có vọng tưởng, chấp trước, bèn chẳng tìm thấy. Nếu buông vọng tưởng, chấp trước xuống, đối với những chỗ lục căn tiếp xúc lục trần, không gì chẳng phải là chân tánh, không gì chẳng phải là Pháp Thân, há có chuyện tìm chẳng thấy! Chân tánh của chúng ta chẳng có hình tướng, nay biến hiện có hình

tướng, những gì mắt chúng ta thấy là do Nhãn Thức biến hiện. Đấy là tâm biến hiện. Nhắm mắt, chẳng thấy sắc tướng, nhưng tai vẫn có thể nghe. Tai nghe chính là Nhĩ Căn có thể tiếp xúc đối tượng, vẫn do tâm biến thành. Đối tượng tiếp xúc của sáu căn đều là giả, chẳng thật. Đối với sáu loại cảnh giới ấy, nếu căn nào trong sáu căn bị hư hoại, cảnh giới của căn ấy cũng chẳng có. Căn và cảnh là do tương đối mà sanh. Chẳng có cảnh, sẽ chẳng có căn. Chẳng có căn, bèn chẳng có cảnh. Có thể thấy chúng nó đúng là hư vọng, giống như nằm mộng. Cảnh giới chẳng thật. Nếu quý vị coi cảnh giới là thật, sẽ bị thua thiệt to lớn, đó là mê. Thân, tâm, thế giới, không gì chẳng hư vọng. Kinh Kim Cang nói: *"Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"*. Sắc tướng là hư vọng, thân tướng cũng là hư vọng. Mùi hương do Tỵ Căn ngửi được cũng là hư vọng, vị do Thiệt Căn nếm được cũng là hư vọng. Cho đến những suy nghĩ loạn xạ trong tâm quý vị cũng đều là hư vọng, chẳng có gì là thật! Đối với những thứ thật sự bày ở trước mặt, quý vị nghĩ kiểu nào cũng chẳng nghĩ được! Chẳng nghĩ bèn đều đạt được, đều viên mãn. Càng nghĩ càng mê, càng mê càng sâu, làm sao quý vị có thể đạt được chân tướng?

Sau khi đã hiểu rõ những chuyện này, mới biết công đức niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn. Niệm Phật là niệm như thế nào? Niệm Phật là *"toàn tánh khởi tu, toàn tu tức tánh"* (toàn thể tánh khởi tu, toàn thể tu chính là Tánh). Đối với chuyện này, bà cụ già chẳng hiểu chút gì, nhưng cụ tương ứng với nó. Trong chú giải kinh Vô Lượng Thọ, cổ đại đức đã viết: *"Ám hợp đạo diệu"* (Ngầm hợp đạo mầu). Ngầm phù hợp, tuy chẳng biết, nhưng bèn âm thầm tương ứng. Bà cụ niệm đến mức tâm địa thanh tịnh, khi đột nhiên thông suốt, sẽ liễu giải còn rõ ràng, chân thật, thiết tha hơn chúng ta; bà cụ đã thật sự thấy. Tâm địa thanh tịnh đến một mức độ kha khá, sẽ giống như kinh Lăng Nghiêm đã nói: *"Tịnh cực quang thông đạt"*. Tịnh đến mức cùng cực, dùng chuẩn mực của Tịnh Tông để cân nhắc, sẽ thấy đó chính là Lý nhất tâm bất loạn. Xác thực là đối với chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. Đốn và Tiệm đích xác là khác nhau, Tịnh Tông là Đốn pháp. Chẳng phải là tùy tiện nói điều này! Hai thứ phương pháp tu học là Báo Thân và Ứng Thân *"toàn thị tánh cụ Pháp Thân nhất tánh"* (toàn là một tánh, tánh ấy trọn đủ Pháp Thân).

*"Cử Thể khởi tu, cố đắc toàn tánh thành tu, toàn tu tại tánh, tam thân dung diệu, chỉ nhất tức tam"* (Dùng toàn bộ Thể để khởi tu. Vì thế,

toàn bộ tánh là tu, toàn bộ tu nơi tánh, ba thân viên dung mầu nhiệm, nêu ra một mà chính là ba), ba tức là một, một tức là ba. Thầy Pháp Thân bèn gọi là "thành Phật", nhà Thiền thường nói *"Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật"*. Nếu chúng ta hỏi tướng trạng kiến tánh rốt cuộc là như thế nào ư? Nói thật ra, tướng trạng kiến tánh thì tôi cũng có thể nói, chư vị cũng có thể thấu hiểu. Vấn đề là quý vị có thật sự thấy rất thân thiết hay không? Nói theo tỷ dụ thì tướng trạng của kiến tánh giống như lúc quý vị đang nằm mơ, bỗng dưng giác ngộ: "Ta đang nằm mơ". Biết chính mình đang nằm mơ, toàn thể mộng cảnh đều là chính mình. Cái thân trong mộng là chính mình. Tất cả hết thảy mọi người trong mộng cũng là chính mình. Cây cối, hoa cỏ, núi, sông, đại địa trong mộng, chẳng có gì không phải là chính mình. Đó là kiến tánh. Biết hết thảy cảnh giới do tự tánh biến hiện; trừ tự tánh ra, chẳng có một pháp nào khác để có thể đạt được. Quý vị dùng tâm thái gì để đối đãi hết thảy đại chúng, đối đãi hết thảy vạn vật? Đối với hết thảy hữu tình chúng sanh, quý vị còn có thị phi, nhân ngã hay chăng? Còn có ganh tỵ, ngạo mạn hay không? Hoàn toàn chẳng có. Biết Tự và Tha chẳng hai, thân và cõi nước như nhau, tâm quý vị thanh tịnh, tất cả hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thảy đều chẳng có. Đó là tướng trạng kiến tánh. Nay chúng ta dùng tâm thái nào để nhìn các chúng sanh, để nhìn thế giới này? Hễ còn có thị phi, nhân ngã, còn có phân biệt, chấp trước, thưa cùng quý vị, nay quý vị đang nằm mộng, nhưng vẫn chẳng biết chính mình ở trong mộng, vẫn chẳng thể tiếp nhận, vẫn chẳng dám nói là "đang nằm mộng". Hiện thời, chúng ta đang ở trong trạng huống này. Khi nào có thể đích thân chứng cảnh giới này, sẽ gọi là "chứng quả". Thật sự chứng đắc cảnh giới này, kinh Phật thường nói là *"viên mãn Bồ Đề, quy vô sở đắc"* (viên mãn Bồ Đề, trở về chỗ chẳng có gì để đạt được). Thứ gì cũng chẳng đạt được, đó là quý vị thật sự chứng đắc, thật sự khai ngộ!

Kinh Hoa Nghiêm nói: *"Một chính là nhiều, nhiều chính là một"*. Tùy tiện lấy một pháp, *"nhiều"* là toàn thể. Tận hư không khắp pháp giới là *"một"*, *"một"* là bất cứ pháp nào cũng đều là tận hư không khắp pháp giới. Kinh Hoa Nghiêm nói trong đầu một sợi lông chứa đựng vô lượng vô biên các cõi Phật, chẳng phải là một thế giới của Phật. Vì sao? Sợi lông là Pháp Tánh, cõi nước cũng là Pháp Tánh. Tánh và Tánh viên dung, Tánh và Tánh vô ngại. Ở đây nói *"tam thân dung diệu, nhất tức thị tam"* (ba thân dung thông nhiệm mầu, một chính là ba), chính là ý nghĩa này.

***(Diễn) Thị tri viên nhân tu hành, vô hạnh bất viên.***

**(演)是知圓人修行，無行不圓。**

*(**Diễn**: Do vậy biết: Người viên đốn tu hành, không hạnh nào chẳng viên mãn).*

Câu A Di Đà Phật tùy thuộc quý vị dùng cái tâm gì để niệm? Quý vị dùng tâm Tiệm Giáo để niệm, công đức sẽ rất nhỏ. Dùng tâm viên đốn để niệm, công đức rất lớn. Cùng là một câu A Di Đà Phật y hệt, quả báo khác nhau. Có người coi A Di Đà Phật như tiền để niệm, [vì kẻ ấy nghĩ] niệm Phật một tiếng, bèn trữ một đồng tiền trong Âm Tào, địa phủ. Hằng ngày niệm, trong tương lai, sau khi đã chết, đến Âm Tào, địa phủ, sẽ có tiền dùng. Tâm lượng ấy quá nhỏ, có thể biến thành tiền hay không? Có thể biến! Vì sao? Vạn pháp duy tâm sở hiện, duy thức sở biến, xác thực là nó có thể biến. *"Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng"*, tưởng gì bèn biến thành nấy.

Do đó, nếu tri kiến của quý vị là viên, quả báo do niệm một câu Phật hiệu cũng viên. Chúng ta niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, có viên hay không? Chẳng phải là thuần viên. Vì sao? Chỉ có Tây Phương Cực Lạc thế giới, chưa bao gồm tận hư không khắp pháp giới. Niệm Phật vãng sanh, vì sao có người sanh vào cõi Thật Báo? Có người sanh vào cõi Đồng Cư? Chúng ta niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đại khái là sanh vào cõi Phương Tiện và cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Vì sao? Tri kiến chẳng viên. Nếu quý vị hiểu câu A Di Đà Phật là tận hư không khắp pháp giới không gì chẳng bao trùm, dùng tâm thái ấy để niệm, sẽ sanh trong cõi Thật Báo, hoặc cõi Thường Tịch Quang. Bốn cõi và chín phẩm cũng là duy thức sở biến, phải biết điều này!

Chư vị phải hiểu: Người có tâm lượng to, quả báo thù thắng, trong cuộc sống hằng ngày, [người ấy] xử sự, đãi người, tiếp vật, chắc chắn sẽ khác hẳn. Hễ còn có tranh chấp nhân ngã, tranh chấp thị phi, hoặc tranh chấp tốt xấu, tâm lượng sẽ rất nhỏ, dẫu niệm Phật cũng chẳng thể vãng sanh. Vì sao? Vì quý vị sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ khuấy tung Tây Phương Cực Lạc. Nơi đó là Tịnh Độ, tâm lượng to lớn như vậy, quý vị đến đó, mỗi ngày đều gây chuyện, mỗi ngày kiếm chuyện thị phi! Do đó, quý vị chẳng thể bước qua ngưỡng cửa của A Di Đà Phật được! *"Tâm tịnh, cõi nước tịnh"*, các đồng tu nhất định phải ghi nhớ chuyện này. Tuyệt đối chẳng phải là nói: "Mỗi ngày tôi niệm mười vạn câu,

hoặc niệm hai mươi vạn câu, tôi nhất định vãng sanh", chẳng đáng trông cậy! Nếu tâm địa thật sự thanh tịnh, một ngày niệm một tiếng hoặc hai tiếng cũng nhất định vãng sanh. Bảo quý vị hãy tịnh niệm tiếp nối, bảo quý vị niệm Phật chẳng gián đoạn, là do nguyên nhân nào? Do tâm quý vị chẳng thanh tịnh, vọng niệm rất nhiều. Vì thế, khuyên quý vị [niệm Phật sao cho] câu này tiếp nối câu kia như thế, niệm tới mức hết sạch vọng niệm, chẳng để cho vọng niệm dấy lên hiện hành, nhằm mục đích này.

Đoạn Sớ Sao này là tinh hoa của toàn bộ lời Sớ. Đoạn văn này rất dài, nhằm giải thích một câu *"nhất tâm bất loạn"*. Đấy là *"viên nhân"* (người căn tánh viên đốn), *"viên"* (圓) là trong tâm địa chẳng có vọng tưởng, chấp trước bèn viên. Hễ có một vọng tưởng, có một tri kiến, sẽ chẳng viên. Lục Tổ đại sư nói: *"Vốn chẳng có một vật"*; chẳng có một vật bèn viên. Nếu trong tâm quý vị còn có [ý niệm] *"ta chẳng có một vật"*, sẽ hoàn toàn chẳng viên, vì quý vị còn có [ý niệm] "chẳng có một vật" thì cũng không viên. Chúng ta niệm Phật, cầu nhất tâm bất loạn, nhưng thường nghĩ tưởng "ta vẫn chưa đắc nhất tâm bất loạn", hoặc "khi nào ta sẽ đắc nhất tâm bất loạn" thì sẽ chẳng viên. Vì sao? Trong tâm quý vị có một cái "nhất tâm bất loạn", đó là vọng tưởng, là vọng niệm.

Trong các buổi giảng, chúng tôi thường nhắc nhở các đồng tu: "Có nguyện, nhưng chớ nên có tâm". Điều này chẳng dễ hiểu cho lắm! Có nguyện mà lại chớ nên có tâm, vì "có tâm" chính là vọng tưởng, nguyện xác thực là có, nhưng quyết định chẳng có vọng tưởng. Khởi tâm động niệm là vọng tưởng, nguyện chẳng phải là vọng tưởng, phải hiểu rõ điều này. Coi vọng tưởng là nguyện của chính mình, sai mất rồi! Đã biến thành chướng ngại.

***(Diễn) Viên nhân đối pháp, vô pháp bất diệu.***

**(演)圓人對法，無法不妙。**

*(**Diễn**: Người căn cơ viên đốn đối pháp, không pháp nào chẳng diệu).*

*"Pháp"* là vạn vật, diệu ở chỗ nào? [Những gì] mắt trông thấy là thấy sắc tánh (hoặc nói là "tánh sắc"), [những gì] tai nghe là nghe tánh thanh, nói "tánh thanh" hay "thanh tánh", ý nghĩa như nhau. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã nói: *"Sáu căn tiếp xúc là diệu tánh"*, đó chính là *"kiến tánh"*. Mắt thấy tánh, tai nghe tánh, mũi ngửi tánh, lưỡi

nếm tánh, tay chạm tánh, chẳng có gì không phải là tánh. Thông thường, chúng ta dùng một chữ để biểu thị chung, minh tâm *"kiến tánh"*, kiến tánh bèn thành Phật. Thành Phật là thành tựu trí huệ chân thật, kinh Vô Lượng Thọ nói *"trụ chân thật huệ"*, đó là kiến tánh thành Phật. Bốn câu trước nói về viên tu, viên ngộ, viên chứng diệu quả. Dưới đây bèn phối hợp với pháp Niệm Phật để xem:

***(Diễn) Tức nhất cú Di Đà, đương thể tức Không, tức Giả, tức Trung.***

**(演)即一句彌陀，當體即空即假即中。**

*(**Diễn**: Vậy thì bản thể của một câu Di Đà chính là Không, chính là Giả, chính là Trung).*

Đây chính là Thể, Tướng, và tác dụng (Dụng) của vạn pháp trong vũ trụ như tông Thiên Thai đã nói. Họ dạy chúng ta Tam Quán: Không Quán, Giả Quán, Trung Quán. Không Quán là nói về bản thể của hết thảy các pháp. Bản thể trọn chẳng thể được, cho nên bảo nó là Không. Giả Quán là nói về hiện tượng. Ví như nằm mộng, Không Quán là nói tới cái tâm có thể nằm mộng. Cái tâm ấy trọn chẳng thể được, lục căn chẳng thể tiếp xúc được, chúng ta gọi nó là Không. Giả Quán là mộng cảnh, cảnh giới trong mộng phân minh, rành rẽ, [nhưng] các tướng ấy là giả tướng, chẳng thật. Trong Phật pháp, nói tới "chân, giả", thì giả tướng là có sanh diệt, còn bất sanh, bất diệt là chân. Chúng ta nhìn ra hết thảy muôn vàn hiện tượng trong vũ trụ, [sẽ thấy] động vật có sanh, lão, bệnh, tử, thực vật có sanh, trụ, dị, diệt, từ khoáng vật cho đến tinh cầu sẽ là thành, trụ, hoại, không. Xác thực là vạn pháp vô thường, vô thường bèn có sanh diệt. Đó là giả, chẳng thật.

Quý vị quan sát cặn kẽ, tâm chúng ta là vọng tâm. Vọng tâm là giả, vì sao là giả? Nó có sanh diệt, niệm này sanh, niệm kia diệt, tâm ấy chẳng phải là chân tâm. Chân tâm chẳng có sanh diệt, chẳng có ý niệm, tâm ấy là thật. Hữu niệm là vọng tâm, vô niệm là chân tâm. "Ta vô niệm, niệm gì cũng đều chẳng có", tâm ấy là thật hay giả? Vẫn là giả, vì sao? Vì ta có "vô niệm", cái vô niệm ấy chẳng lâu sau bèn lại chẳng có, lại biến thành hữu niệm. Vô niệm và hữu niệm vẫn là sanh diệt. Phải rất cẩn thận thấu hiểu điều này, ngàn muôn phần đừng hiểu lầm, hiểu lầm sẽ bị phiền phức.

Tâm pháp, tâm sở pháp, bất tương ứng hành pháp, và sắc pháp

được nói trong Bách Pháp [Minh Môn Luận] đều là pháp hữu vi. Hữu vi bèn có sanh diệt. Kinh Kim Cang nói: *"Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng"*, quý vị bèn hiểu pháp hữu vi có phạm vi bao quát hết sức to lớn. Pháp vô vi gồm có sáu pháp, vượt ngoài định nghĩa về *"hữu vi"*, nhưng chúng có phải là pháp vô vi thật sự hay không? Chưa chắc! Bởi lẽ, vô vi có vô vi thật sự, lại còn có vô vi tương tự. Thí dụ như *"hư không"*, suốt từ xưa cho đến nay, hư không chẳng nẩy sanh biến hóa. Hư không là pháp vô vi, có phải là vô vi thật sự hay không? Chẳng phải là vô vi thật sự, nó thuộc loại vô vi tương tự. Trong Chứng Đạo Ca, Vĩnh Gia đại sư đã nói: *"Giác hậu không không vô đại thiên"* (Giác rồi ba cõi rỗng toang hoang). Nhà Thiền nói *"đập nát hư không thành bột"*, hư không có thể đập nát thành bột thì đương nhiên chẳng phải là thật! Vô vi thật sự chỉ có một, pháp cuối cùng trong Bách Pháp là Chân Như vô vi, đó là [vô vi] thật sự. Cảnh giới trong Định cũng là pháp vô vi, nhưng chẳng phải là rốt ráo; hễ xuất Định bèn chẳng có, vẫn khôi phục sự sanh diệt y hệt.

Điều này nói rõ: Chúng ta khởi tâm động niệm đều là hư vọng. Hằng ngày làm những chuyện hư vọng ấy, làm những chuyện giả trất ấy, làm rất mệt mỏi, mà cũng làm rất khổ sở, có ý nghĩa gì đâu? Phải giác ngộ điều này! Nhưng quý vị chẳng thể không làm, tôi rất muốn không làm, nhưng chẳng được! Tự mình không thể làm chủ, niệm này tiếp nối niệm kia, muốn chẳng khởi tâm, muốn không động niệm, nhưng chẳng làm được! Điều này gọi là *"tập khí"*. Theo như kinh luận Duy Thức đã nói, như kinh Lăng Già hoặc kinh Giải Thâm Mật đã nói, tập khí chủng tử giống như thác nước, chẳng thể ngừng được! Phiền não tập khí từ vô thỉ kiếp tới nay dữ dội như thế đó! Đức Phật ban cho chúng ta các pháp môn nhiều ngần ấy, những pháp môn ấy đều nhằm đối trị [các phiền não, tập khí đó]. Làm thế nào để giảm bớt và tiêu trừ tập khí, đó là tổng cương lãnh tu hành trong Phật pháp. Tu gì vậy? Chính là tu điều này.

Trong tất cả các pháp môn, nếu chúng ta rất lắng lòng quan sát, lãnh hội, [sẽ thấy] xác thực là pháp môn Niệm Phật xảo diệu, buộc quý vị suốt ngày từ sáng đến tối ghi nhớ một câu Phật hiệu, chuyên chú nơi một câu Phật hiệu. Ý niệm dấy lên, hễ dấy lên, sẽ toàn là Phật hiệu, chẳng để cho những tạp niệm khác hiện tiền. Thiền tuân theo nguyên lý này, Mật cũng là nguyên lý này. Tịnh Tông và các tông ấy chẳng khác gì nhau. Niệm Phật như vậy thì tham Thiền, quán tâm, tham thoại đầu, và "tam mật tương ứng" của Mật Tông có khác gì nhau? Xác thực là chẳng

khác gì cả, nhưng xét theo phương pháp, [Tịnh Tông] sẽ dễ dàng, thuận tiện hơn họ. Đó là ưu điểm của pháp Niệm Phật. Quán tâm, tham thoại đầu, mật chú chẳng thể khuất phục, diệt trừ phiền não thì phương pháp Niệm Phật có cách hàng phục. Niệm Phật có công đức thù thắng, xác thực là bậc nhất. Huống hồ đối với một câu Phật hiệu, nếu quý vị thật sự liễu giải, tri kiến viên mãn, câu Phật hiệu cũng viên mãn. Một câu A Di Đà Phật viên tu, viên chứng.

*"Đương thể tức Không, tức Giả, tức Trung"* (Bản thể chính là Không, chính là Giả, chính là Trung): Trung là khởi tác dụng, dùng Trung. Giáo học của Nho gia dùng Trung, [tức] Trung Dung. Phật pháp cũng nhấn mạnh "dùng Trung", đã chẳng thiên Hữu, mà cũng chẳng thiên Không. Thiên Hữu là sai lầm, thiên Không vẫn là sai lầm. Hàng Tiểu Thừa thiên Không, phàm phu thiên Hữu. Phàm phu chấp trước những giả tướng ấy, ngỡ chúng là thật. Hàng Tiểu Thừa chấp trước Không, cũng tưởng nó là viên mãn. Đấy đều là kiến giải sai lầm. Hàng Tiểu Thừa đọa Thiên Chân Niết Bàn, đức Phật bảo họ *"đọa trong hầm vô vi"*, chẳng khởi tác dụng. Đó cũng là khổ, chẳng có lạc. Phàm phu coi giả là thật, bèn mê hoặc, tạo nghiệp thọ báo ở trong ấy, khổ không thể diễn tả được, sai mất rồi! Chỉ có Phật, Bồ Tát thấy rõ ràng, minh bạch chân tướng sự thật, cho nên có Thể, có Tướng, có tác dụng viên diệu. Ở trong ấy, các Ngài lìa khổ được vui. Trong hết thảy các pháp, các Ngài hưởng thụ rất tự tại. Tuy hưởng thụ, tâm địa các Ngài thanh tịnh, quyết định chẳng ô nhiễm. Tâm địa của hàng Tiểu Thừa thanh tịnh, chẳng dám hưởng thụ. Phàm phu hưởng thụ, tâm chẳng thanh tịnh. Phật, Bồ Tát hưởng thụ, tâm rất thanh tịnh, khác biệt ở ngay chỗ này. Do vậy, Phật, Bồ Tát sung sướng nhất. Người ta hỏi quý vị: "Vì sao muốn làm Phật, làm Bồ Tát?" Do sung sướng! Thật vậy, chẳng giả. Nói cách khác, hễ thật sự sung sướng bèn gọi là Phật, là Bồ Tát; chẳng sung sướng bèn gọi là Nhị Thừa, là phàm phu. Chuyện là như vậy đó!

***(Diễn) Đương thể tức niệm tự tánh Thiên Chân chi Phật.***

**(演)當體即念自性天真之佛。**

*(**Diễn**: Từ ngay nơi bản thể, bèn niệm vị Phật Thiên Chân trong tự tánh).*

Thật vậy, chẳng giả tí nào. Kinh này nói *"nhất tâm bất loạn"*, kinh Vô Lượng Thọ nói *"phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm"*, đều

là nói về cảnh giới này. Bồ Đề tâm là giác tâm. Một câu Bồ Đề tâm chính là *"thanh tịnh, bình đẳng, giác"* trong tựa đề kinh này. Tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, giác chứ không mê. Hoàn toàn hiểu rõ Thể, Tướng, và tác dụng của hết thảy vạn pháp, tâm ấy là Bồ Đề tâm. Dùng tâm ấy để một mực chuyên niệm, sẽ là niệm tự tánh Thiên Chân Phật. A Di Đà Phật là Thiên Chân Phật của chính mình! Quý vị chớ nên hiểu lầm "ta đã thành Thiên Chân Phật", quý vị mê đến chỗ nào rồi? Mê như thế nào? Quý vị khởi tâm động niệm, bèn có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng dấy lên. Đây là bảo cho quý vị biết: Tự tánh Thiên Chân Phật là ai? Chính là Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật. A Di Đà Phật do tự tánh của chúng ta biến hiện, giống như đang ở trong mộng lại nằm mộng, mộng thấy A Di Đà Phật, biết A Di Đà Phật là do tự tánh của ta biến hiện, có ý nghĩa này. Có A Di Đà Phật hay không? Xác thực là có. Ở chỗ nào? Xác thực là trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, xác thực là tự tánh Thiên Chân Phật, xác thực là có một vị Phật tại đó, có Báo Thân, có Ứng Hóa Thân, như thế là đúng. Quyết định chẳng khởi tâm, không động niệm, đúng như đang ở trong mộng cảnh bèn hoảng nhiên đại ngộ, biết "hết thảy vạn pháp là chính mình, Tự và Tha chẳng hai", cuộc sống càng thoải mái, tự tại. Trong ấy, xác thực là có thể hưởng thụ *"Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại"* giống như kinh Hoa Nghiêm đã nói. Điều gì vô ngại? Chẳng chướng ngại Pháp Tánh của chính mình, chẳng chướng ngại thanh tịnh, bình đẳng, giác của chính mình, có thể khiến cho hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, xác thực là có năng lực ấy, có phương tiện thiện xảo ấy, tức là có phương pháp để giúp đỡ hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ.

***(Diễn) Nhi niệm thật vô niệm, thị vô sanh diệt tướng.***
**(演)而念實無念，是無生滅相。**
*(**Diễn**: Niệm mà thật sự vô niệm, chính là tướng vô sanh diệt).*

Tuy Phật hiệu câu này tiếp nối câu kia, quý vị nói xem: Hữu niệm hay vô niệm? Hữu niệm và vô niệm là sanh diệt. Xét theo tướng bèn là hữu niệm, *"A Di Đà Phật, A Di Đà Phật"*, trong tâm vô niệm, [nghĩa là] trong tâm thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, công phu bèn cao. Chúng ta chẳng thể học theo, hễ học theo bèn hỏng bét. Vì sao? Miệng có, tâm không. Chúng ta là "miệng có, tâm không", niệm Phật kiểu đó chắc chắn chẳng thể vãng sanh. Người ta là miệng có, chẳng có vọng tâm, nhưng

có chân tâm. Nay chúng ta muốn học theo họ, nhưng chúng ta chẳng có chân tâm, mà có vọng tâm, có hỏng bét hay là không? Vọng tâm của chúng ta là hư vọng, phân biệt, chấp trước. Do vậy, thưa cùng chư vị, những thứ này chẳng thể học được, chẳng phải là [có thể] học được. Vì quý vị "có học", đó là vọng tâm, đã rớt vào ý thức, làm sao có thể là xứng tánh cho được? Trong tánh chẳng có thứ gì để học được! Tánh là pháp "vốn là như thế" (pháp nhĩ như thị), tự nhiên là như vậy. Kinh Vô Lượng Thọ nói liên tiếp tám thứ tự nhiên, đó là xứng tánh, là tự nhiên. Hễ có một niệm mong học, chắc chắn chẳng thể học thành công. "*Nhi niệm thật vô niệm, thị vô sanh diệt tướng*" (Nhưng niệm mà thật sự vô niệm, chính là tướng vô sanh diệt), bất sanh, bất diệt.

***(Diễn) Tịch Chiếu nan tư, thị vô không hữu tướng.***

**(演)寂照難思，是無空有相。**

*(**Diễn**: "Tịch Chiếu khó nghĩ tưởng" chính là chẳng có tướng Không và Hữu).*

Niệm mà thật sự vô niệm, chẳng có tướng sanh diệt. *"Tịch Chiếu nan tư"* là chẳng có tướng Không - Hữu. Tịch là Thể của tâm, Chiếu là Dụng của tâm. Tuy trong tâm *"như như bất động, chẳng chấp lấy tướng"*, nhưng toàn thể pháp giới rõ ràng, rành mạch, phân minh. Đó là Chiếu, chẳng thể nghĩ bàn.

***(Diễn) Như Trí bất nhị, thị vô năng sở tướng.***

**(演)如智不二，是無能所相。**

*(**Diễn**: Như và Trí chẳng hai, chính là không có tướng Năng và Sở).*

*"Như"* là Lý như như. Lý là Lý Thể. Lý Thể và sự tướng chẳng hai. Mở kinh Phật ra, câu đầu tiên là *"như thị ngã văn"*, kinh Phật giảng điều gì? Giảng về Như Như. Đối với hai chữ *"như như"* (如如), chữ Như thứ nhất là Thể, pháp giới, chân tâm, bản thể; chữ Như thứ hai là hiện tượng, là y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Dùng tỷ dụ để nói thì chữ Như thứ nhất là vàng, chữ Như thứ hai là đồ vật. Đồ vật là vàng, vàng là đồ vật. Đồ vật như vàng, vàng như đồ vật, Như là chẳng hai. "*Trí*" là gì? Hiểu rành mạch, rõ ràng hiện tượng này. Cái trí có thể hay biết (năng tri chi trí) và những sự lý được biết [bởi cái trí

năng tri ấy] là một, không hai. Vì sao là một? Trí là trí huệ trong bản tánh của chính mình. Lý là Lý của bản tánh. Tướng là *"hiện tướng"* (tướng hiện ra) của bản tánh. [Lý, Tướng, Trí] tuy một mà ba, tuy ba mà một. Ngoài chân tâm chẳng có một pháp nào để có thể đạt được, Năng và Sở bèn chẳng có. Nếu là hai thứ thì còn có Năng và Sở, [tức là] có cái trí hay biết và đối tượng được biết [bởi cái trí ấy], Năng và Sở bèn đối lập. Đối lập chính là hai pháp, chẳng phải là một pháp. Phật pháp là pháp bất nhị, hễ *"nhị"* sẽ chẳng phải là Phật pháp. Đây là nói tới chỗ thật sự viên mãn rốt ráo. Vạn pháp như một, cớ sao biết "vạn pháp như một"? Do có trí huệ Bát Nhã! Quý vị liễu giải *"vạn pháp như một"*, *"một"* là chính mình, chẳng hai. Do vậy, chẳng có tướng Năng và Sở.

***(Diễn) Bất khả tư nghị.***
**(演)不可思議。**
*(**Diễn**: Chẳng thể nghĩ bàn).*

*"Chẳng thể nghĩ bàn"* là tổng kết bất sanh, bất diệt, chẳng phải Không, chẳng phải Có, chẳng có Năng, chẳng có Sở, chẳng thể nghĩ bàn! Tất cả hết thảy đối lập, nay chúng ta nói là "tương đối", đều chẳng tồn tại, nên chẳng có cách nào nghĩ ngợi, chẳng có cách nào bàn luận. Vì [điều gì] có thể nghĩ bàn sẽ đều là tương đối; do tương đối nên mới có thể suy nghĩ, mới có thể nghiên cứu, thảo luận. Lìa khỏi hết thảy tương đối, sẽ chẳng có cách nào nghĩ bàn.

***(Diễn) Thị vô ngôn thuyết tâm duyên đẳng tướng.***
**(演)是無言說心緣等相。**
*(**Diễn**: Là chẳng có các tướng ngôn thuyết, tâm duyên v.v...).*

Lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên. *"Tâm duyên"* là khởi tâm động niệm. Ba thứ ấy đều lìa khỏi bèn gọi là Thật Tướng, chân tướng hiện tiền.

***(Diễn) Danh hiệu hà phi Thật Tướng dã?***
**(演)名號何非實相也。**
*(**Diễn**: Lẽ nào danh hiệu chẳng phải là Thật Tướng?)*

Người biết niệm Phật dùng cái tâm và phương thức như vậy để

niệm. Chúng ta nghe xong, [liền biết] niệm Phật chẳng đơn giản! Niệm Phật như vậy chính là Thật Tướng Niệm Phật trong bốn loại Niệm Phật. Do Thật Tướng Niệm Phật, sẽ sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Chúng ta nghe xong, chẳng làm được, mà học cũng không nổi. Thế nhưng rất mong trong cuộc đời này, chính mình cũng có thể đạt tới cảnh giới ấy, có thể làm được hay không? Thưa cùng chư vị, ai nấy đều có thể làm được. Chỉ cần quý vị thật thà niệm một câu A Di Đà Phật là được rồi! Trong cuộc sống hằng ngày, hễ cái gì cho qua được thì cho qua, chớ nên so đo cùng kẻ khác, đừng nên phân biệt, chấp trước. Học Phật mà dường như càng học càng ngốc, đó là công phu đắc lực. Càng học càng thông minh thì hỏng bét, thông minh sẽ bị lầm lẫn bởi thông minh! Càng học càng thông minh tức là vọng tưởng càng nhiều, tạp niệm càng nhiều, thị phi càng nhiều, hỏng mất rồi, chẳng tương ứng! Vì thế, phải học hồ đồ. Ông Trịnh Bản Kiều[44] viết: *"Hồ đồ khó có!"* Thông minh đã khó, hồ đồ càng khó hơn. Từ thông minh chuyển sang hồ đồ là sự khó nhất trong các sự khó! Chư vị hãy chú tâm lãnh hội ý vị này, sau đó mới hiểu: Chúng ta [cần phải] làm như thế nào thì mới thật sự nắm chắc niệm câu Phật hiệu tốt đẹp. Thật sự có thể nắm chắc chuyện này, sẽ quyết định vãng sanh trong một đời này; đó là chuyện có thể làm được. Vì vậy, Trì Danh ngầm hợp đạo mầu; đạo mầu chính là Thật Tướng.

Phần chú giải này nhằm giảng rõ câu cuối cùng trong lời Sao: *"Tướng hảo ký tức Pháp Thân, danh hiệu hà phi Thật Tướng"* (Tướng hảo đã là Pháp Thân, danh hiệu lẽ nào chẳng phải là Thật Tướng). Hai câu nói này của đại sư rất sâu, rất khó thể thấu hiểu. Pháp sư Cổ Đức giải thích hai câu ấy, giải thích rất hay. Sư đã giải thích như thế, chúng ta đọc xong mới thật sự thấu hiểu ý nghĩa trong hai câu nói của Liên Trì đại sư, nhận thức công đức của danh hiệu sâu hơn một bước nữa. Thật sự nhận thức thì mới chẳng bị dao động bởi những pháp môn khác. Quý vị gặp

---

[44] Bản Kiều (板橋) là biệt hiệu của Trịnh Tiếp (鄭燮,1693-1766). Ông Trịnh có tên tự là Khắc Như, biệt hiệu là Bản Kiều đạo nhân, người trấn Đại Đóa, huyện Hưng Hóa, tỉnh Giang Tô, quê ở Tô Châu. Trịnh Bản Kiều là một vị quan vào đời Thanh, đồng thời là một học giả và thư pháp gia lỗi lạc dưới thời Càn Long. Ông đỗ Tiến Sĩ vào năm đầu Càn Long, làm quan có tiếng nhân đức, thương dân. Những trước tác còn lưu lại là Bản Kiều Thi Sao, Bản Kiều Từ Sao, Bản Kiều Thư Gia, Bản Kiều Đề Họa, Bản Kiều Tiên Sinh Ấn Sách v.v… Ông nổi tiếng về tài thư họa, được người đương thời coi là một trong Dương Châu Bát Thánh. Điểm đặc biệt là ông giỏi cả bốn lối chữ Triện, Lệ, Thảo, Hành, lại còn sáng tạo kiểu viết Lục Phân Bán Thư, rất được vua Càn Long và người đương thời tán thưởng.

người tu Thiền, họ nói "Thiền hay lắm", gặp kẻ học Mật bảo "Mật hay hơn pháp này của quý vị, có thể thành Phật ngay trong thân này", thường là chúng ta nghe xong bèn động tâm. Đó đều là vì chẳng nhận thức rõ ràng pháp môn này. Học một khoảng thời gian, [cảm thấy] dường như chẳng có hiệu quả, chẳng biết vì sao không có hiệu quả, chẳng tìm ra nguyên nhân thật sự, liền buông bỏ, theo học pháp môn khác. Nói thật thà, niệm Phật mà chẳng đạt được hiệu quả thì có thể nói là học pháp môn gì cũng đều chẳng thể thành tựu! Học các pháp môn khác chẳng thành công, quay về niệm Phật bèn có thể niệm thành công, thật đấy! Vì sao? Tu học các pháp môn khác, chưa chắc đã thích hợp với căn tánh của kẻ đó, chưa chắc đã khế cơ. Pháp môn này khế hợp phổ biến căn tánh của hết thảy chúng sanh trong pháp giới, chẳng có người nào không khế cơ. Nói cách khác, tất cả hết thảy chúng sanh đều là bậc đương cơ của pháp môn này, còn gì để nói nữa? Ngay như Văn Thù, Phổ Hiền, các Ngài đã tu bao nhiêu pháp môn? Tới cuối cùng, vẫn đều buông xuống hết, chuyên môn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Các Ngài đã nêu gương rất tốt đẹp cho chúng ta. Các Ngài là bậc từng trải đối với tám vạn bốn ngàn pháp môn, cuối cùng vẫn phải tu pháp môn này, tỏ rõ pháp môn này thù thắng khôn sánh, chân thật bậc nhất. Hôm nay, chúng tôi giảng tới chỗ này.

***Tập 234***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm năm mươi sáu:

***(Sớ) Hựu Lý nhất tâm, chánh Văn Thù Nhất Hạnh tam-muội, cập Hoa Nghiêm nhất hạnh niệm Phật, nhất thời niệm Phật. Hựu như Khởi Tín minh Chân Như Pháp Thân, cập chư kinh trung thuyết.***

**(疏)又理一心，正文殊一行三昧，及華嚴一行念佛、一時念佛；又如起信明真如法身，及諸經中說。**

*(**Sớ**: Lại nữa, Lý nhất tâm chính là Nhất Hạnh tam-muội trong kinh Văn Thù [Sở Thuyết Bát Nhã Ba La Mật] và nhất hạnh niệm Phật, nhất thời niệm Phật trong kinh Hoa Nghiêm. Lại như luận Khởi Tín nói đến Chân Như Pháp Thân và các kinh đã nói).*

Sau khi đã giảng bốn loại Niệm Phật trên đây, Liên Trì đại sư mới

chính thức vì chúng ta giảng rõ Lý nhất tâm là gì. Lý nhất tâm cũng có kinh luận để làm căn cứ, có thể thấy: Chẳng phải là tổ sư nói tùy tiện, hoặc thốt lời suy đoán. Đấy cũng là *"y pháp, bất y nhân"* thường được nhắc tới trong Tứ Y Pháp. [Lý nhất tâm] chính là Văn Thù Nhất Hạnh tam-muội và Hoa Nghiêm Nhất Hạnh Niệm Phật.

***(Sao) Văn Thù Nhất Hạnh giả, dĩ Bát Nhã trí chuyên trì Phật danh, tường kiến tiền văn.***

**(鈔)文殊一行者，以般若智專持佛名。詳見前文。**

*(**Sao**: "Văn Thù Nhất Hạnh" là dùng trí Bát Nhã để chuyên trì danh hiệu Phật, xem giải thích tường tận trong phần trước).*

Trong phần trước tuy đã nói, ở đây, đặc biệt nhấn mạnh Lý nhất tâm bất loạn.

***(Diễn) Bát Nhã trí giả, tức tự tại quyết định giải lực.***

**(演)般若智者，即自在決定解力。**

*(**Diễn**: "Trí Bát Nhã" chính là sức quyết định thông hiểu tự tại).*

*"Giải"* (解) là minh giải, [tức là] hiểu rõ, lý giải. Nhưng điều khẩn yếu trong câu này là *"tự tại quyết định"*, *"quyết định"* là quyết chẳng có sai lầm. Làm như thế nào để có thể đạt được tự tại? Đấy chẳng phải là chuyện dễ dàng. Mức độ thấp nhất là phải có cảnh giới như trong Tâm Kinh. Trong Tâm Kinh, Quán Tự Tại Bồ Tát chính là Quán Thế Âm, nêu gương cho chúng ta, *"hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời"* (khi hành Bát Nhã sâu xa). Trí Bát Nhã là Bát Nhã sâu xa. *"Chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không"* (Soi thấy năm uẩn đều không): Đấy là tự tại quyết định giải lực, tiêu chuẩn này rất cao. Vì sao có tiêu chuẩn cao như thế? Vì Ngài là Lý nhất tâm, chẳng phải là Sự nhất tâm. Tiêu chuẩn của Lý nhất tâm cao như thế đó.

***(Diễn) Tín nhãn thanh tịnh, trí quang chiếu diệu, phổ quán cảnh giới, ly nhất thiết chướng, thiện xảo quán sát, phổ nhãn minh triệt dã.***

**(演)信眼清淨，智光照耀，普觀境界，離一切障，善巧觀察，普眼明徹也。**

*(**Diễn**: Tín nhãn thanh tịnh, trí quang chiếu sáng ngời, quán trọn khắp cảnh giới. Lìa hết thảy các chướng, khéo léo quan sát, chính là phổ nhãn sáng suốt, thấu triệt).*

Giảng giải đơn giản về *"tự tại quyết định giải lực"*. Như thế nào thì mới là tự tại quyết định giải lực? *"Tín nhãn thanh tịnh"*, *"tín nhãn"* (信眼) chính là tín tâm. Mắt có thể thấy, tâm có thể hiểu rõ. Mắt ấy chẳng phải là nhục nhãn, tín nhãn chính là tâm nhãn. Nói *"tâm nhãn"* thì chúng ta vẫn chẳng dễ dàng hiểu rõ ý nghĩa cho lắm. *"Tín tâm"*: Nếu tín tâm thanh tịnh, trong kinh Kim Cang có nói một câu tiếp theo: *"Tắc sanh Thật Tướng"* (Bèn sanh Thật Tướng). Thật Tướng là gì? Là Lý nhất tâm. Quý vị bèn hiểu: Tiêu chuẩn của Lý nhất tâm chính là tiêu chuẩn trong kinh Kim Cang, hoặc tiêu chuẩn của Bát Nhã Tâm Kinh. Phải khế nhập cảnh giới ấy, tín tâm của quý vị mới có thể thanh tịnh. Tín tâm thanh tịnh, pháp thế gian và xuất thế gian chẳng có gì không thông đạt, chẳng có gì không hiểu rõ!

*"Trí quang chiếu diệu, phổ quán cảnh giới"* (Trí quang chiếu sáng ngời, quán trọn khắp cảnh giới): Cảnh giới này chính là Thể, Tướng, tác dụng của hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian. Nếu nói theo kinh Pháp Hoa, sẽ là Thập Như Thị (mười món Như Thị), [tức là] như thị Thể, như thị Tánh, như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, mãi cho đến *"như thị bổn mạt cứu cánh"*. Ở đây nói là *"phổ quán cảnh giới"*, cũng có nghĩa là nói tới y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, hoặc như kinh Hoa Nghiêm thường nói là *"tổng cai vạn pháp"* (總賅萬法: bao trùm vạn pháp), nó đều có thể chiếu phân minh.

*"Ly nhất thiết chướng"* (Lìa hết thảy chướng): Kiến Tư phiền não là chướng, Trần Sa phiền não là chướng, vô minh phiền não cũng là chướng, thảy đều lìa khỏi. Kiến Tư và Trần Sa quyết định lìa trọn hết. Dẫu vô minh chẳng lìa hoàn toàn, cũng phải lìa đôi chút, vô minh có muốn chướng cũng chẳng chướng được, trí Bát Nhã mới thấu lộ. Hàng Nhị Thừa chẳng có trí huệ Bát Nhã, nguyên nhân ở chỗ nào? Hàng Nhị Thừa đoạn Kiến Tư phiền não, nhưng Trần Sa và vô minh chẳng đoạn, đã phá Ngã Chấp, nhưng Pháp Chấp hãy còn, cho nên chẳng thể kiến tánh. *"Chẳng thể kiến tánh"* là đức dụng nơi bản tánh chẳng thấu lộ. Đức dụng trong bản tánh chính là trí huệ Bát Nhã. Vì thế, nhất định phải lìa hết thảy chướng.

*"Thiện xảo quán sát"*: Trong phần trước, thiện xảo quán sát được

gọi là tự tại quyết định. *"Phổ nhãn minh triệt"* (Phổ nhãn thấy thấu suốt) là giải lực, là quyết định giải lực. Trong *"thiện xảo"*, quyết định chẳng có tác ý. Nếu tác ý, sẽ chẳng phải là thiện xảo. Tác ý là gì? Nói đơn giản, [sẽ là] khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm thì chẳng phải là thiện xảo, thiện xảo là chẳng khởi tâm, không động niệm, hết thảy đều thông đạt, hiểu rõ. Đây là giải thích *"trí Bát Nhã"* là gì. Đã biết trí Bát Nhã, sẽ biết Văn Thù Nhất Hạnh tam-muội là gì.

***(Diễn) Thử Bát Nhã trí, thông dĩ chứng, vị chứng.***

**(演)此般若智，通已證未證。**

*(**Diễn**: Trí Bát Nhã ấy bao gồm đã chứng và chưa chứng).*

*"Chứng"* là nói tới chứng quả, quả gì vậy? Quả Phần Chứng, tức là địa vị Phần Chứng Phật trong Lục Tức Phật của tông Thiên Thai. Đã chứng đắc, chính là từ bậc Sơ Trụ của Viên Giáo trở lên; chưa chứng đắc thì không nhất định, bọn phàm phu chúng ta cũng có khả năng.

***(Diễn) Vị chứng tức thị Nhất Tâm Tam Quán.***

**(演)未證即是一心三觀。**

*(**Diễn**: "Chưa chứng" chính là Nhất Tâm Tam Quán).*

Có thể thấy là Nhất Tâm Tam Quán sử dụng trí Bát Nhã.

***(Diễn) Dĩ chứng thị Nhất Tâm Tam Trí.***

**(演)已證是一心三智。**

*(**Diễn**: "Đã chứng" là Nhất Tâm Tam Trí).*

Chẳng gọi là Tam Quán nữa!

***(Diễn) Tam Trí thị quả, Tam Quán thị nhân, quả tại nhất tâm, nhân khởi tiền hậu, nhân quả bất nhị, phương viết "viên tu". Cố Bát Nhã trí thông chứng, vị chứng dã.***

**(演)三智是果，三觀是因，果在一心，因豈前後，因果不二，方曰圓修，故般若智通證未證也。**

*(**Diễn**: Tam Trí là quả, Tam Quán là nhân. Quả là nhất tâm, há có cái nhân trước hay sau? Nhân quả chẳng hai thì mới gọi là "viên tu". Vì*

*thế, trí Bát Nhã bao gồm đã chứng và chưa chứng).*

Ý nghĩa này rất rõ ràng, rất minh bạch, đều là do bản thân chúng ta có biết dùng hay không. Đương nhiên, mỗi vị đồng tu đều muốn dùng, tuy muốn dùng, nhưng chẳng dùng được. Đó gọi là "nghiệp chướng quấy phá". Ai chướng ngại chính mình? Tự mình chướng ngại chính mình, chẳng phải là ngoại giới (cảnh giới bên ngoài). Cảnh giới bên ngoài chẳng có sức mạnh ấy. Kinh văn cũng đã nói rất rõ ràng, đặc biệt là đối với đại pháp viên đốn, bộ kinh điển và pháp môn này viên đốn đến tột cùng. Cổ đại đức tán thán kinh Vô Lượng Thọ là *"viên trung chi viên, chuyên trung chi chuyên, đốn trung chi đốn"* (viên nhất trong các pháp viên, chuyên nhất trong các pháp chuyên, đốn nhất trong các pháp đốn). Kinh Vô Lượng Thọ là Đại Bổn của kinh này, kinh này là Tiểu Bổn của kinh Vô Lượng Thọ, ca ngợi Đại Bổn chính là ca ngợi kinh này. Pháp môn này và kinh điển này tuyệt đối chẳng phải là pháp môn và kinh điển thông thường!

Trong pháp viên đốn, nhân và quả đồng thời, nhân và quả chẳng hai! Vì thế, sự tu học của họ (người căn cơ viên đốn) xác thực là chẳng giống những cách tu học thông thường. Nay chúng ta gặp gỡ pháp môn này, thật sự gặp đại pháp viên đốn, mà chẳng đạt được sự thọ dụng viên đốn, vấn đề ở chỗ nào? Chính bản thân chúng ta chẳng viên, gặp gỡ viên pháp cũng vô dụng! Huống chi, trong kinh Đại Thừa thường nói: *"Cảnh chuyển theo tâm"*. Tâm chúng ta chẳng viên, [cho nên] viên pháp chuyển vào tâm chúng ta cũng chẳng phải là viên pháp. Cái tâm của chúng ta cũng chẳng đốn, nên đốn pháp cũng biến thành tiệm pháp. Tâm có thể chuyển cảnh, Phật pháp vẫn là cảnh giới. Cảnh chuyển theo tâm, có thể thấy mấu chốt vẫn ở nơi chính mình. Khi nào chúng ta thật sự hiểu "nhân quả chẳng hai", kiến giải và tư tưởng của chúng ta đều viên. Khi ấy, dụng công sẽ khác hẳn! Hiện thời, tuy nghe kinh thường nói như vậy, viết như vậy, xem mỗi ngày, nghe mỗi ngày, nhân và quả chẳng thể đồng thời, làm thế nào đây? Kinh phải nghe hằng ngày, phải đọc hằng ngày, phải huân tu, phải tập luyện. Hy vọng trong thời gian dăm ba năm, đó là đối với kẻ căn tánh rất nhạy bén. Do mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm mà khế nhập cảnh giới này, đều là bậc đại căn khí. Vì sao? Người ấy quyết định thành tựu trong một đời này. Thành tựu trong một đời này sẽ chẳng phải là căn khí nhỏ nhoi, căn khí nhỏ nhoi sẽ chẳng làm được. Huân tu hai ba mươi năm bèn khế nhập cảnh giới này, đều là đại

căn tánh rất lỗi lạc, là căn tánh viên đốn. Thế tục nói *"tiên thiên"*, Phật pháp nói *"túc thế"*, nhân trong đời quá khứ đương nhiên vô cùng quan trọng, *"hậu thiên"* là cái duyên huân tập trong một đời này, sức mạnh ấy cũng chẳng thể coi nhẹ. Thiện căn, phước đức, nhân duyên tiên thiên của ta kém cỏi một chút, nhưng duyên huân tu hậu thiên thù thắng thì cũng có thể thành công trong một đời này.

Duyên thù thắng nhất là kinh Vô Lượng Thọ, Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, và Di Đà Yếu Giải, hãy huân tu ba thứ ấy. Nếu quý vị [huân tu] hai mươi năm, ba mươi năm chẳng gián đoạn, quyết định trở thành căn tánh viên đốn. Nếu quý vị tạp tu, muốn làm bậc thông gia, kinh luận các tông, các phái đều muốn xem, học, như vậy là chẳng được rồi. Nếu muốn thành tựu viên đốn, sẽ chẳng dễ dàng, [tạp tu] có thể trở thành căn tánh Đại Thừa, tuyệt đối chẳng phải là căn tánh viên đốn. Căn tánh viên đốn phải giữ lấy một thứ, tức là đối với đại kinh viên đốn, trừ những bộ như kinh Vô Lượng Thọ, Sớ Sao, Yếu Giải vừa mới nói ra, những kinh như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm [đều là đại kinh viên đốn], nhưng đều phải chuyên thì mới được. Thí dụ như đối với kinh Hoa Nghiêm, suốt một đời chuyên học Hoa Nghiêm thì được. Chuyên đổ công dốc sức nơi Pháp Hoa hoặc Lăng Nghiêm thì cũng được. Lão pháp sư Viên Anh suốt một đời chuyên đổ công dốc sức nơi kinh Lăng Nghiêm. Từ lời tựa cho bộ [Lăng Nghiêm Kinh] Giảng Nghĩa của Ngài, chúng ta thấy từ lúc hai mươi lăm tuổi, Ngài bắt đầu học Lăng Nghiêm, suốt đời hầu như chẳng gián đoạn. Tuy Ngài cũng giảng những kinh điển khác, nhưng suốt đời, lấy kinh Lăng Nghiêm làm chủ yếu. Vị này có thành tựu, vô cùng lỗi lạc! Thời cận đại, trong số các pháp sư giảng kinh, người như lão pháp sư Viên Anh rất khó có! Chuyện này chứng tỏ phải chuyên! Chuyên tu, chuyên hoằng đại kinh viên đốn, sức mạnh huân tập ấy hết sức mạnh mẽ, to tát. Khế nhập cảnh giới ấy, sẽ gọi là *"viên tu"*.

***(Diễn) Cố Bát Nhã trí thông chứng, vị chứng dã.***
**(演)故般若智通證未證也。**
*(**Diễn**: Vì thế, trí Bát Nhã bao gồm đã chứng và chưa chứng).*

*"Chưa chứng"* là đang tu nhân, *"đã chứng"* là khế nhập quả hải. Nói theo pháp môn Niệm Phật, *"chưa chứng"* là nhất tâm chuyên niệm, *"đã chứng"* là Lý nhất tâm bất loạn. Pháp môn Niệm Phật và các pháp môn khác vừa bất đồng, vừa đặc thù.

***(Diễn) Nhược dĩ Bát Nhã trí chuyên trì Phật danh, tự thuộc vị chứng.***

**(演)**若以般若智專持佛名，似屬未證。

*(**Diễn**: Nếu dùng trí Bát Nhã để chuyên trì danh hiệu Phật, sẽ dường như là chưa chứng).*

Giống như là chưa chứng quả.

***(Diễn) Hà dĩ cố? Nhược dĩ chứng Nhất Tâm Tam Trí, tắc dĩ nhập Viên Trụ Biệt Địa.***

**(演)**何以故？若已證一心三智，則已入圓住別地。

*(**Diễn**: Vì cớ sao? Nếu đã chứng Nhất Tâm Tam Trí, ắt đã nhập địa vị Sơ Trụ của Viên Giáo hoặc Sơ Địa của Biệt Giáo).*

Sơ Trụ trong Viên Giáo và Sơ Địa trong Biệt Giáo là hàng Bồ Tát minh tâm kiến tánh, chẳng phải là Bồ Tát bình phàm!

***(Diễn) Dĩ chứng vô sanh, bất tiếu cánh dụng cầu sanh, khủng diệc bất tất chuyên trì hỹ.***

**(演)**已證無生，不消更用求生，恐亦不必專持矣。

*(**Diễn**: Đã chứng Vô Sanh, chẳng cần phải cầu sanh nữa, sợ rằng cũng chẳng cần chuyên trì niệm).*

Đây là cách nhìn của thường nhân. Tông Môn và Giáo Hạ ở ngoài Tịnh Tông đại khái là có cách nhìn như thế đối với Tịnh Tông. *"Dĩ Bát Nhã trí chuyên trì Phật danh"* (Dùng trí Bát Nhã để chuyên trì danh hiệu Phật), câu này là then chốt. Trí Bát Nhã là gì? *"Chuyên trì Phật danh"* là trí Bát Nhã. Chúng ta niệm A Di Đà Phật, mà còn nghĩ tới củi, gạo, dầu, muối, còn nghĩ tới tiền bạc, vẫn nghĩ tới tiếng tăm, lợi dưỡng, [tức là] không chuyên! Người xuất gia niệm A Di Đà Phật, lại muốn niệm Quán Âm Bồ Tát, còn mong niệm Di Lặc Bồ Tát, còn mong niệm những kinh điển khác, chẳng chuyên! *"Chuyên"* là *"tịnh niệm tiếp nối"* như Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói. Đó chính là trí Bát Nhã. *"Tịnh"* là như trong phần trước đã nói: *"Tín nhãn thanh tịnh"*. Tín thanh tịnh, quyết định chẳng hoài nghi. Mắt thanh tịnh thấy rõ ràng, rành rẽ, đấy là pháp môn bậc nhất trong tất cả các pháp môn. Quý vị chẳng dùng con mắt thanh tịnh, làm sao có thể thấy nó là pháp môn bậc nhất? Đấy chẳng phải là trí huệ Bát

Nhã chân thật, mà là gì? Văn Thù, Phổ Hiền dùng trí huệ Bát Nhã chân thật để quyết trạch (抉擇: chọn lựa dứt khoát) pháp môn này. Nay quý vị cũng chọn lựa pháp môn này, trí huệ Bát Nhã của quý vị chẳng hai, chẳng khác Văn Thù và Phổ Hiền. Nói thông tục, sẽ là *"thật thà niệm Phật"*, thật thà niệm Phật là trí Bát Nhã. Nay công phu niệm Phật của chúng ta chẳng đắc lực, tức là chẳng thật thà! Niệm câu A Di Đà Phật mà còn suy nghĩ loạn xạ, còn có phân biệt, chấp trước, đấy chính là chẳng thật thà, chẳng thể nói là *"dùng trí Bát Nhã để chuyên trì danh hiệu Phật"*. Do vậy, đây là trí huệ chân thật, tuy chưa chứng, nhưng xác thực là người ấy tiến từng bước trên con đường hướng tới chứng quả.

*"Tự thuộc vị chứng"* (Dường như là chưa chứng), *"tự"* (似) là dường như chưa chứng. Thật ra, vị ấy đã chứng quả. Vì sao? Nhân quả đồng thời, nhân quả chẳng hai. Ai biết? Chẳng có ai biết! Cũng là như lão cư sĩ Hạ Liên Cư đã nói về sự thật này: *"Trong vạn ức người, chỉ có một hai kẻ biết"*. Đâu có biết là đối với niệm Phật, một câu A Di Đà Phật vừa là nhân, mà cũng vừa là quả. *"Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật"*. Nếu nhân và quả chẳng đồng thời, làm sao có thể nói là *"một niệm tương ứng, một niệm Phật?"* Nay chúng ta niệm Phật chẳng thể thành Phật, chính là do không tương ứng. Vì sao không tương ứng? Chẳng thật thà. Vì sao chẳng thật thà? Chẳng có trí huệ! Chẳng có trí huệ chính là phiền não, là vọng tưởng, là tình chấp. Nay chúng ta dùng vọng tưởng, dùng tình chấp để niệm Phật. Vì thế, chẳng tương ứng.

Câu kế đó [nhằm nói tới chuyện] kẻ bình phàm hiểu lầm ý nghĩa. *"Nhược dĩ chứng Nhất Tâm Tam Trí, tắc dĩ nhập Viên Trụ Biệt Địa. Dĩ chứng Vô Sanh, bất tiếu cánh dụng cầu sanh, khủng diệc bất tất chuyên trì"* (Nếu đã chứng Nhất Tâm Tam Trí, ắt là đã nhập Sơ Trụ trong Viên Giáo hoặc Sơ Địa của Biệt Giáo. Đã chứng Vô Sanh thì chẳng cần cầu sanh, sợ là cũng chẳng cần phải chuyên trì). Người như vậy đã thành Phật, trong Đại Thừa Phật pháp thường nói *"minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật"*. Sơ Trụ trong Viên Giáo và Sơ Địa trong Biệt Giáo còn có năng lực hiện thân Phật, hiện tám tướng thành đạo. Giống như trong phẩm Phổ Môn đã nói: *"Nên dùng thân Phật để đắc độ, bèn hiện thân Phật để thuyết pháp"*. Thị hiện tám tướng thành đạo để đến thuyết pháp cho họ. Bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo có năng lực ấy; do vậy, gọi là "kiến tánh thành Phật". Vị ấy là Chân Phật, chẳng phải là Giả Phật. *"Dĩ chứng Vô Sanh"* (Đã chứng Vô Sanh): Đã chứng đắc Vô Sanh Pháp

Nhẫn. Hết thảy các pháp bất sanh, bất diệt, người ấy còn phải cầu sanh Tịnh Độ ư? Còn phải một mực chuyên niệm A Di Đà Phật ư? Trong ý người ấy, [sẽ thấy là] chẳng cần thiết! Hiểu lầm ở ngay chỗ này. Khá nhiều kẻ chẳng thể liễu giải ý nghĩa uyên áo trong Tịnh Tông, bỏ lỡ cơ duyên thù thắng như vậy, đúng là chẳng có cách nào nói trọn hết nỗi tổn thất ấy! Trong các buổi giảng, đã nhiều năm chúng tôi không ngừng thâm nhập, nghiên cứu, tra xét, dần dần hiểu rõ chân tướng sự thật này, mới biết pháp môn này xác thực là có thể giúp chúng ta thành tựu viên mãn ngay trong một đời. Nói theo phía chúng ta, [pháp môn này] đích xác là pháp môn bậc nhất để liễu sanh tử, thành Phật đạo.

***(Diễn) Kim dĩ Bát Nhã trí chuyên trì Phật danh giả, nãi thị Biệt Hướng cập Viên Tín dĩ hạ, cánh dĩ dị phương tiện, trợ hiển Đệ Nhất Nghĩa.***

**(演)**今以般若智專持佛名者，乃是別向及圓信以下，更以異方便，助顯第一義。

***(Diễn**: "Nay dùng trí Bát Nhã để chuyên trì danh hiệu Phật" chính là Thập Hồi Hướng trong Biệt Giáo và Thập Tín trong Viên Giáo trở xuống, bèn dùng phương tiện khác lạ để giúp hiển lộ Đệ Nhất Nghĩa).*

Nói theo phía kẻ sơ học như chúng ta, lời giải thích này có tác dụng cổ vũ và khích lệ rất lớn. Chúng ta thuộc địa vị Thập Hồi Hướng của Biệt Giáo trở xuống, hoặc từ địa vị Thập Tín trong Viên Giáo trở xuống. Căn tánh của chúng ta là như vậy; không chỉ là thấp hơn, dẫu là Hạ Hạ cũng chẳng sợ! Vì sao? Duyên của chúng ta thù thắng. *"Cánh dĩ dị phương tiện"* (Bèn dùng phương tiện lạ lùng), *"dị phương tiện"* (異方便) thường được gọi là *"môn dư đại đạo"* (門餘大道), [nghĩa là] ngoài tám vạn bốn ngàn pháp môn, hãy còn có một con đường thành Phật, là một pháp môn kỳ diệu. *"Trợ hiển Đệ Nhất Nghĩa"* (Giúp hiển lộ Đệ Nhất Nghĩa), Đệ Nhất Nghĩa là trí Bát Nhã. Đệ Nhất Nghĩa là Chân Như bản tánh.

***(Diễn) Cứ hồ diệu tâm xưng bỉ danh hiệu, thác bỉ danh hiệu phát ngã diệu tâm dã. Diệu tâm nhất phát, tức tam trí thật tại nhất tâm trung đắc, Nhất Hạnh tam-muội tư thành tựu hỹ.***

**(演)**據乎妙心稱彼名號，託彼名號發我妙心也。妙心

**一發，即三智實在一心中得，一行三昧斯成就矣。**

*(**Diễn**: Dựa trên diệu tâm để xưng danh đức Phật kia, cậy vào danh hiệu ấy để phát khởi cái diệu tâm của ta. Hễ diệu tâm vừa phát, ba trí thật sự đạt được từ trong nhất tâm. Do vậy, Nhất Hạnh tam-muội bèn thành tựu).*

Đây là giảng giải cụ thể về Văn Thù Nhất Hạnh tam-muội. *"Diệu tâm"* là chân tâm. Diệu tâm là thật thà. Diệu tâm là chẳng hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Diệu tâm là Nhất Tâm Tam Quán. Chúng ta dùng cái tâm ấy để niệm câu Phật hiệu. Tôi nói kiểu này, nếu chư vị vẫn chưa hiểu rõ, tôi lại thêm vào mấy câu nữa. Chúng ta dùng tâm chân thành, quyết định chẳng phải là hư vọng, thành tâm thành ý mong cầu sanh Tịnh Độ, hy vọng sẽ gặp A Di Đà Phật. Lại còn càng mau càng hay, càng sớm càng tốt. Đó là tâm chân thành, tâm thanh tịnh. Kinh nói tâm bình đẳng, tâm rộng lớn, tâm từ bi, [những tâm ấy] đều là trí Bát Nhã. Chẳng có trí Bát Nhã, tâm chẳng hiển hiện được, chẳng thấu lộ được! Chúng ta dùng cái tâm như vậy để niệm câu A Di Đà Phật, như vậy thì có thể giúp hiển lộ Đệ Nhất Nghĩa.

Căn cứ lý luận và chân tướng sự thật của nó được nói trong mấy câu kế tiếp: *"Cứ hồ diệu tâm xưng bỉ danh hiệu"* (Dựa trên diệu tâm để xưng danh hiệu ấy). *"Cứ"* (據) là y cứ (依據: căn cứ, dựa vào). Chúng ta phải nương vào chân tâm, chí thành xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật. Danh hiệu A Di Đà Phật là đức hiệu của diệu tâm, cho nên nhân và quả mới đồng thời. A Di Đà Phật chẳng phải là gì khác, chính là toàn thể tâm tánh của chính mình. Tây Phương Cực Lạc thế giới có A Di Đà Phật hay không? Có! Có thế giới Cực Lạc hay không? Có! A Di Đà Phật và thế giới Cực Lạc do đâu mà có? Do diệu tâm của chính mình hiện ra; vì thế nói: *"Duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà"*, là một, chẳng hai. Chính vì Lý là như thế, nên Sự cũng là như thế. *"Thác bỉ danh hiệu phát ngã diệu tâm"* (Cậy vào danh hiệu ấy để phát khởi diệu tâm của ta). Niệm một câu danh hiệu A Di Đà Phật này là đã hiển lộ, niệm ra toàn thể tâm tánh của chính mình, phương pháp này tuyệt diệu. Thiền Tông gọi *"diệu tâm"* là bản tánh, minh tâm kiến tánh. Ở đây gọi là *"diệu tâm"*.

*"Diệu tâm nhất phát"* (Diệu tâm vừa phát), đã kiến tánh, minh tâm kiến tánh. Đó là diệu tâm hiện tiền, dùng phương pháp gì vậy? Thật thà niệm Phật bèn có thể niệm ra chân tánh. Chư vị phải hiểu: Niệm ra chân tánh chính là Lý nhất tâm bất loạn. Chương Đại Thế Chí Viên

Thông đã nói rất hay: *"Tịnh niệm tiếp nối, chẳng cậy vào phương tiện, tâm được tự khai"*. Chẳng cậy vào phương tiện, chẳng cần dùng tới phương pháp gì khác, một câu Phật hiệu niệm đến cùng. *"Tự đắc tâm khai"* chính là *"diệu tâm vừa phát, bản tánh hiện tiền"* [đang nói] ở nơi đây. Hễ hiện tiền, quý vị chứng đắc quả vị Sơ Trụ trong Viên Giáo, hoặc quả vị Sơ Địa trong Biệt Giáo, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Chúng ta có làm được hay không? Nói thật thà, ai nấy đều có thể làm được, vấn đề là quý vị có chịu làm hay không? Trong các pháp môn khác, muốn chứng quả vị Sơ Trụ của Viên Giáo ngay trong một đời, trong lịch sử [đã có trường hợp như vậy]. [Thế nhưng] tại Trung Hoa, từ sau đời Tống, chưa hề nghe nói có ai minh tâm kiến tánh. Dùng phương pháp Niệm Phật để khế nhập cảnh giới này thì đông lắm! Đời nào cũng đều có người, chứng tỏ phương pháp này thiện xảo, phương pháp này dễ dàng, đơn giản, ổn thỏa, thích đáng, thành tựu rất nhanh chóng, đáng cho chúng ta chọn lựa, đáng để chúng ta tu học. Con đường gần như thế chẳng đi, cứ tìm nẻo quanh co, khúc khuỷu, đó chẳng phải là một người thông minh! Chúng ta mong học tràn lan vô lượng pháp môn, cũng muốn đến du ngoạn vô biên cõi nước, nhưng chính mình chẳng có năng lực, làm sao có thể đến cho được? Hằng ngày chuyên dấy vọng tưởng, rốt cuộc chẳng thể mãn nguyện! Người thông minh trước hết giữ lấy Tây Phương Cực Lạc thế giới, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới để tu học, [sau khi đã tu học thành công pháp môn Tịnh Độ], mong học rộng rãi vô lượng vô biên pháp môn, muốn tới du ngoạn vô biên cõi nước của chư Phật để tham học thì sẽ thật sự có thể làm được, chẳng phải là mộng tưởng. Người có trí huệ chọn lựa pháp môn này, đạo lý ở ngay nơi đây.

*"Tam trí thật tại nhất tâm trung đắc"* (Ba trí thật sự đạt được từ nhất tâm). Nói cách khác, quả báo của Viên Giáo và Thật Giáo đạt được từ ngay trong nhất tâm. Quả Viên Thật là gì? Kinh Hoa Nghiêm có nói bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ, từ Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên cho đến Đẳng Giác. Tiến cao hơn Đẳng Giác là Diệu Giác, Diệu Giác bèn thành Phật, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đạt được từ nhất tâm. Câu này khẩn yếu, chư vị có thể lãnh hội hay chăng? Nếu quý vị thật sự hiểu thì mới chịu thật sự niệm Phật, sẽ thật thà niệm Phật. Vì sao? Chỉ có pháp môn Niệm Phật là thẳng thừng, thỏa đáng để cầu nhất tâm. Do nhất tâm, sẽ có thể đắc bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ. Do nhất tâm có thể đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đạt được từ

nhất tâm! Như vậy thì mới thật sự hoảng nhiên đại ngộ vì sao kinh Hoa Nghiêm nói *"Thập Địa Bồ Tát từ đầu đến cuối chẳng lìa niệm Phật"*. Đó là Thập Địa của Hoa Nghiêm, chẳng phải là Biệt Giáo. Thập Địa của Biệt Giáo tương đương với Thập Trụ của Hoa Nghiêm. Thập Địa trong Hoa Nghiêm chính là Thập Địa trong Viên Giáo, trí huệ Bát Nhã gần như hiện tiền viên mãn. Hàng Bồ Tát ấy đã biết, [tức là] biết Vô Thượng Bồ Đề đạt được từ nơi nhất tâm. Vì thế, Ngài niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Điều này cũng chứng thực những gì kinh Vô Lượng Thọ đã dạy: Có khá nhiều vị Bồ Tát mong cầu pháp môn này mà vẫn chưa cầu được, [nguyên nhân là] duyên chẳng đầy đủ, chẳng có duyên phận. Những vị Bồ Tát ấy mong cầu pháp môn này mà chẳng cầu được; nói thật ra, họ chẳng biết danh xưng của pháp môn này. Nếu họ biết có pháp môn Niệm Phật, có pháp môn vãng sanh Tịnh Độ, họ sẽ có thể tiếp nhận. Trước nay, họ chưa từng gặp gỡ pháp môn này, chẳng biết tu học, mãi cho [tới lúc] đến thế giới Hoa Tạng, đăng địa (chứng nhập từ Sơ Địa trở lên), nghe Văn Thù và Phổ Hiền giới thiệu, bèn hoảng nhiên đại ngộ, lập tức tiếp nhận. Vì sao? Trí huệ của vị ấy đã viên mãn, tuyệt đối chẳng có nghi hoặc. Chỉ cần có người giới thiệu, nhắc nhở, họ lập tức tiếp nhận. Vì sao? Họ hiểu Vô Thượng Bồ Đề là từ nhất tâm mà đạt được. Đây là do chính bản thân họ đích thân thể nghiệm, vì sao? Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, và Thập Địa đều chứng đắc bởi nhất tâm, họ cũng chẳng còn hoài nghi nữa.

*"Nhất Hạnh tam-muội tư thành tựu hỹ"* (Nhất Hạnh tam-muội bởi đó mà được thành tựu). Nói theo nghĩa rộng, Nhất Hạnh sẽ là tám vạn bốn ngàn pháp môn, bất luận quý vị tu học pháp môn nào, tu một môn đến cùng sẽ gọi là Nhất Hạnh, quý vị có thể thành tựu. Vì sao? Bất cứ pháp môn nào, nếu tu một hạnh đến cùng, sẽ phù hợp với nhất tâm đang được nói ở đây. Nói cách khác, phương pháp tu nhất tâm khác nhau, nhưng thành tựu nhất tâm giống hệt. Thế nhưng, người ấy tuy đắc nhất tâm, có thể chứng Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, chẳng biết vãng sanh. Vì thế, người ấy chẳng thể nhanh chóng viên mãn Bồ Đề. Chỉ cần đắc nhất tâm, sẽ có thể chứng quả, chứng quả Pháp Thân đại sĩ trong Viên Giáo, nhưng vị ấy chẳng biết có Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng biết niệm A Di Đà Phật. Quý vị mới hiểu: Nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật là Nhất Hạnh tam-muội, là Nhất Hạnh bậc nhất trong các loại Nhất Hạnh tam-muội, những loại Nhất Hạnh tam-muội khác chẳng thể sánh bằng. Chỉ có thật sự triệt để hiểu rõ thì mới có

thể thấy pháp môn này là trân bảo vô thượng, quyết định chẳng vứt bỏ, sẽ chắc chắn chẳng giải đãi, sẽ tự nhiên tinh tấn. Đó gọi là *"dũng mãnh tinh tấn"*. Đấy là nói về Văn Thù Nhất Hạnh tam-muội.

***(Sao) Hoa Nghiêm Nhất Hạnh giả, Đức Vân tỳ-kheo thị Niệm Phật pháp môn. Sớ vân: "Nhất Hạnh tam-muội, quán kỳ Pháp Thân. Dĩ như vi cảnh, vô cảnh phi Phật". Hựu tu Niệm Phật tam-muội, đa ước tiệm tu, vị tiên Hóa Thân, thứ Báo Thân, thứ Pháp Thân. Kim tắc nhất thời nhi tu, bất lịch thứ đệ, nhất hạnh, bất nhị hạnh, nhất thời, bất nhị thời, cố viết tức Lý nhất tâm dã.***

**(鈔)**華嚴一行者，德雲比丘示念佛法門，疏云：一行三昧，觀其法身。以如為境，無境非佛。又修念佛三昧，多約漸修，謂先化身、次報身、次法身。今則一時而修，不歷次第，一行不二行，一時不二時，故曰即理一心也。

*(**Sao**: Hoa Nghiêm Nhất Hạnh: Tỳ-kheo Đức Vân dạy pháp môn Niệm Phật, [Thanh Lương] Sớ giảng: "Nhất Hạnh tam-muội là quán Pháp Thân. Dùng Như làm cảnh, chẳng có cảnh nào không phải là Phật". Lại nữa, tu Niệm Phật tam-muội, phần nhiều thuộc về tiệm tu (tu từ từ theo từng tầng cấp), có nghĩa là trước hết là Hóa Thân, kế đó là Báo Thân, kế đó là Pháp Thân. Nay tu trong một thời, chẳng tuân theo thứ tự, là một hạnh, chẳng phải là hai hạnh, là một thời, chẳng phải là hai thời, nên nói "chính là Lý Nhất Tâm").*

Ngài trích dẫn Bát Thập Hoa Nghiêm Sớ, tức là bản chú giải [kinh Hoa Nghiêm] của Thanh Lương đại sư, để giải thích Lý nhất tâm bất loạn.

***(Diễn) Đức Vân tỳ-kheo thị Niệm Phật pháp môn giả.***

**(演)**德雲比丘示念佛法門者。

*(**Diễn**: Tỳ-kheo Đức Vân dạy pháp môn Niệm Phật).*

Trong bộ Hoa Nghiêm tám mươi quyển (Bát Thập Hoa Nghiêm), Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, vị thiện tri thức thứ nhất là tỳ-kheo Đức Vân. Trong Tứ Thập Hoa Nghiêm (kinh Hoa Nghiêm bản bốn mươi quyển) dịch [tên vị này] là tỳ-kheo Cát Tường Vân. Chư vị phải biết: Cùng là một người. "Đức" (德) có nghĩa là Cát Tường (吉祥).

Chúng ta cũng gọi Văn Thù Bồ Tát là Diệu Cát Tường [Bồ Tát]. Văn Thù (Mañjuśrī) là tiếng Phạn dịch âm, có nghĩa là Diệu Thủ (妙首), Diệu Đức (妙德), Diệu Cát Tường (妙吉祥), có những ý nghĩa ấy. Tỳ-kheo Đức Vân là vị thứ nhất trong năm mươi ba lần tham học. Chúng ta phải rất coi trọng vị thứ nhất. Vì sao? Điều gì được tiếp xúc đầu tiên sẽ là chánh yếu. Người đầu tiên thường có ảnh hưởng lớn nhất, có ảnh hưởng then chốt. Đối với năm mươi ba lần tham học, quý vị hãy chú ý người thứ nhất và người cuối cùng; một đầu, một đuôi vô cùng quan trọng. Quý vị có thể nhận rõ điều này, sẽ thật sự nắm được nghĩa thú và chỉ thú trong việc tham học của Ngài (Thiện Tài đồng tử).

Tham học chẳng phải tùy tiện đều có thể làm được. Chính mình tu học đã có cơ sở nhất định thì có thể đi tham học. Cơ sở gì vậy? Phải đắc Nhất Hạnh tam-muội. Chẳng đắc Nhất Hạnh tam-muội, chẳng đủ tư cách đi tham học. Nhất Hạnh tam-muội là đại định để thành Phật. Vì hàng Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo đã thành Phật, tức Phần Chứng Phật; cho nên Định ấy chẳng phải là Định bình phàm, mà là Thủ Lăng Nghiêm Đại Định như kinh Lăng Nghiêm đã nói. Trong kinh Lăng Nghiêm, chúng ta thấy hai mươi lăm vị Bồ Tát nói rõ sự tu hành và chứng quả của các Ngài. Định do hai mươi lăm vị Bồ Tát đã đắc đều gọi là Thủ Lăng Nghiêm Đại Định. Hai mươi lăm người, mỗi người có phương pháp tu hành khác nhau, cho thấy: Phương pháp và cách thức có thể khác nhau, nhưng đạt được kết quả giống nhau, đều là Thủ Lăng Nghiêm Đại Định, [các phương pháp tu của các Ngài đều là] công phu để thành Phật. Trong hai mươi lăm loại, Đại Thế Chí Bồ Tát chuyên sử dụng phương pháp niệm A Di Đà Phật, tức là Ngài dùng phương pháp Niệm Phật để tu thành Thủ Lăng Nghiêm Đại Định. Do vậy, trong hội Lăng Nghiêm, hai mươi lăm vị Bồ Tát ấy đều là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Trong kinh Lăng Nghiêm, Quán Thế Âm là Sơ Trụ Quán Thế Âm. Trong hội Hoa Nghiêm, Quán Âm Bồ Tát thuộc địa vị Đệ Thất Hồi Hướng Bồ Tát. Trong phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa, Quán Âm Bồ Tát là Đẳng Giác Bồ Tát. Trong kinh nào, trong pháp hội nào, bèn thị hiện trình độ khác biệt [trong pháp hội ấy]. Có điều kiện như vậy, sẽ có thể đi tham học. Do vậy, Thiện Tài đã nêu một tấm gương rất tốt cho chúng ta tu học. Nếu muốn thành tựu, chúng ta nhất định phải nương theo khuôn mẫu ấy thì mới có thể thành công.

Phẩm cuối cùng trong kinh Hoa Nghiêm là phẩm Nhập Pháp Giới (Gaṇḍavyūha). Phẩm kinh này chia thành hai đoạn lớn, gồm bổn hội (本

會) và mạt hội (末會). Bổn hội (hội chánh yếu, hội căn bản, hội gốc) lấy Văn Thù Bồ Tát làm chủ, Thiện Tài là học trò của Văn Thù Bồ Tát. Văn Thù dạy Thiện Tài tu học Căn Bản Trí. Căn Bản Trí chính là *"tín nhãn thanh tịnh"* đã nói trong phần trước, học điều này. Nói cách khác, chính là tu tín tâm thanh tịnh. Chư vị đồng tu phải biết: Chúng ta học Phật, học khởi đầu từ đâu? Tu từ nơi tâm thanh tịnh, quý vị sẽ chẳng phạm sai lầm. Trong các hạnh môn giảng kinh, thuyết pháp, chỉ có một mục tiêu là tu tâm thanh tịnh. Tịnh Tông thù thắng, không chỉ là tu tâm thanh tịnh, mà còn do tâm thanh tịnh bèn tin vào pháp môn Tịnh Độ; do vậy, công đức thù thắng bội phần. Không chỉ là gấp bội, [thật ra là] chẳng biết gấp bao nhiêu lần, chẳng thể tính rõ số lần gấp bội được! Thù thắng khôn sánh! Tâm địa thật sự thanh tịnh, bèn có thể tu học hết thảy các pháp môn. Đối với tín tâm thanh tịnh, chư vị phải biết: Trong tâm thanh tịnh chẳng có phiền não. Hễ có phiền não, tâm quý vị chẳng thanh tịnh. Nguyện thứ hai trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện là *"phiền não vô tận thệ nguyện đoạn"*. Đoạn phiền não, tín tâm thanh tịnh thì mới có tư cách tiến nhập giai đoạn thứ hai, *"pháp môn vô lượng thệ nguyện học"*. Nói cách khác: Chẳng tu tâm thanh tịnh, sẽ chẳng phải là học Phật. Chẳng học Phật thì học ma, những gì quý vị đã học đều là yêu ma, quỷ quái. Trong tâm từ sáng đến tối khởi tâm động niệm, chính mình hãy suy nghĩ xem có phải là yêu ma, quỷ quái hay không? Tín tâm thanh tịnh là Phật, Bồ Tát, tâm chẳng thanh tịnh là yêu ma, quỷ quái. Người học Phật chúng ta, mức độ thấp nhất là phải biết một ngày từ sáng đến tối làm gì? Chẳng thể không biết điều này! Bất luận chọn tông nào, Hiển, Mật, Tông Môn, Giáo Hạ, vô lượng pháp môn, chỉ cần quý vị tu tâm thanh tịnh, sẽ là đệ tử thật sự của đức Phật. Quý vị dùng cái tâm thanh tịnh để niệm Phật, dùng niệm Phật để tu tâm thanh tịnh, kinh Vô Lượng Thọ nói quý vị là *"đệ tử bậc nhất của Như Lai"*, không chỉ là đệ tử thật sự của đức Phật, mà còn là đệ tử bậc nhất của đức Phật!

Tuần trước, tôi đã giảng Tứ Hoằng Thệ Nguyện hai tiếng đồng hồ. Tứ Hoằng Thệ Nguyện là nói những gì? Chính là giảng kinh Hoa Nghiêm, mà cũng là giảng phẩm Nhập Pháp Giới. Hiện thời, mọi người học Phật, chẳng biết tu từ nơi đâu. Vấn đề này hết sức nghiêm trọng. Một bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm nhằm giải thích tỉ mỉ Tứ Hoằng Thệ Nguyện. Tứ Hoằng Thệ Nguyện là tổng cương lãnh của cả bộ kinh Hoa Nghiêm. Học Phật, trước hết phải phát nguyện, phát Bồ Đề tâm, tâm thật sự giác ngộ. Tâm giác ngộ là gì? *"Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"*,

[hễ có] cái tâm ấy, tức là quý vị đã thật sự giác ngộ. Vì sao? Phàm phu tuyệt đối chẳng có tâm giúp đỡ người khác. Phàm phu giúp đỡ người khác là có điều kiện, chẳng phải là vô điều kiện. Tôi cảm thấy bạn rất tốt, hai người chúng ta [có mối giao tình] rất tốt, tôi mới giúp đỡ bạn. Hai người chúng ta chẳng [có mối quan hệ] tốt đẹp, không chỉ là tôi chẳng giúp bạn, mà còn muốn hại bạn, còn muốn ngăn trở, quấy nhiễu, chướng ngại bạn. Đó là tâm phàm phu. Do vậy, bảo quý vị hãy phát đại Bồ Đề tâm. Đó là chân tâm hiển lộ, quý vị phải giúp đỡ hết thảy chúng sanh, *"chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"*, phải phát tâm như vậy. Tâm ấy vừa phát, bèn có tư cách học Phật. Vì sao? Quý vị chẳng mê, lại chẳng vì chính mình, chẳng còn vì gia đình của chính mình.

Hôm trước, cư sĩ Trịnh Thạch Nham đến gặp tôi, tôi nói: "Nay ông giảng bên ngoài cũng khá lắm. Nếu chỉ xét trong một mình tỉnh Đài Loan, hoặc chỉ riêng Trung Hoa, những thứ ông đã nói có viên mãn hay không? Chẳng đủ! Đảo Đài Loan hay [toàn thể] Trung Hoa tốt đẹp, nhưng những quốc gia chung quanh đều chẳng tốt đẹp, chúng ta có thể sống thái bình được hay không?" Do vậy, tôi dạy ông ta:

- Phải mở rộng tâm lượng, phải mở rộng tầm mắt. Hiện thời, bất luận nói đến chuyện gì, tầm nhìn đều phải thấy toàn thể thế giới. Đó là hạn độ thấp nhất. Nói theo Phật pháp, sẽ là tận hư không khắp pháp giới, quá lớn, chẳng mò được ngằn mé. Rút nhỏ hơn một chút, ông phải nghĩ đến hết thảy chúng sanh trên quả địa cầu này. Phải nghĩ tới cả chiều dọc lẫn chiều ngang, không chỉ phải giúp đỡ chúng sanh trong đời này, [mà còn] nghĩ tới thế hệ đời sau thì những gì ông đã nói mới có giá trị, mới thực tiễn. Đó là một người học Phật. Tâm lượng của người học Phật *"tâm bao thái hư, lượng châu sa giới"* (tâm bao trùm thái hư, bao trùm các cõi nước với số lượng nhiều như cát), có như vậy, tâm ông mới là chân thật, mới có thể đạt đến thanh tịnh, bình đẳng, quảng đại từ bi. Những tâm ấy sanh từ nơi đâu? Từ tâm lượng to lớn, thật sự yêu thương, bảo vệ hết thảy chúng sanh! Nói theo cách hiện thời, *"độ"* (度) là giúp đỡ, giúp người ta thành tựu những sự tốt đẹp, những điều ác chẳng thành, giúp người ấy phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, thì mới có tư cách học Phật, là đệ tử Phật. Tâm lượng nhỏ nhen, sẽ chẳng phải là đệ tử Phật, mà là con cháu của ma.

Thuở đức Phật tại thế, ma vương Ba Tuần khuyên Thích Ca Mâu Ni Phật hãy nên nhập Niết Bàn, ma thưa cùng Phật: "Ngài giảng kinh, thuyết pháp nhiều năm ngần ấy, đủ rồi, chẳng cần giảng nữa, có thể nhập

Niết Bàn rồi". Ma lại thưa cùng đức Phật: "Tôi sẽ phá hoại Phật pháp của Ngài". Đức Phật cười: "Pháp của ta là chánh pháp, tà chẳng thắng chánh. Ngươi chẳng có năng lực phá hoại Phật pháp". Ma vương nói: "Đợi đến thời kỳ Mạt Pháp, khi pháp suy, tôi sai ma con, ma cháu đều xuất gia, khoác áo ca-sa phá hoại Phật pháp của Ngài". Thích Ca Mâu Ni Phật vừa nghe như vậy, chẳng nói câu nào, ứa nước mắt. Bản thân chúng ta hãy tự suy nghĩ: Chúng ta là đệ tử Phật, hay là do Ma Vương Ba Tuần sai đến hủy diệt Phật pháp? Phản tỉnh như thế nào? Nếu ta tu tâm thanh tịnh, chẳng sai! Đó là đệ tử đức Phật. Tạo thị phi, nhân ngã, sanh phiền não, vọng tưởng, chấp trước, quý vị là Ma Vương Ba Tuần sai đến tiêu diệt Phật pháp trong thời kỳ Mạt Pháp. Chính mình phải nghiêm túc phản tỉnh, nghiêm túc kiểm điểm!

Điều kiện để nhập môn Phật pháp là tâm rộng lớn, thật sự phát nguyện yêu thương, bảo vệ hết thảy chúng sanh, giúp đỡ hết thảy chúng sanh. Đó chính là điều kiện đức Phật áp dụng để thâu nhận đệ tử. Sau khi nhập Phật môn, hãy học từ chỗ nào? Đoạn phiền não. Bổn hội Văn Thù là đoạn phiền não. Tu tín nhãn thanh tịnh, tâm thanh tịnh hiện tiền, đương nhiên là chẳng có phiền não. Đoạn hết phiền não, tâm thanh tịnh hiện tiền. Đoạn Kiến Tư phiền não, đoạn Trần Sa phiền não, vô minh cũng phá một phẩm, tâm ấy khá thanh tịnh. Khi đó, rời khỏi thầy đi tham học, sẽ là năm mươi ba lần tham học. Năm mươi ba lần tham học là mạt hội (hội đằng ngọn, hội cuối cùng, hội mở rộng), hội chủ của mạt hội là năm mươi ba vị thiện tri thức. Tham phỏng vị [thiện tri thức] thứ nhất là tỳ-kheo Đức Vân. Tỳ-kheo Đức Vân dạy Thiện Tài pháp môn Niệm Phật, quan trọng lắm! Sau khi tín tâm đã thanh tịnh, pháp môn học đầu tiên, điều được tiếp xúc đầu tiên sẽ là chủ yếu, pháp môn chủ tu của Thiện Tài là pháp môn Niệm Phật.

Trong quá khứ, tôi giảng Hoa Nghiêm mười bảy năm, tôi chỉ đạt được hai điều từ kinh Hoa Nghiêm, hai điều gì vậy?

1) Điều thứ nhất, nhận ra Văn Thù, Phổ Hiền, Thiện Tài đều là niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tịnh Độ.

2) Điều thứ hai, tôi thấy toàn thể kinh Hoa Nghiêm vốn là nói về Tứ Hoằng Thệ Nguyện. Giảng giải Tứ Hoằng Thệ Nguyện cặn kẽ nhất chính là một bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, là một bộ Phật pháp hoàn chỉnh.

Tôi lại quan sát cặn kẽ, Văn Thù cũng phát nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tuy kinh văn chẳng nói ngài Văn Thù dạy

Thiện Tài niệm Phật, nhưng tôi suy đoán, Văn Thù Bồ Tát nhất định khuyên Thiện Tài niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Vì sao? Thầy [tu tập] như vậy mà! Tôi cầu học với thầy Lý tại Đài Trung. Thầy Lý niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, khuyên nhủ tôi nhiều lượt, tôi vẫn chẳng tin tưởng cho mấy. Ngài dạy tôi những thứ khác, tôi hết sức nghiêm túc học tập. Ngài khuyên tôi tu pháp môn Tịnh Độ, nhưng trong hội của Ngài, tôi bề ngoài tuân phụng, nội tâm chống đối. Nếu trong hội của Ngài, tôi thật thà niệm Phật, hiện thời đã lỗi lạc lắm! Tối thiểu cũng đạt đến địa vị Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Thuở ấy, chẳng chịu học, khi đó tâm tôi giống như những kẻ bình phàm, mong mỏi học rộng nghe nhiều, tất cả các kinh luận Đại Thừa đều mong xem, học. Thầy Lý rát miệng buốt lòng khuyên bảo, khích lệ, tôi đều chẳng có cách nào tiếp nhận hoàn toàn.

Có lần thầy Lý khuyên tôi, Ngài nói: "Từ xưa tới nay, bao nhiêu vị tổ sư đại đức đều học pháp môn này. Dẫu là bị gạt, mắc lừa, đông người như thế bị lừa; chúng ta bị lừa một lần có sao đâu!" Dùng phương pháp ấy để khuyên tôi, tôi nghe cũng rất cảm động, nhưng vẫn chưa thể hoàn toàn tin tưởng. Mãi cho đến khi tôi giảng kinh Hoa Nghiêm đã mười bảy năm, đột nhiên từ đó nhìn ra, đúng là hàng Bồ Tát từ Thập Địa trở lên đều tu pháp môn này. Nhìn lại Văn Thù, Phổ Hiền mới bèn hoảng nhiên đại ngộ, mới thật sự nhận thức rõ ràng pháp môn này là pháp môn bậc nhất. Bất quá, nói thật thà, thuở ấy, thầy Lý chẳng nói với tôi thấu triệt và rõ ràng như vậy. Nếu Ngài nói thấu triệt, rõ ràng như tôi nói trong hiện tại, tôi sẽ tiếp nhận, tin tưởng. Chỉ khuyên tôi, chẳng nêu rõ đạo lý, nguồn cội, tôi chẳng thể tiếp nhận. Bất quá, tôi may mắn mò ra được, bao nhiêu vị pháp sư giảng kinh suốt đời chẳng tìm ra [điều này]. Biển giáo giống như mê cung, sau khi bước vào, người có thể trong một đời thoát ra chẳng có mấy! Tôi hết sức may mắn thoát ra, mò được, đã tìm ra con đường chân thật.

Đầu tiên, Tỳ-kheo Đức Vân dạy Thiện Tài pháp môn Niệm Phật. Ý nghĩa này hết sức rộng lớn. [Ngài Đức Vân] chính là vị thầy đầu tiên, dạy vỡ lòng. Ngài Văn Thù chỉ giúp Thiện Tài đạt được tâm địa thanh tịnh, thành tựu Căn Bản Trí trong Bát Nhã, Căn Bản Trí là vô tri, Bát Nhã vô tri. Đi tham học là "không gì chẳng biết", nhằm thành tựu Hậu Đắc Trí. Đối với Hậu Đắc Trí, vị thầy thứ nhất dạy vỡ lòng là ngài Đức Vân đã dạy Thiện Tài pháp môn Niệm Phật. Về sau, xem kỹ năm mươi ba lần tham học, mỗi lần tham học đều là *"luyến đức lễ từ"* (戀德禮辭:

luyến mộ đức, cung kính từ tạ), mới biết Thiện Tài đồng tử niệm một câu A Di Đà Phật đến cùng, chưa hề thay đổi, thật sự phù hợp *"phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm"* như kinh Vô Lượng Thọ đã nói. Tới vị thiện tri thức cuối cùng là Phổ Hiền Bồ Tát, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Đó là nguyện thứ tư, *"Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành"*. Mới biết *"Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành"* là thành tựu theo phương cách như vậy, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ thành tựu, [có như vậy] thì đối với pháp môn Niệm Phật mới khăng khăng quyết ý, chẳng còn bàn cãi chi nữa, ta mới chuyên tu, chuyên hoằng, ngay cả kinh Hoa Nghiêm cũng chẳng niệm. Vì sao? Kinh Hoa Nghiêm đã niệm xong. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này!

***Tập 235***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm năm mươi bảy:

***(Sao) Hoa Nghiêm Nhất Hạnh giả, Đức Vân tỳ-kheo thị Niệm Phật pháp môn. Sớ vân: "Nhất Hạnh tam-muội, quán kỳ Pháp Thân, dĩ Như vi cảnh, vô cảnh phi Phật".***

***(Diễn) Đức Vân tỳ-kheo thị Niệm Phật pháp môn giả. Sơ vân: "Ngã duy đắc thử ức niệm nhất thiết chư Phật cảnh giới, trí huệ, quang minh phổ kiến pháp môn". Kế phục thị Trí Quang Phổ Chiếu Niệm Phật môn, nãi chí đệ nhị thập nhất Trụ Hư Không Niệm Phật môn".***

**(鈔)**華嚴一行者，德雲比丘示念佛法門，疏云：一行三昧，觀其法身。以如為境，無境非佛。

**(演)**德雲比丘示念佛法門者，初云我唯得此憶念一切諸佛境界，智慧光明普見法門，繼復示智光普照念佛門，乃至第二十一住虛空念佛門。

*(**Sao**: "Hoa Nghiêm Nhất Hạnh": Tỳ-kheo Đức Vân dạy pháp môn Niệm Phật. [Thanh Lương] Sớ ghi: "Nhất Hạnh tam-muội quán Pháp Thân, lấy Như làm cảnh, chẳng có cảnh nào không phải là Phật".*

***Diễn**: "Tỳ-kheo Đức Vân dạy pháp môn Niệm Phật". Trước hết, Ngài nói: "Ta chỉ đắc pháp môn ức niệm cảnh giới của hết thảy chư Phật, trí huệ quang minh thấy trọn khắp này". Sau đó, lại dạy pháp môn*

*Trí Quang Phổ Chiếu Niệm Phật, cho đến môn thứ hai mươi mốt là Trụ Hư Không Niệm Phật).*

Trong hết thảy các kinh do đức Như Lai đã nói trong bốn mươi chín năm, Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh xứng đáng nhất để đại diện cho sự giáo hóa trong suốt một đời Thích Ca Mâu Ni Phật. Nói theo cách hiện thời, kinh Hoa Nghiêm là khái luận của toàn thể Phật pháp. Cổ nhân nói Hoa Nghiêm là căn bản pháp luân, hết thảy các kinh đều là quyến thuộc của Hoa Nghiêm, cũng có thể nói "hết thảy các kinh là cành lá của Hoa Nghiêm". Hoa Nghiêm là căn bản, giảng giải viên mãn đến mức độ rốt ráo tột bậc, mà cũng là khuôn mẫu quan trọng nhất để học Phật, nhất là phẩm Nhập Pháp Giới, năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử đã nêu gương tu học cho chúng ta. Hành giả Đại Thừa xem Thiện Tài đồng tử tham phỏng năm mươi ba vị thiện tri thức, sẽ biết phải nên học tập Phật pháp như thế nào. Vị thầy đầu tiên của Thiện Tài đồng tử là Văn Thù Bồ Tát. Một hội kinh trong phẩm Nhập Pháp Giới gồm có bổn hội và mạt hội. Bổn hội (本會: hội gốc, hội căn bản) chiếm đến ba quyển rưỡi trong phần kinh văn, [trong ấy thuật chuyện] Thiện Tài đồng tử tôn Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát làm thầy. Thiện Tài thành tựu Căn Bản Trí trong hội của ngài Văn Thù. Căn Bản Trí là gì? Trong kinh Bát Nhã thường nói: *"Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết"*. Vô tri là Căn Bản Trí. Vô tri là khi chân tâm chẳng khởi tác dụng, nó bèn thanh tịnh, tịch diệt. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư đã nói: *"Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuốm bụi trần"*, đó chính là Căn Bản Trí. Căn Bản Trí hết sức trọng yếu, giống như một cái cây, chẳng có cội rễ, lấy đâu ra cành, lá? Rễ sanh trưởng dưới đất, phần chánh yếu phát xuất từ rễ được gọi là cội (thân chánh của cây), từ cội lại chia thành cành, lại tách thành nhánh, lại có lá, hoa, quả, có thể thấy cội rễ vô cùng quan trọng.

Chẳng thể nói là người hiện thời tu học chẳng siêng năng, tích cực, chẳng thể nói họ không dụng công, nhưng xét theo hoàn cảnh tu học để nói, chẳng thể nói là không thuận lợi. Người thuở trước tìm kinh bổn chẳng ra! Nếu muốn có một bộ kinh, chỉ có cách chép tay, đâu có thuận tiện như hiện thời! Thuở tôi mới học Phật, theo pháp sư Sám Vân ở trong lều tranh[45] tại Bộ Lý, buổi tối xem kinh, khi ấy đèn sáng nhất là

[45] *"Lều tranh"* ở đây thật ra là một ngôi chùa của pháp sư Sám Vân. Pháp sư Sám Vân lập chùa Ấn Hoằng Mao Bồng (lều tranh Ấn Hoằng) tại núi Quán Âm ở làng Bộ

một cái bóng đèn điện nhỏ có độ sáng là hai nến (Candela)[46]. Do thuở ấy, trên núi chẳng có điện, pháp sư Sám Vân mua một bình ắc-quy (accumulateur, accu) của xe hơi, nạp đầy điện mang lên núi. [Trong chùa] có tất cả là sáu căn phòng, mỗi phòng thắp một ngọn đèn nhỏ, [có độ sáng] là hai nến. Chúng tôi đọc sách dưới ánh sáng [tù mù] như vậy, đâu có sáng ngời như hiện thời! Người học Phật hiện nay phước báo quá lớn, [đèn đuốc] sáng ngời như thế! Hoàn cảnh của cổ nhân còn khốn khổ, gian nan hơn chúng tôi.

Trong tu học, khẩn yếu nhất là sư thừa. Thời cổ, không chỉ là Phật pháp, mà pháp thế gian cũng hết sức coi trọng sư thừa: Quý vị theo học với vị thầy nào, thầy chỉ có một người. Hôm nay theo học với người này, mai theo học với người khác, chẳng thể gọi là *"sư thừa"* được! Thầy dạy quý vị điều gì? Thầy dùng đủ mọi phương tiện để thành tựu Căn Bản Trí cho quý vị, gột sạch sành sanh vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, ưu lự, vướng mắc trong tâm quý vị, tâm thanh tịnh hiện tiền, Giới, Định, Huệ hiện tiền. Đạt được Căn Bản Trí chính là thành tựu lớn nhất do thầy giúp đỡ quý vị. Đạt tới trình độ này, thầy chẳng còn buộc quý vị phải ở cùng một chỗ với thầy nữa, sẽ mời quý vị đi tham học. Sau khi đã đạt được Căn Bản Trí thì mới có tư cách tham học. Tham học là học rộng, nghe nhiều, nhằm thành tựu Hậu Đắc Trí.

Trên thực tế, đúng là kinh Hoa Nghiêm đã triển khai Tứ Hoằng Thệ Nguyện cho chúng ta thấy hết sức rõ rệt. Điều đạt được trong hội của vị thầy thứ nhất là *"đoạn phiền não"*. Trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện, đương nhiên chẳng cần nói tới nguyện thứ nhất. Nguyện thứ nhất là *"chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"*, quý vị chẳng có nguyện này, sẽ chẳng thể tiến nhập Phật môn. Tiến nhập Phật môn là do phát đại nguyện này. Tu học Phật pháp nhằm thực hiện đại nguyện độ chúng sanh, bắt đầu học từ chỗ nào? Từ đoạn phiền não. Chẳng đoạn phiền não, chắc chắn là chẳng có thành tựu trong Phật pháp, chư vị phải nhớ kỹ điều này.

---

Lý thuộc huyện Nam Đầu. Hòa thượng Tịnh Không sống ở nơi này một năm. Về sau, trận lũ ngày Bảy tháng Tám năm 1949 đã hủy hoại ngôi chùa này hoàn toàn, pháp sư Sám Vân bèn lập một ngôi chùa mới có tên là Liên Nhân tại làng Thủy Lý cũng thuộc huyện Nam Đầu.

[46] Candela là đơn vị đo lường độ sáng. Định nghĩa của Candela khá phức tạp, nói chung là cường độ sáng tính theo một hướng nhất định. Hiểu theo cách đơn giản nhất, một Candela tương ứng với độ sáng của một ngọn nến. Tại Trung Hoa vào thời đầu, họ đã đồng nhất một Watt với một Candela. Do vậy, hòa thượng nói bóng đèn hai nến ở đây có thể là bóng đèn 2 Watt.

Phật pháp thường dùng Đề Hồ làm tỷ dụ. Trong Đề Hồ, chẳng được xen lẫn mảy may độc dược nào. Hễ xen lẫn một tí độc dược, cả một bát to Đề Hồ đều biến thành độc dược. Độc dược là gì? Phiền não. Tham, sân, si, mạn, ngũ dục, lục trần phải bỏ sạch sành sanh thì mới trở thành pháp khí, có thể tiếp nhận Phật pháp. Do vậy, hội của thầy nhằm giúp chúng ta đạt tới mục tiêu này. Đoạn Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não cũng phá, khi ấy mới có tư cách tham học. Tham học là phá vô minh, chứng Pháp Thân. Ở nơi Văn Thù Bồ Tát, Thiện Tài đồng tử hoàn thành giai đoạn tu học thứ nhất, thành tựu "vô tri", lìa thầy đi tham học, thành tựu Hậu Đắc Trí. Hậu Đắc Trí là "không gì chẳng biết".

Năm mươi ba lần tham học, vị thiện tri thức đầu tiên là tỳ-kheo Đức Vân. Tỳ-kheo Đức Vân đại diện cho Sơ Trụ Bồ Tát. Hoa Nghiêm là Đại Thừa Viên Giáo, [tỳ-kheo Đức Vân là] Đại Thừa Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát. Thiện Tài tham phỏng Đức Vân, trình độ ngang bằng với ngài Đức Vân. Nói cách khác, Thiện Tài chứng đắc Sơ Trụ trong Viên Giáo. Ngài đến tham phỏng Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát đã viên mãn Vô Thượng Bồ Đề, Thiện Tài đồng tử cũng thành tựu Phật quả trong Viên Giáo. Trong giáo pháp suốt một đời đức Thế Tôn, nói về sự thành tựu ngay trong một đời, từ [địa vị] phàm phu chứng đắc Phật quả trong Viên Giáo, chỉ có phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm giảng về [sự tu học thành tựu] trong một đời của một người từ địa vị phàm phu cho đến viên mãn Phật quả, quá trình và thứ tự tu hành được giảng giải hết sức rõ ràng, minh bạch. Tỳ-kheo Đức Vân là vị thầy đầu tiên, là vị thiện tri thức đầu tiên, vô cùng quan trọng. Người đời thường nói: *"Tiên nhập vi chủ"*, [có nghĩa là], pháp môn do vị thầy đầu tiên dạy cho quý vị sẽ là pháp môn tu tập chủ yếu trong suốt một đời! Ngài Đức Vân dạy gì? Dạy niệm Phật. Vị cuối cùng là Phổ Hiền Bồ Tát, đó là vị [thiện tri thức] thứ năm mươi ba. Phổ Hiền Bồ Tát *"mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc"*. Một đầu, một cuối, quý vị bèn biết Thiện Tài do tu pháp môn gì mà thành tựu? Hết sức rõ rệt, bày ra ngay trước mắt chúng ta: Thiện Tài do niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới mà đạt được thành tựu. Từ chỗ này, ta thấy rất rõ rệt, rất minh bạch! Lại xem xét cẩn thận thầy của Ngài là Văn Thù Bồ Tát. Trong hội Hoa Nghiêm, Văn Thù và Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Thiện Tài là học trò đắc ý nhất và là truyền nhân của Văn Thù Bồ Tát, đương nhiên Ngài chẳng thể tu pháp môn khác thầy, nhất định là tu cùng một pháp môn giống như thầy! Từ những dấu tích này, chúng ta quan sát Văn Thù,

Phổ Hiền, Thiện Tài, sau đó, thấy bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ trong hội Hoa Nghiêm đều nghe theo lời Phổ Hiền Bồ Tát khuyên dạy, đều niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Điều này thật sự chẳng thể nghĩ bàn, hiển thị sự vĩ đại của pháp môn Niệm Phật, tỏ rõ pháp môn này là pháp tu hành của các vị đại Bồ Tát.

Chúng ta lại xem kinh Vô Lượng Thọ. Vừa mở đầu, kinh bèn nói rõ đại chúng vãng sanh thế giới Tây Phương *"giai tuân Phổ Hiền đại sĩ chi đức"* (đều tuân theo phẩm đức của Phổ Hiền đại sĩ), nêu rõ: Hễ là người vãng sanh thế giới Tây Phương, từ hạ hạ phẩm cho đến thượng thượng phẩm, thảy đều tu pháp môn Phổ Hiền. Pháp môn Phổ Hiền là pháp môn Hoa Nghiêm. Đầu đời Thanh, trong niên hiệu Càn Long, cư sĩ Bành Tế Thanh nói kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bổn Hoa Nghiêm, kinh A Di Đà là Tiểu Bổn Hoa Nghiêm, nói rất có lý! Về sau, cư sĩ Ngụy Nguyên lại ghép thêm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm vào sau ba kinh, trở thành Tịnh Độ Tứ Kinh, đúng là rất có căn cứ, chẳng phải là tùy tiện ghép bừa! Tỏ rõ kinh Vô Lượng Thọ và kinh Hoa Nghiêm hoàn toàn giống nhau, một kinh nói chi tiết, một kinh nói giản lược. Kinh tinh giản nhất là kinh A Di Đà, đó là Tiểu Bổn Hoa Nghiêm. Kinh văn Đại Bổn và Tiểu Bổn dài ngắn khác nhau, nhưng xét theo nghĩa lý và cảnh giới trong ấy thì chẳng khác nhau. Chẳng thể nói Tiểu Bổn có cảnh giới nhỏ hơn, kinh nghĩa (nghĩa lý của kinh) nông cạn hơn. [Nếu nghĩ như vậy] tức là quý vị đã thấy sai lầm, [hai kinh] sâu hay cạn hoàn toàn giống nhau, một đằng là nói cặn kẽ, một đằng nói đơn giản. Đối với chuyện này, nếu đọc kinh Hoa Nghiêm chẳng cẩn thận, sẽ chẳng thấy được, đúng là đã uổng công đọc kinh Hoa Nghiêm! Thấy rõ ràng chuyện này, sau đấy, chúng ta mới thật sự hiểu rõ kinh Di Đà là tinh hoa của kinh Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm là tinh hoa của Đại Tạng giáo (toàn thể giáo pháp của đức Phật), kinh Di Đà là tinh hoa của kinh Hoa Nghiêm, tức là tinh hoa của tinh hoa. Liên Trì đại sư hết sức lỗi lạc, rất nhiều chỗ trong Sớ Sao, Ngài đã trích dẫn Hoa Nghiêm để giải thích. Kinh Di Đà và kinh Hoa Nghiêm xác thực là một Thể, chỗ nào Ngài cũng trích dẫn kinh Hoa Nghiêm để nêu tỏ ý nghĩa của kinh [Di Đà].

Thiện Tài tham phỏng vị thiện tri thức đầu tiên, Ngài dạy Thiện Tài pháp môn Niệm Phật, lại còn nói hết sức khẩn thiết: *"Ngã duy đắc thử"* (Ta chỉ đắc pháp này). *"Duy"* (唯) là duy nhất; trong vô lượng vô biên pháp môn, ta tu học được duy nhất pháp Ức Niệm Nhất Thiết Chư Phật Cảnh Giới (nghĩ nhớ cảnh giới của hết thảy chư Phật). Nếu chúng

ta hỏi, cảnh giới của hết thảy chư Phật là gì? Nói rộng sẽ là Hoa Nghiêm, đặc biệt là phần kinh văn thuộc mười một quyển rưỡi ở đầu kinh Hoa Nghiêm giảng về cảnh giới nơi quả địa Như Lai. Nói đại lược sẽ là những điều được nêu lên trong kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Nói giản lược hơn nữa là những điều được nói trong kinh Di Đà. Chúng ta chớ nên nhìn theo nghĩa hẹp, đấy chính là cảnh giới của A Di Đà Phật. Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn đã giới thiệu A Di Đà Phật, nói A Di Đà Phật là *"quang trung cực tôn, Phật trung chi vương"* ([quang minh] tôn quý nhất trong các quang minh, là vua của các vị Phật), hai câu này đã nói trọn vẹn: A Di Đà Phật là hết thảy chư Phật, cảnh giới Di Đà là cảnh giới của hết thảy chư Phật. Thành tựu của tỳ-kheo Đức Vân là nghĩ nhớ cảnh giới của hết thảy chư Phật, trên thực tế là cảnh giới của Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật. Câu này là tổng thuyết (nói tổng quát), hai mươi câu sau đó[47] là biệt thuyết (nói từng pháp riêng biệt), một đằng là Tổng, một đằng là Biệt, bèn thấy ý nghĩa hết sức rõ rệt.

Đối với Nhất Hạnh tam-muội, phần tiếp theo nhằm giải thích Nhất Hạnh tam-muội. Ở đây chỉ có hai câu, hai câu này do Liên Trì đại sư viết. *"Dĩ Như vi cảnh, vô cảnh phi Phật"* (Dùng Như làm cảnh, không cảnh nào chẳng phải là Phật). Đối với Như, mở kinh văn ra, chữ đầu tiên là *"như thị ngã văn"*, chính là chữ Như đang nói ở đây. *"Như"* đại biểu điều gì? Trong Phật pháp có nói Chân Như, bản tánh, hoặc chân tâm. Kinh Đại Thừa thường nói tận hư không khắp pháp giới, không chỉ là thế giới này của chúng ta, mà vô lượng vô biên các cõi Phật đều do tự tánh của chúng ta biến hiện, đó là Như và Cảnh. Đã là do tự tánh biến hiện, có pháp nào chẳng phải là tự tánh? Pháp nào cũng đều là [tự tánh], đó gọi là *"pháp pháp giai Như"* (pháp nào cũng đều Như), chẳng có pháp nào không Như! Thiền Tông nói *"minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật"*. Tánh ở chỗ nào? Chẳng có pháp nào chẳng phải [là tánh].

Cổ đức nêu tỏ đôi chút ý nghĩa này, lại sợ đại chúng khó thể lãnh hội, bất đắc dĩ lại dùng tỷ dụ: *"Dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng"*. Tỷ dụ này rất bất đắc dĩ, thật sự là chẳng thể sánh ví được! Vì vàng xác thực là có vật chất tồn tại, còn tâm tánh thì chẳng có hình tướng, chẳng có thứ gì có thể sánh ví được. [Tỷ dụ được nói ở đây chỉ là]

---

[47] Tức là hai mươi câu trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Bát Thập Hoa Nghiêm (hoặc chương Cát Tường Vân của kinh Tứ Thập Hoa Nghiêm) nói về hai mươi môn Niệm Phật do tỳ-kheo Đức Vân dạy cho Thiện Tài.

giả thiết. Ví như chúng ta dùng vàng làm thành nhiều món đồ, tạo một bức tượng Phật [thì chúng ta coi tượng ấy] như một đức Phật; tạo tượng Bồ Tát thì là một vị Bồ Tát. Tạo tượng người thì tượng ấy là người. Tạo hình tượng súc sanh thì tượng ấy là súc sanh. Bản chất của chúng đều là vàng, giá trị hoàn toàn như nhau. Có nghĩa là: Tất cả hết thảy vạn pháp thế gian và xuất thế gian đều là tướng, đều do vàng chế ra. Nhìn từ Thể, chúng đều là vàng. Dùng Thể ấy để sánh ví tâm tánh, sánh ví với Chân Như bản tánh, có thứ gì chẳng phải là Chân Như bản tánh? Thảy đều là [Chân Như]; do đó, mọi pháp bình đẳng! Thật sự thấy chân tướng sự thật này bèn gọi là minh tâm kiến tánh, kiến tánh bèn thành Phật.

Phật pháp chẳng có gì khác, [hoàn toàn] là nói đến mê và ngộ. Mê là mê chân tướng sự thật này, ngộ vẫn là ngộ chân tướng sự thật này. Chân tướng sự thật chẳng có mê hay ngộ, mê hay ngộ ở nơi tâm chúng ta. Đã mê bèn tạo nghiệp, do tạo nghiệp bèn có quả báo luân hồi trong lục đạo. Đã giác ngộ, [nhưng] chưa triệt để giác ngộ thì cũng có quả báo, tức là quả báo trong tứ thánh pháp giới: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, và Phật. Khi mê là quả báo lục phàm, đã ngộ thì là quả báo tứ thánh. Nếu triệt ngộ, triệt để giác ngộ, giác ngộ đến mức viên mãn, lục phàm lẫn tứ thánh đều chẳng có, làm như thế nào? Phật pháp bất đắc dĩ nói một danh từ là Nhất Chân pháp giới, Nhất Chân pháp giới là triệt ngộ rốt ráo. Chưa đạt đến giác ngộ viên mãn rốt ráo, bèn có mười pháp giới. Vì vậy, Phật trong mười pháp giới chẳng phải là bậc giác ngộ viên mãn. Tạng Giáo có Phật, Thông Giáo có Phật, Biệt Giáo có Phật, những vị Phật ấy đều chưa giác ngộ triệt để. Nói theo Biệt Giáo, Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo mới phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Từ Sơ Địa đến Thập Địa phá mười phẩm, Đẳng Giác lại phá một phẩm, [tổng cộng là] mười một phẩm, [như vậy là] thành Phật [trong Biệt Giáo] mới phá mười hai phẩm vô minh. Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo phá một phẩm [vô minh], Thập Trụ phá mười phẩm, Sơ Hạnh phá mười một phẩm, Nhị Hạnh phá mười hai phẩm. Do vậy, Biệt Giáo Phật chỉ bằng với Bồ Tát thuộc địa vị Đệ Nhị Hạnh trong Viên Giáo. Quý vị muốn thành Phật, thành vị Phật nào phải hiểu rõ ràng! Nếu thành Tạng Giáo Phật, quý vị còn chưa đạt đến địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo, chỉ mạnh hơn A La Hán đôi chút, vẫn chưa kiến tánh, vẫn chưa phá vô minh, còn chưa chứng đắc Pháp Thân. Chúng ta chớ nên không biết những điều thường thức này!

Pháp môn Niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? *"Dĩ Như vi*

*cảnh"* (Lấy Như làm cảnh). Nói cách khác, một câu A Di Đà Phật là cảnh giới sở chứng của chư Phật, chẳng giống những pháp môn khác. Chúng ta trực tiếp duyên theo cảnh giới Phật, dùng Phật quả làm cái nhân để tu hành. Pháp môn này thù thắng khôn sánh! Tôi thường nói: Người niệm Phật rất đông, nhưng niệm Phật rốt cuộc có ưu điểm gì, họ chẳng biết! Nếu thật sự biết ưu điểm của pháp Niệm Phật, sẽ nhất định khăng khăng một mực niệm!

***(Diễn) Dĩ Như vi cảnh, vô cảnh phi Phật giả, thích thượng quán kỳ Pháp Thân dã.***

**(演)以如為境，無境非佛者，釋上觀其法身也。**

*(**Diễn**: "Dùng Như làm cảnh, không cảnh nào chẳng phải là Phật": [Nêu ra điều này để] giải thích chuyện quán Pháp Thân được nói trong phần trước).*

Pháp Thân là Chân Như. Pháp Thân là bản tánh.

***(Diễn) Pháp Thân tức Như Như chi lý.***

**(演)法身即如如之理。**

*(**Diễn**: Pháp Thân là lý Như Như).*

Lý là nói đối ứng với Sự. Có Sự bèn nhất định có Lý. Hễ có Lý bèn nhất định có Sự. Lý cũng là chân tánh. Tánh là nói đối ứng với tướng. Có tánh, đương nhiên là có tướng; có tướng, đương nhiên là có tánh. Trong Phật pháp nói tới tánh và tướng, Lý Sự vô ngại, Lý và tánh có cùng một ý nghĩa, Sự và tướng cũng là một ý nghĩa. Trong kinh Phật, thường là cùng một ý nghĩa mà nói khá nhiều danh từ. Vì sao phải nói như vậy? Một phen khổ tâm dạy học của đức Phật, chúng ta phải hiểu rõ: Dụng ý thật sự của Ngài là khiến cho chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật ấy, chớ nên chấp trước ngôn thuyết. Ngôn thuyết nói kiểu nào cũng đều được, chỉ cần nói chuyện ấy là được rồi! Ý nghĩa thật sự được bao hàm trong ấy là khiến cho chúng ta lìa tướng danh tự, chớ nên chấp trước danh tướng. Lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng tâm duyên, quý vị sẽ có thể hiểu rõ ý nghĩa chân thật do đức Phật đã nói: *"Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa"*. Nay chúng ta nghe kinh, nói thật ra, chẳng hiểu nghĩa chân thật của Như Lai. Không chỉ là chẳng hiểu, mà sau khi đã nghe, đúng là có rất nhiều kẻ hiểu lệch lạc ý nghĩa chân thật của Như Lai, nẩy

sanh hiểu lầm. Vốn là dụng ý rất tốt đẹp, kết quả là bị chúng ta sử dụng sai be bét!

***(Diễn) Nhược dĩ Như Như chi lý, vi sở quán cảnh, tắc Chân Như biến nhất thiết xứ, biến nhất thiết xứ giai Phật cảnh dã.***

**(演)若以如如之理，為所觀境，則真如遍一切處，遍一切處皆佛境也。**

*(**Diễn**: Nếu dùng lý Như Như làm cảnh để quán, do Chân Như trọn khắp hết thảy mọi nơi, nên trọn khắp hết thảy mọi nơi đều là cảnh Phật).*

Nếu chúng ta có thể khế nhập cảnh giới này, nhất định sẽ sanh đại hoan hỷ. Vì sao? Nhập cảnh giới này chính là quả vị Sơ Địa trong Biệt Giáo. Sơ Địa là Hoan Hỷ Địa, tâm đúng là chẳng nhiễm mảy trần, vạn pháp đều Như, vạn pháp bình đẳng. Hết thảy phân biệt, vọng tưởng, chấp trước thảy đều chẳng có, trí huệ hiện tiền. Đó là trí huệ chân thật.

***(Diễn) Thử tắc dĩ Bát Nhã trí chiếu pháp giới cảnh, cố vân Nhất Hạnh Niệm Phật.***

**(演)此則以般若智照法界境，故云一行念佛。**

*(**Diễn**: Đây là dùng trí Bát Nhã để chiếu pháp giới cảnh, vì thế gọi là Nhất Hạnh Niệm Phật).*

Trí Bát Nhã là vô tri, là Thật Trí. *"Chiếu"* (照) là khởi tác dụng. Cảnh giới của việc chiếu pháp giới là vạn hữu trong vũ trụ, chẳng có gì không biết. Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết, đó là Nhất Hạnh Niệm Phật. Trong Thiền Tông có nói tới Nhất Hạnh tam-muội, Niệm Phật tam-muội chính là thượng thượng thừa trong các thứ Nhất Hạnh tam-muội. Nhất Hạnh tam-muội thượng thượng thừa là Niệm Phật. Do vậy, chúng ta hiểu rõ: Nhất định phải thật thà niệm. Thật thà niệm thì mới có hiệu quả. Người niệm Phật đông đảo, niệm rất lâu mà chẳng có hiệu quả. Vì sao? Chẳng thật thà! Vì sao chẳng thật thà? Chẳng buông xuống. Chẳng buông xuống những gì? Chẳng buông vọng tưởng xuống, chẳng buông phiền não xuống.

Chư vị nhất định phải hiểu: Nếu chúng ta muốn thật sự sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới trong một đời này, quý vị nhất định phải

buông xuống! *"Đới nghiệp vãng sanh"* là mang theo cựu nghiệp đi vãng sanh, chẳng thể mang theo [nghiệp] hiện hành vãng sanh. *"Hiện hành"* là quý vị đang tạo tác, làm sao có thể vãng sanh cho được? Cố nhiên trong kinh có nói: Đến lúc mạng chung, ta mới buông xuống vẫn chẳng muộn, một niệm cuối cùng [hồi tâm đoạn ác, tu thiện, dũng mãnh phát nguyện, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ] bèn vãng sanh. [Thế nhưng], khi lâm chung, quý vị có thể buông xuống hay không? Quý vị có nắm chắc khi ấy sẽ buông xuống hay không? Quý vị hãy chú ý xem nhé, mấy ai khi lâm chung thần trí sáng suốt? Đa số đều là mê hoặc, điên đảo, bất tỉnh nhân sự! Bất tỉnh nhân sự, nói thật thà, trợ niệm vô dụng. Vì sao? Kẻ ấy chẳng nghe thấy, hoặc là nghe nhưng sanh phiền não. Bình thường, niệm Phật niệm rất khá, rất dụng công, đến khi lâm chung, trợ niệm cho kẻ ấy, kẻ ấy sanh phiền não, mắng chửi người khác. Vì sao? Tham sống sợ chết! "Tụi bay đều muốn cho tao chết mà!" Kẻ ấy vẫn chẳng muốn chết, chuyện này hết sức đáng sợ! Một niệm sai lầm, bèn sai lầm đến cùng, sai lầm quá nhiều! Do vậy, phải buông xuống trong lúc bình thường, lúc bình thường phải xem nhẹ, hờ hững đối với danh tiếng, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, có thể thật sự bỏ [những thứ đó] sẽ là phước, chẳng tạo tội nghiệp. Tạo tội nghiệp thì phải biết: Quyết định là chướng ngại, là tội chướng, chúng ta đã thấy quá nhiều! Do vậy, người niệm Phật trong lúc then chốt khẩn yếu, nghiệp chướng hiện tiền, chúng ta có thể sống trong nhân gian bao lâu? Dẫu thọ mạng dài, sống đến trăm tuổi, một trăm năm chỉ bất quá là ba vạn sáu ngàn ngày. Nếu cho quý vị một chồng tiền giấy gồm ba vạn sáu ngàn tờ, chẳng mấy hôm đã xài hết sạch, chẳng nhiều nhõi chi! Do vậy có thể biết: Mạng người ngắn ngủi. Chúng ta sống trong thế gian này là lữ du, tạm đi qua, nơi nào là nhà? Nơi nào là của chính mình? Thứ gì cũng chẳng phải, nhất định phải giác ngộ. Quý vị thật sự giác ngộ, sẽ chẳng tạo tội nghiệp.

Bản thân chúng ta tu học, cảnh giới cũng là mỗi năm mỗi khác, cũng là thời thời khắc khắc càng ngày càng có đôi chút tiến bộ. Trong quá khứ, tại đạo tràng này, quy y thì phải điền đơn quy y, giữ lại, nay chẳng cần nữa! Quý vị tới quy y, trao điệp quy y cho quý vị, quý vị đi theo đường lối của chính mình, tôi niệm Phật của tôi, đến thế giới Cực Lạc, tôi cũng chẳng cần phải biết quý vị, quý vị cũng chẳng cần phải biết tôi. Chẳng giữ lại danh sách [quy y], địa chỉ và điện thoại đều chẳng cần. Vì sao? Tâm thanh tịnh là bậc nhất. Quy y, tôi chứng minh cho quý vị là được rồi. Quý vị quy y Tam Bảo, chẳng phải là quy y tôi. Gần một năm

qua, chúng tôi càng thực hiện trong cuộc sống: Quy y Phật [là quy y] A Di Đà Phật; quy y Pháp [là quy y] kinh Vô Lượng Thọ; quy y Tăng [là quy y] Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát; đó là [những vị] Bồ Tát Tăng. Học hạnh đại từ đại bi của Quán Âm Bồ Tát, học một môn thâm nhập từ Đại Thế Chí Bồ Tát. Đại Thế Chí Bồ Tát chuyên tinh niệm Phật, *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"*, chúng ta học theo Ngài. Học theo Phổ Hiền Bồ Tát mở rộng tâm lượng, mỗi một hạnh môn, chẳng có hạnh nào không phải là tận hư không khắp pháp giới, Phổ Hiền hạnh mà! Chúng ta tu học nghiêm túc như vậy, trong tương lai vãng sanh thế giới Tây Phương, chẳng đạt được thượng thượng phẩm, [cũng] chắc chắn đạt được thượng trung phẩm. Đấy chính là thứ chúng ta có thể mang theo được! Chư vị phải biết: Thứ mang theo được thì phải nghiêm túc tu học. Thứ chẳng mang theo được, phải bỏ sạch sành sanh, cần tới những thứ ấy để làm gì cơ chứ? [Cần đến chúng], sau này sẽ đều trở thành những thứ rườm rà, vướng víu.

*"Nhất Hạnh tam-muội"*: Nhất Hạnh là gì? Nhất tâm tu là Nhất Hạnh, nhị tâm thì chẳng phải là Nhất Hạnh. Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương có nói: *"Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"*, đấy chính là Nhất Hạnh tam-muội.

***(Sao) Hựu tu Niệm Phật tam-muội, đa ước tiệm tu, vị tiên Hóa Thân, thứ Báo Thân, thứ Pháp Thân. Kim tắc nhất thời nhi tu, bất lịch thứ đệ, nhất hạnh, bất nhị hạnh; nhất thời, bất nhị thời. Cố viết tức Lý nhất tâm dã.***

***(Diễn) Tiên Hóa, thứ Báo, thứ Pháp giả, vị đạt duy tâm.***

**(鈔)**又修念佛三昧，多約漸修，謂先化身，次報身，次法身。今則一時而修，不歷次第，一行不二行，一時不二時，故曰即理一心也。

**(演)**先化次報次法者，未達唯心。

*(**Sao**: "Lại nữa, tu Niệm Phật tam-muội, phần nhiều thuộc về tiệm tu". Nghĩa là: Trước hết là Hóa Thân, kế đó là Báo Thân, rồi đến Pháp Thân. Nay thì tu trong cùng một lúc, chẳng theo thứ tự, là một hạnh, chẳng phải là hai hạnh, là một thời, chẳng phải là hai thời. Vì thế, nói là Lý nhất tâm.*

***Diễn**: Trước là Hóa Thân, kế đến là Báo Thân, rồi đến Pháp Thân, [là vì] chưa thông đạt duy tâm).*

*"Đạt"* (達) là thông đạt (通達). Chưa thể thật sự thông đạt, chưa thật sự thấy rõ tận hư không khắp pháp giới là do chân tâm của chúng ta biến hiện. Ắt phải là chính mình chứng đắc thì mới là "thông đạt". Nghe nói thì chưa được, "nghe nói" là nghe lỏm nói mò, vô dụng, chẳng phải là cảnh giới của chính mình, tự mình chẳng thể thọ dụng. Đó gọi là *"vị đạt duy tâm"* (chưa thông đạt duy tâm). Chưa thông đạt duy tâm mà tu những pháp môn khác, sẽ chẳng thể vượt thoát tam giới, chẳng coi là thành tựu được! Mới biết những pháp môn khác khó khăn, pháp môn Niệm Phật dễ dàng!

***(Diễn) Y sự thức quán Phật Hóa Thân.***

**(演)依事識觀佛化身。**

*(**Diễn**: Nương vào sự thức để quán Hóa Thân của Phật).*

Quán Hóa Thân dễ dàng, chẳng dễ quán Báo Thân và Pháp Thân! Báo Thân quá lớn, Pháp Thân chẳng có hình tướng. Bài kệ Tán Phật có câu: *"Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di; cám mục trừng thanh tứ đại hải"* (Tướng lông trắng cuộn tròn giữa hai mày to như năm quả núi Tu Di; mắt biếc trong veo như bốn biển lớn), đó là Báo Thân Phật. Đầu của Báo Thân Phật còn to hơn quả địa cầu, quý vị quán bằng cách nào? Cổ nhân lên chơi Lư Sơn, ở ngay trong Lư Sơn mà chẳng nhìn thấy diện mục thật sự của Lư Sơn. Hiện thời, ngồi máy bay bèn thấy rõ ràng, chứ ở trong núi, xác thực là chẳng nhìn thấy. Giống như con kiến bò trên thân chúng ta, chẳng thấy toàn thể thân người, tình hình mường tượng như vậy đó. Ứng Hóa Thân: Phật hóa thân tùy theo từng loài, nên quán dễ dàng. Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế gian bằng Ứng Hóa Thân, thị hiện thân cao trượng sáu. Một trượng sáu tính theo thước đời Châu sẽ bằng khoảng chừng một trăm chín mươi xăng-ti-mét (cm). Tướng Phật như vậy, chúng ta quán tưởng dễ dàng. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, đức Phật dạy chúng ta quán thân trượng sáu. Hiện thời, tượng Phật được thờ trong tự viện cao bốn thước, chúng ta quán dễ dàng!

Quán Tượng Niệm Phật là ghi khắc tượng Phật trong óc, Phật pháp nói là *"in vào trong tám thức điền"*, khiến cho chúng ta mỗi ngày từ sáng đến tối khởi tâm động niệm, trong tâm luôn tưởng Phật thì mới hữu dụng! Chẳng tưởng Phật bèn dấy vọng tưởng, chư vị phải biết: Vọng tưởng là tạo nghiệp luân hồi. Quý vị biết sự thật này, mới biết là đáng sợ. Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối luôn tạo nghiệp luân hồi

trong lục đạo. Đã luân hồi trong lục đạo, lại còn chẳng tạo nghiệp của ba thiện đạo, mà chuyên tạo nghiệp của ba ác đạo, tức tham, sân, si. Tham, sân, si phiền não nặng nề, hằng ngày khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều làm chuyện này. Chớp mắt bèn sang đời sau, đời sau bèn đọa trong tam đồ, quý vị nói xem có đáng sợ lắm hay chăng?

Đức Phật dạy chúng ta trong mười hai thời, niệm nào cũng đều tưởng Phật, nhớ Phật, niệm Phật, dùng Phật làm cảnh giới, chẳng nghĩ gì khác! Trong mười pháp giới, chúng ta tạo nghiệp gì? Chúng ta tạo nghiệp thuộc Phật pháp giới! Không chỉ là tạo nghiệp thuộc Phật pháp giới, ta chuyên tạo nghiệp của Tây Phương Cực Lạc thế giới, đời sau sẽ đến chỗ nào? Nhất định là đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, là chuyện như thế đó! Kinh đã nói về Tây Phương Cực Lạc thế giới rất rõ ràng: *"Chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ"* (Các vị thượng thiện nhân ở cùng một chỗ). Chớ nên sơ sót câu này! Chúng ta có phải là thiện nhân hay chăng? Chẳng cần nói tới *"thượng thiện"*, chúng ta có phải là thiện nhân hay không? Nếu chẳng phải là thiện nhân, dẫu niệm Phật tốt đẹp cách mấy, vẫn chẳng thể vãng sanh được! Vì sao? A Di Đà Phật tiếp dẫn chúng ta đến đó, nhưng đại chúng trong thế giới Tây Phương sẽ cự tuyệt. Vì sao cự tuyệt? "Ngươi chẳng tốt lành, dự vào đoàn thể của chúng ta sẽ làm hỏng đoàn thể, chẳng cho ngươi đến đây!"

Ba kinh chính là đức Phật nói theo ba giai đoạn. Thoạt đầu, nói kinh Vô Lượng Thọ nhằm giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thứ hai, lại giảng kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nhằm dạy chúng ta phương pháp vãng sanh. Cuối cùng nói kinh A Di Đà, khuyên chúng ta phải tin, phải nguyện, phải niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Do vậy, kinh A Di Đà nhằm khuyên tu, phương pháp ở trong Quán Kinh. Trong Quán Kinh, tiêu chuẩn quan trọng nhất chính là Tam Phước. Chúng ta tu Tam Phước sẽ là thiện nhân, có thể đắc Niệm Phật tam-muội, đó là thượng thiện! Chớ nên sơ sót chuyện này. Trong Tam Phước, điều thứ nhất là *"hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện nghiệp"*. Đấy là căn cơ tu học Phật pháp, giống như xây nhà, đây là nền tảng. Chẳng có nền tảng ấy, toàn bộ đều thất bại. Nay chúng ta học Phật, mọi người đều đã quy y, quy y thuộc vào điều thứ hai: *"Thọ trì Tam Quy, trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi"*. [Điều này] được kiến lập trên cơ sở của điều trước. Bốn câu trong điều trước giống như nền móng của tầng thứ nhất. Chẳng có tầng thấp nhất, làm sao có thể có tầng thứ hai? Điều thứ ba là *"phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa,*

*khuyến tấn hành giả"*, đấy là tầng thứ ba. Phải giống như dựng lầu ba tầng, nhất định là trước hết xây tầng thứ nhất, rồi xây tầng thứ hai, sau đó xây tầng thứ ba. Chẳng có tầng dưới, lấy đâu ra tầng trên? Chúng ta đã sơ sểnh chuyện này!

Người niệm Phật đông đảo, người vãng sanh hiếm hoi, do nguyên nhân nào? Chẳng xây đắp nền tảng vững chắc! Dẫu niệm Phật tốt đẹp, nhưng chẳng phải là thiện nhân; vì thế, chẳng thể tương ứng với Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng thể vãng sanh, đáng tiếc lắm! Trong Quán Kinh, phu nhân Vi Đề Hy hướng về đức Phật thỉnh giáo phương pháp tu hành hòng được vãng sanh. Trước khi dạy phương pháp, trước hết, đức Phật dạy bà ta Tam Phước, bảo bà ta: Ba điều ấy chính là *"tam thế chư Phật tịnh nghiệp chánh nhân"*. Câu nói này rất quan trọng! *"Tam thế chư Phật"* là quá khứ, hiện tại, vị lai hết thảy chư Phật, các Ngài thành Phật đều dựa trên cơ sở Tam Phước. Bất luận quý vị tu pháp môn nào, bất luận tu theo tông phái nào, thành Phật thảy đều là do từ cơ sở ấy mà tu thành, cơ sở ấy quan trọng lắm! Chẳng dựa trên cơ sở ấy để tu hành, làm sao có thể thành tựu cho được? Chẳng thể nào! Hiếu thảo với cha mẹ, tôn trọng thầy, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện nghiệp, trọng yếu lắm!

Chúng ta lại hồi tưởng thời đầu Dân Quốc, Tịnh Tông tổ sư Ấn Quang đại sư lão nhân gia suốt đời đặc biệt đề xướng ba tác phẩm Liễu Phàm Tứ Huấn, Cảm Ứng Thiên Vựng Biên và An Sĩ Toàn Thư. Rất nhiều kẻ lấy làm lạ: Ba thứ ấy đều chẳng phải là kinh Phật! Cảm Ứng Thiên của Đạo giáo, phần đầu của An Sĩ Toàn Thư là Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn cũng thuộc Đạo giáo. Cớ sao tổ sư đề xướng? Chúng ta đối chiếu với Tam Phước đôi chút, bèn hoảng nhiên đại ngộ: [Nội dung của] ba quyển sách ấy chính là bốn điều trước trong Tam Phước, khuyên chúng ta *"hiếu thuận cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện nghiệp"*. Tuy chẳng có Tam Quy, nhưng có trì giới. Tổ sư dùng ba tác phẩm ấy để đặt vững vàng cơ sở chân thật cho chúng ta. Từ trên cơ sở ấy, thật thà niệm Phật, chẳng có một ai không vãng sanh. Ba loại sách ấy tính gộp chung số lượng đã được in lên đến hơn ba trăm vạn bộ, có thể thấy Tổ coi trọng ba loại sách ấy, đúng là rát miệng buốt lòng!

*"Vị đạt duy tâm"* (Chưa thông đạt duy tâm): Chưa minh tâm kiến tánh. Nói theo Tịnh Độ Tông, sẽ là chưa đắc Lý nhất tâm, quý vị tu theo mặt Sự.

***(Diễn) Dĩ đạt duy tâm, y nghiệp thức quán Phật Báo Thân, năng đoạn vô minh.***

**(演)已達唯心，依業識觀佛報身，能斷無明。**

*(**Diễn**: Đã đạt duy tâm, nương vào nghiệp thức để quán Báo Thân của đức Phật, có thể đoạn trừ vô minh).*

Người đã kiến tánh quán Báo Thân chẳng khó! Thấy bản tánh, trí huệ Bát Nhã trong bản tánh lưu lộ, đương nhiên khác hẳn: Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Do vậy, có thể đoạn vô minh.

***(Diễn) Thứ y Bát Nhã quán Phật Pháp Thân.***

**(演)次依般若觀佛法身。**

*(**Diễn**: Kế đó, nương vào Bát Nhã để quán Pháp Thân của Phật).*

Phá một phẩm vô minh bèn chứng một phần Pháp Thân. Trong Tịnh Độ Tông, điều này được gọi là cảnh giới Lý nhất tâm bất loạn, chính là cảnh giới minh tâm kiến tánh trong Thiền Tông.

***(Diễn) Kim tắc nhất thời nhi tu, bất lịch thứ đệ.***

**(演)今則一時而修，不歷次第。**

*(**Diễn**: Nay thì tu đồng thời, chẳng theo thứ tự).*

Nay chúng ta chọn lựa pháp môn Niệm Phật, chẳng cần quan tâm người ấy quán Sự Phật hay quán Lý Phật, trong tâm chẳng cần chấp trước điều ấy, cứ một câu A Di Đà Phật niệm tới cùng. Hóa Thân cũng vậy, Báo Thân cũng vậy, Pháp Thân cũng thế, thảy đều chẳng quan tâm, một câu Phật hiệu đã bao gồm toàn bộ! Phương pháp này tuyệt diệu! *"Bất lịch thứ đệ"* (Chẳng theo thứ tự): Tông Thiên Thai nói là Nhất Tâm Tam Quán, chẳng cần dính dáng đến thứ tự, nhưng chư vị phải biết: Trừ Tịnh Tông và Thiền Tông ra, [tu tập trong các tông khác] đều là có thứ tự. Tịnh Độ Tông chẳng có thứ tự, Thiền Tông cũng chẳng có thứ tự, không tuân theo thứ tự.

***(Diễn) Hà giả? Hóa Thân thị Dụng, Báo Thân thị Trí, Pháp Thân thị Lý.***

**(演)何者，化身是用，報身是智，法身是理。**

***(Diễn**: Cớ sao? Hóa Thân là Dụng, Báo Thân là Trí, Pháp Thân là Lý).*

Là một Thể. Một Thể, ba thân. Đức Phật hiện thân là khởi tác dụng, Tự Thọ Dụng của Phật là Báo Thân. Báo Thân là thân trí huệ, cho nên là Trí. Ứng Thân là Tha Thọ Dụng, là biến hóa, nhằm giúp đỡ hết thảy chúng sanh. Giảng kinh, thuyết pháp đều bằng Ứng Hóa Thân, ở trong lục đạo hóa độ chúng sanh. Thân tướng do chư Phật, Bồ Tát đã hiện toàn là Ứng Hóa Thân, có tác dụng nhằm hóa độ chúng sanh mà hiện, chẳng phải để tự hưởng thụ (Tự Thọ Dụng). Tự Thọ Dụng là thân trí huệ, là Báo Thân.

Lần này, tôi xuống miền Nam giảng kinh. Ở phương Nam, có một cô bé ba tuổi, có lẽ đời trước là người tu hành, linh tánh chẳng bị mê muội. Khi hai tuổi, dạy cô bé niệm Tâm Kinh, ba lượt bèn thuộc lòng. Cô bé ấy cách đây không lâu đã thấy A Di Đà Phật nơi bức tường trên vách nhà mình. Cô bé nói: "A Di Đà Phật đến rồi! Toàn thân là quang minh, thân thể to lắm, ánh sáng nơi đầu [sáng rực] như mặt trời". Người khác trong nhà chẳng thấy, chỉ có cô bé thấy. Người ta hỏi "ở đâu?" Cô chỉ về phương hướng của bức tường. Người xung quanh có kẻ hướng về bức tường ấy xá, [cha mẹ cô bé kể là] cô bé nói A Di Đà Phật sờ đầu tóc bé, chẳng sờ tóc của hai người chúng tôi. Một lúc sau, cô bé lại sợ hãi: "A Di Đà Phật khóc rồi, ứa lệ". Một lát sau, chẳng còn nữa. Mẹ cô bé hỏi: "Vì sao A Di Đà Phật khóc?" Cô bé cũng đã từng thấy Quán Âm Bồ Tát, trong nhà có thờ tượng Quán Âm Bồ Tát. Quán Âm Bồ Tát bỏ đi, cô bé kêu khóc: "Quán Âm Bồ Tát đừng đi! Quán Âm Bồ Tát bỏ đi rồi". Bốn hôm sau, cô lại thấy Quán Âm Bồ Tát trở về. Vì sao đức Phật ứa nước mắt? Điều này đáng cho chúng ta kiêng dè, Phật, Bồ Tát hiện hình tượng nhằm cảnh cáo chúng ta. Chúng ta nhìn vào xã hội hiện tại; trước ngày vãng sanh, thầy Lý có nói: "Thế giới này đã loạn [đến nỗi] chư Phật, Bồ Tát, thần tiên có đến nhưng đều chẳng thể cứu được!" Khi ấy, nếu chẳng thật thà niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ; nói thật ra, chẳng có con đường thứ hai nào để đi an lành nữa! Phải đặc biệt dụng công, đặc biệt nghiêm túc, quyết chẳng phải là trò đùa bỡn của trẻ nít!

***(Diễn) Trí ngoại vô Như, cố Báo tức Pháp. Như ngoại vô Trí, cố Pháp tức Báo.***

**(演)智外無如，故報即法；如外無智，故法即報。**

*(**Diễn**: Ngoài Trí chẳng có Như, nên Báo Thân chính là Pháp Thân. Ngoài Như không có Trí, nên Pháp Thân chính là Báo Thân).*

*"Trí"* là trí huệ Bát Nhã; ngoài trí huệ Bát Nhã chẳng có bản tánh. Trí huệ Bát Nhã sanh từ bản tánh, là một. Vì thế, Báo Thân là Pháp Thân. *"Như ngoại vô Trí"* (Ngoài Như chẳng có Trí), cho nên Pháp Thân là Báo Thân.

***(Diễn) Thể ngoại vô Dụng, cố Pháp Báo tức Ứng.***

**(演)體外無用，故法報即應。**

*(**Diễn**: Ngoài Thể chẳng có Dụng, nên Pháp Thân và Báo Thân chính là Ứng Thân).*

Dụng là Ứng Hóa Thân; vì thế, Pháp Thân [và Báo Thân] là Ứng Thân.

***(Diễn) Dụng ngoại vô Thể, cố Ứng tức Pháp Báo.***

**(演)用外無體，故應即法報。**

*(**Diễn**: Ngoài Dụng chẳng có Thể, nên Ứng Thân chính là Pháp Thân và Báo Thân).*

Ứng Thân là Pháp Thân, là Báo Thân.

***(Diễn) Cử nhất tức tam, ngôn tam tức nhất cố.***

**(演)舉一即三，言三即一故。**

*(**Diễn**: Nêu lên một chính là ba, tuy nói là ba mà chính là một).*

Thể, Tướng, Dụng, ba điều là một. Đối với kinh Hoa Nghiêm, ba chữ Đại Phương Quảng biểu thị Thể, Tướng, Dụng, *"Đại"* là tán thán Thể: Chân Như bản tánh chẳng có gì để có thể hình dung nổi, bất đắc dĩ dùng chữ Đại [để biểu thị]. *"Phương"* là Tướng. *"Quảng"* là tác dụng. Vì thế, Đại là Pháp Thân, Phương là Báo Thân, Quảng là Ứng Hóa Thân, một tức là ba, ba tức là một. Đây là lời giải thích về cách tu Niệm Phật tam-muội.

***(Diễn) Hựu nhất thời nhi tu giả.***

**(演)又一時而修者。**

*(**Diễn**: Lại nữa, "tu đồng thời"...).*

Đây lại là một ý nghĩa, đều nhằm giải thích từ ngữ *"nhất thời nhi tu"*.

***(Diễn) Viên nhân bất độc tùy quán nhất thân tức thị tam thân, đản thú cử nhất trần tam thân cụ túc.***

**(演)圓人不獨隨觀一身即是三身，但趣舉一塵三身具足。**

*(**Diễn**: Người thuộc căn tánh Viên Giáo chẳng chỉ quán một thân chính là ba thân, mà tùy tiện lấy một vi trần thì trong ấy sẽ có trọn đủ ba thân).*

*"Viên"* là người thuộc căn tánh Viên Giáo, cũng có thể nói là người có trí huệ viên mãn. Tối thiểu chúng ta cũng nên gọi người ấy là người có trí huệ viên dung, không chỉ là *"tùy quán nhất thân tức thị tam thân"* (quán một thân chính là ba thân), [nghĩa là] quán Pháp Thân là Báo Thân và Ứng Thân, quán Ứng Thân là Pháp Thân và Báo Thân. *"Đản thú cử nhất trần tam thân cụ túc"* (Tùy tiện lấy một vi trần thì trong ấy có trọn đủ ba thân), *"trần"* (塵) là vi trần. Nói cách khác, tùy ý lấy bất cứ pháp nào, không gì chẳng phải là Phật pháp. Cảnh giới này cao lắm, xác thực là cảnh giới của Như Lai và đại Bồ Tát, phàm phu chúng ta chẳng có cách nào! Vì sao? Phàm phu chấp trước nơi sự tướng, tâm lượng hết sức nhỏ hẹp, chẳng biết mỗi pháp đều là tự tánh. Hễ biết mỗi pháp đều là tự tánh thì ba thân trọn đủ. Tướng của mỗi vi trần là Hóa Thân, Thể của mỗi vi trần là Pháp Thân và Báo Thân. Vì thế, hết thảy các pháp chẳng có pháp nào không phải là Thị, chẳng có pháp nào không Như, pháp nào cũng đều là Như, pháp nào cũng đều là Thị.

Mở đầu kinh này là *"như thị ngã văn"*; dùng hai chữ Như Thị, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trọn vẹn hết thảy các pháp do Ngài đã giảng trong bốn mươi chín năm. Phật pháp nhiều ngần ấy, [thế mà bằng] một hai chữ, thảy đều giảng xong! Bốn mươi chín năm giảng giải, giảng những gì? Nhằm giảng về Như và giảng về Thị. *"Như"* là nói về Thể, *"Thị"* là nói về Tướng và Dụng. Ngôn ngữ của đức Phật đơn giản, một câu, một chữ bèn nói trọn hết, chúng ta nghe chẳng hiểu, nên Ngài mới

phải mất công giải thích suốt bốn mươi chín năm. Trong bốn mươi chín năm, Ngài đã giảng hết thảy các kinh để giải thích: "Như là gì? Thị là gì?" Giải thích suốt bốn mươi chín năm! Đại Tạng Kinh, nói thật ra [chỉ] là một phần của những điều Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm. Có nhiều phần chưa được truyền sang Trung Hoa, có những kinh được truyền sang Trung Hoa, nhưng chẳng được phiên dịch. Quý vị mới biết: Hai chữ Như Thị sâu không đáy, rộng vô biên, sâu rộng vô hạn, vì nó là danh từ xứng tánh.

***(Diễn) Nhất quán, nhất thiết quán; nhất thiết quán, nhất quán; phi nhất, phi nhất thiết; như thử chi quán nhiếp nhất thiết quán dã.***

**(演)一觀一切觀，一切觀一觀，非一非一切，如此之觀攝一切觀也。**

*(**Diễn**: Quán một là quán hết thảy, quán hết thảy là quán một; chẳng phải một, chẳng phải hết thảy. Quán như vậy gồm trọn quán hết thảy).*

Quán và Tưởng rất gần gũi. Kinh Phật, tổ sư đại đức chẳng dùng những danh từ *"tưởng, tư khảo, nghiên cứu"* (想、思考、研究: suy tưởng, suy xét, nghiên cứu), mà dùng Quán và Tham. Nói thật ra, tác dụng [của Quán, Tham] và [tác dụng của] nghiên cứu, tư duy, tưởng tượng chẳng sai khác cho mấy. Chỗ khác biệt là đâu? Phàm phu chúng ta dùng ý thức. Dùng ý thức thì gọi là nghiên cứu, tư duy, hoặc tưởng tượng, chẳng gọi là Quán. Vì Quán chẳng thể dùng ý thức. Giáo Hạ nói Quán (觀), Tông Môn nói Tham, tiêu chuẩn là lìa tâm ý thức, đó gọi là Tham (參). Chữ thứ nhất trong Tâm Kinh là Quán, tức Quán Tự Tại Bồ Tát, dùng chữ này. Nếu quý vị biết dùng Quán, sẽ tự tại, sẽ là Bồ Tát. Chúng ta chẳng biết dùng! Biết dùng là như thế nào? Lìa tâm ý thức bèn là Quán. Lìa tâm ý thức bằng cách nào? Trước hết, chúng ta phải hiểu tác dụng của tâm ý thức là gì, sẽ dễ dàng lãnh hội. *"Tâm"* là A Lại Da, *"Ý"* là Mạt Na, *"Thức"* là thức thứ sáu, tức Ý Thức. Xét theo tác dụng của chúng, thức thứ sáu tức Ý Thức là phân biệt, thức thứ bảy chấp trước, thức thứ tám tức A Lại Da Thức ghi giữ ấn tượng, biến thành chủng tử. Lìa tâm ý thức, nhìn vào tác dụng, quý vị sẽ thấy rất đơn giản: Chẳng phân biệt bèn lìa thức thứ sáu. Chẳng chấp trước bèn lìa thức thứ bảy. Chẳng giữ lại ấn tượng bèn lìa thức thứ tám. Tùy thuộc chúng ta có bản lãnh hay không, thấy sắc, nghe tiếng, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chẳng có phân

biệt, chẳng có chấp trước, chẳng giữ lại ấn tượng, đó là Quán. Nhận biết rành mạch, rõ ràng cảnh giới bên ngoài thì dùng công phu này mới được! Vận dụng cách Quán này vào hết thảy cảnh giới, sẽ hóa thành một với cảnh giới, quán một cảnh giới là quán hết thảy cảnh giới. *"Một chính là hết thảy, hết thảy chính là một"*, đấy là công phu thật sự. Nói cách khác, quý vị chẳng lìa khỏi tâm ý thức, dẫu đắc nhất tâm bất loạn, thì đó là Sự nhất tâm. Thật sự lìa tâm ý thức, nhất tâm bất loạn bèn là Lý nhất tâm. Lý nhất tâm và Sự nhất tâm sai biệt ở chỗ này. Lý nhất tâm sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, bèn sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chẳng phải là cõi Phàm Thánh Đồng Cư.

Trong đoạn văn này và đoạn kế tiếp, sau đoạn này hãy còn một đoạn rất dài, đều giảng về Lý nhất tâm, cảnh giới đều rất cao. Nghe hiểu thì rất tốt, chẳng nghe hiểu thì cũng xong, chớ nên suy nghĩ loạn xạ, hãy thật thà niệm Phật, chúng ta có thể sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng rất tốt. Chẳng hiểu rõ chuyện này, sau khi đã đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thỉnh giáo A Di Đà Phật, A Di Đà Phật nói vắn tắt mấy chữ, hoặc đôi ba câu, quý vị liền khai ngộ. Chẳng đến Tây Phương thế giới, đương nhiên quý vị cũng chẳng thấy A Di Đà Phật, cũng chẳng có cách nào đối trước A Di Đà Phật thỉnh giáo. Vì thế, chúng ta nghe đoạn văn này, chớ nên chấp trước, chớ nên suy nghĩ. Vì sao? Quý vị chẳng suy nghĩ thì còn khá, càng suy nghĩ càng trật! Vì sao? Quý vị rớt vào tâm ý thức. [Sử dụng] tâm ý thức chẳng thể khai ngộ, [sử dụng] tâm ý thức sẽ chẳng thể liễu giải ý nghĩa chân thật. *"Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa"* mà dùng tâm ý thức sẽ vĩnh viễn chẳng thể thực hiện được; lìa tâm ý thức thì mới có thể liễu giải nghĩa chân thật của Như Lai. Vì đức Như Lai thuyết pháp chẳng dùng tâm ý thức, chúng ta dùng tâm ý thức để mong liễu giải cái chẳng dùng tới tâm ý thức thì hiểu rõ bằng cách nào? Đạo lý ở chỗ này.

Vì thế, kẻ bình phàm trong thế gian vận dụng suy xét, nghiên cứu, so sánh vào Phật pháp, đã biến Phật pháp thành pháp thế gian, biến Phật pháp thành triết học, học thuật, tôn giáo. Phật pháp chẳng phải là triết học, chẳng phải là học thuật, cũng chẳng phải là tôn giáo. Phật pháp xác thực là đã nói rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Thể của vũ trụ là Chân Như bản tánh. Hết thảy muôn tướng là do Chân Như bản tánh khởi tác dụng biến hiện. Nói rõ sự thật này, quyết chẳng thể dùng tâm ý thức. Thiền Tông lìa tâm ý thức mới gọi là tham Thiền; hễ dùng tâm ý thức bèn gọi là suy nghĩ loạn xạ. Giáo Hạ lìa tâm ý thức thì mới có thể đại

khai viên giải. Dùng tâm ý thức, quý vị bèn đọa lạc trong *"giáo võng"* (教網). Giáo pháp giống như cái lưới, rất phức tạp, nói quá nhiều, dày đặc, chồng chéo như mạng lưới, quý vị vướng trong đó, chẳng thể thoát ra được! Đây là một yếu quyết (要訣: bí quyết trọng yếu) rất quan trọng: Quyết định chớ nên dùng tâm ý thức.

Vì thế, niệm Phật cao minh, cao minh ở chỗ nào? Một câu A Di Đà Phật niệm đến cùng, chẳng dùng tâm ý thức. Niệm lâu ngày, sẽ đắc Định, có Định bèn khai Huệ. *"Chẳng cậy vào phương tiện, tự được tâm khai"*, *"tâm khai"* là đại triệt đại ngộ của Thiền Tông, là đại khai viên giải của Giáo Hạ, thành tựu Hậu Đắc Trí, không gì chẳng biết. Một câu Phật hiệu là Căn Bản Trí và Hậu Đắc Trí tu học đồng thời, Tam Học Giới, Định, Huệ, Tam Huệ Văn, Tư, Tu của Bồ Tát, ba tư lương Tín, Nguyện, Hạnh của Tịnh Tông được hoàn thành đồng thời trong một câu Phật hiệu. Pháp môn này thù thắng, thiện xảo, khó có! Chúng ta phải nhận biết rõ ràng, phải nghiêm túc tu học. Hôm nay đã hết thời gian rồi!

***Tập 236***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm năm mươi tám:

***(Sao) Khởi Tín Chân Như giả, luận vân: "Nhược quán bỉ Phật Chân Như Pháp Thân, thường cần tu tập, tất cánh đắc sanh, trụ Chánh Định cố".***

**(鈔)起信真如者，論云：若觀彼佛真如法身，常勤修習，畢竟得生，住正定故。**

*(**Sao**: Trong Khởi Tín Luận, Chân Như được luận ấy giảng như sau: "Nếu quán Chân Như Pháp Thân của đức Phật ấy, thường siêng năng tu tập, rốt ráo được vãng sanh, trụ trong Chánh Định").*

Lại nêu ra lời khai thị của Mã Minh Bồ Tát trong Đại Thừa Khởi Tín Luận. Khởi Tín Luận cũng khuyên dạy chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Đây là một bộ luận điển rất quan trọng trong pháp Đại Thừa.

***(Diễn) Nhược quán bỉ Phật Chân Như Pháp Thân giả, năng quán tức thị Nhất Tâm Tam Quán, sở quán tức thị Tam Đế Nhất Cảnh, vị chi "quán bỉ Phật" giả. Thị thác bỉ quả Phật viên minh chi***

***Thể, hiển ngã chúng sanh Tánh Đức chi Phật dã.***

**(演)若觀彼佛真如法身者，能觀即是一心三觀，所觀即是三諦一境，謂之觀彼佛者，是託彼果佛圓明之體，顯我眾生性德之佛也。**

*(**Diễn**: "Nếu quán Chân Như Pháp Thân của đức Phật ấy": Chủ thể để quán là Nhất Tâm Tam Quán, đối tượng được quán là Tam Đế Nhất Cảnh. Nói "quán đức Phật ấy" chính là cậy vào cái Thể viên minh của đức Phật nơi quả địa để hiển lộ đức Phật nơi Tánh Đức của bọn chúng sanh chúng ta).*

Hai câu này rất trọng yếu, nói rõ vì sao phải quán A Di Đà Phật. *"Bỉ Phật"* chính là Tây Phương thế giới A Di Đà Phật, phải quán Pháp Thân của Ngài. Từ kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, chúng ta biết rõ ba thân của Tây Phương thế giới A Di Đà Phật là một Thể. Nêu ra một chính là ba, bất luận Hóa Thân hay Báo Thân, thảy đều là Pháp Thân, ba thân là một thân.

Đối với Quán, [nêu ra các khái niệm] năng quán và sở quán là dựa theo cách nói của Thiên Thai đại sư, còn trong [Khởi Tín] Luận chỉ nói Quán. Pháp sư Cổ Đức dùng phương pháp Chỉ Quán của tông Thiên Thai để giải thích. Nói Nhất Tâm Tam Quán nhằm vạch rõ chẳng phải là Thứ Đệ Tam Quán, mà là viên dung. Chân - Giả - Trung là Tam Quán, một tức là ba, ba tức là một, đó gọi là Nhất Tâm Tam Quán, chẳng có thứ tự. Cảnh giới được quán cũng là Nhất Tâm Tam Đế, *"Tam Đế nhất cảnh"*. Do vậy có thể biết, Giáo Hạ tu Quán, *"tùy văn nhập quán"* là phương pháp dụng công của Giáo Hạ. Tùy văn nhập quán rất gần với Thiền, Chỉ Quán cũng là Thiền. Ngàn muôn phần đừng hiểu lầm [tùy văn nhập quán] là dựa theo kinh văn để rồi dấy vọng tưởng [suy đoán lung tung kinh văn có ý nghĩa như thế này, hàm ý như thế nọ], sai mất rồi! Đấy chẳng phải là phương pháp tu trì của Giáo Hạ. Phương pháp tu trì của Giáo Hạ, đặc biệt là Nhất Tâm Tam Quán, đúng là rất dễ khai ngộ. Giáo Hạ nói [sự khai ngộ ấy là] *"đại khai viên giải"*, có thể thấy: Đều phải là thật sự dụng công, chẳng đổ công dốc sức sẽ không được!

Trọng tâm của công phu là ở chỗ nào? Thiên Thai đại sư đã nói rất minh bạch: Mấu chốt ở ngay nơi Nhất Tâm. Cách tu Nhất Tâm Tam Quán là như thế nào? Nhất tâm tự nhiên có đủ Tam Quán, Tam Quán là tác dụng của nhất tâm. Nếu quý vị chẳng đạt tới nhất tâm, sẽ chẳng có Tam Quán! Chẳng đạt tới nhất tâm, tu bằng cách nào? Tông Thiên Thai

có một phương tiện gọi là Thứ Đệ Tam Quán. [Trong cách tu này], Tam Quán chưa thể [vận dụng] đồng thời, chưa thể viên dung; hễ đồng thời viên dung, sẽ nhất định đạt tới nhất tâm. Do vậy có thể biết: Chúng ta niệm Phật đạt đến nhất tâm bất loạn, khi ấy, tâm chúng ta khởi tác dụng, Thiên Thai đại sư gọi nó là Nhất Tâm Tam Quán. Đúng là nhất tâm hết sức khó khăn, chúng ta khởi tâm động niệm bèn rớt vào hai, ba. "Hai" là nhị ý, Mạt Na Thức là Ý Căn, thức thứ sáu là Ý Thức. "Ba" là tam tâm, tức là A Lại Da Thức, Mạt Na Thức, và thức thứ sáu, tức Ý Thức. Chúng ta thường nói *"tam tâm, nhị ý"*, danh từ này phát xuất từ kinh Phật. Tam tâm nhị ý chẳng phải là nhất tâm. Mấu chốt là nhất tâm, chúng ta tu nhất tâm như thế nào? Chúng ta có thể tạm thời không hỏi tới Tam Quán, chỉ nói tới nhất tâm. Vì quý vị đã đắc nhất tâm, tự nhiên Tam Quán hiện tiền, cảnh giới được quán bởi quý vị sẽ tự nhiên là Tam Đế Nhất Cảnh, nhất cảnh là gì? Là Nhất Chân pháp giới như kinh Hoa Nghiêm đã nói.

Chúng ta dùng tam tâm nhị ý, sẽ biến Nhất Chân pháp giới thành mười pháp giới. Trong mười pháp giới có Phật pháp giới, vị Phật ấy có trụ trong Nhất Chân pháp giới hay không? Chẳng phải. Vị Phật ấy là Tạng Giáo Phật hoặc Thông Giáo Phật, chưa kiến tánh, chẳng thuộc vào Nhất Chân pháp giới, Ngài là Phật trong mười pháp giới. Phật loại nào mới thuộc về Nhất Chân pháp giới? Biệt Giáo Phật và Viên Giáo Phật thuộc vào Nhất Chân pháp giới. Tạng Giáo Phật và Thông Giáo Phật đều là Phật trong mười pháp giới, chẳng rốt ráo, chẳng viên mãn, vì các Ngài vẫn dùng tam tâm nhị ý. Người ta dùng [tam tâm nhị ý, nhưng dùng] tinh thuần, dùng chánh đáng, còn chúng ta cũng dùng tam tâm nhị ý, nhưng dùng sai be bét! "Tứ thánh" là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, các Ngài dùng [tam tâm nhị ý] chánh đáng, chẳng dùng sai, chúng ta dùng sai cái tâm, tâm ấy là A Lại Da Thức. Tuân theo giáo huấn của đức Phật, sửa đổi các sai lầm trong tư tưởng và kiến giải, chính là pháp tu của tứ thánh pháp giới trong mười pháp giới. Nay pháp môn này thù thắng, vượt trỗi tứ thánh, nhập Nhất Chân pháp giới, quý vị mới biết nhất tâm đáng quý!

Kinh này dạy chúng ta một phương pháp thật sự kỳ diệu tột bậc, sử dụng phương pháp gì vậy? Tín, nguyện, trì danh. *"Thác bỉ quả Phật viên minh chi Thể"* (Nương cậy vào cái Thể viên minh của đức Phật nơi quả địa): A Di Đà Phật là Viên Giáo Phật, là vị Phật viên mãn rốt ráo, chẳng phải là Tạng Giáo, Thông Giáo, hoặc Biệt Giáo Phật. Câu danh hiệu này trọn đủ công đức viên mãn do đức Như Lai đã chứng nơi quả

địa. Quả đức viên mãn, đương nhiên Tu Đức được tu tập nơi nhân địa tự nhiên cũng được hàm nhiếp trong ấy. Công đức của danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn, chớ nên xem nhẹ! Đứa trẻ ba tuổi cũng biết niệm câu A Di Đà Phật, điểm then chốt là dùng cái tâm gì để niệm? Chúng ta dùng tâm gì để niệm? Chúng ta niệm, đúng là có lúc chẳng bằng đứa trẻ ba tuổi. Vì sao? Đứa trẻ lên ba niệm A Di Đà Phật, nó có thể thấy A Di Đà Phật, có thể thấy Quán Âm Bồ Tát. Chúng ta niệm đã lâu năm ngần ấy, A Di Đà Phật lẫn Quán Âm Bồ Tát đều chẳng thấy, dụng tâm bất đồng! Tâm trẻ nhỏ đơn thuần, vọng tưởng và tạp niệm ít, nên có cảm ứng rõ rệt. Chúng ta tâm tư quá phức tạp, vọng tưởng, tạp niệm quá nhiều! Chúng ta niệm A Di Đà Phật có cảm ứng hay không? Có chứ! Sự cảm ứng ấy được gọi là *"minh gia"* (冥加: gia hộ âm thầm), chẳng phải là *"hiển gia"* (顯加: gia hộ rõ rệt). *"Hiển"* (顯) là khiến cho quý vị trông thấy, nghe thấy. *"Minh"* (冥) là âm thầm gia trì, quý vị chẳng thấy mà cũng chẳng nghe, chẳng cảm nhận được, nhưng xác thực là A Di Đà Phật gia trì quý vị. Chỉ cần thành tâm niệm là được rồi, sẽ dần dần có thể niệm đến nhất tâm. Phải dùng tâm chân thành, tâm cung kính để niệm thì mới có thể niệm đến nhất tâm.

Kinh Di Đà dạy chúng ta nguyên tắc này, *"tín, nguyện, trì danh"*. Chúng ta đọc Sớ Sao, Yếu Giải, mới biết Tín và Nguyện là mấu chốt trong tu học. Chúng ta có tin hay không? Chẳng thể nói là không tin. Không tin thì vì sao quý vị niệm? Cũng chẳng thể nói là có lòng tin. Vì sao? Thật sự có lòng tin, quý vị niệm ắt phải nên có cảm ứng, *"một niệm tương ứng một niệm Phật"* mà! Quý vị niệm cho đến nay vẫn chẳng có thành tựu, tâm vẫn tán loạn. Tín tâm của chúng ta được gọi là *"lộ thủy đạo tâm"* (露水道心: đạo tâm mong manh như sương buổi sớm), lúc có, lúc không, niệm Phật với cái tâm như vậy, khó lắm! Đấy cũng là như Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát đã nói trong Tây Phương Xác Chỉ: *"Niệm Phật kỵ nhất là xen tạp"*. Nay chúng ta không chỉ xen tạp, mà còn hoài nghi, có lúc tin tưởng, có lúc lại ngờ vực! Nghi căn chẳng đoạn. Còn mong đọc kinh Đại Thừa, còn mong học chú Mật Tông, đó là có nghi. Nếu tín tâm kiên định, thật sự tin tưởng lời Đại Thế Chí Bồ Tát dạy bảo, từ sơ phát tâm mãi cho đến khi viên thành Phật quả, sẽ chứng đắc Phật quả viên mãn rốt ráo giống như A Di Đà Phật, chỉ là một câu Phật hiệu. Đấy là [pháp tu chủ yếu] của Đại Thế Chí Bồ Tát và năm mươi hai vị Bồ Tát đồng luân, chúng ta phải có tín tâm giống như Ngài vậy. Năm mươi hai vị Bồ Tát đồng luân là ai? Chính là Thập Tín Vị Bồ Tát, Thập Trụ

Bồ Tát, Thập Hạnh Bồ Tát, Thập Hồi Hướng Bồ Tát, Thập Địa Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát, Diệu Giác Bồ Tát, năm mươi hai địa vị, Diệu Giác là Phật. Chúng ta có thuộc về một địa vị trong năm mươi hai địa vị ấy hay chăng? Thưa cùng chư vị, nếu quý vị thật sự khẳng định, không chỉ là buông duyên thế gian xuống, mà hết thảy Phật pháp cũng buông xuống, suốt một đời này, ta thật thà khăng khăng một mực niệm một câu A Di Đà Phật, chúc mừng quý vị. Vì sao? Quý vị là Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín trong Viên Giáo, là một phần tử thuộc năm mươi hai địa vị Bồ Tát đồng luân với Đại Thế Chí Bồ Tát. Nếu quý vị còn hoài nghi, còn muốn học điều này, học điều kia, tức là quý vị chẳng thuộc trong năm mươi hai địa vị ấy. Hễ thuộc trong năm mươi hai địa vị ấy, sẽ quyết định vãng sanh! Ngẫu Ích đại sư nói rất hay, có thể vãng sanh hay không *"được quyết định bởi tín nguyện có hay không"*.

Vãng sanh cần điều kiện gì? Có người bảo tôi: "Kẻ ăn thịt, chẳng ăn chay sẽ không thể vãng sanh!" Tôi chưa hề nghe nói, trong kinh chẳng có điều ấy! Có người nói: "Kẻ chẳng thể ngồi khoanh chân xếp bằng (ngồi kiết già) sẽ chẳng thể vãng sanh". Tôi cũng chẳng nghe nói có điều này! Quý vị tra duyệt năm kinh một luận của Tịnh Tông, có nói người không ăn chay chẳng thể vãng sanh, hoặc kẻ chẳng thể ngồi kiết già không thể vãng sanh hay chăng? Chẳng có! Trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, Thiện Đạo đại sư đã giảng rất rõ ràng: Vãng sanh phải trọn đủ những điều kiện vãng sanh nào? Ăn chay là hạnh Bồ Tát, là tập quán phổ biến tại Trung Hoa. Người thọ Bồ Tát giới nhất định ăn chay. Vì sao? Bồ Tát phải trưởng dưỡng tâm đại từ bi. Thọ Tam Quy Ngũ Giới chẳng bắt buộc quý vị ăn chay. Bắt buộc ăn chay thì mọi người chẳng đến nữa! Trước kia, cả một đời thầy Lý sống tại Đài Trung suốt ba mươi tám năm, Ngài chỉ dạy chúng tôi cũng là như vậy. Ngài nói: "Chúng ta hãy khuyên kẻ khác học Phật, đừng khuyên người ta ăn chay, chẳng khuyên người ta thọ giới. Vì sao? Khuyên người ta ăn chay, hễ họ nghe học Phật đều phải ăn chay, họ chẳng học. Quý vị đã đoạn cái nhân học Phật của người ta, không được rồi! Chẳng khuyên kẻ khác thọ giới! Có rất nhiều kẻ sợ thọ giới, [do nghĩ] giới luật ràng buộc chính mình, điều này sẽ chướng ngại họ phát tâm, chướng ngại họ nhập Phật môn. Họ nhập Phật môn tu hành một thời gian, tự nhiên sẽ có thể ăn chay, tự nhiên phát tâm thọ giới. Đó là chuyện của cá nhân người ấy. Người chẳng thọ giới mà vãng sanh, có chứ! Người chẳng ăn chay niệm Phật vãng sanh cũng có! Chúng ta đọc Vãng Sanh Truyện và truyện vãng

sanh của người hiện thời, có thể thấy lời Phật và tổ sư nói chánh xác!

Ăn chay nhằm vun bồi tâm đại từ bi. Nhất là trong hiện thời, kinh nói tới [đời hiện tại là] đời ác năm trược (ngũ trược ác thế), thế gian này hiện thời trược ác đến tột cùng, tai nạn trùng trùng! Quý vị thấy trên cả thế giới, đúng là vô duyên vô cớ chết cả đống người như thế ! Trong quá khứ, ít có chuyện này; hiện thời, tai nạn dồn dập, đó là trược ác cùng cực. Ấn Quang đại sư dạy chúng ta làm thế nào để cứu vãn và hóa giải kiếp nạn này? Nhất định phải do tâm đại từ bi thì mới có thể tiêu trừ ác nghiệp. Lão nhân gia nêu ra sáu chữ *"ăn chay, kiêng giết, niệm Phật"*. Ai nấy đều có thể làm như vậy, ăn chay, kiêng giết, có thể tiêu trừ hiện nghiệp, tức là có thể tiêu trừ ác nghiệp trong hiện tiền. Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử luân hồi, đó là đúng. Do vậy, ăn chay tốt lắm. Có rất nhiều người suốt đời chẳng nghe nói tới Phật pháp, cả một đời đều ăn thịt, khi lâm chung mới nghe biết Phật pháp, họ tín, nguyện, trì danh vẫn có thể vãng sanh. Chẳng thể nói: Suốt đời này, quý vị chẳng hề ăn chay, chẳng thể vãng sanh! Khi lâm chung mới nghe Phật pháp, gặp gỡ thiện tri thức, khuyên họ niệm Phật vãng sanh, thật sự có [trường hợp vãng sanh như vậy]! Thời cổ đã có [những trường hợp như vậy], mà hiện thời cũng có. Nhất định phải hiểu Lý! Chẳng phải là chúng tôi khuyên người khác chẳng cần ăn chay, mà nhằm nói rõ: Điều kiện quan trọng nhất để vãng sanh là "tín, nguyện, trì danh". Chúng ta phải có tín tâm thanh tịnh, tín tâm kiên định, nguyện vọng khẩn thiết, đời này quyết định cầu sanh Tịnh Độ. Lợi ích của việc ăn chay, không phải là chỉ có Phật pháp đề xướng, mà còn là dựa trên nền tảng cái tâm từ bi để đề xướng. Hiện thời, trong số những người sống trên thế gian, có rất nhiều người Mỹ ăn chay. Họ chẳng tin Phật, vì sao ăn chay? Thân thể khỏe mạnh. Họ biết ăn chay hữu ích to lớn, giúp cho thân và tâm của người thuộc lứa tuổi từ trung niên trở lên đều khỏe mạnh. Vì lẽ này, người ngoại quốc ăn chay rất đông!

Tín, nguyện hết sức trọng yếu! Nhưng tín, nguyện thật sự có thể đạt đến thanh tịnh, kiên định; nói thật ra, nếu chẳng phải là do thiện căn nhiều đời nhiều kiếp của chính người ấy phát hiện, thì nhất định là do đã liễu giải lý luận Tịnh Tông kha khá, có trình độ nhận thức Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật kha khá thì tín tâm mới có thể đặt vững. Đấy là điều tất yếu đã được giảng giải cặn kẽ trong các sách vở của Tịnh Tông, thật sự giúp chúng ta kiến lập tín tâm, khiến cho chúng ta có thể nhận thức chánh xác Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Nương vào câu Phật hiệu này, *"chẳng cậy vào phương tiện, tâm được tự khai"* chính là *"hiển ngã chúng sanh Tánh Đức chi Phật"* (hiển lộ vị Phật nơi Tánh Đức của bọn chúng sanh chúng ta). Đại Thế Chí Bồ Tát gọi chuyện này là *"tự đắc tâm khai"*, *"tự"* (自) là tự nhiên. Chẳng cần dựa vào pháp môn nào khác để giúp đỡ, cứ một câu Phật hiệu niệm tới cùng. Vấn đề ở chỗ quý vị có tin hay không? Quý vị thật sự tin, sẽ thật sự có hiệu quả. Vì sao có hiệu quả? [Do] nhất tâm, đạo lý ở chỗ này! Nếu quý vị học [đồng thời] mấy loại pháp môn, nhất định sẽ rớt vào tam tâm nhị ý, thành tựu khó khăn! Vì thế, quyết định phải là nhất tâm. Thiện Đạo đại sư khuyên chúng ta: *"Nhất thiết chân thật tâm trung tác"* (Hết thảy đều làm từ cái tâm chân thật). Lão nhân gia nói *"chân thật tâm trung tác"* chính là nói tới nhất tâm.

*"Thường cần tu tập, tất cánh đắc sanh"* (Thường siêng năng tu tập, rốt ráo được vãng sanh). *"Tất cánh"* (畢竟) là quyết định, [*"tất cánh đắc sanh"* là] quyết định được vãng sanh. *"Thường cần tu tập"* (Thường siêng tu tập) là "tiếp nối", Đại Thế Chí Bồ Tát bảo là *"tịnh niệm tiếp nối"*. *"Thường cần"*: *"Cần"* (勤: siêng năng) là tinh tấn. Chúng ta sống trong xã hội hiện đại, tu như thế nào thì mới có hiệu quả thật sự? Tổng hợp kinh luận và giáo huấn của tổ sư đại đức, chúng ta đạt đến một kết luận, đó chính là *"ức Phật, niệm Phật"* (nhớ Phật, niệm Phật) chớ nên gián đoạn, chúng ta mới có thể thành tựu. Phải đạt tới mục đích này. Quả thật là khá khó khăn! Trong quá khứ, pháp sư Từ Vân Quán Đảnh dạy chúng ta pháp Thập Niệm; có khá nhiều vị tổ sư đại đức cũng khẳng định [pháp tu ấy hữu hiệu]. Pháp Thập Niệm là công khóa sáng tối, suốt một đời luôn thọ trì, chẳng thiếu sót lần nào, phù hợp lời dạy *"một mực chuyên niệm"* trong kinh Vô Lượng Thọ. Trong tác phẩm chú giải kinh Vô Lượng Thọ, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cho biết [pháp Thập Niệm] được các vị tổ sư đại đức trong quá khứ thừa nhận là "có thể vãng sanh". Gần đây nhất, tôi dạy các đồng tu Thập Niệm, gồm mười câu, mỗi ngày tu chín lần, mỗi lần chỉ tốn một phút, hiệu quả còn hữu hiệu hơn so với pháp Thập Niệm của pháp sư Từ Vân Quán Đảnh. Vì sao? Thời gian rất ngắn, cứ cách một khoảng thời gian, quý vị bèn nghĩ đến A Di Đà Phật. Thời gian tu rất ngắn, nhưng tâm rất chân thành, xác thực là *"tịnh niệm tiếp nối"*! Một ngày [niệm] nhiều lần, thời gian ngắn ngủi mà rất hữu hiệu, chư vị chẳng ngại hành thử xem! Dùng phương pháp này để tu, *"hiển ngã chúng sanh Tánh Đức chi Phật"* (hiển lộ vị Phật nơi Tánh Đức của chúng ta), đại khái là từ ba tháng cho đến sáu tháng bèn có tin

tức, quý vị sẽ có cảm nhận rõ rệt.

***(Diễn) Tất cánh đắc sanh, trụ Chánh Định giả, vãng sanh chi nhân, ước hữu tam vị.***

**(演)畢竟得生住正定者，往生之人，約有三位。**

*(**Diễn**: "Rốt ráo được vãng sanh, trụ trong Chánh Định": Người vãng sanh nói đại lược thì có ba địa vị).*

*"Tam vị"* (三位) chính là tam bối vãng sanh (三輩往生: ba bậc vãng sanh) được nói trong kinh Vô Lượng Thọ, tức là ba bậc thượng, trung, hạ. Thứ nhất là hạ bối vãng sanh.

***(Diễn) Nhất, như liên hoa vị khai thời, tín hạnh vị mãn, vị danh Bất Thoái, đản dĩ xử vô thoái duyên, cố xưng Bất Thoái.***

**(演)一、如蓮花未開時，信行未滿，未名不退，但以處無退緣，故稱不退。**

*(**Diễn**: Một là như lúc hoa sen chưa nở, tín hạnh chưa viên mãn, chưa gọi là Bất Thoái, chỉ vì ở trong hoàn cảnh chẳng có duyên thoái chuyển, nên gọi là Bất Thoái).*

Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, nói thật ra, không chỉ là chứng ba thứ Bất Thoái, mà còn chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Từ kinh luận và ngữ lục của tổ sư, chúng ta đã thấy rất nhiều, xác thực là viên chứng ba thứ Bất Thoái. Huống hồ kinh còn dạy chúng ta: Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới *"giai thị A Bệ Bạt Trí"* (đều là A Bệ Bạt Trí Bồ Tát). Chính đức Phật nói điều ấy, há còn có thể sai lầm ư? Đều là A Bệ Bạt Trí. Hoàn toàn chẳng nói "hạ hạ phẩm vãng sanh chẳng phải là A Bệ Bạt Trí", chẳng hề nói kiểu đó. *"Giai thị"* (Đều là) tức là bao gồm từ thượng thượng phẩm cho đến hạ hạ phẩm. A Bệ Bạt Trí có nghĩa là gì? Cổ đức chú giải: A Bệ Bạt Trí Bồ Tát là từ Thất Địa trở lên, địa vị ấy cao lắm! Theo kinh Nhân Vương, từ Thất Địa trở lên là Vô Sanh Nhẫn vị Bồ Tát (Bồ Tát thuộc địa vị Vô Sanh Pháp Nhẫn). Thất Địa là hạ phẩm Vô Sanh Nhẫn, Bát Địa là trung phẩm Vô Sanh Nhẫn, Cửu Địa là thượng phẩm Vô Sanh Nhẫn. Lên cao hơn là Tịch Diệt Nhẫn, đó là mức cao nhất. Thập Địa là hạ phẩm Tịch Diệt Nhẫn, Đẳng Giác là trung phẩm, Phật là thượng phẩm. Cớ sao hạ hạ phẩm vãng sanh có địa vị cao

dường ấy? Trên thực tế, hoàn toàn chẳng phải là người ấy vừa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới liền chứng đắc, mà là do bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, [khiến cho] người ấy xác thực là giống như Thất Địa hoặc Bát Địa Bồ Tát, nhưng đó là do A Di Đà Phật gia hộ, chẳng phải do chính người ấy chứng đắc. Đương nhiên, người ấy nỗ lực tu hành trong thế giới Tây Phương, tu một khoảng thời gian, tự mình thật sự chứng đắc địa vị này, đức Phật có gia trì hay không, chẳng sao cả! Khi quý vị chưa chứng đắc, toàn là do Phật lực gia trì. Vì lẽ ấy, thế giới đó là một thế giới bình đẳng. Chúng ta giải thích "A Bệ Bạt Trí là đã đạt đến Thất Địa hoặc Bát Địa"; nói thật ra, cũng chẳng phải là chân tướng. Chân tướng sự thật phải dựa trên bốn mươi tám nguyện để làm chuẩn. Bốn mươi tám nguyện trong kinh Tịnh Độ là tiêu chuẩn nhất. Bốn mươi tám nguyện hoàn toàn nói bình đẳng: Người sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, ai nấy đều là *"tử ma chân kim sắc thân"* (thân có màu giống như vàng ròng được trau giồi sáng bóng). Trong bốn mươi tám nguyện, hoàn toàn chẳng nói "loại trừ hạ bối vãng sanh". Nói cách khác, hạ hạ phẩm vãng sanh cũng là thân tử ma chân kim sắc. Hạ hạ phẩm vãng sanh về bên đó, diện mạo y hệt A Di Đà Phật, kinh điển đã nói chuyện này rất minh bạch. Vì sao A Di Đà Phật mong cầu tất cả hết thảy nhân dân trong thế giới ấy giống hệt như Phật? Đó là bổn nguyện của Ngài. Ngài thấy chúng sanh trong mười phương thế giới có diện mạo khác nhau. Diện mạo xinh đẹp bèn kiêu ngạo, diện mạo xấu xí bèn có mặc cảm tự ty, đó là bất bình đẳng, tạo tác phiền não! Trong thế giới của lão nhân gia, mọi người có diện mạo giống hệt như nhau, chẳng có kẻ nào kiêu ngạo, mà cũng chẳng có ai tự ty! Đó là sự thành tựu do bổn nguyện công đức của Ngài! *"Hoa vị khai thời"* (Lúc hoa chưa nở), chính là hạ bối vãng sanh. Tới cõi đó, hoa sen chưa nở. Hoa nở thấy Phật, ngộ Vô Sanh, chính mình đã chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. Khi hoa chưa nở, vẫn là đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, do được Phật gia trì. Thế giới Tây Phương chẳng có duyên gây thoái chuyển, nên tiến bộ mau lẹ. Trong thế gian này, vì sao để thành Phật phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp? Tiến ít, lùi nhiều, đây là một chướng ngại rất lớn!

***(Diễn) Nhị, Tín vị mãn túc dĩ khứ, hoa khai kiến Phật, nhập Thập Trụ vị, đắc thiểu phần kiến Pháp Thân, trụ Chánh Định vị dã.***

**(演)二、信位滿足以去，花開見佛，入十住位，得少分見法身，住正定位也。**

*(**Diễn**: Hai là đã viên mãn từ địa vị Thập Tín trở lên, hoa nở, thấy Phật, dự vào địa vị Thập Trụ, đã thấy chút phần Pháp Thân, trụ trong địa vị Chánh Định).*

Địa vị này là trung bối vãng sanh, chúng ta có thể gắng sức đạt được, lại còn giành được chẳng khó! Đối với tam bối, Thiện Đạo đại sư đã nói rõ ràng, chúng ta nhất định phải nương theo [lời dạy của] Thiện Đạo đại sư. Theo lịch sử Trung Hoa ghi chép, Thiện Đạo đại sư là Hóa Thân của A Di Đà Phật. Lời dạy của Thiện Đạo đại sư chính là lời dạy do A Di Đà Phật đích thân thốt ra, chúng ta phải tin tưởng. Đại sư dạy:

1) Trong chín phẩm vãng sanh, ba phẩm thượng là *"đại tâm phàm phu"*, [tức là] đã phát tâm Đại Thừa, nhưng còn là phàm phu, chưa phải là thánh nhân. Ý nghĩa này nhằm nói rõ: Chúng ta [ai nấy] đều có phần, quý vị có thể phát đại tâm hay không? Đại tâm là gì? Phát tâm độ hết thảy chúng sanh, phát tâm vãng sanh thế giới Cực Lạc để làm Phật. Đó là đại tâm. Phát đại tâm là vãng sanh trong ba phẩm thượng.

2) Trung bối vãng sanh là chúng sanh thiện lương trì giới.

3) Vãng sanh trong ba phẩm hạ là chúng sanh tạo tác ác nghiệp.

Từ chín phẩm trong Quán Kinh, chúng ta thấy rất rõ ràng: Hạ hạ phẩm là chúng sanh tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác. Nếu chẳng thể vãng sanh, họ quyết định đọa trong địa ngục A Tỳ. Kẻ tạo tội nghiệp cực nặng, khi lâm chung, gặp thiện tri thức dạy kẻ ấy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, một niệm hay mười niệm đều có thể vãng sanh, hạ hạ phẩm vãng sanh thế giới Tây Phương. Hạ hạ phẩm cũng là A Bệ Bạt Trí, chẳng thể nghĩ bàn!

Do đó, chín phẩm đều là phàm phu. Thiện Đạo đại sư dạy chúng ta: Chín phẩm do đâu mà có? Do chúng ta *"ngộ duyên bất đồng"* (gặp duyên khác nhau) mà có chín phẩm. Nói lời này rất hay, chúng ta gặp duyên chẳng giống nhau. Nếu chúng ta gặp duyên thù thắng, thượng bối vãng sanh chẳng có vấn đề gì! Duyên như thế nào? Gặp thiện tri thức giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới rành mạch, rõ ràng, ta chẳng có nghi hoặc, tín nguyện kiên định, duyên ấy thù thắng! Lại còn gặp đồng tham đạo hữu tốt đẹp dùi mài, rèn giũa lẫn nhau, duyên ấy thù thắng, phẩm vị vãng sanh bèn cao. Nếu gặp duyên kém hơn, có thiện tri thức bảo quý vị niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương, nhưng chẳng thể giới thiệu rất minh bạch, rất rõ ràng. Tuy niệm, trong tâm còn có chút hoài nghi chẳng thể đoạn trừ. Vì duyên cớ này nên mới có chín phẩm sai biệt.

Nếu chúng ta thật sự có thể kiên định, chẳng nghi ngờ, giống hệt như Đại Thế Chí Bồ Tát, do một câu Phật hiệu bèn dự vào địa vị Thập Tín, là một trong năm mươi hai địa vị đồng luân. Chúng ta có thể nêu ra một trường hợp rất rõ rệt để nói. Trong băng thâu âm lời khai thị của lão pháp sư Đàm Hư tại Phật Thất ở Hương Cảng, tôi tin là có rất nhiều đồng tu đã nghe, Ngài có nhắc tới người đồ đệ niệm Phật của pháp sư Đế Nhàn. Ông ta làm thợ vá nồi, chẳng biết chữ, chưa từng đi học, đã bốn mươi mấy tuổi, tìm đến pháp sư Đế Nhàn đòi Ngài cho xuất gia. Hiện thời, chúng ta thấy bốn mươi tuổi còn rất trẻ; vào thời ấy, bốn mươi tuổi đã là người già. Pháp sư Đế Nhàn chẳng lay chuyển ông ta được, đành phải cho ông ta xuống tóc, dặn dò ông ta chẳng cần phải thọ giới, cũng chẳng cần phải sống trong chùa miếu. Ở trong chùa miếu sẽ không được! Đừng nói chi khác, đã xuất gia, phải dự khóa lễ sáng tối. Người ấy chẳng thể học thuộc khóa tụng sáng tối, tánh quá chậm lụt, rất ngu si! Vì thế, đưa ông ta đến một ngôi chùa dột nát ở vùng quê, chẳng có ai ở, cho ông ta sống một mình nơi đó, dạy ông ta một câu A Di Đà Phật, dặn ông ta: *"Ông cứ niệm, hễ niệm mệt bèn nghỉ ngơi. Nghỉ khỏe khoắn xong lại niệm tiếp"*. Dạy ông ta cách thức ấy. Ông ta tin tưởng thầy, tiếp nhận pháp môn này, bèn nhập Tín vị. Nói cách khác, ông ta có phần trong năm mươi hai vị đồng luân của Đại Thế Chí Bồ Tát, ông ta đã gia nhập. Niệm một câu Nam-mô A Di Đà Phật suốt ba năm, biết trước lúc mất, chẳng ngã bệnh, đứng vãng sanh. Sau khi vãng sanh, còn đứng sững suốt ba ngày, chờ sư phụ là pháp sư Đế Nhàn đến lo liệu hậu sự. Thuở đó, giao thông bất tiện, ông ta sống ở vùng quê, [sau khi] ông ta đã vãng sanh, hộ pháp ở vùng phụ cận đến chùa Quán Tông báo tin. Thời ấy, chẳng có xe, theo đường bộ đi về mất ba ngày. Ông ta đứng đó suốt ba ngày, cụ Đế Nhàn rất tán thán! Người ta có thể nhập Tín vị, chúng ta không được, [vì] chúng ta hoài nghi! Thành tựu của người ấy, thưa cùng chư vị, quyết định thuộc ba phẩm thượng, thượng bối vãng sanh, quyết định chẳng phải là trung, hạ bối.

Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, *"hoa khai kiến Phật, nhập Thập Trụ vị"* (hoa nở thấy Phật, dự vào địa vị Thập Trụ), hoa nở thấy Phật là minh tâm kiến tánh, thảy đều nói về Viên Giáo. Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, chính là hàng "Pháp Thân đại sĩ" được nói trong kinh Hoa Nghiêm. Thành tựu nhanh chóng dường ấy! Ngài phá vô minh, thấy Pháp Thân. Đại Kinh gọi *"trụ Chánh Định vị"* là Chánh Định Tụ. Tâm vị ấy đã định,

là Chánh Định. Chánh Định ở đây là nhất tâm nhất ý đặt nơi A Di Đà Phật. Bởi lẽ, danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Người niệm danh hiệu này rất nhiều, kẻ biết công đức của danh hiệu chẳng mấy. Hễ thật sự biết, chắc chắn là sẽ khăng khăng một mực niệm câu Phật hiệu này đến cùng!

***(Diễn) Tam, Tam Hiền vị mãn, nhập Sơ Địa dĩ khứ.***

**(演)三、三賢位滿，入初地以去。**

*(**Diễn**: Ba là đã viên mãn địa vị Tam Hiền, nhập từ Sơ Địa trở lên).*

Đều là Viên Giáo, đều nói sự chứng đắc của chính mình, chẳng phải là do được Phật lực gia bị. Tam Hiền là Thập Trụ, Thập Hạnh, và Thập Hồi Hướng. Tu viên mãn ba mươi địa vị ấy! Trong thế giới Tây Phương, tu học ba mươi địa vị ấy hết sức nhanh chóng. Vì sao? Chẳng bị thoái chuyển. Hoàn thành rất nhanh chóng ba mươi tầng cấp địa vị ấy, dự lên ngôi Sơ Địa trong Viên Giáo. Sơ Địa Bồ Tát trong Viên Giáo đã phá ba mươi mốt phẩm vô minh. Trong bốn mươi mốt phẩm vô minh, đã phá sạch ba mươi mốt phẩm.

***(Diễn) Chứng biến mãn Pháp Thân, sanh vô biên Phật độ.***

**(演)證遍滿法身，生無邊佛土。**

*(**Diễn**: Chứng Pháp Thân trọn khắp, sanh trong vô biên cõi Phật).*

Đến đi tự do trong hết thảy các cõi Phật tận hư không khắp pháp giới, có thể phân thân vô lượng vô biên, đồng thời nhập cảnh giới của hết thảy chư Phật. Sơ Trụ Bồ Tát của Viên Giáo có năng lực này, nhưng chư vị phải biết: Chúng ta sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng đều có năng lực ấy, đó là do Phật lực gia trì. Nếu bản thân chúng ta chứng đắc Viên Giáo Sơ Trụ trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, chính mình sẽ có năng lực ấy. Trước khi chính mình khôi phục năng lực ấy, đức Thế Tôn giúp chúng ta, tức là A Di Đà Phật giúp đỡ chúng ta, sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn *"chứng biến mãn Pháp Thân, sanh vô biên Phật độ"* (chứng Pháp Thân trọn khắp, sanh trong vô biên cõi Phật). Đấy là lợi ích chân thật trong thế giới Tây Phương, trong hết thảy các cõi Phật khác chẳng có [lợi ích ấy]. Trong các cõi Phật khác, ắt phải là chính mình đã chứng đắc Sơ Địa trong Viên Giáo thì quý vị mới

có năng lực ấy. Chẳng chứng đắc, quyết định là chẳng có năng lực ấy. Ưu điểm của thế giới Tây Phương là sanh về nơi đó, do A Di Đà Phật gia trì chúng ta, chúng ta bèn có năng lực ấy, cho nên có thể đi trọn khắp pháp giới cúng Phật. Cúng Phật đương nhiên là nghe Phật thuyết pháp. Đấy là đạo lý nhất định.

***(Diễn) Như Phật ký Long Thọ Bồ Tát đẳng, trụ Sơ Địa sanh Tịnh Độ đẳng dã.***

**(演)**如佛記龍樹菩薩等，住初地生淨土等也。

*(**Diễn**: "Giống như Phật thọ ký cho Bồ Tát Long Thọ" v.v... : Trụ vào Sơ Địa, sanh về Tịnh Độ...).*

Long Thọ Bồ Tát (Nāgārjuna) xuất hiện tại Ấn Độ, sau khi đức Phật đã diệt độ sáu trăm năm. Vị Bồ Tát này hoằng dương Đại Thừa. Tám tông Đại Thừa đều do Ngài truyền; Ngài là tổ chung của cả tám tông. Không chỉ là Thiền Tông, Mật Tông cũng do Ngài truyền. Long Thọ Bồ Tát mở tháp sắt ở Nam Thiên, thấy Kim Cang Tát Đỏa (Vajrasattva), [Kim Cang Tát Đỏa] bèn truyền Mật pháp cho Long Thọ[48]. Kim Cang Tát Đỏa là Sơ Tổ của Mật Tông, Long Thọ là Nhị Tổ. Kim Cang Tát Đỏa là hóa thân của Phổ Hiền Bồ Tát. Trong kinh, đức Phật đã thọ ký (tiên đoán), sáu trăm năm sau, Long Thọ sẽ phục hưng Phật giáo. Long Thọ là Sơ Địa Bồ Tát, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì thế, trong Vãng Sanh Truyện có chép truyện Long Thọ Bồ Tát.

***(Diễn) Thử trung tất cánh đẳng, thị hậu nhị vị.***

**(演)**此中畢竟等，是後二位。

*(**Diễn**: Câu "rốt ráo..." trong ấy là nói tới hai địa vị sau).*

---

[48] Theo lời tương truyền trong Mật Tông, Mật pháp do Đại Nhật Như Lai (Tỳ Lô Giá Na Như Lai) truyền cho Kim Cang Tát Đỏa, các kinh điển Mật Tông được Kim Cang Tát Đỏa cất giữ trong một cái tháp bằng sắt ở Nam Ấn Độ, nhưng không ai mở được. Về sau, khi Long Thọ Bồ Tát xuất hiện, Ngài được Tỳ Lô Giá Na Phật hiện thân trao truyền chú Đại Tỳ Lô Giá Na chân ngôn, bèn nghiêm túc hành trì. Sau đó, tuân theo lời truyền dạy của Đại Nhật Như Lai, Ngài tìm đến cái tháp sắt ở Nam Ấn Độ, nhiễu quanh tháp sắt suốt bảy ngày, tụng chú Đại Tỳ Lô Giá Na vào bảy hạt cải trắng, ném vào cửa tháp. Tháp liền mở ra, Kim Cang Tát Đỏa Bồ Tát xuất hiện, truyền dạy Mật pháp và trao truyền toàn bộ Mật điển.

Khởi Tín Luận nói *"tất cánh đắc sanh"* (rốt ráo được vãng sanh) là nói tới hai địa vị sau, tức là "đã nhập Tín vị" và "nhập Chánh Định Tụ". Kinh Vô Lượng Thọ nói *"nhập Chánh Định Tụ"* bao gồm hạ hạ phẩm vãng sanh. Rốt cuộc lấy điều gì làm chuẩn? Đương nhiên là lấy kinh Vô Lượng Thọ làm chuẩn. Ở chỗ này, tuy nói về hai địa vị sau, nhưng trong địa vị đầu, *"đản dĩ xử vô thoái duyên, cố xưng Bất Thoái"* (chỉ vì ở trong hoàn cảnh chẳng có duyên thoái chuyển, nên gọi là Bất Thoái). Bất Thoái là Chánh Định Tụ. Hoàn cảnh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới quá tốt đẹp! Quyết định chẳng có cơ duyên thoái đọa! Do A Di Đà Phật chỉ dạy đúng pháp, người sanh về đó ai nấy đều tinh tấn bất thoái. Nói theo nghĩa rộng, sẽ đều là Chánh Định Tụ, chẳng có Tà Định Tụ, mà cũng chẳng có Bất Định Tụ.

***(Sao) Hựu Ma Ha Bát Nhã kinh vân: "Bồ Tát niệm Phật, bất dĩ sắc niệm, nãi chí bất dĩ tứ trí, thập bát bất cộng pháp niệm. Hà dĩ cố? Thị chư pháp tự tánh không cố". Tự tánh không, tắc vô sở niệm. Vô sở niệm, thị vi niệm Phật.***

**(鈔)又摩訶般若經云：菩薩念佛，不以色念，乃至不以四智、十八不共法念，何以故？是諸法自性空故。自性空，則無所念；無所念，是為念佛。**

*(**Sao**: Lại nữa, kinh Ma Ha Bát Nhã nói: "Bồ Tát niệm Phật, chẳng dùng sắc để niệm, cho đến chẳng dùng bốn trí, mười tám bất cộng để niệm. Vì cớ sao? Do tự tánh của các pháp là Không". Do tự tánh là Không, nên chẳng có cái được niệm. Không có cái để niệm thì chính là niệm Phật").*

Liên Trì đại sư nêu ra những điều được nói trong các kinh luận ấy, tất cả hết thảy đều thuộc loại Lý nhất tâm, cảnh giới có độ cao như thế, thảy đều giảng về Lý nhất tâm bất loạn. Chú giải của kinh Ma Ha Bát Nhã là Đại Trí Độ Luận. Bộ kinh này (kinh Ma Ha Bát Nhã) gồm ba mươi quyển, Đại Trí Độ Luận gồm một trăm quyển[49]. Trong kinh có nói:

---

[49] Đại Trí Độ Luận (Mahāprajñāpāramitāśāstra), thường được gọi tắt là Trí Luận, Trí Độ Luận, Đại Luận là chú giải của kinh Ma Ha Bát Nhã (bản dịch của ngài Cưu Ma La Thập, gồm ba mươi quyển, không phải là kinh Đại Bát Nhã sáu trăm quyển do ngài Huyền Trang dịch sau này). Bộ luận này do Long Thọ Bồ Tát biên soạn, gồm một trăm quyển. Ngài Cưu Ma La Thập dịch sang Hán văn, nhưng chỉ dịch phẩm đầu cặn kẽ, còn những phần sau chỉ trích yếu.

*"Bồ Tát niệm Phật, chẳng dùng sắc để niệm"*. Kinh Kim Cang và Tâm Kinh là tinh hoa của kinh Bát Nhã, có thể hiểu rõ nghĩa lý của hai kinh này, sẽ ít nhiều có khái niệm về Bát Nhã.

***(Diễn) Bất dĩ sắc niệm, thị bất niệm tướng hảo chi sắc.***

**(演)不以色念，是不念相好之色。**

*(**Diễn**: "Chẳng dùng sắc để niệm" là chẳng nghĩ tới sắc tướng nơi tướng hảo).*

Vì sao? Không chỉ Phật, mà Bồ Tát đều chẳng có tướng. Chẳng có tướng thì mới có thể tùy loại hiện tướng. Vì sao chúng ta chẳng thể tùy loại hiện tướng? Chúng ta chấp tướng, chúng ta có tướng, [lầm tưởng] tướng ấy là ta. Trừ tướng ấy ra thì chẳng phải là ta. Đấy chính là chấp trước kiên cố. Vì thế, chẳng thể tùy loại biến hiện tướng. Kinh Lăng Nghiêm có nói: *"Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng"* (Thuận theo tâm của chúng sanh, ứng hợp với khả năng nhận biết của họ), Phật và Bồ Tát đều là như vậy. Chúng sanh thích Phật có hình dáng như thế nào, Phật bèn hiện hình dáng như thế ấy. Vẻ đẹp chẳng có tiêu chuẩn! Gương mặt được người Hoa ưa thích, người ngoại quốc trông thấy chưa chắc đã ưa thích! Gương mặt được người ngoại quốc ưa chuộng, người Hoa sẽ thấy chẳng thuận mắt. Phật hiện tướng là hiện theo sự cảm nhận của chúng sanh về tướng trạng hoàn mỹ nhất. Cổ nhân Ấn Độ nói "ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo" là tướng hoàn mỹ, chẳng khuyết hãm tí nào, đức Phật bèn hiện tướng ấy. Do vậy, chư Phật, Bồ Tát chẳng có tướng nhất định. Có kẻ hỏi: "Quán Thế Âm Bồ Tát là nam hay nữ?" Quý vị thích Ngài là nam, Ngài bèn hiện tướng người nam. Quý vị thích Ngài là nữ, Ngài bèn hiện tướng người nữ. Ngài chẳng có tướng! Ngài có thể hiện tướng thuận theo tâm của chúng sanh. Do vậy, chớ nên niệm tướng hảo, hễ niệm tướng hảo bèn là chấp tướng. Chấp tướng niệm Phật thì có thể thành tựu hay không? Vẫn có thể vãng sanh, nhưng phẩm vị thấp hơn. Phẩm vị tùy thuận tâm lượng và công phu tu hành của quý vị.

***(Diễn) Bất dĩ tứ trí thập bát pháp niệm, thị bất niệm công đức chi tâm.***

**(演)不以四智十八法念，是不念功德之心。**

*(**Diễn**: Chẳng dùng bốn trí và mười tám pháp [bất cộng] để niệm, là chẳng niệm cái tâm công đức).*

Không chỉ là chẳng niệm sắc tướng, mà công đức của Phật cũng chẳng niệm; đấy là cảnh giới Lý nhất tâm bất loạn. Nay bọn sơ học chúng ta, nói thật thà, nhất định là phải chấp tướng. Chấp tướng mà chúng ta còn niệm chẳng thành. Nếu chẳng chấp tướng, càng hỏng bét hơn, tâm chúng ta chẳng có gì để nương cậy! Khi nào mới đạt đến cảnh giới Lý nhất tâm? Chờ tới khi quý vị niệm đến mức Lý nhất tâm, sẽ tự nhiên nhập cảnh giới ấy. Đừng nên lo lắng, chớ nên cưỡng cầu, đừng nên ham cao chuộng xa: "Ta phải học như vậy". Như thế sẽ hỏng bét, chẳng thể học! Chúng ta biết có chuyện này là được rồi. Đã biết có chuyện này, trong tương lai, công phu niệm Phật của chính mình đạt đến Sự nhất tâm, niệm đến Lý nhất tâm, cảnh giới này bỗng dưng hiện tiền, chẳng sai! Trong kinh, đức Phật đã có nói, Ngài ấn chứng chúng ta đi theo con đường này sẽ chẳng đi sai đường! Điều này quan trọng lắm!

Nay chúng ta niệm Phật phải niệm sắc tướng. Chúng ta phải thường tưởng Phật, đó là niệm sắc tướng và công đức của Phật. Chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ, đọc kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, [sẽ thấy quá trình tu chứng] A Di Đà Phật từ sơ phát tâm cho đến chứng quả, cho đến tiếp dẫn chúng sanh trong mười phương thế giới, đối với trí huệ và đức năng của Ngài, chúng ta đều có thể ức trì chẳng quên. Đối với các thứ trang nghiêm trong thế giới Tây Phương do Ngài đã thành tựu, chúng ta phải thường ức niệm, vì sao? Niệm những điều ấy sẽ trừ sạch vọng tưởng. Chúng ta chẳng niệm những điều ấy, sẽ dấy vọng tưởng, sẽ tự nhiên nghĩ tới thị phi, nhân ngã, nghĩ tới ngũ dục, lục trần, quả báo trong tương lai là lục đạo luân hồi. Do thường nghĩ tới tham, sân, si, bèn đọa trong ba ác đạo. Chẳng thà niệm sắc tướng hoặc công đức của Phật, tuy chẳng thể đạt tới Lý nhất tâm, Sự nhất tâm cũng là rất khó có! Huống hồ bất luận là Lý niệm hay Sự niệm, chúng ta hiểu rõ giáo huấn của Thiện Đạo đại sư, chấp tướng mà niệm vẫn có thể thượng thượng phẩm vãng sanh. Đấy gọi là *"gặp duyên khác nhau"*.

Ở đây nói đến Lý, chẳng chấp sắc tướng, chẳng chấp vào công đức, vì sao? *"Chư pháp tự tánh Không cố"* (Vì tự tánh của các pháp là Không). Thật sự nhập cảnh giới này, tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần. Nếu Lục Tổ đại sư niệm Phật, Ngài sẽ là Lý niệm, là Thật Tướng Niệm Phật: *"Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuốm bụi trần"*. Ngài thưa với Ngũ Tổ: *"Trong tâm đệ tử thường sanh trí huệ"*. Trí huệ là gì? Giác, chánh, tịnh. Ngài tiếp xúc cảnh giới bên ngoài xác thực là giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm, người ta

đạt đến cảnh giới này! Chúng ta lục căn tiếp xúc cảnh giới bèn mê chứ chẳng giác, tà chứ chẳng chánh, nhiễm chứ không tịnh. Chúng ta chỉ có chấp tướng niệm Phật thì mới có cách cứu; chẳng chấp tướng bèn hết cách cứu! Đoạn văn tự lớn này giúp chúng ta liễu giải chân tướng sự thật, cũng phải nhận biết rõ ràng cảnh giới hiện tại của chính mình, hãy nên dùng phương pháp gì để tu học thì mới có thể thành tựu, chẳng đến nỗi xôi hỏng bỏng không!

***(Diễn) Chư pháp tự tánh Không giả, dĩ Phật vô biệt sắc tâm công đức, duy hữu như như lý cập như như trí độc tồn cố.***

**(演)諸法自性空者，以佛無別色心功德，唯有如如理及如如智獨存故。**

*(**Diễn**: "Tự tánh của các pháp là Không": Do Phật chẳng có sắc, tâm, công đức chi khác, chỉ có lý Như Như và trí Như Như là tồn tại).*

Lý Như Như và trí Như Như hoàn toàn là tác dụng của Tánh Đức, đấy chính là Chân Như bản tánh. Thể là Lý, tác dụng là Trí, tác dụng là "không gì chẳng biết". Lý là Pháp Thân, Trí là Báo Thân; Ứng Hóa Thân từ trong Lý và Trí lưu xuất, là Tha Thọ Dụng, nhằm hóa độ chúng sanh. Ứng Hóa Thân vô lượng vô biên, kinh Lăng Nghiêm nói là *"tùy tâm ứng lượng"*. Đối với vô lượng vô biên chúng sanh trong mười pháp giới, tùy tâm ứng lượng, biến hóa vô cùng. Đó là tác dụng dành cho người khác, chẳng phải là Tự Thọ Dụng, mà là Tha Thọ Dụng. Tuy biến hóa vô cùng, làm các Phật sự, giảng hết thảy kinh pháp, có khởi tâm động niệm hay không? Chẳng có! Nói mà chẳng nói, chẳng nói mà nói, làm mà chẳng làm, không làm mà làm, cảnh giới như thế đó, cảnh giới ấy chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta [cảm thấy] "chẳng thể nghĩ bàn" rất khó hiểu, chẳng dễ lãnh hội cho lắm, vì chúng ta luôn có nghĩ và bàn. Trong ấy, thật sự là có đạo lý. Đạo lý thật sự chính là *"nhất tâm xưng niệm"*, chớ nên suy tưởng lung tung. Chúng ta nhất tâm xưng niệm bèn tương ứng với Lý và Trí, nhị tâm sẽ chẳng tương ứng. Nhất tâm bèn tương ứng, *"một niệm tương ứng một niệm Phật"*, thật sự là nói tới chuyện này. Chúng ta nói *"câu Phật hiệu tương ứng với tín và nguyện"*, chính là nói phương tiện. Nói chân thật, sẽ là *"tương ứng với Lý và Trí, tương ứng với tự tánh"*. Vì thế, pháp môn này xác thực là có thể minh tâm kiến tánh, có thể kiến tánh thành Phật. *"Tự tánh không, tắc vô sở niệm"* (do tự tánh là Không, nên chẳng có cái được niệm). *"Vô sở niệm"*

là chân niệm.

***(Diễn) Vô sở niệm thị vi niệm Phật giả. Hoa Nghiêm vân: "Tánh không tức thị Phật". Kim Cang vân: "Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai".***

**(演)無所念是為念佛者。華嚴云：性空即是佛。金剛云：若見諸相非相，即見如來。**

***(Diễn**: "Chẳng có đối tượng được niệm" chính là niệm Phật. Kinh Hoa Nghiêm nói: "Tánh Không chính là Phật", kinh Kim Cang nói: "Nếu thấy các tướng chẳng phải là tướng, chính là đã thấy Như Lai").*

Kinh Hoa Nghiêm nói *"Phật"*, kinh Kim Cang nói *"Như Lai"* có cùng một ý nghĩa. Kinh Kim Cang nói Phật và Như Lai, là có hai ý nghĩa. Nói Phật hay nói Như Lai, đôi khi là một chuyện, có lúc là hai chuyện. Trong mười đại nguyện vương, *"lễ kính chư Phật"* và *"xưng tán Như Lai"*, Phật và Như Lai là hai chuyện, chẳng phải là một. *"Tánh không tức thị Phật"* (Tánh Không chính là Phật), [câu này] có cùng ý nghĩa với kinh Kim Cang khi dùng chữ Như Lai. Phật là gì? Phật là giác. Như Lai là bản tánh, là tên gọi khác của chân tâm. Trong mười đại nguyện vương, *"lễ kính chư Phật"* là nói theo sắc tướng; *"xưng tán Như Lai"* thì Như Lai là nói theo Tánh Đức. Một đằng nói theo tướng, một đằng nói theo tánh, khác nhau! *"Tánh Không tức thị Phật"*, Phật ở đây là Tánh, chẳng phải là nói tới sắc tướng, mà là nói về trí Như Như. Giác là Trí, tánh Không là trí Như Như.

*"Nhược kiến chư tướng phi tướng"* (Nếu thấy các tướng chẳng phải là tướng), chẳng chấp tướng bèn thấy tánh. Vì sao chúng ta chẳng thấy tánh? Chấp tướng! Cổ nhân có tỷ dụ: *"Dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng"*. Chúng ta dùng vàng làm tượng Phật, làm thành chén trà, làm thành chân đèn cắm nến, những món ấy đều là vàng. Kẻ chấp tướng muốn có vàng, [bèn nói]: "Chẳng có vàng! Đó là tượng Phật, là chân đèn cắm nến, là cái chén". Quên bẵng vàng, chấp tướng mà! Lìa tướng, quý vị muốn có vàng thì có món gì chẳng phải là vàng? Thảy đều là vàng! Chẳng chấp tướng thì tánh ở chỗ nào? Trong Thiền Tông, hỏi người minh tâm kiến tánh: "Chân Như bản tánh ở chỗ nào?" Họ sẽ tùy tiện nhặt một nhánh cây hay ngọn cỏ dưới đất, hoặc nhặt một viên đá, [bảo người hỏi] "chính là đây". Chẳng sai tí nào! Lìa tướng, có pháp nào chẳng phải là tự tánh? Tất cả hết thảy các pháp đều do tự tánh biến hiện.

Pháp nào cũng đều Thị, pháp nào cũng đều Như. Có pháp nào chẳng phải là chân tánh của chính mình? Đấy là thật sự kiến tánh. Đạo ở nơi đâu? Pháp nào cũng là đạo! Chẳng kiến tánh, tìm cách nào cũng chẳng tìm thấy! Nhất định phải là chính mình đích thân chứng đắc, nhập cảnh giới này, sẽ đắc đại tự tại. Lúc vừa mới khế nhập, bèn sanh đại hoan hỷ. Sơ Địa Bồ Tát là Hoan Hỷ Địa, đúng là pháp hỷ sung mãn, từ vô lượng kiếp tới nay mới thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật.

***(Diễn) Phật dĩ vô cảnh vi cảnh, tắc niệm dĩ vô niệm vi niệm dã.***

**(演)佛以無境為境，則念以無念為念也。**

*(**Diễn**: Phật coi vô cảnh là cảnh, nên đối với niệm, bèn coi vô niệm là niệm).*

Đấy là chân niệm. Thảy đều là cảnh giới Lý nhất tâm bất loạn. Công phu niệm Phật của chúng ta là tiệm tiến (tiến dần dần), giai đoạn thứ nhất là cầu công phu thành phiến. Trong kinh chẳng có câu *"công phu thành phiến"*. Công phu thành phiến là giai đoạn thứ nhất của Sự nhất tâm. Sự nhất tâm cũng có chín phẩm, công phu thành phiến là ba phẩm hạ. Chúng ta gọi ba phẩm hạ của Sự nhất tâm là công phu thành phiến, quyết định được vãng sanh. Công phu thành phiến có tướng trạng ra sao? Trong tâm suốt ngày từ sáng đến tối chỉ vương vấn A Di Đà Phật. Trừ A Di Đà Phật ra, chuyện gì cũng đều chẳng ghim nơi lòng. Trong tâm thuần là một khối A Di Đà Phật, đó gọi là *"thành phiến"*, là giai đoạn thứ nhất của Sự nhất tâm. Chẳng đoạn Kiến Tư phiền não; tuy chẳng đoạn, mà [phiền não] chẳng khởi tác dụng, vì sao? Người ấy khởi tác dụng sẽ là một khối A Di Đà Phật, tịnh niệm tiếp nối, chế phục phiền não, xác thực là chưa đoạn phiền não. Nếu đã đoạn phiền não, sẽ là công phu Sự nhất tâm thượng phẩm. Công phu thành phiến là chế phục phiền não, thật sự đắc pháp hỷ, nắm chắc vãng sanh. Biết trước lúc mất vẫn kém hơn một bậc, chẳng cao minh. Cao minh là tự tại vãng sanh, muốn đi lúc nào bèn đi lúc đó, muốn ở thêm mấy năm, chẳng trở ngại. Chúng ta thường nói là "sanh tử tự tại". Sanh tử tự tại thì cần phải có công phu như thế nào? Chúng ta chia công phu thành phiến thành ba bậc là thượng, trung, hạ. Công phu bậc thượng bèn sanh tử tự tại; điều này cho thấy: Có thể đạt được công phu chế phục phiền não ở mức độ cao liền có thể làm được (sanh tử tự tại), chẳng cần đoạn phiền não. Đã đoạn phiền não thì lại càng chẳng cần phải nói nữa, còn bàn luận chi nữa! Công phu chế

phục phiền não thượng thừa bèn có thể sanh tử tự tại, đến đi tự nhiên! Đấy chẳng phải là [chỉ] biết trước lúc mất, [mà còn] muốn đi lúc nào bèn đi lúc đó, quý vị mới biết pháp môn này thù thắng. Trong các pháp môn khác, để đạt tới công phu này hết sức khó khăn! Trong Thiền Tông, nhất định phải là đã minh tâm kiến tánh thì mới có thể đạt tới [công phu này]. Ở đây, chúng ta gọi minh tâm kiến tánh là cảnh giới Lý nhất tâm, chẳng phải là Sự nhất tâm. Trong pháp này (pháp môn Tịnh Độ), do công phu thuộc giai đoạn đầu của Sự nhất tâm mà đạt tới cảnh giới này. Vì vậy, chúng ta phải nên coi trọng pháp môn này, hãy nên nghiêm túc tu học thì mới chẳng đến nỗi luống uổng đời này. Hôm nay, chúng tôi giảng tới đây!

***Tập 237***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm năm mươi tám:

***(Sao) Hựu Quán Phật Tam Muội Hải Kinh, Phật thị A Nan vân: "Trụ niệm Phật giả, tâm ấn bất hoại". Thích viết: "Đế liễu tự tâm, danh vi quán Phật. Bất vị cảnh loạn, danh vi tam-muội. Nhất Thể bất di, danh vi tâm ấn" đẳng.***

**(鈔)又觀佛三昧海經，佛示阿難云：住念佛者，心印不壞。釋曰：諦了自心，名為觀佛；不為境亂，名為三昧；一體不移，名為心印等。**

*(**Sao**: Lại nữa, trong kinh Quán Phật Tam Muội Hải, đức Phật dạy ngài A Nan: "Trụ trong niệm Phật là tâm ấn chẳng hoại". Giải thích: "Hiểu rõ đúng thật tự tâm thì gọi là quán Phật. Chẳng bị loạn bởi cảnh thì gọi là tam-muội. Một Thể chẳng dời thì gọi là tâm ấn" v.v...).*

Đây là ý nghĩa nhất tâm bất loạn được nói trong kinh Quán Phật Tam Muội Hải. Trong nhiều kinh luận, chúng ta đọc nhiều, sẽ có thể hiểu rõ đức Phật dạy Lý nhất tâm bất loạn rốt cuộc là cảnh giới như thế nào! Tuy chúng ta rất khó chứng nhập cảnh giới ấy, tối thiểu là có thể liễu giải thêm đôi chút về mặt thường thức, chuyện này sẽ giúp cho công phu niệm Phật của bản thân chúng ta tăng tấn.

Đức Phật bảo ngài A Nan: *"Trụ niệm Phật giả, tâm ấn bất hoại"* (Trụ trong niệm Phật là tâm ấn bất hoại), đó là phần kinh văn [trong

chánh kinh]. Kế đó, giải thích niệm Phật là như thế nào? Tâm ấn bất hoại là như thế nào? *"Đế"* (諦) có nghĩa là chân thật, *"liễu"* (了) là hiểu rõ. *"Đế liễu"* (諦了) là chân thật hiểu rõ, chẳng sai lầm, hiểu rõ tự tánh, thâm nhập chánh xác. *"Tự tâm"* là chân tánh, là bản tánh của chính mình. Nhà Thiền gọi *"đế liễu tự tâm"* là *"minh tâm kiến tánh"*, đó là *"quán Phật"*. Có thể thấy cảnh giới này xác thực thuộc về Lý nhất tâm. Lý nhất tâm là phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, là cảnh giới này, chẳng phải là cảnh giới Sự nhất tâm. *"Bất vị cảnh loạn, danh vi tam-muội"* (Chẳng bị loạn bởi cảnh thì gọi là tam-muội). Niệm Phật tam-muội là cảnh giới gì? Trong tâm có chủ tể, chẳng bị cảnh giới lục phàm dao động, nhiễu loạn, cũng chẳng bị tứ thánh pháp giới khuấy loạn, đó mới là Niệm Phật tam-muội thật sự. Trong Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ, Thiện Đạo đại sư đã giảng trong chương Thượng Phẩm Thượng Sanh: A La Hán vì chúng ta thuyết pháp, Địa Tiền Bồ Tát[50] vì chúng ta thuyết pháp, Địa Thượng Bồ Tát vì chúng ta thuyết pháp, mười phương hết thảy chư Phật đều vì chúng ta thuyết pháp, nhưng chẳng tương ứng với kinh Vãng Sanh, ta thảy đều không quan tâm tới, thảy đều chẳng nghe, thảy đều chẳng tiếp nhận. Đó là "chẳng bị tứ thánh pháp giới nhiễu loạn", đó mới là Niệm Phật tam-muội. *"Nhất Thể bất di, danh vi tâm ấn đẳng"* (Một Thể chẳng dời thì gọi là tâm ấn). *"Thể"* là chân tâm, là bản tánh, cũng là Nhất Chân pháp giới được nói trong kinh Hoa Nghiêm. *"Bất di"* (不移) là bất động, bất biến. Vì sao? Chân tâm trọn khắp pháp giới. Hết thảy các cõi Phật trong tận hư không khắp pháp giới (nay ta gọi là vô lượng tinh hệ trong vũ trụ), đều do chân tâm biến hiện. Tâm là năng biến (cái có thể biến). Vô lượng vô biên tinh hệ trong vũ trụ cho đến hư không đều là sở biến (cái được biến). Năng và Sở là một, không hai. Vì thế, nói là *"nhất Thể bất di"*, đó gọi là *"tâm ấn bất hoại"*.

*"Tâm ấn"* (心印) là tỷ dụ chẳng có trước sau, đồng thời hiển hiện. Chúng ta viết chữ thì từng nét bút, từng vạch phải theo thứ tự, có trước, có sau. Nếu chúng ta muốn sao chép kinh văn trong trang này bèn có trước sau. Trong ấn loát, khi bản in gốc vừa ép xuống [giấy], toàn bộ phần kinh văn này đều hiện tiền, chẳng có trước sau, [dùng chữ *"ấn"*] nhằm nêu ra ý nghĩa này. Sâm la vạn tượng trong tận hư không khắp pháp giới sanh khởi có trước sau hay chăng? Thưa cùng chư vị, chẳng có

[50] Địa Tiền Bồ Tát bao gồm các địa vị Pháp Thân Bồ Tát chưa chứng đắc Sơ Địa, tức là ba mươi địa vị thuộc Thập Trụ, Thập Hạnh và Thập Hồi Hướng. Từ Sơ Địa trở lên thì gọi là Địa Thượng Bồ Tát.

trước sau. Các nhà khoa học hiện thời bất luận thăm dò ra sao, trước sau vẫn chẳng có cách nào hiểu rõ chân tướng, vì chẳng hiểu hết thảy các hiện tượng sanh khởi chẳng có trước sau.

Kinh Lăng Nghiêm nói: *"Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận"* (Sanh ra từ nơi đâu, sẽ diệt ngay từ nơi đó), gần như là sanh diệt đồng thời. Nếu các nhà khoa học đọc kinh Lăng Nghiêm, có lẽ khoa học sẽ tăng tấn, tiến cao hơn một nấc, có thể chứng minh chân tướng được nói trong kinh Phật. Nay chúng ta nghiên cứu theo phương hướng sai lầm, luôn nghĩ chúng có thứ tự, luôn nghĩ chúng có khởi nguyên. Đối với khởi nguyên của vũ trụ, sinh vật và nhân loại, [giới khoa học] luôn bảo là chúng có trước sau, không biết là chúng chẳng có trước sau.

Tình hình này có thể lãnh hội, kiểm nghiệm bằng mộng cảnh. Chúng ta nằm mộng, cảnh giới trong mộng bỗng dưng hiện tiền, cảnh giới ấy có trước sau hay chăng? Một thứ sanh, hết thảy đều sanh! Vừa tỉnh giấc, mộng cảnh chẳng còn nữa. Một thứ diệt, hết thảy đều diệt! Chẳng phải là diệt theo thứ tự, mà cũng chẳng phải là sanh theo thứ tự. Các hiện tượng trong toàn thể đại vũ trụ cũng là tình hình này, tỏ rõ ý nghĩa *"tâm ấn bất hoại"*. Năng và Sở đều bất hoại. Các hiện tượng được biến hiện chính là *"tương tục tướng"* (相續相: tướng liên tục). Các hiện tượng liên tục [xuất hiện và diệt mất] mà thôi, tìm sự sanh diệt đúng là tìm chẳng thấy. Nhập cảnh giới này, bèn gọi là *"chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn"*.

*"Vô Sanh"* (無生) là hết thảy vạn pháp xác thực chẳng có sanh diệt. Chẳng có sanh diệt là vô sanh; vô sanh bèn vô diệt. *"Pháp"* (法) là hết thảy các pháp. Nhẫn (忍) là thừa nhận. Quý vị đã thấy sự thật này, thừa nhận lời Phật dạy "hết thảy các pháp bất sanh, bất diệt", đó gọi là *"chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn"*. Hết thảy các pháp bất sanh bất diệt là ý nghĩa *"tâm ấn bất hoại"*.

***(Sao) Hựu Xá Lợi Phất Đà La Ni kinh vân: "Duy tu nhất tâm niệm Phật", giai Lý nhất tâm nghĩa dã.***

**(鈔)又舍利弗陀羅尼經云：唯修一心念佛，皆理一心義也。**

*(**Sao**: Lại nữa, kinh Xá Lợi Phất Đà La Ni nói: "Chỉ tu nhất tâm niệm Phật đều có nghĩa là Lý nhất tâm vậy").*

Kinh Xá Lợi Phất Đà La Ni[51] nói *"nhất tâm niệm Phật"* cũng là nói tới Lý nhất tâm, cảnh giới này khá cao.

***(Sớ) Hựu tuy vân nhất tâm, thật tắc Quán Kinh tam tâm, Khởi Tín tam tâm, Luận tam tâm.***

**(疏)又雖云一心，實則觀經三心，起信三心，論三心。**

*(**Sớ**: Lại nữa, tuy nói là "nhất tâm", nhưng thật ra, đó chính là ba tâm trong Quán Kinh, ba tâm trong Khởi Tín Luận, ba tâm trong Vãng Sanh Luận).*

Kinh điển, chú sớ của Tịnh Độ Tông nếu chỉ nói *"Luận"*, tức là nói tới Vãng Sanh Luận. Nếu nói tới những bộ luận khác, nhất định phải ghi thêm tên trước chữ Luận, như [nói đến] Khởi Tín Luận thì phải thêm chữ Khởi Tín vào [trước chữ Luận, nói tới] Trí Độ Luận thì phải thêm chữ Trí Độ.

***(Sớ) Nãi chí Hoa Nghiêm thập tâm, Bảo Tích thập tâm, vô bất cụ cố.***

**(疏)乃至華嚴十心，寶積十心，無不具故。**

*(**Sớ**: Cho đến mười tâm trong kinh Hoa Nghiêm, mười tâm trong kinh Bảo Tích, không gì chẳng trọn đủ).*

Thảy đều trọn đủ.

***(Sớ) Hựu Tịnh Danh bát pháp, diệc nhất tâm cố. Đức Vân nhị thập nhất Niệm Phật môn, diệc bất xuất thử Lý nhất tâm cố.***

**(疏)又淨名八法，亦一心故；德雲二十一念佛門，亦不出此理一心故。**

---

[51] Kinh này được ngài Tăng Già Bà La xứ Phù Nam dịch vào đời Lương, gồm một quyển. Đức Phật nói kinh này ba tháng trước khi nhập Niết Bàn. Vâng lời đức Phật dạy, hai vị Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên dùng thần lực triệu tập chư Tăng về Đại Lâm Tinh Xá, ngài Xá Lợi Phất nhân đấy thưa hỏi phương pháp để có thể đắc vô ngại nhạo thuyết trí huệ, làm thế nào để nghe hằng sa chư Phật thuyết pháp không chướng ngại, cũng như cách thức để nhập các môn tổng trì như vô tận thọ trì đà la ni môn, nhập chúng sanh chư căn phương tiện đà la ni môn v.v… Đức Phật bèn lần lượt dạy cách thức thọ trì.

*(**Sớ**: Lại nữa, tám pháp trong kinh Tịnh Danh cũng là nhất tâm. Hai mươi mốt môn Niệm Phật của ngài Đức Vân cũng chẳng ra ngoài Lý nhất tâm vậy).*

Trong kinh, đức Phật ứng cơ thuyết pháp, có lúc nói rất nhiều, có khi nói rất ít. Bất luận nói nhiều hay ít, đều chẳng ra ngoài Lý nhất tâm. Vì sao đức Phật chẳng thuyết pháp nhất định? Trong kinh Kim Cang, đức Phật đã nói rõ thái độ giáo hóa chúng sanh của Ngài: Đức Phật không chỉ là *"vô hữu định pháp khả thuyết"* (chẳng có pháp nhất định để có thể nói), mà nói thật ra, sẽ là *"vô hữu pháp khả thuyết"* (chẳng có pháp nào để có thể nói). Nói lời chân thật đấy nhé! Chẳng có pháp để nói, mà nói hết thảy các pháp. Hết thảy các pháp ấy chính là "chẳng có pháp". Nếu quý vị có thể thấu hiểu ý nghĩa này, quý vị mới có thể lãnh hội ý thú trong lời thuyết pháp của đức Phật, mới có thể nghe hiểu, mới chẳng hiểu lầm ý nghĩa của Ngài. Pháp ấy được đức Phật nói như thế nào? Do vì hết thảy chúng sanh vọng tưởng, chấp trước, nên Ngài nói ra hết thảy các pháp không gì chẳng nhằm mục đích phá vọng tưởng và chấp trước của quý vị mà thôi. Vọng tưởng và chấp trước của mỗi người mỗi khác. Do vậy, phương pháp phá chấp trước của đức Phật đối với mỗi chúng sanh sẽ khác nhau, phương pháp thiên biến vạn hóa, há có pháp nhất định để có thể nói ư? Chúng ta học theo đức Phật thuyết pháp, phải học từ chỗ này thì mới là thật sự hiểu, sẽ giống như thầy thuốc khám bệnh: Tuyệt đối chẳng thể dựa theo toa thuốc đã kê sẵn để khám bệnh, há có đạo lý ấy! Chẳng có pháp để có thể nói!

Chẩn đoán bệnh tình, kê toa ngay trong lúc ấy: Quý vị mắc bệnh gì, cho quý vị dùng toa thuốc nào. Hai người mắc cùng một căn bệnh, nhưng thể chất khác nhau, hoặc là nguyên nhân gây bệnh khác nhau, thời gian phát bệnh chẳng giống nhau, [cho nên] sử dụng phân lượng thuốc cũng khác nhau. Đó mới là một thầy thuốc giỏi. Hiện thời, giảng kinh thuyết pháp đều là đem toa thuốc đã viết sẵn để chữa bệnh cho chúng sanh. Nếu chẳng trị lành bệnh của chúng sanh, [bèn đổ thừa]: "Ngươi chẳng bị bệnh đúng theo toa thuốc của ta!" Lời lẽ nực cười! Hiện thời, chỗ khó khăn trong giảng kinh là khó ở chỗ này! Nhất định là phải có tu trì, nhất định là phải có lãnh ngộ, bản thân chúng ta mới có thể đạt được lợi ích thật sự nơi Phật pháp. Chính mình đã đạt được lợi ích thì mới có thể giúp đỡ người khác. Vì thế, những điều do đức Phật đã giảng vì người nghe [căn cơ khác biệt] mà [thuyết pháp] sai khác, do thời điểm

mà sai khác, do nơi chốn mà sai khác, nhưng nguyên tắc bất biến, còn phương pháp và kỹ xảo sẽ tùy thời biến đổi! Chúng ta phải học, điều quan trọng nhất là học lấy những điều bất biến, cái bất biến chính là nguyên lý và nguyên tắc, tức là nhất tâm. Chúng ta phải học điều này. Nhất tâm là chân tâm, nhất tâm lưu lộ từ tự tánh.

***(Sao) Quán Kinh tam tâm giả, nhất giả chí thành tâm, nhị giả thâm tâm, tam giả hồi hướng phát nguyện tâm, dữ Khởi Tín tam tâm, danh thù lý nhất.***

**(鈔)**觀經三心者，一者至誠心，二者深心，三者回向發願心，與起信三心，名殊理一。

*(**Sao**: "Ba tâm trong Quán Kinh": Một là chí thành tâm, hai là thâm tâm, ba là hồi hướng phát nguyện tâm, so với ba tâm trong Khởi Tín Luận thì tên gọi khác nhau, nhưng có cùng một lý).*

Danh xưng của ba tâm [trong Quán Kinh] chẳng giống với ba tâm được nói trong Khởi Tín Luận, nhưng ý nghĩa và cảnh giới hoàn toàn giống nhau.

***(Sao) Lương dĩ chí thành tâm giả, tức Khởi Tín trực tâm chánh niệm Chân Như, nhi thử nhất tâm bất loạn, cánh vô hư vọng, cánh vô thiên lưu, tùy thuận Chân Như cố.***

**(鈔)**良以至誠心者，即起信直心正念真如，而此一心不亂，更無虛妄，更無遷流，隨順真如故。

*(**Sao**: Bởi lẽ, chí thành tâm chính là "trực tâm chánh niệm Chân Như" trong Khởi Tín Luận. Thế mà nhất tâm bất loạn chẳng có hư vọng, lại chẳng đổi dời, vì nó tùy thuận Chân Như).*

Giảng rõ vì sao chí thành tâm được nói trong Quán Kinh và trực tâm trong Khởi Tín Luận có cùng một ý nghĩa. Giải thích rất hay, đơn giản, trọng yếu, tường tận, rõ ràng. "*Chí thành tâm*": Chí thành là chân thành tột bậc, đấy cũng là cái tâm chân thành, tức là Thể, nói theo Thể. Hai thứ tiếp đó (thâm tâm và hồi hướng phát nguyện tâm) là nói theo tác dụng. Tâm chỉ có một, tức là nhất tâm bất loạn, vì sao xuất hiện ba tâm? Tam tâm nhị ý là hư vọng, chẳng thật, nhất tâm mới là thật. Cớ sao nhất tâm có thể biến thành ba tâm? Đây là nói [tách ra] theo Thể và tác dụng.

Chí thành tâm là Thể, thâm tâm là tác dụng, hồi hướng phát nguyện tâm cũng là tác dụng, hai thứ tác dụng! Hai thứ tác dụng ấy, một đằng là Tự Thọ Dụng, đằng kia là Tha Thọ Dụng, cũng có nghĩa là: Chúng ta dùng cái tâm gì để đối với chính mình và dùng cái tâm gì đối với người khác. Do vậy, tác dụng của tâm được chia thành Tự Thọ Dụng và Tha Thọ Dụng, trên thực tế, chúng là một nhất tâm. Thể vô cùng quan trọng. Nếu Thể chẳng hiện tiền, chắc chắn là chẳng có hai tác dụng ấy. Nhất định là phải có Thể trước rồi mới có tác dụng. *"Thành"* (誠) được nói ở đây là "chân thành". Tâm như thế nào thì mới là chân thành? Chúng ta có thành tâm hay chăng? Chẳng cần nói tới tâm chí thành, [chỉ cần xét chính mình] có thành tâm hay không? Đức Phật nói là "thành tâm", Nho gia nói là "thành ý", có cùng một ý nghĩa như trong nhà Phật đã nói. Chúng ta có thành ý hay không? *"Thành ý, chánh tâm"* của Nho gia là nhất tâm. *"Thành ý"* (誠意) là nói tới cái Thể của nhất tâm, *"chánh tâm"* (正心) là nói tới cái Dụng của nhất tâm. Nói tới tác dụng của chân tâm, họ (Nho gia) đã gộp Tự Thọ Dụng và Tha Thọ Dụng thành một, đặt tên là *"chánh tâm"*. Đức Phật giảng cặn kẽ, tách Dụng thành hai môn Tự Thọ Dụng và Tha Thọ Dụng.

Chữ *"thành"* (誠) rất khó hiểu. Mỗi người chúng ta thường cảm thấy "ta đã rất thành khẩn", "ta đã rất chân thành", có phù hợp tiêu chuẩn ấy hay chăng? Nói thật ra, kém xa lắm! *"Thành"* phải nói như thế nào? Trong Độc Thư Bút Ký (bút ký đọc sách), tiên sinh Tăng Quốc Phiên có nói: *"Một niệm chẳng sanh bèn gọi là Thành"*. Tiêu chuẩn này rất gần với tiêu chuẩn của Nho và Phật. Do vậy có thể biết: Chúng ta khởi tâm động niệm, sẽ chẳng phải là thành tâm, chẳng phải là chân tâm. Trong kinh Phật thường nói: *"Chân tâm ly niệm"*. Chân tâm chẳng có ý niệm, chẳng có vọng tưởng. Có vọng niệm, tâm sẽ chẳng chân. Hễ có niệm thì đều là vọng. Có vọng niệm sẽ chẳng phải là chân tâm. Mỗi người chúng ta đều có chân tâm, nhưng bị vọng niệm chướng ngại. Chân tâm giống như mặt trời, vọng niệm giống như mây đen. Vầng mây che khuất mặt trời, chân tâm chẳng thể hiển lộ được! Chân tâm chẳng thể hiển lộ, đương nhiên chân tâm chẳng khởi tác dụng. Nhà Phật nói "tu hành" là tu gì? Bất luận tông phái nào, bất luận Hiển Giáo hay Mật Giáo, đều là tu tâm. Trừ điều này ra, chẳng có điều thứ hai nào cả! Tâm còn phải tu ư? Tâm chẳng cần tu, vậy thì tu gì? Trừ bỏ chướng ngại mà thôi! Trừ hết vọng tưởng, Chân bèn hiện tiền. Nếu quý vị mong cầu Chân, "cầu Chân" lại là một vọng niệm, Chân sẽ vĩnh viễn chẳng thể hiện tiền.

Chỉ trừ vọng tưởng, chẳng cầu Chân, Chân sẽ tự nhiên lộ ra. Đối với chân tâm, kinh Lăng Nghiêm nói là *"thường trụ chân tâm"*. Chân tâm chẳng có sanh diệt, chẳng biến đổi, nên gọi là *"thường trụ chân tâm"*. Vọng tâm là vô thường, Phật pháp nói *"quán tâm vô thường"*. Quán vọng tâm, niệm này dấy lên, niệm kia diệt mất, mỗi niệm đều khác, lúc nghĩ như thế này, lúc nghĩ như thế nọ. Do đó, vọng tâm là vô thường, chân tâm là thường trụ, chân tâm là nhất tâm.

Nếu chúng ta thật sự hiểu rõ chuyện này, quý vị đã đạt được quá nửa yếu quyết tu hành trong Phật pháp. Có những kẻ chuyên trì một câu Phật hiệu, thời gian niệm cũng chẳng bao lâu, có thể biết trước lúc mất, chẳng sanh bệnh, đứng mất, ngồi mất, ra đi tiêu sái như thế ấy, do nguyên nhân gì? Nhất tâm niệm, chẳng còn dấy vọng tưởng nữa! Nhất tâm nhất ý niệm câu A Di Đà Phật, tuy thời gian chẳng lâu, người ấy thành công. Trong phần trước có nói: Người ấy đắc Niệm Phật tam-muội, cho nên người ấy vãng sanh, lui tới Tịnh Độ của chư Phật như ý. Hết thảy các cõi Phật đều do tự tánh biến hiện, đến đi tự do, há có khó khăn gì! Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng do tự tánh biến hiện, *"duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà"*. Nhất tâm vô cùng quan trọng! Căn bệnh to lớn của chúng ta là vọng tưởng chẳng ngừng, mỗi ngày từ sáng đến tối dấy vọng tưởng, ngay cả nằm ngủ vẫn dấy vọng tưởng. Do dấy vọng tưởng mới nằm mộng; chẳng dấy vọng tưởng sẽ không nằm mộng. Có thể thấy: Ngày đêm vọng tưởng không ngừng, chẳng có lúc nào gián đoạn! Vọng tưởng chẳng thể ngưng dứt, sẽ chẳng thể đoạn lục đạo luân hồi. Từ vô thỉ kiếp tới nay, chúng ta cứ luân hồi trong lục đạo. Tạo thành sự luân hồi trong lục đạo như thế nào? Do dấy vọng tưởng mà tạo! Vọng tưởng đáng sợ lắm! Nay đức Phật dạy chúng ta phương pháp vượt thoát luân hồi, phương pháp vĩnh viễn thoát sanh tử, quý vị có lòng thành để thực hiện là được. Tâm chí thành khẩn yếu lắm! Có ba tâm ấy của Quán Kinh, quyết định vãng sanh, bất thoái thành Phật.

Thứ hai là *"thâm tâm"*. Thâm tâm là Tự Thọ Dụng, chúng ta cũng thường nói là "sự hưởng thụ về mặt tinh thần". Sự hưởng thụ chí cao vô thượng là thâm tâm. Nhưng nếu quý vị chẳng có tâm chân thành như đã nói trên đây, sẽ chẳng đạt được sự hưởng thụ này. Sự hưởng thụ chí cao vô thượng là do tâm chân thành khởi tác dụng.

***(Diễn) Phật quả thâm cao, dĩ tâm vãng cầu, cố viết thâm tâm.***

**(演)佛果深高，以心往求，故曰深心。**

*(**Diễn**: Phật quả cao sâu, dùng tâm để cầu, nên nói là "thâm tâm").*

Lấy Phật làm mục tiêu truy cầu của chúng ta. Nay chúng ta học Phật, nhất là xuất gia, muốn gia nhập hàng ngũ trong Phật pháp giới. Hàng tại gia học Phật, nói thật ra, cũng nhằm mục đích muốn gia nhập hàng ngũ của Phật, Bồ Tát thì mới là "học Phật". Nếu tâm chẳng chân thành, hằng ngày vẫn suy nghĩ loạn xạ, vẫn phải luân hồi trong lục đạo y như cũ, căn bản là trong hàng ngũ của Phật, Bồ Tát, chẳng có quý vị! Quý vị học Phật ở chỗ nào? Đó là hữu danh vô thực. Do vậy, quyết định phải tham dự hàng ngũ của Phật, Bồ Tát. Đặc biệt là xuất gia, cổ đức thường nói: *"Hễ xuất gia bèn gánh vác gia nghiệp của Như Lai"*. Trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh; đó là gia nghiệp của Như Lai, là sự nghiệp của Bồ Tát. Cầu Phật đạo, ở đây nói là *"Phật quả cao thâm"*, chúng ta nhất tâm mong cầu, bèn gọi là *"thâm tâm"*.

Chúng sanh vô biên, không chỉ là khu vực này, không chỉ là quả địa cầu này. Ngoài địa cầu ra, còn có vô lượng vô biên thế giới, mỗi thế giới đều có vô lượng vô biên chúng sanh, tâm lượng của chúng ta phải rộng lớn giống như Phật và đại Bồ Tát, phải phổ độ hết thảy chúng sanh trong pháp giới, mong bằng chư Phật Như Lai, mong học tập chư Phật Như Lai. Đó là đại sự xuất gia. Cổ đức thường nói: *"Xuất gia phi thế gian tướng tướng chi sở năng vi"* (Xuất gia chẳng phải là chuyện những kẻ đứng đầu văn võ bá quan có thể làm được)[52]. Thật đấy! Quý vị liễu giải sự thật này, mới biết: Kẻ làm quốc vương, làm tể tướng, làm thống soái trong thế gian, chẳng có gì hiếm hoi, lạ lùng cả! Xét theo tâm lượng, xét theo sự nghiệp, xét theo thành tựu, quyết định là [những kẻ đó] chẳng thể sánh bằng Phật, Bồ Tát, tâm lượng và sự nghiệp của các Ngài quá rộng lớn!

***(Diễn) Diệc tùng thâm lý sanh, diệc tùng hậu nhạo thiện căn sanh.***

**(演)亦從深理生，亦從厚樂善根生。**

*(**Diễn**: Cũng sanh từ lý sâu xa, cũng sanh từ lòng ưa thích thiện căn sâu dầy).*

---

[52] Nguyên văn "出家非世間將相之所能為", chữ Tướng (將) thứ nhất chỉ vị tướng cầm quân, chữ Tướng (相) thứ hai chỉ chức vụ thừa tướng, đứng đầu bá quan.

*"Tùng thâm lý"* (Từ lý sâu). Chí thành tâm là thâm lý. *"Hậu nhạo"* (厚樂) là yêu thích sâu dầy tột bậc, ưa chuộng *"thiện căn"*. Vì thế, tâm này niệm nào cũng đều sanh ra hết thảy thiện pháp. Chúng ta thường nói "thâm tâm" theo kiểu nói nông cạn, đơn giản là *"ưa thiện chuộng đức"*. Ưa thiện chuộng đức chính là ý nghĩa thuộc phần sau của [đoạn văn Diễn Nghĩa trên đây], *"tùng hậu nhạo thiện căn"* (từ lòng ưa thích thiện căn sâu dầy). Cách nói này dễ hiểu. Nói với người mới học, càng đơn giản, họ càng dễ hiểu rõ, [thâm tâm] là ưa thiện chuộng đức. Tiêu chuẩn của thiện và đức rất nhiều, tiêu chuẩn được nói ở đây là tiêu chuẩn tuyệt đối. Tiêu chuẩn tuyệt đối là xứng tánh, là chân thành.

***(Diễn) Tuy hữu tam nghĩa, nhi bất tương xả.***

**(演)雖有三義，而不相捨。**

*(**Diễn**: Tuy có ba nghĩa, nhưng chúng chẳng tách lìa nhau).*

Ba ý nghĩa ấy tương thông, bất cứ ý nghĩa nào cũng trọn đủ hai ý nghĩa kia. Vì thế, nó hiển hiện rất sâu.

***(Diễn) Cầu cao thâm quả, tu kiến thâm lý. Dục khế thâm lý, tu hậu nhạo thiện căn. Thử nãi lập hạnh y lý cầu quả dã.***

**(演)求高深果，須見深理，欲契深理，須厚樂善根，此乃立行依理求果也。**

*(**Diễn**: Cầu quả cao sâu, cần phải thấy lý sâu. Muốn khế nhập lý sâu, cần phải ưa thích thiện căn sâu dầy. Đây chính là lập hạnh, nương vào lý để cầu quả).*

Nhất định là phải *"kiến thâm lý"*, Thiền Tông gọi *"kiến thâm lý"* là *"kiến tánh"*, Tịnh Độ Tông nói là *"nhất tâm bất loạn"*, hoặc Niệm Phật tam-muội. Đó là thành tựu chân thật, thành tựu thật sự của người niệm Phật. Do vậy, chúng ta niệm Phật, quyết định chẳng cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, chẳng cầu công danh, phú quý. Tuy hết thảy chẳng cầu, nhưng phú quý, trí huệ, khỏe mạnh, sống lâu là những điều trong tâm người thế gian thường mong mỏi, người học Phật sẽ tự nhiên đều đạt được, chẳng bị thiếu sót gì! Vì sao chẳng thiếu khuyết? Từ trong tâm chân thành tự nhiên lưu lộ, lẽ nào bị khuyết thiếu? Đối với người thế gian, ba thứ ấy đều do tu bố thí mà có. Vì sao? Tánh Đức của họ chẳng

lưu lộ, họ cần phải cậy vào Tu Đức. Chẳng tu, sẽ chẳng thể đạt được, chẳng thể thọ dụng. Có tu thì mới đạt được, chẳng tu sẽ không đạt được, rất khổ! Người học Phật chúng ta chuyên cầu nhất tâm, nhất tâm là Tánh Đức. Trong Tánh Đức, thảy đều trọn đủ, chẳng cầu cũng đạt được, không tu cũng đạt được! Vì sao? Tánh Đức vốn trọn đủ. Khi kiến tánh, Lục Tổ đại sư đã nói: *"Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn trọn đủ"*. Chẳng phải do tu được, mà là vốn sẵn có. Chúng ta vốn sẵn có, nay bị vọng tưởng, chấp trước, phiền não che lấp, chẳng khởi tác dụng, cho nên phải tu đôi chút thì mới có tác dụng đôi chút. Ví như quý vị có của cải, tài khoản trong ngân hàng có tới mấy trăm vạn, nhưng quên bẵng tài khoản đó, tưởng chính mình là gã nghèo kiết xác, phải làm việc mỗi ngày. Ngày nào chẳng làm, ngày đó chẳng có cơm ăn! Quý vị nói xem có đáng thương lắm hay không? "Làm việc" là "tu", kiếm được chút tiền để sống qua ngày là "đắc". Nay chúng ta sống như vậy đó, chẳng biết chính mình là đại phú ông! Người tu nhất tâm chẳng cần làm lụng nữa, ta chuyên tu nhất tâm. Ta vốn có lắm của cải ngần ấy, đều có thể lôi ra dùng, ý vị là như thế đó. Mỗi người chúng ta, [cũng như] hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng y hệt như chư Phật Như Lai, chẳng hai, chẳng khác chư Phật Như Lai. Vì sao các Ngài phú quý dường ấy, chúng ta bần cùng ngần ấy? Do chúng ta đã quên bẵng chính mình phú quý, chẳng biết chính mình cũng có. Chúng ta rất hâm mộ Phật, Phật trọn chẳng coi thường chúng ta. Phật biết chúng ta phú quý giống hệt như Ngài, nay chúng ta đang mê, hồ đồ, mê muội, chính mình có tiền mà chẳng biết, hằng ngày làm lụng vất vả để sống qua ngày, chuyện là như vậy đó. Như vậy mới biết tu hành đáng quý!

***(Diễn) Hồi hướng phát nguyện tâm giả, dĩ Chân Như thật niệm, thú quả thiện tâm, nhị tâm công đức, thiện xảo hồi hướng, nguyện sanh Tịnh Độ, tốc chứng Pháp Nhẫn, quảng bạt nhất thiết chúng sanh khổ não.***

**(演)回向發願心者，以真如實念，趣果善心，二心功德，善巧回向，願生淨土，速證法忍，廣拔一切眾生苦惱。**

(***Diễn***: *"Hồi hướng phát nguyện tâm": Dùng Chân Như để thật niệm, thiện tâm hướng đến quả, khéo léo hồi hướng công đức do hai tâm, nguyện sanh về Tịnh Độ, mau chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn, cứu vớt rộng rãi hết thảy các chúng sanh đang khổ não).*

Chúng ta thường nói đến hồi hướng, hồi hướng có ba chỗ:

1) Thứ nhất là Hồi Hướng Thật Tế, *"dĩ Chân Như thật niệm"* (dùng Chân Như để thật niệm) chính là Hồi Hướng Thật Tế. *"Hồi"* (回) là trở về, gom hết thảy công đức do chúng ta đã tu tập, tích lũy về một mục tiêu, bèn có thành tựu chẳng thể nghĩ bàn. Thật Tế (實際) là chân tâm, bản tánh. Chúng ta tu học chẳng có chi khác, nhằm cầu minh tâm kiến tánh, những thứ khác đều chẳng cầu. Trong tông này, chuyên cầu nhất tâm bất loạn, chúng ta niệm Phật nhằm cầu điều này. Cầu điều này vẫn chẳng dễ cho lắm! Nếu có tâm cầu, cái tâm mong cầu ấy chính là vọng niệm, sẽ chướng ngại quý vị đắc nhất tâm bất loạn. Có nguyện "mong cầu", nhưng chẳng có tâm mong cầu, chẳng có ý niệm mong cầu thì mới được. Điều này rất khó hiểu, rất khó lãnh hội, thật ra, [biết] nó khó khăn là được rồi, chẳng cần phải quan tâm tới nó. Chúng ta chuyên cầu vãng sanh Tịnh Độ, hãy là cầu nơi Sự. Cầu nơi Sự sẽ dễ dàng, dễ hiểu, dễ lý giải, mà cũng dễ học tập. Chúng ta chuyên cầu vãng sanh Tịnh Độ là được rồi! Cổ đức thường nói: *"Đản đắc kiến Di Đà, hà sầu bất khai ngộ?"* (Chỉ mong thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ?). Đã thấy A Di Đà Phật, hết thảy đều được giải quyết, phương pháp này mầu nhiệm lắm! Nghe kinh có hiểu hay không, chẳng sao cả, chẳng khẩn yếu! Điều khẩn yếu là thật sự kiến lập tín tâm, tin tưởng Tây Phương Cực Lạc thế giới là có thật, tin tưởng thật sự có A Di Đà Phật, tin tưởng chúng ta thật sự mong vãng sanh sẽ quyết định được thành tựu. Thật thà niệm một câu A Di Đà Phật sẽ thành công, vấn đề gì cũng đều được giải quyết. Chúng ta đọc kinh, nghiên cứu, thảo luận nhằm mục đích thật sự là khiến cho tín tâm thêm mạnh mẽ. Có thể nghe hiểu thì rất tốt, vì sẽ có thể giúp quý vị nâng cao cảnh giới. Nghe chẳng hiểu, [đọc kinh, nghiên cứu, thảo luận] sẽ tăng cường tín nguyện của chính mình, quyết định vãng sanh.

2) Thứ hai là Hồi Hướng Bồ Đề. Bồ Đề là trí huệ, trí huệ hết sức quan trọng.

3) Thứ ba là Hồi Hướng Chúng Sanh. Chúng ta nhất định phải giống như chư Phật Như Lai, dốc hết tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng của chính mình để giúp đỡ hết thảy chúng sanh.

Nay chúng ta chẳng có năng lực, chẳng có năng lực thì phải có tâm. Chớ nên nói "chẳng có năng lực" rồi ngay cả cái tâm cũng chẳng có, sai mất rồi! Chúng ta có cái tâm ấy, công đức bèn viên mãn. Thật sự có cái tâm ấy, chúng ta sẽ tận tâm tận lực thực hiện, có một phần năng lực bèn làm một phần, có hai phần năng lực bèn làm hai phần, công đức bèn

viên mãn. Vì sao? Tận tâm tận lực thực hiện, cho nên nói là "công đức viên mãn".

***(Diễn) Khởi Tín tam tâm giả, nhất giả trực tâm, chánh niệm Chân Như pháp cố. Vị hướng lý chi tâm, biệt vô kỳ lộ, thử tức nhị hạnh chi bổn.***

**(演)起信三心者，一者直心，正念真如法故。謂向理之心，別無岐路，此即二行之本。**

*(**Diễn**: "Ba tâm trong Khởi Tín Luận": Một là trực tâm, vì chánh niệm pháp Chân Như. Có nghĩa là tâm ấy hướng theo Lý, chẳng có con đường rẽ nào khác. Tâm này chính là cội gốc của hai hạnh kia (thâm tâm và đại bi tâm)).*

*"Nhị hạnh"* là thâm tâm và đại bi tâm được nói trong phần sau, nêu rõ nó (trực tâm) là Thể. Hai điều sau là tác dụng, tác dụng chẳng thể tách rời bản thể. Nay chúng ta niệm Phật, nhất tâm nhất ý mong cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đấy là *"hướng Lý chi tâm"* (cái tâm hướng theo Lý). Có người nói: "Nhất tâm cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là Sự". Chẳng sai! Sự do đâu mà có? Sự do Lý mà có! Lý và Sự chẳng thể tách rời. Lý quá sâu, quá khó, chúng ta cầu nơi Sự. Đã đạt được Sự thì Lý cũng hiểu rõ, đó là đúng. Chúng ta chẳng phải là bậc thượng thượng căn, chẳng có trí huệ cao dường ấy, đại đa số là kẻ trung hạ căn, tu nơi Sự sẽ quyết định thành công.

Câu kế tiếp rất quan trọng, *"biệt vô kỳ lộ"* (chẳng có con đường rẽ nào khác). Chúng tôi sửa một chữ, sẽ là "chẳng còn sanh lộ nào khác". Quý vị mới biết tầm quan trọng của chuyện này. Trừ con đường này ra, chẳng còn sanh lộ nào khác, khăng khăng một mực thật thà niệm Phật, khẩn yếu lắm!

***(Diễn) Nhị giả thâm tâm, nhạo tập nhất thiết chư thiện hạnh cố. Vị tu cụ vạn đức, hồi hướng tâm nguyên, tức tự lợi hạnh bổn.***

**(演)二者深心，樂集一切諸善行故。謂修具萬德，回向心源，即自利行本。**

*(**Diễn**: Hai là thâm tâm, do thích tu tập hết thảy các thiện hạnh. Nghĩa là tu trọn đủ muôn đức, hồi hướng nguồn tâm. Đây chính là cội gốc của hạnh tự lợi).*

*"Thâm tâm"* là tự lợi, là Tự Thọ Dụng. Hết thảy những gì chính mình tu tập đều nhằm trang nghiêm Tây Phương Cực Lạc thế giới, tạo thành tư lương để chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nói theo cách hiện thời, [tư lương (資糧) là] điều kiện. Chúng ta trọn đủ viên mãn các điều kiện, quyết định được vãng sanh. Tâm đại bi là giúp đỡ hết thảy chúng sanh. Chúng ta khổ, biết hết thảy chúng sanh khổ sở. Rất nhiều kẻ còn chưa biết, dẫu có biết, chẳng có cách nào xử lý, chẳng tìm thấy phương pháp. Kẻ hiểu lầm rất nhiều, hoặc là hiểu lầm nơi tu nhân, hoặc hiểu lầm quả báo. Ví như có rất nhiều kẻ ngỡ Thiên Đường là rốt ráo. Đây là nỗi hiểu lầm to tát, Thiên Đường chẳng rốt ráo! Nay chúng ta hết sức may mắn, có thể nghe Phật pháp viên mãn rốt ráo như vậy. Đúng như cổ nhân đã nói: *"Một ngày hiếm có, khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay"*, rất đáng quý. Nếu đời này chẳng thể nắm chắc, bỏ lỡ, quý vị hãy ngẫm xem: Quá đáng tiếc! Hễ chuyển thế, mà lại được gặp gỡ [pháp môn này], quá khó khăn! Khá là khó khăn. Kẻ chẳng tu hành, hễ chuyển thế bèn đọa trong ba ác đạo, cơ duyên được nghe pháp về sau này ít lắm. Người tu hành rất khá, hễ chuyển thế, bèn hưởng phước báo nhân thiên. Hễ đã hưởng bèn hồ đồ, gặp gỡ Phật pháp cũng bài xích! Hiện thời, kẻ phú quý trong thế gian chẳng niệm Phật. Những kẻ phú quý ấy trong đời trước đã nghiêm túc tu tập, tu rất khá, hưởng hết phước lại bị đọa lạc. Quý vị mới biết cơ hội này rất khó gặp gỡ! Đây là so sánh đơn giản về ba tâm trong luận Khởi Tín, nhằm chỉ rõ [Quán Kinh và Khởi Tín Luận sử dụng] danh từ khác biệt, nhưng ý nghĩa và cảnh giới giống nhau.

***(Sao) Thâm tâm giả, tức Khởi Tín "nhạo tập nhất thiết thiện căn", nhi thử nhất tâm bất loạn, vạn thiện đồng quy cố.***

**(鈔)深心者，即起信樂集一切善根，而此一心不亂，萬善同歸故。**

*(**Sao**: "Thâm tâm" chính là "thích tu tập hết thảy thiện căn" trong luận Khởi Tín, do nhất tâm bất loạn chính là chỗ để muôn điều thiện hướng về).*

Ngẫu Ích đại sư giải thích đích xác là cao minh, Ngài quy kết nơi "nhất tâm bất loạn", khuyên chúng ta hãy thật thà niệm Phật. Hễ có thể nhất tâm bất loạn bèn *"vạn thiện đồng quy"*.

***(Sao) Hồi hướng phát nguyện giả, tức Khởi Tín độ tận nhất***

***thiết chúng sanh, nhi thử nhất tâm bất loạn, đốn dung vật ngã cố.***

**(鈔)回向發願者，即起信度盡一切眾生，而此一心不亂，頓融物我故。**

*(**Sao**: "Hồi hướng phát nguyện" [trong Quán Kinh] chính là "độ trọn hết thảy chúng sanh" trong luận Khởi Tín, vì nhất tâm bất loạn là ngay lập tức viên dung chúng sanh và ta).*

Nhất tâm bất loạn, tâm thanh tịnh hiện tiền. Tâm thanh tịnh chẳng có nhiễm trước, chẳng có ô nhiễm. Tâm bình đẳng hiện tiền, trong tâm bình đẳng chẳng có đây, kia. Hễ có đây, kia, sẽ chẳng bình đẳng. Vì thế, chẳng có giới hạn, trong tâm bình đẳng chẳng có giới hạn. Chẳng có giới hạn thì tận hư không khắp pháp giới hợp thành một Thể, thảy đều đắc độ, tất cả đều đắc độ. Nói cách khác, trí huệ và lòng từ bi của quý vị nhất định sẽ ban cho hết thảy chúng sanh, trong ấy chẳng có sai biệt, đó gọi là "đại từ đại bi". Dùng cái tâm ấy, tâm là Thể, tâm là thân, đạt đến cảnh giới ấy, tâm, thân và cõi nước đều dung thông. Chúng sanh ở nơi đâu có cảm, bèn ngay lập tức hiện thân. Chẳng phải là quý vị tới đó hiện thân; bởi lẽ, tâm quý vị đã trọn khắp hư không pháp giới. Hễ chúng sanh niệm [ở nơi đâu] bèn hiện nơi đó, chẳng có đến, đi. Nay chúng ta niệm A Di Đà Phật ở nơi đây, Tây Phương Cực Lạc thế giới cách chúng ta mười vạn ức cõi Phật, A Di Đà Phật ngay lập tức tới nơi đây. Quý vị nghĩ như vậy là sai mất rồi. A Di Đà còn có đến, đi ư? Chẳng có! Chúng ta vãng sanh, nói thật thà, cũng là tình hình này. Phật cũng chẳng đến, mà chúng ta cũng chẳng đi. Sanh Vô Sanh Luận đã nói rất hay: *"Sanh thì quyết định sanh, đi thì thật sự chẳng đi"*. Thế giới của Phật Di Đà lưu xuất từ Chân Như bản tánh. Chân Như bản tánh trọn khắp hư không pháp giới, Tây Phương Cực Lạc thế giới to cỡ nào? Khắp hư không pháp giới! Chuyện này càng nói càng khó hiểu!

Đối với kẻ đã học khoa học, cũng có lẽ sẽ dễ thấu hiểu hơn. Các nhà khoa học thường nói: Nay chúng ta đang sống trong không gian ba chiều, tầng cấp cao hơn chúng ta là không gian bốn chiều. Tây Phương Cực Lạc thế giới là không gian có vô hạn chiều. Từ chỗ này, chúng ta có thể lý giải đôi chút chân tướng sự thật này. Cõi ấy là không gian vô hạn chiều, bao dung chúng ta, chúng ta chẳng bao dung nó. Lý là như thế, mà Sự cũng là như thế. Vì lẽ đó, sanh là quyết định sanh, quyết định có Tây Phương Cực Lạc thế giới, quyết định được vãng sanh. Đúng là tận hư không khắp pháp giới, có cầu ắt ứng, kinh Lăng Nghiêm gọi chuyện

này là *"tùy tâm ứng lượng"*, nghĩa là thuận theo cái tâm chúng sanh mà [thuyết pháp, chỉ dạy, thị hiện] tương ứng với khả năng tiếp nhận của họ.

***(Sao) Luận minh tam tâm.***

**(鈔)論明三心。**

*(**Sao**: Vãng Sanh Luận nói ba tâm).*

Ba tâm được nói trong Vãng Sanh Luận.

***(Sao) Nhất, thanh tịnh tâm, nhi thử nhất tâm, cấu vô bất tận cố.***

**(鈔)一、清淨心，而此一心，垢無不盡故。**

*(**Sao**: Một là tâm thanh tịnh, nhưng trong nhất tâm ấy, không cấu uế nào chẳng hết sạch).*

*"Cấu"* (垢) là ô nhiễm. Tâm chúng ta từ vô thỉ kiếp tới nay bị ô nhiễm hết sức nghiêm trọng. Do đó, có khá nhiều vọng tưởng, phiền não, tập khí chẳng đoạn, vì đã tích lũy đời đời kiếp kiếp trong quá khứ. Nếu tu đến mức nhất tâm, thảy đều thanh tịnh, nhất tâm là chân tâm. Trong chân tâm chẳng có nhiễm ô. Lục Tổ nói: *"Vốn chẳng có một vật"*. *"Vốn chẳng có một vật"* là chân tâm, là nhất tâm; trong nhất tâm vốn chẳng có một vật. Tam tâm nhị ý là tám thức, là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm; trong đó, ô nhiễm quá nhiều! Vì thế, niệm Phật thì phải nhất tâm xưng niệm, phải dùng chân tâm để xưng niệm, chớ nên dùng tâm ý thức để xưng niệm. Dùng tâm ý thức xưng niệm, rất khó đắc nhất tâm. Dùng chân tâm xưng niệm, đắc nhất tâm rất dễ dàng. Kinh Di Đà nói từ một ngày cho đến bảy ngày, đó là dạy quý vị hãy dùng chân tâm để niệm, chẳng phải là niệm bằng vọng tâm. Chúng ta niệm Phật rất nhiều năm, vì sao chẳng có hiệu quả thành tựu? Chúng ta niệm bằng vọng tâm, dụng tâm khác hẳn! Trước nay chưa hề dùng chân tâm, muốn dùng chân tâm cũng chẳng dùng được, chuyện này phiền phức lắm! Vì thế, tôi dạy mọi người pháp Thập Niệm, pháp Thập Niệm tuy ngắn, nhưng sử dụng chân tâm. Vì thời gian ngắn ngủi, dùng chân tâm dễ dàng. Thời gian lâu dài, dùng chân tâm chẳng dễ dàng.

Kinh luận Duy Thức dạy: Sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần, niệm thứ nhất là chân tâm, niệm thứ hai là vọng tâm. Ví như mắt chúng ta thấy chính là thấy sắc tướng bên ngoài, chẳng phân biệt, mà cũng chẳng chấp trước, ý niệm gì cũng đều chẳng có, thấy rất rõ ràng,

minh bạch, đó là chân tâm. Niệm thứ hai, [bèn phân biệt] đây là nến, nó có màu đỏ, tức là vọng niệm đã dấy lên. Hết thảy muôn hình tượng vốn chẳng có tên gọi, tên gọi là giả danh. Lão Tử đã biết: *"Danh khả danh, phi thường danh; đạo khả đạo, phi thường đạo"* (Cái danh có thể gọi tên được, sẽ chẳng phải là cái danh thường hằng. Đạo có thể diễn tả được thì chẳng phải là đạo thường hằng). Do đó, trong niệm thứ hai, giả danh và giả tướng toàn bộ xuất hiện. Thảy đều là giả, chân tâm biến thành giả tâm, biến thành vọng tâm, nên mới có phân biệt, tâm mới có ô nhiễm, bị biến chất, chẳng còn là chân tâm. Vì thế, người tu hành nhấn mạnh làm thế nào để gìn giữ cái tâm ban đầu, tức là gìn giữ sao cho niệm thứ nhất bất động, [hễ giữ được], sẽ chẳng khác chư Phật, Bồ Tát. Chúng ta chẳng giữ được, niệm thứ hai bèn biến chất, càng biến đổi càng sai khác, cho nên mới tạo tác lục đạo luân hồi. Nhất tâm tự nhiên là thanh tịnh.

***(Sao) Nhị, an thanh tịnh tâm, nhi thử nhất tâm, lý vô bất cụ cố.***

**(鈔)二、安清淨心，而此一心，理無不具故。**

*(**Sao**: Hai là an thanh tịnh tâm, nhưng nhất tâm không lý nào chẳng trọn).*

*"An"* (安) có nghĩa là yên ổn, trọn đủ. Người trọn đủ, tâm bèn an. Khi bất mãn, tâm kẻ ấy bất an, phải nắm níu, truy cầu. *"Nhi thử nhất tâm, lý vô bất cụ cố"* (Nhưng nhất tâm không lý nào chẳng trọn): Đây là nói theo Lý, vì *"lạc thanh tịnh tâm"* dưới đây là nói theo mặt Sự. Lý đã trọn đủ, Sự cũng trọn đủ.

***(Sao) Tam, lạc thanh tịnh tâm, nhi thử nhất tâm, từ vô bất nhiếp cố. Dữ thượng nhị chủng tam tâm, chánh tương phối hợp dã.***

**(鈔)三、樂清淨心，而此一心，慈無不攝故。與上二種三心，正相配合也。**

*(**Sao**: Ba là lạc thanh tịnh tâm, nhưng nhất tâm là lòng Từ không gì chẳng nhiếp thọ. Đúng là phù hợp khít khao với hai loại "tam tâm" đã nói trên đây).*

Có ý nghĩa giống như tam tâm được nói trong Quán Kinh và Khởi Tín Luận, hợp lại để xem, [sẽ thấy] ý nghĩa rất rõ rệt. Cổ đức thường khuyên chúng ta *"tam tâm viên phát"* (phát trọn vẹn ba tâm), đó gọi là

*"phát Bồ Đề tâm"*, *"viên"* (圓) là viên mãn, chẳng khiếm khuyết. Đấy mới là thật sự phát Bồ Đề tâm.

Ở đây, chúng tôi kết luận đơn giản:

1) Dùng tâm chân thành để "trên là cầu Phật đạo". Phương pháp để cầu Phật đạo là chuyên nhất tín nguyện trì danh, đấy là "thâm tâm".

2) Dùng phương pháp tín nguyện trì danh để tận tâm tận lực khuyên dạy hết thảy chúng sanh chọn lựa phương pháp này, [ngõ hầu] trong một đời này, quyết định được sanh về Tịnh Độ. Đó là *"hồi hướng phát nguyện"*.

Đấy chính là tự hành, hóa độ người khác, phù hợp tâm nguyện "phổ độ chúng sanh" của chư Phật Như Lai, chẳng sai lầm! Kinh dạy chúng ta *"phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm"*, phát Bồ Đề tâm là nói tới ba thứ tâm này!

***(Sao) Hoa Nghiêm thập tâm giả, Bồ Tát Thập Niệm Tạng cụ minh thập chủng niệm Phật, nhất tịch tĩnh niệm, nhị thanh tịnh niệm, nãi chí thập vô chướng ngại niệm.***

**(鈔)華嚴十心者，菩薩十念藏，具明十種念佛，一寂靜念，二清淨念，乃至十無障礙念。**

*(**Sao**: "Mười tâm trong kinh Hoa Nghiêm": Phần Bồ Tát Thập Niệm Tạng[53] đã nói đầy đủ mười loại niệm Phật: Một là tịch tĩnh niệm, hai là thanh tịnh niệm, cho đến mười là vô chướng ngại niệm).*

Kinh Hoa Nghiêm nói *"thập niệm"*, ở đây, đại sư tỉnh lược, chỉ nói ba câu.

***(Sao) Kim nhất tâm tắc bất động, thị tịch tĩnh niệm. Nhất tâm tắc bất nhiễm, thị thanh tịnh niệm. Nhất tâm tắc đồng hồ pháp giới, thị vô chướng ngại niệm.***

**(鈔)今一心則不動，是寂靜念。一心則不染，是清淨念。一心則同乎法界，是無障礙念。**

---

[53] Nói đầy đủ, đây là phẩm Thập Vô Tận Tạng của kinh Hoa Nghiêm (Bát Thập Hoa Nghiêm). Gọi là Vô Tận Tạng vì mười loại pháp này giống như cái kho chứa vô tận công đức. Đúng như tên gọi, trong phẩm kinh đó, Công Đức Lâm Bồ Tát đã giảng về mười vô tận tạng của Bồ Tát là Tín Tạng, Giới Tạng, Tàm Tạng, Quý Tạng, Văn Tạng, Thí Tạng, Huệ Tạng, Niệm Tạng, Trì Tạng, và Biện Tạng. Trong Niệm Tạng, Công Đức Lâm Bồ Tát lại giảng mười loại niệm, nên gọi là Thập Niệm Tạng.

*(**Sao**: Nay nhất tâm bất động, tức là tịch tĩnh niệm. Nhất tâm chẳng nhiễm, tức là thanh tịnh niệm. Nhất tâm đồng nhất với pháp giới, chính là vô chướng ngại niệm).*

Kinh Di Đà nói "nhất tâm bất loạn", đối với mười niệm của Hoa Nghiêm thảy đều trọn đủ. Nhất tâm bất động là tịch tĩnh, nhất tâm chẳng nhiễm là thanh tịnh. Nhất tâm là tận hư không khắp pháp giới, cho nên là vô chướng ngại niệm. Sách Diễn Nghĩa đã sao lục đủ mười niệm của kinh Hoa Nghiêm.

***(Diễn) Tam, bất kiệt niệm.***
**(演)三、不竭念。**
*(**Diễn**: Ba là niệm chẳng gián đoạn).*

*"Kiệt"* (竭) là gián đoạn. Nhất tâm há có gián đoạn? Nhị tâm, hoặc tam tâm thì mới có tướng đứt, nối; trong nhất tâm chẳng có! Vì nhị tâm, tam tâm có tướng sanh diệt, tướng sanh diệt chính là ý nghĩa của chữ Kiệt. Nhất tâm chẳng có tướng sanh diệt, thật sự phù hợp lời dạy của Đại Thế Chí Bồ Tát *"tịnh niệm liên tục"*, chẳng gián đoạn. Kinh Lăng Nghiêm nói *"thường trụ chân tâm"*, *"bất kiệt"* là thường trụ, là liên tục. Vì thế, nhất tâm xác thực là *"bất kiệt"*.

***(Diễn) Tứ, minh triệt niệm.***
**(演)四、明徹念。**
*(**Diễn**: Bốn là niệm sáng suốt, thấu triệt).*

Nhất tâm là sáng suốt, thấu triệt. Nhị tâm, tam tâm sẽ chẳng sáng tỏ, sẽ biến thành vô minh. Vô minh do đâu mà có? Do nhị tâm, tam tâm, bèn biến thành vô minh.

***(Diễn) Ngũ, ly trần niệm.***
**(演)五、離塵念。**
*(**Diễn**: Năm là lìa trần cấu để niệm).*

*"Trần"* (塵) là trần lao phiền não. Câu này là nói tổng quát, cũng nhằm nói tới sáu trần, tức ngũ dục, lục trần.

***(Diễn) Lục, ly chủng chủng trần niệm.***
**(演)六、離種種塵念。**
*(**Diễn**: Sáu, lìa các thứ trần để niệm).*

Điều này có ý nghĩa khác với điều trước. Điều trước là lìa lục đạo, lục trần, còn ở đây là ngay cả tứ thánh pháp giới cũng chẳng chấp trước. Đối với nhất tâm, xác thực là trong nhất tâm không chỉ chẳng có lục phàm, mà cũng chẳng có tứ thánh.

***(Diễn) Thất, ly cấu niệm.***
**(演)七、離垢念。**
*(**Diễn**: Bảy là ly cấu niệm).*

*"Ly cấu"* (Lìa cấu uế) có ý nghĩa giống như *"thanh tịnh"* trong phần trước. Trong nhất tâm chẳng có ô nhiễm, đương nhiên là ly cấu thanh tịnh.

***(Diễn) Bát, quang diệu niệm.***
**(演)八、光耀念。**
*(**Diễn**: Tám là niệm với [trí huệ] sáng ngời).*

Nhất tâm khởi tác dụng là trí huệ, *"quang diệu"* (光耀: chói ngời) biểu thị trí huệ. Tuy Lục Tổ Huệ Năng đại sư chẳng học hành, không biết chữ, hằng ngày lên núi đẵn củi sống qua ngày, cuộc sống rất nhọc nhằn, tâm Ngài thanh tịnh. Vì thế, nghe người khác niệm kinh Kim Cang, nghe được mấy câu Ngài bèn khai ngộ. Đến Hoàng Mai yết kiến Ngũ Tổ, Ngài thưa: *"Trong tâm đệ tử thường sanh trí huệ"*. Vì sao Ngài thường sanh trí huệ? Tâm Ngài thanh tịnh. Nhất tâm sanh trí huệ. Chỉ cần đắc nhất tâm, lục căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần chẳng có gì không hiểu rõ. Hiểu rõ là trí huệ, ở đây nói là *"quang diệu niệm"*.

***(Diễn) Cửu, khả ái nhạo niệm.***
**(演)九、可愛樂念。**
*(**Diễn**: Chín là đáng ưa thích niệm).*

Câu này chính là pháp hỷ sung mãn, thật sự sung sướng, tự tại, đúng là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người. Chẳng nhập cảnh giới

này, quý vị sẽ chẳng hiểu sự hưởng thụ cao nhất trong đời người. Người thế gian ăn đồ bổ, càng ăn, càng lắm bệnh tật! Thứ dinh dưỡng tốt nhất chính là tâm địa thanh tịnh, pháp hỷ sung mãn. Cổ nhân thường nói: *"Nhân phùng hỷ sự tinh thần sảng"* (Người gặp chuyện vui, tâm tình sảng khoái). Tinh thần lẫn thể lực đều tốt đẹp, hoan hỷ. Hoan hỷ là chất bổ dưỡng tốt nhất. Thật sự hoan hỷ là từ trong tâm tánh lưu lộ, chẳng do kích thích bên ngoài, kích thích bên ngoài chẳng phải là niềm hoan hỷ thật sự. Hằng ngày đều có giác ngộ, hoan hỷ! Hằng ngày đều có phát hiện mới, người ấy bèn rất hoan hỷ. Giống như chúng ta đọc kinh, mỗi lần đọc là một lần ngộ một ý nghĩa mới, tự nhiên ngộ, chẳng phải là có cầu, mỗi lần mỗi khác, cảnh giới mỗi ngày mỗi khác, lẽ nào chẳng hoan hỷ? Hoan hỷ!

***(Diễn) Thập, vô chướng ngại niệm.***

**(演)十、無障礙念。**

*(**Diễn**: Mười là niệm chẳng chướng ngại).*

Nhất tâm đồng nhất với pháp giới. Nhất tâm thì hết thảy đều được bao gồm trong ấy. Tuy Tịnh Độ Tam Kinh nói khác nhau, nhưng hai chữ "nhất tâm" thảy đều trọn đủ. Kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta "một mực chuyên niệm", kinh Di Đà dạy "nhất tâm bất loạn", Quán Kinh dạy "nhất tâm hệ niệm", tuy nói khác nhau, ý nghĩa đều giống như nhau. Do vậy có thể biết: Bí quyết để thành tựu trong Tịnh Tông chính là *"phát Bồ Đề tâm, nhất tâm chuyên niệm"*, hết sức trọng yếu, quyết định chớ nên hoài nghi.

Đối với đoạn giảng về thượng phẩm thượng sanh trong Tứ Thiếp Sớ, tức bản chú giải kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật của Thiện Đạo đại sư, phải đọc nhiều lượt, phải nhớ kỹ, quý vị sẽ chẳng bị người ngoài ảnh hưởng. Người ta nói điều này đúng, điều kia chẳng đúng, nói quá nhiều, nếu chúng ta chẳng trọn đủ tín tâm, sẽ bị dao động. Đại sư dạy chúng ta: Chúng ta quyết định tin vào lời Phật dạy. A La Hán và Bích Chi Phật là bậc đã chứng quả, các Ngài tới thuyết pháp cho chúng ta, nếu nói chẳng giống như kinh dạy, chúng ta có thể chẳng tiếp nhận, có thể chẳng nghe theo họ, sẽ không bị họ ảnh hưởng. Bồ Tát đến giảng kinh, thuyết pháp, nhưng cũng chẳng giảng giống như kinh, chúng ta cũng chẳng tiếp nhận. Thậm chí bậc Địa Thượng Bồ Tát (từ Sơ Địa trở lên), hoặc chư Phật Như Lai tới giảng cho chúng ta, mà chẳng giống những điều được nói

trong Tịnh Độ Tam Kinh, chúng ta có thể không tiếp nhận, có thể cự tuyệt, đó mới là thật sự tin tưởng. Ba kinh đã giảng đạo lý vãng sanh rất rõ ràng, nêu ra phương pháp rất rõ ràng, trần thuật cảnh giới rất minh bạch. Vậy là đủ rồi, điều gì cũng lấy ba kinh làm căn cứ. Ngoài ba kinh ra, những gì đức Phật đã giảng chúng ta cũng đều chẳng nghe, vì sao? Chúng ta chuyên nương theo lần thuyết pháp này của đức Phật để làm tiêu chuẩn, chuyên cầu vãng sanh Tây Phương. Vì đức Phật giảng những kinh khác, tuy cũng giảng hay lắm, nhưng chẳng dạy quý vị vãng sanh Tây Phương! Chúng ta nhất tâm cầu vãng sanh Tây Phương, cho nên quý vị phải tuân theo kinh vãng sanh. *"Kinh vãng sanh"* là năm kinh một luận. Xác thực là năm kinh một luận đều khuyên chúng ta vãng sanh Tịnh Độ. Phải hiểu rõ đạo lý này thì mới chẳng đến nỗi bị dao động, bị dụ dỗ, mê hoặc!

Tôi thường có khách đến tìm, làm phiền tôi, nói ra là những lời lẽ ấy. Nghe người này nói như thế này, nghe kẻ nọ nói như thế nọ, rốt cuộc, quý vị nghe lời người ta nói, hay là nghe lời Phật nói? Quý vị muốn học theo kẻ khác thì nghe kẻ khác nói bèn học theo kẻ ấy. Bằng lòng học theo Phật thì ta chẳng nghe lời kẻ khác. Trong thời kỳ Mạt Pháp, kinh Lăng Nghiêm đã nói rất hay: *"Tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng"*. Một người phát tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, phải hiểu là duyên phận thành Phật trong một đời này của người ấy đã chín muồi, "đời này quý vị sẽ làm Phật". Oán gia trái chủ đời đời kiếp kiếp trong quá khứ và trong đời này thấy quý vị sắp thành Phật, nếu quý vị đã đi rồi, họ sẽ chẳng có cách nào báo thù, có nợ mạng cũng chẳng đòi được, nợ tiền cũng chẳng đòi lại được, có thể nào họ cam tâm vâng chịu ư? Họ sẽ dùng đủ mọi phương pháp để ngăn trở, quấy nhiễu, mong lôi quý vị trở lại!

Do vậy, chúng ta niệm Phật, tuy đạo tràng này chẳng to, nhưng chuyên tu Tịnh Tông, chuyên cầu Tịnh Độ. Mỗi Chủ Nhật cuối tháng, chúng ta làm Phật sự Tam Thời Hệ Niệm một lần để siêu độ hết thảy chúng sanh, nhằm vào mục đích nào? Đem công đức ta đã tu học thảy đều hồi hướng oán thân trái chủ, hy vọng chúng ta niệm Phật, họ sẽ không đến khuấy rối, đừng đến nhiễu loạn, trong tương lai, chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhất định sẽ độ họ trước. Chúng ta làm Tam Thời Hệ Niệm, bàn điều kiện với họ, họ cũng rất vui vẻ tiếp nhận, cũng rất hoan hỷ. Vì thế, đạo tràng này chẳng có chướng nạn. Tất cả hết thảy chướng nạn đều do nghe theo [lời bàn ra tán vào từ]

bên ngoài. Khi họ đến nói cho ta nghe, ta còn lãng phí rất nhiều thời gian để nghe những lời lẽ nhàm chán đó! Vì thế, tôi thường nói: "Kẻ tìm đến tôi đều chẳng thật thà! Người thật thà sẽ chẳng có chuyện gì". [Những kẻ tìm đến tôi kể lể ba điều bốn chuyện] đều là phường chẳng nghe lời, đều là hạng chẳng tin Phật. Nghe mấy câu nói rỗi hơi phí sức, tâm bèn dao động, cảm thấy bất an, nhất định tìm đến hỏi han tôi rồi mới an tâm, quý vị nói xem có oan uổng hay chăng? Hôm nay, chúng tôi giảng tới đây!

***Tập 238***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm sáu mươi hai:

***(Sao) Bảo Tích thập tâm giả, giải kiến tiền văn, tiền vị thập tâm nan cụ, kim vị tâm ký nhất hỹ, từ bi hỷ xả, bách thiên chủng tâm, hà sở bất cụ!***

**(鈔)寶積十心者，解見前文，前謂十心難具，今謂心既一矣，慈悲喜捨，百千種心，何所不具。**

*(**Sao**: "Mười tâm trong kinh Bảo Tích" xem giải thích trong kinh văn thuộc phần trước. Trong phần trước [của Sớ Sao] có nói "mười tâm khó thể trọn đủ", nay nói: Tâm đã chuyên nhất thì từ bi, hỷ xả, trăm ngàn thứ tâm, có thứ nào chẳng trọn đủ!)*

Kinh Đại Bảo Tích nêu ra mười tâm, trong phần trước đã nói, ở đây chẳng nhắc lại nữa. Trong phần trước từng nói: Rất khó trọn đủ mười loại tâm ấy. Trong đoạn giảng về nhất tâm bất loạn này, đại sư bảo chúng ta: Nếu thật sự niệm đến nhất tâm bất loạn, không chỉ là mười tâm được nói trong kinh Đại Bảo Tích, mà các thứ tâm đáng nên trọn đủ của hàng Bồ Tát do chư Phật, Bồ Tát đã dạy trong hết thảy các kinh luận thảy đều trọn đủ. Do vậy có thể biết: Pháp môn này chủ trương nhất tâm bất loạn, pháp môn nhất tâm là pháp môn thù thắng nhất trong hết thảy các pháp môn. Kinh Hoa Nghiêm nói: *"Một chính là hết thảy, hết thảy chính là một"*. Từ chỗ này, chúng ta có thể thấu hiểu ý nghĩa chân thật của câu kinh văn này, đồng thời cũng có thể thấu hiểu [vì sao] chư Phật Như Lai, hết thảy tổ sư đại đức đã dạy chúng ta: "Pháp môn này đơn giản, dễ dàng, ổn thỏa, thích đáng, nhanh chóng". Ở đây, chúng ta cũng có thể thấy được những ý nghĩa đó. Đọc đoạn khai thị này, hãy nên thấu

hiểu vì sao Tịnh Tông thành tựu chắc thật, ổn thỏa, thích đáng, lẹ làng dường ấy!

***(Sao) Tịnh Danh bát pháp giả.***
**(鈔)淨名八法者。**
*(**Sao**: Tám pháp trong kinh Tịnh Danh).*

Kinh Tịnh Danh là Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh. Trưởng giả Duy Ma (Vimalakīrti) cũng là Như Lai hóa thân, nói rõ: Tu hành thì xuất gia và tại gia trọn chẳng sai khác. Chúng ta mong tu hành chứng quả, vãng sanh bất thoái, tại gia và xuất gia chẳng khác gì nhau! Nếu chỉ đơn thuần nói theo phương diện vãng sanh bất thoái, nói thật ra, tại gia đâm ra còn [thành tựu] dễ dàng hơn xuất gia. Đặc biệt là trong thời cận đại, có thể thấy sự thật này rất rõ rệt. Chúng ta đọc Vãng Sanh Truyện thời cận đại, hoặc những ghi chép về chuyện vãng sanh, thậm chí ngay trong tỉnh này (Đài Loan), chúng tôi đích thân mắt thấy, tai nghe những người niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ, thật sự là chúng tại gia đông hơn hàng xuất gia. Đã thế, tại gia nữ chúng lại còn đông hơn tại gia nam chúng. Điều này cho thấy: Đối với chuyện tu hành chứng quả, tại gia có thành tựu y hệt [như người xuất gia]. Vì sao phải phát tâm xuất gia? Xuất gia có công đức xuất gia, rốt cuộc công đức xuất gia là ở chỗ nào? Chúng ta biết: Trong một đời này, nếu chẳng nghe Phật pháp, chẳng thể nghe Phật pháp thù thắng bậc nhất như vậy, chúng ta quyết định chẳng thể thành tựu trong một đời này. Tu học bất cứ pháp môn nào mà mong thành tựu ngay trong một đời thì gần như là chẳng thể được. Dẫu vào thời cổ, xét theo tỷ lệ số lượng thì cũng rất ít. Nguyên nhân ở nơi đâu? Đoạn phiền não khó khăn, trừ vọng tưởng khó khăn! Sở dĩ pháp môn này thành tựu dễ dàng là vì chẳng cần đoạn phiền não, chẳng cần trừ vọng tưởng, thường nói là "đới nghiệp vãng sanh", dễ dàng hơn các pháp môn khác quá nhiều. Vì thế, cổ đức gọi pháp môn này là *"vạn người tu, vạn người đến"*. Đạo lý ở chỗ này!

Chúng ta nghe biết [Phật pháp] như thế nào? Cần phải cậy vào những người xuất gia đời đời truyền thừa, chúng ta mới có thể tiếp xúc, mới có thể nghe pháp môn này. Phật pháp nếu chẳng có ai truyền, đương nhiên là pháp này cũng tiêu mất trong thế gian này, người đời sau chẳng có cơ hội nghe pháp môn này nữa! Do vậy, công đức xuất gia chẳng có gì khác: Đời đời truyền thừa pháp môn này, giới thiệu, phổ biến pháp

môn này với quảng đại quần chúng, khiến cho hết thảy mọi người có cơ hội gặp gỡ, có cơ hội nghe thấy, có cơ hội học tập. Đấy là trách nhiệm của người xuất gia. Do đó, người xuất gia phải gánh vác gia nghiệp của Như Lai, gánh vác là đảm đương trọng trách ấy. Gia nghiệp của Như Lai là gì? Là hoằng pháp lợi sanh. Trong hết thảy các pháp môn, hoằng pháp thật sự lợi ích chúng sanh, thật sự khiến cho chúng sanh đạt được lợi ích chân thật, chỉ có pháp môn này! Trừ pháp môn này ra, nói thật ra, lợi ích đạt được đều hữu hạn. Vì sao hữu hạn? Chẳng thể liễu sanh tử, chẳng thể thoát khỏi tam giới. Tuy gieo một chút thiện căn trong tám thức điền, vẫn y như cũ chẳng thể tránh khỏi luân hồi, lợi ích rất hữu hạn! Chỉ có pháp môn này là có thể thoát khỏi tam giới theo chiều ngang, vãng sanh bất thoái thành Phật, thành tựu ngay trong một đời, cho nên pháp môn này cũng gọi là *"đương sanh thành tựu pháp môn"* (pháp môn thành tựu ngay trong một đời). Công đức xuất gia là ở chỗ này.

Do vậy, chúng ta cũng hiểu: Nếu xuất gia mà chẳng thể hoằng pháp lợi sanh, chẳng bằng làm người tại gia! Vì sao? Kẻ tại gia chẳng tiếp nhận mười phương cúng dường, dựa vào sự lao lực của chính mình để sống, tay làm hàm nhai, niệm Phật cầu vãng sanh sẽ dễ dàng hơn nhiều! Người xuất gia tiếp nhận mười phương cung kính cúng dường. Cổ đức có nói lời cảnh cáo: Người xuất gia *"đời này chẳng liễu đạo, mang lông, đội sừng đền"*. Người xuất gia thiếu nợ thí chủ quá nhiều. Nếu quý vị chẳng nghiêm túc tu hành, một bát cơm của người xuất gia sẽ rất khó nuốt! Còn khó nuốt hơn kẻ ăn mày ôm bát xin cơm ở ngoài phố rất nhiều! Đối với kẻ ăn mày, người ta bố thí cho hắn một bát cơm, tuyệt đối chẳng mong báo đáp. Thí chủ cúng dường một bát cơm, trong lòng họ, "quý vị là phước điền chân chánh, tôi cúng dường để được phước", họ mong cầu được báo đáp. Chúng ta hãy ngẫm xem: [Bản thân chúng ta] có phải là phước điền hay không? Có thể cho hết thảy chúng sanh gieo phước hay chăng? Hai chúng xuất gia (tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni) hãy phản tỉnh thật sâu chuyện này. Đã phát tâm xuất gia, nhất định phải gánh vác gia nghiệp của Như Lai.

Trưởng giả Duy Ma thị hiện cùng thời với Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện xuất gia thành Phật, cư sĩ Duy Ma thị hiện tại gia thành Phật, dùng thân phận cư sĩ để thành Phật, nhằm nói rõ: Trên phương diện tu học, tại gia và xuất gia bình đẳng; cũng nhằm chỉ rõ: Phật pháp là pháp bình đẳng. Không chỉ thế giới Cực Lạc là một thế giới bình đẳng, mà Phật pháp thị hiện trong thế gian này cũng là pháp bình

đẳng. Phật đạo là sư đạo, sư đạo [trong Phật pháp] giống như [sư đạo của] cổ nhân, ắt phải tôn sư trọng đạo. Tứ chúng đệ tử hướng về đức Thế Tôn thỉnh giáo, trong Phật môn gọi là *"thỉnh pháp"*, còn người thế gian thường nói là *"thỉnh giáo"*. Dùng chữ *"thỉnh giáo"* cho mọi người dễ hiểu hơn một chút! Thỉnh pháp là thỉnh giáo, thái độ hết sức cung kính. Học trò của đức Thế Tôn đến chỗ cư sĩ Duy Ma thỉnh giáo, tâm cung kính cho đến lễ tiết đều chẳng khác gì gặp đức Phật. Đệ tử đức Phật gặp Phật thì lễ tiết là đảnh lễ ba lạy, nhiễu theo chiều bên phải ba vòng, đó là lễ kính nhất. Chúng ta đọc kinh điển, [sẽ thấy] đệ tử đức Phật, bất luận đệ tử tại gia hay xuất gia, khi hướng về đức Phật thỉnh giáo đều có lễ tiết ấy. Lại thấy khi Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên hướng về cư sĩ Duy Ma thỉnh giáo, cũng là đảnh lễ ba lạy, nhiễu theo chiều bên phải ba vòng, hoàn toàn giống như đến gặp đức Phật, chẳng khác chi cả! Điều này tỏ rõ: Phật pháp là sư đạo. Bất luận là thân phận tại gia hay xuất gia, chỉ cần thuộc vào địa vị thầy, học trò gặp thầy cái tâm cung kính chẳng có sai biệt, lễ tiết cũng hoàn toàn giống nhau. Chúng ta nhất định phải ghi nhớ, nhất định phải học tập điều này.

***(Diễn) Tịnh Danh bát pháp giả, nhất, nhiêu ích chúng sanh, nhi bất vọng báo.***

**(演)淨名八法者，一、饒益眾生，而不望報。**

***(Diễn**: "Tám pháp trong kinh Tịnh Danh": Một là nồng nhiệt tạo lợi ích cho chúng sanh, chẳng mong báo đáp).*

Kinh Tịnh Danh nói tám pháp, cũng là do cư sĩ Duy Ma dạy người ta hãy thường giữ tám loại tâm ấy. *"Ích"* (益) là lợi ích. Trong mỗi niệm, chúng ta đều phải có tâm lợi ích chúng sanh, phải lợi ích như thế nào? Phải khiến cho chúng sanh đạt được lợi ích tốt nhất. *"Nhiêu"* (饒) là *"phong nhiêu"* (豐饒: tràn trề, phong phú), cũng là như nay chúng ta nói là "lợi ích tốt nhất". Chúng ta phải tận tâm tận lực giúp đỡ đại chúng trong xã hội, quyết chẳng mong được đền đáp. Đó gọi là: Chỉ trọn hết nghĩa vụ, mà chẳng tiếp nhận, chẳng hưởng thụ quyền lực. Người hiện thời nói: "Hễ có nghĩa vụ bèn có quyền lực", nhưng Bồ Tát là có nghĩa vụ, trong tâm chẳng trông mong quyền lực. Phải giữ tấm lòng ấy! Tâm ấy là tâm thanh tịnh. Trong Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ, Thiện Đạo đại sư bảo tâm ấy là *"chân thật tâm trung tác"* (làm bằng cái tâm chân thật). Nhất tâm là tâm chân thật, niệm niệm mong nhiêu ích chúng sanh.

Chúng ta có làm được hay không? Kinh này là *"hành kinh"* (行經: kinh dạy về cách tu hành, chuyên chú trọng phương diện tu trì), chẳng nói về lý luận, mà nhằm giảng về hành vi của chúng ta trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta nhất định phải làm được! Làm không được, chẳng có tác dụng! Chúng ta có làm đúng như vậy hay không? Có phải là tận tâm tận lực làm như vậy hay không? Điều này hết sức trọng yếu! Đã làm như vậy thì tốt lắm, vẫn phải càng thêm nỗ lực. Nếu chúng ta đã tận tâm tận lực nhưng chẳng đạt tới viên mãn, càng phải nỗ lực. Người chẳng làm được, từ nay trở đi, nhất định phải phát tâm, khởi tâm động niệm nghĩ tới lợi ích của người khác, nghĩ tới đại chúng trong toàn thể xã hội, nghĩ tới chúng sanh trên toàn thể thế giới, thường có thể nghĩ như vậy, tâm lượng của chúng ta bèn mở rộng. Tâm lượng đã mở mang, chẳng cần nghĩ tới chính mình, niệm nào cũng đều nghĩ tới quảng đại quần chúng. Đó là hạn độ thấp nhất. Chúng ta phải nghĩ tới xã hội, nghĩ tới thế giới này. Tâm lượng của chư Phật Như Lai to hơn chúng ta nhiều lắm, trong tâm các Ngài nghĩ tưởng nhiêu ích hết thảy chúng sanh tận hư không khắp pháp giới. Tâm lượng ấy quá to! Quả địa cầu này thấm vào đâu? Giữa không gian, nói thật ra, chẳng thấy [quả địa cầu] đâu hết, quá nhỏ! Nay chúng ta khởi tâm động niệm đều nghĩ đến phước lợi của chúng sanh trên cả thế giới, cái tâm ấy vẫn là nhỏ bé, vẫn là nhỏ nhoi đến mức đáng thương! Chẳng thể sánh bằng Phật, Bồ Tát! Nếu khởi tâm động niệm chỉ nghĩ đến lợi ích của chính mình, chư vị nhất định phải biết: Quyết định chẳng thể vãng sanh!

Có một câu nói cửa miệng rất hay: *"Người niệm Phật đông đảo, kẻ vãng sanh ít ỏi"*. Vì sao họ niệm Phật tốt đẹp như vậy mà vẫn chẳng thể vãng sanh? Tâm lượng quá nhỏ, khởi tâm động niệm toàn là tự tư tự lợi. Trong thế giới Tây Phương, kinh đã dạy rất rõ ràng: *"Chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ"* (Các vị thượng thiện nhân nhóm họp một chỗ). Tâm lượng nhỏ nhoi sẽ chẳng phải là thiện nhân, dẫu niệm Phật tốt đẹp cách mấy, A Di Đà Phật hoan nghênh quý vị đến đó, đại chúng bên ấy chẳng thể tiếp nhận quý vị, vì tâm lượng của quý vị quá nhỏ! Khi nào tâm lượng mở rộng, quý vị sẽ có phần hy vọng vãng sanh. Tâm lượng của nhất tâm to lớn, trong nhất tâm chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có giới hạn. Do vậy, hễ nhất tâm bèn quyết định được vãng sanh. Có phân biệt, có chấp trước, sẽ chẳng phải là nhất tâm. Do vậy, điều thứ nhất là chúng ta phải niệm niệm nghĩ đến lợi ích của hết thảy chúng sanh, đừng nghĩ tới chính mình!

***(Diễn) Nhị, đại nhất thiết chúng sanh thọ chư khổ não, sở tác công đức tận dĩ thí chi.***

**(演)二、代一切眾生受諸苦惱，所作功德盡以施之。**

*(**Diễn**: Hai là thay chúng sanh nhận lãnh các khổ não, những công đức đã làm đều thí sạch hết).*

Phải biết tu Bố Thí Ba La Mật, phải có thể chịu khổ thay cho chúng sanh. Cách chịu thay là như thế nào? Có thể bố thí chính là chịu thay. Ví như quý vị hiện thời sống rất sung túc, có thể sống cuộc đời rất thoải mái. Thấy rất nhiều chúng sanh khổ nạn, bèn giảm thấp mức hưởng thụ trong cuộc sống của chính mình, đem những thứ dư ra giúp đỡ các chúng sanh khổ nạn. Đó là chịu khổ thay cho chúng sanh. Tại Trung Hoa, tấm gương điển hình nhất là ông Phạm Trọng Yêm vào đời Tống. Ông ta làm đến Tể Tướng, làm đến Đại Nguyên Soái, bổng lộc chẳng thể nói là không hậu hĩnh, nhưng cuộc sống trong gia đình rất nghèo khổ. Vì sao khổ sở dường ấy? Vốn là do ông dùng hết thu nhập để cứu giúp dân nghèo, giúp đỡ người khác. Trong bộ Cổ Văn Quán Chỉ có bài Nghĩa Điền Ký ghi chép chuyện Phạm tiên sinh ưa thiện, chuộng thí. Suốt đời, tự mình sống rất kham khổ, đúng là trà thô, cơm nhạt, dùng thu nhập của chính mình để cứu tế xã hội. Một mình ông ta ra sức nuôi hơn ba trăm gia đình, đích xác là chẳng dễ dàng! Ông còn mở trường nghĩa học, [tức là] chi phí của học trò và giáo viên đều do ông cung cấp. Thấy những kẻ trẻ tuổi, rất thông minh, rất ưu tú, nhưng gia cảnh bần hàn, ông ta tập hợp họ lại để dạy bảo. Kinh phí do một mình ông đảm đương, đều lấy từ bổng lộc của chính mình. Chẳng giống như hiện thời, hễ làm sự nghiệp từ thiện bèn đi khắp nơi hóa duyên, quyên tiền, chẳng phải là như vậy. Đó là chịu đựng các nỗi khổ não thay cho chúng sanh, các công đức đã làm thảy đều bố thí. Gia tộc họ Phạm rất lỗi lạc, con cháu đều tuân thủ gia giáo của Phạm lão tiên sinh.

Từ Ấn Quang Đại Sư Văn Sao, chúng ta thấy tổ Ấn Quang hết sức tán thán ông Phạm. Vì sao? Đạo tràng của Ấn Quang đại sư ở ngay quê hương của Phạm tiên sinh, tức Tô Châu, khoảng cách rất gần. Từ đời Tống cho mãi đến những năm đầu thời Dân Quốc, suốt tám trăm năm, gia tộc ông Phạm chẳng suy, đời đời xuất hiện nhân tài, đời đời đều sanh ra người tốt, đều chuộng thiện ham thí giống như Phạm tiên sinh, hết sức đáng cho kẻ khác tôn kính. Phạm tiên sinh là một Phật tử kiền thành, thật sự làm được giáo huấn của đức Phật, chúng ta hãy nên học tập điều này.

Bản thân chúng ta có thể giảm bớt một phần hưởng thụ vật chất, sẽ có thể giúp thêm một phần chúng sanh khổ nạn. Hãy thường nghĩ tới điều này, những khoản chi tiêu chẳng cần thiết hãy tận lực tiết giảm, chịu khổ nạn thay cho chúng sanh.

***(Diễn) Tam, đẳng tâm chúng sanh khiêm hạ vô ngại, ư chư Bồ Tát thị chi như Phật.***

**(演)三、等心眾生謙下無礙，於諸菩薩視之如佛。**

***(Diễn**: Ba là tâm bình đẳng đối với chúng sanh, khiêm hư, vô ngại, coi các vị Bồ Tát như Phật).*

Đây là tu lễ kính. Trong Lễ Ký có định nghĩa về Lễ. Tinh thần của Lễ là *"tự ty nhi tôn nhân"* (hạ thấp chính mình, tôn trọng người khác), ở đây, kinh đã dạy chúng ta ý nghĩa ấy. *"Đẳng tâm"* (等心) là tâm bình đẳng, dùng tâm bình đẳng để đối đãi hết thảy chúng sanh; chính mình phải khiêm hư, phải nhún nhường. Chính mình có thể khiêm hư, nhún nhường, đương nhiên là có thể tôn kính người khác. Quý vị có thể tôn kính người khác, người khác cũng tôn kính quý vị. *"Kính nhân giả, nhân hằng kính chi"* (Kẻ kính trọng người khác, người khác luôn kính trọng kẻ ấy). Bất luận quý vị làm chuyện gì, nhất định là sẽ có rất nhiều người giúp đỡ, chẳng bị chướng ngại. Tiếp đó, nêu lên một thí dụ, *"ư chư Bồ Tát thị chi như Phật"* (coi các vị Bồ Tát như Phật). Chúng ta cung kính đức Phật nhất. *"Chư Bồ Tát"* là nói tới những vị Bồ Tát nào? Nói tới danh tự Bồ Tát, danh tự Bồ Tát là phàm phu. Trong phàm phu, có nhiều người đã thọ Bồ Tát giới, mang danh hiệu là Bồ Tát, [nên gọi là] danh tự Bồ Tát. Tuy là danh tự Bồ Tát, chúng ta gặp họ cũng phải tôn kính họ như Phật. Thậm chí đối với những người chẳng thọ Bồ Tát giới, họ tới thọ Tam Quy, Ngũ Giới, chúng ta cũng coi họ như Bồ Tát, cũng coi họ như Phật. Vì sao? Chỉ có người giác ngộ mới chịu phát tâm thọ Tam Quy, học Phật. Bồ Tát là *"giác hữu tình"*, [tức là] hữu tình chúng sanh giác ngộ. Bất luận họ có thọ giới hay không, hễ là người giác ngộ, chúng ta phải nên đối đãi, tôn trọng họ như Phật. Những điều này phải nghiêm túc nỗ lực học tập trong cuộc sống hằng ngày, phải làm được thì mới là học trò đức Phật.

***(Diễn) Tứ, sở vị văn kinh, văn chi vô nghi.***

**(演)四、所未聞經，聞之無疑。**

***(Diễn**: Bốn là đối với kinh chưa được nghe, hễ nghe bèn chẳng nghi).*

Câu này nên hiểu như thế nào? Chư vị phải biết: Trong Phật pháp rộng lớn, kinh Vãng Sanh khó được nghe nhất. Nói tới *"kinh vãng sanh"* chính là nói Tịnh Độ Tam Kinh, rất khó nghe thấy. Kinh Vô Lượng Thọ có nói: Bao nhiêu vị Bồ Tát mong nghe pháp môn này mà chẳng được nghe, cho thấy chẳng dễ gì được nghe pháp môn này. Nghe pháp này xong mà có thể tin tưởng, lại càng chẳng dễ dàng! Hết thảy chư Phật đều nói pháp môn này là "pháp khó tin", ai khó tin? Bồ Tát khó tin, Thanh Văn, Duyên Giác khó tin! Pháp khó tin, cớ sao bọn chúng ta có thể tin tưởng? Nói thật ra, bọn chúng ta may mắn chẳng phải là Bồ Tát, chẳng phải là A La Hán, chẳng phải là Bích Chi Phật! Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật cũng đã nói rõ ràng chuyện này. Chẳng nói rõ ràng, đích xác là chúng ta sẽ rất hoài nghi, vì sao pháp khó tin mà ta có thể tin tưởng? Nguyên lai, đức Phật đã từng dạy: Người nghe pháp môn này mà có thể sanh tâm hoan hỷ, có thể tiếp nhận, có thể y giáo phụng hành, tức là đời đời kiếp kiếp trong vô lượng kiếp quá khứ đã gieo thiện căn, nay trong một đời này, [thiện căn ấy] chín muồi, chuyện là như vậy đó. Thiện căn sâu dầy, chẳng thể nghĩ bàn! Nói thật ra, thiện căn sâu dầy ấy, cũng chẳng ai có thể nói ra. Trừ Phật ra, hàng Bồ Tát đều chẳng thể thốt lên lời! Nếu Bồ Tát có thể thốt lên lời, Ngài đã tin tưởng. Bồ Tát nói không được, thì nói cách khác, Ngài chẳng tin.

Kinh đã nêu một trường hợp: Vương tử A Xà Thế và năm trăm vị trưởng giả, trong đời quá khứ từng cúng dường bốn trăm ức Phật. Họ nghe pháp môn này, sanh tâm hoan hỷ, nhưng hoàn toàn chẳng phát tâm cầu sanh Tịnh Độ. Trong đời quá khứ từng cúng dường bốn trăm ức Phật, [thế mà] ý niệm vãng sanh Tịnh Độ chẳng dấy lên được! Nay chúng ta nghe pháp môn này, mong vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thiện căn đã gieo trong đời quá khứ của chúng ta chắc chắn vượt trỗi vương tử A Xà Thế. Quý vị chẳng có thiện căn sâu dầy ngần ấy, làm sao có thể tin tưởng cho được? *"Sở vị văn kinh"* (Kinh chưa được nghe) chính là nói đến kinh này, chưa hề nghe nói! Các vị Bồ Tát, A La Hán, Bích Chi Phật chưa hề nghe nói tới! Nghe kinh này, họ hoài nghi: Lẽ nào có chuyện thành Phật dễ dàng dường ấy? Nói cách khác, ở ngay trước mặt mà họ bỏ lỡ! Đó là nói: Tuy được nghe, nhưng thiện căn và phước đức chẳng đủ. "Được nghe" là nhân duyên. Kinh Di Đà dạy chúng ta:

*"Chẳng thể do chút thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy"*. Các vị Bồ Tát, La Hán, Bích Chi Phật ấy có nhân duyên, nhưng thiện căn và phước đức của chính họ chẳng đủ, nghe xong bèn hoài nghi, chẳng tin tưởng, đáng tiếc quá! Lỡ làng! Ở đây, đức Phật nhắc nhở chúng ta, *"sở vị văn kinh, văn chi vô nghi"* (đối với kinh chưa được nghe, hễ nghe bèn chẳng nghi). Người ấy bèn được thọ dụng!

Nay chúng ta có duyên phận tiếp xúc kinh điển này, chúng ta có nghi hay không? Mọi người đều lắc đầu: "Chẳng nghi!" Thật ra, lắng lòng suy nghĩ, [sẽ thấy]: Hãy còn rất nhiều nghi hoặc! Nhìn từ chỗ nào? Quý vị vẫn chưa thể chuyên tâm, hãy còn tam tâm nhị ý, [tức là] hãy còn có nghi, vẫn chưa thể khăng khăng một dạ tu một môn này. Vẫn mong niệm kinh Kim Cang, kinh Lăng Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm, còn mong học Thiền, học Mật. Đó là nghi căn chưa đoạn, tâm chẳng định, tâm không chuyên. Dẫu gặp gỡ pháp môn này, rất khó đạt được lợi ích. Người nào sau khi nghe xong sẽ đạt được lợi ích? Thật sự chẳng nghi, chính là đoạn nghi sanh tín. Tâm người ấy đã định, tâm chuyên nhất, thâm nhập một môn. Thật sự thâm nhập một môn, sẽ nhanh chóng đạt được lợi ích cũng là thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Người căn tánh nhạy bén thì ba tháng. Người căn tánh bậc trung, sáu tháng bèn đạt được lợi ích. Đạt được lợi ích gì vậy? Tâm thanh tịnh. Từ chỗ nào mà biết tâm thanh tịnh? Vọng niệm ít, phiền não ít, đêm ngủ ít nằm mộng, tối thiểu là chẳng gặp ác mộng. Trước kia, mỗi ngày từ sáng đến tối đều gặp ác mộng. Hơn nữa, cảnh trong mộng rất hỗn loạn. Nay nằm mơ, chẳng bị ác mộng, cảnh giới trong mộng rành rẽ, chẳng tạp loạn, chứng tỏ là cảnh giới tốt đẹp. Trí huệ tăng trưởng, thấy sự việc rõ ràng, minh bạch hơn trước kia khá nhiều, đó là hiệu quả.

Tôi thưa cùng chư vị, từ ba tháng đến sáu tháng sẽ đạt được hiệu quả này, thật sự hữu hiệu! Sợ là quý vị ôm lòng nghi, tâm chẳng định, chẳng chuyên, như vậy thì sẽ chẳng đạt được! Chẳng chuyên, chẳng định, nói thật thà, học ba mươi năm cũng chẳng có hiệu quả, học đến cuối cùng, [chê bai] "Phật, Bồ Tát chẳng linh", "kinh điển lừa gạt ta", báng Phật, báng Pháp, đời sau cũng vãng sanh, nhưng là sanh vào địa ngục. Quý vị nói xem có oan uổng hay không! Trong Đại Kinh, đức Phật đã nói: Nghi là đại chướng ngại của Bồ Tát. Nghi được xếp vào loại căn bản phiền não. Sau tham, sân, si, mạn là nghi, hoài nghi thánh giáo. Lợi ích thù thắng khôn sánh ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, quý vị nói xem: Tai hại lớn cỡ nào?

***(Diễn) Ngũ, bất dữ Thanh Văn nhi tương vi bội.***
**(演)五、不與聲聞而相違背。**
*(**Diễn**: Năm là chẳng chống trái Thanh Văn).*

Điều này rất quan trọng! Thường có những kẻ tự cho chính mình là Đại Thừa, khi dễ Tiểu Thừa, khinh mạn Tiểu Thừa, lầm lẫn đặc biệt to tát! Mạn (慢) là đại phiền não, học Phật lẽ nào tăng trưởng phiền não? Chư Phật, Bồ Tát đều chẳng coi thường kẻ sơ học, chẳng coi rẻ kẻ sơ học, làm sao có thể coi thường Tiểu Thừa cho được? Người Tiểu Thừa tinh chuyên nghiên cứu Tam Học Giới, Định, Huệ đáng được tôn kính! Bản thân chúng ta hãy suy nghĩ đôi chút, Tam Học Giới, Định, Huệ của chúng ta có thể sánh bằng họ hay chăng? Nếu chúng ta phế bỏ Tam Học, học các kinh giáo Đại Thừa, thì cổ đại đức bảo kẻ như vậy là cuồng huệ. Cuồng huệ chẳng thể liễu sanh tử, chẳng thể thoát tam giới. Phật pháp từ đầu tới cuối chú trọng thực tiễn, chúng ta nhất định phải nghiêm túc thực hiện lời răn dạy của đức Phật, nhất định phải biến những lời dạy ấy thành hành vi trong cuộc sống của chính mình thì mới hữu dụng, chính mình mới thật sự được thọ dụng. Sự chân thật thọ dụng ấy thật sự là tự tại, sung sướng. Nơi quả địa Như Lai có nói tới ba đức là Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát. Giải Thoát là tự tại, sung sướng, Trí Huệ là thông đạt, hiểu rõ hết thảy, chẳng mê hoặc. Đối với hai thứ ấy, một người thật sự y giáo tu hành sẽ dần dần chứng đắc, từ ít phần đạt tới nhiều phần, cho tới quả địa Như Lai mới là viên mãn rốt ráo. Do vậy, trong Tiểu Thừa giáo, có nhiều quy củ chẳng thể vi phạm, nhất định phải tuân thủ!

Nói thông thường, Tiểu Thừa là bảo thủ, Đại Thừa là cởi mở. Tuy cởi mở, có những quy củ cơ bản nhất định phải tuân thủ. Nói thật ra, người giữ quy củ chính là tự tôn trọng chính mình, tự mình trang nghiêm chính mình. Ngàn muôn phần đừng ngỡ chẳng tuân thủ quy củ chính là biểu thị một thứ đặc quyền, sai mất rồi! Lầm lẫn đặc biệt to tát! Trong một đoàn thể, ai nấy đều giữ quy củ, đoàn thể ấy nhất định hưng vượng, nhất định có thành quả. Chẳng thể tuân thủ quy củ thì làm như thế nào? Tốt nhất là hãy tự động rời khỏi đoàn thể ấy, vì sao? Ta chẳng hại chính mình, mà cũng chẳng hại ai khác, đó là đúng. Phá hoại quy củ là phá hoại đoàn thể, đặc biệt là đối với Tăng đoàn. Nếu Tăng đoàn ấy tu Lục Hòa Kính, quý vị đã phá hòa hợp Tăng, quả báo rất nặng. Kinh đã dạy rất rõ ràng, phá hòa hợp Tăng, quả báo là trong địa ngục A Tỳ, hết sức đáng sợ! Bởi lẽ, Tăng đoàn hòa hợp được chư Phật hộ niệm, long thiên

ủng hộ.

Vâng giữ quy củ là quan niệm quan trọng nhất; sự tu trì của cá nhân, Phật pháp hưng hay suy đều do một niệm này. Có thể thấy là ý niệm ấy có mối quan hệ trọng đại! Pháp thế gian cũng chẳng ra ngoài lệ ấy. Phẩm đức cá nhân, học vấn, sự nghiệp, gia đình, xã hội, cho đến quốc gia, thế giới hòa bình cũng đều thuộc trong quan niệm này. Mỗi người đều tuân thủ pháp tắc, thiên hạ thái bình. Vì thế, quyết định chớ nên khinh mạn pháp Tiểu Thừa. Chư Phật Như Lai cũng chẳng thể trái phạm những quy củ đã được thành lập trong pháp Tiểu Thừa. Trong Phật pháp, nói cụ thể, sẽ là mười giới Sa Di, hai mươi bốn môn oai nghi, chư Phật Như Lai và các đại Bồ Tát đều chẳng phạm, đều tuân thủ. Chẳng phải là nói: Hễ đạt tới một đẳng cấp cao, là Pháp Thân đại sĩ, là Địa Thượng Bồ Tát, hoặc thành Phật, bèn có thể bỏ sạch, chẳng cần những thứ ấy nữa, chẳng có lẽ đó! Lúc tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư đã dạy tôi. Ngài nêu một tỷ dụ: Giới Tiểu Thừa như Sa Di Luật Nghi, Ngũ Giới của hàng tại gia, Thập Giới, Bát Quan Trai Giới, những giới nho nhỏ ấy giống như mua vé xe lửa từ Đài Bắc đến Cao Hùng. Quý vị mua vé mới có thể lên xe. Trên xe, phải thường giữ kỹ tấm vé ấy, chẳng thể vứt bỏ, đến trạm còn phải giao trả lại cho họ. Từ sơ phát tâm mãi cho đến khi thành Phật, chẳng thể vứt bỏ tấm vé ấy. Đó là nói về những giới nho nhỏ nhất định phải tuân thủ. Tỷ dụ ấy đã gây cho chúng tôi ấn tượng rất sâu. Con người nhất định phải trì giới, nhất định phải giữ quy củ.

***(Diễn) Lục, bất tật bỉ cúng, bất cao kỷ lợi, nhi ư kỳ trung điều phục kỳ tâm.***

**(演)六、不嫉彼供，不高己利，而於其中調伏其心。**

*(**Diễn**: Sáu là chẳng ganh ghét sự cúng dường của người khác, chẳng đề cao lợi ích của chính mình, điều phục cái tâm ở trong ấy).*

Điều này nói tới cái tật xấu thời thời khắc khắc dòm ngó [kẻ khác] trong cuộc sống hằng ngày. Thấy người khác được cúng dường nhiều, trong tâm ganh tỵ, khó chịu. Người xuất gia chẳng tránh khỏi, thấy người ta xây đạo tràng to, trong tâm chẳng thoải mái. Thấy người ta tín đồ đông đảo ngần ấy, pháp duyên thù thắng ngần ấy, cúng dường nhiều ngần ấy, tâm ganh tỵ thường nẩy sanh. Người xuất gia còn có ganh tỵ hay chăng? Người xuất gia là phàm phu, lại chưa thành Phật, lại chưa thành Bồ Tát, làm sao chẳng có cho được? Tham, sân, ganh tỵ là phiền

não bẩm sanh, là tập khí phiền não đã mang theo từ vô lượng kiếp đến nay, hễ thấy cảnh giới bên ngoài bèn dẫn khởi phiền não. Ở đây, đức Phật dạy chúng ta, vàn muôn phần chớ nên [có tâm niệm ấy], chính mình phải có tâm cảnh giác. Nói tới những thứ chính mình đã có được, chớ nên kiêu căng, ngạo mạn, chớ nên đem lợi dưỡng khoe khoang cùng kẻ khác, đó là *"bất cao kỷ lợi"* (chẳng đề cao lợi ích của chính mình), phải biết *"điều phục cái tâm"* trong ấy. Chư vị ngẫm xem phải nên điều phục như thế nào? Phương pháp điều phục là *"lợi hòa đồng quân"*.

Cận đại, lão hòa thượng Hư Vân đã nêu một tấm gương tốt đẹp cho chúng ta. Lão nhân gia suốt đời là một vị Tăng khổ hạnh, đạo đức, học vấn của Ngài được người đời kính ngưỡng, bội phục. Không chỉ là người Hoa, tại ngoại quốc, người ngưỡng mộ Ngài rất đông. Pháp duyên của lão hòa thượng thù thắng, mỗi lần đến nơi nào, người quy y đông đảo, cúng dường nhiều. Nhưng Ngài suốt đời mặc quần áo toàn là vá chằng vá đụp, chẳng lẽ Ngài chẳng có một bộ quần áo mới để mặc ư? Quần áo do những vị tại gia hộ pháp đệ tử may cho Ngài đã đi đâu hết cả rồi? Thật ra, Ngài nhận rất nhiều, nhưng cúng dường hết cho kẻ sơ học. Người mới xuất gia, chẳng có ai cúng dường, cuộc sống rất khổ, lão hòa thượng nhận lấy các vật cúng dường, đem tặng cho họ. Cúng dường người khác, chính mình vẫn mặc bộ quần áo ấy. Ngài mặc rất thoải mái, rất tự tại. Tất cả tiền bạc dùng để dựng chùa. Một đời Ngài đã xây dựng rất nhiều đạo tràng, tu bổ rất nhiều đạo tràng. Chỉ cần đạo tràng ấy đã sửa chữa xong, Ngài nhất định sẽ thỉnh người khác làm Trụ Trì, Ngài liền rời khỏi, ra đi. Suốt đời lão nhân gia tu bổ đạo tràng, lập đạo tràng, chưa hề trụ trì đạo tràng, hễ tu bổ xong bèn ra đi. Đó là *"bất tật bỉ cúng, bất cao kỷ lợi, nhi ư kỳ trung điều phục kỳ tâm"* (chẳng ganh ghét người khác được cúng dường, chẳng đề cao lợi lộc của chính mình, điều phục cái tâm ở trong ấy), Ngài thật sự làm được. Xác thực là chẳng nói "nơi đây là của ta"; lão hòa thượng Hư Vân chẳng có ý niệm ngã và ngã sở (cái của ta). Tâm Ngài đã định. Vì thế, Ngài có thể lên trời Đâu Suất thân cận Di Lặc Bồ Tát, có duyên với Di Lặc Bồ Tát, Ngài chẳng cầu sanh Tịnh Độ, mà sanh lên trời Đâu Suất.

***(Diễn) Thất, thường tỉnh kỷ quá, bất tụng bỉ đoản.***

**(演)七、常省己過，不訟彼短。**

*(**Diễn**: Bảy là thường phản tỉnh lỗi mình, chẳng rêu rao lỗi người khác).*

*"Tụng"* (訟) là tố tụng (訴訟). Ở đây nghĩa là thường ưa thích bươi móc lỗi của người khác, đó là lầm lẫn to lớn. Lục Tổ đại sư cũng dạy chúng ta: *"Nếu ai thật tu đạo, chẳng thấy lỗi kẻ khác"*. Thường trông thấy khuyết điểm của người khác, đó là khuyết điểm lớn nhất của chính mình, người biết điều này chẳng có mấy ai! Kẻ tu đạo phải thường phản tỉnh lầm lỗi của chính mình. Trong các buổi giảng, tôi cũng thường nói, trong Phật môn chúng ta thường nói là "khai ngộ", khai ngộ là gì? Rất nhiều người hiểu lầm danh từ "khai ngộ", cứ ngỡ khai ngộ là chuyện rất thần bí, là chuyện rất tuyệt diệu. Trong Thiền Tông nói "đại triệt đại ngộ", Giáo Hạ nói "đại khai viên giải", danh từ nghe rất quen thuộc. Rốt cuộc khai ngộ rốt ráo là tình hình như thế nào? Chẳng biết! Năm 1984, tôi giảng kinh tại Lạc Sam Cơ (Los Angeles). Tại Lạc Sam Cơ có năm người trẻ tuổi được Nhân-ba-thiết (Rinpoche)[54] của Mật Tông bên đó truyền pháp, thọ ký cho năm người ấy, nói năm người ấy đã khai ngộ. Năm người đó kiêu căng, ngã mạn; tôi sang đó giảng kinh, họ cũng đến nghe. Nghe xong, hỏi tôi coi thử năm người bọn họ có phải là đã khai ngộ hay không? Tôi liền nói lời thật thà, tôi nói: "Quý vị chẳng khai ngộ!" Họ nghe nói vậy, rất tức tối, vặn lại: "Lạt-ma Hoạt Phật[55] luôn nói là chúng tôi đã khai ngộ. Cớ sao ông nói tôi chưa khai ngộ?" Tôi đáp: "Tôi chẳng khai ngộ, quý vị đến hỏi tôi, nhất định là quý vị chẳng khai ngộ. Nếu quý vị đã khai ngộ, còn đến hỏi tôi hay chăng?"

Chư vị phải hiểu: Biết khuyết điểm của chính mình là khai ngộ, giác ngộ. Đức Phật thường dạy chúng ta, ngộ có tiểu ngộ và đại ngộ. Hằng ngày phải giác ngộ, chẳng ngộ là mê. Đó gọi là "giác chứ không

---

[54] Nhân-ba-thiết là cách người Hoa phiên âm chữ Rinpoche trong tiếng Tây Tạng. Rinpoche (còn viết là Rimboche hoặc Rinboqê) có nghĩa là "quý báu". Đây là một danh xưng tôn kính để gọi các vị lạt-ma hóa thân, hoặc các trưởng lão, có thành tựu, giới đức kiêm ưu, hoặc các tu viện trưởng, nhưng về sau, chữ này bị lạm dụng, hầu như các lạt-ma đều được tín đồ gọi là Rinpoche hết.

[55] Hoạt Phật (Phật sống) là cách gọi sai lầm của người Hoa đối với những vị được coi là hóa thân (Tulku) trong truyền thống Phật giáo Tây Tạng. Chữ Tulku đôi khi được phiên âm thành Châu Cổ, Tổ Cố, hoặc còn gọi là Hô Đồ Khắc Đồ (qutukhutu, hutukhtu theo tiếng Mông Cổ). Người Tây Tạng tin các vị hành giả, tu viện trưởng, tổ sư tông phái sau khi xả mạng, sẽ có năng lực tái sanh trở lại nhân gian để tiếp tục hoằng pháp độ sanh. Mỗi khi vị ấy mất, dựa trên những lời tiên đoán do vị ấy để lại (thường là dưới hình thức sấm ký), các đệ tử sẽ đi tìm xem hóa thân kế tiếp ở đâu. Đứa trẻ tìm được thường gọi là "linh đồng" (xubilgan). Các vị đệ tử cao cấp sẽ tiến hành những xét nghiệm cần thiết rồi tấn phong đứa trẻ ấy thừa kế ngôi vị. Đôi khi tìm được nhiều đứa trẻ, có sự tranh chấp giữa nội bộ thì phải bắt thăm để chọn lựa.

mê", giác là ngộ. Giác điều gì? Nhận biết khuyết điểm và lầm lỗi của chính mình, đó gọi là *"ngộ hậu khởi tu"* (sau khi đã ngộ bèn bắt đầu tu), đã hiểu rõ, đã biết, sửa chữa khuyết điểm ấy thì gọi là tu hành. Tu hành là tu chỉnh hành vi sai lầm. Phát hiện hành vi sai lầm của chính mình, đó là khai ngộ, thường phản tỉnh lỗi lầm của chính mình, đó là khai ngộ. Sau khi đã ngộ, phải sửa đổi những khuyết điểm, tập khí của chính mình; đó là tu hành. Do vậy, tu hành chẳng phải là hằng ngày đối trước Phật, Bồ Tát gõ mõ, làm bộ làm tịch! Quý vị đọc ngữ lục của Thiền Tông, [sẽ thấy], trong quá khứ, ở núi Thiên Thai, Hàn Sơn và Thập Đắc là hai người điên điên khùng khùng thuở ấy, thấy người xuất gia sáng tối tụng niệm công khóa, nửa tháng tụng giới, họ ở ngoài cửa tam quan chọc ghẹo: "Giở trò vờ vĩnh!" Thuở đó, mọi người cho họ là kẻ điên, về sau mới biết một vị là Văn Thù Bồ Tát, vị kia là Phổ Hiền Bồ Tát, hòa thượng Phong Can là A Di Đà Phật. Ba vị Bồ Tát sống, trụ tại chùa Quốc Thanh làm việc trong nhà bếp hầu hạ đại chúng.

***(Diễn) Bát, hằng dĩ nhất tâm, cầu chư công đức.***
**(演)八、恒以一心，求諸功德。**
*(**Diễn**: Tám là luôn dùng nhất tâm để cầu các công đức).*

Nói nhiều cách mấy mà chẳng nói đến nhất tâm sẽ không viên mãn, hễ nhất tâm bèn viên mãn. *"Hằng dĩ nhất tâm, cầu chư công đức"* (Luôn dùng nhất tâm để cầu các công đức), lời tổng kết này kết luận quá hay. Nhất tâm là tâm thanh tịnh, nhất tâm là chân tâm, nhất tâm là bản tánh, nhất tâm là viên mãn rốt ráo, giống như trong phần trước đã nói: *"Từ bi hỷ xả, trăm ngàn các thứ tâm của Bồ Tát, trong nhất tâm thảy đều trọn đủ"*. Nhất tâm là Thể, hết thảy các tâm là tác dụng. Đã đạt được Thể, đương nhiên là tác dụng viên mãn. *"Hằng dĩ nhất tâm, cầu chư công đức"* (Luôn dùng nhất tâm cầu các công đức), hết thảy các công đức đều đạt đến rốt ráo viên mãn. Đây là tám pháp thành tựu của Bồ Tát được nói trong kinh Duy Ma.

***(Sao) Hạnh vô sang vưu, sanh ư Tịnh Độ.***
**(鈔)行無瘡疣，生於淨土。**
*(**Sao**: Hạnh chẳng thiếu khuyết, sanh trong Tịnh Độ).*

*"Sang vưu"* (瘡疣: ghẻ chốc, u nhọt) tỷ dụ chỗ khuyết hãm. Bồ

Tát có thể trọn đủ tám hạnh hành trì này, đấy cũng là tám nguyên tắc và cương lãnh trong hành môn, chúng ta nghiêm túc tu học [các nguyên tắc và cương lãnh ấy], tu hành sẽ chẳng bị khuyết hãm. Nói cách khác, tâm hạnh của chúng ta chẳng tương ứng, trái nghịch tám điều ấy, dẫu tu Bồ Tát hạnh, Bồ Tát hạnh chẳng viên mãn, có khiếm khuyết, khiếm khuyết quá nhiều. Giống như thân thể một người, thân thể ấy cũng khá, nhưng trên thân thể ấy nẩy sanh ghẻ độc, có khối u bướu, sẽ chẳng phải là một thân thể khỏe mạnh, mỹ mãn, mà là một thân thể khuyết hãm, bệnh tật. Tỷ dụ này nhằm nói lên ý nghĩa ấy.

***(Sao) Kim ký nhất tâm, bách thiên chủng pháp, hà sở bất cụ.***

**(鈔)**今既一心，百千種法，何所不具。

*(**Sao**: Nay đã nhất tâm thì trăm ngàn loại pháp, có gì chẳng trọn đủ).*

Kết luận này nhằm nói: Cuối cùng quy kết vào nhất tâm, hết thảy các pháp thảy đều trọn đủ.

***(Sao) Đức Vân Niệm Phật môn giả, Hoa Nghiêm Nhập Pháp Giới phẩm.***

**(鈔)**德雲念佛門者，華嚴入法界品。

*(**Sao**: "Môn niệm Phật của ngài Đức Vân": Trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm).*

Đây là phẩm cuối cùng của Bát Thập Hoa Nghiêm, tức phẩm Nhập Pháp Giới.

***(Sao) Đức Vân tỳ-kheo cáo Thiện Tài ngôn.***

**(鈔)**德雲比丘告善財言。

*(**Sao**: Tỳ-kheo Đức Vân bảo Thiện Tài rằng).*

Thiện Tài đồng tử tham phỏng tỳ-kheo Đức Vân. Kinh Hoa Nghiêm là sách giáo khoa viên mãn nhất trong nền giáo dục của đức Phật. Nói theo cách hiện thời, nó là khái luận Phật pháp. Khái luận rất quan trọng, phương pháp được cô đọng trong tài liệu giảng dạy này. Từ đây mới chia thành tông phái. Tất cả hết thảy các tông phái đều lưu xuất từ Hoa Nghiêm. Trong bộ kinh này, Thanh Lương đại sư đã chia thành

bốn đoạn lớn là Tín, Giải, Hành, Chứng. Kinh Hoa Nghiêm có tất cả ba mươi chín phẩm, đoạn lớn thứ nhất gồm tổng cộng sáu phẩm kinh, chiếm đến mười một quyển. Đoạn lớn thứ hai nói về Giải. Đoạn thứ nhất là phô bày y báo và chánh báo trang nghiêm nơi quả địa Như Lai cho chúng ta thấy, người thượng căn vừa thấy liền hiểu rõ, người căn cơ trung hạ xem chẳng hiểu. Giống như chúng ta đến thăm viện Bảo Tàng trong Cố Cung, thấy những đồ bằng đồng từ đời Thương - Châu, đúng là những thứ đồng vụn sắt nát danh phù hợp thực, chúng ta chẳng nẩy sanh hứng thú: "Cái thứ đồng nát sắt vụn ấy chẳng đáng một đồng!" Người biết giá trị trông thấy, biết đó là của báu vô giá. Kẻ chẳng hiểu giá trị, thấy đồ bằng ngọc thời Minh - Thanh rất đẹp, rất xinh xắn. Thật ra, chúng chẳng đáng giá, đồng nát sắt vụn đáng giá! Chúng ta chẳng hiểu giá trị, cần phải được giải thích thêm. Vì thế, phần thứ hai [của kinh Hoa Nghiêm] là phần Giải. Kinh văn cũng rất dài, gồm có ba mươi mốt phẩm, giảng về Giải. Phần thứ ba, chúng ta đã thật sự nhận thức, hiểu rõ quả địa Như Lai thật sự rất thù thắng, chúng ta cũng có thể đạt được sự hưởng thụ ấy bằng cách nào? Chuyện này quan trọng nhất. Nếu chúng ta chẳng đạt được, hết thảy đều rỗng tuếch! Khi nào chúng ta có thể chứng đắc sự thọ dụng nơi y báo và chánh báo của Tỳ Lô Giá Na Phật? Phần thứ ba dạy chúng ta phương pháp tu hành, giảng về phương pháp, tức là một phẩm Ly Thế Gian. Phần thứ tư là Chứng, tu hành nhằm mục đích mong chứng quả. Để chứng quả, phải thật sự nhập pháp giới thì mới được. Quý vị chẳng thể khế nhập, sẽ chẳng thể thọ dụng. Nhất định là phải thọ dụng chân thật thì chúng ta mới chẳng uổng công tu hành!

Phẩm Nhập Pháp Giới là phẩm cuối cùng, là phẩm thứ ba mươi chín của kinh Hoa Nghiêm. Kinh văn của phẩm này rất dài, có tất cả hai mươi quyển. Đó là nói theo Bát Thập Hoa Nghiêm. Bản phiên dịch [phẩm này của] kinh Hoa Nghiêm trong niên hiệu Trinh Nguyên[56] là bản dịch hoàn chỉnh, chẳng bị khiếm khuyết. Vì thế, toàn bộ kinh văn của [phẩm] kinh này có tất cả bốn mươi quyển, [thường gọi là] bản Trinh Nguyên. Đoạn trên đây trích dẫn từ bản Bát Thập, tỳ-kheo Đức Vân là người đầu tiên [trong năm mươi ba vị thiện tri thức]. Bản Trinh Nguyên không gọi Ngài là Đức Vân mà gọi là Cát Tường Vân, là cùng một người, [danh xưng được] phiên dịch khác nhau. Cát Tường có nghĩa là

[56] Trinh Nguyên là niên hiệu của Đường Đức Tông (từ năm 785 cho đến tháng Tám năm 805). Đường Đức Tông sử dụng ba niên hiệu là Kiến Trung (780-783), Hưng Nguyên (784), và Trinh Nguyên.

Đức. Phẩm kinh cuối cùng này rất quan trọng, phẩm kinh này dạy chúng ta phương thức tu học.

Xưa kia, tiên sinh Phương Đông Mỹ đã chẳng ngớt khen ngợi ưu điểm lớn nhất của kinh Hoa Nghiêm. Cụ nói: Tất cả những sách giáo khoa trên thế giới đều chẳng thể sánh bằng kinh Hoa Nghiêm. [Kinh được] biên soạn rất đầy đủ, có sự thật, có lý luận, có phương pháp, lại còn kèm thêm biểu diễn. Phẩm cuối cùng nhằm biểu diễn *"hạnh thành, chứng nhập"*, biểu diễn cho chúng ta xem: Một đệ tử Phật học Phật sẽ tu học như thế nào qua hành vi, xử sự, đãi người, tiếp vật trong cuộc sống hằng ngày, nêu gương cho chúng ta xem. Do vậy, cuộc biểu diễn ấy rất khó có!

Trong phẩm kinh ấy, lại chia thành hai đoạn lớn, chia thành bổn hội (本會: hội gốc, hội căn bản, hội đầu tiên) và mạt hội (末會: hội cuối, hội đằng ngọn). Bổn hội là Thiện Tài đồng tử học với Văn Thù Bồ Tát. Ngài Văn Thù là thầy, người thế gian chúng ta gọi Ngài là "vị thầy vỡ lòng". Thầy dạy vỡ lòng phải là cao thủ. Vỡ lòng mà gặp phải kẻ chẳng ra gì, cả đời quý vị bị ảnh hưởng. Vị thầy dạy vỡ lòng có ảnh hưởng lớn nhất trong một đời người, pháp thế gian thường nói: *"Tiên nhập vi chủ"*, [có nghĩa là] thường là những gì được tiếp nhận từ vị thầy ấy sẽ trở thành tiêu chuẩn quan niệm chủ quan trong suốt một đời người ấy. Vì thế, vị thầy ấy hết sức quan trọng, có sức ảnh hưởng quá to lớn. Thầy của Ngài (Thiện Tài) là Văn Thù Bồ Tát. Trong các vị Bồ Tát, ngài Văn Thù trí huệ bậc nhất, từng làm thầy của bảy vị Phật trong quá khứ. Thiện Tài rất may mắn gặp gỡ một vị thiện tri thức tốt đẹp như vậy, theo học với một vị đại thiện tri thức. Nếu chư vị chú tâm đọc kỹ phần kinh văn thuộc bổn hội, trong ba quyển [đầu tiên] của bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm, quý vị hãy chú tâm xét xem Văn Thù Bồ Tát dạy Thiện Tài điều gì? Điều này rất khẩn yếu. Trong hội Văn Thù, Thiện Tài đồng tử thành tựu Tam Học Giới, Định, Huệ. Huệ là gì? Huệ là Căn Bản Trí. Giới: Tuân thủ lời thầy răn dạy. Thầy chỉ dạy như thế nào, quyết định phải tuân thủ, đó là Giới. Định là tâm đã định, chỉ học theo một vị thầy, tâm đã định. Thầy dẫn dắt quý vị, khiến cho quý vị đắc Căn Bản Trí. Căn Bản Trí là gì? Vô tri, Bát Nhã vô tri. Trước hết, Văn Thù Bồ Tát huấn luyện Thiện Tài vô tri, tức là tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần. Trong giai đoạn thứ hai, sẽ khiến cho Ngài khởi tác dụng không gì chẳng biết. Đó chính là vô tri thành tựu, đã đạt được, mới có thể học không gì chẳng biết.

Trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện, đã bày ra rất rõ ràng, mọi người phải ghi nhớ. *"Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn"*. Văn Thù Bồ Tát dạy Thiện Tài hai điều: Dạy Ngài phát đại tâm, dạy Ngài đoạn phiền não. Đã đoạn phiền não, tâm bèn định. *"Pháp môn vô lượng thệ nguyện học"* là từ tỳ-kheo Đức Vân cho đến Phổ Hiền Bồ Tát, tham phỏng năm mươi ba vị thiện tri thức, thành tựu Hậu Đắc Trí, đó là *"pháp môn vô lượng thệ nguyện học"*, không gì chẳng biết. Mọi người nhất định phải biết: Trước hết là vô tri, sau đấy mới là không gì chẳng biết. Nếu vừa mở đầu mà có biết, sẽ là thứ gì cũng đều chẳng biết, những gì đã biết đều là hiểu lầm. Hiểu lầm ý nghĩa chân thật của Như Lai, rất oan uổng! Tu học mà nếu quý vị chẳng tuân theo thứ tự này, có thể nói là suốt một đời quý vị chẳng đạt được mảy may nào. Những gì quý vị đã đạt được toàn là tà tri tà kiến. Lời này chẳng do tôi nói. Trong chú giải kinh Hoa Nghiêm, Thanh Lương đại sư đã nói [như thế]. Nếu quý vị chẳng có cái tâm thanh tịnh, chẳng có Căn Bản Trí, quý vị tiếp xúc Phật pháp, cũng sẽ tăng trưởng tà tri tà kiến. Đúng là phải dấy lên tâm cảnh giác, nhất định phải đi theo đúng con đường của Phật, Bồ Tát, cổ thánh tiên hiền, trong một đời này chúng ta mới có thể thành tựu. Hôm nay, tôi giảng tới chỗ này.

***Tập 239***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm sáu mươi hai:

***(Sao) Đức Vân Niệm Phật môn giả, Hoa Nghiêm Nhập Pháp Giới phẩm, Đức Vân tỳ-kheo cáo Thiện Tài ngôn: "Ngã đắc ức niệm nhất thiết chư Phật cảnh giới trí huệ quang minh phổ kiến pháp môn", nhi phục khai nhị thập nhất môn, khởi ư Trí Quang Phổ Chiếu, chung ư Trụ Hư Không.***

**(鈔)**德雲念佛門者，華嚴入法界品，德雲比丘告善財言，我得憶念一切諸佛境界智慧光明普見法門，而復開二十一門，起於智光普照，終於住虛空。

*(**Sao**: "Pháp môn Niệm Phật của ngài Đức Vân": Trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, tỳ-kheo Đức Vân bảo Thiện Tài: "Ta đắc pháp môn Nghĩ Nhớ Cảnh Giới Của Hết Thảy Chư Phật, Trí Huệ Quang Minh Thấy Trọn Khắp", rồi lại chỉ ra hai mươi mốt môn*

*[Niệm Phật], bắt đầu bằng môn Trí Quang Phổ Chiếu, kết thúc bằng môn Trụ Hư Không).*

Kinh Hoa Nghiêm là kinh điển căn bản của Đại Thừa Phật pháp, cổ đức gọi nó là Căn Bản Pháp Luân. Hết thảy các kinh đều là cành lá của Hoa Nghiêm, giống như một cái cây, Hoa Nghiêm là cội cây, tức là căn bản của cây. "Căn bản của cây" tức là thân chánh, hết thảy các kinh đều là cành, lá, nhánh nhóc, hoa, quả trên thân cây. Từ tỷ dụ này, chúng ta liễu giải địa vị và tánh chất trọng yếu của kinh Hoa Nghiêm trong Phật pháp. Kinh Hoa Nghiêm giảng rất nhiều pháp môn tu hành. Trong phẩm Ly Thế Gian, đức Thế Tôn đã giảng tất cả hơn hai ngàn pháp môn. "Hơn hai ngàn" chỉ là nêu theo từng loại mà thôi, [tức là] quy nạp [những pháp môn liên quan] thành từng loại một. Trên thực tế là nói bất tận, pháp môn vô lượng! Vô lượng pháp môn quy nạp thành hơn hai ngàn loại, cũng khá cặn kẽ. Trong khá nhiều pháp môn, chư Phật Như Lai đề cao pháp môn nào? Đối với hết thảy các pháp môn, chư vị ắt phải có một quan niệm, phải khẳng định lời Phật dạy: *"Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp"*, chẳng thể nói pháp môn nào cao, pháp môn nào thấp, chẳng có lẽ ấy! Vì sao? Thành tựu cuối cùng của tất cả hết thảy các pháp môn đều là viên thành Phật đạo, đương nhiên [các pháp môn] đều là tốt đẹp như nhau. Tuy pháp môn bình đẳng, nhưng căn khí của chúng sanh sai khác; có những căn khí thích hợp pháp môn này, chẳng thích hợp pháp môn kia. Chúng sanh có căn tánh khác nhau; do vậy, đức Phật mở ra nhiều pháp môn.

Hiện thời, đức Phật chẳng trụ thế. Không chỉ là chúng ta chẳng tìm thấy Phật, mà Bồ Tát cũng tìm chẳng thấy, thậm chí A La Hán, thiện tri thức cũng chẳng gặp được. Pháp môn nhiều như vậy, chúng ta chọn lựa như thế nào để biết pháp môn ấy thích hợp căn khí của chính mình? Nếu chọn lựa chẳng thích đáng, sẽ phiền phức to lớn! Pháp môn giống như các vị thuốc bán trong tiệm thuốc. Có mấy ngàn, mấy vạn loại thuốc, hễ khế cơ liền trị được bệnh. Nếu thuốc đúng bệnh, dùng thuốc bệnh liền hết, bèn khỏi bệnh. Nếu thuốc chẳng đúng với chứng bệnh, không chỉ là bệnh nặng thêm, chỉ sợ uống vào một lần bèn *"ô hô, ai tai"* (ôi chao! buồn thay). Pháp môn chẳng khế cơ, tai hại quá lớn. Uống lầm thuốc, thân mạng bị hại. Thân này sau khi đã chết, kinh Địa Tạng nói sau bốn mươi chín ngày lại đầu thai. Vì thế, trong Phật pháp trọn chẳng coi trọng thân mạng. [Chọn lựa] pháp môn sai trật, sẽ hại Pháp Thân huệ mạng,

nghiêm trọng lắm, có tánh chất nghiêm trọng lớn hơn uống sai thuốc quá nhiều lần!

Đức Phật liễu giải trạng huống hiện thời của chúng ta, mà cũng biết căn khí của người hiện thời. Không chỉ là Thích Ca Mâu Ni Phật đề cao pháp môn Niệm Phật; trong hội Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát cũng đề cao pháp môn này. Từ kinh Vô Lượng Thọ và kinh Di Đà, chúng ta thấy mười phương ba đời hết thảy chư Phật khác miệng cùng tiếng giới thiệu pháp môn này, đều đề cao pháp môn này. Do vậy có thể biết, chúng ta chẳng gặp thiện tri thức chân chánh chỉ dạy, hãy tuyển chọn pháp môn này để tu, quyết định chẳng sai lầm! Chúng ta hãy lắng lòng quan sát xã hội hiện thời, người học Phật rất đông, người học Phật bị ma dựa cũng lắm! Chúng ta hãy dò hỏi tỉ mỉ, chẳng nghe nói có ai niệm Phật mà bị ma dựa. Bị ma dựa nhiều nhất là kẻ học Thiền, học Mật, học Giáo, dễ dàng biến thành cuồng huệ. Đó cũng gọi là *"ma dựa"*, đều chẳng bình thường! Chỉ riêng pháp môn Niệm Phật này, đặc biệt là người thật thà niệm Phật, hầu như chẳng có một ai không thành tựu. Điều này chứng tỏ chư Phật, Bồ Tát đã giới thiệu với chúng ta pháp môn này chẳng sai lầm! Huống hồ pháp môn này là pháp môn bậc nhất để Như Lai phổ độ hết thảy chúng sanh, vì pháp môn này trên độ Đẳng Giác Bồ Tát, dưới độ chúng sanh trong địa ngục.

Nếu mọi người đọc kỹ Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương, sẽ hiểu rõ. Vừa mở đầu, Bồ Tát đã nói: "*Ngã dữ ngũ thập nhị đồng luân"* (Tôi và năm mươi hai hạng người cùng hàng). Câu này hết sức trọng yếu, chớ nên dễ dãi, xem nhẹ, coi lướt qua. Nói theo cách hiện thời, *"đồng luân"* (同倫) là người chí đồng đạo hợp, bèn gọi là *"đồng luân"*, [tức là] những kẻ cùng loại. Loại người nào vậy? Chuyên niệm A Di Đà Phật. Trong vô lượng pháp môn, chuyên tu một môn này. *"Năm mươi hai"* là năm mươi hai tầng cấp Bồ Tát, [bao gồm các] địa vị Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, lại cộng thêm Đẳng Giác và Diệu Giác. Diệu Giác bèn thành Phật. Nói cách khác, từ sơ phát tâm mãi cho đến khi thành Phật, chẳng dùng phương pháp thứ hai, một câu Phật hiệu cứ niệm đến cùng! Niệm từ sơ phát tâm cho đến khi thành Phật, quý vị nói xem có đơn giản, dễ dàng lắm hay không? Lại còn ổn thỏa, thích đáng, nhanh chóng, chẳng có [pháp môn nào khác] mà hòng sánh bằng pháp môn này! Quý vị có thể nhận biết rõ ràng, minh bạch, có thể nghiêm túc nương theo phương pháp này để tu học, vậy là quý vị có đại phước báo. Trên cõi trời và nhân gian, chẳng có ai có

phước báo to hơn quý vị. Quý vị không chỉ là thành tựu thù thắng, mà còn thành tựu viên mãn ngay trong một đời, thật sự chẳng thể nghĩ bàn!

Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói rất rõ ràng, phương pháp vô cùng đơn giản: *"Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"*, chúng ta phải chú tâm lãnh hội phương pháp này, phải nghiêm túc thực hành, mấu chốt là *"tịnh niệm tiếp nối"*. Tịnh (淨) là chẳng thể xen tạp, hễ tạp sẽ chẳng thanh tịnh. Những gì là xen tạp? Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát đã nói rất hay, quý vị hãy xem xen tạp là gì? Xen tạp chẳng phải là tịnh niệm, gián đoạn là chẳng liên tục. Bí quyết niệm Phật là *"chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn"*, quý vị bèn thành công. Nói theo hiệu quả, *"chẳng nhờ vào phương tiện, tự được tâm khai"*, chẳng cần nhờ vào phương pháp nào khác để phụ trợ, cứ một câu Phật hiệu niệm đến cùng. Công phu chia thành ba giai đoạn: Giai đoạn thứ nhất là "công phu thành phiến". Có thể niệm đến mức công phu thành phiến, quyết định được vãng sanh, nắm chắc vãng sanh thế giới Tây Phương. Chúng ta thường nghe hoặc thấy có người biết trước lúc mất. Công phu tốt đẹp thì biết trước cả năm sẽ vãng sanh ngày nào, chẳng ngã bệnh. Công phu cao hơn một tầng nữa, sẽ là tự tại vãng sanh: Muốn ra đi khi nào bèn đi khi ấy. Chưa muốn đi, muốn ở thêm mấy năm cũng chẳng trở ngại, hoàn toàn do chính mình làm chủ. Nếu chúng ta hỏi: Công phu như vậy, rốt cuộc là niệm Phật đạt đến mức độ nào? Thưa cùng chư vị, chẳng khó, chúng ta ai nấy đều có thể làm được. Vì công phu ấy của người ấy chẳng quá cao, đó là công phu thành phiến đến mức thượng thừa. Giả sử chúng ta cũng chia công phu thành phiến thành chín phẩm, thì đối với thượng phẩm, công phu [thành phiến] thượng phẩm sẽ tự tại vãng sanh, chúng ta làm được điều này. Công phu sâu hơn sẽ là nhất tâm bất loạn. Trong nhất tâm bất loạn có Sự nhất tâm và Lý nhất tâm, xác thực là rất khó! Đắc Sự nhất tâm, địa vị của người ấy bằng A La Hán và Bích Chi Phật. Lý nhất tâm sẽ là Pháp Thân đại sĩ, sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của thế giới Tây Phương, là thượng thượng phẩm vãng sanh. Nhìn như vậy, [ta thấy] Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói chẳng sai, *"chẳng nhờ vào phương tiện, tự được tâm khai"*.

Nhìn từ đâu mà thấy pháp môn này thành tựu ổn thỏa, thích đáng, nhanh chóng? Trong kinh luận, đức Phật đã nói rất nhiều: Trong thế giới Sa Bà của chúng ta, tình huống trong thế giới Sa Bà và [tình huống trong] các thế giới chư Phật nơi các phương khác chẳng sai khác cho mấy. Tu hành trong thế giới này, từ phàm phu tu thành Phật đạo, phải mất ba đại

A-tăng-kỳ kiếp, dùng đơn vị thời gian là kiếp để tính. Thời gian ba đại A-tăng-kỳ kiếp quá dài, đó là con số thiên văn, chẳng có cách nào hình dung được. Ba đại A-tăng-kỳ kiếp tính từ ngày nào? Chẳng giống như cầu sanh Tây Phương. Cầu sanh Tây Phương thì có thể nói là tính từ hôm nay: Chúng ta phát tâm cầu sanh Tịnh Độ, niệm A Di Đà Phật, bèn có thể tính khởi đầu từ hôm ấy. [Còn trong các pháp môn khác], ba đại A-tăng-kỳ kiếp tính khởi đầu từ ngày nào quý vị chứng đắc quả Sơ Quả. Nếu quý vị chưa chứng đắc Sơ Quả, chẳng tính! Sơ Quả là quý vị phải đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, chứng đắc Vị Bất Thoái. Trong ba thứ Bất Thoái, quý vị chứng đắc Vị Bất Thoái, tính từ ngày hôm ấy, ba đại A-tăng-kỳ kiếp thành Phật! Tông Thiên Thai nói có bốn giáo Tạng, Thông, Biệt, Viên, ba đại A-tăng-kỳ kiếp thành Phật là thành Tạng Giáo Phật, chẳng phải là Viên Giáo. Viên Giáo Phật phải mất bao nhiêu thời gian? Kinh Hoa Nghiêm có nói: [Phải mất] vô lượng kiếp mới có thể thành Phật quả trong Viên Giáo. Đức Phật chẳng thường nói chuyện này, sợ người ta nghe xong sẽ kinh hãi, ngã lòng. Vô lượng kiếp mới có thể thành Phật, thôi đi! Chẳng học nữa! Đức Phật đành phải nói "ba đại A-tăng-kỳ kiếp", Phật chẳng nói dối! Xác thực là thành Phật, thành Tạng Giáo Phật, chẳng phải là Viên Giáo Phật.

Chúng ta so sánh sự thật này với Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị mới biết pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn, khó trách khá nhiều Bồ Tát chẳng tin tưởng. Trong kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật bảo thế giới Cực Lạc *"chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ"* (các vị thượng thiện nhân nhóm họp một chỗ), số lượng nhiều đến nỗi chẳng có cách nào tính toán được! *"Thượng thiện nhân"* là nói tới bậc Đẳng Giác Bồ Tát, từ Thập Địa trở về trước thì gọi là "thiện nhân", chẳng gọi là "thượng thiện". Thượng thiện là Đẳng Giác. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, những vị Bồ Tát giống như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền chẳng có cách nào tính toán, quá nhiều! Đó là những vị đã thành Phật. Năm mươi hai vị đồng luân với Đại Thế Chí Bồ Tát đều là Đẳng Giác, gần như là Diệu Giác. Trên thực tế, Đẳng Giác chính là Diệu Giác, [vì các Ngài] đã chứng đắc Phật quả viên mãn.

Chúng ta phải suy ngẫm: A Di Đà Phật kiến lập thế giới Tây Phương cho đến nay bất quá mới là mười kiếp, những vị ấy vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, mười kiếp thành tựu. Trong cõi này, dẫu mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp vẫn chưa đạt đến địa vị ấy, phải mất vô lượng kiếp mới có thể đạt đến địa vị ấy. Trong thế giới Tây Phương, mười kiếp bèn

đạt được! Quý vị biết là nhanh chóng ngần nào! Mười kiếp và vô lượng kiếp chẳng thể sánh tầy! Nếu chúng ta lại quan sát cặn kẽ một phen, sẽ hiểu thật rõ chân tướng. Nếu nói tu hành trong thế giới Tây Phương mười kiếp có thể đạt đến Đẳng Giác, khi A Di Đà Phật kiến lập thế giới Tây Phương, người vãng sanh trong kiếp thứ nhất nay đã thành tựu. Người vãng sanh trong kiếp thứ hai, cho đến hiện thời là chín kiếp, [lẽ ra] vẫn chưa thành tựu. Nhưng kinh dạy rõ ràng: Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, các vị thượng thiện nhân chiếm tỷ lệ đại đa số. Mười kiếp thành tựu thì chẳng cần phải nói năng chi nữa. [Những người vãng sanh trong] kiếp thứ hai cũng thành tựu, kiếp thứ ba cũng thành tựu, cho đến những người [khi Cực Lạc đã thành lập] năm kiếp rồi mới vãng sanh, nay cũng đã thành tựu. Tỷ lệ ấy mới là năm mươi năm mươi, chẳng thể nói là đại đa số. Đa số thì mức độ thấp nhất là kiếp thứ sáu mới vãng sanh, cũng đã thành tựu. Như vậy thì chúng ta có thể rút ra một kết luận: Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chứng địa vị Đẳng Giác, đại khái chỉ cần từ ba kiếp cho đến bốn kiếp. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, thượng thiện Bồ Tát mới là đại đa số! Quan sát như vậy, quý vị mới có thể thấy và hiểu thế giới Tây Phương thù thắng: Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, lũ phàm phu chúng ta vãng sanh cũng chẳng quá ba bốn kiếp bèn có địa vị bình đẳng với Văn Thù, Phổ Hiền. Còn có thế giới nào khác nhanh chóng như vậy hay chăng? Quý vị đã hiểu rõ chân tướng sự thật này, còn có thể nói là chẳng sanh về đó hay chăng? Sức mạnh nào cũng đều chẳng thể ngăn trở, chẳng vãng sanh sẽ không được! Sanh đến các thế giới ở phương khác, dẫu cho duyên tốt đẹp, cũng phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp hoặc vô lượng kiếp, phải tốn thời gian lâu ngần ấy. Do vậy, các đồng tu đọc kinh, hãy tính toán cặn kẽ, quý vị mới biết [nên làm như thế nào]. Sau đó, tuân thủ giáo huấn của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát: *"Nhất tâm xưng niệm, buông xuống muôn duyên"*.

Đời này, quý vị phát nguyện cầu sanh Tây Phương, tu học pháp môn Niệm Phật, suốt một đời nương vào một bộ kinh, một câu danh hiệu, quý vị là bậc thượng thượng căn, chẳng có ai thù thắng hơn quý vị. Quý vị quyết định được vãng sanh! Quý vị ngại một bộ kinh rất buồn tẻ, quá ít, được rồi, hãy niệm Tịnh Độ năm kinh một luận, quý vị là hạng trung căn. Chê năm kinh một luận còn ít, lại thêm một chút, niệm các kinh sách Tịnh Độ nhiều hơn một chút, Tịnh Độ Thập Yếu, Ấn Quang Đại Sư Văn Sao. Hiện thời, Đài Loan biên tập Tịnh Độ Tùng Thư có tới hai mươi mấy tập, quý vị phát tâm niệm những thứ ấy, quý vị là kẻ hạ căn,

chắc cũng còn có thể vãng sanh, nhưng không nhất định! Nếu nói những thứ ấy vẫn chưa đủ, vẫn mong niệm [kinh sách của] Thiên Thai, Duy Thức, Hoa Nghiêm, lại niệm những kinh luận khác, chỉ có thể nói là quý vị gieo một tí thiện căn trong Phật môn, quyết định luân hồi, chẳng thể vãng sanh! Cổ nhân thường nói: *"Thân người khó được, Phật pháp khó nghe"*. Nhất là đối với pháp môn này, lỡ làng đời này, thật sự quá đáng tiếc. Chúng ta có thiện căn hay không? Có phước đức hay không? Hãy nhìn từ chỗ này! Thâm nhập một môn, đó là thiện căn và phước đức sâu dầy khôn sánh. Hễ còn phải học tràn lan khá nhiều pháp môn, tín tâm sẽ chẳng thể kiến lập, chẳng thể viên giải, chẳng nhận thức Tịnh Độ rõ ràng. Đó là thiện căn mỏng manh, mà phước đức cũng mỏng tanh!

Hoa Nghiêm cũng đề cao pháp môn này, tỳ-kheo Đức Vân là vị thiện tri thức thứ nhất mà Thiện Tài đến tham phỏng. Vị đầu tiên rất quan trọng, thế tục thường nói: *"Tiên nhập vi chủ"*, [ý nói] giáo huấn của vị thiện tri thức đầu tiên thường tạo ảnh hưởng suốt một đời người [đến tham học, tiếp xúc]. Ngài Đức Vân dạy pháp môn Niệm Phật, vị cuối cùng kết thúc là Phổ Hiền Bồ Tát, càng nói minh bạch hơn, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Vào đời Thanh trước kia, cư sĩ Bành Tế Thanh đã tổng hợp các phương pháp tu hành trong kinh Hoa Nghiêm, viết thành một bài có tựa đề là Hoa Nghiêm Niệm Phật Tam Muội Luận, chỉ rõ tổng cương lãnh và tổng phương hướng tu hành trong kinh Hoa Nghiêm chính là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nếu vẫn chẳng tin tưởng lời này, hết cách! Vậy thì hãy cứ thong thả luân hồi, nhiều đời nhiều kiếp sau, khi thiện căn đã từ từ chín muồi, sẽ lại gặp gỡ! Đối với sự luân chuyển ấy, chư vị phải hiểu: Trong các đồng tu đang hiện diện tại đây, có rất nhiều vị [lẽ ra] đã thành Phật, đã sớm thành Phật, nhưng [cho đến nay vẫn phải luân hồi trong lục đạo] là vì họ đã bán tín bán nghi pháp môn này. Quý vị nói xem: Chênh lệch quá lớn! Quá ư to lớn! Những lời này đều là lời thật thà!

Chúng ta đọc đoạn kinh văn này, liễu giải ý nghĩa này, sẽ đạt được lợi ích chân thật. *"Đức Vân tỳ-kheo cáo Thiện Tài ngôn"* (tỳ-kheo Đức Vân bảo Thiện Tài rằng), Thiện Tài đến tham phỏng, Ngài (tỳ-kheo Đức Vân) bèn khai thị cho Thiện Tài: *"Ngã đắc ức niệm nhất thiết chư Phật cảnh giới"* (Ta đắc môn nghĩ nhớ cảnh giới của hết thảy chư Phật). Cảnh giới của chư Phật là cảnh giới nơi quả địa của Như Lai. Cảnh giới được chứng đắc bởi một vị Phật là cảnh giới an trụ của hết thảy chư Phật. Vì thế, có thể nói là "hết thảy chư Phật". Kinh Di Đà nói *"chư Phật"*, trong

chú giải, tổ Liên Trì và Ngẫu Ích đại sư đã thẳng thừng chỉ ra: *"Chư Phật"* là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là *"chư Phật"*. Nói theo Lý bèn thông suốt, mà nơi Sự cũng chẳng có vấn đề gì. A Di Đà Phật đại diện hết thảy chư Phật. Trong kinh Di Đà, sáu phương Phật tán thán, đó là Sự. Đã là hết thảy chư Phật đều tán thán A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là đại diện của chư Phật! Huống hồ trong kinh Vô Lượng Thọ, Thích Ca Mâu Ni Phật đã tán thán Phật Di Đà tột bậc: *"Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương"* (Ánh sáng tôn quý nhất, là vua trong các vị Phật). Đức Thế Tôn tán thán, cũng là thay mặt hết thảy chư Phật tán thán A Di Đà Phật. Xác thực là *"mười phương hết thảy Phật, A Di Đà bậc nhất"*. Cùng một đạo lý như vậy, trong mười phương các cõi Phật, thế giới Cực Lạc bậc nhất. *"Ức niệm"* (憶念) là niệm Phật, trong ức niệm có quán tưởng, có xưng danh, quán tưởng bao gồm xưng danh. Kế đó, Ngài liệt kê *"hai mươi mốt môn"*, hai mươi mốt môn là những hạng mục niệm Phật riêng biệt. *"Ức niệm nhất thiết chư Phật cảnh giới trí huệ quang minh phổ kiến pháp môn"* là tổng thuyết, hai mươi mốt môn là tế thuyết (細說: nói chi tiết, nói tỉ mỉ), trong ấy bao gồm các cảnh giới của hết thảy chư Phật. Đối với những danh mục ấy, sách Diễn Nghĩa đã chú giải rất tỉ mỉ[57]. *"Khởi ư Trí Quang Phổ Chiếu, chung ư Trụ Hư Không"* (Khởi đầu

---

[57] Do hòa thượng Tịnh Không lược đi không giảng phần này, chúng tôi sao lục từ sách Diễn Nghĩa lời chú giải về hai mươi mốt môn Niệm Phật của tỳ-kheo Đức Vân như sau:

*"Ta đắc pháp môn Ức Niệm Nhất Thiết Chư Phật Cảnh Giới Trí Huệ Quang Minh Phổ Kiến": 'Chư Phật cảnh giới' là cảnh được quán. Nói 'nhất thiết' nghĩa là trọn khắp chiều ngang, cùng tột theo chiều dọc. Trí huệ quang minh là cái trí năng quán. Phổ Kiến pháp môn gồm thâu hai môn trước (tức Chư Phật Cảnh Giới và Trí Huệ Quang Minh) để tổng kết tên gọi [của pháp môn này], ý nói: Dùng trí huệ để quán cảnh giới của chư Phật nên gọi là Phổ Kiến.*

*Hai mươi mốt môn niệm Phật là: Một, trí quang phổ chiếu, hai là 'khiến cho hết thảy chúng sanh [niệm Phật]', ba là 'khiến cho an trụ nơi lực', bốn là 'khiến cho an trụ nơi pháp'. năm là 'sáng ngời các phương', sáu là 'vào chỗ chẳng thể thấy', bảy là 'trụ trong các kiếp', tám là 'trụ trong hết thảy thời', chín là 'trụ trong hết thảy cõi', mười là 'trụ trong hết thảy đời', mười một là 'trụ trong hết thảy cảnh', mười hai là 'trụ tịch diệt', mười ba là 'trụ nơi viễn ly', mười bốn là 'trụ rộng lớn', mười lăm là 'trụ vi tế', mười sáu là 'trụ trang nghiêm', mười bảy là 'trụ năng sự', mười tám là 'trụ nơi tâm tự tại', mười chín là 'trụ trong nghiệp của chính mình', hai mươi là 'trụ nơi thần biến', hai mươi mốt là 'trụ hư không'. Trí quang phổ chiếu là thường thấy hết thảy các cõi Phật, các thứ cung điện thảy đều trang nghiêm, thanh tịnh. Trụ hư không là quan sát thân Như Lai nhiều như mây, trang nghiêm pháp giới hư không".*

bằng môn Trí Quang Chiếu Khắp, kết thúc bằng môn Trụ Hư Không), đó là kinh văn tỉnh lược những môn ở giữa, trong phần chú giải có chép ra.

***(Sao) Kim vị tâm ngoại vô cảnh giới, tâm ngoại vô trí chiếu, tâm ngoại vô hư không, cố bất xuất nhất tâm, tất giai cụ túc.***

**(鈔)**今謂心外無境界，心外無智照，心外無虛空，故不出一心，悉皆具足。

*(**Sao**: Nay nói là "ngoài tâm không có cảnh giới, ngoài tâm chẳng có trí chiếu, ngoài tâm chẳng có hư không". Vì thế, chẳng ra ngoài nhất tâm mà thảy đều trọn đủ).*

Đoạn văn này khẩn yếu, không chỉ là hai mươi mốt môn [Niệm Phật] do tỳ-kheo Đức Vân đã nói *"bất xuất nhất tâm"* (chẳng ra ngoài nhất tâm). Trong phần trước, chúng ta đã đọc thấy [Liên Trì đại sư khẳng định] mười tâm trong kinh Bảo Tích, tám pháp trong kinh Tịnh Danh và mười tâm trong kinh Hoa Nghiêm, cho đến những điều được dạy trong hết thảy các kinh luận, kể cả Thiền và Mật đều chẳng ra ngoài nhất tâm. Pháp môn này trực tiếp tu nhất tâm, dùng phương pháp đơn giản nhất để tu nhất tâm là "một câu A Di Đà Phật", còn dễ dàng hơn [so với cách tu của] tỳ-kheo Đức Vân rất nhiều. Bất cứ cách niệm Phật hay tu học nào cũng đều rắc rối hơn chấp trì danh hiệu. Người thông minh chọn lựa cách đơn giản nhất, dễ dàng nhất, thẳng chóng nhất, ổn thỏa, thích đáng nhất, nhanh lẹ nhất, mới được coi là người thật sự có trí huệ, đã chọn lựa đúng đắn. Có người nói: "Ta phải học nhiều hơn, biết nhiều hơn", có đúng là quý vị học nhiều hơn sẽ biết nhiều hơn hay chăng? Giảng về Huyền Nghĩa kinh Hoa Nghiêm, trong phần Giải Thích Tựa Đề Kinh, Thanh Lương đại sư đã nói *"hữu giải vô hạnh"*, nghĩa là quý vị học rộng nghe nhiều, nhưng chẳng có công phu Giới, Định, Huệ, chẳng thật sự tu hành, kết quả là *"tăng trưởng tà kiến"*. Nếu quý vị hỏi vì sao tăng trưởng tà kiến ư? Tâm tà! Do tâm tà, thấy hết thảy các pháp đều tà, thấy Phật pháp cũng tà, đạo lý là như vậy đó. Nương theo Giới, Định, Huệ để tu hành, tâm bèn tịnh. Tâm tịnh, thấy hết thảy Phật pháp đều tịnh,

---

Nếu muốn tìm hiểu chi tiết hơn về hai mươi mốt môn Niệm Phật này, xin hãy tham khảo bài giảng về Tứ Thập Hoa Nghiêm Cát Tường Vân Tỳ Kheo Chương của hòa thượng Tịnh Không.

thấy hết thảy các pháp thế gian cũng tịnh. Một tịnh, hết thảy tịnh, một tà, hết thảy tà, phải hiểu rõ chuyện này, vàn muôn phần chớ nên đi lầm đường!

Qua Tứ Hoằng Thệ Nguyện, đức Phật đã dạy chúng ta thứ tự tu học, tương ứng với hết thảy những điều được giảng trong kinh luận Đại Thừa. Điều thứ nhất trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện là phát tâm độ chúng sanh, bỏ mình vì người, phải phát đại tâm này. Hy sinh chính mình để thành tựu người khác, đấy là Bồ Tát phát tâm, là Đại Bồ Đề tâm. Bắt tay vào tu hành, trước hết là đoạn phiền não, *"phiền não vô tận thệ nguyện đoạn"*, sau đấy mới lại học pháp môn. Phiền não là độc; tham, sân, si là Tam Độc! Chẳng trừ hết độc, tuy pháp ấy là Đề Hồ [đã bị xen tạp chất độc]. Trong kinh thường có tỷ dụ: Chúng ta lấy cái chén, cái chén ấy được gọi là *"khí"* (器: vật dụng). Trước kia, nó chứa độc dược. Không chỉ chẳng trừ sạch độc dược, mà độc dược vẫn còn, rót Đề Hồ vào đó, Đề Hồ cũng biến thành độc dược, chuyện là như thế đó. Ắt phải gột rửa sạch sẽ, độc tiêu trừ hết thì [cái chén ấy] mới gọi là Khí, tức pháp khí! Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn: Đoạn hết phiền não thì quý vị mới là pháp khí, sau đấy mới có thể chứa Đề Hồ, mới có thể học rộng nghe nhiều. Người tu học trong hiện thời chẳng nhấn mạnh điều này. Nói cách khác, đã lấy cái chén chứa độc dược để đựng Đề Hồ. Đề Hồ là thứ tốt đẹp, là cam lộ, [thế mà] uống vào, người ấy chết tươi, chẳng có kẻ nào không chết! Chẳng lẽ là cam lộ Đề Hồ có khuyết điểm hay chăng? Chẳng có khuyết điểm! Quý vị dùng cái chén đã đựng độc dược, mà chẳng tiêu trừ chất độc ấy, chẳng rửa sạch sẽ, đạo lý ở ngay chỗ này. Vì thế, bước đầu tiên trong tu học là đoạn phiền não. Đoạn phiền não là tiêu độc, thành tựu pháp khí của chính mình, sau đấy mới lại *"pháp môn vô lượng thệ nguyện học"*. Do đó, nó thuộc vào giai đoạn thứ hai.

Các vị đại đức từ xưa, người thời cổ và người hiện thời khác nhau. Thời cổ, lòng người thuần hậu, cuộc sống của mọi người trong xã hội cũng đơn thuần, cảnh giới bên ngoài chẳng có gì dụ dỗ, mê hoặc. Từ bé đã bồi dưỡng cái tâm hiếu kính, cái tâm thuần hậu, cho nên thời gian tiêu độc của họ ngắn ngủi. Cổ nhân học giới năm năm, có những người [làm như thế] năm năm hoặc mười năm, đúng là thân tâm thanh tịnh, tiếp nhận Phật pháp, chẳng cần mất một thời gian rất dài bèn khai ngộ chứng quả. Vì sao? Bản thân người ấy là pháp khí, độc tố ô nhiễm rất nhẹ, rất dễ gột trừ. Người hiện thời thì không được, hoàn cảnh xã hội hiện tại là một cái vò nhuộm to, tức là cái vò nhuộm Tam Độc. Trước kia, chẳng

cần nói rất xa, nay tôi đã bảy mươi tuổi. Tôi sanh trưởng ở nông thôn, đến mười bốn tuổi tôi mới hiểu chuyện. Trước đó, đúng là ngây thơ, ngờ nghệch, chuyện gì cũng đều chẳng hiểu. Mỗi ngày, trừ học hành ra bèn chơi đùa, tuổi thơ hạnh phúc. Trẻ nít hiện thời đáng ngại quá! Từ lúc mở mắt ra, chúng đã xem TV, mọi thứ loạn cào cào trong TV chúng đều học được, thứ gì cũng đều hiểu. Trẻ một hai tuổi thứ gì cũng đều hiểu, nó biết quan sát vẻ mặt, biết nịnh nọt người khác, còn làm sao được nữa! Nói cách khác, đến mười bốn, mười lăm tuổi, chúng tôi mới dần dần lây nhiễm bầu không khí trong xã hội. Trẻ con hiện thời vừa mở mắt ra bèn bị ô nhiễm, làm thế nào được nữa!

Sức dụ dỗ, mê hoặc trong xã hội vượt trỗi xưa kia mấy trăm lần, mấy ngàn lần! Trong quá khứ, năm năm [học giới] có thể gột rửa sạch sẽ thân tâm; hiện thời, tôi thấy tốn năm mươi năm vẫn chẳng gột sạch được! Lời tôi nói là thật, làm thế nào đây? Do vậy, tôi thường khuyên lơn, khích lệ mọi người: Hãy đem nửa đoạn sau [trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện] là *"pháp môn vô lượng thệ nguyện học"* và *"Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành"* sang thực hiện bên Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong cuộc đời này, chuyên môn gột rửa thân tâm của chính mình. Tâm tịnh, cõi nước tịnh, như vậy thì mới có thể vãng sanh. Tâm chẳng thanh tịnh, chẳng thể vãng sanh, phải biết điều này. Cổ nhân có thể học rộng nghe nhiều, vì sao? Độc tố cạn, từ năm năm đến mười năm có thể gột sạch; sau đó, họ mới có thể học rộng nghe nhiều, có thể thành tựu. Người hiện thời không được, người hiện thời đúng là năm mươi năm vẫn chẳng thể gột sạch! Gột rửa không sạch, học rộng nghe nhiều sẽ đạt được kết quả như Thanh Lương đại sư đã giảng: *"Tăng trưởng tà kiến"*. Cớ gì cứ phải làm như vậy? Người ấy chẳng tăng trưởng trí huệ, mà tăng trưởng tà kiến. Điều này rất đáng sợ, trong tương lai vẫn phải tiếp tục luân hồi trong lục đạo. Chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này, cũng phải hiểu rõ chân tướng sự thật, chính mình có thể hạ quyết tâm: Trong đời này, chúng ta học hai câu đầu trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện, nguyện phải rộng lớn, kiên cố, phải nghiêm túc niệm Phật. Dùng câu Phật hiệu để tiêu trừ nghiệp chướng, gột rửa thân tâm, trong tương lai, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thấy A Di Đà Phật. Khi ấy, sẽ là pháp môn vô lượng thệ nguyện học, rất nhanh chóng! Như vậy thì vãng sanh mới nắm chắc, không đến nỗi bỏ lỡ cơ duyên khó có trong một đời này, duyên phận ấy hết sức khó có. Một câu Phật hiệu bao gồm trọn hết pháp môn Niệm Phật của tỳ-kheo Đức Vân.

*"Kim vị"* (Nay nói), *"kim"* (今) là nói tới những điều được nói trong kinh này. *"Tâm ngoại vô cảnh giới, tâm ngoại vô trí chiếu"* (Ngoài tâm chẳng có cảnh giới, ngoài tâm chẳng có trí chiếu): Quang minh của chư Phật Như Lai chiếu trọn khắp, cảnh giới viên mãn do chư Phật Như Lai đã chứng đều thuộc trong nhất tâm xưng niệm. Vì vậy, điều khẩn yếu nhất trong niệm Phật là phải nhất tâm xưng niệm. Niệm Phật chớ nên dấy vọng tưởng, dấy vọng tưởng là xen tạp, công phu chẳng đạt được. Nhưng có ai niệm Phật chẳng dấy vọng tưởng? Đây là một vấn đề rất nghiêm trọng. Dấy vọng tưởng là xen tạp nghiêm trọng, công phu chẳng đắc lực. Nếu muốn không dấy vọng tưởng, ắt phải buông xuống vạn duyên, nhưng trần duyên thường khăng khăng chẳng buông xuống được! Có một vị đồng tu rất cảm khái nói: "Tôi chuyện gì cũng có thể buông xuống, nhưng chẳng bỏ con cháu được". Vậy là chẳng có cách nào hết! Hễ có chuyện gì không bỏ xuống được, sẽ là đại chướng ngại, chẳng thể không lưu ý điều này. Hết thảy buông xuống, tạp niệm của quý vị tự nhiên ít đi.

Trong hoàn cảnh thực tế, trong thời gian dài, vọng niệm lại xen tạp. Trong thời gian ngắn, khống chế dễ dàng. Quý vị bèn hiểu: Thời gian tu hành ngắn bèn có sức mạnh, chúng ta chọn lấy thời gian ngắn. Tôi dạy các đồng tu pháp Thập Niệm. Pháp Thập Niệm là [niệm Phật] mười câu, không giống cách của pháp sư Từ Vân Quán Đảnh. Pháp Thập Niệm do pháp sư Từ Vân truyền dạy thì một hơi được gọi là một niệm, chỉ dùng trong công khóa sớm tối. Tôi dạy "mười niệm" chính là mười câu danh hiệu, trong một hơi đã niệm xong, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, câu này tiếp theo câu kia, xác thực là chẳng có tạp niệm. Mười câu là một lần công khóa viên mãn, chẳng có tạp niệm. Nhưng một ngày phải thực hiện chín lần thì mới có hiệu quả, nghĩa là cách một khoảng thời gian, chẳng dài, ta lại tu một lần. Chín lần tu hành chẳng thể thiếu lần nào; thời gian ấn định vào khi nào? Buổi sáng thức dậy, sau khi rửa mặt, súc miệng, chắp tay cung kính, buông hết thảy niệm xuống, niệm Phật mười tiếng. Đó là *"tịnh niệm tiếp nối"*, xác thực là *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"* như Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói, thời gian chỉ cần một phút. Lần thứ hai là khi ăn điểm tâm, giáo đồ nhà Phật thường niệm chú cúng dường: *"Cúng dường Phật, cúng dường Pháp, cúng dường Tăng, cúng dường hết thảy chúng sanh"*. Nói thật ra là "miệng có, tâm không", ăn cơm bèn

ca xướng một chút, chẳng có tác dụng gì, chẳng bằng chắp tay cung kính, vạn duyên buông xuống, niệm mười câu Phật hiệu, thân tâm thanh tịnh. Ăn cơm như vậy sẽ hữu ích cho tiêu hóa, lợi ích rất nhiều. Lần thứ ba là lúc đi làm, trước khi bắt đầu làm việc, trước hết, chắp tay niệm mười câu Phật hiệu, đầu óc sáng suốt, xử sự càng có lớp lang. Lần thứ tư là khi đã làm xong công việc buổi sáng, khi tan tầm lại niệm một lần. Lần thứ năm là khi ăn cơm trưa, lần thứ sáu khi trở lại làm việc vào buổi chiều, lần thứ bảy là buổi chiều lúc tan sở, lần thứ tám là niệm khi ăn cơm chiều, lần thứ chín là niệm trước khi ngủ. Một ngày chín lần công khóa, chẳng thể thiếu lần nào, nhưng mỗi lần công khóa chỉ cần một phút. Chúng ta dùng chín lần ấy làm *"định khóa"* (定課: công khóa nhất định), coi những lần khác là *"tán khóa"* (散課). Tán khóa niệm Phật là hễ chẳng có việc gì bèn niệm Phật. Tôi dạy phương pháp này cho không ít người, họ tu trong hai tuần liền cho tôi biết: "Hết sức hoan hỷ, rất có thọ dụng". Đây là thích ứng với thời đại này, mọi người công việc bận rộn, [tu kiểu này] chẳng trễ tràng công việc của quý vị, chắc chắn là hữu ích cho công việc. Trong khi quý vị tâm tình bất ổn, vừa niệm mười tiếng Phật hiệu, tâm bình khí hòa, hết sức hữu hiệu. Chuyện này phù hợp *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"*, dùng phương pháp này hết sức tốt đẹp. Quý vị tự mình tu, đạt được lợi ích, lại giới thiệu cho người khác. Giới thiệu những phương pháp khác cho người khác, người ta rất khó tiếp nhận, thời gian quá dài! Khóa sớm phải niệm rất nhiều kinh, rất nhiều chú, niệm rất nhiều danh hiệu Phật, Bồ Tát, họ đâu có nhiều thời gian như vậy. Cách này chỉ cần một phút, họ sẽ vui vẻ thực hiện.

Nhất tâm xưng niệm, cảnh giới và trí chiếu của Như Lai thảy đều ở trong đó. *"Bất xuất nhất tâm, tất giai cụ túc"* (Chẳng ra ngoài nhất tâm, thảy đều trọn đủ), vô lượng vô biên pháp môn của chư Phật Như Lai thảy đều trọn đủ. Do đó, mười câu này có công đức chẳng thể nghĩ bàn!

***(Sao) Na Tiên kinh vân: "Chư thiện chi trung, độc hữu nhất tâm, tối vi đệ nhất".***

**(鈔)那先經云：諸善之中，獨有一心，最為第一。**

*(**Sao**: Kinh Na Tiên[58] chép: "Trong các điều thiện, chỉ có nhất tâm thật là bậc nhất").*

---

[58] Kinh này còn có tên là Di Lan Đà Vương Vấn Kinh, gồm hai quyển, thường gọi

Niệm Phật là tu nhất tâm trực tiếp. Đắc nhất tâm, hết thảy các pháp thảy đều trọn đủ. Vì thế nói là *"chẳng cậy vào phương tiện, tự được tâm khai"*. Tâm khai ý giải chính là đại triệt đại ngộ trong Thiền Tông, hoặc đại khai viên giải trong Giáo Hạ. Nhập cảnh giới ấy, hễ quý vị tiếp xúc hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian bèn thông đạt, hiểu rõ.

***(Sao) Nhất kỳ tâm giả, chư thiện tùy chi, chánh thử ý dã.***
**(鈔)一其心者，諸善隨之，正此意也。**
*(**Sao**: Cái tâm đã chuyên nhất thì các điều thiện đều thuận theo, chính là ý này vậy).*

Thật sự đắc nhất tâm, hết thảy thiện pháp thế gian và xuất thế gian tự nhiên trọn đủ. Không chỉ là trọn đủ, mà còn tự nhiên viên mãn, đúng là *"một tu, hết thảy tu"*.

***(Sớ) Hựu thử nhất tâm, tức tác thị nhị nghĩa cố.***
**(疏)又此一心，即作是二義故。**
*(**Sớ**: Nhất tâm lại chính là hai nghĩa "làm" và "là").*

*"Tác thị"* là gì? Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói: *"Thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật"* (Tâm này làm Phật, tâm này là Phật). Nhất tâm có ý nghĩa này, trong phần lời Sao sẽ giảng cặn kẽ.

***(Sao) Quán Kinh vân.***
**(鈔)觀經云。**
*(**Sao**: Quán Kinh nói).*

Điều này phát xuất từ kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật.

---

tắt là Na Tiên Kinh, được dịch sang tiếng Hán dưới thời Đông Tấn, đã mất tên người dịch. Kinh này ghi lại cuộc vấn đáp giữa tỳ-kheo Na Tiên (Nāgasena, còn phiên âm là Na Già Thê Na, Na Già Tư Na, dịch nghĩa là Long Quân, hoặc Tượng Quân) và vua Di Lan Đà (Milinda hoặc Menandros), quốc vương xứ Đại Hạ (Bactria) ở Tây Bắc Ấn Độ. Qua cuộc vấn đáp ấy, ngài Na Tiên đã hóa độ nhà vua quy kính Phật pháp. Nội dung cuộc vấn đáp này xoay quanh những giáo nghĩa duyên khởi, vô ngã, nghiệp báo, luân hồi v.v…

***(Sao) Tâm tưởng Phật thời, thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật. Kim vị thử kinh nhất tâm trì danh, diêu thử nhất tâm, chung đương tác Phật, tùng nhân chí quả, danh chi viết Tác.***

**(鈔)**心想佛時，是心作佛，是心是佛。今謂此經一心持名，繇此一心，終當作佛，從因至果，名之曰作。

*(**Sao**: "Khi tâm tưởng Phật, tâm này làm Phật, tâm này là Phật". Nay kinh này nói "nhất tâm trì danh", do nhất tâm ấy, cuối cùng sẽ thành Phật. Từ nhân đến quả, nên gọi là Làm).*

Sớ và Sao đều do Liên Trì đại sư tự viết. Lời giải thích này đúng là đơn giản, minh bạch. Vì hai câu ấy trong Quán Kinh rất khó hiểu. Thoạt xem thì dường như rất nông cạn, dễ hiểu; thật ra, hết sức sâu xa, uyên áo. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói: *"Hết thảy các pháp do tâm tưởng sanh"*. Đức Phật nói câu này rất nhiều lượt, [vì thế], câu này hết sức trọng yếu. Hết thảy các pháp, bao gồm pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Pháp xuất thế gian như y báo và chánh báo trang nghiêm của Tỳ Lô Giá Na Phật hoặc Tây Phương Cực Lạc thế giới của A Di Đà Phật. Đó là nhìn lên trên. Nhìn xuống dưới, thì là lục đạo chúng sanh trong hết thảy các thế giới, cho đến ba ác đạo. Hết thảy các pháp do đâu mà có? Từ tâm tạo ra. Kinh Hoa Nghiêm dạy: *"Ưng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo"* (Hãy nên quán tánh pháp giới, hết thảy chỉ do tâm tạo). Kinh luận Pháp Tướng Duy Thức bảo chúng ta: *"Tâm năng hiện tướng, thức năng biến dị"* (Tâm có thể hiện tướng, thức có thể biến đổi khác), *"hiện tướng"* là tác dụng của tâm, đó gọi là *"vạn pháp duy tâm"*. Tâm hiện ra, sau khi đã hiện ra, tướng ấy bèn dấy lên sự biến hóa. Biến hóa là tác dụng của điều gì? Thức. *"Vạn pháp duy thức"*, duy tâm sở hiện, duy thức sở biến. Mười pháp giới bất đồng là do thức biến. Thức là tâm tưởng sanh khởi. Tâm tưởng là thức, thức có thể tưởng. Chân tâm bản tánh chẳng tưởng, trong ấy chẳng có tưởng; hiện tướng thì chẳng có tưởng. Do tưởng bèn khởi biến hóa, đó là chân lý. Biết chân lý này, mười pháp giới sanh từ tâm tưởng, tâm chúng ta tưởng Phật bèn biến ra Phật pháp giới. Tưởng A Di Đà Phật bèn biến ra pháp giới của A Di Đà Phật, tưởng Dược Sư Phật bèn biến ra pháp giới của Dược Sư Phật. Tưởng gì biến nấy!

Mười pháp giới do đâu mà có? Chẳng phải do Phật, Bồ Tát kiến tạo mười pháp giới hòng thưởng phạt chúng ta. [Nếu nghĩ như vậy], sai mất rồi! Chẳng có lẽ ấy! [Mười pháp giới] do tâm của chính mình biến

hiện. [Những điều] chúng tôi nghĩ: Nói thật ra, quá phức tạp, đặc biệt là đối với người học Phật; do người học Phật hằng ngày suy tưởng, nên mười pháp giới đều có. Niệm A Di Đà Phật, tưởng Phật, đó là Phật pháp giới. Đợi một lát sau, quên bẵng, muốn đi kiếm tiền, kiếm nhiều hơn một chút, tâm tham dấy lên, ngay lập tức đọa trong ngạ quỷ pháp giới. Gặp chuyện chẳng như ý, nổi cáu, sân hận, đó là địa ngục pháp giới. Nhìn sai sự việc, coi giả là thật, ngỡ thật là giả, chẳng rõ đúng sai, đen trắng điên đảo, đó là súc sanh pháp giới. Từ sáng đến tối, niệm nào cũng đều tưởng. Quý vị tưởng pháp giới nào trong thời gian dài, sức mạnh của sự tưởng pháp giới ấy sẽ to lớn, trong tương lai sẽ là *"cường giả tiên khiên"* (cái nào mạnh bèn lôi đi trước). Khi quý vị thọ quả báo, cái tưởng nào có sức mạnh sẽ lôi quý vị đi thọ báo trước, đạo lý là như vậy đó. Tâm tham nặng nề biến thành ngạ quỷ, tâm sân khuể nặng nề sẽ đọa địa ngục, do ngu si nặng nề bèn biến thành súc sanh. Do nhân luân, đạo đức, Ngũ Giới, Thập Thiện, sẽ được làm thân người, thượng phẩm [Thập Thiện] bèn sanh trong Dục Giới Thiên. Do vậy, hết thảy các pháp đều sanh từ tâm tưởng.

Cũng có lẽ phải hỏi: Phật nhiều ngần ấy, thế giới Phật lắm như thế, vì sao cứ khăng khăng bảo chúng ta tưởng A Di Đà Phật? Thật ra, không nhất định! Quý vị tưởng đức Phật khác vẫn được, đều có thể thành tựu. Chúng ta khăng khăng tưởng A Di Đà Phật là vì chúng ta tuân theo lời thầy răn dạy. Thầy dạy như vậy, chúng ta học theo như vậy, chúng ta tôn sư trọng đạo. Huống hồ Bổn Sư Thích Ca giáo huấn chúng ta như vậy, lại còn được mười phương hết thảy chư Phật Như Lai khuyên dạy [như vậy], [tưởng, niệm] A Di Đà Phật há còn có thể sai lầm được ư? Chúng ta đọc kinh luận vãng sanh, biết Phật Di Đà và thế giới chúng ta đặc biệt hữu duyên, lại còn có chuyện thù thắng nhất, khó có nhất là đới nghiệp vãng sanh. Trong các cõi của chư Phật Như Lai khác, chẳng hề nói đới nghiệp vãng sanh. Nói cách khác, nếu quý vị chuyên tưởng, tưởng sẽ sanh ra sức mạnh to lớn, mạnh mẽ. Sức mạnh gì vậy? Đoạn phiền não. Trong tâm quý vị chỉ có một vị Phật này, hết thảy các tạp niệm khác đều chẳng có. Đó là Định. Hễ có công phu định lực này, quyết định có thể vãng sanh.

Chúng ta tưởng A Di Đà Phật mà chẳng đắc Định, là vì sao? Tưởng A Di Đà Phật mà phần lớn thời gian vẫn còn dấy vọng tưởng, cũng có thể vãng sanh, đó gọi là *"đới nghiệp vãng sanh"*. Vì sao dấy những vọng tưởng khác mà vẫn có thể vãng sanh? Kinh Vô Lượng Thọ

đã dạy điều kiện để vãng sanh là *"phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm"*. Chúng ta tin tưởng có Tây Phương Cực Lạc thế giới, tin có A Di Đà Phật, tin A Di Đà Phật tiếp dẫn hết thảy chúng sanh, bao gồm cả bản thân chúng ta trong số đó, phát nguyện quyết định cầu sanh Tịnh Độ, đó là *"phát Bồ Đề tâm"*. Công phu tu hành là *"một mực chuyên niệm"*. Trong chú giải kinh Vô Lượng Thọ, cư sĩ Hoàng Niệm Tổ khi chú giải đoạn kinh này, đã trích dẫn khai thị của cổ đức: Người dẫu công việc rất bề bộn, chọn lựa pháp Sáng Chiều Mười Niệm của pháp sư Từ Vân, thọ trì cho đến hết đời chẳng thiếu ngày nào, cũng phù hợp với [yếu chỉ] *"một mực chuyên niệm"*. Dựa trên trường hợp này để suy diễn, tôi dạy chư vị đồng tu pháp Thập Niệm, mỗi ngày chín lượt, chẳng thiếu lượt nào, đương nhiên càng phù hợp [yếu chỉ] *"một mực chuyên niệm"*. Nếu thật sự suốt đời chẳng thiếu một lượt nào, quyết định được vãng sanh. Cách niệm này so với cách niệm mười hơi của ngài Từ Vân Quán Đảnh, mỗi ngày chỉ niệm hai lần, hiệu quả phải to hơn. Vì sao? Thời thời khắc khắc nhắc nhở [chúng ta] tưởng A Di Đà Phật. Khi tâm tưởng Phật, thời gian ngăn cách rất ngắn, lập tức buông xuống hết thảy để chuyên tưởng Phật. Tuy thời gian rất ngắn, người ấy chuyên ròng, chẳng có tạp niệm; vì thế, hiệu quả hết sức mạnh mẽ mà hữu lực. Quý vị hãy dùng phương pháp này để tu. Khi tâm tưởng Phật, tâm chúng ta bèn hiện cảnh giới Phật; đó là *"tâm này làm Phật, tâm này là Phật"*. Đối với *"tâm làm, tâm là"*, sách Diễn Nghĩa có chú giải.

***(Diễn) Tâm tưởng Phật thời, thị tâm tác Phật giả, Quán Kinh vân: "Nhữ đẳng tâm tưởng Phật thời, thị tâm tức thị tam thập nhị tướng, bát thập tùy hình hảo, thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật".***

**(演)心想佛時，是心作佛者，觀經云：汝等心想佛時，是心即是三十二相八十隨形好，是心作佛，是心是佛。**

*(**Diễn**: "Khi tâm tưởng Phật, tâm này là Phật": Quán Kinh nói: "Khi tâm các ông tưởng Phật, tâm này chính là ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo, tâm này làm Phật, tâm này là Phật").*

Đó là kinh văn trích từ Quán Kinh.

***(Diễn) Kim thích thị tâm tác Phật giả, Tác hữu nhị nghĩa.***

**(演)今釋是心作佛者，作有二義。**

***(Diễn**: Nay giải thích câu "tâm này làm Phật", Tác có hai nghĩa).*

*"Tác"* có hai ý nghĩa.

***(Diễn) Nhất, tịnh tâm năng cảm tha phương ứng Phật, cố danh "thị tâm tác Phật", tức sớ văn sở vị "Phật bổn thị vô, tâm tịnh cố hữu" dã.***

**(演)一、淨心能感他方應佛，故名是心作佛，即疏文所謂佛本是無，心淨故有也。**

***(Diễn**: Một là tịnh tâm có thể cảm ứng Phật ở phương khác, nên gọi là "tâm này làm Phật", tức là như lời Sớ đã viết: "Phật vốn là không, do tâm tịnh mà có").*

Phật chẳng có thân, người sơ học nghe nói "chẳng có thân" đều sợ hãi. Chẳng có thân đáng ngán quá! Luôn mong có cái thân, đó là gì? Thân Kiến, Ngã Chấp, vì quan niệm ấy quá kiên cố, khiến cho quý vị từ vô lượng kiếp tới nay đời đời kiếp kiếp đều lưu chuyển trong luân hồi, vĩnh viễn chẳng thể vượt thoát. Do nguyên nhân gì? Đó là do sức mạnh to lớn, mạnh mẽ lôi kéo quý vị, quý vị chẳng có cách nào thoát lìa. Khi Phật giáo chưa truyền đến Trung Hoa, Lão Tử của Đạo Gia đã từng nói một câu: *"Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân"*, [tức là] Ngài nói ta có mối lo âu lớn nhất là ta có thân. Thân đúng là mối họa hoạn lớn! Chẳng trừ Thân Kiến, không chỉ chẳng thể thoát khỏi tam giới, mà Sơ Quả còn trọn chẳng thể chứng đắc, vì Sơ Quả phải đoạn Hoặc. Trong tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, điều thứ nhất là đoạn Thân Kiến. Do vậy, Phật chẳng có thân, Phật là tận hư không khắp pháp giới không nơi đâu chẳng tồn tại, giống như hư không, nơi nào có cảm, liền hiện thân nơi đó, tuyệt diệu! Vì chẳng có thân, cho nên có thể hiện hết thảy thân. Kinh Lăng Nghiêm nói: *"Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng"* (Tùy thuận cái tâm của chúng sanh mà ứng hiện phù hợp với khả năng nhận biết của họ). *"Ứng"* (應) là Ứng Thân, Ứng là tương ứng với tâm cảm của chúng sanh. Tâm chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng. Phật và Bồ Tát, như Quán Thế Âm Bồ Tát đều là chẳng có thân; nơi nào có niệm, các Ngài bèn hiện thân nơi đó. Các Ngài không nơi đâu chẳng tồn tại, không chỗ nào chẳng hiện thân, điều này được gọi là *"đắc đại tự tại"*! Chúng ta luôn chấp trước thân này là chính mình. Vì thế, chẳng thể hiện thân thứ hai, chẳng thể hiện thân tận hư không khắp pháp giới, khổ quá! Tổn thất to

tát! Vì thế, [phải biết] Phật là chân tâm, là bản tánh. Đây là ý nghĩa thứ nhất [của chữ Tác]. Nói theo Lý, tâm chúng ta thanh tịnh, tâm thanh tịnh bèn có cảm ứng. Vì sao? Vì chẳng có chướng ngại.

Phật, Bồ Tát chẳng có thân tướng, tận hư không khắp pháp giới đều là [thân tướng của các Ngài], có mối quan hệ hết sức mật thiết với chúng ta. Chướng ngại ở chính bản thân chúng ta. Bản thân chúng ta tâm chẳng thanh tịnh, chướng ngại ở chính nơi chúng ta. Tâm chúng ta chẳng thanh tịnh, đó là chướng ngại. Vì thế, Phật, Bồ Tát chẳng thể hiện thân, sự cảm ứng giữa chúng ta và các Ngài bị ngăn ngại. Tâm thanh tịnh, sự chướng ngại ấy chẳng còn nữa. Vì thế, ta tưởng Phật, Phật liền hiện tiền; tưởng Bồ Tát, Bồ Tát liền hiện tiền, cảm ứng đạo giao. Chư vị phải đặc biệt chú ý: Tâm phải thật sự thanh tịnh. Nếu tâm chẳng thật sự thanh tịnh, vừa tưởng Phật, Phật liền hiện tiền, tưởng Bồ Tát, Bồ Tát hiện tiền, đó toàn là ma biến hóa, chẳng phải là Phật [hoặc Bồ Tát ứng hiện thật sự], phải chú ý chỗ này! Cảm ứng thì nhất định là cảm và ứng đều là đúng lý, đúng pháp, [nếu đúng lý, đúng pháp] thì là thật. Nếu không, giả trất. Kinh Lăng Nghiêm có nói năm mươi loại Ấm Ma, trong mỗi một loại đều có vô lượng vô biên [loại Ma nhỏ hơn], ma chướng tầng tầng. Ngàn muôn phần đừng nên coi ma là Phật! Ma có thể lừa gạt kẻ khác, chướng ngại quý vị. Ma có thể biến hiện thân tướng Phật hoặc Bồ Tát để dụ dỗ, mê hoặc quý vị. Quý vị đọc kinh Lăng Nghiêm, thấy cảnh giới của Ấm Ma, đúng là chúng ta chẳng có năng lực phân biệt chúng nó là ma. Chúng hiện cảnh giới gần giống hệt như Phật. Chúng nó biến hiện, chẳng phải [là cảnh giới Phật] thật sự, nhằm lừa phỉnh, dụ dỗ, mê hoặc quý vị.

Kinh Lăng Nghiêm dạy chúng ta một nguyên tắc: Cảnh giới hiện tiền, chẳng cần quan tâm đến, nó sẽ là cảnh giới tốt đẹp. Cảnh giới hiện tiền mà chẳng quan tâm tới thì Phật cũng thế, ma cũng vậy, thảy đều chẳng đoái hoài, ta vẫn nhất tâm niệm A Di Đà Phật, đó là đúng. Cảnh giới hiện tiền, chớ nên sanh tâm hoan hỷ. Sanh tâm hoan hỷ, sanh tâm nhiễm trước, quý vị sẽ bị lừa, nhất định phải biết điều này. Đối với sự cảm ứng, Phật, Bồ Tát hiện cảnh giới, đó là chuyện rất bình thường, chẳng có gì hiếm hoi, kỳ lạ, cũng chẳng có gì là lỗi lạc! Bất cứ người nào tâm thanh tịnh đều có thể cảm Phật hiện thân, có gì hiếm hoi, lạ lùng đâu nhỉ? Thường là người trông thấy cảnh giới ấy, [bèn dấy lên vọng tưởng]: "Ta thấy Phật, công phu của ta tốt đẹp, các ngươi chẳng bằng ta", ngay lập tức bị ma dựa. Vì sao? Tâm chẳng thanh tịnh, nhiễm trước, kiêu

căng, ngã mạn sanh khởi, coi thường người khác, lập tức bị đọa lạc. Chư vị ắt phải ghi nhớ điều này thì mới chẳng đến nỗi đọa trong ma chướng. Tịnh tâm cảm ứng là chuyện rất dễ dàng, người bình phàm chúng ta đều có thể gặp cơ duyên này.

***(Diễn) Nhị, tam-muội năng thành kỷ chi quả Phật.***

**(演)二、三昧能成己之果佛。**

*(**Diễn**: Hai là tam-muội có thể thành tựu quả Phật của chính mình).*

Cảnh giới này cao lắm, tự mình thành Phật.

***(Diễn) Cố danh thị tâm tác Phật, tức Sớ văn sở vị diệc nhân tam muội tâm chung thành tác Phật dã. Sơ tác tha Phật, thứ tác kỷ Phật.***

**(演)故名是心作佛，即疏文所謂亦因三昧心終成作佛也。初作他佛，次作己佛。**

*(**Diễn**: Cho nên gọi là "tâm này làm Phật", tức là như lời Sớ đã nói: "Cũng do cái tâm tam-muội mà rốt cuộc thành Phật". Thoạt đầu là làm vị Phật khác, kế đó là làm vị Phật của chính mình).*

Hai ý nghĩa ấy. Chính mình thành Phật, Thiền Tông nói hay lắm: *"Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật"*. Nơi nào cơ duyên chín muồi, *"đáng nên dùng thân Phật để đắc độ, bèn hiện thân Phật để thuyết pháp"*. Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo bèn có năng lực hiện thân Phật có ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo để vì chúng sanh thuyết pháp. Đó là ý nghĩa thứ hai của *"tâm này làm Phật"*. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này.

***Tập 240***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm sáu mươi bốn:

***(Diễn) Thị tâm thị Phật giả, Thị diệc nhị nghĩa.***

**(演)是心是佛者，是亦二義。**

*(**Diễn**: "Tâm này là Phật", chữ Là cũng có hai nghĩa).*

Chữ *"Thị"* cũng có hai ý nghĩa.

***(Diễn) Nhất, tâm tức Ứng Phật, cố danh "thị tâm thị Phật", tức Sớ văn sở vị "hướng văn Phật bổn thị vô, tâm tịnh cố hữu", tiện vị điều nhiên hữu dị. Cố ngôn tức thị Ứng Phật, tâm ngoại vô Phật dã.***

**(演)一、心即應佛，故名是心是佛，即疏文所謂向聞佛本是無，心淨故有，便謂條然有異，故言即是應佛，心外無佛也。**

*(**Diễn**: Một, tâm chính là Ứng Thân của Phật, nên gọi là "tâm này là Phật", tức là như lời Sớ đã viết: "Từng nghe Phật vốn là chẳng có, do tâm tịnh bèn có Phật", cho nên nói là rành rành có sai khác. Do vậy nói "[tâm] chính là Ứng Phật, ngoài tâm chẳng có Phật").*

*"Tâm này là Phật"* cũng có hai ý nghĩa. Một là Ứng Hóa Thân của Phật. Tâm vốn chẳng có tướng. Tuy chẳng có tướng, nó có thể tùy duyên hiện tướng. Tướng hiện ra được gọi là Ứng Thân Phật. Vì sao gọi là Ứng Thân? Do cảm ứng mà hiện. Giống như cái chuông này, chuông chẳng có âm thanh, khi quý vị gõ nó bèn có âm thanh. Gõ mạnh, tiếng chuông kêu to, gõ nhẹ, tiếng chuông kêu nhỏ. Quý vị gõ chuông là cảm, tiếng chuông là ứng. Quý vị chẳng gõ, do không gõ bèn chẳng có âm thanh. Phật cũng giống như thế, khi chúng sanh chẳng có cảm, Phật chẳng hiện thân, Phật chẳng có thân tướng. Chúng sanh có cảm, Phật bèn hiện tướng, Ngài bèn hồi ứng giống hệt. Đúng như kinh Lăng Nghiêm đã nói: *"Tùy thuận cái tâm của chúng sanh, ứng với khả năng nhận biết của họ"*. Tâm chúng sanh bất đồng; vì thế, Phật hiện hình tướng khác nhau. Chúng sanh trong chín pháp giới có cảm, Phật liền hiện thân trong chín pháp giới, giống như phẩm Phổ Môn đã nói: *"Đáng nên dùng thân Phật để độ, bèn hiện thân Phật để thuyết pháp"*, *"hiện"* (現) là ứng hiện. Quyết chẳng phải là Phật hữu tâm, Phật nói: "Người ấy cầu ta, ta phải ngay lập tức hiện đến". Nếu Ngài có tâm ấy, sẽ là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm, vì chân tâm chẳng có niệm. Vì Ngài chẳng có niệm, nên mới có ứng. Lại còn ứng rất nhanh chóng, do nguyên nhân nào? Vì chân tâm trọn khắp hết thảy mọi chỗ, không đâu chẳng tồn tại. Do vậy, sự ứng hiện của Ngài là *"sanh ra từ nơi đâu, bèn diệt mất ngay nơi đó"*, chẳng có đến đi. Chúng ta là người niệm Phật vãng sanh Tây Phương, A Di Đà Phật từ Tây Phương Cực Lạc thế giới đến đón tiếp chúng ta, có chuyện như vậy hay không? Chẳng phải vậy! Từ nơi xa xôi

ngần ấy cớ sao Phật có thể đến nơi đây? Thân tướng của Phật ngay lập tức ở trước mắt, vì sao? Pháp Thân của A Di Đà Phật tận hư không khắp pháp giới. Chúng ta ở nơi đây có cảm, Phật ngay lập tức có ứng. Cổ nhân nói: *"Sanh thì quyết định sanh, đi thì thật sự chẳng đi"*. Do vì chẳng có đến đi, chuyện này rất kỳ diệu, kiến thức thông thường của lũ phàm phu chúng ta chẳng thể hiểu được. Vì thế, đó là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, là chân thật. Tâm có thể hiện tướng, có thể hiện hết thảy các tướng. Đó là Ứng Phật (Ứng Hóa Thân của Phật). *"Tâm này là Phật"*, tâm ấy là Ứng Phật. Ngoài tâm chẳng có Phật, ngoài Phật cũng chẳng có tâm. Đó là ý nghĩa thứ nhất.

***(Diễn) Nhị, tâm tức Quả Phật, cố danh "thị tâm thị Phật", tức Sớ văn sở vị "diệc vô Phật chi nhân" dã. Sơ thị Ứng Phật, nhị thị Quả Phật, thử ước tức Ứng tức Quả thích Thị dã.***

**(演)二、心即果佛，故名是心是佛，即疏文所謂亦無佛之因也。初是應佛，二是果佛，此約即應即果釋是也。**

*(**Diễn**: Hai, tâm chính là Quả Phật, vì thế gọi là "tâm này là Phật", tức là như lời Sớ đã viết: "Cũng không có cái nhân của Phật vậy". Thứ nhất là Ứng Thân Phật, thứ hai là Quả Phật. Đây là ước theo ý nghĩa [nhất tâm] chính là Ứng Phật và Quả Phật để giải thích chữ Thị).*

Nhà Thiền thường nói: *"Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật"*. Quả Phật là chính mình. Khi hết thảy chướng ngại trong tâm tánh của chính mình đều trừ hết sạch, lúc Tánh Đức viên mãn hiện tiền, bèn gọi là *"thành Phật"*. Tâm là Phật, Phật là tâm, đấy là chính mình thành Phật. Ứng Phật trong phần trước là Tha Phật, thuận theo tâm chúng sanh mong mỏi [Phật sẽ] sanh khởi mà hiện ra Ứng Thân Phật. Tự Phật và Tha Phật đều là ý nghĩa *"tâm này là Phật"*.

***(Sao) Kim vị thử kinh nhất tâm trì danh, diêu thử nhất tâm, chung đương tác Phật, tùng nhân chí quả, danh chi viết Tác.***

**(鈔)今謂此經一心持名，繇此一心，終當作佛，從因至果，名之曰作。**

*(**Sao**: Nay nói đến nhất tâm trì danh trong kinh này, do nhất tâm mà cuối cùng sẽ thành Phật, từ nhân cho đến quả, nên gọi là Làm).*

Ở đây, Liên Trì đại sư giảng giải ý nghĩa thật sự. Trong phần trước, Ngài đã trích dẫn Quán Kinh để làm một đại tiền đề, rồi mới nói đến điều khai thị khẩn yếu trong bộ kinh này. Chủ trương của kinh này là *"nhất tâm trì danh"*, hãy chú ý *"nhất tâm"*. *"Nhất tâm"* là chẳng có tạp niệm, chẳng có hoài nghi, chính là *"tịnh niệm"* như Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói. *"Tịnh niệm"* là nhất tâm, chẳng hoài nghi, không xen tạp. Câu này hết sức quan trọng, là mấu chốt tu hành trong tông này. Nếu quý vị hiểu rõ và làm được, lúc cái tâm tưởng Phật sẽ là tâm này làm Phật. Giống như Quán Kinh đã nói: *"Tâm này chính là ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo"*, ngay lập tức [tâm này] chính là [Phật]! *"Ngay lập tức chính là"* (Đương hạ tức thị) thì bản thân chúng ta chẳng có cách nào phát hiện. Vì sao? Vì thời gian quá ngắn ngủi, tạm bợ, đến niệm thứ hai, niệm thứ ba, vọng tưởng lại dấy lên, lại chẳng làm Phật được! Nguyên nhân là ở chỗ này. Nếu có thể liên tục nhất tâm trì danh, niệm niệm liên tục, chẳng gián đoạn, "làm Phật" sẽ hết sức rõ rệt. Có thể bất thoái chuyển, sẽ một mực làm Phật, chẳng bị thoái đọa vào lục đạo. Không chỉ là chẳng thoái đọa trong lục đạo, ngay cả Tiểu Thừa lẫn Đại Thừa cũng đều chẳng làm, chỉ làm Phật. Mấu chốt ở ngay trong câu này. Vì thế, câu này hết sức trọng yếu, chính là nhất tâm xưng niệm.

*"Diêu thử nhất tâm, chung đương tác Phật, tùng nhân chí quả"* (Do bởi nhất tâm, cuối cùng sẽ làm Phật, từ nhân tới quả), câu này có ý nghĩa hàm súc sâu xa. Chỉ cần có thể gìn giữ nhất tâm, *"từ nhân tới quả"* là chẳng gián đoạn, là liên tục. Tín, nguyện, nhất tâm xưng niệm, đó là nhân, vì chỉ cần gìn giữ cái nhân ấy, niệm niệm chẳng để mất, điều quý vị đạt được trong giai đoạn thứ nhất là công phu thành phiến. Công phu thành phiến là công phu cạn nhất trong Niệm Phật tam-muội, cổ đại đức cũng gọi cảnh giới ấy là nhất tâm bất loạn, nhưng là nhất tâm bất loạn ở mức độ nông cạn. Nhất tâm bất loạn có thứ tự cạn hay sâu, cũng chia ra rất nhiều cấp bậc. Kinh thường nói là chín bậc, tức là chia Sự nhất tâm thành chín cấp bậc. Đây là cấp bậc đầu tiên, sơ đẳng, tức là công phu thành phiến. Gọi là "công phu thành phiến", có nghĩa là tín, nguyện, trì danh của chúng ta có thể hàng phục phiền não, chưa đoạn, nhưng đã chế ngự phiền não. Đó là Sự nhất tâm sơ cấp, do công phu này bèn có thể vãng sanh. Chế phục phiền não bèn có thể vãng sanh. Có thể thấy sự tu trì trong Tịnh Tông dễ hơn những pháp môn khác. Trong các pháp môn khác, với công phu này, sẽ chẳng thể thành tựu, nhất định là phải đoạn phiền não thì mới có thể thoát tam giới. Chẳng đoạn phiền não,

chẳng có lẽ nào thoát khỏi tam giới được! Tam Quả trong Tiểu Thừa rất lỗi lạc, đã đoạn Kiến Hoặc, đoạn một nửa Tư Hoặc, chẳng thoát khỏi tam giới, vẫn ở trong nhân gian, qua lại trong cõi trời người để tu hành. Nhưng vị ấy quyết định chẳng đọa trong ba ác đạo, nhất định phải là đến mức đoạn sạch Tư Hoặc, đoạn sạch Kiến Tư phiền não, thì mới có thể vượt thoát lục đạo luân hồi, rất ư là khó! Rốt cuộc là khó như thế nào, mọi người hãy tự thử xem sẽ biết! Quý vị chẳng thử, sẽ chẳng biết khó khăn ở chỗ nào. Có làm thử mới biết một phẩm phiền não cũng đoạn không xong! Đối với Kiến Tư phiền não, trước hết là đoạn Kiến Hoặc, rồi đoạn Tư Hoặc. Trong Kiến Hoặc, điều thứ nhất là Thân Kiến. Thân Kiến là gì? Coi thân thể này là ta, khởi tâm động niệm đều ngỡ đó là ta. Quý vị hãy thử xem, khi nào quý vị thật sự đạt được vô ngã, vô ngã thì mới là đoạn hết Thân Kiến, thật là khó! Sau đó, nhìn lại Tịnh Tông, quý vị mới biết nó dễ dàng, mới biết vì sao chư Phật, Bồ Tát phải tán thán pháp môn này. Pháp môn này dễ dàng, chỉ cần chế phục, sơ phẩm Sự nhất tâm thường được người Hoa gọi thông tục là "công phu thành phiến". Trong kinh, xác thực là chẳng có danh từ "công phu thành phiến", đó là Sự nhất tâm ở mức độ nông cạn nhất, sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Sự nhất tâm ở mức độ sâu, tức Sự nhất tâm thượng phẩm, đoạn hết Kiến Tư phiền não, sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, khác hẳn! Tịnh Độ thù thắng không do hai cõi trên, mà ở ngay trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, hết sức đặc thù, bất đồng vời vợi so với những cõi Phàm Thánh Đồng Cư trong các thế giới của mười phương chư Phật. Vì thế, [pháp môn Tịnh Độ] mới có thể phổ độ chúng sanh.

Nhất tâm trì danh, từ nhân tới quả, liên tục chẳng đoạn, bèn gọi là Tác. Rõ rệt nhất là như Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói. Đại Thế Chí Bồ Tát xác thực từ nhân tới quả là nhất tâm trì danh. Ngài chẳng dùng pháp môn thứ hai, một câu Phật hiệu cứ niệm đến cùng, từ sơ phát tâm mãi cho đến khi viên thành Phật đạo, sau đấy, phổ độ chúng sanh. Phương pháp đơn giản như thế đó, thật sự chẳng thể nghĩ bàn, tâm này làm Phật. *"Tâm này làm Phật, tâm này là Phật"* có thể thấy thật rõ ràng, thật minh bạch trong cảnh giới của Đại Thế Chí Bồ Tát.

***(Sao) Tức thử nhất tâm, toàn thể thị Phật, phi nhân, phi quả, danh chi viết Thị.***

***(Diễn) Tức thử nhất tâm, toàn thể thị Phật tứ cú, nhất tâm tức Chân Như pháp tánh thân dã.***

**(鈔)即此一心，全體是佛，非因非果，名之曰是。**

**(演)即此一心，全體是佛四句，一心即真如法性身也。**

*(**Sao**: Tức là toàn thể của nhất tâm chính là Phật, chẳng phải là nhân, chẳng phải là quả, nên gọi là Thị.*

***Diễn**: Bốn câu "toàn thể của nhất tâm chính là Phật": Nhất tâm chính là Chân Như pháp tánh thân).*

Đại Thừa Phật pháp thường nói đến nhất tâm, chân tâm, bản tánh, Chân Như, pháp giới, Pháp Thân, cả một đống lớn những danh từ ấy đều nhằm nói về một chuyện. Là một chuyện, cớ sao đức Phật nói ra lắm danh từ ngần ấy? Đó là phương pháp dạy học thù thắng của đức Phật nhằm phá trừ sự chấp trước của lũ chúng ta, bảo cho chúng ta biết những danh từ và danh tướng đều là giả, chỉ cần thấu hiểu ý nghĩa thật sự được biểu đạt bởi chúng, chớ nên chấp trước danh tướng, chớ nên chấp trước ngôn ngữ. Những thứ ấy đều là giả, đều chẳng có ý nghĩa, quý vị phải từ giả danh và ngôn từ mà lãnh hội ý nghĩa chân thật của chúng. Đó là sự khéo léo trong phương pháp giáo học. Chẳng như những danh từ trong thế gian vẫn phải thống nhất, thống nhất là gì? Thống nhất là một thứ chấp trước. Thống nhất là một loại thành kiến, phiền toái! Đức Phật phá tan thành kiến và chấp trước của chúng ta, đó là chỗ khác biệt với pháp thế gian. Vì vậy, cùng một chuyện mà đức Phật dùng khá nhiều phương pháp để nói rõ, dùng khá nhiều danh từ và thuật ngữ để thuyết minh.

Sau đấy, chúng ta hiểu: Nhất tâm là Chân Như, nhất tâm là Pháp Thân, chân tâm, bản tánh, Pháp Thân, há còn có tu hay chứng gì nữa? Trong Đàn Kinh, Lục Tổ chỗ nào cũng chỉ bảo, cảnh tỉnh chúng ta: Hãy quyết định chớ nên chấp trước. Khi kiến tánh, Ngài nói: *"Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn thanh tịnh"*. Nếu trong tâm thanh tịnh có tu và có chứng, sẽ là hai pháp. Tổ bảo pháp sư Ấn Tông: *"Phật pháp là pháp bất nhị. Nhị sẽ chẳng phải là Phật pháp"*. Hai là mê, một là giác ngộ. Đối với cái Một ấy, nếu "một" là do đối ứng với hai mà chấp một, thì vẫn là mê! Hễ có một bèn có hai, vẫn rớt vào trong hai pháp. Cái Một ấy là một tuyệt đối, chẳng phải là Một trong tương đối. Một tương đối thì vẫn là mê. Bọn phàm phu chúng ta đọc Đàn Kinh, đọc câu này của Tổ vẫn mê, [bởi lẽ, nó] chẳng phải là cảnh giới của chính mình. Câu nói ấy được dẫn khởi như thế nào? Sư Ấn Tông nghe nói tổ Huệ Năng đắc pháp từ ngài Hoàng Mai (Ngũ Tổ), muốn hỏi dò: "Thông thường, Ngũ Tổ thuyết pháp

có nói đến giải thoát và Thiền Định hay không?" Lục Tổ bảo Sư: *"Thiền Định và giải thoát là hai pháp, Phật pháp là pháp bất nhị"*. Chỉ điểm, cảnh tỉnh Sư: Trong tâm ông vẫn là cầu pháp bên ngoài. "Hai" chính là cầu pháp ngoài tâm.

Nhất tâm chẳng dễ hiểu, vì sao? Chúng ta thấy nhất tâm, còn có ý niệm: "Đây là nhất tâm", có một cảnh giới, có một quan niệm, đã chẳng phải là nhất tâm từ lâu mất rồi! Đúng là nhất tâm thì trong ấy quyết định chẳng có một niệm, đó là nhất tâm trì danh, là thật thà niệm Phật. Có rất nhiều người đến chỗ tôi hỏi này hỏi nọ, tôi dùng một câu để trả lời chung: *"Đều chẳng phải là thật thà, đều chẳng phải là nhất tâm, mà là đang loạn tâm niệm Phật"*. Nếu kẻ ấy nhất tâm niệm, lấy đâu ra vấn đề? Tuyệt đối sẽ chẳng có vấn đề nào! Nhất tâm niệm, người ấy sẽ thật sự là thật thà, sẽ chẳng hỏi ai khác. Đừng nói là họ chẳng cần hỏi tôi, [ngay cả] A Di Đà Phật ngồi nơi đó, người ấy cũng chẳng hỏi, chẳng thưa hỏi một câu nào cả! Hễ còn có khởi tâm động niệm, đều là không thật thà, đều là loạn tâm, chẳng phải là nhất tâm. Do vậy, ở trong ấy phải chú tâm lãnh hội: Trong nhất tâm, chẳng có tu, chẳng có chứng. Tu và chứng là hai pháp. Hai pháp sẽ chẳng phải là Phật pháp, lấy đâu ra tu và chứng?

***(Diễn) Bất thiệp trình đồ.***

**(演)不涉程途。**

*(**Diễn**: Chẳng dính dáng đến khoảng cách xa hay gần).*

Trong kinh, đức Phật đã nói: Tây Phương Cực Lạc thế giới cách nơi đây mười vạn ức cõi Phật, đó gọi là *"trình đồ"*. *"Trình"* (程) là lộ trình, [ý nói] đường sá xa xôi. Trong nhất tâm chẳng có xa, gần, chẳng có lớn, nhỏ. Lớn và nhỏ là hai pháp. Xa, gần là hai pháp. Nói chung, hai pháp chẳng phải là Phật pháp. Chẳng phải là Phật pháp sẽ không phải là nhất tâm, nhất tâm là Phật pháp. Do vậy có thể biết: Trong tâm chúng ta có hai niệm; hễ có hai niệm, sẽ chẳng phải là chân tâm. Trong chân tâm, quyết định chẳng có hai niệm, đó là then chốt [quyết định] mê hay ngộ trong tu hành. Người ngộ là ngộ như thế nào? Kẻ mê là mê như thế nào? Mấu chốt ở ngay nơi đây.

Do vậy có thể biết: Trong kinh luận, chư Phật, Bồ Tát thường nói, loạn tâm chẳng thể thành tựu! *"Từ nhân tới quả"* hoàn toàn là chuyện của chính mình, Phật, Bồ Tát chẳng thể giúp đỡ được, nhất định phải cậy vào chính mình. A Di Đà Phật từ bi đến tột bậc, vẫn phải là chính mình

chế phục phiền não thì Ngài mới giúp đỡ được. Quý vị chẳng chế phục phiền não, dẫu A Di Đà Phật từ bi cũng chẳng thể giúp được. So với các pháp môn khác, pháp này đúng là dễ dàng hơn nhiều lắm. Trong các pháp môn khác, quý vị ắt phải đoạn trừ Kiến Tư phiền não, Phật, Bồ Tát mới có thể giúp quý vị. Chưa đoạn Kiến Tư phiền não, chẳng thể giúp được! [Trong pháp môn Tịnh Độ], A Di Đà Phật chỉ cần quý vị chế phục [phiền não], chẳng cần đoạn; hễ chế phục sẽ giúp đỡ được! Có thể thấy là công phu cơ bản nhất định phải cậy vào chính mình. Cậy vào người khác sẽ không được, phải biết điều này. Nhất tâm là chân tâm, bản tánh; triết học gọi nó là bản thể của vũ trụ, trong ấy chẳng có tu - chứng, chẳng có gần - xa (*"trình đồ"* là xa hay gần).

***(Diễn) Toàn thể thị Phật.***
**(演)全體是佛。**
*(**Diễn**: Toàn thể là Phật).*

*"Phật"* có nghĩa là giác. Nói cách khác, toàn thể của nhất tâm là giác. Nếu Ngài chẳng giác, chúng sanh có cảm, làm sao Ngài có thể ứng cho được? Có giác thì mới có ứng. Giác chẳng phải là biết, trong ấy có sai biệt, giác là trí huệ chân thật, tức trí huệ Bát Nhã. Thuở tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm, thời gian giảng Bát Nhã chiếm hai mươi hai năm, gần như chiếm mất nửa thời gian Ngài hoằng pháp lợi sanh. Mọi người biết Bát Nhã giảng Không, [nếu] Không [chỉ đơn giản] là "thứ gì cũng đều chẳng có", đứa trẻ lên ba cũng hiểu, cần gì phải giảng mất hai mươi hai năm? Lão nhân gia giảng Không, Không là Có, Có là Không. Có và Không là một chuyện, chẳng phải là hai chuyện. Nói kiểu này khiến cho chúng ta hồ đồ, càng nói càng khó hiểu, cho nên mới tốn thời gian hai mươi hai năm để khiến cho chúng ta thật sự hiểu rõ Không và Có là một chuyện. *"Không"* là Căn Bản Trí, *"Có"* là Hậu Đắc Trí. Tổng cương lãnh của Bát Nhã là *"Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết"*. Vô tri là Không, không gì chẳng biết là Có. Vô tri và hữu tri đều gọi là Giác.

Vì thế, Giác ở đây chẳng phải là giác như trong quan niệm hiện thời của chúng ta. Giác trong quan niệm hiện thời của chúng ta sanh từ ý thức. Giác như đức Phật đã nói thì lìa tâm ý thức, vốn trọn đủ trong tự tánh, đó mới là Chánh Giác, chẳng do tu được. Toàn thể là giác, toàn thể là Phật, toàn thể đều có thể hiện tướng.

***(Diễn) Nhược ngôn thị nhân, đối quả ngôn nhân, ký vô đương quả, nhân thị thùy nhân.***

**(演)若言是因，對果言因，既無當果，因是誰因。**

*(**Diễn**: Nếu nói là nhân [thì là] đối với quả mà nói nhân. Đã không là quả thì nhân là cái nhân nào?)*

Nhân và quả là hai pháp, hai pháp chẳng phải là Phật pháp. Trong tự tánh, chẳng nói tới quả. Chẳng nói tới quả, lấy đâu ra nhân? Do vậy, cũng chẳng có nhân quả. Chư vị phải hiểu: Chứng đắc đến quả vị rốt ráo, nhân lẫn quả chẳng có, đó là cảnh giới Thường Tịch Quang Tịnh Độ trong Tịnh Độ. Từ Thật Báo trở xuống đều có nhân quả; chúng có tướng, hễ có tướng bèn có nhân quả. Trong kinh, đức Phật có nói: Tướng của cõi Thật Báo là hữu sanh vô diệt; hiện tướng (tướng biến hiện) của cõi Phương Tiện và cõi Đồng Cư là có sanh, có diệt. Đối với các hiện tượng như chúng ta thấy trong hiện thời, hết thảy muôn hình tượng đều có sanh và diệt. Cõi Thật Báo hữu sanh vô diệt; cõi Thường Tịch Quang chẳng có sanh mà cũng chẳng có diệt, sanh lẫn diệt đều chẳng có. Đấy là nói tới cảnh giới Thường Tịch Quang, nói đến sự viên mãn rốt ráo. Do vậy, nhân lẫn quả cũng chẳng có.

***(Diễn) Nhược ngôn thị quả, đối nhân ngôn quả, ký vô tiền nhân, quả thị thùy quả? Cố danh Thị dã.***

**(演)若言是果，對因言果，既無前因，果是誰果。故名是也。**

*(**Diễn**: Nếu nói là quả, là do đối với nhân mà nói quả. Đã không có nhân trước thì quả là quả nào? Vì thế, gọi là Thị).*

Nhân quả cũng chẳng có, rốt cuộc là gì? Bất đắc dĩ nói một câu: "Chỉ là nhất tâm", hoặc nói "chỉ là nhất giác", "chỉ là nhất Phật". Những lời ấy đều rất miễn cưỡng, rất bất đắc dĩ mà thốt ra, quyết định chớ nên chấp trước. Nghe xong, quyết định chớ nên khởi tâm động niệm. Đó là Thị, *"tâm này là Phật"*.

Tôi nói đoạn này, tự mình cảm thấy đã nói rất minh bạch, nói rất rõ ràng. Sợ là quý vị nghe xong vẫn mơ mơ màng màng, vẫn chẳng hiểu rõ lắm! Xác thực là khó hiểu, khó ở chỗ nào? Chúng ta có thể nói: Chẳng nói tới quá khứ, quá khứ đều quên hết. Nói về một đời này thì từ lúc sanh ra cho đến nay đều chưa có kinh nghiệm ấy, đều chẳng có kiến thức

thông thường ấy, đột ngột nghe tới cảnh giới này, đúng là "đọa trong sương mù dầy năm dặm", có hiện tượng ấy! Hiện tượng ấy cũng là bình thường, ắt cần phải có công phu từng trải kha khá, *"từng trải"* là niệm Phật. Khi niệm đến mức tâm thanh tịnh, quý vị có thể lãnh hội đôi chút ý nghĩa, đó là chân tướng của vũ trụ và nhân sinh.

***(Sớ) Hựu thử nhất tâm, tức Định trung chi Định cố.***
***(Sao) Định trung Định giả, dĩ định tán phán chi.***
**(疏)又此一心，即定中之定故。**
**(鈔)定中定者，以定散判之。**
*(**Sớ**: Lại nữa, nhất tâm chính là Định trong các loại Định.*
***Sao**: "Định trong các loại Định" là dùng Định và Tán để xét đoán).*

Tương phản của Định là tán loạn, cái đối lập với tán loạn là Định.

***(Sao) Tu dư thiểu thiện phước giả, tán thiện dã. Nhất tâm bất loạn giả, định thiện dã.***
**(鈔)修餘少善福者，散善也；一心不亂者，定善也。**
*(**Sao**: Tu những điều thiện phước ít ỏi khác, sẽ là tán thiện. Nhất tâm bất loạn là định thiện).*

*"Tán thiện"* là gì? *"Định thiện"* là gì? Nói thật ra, mấu chốt trong tu hành là tâm. Tán tâm thì tu pháp môn gì cũng đều tản mạn. Tâm định, tu hết thảy các pháp đều là định. Trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện đã nêu bày điều này rõ ràng nhất, hạnh Phổ Hiền từ lễ kính cho đến hồi hướng, những gì Ngài đã tu có khác với phàm phu hay chăng? Chúng ta thấy tượng Phật bèn cung kính đảnh lễ ba lạy, Phổ Hiền Bồ Tát thấy tượng Phật cũng đảnh lễ ba lạy, chẳng phải là giống hệt như nhau ư? Vì sao chúng ta tu đảnh lễ ba lạy chẳng gọi là *"lễ kính chư Phật"*, còn Ngài đảnh lễ ba lạy bèn gọi là *"lễ kính chư Phật"*? Sự giống nhau, tâm khác nhau! Tâm lượng của chúng ta rất nhỏ, có phân biệt, chấp trước, thấy là tượng Phật thì mới lạy, chẳng phải là tượng Phật sẽ không lạy. Có phân biệt, chấp trước thì tâm chẳng rộng; tâm Phổ Hiền Bồ Tát chẳng có phân biệt, chấp trước, tâm Ngài rộng lớn, tận hư không khắp pháp giới là nhất tâm của Ngài. Tâm Phổ Hiền Bồ Tát chính là nhất tâm bất loạn như chúng ta đang nói ở đây, nhất tâm bất loạn là tâm Phổ Hiền. Dùng nhất

tâm bất loạn để tu hết thảy các pháp, sẽ đều là Phổ Hiền hạnh, mới hiểu tông này và Phổ Hiền Bồ Tát có mối quan hệ chặt chẽ như thế nào!

Tán tâm tu hết thảy các hạnh thì đều thuộc loại tán thiện, tán thiện đều gộp chung vào phước báo. Vì sao nói là phước báo? Chẳng thể thoát tam giới, chẳng thể liễu sanh tử, quả báo tu được chính là hưởng phước trong tam giới lục đạo, đó là *"tán thiện"*. Tu tập bằng tán tâm chính là tu bằng cái tâm tạp loạn. Nói rõ ràng hơn, nói minh bạch hơn một chút, nếu chẳng đoạn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì hết thảy các thiện pháp đã tu đều là tán thiện, quả báo sẽ là phước báo hữu lậu trong lục đạo. Nhất tâm bất loạn khác hẳn, trong đoạn tiếp theo còn nói rõ rệt, cặn kẽ hơn: Nhất tâm là Định, tức là Định trong Định. *"Định trong Định"* là tự tánh vốn định. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật thay đổi tên gọi của nó thành Thủ Lăng Nghiêm Đại Định. Ở đây gọi Thủ Lăng Nghiêm Đại Định là *"Định trung Định"*, cũng là nói đến Lý nhất tâm trong nhất tâm bất loạn. Nhất tâm là Định, bất loạn là Huệ. Nhất tâm bất loạn là Định, mà cũng là Huệ, Huệ là Định. Nhất tâm bèn bất loạn, bất loạn bèn nhất tâm. Nhưng quý vị phải hiểu: Bất loạn là Huệ, nhất tâm là Định; Định là Huệ, Huệ là Định. Do vậy có thể biết: Rất nhiều kẻ hiểu lầm, tưởng người niệm Phật chỉ tu một tí Định, hoàn toàn chẳng có trí huệ. Kẻ ấy đã sai lầm, chẳng biết Định tâm khởi tác dụng là Huệ. Người niệm Phật xác thực là *"Định huệ đẳng trì"* (giữ cân bằng Định và Huệ). Trong câu Phật hiệu có đại định viên mãn, có Bát Nhã viên mãn, nhưng rất nhiều kẻ chẳng biết, không chịu tu học, ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ. Vì sao bỏ lỡ? Ít thiện căn và phước đức!

***(Diễn) Nhất tâm bất loạn danh Định giả, tâm duyên nhất cảnh, vô hữu dị niệm, cố ngôn định thiện.***

**(演)一心不亂名定者，心緣一境，無有異念，故言定善。**

*(**Diễn**: "Nhất tâm bất loạn gọi là Định": Tâm duyên một cảnh, chẳng có niệm khác, nên nói là Định Thiện).*

Câu này khiến cho chúng ta được thức tỉnh mạnh mẽ, chúng ta niệm Phật mà chẳng biết định tâm nơi một cảnh giới. Miệng niệm A Di Đà Phật mà tâm duyên khá nhiều cảnh giới, làm sao có thể thành tựu cho được? Ý chí tinh thần chẳng thể tập trung, dùng tâm tán loạn niệm Phật sẽ chẳng thể thành tựu. Dùng tâm tán loạn để tham Thiền, dùng tâm tán

loạn để nghiên cứu Giáo cũng chẳng thể thành tựu. Cổ đức nhấn mạnh *"phải thâm nhập một môn"*, đạo lý ở ngay chỗ này. Thâm nhập một môn là tâm duyên một cảnh giới, dễ dàng thành công, không cần thời gian rất dài, tâm đã được thu thập. Phật pháp nhấn mạnh nguyên tắc này, giáo học của Nho gia cũng chẳng phải là ngoại lệ. Mạnh Tử nói: *"Học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ"* (Đạo học vấn chẳng có gì khác, cốt sao thu hồi cái tâm buông lung mà thôi). *"Phóng tâm"* (放心) là gì? Tâm tán loạn, tâm ấy hướng theo bên ngoài. Học vấn (學問) là gì? Thu hồi cái tâm ấy lại, khiến cho nó quy nhất, có ý nghĩa này. *"Tâm duyên một cảnh"* chính là như Mạnh Tử nói "thâu hồi cái tâm buông lung", nói thông tục là *"thâu tâm"* (thu hồi cái tâm), có ý nghĩa này. Chỉ cần duyên một cảnh sẽ là Định; tu như vậy thì hết thảy đều là thiện pháp, là Định Thiện. Vì sao? Tâm định. Tâm định tu hết thảy thiện pháp sẽ là định thiện. Tâm tán loạn, tu hết thảy thiện pháp là tán thiện. Tán thiện là phước đức, định thiện là công đức. Công đức và phước đức sai khác ở chỗ này. Tu định thiện là công đức, tu tán thiện là phước đức. Vì sao? Người ấy chẳng có Định, chẳng có Huệ, nhưng có phước báo. Phước báo có ba loại: Thứ nhất là của cải, loại thứ hai là thông minh, trí huệ, loại thứ ba là khỏe mạnh, sống lâu. Công đức khác hẳn, do công đức bèn đắc Thiền Định, khai trí huệ. Khai trí huệ bèn đoạn phiền não, phá vô minh, hoàn toàn khác biệt.

***(Sao) Hựu dĩ nhất tâm nhi phân định tán, Sự nhất tâm giả, định thiện trung chi tán thiện dã. Lý nhất tâm giả, định thiện trung chi định thiện dã.***

**(鈔)又以一心而分定散，事一心者，定善中之散善也；理一心者，定善中之定善也。**

*(**Sao**: Lại dùng nhất tâm để phân biệt Định và Tán. Sự nhất tâm là tán thiện trong định thiện, còn Lý nhất tâm là định thiện trong định thiện).*

Ở đây, nói *"Định trong Định"* là nói tới Lý nhất tâm. Nói cách khác, thật tại là nói công phu định lực sâu hay cạn mà thôi! Công phu định lực cạn, đó là tán thiện. Công phu định lực sâu thì là định thiện, đấy là so sánh ở một tầng cấp sâu hơn. Giả sử chúng ta chia nhất tâm thành hai loại là Lý và Sự, trong Sự nhất tâm có chín phẩm, trong Lý nhất tâm cũng có chín phẩm. Tánh định viên mãn hiện tiền, đó là Lý nhất tâm

thượng thượng phẩm. Lý nhất tâm thượng thượng phẩm bèn thành Phật, thượng trung phẩm là Đẳng Giác, thượng hạ phẩm là Thập Địa Bồ Tát. Địa vị Thập Trụ trong Viên Giáo là Lý nhất tâm hạ phẩm, vì địa vị Thập Tín thuộc về Sự nhất tâm. Từ Sơ Trụ trở lên sẽ thuộc về Lý nhất tâm. Lý nhất tâm Bồ Tát có tất cả bốn mươi mốt địa vị, trên đó còn có địa vị Phật; tổng cộng là bốn mươi hai địa vị. Bốn mươi hai địa vị đều là Lý nhất tâm. Vì sao có bốn mươi hai? Do trình độ Lý nhất tâm cạn hay sâu khác biệt!

***(Diễn) Sự nhất tâm giả, do vị ly lục thức, cố vi định trung tán. Lý nhất tâm giả, tắc thị thường trụ chân tâm, cố vi định trung định.***

**(演)事一心者，猶未離六識，故為定中散；理一心者，則是常住真心，故為定中定。**

*(**Diễn**: Sự nhất tâm là vì còn chưa lìa sáu thức, nên là tán thiện trong định thiện. Lý nhất tâm là thường trụ trong chân tâm nên là định thiện trong định thiện).*

Chẳng lìa khỏi tâm ý thức thì là Sự nhất tâm; hoàn toàn lìa khỏi tâm ý thức bèn thuộc về Lý nhất tâm. Nói cách khác, Sự nhất tâm là tâm ý thức nắm quyền làm chủ, Lý nhất tâm là chân tâm, là tự tánh nắm quyền làm chủ. Đó là vì dụng tâm khác nhau. Cái tâm được Phổ Hiền Bồ Tát sử dụng là chân tâm, là tự tánh, mà cũng là Lý nhất tâm được nói trong kinh này, cho nên [những hành vi của Ngài] được gọi là *"Phổ Hiền hạnh"*. Thánh giả Đại Tiểu Thừa, các vị Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền trong Biệt Giáo vẫn là sáu thức khởi tác dụng. Do vậy, dẫu đạt được Thiền Định rất sâu, vẫn là Sự nhất tâm. Liên Trì đại sư nói là *"định trung tán"* và *"định trung định"* là do phân biệt như vậy.

***(Sớ) Hựu thử nhất tâm, tức Bồ Tát Niệm Phật tam-muội cố.***

***(Diễn) Tức Bồ Tát niệm Phật giả, dĩ hữu phàm phu Niệm Phật tam-muội, Nhị Thừa Niệm Phật tam-muội. Kim thị Bồ Tát Niệm Phật tam-muội cố.***

**(疏)又此一心，即菩薩念佛三昧故。**

**(演)即菩薩念佛者，以有凡夫念佛三昧，二乘念佛三昧，今是菩薩念佛三昧故。**

*(**Sớ**: Lại nữa, nhất tâm chính là Niệm Phật tam-muội của hàng Bồ Tát.*

***Diễn**: "Tức là Niệm Phật [tam-muội] của hàng Bồ Tát": Do có Niệm Phật tam-muội của phàm phu và Niệm Phật tam-muội của hàng Nhị Thừa. Nay [nói rõ nhất tâm] là Niệm Phật tam-muội của hàng Bồ Tát vậy).*

Do vậy có thể biết: Niệm Phật tam-muội là danh xưng tổng quát. Cảnh giới trong ấy rất phức tạp, rất nhiều tầng cấp, chẳng phải là nói một loại Niệm Phật tam-muội là đã bao trùm trọn hết, [nếu nghĩ như vậy thì] đã sai mất rồi. Niệm Phật tam-muội cũng có cạn, sâu, rộng, hẹp khác nhau. Niệm Phật tam-muội của phàm phu thường được gọi là công phu thành phiến, pháp hỷ sung mãn. Niệm Phật rất hoan hỷ, niệm đến mức tinh thần sung mãn, niệm đến mức tự tại, vui sướng. Đó là Niệm Phật tam-muội của phàm phu. Có hữu dụng hay không? Có chứ! Đới nghiệp vãng sanh, sanh về cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Gần như là ai nấy đều có thể làm được chuyện này; cổ đức nói *"vạn người tu, vạn người đến"* chính là nói về chuyện này. Niệm Phật tam-muội của hàng Nhị Thừa là thượng phẩm Sự nhất tâm bất loạn, Niệm Phật Tam-muội của Bồ Tát là Lý nhất tâm bất loạn, phân biệt chẳng khó gì!

***(Sao) Hoặc nghi Phật Thuyết Bồ Tát Niệm Phật Tam Muội Kinh, kỳ gian tịnh vô "tín nguyện vãng sanh" đẳng ngữ, duy ngôn "chánh niệm chư pháp Thật Tướng, thị danh Niệm Phật", tự dữ thử kinh, ý nghĩa tương lệ. Kim vị: Bỉ chuyên chủ Lý, thử kiêm Lý Sự. Lý nhất tâm giả, niệm nhi vô niệm, tức Thật Tướng dã. Cái bỉ dĩ vô niệm chánh nhập, thử dĩ hữu niệm xảo nhập, tác dụng sảo biệt, cứu cánh bất thù. Thị cố, đồng danh Niệm Phật tam-muội.***

**(鈔)**或疑佛說菩薩念佛三昧經，其間並無信願往生等語，惟言正念諸法實相，是名念佛，似與此經意義相戾。今謂彼專主理，此兼理事。理一心者，念而無念，即實相也。蓋彼以無念正入，此以有念巧入，作用稍別，究竟不殊，是故同名念佛三昧。

*(**Sao**: Hoặc có kẻ ngờ vực: Trong kinh Phật Thuyết Bồ Tát Niệm Phật Tam Muội trọn chẳng nói các từ ngữ "tín, nguyện, trì danh" v.v... chỉ nói "chánh niệm Thật Tướng của các pháp thì gọi là Niệm Phật", tợ hồ mâu thuẫn với ý nghĩa của kinh này. Nay nói: Kinh ấy chuyên chủ về Lý, kinh này kiêm Lý lẫn Sự. Lý nhất tâm là niệm mà vô niệm, tức là*

*Thật Tướng. Ấy là vì kinh ấy dùng vô niệm để trực tiếp tiến nhập, kinh này dùng hữu niệm để khéo léo tiến nhập. Tác dụng hơi sai khác, nhưng mục đích cuối cùng chẳng khác. Vì thế, cùng gọi là Niệm Phật tam-muội).*

Đoạn khai thị này của đại sư giảng hết sức hay khéo! Nếu chẳng phải là bậc từng trải, sẽ chẳng có cách nào nói đơn giản, dễ hiểu dường ấy. Lời này của bậc từng trải thốt ra. Trong Đại Tạng Kinh có một bộ kinh tên là Phật Thuyết Bồ Tát Niệm Phật Tam Muội Kinh[59]. Vì ở đây nói đến Niệm Phật tam-muội của hàng Bồ Tát, mà kinh Bồ Tát Niệm Phật Tam Muội lại giảng khác với những gì chúng ta đang nói ở đây, sẽ dễ gây nên hoài nghi, khiến cho tranh luận dấy lên. Do trong Bồ Tát Niệm Phật Tam Muội Kinh chẳng nói *"tín, nguyện, trì danh"*, chỉ nói *"chánh niệm Thật Tướng của các pháp"* bèn gọi là Niệm Phật. Thoạt nhìn, dường như hoàn toàn chẳng tương ứng với cách nói trong Tịnh Độ Tông, nhưng nay chúng ta nghe lời này [đã cảm thấy] tương đối dễ tiếp nhận hơn. Vì sao? Vì danh hiệu A Di Đà Phật là tên gọi khác của Thật Tướng các pháp. Niệm một câu A Di Đà Phật là niệm Thật Tướng của các pháp, có khác gì đâu? Thật ra chẳng khác gì nhau! Chúng ta đổ công dốc sức nhiều năm ngần ấy nơi giáo pháp Tịnh Độ mới hiểu rõ. Người chẳng đổ công dốc sức ở nơi đây, vẫn thuộc trong tình huống chấp trước Lý và Sự chẳng thể viên dung, sẽ rất khó tiếp nhận.

*"Kim vị bỉ chuyên chủ Lý"* (Nay nói kinh kia chuyên chủ về Lý), [nghĩa là] kinh Bồ Tát Niệm Phật Tam Muội hoàn toàn nói theo Lý. Kinh này (kinh A Di Đà) quá nửa là nói theo Sự. Kinh xác thực là có hai loại lớn khác nhau. Nói thông thường, kinh nói theo Sự dường như rất nông cạn, kể chuyện xưa tích cũ, dễ hiểu, rất cạn cợt! Kinh nói theo Lý rất sâu, rất huyền, rất khó hiểu. Đó là cách nhìn của kẻ nông cạn! Trong cách nhìn của người sâu xa, hoàn toàn trái ngược với cách nhìn của lũ nông cạn chúng ta: Kinh nói theo Lý dễ hiểu, kinh giảng theo Sự chẳng dễ hiểu. Kinh giảng về Sự thì trong Sự có Lý. Nếu chẳng nói rõ Lý, ai tin

---

[59] Kinh này gồm sáu quyển do ngài Công Đức Trực xứ Thiên Trúc cùng với ngài Huyền Sướng dịch ra tiếng Hán vào đời Lưu Tống (tức nhà Nam Tống thời Nam Bắc Triều, do Lưu Dụ sáng lập). Kinh chủ yếu dạy về cách tu Thật Tướng Niệm Phật tam-muội. Kinh này còn có một bản dịch khác mang tên là Phật Thuyết Đại Phương Đẳng Đại Tập Bồ Tát Niệm Phật Tam Muội Kinh gồm mười quyển do ngài Tam Tạng Đạt Ma Cấp Đa xứ Thiên Trúc dịch vào đời Tùy.

được Sự ấy? Tại Đài Trung, thầy Lý bảo tôi: Suốt một đời thầy, sợ nhất là giảng kinh A Di Đà và kinh Địa Tạng, khó giảng nhất, vì các kinh ấy toàn nói theo Sự. Có người hỏi: "Sự hình thành như thế nào? Vì sao có Sự?" Phiền phức lắm! Kinh Lăng Nghiêm giảng Lý, kinh Kim Cang giảng Lý. Kinh nói về Lý dễ giảng, dễ hiểu. Kinh nói về Sự hết sức khó giảng, vì nó có Lý rất sâu. Nếu chẳng thấu triệt Lý, Sự sẽ chẳng thể nói viên mãn được, chẳng có cách nào khiến cho người khác tin tưởng! Lý giảng không viên mãn, thì có thể giảng một phần, người ta có thể tin một phần, giảng hai phần, người ta có thể tin hai phần, rất thú vị! Giảng kinh nói về Sự mà nếu chẳng hoàn toàn thấu triệt, sẽ chẳng có cách nào khiến cho người ta tiếp nhận, sẽ chẳng có cách nào khiến cho người ta tin tưởng.

Chúng ta cũng phải liễu giải sự khó dễ khác biệt. Tịnh Tông nổi tiếng là "khó tin, dễ hành", tu rất dễ dàng, lý quá sâu. Kinh luôn nói đấy là cảnh giới nơi quả địa của Như Lai, chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo. Chỉ có thành Phật thì mới có thể liễu giải triệt để viên mãn lý Tịnh Độ. Hữu tình chúng sanh trong chín pháp giới, chín pháp giới bao gồm Đẳng Giác Bồ Tát, nếu cậy vào sức của chính mình, sẽ chẳng có cách nào giảng giải viên mãn [pháp môn này]. Trong số [những người chẳng thể giảng viên mãn pháp môn này], bao gồm cả Đẳng Giác Bồ Tát! Mới biết Lý này sâu rộng chẳng thể nghĩ bàn. Kinh điển sâu như vậy, nay chúng tôi cũng giảng ở nơi đây, mọi người cũng nghe ở nơi đây, [cảm thấy] dường như chẳng khó, thật ra rất khó! Chúng tôi há có năng lực để giảng, không chỉ là chẳng có năng lực để giảng, mà [quý vị] cũng chẳng có năng lực để nghe. Năng lực nói và nghe đều do oai thần của chư Phật gia trì. Tách lìa sự gia trì của chư Phật, Bồ Tát, thì Bồ Tát còn chẳng thốt nên lời, huống hồ bọn phàm phu chúng ta! Chúng tôi có thể nói, mọi người có thể nghe, nghe xong hoan hỷ, đều do Phật lực gia trì, do oai thần và bổn nguyện của Phật gia trì. Do thiện căn, phước đức của chính mình đã tu tập, tích lũy trong quá khứ, duyên đến nay đã chín muồi, được Phật gia trì, nên [pháp này] được gọi là pháp môn Nhị Lực. Phật gia trì chúng ta, người thiện căn sâu có thể cảm nhận, người thiện căn kém hơn, nghiệp chướng dầy hơn, sẽ chẳng cảm nhận được. Tuy chẳng cảm nhận được, Phật vẫn gia trì quý vị. Trong tất cả hết thảy các pháp môn, pháp môn dễ được Phật lực gia trì nhất chính là pháp môn này. Vì quý vị tu học pháp môn này, chẳng có một đức Phật nào không hoan hỷ. Phật hoan hỷ, đương nhiên sẽ giúp đỡ quý vị, thương xót quý vị,

hy vọng quý vị thành tựu viên mãn ngay trong một đời này. Đạo lý ở ngay chỗ này.

Kẻ bình phàm trong thế gian, phàm là Phật giáo đồ học Phật, chẳng có một ai không hằng ngày cầu Phật, cầu Bồ Tát gia hộ. Thật ra, đại đa số là đang dấy vọng tưởng, Phật, Bồ Tát cậy vào đâu để gia hộ quý vị? Dựa vào quý vị dập đầu binh binh mấy cái, cúng dăm ba quả chuối, trái cây, Phật liền gia hộ quý vị, há có chuyện thuận tiện như thế ư? Thật sự niệm Phật, thật sự phát nguyện cầu sanh, quý vị chẳng cầu Phật, Bồ Tát gia hộ, Phật, Bồ Tát thảy đều đến gia hộ quý vị. Vì sao? Đấy là chuyện chư Phật, Bồ Tát thích trông thấy nhất! Quý vị tu học những Phật pháp Đại Thừa khác, chưa chắc đã cảm ứng hết thảy chư Phật hộ niệm, đương nhiên cũng có khi được chư Phật, Bồ Tát hộ niệm, nhưng là thiểu số, rất ít. Tương ứng với pháp môn ấy bèn có cảm ứng đạo giao.

Pháp môn Niệm Phật của Tịnh Tông được hết thảy chư Phật đều cảm ứng. Từ phần sáu phương Phật [tán thán] trong kinh Di Đà, quý vị thấy sáu phương Phật là do La Thập đại sư phiên dịch giản lược. Trong bản dịch của Huyền Trang đại sư, ghi là mười phương Phật. Pháp môn Niệm Phật được hết thảy chư Phật đều tán thán, hết thảy chư Phật đều hoằng dương, hết thảy chư Phật đều mong mỏi chúng sanh tiếp nhận và tu học pháp môn này. Quý vị thật sự tin nhận, phụng hành, chẳng có vị Phật nào không hoan hỷ, chẳng có vị Phật nào không gia hộ quý vị, xác thực là khác hẳn! Quý vị phải lắng lòng đôi chút, quan sát trong một thời gian dài, xem thử giữa người niệm Phật và người tu các pháp môn khác, thành tựu trong tương lai chúng ta chẳng nhìn thấy, chỉ nhìn vào hiện tại. Nhìn từ chỗ nào? Tục ngữ thường nói: *"Tướng chuyển theo tâm"*, quý vị nhìn vào tướng trạng của họ. So giữa người niệm Phật và người học pháp môn khác chẳng giống nhau! Người niệm Phật rõ ràng là càng ngày càng có phước báo, càng ngày càng có trí huệ, càng ngày càng khỏe mạnh. Quan sát từ chỗ này, quý vị có thể thấu hiểu sức mạnh do được Phật, Bồ Tát gia trì khác hẳn, toàn là do Phật lực gia trì. Hết thảy các kinh luận có cảm ứng đạo giao cùng Phật, Bồ Tát, [nhưng chỉ là cảm ứng đạo giao] một phần! Chỉ riêng pháp môn này, cảm ứng toàn thể Phật, Bồ Tát, chẳng sót một vị Phật nào. Người thật sự biết ưu điểm của pháp môn này chẳng nhiều!

Sau khi hội tập Đại Kinh, lão cư sĩ Hạ Liên Cư có viết một bài kệ chỉ rõ: *"Phật vân nan tín, thành nan tín. Vạn ức nhân trung nhất nhị tri"* (Phật nói khó tin, thật khó tin. Trong ức vạn người, một hai biết). Lời ấy

chẳng giả tí nào! Nay chúng ta gặp gỡ pháp môn này, đúng là may mắn lớn, đúng là chẳng dễ dàng!

Bản thân tôi, khi mới học Phật, hết sức ngưỡng mộ Hoa Nghiêm và Pháp Hoa. Dụng công nơi kinh Pháp Hoa ít hơn, đó là do duyên phận gặp thiện tri thức khác biệt. Tôi đến Đài Trung mong được học kinh Pháp Hoa với thầy Lý, tôi mang theo hai mươi mấy thứ chú giải, mang theo tài liệu rất phong phú đến Đài Trung. Thầy Lý ở Đài Trung trông thấy lắc đầu, thầy nói: "Phiền phức quá! Tôi phải tìm thời gian để dạy riêng một mình anh, tìm không ra nhiều thời gian như thế". Thầy nói: "Nay tôi đang giảng kinh Lăng Nghiêm, anh học kinh Lăng Nghiêm thì hay lắm, tôi đỡ tốn công sức". Tôi thưa: "Cũng được ạ! Lăng Nghiêm và Pháp Hoa phân lượng cũng chẳng sai khác nhau mấy. Trong các kinh Đại Thừa, địa vị của kinh ấy cũng từa tựa". Cổ nhân nói: *"Khai trí huệ Lăng Nghiêm, thành Phật Pháp Hoa"*. Tôi nói được lắm, tôi chấp nhận theo thầy học Lăng Nghiêm. Khi ấy, tôi chẳng sưu tập tài liệu tham khảo cho kinh Lăng Nghiêm. Ở Đài Loan, có thể tìm được hai bản là bộ Giảng Nghĩa của pháp sư Viên Anh và bộ Trực Giải của cư sĩ Tôn Trọng Hà, do Khánh Phương thư cục ấn hành, chỉ có hai loại ấy. Sau khi đã tới Đài Trung, vừa nghe kinh, vừa tìm tài liệu tham khảo. Đắc lực nhất là pháp sư Trí Khai thuộc Hương Cảng Phật Kinh Lưu Thông Xứ đã giúp đỡ tôi rất lớn. Đúng là Sư ở Hương Cảng đã toàn tâm toàn lực sưu tập giùm tôi, trong một năm gom góp đến mười mấy loại, đều là những bản chú giải nổi tiếng của kinh Lăng Nghiêm. Về sau, những bản chú giải kinh Lăng Nghiêm do chính mình sưu tập khắp nơi đại khái cũng có đến ba mươi loại. Đó là tài liệu tham khảo để học kinh. Trong sự tu học, duyên thật sự là mấu chốt quyết định thành bại. Thâm nhập một môn, nhất tâm thâm nhập, nhất định là sẽ có thành tựu.

*"Thử kiêm Lý Sự"* (Kinh này kiêm Lý và Sự), kinh này có Lý và Sự. Lý nhất tâm nói đến cảnh giới cao nhất là "niệm mà vô niệm", đó là Thật Tướng. Vô niệm là gì? Vô niệm là nhất tâm, nhất tâm là Thật Tướng, là chân tướng. Nhất tâm là Lý, niệm là Sự. Sự chẳng trở ngại Lý, Lý chẳng trở ngại Sự, *"Lý Sự vô ngại"* được nói trong kinh Hoa Nghiêm đã hoàn toàn phơi bày trong kinh này. Ông Bành Tế Thanh nói kinh Vô Lượng Thọ chính là Trung Bổn Hoa Nghiêm, kinh A Di Đà là Tiểu Bổn Hoa Nghiêm. Chúng tôi hiểu rõ sự thật này, nên bỏ qua kinh Hoa Nghiêm để chuyên tâm, chuyên chú nơi kinh này. Kinh này không chỉ là tinh hoa của kinh Hoa Nghiêm, mà còn là tinh hoa của kinh Lăng

Nghiêm và Pháp Hoa. Bộ kinh này là tinh hoa của ba bộ đại kinh. Ta niệm bản tinh hoa hay hơn nhiều, cần gì phải chuốc phiền phức học lắm thứ ngần ấy? Hao phí thời gian, lãng phí tinh thần. Đây là lý do vì sao cổ đại đức đến tuổi xế chiều thảy đều bỏ hết, thâm nhập một môn, đều niệm A Di Đà Phật, là do có đạo lý như vậy đó. Thuở trẻ vì sao phải học nhiều thứ ngần ấy? Vô tri! Kinh Địa Tạng bảo: *"Cang cường nan hóa, nghiệp chướng thâm trọng"* (Ương ngạnh, khó dạy, nghiệp chướng sâu nặng). Tuy thầy rát miệng buốt lòng khuyên bảo, dạy dỗ, vẫn y như cũ "bề ngoài tuân phụng, trong lòng chống trái", tới khi chính mình thật sự hiểu rõ, minh bạch, mới cảm tạ thầy, mới hối hận chẳng kịp. Thuở ấy, nếu nghe lời thầy, sẽ đỡ phải đi rất nhiều chặng đường oan uổng, thành tựu của chính mình nhất định sẽ cao hơn hiện tại rất nhiều tầng cấp! Do chính mình đã trải nghiệm, lãng phí khá nhiều thời gian nơi đại kinh, đại luận, lầm lỡ rất nhiều thời gian, chẳng biết lợi ích do chuyên công dốc sức và chuyên ròng!

Nay tôi cũng rát miệng buốt lòng khuyên người khác. Tôi là người đã trải qua, mấy ai tin tưởng? Mấy ai chịu nghe theo? Chẳng chịu nghe, không tin, tôi cũng liễu giải, vì sao? Thuở ấy, thầy dạy tôi, tôi cũng là như vậy! Do đó, làm sao tôi chẳng biết tâm lý học tập của quý vị cho được? Tôi đã đi qua con đường ấy. Người chịu tin, chịu nghe là có phước. Kẻ không chịu nghe, không chịu tin thì phải đi theo con đường oan uổng. Nếu thật sự có thể quay lại từ con đường ấy, may mắn lắm! Chẳng quay lại được, vĩnh viễn lạc lối, đại khái chiếm tới chín mươi chín phần trăm, chẳng quay lại được. Người quay lại quá ít, tôi rất may mắn chuyển mình quay lại được nên mới có một chút thành tựu. Nếu chẳng quay về được là thôi rồi! Kẻ chẳng quay lại thì nhiều, người quay lại ít ỏi. Tôi có thể quay đầu, nói thật ra, thật sự đắc lực bởi Lăng Nghiêm và Hoa Nghiêm. Từ hai bộ kinh ấy, biết Tịnh Tông là tinh hoa và tinh yếu của đại kinh, hoàn toàn chẳng khác đại kinh, lại còn đơn giản hơn đại kinh, càng dễ dàng khiến cho chúng ta nắm được cương lãnh của toàn bộ các kinh. Nương theo phương pháp này để tu hành thì mới có thể trong một thời gian rất ngắn đạt được lợi ích thù thắng thật sự. *"Thử kiêm Lý Sự"* chính là Lý Sự vô ngại trong kinh Hoa Nghiêm.

*"Cái bỉ dĩ vô niệm chánh nhập, thử dĩ hữu niệm xảo nhập"* (Ấy là vì kinh kia dùng vô niệm để trực tiếp tiến nhập, kinh này dùng hữu niệm để khéo léo tiến nhập). Trực tiếp tiến nhập hay lắm, nhưng khó khăn! Vì sao? Niệm cho hết Kiến Tư phiền não, đoạn Trần Sa phiền não, cũng phá

một phẩm vô minh thì mới tiến nhập. Vì sao niệm Phật là xảo nhập? Chúng ta chẳng cần đoạn một phẩm phiền não nào, chỉ cần chế phục bèn tiến nhập. Đã tiến nhập bèn như nhau! Quý vị nhập trực tiếp, tốn nhiều thời gian và tinh thần như vậy. Tôi xảo nhập, chẳng cần tốn nhiều thời gian như vậy, mà cũng chẳng tốn lắm tinh thần như thế, chúng ta đạt được hiệu quả như nhau. Tác dụng khác nhau, phương pháp xảo diệu khác nhau, *"cứu cánh bất thù"* (đạt đến mục đích cuối cùng chẳng khác nhau), đạt được công đức lợi ích hoàn toàn giống nhau. *"Thị cố đồng danh Niệm Phật tam-muội"* (Vì thế, cùng gọi là Niệm Phật tam-muội). Chúng ta phải thật sự suy nghĩ cặn kẽ, chú tâm lãnh hội lời lẽ khổ tâm khuyên dạy của Liên Trì đại sư. Do vậy, tôi nói: Những lời lẽ này, nếu chẳng phải là bậc từng trải, sẽ chẳng thể thốt ra được, chẳng thể thấu hiểu được! A! Chúng ta niệm Phật hồi hướng.

***Tập 241***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm sáu mươi bảy:

***(Sớ) Hựu thử nhất tâm, tức Đạt Ma trực chỉ chi Thiền cố.***

***(Sao) Tầm thường thuyết Thiền giả húy Tịnh Độ, kim vị Đạt Ma thuyết Thiền, trực chỉ linh tri chi tự tánh dã. Thử Lý nhất tâm, chánh linh tri tự tánh cố. Môn đình thi thiết bất đồng, nhi sở chứng vô lưỡng tâm dã. Thiện tai Trung Phong chi ngôn viết: "Thiền giả, Tịnh Độ chi Thiền. Tịnh Độ giả, Thiền chi Tịnh Độ dã", hữu vị hồ ngôn chi dã.***

**(疏)又此一心，即達摩直指之禪故。**

**(鈔)尋常說禪者諱淨土，今謂達摩說禪，直指靈知之自性也。此理一心，正靈知自性故。門庭施設不同，而所證無兩心也。善哉中峰之言曰：禪者，淨土之禪；淨土者，禪之淨土也。有味乎言之也。**

*(**Sớ**: Nhất tâm lại chính là Thiền trực chỉ của tổ Đạt Ma.*

***Sao**: Nói thông thường, kẻ hành Thiền kiêng kỵ Tịnh Độ, nay tôi bảo: Tổ Đạt Ma nói pháp Thiền nhằm chỉ thẳng tự tánh linh tri. Lý nhất tâm chính là linh tri tự tánh. Cách lập bày, thực hiện trong mỗi môn đình khác nhau, nhưng cái tâm đã chứng thì chẳng hai. Lành thay! Ngài Trung Phong nói: "Thiền là Thiền của Tịnh, Tịnh là Tịnh của Thiền".*

*Lời ấy thú vị thay!)*

Khi Phật pháp truyền đến Trung Hoa nhằm đúng thời đại Tượng Pháp của đức Thế Tôn. Đức Phật đã từng tiên đoán: *"Vào thời kỳ Chánh Pháp, Giới Luật thành tựu. Vào thời kỳ Tượng Pháp, Thiền Định thành tựu. Vào thời kỳ Mạt Pháp, Tịnh Độ thành tựu"*. Phật pháp truyền đến Trung Hoa đúng một ngàn năm sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật đã diệt độ; nói cách khác, [thời kỳ] Tượng Pháp vừa mới khởi đầu. Tượng Pháp [kéo dài] một ngàn năm, có thể nói là Phật pháp trong thời kỳ Tượng Pháp đã chuyển sang Trung Hoa, cho nên Thiền Tông Trung Hoa hết sức hưng thịnh. Tịnh Độ và Thiền tiến nhập [Trung Hoa] cùng một thời đại. Nói đến sự thù thắng, thật ra, [Tịnh Độ] hoàn toàn chẳng thua kém Thiền Tông. Đến thời kỳ Mạt Pháp trong hiện tại, Thiền đã suy, thật sự thành tựu thì xác thực là chỉ có Tịnh Tông. Trong quá khứ, người tham Thiền vẫn hành trì Tịnh Độ. Ở đây, Liên Trì đại sư bảo chúng ta: Tịnh và Thiền chẳng khác nhau, nhất trí, chỉ là chọn lựa phương pháp và kỹ xảo khác nhau, mục đích hoàn toàn như nhau. *"Thử nhất tâm"* trong lời Sớ chính là nói đến Lý nhất tâm, Lý nhất tâm như Tịnh Tông đã nói chính là Thiền do tổ sư Đạt Ma truyền đến Trung Hoa, thuộc loại thượng thượng Thiền trong Thiền Tông.

Kế đó, đại sư giải thích, *"tầm thường thuyết Thiền giả húy Tịnh Độ"* (nói thông thường, người hành Thiền kỵ húy Tịnh Độ), "*húy*" (諱) là bài xích, chẳng mong muốn, kiêng kỵ nói tới Tịnh Độ. Nói thật ra, đối với Thiền lẫn Tịnh, kẻ ấy đều chẳng thông suốt, đều chẳng thật sự hiểu rõ. Nếu thật sự hiểu rõ, [sẽ biết Thiền và Tịnh] là cùng một chuyện, chẳng phải là hai chuyện. Một đằng dùng phương pháp *"tín, nguyện, trì danh"* để khế nhập cảnh giới này; một đằng sử dụng phương pháp tham thoại đầu hoặc quán tâm cũng nhằm đạt tới cảnh giới này. Có thể thấy là hình thức và phương pháp khác nhau, nhưng thành tựu thật sự là nhất trí. *"Kim vị Đạt Ma thuyết Thiền"* (Nay bảo Thiền do tổ Đạt Ma đã nói), có thể nói là Lục Tổ đại sư đã trực tiếp truyền thừa tông phái do tổ sư Đạt Ma lưu truyền. Trong Đàn Kinh, Ngài đã phát huy [yếu chỉ của tông phái ấy] tới mức cặn kẽ cùng tột. Vì thế, nếu mọi người hỏi Thiền của tổ Đạt Ma là gì ư? Quý vị đọc kỹ Đàn Kinh sẽ biết. *"Trực chỉ linh tri"* (Chỉ thẳng vào linh tri), trong Thiền Tông thường nói là *"trực chỉ nhân tâm"* (chỉ thẳng vào tâm người), [tức là] *"bất lập văn tự, trực chỉ nhân tâm"* (chẳng lập văn tự, chỉ thẳng tâm người). *"Văn tự"* (文字) là nói tới Giáo,

tức là hết thảy kinh điển. Thiền chẳng đổ công dốc sức tu tập nơi kinh điển. *"Trực chỉ nhân tâm"*: Thực hiện từ nơi tâm địa.

Thuở ấy, đức Phật dùng hai phương pháp giáo học khác biệt vời vợi. Đối với kẻ thượng thượng căn, Ngài bèn *"trực chỉ nhân tâm"*, chẳng cần lãng phí nhiều thời gian ngần ấy, lãng phí quá nhiều thời gian để nghiên cứu Giáo! Đối với căn tánh trung hạ, chẳng dùng Giáo sẽ không được, phải dựa theo thứ tự để từ cạn tới sâu, dạy học theo thứ tự. Trên thực tế, giống như cách giáo dục trong hiện thời, học trò trong nền giáo dục hiện thời có hai loại: Một loại là trẻ có thiên tài, loại kia là trẻ bình thường. Trẻ bình thường thì nhất định là [phải lần lượt học] Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, nghiên cứu sinh, đó gọi là Giáo Hạ. Trẻ thiên tài chẳng cần học Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, mà trực tiếp học nghiên cứu sinh, đương nhiên loại người ấy rất ít, trong Phật môn cũng chẳng nhiều. Nếu chẳng phải là trẻ thiên tài, quý vị trực tiếp học nghiên cứu sinh, sẽ chẳng thành tựu được gì. Nói cách khác, chẳng phải là bậc thượng thượng căn mà muốn học Thiền, chắc chắn chẳng thể thành tựu. Do vậy, sau khi Thiền Tông đã nẩy nở thịnh vượng thành trào lưu tại Trung Hoa, người theo đuổi, hâm mộ rất đông! Vì thế, đúng là những kẻ chẳng tự lượng sức cũng không ít, thảy đều học theo. Người thật sự thành tựu, đừng nói ai khác, chỉ nói tới Lục Tổ Huệ Năng đại sư; người theo học với Huệ Năng đại sư chẳng phải chỉ là ngàn người, vạn người, quyết định chẳng phải chỉ có như vậy! Mấy vạn người là phỏng tính dè dặt nhất! [Pháp Bảo] Đàn Kinh cho chúng ta biết: Người thật sự học Thiền [với Lục Tổ] thành công là bốn mươi ba người! Trong Phật giáo sử Trung Hoa, đối với người học Thiền, hội ấy thù thắng nhất, có thể nói là *"không tiền khoáng hậu"* (trước đó chưa từng có, sau này chưa hề có). Trước Lục Tổ đại sư, số người được thành tựu bởi mỗi bậc đại đức Thiền Tông rất ít, từ tổ Đạt Ma cho đến Ngũ Tổ đều là *"đơn truyền"*, [nghĩa là] thầy dạy học suốt đời chỉ thành tựu một người, đến Lục Tổ mới là thù thắng khôn sánh, thành tựu bốn mươi ba người. Chúng ta xem lịch sử Thiền Tông, đệ tử thật sự đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh dưới tòa của một vị thiền sư, đại khái là một, hai, ba, bốn người. Trong một đời, Lục Tổ Huệ Năng đại sư độ nhiều người nhất, bốn mươi ba người. Do vậy ta hiểu, [hành Thiền mà nếu] chẳng phải là bậc thượng thượng căn, sẽ chẳng có phần!

Thiền Tông có phải là chẳng cần đến kinh điển hay không? Chẳng phải vậy! Thiền Tông là ngộ trước, [nghĩa là] khai ngộ trước rồi mới đọc

kinh điển sau. Giáo Hạ là đọc kinh điển trước rồi sau đó mới khai ngộ, khai ngộ từ kinh giáo; vì thế, phương pháp khác nhau. Đương nhiên là sau khi đã khai ngộ, đọc kinh sẽ nhanh chóng, vừa xem liền hiểu rõ, chẳng cần phải học, mà cũng chẳng cần người khác giảng giải. Cái gọi là *"dùng kinh điển để ấn tâm"* tức là *"ấn chứng"* (印證), nghĩa là đem tri kiến về vũ trụ và nhân sinh của chính mình đối chiếu với [những lời dạy của] đức Phật, xem có phải là giống nhau hay không? Dùng kinh luận để chứng minh cách nghĩ và cách nhìn của chính mình có sai lầm hay không, cho nên đó là *"ấn tâm"* (印心). Chẳng như chúng ta hiện thời dùng kinh điển để học tập hoặc lên lớp. Chúng ta là kẻ căn tánh trung hạ, chẳng thể lìa khỏi sách giáo khoa, người thượng thượng căn chẳng cần sách giáo khoa.

Trực chỉ linh tri: *"Linh tri"* (靈知) là nhất tâm, là chân tâm, là bản tánh. Ở đây nói là *"tự tánh"*, [chữ linh tri] chỉ điều này.

***(Diễn) Trực chỉ linh tri giả, Ba La Đề vân: "Tại nhãn viết kiến, tại nhĩ viết văn, tại thủ chấp tróc, tại túc vận bôn, ngộ chi tắc vi Phật tánh, mê chi tắc vi tinh hồn" thị dã.***

**(演)直指靈知者，波羅提云：在眼曰見，在耳曰聞，在手執捉，在足運奔，悟之則為佛性，迷之則為精魂是也。**

*(**Diễn**: "Trực chỉ linh tri": Ngài Ba La Đề nói: "Nơi mắt gọi là thấy, nơi tai gọi là nghe, nơi tay là nắm bắt, nơi chân là di chuyển, rảo chạy. Ngộ thì là Phật Tánh, mê thì là tinh hồn", là như thế đó).*

Đây là một vị đại đức thuở đức Thế Tôn tại thế. Thật ra, kinh Lăng Nghiêm cũng nói rất rõ ràng, có ý nghĩa gần giống như chỗ này. *"Linh tri"* (靈知) là nói tới căn tánh của sáu căn, tức là Phật tánh. Căn tánh của sáu căn, *"ngộ chi tắc vi Phật Tánh"* (ngộ thì là Phật Tánh), Phật Tánh là linh tri, là tự tánh. *"Mê chi tắc vi tinh hồn"* (Mê thì gọi là "tinh hồn"), mê thì người Hoa gọi [tự tánh] là linh hồn (sách Diễn Nghĩa ghi là "tinh hồn", 精魂), Phật pháp gọi nó là thần thức (神識), là A Lại Da (Ālāya-vijñāna), là thức thứ tám. Đã mê bèn gọi là thức thứ tám. Đã ngộ thì là Phật Tánh (Buddha-dhātu), còn gọi là Tứ Trí Bồ Đề (Catvari-jñāni-bodhi), nó khởi tác dụng là bốn thứ trí huệ: Đại Viên Kính Trí (Ādarśa-jñāna), Bình Đẳng Tánh Trí (Samatā-jñāna), Diệu Quán Sát Trí

(Pratyavekṣaṇa-jñāna), và Thành Sở Tác Trí (Kṛty-anuṣṭhāna-jñāna). Đã ngộ bèn khởi bốn loại tác dụng ấy, đã mê bèn biến thành tám thức, tám thức tạo tác lục đạo luân hồi. Quan hệ lợi hại xác thực là rất nghiêm trọng, chớ nên không biết! Đức Phật dạy chúng ta, bất luận là Tông Môn hay Giáo Hạ, chủ ý to lớn của Đại Thừa Phật pháp là chuyển Thức thành Trí, [tức là] chuyển tám thức thành tứ trí, [hễ chuyển được thì] thành tựu trong sự tu học bèn viên mãn, ở ngay chỗ này! Vì sao Tiểu Thừa chẳng nhắc tới? Tiểu Thừa dùng A Lại Da Thức, chẳng lìa khỏi A Lại Da Thức. Do vậy, thành tựu trong Tiểu Thừa tối đa là Cửu Thứ Đệ Định (Navānupūrva-samāpattayah), có thể vượt thoát tam giới, nhưng chưa thể kiến tánh. Chưa thể kiến tánh, sẽ chẳng có cách nào chuyển Thức thành Trí. Ắt cần phải hồi Tiểu hướng Đại, lại từ trong Đại Thừa Phật pháp thì mới có thể chứng đắc tự tánh, mới có thể đạt tới cảnh giới Lý nhất tâm bất loạn như tông này đã nói.

***(Diễn) Hựu Hà Trạch vân: "Tri chi nhất tự, chúng diệu chi môn".***

**(演)又荷澤云：知之一字，眾妙之門。**

*(**Diễn**: Lại nữa, ngài Hà Trạch nói: "Một chữ Biết chính là cửa để tiến nhập các điều nhiệm mầu").*

Hà Trạch là tổ sư đời thứ bảy của Thiền Tông, tức là ngài Thần Hội (神會)[60], học trò của Lục Tổ, cũng có thành tựu kha khá. "*Tri chi*

[60] Thần Hội (681-758), thụy hiệu là Chân Tông đại sư, là đệ tử trứ danh của Lục Tổ Huệ Năng, quê ở Tương Dương, tỉnh Hồ Bắc. Năm mười bốn tuổi, Sư tham yết Lục Tổ, hữu ngộ, dần dần nổi tiếng. Năm Khai Nguyên 18 (730) đời Đường Huyền Tông, Sư biện luận khiến cho môn đệ của ngài Thần Tú thua thê thảm, bèn trở thành nổi danh lừng lẫy, đồng thời xác lập địa vị của Thiền Đốn Ngộ phương Nam, khiến cho pháp Thiền của ngài Huệ Năng được coi là chánh thống. Năm Khai Nguyên 20 (732), trong cuộc biện luận tại Hoạt Đài, Sư đánh bại danh tăng Sùng Viễn, chính thức xác lập tông chỉ của Nam Tông, phê phán Bắc Tông Thiền của Thần Tú là "tiệm căn, tiệm tu". Năm Thiên Bảo thứ tư (745), Sư viết Hiển Tông Ký đề cao Nam Tông Thiền, danh xưng Đốn Tông (thiền Huệ Năng) và Tiệm Tông (thiền Thần Tú) được chính thức hình thành từ đó. Do tận lực quyên góp, hô hào Phật tử đóng góp quân phí giúp nhà Đường bình định loạn An Lộc Sơn, sau khi dẹp tan loạn lạc, Đường Túc Tông đã xuống chiếu vời Thần Hội vào cung để cúng dường, đồng thời lập chùa Hà Trạch trong cung để thuận tiện cho Sư tu tập và giảng pháp. Vì thế, người đương thời bèn gọi Sư là Hà Trạch Thần Hội. Pháp Thiền do Sư truyền bá được gọi là Hà Trạch Tông. Do dòng Thiền này lưu truyền tại kinh đô Lạc Dương và các vùng lân cận, nên

*nhất tự, chúng diệu chi môn"* (Một chữ Biết là cửa ngõ để bước vào các điều mầu nhiệm). *"Tri"* (知: biết) là giác, tức giác ngộ, là *"linh tri"* được nói trong phần trước, chẳng phải là cái biết thông thường. Nói thật ra, sự nhận biết bình thường chẳng mầu nhiệm cho mấy, chẳng phải là *"chúng diệu"* (các điều mầu nhiệm). Cái biết thông thường ấy tạo thành Sở Tri Chướng, biến thành thành kiến, biến thành chướng ngại. Ở đây là linh tri, linh tri chính là "không gì chẳng biết" được nói trong Bát Nhã: *"Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết"*. Nó là biết, nhưng chẳng phải là cái biết thông thường.

***(Diễn) Vĩnh Gia vân: "Bất tu tri tri, đản tri nhi dĩ" đẳng.***

**(演)永嘉云：不須知知，但知而已等。**

*(**Diễn**: Ngài Vĩnh Gia nói: "Chẳng cần biết tới chủ thể biết và đối tượng được biết, chỉ biết mà thôi" v.v...).*

*"Bất tu tri tri"*: Chữ Tri (知) thứ nhất là Căn Bản Trí, chữ Tri thứ hai là Hậu Đắc Trí. Nói cách khác, chữ Tri thứ nhất là bản thể của Tri, chữ thứ hai là tác dụng của Tri, tức là đối tượng của Tri. *"Bất tu tri tri"*: Chẳng cần biết tới những thứ lộn xộn ấy. *"Đản tri nhi dĩ"* (Chỉ biết mà thôi), quý vị có linh tri là được rồi, chỉ cần giữ được cái Thể ấy, cái Thể ấy chính là chân tri. Ý nghĩa của Ngài (Vĩnh Gia đại sư) là ở chỗ này, rất hay, rất khéo! Xác thực là quý vị có linh tri, nhưng cái Tri ấy [nếu] chẳng khởi tác dụng thì đó là [linh tri của] chư Phật, Bồ Tát. Chúng ta hỏng ở chỗ nào? Hỏng ở chỗ cứ khư khư khởi tác dụng, tác dụng là gì? Phân biệt, chấp trước, dấy lên những thứ ấy. Chư Phật, Bồ Tát mắt thấy sắc, tai nghe tiếng rành mạch, rõ ràng, các Ngài chẳng phân biệt, không chấp trước. Vì thế, cái Biết sau đó (sau khi đã khởi phân biệt, chấp trước) chính là phân biệt, chấp trước [chẳng phải là cái Biết chân thật], còn cái Biết trên đây (cái Biết của linh tri) là hết thảy đều hiểu rõ. Hết thảy đều hiểu rõ mà chẳng cần phân biệt, chấp trước. Quý vị chỉ cần gìn giữ cái "hết thảy đều hiểu rõ" thì gọi là Phật Tánh. Hễ rớt vào phân biệt, chấp trước, bèn rớt vào tám thức, bèn mê. Do đó, cái Biết thứ nhất là giác, là

---

còn gọi là Bắc Tông của Tào Khê Tông (thiền Huệ Năng). Do các đời sau thiếu nhân tài, nên tông này suy vi dần. Sau ngài Khuê Phong Tông Mật thì hầu như Tông này chẳng còn ai biết đến nữa. Nhất là khi đường lối Thiền của các vị Thanh Nguyên Hành Tư và Nam Nhạc Hoài Nhượng được coi là chánh thống của thiền Đốn Ngộ phương Nam thì Hà Trạch Tông hoàn toàn biến mất.

linh tri; cái Biết thứ hai bèn mê, biến thành tình thức. Làm thế nào để có thể gìn giữ cái Biết thứ nhất, đó là công phu, trong Thiền Tông chuyên môn dùng công phu này. Tịnh Độ Tông chỉ dùng một câu Phật hiệu, niệm cho hết sạch tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; niệm nào cũng đều chuyên ròng nơi một câu Phật hiệu. Niệm đến mức thuần thục, hết thảy vọng tưởng và chấp trước chẳng có, câu Phật hiệu liền biến thành linh tri. Do vậy, phương pháp và kỹ xảo khác với Thiền. Chúng ta chẳng phải là thượng thượng căn, chẳng thể thành công bằng phương pháp kia (phương pháp sử dụng bởi nhà Thiền), bèn đổi sang phương pháp này (phương pháp "tín, nguyện, trì danh" của Tịnh Tông) bèn có thể thành công, phải biết điều này! [Sử dụng] phương pháp này chẳng đạt được Lý nhất tâm trong một đời này. [Chứng nhập] Lý nhất tâm là thành Phật, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Chẳng đạt được công phu ấy, không sao cả! Các bậc đại đức từ xưa đã nói rất hay: *"Đản đắc kiến Di Đà, hà sầu bất khai ngộ"* (Chỉ được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ); cái ngộ ấy chính là *"trực chỉ linh tri"*. Ta thấy A Di Đà Phật sẽ chẳng cần lo, trong hội của Phật Di Đà, quyết định thành tựu. Có nghĩa là vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có ai không thành Phật, thảy đều thành tựu. Đây là nói Thiền và Tịnh chẳng khác, y hệt như nhau!

*"Môn đình thi thiết bất đồng, nhi sở chứng vô lưỡng tâm"* (Cách lập bày, thực hiện trong mỗi môn đình khác nhau, nhưng cái tâm đã chứng thì chẳng hai). *"Môn đình"* (門庭) là nói tới tông phái, *"thi thiết"* (施設) là phương pháp, cách thức. Tông phái khác nhau, phương pháp và cách thức dạy học khác nhau, nhưng sở chứng là như nhau.

***(Diễn) Môn đình thi thiết bất đồng giả, Tịnh Độ pháp môn, hữu tịnh, hữu uế, hữu Phật, hữu sanh, thị ước kiến lập môn. Thiền Tông pháp môn, tắc tịnh uế song phi, sanh Phật bất lập, thị ước tảo đãng môn.***

**(演)門庭施設不同者，淨土法門，有淨有穢，有佛有生，是約建立門。禪宗法門，則淨穢雙非，生佛不立，是約掃蕩門。**

*(**Diễn**: "Cách lập bày, thực hiện trong mỗi môn đình khác nhau": Pháp môn Tịnh Độ có tịnh, có uế, có Phật, có chúng sanh, thuộc về môn kiến lập. Pháp môn Thiền Tông thì tịnh lẫn uế đều chẳng có, chúng sanh và Phật chẳng lập, thuộc về môn quét sạch).*

Nói về Hữu môn, Tịnh Độ Tông do Hữu môn mà tiến nhập. Ở phương Tây xác thực có thế giới Cực Lạc, trong thế giới Cực Lạc thật sự có A Di Đà Phật, tín tâm của chúng ta được kiến lập từ chỗ này. Có Phật, có chúng sanh, chúng sanh niệm Phật quyết định được sanh về Tịnh Độ. Kinh Di Đà nói hai điều "có": *"Có thế giới tên là Cực Lạc, cõi ấy có Phật hiệu là A Di Đà"*, *"A Di Đà Phật nay hiện đang thuyết pháp"*, hai điều Có, một điều "hiện tại", đó là từ Hữu môn mà nhập. Do vậy, Tịnh Tông là Kiến Lập Môn, chỉ phương lập tướng, [tức là] *"chỉ bày phương vị, kiến lập hình tướng"*, từ Hữu môn để tiến nhập. Thiền Tông hoàn toàn tương phản: *"Thiền Tông pháp môn, tắc tịnh uế song phi, sanh Phật bất lập"* (Pháp môn Thiền Tông thì tịnh lẫn uế đều chẳng có, chúng sanh và Phật chẳng lập), [trong Thiền Tông] chẳng có Phật, chẳng có chúng sanh, chẳng uế, mà cũng chẳng tịnh. Do vậy, xác thực là rất khó, [vì đòi hỏi hành nhân phải có công phu] ngay lập tức thanh tịnh tâm địa, chẳng nhiễm mảy trần. Lục Tổ nói *"vốn chẳng có một vật"*. Chúng ta không được, trong tâm chẳng biết có bao nhiêu vật, thứ gì cũng đều chẳng bỏ được, quá ư là nhiều! Do vậy, hai thứ phương pháp và kỹ thuật dạy học chẳng giống nhau. Trong tâm chúng ta có quá nhiều thứ lộn tùng phèo, mong học Thiền sẽ chẳng học được. Thiền thì tâm ắt phải thanh sạch, chẳng nhiễm mảy trần, như vậy thì mới có thể. Đây là cách thức lập bày, thực hiện trong mỗi môn đình khác nhau, nhưng sở chứng như nhau.

***(Diễn) Sở chứng vô lưỡng tâm giả, bỉ nhất thiết tận tảo giả, đốn trừ vọng tưởng, trực hiển linh tri. Thử nhất thiết kiến lập giả, sử thành tam-muội, diệc ngộ linh tri.***

**(演)所證無兩心者，彼一切盡掃者，頓除妄想，直顯靈知；此一切建立者，使成三昧，亦悟靈知。**

*(**Diễn**: "Cái tâm được chứng đắc chẳng hai": Pháp môn kia (Thiền) quét sạch hết thảy, trừ ngay vọng tưởng, trực tiếp hiển lộ linh tri. Pháp môn này (Tịnh Độ) kiến lập hết thảy, khiến cho [hành nhân] thành tựu tam-muội, cũng ngộ linh tri).*

Mục đích của Thiền Tông là hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thảy đều bỏ sạch, tâm thanh tịnh, khôi phục bản tánh linh tri, họ sử dụng phương pháp này. Tông của chúng ta thì sao? *"Thử nhất thiết kiến lập giả, sử thành tam-muội, diệc ngộ linh tri"* (Pháp môn này kiến lập

hết thảy, khiến cho [hành nhân] thành tựu tam-muội, cũng ngộ linh tri). Họ là đốn ngộ, chúng ta là tiệm ngộ, chúng ta cũng thong thả đi theo con đường ấy. Công phu niệm Phật được chia thành ba tầng cấp:

1) Tầng cấp thứ nhất là *"công phu thành phiến"*. Nói thật ra, trong một đời, ai nấy đều nhất định đạt được công phu này. Có thể thực hiện công phu này, quyết định vãng sanh. Do vậy, các vị tổ sư từ xưa đã nói pháp môn này là *"vạn người tu, vạn người đến"* là do đạo lý này, chẳng có ai không thành tựu!

2) Công phu bậc trung là Sự nhất tâm bất loạn, là số ít; người có công phu như vậy chẳng nhiều như loại thứ nhất.

3) Tầng cấp cao nhất là Lý nhất tâm bất loạn, ở đây nói là công phu thượng thượng thừa, đương nhiên số người [đạt đến công phu như vậy] càng ít hơn.

Nói thật ra, trong thời đại hiện tại (thời kỳ Mạt Pháp), chúng ta muốn đạt tới Sự nhất tâm bất loạn thì gần như chẳng thể được. Vì sao? Đoạn Kiến Tư phiền não thì trong hiện thời, người niệm Phật nào có thể đạt đến công phu như vậy? Nhưng chư vị phải hiểu: Nếu Thiền mà chẳng đạt đến đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, sẽ chẳng thể thoát tam giới, vẫn phải luân hồi sanh tử trong lục đạo. Đã luân chuyển trong lục đạo, nhất định sẽ đọa lạc trong ba ác đạo. Vì thế, Thiền thì phải là công phu thượng thừa mới được coi là thành tựu, chứ trung hạ căn sẽ chẳng có kết quả gì; nhưng đối với Tịnh, công phu hạ hạ là đã có thể vãng sanh. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, được bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, chúng ta sẽ vĩnh viễn chẳng thoái chuyển. Không chỉ là chẳng thoái chuyển, kinh đã nói rất rõ ràng: Hạ hạ phẩm vãng sanh chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Nói cách khác, sanh về thế giới Tây Phương, đạt được lợi ích giống như bậc thượng thượng thừa trong Thiền Tông, thậm chí còn thù thắng hơn họ! Điều này chẳng thể nghĩ bàn! So sánh giữa hai pháp, Thiền là *"nan hành đạo"* (đạo khó hành), niệm Phật là *"dị hành đạo"* (đạo dễ hành). So cặn kẽ giữa hai đằng, Tịnh Tông mau chóng, còn nhanh chóng, dễ dàng, đơn giản, ổn thỏa, thích đáng hơn Thiền, thứ gì cũng đều vượt trỗi Thiền Tông, chớ nên không biết điều này! Cuối cùng, Ngài dẫn lời cổ nhân:

***(Diễn) Cố cổ vân: "Tham Thiền bổn vị siêu sanh tử, niệm Phật diệc nhân thoát tử sanh, đản hướng nhất biên ai đắc nhập, lưỡng điều môn lộ bất đa tranh".***

**(演)故古云：參禪本為超生死，念佛亦因脫死生，但向一邊挨得入，兩條門路不多爭。**

*(**Diễn**: Vì thế cổ nhân nói: "Tham Thiền vốn để siêu sanh tử, niệm Phật cũng vì thoát tử sanh. Bám chắc một bên bèn ngộ nhập, hai đường tùy ý há đua tranh").*

*"Tham Thiền bổn vị siêu sanh tử"* (Tham Thiền vốn là để vượt thoát sanh tử), người học Thiền nhằm mục đích vượt thoát luân hồi trong lục đạo, liễu sanh tử, thoát khỏi tam giới. *"Niệm Phật diệc nhân thoát tử sanh"* (Niệm Phật cũng vì thoát tử sanh), có thể thấy là mục đích giống hệt như nhau. *"Đản hướng nhất biên ai đắc nhập, lưỡng điều môn lộ bất đa tranh"* (Chỉ hướng theo một bên mà hành sẽ được tiến nhập, hai con đường [tùy ý chọn lựa một đường] chẳng phải tranh chấp nhiều), giống như căn nhà này có hai cửa, ở ngoài cửa chẳng cần phải tranh chấp, tùy tiện theo cửa nào để vào cũng đều được, đều đạt đến mục đích. Cần gì học Thiền phải bài xích Tịnh, học Tịnh phải bài xích Thiền? Chẳng cần phải tranh chấp! Phải biết là phương pháp chẳng giống nhau, nhưng mục đích chẳng khác nhau, hoàn toàn nhất trí!

*"Thiện tai Trung Phong chi ngôn viết"* (Lành thay! Ngài Trung Phong đã nói). Thiền sư Trung Phong là người đời Nguyên, nghi thức Phật sự Tam Thời Hệ Niệm do Ngài biên soạn. Tuy Ngài là bậc đại đức trong Thiền Tông, Tam Thời Hệ Niệm hoàn toàn cầu sanh Tịnh Độ. Vì thế, khi lâm chung, thiền sư Trung Phong niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ. Ngài nói: *"Thiền giả, Tịnh Độ chi Thiền; Tịnh Độ giả, Thiền chi Tịnh Độ dã"* (Thiền là Thiền của Tịnh; Tịnh là Tịnh của Thiền); chỉ rõ Thiền và Tịnh là một, không hai. *"Hữu vị hồ ngôn chi dã"* (Lời ấy có ý vị thay), câu này rất có ý vị. Chỉ xem hai chữ Thiền và Tịnh, quý vị càng xem, càng thấy thú vị. Thiền là chẳng chấp tướng. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư đã giải thích Thiền Định như sau: *"Ngoài chẳng chấp tướng là Thiền"*. Nói cách khác, chẳng bị cảnh giới bên ngoài lay động, chẳng bị ngoại cảnh nhiễu loạn thì gọi là Thiền. Tâm chẳng hướng ra ngoài phan duyên, đó là Định. Tâm chẳng duyên theo bên ngoài là Định, cảnh giới bên ngoài chẳng thể nhiễu loạn là Thiền. *"Tịnh"* là tâm thanh tịnh. Nếu bị cảnh giới bên ngoài quấy nhiễu, tâm chẳng thanh tịnh. Cái tâm nếu hướng ra ngoài phan duyên thì cũng chẳng thanh tịnh. Vì thế, quý vị hãy nói xem: Tịnh và Thiền là một hay hai? Xác thực là một chuyện. Thiền sư Trung Phong nói lời ấy rất có ý vị. Huống hồ trong kinh Đại Tập,

Thích Ca Mâu Ni Phật đã bảo chúng ta: *"Niệm Phật được gọi là thượng thượng Thiền"*, chẳng phải là Thiền bình phàm! Thượng thượng Thiền là minh tâm kiến tánh Thiền, nhằm phân biệt chẳng phải là Tứ Thiền Bát Định, chẳng phải là Cửu Thứ Đệ Định. Những thứ ấy đều chẳng phải là thượng thượng Thiền, niệm Phật là thượng thượng Thiền.

***(Sao) Hoặc vị: "Trực chỉ chi Thiền, bất lập văn tự, kim trì danh hiệu, nhược vi hội đồng?"***

**(鈔)**或謂：直指之禪，不立文字，今持名號，若為會同？

*(**Sao**: Hoặc nói: "Thiền Trực Chỉ chẳng lập văn tự, nay làm sao có thể hiểu trì danh hiệu là tương đồng [với Thiền Trực Chỉ] cho được?)*

Giả sử có người đưa ra câu hỏi như thế, chỉ rõ Thiền và Tịnh khác nhau. Vì sao? Thiền Tông là chỉ thẳng tâm người, chẳng lập văn tự. Tịnh Độ Tông là chấp trì danh hiệu, danh hiệu là A Di Đà Phật, có bốn chữ tồn tại! Một đằng chẳng lập văn tự, một đằng kiến lập trên văn tự, làm sao có thể như nhau cho được? Lời hỏi này cũng rất cao minh, cũng rất có căn cứ.

***(Sao) Bất tri truyền pháp dĩ tứ cú chi kệ, ấn tâm dĩ tứ quyển chi kinh, giảo chi tứ tự danh hiệu, văn cánh phồn hỹ.***

**(鈔)**不知傳法以四句之偈，印心以四卷之經，較之四字名號，文更繁矣。

*(**Sao**: Chẳng biết truyền pháp bèn dùng bài kệ bốn câu, ấn tâm dùng bộ kinh bốn quyển, so với danh hiệu [chỉ gồm] bốn chữ, văn tự càng rườm rà hơn).*

Đáp rất tuyệt! Chư tổ truyền tâm, truyền pháp cho nhau, có văn tự hay không? Có chứ! Tổ sư Đạt Ma đến Trung Hoa, truyền pháp cho Nhị Tổ Huệ Khả, dùng bộ kinh Lăng Già gồm bốn quyển để ấn tâm. Bốn quyển kinh Lăng Già nhiều hơn bốn chữ A Di Đà Phật quá nhiều!

***(Diễn) Truyền pháp tứ cú giả, Sơ Tổ vân: "Ngô bổn lai tư thổ, truyền pháp độ mê tình, nhất hoa khai ngũ diệp, kết quả tự nhiên thành".***

**(演)傳法四句者，初祖云：吾本來茲土，傳法度迷情，一花開五葉，結果自然成。**

*(**Diễn**: "Truyền pháp bằng bốn câu", Sơ Tổ nói: "Ta vốn đến xứ này, truyền pháp độ mê tình, một hoa xòe năm cánh[61], kết quả tự nhiên thành").*

Đây là [bài kệ do] tổ sư Đạt Ma truyền cho Nhị Tổ Huệ Khả, hai mươi chữ nhiều hơn bốn chữ A Di Đà Phật quá nhiều!

***(Sao) Cái phi dĩ đoạn diệt văn tự vi bất lập dã. Bất tức văn tự, bất ly văn tự, đạt trước khế chi.***

**(鈔)蓋非以斷滅文字為不立也。不即文字，不離文字，達著契之。**

*(**Sao**: Ấy là vì chẳng phải coi "đoạn diệt văn tự" là "chẳng lập". Chẳng phải là văn tự, chẳng lìa văn tự, hễ thông đạt sẽ khế nhập).*

Câu kết luận cuối cùng rất quan trọng. Thiền Tông tự xưng là *"chẳng lập văn tự, chỉ thẳng tâm người"*, [thế mà] văn tự trong Thiền Tông nhiều hơn bất cứ tông phái nào khác! Quý vị xem Đại Tạng Kinh sẽ biết ngay. Ngữ lục của các vị tổ sư Thiền Tông [quá nhiều], Lục Tổ đại sư còn có một bộ Đàn Kinh, Đàn Kinh có phải là văn tự hay không? Văn tự trong kinh ấy còn dài hơn kinh Di Đà của chúng ta! Chư vị phải hiểu "chẳng lập văn tự" là "chẳng chấp trước văn tự", chẳng phải là "không cần văn tự", họ vẫn cần tới văn tự. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã dạy chúng ta một nguyên tắc: *"Lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên"*. Tham Thiền phải như vậy thì mới được. Nói thật ra, học Giáo cũng phải tuân thủ nguyên tắc này. Tham Thiền mà có thể lìa tướng bèn có thể khai ngộ, người học Giáo có thể lìa tướng sẽ có thể đại khai viên giải, người niệm Phật có thể lìa tướng bèn có thể đắc nhất tâm bất loạn. Vấn đề là "lìa rất khó!" Nói rất dễ dàng, lìa rất khó khăn! Điều này có nghĩa là: Chẳng phải là nói "không có văn tự", chẳng phải là nói "không có ngôn thuyết". Ngôn thuyết và văn tự thảy đều có, quý vị chớ nên chấp trước, chấp trước là

[61] Thiền Tông Trung Hoa thường cho rằng bài kệ này là lời huyền ký của Tổ cho biết Thiền Tông về sau sẽ chia thành năm phái lớn là Vân Môn, Tào Động, Pháp Nhãn, Quy Ngưỡng và Lâm Tế.

bệnh! Ngôn ngữ và văn tự chẳng có khuyết điểm, chẳng có lỗi lầm, nhưng chấp trước là bệnh, phân biệt là bệnh. Phân biệt là Sở Tri Chướng, chấp trước là Phiền Não Chướng. Quý vị chẳng phân biệt, không chấp trước, quý vị ứng dụng nó, lấy đâu ra chướng ngại? Trong Hoa Nghiêm Sớ Sao, Thanh Lương đại sư đã nói: *"Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại"*. Đó gọi là Nhất Chân pháp giới, đắc đại tự tại, hết thảy chướng ngại đều chẳng có. Chướng ngại sanh từ nơi đâu? Chướng ngại sanh từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nếu quý vị chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chúc mừng quý vị, quý vị đã thành Phật. Phật và chúng sanh sai biệt [ở chỗ] chúng sanh có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, Phật chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Phẩm [Như Lai] Xuất Hiện trong kinh Hoa Nghiêm đã nói rất rõ ràng: *"Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai; chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, mà chẳng thể chứng đắc"*. Bằng một lời, đức Phật đã nói toạc gốc bệnh của chúng ta là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Thiền Tông nói Tham thì Tham (參) là như thế nào? Lìa tâm ý thức để tham. Thức thứ sáu phân biệt, thức thứ bảy chấp trước, thức thứ tám lưu ấn tượng. Lìa tâm ý thức là quý vị đừng nên phân biệt, chớ nên chấp trước, đừng giữ lại ấn tượng. Chẳng giữ lại ấn tượng là đừng ghi nhớ trong lòng, chuyện đã qua bèn quên sạch sành sanh, giống như gì? Phật pháp thường nói: Chúng ta dụng tâm phải giống như một tấm gương. Gương thì [vật] hiện tiền bèn soi rành mạch, [khi vật] dời đi, chẳng để lại dấu vết gì! Chúng ta dụng tâm phải giống như gương. Gương soi các vật chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, không lưu lại ấn tượng. Phàm phu chúng ta dụng tâm giống như cuốn phim trong máy chụp ảnh: Có phân biệt, có chấp trước, giữ lại ấn tượng. Từ vô thỉ kiếp tới nay, trong tâm một mực hồ đồ, lưu giữ những thứ ô nhiễm quá nhiều. Tâm Phật như một tấm gương. Do vậy, kinh điển có ý nghĩa như một tấm gương, chúng ta mỗi ngày sáng tối đều phải soi gương để rửa sạch mặt mũi. Vì sao mở kinh điển ra giống như [đối trước] một tấm gương? Những thứ bẩn thỉu trong tâm cũng phải tẩy gột sạch làu, hễ lìa tâm ý thức bèn gột sạch. Thiền Tông dùng phương pháp "tham thoại đầu" hoặc "quán tâm" để rửa lòng đổi hạnh. Tông phái của chúng ta dùng bốn chữ danh hiệu, hoặc sáu chữ hồng danh, dùng phương pháp ấy để rửa lòng đổi hạnh, kinh Vô Lượng Thọ dạy như vậy. Học Phật thì phải hành thật sự, thật sự hành mới là học. Hằng ngày tụng kinh, niệm Phật mà chẳng làm, đó chẳng gọi là "học Phật", mà là Phật học. Phật học

chẳng phải là học Phật, Phật học vô dụng! Đối với chuyện liễu sanh tử, xuất tam giới của chính mình chẳng có liên quan gì! Cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng chẳng thể! Nhất định phải học Phật, Phật là tâm gì, ta phải học, học giống như Ngài. Phật đãi người, tiếp vật như thế nào, ta cũng phải học giống hệt như Ngài thì mới được! Phật tâm và Phật hạnh đều ở trong kinh điển. Do đó, liễu giải ý nghĩa của kinh điển, chiếu theo lời dạy trong kinh điển để hành thì gọi là học Phật, đó mới là hữu dụng.

Chẳng phải đoạn diệt văn tự là *"bất lập"*. *"Bất lập văn tự"* chẳng phải là không cần văn tự, chẳng phải là vứt bỏ văn tự, mà là *"bất tức văn tự, bất ly văn tự"*, [nghĩa là] đối với ngôn ngữ và văn tự, bèn chẳng chấp trước, mà cũng chẳng xa lìa. Chẳng lìa [nghĩa là] ta phải dùng nó, ta phải sử dụng văn tự, phải dùng ngôn ngữ. *"Bất tức"* là gì? Quyết định chẳng chấp trước, biết nó chỉ là công cụ mà thôi. Nó là công cụ, sau khi dùng xong bèn bỏ đi; kinh Kim Cang dạy: *"Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp"* (Pháp còn nên bỏ, huống hồ phi pháp); có thể dùng, dùng xong bèn bỏ, chớ nên chấp trước, như vậy sẽ là hoàn toàn chánh xác.

***(Sớ) Hựu thử nhất tâm, đương tri Tâm Vương, Tâm Sở, vô bất nhất cố.***

**(疏)又此一心，當知心王心所，無不一故。**

*(**Sớ**: Lại nữa, đối với nhất tâm, hãy nên biết Tâm Vương và Tâm Sở, không gì chẳng là một).*

Trong phần trước, [nói] *"Tịnh là Thiền, Thiền là Tịnh"*, tức là hội thông với Tông Môn. Đoạn này nhằm để hội thông cùng Giáo Hạ. Do vậy, có thể biết: Tịnh Tông xác thực là thông Tông, thông Giáo. [Hành nhân trong] Thiền Tông đã hiểu rõ đạo lý này, bèn chuyên tâm niệm A Di Đà Phật, thành tựu mục đích của Thiền Tông. Giáo Hạ hiểu rõ đạo lý này, nhất tâm niệm A Di Đà Phật, đạt tới mục đích thông Giáo. Pháp môn này đúng là tuyệt diệu!

***(Sao) Vương Sở giải kiến tiền văn, thử chi bát giả, cập ngũ thập nhất.***

**(鈔)王所解見前文，此之八者，及五十一。**

*(**Sao**: Xem lời giải thích Tâm Vương và Tâm Sở trong phần trước, những điều này bao gồm tám Tâm Vương và năm mươi mốt Tâm Sở).*

Tâm Vương và Tâm Sở đã nói trong phần trước. *"Vương"* (王) có nghĩa là tự tại. *"Sở"* (所) là chẳng tự tại. Giống như một quốc gia, quốc vương [xưa kia] và Tổng Thống trong hiện thời khác nhau. Tổng Thống hiện thời bị Quốc Hội kiềm chế, chẳng được tự tại, muốn làm chuyện gì mà Quốc Hội không thông qua, sẽ chẳng có cách nào! Xưa kia, làm hoàng đế rất tự tại, người nào cũng phải nghe lệnh nhà vua. Một mình nhà vua điều khiển, ra lệnh, nhân dân cả nước phải nghe theo sự chỉ huy của nhà vua, chẳng thể phản kháng. Do đó, *"Vương"* biểu thị sự tự tại. *"Sở"* chẳng tự tại, là thần dân, phải vâng theo sự sai khiến và mệnh lệnh của Vương. Ở đây, đức Phật sánh ví cái tâm như vua, sánh ví những tác dụng sanh khởi bởi cái tâm giống như thần dân. Do vậy, bèn có Tâm Vương và Tâm Sở. Tâm Vương có tám món; nói thật ra, tám món ấy thật ra là một. Tâm chỉ có một, lấy đâu ra tám cái tâm? Thật ra, tám cái tâm ấy đều do A Lại Da khởi tác dụng. A Lại Da đúng là vị vua bậc nhất, giống như quốc vương; bảy món kia giống như đại thần dưới quyền nhà vua, giống như viện trưởng các viện, hoặc bộ trưởng các bộ, cũng khá tự tại. Tâm Sở chẳng tự tại, Tâm Sở phụ thuộc Tâm Vương, chẳng giống như Tâm Vương có thể đơn độc nắm quyền một phương. Tám Tâm Vương là tám thức, [bao gồm] A Lại Da Thức, thức thứ bảy là Mạt Na, thức thứ sáu tức Ý Thức, cộng thêm năm thức trước: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Do vậy, có tất cả tám thức. Tâm Sở tương ứng với tám thức cũng là nhiều hay ít khác nhau, như tương ứng với A Lại Da Thức chỉ có năm Biến Hành Tâm Sở[62], chỉ có năm điều, ít nhất. Tâm Sở tương ứng với thức thứ sáu, tức Ý Thức, có tất cả năm mươi mốt món, nhiều nhất. Vì thế, nó rất có thể dấy lên vọng tưởng. Tất cả phiền não và vọng tưởng đều phát xuất từ nó. Điều khẩn yếu thuộc trong phần sau:

***(Sao) Phân nhiên bất tề, tạp nhiên cạnh khởi, nhi ngôn vô bất nhất giả.***

**(鈔)**紛然不齊，雜然競起，而言無不一者。

*(**Sao**: Rối ren chẳng đồng nhất, chen nhau dấy lên tạp loạn, mà nói là "không món nào chẳng là một").*

Liên Trì đại sư nói: Lý nhất tâm bất loạn chính là Tâm Vương và

[62] Năm thứ Biến Hành Tâm Sở là Tác Ý, Xúc, Thọ, Tưởng, Tư. Nếu nói theo Tâm Lý Học hiện thời, có thể hiểu thô thiển là tương ứng với sự chú ý, cảm giác, tri giác, tình cảm, và ý chí.

Tâm Sở, không món nào chẳng là một. Nói theo cách nào vậy? Trong Tướng Tông, tình huống xác thực là [các pháp, các danh tướng] rối ren, chẳng đồng nhất, tạp loạn tranh nhau dấy lên.

***(Diễn) Phân nhiên bất tề giả, ước thiện, ác, vô ký tam tánh thuyết. Dĩ tam tánh tự thể huýnh dị cố.***

**(演)**紛然不齊者，約善惡無記三性說，以三性自體迥異故。

*(**Diễn**: "Rối ren chẳng đồng nhất" là nói theo ba tánh thiện, ác, vô ký (chẳng thiện, chẳng ác), bởi tự thể của ba tánh khác biệt vời vợi).*

Đó là chẳng đồng nhất. Năm mươi mốt Tâm Sở, gồm mười một Thiện Tâm Sở, hai mươi sáu Ác Tâm Sở (sáu Căn Bản Phiền Não và hai mươi Tùy Phiền Não), những thứ khác thuộc loại Vô Ký. Vô Ký (無記, Avyākṛta) có nghĩa là chẳng thiện, chẳng ác, nhưng nó có tác dụng, có sự việc. Tánh chất của chúng (Tâm Vương và Tâm Sở) hoàn toàn chẳng tương đồng. Đó là chẳng đồng nhất, rối ren chẳng đồng nhất!

***(Diễn) Tạp nhiên cạnh khởi giả, ước bát thức duyên cảnh bất đồng thuyết, dĩ nhãn thức duyên sắc, nhĩ thức duyên thanh, Lại Da duyên căn, thân, khí giới.***

**(演)**雜然競起者，約八識緣境不同說，以眼識緣色，耳識緣聲，賴耶緣根身器界。

*(**Diễn**: "Chen nhau dấy lên tạp loạn": Ước theo tám thức duyên theo từng cảnh sai khác mà nói; bởi lẽ, nhãn thức duyên sắc, nhĩ thức duyên theo tiếng, A Lại Da duyên theo căn, thân, khí thế gian thế giới).*

Đối với mỗi Tâm Vương và Tâm Sở trong tám thức và năm mươi mốt Tâm Sở, cảnh giới sở duyên của mỗi thứ đều khác nhau. Đó là *"tạp nhiên cạnh khởi"*. Vì sao có thể nói chúng là một? Câu hỏi này rất hay! Dưới đây là phần giải thích:

***(Sao) Lương diêu vương sở tuy đa, tố lưu cùng nguyên, bất xuất nhất tâm.***

**(鈔)**良繇王所雖多，溯流窮源，不出一心。

*(**Sao**: Ấy là vì Tâm Vương và Tâm Sở tuy nhiều, truy ngược tới tận*

*cùng nguồn cội, chúng đều chẳng ra ngoài nhất tâm).*

Nếu truy cứu cội nguồn của Tâm Vương và Tâm Sở, [sẽ thấy] Tâm Sở chẳng lìa Tâm Vương. Tâm Vương do đâu mà có? Từ nhất tâm mà có. Truy tìm đến cội nguồn cuối cùng thì chúng sẽ là nhất tâm, đều do nhất tâm khởi tác dụng, chẳng phải là gì khác.

***(Diễn) Thỉ tùng thanh tịnh tâm trung, vô minh vọng động, chuyển thành Lại Da. Thứ tùng Lại Da, chuyển xuất tiền thất. Tâm Vương ký khởi, Tâm Sở tùy hành, thứ đệ dẫn sanh ngũ thập nhất chủng, như tùng nguyên xuất lưu dã.***

**(演)始從清淨心中，無明妄動，轉成賴耶。次從賴耶，轉出前七。心王既起，心所隨行，次第引生五十一種，如從源出流也。**

***(Diễn**: Khởi đầu từ trong tâm thanh tịnh, vô minh vọng động, chuyển thành A Lại Da. Kế đó, từ A Lại Da chuyển thành bảy thức trước. Tâm Vương đã dấy lên, Tâm Sở liền xuất hiện theo, lần lượt theo nhau sanh khởi, tạo thành năm mươi mốt loại, như từ một nguồn mà chia ra các dòng vậy).*

*"Thỉ tùng thanh tịnh tâm trung"* (Khởi đầu từ trong tâm thanh tịnh), diễn tả Tâm Vương và Tâm Sở phát xuất như thế nào. Tâm thanh tịnh là Chân Như bản tánh, là chân tâm bản tánh của chính mình. *"Vô minh vọng động, chuyển thành Lại Da"* (Vô minh vọng động, chuyển thành A Lại Da). Kinh luận Tướng Tông nói: *"Vô minh bất giác sanh tam tế"* (Vô minh bất giác sanh ra ba tế tướng), *"tam tế"* (三細) là ba tế tướng[63] của A Lại Da. *"Cảnh giới vi duyên trưởng lục thô"* (Cảnh giới làm duyên tăng trưởng sáu thô tướng). Nếu nói theo cách hiện thời, hết

---

[63] Tam tế tướng của A Lại Da là:
1) Vô Minh Nghiệp Tướng, còn gọi tắt là Nghiệp Tướng. Do bất giác mà động tâm. Hễ động, bèn có khổ. Do quả chẳng lìa nhân nên gọi là Nghiệp. Đây là tướng đầu tiên từ chân khởi vọng.
2) Năng Kiến Tướng, còn gọi là Kiến Tướng, hoặc Chuyển Tướng, tức là do tâm đã động, bèn có cái thấy, khởi lên tâm nhận thức đối tượng được thấy bởi Căn một cách chủ quan.
3) Cảnh Giới Tướng: Do có cái thấy (năng kiến) của vọng tâm mà có phân biệt cảnh giới hư vọng.

thảy vạn vật trong vũ trụ sanh thành như thế nào? Truy cứu cội nguồn của nó, vũ trụ do đâu mà có? Vạn vật do đâu mà có? Các nhà khoa học thăm dò, nghiên cứu, chẳng tìm thấy cội nguồn! Họ nêu ra thuyết Tiến Hóa Luận, theo thuyết ấy, do sự tiến hóa diễn biến dần dần trong đại vũ trụ mà sanh ra các hiện tượng, nhưng lý luận ấy chẳng được đại đa số mọi người chấp nhận. Nếu nói nhân loại do khỉ vượn tiến hóa thành, vì sao khỉ vượn trên cõi đời này chẳng tiến hóa thành người? Vì sao một nửa loài khỉ tiến hóa thành người, một nửa vẫn giữ nguyên diện mạo sẵn có? Nói kiểu nào cũng nói chẳng suông! Đối với chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, dựa vào khoa học kỹ thuật, rất khó tìm ra cội nguồn. Những điều cành nhánh có thể tìm được, chứ chẳng thể tìm ra căn bản, căn bản quá sâu. Những điều nông cạn, rõ rệt thì khoa học có thể ấn chứng, chứng thực; chứ những điều tột cùng sâu thẳm, khoa học kỹ thuật chẳng đạt được. Nói theo phương pháp luận khoa học, sẽ hết sức rõ rệt là những cái được thế gian gọi là Lý Tắc Học (Luận Lý Học), La Tập (Logic), Biện Chứng Pháp (Dialectical Logic), trong Phật pháp gọi là Nhân Minh (Hetuvidyā), những thứ ấy đều có thể coi như các phương pháp khoa học. Dùng những phương pháp ấy để thăm dò vũ trụ và nhân sinh, xác thực là đã đem lại rất nhiều thuận tiện cho chúng ta. Khá nhiều phát minh đều nhờ những phương pháp ấy mà tìm ra, nhưng nếu để thăm dò tâm tánh thì những thứ ấy hoàn toàn chẳng có tác dụng! Trong Phật pháp, đối với Phật pháp bậc trung và bậc thấp, có thể sử dụng Nhân Minh, nhưng đối với Phật pháp cao cấp sẽ chẳng dùng được, những thứ ấy chẳng có một tí tác dụng nào! Nhân Minh vô dụng đối với Thiền, mà đối với Tịnh cũng vô dụng. Áp dụng vào Giáo bậc cao cũng chẳng được, nhưng [đối với Giáo Hạ] sơ cấp và trung cấp thì có thể sử dụng. Kinh Lăng Nghiêm đối với chuyện này đã nêu tỏ hết sức thấu triệt.

Trong cái tâm thanh tịnh, vô minh vọng động, *"vô minh bất giác sanh tam tế"* (vô minh bất giác, bèn sanh ra ba tế tướng), biến chân tâm bản tánh thành A Lại Da. *"Thứ tùng Lại Da, chuyển xuất tiền thất"*, [có nghĩa là] từ A Lại Da, lại chuyển thành bảy thức trước (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý và Mạt Na). [Bảy thức ấy] cùng với A Lại Da được gọi là tám Tâm Vương, Tâm Vương bèn tồn tại. Tâm Vương khởi tác dụng, được gọi là Tâm Sở (những thuộc tánh của cái tâm). *"Tâm Sở tùy hành, thứ đệ dẫn sanh ngũ thập nhất chủng"* (Tâm Sở liền xuất hiện theo, lần lượt theo nhau sanh khởi tạo thành năm mươi mốt loại), *"ngũ thập nhất chủng"* là chủng loại. Tác dụng của tâm được quy nạp thành năm mươi

mốt loại lớn, nếu chia nhỏ sẽ rất rắc rối. Di Lặc Bồ Tát soạn Du Già Sư Địa Luận đã quy nạp hết thảy các pháp thành sáu trăm sáu mươi pháp. Sáu trăm sáu mươi pháp đối với kẻ sơ học như chúng ta cũng rất khó khăn, quá nhiều! Thiên Thân Bồ Tát lại quy nạp sáu trăm sáu mươi pháp ấy, quy thành một trăm pháp. Nói cách khác, Bách Pháp Minh Môn là đại cương của Du Già Sư Địa Luận. Do đó, bất cứ pháp nào, hễ khai triển cũng đều là vô lượng vô biên, đúng là hết sức phức tạp, chẳng phải là đơn giản như kinh giáo đã nói. [Kinh giáo] đơn giản là vì đã quy nạp lần nữa những điều đã được quy nạp, [khiến cho chúng trở thành] có lớp lang hợp lý, khiến cho chúng ta có chỗ để nhập môn.

***(Diễn) Kim tố lưu cập nguyên giả.***

**(演)今溯流及源者。**

*(**Diễn**: Nay truy ngược tận nguồn cội).*

Chúng ta thuận theo dòng, giống như dõi theo dòng nước, tìm ra cội nguồn của nó.

***(Diễn) Tắc Tâm Sở bất ly Tâm Vương, Tâm Vương bất khởi, Tâm Sở bất sanh cố. Tâm Vương bất ly diệu tâm, diệu tâm bất động, Tâm Vương bất hiện cố.***

**(演)則心所不離心王，心王不起，心所不生故。心王不離妙心，妙心不動，心王不現故。**

*(**Diễn**: Tâm Sở chẳng lìa Tâm Vương, Tâm Vương chẳng khởi thì Tâm Sở chẳng sanh. Tâm Vương chẳng lìa diệu tâm, do diệu tâm bất động nên Tâm Vương chẳng hiện).*

*"Diệu tâm"* là chân tâm, là linh tri. Chư vị nhất định phải biết chân tướng sự thật này. Rất ít người biết chân tướng sự thật này; do vậy, đức Phật nói chúng sanh đang mê. Chân tri là gì? Tâm bất động là chân tri, không gì chẳng biết; tâm hễ động, điều gì cũng đều không biết. Trong kinh, đức Phật sánh ví tâm như nước. Khi nước bất động, giống như một tấm gương, soi cảnh giới bên ngoài rành mạch, rõ ràng, chẳng có gì không biết. Tâm vừa động, nước liền cuộn sóng, hễ cuộn sóng sẽ chẳng chiếu soi rõ rệt. Dẫu có chiếu soi thì cũng vỡ vụn thành những mảnh nhỏ ly ti, những gì quý vị biết sẽ chẳng phải là chân tướng. Người học Phật dùng tư duy, dùng tưởng tượng, dùng phân biệt để nghiên cứu

kinh giáo, có thể hiểu rõ những ý nghĩa trong kinh giáo hay không? Người ấy tự cho là đã hiểu rõ, đâu phải vậy! Quả thật là người ấy càng nghiên cứu càng hỏng bét, càng nghiên cứu tâm càng dao động lớn hơn, vốn là sóng nhỏ, biến thành sóng lớn. Vì thế, biến kinh điển thành học thuật thế gian, hiểu sai be bét toàn bộ ý nghĩa trong kinh Phật. Vì sao hiểu sai? Do quý vị dùng thức thứ sáu, tức Ý Thức, dùng thức thứ bảy, toàn bộ đều sai lầm!

Làm như thế nào thì mới có thể thật sự hiểu rõ? Chẳng dùng tâm ý thức bèn hiểu rõ. Chẳng dùng tâm ý thức, sẽ chiếu kiến! Tâm thủy bình lặng, bình lặng là chiếu kiến, hễ tiếp xúc bèn hiểu rõ. Hễ nghiên cứu bèn cuộn sóng. Đã cuộn sóng, há có thể nào chiếu kiến? Người hiểu đạo lý này chẳng nhiều, đặc biệt là người hiện thời. Cổ nhân đã hiểu; vì thế, đối với cổ nhân, không chỉ là Thiền Tông, mà Giáo Hạ cũng chẳng phải là ngoại lệ, đều là tiến nhập từ Định. *"Nhân Giới sanh Định, nhân Định khai Huệ"*, trí huệ đã khai rồi mới đọc kinh. Tông Môn phải là sau khi đã đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh rồi mới đọc kinh. Họ đọc kinh nhằm ấn chứng. Giáo Hạ chẳng cần công phu định lực cao như thế, nhưng phải có công phu định lực nho nhỏ thì mới có thể nghe kinh. Chẳng có chút công phu định lực nào, chẳng được phép nghe kinh! Trong Sa Di Luật Nghi có nói: Đã xuất gia thì phải học giới năm năm. Trong năm năm ấy, chẳng được phép nghe kinh. Chùa miếu xưa kia là trường học, có Thiền đường, có giảng đường, có Niệm Phật Đường. [Trong năm năm ấy], quý vị chẳng có tư cách niệm Phật, chẳng có tư cách tham Thiền, mà cũng chẳng có tư cách nghe kinh, làm chuyện gì? Phục vụ thường trụ, chăm sóc đại chúng, sau năm năm mới có tư cách đến tọa Thiền trong Thiền đường, vào giảng đường nghe kinh; do năm năm [học giới], cái tâm đã định. Năm năm ấy là giáo dục sơ bộ, giống như kiểu giáo dục học trò mới trong nhà trường hiện thời, hoặc cách giáo dục dành cho binh lính mới nhập ngũ trong quân đội. Giáo dục nhập ngũ trong Phật môn là năm năm, dài hơn giáo dục thế gian. Năm năm ấy nhằm huấn luyện định tâm, thâu hồi cái tâm. Tâm đã định, sẽ khai trí huệ. Có trí huệ, nghe giảng kinh, quý vị sẽ có ngộ xứ, có thể lãnh ngộ. Tâm chẳng định, chẳng có lãnh ngộ. Có lãnh ngộ bèn có thọ dụng.

Nói cách khác, không chỉ là có thể cải thiện cuộc sống, mà chúng ta xử sự, đãi người, tiếp vật càng viên dung, càng mỹ mãn! Lại còn có một chuyện mà mọi người chẳng thể ngờ: [Tâm định] có thể điều hòa, chỉnh đốn thân tâm của chúng ta, người hiện thời nói là *"biến đổi thể*

*chất"*, thật đấy! Dẫu thân thể bị ung thư, bướu độc, chẳng cần phải dùng đến thuốc men, tự nhiên điều chỉnh, người ấy được lành bệnh. Chư vị phải hiểu: Định có thể điều chỉnh sức khỏe nơi thân tâm. Định là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh, sinh lý chịu ảnh hưởng của tâm lý, các cấu trúc tế bào bị trục trặc đều khôi phục bình thường. Do vậy, Định hữu ích rất lớn đối với sức khỏe nơi thân thể. Nhất định là từ Định khai Huệ.

Pháp môn Tịnh Tông là trực tiếp tu nhất tâm bất loạn, Thiền là tu trực tiếp, Tịnh cũng là tu trực tiếp; nhưng Thiền thì trong tâm của chính mình phải có công phu thanh tịnh kha khá, dùng Thiền để tăng cao hơn một cấp, đạt đến đỉnh điểm. Chẳng đạt tiêu chuẩn ấy, sẽ không thể tăng cao được! Trong pháp môn Tịnh Tông, quý vị nhiễm ô đến tột cùng vẫn chẳng sợ, pháp này vẫn từng bước đưa quý vị tiến cao hơn. Tịnh thuận tiện, dễ thành tựu hơn Thiền là ở chỗ này. [Các pháp môn thuộc] Giáo chẳng ra ngoài Pháp Tướng Duy Thức. Duy Thức, Pháp Tướng bao gồm tất cả [các pháp môn thuộc về] Giáo Hạ, truy đến căn cội vẫn là nhất tâm. Ngàn kinh vạn luận, vô lượng pháp môn do đâu mà có? Lưu xuất từ nhất tâm. Vì vậy, quý vị đắc nhất tâm, tất cả hết thảy các pháp môn đều thông đạt. Đã tìm được nguồn cội, nắm được cương lãnh, lẽ nào chẳng thành tựu? Người hiện thời cứ ngỡ chính mình thông minh, chẳng tiếp nhận, chẳng tin tưởng lời cổ thánh tiên hiền, cứ muốn dùng phương pháp khoa học hiện đại để học Phật. Kết quả nói dễ nghe một chút chính là đã biến Phật pháp thành khoa học hiện đại, rốt cuộc vẫn phải luân hồi trong lục đạo, chuyện là như thế đó.

Đối với lợi ích chân thật của Phật pháp, chẳng nói đến lợi ích liễu sanh tử, [ngay cả những] lợi ích nhỏ nhoi trước mắt như thân tâm khỏe mạnh, cuộc sống hạnh phúc, sung sướng, họ đều chẳng đạt được! Phật môn thường nói *"phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui"*. Họ chẳng lìa được khổ, chẳng đạt được vui, chẳng phá mê, mà cũng chẳng thể khai ngộ! Nguyên nhân là do họ tu học chẳng đúng pháp. Chẳng biết cổ nhân đã dùng phương pháp này hai, ba ngàn năm; nếu phương pháp này chẳng tốt đẹp, quý vị nói xem: Làm sao nó có thể được sử dụng lâu như thế? Trong ba ngàn năm, bao nhiêu người dùng phương pháp này mà khai ngộ, dùng phương pháp này đạt được thành tựu, phương pháp này có giá trị lắm! Chớ nên chê phương pháp này quá cũ, quá xưa, chẳng cần nữa, đổi sang cách mới. Đổi sang cách mới, vô dụng! Chẳng đạt được mục đích! Vì thế, phải suy nghĩ cẩn thận, phương pháp này của Phật, Bồ Tát vượt trỗi thời gian và không gian, chẳng bị đào thải bởi không gian và

thời gian, chẳng thể nào! Đấy là *"chân lý vĩnh viễn bất biến"* như người thế gian chúng ta thường nói. Quý vị hành theo phương pháp này, quyết định đạt được lợi ích. Trái nghịch phương pháp này mà mong thành tựu, sẽ hết sức khó khăn!

***(Sao) Kim niệm Phật nhân, sơ dĩ Nhĩ Thức văn bỉ Phật danh, thứ dĩ Ý Thức chuyên chú ức niệm. Dĩ chuyên niệm cố, tổng nhiếp lục căn, nhãn, tỷ, thiệt, thân, như thị lục thức, giai tất bất hành. Niệm chi bất dĩ, niệm cực nhi vong. Sở vị "hằng thẩm tư lượng" giả, kỳ tư tịch yên, vong chi bất dĩ, vong cực nhi hóa. Sở vị "chân vọng hòa hợp" giả, kỳ vọng tiêu yên, tắc thất thức, bát thức diệc tất bất hành. Chủ ký bất tồn, tùng giả yên phụ? Kỳ ngũ thập nhất hựu hà luận dã! Đương nhĩ chi thời, cự lãng, vi ba, hàm thành chỉ thủy, nùng vân, bạc vụ, tận tác trừng không, duy thị nhất tâm, cánh vô dư pháp, cố vân "vô bất nhất" dã!***

**(鈔)**今念佛人，初以耳識聞彼佛名，次以意識專注憶念。以專念故，總攝六根，眼鼻舌身，如是六識，皆悉不行，念之不已，念極而忘。所謂恆審思量者，其思寂焉，忘之不已，忘極而化。所謂真妄和合者，其妄消焉，則七識八識亦悉不行，主既不存，從者焉附，其五十一又何論也。當爾之時，巨浪微波，咸成止水，濃雲薄霧，盡作澄空，唯是一心，更無餘法，故云無不一也。

*(**Sao**: Nay người niệm Phật, thoạt đầu dùng Nhĩ Thức để nghe danh hiệu của đức Phật ấy; kế đó, dùng Ý Thức để chuyên chú ức niệm. Do chuyên niệm, bèn nhiếp trọn sáu căn, mắt, [tai], mũi, lưỡi, thân, [ý]; sáu thức như thế, thảy đều chẳng hiện hành. Cứ niệm không ngừng, niệm đến tột bậc, [các tình thức] mất đi. Cái gọi là suy tưởng "luôn cân nhắc, suy lường" sẽ vắng lặng. Chẳng ngừng quên mất [sự suy lường ấy], quên đến tột cùng, nó sẽ bị biến đổi. Nói là "chân và vọng hòa hợp" nghĩa là vọng đã tiêu thì thức thứ bảy và thức thứ tám cũng đều chẳng hiện hành. Cái chủ yếu đã chẳng còn, những thứ phụ thuộc nương tựa vào đâu? Há còn luận định năm mươi mốt thứ [Tâm Sở] chi nữa? Ngay trong lúc ấy, sóng to lẫn sóng nhẹ đều thành nước lặng. Mây dầy, sương mỏng, đều thành bầu trời quang đãng, chỉ là nhất tâm, chẳng còn có các pháp nào khác. Vì thế nói: "Không gì chẳng là một").*

Liên Trì đại sư giải thích vấn đề này, chẳng dùng quá nhiều lời lẽ, xác thực là đơn giản, trọng yếu, tường tận, rõ ràng! Ngài nói rất rõ ràng, minh bạch. Ngài kết luận, một câu Phật hiệu bao gồm Tông Môn lẫn Giáo Hạ, hoàn toàn giống như lời khai thị về Niệm Phật sau này của ngài Ngẫu Ích. Ngài Ngẫu Ích là tư thục đệ tử của Liên Trì đại sư, Ngài học theo Liên Trì đại sư, đương nhiên Di Đà Kinh Sớ Sao là một bộ sách giáo khoa quan trọng nhất của Ngài, nhất định là Ngẫu Ích đại sư rất thông thuộc đoạn này. Do vậy, lời khai thị về Niệm Phật của Ngài có thể nói là trình bày đoạn này theo cách thức gần gũi, dễ hiểu. Đối với những người thông đạt giáo nghĩa, đọc đoạn này sẽ chẳng có vấn đề gì, vừa xem liền hiểu rõ! Nếu đối với những ai ít đọc kinh luận Đại Thừa hơn, xem đoạn này vẫn gặp khó khăn. Tuy pháp sư Cổ Đức có chú giải, ắt vẫn cần phải giải thích cặn kẽ thêm, chúng ta mới thật sự hiểu rõ Phật hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn; sau đấy, chúng ta mới chịu khăng khăng một mực thật thà niệm Phật. Biết ta niệm một câu Phật hiệu này tốt đẹp, Tông Môn lẫn Giáo Hạ ta đều thành tựu, đây là phương pháp tu học rất thù thắng. Các vị tham Thiền suốt một đời chưa chắc đã khai ngộ, quý vị nghiên cứu Giáo suốt một đời cũng chưa chắc là có thể đại khai viên giải, ta do niệm một câu Phật hiệu bèn thành công. Không chỉ là đại khai viên giải, mà còn là đại triệt đại ngộ, mầu nhiệm ở chỗ này! Hôm nay đã hết thời gian rồi!

***Tập 242***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm sáu mươi tám.

***(Sao) Kim niệm Phật nhân, sơ dĩ Nhĩ Thức văn bỉ Phật danh, thứ dĩ Ý Thức chuyên chú ức niệm. Dĩ chuyên niệm cố, tổng nhiếp lục căn, nhãn, tỷ, thiệt, thân, như thị lục thức, giai tất bất hành.***

**(鈔)**今念佛人，初以耳識聞彼佛名，次以意識專注憶念，以專念故，總攝六根，眼鼻舌身，如是六識，皆悉不行。

*(**Sao**: Nay người niệm Phật, thoạt đầu dùng Nhĩ Thức để nghe danh hiệu của đức Phật ấy; kế đó, dùng Ý Thức để chuyên chú ức niệm. Do chuyên niệm, bèn nhiếp trọn sáu căn, mắt, [tai], mũi, lưỡi, thân, [ý], sáu thức như thế, thảy đều chẳng hiện hành).*

Liên Trì đại sư bảo chúng ta: Hiệu quả của "tín, nguyện, nhất tâm trì danh" xác thực là có thể dung nhiếp hết thảy các pháp môn do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong suốt bốn mươi chín năm. Trong phần trên đã nói về Thiền Tông, tức Tông Môn; sau khi đã đọc lời dạy của Liên Trì đại sư, ta biết nhất tâm xưng danh xác thực là tinh hoa của Thiền Tông. Hôm nay, đoạn khai thị này nhằm nói Giáo Hạ cũng chẳng lìa khỏi phương pháp trì danh này. Niệm Phật là dùng Nhĩ Thức để nghe danh hiệu. Trong phương pháp niệm Phật, các vị cổ đại đức thường nhắc nhở chúng ta: Trước hết, phải buông xuống vạn duyên, cũng tức là hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thảy đều buông xuống. Phật hiệu phải sanh khởi từ trong tâm, từ miệng niệm ra, sau đấy mới nghe lọt vào tai, dùng phương pháp này. Phương pháp này có thể nhiếp tâm, ở đây đang nói đến phương pháp này. *"Nhĩ Thức văn bỉ Phật danh"* (Nhĩ Thức nghe danh hiệu của đức Phật ấy), chính chúng ta tự niệm rồi tự mình nghe. Sau đấy, *"dĩ Ý Thức chuyên chú ức niệm"* (dùng Ý Thức chuyên chú nghĩ nhớ), *"ức niệm"* (憶念) là trong tâm nghĩ đến Phật, nghe danh hiệu Phật, trong tâm chuyên tưởng, ý thức chuyên chú ức niệm. Do quý vị chuyên chú, *"tổng nhiếp lục căn"* (nhiếp trọn sáu căn), tức là như Đại Thế Chí Bồ Tát đã dạy trong kinh Lăng Nghiêm *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"*. Nhiếp lục căn theo cách nào? Ở đây, Tổ dạy chúng ta: Chỉ cần quý vị chuyên niệm, tức là chuyên chú ức niệm, lục căn tự nhiên được thâu nhiếp. *"Nhãn, tỷ, thiệt, thân, như thị lục thức, giai tất bất hành"* (Mắt, [tai], mũi, lưỡi, thân, [ý], sáu thức như thế, thảy đều chẳng hiện hành), chúng chẳng thể khởi tác dụng riêng biệt. Chuyên môn nghĩ tưởng Phật, sáu thức sẽ chẳng đến nỗi suy nghĩ loạn xạ!

***(Sao) Niệm chi bất dĩ, niệm cực nhi vong.***

**(鈔)念之不已，念極而忘。**

*(**Sao**: Cứ niệm không ngừng, niệm đến tột bậc, các tình thức mất đi).*

*"Niệm cực"* (念極) là nói tới công phu. Công phu sâu, thường gọi là *"niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm"*, tức là nói Năng lẫn Sở cùng mất, quên sạch chính mình là chủ thể đang niệm lẫn Phật hiệu được niệm. *"Vong"* (忘) ở đây là tỷ dụ, có nghĩa là chẳng chấp trước, chẳng phải là thật sự quên bẵng! Thật sự quên khuấy thì chính là *"vô ký tánh"* (tánh chẳng thiện, chẳng ác), chẳng được rồi, vẫn thuộc loại phiền não!

*"Vong"* ở đây nhằm tỷ dụ chẳng chấp tướng, Thiền Tông nói *"lìa hết thảy tướng"* chính là ý nghĩa này. Kinh Kim Cang dạy: *"Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng"*, có ý nghĩa chẳng chấp tướng. *"Vong"* ở đây mang ý nghĩa *"chẳng chấp tướng"*. Năng niệm lẫn sở niệm đều chẳng chấp trước. Hễ chẳng chấp trước, Năng và Sở dung hòa thành một khối. Do có chấp trước, Năng và Sở mới đối lập; tới khi chẳng chấp trước, Năng và Sở hợp thành một. Khi hợp nhất bèn gọi là nhất tâm; hễ có Năng và có Sở bèn là nhị tâm. Từ chỗ này, đối với nhất tâm bất loạn, chúng ta lãnh hội chẳng khó. Nó cũng là bước đầu của công phu thành phiến. Khi công phu sâu, bèn đạt tới cảnh giới này.

***(Sao) Sở vị hằng thẩm tư lượng giả, kỳ tư tịch yên. Vong chi bất dĩ, vong cực nhi hóa. Sở vị "chân vọng hòa hợp" giả, kỳ vọng tiêu yên, tắc thất thức, bát thức diệc tất bất hành.***

**(鈔)所謂恆審思量者，其思寂焉，忘之不已，忘極而化。所謂真妄和合者，其妄消焉，則七識八識亦悉不行。**

*(**Sao**: Cái được gọi là suy tưởng "luôn cân nhắc, suy lường" sẽ vắng lặng. Chẳng ngừng quên mất [sự suy lường ấy], quên rốt ráo, nó sẽ bị biến đổi. Nói là "chân và vọng hòa hợp" nghĩa là vọng đã tiêu thì thức thứ bảy và thức thứ tám cũng đều chẳng hiện hành).*

Cảnh giới này thuộc về cảnh giới Lý nhất tâm. Do vậy có thể biết, công phu niệm Phật xác thực là có tầng cấp, không ngừng tiến cao hơn. Đầu tiên là *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"*; đấy là phương pháp. Từ sơ phát tâm mãi cho đến Lý nhất tâm, cho đến viên thành Phật đạo, đều dùng phương pháp này, trọn chẳng thể thay đổi! Cảnh giới tăng cao hơn, có cần phải thay đổi phương pháp hay không? Chẳng cần! Vẫn là sử dụng phương pháp này đến cùng. Đạt đến chẳng phân biệt, không chấp trước, thuộc loại Sự nhất tâm bất loạn. Khi đạt tới *"vong cực nhi hóa"*, *"chân vọng hòa hợp"*, sẽ thuộc về Lý nhất tâm bất loạn, mà cũng là "minh tâm kiến tánh" như Thiền Tông đã nói, đã đạt đến cảnh giới kiến tánh. *"Kỳ vọng tiêu yên"* (Vọng đã tiêu sạch), *"vọng"* ở đây chỉ vọng tưởng. Cho đến khi ấy, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều chẳng có. *"Thất thức, bát thức diệc tất bất hành"* (Thức thứ bảy và thức thứ tám cũng đều chẳng hiện hành): *"Bất hành"* là chẳng khởi tác dụng. Tác dụng của thức thứ tám là vọng tưởng, tác dụng của thức thứ bảy là

chấp trước. Nói cách khác, tâm vọng tưởng và tâm chấp trước đều chẳng có, đều chẳng khởi tác dụng, đạt đến cảnh giới ấy.

***(Sao) Chủ ký bất tồn, tùng giả yên phụ? Kỳ ngũ thập nhất hựu hà luận dã?***

**(鈔)主既不存，從者焉附，其五十一又何論也。**

*(**Sao**: Cái chủ yếu đã chẳng còn, những thứ phụ thuộc nương tựa vào đâu? Há còn luận định năm mươi mốt thứ [Tâm Sở] chi nữa).*

Tám Tâm Vương chẳng khởi tác dụng. Do Tâm Sở phụ thuộc Tâm Vương, đương nhiên là năm mươi mốt món Tâm Sở càng chẳng khởi tác dụng.

***(Sao) Đương nhĩ chi thời.***

**(鈔)當爾之時。**

*(**Sao**: Ngay trong lúc đó).*

Ngay trong khi ấy.

***(Sao) Cự lãng vi ba, hàm thành chỉ thủy.***

**(鈔)巨浪微波，咸成止水。**

*(**Sao**: Sóng to lẫn sóng nhẹ đều thành nước lặng).*

*"Cự lãng"* (巨浪: sóng lớn) là bảy thức trước và các Tâm Sở tương ứng khởi tác dụng, giống như sóng lớn. *"Vi ba"* (微波: sóng nhẹ) là A Lại Da Thức và năm Biến Hành Tâm Sở tương ứng khởi tác dụng. Những thứ này rất vi tế, nên sánh ví với sóng nhẹ. Khi công phu đến mức này, sóng to lẫn sóng nhẹ đều ngưng lặng. Do vậy có thể biết: Tâm địa thật sự đạt đến thanh tịnh, tâm thanh tịnh hiện tiền. Tâm thanh tịnh là chân tâm, là Chân Như bản tánh của chính mình. [Tâm thanh tịnh] hiện tiền là *"bản lai diện mục"* (diện mạo vốn có) như nhà Thiền đã nói. Khi ấy, quý vị trông thấy bộ mặt vốn có. Bộ mặt vốn có chính là tự tánh. Bộ mặt vốn sẵn có còn gọi là pháp giới hay Phật Tánh, đã trông thấy! Thường gọi là *"thành Phật"*; hễ thấy, bèn thành Phật, kiến tánh thành Phật. Vị Phật này hoàn toàn chẳng phải là Phật viên mãn rốt ráo, còn cách biệt [Phật quả] viên mãn rốt ráo khá xa. Vì sao nói người ấy đã

thành Phật? Vì khi ấy, quý vị sử dụng cái tâm hoàn toàn giống Phật. Lũ phàm phu chúng ta, Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát, sử dụng cái tâm khác Phật, sai khác ở chỗ nào? Cái tâm do những người ấy sử dụng được gọi là tâm ý thức, là tám thức, sử dụng tám thức, năm mươi mốt Tâm Sở, dùng cái tâm ấy. Đức Phật sử dụng chân tâm, bản tánh, hoàn toàn khác hẳn! Dùng thức tâm là mê, dùng chân tâm là giác. Người niệm Phật niệm đến khi ấy, là đã kiến tánh, thấy chân tâm. Đó là cảnh giới của bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo trở lên. Sơ Trụ Bồ Tát phá một phẩm vô minh, chứng một phần chân tánh, chính là cảnh giới này. Đó là *"cự lãng, vi ba, hàm thành chỉ thủy"* (sóng lớn lẫn sóng nhẹ, đều thành nước lặng).

***(Sao) Nùng vân, bạc vụ, tận tác trừng không.***
**(鈔)濃雲薄霧，盡作澄空。**
*(**Sao**: Mây dầy, sương mỏng, đều thành bầu trời quang đãng).*

Câu này và câu trước tỷ dụ cùng một ý nghĩa. *"Nùng vân"* (濃雲: mây dầy) có cùng ý nghĩa với sóng lớn. *"Bạc vụ"* (薄霧: sương mù mỏng nhẹ) có cùng ý nghĩa với sóng nhẹ, đều là nói đến chuyện tám thức và năm mươi mốt Tâm Sở chẳng khởi tác dụng.

***(Sao) Duy thị nhất tâm, cánh vô dư pháp, cố vân vô bất nhất dã.***
**(鈔)唯是一心，更無餘法，故云無不一也。**
*(**Sao**: Chỉ là nhất tâm, chẳng còn các pháp nào khác. Vì thế nói: "Không gì chẳng là một").*

Thật sự đạt đến nhất tâm. Đây là nói đến Giáo Hạ; trừ Thiền Tông ra, đều gọi là Giáo Hạ. Tại Trung Hoa, tông Hiền Thủ còn gọi là Hoa Nghiêm Tông, tông Thiên Thai còn gọi là Pháp Hoa Tông, [hai tông ấy và các tông] Pháp Tướng Duy Thức, Tam Luận[64] [đều thuộc về Giáo Hạ],

[64] Tam Luận Tông có danh xưng như vậy vì chuyên nghiên cứu yếu chỉ của ba bộ Trung Luận (Mūlamadhyamakakārikā), Thập Nhị Môn Luận (Dvādaśanikāyaśāstra) và Bách Luận (Śatakaśāstra). Thật ra, theo các nhà nghiên cứu, tại Trung Hoa, Tam Luận Tông không phải là một tông phái độc lập mà là một trường phái nghiên cứu, chứ không hình thành tông phái cụ thể như những tông khác. Theo họ, những ai đổ công dốc sức nghiên cứu ba bộ luận trên đây đều có thể coi là thuộc về Tam Luận Tông. Những vị được coi là đặt nền móng cho tông này là Tăng Triệu, Liêu Đông

mục tiêu tu học của khá nhiều tông phái đến cuối cùng đều là cảnh giới này. Trong Thiền, [mục đích ấy] được gọi là "minh tâm kiến tánh", Giáo Hạ gọi là "đại khai viên giải". Danh xưng khác nhau, cảnh giới hoàn toàn giống nhau. Nói cách khác, sẽ là như các nhà Duy Thức đã nói: *"Chuyển tám thức thành tứ trí"*. Đến cuối cùng, Giáo Hạ đạt tới cảnh giới này. Chúng ta cũng đạt tới cảnh giới này, cũng là chuyển tám thức thành tứ trí. Chúng ta dùng phương pháp rất xảo diệu, tức là dùng một câu Phật hiệu, tín nguyện trì danh, từ công phu thành phiến đạt đến Sự nhất tâm bất loạn, đạt đến Lý nhất tâm bất loạn, tức là đạt tới cảnh giới này. Đây là nêu rõ: Phương pháp và cách thức xác thực là có xảo diệu khác nhau, nhưng đạt tới mục tiêu hoàn toàn như nhau. *"Duy thị nhất tâm, cánh vô dư pháp, cố vân vô bất nhất dã"* (Chỉ là nhất tâm, chẳng còn các pháp nào khác. Vì thế nói: "Không gì chẳng là một"), ý nói: Nhất tâm niệm Phật, niệm đến khi thành thục, Tâm Vương và Tâm Sở đều quy nhất, trở về tự tánh. Từ chỗ này, chúng ta cũng hiểu: Tâm Vương và Tâm Sở vốn là do cái tâm chẳng nhất nên mới biến ra. Nếu quy nhất, những thứ ấy đều chẳng có. Tâm chẳng chuyên nhất, kinh luận Duy Thức nói: *"Vô minh bất giác sanh tam tế, cảnh giới duy duyên trưởng lục thô"* (Vô minh bất giác sanh ra ba tế tướng, cảnh giới làm duyên tăng trưởng sáu thô tướng). Tám thức và năm mươi mốt Tâm Sở biến hiện như vậy đó. Kinh Lăng Nghiêm nói: *"Chân Như chẳng giữ lấy*

---

Tăng Lãng, Hưng Hoàng Pháp Lãng và Gia Tường Cát Tạng. Tông này có thể coi là kế thừa tư tưởng của Trung Quán học phái tại Ấn Độ, đồng thời chịu ảnh hưởng của những tông phái trước đó như Địa Luận Tông, Nhiếp Luận Tông, Niết Bàn Tông v.v… Khi cao tăng xứ Cao Ly là Huệ Quán (Hyegwan) truyền học thuyết này vào Nhật Bản, nó trở thành một tông phái riêng biệt. Danh xưng Tam Luận Tông do pháp sư Ngưng Nhiên (Gyōnen) của Nhật Bản đặt ra khi viết bộ Bát Tông Cương Yếu Sao, tôn Văn Thù Bồ Tát là sơ tổ, Mã Minh là nhị tổ, Long Thọ làm tam tổ. Do ngài Long Thọ có hai đệ tử, nên lại chia thành hai chi phái: Chi phái thứ nhất là do Long Thọ truyền cho Long Trí, rồi lần lượt truyền thừa qua các đời như Thanh Biện, Sư Tử Quang… Phái kia do ngài Long Thọ truyền cho ngài Đề Bà (tác giả của bộ Bách Luận), truyền thừa qua các đời như La Hầu La Đa, Sa Xa Vương Tử, Cưu Ma La Thập, sau đó truyền qua lịch đại pháp sư tại Trung Hoa như Tăng Triệu, Pháp Dung, Tăng Duệ, Đàm Vân, Đạo Hằng, Đàm Tế v.v… Đàm Tế truyền cho ngài Cát Tạng. Ngài Huệ Quán học Tam Luận với ngài Cát Tạng. Do ngài Huệ Quán truyền Tam Luận vào Nhật, Tam Luận Tông Nhật Bản (Sanron Shū) tôn ngài Huệ Quán làm sơ tổ. Người Nhật lại cho rằng tư tưởng Tam Luận Tông trước thời ngài Gia Tường Cát Tạng là Cổ Tam Luận, từ sau ngài Gia Tường trở đi là Tân Tam Luận. Tuy thế, tại Nhật Bản, tông phái này cuối cùng cũng bị hòa nhập vào tông Thiên Thai.

*tự tánh"*, nên mới có thể biến thành tám thức. Tám thức biến hiện y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, biến hiện những thứ ấy. Đến cuối cùng đều quy nhất.

Do vậy có thể biết, trong tất cả pháp môn, phương pháp Tịnh Tông đích xác là thù thắng khôn sánh, nó đơn giản, dễ dàng, ổn thỏa, thích đáng, thẳng chóng. Vì thế, nó vượt trỗi bất cứ pháp môn nào! Nhưng pháp môn này cũng xác thực là như đức Phật đã nói, là pháp khó tin. Tu hành chẳng khó, hành chẳng khó, tin tưởng khó, người ta chẳng dễ dàng tiếp nhận cho lắm! Chúng ta nhất định phải biết nguyên nhân [khiến cho chúng sanh] chẳng thể tiếp nhận. Trong kinh văn của kinh này đã nói rất khéo: *"Chẳng thể do chút thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy"*. Cũng có nghĩa là: Nếu quý vị chẳng đủ thiện căn, chẳng đủ phước đức, sẽ nẩy sanh nghi hoặc rất lớn đối với pháp môn này. Nghi vấn tầng tầng, quý vị chẳng đạt được lợi ích. Thiện căn phải đạt đến mức độ nào thì mới được coi là nhiều? Kinh Vô Lượng Thọ có nêu ra một tiêu chuẩn đáng cho chúng ta tham khảo. Trong kinh, đức Phật đã bảo chúng ta: Vương tử A Xà Thế và năm trăm vị trưởng giả, những người ấy thiện căn khá sâu dầy. Trong đời quá khứ, họ đã từng cúng dường bốn trăm ức Phật. Chúng ta phải suy nghĩ cẩn thận về con số ấy. Một vị Phật xuất thế phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, họ có thể cúng dường bốn trăm ức Phật, thời gian dài ngần ấy! Thiện căn như vậy mà vẫn chẳng thể tiếp nhận pháp môn này! Họ nghe Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ bèn sanh tâm hoan hỷ, hy vọng chính mình trong tương lai thành Phật cũng sẽ giống như A Di Đà Phật. Đã sanh tâm như vậy, mà vẫn chẳng phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, chẳng dấy lên ý niệm ấy! Điều này cho thấy, đời đời kiếp kiếp tu hành trong quá khứ, từng cúng dường bốn trăm ức chư Phật Như Lai, thiện căn ấy vẫn là ít, chẳng kể là nhiều, vẫn chẳng thể vãng sanh Tịnh Độ trong một đời này. Quả thật là chúng ta chẳng thể ngờ được chuyện này. Vì thế, *"nhiều thiện căn, nhiều phước đức"* như kinh đã dạy, xác thực là giống như trong kinh Đại Thừa thường nói: Trong quá khứ, đã từng cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai. Vô lượng vô biên so với bốn trăm ức, đương nhiên là vượt trội quá nhiều! Có thiện căn và phước đức như vậy, trong một đời này gặp gỡ pháp môn này. Gặp pháp môn này là nhân duyên, trong một đời này, nhất định được sanh về Tịnh Độ, vượt thoát luân hồi.

Từ kinh điển, chúng ta biết đạo lý này, hiểu rõ sự thật này, lẽ nào

chẳng quý trọng duyên phận trong một đời chính mình? Đời này chúng ta được gặp gỡ, chẳng hoài nghi, có thể tin tưởng, có thể lý giải; có thể tin và có thể hiểu thì chính là thiện căn. Đấy là *"nhiều thiện căn"*. Chúng ta rất mong vãng sanh, ý nguyện cầu sanh Tịnh Độ rất mạnh mẽ, chịu niệm Phật, trong mười hai thời tịnh niệm tiếp nối. Nói cách khác, Tây Phương Cực Lạc thế giới và A Di Đà Phật thường ngự trong tâm chúng ta, chúng ta thường nghĩ tưởng, thường ức niệm, thời thời khắc khắc đều chẳng hề quên mất. Đó là *"nhiều phước đức"*, chẳng có gì lớn hơn phước đức này. Trong một đời này, ba điều kiện là thiện căn, phước đức, và nhân duyên của chúng ta thảy đều trọn đủ, há có lẽ nào chẳng vãng sanh? Quyết định được vãng sanh! Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, gặp A Di Đà Phật, đừng nói là Tông Môn hay Giáo Hạ, [ngay cả] vô lượng pháp môn do mười phương Như Lai đã nói, hễ đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng cần tốn thời gian lâu lắc bèn thông đạt hoàn toàn. Đây là chỗ thù thắng khôn sánh của pháp môn này. Trong lời kết luận, Liên Trì đại sư đã nói rất hay: *"Duy thị nhất tâm, cánh vô dư pháp"* (Chỉ là nhất tâm, chẳng có pháp nào khác), ý nói: Vô lượng vô biên pháp môn của hết thảy chư Phật đều lưu xuất từ nhất tâm. Chỉ cần quý vị đắc nhất tâm, đối với hết thảy các pháp môn, chẳng có pháp nào quý vị không thông đạt. Quý vị đã nắm được tổng cương lãnh của pháp môn.

***(Sớ) Cố tri "chí tâm niệm A Di Đà Phật nhất thanh, diệt bát thập ức kiếp sanh tử trọng tội", lương diêu chánh chỉ Lý nhất tâm cố, như Pháp Hoa tam-muội trung thuyết.***

**(疏)故知至心念阿彌陀佛一聲，滅八十億劫生死重罪，良繇正指理一心故，如法華三昧中說。**

*(**Sớ**: Vì thế biết "chí tâm niệm A Di Đà Phật một tiếng, diệt trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử" chính là nói về Lý nhất tâm, như trong Pháp Hoa tam-muội đã nói).*

Chúng ta phải hiểu rõ những điều đã nói trong kinh luận, sau đấy mới có thể đoạn trừ nghi lự. Niệm một tiếng Phật hiệu *"diệt trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử"*: Nếu quý vị chẳng liễu giải những điều đức Phật đã nói trước và sau đó, chỉ thấy một câu ấy, sẽ thường hiểu lầm: Ta mỗi ngày từ sáng đến tối niệm Phật, mỗi ngày niệm mấy vạn câu, tội của ta chẳng phải là thảy đều tiêu diệt ư? Như thế là quý vị đã thấy sai

bét mất rồi! Đức Phật nói *"niệm Phật một tiếng"* chính là niệm Phật khi đã đắc Lý nhất tâm thì mới có hiệu quả như thế. Nay tâm chúng ta tán loạn niệm Phật, có thể diệt tội hay không? Có thể, nhưng sức diệt tội rất mỏng manh, yếu ớt. Chẳng niệm Phật liền suy nghĩ loạn xạ, cho nên niệm Phật sẽ tốt đẹp hơn nhiều, sẽ chẳng suy nghĩ loạn xạ. Có kẻ vừa niệm Phật, lại còn vừa suy nghĩ lung tung, như vậy thì chẳng có một tí biện pháp nào hết! Có thể thấy là chúng ta diệt tội hết sức ít ỏi, mỏng manh, công sức chẳng đủ sâu! Chẳng phải là lời Phật dạy chẳng linh, mà là công phu của chúng ta chẳng đến nơi đến chốn! Chữ then chốt ở đây là hai chữ *"chí tâm"*. Chúng ta là tán loạn tâm, chí tâm là nhất tâm. Trong tâm chẳng có một tạp niệm nào, vọng tưởng cũng chẳng có, đó là *"chí tâm"*, là nhất tâm, quý vị niệm Phật hiệu bèn có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, niệm Phật quý ở chỗ tịnh niệm. Đại Thế Chí Bồ Tát dạy *"tịnh niệm tiếp nối"*, *"tịnh"* là nhất tâm, *"nhất"* là thanh tịnh, *"nhị"* chẳng phải là thanh tịnh.

*"Tịnh niệm"* là chí tâm, chí tâm là tịnh niệm. Có thể thấy đây là chữ chánh yếu mấu chốt, chúng ta nhất định phải biết, nhất định phải học tập. Có ai chẳng mong học? Mong học, nhưng học chẳng được! Vọng niệm đặc biệt nhiều, đó là hiện tượng tự nhiên. Vì vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chính là tập khí từ vô thỉ kiếp đến nay, ngay cả đêm ngủ vẫn dấy vọng tưởng. Ngủ mà nằm mộng tức là có vọng tưởng. Chẳng có vọng tưởng, sẽ không nằm mộng. Do vậy, khi ngủ, hễ dấy vọng tưởng liền nằm mộng, biến thành cảnh giới trong mộng. Có thể thấy vọng niệm xác thực là dấy lên, chìm xuống bất định suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ, chẳng có năng lực khống chế nó. Phật pháp dạy người ta tu Định, Định là để khống chế vọng tưởng. Chúng ta niệm trong một thời gian ngắn thì tương đối dễ đạt được tịnh niệm hơn, thời gian dài sẽ khó khăn. Cổ nhân nói: *"Niệm kinh chẳng bằng niệm chú, niệm chú chẳng bằng niệm Phật"*. Kinh dài, phải niệm trong một thời gian rất dài. Trong thời gian lâu dài ấy, nhất định sẽ dấy vọng tưởng. Chú ngắn hơn kinh, thời gian [niệm chú một lượt] ngắn ngủi, trong mấy phút sẽ chẳng dấy vọng tưởng, có lẽ cũng có thể khống chế [vọng tưởng]. Phật hiệu càng ngắn hơn, trong sáu chữ *"nam-mô A Di Đà Phật"*, từng chữ một nối tiếp nhau, trong ấy chẳng có một vọng tưởng nào, xác thực là hiệu quả càng phải thù thắng hơn niệm chú và niệm kinh. Nhưng phải giữ sao cho Phật hiệu liên tục, chẳng gián đoạn, khó lắm! Trong khi niệm Phật hiệu, vẫn có thể xen tạp vọng tưởng!

Có những kẻ tìm tôi, nói: "Thưa pháp sư! Khi con không niệm Phật, dường như chẳng có vọng tưởng, tâm rất thanh tịnh. Khi càng niệm Phật, vọng tưởng càng nhiều". Thật ra, kẻ ấy chẳng phải là người đầu tiên gặp vấn đề ấy. Từ Ấn Quang Đại Sư Văn Sao và các ngữ lục của tổ sư, chúng ta luôn nhìn thấy những câu hỏi tương tự. Các vị tổ sư cũng đều giải thích rất rõ ràng: Chẳng phải là lúc bình thường không có vọng tưởng. Lúc bình thường luôn có vọng tưởng, nhưng quý vị chẳng cảm thấy, chẳng lưu ý! Đến khi quý vị niệm Phật, bỗng dưng phát hiện có lắm vọng tưởng tồn tại dường ấy, tuyệt đối chẳng phải là do niệm Phật mà ra. Chẳng có lẽ ấy! Vọng tưởng vốn nhiều ngần ấy, vốn sẵn tồn tại, nhưng chẳng phát hiện. Khi niệm Phật hoặc tĩnh tọa bèn phát hiện. Ngay trong lúc quý vị thật sự muốn dụng công, phát hiện là vốn có nhiều vọng tưởng dường ấy, nhiều tạp niệm ngần ấy. Khi đó, mới phát hiện! Sau khi phát hiện, quý vị chớ nên sợ hãi. Nay chúng ta dụng công niệm Phật hoặc tham Thiền, chủ yếu là muốn đối trị những vọng niệm ấy. Vọng niệm dấy lên, cổ đại đức dạy chúng ta, chẳng cần quan tâm đến nó là được rồi! Nó khởi mặc nó, ta cứ niệm Phật của ta, chúng ta dồn hết ý chí tinh thần nơi câu Phật hiệu. Vọng niệm dấy lên, chẳng quan tâm, không màng tới nó, như vậy thì thời gian lâu sau, Phật hiệu đắc lực. Phật hiệu đắc lực, vọng niệm ít đi. Người thật sự dụng công, niệm năm năm hay mười năm, đại khái là trong một nén hương có thể còn có đôi ba vọng niệm, công phu cũng khá lắm! Nén hương dài này [cháy hết] trong một tiếng rưỡi, tức là niệm Phật trong một tiếng rưỡi, hãy còn có đôi ba vọng niệm. Nếu chẳng có vọng niệm nào, công phu niệm Phật nói chung là mười năm trở lên, thật sự có công phu. Nếu chúng ta niệm Phật đã mười mấy, hai mươi năm, trong một nén hương hãy còn có mấy chục vọng tưởng, mấy trăm vọng tưởng, bèn biết là chúng ta niệm Phật trước nay chưa hề nghiêm túc dụng công. Hễ nghiêm túc, chẳng thể nào có lắm vọng tưởng tồn tại ngần ấy! Nếu niệm Phật mà chẳng thể chế phục vọng tưởng, vãng sanh sẽ có vấn đề, khá khó khăn! Nếu niệm Phật xác thực là có thể chế phục vọng tưởng, sẽ nắm chắc vãng sanh, công phu của quý vị thành tựu, điều này hết sức quan trọng!

Cũng có kẻ hỏi: Phải tiêu diệt vọng tưởng như thế nào? Nếu quý vị mong tiêu diệt vọng tưởng, tức là lại có thêm một vọng tưởng. Không chỉ là chẳng tiêu diệt vọng tưởng, mà còn tăng thêm một vọng tưởng. Tôi vừa mới nói: Chẳng cần quan tâm tới nó là được rồi! Nhưng trong ấy vẫn có phương pháp, kỹ xảo; phương pháp là phải coi nhạt duyên thế

gian. Tất cả hết thảy vọng tưởng do đâu mà có? Do từ phân biệt, chấp trước mà có. Chấp trước là không buông xuống được, những thứ ấy hại ta mất mạng. Có một vị đồng tu nói: "Những thứ khác tôi đều có thể buông, nhưng tôi không buông con cháu được!" Vậy là thôi rồi! Chỉ cần có một chuyện không buông xuống được, quý vị chẳng có cách nào thoát ly luân hồi. Chuyện không buông xuống được chính là một sợi lòi tói, xiềng chặt quý vị ở nơi này. Trong kinh Kim Cang, đức Phật đã nói rất hay: *"Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"*, *"hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng"*, quý vị phải thấy thấu suốt! Sau khi đã thấy thấu suốt, tự nhiên quý vị có thể buông xuống, niệm Phật mới có thể đạt tới tịnh niệm. Hễ có một chuyện không thể buông xuống, niệm của quý vị sẽ chẳng là tịnh niệm. Chẳng phải là tịnh niệm; nói cách khác, quý vị lại một lần nữa gieo thiện căn nơi pháp môn này trong một đời này, chưa chín muồi, giống như vô lượng kiếp trong quá khứ, đời đời kiếp kiếp gieo thiện căn. Thật sự buông xuống, triệt để buông xuống, thiện căn của quý vị chín muồi, quyết định được vãng sanh trong một đời này.

Những kẻ bình phàm chẳng hiểu rõ, kinh Phật thường nói là "mê hoặc, điên đảo". Không buông xuống được, đó là tham ái. Các đối tượng của tham ái chẳng ngoài ngũ dục, lục trần, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê, người nhà, quyến thuộc, tham luyến những thứ ấy. Khó bỏ nhất là tình thân quyến, như tôi vừa mới nói, người ấy chẳng thể buông con cháu xuống được, tình thân quyến mà! Nếu thật sự muốn yêu thương, che chở người nhà, quyến thuộc, quý vị hãy quyết định cầu sanh Tịnh Độ. Đến thế giới Tây Phương thành Phật, thành Bồ Tát, bất luận người nhà, quyến thuộc của quý vị ở nơi đâu, ở trong đường nào, quý vị đều có năng lực chiếu cố họ. Đó chính là yêu thương, che chở thật sự. Quý vị chẳng thể làm Phật, hoặc làm Bồ Tát, chỉ là một phàm phu, quý vị có thể chăm nom, yêu thương che chở họ bất quá mấy chục năm ngắn ngủi mà thôi, chết đi, chẳng có cách nào khác, đó là yêu thương ư? Chẳng gọi là yêu thương, che chở thật sự! Kinh luận giảng rất nhiều: Sau khi chúng ta sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ có năng lực trở lại thế giới này rất nhanh. Không chỉ là có thể chăm nom cha mẹ trong một đời này nơi thế giới này, chúng ta còn có đời quá khứ, còn có đời quá khứ của quá khứ, cha mẹ, anh em trai, chị em gái, quyến thuộc đời đời kiếp kiếp, vào bất cứ lúc nào, quý vị đều có thể nhận biết, thảy đều hiểu rõ. Quý vị có năng lực giúp đỡ bất cứ người nào, đó gọi là thật sự yêu thương, che chở,

vĩnh viễn chẳng buông bỏ. Chẳng phải là một đời. Người thế gian, nói thật ra, tầm nhìn quá nông cạn, chỉ thấy trước mắt, chẳng thấy tương lai. Trong kinh, đức Phật thường than thở những kẻ ấy là *"kẻ đáng thương xót"*, thật sự là đáng thương, đáng xót. Thật sự có thể thấy thấu suốt, tự nhiên có thể buông xuống. Thấy thấu suốt và buông xuống, tâm bèn thanh tịnh. Thấy thấu suốt là trí huệ, là học vấn, buông xuống là công phu, dùng cơ sở ấy để tín nguyện trì danh, vạn người tu, vạn người đến, ai nấy đều thành tựu.

Đối với chuyện *"niệm Phật một tiếng diệt được trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử"* được nói ở đây, trong lời Sao, Liên Trì đại sư lại giảng rõ cặn kẽ ý nghĩa này.

***(Sao) Nhân hữu nghi ngôn.***
**(鈔)人有疑言。**
*(**Sao**: Có kẻ nghi rằng).*

Ngờ vực.

***(Sao) Tội ký đa kiếp.***
**(鈔)罪既多劫。**
*(**Sao**: Tội đã nhiều kiếp).*

Đời quá khứ của chúng ta là vô lượng kiếp, tội nghiệp đã tạo trong vô lượng kiếp quá nhiều. Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm có nói: *"Nếu tội ấy có hình tướng, dẫu hình tướng ấy rất nhỏ, nhỏ như vi trần, từ vô lượng kiếp tới nay, những tội nghiệp do chúng ta đã tạo, cùng tận hư không đều chẳng thể chứa đựng nổi!"* Thật vậy! Chúng ta tạo nghiệp trước nay chưa hề ngưng nghỉ. Thân tạo, miệng tạo thì còn có lúc gián đoạn, chứ ý, tức ý niệm, ý niệm tạo nghiệp chẳng hề ngưng, ngày đêm không gián đoạn, đời đời kiếp kiếp chưa hề gián đoạn. Quý vị biết nghiệp xác thực là vô lượng vô biên.

***(Sao) Nghiệp trọng chướng thâm, cửu cần sám-ma, tiệm tích công đức, thứ khả tiêu vong.***
**(鈔)業重障深，久勤懺摩，漸積功德，庶可消亡。**
*(**Sao**: Nghiệp nặng, chướng sâu, siêng năng sám hối lâu ngày, tích lũy công đức dần dần, ngõ hầu có thể tiêu vong).*

Kinh Đại Thừa thường nói chuyện này. *"Cửu"* (久) là phải mất thời gian dài nhiều kiếp. Ví như đức Phật nói một người từ sơ phát tâm tu hành cho đến khi thành Phật phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, ba đại A-tăng-kỳ kiếp chính là *"cửu"*. *"Cần"* (勤) là siêng năng, tinh cần. *"Sám-ma"* (懺摩, Kṣāma) là sám hối. Phẩm [Phổ Hiền Bồ Tát] Hạnh Nguyện đã quy nạp các cương lãnh tu hành trong hết thảy các kinh luận Đại Thừa, quy nạp đến cuối cùng là hai pháp môn: Thứ nhất là sám hối, thứ hai là hồi hướng. Quy nạp vô lượng vô biên pháp môn đến cuối cùng thành hai môn ấy, quý vị biết hai môn ấy chính là trọng điểm tu hành, là mấu chốt trong tu hành. Cũng có thể nói *"cửu cần sám-ma"* (siêng năng sám hối lâu ngày) là trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp chẳng ngừng tu pháp sám hối, mới dần dần tích lũy công đức tiêu trừ tội nghiệp trong vô lượng kiếp. Phải mất thời gian dài lâu như thế, trong các kinh thông thường, đức Phật thường nói như vậy. Nói theo kinh Hoa Nghiêm, chẳng phải là ba đại A-tăng-kỳ kiếp, còn phải dài hơn nữa! Đức Phật dạy phải mất vô lượng kiếp. Đức Phật nói ba đại A-tăng-kỳ kiếp là nói đối với Quyền Giáo Bồ Tát, nói với hàng tiểu Bồ Tát. Nói lâu quá, sợ họ ngã lòng, "lâu như vậy, thôi đi, ta chẳng học nữa", bèn nói ngắn hơn, nói là ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Trong kinh Hoa Nghiêm, đối với bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ, có thể nói thật, phải là vô lượng kiếp! Đức Phật nói ba đại A-tăng-kỳ kiếp thành Phật, có phải là gạt người hay chăng? Đức Phật chẳng nói dối, ba đại A-tăng-kỳ kiếp xác thực thành Phật, thành Phật gì vậy? Tông Thiên Thai phán giáo đã phán định thành bốn giáo là Tạng, Thông, Biệt, Viên, bốn giáo đều có Phật. Ba đại A-tăng-kỳ kiếp thành Phật là thành Tạng Giáo Phật. Đức Phật nói thành Phật chẳng sai, chẳng gạt người! ["Thành Phật"] là thành Tạng Giáo Phật. Tạng Giáo Phật sai kém đẳng cấp Viên Giáo Phật quá nhiều! Tạng Giáo Phật vẫn chưa kiến tánh, còn thua Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Thông Giáo Phật cao hơn Tạng Giáo Phật một chút, nhưng vẫn chưa bằng Sơ Trụ. Do vậy, [*"thành Phật"* là đạt đến địa vị giác ngộ cao nhất] trong một giai đoạn như vậy. Biệt Giáo Phật tương đương với Bồ Tát thuộc địa vị Đệ Nhị Hạnh trong Viên Giáo, còn kém Viên Giáo Phật ba mươi mốt địa vị. Vì thế, đức Phật hoàn toàn chẳng nói lời hư giả. Đức Phật nói *"thành Phật"*, quý vị phải hiểu Ngài nói "thành vị Phật nào". Sám hối siêng năng lâu ngày thì mới có thể tiêu trừ nghiệp chướng.

***(Sao) Nhi niệm Phật nhất thanh, diệt đa kiếp tội.***

**(鈔)而念佛一聲，滅多劫罪。**
*(**Sao**: Nhưng niệm Phật một tiếng bèn diệt tội nhiều kiếp).*

Người ta hoài nghi ở chỗ này, khó tin ở chỗ này.

***(Sao) Nhân vi quả cự, cố sở bất tín.***
**(鈔)因微果巨，固所不信。**
*(**Sao**: Nhân bé quả to, cho nên chẳng tin).*

Niệm Phật một tiếng, cái "nhân" này dường như quá dễ dàng, quá nhỏ bé, quá ít ỏi, làm sao nó có thể diệt tội nhiều dường ấy, diệt trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử? Dường như cái "quả" ấy quá thù thắng. Nhân và quả chẳng tương xứng! Điều này rất khó khiến cho người ta tin tưởng, rất khó khiến cho người khác tiếp nhận.

***(Sao) Kim vị chí tâm giả, tức nhất tâm dã.***
**(鈔)今謂至心者，即一心也。**
*(**Sao**: Nay nói chí tâm tức là nhất tâm).*

Đây chẳng phải là xưng niệm bình thường, mà là nhất tâm xưng niệm. Trong nhất tâm có Sự nhất tâm và Lý nhất tâm, Sự nhất tâm vẫn chẳng có hiệu quả to tát ngần ấy.

***(Sao) Nhược Sự nhất tâm, tuy năng diệt tội, vi lực sảo sơ, tội tướng phục hiện, đa đa chi niệm, chỉ khả diệt thiểu thiểu chi khiên.***
**(鈔)若事一心，雖能滅罪，為力稍疏，罪將復現，多多之念，止可滅少少之愆。**
*(**Sao**: Nếu là Sự nhất tâm, tuy có thể diệt tội, nhưng do sức hơi yếu, nên tội tướng lại hiện, niệm cho nhiều thì chỉ có thể diệt chút ít tội khiên).*

Huống hồ chúng ta hiện thời ngay cả Sự nhất tâm còn chẳng có! Nếu nay chúng ta chẳng nghiêm túc, nỗ lực hướng về nhất tâm, tâm tán loạn niệm Phật như vậy, sẽ như cổ nhân đã nói: *"Hét toạc cổ họng vẫn uổng công"*. Câu này phê bình kẻ suốt ngày từ sáng đến tối niệm A Di Đà Phật, người niệm Phật hiệu "miệng có, tâm không", miệng niệm Phật

hiệu, tâm tán loạn, niệm Phật kiểu đó chẳng khởi tác dụng! Niệm Phật phải quy nhất ý niệm, thâu thập cái tâm tán loạn, như thế sẽ có hiệu quả. Do vậy, có kẻ biết niệm, có kẻ chẳng biết niệm. Chẳng biết niệm sẽ không có hiệu quả. Chẳng có hiệu quả thì cũng là gieo thiện căn mà thôi, chẳng thể thành tựu trong một đời này, mà cũng chẳng thể diệt tội. Niệm đến Sự nhất tâm, hạn độ thấp nhất của Sự nhất tâm là công phu thành phiến. Công phu thành phiến là suốt ngày từ sáng đến tối trong tâm xác thực có A Di Đà Phật, có Tây Phương Tịnh Độ, trong tâm thật sự có [những điều ấy]. Nói cách khác, tất cả hết thảy chuyện thế gian ta đều chẳng bận lòng, ta đều buông xuống. Trong tâm ta, chuyên vương vấn A Di Đà Phật, đó gọi là Sự nhất tâm. Vì trong tâm quý vị vương vấn A Di Đà Phật, đó là Sự. Sự đã chuyên nhất, chỉ vương vấn A Di Đà Phật. Trừ A Di Đà Phật ra, chuyện gì khác cũng đều chẳng vướng mắc, thứ gì cũng đều buông xuống, đó là Sự nhất tâm. Sự nhất tâm tuy công phu rất nông cạn, đã có thể vãng sanh. Tuy diệt tội chẳng nhiều, có thể diệt một ít tội nghiệp. Công phu Sự nhất tâm nông cạn, tiêu nghiệp chướng ít ỏi, khi vãng sanh còn bị bệnh khổ. Nếu là người có công phu Sự nhất tâm sâu xa, tiêu trừ nhiều nghiệp chướng, lúc lâm chung sẽ chẳng ngã bệnh. Ngã bệnh là nghiệp chướng hiện tiền, người ấy chẳng ngã bệnh. Đến lúc đó, biết trước lúc mất, tự tại vãng sanh, đó là Sự nhất tâm.

Người niệm Phật niệm đến mức sanh tử tự tại, đó là công phu tốt nhất. Sanh tử tự tại, muốn ra đi khi nào bèn đi khi đó, muốn ở lại thế giới này thêm mấy năm, cũng chẳng trở ngại. Đó là sanh tử tự tại. Phải đạt tới công phu gì? Vẫn là công phu Sự nhất tâm khá tốt. Thông thường, chúng ta nói công phu chia thành ba cấp. Công phu sơ cấp gọi là công phu thành phiến, bậc trung gọi là Sự nhất tâm bất loạn, bậc thượng gọi là Lý nhất tâm bất loạn. Ở đây, chỉ nói đến Sự nhất tâm và Lý nhất tâm, tức là đã gộp công phu thành phiến vào Sự nhất tâm. Công phu thành phiến là Sự nhất tâm nông cạn. Sự nhất tâm sâu xa, đã đoạn Kiến Tư phiền não. Chưa đoạn Kiến Tư phiền não thì phải chế ngự nó, đó gọi là công phu thành phiến, tức là đã chế phục phiền não. Nếu chia nó thành chín phẩm, công phu thành phiến thượng thượng phẩm có thể vãng sanh tự tại, muốn đi lúc nào bèn có thể đi khi đó, muốn ở lại thế giới này bao nhiêu năm bèn ở lại bấy nhiêu năm, quyết định chẳng bị trở ngại. Nếu chúng ta hỏi: Lũ chúng ta có thể làm được hay không? Ai nấy đều có thể làm được, chỉ sợ quý vị chẳng chịu làm! Quý vị chịu làm, chẳng có ai không làm được! Nếu nói đến Sự nhất tâm bậc thượng, đích xác là không phải

mỗi người chúng ta đều có năng lực làm được. Vì sao? Phải đoạn hết Kiến Tư phiền não, rất khó khăn, Lý nhất tâm càng khó hơn. Do vậy, có thể biết: Niệm một tiếng A Di Đà Phật tiêu diệt trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử, chúng ta chỉ có thể lắng nghe, chứ chẳng có phần! Đó là Lý nhất tâm, chúng ta chẳng làm được! Tới khi nào sẽ làm được? Sau khi vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ làm được. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, *"hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh"* (hoa nở, gặp Phật, ngộ Vô Sanh). Khi ấy, sẽ là Lý nhất tâm bất loạn. Trong thế giới Tây Phương, hoa chưa nở thì là Sự nhất tâm bất loạn, hoa đã nở thì là Lý nhất tâm bất loạn. Hoa nở thấy Phật là thấy Báo Thân Phật. Trong bài kệ Tán Phật có câu: *"Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di, cám mục trừng thanh tứ đại hải"* (Bạch hào cuộn tròn như năm quả núi Tu Di, mắt biếc như bốn biển lớn trong ngần), đó là Báo Thân của A Di Đà Phật. Hoa nở thấy Phật là thấy Báo Thân. Hoa chẳng nở vẫn thấy Phật, [tức là] thấy Hóa Thân của A Di Đà Phật; bởi lẽ, ở trong hoa sen, Phật, Bồ Tát cũng thuyết pháp cho quý vị, cũng có hải hội đại chúng vây quanh, hoàn toàn là Hóa Thân, chẳng phải là Báo Thân.

Nói đến chỗ này, chư vị phải chú tâm thấu hiểu chỗ thù thắng của Tịnh Tông. Có người hỏi: Văn Thù và Phổ Hiền là Đẳng Giác Bồ Tát trong thế giới Hoa Tạng, các Ngài tu hành thành Phật trong thế giới Hoa Tạng, chẳng phải là chuyện giống hệt hay sao? Vì sao phải đến Tây Phương Cực Lạc thế giới? Vì sao Đẳng Giác Bồ Tát trong Viên Giáo phải phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ? Hỏi những vấn đề này rất hay, chư vị nghe những điều tôi vừa mới nói, phải nên trả lời được. Diệt tội trong các thế giới phương khác thì phải siêng năng sám hối lâu ngày. Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phẩm sanh tướng vô minh, rất khó đoạn, tốn thời gian rất dài! Phiền não thô dễ đoạn, phiền não tế khó đoạn. Đức Phật nói ba đại A-tăng-kỳ kiếp, trong A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất, Bồ Tát có thể chứng đắc ba mươi địa vị, tức Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng. Trong A-tăng-kỳ kiếp thứ hai, chỉ có thể chứng bảy địa vị, từ Sơ Địa cho đến Thất Địa, càng lên cao càng khó. Trong A-tăng-kỳ kiếp thứ ba, chứng ba địa vị là Bát Địa, Cửu Địa, và Thập Địa. Ba đại A-tăng-kỳ kiếp, trên thực tế là [thời gian cần thiết để] viên mãn Thập Địa, thành Đẳng Giác Bồ Tát. Đẳng Giác Bồ Tát cuối cùng vẫn còn một phẩm sanh tướng vô minh, hãy còn một phẩm, tôi thấy hạn độ thấp nhất, tuy đức Phật chẳng nói, sợ rằng cũng phải mất một A-tăng-kỳ kiếp thì mới có thể thành tựu. Do vậy, càng lên cao càng khó, phải mất thời gian rất dài. Vì

lẽ này, Bồ Tát thông minh, sang thế giới Tây Phương, trong một thời gian rất ngắn ngủi bèn thành tựu. Đấy là nhân duyên thật sự. Vì sao Ngài phải vãng sanh thế giới Tây Phương? Ngài vãng sanh thế giới Tây Phương, tới thế giới Tây Phương bèn chứng đắc. Đẳng Giác Bồ Tát vãng sanh, sẽ là thượng thượng phẩm vãng sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm; vừa đến đó, hoa nở, thấy Phật, chẳng cần phải chờ đợi. Nói cách khác, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thấy A Di Đà Phật, nghiệp chướng tiêu trừ sạch, quý vị nói xem có mau lẹ hay chăng? Trong thế giới Hoa Tạng, Ngài vẫn phải tốn một khoảng thời gian dài, chẳng nhanh chóng như trong thế giới Tây Phương. Đấy là nguyên do vì sao Ngài phải sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Vì sao chúng ta biết là mau chóng? Kinh Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đã giảng rất rõ ràng. Trong hết thảy các kinh Đại Thừa, đức Phật đã nói: Để thành Phật, từ sơ phát tâm cho đến khi chứng Phật quả, bất luận là Phật thuộc loại nào, phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, đấy là con số thiên văn. Đến thành Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải là vị Phật nào khác, mà là Viên Giáo Phật, cần phải mất bao nhiêu thời gian? Tối đa là mười hai đại kiếp. Mười hai đại kiếp thua xa một A-tăng-kỳ kiếp! Một A-tăng-kỳ kiếp giống như một năm, mười hai đại kiếp giống như mười hai phút. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thành Viên Giáo Phật mất mười hai phút; trong thế gian này, để tu thành Tạng Giáo Phật cần tới một năm, làm sao có thể so sánh cho được? Chẳng thể sánh bằng! Do đâu mà có mười hai kiếp? Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật có nói: Hạ hạ phẩm vãng sanh, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, trải qua mười hai kiếp hoa nở, thấy Phật, mười hai kiếp do đây mà có.

Do vậy có thể biết, A Di Đà Phật kiến lập Tây Phương Cực Lạc thế giới cho đến nay là mười kiếp, người hạ hạ phẩm vãng sanh trong kiếp thứ nhất, lại qua hai kiếp, người ấy bèn thành Phật. Người hạ phẩm trung sanh đã thành Phật từ lâu rồi! Vì hạ phẩm trung sanh sáu kiếp thành Phật, Tây Phương Cực Lạc thế giới nay đã là kiếp thứ mười, người ấy đã thành Phật năm kiếp, người ấy đã thành Phật trong kiếp thứ sáu, mới hiểu: So sánh giữa thành tựu trong thế giới Tây Phương và các thế giới phương khác, [sẽ thấy] quá thù thắng, quý vị hãy nhìn từ chỗ này. Trung phẩm hạ sanh, để thành Phật trong thế giới Tây Phương phải mất bảy ngày. Điều này cho thấy vì sao hết thảy Bồ Tát đều hướng về, ngưỡng mộ Tây Phương Cực Lạc thế giới? Nguyên nhân ở chỗ này. Đến

tu hành trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng biết đã rút ngắn bao nhiêu thời gian, thù thắng ở chỗ này! Do vậy, hết thảy chư Phật đều tán thán chẳng thể nghĩ bàn, bổn nguyện của A Di Đà Phật chẳng thể nghĩ bàn, công đức chẳng thể nghĩ bàn, pháp môn chẳng thể nghĩ bàn, thành tựu chẳng thể nghĩ bàn. Nếu chư vị đọc kỹ ba kinh, những chuyện này đều bày rõ rành rành trước mặt chúng ta, có thể nào chẳng giác ngộ?

***(Sao) Thử chi chí tâm, chánh thuộc Lý nhất.***

**(鈔)此之至心，正屬理一。**

*(**Sao**: Chí tâm ở đây thuộc về Lý nhất tâm).*

Chữ *"chí tâm"* trong câu *"chí tâm niệm A Di Đà Phật một tiếng"* của phần Sớ là nói đến Lý nhất tâm, chẳng phải là Sự nhất tâm.

***(Sao) Nhất tâm ký lãng, tích vọng đốn không.***

**(鈔)一心既朗，積妄頓空。**

*(**Sao**: Nhất tâm đã rạng ngời, các vọng đã tích lũy nhanh chóng tiêu tan).*

Lý nhất tâm là minh tâm kiến tánh, tối thiểu là phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh, đấy mới là Lý nhất tâm bất loạn. Đối với cảnh giới của bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ trong kinh Hoa Nghiêm, nói theo Tịnh Độ Tông, đều thuộc về Lý nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn cũng có thứ tự cạn hay sâu khác nhau, cạn là Sơ Trụ trong Viên Giáo, sâu là Đẳng Giác Bồ Tát. Chúng ta tính theo địa vị Bồ Tát thì Lý nhất tâm lại có bốn mươi mốt tầng cấp, tức là xét theo thứ tự cạn hay sâu bèn có bốn mươi mốt tầng cấp, đều gọi là Lý nhất tâm. *"Nhất tâm ký lãng"* (Nhất tâm đã rạng ngời), *"lãng"* (朗) là sáng rỡ. Đã đoạn Kiến Tư phiền não và Trần Sa phiền não, cũng phá một phẩm vô minh, tâm tánh thấu lộ, dụng tâm chẳng khác Phật.

Trong kinh, đức Phật thường dùng vầng trăng để tỷ dụ, tỷ dụ ấy hay lắm: Tâm Phật như vầng trăng tròn ngày Rằm, tâm Sơ Trụ Bồ Tát như trăng non mồng Ba, mồng Bốn, quang minh thấu lộ. Ánh sáng của trăng tròn và trăng non giống nhau, đều là quang minh thật sự, chẳng giả. Bất quá một đằng sáng ngời, một đằng sáng yếu ớt mà thôi, nhưng đều là ánh sáng thật sự. Ý nói: Dụng tâm của Sơ Trụ Bồ Tát là chân tâm; tuy dùng chân tâm mà chẳng viên mãn, [tức là] chẳng viên mãn và tự tại như

Phật, nhưng Ngài đã dùng chân tâm, giống như Phật, chẳng giống Quyền Giáo Bồ Tát. Từ Quyền Giáo Bồ Tát trở xuống đều dùng vọng tâm. Tám thức, năm mươi mốt Tâm Sở là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Sơ Trụ Bồ Tát dùng chân tâm, giống như Phật. *"Tích vọng đốn không"* (Các vọng đã tích lũy đều nhanh chóng tiêu tan), *"tích"* (積) là tích lũy. Tới khi ấy, vọng tưởng, phiền não đã tích lũy từ vô lượng kiếp thảy đều tiêu mất, thảy đều chẳng còn!

***(Sao) Dụ như thiên niên ám thất, khởi dĩ nhất đăng, ám bất tốc diệt?***

**(鈔)喻如千年闇室，豈以一燈，闇不速滅？**

*(**Sao**: Ví như nhà tối ngàn năm, há chẳng phải là do một ngọn đèn mà tối tăm chẳng mau chóng diệt mất ư?)*

Đây là tỷ dụ, [nhằm giải thích] vì sao những tội nghiệp đã tích lũy trong vô lượng kiếp có thể ngay lập tức tiêu mất? *"Thiên niên ám thất"* (Nhà tối ngàn năm), "ngàn năm" là tỷ dụ vô lượng kiếp, tỷ dụ thời gian lâu dài. Nhà tối om om ví như phiền não, vọng tưởng, tập khí ác. *"Khởi dĩ nhất đăng, ám bất tốc diệt?"* (Há chẳng phải là do một ngọn đèn mà tối tăm chẳng mau chóng diệt mất ư?). Nhà tối ngàn năm, quý vị thắp một ngọn đèn trong ấy, tối tăm bèn chẳng còn nữa, đã tiêu trừ. Ý nghĩa này nhằm nói rõ: Quý vị thật sự giác ngộ, tất cả hết thảy tập khí và tội chướng thảy đều tiêu trừ. Vì sao? Vì chúng nó là hư vọng, chẳng phải là chân thật. Chân thật sẽ chẳng thể tiêu diệt, chúng nó là hư vọng. Giác ngộ bèn chẳng có; bất giác thì chúng thảy đều tồn tại. Kiến tánh mới được coi là giác ngộ; chẳng kiến tánh, không tính là giác ngộ. Chẳng ngộ, sẽ phải luân hồi trong lục đạo, bèn có lục đạo, mười pháp giới. Sau khi đã ngộ, không chỉ là chẳng có lục đạo, mà mười pháp giới cũng chẳng có. Do vậy, người giác ngộ, người đắc Lý nhất tâm bất loạn, sẽ trụ ở nơi đâu? Kinh Hoa Nghiêm nói người ấy trụ trong Nhất Chân pháp giới, chẳng ở trong mười pháp giới. Phật trong mười pháp giới là Tạng Giáo Phật, hoặc Thông Giáo Phật. Biệt Giáo Phật chẳng trụ trong mười pháp giới, Ngài nhập Nhất Chân pháp giới.

***(Sao) Cố "nhất xưng nam-mô Phật, giai dĩ thành Phật đạo", bất độc Diệu Pháp Liên Hoa hữu chi.***

**(鈔) 故一稱南無佛 ， 皆已成佛道 ， 不獨妙法蓮華有**

之。

*(**Sao**: Vì thế, "vừa xưng nam-mô Phật, đều đã thành Phật đạo", không phải là chỉ riêng kinh Diệu Pháp Liên Hoa mới có).*

Trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa có nói: *"Nhất xưng nam-mô Phật, giai dĩ thành Phật đạo"* (Vừa xưng nam-mô Phật, đều đã thành Phật đạo). Quý vị phải hiểu: *"Nhất xưng nam-mô Phật"* chính là chí tâm xưng niệm, thuộc Lý nhất tâm, thì mới có thể thành Phật. Chẳng phải là Lý nhất tâm mà niệm thì đừng nói là xưng niệm một tiếng, dẫu xưng niệm một vạn lần, mười vạn lần, hoặc trăm vạn lần cũng chẳng có tác dụng chi hết, cũng chẳng đạt được cảnh giới này. *"Nhất xưng nam-mô Phật"* như kinh Diệu Pháp Liên Hoa đã nói có cùng một cảnh giới với *"chí tâm niệm A Di Đà Phật"* mà đại sư đang nói ở đây!

***(Sao) Pháp Hoa Tam Muội Quán Kinh vân.***

**(鈔)法華三昧觀經云。**

*(**Sao**: Kinh Pháp Hoa Tam Muội Quán nói).*

Đây là tên gọi của một bộ kinh.

***(Sao) Thập phương chúng sanh, nhất xưng nam-mô Phật giả, giai đương tác Phật, duy nhất Đại Thừa, vô hữu nhị tam.***

**(鈔)十方眾生，一稱南無佛者，皆當作佛，惟一大乘，無有二三。**

*(**Sao**: Mười phương chúng sanh, nhất tâm niệm nam-mô Phật, sẽ đều làm Phật, chỉ có một Đại Thừa duy nhất, chẳng có hai, ba thừa).*

Đoạn này nói rõ công đức niệm Phật là *"duy nhất Đại Thừa"*, ý nghĩa trong kinh chẳng được nêu ra rất rõ rệt, kinh nói "mười phương chúng sanh". Mười phương chúng sanh đương nhiên bao gồm bản thân chúng ta trong ấy. *"Nhất xưng"*, mấu chốt là *"nhất"*, quyết định chớ nên sơ sót. *"Nhất"* chẳng phải là con số, chẳng có nghĩa là "niệm một tiếng nam-mô Phật", chẳng phải vậy, mà là nhất tâm xưng niệm. *"Nhất"* có nghĩa là nhất tâm, lại còn là nhất tâm đạt đến tột bậc, tức là Lý nhất tâm, chính là Lý nhất tâm được nói trong bộ kinh này. Nói cách khác, sử dụng cái tâm chân thành. Chân thành đến cùng cực, ở đây chúng ta nói là Lý

nhất tâm, dùng cái tâm như vậy để niệm nam-mô Phật, sẽ thành Phật, *"giai đương tác Phật"* (đều sẽ thành Phật). Điều này cũng chứng minh [những điều được nói trong] Tam Phước của Quán Kinh, điều cuối cùng có nói: *"Phát Bồ Đề tâm, thâm tín nhân quả"* (Phát tâm Bồ Đề, tin sâu nhân quả): Nhân quả ấy chẳng giống nhân quả bình phàm, [mà là] *"niệm Phật là nhân, thành Phật là quả"*. *"Nhất xưng nam-mô Phật"* là nhân, *"giai đương tác Phật"* (đều sẽ thành Phật) là quả. Vì thế, pháp môn này là *"duy nhất Đại Thừa"*. Cổ đại đức phán định Pháp Hoa và Hoa Nghiêm đều là Nhất Thừa Giáo, còn cao hơn Đại Thừa. Phật pháp được chia thành các đẳng cấp, có Tiểu Thừa, có Đại Thừa, có Nhất Thừa. Nhất Thừa là pháp môn dạy thành Phật, Đại Thừa dạy thành Bồ Tát, Tiểu Thừa dạy thành tựu Thanh Văn, Duyên Giác. Chúng ta thường nói [Thanh Văn, Duyên Giác] là A La Hán, Bích Chi Phật. Thành tựu những quả vị ấy thì là pháp Tiểu Thừa. Thành tựu quả vị Bồ Tát là pháp Đại Thừa. Dạy quý vị trực tiếp thành Phật thì gọi là pháp Nhất Thừa. Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đều thuộc loại Viên Giáo Nhất Thừa, ở đây nói là *"duy nhất Đại Thừa"*. *"Vô hữu nhị tam"* (Chẳng có hai, ba thừa), *"nhị"* là hai thừa, tức Đại Thừa và Tiểu Thừa; ba thừa là Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, và Bồ Tát Thừa. Pháp môn này chẳng phải là pháp tam thừa, chẳng phải là pháp nhị thừa, mà chỉ duy nhất là pháp Nhất Thừa. *"Duy nhất Đại Thừa"* là nói đến pháp Nhất Thừa.

***(Sao) Nhất thiết chư pháp, nhất tướng, nhất môn.***
**(鈔)一切諸法，一相一門。**
*(**Sao**: Hết thảy các pháp, một tướng, một môn).*

Tiếp đó, bèn có năm câu đều là kinh văn trích từ Pháp Hoa Tam Muội Quán Kinh, câu này là câu thứ hai. Hai câu này nêu rõ: Vì sao nhân quả niệm Phật thù thắng như vậy, đạo lý ở chỗ nào? Nêu ra đạo lý.

***(Diễn) Nhất thiết chư pháp nhị cú, xuất kỳ sở dĩ.***
**(演)一切諸法二句，出其所以。**
*(**Diễn**: Hai câu "hết thảy các pháp…" nêu ra nguyên do).*

Nói rõ nguyên cớ.

***(Diễn) Vị: Hà cố nhất xưng Phật thời, giai đương tác Phật, duy***

***nhất Đại Thừa da?***

**(演)謂：何故一稱佛時，皆當作佛，唯一大乘耶？**

*(**Diễn**: Ý nói vì sao "khi nhất xưng niệm Phật, sẽ đều thành Phật" là duy nhất Đại Thừa?)*

Nêu ra câu hỏi như thế, dưới đây là lời giải đáp:

***(Diễn) Viết: Dĩ nhất thiết chư pháp, duy nhất tướng, bất nhị tướng, nhất hạnh, bất nhị hạnh, cố duy Nhất Thừa.***

**(演)曰：以一切諸法，唯一相不二相，一行不二行，故唯一乘。**

*(**Diễn**: Đáp: Do hết thảy các pháp, chỉ là một tướng, chẳng phải là hai tướng; là một hạnh, chẳng phải là hai hạnh. Vì thế chỉ là Nhất Thừa).*

Giải thích hết sức hay, đúng là giống như kinh Hoa Nghiêm đã nói. Kinh Hoa Nghiêm bảo chúng ta: *"Một tức là hết thảy, hết thảy chính là một"*, một là gì? Là nhất tâm. *"Nhất thiết"* là hết thảy các pháp, hết thảy vạn pháp. Hết thảy vạn pháp biến hiện từ nhất tâm, hết thảy các pháp môn cũng lưu xuất từ nhất tâm. Tông Môn thường nói *"vạn pháp quy nhất"*, là nhất tâm. Tu hành trong Thiền Tông là tu từ căn bản, căn bản là nhất tâm. Tịnh Tông chúng ta cũng là tu trực tiếp từ nhất tâm, niệm câu A Di Đà Phật, mục đích là nhất tâm bất loạn, trực tiếp tu nhất tâm. Nhất tâm thống nhiếp hết thảy các pháp môn, nhất tâm bao dung hết thảy các pháp môn, nhất tâm bao trùm hết thảy pháp môn. Vì thế, chỉ cần quý vị đắc nhất tâm, sẽ đạt được hết thảy, đó là nguyên lý. Nếu nói theo Sự, kinh Hoa Nghiêm nói: Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. *"Nhất"* chẳng phải là chuyên nhất, mà là bất cứ một điều gì, bất cứ một pháp nào cũng đều thống nhiếp hết thảy các pháp môn. Vì sao? Vì bất cứ pháp nào cũng đều lưu xuất từ nhất tâm. Vì thế, trong kinh Đại Thừa mới nói: Trong một đầu lông, đầu lông là Sự. *"Đầu lông"* là chót đầu của một sợi lông, rất nhỏ, có Phật đang chuyển đại pháp luân trong ấy. Trong một đầu lông có Phật giảng kinh, thuyết pháp tại nơi đó, hải hội vân tập. Đó là "lớn, nhỏ chẳng hai". Trong một đầu lông có thể dung nạp cõi bảo vương. Đại thiên thế giới có thể bỏ vào trong một đầu lông; đầu lông chẳng phình lớn, đại thiên thế giới chẳng rút nhỏ. Vì sao có thể dung nạp? Đầu lông do nhất tâm biến hiện, đại thiên thế giới cũng do nhất tâm biến hiện, nhất

tâm và nhất tâm chẳng có trở ngại, chẳng có ngăn ngại. Vì thế, nhỏ có thể dung nạp lớn, lớn có thể dung nạp nhỏ. Chúng ta lớn nhỏ chẳng thể dung nạp nhau, là vì quý vị có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên "vốn là có thể dung nạp lẫn nhau" bị biến thành "chẳng thể dung nạp". Nếu quý vị tiêu trừ hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, cảnh giới ấy sẽ hiện tiền. Trong Phật pháp gọi đó là *"cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn"*.

Các nhà khoa học hiện thời cũng hiểu chuyện này, nhưng họ chẳng thể chứng thực, chẳng thể chứng minh, từ lý luận bèn suy đoán có sự thật này. Họ nói các danh tướng chẳng giống chúng ta. Chúng ta nói là pháp giới *"Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại"*, họ nói là *"không gian nhiều chiều"*; đó chính là *"Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại"* được nói trong kinh Hoa Nghiêm. Nếu trong tương lai, khoa học tiến bộ đến mức không gian có vô hạn chiều đồng thời hiển hiện, đấy sẽ là cảnh giới được nói trong kinh Hoa Nghiêm. Lúc ấy, quý vị sẽ thật sự thấy trong một lỗ chân lông có Như Lai giảng kinh, thuyết pháp, chuyển đại pháp luân. Quý vị sẽ thật sự trông thấy, quyết định chẳng có chướng ngại. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới thảy đều ở trước mặt, chẳng có quá khứ, mà cũng chẳng có vị lai. Vì thế, thời gian và không gian đều là khái niệm trừu tượng, chẳng phải là sự thật chân chánh. Khoa học có lý luận này, nhưng chẳng biết thực hiện bằng cách nào. Trong Phật pháp có phương pháp để có thể thực hiện, dạy quý vị tu nhất tâm bất loạn, đạt đến Lý nhất tâm, cảnh giới ấy hoàn toàn hiện tiền, đó là chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này!

***Tập 243***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm bảy mươi mốt:

***(Sao) Sở vị vô sanh vô diệt, tất cánh không tướng, tập như thị Quán, Ngũ Dục tự đoạn, Ngũ Cái tự trừ, Ngũ Căn tăng trưởng, tức đắc Thiền Định.***

**(鈔)**所謂無生無滅，畢竟空相，習如是觀，五欲自斷，五蓋自除，五根增長，即得禪定。

*(**Sao**: Đó gọi là "vô sanh vô diệt", tướng rốt ráo là Không. Tu tập pháp Quán như thế, Ngũ Dục tự đoạn, Ngũ Cái tự trừ, Ngũ Căn tăng*

*trưởng, liền đắc Thiền Định).*

Đoạn văn này trích từ kinh Pháp Hoa Tam Muội Quán. [Dùng câu] *"vô sanh vô diệt, tất cánh không tướng"* (chẳng sanh, chẳng diệt, tướng Không rốt ráo) để giải thích *"nhất tướng, nhất môn"* được nói trong phần trước. Cách nói này rất phổ biến trong hết thảy các kinh giáo Đại Thừa, nhất là kinh luận [thuộc hệ thống] Bát Nhã đã nói nhiều nhất, mà cũng là nói tỉ mỉ nhất. Có thể nói là bộ kinh Đại Bát Nhã gồm sáu trăm quyển nhằm giảng rõ chân tướng sự thật này. Chân tướng sự thật là hết thảy các pháp bất sanh bất diệt. *"Không"* chẳng có nghĩa là do "không có tướng" cho nên gọi là Không; chẳng phải vậy, [mà là] *"đương thể tức không"* (chính cái bản thể của nó là Không), cảnh giới này rất sâu, rất cao. *"Tập như thị Quán"* (Tu tập pháp Quán như thế), thường có thể quán tưởng như thế. *"Quán như thế"* thì kinh Kim Cang Bát Nhã quen thuộc nhất đối với mọi người. Các kinh thuộc hệ thống Bát Nhã rất nhiều; trong đó, quen thuộc nhất đối với chúng ta là kinh Kim Cang Bát Nhã và Bát Nhã Tâm Kinh. Hai loại này thật sự là tinh hoa và cương yếu của Bát Nhã. Kinh Kim Cang dạy chúng ta: *"Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng như chớp, hãy nên quán như thế"*. Đó là *"tập như thị Quán"* (tu tập pháp Quán như thế). Đức Phật đã dùng sáu chuyện ấy (mộng, huyễn, bọt, bóng, sương, chớp) để tỷ dụ hết thảy vạn pháp:

1) *"Mộng"* (夢): Phàm phu đều có thể nằm mộng. Thời gian nằm mộng rất ngắn ngủi. Sau khi tỉnh giấc, biết mộng là rỗng tuếch! Chẳng biết một đời người của chúng ta tuy là mấy chục năm nóng lạnh, nhưng trong khoảng thời gian và không gian vô tận, xác thực là ngắn ngủi như cảnh trong mộng! Quý vị thường tưởng như vậy, đó là sự thật, trọn chẳng phải là hư cấu.

2) Chúng ta thường nói *"huyễn"* (幻) là làm trò ảo thuật. Ảo thuật được gọi là *"huyễn thuật"*, đương nhiên là giả, chẳng thật! Nhưng thủ pháp (kỹ xảo, tay nghề) của người ấy (người làm ảo thuật) rất cao minh; tuy giả, quý vị chẳng thể nhận biết, ngỡ nó là thật, thật ra là giả.

3) *"Bào"* (泡) là bọt nước, giống như [bong bóng] xà phòng. Trẻ nhỏ thổi bóng xà phòng, thời gian [chúng tồn tại] rất ngắn, [trong khoảnh khắc] bèn vỡ tan.

4) *"Ảnh"* (影) là hình bóng.

5) *"Lộ"* (露) là sương sớm, mặt trời vừa mọc bèn chẳng còn!

6) *"Điện"* (電) là tia chớp.

Sáu thứ ấy đều có thời gian tồn tại rất ngắn, tỷ dụ những gì hư huyễn, chẳng thật!

Nếu quý vị có thể thường học tập và quan sát như vậy, dùng tiêu chuẩn này để quan sát hết thảy vạn pháp trong vũ trụ và nhân sinh, tự nhiên đoạn được Ngũ Dục. Ngũ Dục là tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê; tự nhiên sẽ chẳng khởi tâm tham luyến đối với những thứ ấy. Vì sao? Hiểu chúng là giả, chẳng thật, sẽ có thể buông xuống. Đức Phật nói "chúng sanh mê" là mê những gì? Ngỡ thật là giả, coi giả là thật, hoàn toàn là điên đảo, nên gọi là *"điên đảo vọng tưởng"*. Hết thảy vạn pháp trong thế gian vô thường, giả trất, chúng ta ngỡ chúng nó là thật. Thường trụ chân tâm, bất sanh, bất diệt, đó là thật; trong kinh, đức Phật thường dạy như thế, chúng ta khăng khăng nghĩ nó là giả, chẳng lưu ý đến nó, đó là điên đảo. Đối với chân, vọng, tà, chánh, thị, phi, thiện, ác đều điên đảo! Đã hiểu rõ chân tướng sự thật, sẽ tự nhiên đoạn được ý niệm tham luyến đối với ngũ dục lục trần. Chư vị phải biết *"Ngũ Dục chi đoạn"* (đoạn Ngũ Dục) chẳng phải là không có Ngũ Dục! Ngũ Dục chẳng gây trở ngại, cái gây trở ngại chính là tâm tham luyến Ngũ Dục! Phải đoạn cái tâm ấy, phải hiểu rõ đạo lý này! *"Ngũ Cái tự trừ"*, Ngũ Cái (五蓋) là tham, sân, si, ngủ nghê, điệu hối (掉悔: trạo hối, tức tâm lao chao, hay hối hận), năm thứ ấy. Tham, sân, si là Tam Độc phiền não, [cùng với] ngủ nghê và điệu hối đều có thể che lấp bản tánh, khiến cho tâm tánh của chúng ta chẳng thể thấu lộ. Do vậy, chúng được gọi là Ngũ Cái (năm thứ che đậy). Ngũ Cái cũng mang ý nghĩa phiền não. Ngủ nghê là hôn trầm, tinh thần chẳng thể phấn chấn. *"Điệu"* (掉) là điệu cử (掉舉: lao chao), *"điệu cử"* có nghĩa là tâm chẳng thể định, trong tâm quá nhiều vọng tưởng, quá nhiều ý niệm. Đặc biệt là khi chúng ta tĩnh tọa, hoặc lúc chỉ tĩnh trong khi niệm Phật, vọng niệm trong tâm đặc biệt nhiều. Đó là *"điệu cử"*. *"Hối"* (悔) là nghi hối (疑悔: nghi ngờ, hối hận). Thường là kẻ làm chuyện gì, hoặc là tu hành, học theo pháp môn này, thấy pháp môn của kẻ khác bèn có lòng hối hận [sao ta chẳng học pháp môn ấy, sao lại tu tập pháp môn này]. Hậu hối (hối hận) thuộc loại hoài nghi, chúng ta thường nói là *"nghi hối"*, thảy đều là chướng ngại, chướng ngại cái tâm thanh tịnh của quý vị, khiến cho tâm chẳng thanh tịnh. Nói theo pháp Niệm Phật, thì là: Chẳng thể thành tựu Niệm Phật tam-muội, bị nó (nghi hối) chướng ngại. Nếu chúng ta thật sự có thể thấy thấu suốt những phiền não ấy, sẽ tự nhiên buông xuống, Ngũ Cái tự trừ. *"Ngũ Căn tăng*

*trưởng"*: Ngũ Căn là Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ. Đã đắc Thiền Định, Thiền Định ấy chính là Pháp Hoa tam-muội.

***(Sao) Thích viết: Nhất xưng thành Phật giả, quy mạng nhất tâm, vô bất thành Phật.***

**(鈔)釋曰：一稱成佛者，歸命一心，無不成佛。**

*(**Sao**: Giải thích rằng: "Vừa xưng bèn thành Phật" chính là quy mạng nhất tâm, chẳng có ai không thành Phật).*

*"Thích viết"* (釋曰) là giải thích. Kinh nói: *"Nhất xưng nam-mô Phật, giai đương tác Phật"* (Vừa xưng nam-mô Phật, đều sẽ thành Phật), đạo lý ở chỗ nào? Ở đây, đã nói rõ: Đạo lý là *"quy mạng nhất tâm"*. Nhất tâm là bản tánh, là chân tâm. Nhà Thiền nói *"minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật"*, chính là đạo lý như thế đó. Vì thế, tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào cũng đều có thể thành tựu Phật đạo. Nói cách khác, mục đích cuối cùng của pháp môn nào cũng đều là minh tâm kiến tánh. Không chỉ Thiền Tông là như thế, mà các pháp môn khác cũng chẳng có ngoại lệ. Tịnh Độ Tông cũng chẳng phải là ngoại lệ. Lý nhất tâm bất loạn được nói trong Tịnh Độ Tông chính là minh tâm kiến tánh. Nói cách khác, danh từ khác nhau, cảnh giới thực tế giống hệt! Điểm thù thắng của Tịnh Tông là trực tiếp tu nhất tâm. Thiền Tông cũng thù thắng, Thiền Tông cũng là trực tiếp tu nhất tâm, nhưng nó sử dụng phương pháp khác với Tịnh Tông. Thiền sử dụng phương pháp trực tiếp là quán tâm, hoặc tham thoại đầu. Nhất là quán tâm, đích xác là trực tiếp; nhưng kẻ căn tánh trung hạ chẳng dùng được. Kẻ căn tánh trung hạ vọng tưởng quá nhiều, phiền não quá nặng, quán chẳng thành công, gặp chướng ngại. Do có Ngũ Cái chướng ngại quý vị, quý vị chẳng thể thành tựu. So giữa pháp môn Tịnh Tông và pháp môn Thiền Tông, nói thật ra, [Tịnh Tông] cũng là trực tiếp, nhưng phương cách thù thắng hơn Thiền Tông, thù thắng ở chỗ nào? Chúng ta lấy ngay Như Lai quả địa, thường gọi là *"quả địa giác"* (sự giác ngộ khi đã chứng quả), một câu A Di Đà Phật chính là sự chánh giác được thành tựu nơi quả địa Như Lai, chúng ta dùng ngay điều này làm *"nhân địa tâm"* (cái tâm trong khi tu nhân), cho nên thù thắng! Tu trực tiếp từ nơi quả, chẳng như các pháp môn khác tu nhân để chứng quả, tức là từ nhân đạt đến quả. Chúng ta tu tập ngay nơi quả, trực tiếp tu từ nơi quả, nhất định phải nhận thức rõ ràng điều này! Khá nhiều kẻ do chẳng hiểu rõ nên có lắm ý kiến, lắm nỗi hiểu lầm, lắm điều hoài

nghi, khiến cho pháp môn thù thắng này ngay trước mặt mà bỏ lỡ, thật đáng tiếc quá! Kinh Di Đà dạy chúng ta *"nhất tâm bất loạn"*, cả một đoạn văn rất dài này nhằm giải thích một câu *"nhất tâm bất loạn"*, chiếm đến một phần tám của cả bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư. Nguyên lai bộ kinh này là sách được khâu gáy bằng chỉ gồm bốn quyển, chỉ riêng phần giảng về *"nhất tâm bất loạn"* đã chiếm hết nửa quyển. Do vậy, đối với phân lượng như vậy, quý vị nghĩ xem: Nó chiếm một tỷ lệ khá lớn. Nói cách khác, câu *"nhất tâm bất loạn"* trong kinh Di Đà hết sức quan trọng. Chúng ta dùng phương pháp *"tín nguyện trì danh"* [để đạt đến] mục tiêu *"quy mạng nhất tâm"*. Đắc nhất tâm bèn thành Phật, đạo lý là như thế đó!

***(Sao) Dĩ ly tự tâm nhất tướng nhất môn ngoại, cánh vô hữu pháp khả tác quy y.***

**(鈔)以離自心一相一門外，更無有法可作皈依。**

*(**Sao**: Bởi lìa ngoài "nhất tướng, nhất môn" nơi tự tâm ra, chẳng có pháp nào khác để có thể quy y).*

Chúng ta phải nhớ kỹ câu này. Trong tu học Phật pháp, có một câu thường nói rất hay: *"Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp"*. Đó là thật, chẳng giả! Nhưng trong tu học, nhất định phải thâm nhập một môn. Vì sao? Nhất môn nhất tướng sẽ dễ đắc nhất tâm. Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát nói rất hay: *"Niệm Phật kỵ nhất là xen tạp"*. Chúng ta hỏi: Tham Thiền kỵ nhất điều gì? Cũng là xen tạp! Tu Chỉ Quán kỵ nhất vẫn là xen tạp. Cũng thế, đối với tám vạn bốn ngàn pháp môn, quý vị phải tu sao cho hễ tu một pháp môn bèn chuyên ròng nơi pháp môn ấy, chẳng thể xen tạp pháp môn khác. Nếu quý vị hỏi vì sao ư? Vì xen tạp pháp môn khác, sẽ chẳng phải là "nhất môn, nhất tướng", muốn đắc nhất tâm khó lắm!

Nếu hành theo pháp môn Thiền thì phải chuyên tâm nơi Thiền. Tông phái trong Giáo Hạ rất nhiều, học Hiền Thủ bèn chuyên tâm nơi Hoa Nghiêm, học Thiên Thai bèn chuyên tâm nơi Pháp Hoa, thảy đều có thể khai ngộ, đều có thể minh tâm kiến tánh, chớ nên học tràn lan quá nhiều! Học tràn lan quá nhiều, sẽ biến thành Phật học thường thức, nay chúng ta gọi [kẻ như vậy] là nhà Phật học. Nhà Phật học chẳng thể thành Phật, vẫn phải luân hồi trong lục đạo, chớ nên không biết điều này! *"Ly tự tâm nhất tướng nhất môn ngoại"* (Lìa ngoài nhất tướng nhất môn nơi

tự tâm ra), chẳng có chỗ để quy y! Chúng ta học Phật bèn từ Tam Quy để nhập môn. Tam Quy phải quy nhất thì quý vị mới có thể thành tựu.

***(Sao) Tất cánh không tịch, như thị quán giả, Ngũ Dục tự đoạn, nãi chí Lục Độ, vạn hạnh, tất giai thành tựu.***

**(鈔)**畢竟空寂，如是觀者，五欲自斷。乃至六度萬行，悉皆成就。

*(**Sao**: Rốt ráo không tịch, quán như thế thì Ngũ Dục tự đoạn, cho đến lục độ, vạn hạnh thảy đều thành tựu).*

Thường có thể quán như thế, phép Quán ấy là trí huệ, là học vấn, chúng ta thường nói là *"thấy thấu suốt"*. Quán như thế là thấy thấu suốt. Dùng kinh Kim Cang [để giải thích] thì sẽ hết sức dễ hiểu: *"Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"*, quý vị thật sự thấy thấu suốt. Đã thấy thấu suốt, quý vị sẽ chẳng chấp trước, đoạn trừ Ngũ Dục và Ngũ Cái rất dễ dàng!

***(Sao) Như thượng sở thuyết, phi Lý nhất tâm nhi hà?***

**(鈔)**如上所說，非理一心而何。

*(**Sao**: Những điều vừa nói trên đây nếu chẳng phải là Lý nhất tâm thì sẽ là gì vậy?)*

Nói theo Pháp Hoa Tam Muội Quán Kinh, cảnh giới ấy xác thực là Lý nhất tâm, chẳng phải là Sự nhất tâm, cảnh giới ấy hết sức cao. Sự nhất tâm là đắc Thiền Định, Lý nhất tâm là khai trí huệ. Chỉ có trí huệ thì mới có thể chiếu tan vô minh phiền não, khiến nó chẳng còn nữa!

***(Sao) Hựu Phật Danh kinh vân: "Nhất văn Phật danh, diệt vô lượng kiếp sanh tử chi tội". "Nhất văn" tắc bất đãi xưng niệm, "vô lượng" tắc bất chỉ bát thập ức kiếp.***

**(鈔)**又佛名經云：一聞佛名，滅無量劫生死之罪。一聞則不待稱念，無量則不止八十億劫。

*(**Sao**: Kinh Phật Danh lại nói: "Vừa nghe danh hiệu Phật bèn diệt tội trong vô lượng kiếp sanh tử". Chỉ là nghe, chưa đợi tới lúc xưng niệm, [kinh nói] "vô lượng" tức là [do nghe danh hiệu, sẽ diệt tội] không chỉ là tám mươi ức kiếp).*

Trong Quán Kinh có nói: *"Xưng danh hiệu A Di Đà Phật một lượt, diệt trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử"*. Trong phần trên đã có nói, [xưng niệm bằng] Lý nhất tâm thì mới có hiệu quả ấy. Nay chúng ta niệm A Di Đà Phật chẳng có hiệu quả ấy! Chẳng cần nói là tám mươi ức kiếp, niệm một vạn tiếng cũng chẳng thể diệt tội trong một ức kiếp! Đó là chân lý, vì sao? Tâm chẳng thanh tịnh; do vậy, chẳng tương ứng. Kinh Phật Danh nói: *"Nhất văn Phật danh"*, [nghĩa là] còn chưa niệm, chỉ nghe danh hiệu của một vị Phật. Toàn thể kinh Phật Danh đều là danh hiệu Phật, tổng cộng gồm một vạn hai ngàn mấy danh hiệu các vị Phật. Quý vị nghe danh hiệu của một vị Phật bèn diệt tội trong vô lượng kiếp sanh tử, còn chưa niệm, chỉ nghe đôi chút! Do đó, vào dịp Tết, trong các đạo tràng người ta đều lạy Vạn Phật Sám, nghe [danh hiệu] của một vị Phật bèn diệt tội trong vô lượng kiếp sanh tử; nghe [danh hiệu của] một vạn hai ngàn mấy vị Phật sẽ diệt tội hằng sa! Đạo tràng nhỏ này của chúng ta hằng năm chọn Thiên Phật Sám, gồm ba ngàn danh hiệu Phật, tức là một ngàn vị Phật trong quá khứ, một ngàn vị Phật trong hiện tại, một ngàn vị Phật trong vị lai. Nghe danh hiệu của một vị Phật sẽ diệt tội trong vô lượng kiếp sanh tử, kinh nói như vậy có đáng tin hay không? Nếu tương ứng, chắc chắn là đáng tin cậy, đó là sự thật. Chẳng tương ứng thì không được. Chúng ta xem lời giải thích dưới đây của Liên Trì đại sư sẽ hiểu ngay!

***(Sao) Nhân di ước nhi quả di quảng.***

**(鈔)因彌約而果彌廣。**

*(**Sao**: Nhân quá đơn giản, mà quả quá rộng lớn).*

*"Ước"* (約) là đơn giản. *"Nhân"* quá đơn giản, nghe một câu danh hiệu Phật, niệm một câu danh hiệu Phật, cái nhân này quá đơn giản! *"Quả di quảng"*, nghĩa là chẳng ngờ quả rộng lớn dường ấy!

***(Sao) Phi Lý nhất tâm, an đắc trí thử.***

**(鈔)非理一心，安得致此。**

*(**Sao**: Chẳng phải là Lý nhất tâm thì làm sao đạt đến như vậy được?)*

Nói lời chân thật! Nếu quý vị chẳng phải là Lý nhất tâm, dẫu nghe danh hiệu Phật, hoặc niệm danh hiệu Phật cũng đều chẳng thể diệt tội,

phải biết điều này. Do đó, điều then chốt là nhất tâm. Nay chúng ta niệm Phật, chính là loạn tâm niệm Phật. Loạn tâm niệm Phật, có lợi ích gì chăng? Gieo chủng tử Phật vào A Lại Da Thức. Đời này gặp quả báo gì, vẫn phải hứng chịu quả báo ấy, quyết định là chẳng tránh được, sanh tử luân hồi quyết định chẳng tránh khỏi. Vì sao? Quý vị chẳng đắc nhất tâm.

***(Sao) Đản hoạn tâm chi bất nhất, hà lự tội chi bất diệt!***
**(鈔)但患心之不一，何慮罪之不滅。**
*(**Sao**: Chỉ lo chẳng nhất tâm, lo chi tội chẳng diệt!)*

Sau khi đã nói toạc chân tướng sự thật này, trong câu cuối cùng này, Liên Trì đại sư đã khích lệ chúng ta, rất khẩn yếu: Nay chúng ta sợ là sợ chẳng nhất tâm, chẳng sợ tội không diệt. Hễ nhất tâm, tội liền diệt. Đạo lý này chẳng khó hiểu. Nếu chư vị cẩn thận quan sát sự thật, sẽ rất dễ dàng phát hiện! Chúng tôi nêu một thí dụ đơn giản nhất: Người tâm địa thanh tịnh, vẻ mặt thường lộ vẻ tươi cười. Người tâm địa thanh tịnh chẳng dễ gì suy lão. Người tâm địa thanh tịnh chẳng dễ mắc bệnh. Có thể thấy quả báo ở mức độ nông cạn, dễ thấy đó. Do vậy có thể biết: Tâm càng thanh tịnh, cảnh giới càng tốt đẹp. Thanh tịnh đến tột bậc bèn thành Phật. Vì thế có thể biết: Thành Phật là tiêu diệt sạch sành sanh tội nghiệp! Từ đây, chúng ta có được một kết luận: Tâm thanh tịnh một phần bèn diệt tội một phần, tâm thanh tịnh hai phần bèn diệt tội hai phần. Đạo lý là như vậy đó. Nghe danh hiệu Phật, xưng danh hiệu Phật, diệt tội hằng sa, đó là tâm thanh tịnh đã đạt đến mức độ kha khá thì mới có công lực ấy. Bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, chân tâm hiển lộ. Chân tâm là tâm thanh tịnh, tuy mới lộ chút ít, chút ít ấy chính là chân tâm, chẳng phải là vọng tâm. Vọng tâm có giới hạn, có phân biệt, có chấp trước, có phạm vi. Chân tâm chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có phạm vi. Do đó, nó có hiệu quả diệt tội to tát. Nay phạm vi diệt tội của chúng ta rất bé. Vì sao? Tâm lượng của quý vị rất nhỏ hẹp, đó là chân tướng sự thật. Do vậy, tâm quý vị càng lớn, diệt tội càng nhiều; tâm lượng càng bé, diệt tội cũng ít đi. Do chân tâm và vọng tâm chẳng giống nhau, hiệu quả và tác dụng của chúng cũng chẳng giống nhau!

***(Sớ) Cố tri cổ nhân tri kiến bất phổ chi luận, nãi chí định tâm chuyên tâm chi biện, lương diêu thả tựu Sự chi nhất tâm, phi Lý nhất cố.***

**(疏)故知古人知見不普之論，乃至定心專心之辨，良繇且就事之一心，非理一故。**

*(**Sớ**: Vì thế biết là cổ nhân có lời luận định [những kẻ cầu sanh Tịnh Độ] là do tri kiến chẳng trọn khắp, cho đến biện luận về định tâm và chuyên tâm, chính là dựa theo Sự nhất tâm [để phán định], chẳng phải là dựa theo Lý nhất tâm).*

Trong lời Sao có giải thích đoạn văn này.

***(Sao) Tri kiến bất phổ giả, Hoa Nghiêm Luận vân: "Nhất Thừa đại đạo, phi nhạo sanh Tịnh Độ Bồ Tát cảnh giới, dĩ tình tồn tịnh uế, tri kiến bất phổ".***

**(鈔)知見不普者，華嚴論云：一乘大道，非樂生淨土菩薩境界，以情存淨穢，知見不普。**

*(**Sao**: "Tri kiến chẳng trọn khắp": Hoa Nghiêm Hợp Luận nói: "Nhất Thừa đại đạo chẳng phải là cảnh giới của hàng Bồ Tát thích sanh về Tịnh Độ, [vì ưa thích cầu sanh về Tịnh Độ] tức là còn có tình kiến tịnh và uế, cho nên tri kiến chẳng trọn khắp").*

*"Hoa Nghiêm Luận"* chính là Hoa Nghiêm Hợp Luận, tức là tác phẩm chú giải [kinh Hoa Nghiêm] của Lý Trưởng Giả[65]. Trưởng Giả

[65] Lý Trưởng Giả là danh xưng tôn trọng đối với Lý Thông Huyền (635-730). Lý Thông Huyền tên thật là Lý Hoằng (Thông Huyền là mỹ hiệu do Võ Tắc Thiên ban tặng). Lý Thông Huyền sở dĩ được gọi là Lý Trưởng Giả là vì sau này, Tống Huy Tông đã truy tặng mỹ hiệu Hiển Giáo Diệu Nghiêm Trưởng Giả. Ông còn được gọi là Táo Bá Đại Sĩ, xuất thân thuộc dòng dõi hoàng tộc nhà Đường, quê ở Luân Châu (nay là Luân Huyện thuộc tỉnh Hà Bắc. Có thuyết nói ông quê ở Thương Châu). Ông bẩm tánh thông duệ, tính tình phóng khoáng, tinh thông Dịch Lý, đến lúc ngoài bốn mươi tuổi bèn chuyên nghiên cứu kinh Phật, đặc biệt hâm mộ kinh Hoa Nghiêm. Khi Bát Thập Hoa Nghiêm được dịch xong, vào năm Khai Nguyên thứ bảy (719), ông mang kinh đến vùng núi sâu thuộc thôn Đại Hiền, làng Đồng Dĩnh, Vu Huyện, tỉnh Thái Nguyên, để chuyên viết luận sớ chú giải. Suốt ba năm không rời khỏi chỗ ở, mỗi ngày chỉ ăn mười trái táo và một tấm bánh bé tí làm bằng bột nhào với lá cây bách nghiền, nên người đời gọi ông là Táo Bá Đại Sĩ (có thuyết nói ông chỉ ăn táo và nhai lá cây bách cho khỏi đói). Sau đó, ông mang bản thảo chuyển sang hang đất (có thuyết nói hang đất ấy do cọp nhường cho ông) trong núi Thọ Dương cũng thuộc Thái Nguyên để tiếp tục biên soạn suốt năm năm mới hoàn thành. Đó chính là bộ Tân Hoa Nghiêm Kinh Luận gồm bốn mươi quyển, sau đó lại tiếp tục viết Lược

cũng là người rất lỗi lạc, thế nhưng bản kinh Hoa Nghiêm do lão nhân gia xem thuở sinh tiền là bản chưa hoàn chỉnh, cũng có nghĩa là Ngài chẳng thấy phần kết luận cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm. Vì thế, kiến giải đối với Hoa Nghiêm có phần lệch lạc. Chẳng như Thanh Lương đại sư, Thanh Lương đại sư đã xem Tứ Thập Hoa Nghiêm[66]. Cuối bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, Hoa Nghiêm mới viên mãn. Lý Trưởng Giả chẳng thấy phần kinh điển này; vì thế, Ngài mới nói đến *"Nhất Thừa đại đạo"*. Chữ *"Nhất Thừa đại đạo"* chỉ Hoa Nghiêm. Đối với hết thảy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, các vị cổ đức đã phán định Hoa Nghiêm là Nhất Thừa, phán định Pháp Hoa là Nhất Thừa, [cũng như] kinh Phạm Võng được phán định là Nhất Thừa. Kinh Nhất Thừa chỉ có ba bộ, những kinh khác giảng về Đại Thừa hoặc Tiểu Thừa. Tại Trung Hoa, kinh Đại Thừa nhiều hơn kinh Tiểu Thừa. [Lý Trưởng Giả cho rằng] *"Nhất Thừa đại đạo"* chẳng phải là cảnh giới của hàng Bồ Tát thích sanh về Tịnh Độ. Chữ *"Nhạo"* (樂) nên hiểu là ưa thích. [*"Nhạo sanh Tịnh Độ"*] là nói tới hàng Bồ Tát ưa thích cầu sanh Tịnh Độ. Vì sao? Vì cầu sanh Tịnh Độ, [tức là còn thấy] tịnh và uế đối lập.

---

Thích Tân Hoa Nghiêm Kinh Tu Hành Thứ Đệ Quyết Nghi Luận gồm bốn quyển. Ngoài hai bộ luận quan trọng trên đây, ông còn viết khá nhiều chú giải về kinh Hoa Nghiêm như bộ Hội Thích (bảy quyển), Lược Thích (Hoa Nghiêm Kinh Trung Quyển Đại Ý Lược Tự), Giải Mê Hiển Trí Thành Bi Thập Minh Luận, Thập Huyền Lục Tướng, Bách Môn Nghĩa Hải, Phổ Hiền Hạnh Môn, Hoa Nghiêm Quán, Thập Môn Huyền Nghĩa Bài Khoa Lược Thích, Nhãn Minh Luận v.v… Sau khi Lý Trưởng Giả đã mất bốn năm, bộ Tân Hoa Nghiêm Kinh Luận mới được một nhóm tỳ-kheo do Quảng Siêu cầm đầu giảo chánh, hoằng truyền. Tới năm Đại Trung đời Đường Tuyên Tông, do tỳ-kheo Chí Ninh ghép chánh kinh vào lời luận để hành giả tiện theo dõi, đồng thời biên tập, chỉnh lý, nên bộ luận này mới có tên gọi là Hoa Nghiêm Kinh Hợp Luận gồm một trăm quyển. Do bộ này quá lớn, nên đến đời Minh, Lý Chí bèn soạn bộ Hoa Nghiêm Kinh Hợp Luận Giản Yếu để học nhân tiện nghiên cứu bộ luận này. Về sau, Phương Trạch lại soạn bộ Hoa Nghiêm Kinh Hợp Luận Toản Yếu gồm ba quyển.

[66] Tứ Thập Hoa Nghiêm do ngài Bát Nhã dịch vào đời Đường Đức Tông trong niên hiệu Trinh Nguyên (785-805), trong khi Bát Thập Hoa Nghiêm được dịch vào thời Võ Tắc Thiên nhiếp chánh. Lý Trưởng Giả mất năm 730, như vậy là tối thiểu Ngài đã mất ba mươi lăm năm trước khi Tứ Thập Hoa Nghiêm được dịch ra tiếng Hán. Thanh Lương Trừng Quán đại sư sinh năm 737, mất năm 838, nên có cơ duyên đọc kinh Hoa Nghiêm hoàn chỉnh. Tứ Thập Hoa Nghiêm tức là phẩm Nhập Bất Tư Nghị Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyện. Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện thường được lưu hành thật ra chỉ là quyển bốn mươi của bộ kinh này.

Tịnh và uế là hai pháp, Lục Tổ bảo *"hai pháp chẳng phải là Phật pháp"*. Nói cách khác, tâm chẳng thật sự thanh tịnh. Thật sự thanh tịnh thì hai bên tịnh và uế đều chẳng lập, đó mới là chân tịnh. Vì thế bảo là *"tri kiến bất phổ"* (tri kiến chẳng trọn khắp). [Trong cách nhìn của Lý Trưởng Giả], những vị Bồ Tát một mực cầu sanh Tịnh Độ vẫn còn thiên kiến, tri kiến chẳng viên. *"Phổ"* (普) có nghĩa là viên, [*"tri kiến bất phổ"*] là tri kiến chẳng viên. Chúng ta hãy xem Liên Trì đại sư nói như thế nào!

***(Sao) Kim vị thử chỉ cẩn đắc Sự nhất tâm giả, nhược đắc Lý nhất, tắc diệu ngộ nhất tâm, hữu hà tịnh uế.***

**(鈔)今謂此指僅得事一心者，若得理一，則妙悟一心，有何淨穢。**

*(**Sao**: Nay tôi nói: Đấy là nói về người chỉ đắc Sự nhất tâm, chứ nếu đã đắc Lý nhất tâm bèn diệu ngộ nhất tâm, há còn có tịnh uế chi nữa!)*

Lời phản bác của Liên Trì đại sư hết sức mạnh mẽ, hợp lý lắm! Lý Trưởng Giả nhìn theo Sự nhất tâm bất loạn. Trong Sự nhất tâm bất loạn, thật sự có Năng, có Sở, xác thực là *"tri kiến bất phổ"*. Nếu là Lý nhất tâm, sẽ chẳng hai, chẳng khác *"Nhất Thừa đại đạo"* như Hoa Nghiêm đã nói. Nói thật ra, Lý Trưởng Giả chẳng thấy Tứ Thập Hoa Nghiêm. Nếu thấy Tứ Thập Hoa Nghiêm, thấy Văn Thù và Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, Ngài cũng chẳng dám nói câu này! Văn Thù, Phổ Hiền là nhân vật cỡ nào? Các Ngài đều nóng lòng muốn nhanh chóng cầu sanh Tịnh Độ, làm sao có thể nói Nhất Thừa đại đạo chẳng phải là cảnh giới của hàng Bồ Tát thích sanh về Tịnh Độ cho được? Lý trưởng giả chẳng thể thấy đoạn sau của kinh ấy, cho nên mới hiểu lầm như vậy. Nếu thấy trong phần sau [kinh Hoa Nghiêm], Văn Thù Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, nhất định là Lý Trưởng Giả chẳng đến nỗi nói theo kiểu ấy. Bởi lẽ, trong nhất tâm có Sự nhất tâm và Lý nhất tâm, tuy nói tới Niệm Phật tam-muội, nói nhất tâm bất loạn, tuy cùng là đắc nhất tâm bất loạn như nhau, nhưng mức độ trong ấy cạn hay sâu sai khác rất lớn. Nói theo Lý nhất tâm, bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo là Lý nhất tâm, Đẳng Giác Bồ Tát cũng là Lý nhất tâm. Trong Viên Giáo, từ Sơ Trụ đến Đẳng Giác là bốn mươi mốt đẳng cấp. Do vậy có thể biết: Lý nhất tâm gồm bốn mươi mốt đẳng cấp cạn hay sâu khác biệt. Lý nhất tâm là như thế, đương nhiên Sự nhất tâm cũng chẳng phải

là ngoại lệ. Sự nhất tâm cũng có thứ tự cạn hay sâu sai khác. Chúng ta thường nói "công phu thành phiến", đó là Sự nhất tâm nông cạn. Kiến Tư phiền não đều đoạn, đó là Sự nhất tâm ở mức độ sâu. Những đẳng cấp này đều chưa kiến tánh, vẫn còn có Năng và Sở.

Pháp môn thù thắng, thù thắng ở chỗ nào? Chúng ta ắt cần phải biết điều này: Đối với các pháp môn khác, kể cả Thiền Tông trong ấy, nếu chẳng thể tu thành công Cửu Thứ Đệ Định, sẽ chẳng thể thoát tam giới, quý vị biết là khó khăn lắm! [Chứng đắc] Tứ Thiền Bát Định bất quá sanh lên Tứ Thiền Thiên hoặc Tứ Không Thiên mà thôi, chẳng thoát khỏi tam giới. Chẳng thoát khỏi tam giới, sẽ chẳng tránh khỏi luân hồi, nhất định phải hứng chịu quả báo luân hồi, mới biết thoát tam giới thật khó! Trong hết thảy các pháp môn, chỉ riêng pháp môn Tịnh Tông, chỉ cần đắc Sự nhất tâm ở mức độ nông cạn, là đã có thể đới nghiệp vãng sanh. Pháp môn này thù thắng ở ngay chỗ này. Chúng ta xem kinh luận hoặc chú sớ của cổ đại đức, đều thấy nói chỗ thù thắng của Tây Phương Tịnh Độ không thuộc hai cõi trên. *"Hai cõi trên"* chính là cõi Phương Tiện Hữu Dư và cõi Thật Báo Trang Nghiêm, hai cõi ấy chẳng khác gì [các cõi Tịnh Độ trong] mười phương thế giới, chỗ thù thắng nhất trong [Tây Phương Cực Lạc Tịnh Độ] là cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Cõi Đồng Cư trong các thế giới của tất cả hết thảy chư Phật đều chẳng thể sánh bằng cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Cực Lạc, [thù thắng là vì] có đới nghiệp vãng sanh. Hễ sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư [của Cực Lạc] thì Bồ Tát trong cả bốn cõi quý vị đều thấy; đó là chỗ thù thắng bậc nhất. Như thế giới của chúng ta là cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Thích Ca Mâu Ni Phật, chúng ta sống trong thế gian này, nghe nói có Quán Âm Bồ Tát, có Địa Tạng Bồ Tát, Văn Thù, Phổ Hiền, có những vị đại Bồ Tát như vậy, nhưng ai đã từng thấy? Có thì có đấy, nhưng quá ít! [Những người được thấy là do] nhân duyên đặc thù; tuy thấy, bất quá thời gian rất ngắn ngủi, ngẫu nhiên thấy một lát rồi chẳng thấy nữa. Chẳng giống như trong thế giới Tây Phương, những vị đại Bồ Tát ấy hằng ngày ở cùng một chỗ với quý vị, thời thời khắc khắc chẳng lìa. Duyên thù thắng như vậy tìm chẳng thấy trong khắp mười phương thế giới, chỉ riêng Tây Phương [là có]! Bởi lẽ, bốn cõi Tịnh Độ của Cực Lạc xếp thành hàng ngang, chẳng phải là xếp theo chiều dọc, mà là xếp ngang nhau, bốn cõi đều ở cùng một chỗ. Bốn cõi của những vị Phật khác chẳng ở cùng một chỗ. Thế giới Sa Bà của Thích Ca Mâu Ni Phật cũng có cõi Thật Báo, cũng có cõi Phương Tiện, nhưng không ở cùng một chỗ.

Vì thế, trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, chúng ta chẳng thấy Bồ Tát trong cõi Phương Tiện và cõi Thật Báo. Nhất định phải hiểu rõ sự thù thắng của Tịnh Độ. Sau khi đã hiểu rõ, nguyện vọng cầu sanh của chúng ta mới khẩn thiết. Vì sao phải sanh về thế giới Tây Phương? Chính là vì hằng ngày được ở cùng chỗ với chư Phật, Bồ Tát, được nhóm họp cùng một chỗ với các vị thượng thiện nhân. Từ xưa tới nay, người thế gian thường nói: *"Làm việc khó, làm người càng khó hơn"*. Làm việc rất khó, đối xử với người khác càng khó hơn, tình cảm của con người biến hóa quá lớn, khổ nạn trong ấy càng nhiều. Tâm địa của mỗi cá nhân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều thanh tịnh, cư xử với nhau rất tốt đẹp; đây cũng là như tục ngữ thường nói: *"Thiên thời chẳng bằng địa lợi, địa lợi chẳng bằng nhân hòa"*. Nhân hòa trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đạt tới đỉnh cao nhất. Nếu nhân hòa đã viên mãn; khi ấy, còn phải bàn đến thiên thời và địa lợi chi nữa! Vì thế, nếu nói đến thiên thời, địa lợi, và nhân hòa, thế giới Tây Phương bậc nhất, cõi Phật nào cũng chẳng thể sánh bằng! Do vậy, ở đây, đại sư đã minh bạch chỉ rõ: Nếu đắc Lý nhất tâm bất loạn, sẽ chẳng hai, chẳng khác cảnh giới Hoa Nghiêm. *"Nhược đắc Lý nhất, tắc diệu ngộ nhất tâm, hữu hà tịnh uế"* (Nếu đắc Lý nhất tâm, sẽ diệu ngộ nhất tâm, còn có tịnh uế chi nữa).

***(Sao) Nhiên tuy tri bình đẳng pháp giới, vô sanh khả độ, nhi thường tu Tịnh Độ, giáo hóa chúng sanh, chánh sở vị Nhất Thừa đại đạo dã.***

**(鈔)**然雖知平等法界，無生可度，而常修淨土，教化眾生，正所謂一乘大道也。

*(**Sao**: Nhưng tuy biết pháp giới bình đẳng, không có chúng sanh để có thể độ, nhưng thường tu Tịnh Độ, giáo hóa chúng sanh, điều ấy được gọi là Nhất Thừa đại đạo).*

Phật pháp thường nói tới đại từ đại bi. Chẳng cần nói tới quả địa Như Lai, Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo vừa mới đắc Lý nhất tâm đã kiến tánh. Kiến tánh bèn đạt đến cảnh giới này, toàn bộ ý niệm thị phi, nhân ngã, Năng, Sở đều chẳng có. Sơ Trụ trong Viên Giáo thuộc về cảnh giới này; khi ấy, Ngài nhập pháp giới bình đẳng. Trong Ngũ Châu Nhân Quả (năm tầng nhân quả) của kinh Hoa Nghiêm, tầng thứ ba là nhân quả bình đẳng, khế nhập cảnh giới này. Vạn pháp bình đẳng, chúng sanh và

Phật đương nhiên bình đẳng. Do vậy, đức Phật *"vô sanh khả độ"* (không có chúng sanh để có thể độ), đức Phật chẳng độ chúng sanh. Tuy chẳng độ chúng sanh, vẫn thường nêu gương độ chúng sanh, vẫn thường phải làm những chuyện độ chúng sanh, đó là *"thường tu Tịnh Độ, giáo hóa chúng sanh"*. Do nguyên nhân nào? Đó là đại từ đại bi. Ta đã nhập cảnh giới này, nhưng còn có rất nhiều kẻ mê hoặc, điên đảo, chúng ta phải giúp đỡ họ, đó gọi là *"thả chiếc bè Từ, nương theo nguyện trở lại"*. Đấy là đại từ đại bi, mới thật sự là *"Nhất Thừa đại đạo"*, là Lý Sự viên dung. Đối với kinh Hoa Nghiêm, Thanh Lương đại sư nêu ra bốn pháp giới chẳng thể nghĩ bàn, tức là [Lý vô ngại, Sự vô ngại], Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Nếu thành Phật, thành Bồ Tát mà chẳng độ chúng sanh, sẽ chẳng khác Tiểu Thừa, đọa trong Thiên Chân Niết Bàn, có Lý mà chẳng có Sự. Tiểu Thừa chẳng dám độ chúng sanh, vì sao? Độ chúng sanh quá phiền phức. Chúng sanh khó độ, ương ngạnh, khó thể giáo hóa, họ chẳng mong chuốc lấy nỗi phiền phức ấy. Sở dĩ họ chẳng mong chuốc lấy phiền phức, là vì chính họ còn vướng phiền phức.

Nói cách khác, chính họ còn có chướng ngại, đối với Lý Sự có chướng ngại, đối với Sự Sự có chướng ngại, cho nên thôi đi, chẳng độ [chúng sanh] nữa! Lý nhất tâm bất loạn Bồ Tát, tâm địa đạt tới thanh tịnh thật sự, Lý Sự chẳng có chướng ngại, Sự Sự cũng chẳng có chướng ngại, độ mà chẳng độ, chẳng độ mà độ, độ chúng sanh và chẳng độ là cùng một chuyện, chẳng phải là hai chuyện. Đối với hàng Tiểu Thừa, độ và chẳng độ là hai chuyện. Đối với Bồ Tát [đã đắc Lý nhất tâm], độ và chẳng độ là một chuyện. Vì thế, Ngài chẳng có chướng ngại, đó mới là *"Lý Sự viên dung, Sự Sự viên dung, chẳng có chướng ngại"*. Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo đã nhập cảnh giới này, há có lẽ nào chẳng độ chúng sanh? Ngài độ chúng sanh, đối với chính Ngài có trở ngại gì không? Quyết định là chẳng bị trở ngại! Vì lẽ đó, Quán Âm Bồ Tát là *"ngàn xứ khẩn cầu, ngàn xứ ứng"*, cảm ứng đạo giao; chúng sanh có cảm, Bồ Tát bèn có ứng. Quán Âm Bồ Tát là như thế, mà tất cả hết thảy Bồ Tát đều là như thế. Đó gọi là Nhất Thừa đại đạo.

***(Sao) Tri kiến chi phổ, thục quá ư thị?***
**(鈔)知見之普，孰過於是。**
*(**Sao**: Tri kiến trọn khắp, có gì trỗi vượt điều này được nữa?)*

*"Phổ"* (普) là viên, *"tri kiến"* viên mãn, há còn có thể vượt trỗi

pháp này (Lý nhất tâm) được ư?

***(Sao) Hựu Phổ Hiền Bồ Tát vi Hoa Nghiêm trưởng tử, phi Nhất Thừa cảnh giới hồ?***

**(鈔)又普賢菩薩為華嚴長子，非一乘境界乎。**

*(**Sao**: Phổ Hiền Bồ Tát lại là trưởng tử trong hội Hoa Nghiêm, há chẳng phải là cảnh giới Nhất Thừa ư?)*

Lời phản bác này có sức thuyết phục mạnh mẽ nhất [đối với luận định "Nhất Thừa đại đạo chẳng phải là cảnh giới của hàng Bồ Tát thích sanh về Tịnh Độ" của Lý Trưởng Giả, Liên Trì đại sư đã vận dụng ngay] kinh văn của kinh Hoa Nghiêm. Trong kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát là bậc nhất, Văn Thù Bồ Tát thứ hai. Phổ Hiền là con trưởng của đức Phật, Văn Thù là con trai thứ của đức Phật, xếp hạng nhì. Trong Phật môn, thứ tự sắp xếp danh hiệu của Bồ Tát và La Hán trước hay sau [trong một bản kinh] có mối quan hệ rất lớn. Xem cách sắp xếp danh hiệu bèn biết trọng điểm của một bộ kinh là ở chỗ nào. Nếu Văn Thù xếp hạng nhất, Phổ Hiền xếp hạng hai, kinh ấy coi trọng Giải môn (vì Văn Thù Bồ Tát trí huệ bậc nhất), Hành môn ít trọng yếu hơn. Phổ Hiền xếp hạng nhất, chỉ rõ kinh ấy coi trọng Hành môn, Giải là thứ yếu, Giải là hạnh phụ trợ. Do vậy, [xét theo kinh Hoa Nghiêm], Văn Thù và Phổ Hiền có thuộc về cảnh giới Nhất Thừa hay chăng? Hai vị này là Hậu Bổ Phật của Tỳ Lô Giá Na Phật, đương nhiên thuộc vào cảnh giới Nhất Thừa của kinh Hoa Nghiêm!

***(Sao) Nhi dục diện kiến Di Đà, vãng sanh An Lạc, vị chi tình tồn tịnh uế khả hồ?***

**(鈔)而欲面見彌陀，往生安樂，謂之情存淨穢可乎。**

*(**Sao**: Vậy thì có thể nói "muốn gặp mặt Phật Di Đà, vãng sanh cõi An Lạc" là hãy còn tình kiến tịnh uế hay chăng?)*

Hai vị ấy trong hội Hoa Nghiêm còn phải phát nguyện cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Không chỉ là hai vị ấy phát nguyện muốn vãng sanh, mà còn khuyên dạy bốn mươi địa vị Pháp Thân đại sĩ trong hội Hoa Nghiêm niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị nói xem: Hai vị ấy tri kiến là viên hay chẳng viên? Trong tâm các Ngài còn có tịnh uế hay chăng? Chất vấn ngược lại như thế này quá hay!

Đáng tiếc là hai Ngài chẳng phải là người cùng thời! Lý Trưởng Giả là người sống vào đầu đời Đường, Liên Trì đại sư sống vào những năm cuối triều Minh, cách nhau quá xa! Do vậy, học Phật đúng là phải thâm nhập kinh tạng, phải thấu hiểu trọn vẹn Lý, phải thật sự thấu triệt. Nếu không, nghi nan trùng trùng, chướng ngại nhân duyên rất tốt đẹp của chúng ta, quá đáng tiếc!

Văn Thù, Phổ Hiền cầu sanh Tịnh Độ, người hiện thời đều thấy [chuyện này] trong kinh điển, nhưng vẫn còn có kẻ thắc mắc! Tôi thường gặp người đến hỏi: "Văn Thù, Phổ Hiền là Đẳng Giác Bồ Tát trong Viên Giáo, chẳng lẽ các Ngài không thể thành Phật trong thế giới Hoa Tạng ư? Vì sao vẫn phải sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới?" Câu hỏi này hay lắm, nhưng họ đến hỏi tôi thì sai mất rồi! Họ có nghi vấn là tốt, nhà Phật thường nói: *"Tiểu nghi tiểu ngộ, đại nghi đại ngộ"*, do nghi tình sẽ có thể khai ngộ. Họ đến hỏi tôi, tôi giải thích cho họ, họ vĩnh viễn chẳng thể ngộ. Vì sao? Đã đóng lấp cửa ngộ của họ. Nếu tôi chẳng giải thích, họ sẽ có rất nhiều phiền não. Giảng giải cho họ, sẽ lấp chặt ngộ môn của họ! Thời xưa, các vị đại đức trong Tông Môn do đại từ đại bi nên chẳng nói, bảo quý vị hãy tham cứu. Đó là phương pháp dạy học tốt nhất. Người hiện thời chẳng hiểu tham cứu là gì, cứ ngỡ suy nghĩ loạn xạ là tham cứu, có hỏng bét hay là không? Hằng ngày dấy vọng tưởng, càng sai lầm hơn! Chẳng thà nói rõ ràng với họ, đóng lấp cửa ngộ của họ, khiến cho họ thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thì cũng còn chấp nhận được. Chẳng cầu sanh về Tịnh Độ, chẳng có cách nào hết. Có thể cầu sanh Tịnh Độ thì còn được. Chẳng khai ngộ cũng không sao, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi mới khai ngộ. Đúng như cổ đức đã nói: *"Đản đắc kiến Di Đà, hà sầu bất khai ngộ"* (Chỉ cần thấy Di Đà, lo chi chẳng khai ngộ). Vì thế, hễ có người đến hỏi, tôi cũng giảng cho họ. Trong ấy, có hai nguyên nhân:

1) Nguyên nhân thứ nhất là nêu tấm gương tốt đẹp cho hết thảy chúng sanh. Văn Thù và Phổ Hiền là Đẳng Giác Bồ Tát trong thế giới Hoa Tạng, còn phải cầu sanh Tịnh Độ. Quý vị hãy ngẫm xem, quý vị có nên vãng sanh hay không? Các Ngài lấy thân làm gương, tạo tác dụng dẫn đầu. Đó là lòng đại từ đại bi.

2) Ý nghĩa thứ hai, trong thế giới Hoa Tạng, phải phá một phẩm sanh tướng vô minh hòng viên thành Phật đạo, vẫn phải tốn một khoảng thời gian khá dài. Đến Tây Phương Tịnh Độ hòng rút ngắn thời gian. Thành tựu trong thế giới Tây Phương vẫn nhanh hơn trong thế giới Hoa

Tạng, thời gian còn rút ngắn. Đó là lợi ích chân thật.

Vì hai nguyên nhân này, các Ngài nhất định phải phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, đạo lý là như vậy đấy!

***(Sao) Định tâm, chuyên tâm giả.***

**(鈔)**定心專心者。

*(**Sao**: Định tâm và chuyên tâm).*

Giải thích cho chúng ta biết hai chuyện này, định tâm và chuyên tâm [là như thế nào].

***(Sao) Vĩnh Minh vị cửu phẩm thượng hạ, bất xuất nhị tâm: Nhất giả định tâm, như tu Định tập Quán, thượng phẩm thượng sanh. Nhị giả chuyên tâm, như đản niệm danh hiệu, đắc thành mạt phẩm. Kim vị ký vân "đản niệm", "đản" chi nhất tự, chánh duy đắc Sự, vị đắc Lý cố.***

**(鈔)**永明謂九品上下，不出二心：一者定心，如修定習觀，上品上生；二者專心，如但念名號，得成末品。今謂既云但念，但之一字，正唯得事，未得理故。

*(**Sao**: Ngài Vĩnh Minh nói chín phẩm cao hay thấp, chẳng ngoài hai tâm: Một là định tâm, như người tu tập Thiền Định hay quán tưởng, bèn thuộc về thượng phẩm thượng sanh; hai là chuyên tâm, như người chỉ niệm danh hiệu, đạt được phẩm vị vãng sanh thấp hơn. Nay tôi nói: Chữ "chỉ" trong câu "chỉ niệm" có nghĩa là [hành nhân] chỉ đắc Sự nhất tâm, chẳng đắc Lý nhất tâm).*

Vĩnh Minh là Diên Thọ đại sư[67]. Chúng ta thường gọi Ngài là Vĩnh Minh Diên Thọ, Ngài là thầy của Ngô Việt Vương Tiền Thục[68].

---

[67] Vĩnh Minh đại sư, húy Diên Thọ, hiệu Xung Nguyên, do trụ tại chùa Vĩnh Minh nên gọi là Vĩnh Minh Diên Thọ. Khi mới xuất gia, Ngài y chỉ thiền sư Thúy Nham Lệnh Tham, đã từng nhập Thiền suốt chín mươi ngày tại đỉnh Thiên Trụ trong rặng Thiên Thai, nhưng phải đến khi tham yết Thiên Thai Sơn Đức Thiều quốc sư mới phát minh tâm địa, được quốc sư ấn khả làm pháp tự của tông Pháp Nhãn. Năm 961, Sư dời sang chùa Vĩnh Minh ở núi Huệ Nhật, có đến hơn hai ngàn người theo học, cho nên người đương thời thường gọi Ngài là Vĩnh Minh Diên Thọ. Khi vua xứ Cao Ly đọc bộ Tông Kính Lục của Ngài đã hết sức khâm ngưỡng, sai sứ sang Trung Hoa ban tặng Sư một bộ ca-sa quý.

Đọc truyện ký, chúng ta thấy Ngài là A Di Đà Phật tái lai, chư vị xem bộ Di Đà Kinh Yếu Giải Giảng Nghĩa của pháp sư Bảo Tĩnh có giới thiệu [thân thế ngài Vĩnh Minh] rất tỉ mỉ. Chư Phật, Bồ Tát thị hiện hóa thân tại Trung Hoa rất nhiều, nhưng những vị bộc lộ thân phận chẳng nhiều; những vị chẳng bộc lộ thân phận đông lắm! Vĩnh Minh đại sư xác thực là một nhân vật truyền kỳ. Trước khi Ngài xuất gia, trông nom việc thâu thuế, quản lý việc thu chi, tiền bạc qua tay rất nhiều. Ngài lấy trộm tiền trong quốc khố để phóng sanh. Về sau bị phát hiện, Ngài cũng chẳng nói dối, thừa nhận đã lấy trộm. Vì sao trộm? Để phóng sanh. Có biết là phạm tội hay không? Biết chứ! Có biết là sẽ bị chặt đầu hay không? Biết! Cấp trên tâu lên Ngô Việt Vương. Chiếu theo pháp luật, phải phán tội tử hình. Ngô Việt Vương[69] bảo viên quan hành hình tại hình trường (刑場: chỗ hành hình) hãy quan sát: "Nếu khi bị xử tử, hắn cảm thấy rất kinh hoảng bèn giết ngay. Nếu hắn chẳng thay đổi sắc mặt, hãy đem hắn về gặp ta". Quả thật là trước khi bị giết, Ngài chẳng đổi sắc mặt, lại còn rất hoan hỷ. Viên quan hành hình hỏi Ngài: "Vì sao?" Ngài đáp: "Mất một cái mạng của tôi để đổi ngàn ngàn vạn vạn cái mạng, rất đáng giá!" Giám trảm quan bèn đưa Ngài đến chỗ Ngô Việt Vương, Ngô Việt Vương hỏi Ngài: "Ngươi có chí nguyện như thế nào?" Ngài đáp: "Tôi có chí nguyện xuất gia". Ngô Việt Vương chấp thuận, làm hộ pháp cho Ngài. Về sau, tôn Ngài làm thầy.

---

[68] Ngô Việt là một quốc gia ở miền Nam Trung Hoa vào thời Ngũ Đại Thập Quốc, được kiến lập vào năm 907 bởi Tiền Liêu, có kinh đô là Tiền Đường (nay là thành phố Hàng Châu), có địa bàn bao gồm toàn bộ tỉnh Chiết Giang hiện thời, phía Đông Nam tỉnh Giang Tô và phần Đông Bắc tỉnh Phước Kiến. Do vào thời Chiến Quốc, những nơi này là lãnh thổ của hai nước Ngô và Việt, nên Tiền Liêu đặt tên cho quốc gia của mình là Ngô Việt Quốc để phân biệt với nước Ngô (còn gọi là Dương Ngô, Nam Ngô, hoặc Hoài Nam, do Dương Hành Mật sáng lập, đóng đô ở Dương Châu, bao gồm tỉnh Giang Tô, An Huy, Giang Tây, một phần tỉnh Hồ Bắc). Tiền Thục có tên gọi đầy đủ là Tiền Hoằng Thục, là vua cuối cùng của nước này.

[69] Thật ra, ngài Vĩnh Minh Diên Thọ làm quan dưới đời Ngô Việt Văn Mục Vương (Tiền Nguyên Quán), và chính nhà vua đã giới thiệu ngài Vĩnh Minh đến y chỉ thiền sư Thúy Nham Lệnh Tham tại núi Tứ Minh. Mãi cho đến năm 952, Ngô Việt Trung Ý Vương Tiền Thục (Tiền Hoằng Thục) ngưỡng mộ đức hạnh của Ngài mới tôn Ngài làm quốc sư. Tiền Hoằng Thục là con thứ chín của Tiền Nguyên Quán. Tiền Hoằng Thục được tôn lên làm vua kế nghiệp hai anh là Trung Hiến Vương (Tiền Hoằng Tá) và Trung Tốn Vương (Tiền Hoằng Tông, ông này chỉ làm vua được một năm thì bị truất phế).

Sau này vua mới biết Ngài là A Di Đà Phật tái lai. Chuyện phát sanh là khi Ngô Việt Vương Tiền Thục có một hôm cúng dường trai tăng một ngàn vị Tăng. Theo Phật pháp, cúng trai tăng cho một ngàn vị Tăng là cách tu phước có quy mô lớn nhất, thù thắng nhất, đấy là dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng cúng dường hết thảy người xuất gia. Tuy nói là bình đẳng, chỗ ngồi vẫn có ghế trên, ghế dưới. Ghế trên vẫn dành cho bậc trưởng lão ngồi, vẫn là bất bình đẳng. Nhưng ngày hôm ấy, bậc trưởng lão cũng rất đông, mọi người cứ nhường nhau, ai cũng chẳng muốn ngồi ghế chủ tọa. Đang trong lúc mọi người thoái thác, nhường nhau, bên ngoài một vị hòa thượng tiến vào, mọi người cũng chẳng biết Ngài là ai, cũng chẳng biết Ngài từ đâu đến, ăn mặc rách nát, tả tơi. Ngài thấy mọi người cứ thoái thác, nhường nhau, bèn chẳng khách sáo, tiến vào ngồi ngay chính giữa. Trong tâm Ngô Việt Vương cũng rất khó chịu, cứ nghĩ thầy mình đáng nên ngồi ghế chủ tọa, cớ sao lại nhường ghế chủ tọa cho kẻ khác ngồi? Sau khi dùng cơm xong, chư tăng giải tán, Ngô Việt Vương hỏi Vĩnh Minh đại sư: "Hôm nay trẫm cúng dường chư Tăng, có vị thánh hiền nào đến ứng cúng hay không?" *"Thánh hiền"* là Phật, Bồ Tát, A La Hán. Nếu có những vị ấy đến ứng cúng, phước báo của nhà vua sẽ to lớn! Vĩnh Minh đại sư bảo vua: "Hôm nay có chứ!" Vua hỏi: "Vị nào đến ứng cúng?" Sư đáp: "Định Quang Cổ Phật". "Vị nào vậy?" "Chính là vị hòa thượng ngồi ghế chủ tọa". Vua mới biết vốn là Định Quang Cổ Phật tới dự. Định Quang Cổ Phật thị hiện hình dạng ấy, tai đặc biệt to. Vì mọi người chẳng biết pháp hiệu của Ngài, bèn gọi Ngài là Đại Nhĩ hòa thượng. Do vậy, Ngô Việt Vương lập tức sai người truy tìm. Sư trụ trong một hang núi, họ đuổi theo tới đó, mọi người biết Ngài là Định Quang Cổ Phật, hết sức cung kính Ngài, lễ bái tại đó, thỉnh Ngài tới hoàng cung ứng cúng. Đại Nhĩ hòa thượng bèn nói một câu: *"Di Đà nhạy miệng"* rồi viên tịch, đã mất. Những người đến tìm chẳng biết làm sao! Biết Ngài là Định Quang Cổ Phật, cổ Phật đã nhập diệt. Nghĩ lại Ngài nói *"Di Đà nhạy miệng"*, A Di Đà Phật nhiều chuyện! Vậy là người được nêu rõ thân phận chính là Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư, họ bèn nghĩ ra, Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư vốn là A Di Đà Phật, vội vã trở về tâu trình. Ngô Việt Vương nghe nói Định Quang Phật đã nhập diệt, chẳng có cách nào! Nghe nói Vĩnh Minh đại sư là A Di Đà Phật tái lai, ngay lúc ấy hoan hỷ khôn cùng, chẳng đợi [người hầu chuẩn bị xe ngựa] kịp, bèn đi bộ đến gặp Vĩnh Minh đại sư. Vừa ra khỏi cửa cung, bên ngoài có người đến báo tin, cũng là hoang mang, vội vã, gần như đụng

phải nhà vua. Vua hỏi: "Chuyện gì mà hoảng hốt vậy?" [Người ấy tâu]: "Vĩnh Minh đại sư đã viên tịch rồi!" Đấy là quy củ trong Phật môn: Thân phận chưa lộ thì còn có thể ở trong thế gian; thân phận bộc lộ, phải đi ngay lập tức. Vĩnh Minh đại sư là A Di Đà Phật tái lai, Thiện Đạo đại sư đời Đường cũng là A Di Đà Phật tái lai. Hàn Sơn, Thập Đắc là Văn Thù và Phổ Hiền, hòa thượng Phong Can là A Di Đà Phật tái lai. Đấy là mấy vị bộc lộ thân phận mà chúng ta biết được!

Lời Vĩnh Minh đại sư nói, đương nhiên là do đích thân A Di Đà Phật dạy. Trong chú giải kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, tức là trong bộ Tứ Thiếp Sớ, Thiện Đạo đại sư đã nói rất rõ ràng; Ngài nói chín phẩm trong Cực Lạc đều là phàm phu vãng sanh. Do phàm phu *"gặp duyên bất đồng, nên có chín phẩm sai khác"*, giống như điều đang nói ở đây. *"Định tâm, như tu Định tập Quán"* (Định tâm là như tu Định, tu quán tưởng), tức là nói đến Lý nhất tâm bất loạn, vãng sanh Tây Phương thế giới bèn là thượng phẩm thượng sanh. Chư vị phải hiểu, *"định tâm"* vãng sanh chính là thượng phẩm thượng sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. *"Chuyên tâm"* niệm Phật chính là Sự nhất tâm bất loạn, sanh về thế giới Tây Phương, bèn sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư hoặc cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Trong đó, cũng là chín phẩm khác nhau, chuyện là như vậy đó. Định tâm tu Quán, như trong Thập Lục Quán Kinh đã nói. Phương pháp niệm Phật đều ở trong Quán Kinh. Quán Kinh nói Quán Tưởng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật, và Trì Danh Niệm Phật. Kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà đều đề xướng Trì Danh Niệm Phật, nguyên nhân là do Trì Danh Niệm Phật đơn giản, dễ dàng. Vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ ai nấy đều có phần, thù thắng là ở chỗ này!

Tu Quán, tâm người hiện thời rất thô, rất loạn, cảnh giới để quán hết sức vi tế. Vì vậy, tu Quán rất khó thành tựu, phải biết điều này. Nói theo Lý chẳng sai, nhưng xét theo Sự, tùy mỗi người mỗi khác. Chúng ta chẳng nói ai khác, lấy ngay Thiên Thai đại sư làm thí dụ. Trí Giả đại sư là tổ sư tông Thiên Thai. Nói thật ra, tông Thiên Thai được hoàn thiện bởi chính tay Ngài. Nói nghiêm ngặt, xét trong tông Thiên Thai, Ngài là [tổ sư] đời thứ ba của tông Thiên Thai, nhưng [giáo nghĩa hoàn chỉnh của tông Thiên Thai] do chính Ngài hoàn thành. Giống như Hiền Thủ đại sư, trước ngài Hiền Thủ có Vân Hoa, có Đỗ Thuận, ngài Hiền Thủ là tổ sư đời thứ ba của tông Hoa Nghiêm, nhưng tông Hoa Nghiêm thật sự được kiến lập thành một tông phái là nhờ chính tay Hiền Thủ đại sư

thành tựu. Do vậy, [tông Hoa Nghiêm] cũng gọi là tông Hiền Thủ, chẳng gọi là tông Vân Hoa, mà cũng chẳng gọi là tông Đỗ Thuận. Trí Giả đại sư thành tựu tông phái Thiên Thai, lão nhân gia niệm Phật vãng sanh, sử dụng phương pháp tu Quán. Tại Trung Hoa, người sử dụng mười sáu phép Quán để tu hành chẳng nhiều, Trí Giả đại sư là một vị trong số đó. Trí Giả đại sư vãng sanh thuộc phẩm vị nào? Chẳng phải là thượng phẩm thượng sanh! Khi Ngài lâm chung, học trò thưa hỏi phẩm vị vãng sanh của Ngài, lão nhân gia đương nhiên cũng rất khiêm hư, chúng tôi nghĩ Ngài cũng chẳng đến nỗi dối gạt chúng ta, Ngài nói Ngài vãng sanh trong địa vị Ngũ Phẩm. Vãng sanh thuộc địa vị Ngũ Phẩm là sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, địa vị hoàn toàn chẳng cao cho mấy; nhưng lão nhân gia có lưu lại một câu cho người đời sau: Nếu Ngài chẳng lãnh chúng, chính mình chuyên tâm tu hành, phẩm vị sẽ rất cao. Vì lãnh chúng phải quản người, quản sự, những chuyện vặt vãnh quá nhiều, bỏ mình vì người. Nói cách khác, hy sinh phẩm vị cao của chính mình để giúp đỡ đại chúng. Do đó, phẩm vị vãng sanh của Ngài chẳng cao! Đấy là Bồ Tát phát tâm. Vì vậy, Bồ Tát phát tâm phải có bản lãnh vãng sanh, ta sanh về Tây Phương Tịnh Độ là hạ hạ phẩm vãng sanh, ta có năng lực ấy, nắm chắc điều ấy, ta có thể [làm được]. Ta vốn có thể thượng thượng phẩm vãng sanh, nhưng hy sinh phẩm vị, [chọn lấy] hạ hạ phẩm vãng sanh để ta có thể giúp đỡ nhiều người. Đó gọi là Bồ Tát phát tâm. Nếu giúp người khác, mà chính mình chẳng thể vãng sanh, sai lầm to lớn! Vậy là chẳng đúng rồi! Vì thế, chính mình phải quyết định nắm chắc vãng sanh thì mới có thể học đòi Trí Giả đại sư.

*"Chuyên tâm, như đản niệm danh hiệu, đắc thành mạt phẩm"* (Chuyên tâm, như chỉ niệm danh hiệu, thành tựu phẩm vị thấp). Chữ Mạt (末) chẳng có nghĩa là hạ hạ phẩm. *"Mạt"* là gì? Từ thượng phẩm trung sanh trở xuống. Do đối với thượng phẩm thượng sanh, những phẩm vị ấy là Mạt. Chữ Mạt chỉ tám phẩm dưới đó, tùy thuộc công phu niệm Phật của quý vị sâu hay cạn. Ngẫu Ích đại sư nói rất hay! Ấn Quang đại sư tán thán bộ Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư đến tột bậc. Thân phận của Ấn Quang đại sư cũng bị bộc lộ, Ngài là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai. Lão nhân gia tán thán bộ Yếu Giải: *"Dẫu cổ Phật tái lai để viết chú giải cho kinh Di Đà vẫn chẳng thể hay hơn tác phẩm này"*, Ngài đã tán thán bộ Yếu Giải đến tột đỉnh. Ngẫu Ích đại sư chẳng bộc lộ thân phận, Đại Thế Chí Bồ Tát tán thán Ngài như vậy, Ngài là vị nào? Ngài chẳng phải là A Di Đà Phật, chắc cũng là Quán Thế Âm Bồ Tát. Chúng tôi nghĩ Ngài

chắc chắn là bậc ngang hàng với Quán Âm, hoặc Thế Chí Bồ Tát, nhất định chẳng phải là kẻ bình phàm! Do vậy, Ngài viết viên mãn dường ấy, có thể giúp đỡ nhiều người tín nguyện vãng sanh, đúng là vô lượng công đức. Sách Yếu Giải bảo chúng ta: Điều kiện để vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là tín nguyện. Chân tín, thiết nguyện, nhất định được vãng sanh. Sanh về thế giới Tây Phương, phẩm vị cao hay thấp được quyết định bởi công phu trì danh sâu hay cạn. Chư vị phải nghe cho rõ ràng, chẳng phải là nói trì danh nhiều hay ít, mà là công phu trì danh sâu hay cạn! Công phu sâu là như thế nào? Có thể đoạn phiền não, công phu bèn sâu xa. Có thể chế phục phiền não, công phu bèn nông cạn. Có thể chế phục phiền não bèn nhập phẩm vị, quyết định được vãng sanh, nắm chắc vãng sanh. Chẳng thể chế phục phiền não, bèn tùy thuộc vào một sát-na khi lâm chung. Trong sát-na lâm chung, điều quan trọng nhất là đầu óc tỉnh táo, tín nguyện cầu sanh, người ấy quyết định được vãng sanh, lâm chung dẫu một niệm vẫn có thể vãng sanh. Khi lâm chung, đầu óc rất sáng suốt, người Hoa nói đó là phước báo lớn nhất trong ngũ phước, phước báo lớn nhất trong một đời người là chết an lành. Khi mất, tỉnh táo, sáng suốt, chết tốt lành, nhất định sẽ sanh tốt lành, vì sao? Người ấy sẽ tuyệt đối chẳng vào trong ba ác đạo. Phàm là những người vào trong ba ác đạo, đều hồ đồ, mê muội sanh vào đó. Há có người hiểu biết nào lại đi làm súc sanh, đi làm ngạ quỷ? Chẳng thể nào! Mơ hồ, điên đảo, hồ đồ, mê muội mà sanh vào đó. Do vậy, tu phước hết sức quan trọng. Chúng ta tu phước suốt cả một đời, chẳng cần hưởng phước. Tu được một chút phước bèn hưởng hết, lúc lâm chung sẽ chẳng có phước. Chúng ta tu phước mà chẳng hưởng, là vì hy vọng khi lâm chung sẽ hưởng phước.

Khi lâm chung, điều thứ nhất là chẳng sanh bệnh. Người chẳng sanh bệnh mà ra đi, có chứ! Trong những năm qua, tại Đài Loan, chúng ta thấy chẳng ít người biết trước lúc mất. Người công phu giỏi biết trước cả năm. Thông thường, người niệm Phật đại khái biết trước một, hai tháng, có đủ thời gian để dặn dò hậu sự. Như tại Đài Bắc, lão cư sĩ Lý Tế Hoa thuộc Liên Hữu Niệm Phật Đoàn, biết trước lúc vãng sanh hai tháng. Vì thế, cụ lợi dụng ngày nghỉ mỗi tuần để đến thăm bạn bè cũ, đó là từ biệt để ra đi, ra đi tiêu sái, ra đi tự tại. Hôm cụ mất, cụ đến Liên Hữu Niệm Phật Đoàn để tham gia cộng tu. Khi đó, thành phố Đài Bắc chưa có xe taxi, cụ và vợ ngồi trên xe ba bánh. Ngồi trên xe, cụ bảo vợ: "Nếu tôi vãng sanh thế giới Cực Lạc, bỏ bà lại một mình, có cảm thấy tịch

mịch hay không?" Bà vợ thuận miệng đáp: "Nếu ông có thể vãng sanh, chẳng cần phải lo cho tôi". Trong khi niệm Phật, họ cộng tu giống như tổ chức Phật Nhất (niệm Phật suốt một ngày), mỗi cây hương là một tiếng rưỡi. Khi chỉ tĩnh có giảng khai thị. Đạo tràng của họ là đạo tràng cư sĩ, do mấy vị lão cư sĩ thay phiên nhau giảng khai thị. Hôm đó, đến phiên Ngụy lão cư sĩ, cụ Lý bèn thương lượng với cụ Ngụy: "Hai người chúng ta đổi phiên, hôm nay tôi nói, lần sau để cụ nói". Đương nhiên là cụ Ngụy rất tôn trọng cụ Lý, cụ Lý đã tám mươi mấy tuổi, bèn nhường cho cụ Lý giảng.

Thông thường khai thị là nửa tiếng, hôm đó lão nhân gia bèn nói tới một tiếng rưỡi, kéo dài thời gian niệm Phật. Cụ càng nói càng cao hứng, tận tình khuyên bảo chỉ dạy mọi người. Sau khi nói xong, bèn hướng về mọi người cáo biệt: "Tôi phải về nhà đây". Mọi người tưởng cụ là cụ già tám mươi tuổi, nói cả một tiếng rưỡi đồng hồ, nói đã mệt phải về nhà nghỉ ngơi. Lão nhân gia bước xuống bục giảng, Niệm Phật Đường có một phòng khách nhỏ. Phòng khách rất hẹp, chỉ có một bộ sofa, cụ ngồi đó, ra đi, vãng sanh. Quý vị thấy có tự tại lắm hay không! Mảy may bệnh tật cũng chẳng có! Sau khi giảng xong, bảo mọi người: "Tôi phải về nhà" là quay về cố hương nơi thế giới Cực Lạc. Vì thế, đó gọi là phước báo thật sự, biết trước lúc mất, thân thể khỏe mạnh, chẳng có mảy may bệnh khổ, nói đi bèn đi, đó là đại phước báo. Nếu quý vị tu một chút phước, thông thường là hưởng hết sạch, khi lâm chung sẽ đau khổ! Vì thế, đây là quyết định vãng sanh, thật sự ngay trong một sát-na cuối cùng. Chúng ta phải nên ghi nhớ điều này, phải nên nỗ lực tu học.

*"Đản niệm"* (Chỉ niệm), chữ *"đản"* (但) này mọi người trong bọn chúng ta đều có thể làm được. *"Đản niệm"* (但念) là chuyên niệm, hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước trong tâm thảy đều buông xuống, chỉ vương vấn A Di Đà Phật, chỉ niệm A Di Đà Phật. Trừ A Di Đà Phật ra, hết thảy ta đều chẳng nghĩ tới. Cuộc sống của chúng ta có thể sống được là tốt rồi, có dư ra bèn giúp đỡ người khác. Giúp đỡ người khác thì điều khẩn yếu nhất là giúp họ học Phật, giúp họ niệm Phật, bố thí kiểu này là pháp bố thí. Kinh Hoa Nghiêm nói rất hay, trong hết thảy các sự bố thí, pháp bố thí cao nhất, công đức và phước đức [của pháp bố thí] thù thắng bậc nhất. Do vậy, phải biết bố thí, phải biết tu phước. Nay chúng ta giới thiệu, đề cao, hoằng dương Tịnh Tông trên toàn thể thế giới, đó là tu phước báo chân thật. Chúng ta mong mỏi khi lâm chung sẽ giống như lão cư sĩ Lý Tế Hoa, sáng suốt, tỉnh táo, tự tại vãng sanh.

Được rồi, chúng ta niệm Phật hồi hướng.

***Tập 244***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm bảy mươi ba:

***(Sao) Nhị giả chuyên tâm, như đản niệm danh hiệu, đắc thành mạt phẩm. Kim vị ký vân "đản niệm", "đản" chi nhất tự, chánh duy đắc Sự, vị đắc Lý cố.***

**(鈔)二者專心，如但念名號，得成末品。今謂既云但念，但之一字，正唯得事，未得理故。**

*(**Sao**: Hai là chuyên tâm, như người chỉ niệm danh hiệu, đạt được phẩm vị vãng sanh thấp. Nay tôi nói: Chữ "chỉ" trong câu "chỉ niệm" có nghĩa là [hành nhân] chỉ đắc Sự nhất tâm, chẳng đắc Lý nhất tâm).*

Đây là một khái niệm hết sức quan trọng trong phương pháp Niệm Phật. Chúng ta niệm Phật, công phu niệm phải như thế nào thì mới có thể đắc lực? Đại sư dạy chúng ta: Ắt cần phải có định tâm, hoặc là chuyên tâm. Đương nhiên là *"định tâm"* rất khó, chẳng phải là chuyện kẻ bình phàm mà hòng làm được! Nhưng *"chuyên tâm"* thì có thể nói là ai nấy đều có thể làm được. Định tâm, chắc chắn là có thể thượng bối vãng sanh. Kinh Vô Lượng Thọ nói *"tam bối"* (ba bậc): Thượng bối vãng sanh [cần phải có định tâm], còn chuyên tâm thì trung bối và hạ bối cũng quyết định có thể thành công. Chuyên tâm là *"đản niệm danh hiệu, đắc thành mạt phẩm"* (chỉ niệm danh hiệu, thành tựu phẩm vị thấp hơn). *"Mạt"* (末) chẳng phải là nói tới hạ hạ phẩm, mà vì đối với thượng phẩm thượng sanh ở trên, nên từ thượng phẩm trung sanh trở xuống, đều là Mạt, cũng có nghĩa là tám phẩm dưới trong chín phẩm, hễ chuyên tâm đều có thể đạt được. *"Kim vị ký vân đản niệm"* (Nay đã nói là "chỉ niệm"), trong kinh Đại Thừa thường thấy chữ *"đản niệm"*. Nói thật ra, *"đản niệm"* là niệm theo mặt Sự, hoàn toàn chẳng chú trọng nói theo Lý, chẳng phải là Lý niệm.

***(Sớ) Cố tri cổ vân ngu nhân cầu Tịnh nghiệp giả, phi duy bất chỉ Lý chi nhất tâm, diệc phục bất chỉ Sự nhất tâm cố.***

**(疏)故知古云愚人求淨業者，非唯不指理之一心，亦復不指事一心故。**

*(**Sớ**: Vì vậy biết: Cổ nhân nói "người ngu cầu Tịnh nghiệp", không chỉ là chẳng nói tới Lý nhất tâm, mà cũng chẳng nói tới Sự nhất tâm).*

Người thật sự niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, cứ thật thà niệm là được rồi, chẳng cần bận tâm là Sự nhất tâm hay Lý nhất tâm; [cứ quan tâm] thì sẽ đâm ra khiến cho cái tâm bị loạn, rất khó đạt được nhất tâm, chỉ cần chuyên tâm niệm. Bất luận là Lý nhất tâm hay Sự nhất tâm, công phu đã thành thục, quý vị thấy bao nhiêu người đứng vãng sanh, hay ngồi vãng sanh, quý vị hỏi họ niệm đạt đến loại nhất tâm nào, họ đâu có biết! Người ta có thụy tướng (瑞相: tướng tốt lành) như vậy, đó là thật sự có thành tựu. Do vậy, câu này rất quan trọng. Dưới đây, Liên Trì đại sư còn giải nói cặn kẽ:

***(Sao) Cổ đức vị hữu tham Thiền bất linh, cự biến tiền nhân, triêu mộ kháp số châu, cầu Tịnh nghiệp.***

**(鈔)古德謂有參禪不靈，遽變前因，朝暮掐數珠，求淨業。**

*(**Sao**: Cổ đức nói: - Có người tham Thiền chẳng hiệu nghiệm, liền thay đổi cái nhân [tu tập] trước đó, sáng chiều lần tràng hạt, cầu Tịnh nghiệp).*

Đây là nêu lên mấy thí dụ. Những thí dụ ấy đích xác là có. Vào thời xưa đã có, mà hiện thời cũng có. Tham Thiền chẳng thể đắc Định, đừng nói là khai ngộ, ngay cả Thiền Định cũng chẳng đạt được. Nói thật ra, [những trường hợp giống như vậy] rất ư là nhiều. Do vậy, họ buông bỏ Thiền, quay lại niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ; ở đây nói đến hạng người này.

***(Sao) Hựu vân: "Niệm kỷ thanh Phật, dục miễn Diêm lão tử thủ trung thiết bổng, nãi ngu nhân sở vi". Chấp thử ngữ giả, toại sanh nghi báng, bất tri thử vị tham Thiền chí bất quy nhất, triếp tự cải đồ giả thuyết, phi ha Tịnh nghiệp cố.***

**(鈔)又云念幾聲佛 ，欲免閻老子手中鐵棒 ，乃愚人所**

為。執此語者，遂生疑謗，不知此為參禪志不歸一，輒自改途者說，非呵淨業故。

*(**Sao**: Lại nói: "Niệm Phật mấy tiếng, muốn thoát khỏi gậy sắt trong tay cụ già Diêm La chính là việc làm của kẻ ngu". Kẻ chấp vào lời ấy, bèn sanh hoài nghi, phỉ báng, chẳng biết lời ấy dành để nói với kẻ tham Thiền tâm chí không quy nhất, liền vội vã thay đổi đường lối, chẳng phải là quở trách Tịnh nghiệp vậy).*

Đây là uốn nắn những hiểu lầm đối với Phật pháp của kẻ bình phàm tu học chẳng đắc lực trong xã hội, nhất là những chỉ trích do hiểu lầm. Loại người thứ hai *"niệm Phật mấy tiếng"*, nhằm mục đích nào? Nhằm mục đích chẳng bị đọa trong ba ác đạo. *"Diêm lão tử"* là Diêm La vương, *"thủ trung thiết bổng"* (gậy sắt trong tay) là [nói tới chuyện] chịu đựng những hình phạt và khổ nạn ấy trong ngạ quỷ hay địa ngục; do niệm Phật có thể tránh khỏi. Cũng có nghĩa là niệm Phật có thể chẳng đọa trong ba ác đạo, ý nghĩa thật sự ở chỗ này. Hạng người ấy từ Thiền quay trở lại, hoặc do sợ đọa trong ba ác đạo nên mới niệm Phật. Nói thật ra, động cơ (motivation) niệm Phật cầu vãng sanh tuy khác nhau, nhân duyên muôn ngàn sai khác, nhưng hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, quả báo sẽ giống hệt.

Nhân khác nhau, quả giống nhau, chỉ cần niệm đến mức công phu thành phiến, mong vãng sanh, đều có thể sanh về Tịnh Độ. Nếu như [niệm Phật] chỉ nhằm tránh khỏi ác đạo, vẫn mong mỏi phước báo nhân thiên trong đời sau, [chẳng mong sanh về Tịnh Độ] thì sai mất rồi! Dùng cái nhân rất thù thắng để đổi lấy quả báo vặt vãnh, rất đáng tiếc! Nếu nói theo nhân địa, dường như là *"ngu nhân sở vi"* (việc làm của kẻ ngu). *"Ngu"* ở đây [có nghĩa] là chẳng thông đạt, chẳng hiểu rõ chân tướng Sự Lý, chấp trước những luận điệu ấy; do vậy, sanh khởi nghi hoặc, hủy báng. Đại sư chỉ ra: [Lời lẽ ấy] nhằm nói với những kẻ bình phàm chẳng liễu giải, do tham Thiền mà tâm chẳng *"quy nhất"*, cho nên chẳng thể đắc Thiền Định, người ấy quay về dùng phương pháp niệm Phật để cầu sanh Tịnh Độ. Đó là chuyện tốt, tuyệt đối chẳng phải là nói Thiền chẳng bằng Tịnh Độ, chẳng thể nói theo kiểu ấy được.

***(Sao) Đản ngôn ngu nhân triêu mộ kháp số châu cầu Tịnh nghiệp, bất ngôn ngu nhân triêu mộ nhất tâm bất loạn cầu Tịnh nghiệp dã.***

**(鈔)但言愚人朝暮掐數珠求淨業，不言愚人朝暮一心不亂求淨業也。**

*(**Sao**: Chỉ nói kẻ ngu sáng tối lần tràng hạt cầu Tịnh nghiệp, chẳng nói kẻ ngu sáng tối nhất tâm bất loạn cầu Tịnh nghiệp).*

Nói thật ra, người niệm Phật thật sự dụng công, thật sự niệm Phật, sẽ chẳng khoe khoang chính mình. Người ta bảo mình ngu, bảo mình đần, rất tốt! Chúng ta nghe xong rất tự tại. Ngu, ngu chẳng ai bằng, hành trì của kẻ ngu mọi người chẳng sánh bằng! Vì sao? Người ấy có thể buông xuống vạn duyên, có thể chuyên tâm nơi Tịnh nghiệp, đó là chỗ khiến cho kẻ ngu chẳng ai sánh bằng được! Người thật sự có trí huệ học theo kẻ ngu còn học chẳng nổi! Vì thế, chớ nên coi rẻ kẻ ngu. Thường là kẻ ngu có thượng thượng trí, những kẻ bình phàm chẳng biết, thật vậy đó! Nói thật ra, Liên Trì đại sư nói cho chúng ta biết một phương diện mà kẻ ở ngoài [pháp môn Tịnh Độ] chẳng biết. Người ta là *"triêu mộ nhất tâm bất loạn"* (sáng tối nhất tâm bất loạn), cầu Tịnh nghiệp như vậy, cho nên, chẳng mất thời gian bao lâu, người ấy thành tựu Tịnh nghiệp. *"Tịnh nghiệp thành tựu"*: Hoàn toàn không nhất định là nói đến chuyện vãng sanh. Quý vị phải ghi nhớ chuyện này. Tịnh nghiệp thành tựu là đã đạt được cái tâm thanh tịnh, đã đắc nhất tâm bất loạn; đó là Tịnh nghiệp thành tựu. Đương nhiên là đã đắc nhất tâm bất loạn, còn nhất tâm bất loạn cạn hay sâu họ chẳng màng tới, về căn bản là họ chẳng quan tâm. Nếu thường mong mỏi nhất tâm bất loạn, còn [phân biệt] có Sự nhất tâm, còn có Lý nhất tâm, còn có ba bậc, chín phẩm, tâm người ấy đã loạn từ lâu rồi, chẳng đắc nhất tâm. Nói tới Lý, nói tới Sự, nói tới chín phẩm, chính là nói theo Giáo Hạ, chứ xét theo công phu thật sự, sẽ chẳng bàn tới [những chuyện phức tạp ấy]. Khi đối với công phu mà bàn những điều ấy, công phu bị phá hoại toàn bộ. Xét theo công phu, chư vị phải ghi nhớ, trong phần trước đã nói: *"Cầu Tịnh nghiệp giả, phi duy bất chỉ Lý nhất tâm, diệc bất chỉ Sự nhất tâm"* (Cầu Tịnh nghiệp thì không chỉ chẳng nói đến Lý nhất tâm mà Sự nhất tâm cũng chẳng nói tới). Về căn bản là chẳng quan tâm Lý nhất tâm hoặc Sự nhất tâm là gì. Lý nhất tâm hay Sự nhất tâm chính là những suy nghĩ lung tung, nói nhăng nói cuội của người nói theo Giáo, thật vậy đó! Người dụng công, công phu thật sự đắc lực, tâm địa thanh tịnh, điều này rất quan trọng!

***(Sao) Quán Kinh vân: "Đản văn Phật cập nhị Bồ Tát danh".***

**(鈔)觀經云：但聞佛及二菩薩名。**

*(**Sao**: Quán Kinh nói: "Chỉ nghe danh hiệu của Phật và hai vị Bồ Tát").*

*"Phật"* là A Di Đà Phật, *"nhị Bồ Tát"* là Quán Thế Âm và Đại Thế Chí; đấy là Tây Phương Tam Thánh. Chúng ta nghe danh hiệu của Tây Phương Tam Thánh, có thể diệt tội trong vô lượng lần sanh tử. Trong phần trước cũng đã từng nói lời này, người như thế nào nghe danh hiệu của Phật, Bồ Tát sẽ có thể diệt tội? Người có tâm thanh tịnh, người chẳng có vọng niệm, người ít phiền não, nghe danh hiệu của Phật, Bồ Tát, sanh tâm hoan hỷ, bèn diệt tội. Lũ bình phàm chúng ta chẳng đạt được lợi ích này vì chúng ta có quá nhiều vọng tưởng, phân biệt và chấp trước quá nhiều! Vì thế, người học Giáo thành tựu chẳng nhiều bằng người tham Thiền, càng chẳng thành tựu nhiều như người niệm Phật, nguyên nhân ở chỗ nào? Người học Giáo ưa suy nghĩ lung tung, họ phải nghiên cứu kinh điển; ở đây, đức Phật nói thế nào? Ở kia, nói như thế nào? Vị tổ sư này nói ra sao? Vị thiện tri thức nọ nói như thế nào? Suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung, quý vị ngẫm xem, làm sao tâm người ấy có thể định cho được? Phương pháp của Thiền Tông là hết thảy các duyên đều buông xuống, căn bản là chẳng cho quý vị khởi tâm động niệm. Quý vị nêu ra nghi vấn, lão hòa thượng vung hương bản đập liền. Chẳng hề trả lời, dùng hương bản để "cúng dường" nhằm trừ sạch niềm nghi vấn của quý vị, chẳng cho phép quý vị có nghi vấn! Tâm quý vị đã định, đã thanh tịnh. Phương pháp ấy trực tiếp, nhanh chóng! Giáo Hạ phải nói cả nửa ngày, có những vấn đề nói tới mấy năm vẫn chưa thể giải quyết. Chẳng giải quyết được khối nghi, người ấy sẽ chẳng buông xuống được! Hương bản của Thiền Tông giáng xuống, [khối nghi ấy] liền trừ ngay! Tịnh Tông dạy quý vị hãy buông thân, tâm, thế giới xuống, hết thảy vạn duyên đều buông xuống, một câu Di Đà niệm đến cùng, tất cả hết thảy ý niệm đều quy vào A Di Đà Phật, dùng một niệm ấy để thay thế hết thảy các vọng niệm. Cách này thuận tiện, dễ dàng hơn Thiền Tông. Do vậy, tâm thanh tịnh, ít phiền não, nghe Phật hiệu thì mới có công đức diệt tội.

***(Sao) Hà huống ức niệm.***

**(鈔)何況憶念。**

*(**Sao**: Huống chi ức niệm).*

Nghe danh hiệu Phật, Bồ Tát được công đức to ngần ấy. Lại còn thêm *"ức niệm"*, đương nhiên là công đức càng to hơn nữa!

***(Sao) Ức niệm giả, thả chỉ Sự nhất tâm dã.***
**(鈔)憶念者，且指事一心也。**
*(**Sao**: Ức niệm còn là nói đến Sự nhất tâm).*

*"Ức niệm"* hoàn toàn thuộc về sự tướng.

***(Sao) Tắc tri Sự nhất, dĩ phi ngu nhân, hà huống Lý nhất.***
**(鈔)則知事一，已非愚人，何況理一。**
*(**Sao**: Cho nên biết [người đắc] Sự nhất tâm đã chẳng phải là kẻ ngu, huống hồ [người đắc] Lý nhất tâm).*

*"Ngu nhân"* là người thế gian, người nào trong thế gian? Trong cái nhìn của kẻ ngu trong thế gian, kẻ ngu thấy hết thảy mọi người đều là kẻ ngu. Phật pháp thường nói: Phật thấy hết thảy chúng sanh đều là Phật, Bồ Tát thấy hết thảy chúng sanh đều là Bồ Tát. Vậy thì kẻ ngu thấy hết thảy chúng sanh đều là kẻ ngu! Trong cái nhìn của kẻ ngu, điều đó là sự thật. Chẳng phải là kẻ ngu niệm Phật, mà kẻ nói *"người niệm Phật là kẻ ngu"* thì mới là kẻ ngu thật sự! Người niệm Phật, bất luận là Sự niệm hay Lý niệm, đều là người có trí huệ vượt trỗi kẻ khác. Cớ sao nói là trí huệ vượt trỗi kẻ khác? Chúng ta đọc Hoa Nghiêm, mọi người hãy suy nghĩ kỹ càng, Văn Thù Bồ Tát có phải là trí huệ vượt trỗi kẻ khác hay không? Trong hết thảy các vị Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát trí huệ bậc nhất. Văn Thù Bồ Tát phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, vậy thì có thể thấy: Cầu sanh Tịnh Độ phải là người trí huệ vượt trỗi kẻ khác mới làm được! Kẻ chẳng có trí huệ vượt trỗi kẻ khác sẽ chẳng làm được! Tuy là một bà cụ già chẳng biết chữ, cũng chưa từng học hành, điều gì cũng chẳng hiểu, cụ tin tưởng niệm Phật, thật thà niệm Phật, xét theo chuyện niệm Phật, bà cụ chẳng thua kém Văn Thù Bồ Tát. Những điều khác cụ đều chẳng sánh bằng Văn Thù Bồ Tát, chỉ có chuyện niệm Phật là chẳng kém Văn Thù Bồ Tát, có trí huệ giống như Văn Thù Bồ Tát. Do đâu mà thấy vậy? Chỉ có niệm Phật được sanh về Tịnh Độ thì sẽ thành Phật ngay trong một đời; chẳng phải là bậc đại trí huệ, làm sao có thể thấu đạt cho được? Do vậy, đây là pháp môn thành Phật trong một đời, chúng ta nhất định phải biết.

Đoạn kế tiếp hết sức quan trọng, công phu niệm Phật của chúng ta có thể đắc lực hay không, then chốt ở ngay trong đoạn khai thị ngắn ngủi này của Liên Trì đại sư.

***(Sớ) Cố tri tu Tịnh nghiệp nhân, phục nghiệp dư hạnh, phi duy bất tri Lý nhất, thượng vị năng trì Sự nhất tâm cố.***

**(疏)**故知修淨業人，復業餘行，非唯不知理一，尚未能持事一心故。

*(**Sớ**: Do vậy biết: Kẻ tu Tịnh nghiệp mà còn tu học các hạnh khác, không chỉ là chẳng biết gì về Lý nhất tâm, mà còn là chưa thể hành trì Sự nhất tâm).*

Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát nói người niệm Phật kỵ nhất là xen tạp; ở đây, Liên Trì đại sư cũng nói theo cách ấy. Người tu Tịnh nghiệp *"phục nghiệp dư hạnh"*, *"nghiệp"* (業) là tu học. Hễ còn tu học những pháp khác, đó là xen tạp. Tu học như vậy, không chỉ là chẳng hiểu Lý nhất tâm, mà ngay cả Sự nhất tâm cũng không hiểu. Trong đoạn dưới đây, Liên Trì đại sư giải thích hai câu ấy.

***(Sao) Niệm niệm niệm Phật, cánh vô tạp niệm, thị danh nhất tâm.***

**(鈔)**念念念佛，更無雜念，是名一心。

*(**Sao**: Niệm nào cũng đều niệm Phật, trọn chẳng có tạp niệm, thì gọi là nhất tâm).*

*"Niệm Phật"* quý nhất là thật thà niệm; "thật thà niệm" là chẳng có nghi vấn nào! Có người đến hỏi tôi: "Niệm Phật thì phải niệm theo cách nào? Khi nào tôi mới có thể đắc nhất tâm?" Đấy là chẳng thật thà, toàn là xen tạp vọng niệm! Quý vị cứ từng câu "A Di Đà Phật, A Di Đà Phật" niệm miết là được rồi, cớ sao trong ấy còn có lắm nỗi nghi vấn dường ấy? Trong các buổi giảng, chúng tôi thường khuyên lơn, khích lệ mọi người: Niệm Phật phải là chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, sẽ phù hợp [lời dạy] *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"* của Đại Thế Chí Bồ Tát. Hoài nghi, xen tạp, tâm chẳng thanh tịnh, niệm Phật mà chẳng có công đức, gián đoạn là chẳng liên tục. Đại Thế Chí Bồ Tát dùng phương pháp này từ sơ phát tâm mãi cho đến khi thành Phật,

chưa hề thay đổi. Không chỉ riêng Ngài đã thành tựu, người dùng phương pháp ấy đạt thành tựu chẳng biết là bao nhiêu! Trong chương Viên Thông, lão nhân gia đã nói: Ngài và năm mươi hai vị đồng luân (đồng luân (同倫) là kẻ chí đồng đạo hợp), đều là dùng phương pháp *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"*. Năm mươi hai địa vị, từ sơ phát tâm cho đến thành Phật, [bao gồm] Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, năm mươi hai địa vị ấy, chẳng biết có bao nhiêu người, còn đông hơn số người tu các pháp môn khác rất nhiều lần. Họ đều dùng pháp môn này để thành tựu, chúng ta còn có thể hoài nghi ư?

***(Sao) Nhất tâm niệm Phật, hựu nhất tâm tu dư chủng chủng pháp môn, thị nhị tâm dã.***

**(鈔)一心念佛，又一心修餘種種法門，是二心也。**

*(**Sao**: Đã nhất tâm niệm Phật, lại còn nhất tâm tu các thứ pháp môn khác, đó là nhị tâm).*

Nhất tâm bất loạn chẳng đạt được, đó là *"nhị tâm"*. Nhị tâm niệm Phật, vãng sanh khó lắm, tùy thuộc một niệm cuối cùng trong khi người ấy lâm chung. Nếu niệm cuối cùng ấy quy nhất bèn có thể vãng sanh. Nếu niệm cuối cùng ấy vẫn là nhị tâm, niệm Phật suốt đời [chỉ] là kết một thiện duyên với A Di Đà Phật trong A Lại Da Thức, trong một đời này chẳng thể vãng sanh. Chúng ta ắt phải thời thời khắc khắc dấy lòng cảnh giác chuyện này. Vì sao? Vì trong đời quá khứ, chúng ta đã đời đời kiếp kiếp niệm Phật nhưng luôn luôn là chẳng thể vãng sanh, do nguyên nhân nào? Lâm chung vẫn là nhị tâm, tam tâm nhị ý, chẳng thể vãng sanh thành công! Trong một đời này, duyên của chúng ta thù thắng, gặp được Liên Trì đại sư, được xem đoạn khai thị quý báu này của Liên Trì đại sư, chúng ta hiểu nguyên nhân khiến cho đời đời kiếp kiếp chẳng thể vãng sanh là do chuyện này. Sau khi đã hiểu rõ, từ nay trở đi, quyết định chẳng còn đi theo con đường sai lầm, nhất tâm niệm đến cùng, điều này quan trọng lắm! Quyết định chớ nên tu những pháp môn khác, Thiền cũng thế, Mật cũng thế, Giáo cũng thế. Trong Giáo có Thiên Thai, Hiền Thủ, Bát Nhã, Tam Luận, những tông phái ấy xác thực là có thể rất hấp dẫn, khiến cho chúng ta nghe, thấy, sanh tâm ngưỡng mộ, có tốt đẹp hay không? Chẳng tốt đẹp! Chúng đều có đủ sức chướng ngại chúng ta vãng sanh Tịnh Độ. Phải biết: Trong thế gian này, chúng ta khổ nạn trùng

trùng. Đã thế, khổ nạn trong thế gian này mỗi năm một nhiều hơn, mỗi năm càng khổ hơn, thọ mạng của chúng ta rất hữu hạn. Nếu chẳng cầu sanh Tây Phương, đấy mới là kẻ ngu thật sự! Cổ đức nói: *"Chẳng phải ngu thì là cuồng"*, trước kia, thầy Lý giảng kinh Vô Lượng Thọ cũng nói theo cách ấy. Một người học Phật, chẳng biết cầu sanh Tịnh Độ, nếu chẳng phải là ngu si, thì sẽ là cuồng vọng. Nói cách khác là bất bình thường! Kẻ đầu óc sáng suốt, là người bình thường, chẳng có ai không mong mỏi cầu sanh Tịnh Độ. Vì thế, chớ nên xen tạp, hãy nên buông xuống, buông hết thảy các pháp môn xuống, hãy bỏ đi. Tuyệt đối chẳng phải là hết thảy các pháp môn không hay, chẳng phải là coi thường, mà là vì bản thân chúng ta chẳng có năng lực tu học, chờ chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới gặp A Di Đà Phật, mong học gì cũng đều chẳng trễ, đều có thể viên mãn. Cổ đức nói: *"Chỉ được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ"*. Vì thế, nay được thấy A Di Đà Phật chính là một đại sự trọng yếu nhất!

***(Sao) Phù vô tạp niệm giả, chỉ đắc Sự chi nhất tâm, kim thả vị năng, hà huống Lý nhất.***

**(鈔)**夫無雜念者，止得事之一心，今且未能，何況理一。

*(**Sao**: Phàm là chẳng có tạp niệm thì chỉ đắc Sự nhất tâm, nay còn chưa thể đắc [Sự nhất tâm], huống hồ Lý nhất tâm).*

Đây là nói về kẻ niệm Phật lại xen tạp các pháp môn khác, chẳng phải là chuyên tâm tu. [Lời Sao] chỉ rõ: Phải đạt đến "chẳng có tạp niệm" thì mới đắc Sự nhất tâm. Sự nhất tâm đã chẳng đạt được thì làm sao có thể đắc Lý nhất tâm cho được? Dưới đây là kết luận:

***(Sao) Cố niệm Phật giả, thủ chí bất nhị, vật nhân tam-muội nan thành, nhi triếp cải tu dư hạnh.***

**(鈔)**故念佛者，守志不二，勿因三昧難成，而輒改修餘行。

*(**Sao**: Vì thế, người niệm Phật hãy giữ chí hướng chẳng hai, đừng vì tam-muội khó thành liền đổi ngay sang tu các hạnh khác).*

Chúng ta nhất định phải ghi nhớ điều này. Trong hết thảy các

pháp môn, Niệm Phật xác thực là đạo dễ hành. Đạo dễ hành mà quý vị cũng chẳng thể thành tựu thì đừng trông cậy vào đạo khó hành, chẳng có phần đâu nhé! Đạo dễ hành mà chẳng thể thành tựu, bèn biết chính mình nghiệp chướng nặng nề dường ấy! Hãy nên làm như thế nào? Tiếp tục nỗ lực niệm Phật chẳng ngừng. Cổ đức dạy: Chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng, hết thảy các kinh pháp đều chẳng thể tiêu trừ; cuối cùng, một câu Phật hiệu có thể diệt tội. Nói cách khác, quý vị niệm Phật chẳng phải là Phật hiệu không thể diệt tội, mà do quý vị tội ác quá nặng, chẳng phải là do mấy câu Phật hiệu bèn diệt được. Quý vị phải niệm chẳng ngừng, phải có tín tâm, phải có lòng kiên nhẫn, phải có cái tâm dài lâu mà niệm Phật. Niệm suốt hai ba năm, nghiệp chướng sẽ tiêu trừ. Trong hai ba năm ấy, phải trọn đủ tín tâm, có tâm nhẫn nại, có cái tâm thường hằng thì mới được. Quyết định chẳng thay đổi, biết [chính mình] nghiệp chướng quá nặng, [do niệm Phật mà] có thể tiêu trừ [tội nghiệp dần dần] trong từng niệm.

Vì thế, phải *"thủ chí bất nhị"* (giữ vững chí hướng chẳng hai), tức là chuyên cần tinh tấn, trong phần trước nói là *"chuyên tâm, chuyên niệm"*. Ngàn muôn phần đừng nghĩ: Niệm Phật chẳng đắc nhất tâm bèn thay đổi, lại đổi sang pháp môn khác, lại hành tham Thiền, lại đi học Mật, hỏng bét! [Như thế thì] suốt một đời này, chẳng thành tựu được chuyện gì cả! Dẫu chẳng đạt được, vẫn quyết định chẳng thay đổi. Chẳng thay đổi thì do công phu đã sâu, tự nhiên sẽ đạt được. Dưới đây là dẫn chứng:

***(Sao) Tiên nho hữu ngôn.***

**(鈔)**先儒有言。

*(**Sao**: Bậc tiên nho có nói).*

Bậc đại đức Nho gia thời cổ đã nói.

***(Sao) Bất khả dĩ nhân chi nan thục, nhi cam vi tha đạo chi hữu thành, thử chi vị dã.***

**(鈔)**不可以仁之難熟，而甘為他道之有成，此之謂也。

*(**Sao**: "Chớ nên vì lòng nhân khó thể thành tựu mà đành lòng hành theo đạo khác để có thành tựu" chính là nói về điều này vậy).*

Mạnh Tử nói lời này. Đây là tỷ dụ, ngạn ngữ thường nói: *"Chỉ cần công phu sâu, chày sắt cũng mài thành kim"*, cũng là nói lên ý nghĩa này. Chúng ta chẳng có thành tựu là do công phu chưa đến nơi đến chốn, còn thua kém một chút. Hãy tiếp tục nỗ lực, chẳng phải là sẽ đạt được hay sao? Thua kém một chút, chính mình thiếu lòng kiên nhẫn, buông bỏ, lại đi làm chuyện khác, sẽ trở thành chẳng có chuyện gì thành công được!

***(Sớ) Hựu thử tứ tự, nhược ly hợp thích chi, tắc tương tức, cố danh nhất tâm. Tương phi, cố danh bất loạn.***

**(疏)又此四字，若離合釋之，則相即，故名一心；相非，故名不亂。**

*(**Sớ**: Lại nữa, đối với bốn chữ này, nếu dùng cách tách ra hoặc gộp lại để giải thích thì do chúng chính là lẫn nhau, bèn nói là "nhất tâm"; do chẳng phải là lẫn nhau bèn gọi là "bất loạn").*

*"Ly"* (離) là tách ra để nói. *"Hợp"* (合) là nói gộp lại. Tức là bốn chữ *"nhất tâm bất loạn"* có thể nói gộp lại, hoặc nói tách rời. Nói tách rời thì nhất tâm là nhất tâm, bất loạn là bất loạn. Nói gộp lại thì nhất tâm là bất loạn; bất loạn là nhất tâm. Nhưng khi tách ra thì [mỗi phần trong bốn chữ ấy] cũng có ý nghĩa riêng biệt. Tách ra thì nhất tâm là Định, bất loạn là Huệ. Vậy thì có thể nói gộp lại như thế nào? Nói thật ra, Định là Huệ, Huệ là Định. Do vậy, có thể gộp lại để nói, mà cũng có thể nói tách ra. Dưới đây, lời Sao sẽ giảng về ý nghĩa *"tương tức, tương phi"*.

***(Sao) Tương tức giả, tức Không, tức Giả, tức Trung.***

**(鈔)相即者，即空即假即中。**

*(**Sao**: "Chính là lẫn nhau" là tức Không, tức Giả, tức Trung).*

Giải thích nhất tâm. Trong phần trên đã nói: *"Tương tức, cố danh nhất tâm"* (Chính là lẫn nhau, nên gọi là nhất tâm). Hình trạng của Tương Tức là gì? Ở đây nói rõ hình tướng của Tương Tức chính là *"tức Không, tức Giả, tức Trung"*. Đấy chính là Tam Quán nói theo tông Thiên Thai. Nhất Tâm Tam Quán, Không, Giả, Trung đồng thời, chẳng có trước hay sau, chẳng có thứ tự.

***(Sao) Tắc như tiền sở minh.***

**(鈔)則如前所明。**

*(**Sao**: Như đã nói trong phần trước).*

Như trong phần trước đã nói.

***(Sao) Thử năng niệm, sở niệm, tức hữu nhi vô, tức vô nhi hữu, nhị biên phả đắc, trung diệc bất tồn.***

**(鈔)此能念所念，即有而無，即無而有，二邊叵得，中亦不存。**

*(**Sao**: Năng niệm và sở niệm chính là hữu mà vô, tuy vô mà hữu, hai bên đều chẳng đạt được thì cái chính giữa cũng chẳng tồn tại).*

*"Năng niệm"* (Chủ thể niệm Phật) là cái tâm linh minh giác tri của chúng ta. *"Sở niệm"* (Đối tượng được niệm) là câu danh hiệu A Di Đà Phật, chúng ta thường nói là *"sáu chữ hồng danh"*. Đối với Năng Niệm và Sở Niệm, Năng và Sở là một, không hai. Năng Niệm là giác tri, Sở Niệm là lý thể. Năng Niệm và Sở Niệm, *"tức hữu nhi vô, tức vô nhi hữu, nhị biên phả đắc, trung diệc bất tồn"* (chính là hữu mà vô, tuy vô mà hữu, hai bên đều chẳng đạt được, cái chính giữa cũng chẳng tồn tại). Khi chúng ta bắt đầu niệm, bèn có Năng Niệm và Sở Niệm, Năng và Sở rạch ròi, phân minh, tức là chưa đắc nhất tâm, vừa mới khởi đầu. Khi đã niệm lâu ngày, thường nói là *"niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm"*, tự nhiên người ấy đạt đến cảnh giới này. Cảnh giới này chính là cảnh giới nhất tâm. Do vậy, chỉ cần một mực niệm mãi, chuyện gì cũng chẳng cần hỏi đến, sẽ đạt được cảnh giới này rất nhanh. Nếu vừa niệm, vừa thường hoài nghi, thường thắc mắc, thường muốn truy tìm tận cùng nguồn cội, suốt một đời này chẳng thể đạt tới cảnh giới này! Do nguyên nhân nào? Chính là vì xen tạp như trong phần trước đã nói! Quý vị xen tạp, tức là đã xen lẫn hoài nghi, xen lẫn vọng tưởng, chẳng dễ gì đắc [nhất tâm]. Điều khẩn yếu là nhất tâm niệm đến cùng, chuyện gì cũng đừng hỏi tới!

***(Sao) Tam Đức hồn nhiên, bất khả phân biệt, thị danh nhất tâm.***

***(Diễn) Tương Tức hạ thập nhất cú, thích Tương Tức, danh nhất tâm.***

**(鈔)三德渾然，不可分別，是名一心。**

**(演)相即下十一句，釋相即，名一心。**

*(**Sao**: Tam Đức hòa quyện trọn vẹn với nhau, chẳng thể phân biệt, nên gọi là nhất tâm.*

***Diễn**: Mười một câu từ chữ Tương Tức trở đi nhằm giải thích: "Tương tức được gọi là nhất tâm").*

Hai câu Sao trên đây nhằm giải thích lời Sớ *"Tương Tức, danh nhất tâm"* (Chính là lẫn nhau, nên gọi là nhất tâm).

***(Diễn) Tức hữu nhi vô giả, duyên khởi tức Tánh Không cố. Tức vô nhi hữu giả, Tánh Không tức duyên khởi cố.***

**(演)即有而無者，緣起即性空故；即無而有者，性空即緣起故。**

*(**Diễn**: "Chính là hữu mà vô": Duyên khởi chính là Tánh Không. "Tuy vô mà hữu": Tánh Không chính là duyên khởi).*

Bản thể của hết thảy muôn hình tướng chính là Không. Tâm Kinh nói: *"Sắc chính là Không, Không chính là Sắc, Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc"* là nói đến chuyện này. Hoàn toàn nói về chân tướng sự thật, nhưng phàm phu chúng ta chẳng thấy. Vì sao chẳng thấy? Vì quý vị có phân biệt, có chấp trước, ngỡ huyễn tướng là chân thật, chẳng biết bản thể của hết thảy các tướng chính là Không, chẳng biết, cứ ngỡ chúng có thật. Vì thế, ở trong ấy bèn sanh khởi vọng niệm, sanh khởi phiền não. Đối với hết thảy các pháp, trước hết là có cái tâm phân biệt, kế đó là cái tâm lấy bỏ, nay chúng ta nói là *"dục vọng chiếm hữu"*. Dục vọng chiếm hữu là cái tâm lấy bỏ, phiền não bèn sanh khởi. Tướng là hư vọng, quý vị sanh phiền não cũng là hư vọng, há có phải là thật sự tồn tại! Thảy đều là hư vọng, quyết định chẳng phải là sự thật. Bởi lẽ, bản thể của chúng chính là Không, Hữu chính là Không. Chính là Vô mà Hữu, chính là Hữu mà Vô. *"Tức hữu nhi vô"* là nói bản thể của hết thảy muôn vàn hình tướng chính là Không. *"Tức vô nhi hữu"*: Không chẳng phải là Sắc hay sao? Tánh Không chính là duyên khởi. Do vậy, chớ nên hiểu Không là chẳng có gì hết! Tâm Kinh đã nói rõ chân tướng sự thật này, nó chẳng phải là không có gì, nó có thể biến hiện hết thảy muôn tướng.

***(Diễn) Nhị biên phả đắc nhị cú, hỗ đoạt lưỡng vong, duyên khởi, Tánh Không ký câu bất khả đắc, tắc phi duyên khởi Tánh Không chi***

***Trung Đạo diệc bất tồn cố.***

**(演)二邊叵得二句，互奪兩亡，緣起性空既俱不可得，則非緣起性空之中道亦不存故。**

*(**Diễn**: Hai câu "hai bên đều chẳng thể được" [ý nói]: Do chúng đoạt lẫn nhau, hai bên (Vô và Hữu) cùng mất, duyên khởi lẫn Tánh Không đã đều chẳng thể được thì Trung Đạo vốn chẳng phải là duyên khởi lẫn Tánh Không cũng chẳng tồn tại).*

Hai bên Không và Hữu đều chẳng thể được. Duyên khởi là Tánh Không, duyên khởi chẳng thể được. Tánh Không là duyên khởi, Tánh Không chẳng thể được, đấy mới là chân tướng sự thật. Đó gọi là *"nhị biên bất trụ, Trung Đạo bất tồn"* (hai bên đều chẳng trụ, Trung Đạo chẳng tồn tại), tâm thanh tịnh lắm! Đấy chẳng phải là Sự nhất tâm, mà là Lý nhất tâm, thật sự thanh tịnh.

***(Diễn) Tam Đức hồn nhiên, bất khả phân biệt giả.***

**(演)三德渾然，不可分別者。**

*(**Diễn**: Tam Đức hòa quyện trọn vẹn với nhau, chẳng thể phân biệt).*

Tam Đức là Pháp Thân, Bát Nhã, và Giải Thoát, đức Phật đã nói những điều này. Trong Chân Như bản tánh của chúng ta vốn trọn đủ ba tác dụng ấy. Triết học hiện thời gọi Pháp Thân là "bản thể của vạn hữu trong vũ trụ", sâm la vạn tượng trong mười pháp giới do nó biến hiện. Vì thế, nó là cái *"thân"* của hết thảy vạn pháp, hết thảy vạn pháp sanh từ nó, nên gọi là Pháp Thân. Tự tánh của chúng ta vốn sẵn trọn đủ. Bát Nhã là hiểu rõ. Vốn hiểu rõ sâm la vạn tượng trong mười pháp giới, vốn hiểu rõ ràng. Giải Thoát là tự tại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, vốn là như vậy. Nay chúng ta chẳng hiểu rõ hết thảy; chẳng hiểu rõ là vô minh, đã hiểu rõ bèn gọi là Bát Nhã. Nay chúng ta chẳng được tự tại, Lý lẫn Sự đều bị trở ngại, giữa Sự với nhau càng bị trở ngại. Vốn chẳng có trở ngại, mà nay đã biến thành vô lượng vô biên trở ngại, do đâu mà ra? Đều do mê mất tự tánh. Tất cả hết thảy chướng ngại và khổ nạn đều sanh từ vọng tưởng, chấp trước. Vọng tưởng diễn biến thành Sở Tri Chướng, chấp trước diễn biến thành Phiền Não Chướng, đó là cội nguồn của hai chướng. Vốn là Sự Sự vô ngại, vốn là hết thảy hiểu rõ. Giáo học trong Phật pháp chẳng có gì khác, không gì chẳng nhằm khôi phục bản năng

sẵn có nơi Tánh Đức của chúng ta mà thôi. Pháp Thân Đức hiện tiền, quý vị sẽ có thể tùy loại hóa thân. Đấy là bản năng, tức là năng lực vốn có. Như chư Phật, Bồ Tát hóa độ chúng sanh trong mười pháp giới, đáng nên dùng thân gì để độ bèn hiện thân ấy, năng lực ấy do đâu mà có? Bản năng (năng lực vốn sẵn có)! Tức là bản năng của Pháp Thân. Hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian đều hiểu rõ, thông đạt hết thảy, đó là Bát Nhã nơi bản năng. Đắc đại tự tại trong hết thảy các pháp chính là Giải Thoát vốn có trong bản tánh. Mục đích giáo học của Phật pháp là ở chỗ này, nhằm khôi phục bản năng của chính chúng ta mà thôi. *"Tam Đức hồn nhiên, bất khả phân biệt"* (Tam Đức hòa quyện trọn vẹn với nhau, chẳng thể phân biệt), một chính là ba, ba chính là một, tánh là một, nêu rõ: Ba thứ đức dụng của tánh là một chuyện! Chẳng thể nói chúng là ba, chúng là một Thể trọn đủ [ba tác dụng], mà cũng chẳng thể nói chúng là một, đích xác là có ba tác dụng. Vì thế, nói là ba bèn chẳng đúng, nói là một cũng sai luôn! Nếu quý vị đã hiểu rõ thì nói là ba cũng đúng, nói là một cũng đúng. Hễ chấp trước bèn sai; không chấp trước, nói kiểu nào cũng đúng!

***(Diễn) Hữu tức vạn pháp tề chương, thuộc Giải Thoát Đức.***

**(演)有即萬法齊彰，屬解脫德。**

*(**Diễn**: Hữu chính là muôn pháp cùng hiện bày, thuộc về Giải Thoát Đức).*

*"Chương"* (彰) là biến hiện rõ rệt, sâm la vạn tượng rành rành. Đó là Hữu, thuộc về Giải Thoát Đức.

***(Diễn) Vô tức nhất trần bất lập, thuộc Bát Nhã Đức.***

**(演)無即一塵不立，屬般若德。**

*(**Diễn**: Vô chính là chẳng lập mảy trần, thuộc về Bát Nhã Đức).*

*"Vô"* là nói theo tánh. *"Hữu"* là nói theo tướng. Nói theo tánh, xác thực là chẳng lập mảy trần, trong chân tánh chẳng lập mảy trần.

***(Diễn) Trung tức Không Hữu nan tư, thuộc Pháp Thân Đức.***

**(演)中即空有難思，屬法身德。**

*(**Diễn**: Trung chính là Không lẫn Hữu khó nghĩ tưởng, thuộc về Pháp Thân Đức).*

Chẳng thể nghĩ bàn, biến hiện tự tại.

***(Diễn) Tức hữu nhi vô, Giải Thoát tức Bát Nhã. Tức vô nhi hữu, Bát Nhã tức Giải Thoát. Nhị biên phả đắc, Bát Nhã Giải Thoát tức Pháp Thân. Trung diệc bất tồn, Pháp Thân tức Bát Nhã, Giải Thoát. Cử nhất tức tam, ngôn tam tức nhất.***

**(演)即有而無，解脫即般若；即無而有，般若即解脫；二邊叵得，般若解脫即法身；中亦不存，法身即般若解脫。舉一即三，言三即一。**

*(**Diễn**: "Chính là Hữu mà Vô": Giải Thoát chính là Bát Nhã. "Chính là Vô mà Hữu": Bát Nhã tức là Giải Thoát. "Hai bên đều chẳng thể được": Bát Nhã và Giải Thoát chính là Pháp Thân. "Cái chính giữa cũng chẳng tồn tại": Pháp Thân tức Bát Nhã và Giải Thoát. Nêu ra một bên chính là ba; nói ba chính là một).*

Tam Đức hòa quyện vào nhau. Quý vị phải hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch chân tướng sự thật này, chẳng có mảy may phân biệt, chấp trước, đó là đúng. Nếu có phân biệt, chấp trước, chẳng thà không nói, chẳng thà không đọc kinh. Không đọc kinh, tâm còn thanh tịnh. Hễ đọc, đọc rồi phiền phức đầy dẫy, đọc rồi có khá nhiều tri kiến, sai lầm đặc biệt to tát! Phải biết: Đức Phật thuyết kinh chính là *"nói mà chẳng nói, chẳng nói mà nói"*. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta nghe kinh, phải là *"nghe mà chẳng nghe, chẳng nghe mà nghe"* đó là đúng. Đấy mới là ý nghĩa của Phật, vàn muôn phần chớ nên phân biệt, chấp trước.

*"Tương tức"* là ý nghĩa nhất tâm, *"tương phi"* là ý nghĩa bất loạn. *"Tương phi, cố danh bất loạn"* (Chẳng phải là lẫn nhau, nên gọi là bất loạn).

***(Sao) Tương phi giả, Giả phi thị Không, Không phi thị Giả, Trung phi Giả Không.***

**(鈔)相非者，假非是空，空非是假，中非假空。**

*(**Sao**: "Chẳng phải là lẫn nhau": Giả chẳng phải là Không, Không chẳng phải là Giả, Trung chẳng phải là Giả và Không).*

Giả chẳng phải là Không, Không chẳng phải là Giả, Trung chẳng phải là Giả, mà cũng chẳng phải là Không. Ba điều ấy xác thực là có định nghĩa độc lập.

***(Sao) Tắc năng niệm sở niệm song vong, thành Bát Nhã Đức.***

**(鈔)則能念所念雙亡，成般若德。**

*(**Sao**: Tức là năng niệm và sở niệm cùng mất, nên thành Bát Nhã Đức).*

Thường là trong tâm có [ý niệm] ta là năng niệm, [tức là] hôm nay ta niệm mấy vạn câu Phật hiệu, Phật hiệu là cái được ta niệm (sở niệm). Năng và Sở rành rành, Năng và Sở phân minh. Khi nào niệm Phật dẫu một ngày niệm mấy vạn câu Phật hiệu, mà có thể chẳng nghĩ ta là năng niệm, cũng chẳng nghĩ đức Phật là sở niệm, nhưng miệng niệm Phật hiệu chẳng ngớt, niệm nào cũng niệm liên tục, chẳng hề gián đoạn. Đó chính là *"Năng Sở song vong"* (Năng lẫn Sở cùng mất), tâm đã định. Định tâm khởi tác dụng là Bát Nhã; đó là trí huệ.

***(Sao) Năng niệm, sở niệm song lập, thành Giải Thoát Đức.***

**(鈔)能念所念雙立，成解脫德。**

*(**Sao**: Năng niệm và sở niệm cùng lập, thành Giải Thoát Đức).*

Năng và Sở rành mạch, hết sức tự tại. Giải Thoát là tự tại, nhưng chư vị phải hiểu: Đối với ba thứ ấy, tuyệt đối chẳng phải là ta chỉ đắc một thứ trong ba thứ ấy. Chẳng có lẽ ấy! Hễ đạt được một, nhất định sẽ đạt được hai thứ kia. Ngàn muôn phần đừng nghĩ nay ta có cái Ngã năng niệm, có Phật hiệu là sở niệm (cái được niệm), rành mạch, phân minh là đã đắc Giải Thoát, chẳng có Bát Nhã, chẳng có Pháp Thân. Quý vị hiểu như vậy tức là đã hoàn toàn hiểu sai bét ý nghĩa. Vì sao? Một tức là ba, ba tức là một, vận dụng tự tại, đó là Giải Thoát, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại.

***(Sao) Câu tồn, câu mẫn, hiển hồ Trung Đạo.***

**(鈔)俱存俱泯，顯乎中道。**

*(**Sao**: Cùng tồn tại, cùng mất đi, hiển lộ Trung Đạo).*

*"Câu tồn"* (俱存: cùng tồn tại): Năng và Sở cùng lập là *"câu tồn"*. *"Câu mẫn"* (俱泯: cùng mất đi): Năng và Sở cùng mất là *"câu mẫn"*. Tồn tại và mất đi đồng thời, chẳng có trước sau, đấy mới là Trung Đạo. Tâm Kinh dạy: *"Sắc tức là Không, Không tức là Sắc, Sắc chẳng khác*

*Không, Không chẳng khác Sắc"*, là đồng thời, chẳng có trước sau, Tịnh Tông bảo đó là cảnh giới Lý nhất tâm, cũng là bốn vô ngại pháp giới được nói trong kinh Hoa Nghiêm, bốn vô ngại pháp giới là đồng thời. Ở đây nói Tam Đức Bí Tạng, Bát Nhã, Pháp Thân, Giải Thoát là đồng thời.

***(Sao) Tam Đức lịch nhiên, bất khả hỗn tạp, thị danh bất loạn.***

**(鈔)三德歷然，不可混雜，是名不亂。**

*(**Sao**: Tam Đức rành rành, chẳng thể hỗn tạp, nên gọi là bất loạn).*

Trong ấy, Sự và Lý rành mạch, phân minh. Đó là *"bất loạn"*. Kinh Lăng Nghiêm nói *"tự tánh vốn định"* là Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm. Tự tánh vốn định cũng là ý nghĩa đang được nói ở đây. Đoạn này nói rất sâu, chẳng phải là nói về văn tự, mà trên thực tế là nói về cảnh giới, là cảnh giới đích thân chứng đắc bởi chư Phật và các vị đại Bồ Tát. Đại Bồ Tát tối thiểu là Sơ Trụ trong Viên Giáo hoặc Sơ Địa trong Biệt Giáo. Do thuộc vào địa vị ấy, Tịnh Tông phán định là cảnh giới Lý nhất tâm, chính là cảnh giới ấy. Qua đoạn văn này, Liên Trì đại sư đã nêu rõ giá trị và địa vị của Tịnh Tông hoàn toàn chẳng kém Thiền và Giáo. Chẳng thể nói học Thiền mà chẳng học thành công, học Giáo cũng học chẳng thể thành công, [chỉ đành]: "Ta là kẻ quá đần, nghiệp chướng quá nặng, thôi thì ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ!" Những điều được nói trong đoạn này chẳng dung nạp hạng người có tri kiến sai lầm ấy. Tịnh Tông bất luận xét theo Sự hay Lý, tuyệt đối chẳng kém Thiền hoặc Giáo, có ý nghĩa như vậy đó.

***(Sớ) Hựu thử nhất tâm bất loạn, diệc phân ngũ giáo, kim bất tự giả, dĩ chánh chỉ đốn viên cố.***

**(疏)又此一心不亂，亦分五教，今不敘者，以正指頓圓故。**

*(**Sớ**: Lại nữa, nhất tâm bất loạn cũng chia thành năm giáo, nay tôi chẳng trình bày, vì nhất tâm bất loạn được nói trong kinh này chính là pháp đốn viên).*

Liên Trì đại sư viết bộ Di Đà Kinh Sớ Sao này, hoàn toàn chọn lựa phương cách [chú giải kinh điển] của tông Hiền Thủ, tức là [phương thức của] tông Hoa Nghiêm. Ngài chọn lựa phương thức *"thập môn khai*

*khải"* (十門開啟), tức là dùng Thập Huyền để giải thích ý nghĩa của kinh. Mục đích của Ngài hết sức hiển nhiên, chúng ta cũng phải biết bối cảnh trong thời đại ấy. Liên Trì đại sư sống vào niên hiệu Vạn Lịch nhà Minh, tức là vào những năm cuối nhà Minh. Trong xã hội thuở ấy, phong khí nhà Thiền rất mạnh mẽ, mọi người đều tham Thiền, rẻ rúng Tịnh Độ. Thuở ấy, giáo pháp Tịnh Độ bị Thiền coi thường, mà Giáo cũng coi thường. Pháp môn thù thắng như vậy bị người ta hiểu lầm, quý vị nói xem có đáng tiếc lắm hay không! Vì thế, đại sư cực lực đề xướng Tịnh Độ, phải làm như thế nào để mọi người có nhận thức mới mẻ, tái khẳng định [pháp môn ấy], Ngài bèn dùng hình thức [chú giải] kinh Hoa Nghiêm để giải thích [kinh Di Đà]. Bởi lẽ, bất luận Tông Môn hay Giáo Hạ, đều tôn Hoa Nghiêm là *"vua của các kinh"*, bộ Sớ Sao của đại sư hoàn toàn viết theo hình thức kinh Hoa Nghiêm, dùng kinh nghĩa trong kinh Hoa Nghiêm để giải thích. Đấy chính là đề cao kinh Di Đà, đề cao kinh này giống hệt như kinh Hoa Nghiêm. Quý vị đã coi trọng kinh Hoa Nghiêm, sẽ coi trọng kinh Di Đà; khinh thường kinh Di Đà tức là khinh thường kinh Hoa Nghiêm! Dùng phương thức ấy để nâng cao địa vị của Tịnh Tông. Đây là một phen khổ tâm của lão nhân gia, mà cũng là kiệt tác trí huệ của lão nhân gia.

Thật ra, dùng Hoa Nghiêm ngũ giáo có thể phán thích hết thảy các giáo. Nó giống như một công thức Toán Học. Ngẫu Ích đại sư chú thích kinh, [viết thành tác phẩm] Di Đà Kinh Yếu Giải đã dùng Thiên Thai tứ giáo, Liên Trì đại sư chọn dùng Hiền Thủ ngũ giáo. Nay đại sư chẳng trình bày Ngũ Giáo cặn kẽ, vì sao chẳng nói [chi tiết]? Vì xét theo ngũ giáo, kinh này đích xác thuộc về Đốn Giáo, thuộc loại Viên Giáo. Tuy chẳng giải thích, nhưng sợ người đời sau đọc đến sẽ nẩy sanh hoài nghi, vẫn mong tra cứu tài liệu, phiền phức quá! Vì thế, tiếp đó, Ngài nói đại lược đôi chút. Trong sách Diễn Nghĩa, pháp sư Cổ Đức nói rõ ràng hơn, thuận tiện rất nhiều cho những người nghiên cứu giáo pháp như chúng ta.

***(Sao) Diệc phân ngũ giáo giả, dĩ liên phân cửu phẩm.***
**(鈔)亦分五教者，以蓮分九品。**
*(**Sao**: Cũng chia thành năm giáo, vì chia thành chín phẩm sen).*

Đây là điều được nói trong Quán Kinh.

***(Sao) Tắc tiểu đại thiển thâm, tự hữu sai đẳng.***

**(鈔)則小大淺深，自有差等。**

*(**Sao**: Cho nên phải có nhỏ, lớn, cạn, sâu sai khác).*

Chín phẩm, từ thượng thượng phẩm cho đến hạ hạ phẩm, có thứ tự cạn sâu phân biệt khác nhau.

***(Sao) Như Tiểu Giáo dĩ diêu tâm tạo nghiệp nhi cảm tiền cảnh vi nhất tâm.***

**(鈔)如小教以繇心造業而感前境為一心。**

*(**Sao**: Như Tiểu Giáo coi "do tâm tạo nghiệp mà cảm tiền cảnh" là nhất tâm)*[70].

Công phu nhất tâm có cạn hay sâu khác biệt, dùng ngũ giáo để phối hợp với [các mức độ ấy] thì có thể phù hợp khít khao.

***(Sao) Thỉ Giáo dĩ A Lại Da Thức sở biến vi nhất tâm. Chung Giáo dĩ thức cảnh như mộng, duy Như Lai Tạng vi nhất tâm. Đốn Giáo dĩ nhiễm tịnh câu mẫn vi nhất tâm. Viên Giáo dĩ tổng cai vạn hữu tức thị nhất tâm.***

**(鈔)始教以阿賴耶識所變為一心；終教以識境如夢，唯如來藏為一心；頓教以染淨俱泯為一心；圓教以總該萬有即是一心。**

*(**Sao**: Thỉ Giáo coi cái được biến bởi A Lại Da Thức là nhất tâm. Chung Giáo coi "thức cảnh như mộng, chỉ có Như Lai Tạng" là nhất tâm. Đốn Giáo coi "nhiễm và tịnh cùng mất là nhất tâm". Viên Giáo coi "bao trùm vạn hữu" chính là nhất tâm)*[71].

---

[70] Câu này được sách Diễn Nghĩa giảng tường tận hơn như sau: *"Tiểu Giáo chẳng biết đến tám thức. Do sáu thức tạo tác các nghiệp thiện ác, cảm thành các cảnh khổ vui trong ba cõi, sáu đường. Vì thế nói là nhất tâm. Đấy là giả danh nhất tâm, chẳng phải là nhất tâm thật sự, do chẳng thấu đạt lý duy tâm, [nên cho rằng] ngoài tâm thật sự có tiền cảnh"*. Xin nói thêm *"tiền cảnh"* (前境) là thuật ngữ để chỉ cảnh được nhận biết bởi tâm thức.

[71] Sách Diễn Nghĩa giảng đoạn này như sau:
*"Thỉ Giáo biết có tám thức, nhưng chẳng biết tám thức chính là Chân Như. Bởi họ thấy Chân Như là ngưng lặng, bất biến, chẳng tùy duyên, còn tám thức là sanh diệt, chứa đựng các thứ được biến hiện hữu lậu và vô lậu; như nói: 'Các cõi từ vô thỉ mà*

Đây là nói đại lược theo ngũ giáo, xác thực là nhất tâm có [mức độ] lớn, nhỏ, sâu, cạn khác nhau. Vì thế, chúng ta nói đến nhất tâm, quý vị đắc nhất tâm loại nào? Thành Phật là thành Phật loại nào? [Xét theo] Ngũ giáo của tông Hiền Thủ, sẽ là năm loại Phật bất đồng, có Tiểu Giáo Phật, Thỉ Giáo Phật, Chung Giáo Phật, Đốn Giáo Phật, và Viên Giáo Phật, quý vị thành Phật loại nào? Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói: *"Mật Tông thường nói 'tức thân thành Phật' (thành Phật ngay trong cái thân này), nếu có thể thành thì được, chẳng thành thì không được"* Cụ Hoàng Niệm Tổ nói hay quá. Cụ là truyền nhân trong Mật Giáo, cũng là truyền nhân của Tịnh Độ Tông. Cả đời cụ, cống hiến lớn nhất đối với Tịnh Tông là viết chú giải cho kinh Vô Lượng Thọ, tổng hợp hoàn thiện những ý kiến chú giải xưa nay. Để viết chú giải [cho kinh Kim Cang], cư sĩ Giang Vị Nông đã sưu tập tài liệu, ý kiến của mấy trăm vị [chú giải trước đó] đều được thâu thập lại. Vì thế, trước đây, khi giới thiệu cùng chúng tôi, thầy Lý đã nói bộ Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của Giang cư sĩ là đại từ điển của kinh Kim Cang. Có thể nói bản chú giải kinh Vô Lượng Thọ của cụ Hoàng Niệm Tổ là đại từ điển của kinh Vô Lượng Thọ, đối với những người nghiên cứu giáo hoặc nghiên cứu bộ kinh này, đó là một tài liệu hết sức hay.

Trong đại bối cảnh đương thời, Liên Trì đại sư đã chọn lựa [giáo nghĩa của tông] Hoa Nghiêm nhiều nhất, kế đó là Thiên Thai, Pháp Tướng Duy Thức, Bát Nhã, Tam Luận trong Giáo Hạ thảy đều trích dẫn, lại còn trích dẫn Nho gia và Đạo gia [để viết Sớ Sao. Vì thế, tác phẩm này] khó có nhất. Cuối [mỗi đoạn] còn có phần Xứng Tánh. Xứng Tánh

---

*có, là chỗ nương tựa bình đẳng của hết thảy các pháp, do vậy mà có các đường (lục đạo) và chứng đắc Niết Bàn…' Đấy là coi tám thức sanh diệt là nhất tâm.*

*Chung Giáo thấu hiểu tám thức, tức Chân Như tùy duyên chính là A Lại Da Thức. Thức như huyễn mộng, chỉ là một Chân Như. Đấy chính là coi Như Lai Tạng là nhất tâm vậy.*

*Đốn Giáo coi 'nhiễm và tịnh cùng mất' là nhất tâm: Nhiễm chính là sáu thức, và tám thức sanh diệt v.v… Tịnh chính là Như Lai Tạng. Do Chung Giáo đã quy [tất cả các thức] vào Như Lai Tạng, tuy nói là 'tịnh đến tột cùng', nhưng vẫn thấy có Như Lai Tạng tồn tại, vẫn là chưa ly niệm. Trong giáo này (Đốn Giáo), năm pháp, ba tự tánh đều Không, tám thức, hai vô ngã cùng mất, một niệm chẳng sanh thì mới là nhất tâm.*

*Viên Giáo coi 'bao trùm trọn khắp vạn hữu là nhất tâm': Trong bốn giáo trước thì giáo trước nông cạn, giáo sau sâu xa, nhưng chẳng dung nhiếp lẫn nhau, nay Viên Giáo dung thông, chứa đựng trọn khắp, trùng trùng vô tận, tùy tiện nêu ra một trần, phô bày trọn vẹn pháp giới. Do đó, bao trùm trọn khắp vạn hữu là nhất tâm vậy".*

là nói theo nhà Thiền. Có thể nói là trong bản chú giải này, Ngài đã dung hội Thiền, Giáo, Mật, Luận; pháp thế gian và xuất thế gian cũng hoàn toàn được dung hội trong Sớ Sao. Vì vậy, Ngẫu Ích đại sư khen Sớ Sao là *"bác đại tinh thâm"* (mênh mông, rộng lớn, tinh tường, sâu xa), bốn chữ ấy đích xác là hết sức thích hợp, chẳng khoa trương tí nào! Văn tự trong Di Đà Kinh Sớ Sao kể ra chẳng nhiều lắm, nhưng đúng là bác đại tinh thâm. Do đó, chúng ta nghiên cứu giáo, học giảng kinh, đối với những chú sớ ấy, nhất định phải nhận thức rõ ràng, sau đấy mới có thể ứng dụng chúng, sử dụng chúng rất thích đáng. Nhờ đó, trong các buổi giảng, sẽ tiện lợi rất nhiều, sẽ hữu ích rất nhiều. Quý vị chẳng biết dùng, sử dụng sai lầm, sẽ biến thành một món hổ lốn, tốn sức mà chẳng đạt được kết quả tốt đẹp, phải biết điều này. Dẫu là [khi giảng kinh, chỉ sử dụng] một bộ chú giải, ví như chúng ta giảng kinh Di Đà, chúng ta tham khảo, dựa theo bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư, khi chúng ta giảng giải kinh Di Đà vẫn phải quan sát thính chúng, xem xét căn tánh và trình độ của họ, xét trạng huống tu học thường ngày của họ [để phán đoán]: Chúng ta giảng kinh ấy, chỗ nào cần nói cặn kẽ, chỗ nào phải nói đại lược, người nghe kinh mới có thể thật sự đạt được lợi ích. Nói cách khác, toàn thể bộ Sớ Sao này đã cung cấp một tài liệu tham khảo cho chúng ta, bản thân chúng ta phải biết chọn lọc, chẳng thể hoàn toàn giảng rập khuôn theo đó. Nay ở đây chúng tôi chẳng phải là giảng kinh Di Đà, mà là giảng bộ Sớ Sao Diễn Nghĩa, cho nên giảng toàn bộ. Đó là chỗ khác biệt! Nếu giảng kinh Di Đà, sẽ chẳng thể giảng theo kiểu này! Vì thế, giảng kinh thì phải biết chọn lọc từ chú giải, chọn lọc thích đáng, người ta nghe xong, ai nấy đều được lợi ích, ai nấy đều hoan hỷ. Chọn lọc chẳng thích đáng, [thính chúng sẽ cảm thấy] "nghe những thứ ấy vô dụng, lãng phí thời gian, lãng phí tinh lực". Đương nhiên là lần sau người ta chẳng tới nữa. Để chọn lọc đích xác thì phải có trí huệ kha khá. Điều này thuộc loại học vấn, phải biết chọn lọc!

***(Sao) Nhi Phật thuyết thử kinh, bổn vị hạ phàm chúng sanh.***

**(鈔)而佛說此經，本為下凡眾生。**

*(**Sao**: Nhưng đức Phật nói kinh này, vốn vì chúng sanh phàm phu hạ căn).*

Liên Trì đại sư nói câu này hay lắm! Lão nhân gia nói kiểu này hoàn toàn giống như cách nói của Thiện Đạo đại sư đời Đường trong bản

chú giải kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, chúng ta phải đặc biệt coi trọng. Vì ai mà đức Phật nói kinh này? Đức Phật vì chúng ta mà nói. Chúng ta xác thực là *"hạ phàm"* (phàm phu hạ căn). Chẳng chiếu theo pháp môn này, sẽ khó thành tựu. Đạt Ma tổ sư truyền dạy Thiền, trong Đàn Kinh, Lục Tổ Huệ Năng đại sư đã nói rất hay, đó là vì ai mà nói? Vì kẻ thượng thượng căn mà nói; do vậy, chúng ta chẳng có phần. Chúng ta tham Thiền, đừng nói là khai ngộ, ngay cả Định cũng chẳng đắc! Không tin ư? Cứ ngồi xếp bằng nhìn vào vách để coi quý vị có thể ngồi nổi ba ngày hay không? Có thể ngồi ba ngày là tiểu định đấy nhé! Người ta hễ ngồi bèn nhập Định. Quý vị hãy xem [hành trạng của] lão hòa thượng Hư Vân. Từ Niên Phổ, chúng ta thấy Ngài nhập Định là nửa tháng hoặc một tháng, còn phải có người khác phát hiện, dùng dẫn khánh gõ bên tai Ngài mấy lượt, Ngài mới xuất Định. Người ta hỏi Ngài: "Thưa lão hòa thượng! Thời gian nhập Định của Ngài quá lâu!" "Đâu có! Tôi cảm thấy mới mười phút hoặc hai mươi phút thôi mà!" Trên thực tế đã qua nửa tháng! Có một năm, Ngài ở trên núi. Nhằm dịp Giao Thừa, Ngài nấu một nồi khoai môn. Gom lửa phía trên nồi để um khoai [cho chín kỹ], lão nhân gia ngồi cạnh bếp nhập Định. Lần ấy, Ngài nhập Định hai mươi mấy ngày, Tết đã qua từ lâu. Người ta nói: "Lão hòa thượng làm sao mà đã qua Tết lâu rồi chẳng thấy ra ngoài, chẳng thấy Ngài đâu hết". Đến lều tranh kiếm Ngài, thấy khoai môn nấu trong nồi đã nổi đầy mốc, dưới đáy bếp lò đã mọc cỏ, lão nhân gia đang nhập Định, lại gõ khánh đánh thức Ngài. Sau khi được đánh thức, Ngài nói: "Tôi đã luộc khoai môn, hãy cùng ăn nhé", [Ngài cảm thấy thời gian nhập Định] mới bất quá hai mươi phút. Khi Ngài mở nồi, thấy khoai [mốc meo] như vậy, người ta bảo Ngài đã hơn nửa tháng rồi! Chúng ta chẳng có cách nào [tu như vậy được]! Do vậy, Thiền là để cho người thượng thượng căn tu. Phàm phu hạ căn chúng ta chớ nên xem thường niệm Phật. Niệm Phật thành tựu vượt trỗi Ngài. Lão hòa thượng Hư Vân vãng sanh Đâu Suất Thiên Nội Viện, đến chỗ Di Lặc Bồ Tát. Nhưng phàm phu hạ căn chúng ta thì…

***(Sao) Đản niệm Phật danh.***
**(鈔)**但念佛名。
*(**Sao**: Chỉ niệm danh hiệu Phật).*

Chúng ta sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng hơn Đâu Suất Thiên quá nhiều; nói thẳng thừng là

[Đâu Suất Thiên] chẳng thể sánh bằng! Di Lặc Bồ Tát từ Đâu Suất Thiên đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, Ngài là học trò, có thân phận giống như chúng ta, là học trò của A Di Đà Phật. Lão hòa thượng Hư Vân đến Đâu Suất Thiên là học trò của Di Lặc Bồ Tát, chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, Di Lặc Bồ Tát và chúng ta là bạn học. Bối phận (vai vế) của chúng ta còn cao hơn lão hòa thượng Hư Vân một bậc, chúng ta và thầy Ngài có cùng bối phận! Quý vị ngẫm xem, thế giới Tây Phương thù thắng [như thế đó]. Dễ dàng sanh về! Đâu Suất Thiên tuy gần, rất khó đến, chẳng có công phu định lực như cụ Hư Vân sẽ chẳng đến đó được. Do vậy, người niệm Phật:

***(Sao) Kính đăng bất thoái, trực chí thành Phật.***

**(鈔)徑登不退，直至成佛。**

*(**Sao**: Nhanh chóng đạt tới địa vị Bất Thoái, tiến thẳng đến địa vị Phật).*

Lại còn đến thế giới Tây Phương thành Phật hết sức nhanh chóng. Cuối bộ Sớ Sao cũng nói tới chuyện này, trích dẫn kinh văn từ Quán Kinh để nói rõ: Trong thế giới Tây Phương, thời gian để bất thoái thành Phật hết sức nhanh chóng. Thành Phật trong thế giới Sa Bà của chúng ta, mọi người đều biết, trong kinh đức Phật thường nói: Phải mất ba [đại] A-tăng-kỳ kiếp. A-tăng-kỳ kiếp là đại kiếp, ba đại A-tăng-kỳ kiếp mới có thể thành Phật. Chúng ta thường dịch A-tăng-kỳ (Asaṃkhyeya) là Vô Ương Số (無央數), là một con số quá lớn, chẳng nói rõ ràng con số ấy lớn cỡ nào! Đến thế giới Tây Phương để thành Phật, dẫu là hạ hạ phẩm vãng sanh cũng chẳng quá mười hai đại kiếp. Mười hai đại kiếp và ba đại A-tăng-kỳ kiếp chẳng thể so sánh được! Nói rõ: Thành Phật trong thế giới Tây Phương dễ dàng, rất nhanh chóng. Vậy thì chúng ta vãng sanh thế giới Tây Phương có phải là hạ hạ phẩm hay không? Chắc chắn là không phải! Vì sao biết là không phải? Hạ hạ phẩm là chúng sanh tạo tác tội nghiệp Ngũ Nghịch, Thập Ác cực nặng, lập tức phải đọa địa ngục A Tỳ, khi lâm chung, nghe thiện tri thức khuyến cáo, nhất niệm hồi tâm. Người như vậy niệm Phật vãng sanh thế giới Tây Phương mới là hạ hạ phẩm. Chúng ta suốt một đời này tuy tạo chẳng ít tội nghiệp, vẫn chưa tạo tội nghiệp nặng nề dường ấy. Nói cách khác, không vãng sanh thì thôi, hễ vãng sanh, quyết định chẳng phải là hạ hạ phẩm, đại khái là hạ phẩm thượng sanh. Hạ phẩm trung sanh thì sao? Sáu kiếp đã thành Phật,

thật mau! Nếu là hạ phẩm thượng sanh, hoặc là trung phẩm hạ sanh, tốc độ còn nhanh hơn nữa! Các thế giới phương khác chẳng có cách nào sánh bằng!

Trong kinh này, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo: *"Ngã kiến thị lợi"* (Ta thấy điều lợi này), *"ngã"* là Thích Ca Mâu Ni Phật tự xưng. Đức Phật nói ta thấy lợi ích thù thắng dường ấy, trong hết thảy các cõi Phật khắp mười phương thế giới, chẳng có lợi ích ấy, há có cõi nào nhanh chóng ngần ấy? Vì thế, thượng thượng phẩm vãng sanh, vừa sanh về đó bèn là hoa nở thấy Phật. Nói cách khác, đến thế giới Tây Phương bèn thành Phật. Vì lẽ này, Văn Thù và Phổ Hiền phải gấp rút vãng sanh, vì sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, những vị đại Bồ Tát như các Ngài sanh về đó, đương nhiên là thượng thượng phẩm vãng sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, đến đó bèn thành Phật. Nếu các Ngài chẳng về đó, ở trong thế giới Hoa Tạng, vẫn phải chờ một khoảng thời gian khá dài mới có thể thành Phật, đâu có nhanh chóng, thuận tiện ngần ấy như trong thế giới Tây Phương? Đối với những đoạn kinh văn nói rành mạch, rõ ràng như thế, khi đọc, chúng ta phải lưu ý, chớ nên hàm hồ, lơ mơ, coi thường, xem lướt qua, rất đáng tiếc. Vì sao tín tâm của chúng ta chẳng thể tăng trưởng? Đọc kinh quá đỗi qua quít, chẳng thấy được những điều trọng yếu. [Những điểm trọng yếu] bày ra ngay trước mắt, miệng đọc [ào ào] mà vẫn chẳng giác ngộ, quý vị nói xem có cách gì nữa chăng? Bảo là ngu si thì đúng là ngu si! Bày ra ngay trước mặt mà chẳng thấy; do vậy, nhất định phải hiểu!

Câu nào của tổ sư cũng đều có căn cứ trong ba kinh Tịnh Độ, chẳng vượt ra ngoài ba kinh, ba kinh quyết định là đáng tin cậy. Hiện thời có kẻ đơm đặt, bảo kinh A Di Đà là giả, là do con người ngụy tạo. Nghe nói lập luận này từ Nhật Bản truyền tới, bịa đặt đồn thổi, phá hoại Tịnh Độ. Chúng ta quyết định đừng nên nghe theo, tin tưởng lời đồn. Để chứng minh kinh này quyết định là đáng tin cậy, quyết định là chân thật, có thể nhờ vào thầy trò Huyền Trang đại sư để chứng minh. Người phiên dịch bộ kinh này là La Thập đại sư, thuộc thời đại Diêu Tần, người Hoa gọi thời kỳ đó là Nam Bắc Triều[72]. Huyền Trang đại sư là người đời

[72] Nam Bắc Triều là một giai đoạn rối ren nhất trong lịch sử Trung Hoa kéo dài từ năm 420 đến năm 589, và chỉ kết thúc khi Dương Kiên (tức Tùy Văn Đế, vua sáng lập nhà Tùy) diệt các nước, thống nhất Trung Hoa. Trong giai đoạn này, các lãnh chúa quân phiệt, tướng lãnh nổi lên chiếm đất xưng đế, chia nhỏ Trung Hoa thành nhiều quốc gia, chiến tranh liên miên. Gọi là Nam Bắc Triều vì Nam và Bắc Trung

Đường, hai vị đại sư cách nhau một khoảng thời gian mấy trăm năm. Tại Ấn Độ, Huyền Trang đại sư thấy nguyên văn kinh A Di Đà bằng tiếng Phạn, có thể thấy là kinh này chẳng giả. Ngài còn đem về [Trung Hoa], dịch thành bản mới một lần nữa. Tuy Ngài có phiên dịch, đồ đệ của Ngài là Khuy Cơ đại sư soạn chú giải cho kinh Di Đà, vẫn chọn bản của ngài La Thập, chẳng dùng bản dịch của thầy mình. Quý vị xem A Di Đà Kinh Thông Tán Sớ do Khuy Cơ đại sư soạn nhằm chú giải kinh Di Đà, [sẽ thấy] Ngài đã chọn lựa bản chúng ta đang đọc. Nói cách khác, thầy trò Ngài đều thừa nhận bản dịch này hay lắm. Cho nên ngài Khuy Cơ mới soạn chú giải; [tức là công nhận ngài La Thập] dịch khá lắm, chứng tỏ bản này là thật, quyết định chẳng giả, chẳng do người ta ngụy tạo. Do vậy, chúng ta nhất định phải tin tưởng Tịnh Độ Tam Kinh, nhất định phải tin tưởng Tịnh Độ Ngũ Kinh, quyết định chớ nên hoài nghi, phỏng

---

Hoa lần lượt thuộc những triều đại khác nhau, thường xuyên tấn công lẫn nhau. Bắc Triều gồm Bắc Ngụy, Đông Ngụy, Tây Ngụy, Bắc Tề và Bắc Châu. Nam Triều gồm Tống, Tề, Lương và Trần. Thật ra, nhà Diêu Tần thuộc thời kỳ Ngũ Hồ Thập Lục Quốc (304-439), tức giai đoạn các sắc dân du mục tràn vào Trung Hoa thành lập các vương triều khi nhà Đông Tấn suy vi. Sở dĩ nói nhà Hậu Tần thuộc vào giai đoạn Thập Lục Quốc vì nhà Hậu Tần (Diêu Tần) thành lập vào năm 384 và bị nhà Đông Tấn tiêu diệt năm 417 (tức là ba năm trước khi giai đoạn Nam Bắc Triều bắt đầu). Nói là Thập Lục Quốc, tức là chỉ kể những nước chánh yếu trong giai đoạn đó, gồm mười sáu nước. Để dễ nhớ, người ta hay nói như thế này: *"Ngũ Lương, Tứ Yên, Tam Tần, Nhị Triệu, Thành Hán, Hồ Hạ, cộng vi thập lục"* (Năm nước Lương, bốn nước Yên, ba nước Tần, hai nước Triệu, nhà Thành Hán và Hồ Hạ cộng thành mười sáu). Năm nước Lương là Tiền Lương (do Trương Thật người Hán sáng lập), Hậu Lương (do Lữ Quang thuộc sắc dân Đê sáng lập), Nam Lương (do Thốc Phát Ô Cô sắc dân Tiên Ty sáng lập), Tây Lương (do Lý Cảo sắc dân Hán sáng lập) và Bắc Lương (do Đoàn Nghiệp thuộc sắc dân Lô Thủy Hồ sáng lập). Tứ Yên là Tiền Yên (do Mộ Dung Hoảng sắc dân Tiên Ty sáng lập), Hậu Yên (do Mộ Dung Thùy sắc dân Tiên Ty sáng lập), Nam Yên (do Mộ Dung Đức sắc dân Tiên Ty sáng lập), và Bắc Yên (do Mộ Dung Vân sáng lập). Tam Tần là Tiền Tần (còn gọi là Phù Tần, do Phù Kiên thuộc sắc dân Đê sáng lập), Hậu Tần (còn gọi là Diêu Tần, do Diêu Trành thuộc sắc dân Khương sáng lập), và Tây Tần (do Khất Phục Quốc Nhân thuộc sắc dân Tiên Ty sáng lập). Nhị Triệu là Tiền Triệu (của sắc dân Hung Nô, do Lưu Uyên sáng lập) và Hậu Triệu (do Thạch Lặc thuộc sắc dân Yết sáng lập). Thành Hán (do Lý Hùng, sắc dân Đê sáng lập), Hồ Hạ (do Hách Liên Bột Bột thuộc sắc dân Hung Nô sáng lập). Đó là chưa kể nhà Đông Tấn và các vương triều nhỏ hơn của các sắc dân khác (không gây ảnh hưởng to lớn trong lịch sử Trung Hoa) như Tiền Cừu Trì, Hậu Cừu Trì, Đãng Xương, Đặng Chí, Nhiễm Ngụy, Tiều Thục, Hoàn Sở, Trác Ngụy, Đại, Tây Yên, Vũ Văn Bộ, Đoàn Bộ v.v…

theo kiểu nói của Cơ Đốc Giáo sẽ là *"hễ tin bèn có phước"*. Đúng là có phước, y giáo phụng hành, chẳng có ai không thành tựu. Vì lẽ đó, *"kính đăng Bất Thoái, trực chí thành Phật"*.

***(Sao) Chánh thuộc viên đốn.***

**(鈔)正屬圓頓。**

*(**Sao**: Thật sự thuộc về pháp viên đốn).*

Xét theo sự phán định và phân biệt theo ngũ giáo, xác thực là thuộc loại Đốn Giáo. *"Đốn"* (頓) là nhanh chóng, chẳng có gì nhanh hơn. *"Viên"* (圓) là viên mãn, mảy may khiếm khuyết đều chẳng có. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này.

***Tập 245***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm bảy mươi lăm:

***(Sao) Diệc phân ngũ giáo giả, dĩ liên phân cửu phẩm, tắc tiểu, đại, thiển, thâm, tự hữu sai đẳng. Như Tiểu Giáo dĩ diêu tâm tạo nghiệp, nhi cảm tiền cảnh vi nhất tâm. Thỉ Giáo dĩ A Lại Da Thức sở biến vi nhất tâm. Chung Giáo dĩ thức cảnh như mộng, duy Như Lai Tạng vi nhất tâm. Đốn Giáo dĩ nhiễm tịnh câu mẫn vi nhất tâm. Viên Giáo dĩ tổng cai vạn hữu tức thị nhất tâm.***

**(鈔)亦分五教者，以蓮分九品。則小大淺深，自有差等。如小教以繇心造業而感前境為一心。始教以阿賴耶識所變為一心；終教以識境如夢，唯如來藏為一心；頓教以染淨俱泯為一心；圓教以總該萬有即是一心。**

*(**Sao**: Cũng chia thành năm giáo, vì chia thành chín phẩm sen. Cho nên phải có sai khác nhỏ, lớn, cạn, sâu. Như Tiểu Giáo coi "do tâm tạo nghiệp mà cảm tiền cảnh" là nhất tâm. Thỉ Giáo coi cái được biến bởi A Lại Da Thức là nhất tâm. Chung Giáo coi "thức cảnh như mộng, chỉ có Như Lai Tạng" là nhất tâm. Đốn Giáo coi "nhiễm và tịnh cùng mất" là nhất tâm. Viên Giáo coi "bao trùm vạn hữu" chính là nhất tâm).*

Trong đoạn này, Liên Trì đại sư dùng cách phán giáo của tông

Hiền Thủ. Tông Hiền Thủ còn gọi là tông Hoa Nghiêm. Các vị tổ sư đại đức của tông phái này, đối với hết thảy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong suốt bốn mươi chín năm bèn xếp đặt thứ tự cạn, sâu, giống như chúng ta sắp xếp các môn học trong nhà trường hiện thời: Môn học nào đáng nên xếp vào bậc Tiểu Học để học sinh Tiểu Học tiếp nhận, môn học nào nên xếp vào bậc Trung Học, môn học nào đáng nên xếp vào bậc Đại Học. Nhưng chư vị ắt cần phải biết: Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, đích xác là chẳng có những ý nghĩa này, trọn chẳng có cách sắp xếp như vậy, do nguyên nhân nào? Thuở đức Phật tại thế, vì chúng sanh giảng kinh, thuyết pháp, do thời điểm, do nơi chốn, do [căn cơ của] người hỏi [khác nhau] mà [mỗi kinh] có chỗ sai khác. Người hướng về đức Phật thỉnh giáo, hoàn toàn chẳng phải là trình độ rất ngang nhau, có thể là người trước có trình độ rất thấp, người sau có trình độ rất cao. Đức Phật bèn ứng cơ thuyết pháp (thuyết pháp tương ứng với căn cơ), đấy là tình huống trong thuở ấy.

Về sau, kinh điển sau khi đã được chỉnh đốn liên tục, truyền sang Trung Hoa, những vị đại đức tại Trung Hoa nhằm dạy học thuận tiện, bèn làm giống như trong nhà trường hiện thời, căn cứ theo thứ tự [nội dung của từng môn học] là cạn hay sâu mà ấn định một thứ tự. Tông Hiền Thủ chia [toàn bộ giáo pháp của đức Phật] thành năm giáo, tông Thiên Thai chia thành bốn giáo, dựa theo thứ tự cạn hay sâu sai khác; nhưng những kinh ấy đều hoàn toàn là do đức Phật đã nói. Chúng ta thấy đức Phật nói những lời ấy, bèn biết là Ngài nói với những người thuộc một trình độ nào đó!

Tiểu Giáo là nói với hàng sơ học tiểu căn khí, đó là *"do tâm tạo nghiệp"*. Tiểu Thừa trình độ nông cạn, đức Phật vì họ thuyết pháp chỉ nói đến thức thứ sáu, tức ý thức, họ có thể lãnh hội điều này. Giống như người hiện thời nói về ý thức và tiềm ý thức (unconscious mind), họ có thể hiểu, [vì đó] là những danh từ trong khoa học hiện tại. Nói với họ về thức thứ tám, hoặc thức thứ bảy, họ mê hoặc, chẳng biết là chuyện gì. [Do đó], chỉ nói đến ý thức, chẳng nhắc đến tám thức. Hoặc là có những kinh luận, trong kinh Tiểu Thừa đôi khi nhắc đến tám thức, nhưng vẫn lấy sáu thức làm chánh yếu, [hai thức kia] chỉ được nhắc kèm thêm mà thôi. Họ chấp trước thân này là thực tại, chấp trước cảnh giới bên ngoài cũng là thực tại. Quả thật là đại đa số mọi người có sự phân biệt, chấp trước ấy, vì họ là "do tâm tạo nghiệp" nên mới cảm khá nhiều cảnh giới trong tam giới lục đạo. [Vì thế], họ coi những thứ ấy là nhất tâm.

Người thuộc loại căn tánh Đại Thừa Thỉ Giáo thông minh hơn người Tiểu Giáo, cũng có thể nói là họ có tư tưởng phóng khoáng hơn, chẳng bảo thủ, chấp trước như người Tiểu Thừa. Do vậy, đức Phật nói tám thức với họ. Nói tới Duy Thức (Vijñāptimātratā) thì theo cách nói hiện thời, [Duy Thức] là Tâm Lý Học. Nói càng sâu, càng rộng hơn sáu thức, bảo cho chúng ta biết là có tám thức: Ngoài sáu thức, còn có A Lại Da và còn có Mạt Na. Tuy đã biết tám thức, đây là Đại Thừa vừa mới khởi đầu! Trong cái tâm tám thức, cất giữ chủng tử thiện ác từ vô lượng kiếp tới nay. *"Chủng tử"* (種子, Bīja) là danh từ trong Pháp Tướng Duy Thức, người hiện thời gọi nó là *"tiềm ý thức"*, gặp duyên sẽ lôi kéo, kích thích [nghiệp tướng] sanh khởi. Do vậy, bèn khởi tác dụng. Hễ khởi tác dụng bèn gọi là *"hiện hành"* (現行, Adhyācāratā). Đức Phật nói: Trong A Lại Da Thức có đủ chủng tử của mười pháp giới. Chủng tử nào có sức mạnh to lớn, sẽ khởi tác dụng trước, [chủng tử nào] mạnh sẽ lôi [thần thức] đi trước. Đấy là tình hình hứng chịu quả báo trong lục đạo mười pháp giới. Do vậy, Thỉ Giáo coi cái được biến bởi A Lại Da Thức là nhất tâm.

Chung Giáo là Đại Thừa cao cấp, có trình độ cao; Thỉ Giáo là Đại Thừa sơ học. Đại Thừa thuộc giai đoạn cao, đức Phật nói tới Như Lai Tạng (Tathāgatagarbha) nói rõ A Lại Da Thức là Chân Như (Tathatā) bản tánh, tùy thuộc duyên nhiễm hay tịnh mà biến hiện, nêu ra bản chất của A Lại Da Thức, nói rõ tám thức và năm mươi mốt Tâm Sở đều chẳng phải là chân thật, đều là hư huyễn. Vì thế, nói: *"Thức như mộng huyễn, duy nhất Chân Như"* (Thức như mộng huyễn, chỉ có Chân Như). Nói thật ra, kinh Lăng Nghiêm đã nêu tỏ đạo lý này, nêu rõ sự thật này. Như Lai Tạng: *"Tạng"* (藏, Garbha) có nghĩa là chứa đựng, *"Như Lai"* (Tathāgata) là nói về Chân Như bản tánh. Chân Như bản tánh ở nơi đâu? Chứa ngay trong A Lại Da Thức. Nói thật ra, đối với A Lại Da thức, hễ ngộ, bèn gọi là Chân Như bản tánh, mê bèn gọi là A Lại Da, là một thứ, chẳng phải là hai thứ. Nói thật ra, Chân Như bản tánh chẳng có mê hay ngộ. Mê hay ngộ là do con người, chứ Chân Như, chân tánh, bản tánh đều chẳng có mê hay ngộ. Đấy là coi *"Như Lai Tạng là nhất tâm"*, tầng cấp mỗi lúc một cao hơn, nhưng mỗi tầng cấp chân thật hơn!

Chung Giáo vẫn chưa phải là chân thật rốt ráo. Trong Đốn Giáo (tông Thiên Thai gộp Đốn Giáo và Viên Giáo thành một, gọi là Viên Giáo, tông Hiền Thủ tách ra, nói càng cặn kẽ hơn), nhiễm và tịnh đều chẳng có. *"Nhiễm"* là tám thức, *"tịnh"* là Như Lai Tạng. A Lại Da có

hai phần là tịnh và nhiễm. Trong Đốn Giáo, cả hai phần đều mất, có thể thấy là tâm họ càng thanh tịnh hơn, thật sự đạt đến *"một niệm chẳng sanh"*. Duy Thức Luận nói: *"Ngũ pháp, tam tự tánh giai không; bát thức, nhị vô ngã câu khiển"* (Năm pháp, ba tự tánh đều không; tám thức, hai vô ngã đều mất). Hai câu này đã bao quát trọn hết Pháp Tướng Duy Thức, cũng có thể nói là tổng cương lãnh của Pháp Tướng Duy Thức. *"Ngũ pháp"* là quy nạp vạn pháp trong hết thảy các pháp thành năm loại lớn, tức là Tâm Pháp, Tâm Sở Hữu Pháp, Sắc Pháp, Bất Tương Ứng Hành Pháp, và Vô Vi Pháp. *"Tam tự tánh"* là Y Tha Khởi Tánh, Biến Kế Sở Chấp Tánh, và Viên Thành Thật Tánh. Bất cứ pháp gì cũng đều có ba tự tánh. Những thứ ấy đều rỗng không, vì sao? Vì chúng toàn là pháp hữu vi. Kinh Kim Cang đã nói rất rõ ràng: *"Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng"*, đó là Không. Do vậy, Bát Nhã là Đốn Giáo, Duy Thức là Tiệm Giáo, [nghĩa là] Duy Thức học dần dần. Kinh Kim Cang ngay lập tức là Không, thẳng thừng, triệt để ngần ấy! *"Nhị vô ngã"* là Nhân Vô Ngã và Pháp Vô Ngã. Trong Duy Thức Tông nói đến Nhân Ngã và Pháp Ngã, cuối cùng bảo: *"Nhân pháp giai không, câu bất khả đắc"* (Nhân và Pháp đều Không, đều chẳng thể được). Khi ấy, một niệm chẳng sanh. Niệm ấy là vọng niệm, chẳng phải là không có chánh niệm. Nếu chánh niệm cũng chẳng có, hỏng rồi, đã biến thành Vô Tưởng Định. Quả báo của Vô Tưởng Định là trong Vô Tưởng Thiên. Chư vị phải biết: Vô Tưởng là bị vô minh che lấp. Chúng ta chẳng sanh vọng niệm, mà cũng chẳng có vô minh; khi ấy, cái được hiển lộ bèn gọi là chánh niệm. Chánh niệm phân minh, đó chính là trí huệ Bát Nhã sâu rộng vô hạn, gọi là *"nhất tâm"*. Đốn Giáo nói như vậy.

Viên Giáo là như trong kinh Hoa Nghiêm đã nêu tỏ: *"Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại"*, đây là [giáo pháp] đã đạt tới tột cùng. Vì trong các giáo trước, dẫu nói đến Đốn Giáo, nói thật ra, vẫn có phân biệt, chấp trước. Vì sao thấy được [điều ấy]? Nếu chẳng có phân biệt, chấp trước, đương nhiên hết thảy vạn pháp viên dung. Những giáo trước vẫn chưa thể viên dung, còn có tầng cấp cao thấp. Hễ có tầng cấp cao, thấp, cạn, sâu khác nhau, những điều ấy chẳng do phân biệt, chấp trước mà có, thì chúng sẽ do đâu mà có? Vì thế, chúng vẫn sanh khởi từ phân biệt, chấp trước. Xác thực là Viên Giáo đã lìa hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, gọi là *"vạn pháp viên dung, đây kia chẳng trở ngại lẫn nhau"*. Kinh Hoa Nghiêm nói tới sự viên dung trọn khắp, Sự Sự vô ngại, một chính là hết thảy, hết thảy chính là một. Cái Một ấy chính là bất cứ một

pháp nào, chẳng phải là đặc biệt chỉ một pháp nào. Bất cứ pháp nào cũng đều viên mãn trọn đủ hết thảy các pháp, đấy mới là cảnh giới đại viên mãn của Hoa Nghiêm. Ở đây, những điều này chẳng nói cặn kẽ. Vì sao chẳng nói cặn kẽ? Trong đoạn văn này có nói:

***(Sao) Nhi Phật thuyết thử kinh, bổn vị hạ phàm chúng sanh, đản niệm Phật danh, kính đăng Bất Thoái, trực chí thành Phật, chánh thuộc Đốn Viên.***

**(鈔)而佛說此經，本為下凡眾生，但念佛名，徑登不退，直至成佛，正屬頓圓。**

*(**Sao**: Nhưng đức Phật nói kinh này, vốn vì chúng sanh hạ căn phàm phu, chỉ niệm danh hiệu Phật mà nhanh chóng tiến lên địa vị Bất Thoái, thẳng tiến đến thành Phật, vốn thuộc về Đốn Viên).*

Căn cứ lý luận và phương pháp tu học của bộ kinh A Di Đà này rốt cuộc thuộc loại nào trong năm giáo? Nó thuộc loại viên đốn; [nếu xét theo] tứ giáo của tông Thiên Thai, nó thuộc vào Viên Giáo. Nói cách khác, nhất định phải là người căn tánh viên đốn mới học pháp môn này, hết sức thích hợp. Có những vị học giả hết sức có hứng thú đối với Tánh Tông hoặc Tướng Tông, bỏ ra rất nhiều thời gian và tinh lực để nghiền ngẫm, nghiên cứu kinh điển. Đó là căn tánh gì? Đó là căn tánh Đại Thừa Thỉ Giáo hoặc Chung Giáo, hoặc nói theo tông Thiên Thai sẽ là căn tánh Biệt Giáo, hoặc là căn tánh Thông Giáo và Biệt Giáo. Có những người đầu óc đơn giản, sợ phiền phức, sợ suy nghĩ, ngại đọc kinh, nghe nói *"thật thà niệm Phật sẽ có thể vãng sanh"*, họ bèn khăng khăng một mực niệm câu A Di Đà Phật, hạng người ấy thuộc căn tánh viên đốn. Người căn tánh viên đốn có thành tựu cao hơn, nhanh hơn căn tánh Thông Giáo và Biệt Giáo. Những người đó nghiên cứu vài chục năm sợ là vẫn chẳng có kết luận gì, người viên đốn niệm Phật mấy năm bèn thật sự thành công, đã kết nối đường dây thông tin với A Di Đà Phật, nhanh lắm! Nhanh hơn bất cứ điều gì! Vì thế, có thể thật sự tin nhận, phụng hành pháp môn này, có thể buông xuống vạn duyên, quý vị chính là người có căn tánh viên đốn.

***(Sao) Hựu Nhị Thừa chủng bất sanh.***

**(鈔)又二乘種不生。**

*(**Sao**: Lại nữa, chủng tánh Nhị Thừa chẳng sanh [về Cực Lạc]).*

Chẳng phải là nói tới hàng Nhị Thừa, mà là nói người có chủng tánh Nhị Thừa. Chủng tánh Nhị Thừa là gì? Kẻ thích phân biệt, chấp trước bèn thuộc về chủng tánh Nhị Thừa. Người chủng tánh Nhị Thừa chỉ biết tự lợi, chẳng chịu lợi tha. Chủng tánh ấy không thể vãng sanh. Vì sao? Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều thuộc loại viên đốn Đại Thừa.

***(Sao) Cố lược tiền tam, bất phục phân ngũ, Thiên Thai tứ giáo lệ thử.***

**(鈔)故略前三，不復分五。天台四教例此。**

*(**Sao**: Vì thế, lược đi ba loại đầu, chẳng chia thành năm loại nữa. Đối với tứ giáo của tông Thiên Thai, phỏng theo lệ này).*

Tỉnh lược ba loại [nhất tâm bất loạn xét theo] ba giáo trước (Tiểu, Thỉ, Chung).

***(Sớ) Hựu thử Sự Lý nhị trì, Khởi Tín trung cụ hữu thử ý.***

**(疏)又此事理二持，起信中具有此意。**

*(**Sớ**: Lại nữa, đối với hai loại Sự trì và Lý trì được nói trong kinh này, trong Khởi Tín Luận có ý nghĩa này).*

Khởi Tín chính là Đại Thừa Khởi Tín Luận. Cuốn sách này chẳng dầy, nhưng rất nổi tiếng. Vì những điều được nói trong luận ấy chính là cơ sở của tám tông phái lớn trong Đại Thừa. Do đó, được gọi là Đại Thừa Khởi Tín Luận, tức là sách giáo khoa để nhập môn Đại Thừa. Do vậy có thể biết, đối với việc tu học Đại Thừa, bộ luận ấy khá quan trọng. Bộ luận này do Mã Minh Bồ Tát soạn. Trong Khởi Tín Luận, kinh văn chẳng nói rõ, nhưng có ý nghĩa ấy, có Sự trì và Lý trì. Chúng ta đọc tụng Đại Thừa Phật pháp, quý ở chỗ lãnh hội ý, nắm được ý nghĩa. Đó là điều đáng quý.

***(Sao) Luận vân: Chuyên niệm A Di Đà Phật, tức đắc vãng sanh giả, thử song hàm Sự Lý nhi ngôn dã.***

**(鈔)論云專念阿彌陀佛，即得往生者，此雙含事理而言也。**

*(**Sao**: Luận nói: "Chuyên niệm A Di Đà Phật bèn được vãng sanh", đấy chính là nói bao hàm cả Sự và Lý).*

Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát nói *"chuyên niệm A Di Đà Phật, tức đắc vãng sanh"* (chuyên niệm A Di Đà Phật bèn được vãng sanh). Câu này bảo là Sự trì cũng hợp lẽ, mà bảo là Lý trì cũng hợp lẽ. Hoàn toàn chẳng nói là Sự hay Lý, chỉ cần quý vị thật thà chuyên niệm, nhất định có thể vãng sanh; nhưng trong Luận cũng có nói:

***(Sao) Thứ vân nhược niệm bỉ Phật Chân Như Pháp Thân, hựu vân tuy niệm diệc vô năng niệm khả niệm, giai chỉ Lý nhất tâm dã.***

**(鈔)**次云若念彼佛真如法身，又云雖念亦無能念可念，皆指理一心也。

*(**Sao**: Kế đó nói: "Nếu niệm Chân Như Pháp Thân của đức Phật ấy", lại nói: "Tuy niệm mà cũng chẳng có năng niệm (chủ thể niệm) để có thể niệm", [những câu ấy] đều là nói về Lý nhất tâm).*

Hai câu ấy đều là nói theo kiểu Lý nhất tâm, chẳng phải là Sự nhất tâm. Một câu trong đoạn trước bao gồm Sự nhất tâm [lẫn Lý nhất tâm], hai câu sau [trong đoạn này] đích xác thuộc về Lý nhất tâm. Lý nhất tâm và Sự nhất tâm, xét theo mặt chữ chẳng có, nhưng xét theo ý nghĩa thì có. Đây là dùng Khởi Tín Luận để dẫn chứng: Xác thực là nhất tâm có hai loại!

***(Sớ) Hựu thử Sự Lý nhị trì, tức Hiển Mật nhị ý.***

**(疏)**又此事理二持，即顯密二意。

*(**Sớ**: Lại nữa, Sự trì và Lý trì chính là hai ý nghĩa Hiển và Mật).*

Thông thường, cuối kinh Di Đà chẳng kèm thêm chú Vãng Sanh. Cuối bộ Di Đà Kinh Sớ Sao, Liên Trì đại sư kèm thêm chú Vãng Sanh, cuối sách Yếu Giải không có. Dụng ý của Liên Trì đại sư là khiến cho chúng ta liễu giải: Ngài đã đem pháp môn Trì Danh Niệm Phật trong bộ kinh Di Đà này thông Tông, thông Giáo, thông Hiển, thông Mật. Pháp môn này đích xác là viên dung. Vì thế, mỗi đoạn chú sớ đều có phần Xứng Lý. Đoạn Xứng Lý ấy có cùng ý nghĩa với *"xứng tánh nhi thuyết"* (nói xứng tánh) trong Thiền Tông. Đó là chỗ rất đặc biệt trong bản chú giải của Ngài, mà cũng là điểm đặc sắc của Sớ Sao. Chúng ta đọc những bản chú giải thông thường khác, [sẽ thấy] chẳng có cách nói ấy, [còn trong bản chú giải này], mỗi câu, mỗi đoạn đều hội quy tự tánh. Đây là nói Sự và Lý chính là Hiển và Mật.

***(Sao) Tứ tự danh hiệu, toàn giai Phạn ngữ, đản niệm bất vong, dữ trì chú đồng, thị danh viết Mật.***

**(鈔)四字名號，全皆梵語，但念不忘，與持咒同，是名曰密。**

*(**Sao**: Bốn chữ danh hiệu toàn là tiếng Phạn, chỉ niệm chẳng quên, sẽ giống như trì chú, nên gọi là Mật).*

Niệm một câu Di Đà đến cùng, bất luận là bốn chữ hay sáu chữ, danh hiệu này xác thực là tiếng Phạn được phiên âm, là chú ngữ. Do vậy, thích học Mật thì một câu A Di Đà Phật là vô thượng chú. *"Đại thần chú, đại minh chú, vô thượng chú"* được nói trong Tâm Kinh, nói thật ra là một câu *"nam-mô A Di Đà Phật"*, hoàn toàn giống như mật chú. Công lực của tất cả hết thảy các thần chú trong Mật Tông đều chẳng thể sánh bằng công lực của danh hiệu. Quý vị đọc kỹ lưỡng ba kinh Tịnh Độ sẽ hiểu rõ điều này!

***(Sao) Thả niệm, thả tham, quán tâm, cứu lý, thị danh viết Hiển.***

**(鈔)且念且參，觀心究理，是名曰顯。**

*(**Sao**: Vừa niệm, vừa tham, quán tâm, tham cứu Lý, thì gọi là Hiển).*

Đối với chú, quyết định chẳng cầu hiểu nghĩa. Đối với chú ngữ mà nhất định muốn hiểu ý nghĩa là gì sẽ khó lắm! Chẳng gọi là mật chú nữa! Vì thế, chú chỉ có âm, chẳng có ý nghĩa. Chỉ cần phát âm cho chuẩn xác bèn có cảm ứng. Trong chú ngữ có rất nhiều danh hiệu quỷ thần; vì thế, Mật Tông có mối quan hệ qua lại với quỷ thần hết sức mật thiết! Chú ngữ phải được niệm với âm thanh chánh xác thì mới có thể triệu vời quỷ thần. Quý vị niệm chẳng chánh xác, họ nghe cũng chẳng hiểu, sẽ không đến. Chúng ta xem ghi chép trong truyện ký: Vào thời Đường, trong Mật Tông có những vị đại sư từ Ấn Độ đến, họ niệm chú xác thực là hô phong hoán vũ (gọi gió, kêu mưa), sai khiến quỷ thần, có thể sai phái quỷ thần làm việc. Hiện thời trong Đại Tạng kinh, chú hãy còn, nhưng chúng ta niệm chẳng linh. Chẳng có chú nào linh cả! Nguyên nhân là ở chỗ nào? Phát âm chẳng chuẩn xác! Do vậy, chú ngữ nhất định phải là khẩu truyền. Khẩu truyền thì hiện thời có rất nhiều vị Kim Cang Thượng Sư truyền dạy, cớ sao cũng chẳng linh? Khẩu truyền đã truyền qua hai ngàn năm, âm thanh đã bị biến đổi từ lâu. Vì thế, chẳng phải là chú

không linh, mà do âm thanh chẳng chuẩn xác, quỷ thần nghe chẳng hiểu! Nhưng trong một tình hình thì có thể giao tiếp cùng quỷ thần, tức là tâm địa thanh tịnh, hễ thành bèn linh nghiệm. Tuy ngôn ngữ nghe không hiểu, nhưng do tâm linh của người ấy có cảm ứng, hễ chân thành bèn linh nghiệm. Đó là một loại chú ngữ.

Còn có một loại chú ngữ nữa là một biện pháp hết sức cao minh của đức Thế Tôn dùng để chữa bệnh. Thân thể quý vị bị bệnh, Ngài dạy quý vị niệm chú, bệnh bèn lành. Chuyện này có thật hay không? Thật đấy, hết sức phù hợp đạo lý khoa học. Khoa học hiện thời vẫn chưa đạt tới cảnh giới này. Nói cách khác, đức Phật liễu giải quá rõ kết cấu thân thể con người, bộ vị nào bị bệnh. Nói thật ra, bệnh tật chính là do các vi huyết quản (capillary) bị tắc nghẽn, chẳng thông suốt, cho nên phát sanh bệnh tật. Vào thời cổ tại Trung Hoa, người ta dùng châm cứu để đả thông chỗ bế tắc ấy, huyết dịch tuần hoàn bình thường, thân thể bèn khỏe mạnh. Phật pháp cao minh hơn, dùng âm thanh để chấn động. Khi niệm chú ngữ rất chánh xác, âm thanh phát ra có thể chấn động bộ vị ấy, đả thông chỗ bế tắc. Chú ngữ chữa bệnh như vậy trong Đại Tạng Kinh rất nhiều, nay chúng ta niệm chú chẳng linh, nguyên nhân ở chỗ nào? Chúng ta phát âm chẳng chánh xác. Phát ra âm thanh nào sẽ chấn động bộ vị nào, điều này hết sức phù hợp khoa học. Điều hết sức đáng tiếc là đã thất truyền. Đúng là có Hiển, có Mật; ở đây là Hiển, trong khi chúng ta niệm Phật bèn có ngộ xứ.

*"Tham"* (參) ở đây cũng chẳng phải là nghiên cứu, hễ nghiên cứu thì sai mất rồi! *"Thả niệm, thả tham, quán tâm, cứu lý"* (Vừa niệm, vừa tham, quán tâm, xét lý), đấy là trong niệm Phật đã kèm thêm phương pháp của Thiền, chúng ta thường nói là Thiền Tịnh song tu. Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư dạy người tham Thiền: *"Có Thiền, có Tịnh Độ"*, tức là dùng phương pháp này. Niệm Phật mà trong mỗi niệm đều tham cứu *"người niệm Phật là ai?"* Đó là *"vừa niệm, vừa tham"*, chẳng thuộc về Mật, mà thuộc về Hiển. Thật thà niệm Phật, điều gì cũng không màng, suốt ngày từ sáng đến tối niệm A Di Đà Phật đến cùng. Đó là Mật, công phu ấy giống như Mật. Nếu trong ấy khởi lên nghi tình, phải tham cứu *"người niệm Phật là ai"*, bèn biến thành Thiền. Đương nhiên, Thiền, Giáo, Mật, Luật, Tịnh, tùy thuộc quý vị dùng phương pháp nào? Trong một câu danh hiệu này, thứ gì cũng đều trọn đủ. Nói cách khác, tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn đều ở trong một câu danh hiệu này; danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn!

***(Sao) Vi môn thiểu dị, quy nguyên tắc đồng.***

**(鈔)為門少異，歸元則同。**

*(**Sao**: Về phương diện thực hiện thì sai khác đôi chút, trở về nguồn thì giống nhau).*

*"Môn"* là nói đến *"môn kính"* (門徑: đường nẻo). Phương pháp có hơi chút sai khác, nhưng vãng sanh Tịnh Độ như nhau, đều là vãng sanh Tịnh Độ.

***(Sao) Hiển Mật viên thông, Sự Lý vô ngại.***

**(鈔)顯密圓通，事理無礙。**

*(**Sao**: Hiển Mật viên thông, Sự Lý vô ngại).*

Khai thị của đại sư có mục đích chủ yếu là không gì chẳng nhằm hiển thị pháp môn Niệm Phật xác thực là chẳng thể nghĩ bàn, khiến cho chúng ta thật sự nhận thức, liễu giải pháp môn này, khăng khăng một mực thọ trì, [ngõ hầu] trong một đời này có thể đạt được lợi ích chân thật, vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử, viên thành Phật đạo, thật sự làm được trong một đời này! Ngài nói nhiều như thế, đúng là buốt lòng rát miệng nhằm mục đích khiến cho quý vị tin tưởng, chớ nên hoài nghi, chớ nên xen tạp, thật thà niệm Phật, thế là được rồi, pháp môn này đã được nói trọn hết. Do quý vị không tin, chẳng chịu khăng khăng một mực [hành trì], vẫn cứ nghi thần nghi quỷ, suy Đông, nghĩ Tây, cho nên mới nói lắm lời lẽ dường ấy. [Nếu hành nhân] đã thật sự thật thà, cả một đống lớn lời lẽ này sẽ trở thành lời lẽ thừa thãi, vô ích, quyển sách này cũng gọi là giấy lộn! Vì thế phải hiểu mục tiêu và dụng ý của Ngài là ở nơi đâu!

***(Sớ) Hựu thử Sự Lý nhị trì, tuy thượng tường phân thắng liệt, hữu chuyên Sự giả, hữu chuyên Lý giả, cơ diệc hỗ thông, bất tất nghi trở.***

**(疏)又此事理二持，雖上詳分勝劣，有專事者，有專理者，機亦互通，不必疑阻。**

*(**Sớ**: Lại nữa, đối với Sự trì và Lý trì ở đây, tuy trong phần trên đã phân tích tường tận sự hơn kém, có người chuyên Sự trì, có kẻ chuyên Lý trì, nhưng căn cơ dung thông lẫn nhau, chớ nên trở ngại, ngờ vực lẫn nhau).*

Điều này rất quan trọng, thường phát sanh trong cuộc sống hằng ngày, hoặc là chính mình có những chuyện ấy, hoặc là những đồng tham đạo hữu quanh ta nẩy sanh chuyện này nọ. Vì thế, nhất định phải nhận thức rõ ràng: Trong Niệm Phật, phương pháp và lý luận tương đồng, nhưng căn tánh của hết thảy chúng sanh chẳng giống nhau, chúng ta phải quan tâm điều này. Ta dùng phương pháp này chưa chắc đã thích hợp cho người khác, phương pháp do người khác sử dụng chưa chắc đã thích hợp với ta. Nay chúng ta thường nói tới chuyện cộng tu, đặc biệt là Phật Thất, đôi bên phải nhường nhịn lẫn nhau, đôi bên phải nhượng bộ lẫn nhau. Nếu chẳng nhượng bộ, đạo tràng sẽ rối loạn. Công phu thật sự đắc lực là một người niệm, chẳng bị bất cứ ai quấy nhiễu, niệm đến mức hoan hỷ, niệm đến mức tâm thanh tịnh, công phu bèn đắc lực. *"Có người chuyên Sự", "có kẻ chuyên Lý"* là nói phân biệt tổng quát hai loại căn tánh bất đồng. Người chuyên Sự niệm chẳng cần phải đòi hỏi người chuyên Lý [niệm Phật] giống hệt như mình; người chuyên Lý niệm cũng chẳng cần phải buộc kẻ chuyên Sự niệm giống như ta. Chớ nên miễn cưỡng kẻ khác, chỉ cốt sao công phu đắc lực. Biểu hiện của đắc lực là tâm thanh tịnh, niệm rất hoan hỷ bèn đắc lực. Niệm chẳng hoan hỷ, niệm rất đau khổ, sẽ chẳng đắc lực, vậy thì ắt cần phải sửa đổi thêm, luôn luôn là phải niệm rất hoan hỷ. Niềm hoan hỷ ấy nhất định phải được hiển lộ trong cuộc sống hằng ngày, cuộc đời quý vị hạnh phúc, sung sướng, khiến cho người khác hâm mộ quý vị. Trong xã hội hiện tại, mọi người đều sống rất khổ sở. Cớ sao quý vị sống sung sướng dường ấy? Vì thế, quý vị niệm Phật tốt đẹp, tự nhiên sẽ ảnh hưởng người khác. Người ta thấy quý vị sung sướng dường ấy, liền hỏi han: "Vì sao quý vị vui sướng ngần ấy?" Quý vị có thể bảo họ: "Tôi niệm A Di Đà Phật", truyền bá pháp môn này cho người khác, họ sẽ học tập theo. Nếu quý vị học Phật mà học rất đau khổ, nói cách khác, quý vị gây phản tác dụng. Người khác thoạt trông thấy, [sẽ tự nhủ]: "Ngàn muôn phần chớ nên học Phật, ngươi thấy học Phật sẽ lâm vào tình trạng như thế đó!" Như vậy là quý vị đã tạo tội nghiệp to tát, đã đoạn mất nhân duyên học Phật của chúng sanh. Vì thế, đoạn Sớ này cũng rất quan trọng, *"cơ diệc hỗ thông, bất tất nghi trở"* (căn cơ đều dung thông lẫn nhau, chớ nên trở ngại, ngờ vực lẫn nhau).

***(Sao) Thử khủng cẩn năng Sự niệm giả, tự nghi Lý tánh bất minh, sở vi vô ích, cố ngôn Sự đắc thông Lý, dĩ quyết kỳ nghi.***

**(鈔)此恐僅能事念者，自疑理性不明，所為無益，故言事得通理，以決其疑。**

*(**Sao**: Đây là sợ kẻ chỉ có thể hành Sự niệm, tự ngờ vực chính mình chẳng thông hiểu Lý tánh, làm chuyện vô ích, cho nên nói "hễ đã đạt được Sự bèn thông hiểu Lý" để giải quyết nỗi nghi ấy).*

Nếu chúng ta chẳng thể hiểu rõ pháp môn này, hoặc tuy hiểu nhưng chẳng thấu triệt, sẽ có nghi vấn, mà Nghi là một chướng ngại rất lớn. Do vậy, chúng tôi thường nói: *"Bí quyết niệm Phật là chẳng hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn"*. Đó là bí quyết tu học. Có những kẻ thiện căn và phước đức hết sức sâu dầy, chẳng hiểu Lý, tuy không hiểu cũng chẳng cần hiểu, cũng chẳng mong nghiên cứu, cũng chẳng mong hiểu rõ, một mực thật thà niệm mãi câu Phật hiệu, đó là Sự trì. Thường là hạng người như vậy thành tựu hết sức nhanh chóng, những kẻ thông minh tài trí bình phàm chẳng thể sánh bằng! Bọn người thế gian chúng ta ngỡ những người ấy là ngu si, hạ hạ căn, trọn chẳng biết thành tựu của thượng thượng căn và hạ hạ căn là bình đẳng, chẳng khác gì nhau!

Đáng sợ nhất là e rằng chúng ta thường hoài nghi: "Ta niệm Phật mà vẫn chưa thể thấu triệt giáo lý trong ba kinh hoặc năm kinh [Tịnh Độ], vãng sanh có gặp vấn đề gì hay chăng?" [Nghi như vậy] thì vãng sanh sẽ thật sự có vấn đề. Vấn đề ở đâu ra? Do quý vị có hoài nghi, nên trở thành vấn đề. Chẳng hoài nghi, không có vấn đề gì. Hễ hoài nghi, bèn có vấn đề. Nghi thì làm như thế nào? Ắt cần phải đoạn trừ! Vậy thì phải thâm nhập kinh tạng. Kinh tạng có tác dụng giúp chúng ta phá mê, sanh khởi tín tâm. Nếu chẳng hoài nghi tí nào, nói thật thà, chẳng cần nghe kinh, chẳng cần đọc kinh, chẳng cần phải chuốc lấy những nỗi phiền phức ấy. Do vì cái tâm chưa thể buông xuống được, nên hằng ngày mới phải làm chuyện ấy. Do vậy, phải giải quyết mối nghi thì mới có thể sanh lòng tin.

***(Sao) Đại Thế Chí Viên Thông Chương vân: "Bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai".***

**(鈔)大勢至圓通章云：不假方便，自得心開。**

*(**Sao**: Đại Thế Chí Viên Thông Chương có nói: "Chẳng cậy vào phương tiện, mà tự được tâm khai").*

Trích dẫn hai câu khai thị rất trọng yếu trong chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm. *"Giả"* (假) là nhờ cậy, [*"bất giả phương tiện"*] là chẳng cần nhờ vào bất cứ phương pháp [nào khác]. Phương pháp tham cứu của Thiền Tông hay phương pháp thâm nhập nghiên cứu, tìm tòi của Giáo Hạ đều chẳng cần thiết, cứ một câu A Di Đà Phật niệm đến cùng. Bồ Tát nói rất minh bạch: *"Ức Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật"* (Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật), *"hiện tiền"* (現前) là thấy Phật trong hiện tại, *"đương lai"* (當來) là sẽ thấy Phật sau khi vãng sanh, nhất định trông thấy! Giọng điệu hết sức khẳng định, chẳng có mảy may hoài nghi nào! *"Hiện tiền thấy"* là thấy trong hiện tại. Thấy Phật trong hiện tại thì có hiện tiền kiến, có trường hợp thấy trong Định, có khi thấy trong mộng, đều thuộc loại "thấy trong hiện tiền" (hiện tiền kiến). Chuyện như vậy xưa nay rất nhiều, chúng ta chẳng thấy, chẳng phải là Phật không ở trước mặt! Chỉ cần chúng ta niệm A Di Đà Phật, A Di Đà Phật ở ngay trước mặt. Ở ngay trước mặt, cớ sao quý vị chẳng thấy? Là vì quý vị có nghiệp chướng. Tiêu trừ nghiệp chướng, quý vị sẽ thấy. Vì thế, người niệm Phật tiêu trừ nghiệp chướng, trong mộng bèn thấy Phật, mộng thấy Phật giảng kinh, thuyết pháp, mộng thấy Phật xoa đỉnh đầu thọ ký. Công phu sâu hơn một chút, nghiệp chướng lại tiêu trừ nhiều hơn một chút; trong khi niệm Phật chúng ta chỉ tĩnh, sẽ thấy Phật trong Định. Nghiệp chướng càng nhẹ, công phu càng đắc lực, mở mắt thấy Phật ở ngay trước mặt, những điều này đều là cảm ứng! Ở đây, ta ắt phải hiểu: Phật, Bồ Tát cảm ứng, thời gian rất ngắn ngủi, mấy giây, đó là thật. Sau đó, chẳng còn thấy nữa! Quý vị đừng hoài nghi: "Đã lâu rồi sao chẳng thấy, có lẽ là ta đã thoái tâm". [Nghi ngờ như vậy] là sai mất rồi! Nếu quý vị thường trông thấy, thời gian lại rất dài, đó là ma biến hiện, chẳng thật! Từ truyện ký, chúng ta thấy Tịnh Tông Sơ Tổ Huệ Viễn đại sư trong một đời từng ba lượt ở trong Định thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới, Ngài thấy tình hình bên ấy hoàn toàn giống hệt như trong kinh đã dạy. Suốt một đời chỉ thấy ba lượt, chẳng phải là một tháng thấy ba lần! Mỗi ngày thấy ba lần, phiền phức to lớn. Sau khi đã thấy, phải biết "thấy mà như chẳng thấy", đó là cảnh giới tốt đẹp, kinh Lăng Nghiêm dạy như vậy đó, [như vậy sẽ là] cảnh giới tốt đẹp. Sau khi đã thấy, quý vị bèn dấy lên phân biệt, chấp trước, sẽ đọa trong ma cảnh. Chúng ta niệm Phật, vì sao Phật chẳng hiện tiền? Đừng nói là trong Định, ngay cả trong mộng cũng chẳng thấy, công lực của chúng ta chẳng đủ! Vừa thấy

Phật, tâm chúng ta rối loạn, như thế nào? Vừa hoan hỷ, vừa cao hứng, Định mất tiêu! Chẳng dễ gì đắc Định đôi chút, Phật vừa hiện đến, quý vị ngay lập tức phá sạch công phu! Đáng tiếc quá! Phật hiểu rất rõ, chẳng hiện đến, chẳng phá hoại, chẳng nhiễu loạn quý vị. Đến khi nào quý vị đã có công phu định lực kha khá, thấy Phật mà chẳng động tâm, Phật bèn hiện thân một lần để chứng minh cho quý vị, nhằm tăng cường tín nguyện cho quý vị, có ý nghĩa như thế đó. Do vậy, phải nên phân biệt ma và Phật, phải biết phân biệt!

Phải ghi nhớ, phải chú tâm lãnh hội hai câu ấy. Tâm chúng ta đã định, chẳng cần cậy vào bất cứ pháp môn hay phương pháp nào để giúp đỡ, một câu danh hiệu cứ niệm đến cùng. Đó là phương pháp của Đại Thế Chí Bồ Tát, từ sơ phát tâm mãi cho đến khi thành Phật, chỉ là một câu A Di Đà Phật, những điều khác đều chẳng biết, có biết cũng chẳng nói tới! Nếu quý vị hỏi: Vì sao chẳng nói? Nói ra đều là lời lẽ thừa thãi, nói để làm gì? Do vậy, quý vị sẽ thật sự hiểu rõ, mới hiểu những điều do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm toàn là lời lẽ thừa thãi, cả một bộ Đại Tạng Kinh là rác rưởi, đấy là nói thật với quý vị! [Tất cả kinh điển] thảy đều nhằm dạy quý vị nhận biết A Di Đà Phật. Do quý vị chẳng nhận biết A Di Đà Phật, cho nên mới thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm. Đã thật sự hiểu rõ, khẳng định, lời lẽ nào cũng chẳng cần phải nói nữa! Vì sao? Vài hôm sau, quý vị đã thấy A Di Đà Phật, đã thành Phật. Kinh Di Đà nói *"hoặc một ngày, hoặc hai ngày"* cho đến bảy ngày, quý vị bèn thành công, còn cần phải nói năng chi nữa? Bảy ngày thành công là thật, chẳng giả! Từ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, chúng ta đã thấy: Niệm Phật ba ngày bèn thành tựu, niệm năm ngày, sáu ngày bèn thành tựu, đều có! Do vậy có thể biết: Ngàn kinh vạn luận, không gì chẳng nhằm khuyên quý vị hãy thật thà niệm Phật.

***(Sao) Không Cốc vân: "Bất tham niệm Phật thị thùy, trực nhĩ thuần nhất niệm khứ, diệc hữu ngộ nhật", thị dã.***

**(鈔)空谷云：不參念佛是誰，直爾純一念去，亦有悟日，是也。**

*(**Sao**: Ngài Không Cốc[73] nói: "Chẳng tham cứu người niệm Phật là ai, cứ thẳng thừng thuần nhất niệm miết, cũng sẽ có ngày khai ngộ" là nói về ý này).*

---

[73] Thiền sư Không Cốc Cảnh Long, húy Cảnh Long, tự Tổ Đình, hiệu Không Cốc, họ

*"Ngộ"* là khai ngộ, *"ngộ nhật"* (悟日) là có ngày khai ngộ. Đây là một vị đại đức trong Thiền Tông, sống vào đời Minh, cùng thời đại với Liên Trì đại sư, cũng là bậc cao tăng trong Thiền Tông thuở ấy. Ngài từng khuyên người ta hãy thật thà niệm Phật, chẳng cần tham cứu, chẳng cần *"tham cứu người niệm Phật là ai"*, cứ một câu A Di Đà Phật, *"thuần nhất niệm khứ"* (thuần nhất niệm miết), *"thuần nhất"* là thật thà. Tham Thiền nhằm mục đích cầu khai ngộ. Quý vị cứ thật thà niệm câu Phật hiệu, cũng có ngày khai ngộ. Lời lẽ này do bậc đại đức trong Thiền Tông nói ra, Liên Trì đại sư đã trích dẫn ở đây.

***(Sao) Hựu khủng duy cần Lý niệm giả, tự nghi xưng Phật danh thiểu, hoặc trí lạc không, cố ngôn Lý đắc thông Sự, dĩ quyết kỳ nghi.***

**(鈔)又恐唯勤理念者，自疑稱佛名少，或致落空，故言理得通事，以決其疑。**

*(**Sao**: Lại chỉ sợ kẻ chỉ siêng năng Lý niệm, tự nghi do ít xưng danh hiệu Phật, chắc có lẽ sẽ xôi hỏng bỏng không, nên nói "hễ đắc Lý sẽ thông hiểu Sự" nhằm giải quyết mối nghi ấy).*

Nghi vấn giống nhau, nhưng căn nguyên của nghi vấn khác nhau. Người trước thì chuyên môn hành nơi Sự, hành Sự niệm mà chẳng hiểu Lý; ở đây là Lý niệm, trong ấy thiếu sót Sự, hai đằng khác nhau. Do thiếu khuyết Sự niệm, có lẽ sẽ hoài nghi chính mình niệm Phật quá ít, chỉ sợ vãng sanh sẽ bị *"lạc không"* (chẳng đạt được kết quả gì). Nói thật ra, vấn đề là ở chỗ quý vị có niệm hay không, chẳng do Sự trì hay Lý trì. Sự trì là hành nơi sự tướng, một câu A Di Đà Phật từ tâm sanh khởi, từ miệng niệm ra, nghe lọt vào tai, đó là Sự. Lý niệm thì khác. Trong phần trước, chúng ta đã thấy, ở đây lại thấy: Chính là hoàn toàn thông đạt, hiểu rõ cảnh giới Tây Phương, chẳng có mảy may hoài nghi nào, nhưng có niệm Phật hay chăng? Chẳng niệm. Có nguyện vọng cầu sanh hay

---

ngoài đời là Trần, quê ở Nguyên Sơn, Động Đình, Cô Tô. Từ bé, Sư đã ăn chay, thích ngồi xếp bằng tĩnh tọa. Về sau, Sư y chỉ hòa thượng Bạch Liên Lãn Vân để học Thiền. Tuy chưa xuất gia, Ngài đã thông đạt thâm sâu lẽ Thiền. Sau đó, Ngài xuất gia tại núi Hổ Khâu. Về sau, Sư thọ đại giới tại chùa Chiêu Khánh, Hàng Châu, chuyên tu Thiền. Sau đó, có ngộ, trình lên ngài Lãn Vân, được ấn khả, được phó pháp đời thứ hai mươi bốn của tông Lâm Tế. Sư có trước tác bộ Không Cốc Tập gồm ba mươi quyển.

chăng? Có! Đấy là như Ngẫu Ích đại sư đã nói: *"Có thể vãng sanh hay không được quyết định bởi có tín nguyện hay không?"* Quý vị có lòng tin thật sự, có nguyện thiết tha, niệm Phật dẫu ít, quyết định được vãng sanh. Sanh về thế giới Tây Phương, *"phẩm vị cao hay thấp là do công phu trì danh sâu hay cạn"*. Nay ta chẳng trì danh, niệm Phật rất ít, tổ sư chẳng nói niệm Phật nhiều hay ít, mà nói là công phu sâu hay cạn. Nói cách khác, công phu Lý niệm có cạn hay sâu, công phu Sự niệm cũng có cạn hay sâu, phẩm vị cao hay thấp được quyết định bởi công phu sâu hay cạn, chẳng phải do Sự trì nhiều hay ít. Hiểu đạo lý này, chúng ta sẽ an lòng. Tuy niệm Phật ít một chút, hoặc là kẻ bận rộn suốt ngày, pháp sư Từ Vân Quán Đảnh đã dạy pháp Sáng Tối Mười Niệm. Đó là tối thiểu. Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư có nói: Nếu suốt đời chẳng thiếu mười niệm ấy, cũng phù hợp *"một mực chuyên niệm"* như kinh Vô Lượng Thọ đã nói. Vì cho đến lúc ấy, những gì người ấy nghĩ đều phù hợp với *"một mực chuyên niệm"*. Có thể thấy là chân tín, nguyện thiết, niệm danh hiệu Phật ít ỏi vẫn có thể vãng sanh; công phu thật sự đắc lực, phẩm vị cũng chẳng thấp. Hai đoạn văn này đều nhằm bài trừ nỗi nghi hoặc và kiên định tín nguyện của chúng ta.

Tôi dạy mọi người pháp Thập Niệm, hiệu quả còn to hơn cách Sáng Tối Mười Niệm của pháp sư Quán Đảnh, chư vị phải nghiêm túc học, phải vận dụng trong cuộc sống. Nếu quý vị có khóa tụng sáng tối, vẫn có thể tu pháp Thập Niệm này, chẳng mâu thuẫn với khóa tụng của quý vị. Quý vị công việc hết sức bận rộn, về căn bản là chẳng có thời gian để niệm khóa sáng tối, hãy dùng pháp Thập Niệm này, quyết định thành công. Pháp Thập Niệm này là mười câu Phật hiệu, quý vị niệm bốn chữ cũng được, mà niệm sáu chữ cũng được, tùy thuộc thói quen của chính mình. Liên Trì đại sư nói rất hay, nếu quyết tâm mong cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới trong một đời này, chúng ta có thể gạt bỏ lời lẽ khách sáo. Lời lẽ khách sáo là hai chữ Nam-mô. Nam-mô có nghĩa là "quy y", nghĩa là "cung kính", hoặc nghĩa là "lễ kính". Danh hiệu là bốn chữ A Di Đà Phật, kinh dạy chúng ta chấp trì danh hiệu; danh hiệu là bốn chữ. Vì thế, có thể niệm bốn chữ. Bất quá thời gian khóa tụng của chúng ta rất ngắn, chỉ cần thời gian một phút; vì thế, thêm vào chữ Nam-mô cũng hết sức hay, do thời gian ngắn ngủi mà! Nam-mô A Di Đà Phật, Nam-mô A Di Đà Phật, niệm mười câu. Mười câu ấy chính là *"tịnh niệm nối tiếp"* như Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói. Vì khi chúng ta niệm mười câu ấy, hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước

thảy đều buông xuống, tâm địa thật sự thanh tịnh. Dùng cái tâm thanh tịnh niệm mười câu, một thời khóa của chúng ta đã viên mãn. Nếu quý vị hỏi: Có cần phải hồi hướng hay chăng ư? Chẳng cần! Vì sao? Ta niệm câu *"Nam-mô A Di Đà Phật"* nhằm cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, những câu ấy đều là hồi hướng. Vì thế, pháp môn này được gọi là *"pháp môn chẳng hồi hướng"*. Ta niệm Phật với mục đích mong thấy A Di Đà Phật, mong được vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ. Pháp Thập Niệm này mỗi ngày phải làm chín lần, mỗi lần chỉ tốn một phút, quyết định chẳng trở ngại công việc của quý vị. Sáng sớm thức dậy niệm một lần, khi ăn điểm tâm làm một lần. Thông thường, khi chúng ta dùng cơm bèn niệm chú Cúng Dường: *"Cúng dường Phật, cúng dường Pháp, cúng dường Tăng, cúng dường hết thảy chúng sanh"* đều niệm theo kiểu ấy. Niệm kiểu ấy khá lắm! Nhưng nói thật ra, hiệu quả chẳng lớn. Vì sao? Miệng có, tâm không! Cho nên chẳng bằng dùng cái tâm thanh tịnh để niệm A Di Đà Phật, niệm mười câu rồi mới ăn cơm. Đó là thời khóa thứ hai. Buổi sáng đi làm, trước khi làm việc lại niệm một lần, là thời khóa thứ ba. Trước khi nghỉ trưa cũng niệm một lần, đó là thời khóa thứ tư. Khi ăn cơm trưa, niệm một lần, chính là thời khóa thứ năm. Buổi chiều vào làm tiếp, khi tan tầm, ăn cơm tối, trước khi ngủ [mỗi lúc niệm một lượt], đó là chín lượt công khóa trong một ngày. Chẳng thiếu lần nào, hiệu quả cũng rất to, có hiệu lực còn to hơn người thông thường dành hai ba tiếng đồng hồ để tụng niệm công khóa sáng tối, do nguyên nhân nào? Vì thời gian gián cách rất ngắn, cách một khoảng thời gian rất ngắn lại lập tức tu tập một lần.

Vì thời gian công khóa ngắn, số lượt nhiều, mỗi ngày làm chín lần, thời thời khắc khắc dùng cái tâm thanh tịnh để chấp trì danh hiệu, xác thực là đạt tới *"tịnh niệm nối tiếp"*, ở đây là mười niệm nối tiếp. Mười niệm, niệm nào cũng đều thanh tịnh, xác thực là *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm nối tiếp"*. Lũ phàm phu chúng ta nghiệp chướng rất nặng, thời gian niệm dài, sẽ bị xen tạp trong ấy, bèn còn có vọng tưởng, còn có vọng niệm. Trong một phút ấy, có thể giữ cho mười câu Phật hiệu chẳng có vọng tưởng, chẳng có tạp niệm, thì có thể giữ gìn được! Đừng nên thấy mười câu ấy quá ngắn ngủi, chúng là tịnh niệm nối tiếp, cho nên lợi ích hết sức to lớn. Chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, mười câu chẳng gián đoạn, mỗi ngày chín lần chẳng gián đoạn, phương pháp tu học này hết sức thích hợp với người hiện thời, ai nấy đều có thể tu.

***(Sao) Niệm niệm Lý nhất, thị niệm niệm Di Đà dã, kỳ vi xưng danh, bất diệc đại hồ?***

**(鈔)念念理一，是念念彌陀也，其為稱名，不亦大乎。**

*(**Sao**: Niệm nào cũng đều là Lý nhất tâm, tức là niệm nào cũng là Di Đà, đấy cũng chẳng phải là xưng danh to tát ư?)*

Lý niệm khó hơn! Chúng ta thường nói Lý niệm là *"niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm"*, đó là Lý niệm. Lý là tự tánh, là Chân Như bản tánh, niệm nào cũng tương ứng với tự tánh, thuộc loại Lý niệm, đó là *"niệm niệm Di Đà"*. Tôi vừa mới nói pháp Thập Niệm cùng mọi người, thời gian rất ngắn, nhưng muốn khiến cho Sự niệm tương ứng với Lý niệm, khá dễ dàng. Vì sao? Vì trong mười câu ấy, chẳng khởi một vọng niệm nào. Làm thế nào để có thể hợp nhất với Lý? Năng lẫn Sở đều quên mất là Lý. Quên mất Năng lẫn Sở chính là *"niệm mà vô niệm"*. *"Niệm"* là mười câu Phật hiệu của ta rành rẽ, từng chữ phân minh, đó là Niệm. Tuy niệm mười câu Phật hiệu, trong thời gian ngắn ngủi ấy, tam luân thể không, chẳng có phân biệt, chấp trước "ta là năng niệm", mà cũng chẳng có phân biệt, chấp trước "Phật hiệu được niệm", cho nên tương ứng với Lý, đó chính là *"vô niệm"*. Vô niệm: *"Vô"* là không chấp trước. Không chấp trước bèn chẳng có năng niệm, chẳng có sở niệm. Chẳng chấp trước năng niệm mà cũng chẳng chấp trước sở niệm, niệm và vô niệm là một, không hai. Niệm và vô niệm là hai thì sẽ chẳng tương ứng, vẫn là Sự niệm. Niệm và vô niệm hợp thành một, sẽ là Lý. Chúng ta có cần phải học hay chăng? Chẳng cần học! Cố ý học, quý vị đã thuộc vào trong phân biệt, chấp trước, đã có dụng tâm. Khi niệm đến mức công phu thuần thục, tự nhiên nhập cảnh giới này, đó là Lý niệm. Tuy niệm Phật hiệu chẳng nhiều, xác thực là *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm nối tiếp"*, công phu ấy rất sâu. Nói cách khác, phẩm vị vãng sanh cũng rất cao! Chúng ta đọc kỹ kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật sẽ hiểu rõ điều này. Phẩm vị vãng sanh cao, thời gian thành Phật rút ngắn. Thượng phẩm hạ sanh, trong ba tiểu kiếp ở thế giới Tây Phương sẽ thành tựu; hạ phẩm hạ sanh là thấp nhất, mười hai đại kiếp cũng thành tựu. Chẳng như trong kinh, đức Phật nói tu hành trong thế giới Sa Bà hoặc trong các thế giới phương khác của chư Phật, cứ hở ra là nói "ba đại A-tăng-kỳ kiếp", hoặc vô lượng kiếp, thời gian được nêu ra đúng là quá dài. Thời gian lâu nhất trong thế giới Tây Phương là mười hai đại kiếp; ngắn nhất là thượng

phẩm thượng sanh, sanh về nơi ấy, hoa nở, thấy Phật, đã thành tựu. Đó là sự thù thắng của thế giới Tây Phương. Chúng ta hãy ghi nhớ, điều khẩn yếu là *"công phu sâu hay cạn"*, sâu hay cạn là nhìn từ chỗ nào? Nhìn từ tâm địa thanh tịnh. Tâm chúng ta mỗi năm một thanh tịnh hơn, năm nay so với năm trước, xác thực là thanh tịnh hơn năm trước; đó là công phu có tiến bộ. Tháng này so với tháng trước, cảm thấy thanh tịnh hơn tháng trước. So sánh từng tháng, công phu của quý vị tiến bộ hết sức rõ rệt, nhất định là phẩm vị vãng sanh rất cao! Nhìn từ chỗ ấy, tự mình biết, chẳng cần hỏi ai khác! Hỏi người khác, nói thật thà, người hiện thời bợ đỡ nhiều lắm, người nói lời thật với quý vị ít lắm! Vì sao? Nói lời thật, quý vị bực mình; nói ve vuốt quý vị, quý vị khoái chí! [Họ nói lấy lòng]: "Quý vị tốt lắm! Quý vị rất có tiến bộ!" Nghe xong bèn mê hoặc, điên đảo; tưởng chính mình thật sự có tiến bộ, thật sự khá lắm! Điều này chẳng cần phải hỏi ai khác, chính mình hiểu rõ ràng, rành rẽ! Do đó, tổ sư kết luận:

***(Sao) Thị cố nhiếp tâm, thể tâm, lưỡng chủng niệm Phật, Sự Lý hỗ thông, bổn bất nhị cố.***

**(鈔)是故攝心體心，兩種念佛，事理互通，本不二故。**

*(**Sao**: Vì thế, nhiếp tâm và thấu hiểu cái tâm, hai loại niệm Phật, Sự Lý dung thông, vốn là chẳng hai).*

Khi Sự niệm mà niệm đến mức thành thục sẽ biến thành Lý niệm. Trong Lý niệm cũng kiêm Sự niệm, trong Lý có Sự, trong Sự có Lý, chúng có thể dung thông. Vì thế, chẳng cần phải hoài nghi.

***(Sớ) Hựu thử Sự Lý nhị trì, hoặc tiệm tấn, hoặc đốn nhập, diệc tùy cơ bất định.***

**(疏)又此事理二持，或漸進，或頓入，亦隨機不定。**

*(**Sớ**: Lại nữa, Sự trì và Lý trì, hoặc là tiến từ từ, hoặc tiến nhập ngay lập tức, cũng tùy thuộc căn cơ, chẳng nhất định).*

Cổ nhân nói *"con người quý ở chỗ tự biết"*. Một người quý nhất là tự biết mình, biết căn tánh và trình độ của chính mình. Có thể tự biết, chúng ta chọn lựa pháp môn nhất định được lợi ích. Đối với các thứ tông phái trong Phật môn, hễ chúng ta học lan man đôi chút, hãy phản tỉnh

cặn kẽ xem có thích hợp với chính mình hay không? Trong Giáo Hạ, tông Thiên Thai [đòi hỏi] phải học thuộc ba bộ kinh sách lớn (Pháp Hoa Huyền Nghĩa, Pháp Hoa Văn Cú và Ma Ha Chỉ Quán); tông Hiền Thủ phải thuộc lòng kinh Hoa Nghiêm, chúng ta có năng lực ấy hay không? Hãy suy ngẫm! Phân lượng [những kinh sách ấy] quá nhiều; nay để đọc sách, thuộc sách thì đã quá tuổi rồi, khó lắm! Những môn ấy khó khăn! Thiền Tông, đừng nói là khai ngộ, chúng ta ngồi xếp bằng, chẳng nhập Định được! Còn có thể khai ngộ hay chăng? Chẳng đắc Định. Ngồi xếp bằng tại đó, vẫn là suy nghĩ loạn xạ, vẫn dấy vọng tưởng. Nói cách khác, hành môn này cũng chẳng hành suông sẻ được! Trong Mật có khá nhiều chú ngữ, dẫu gặp thiện tri thức thật sự, chú ngữ rất nhiều, nghi quỹ rất nhiều, hãy nhìn lại hoàn cảnh sống của chính mình, có năng lực để tu học hay không? Chẳng có năng lực, sẽ chẳng thể thành công. Nhìn lại Tịnh Độ, pháp môn Tịnh Độ thật sự được chư Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức khen ngợi, gọi là *"đạo dễ hành"*! Một câu Phật hiệu đúng là quá đơn giản, quá dễ dàng. Chúng ta công việc rất bận bịu, tôi vừa mới dạy quý vị pháp Thập Niệm, quyết định chẳng trở ngại công việc. Mỗi lần công khóa chỉ cần một phút, trở ngại công việc quý vị ở chỗ nào? Biết căn tánh của chính mình, bèn biết chọn lựa pháp môn hữu ích nhất cho chính mình. Chúng ta thực hiện thì nhất định phải tiến hành từ nơi sự tướng, chẳng cần phải học đòi người ta mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu. Có rất nhiều người nghe nói cổ đại đức mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, có vị mỗi ngày niệm mười mấy vạn câu Phật hiệu, trong tâm hâm mộ khôn cùng, một dạ mong học theo, chẳng bắt buộc phải như vậy! Những vị đó có hoàn cảnh khác hẳn, họ suốt ngày từ sáng đến tối chẳng phải làm gì! Họ chẳng phải làm việc, chẳng niệm Phật sẽ suy nghĩ loạn xạ! Bản thân quý vị suốt ngày từ sáng đến tối công việc hết sức bận rộn, đêm không ngủ để niệm Phật, niệm đến hôm sau mệt bở hơi tai, chuyện gì cũng đều chẳng làm được, sai mất rồi! Vì thế, người nhàn rỗi có phương pháp tu hành dành cho người nhàn rỗi, người bận rộn có cách tu hành dành cho người bận rộn, nhất định phải thích hợp hoàn cảnh cuộc sống của chúng ta. Như thế thì sẽ tốt đẹp, chớ nên miễn cưỡng, công phu mới có thể đắc lực.

Có *"tiệm tấn"* và có *"đốn nhập"*, tùy thuộc căn cơ, chẳng nhất định. Tiệm và Đốn có mối quan hệ rất lớn đối với căn tánh. Căn tánh chính là cơ sở tu học trong quá khứ. Tuy đời này được làm thân người, nghe Phật pháp, lại phải học từ đầu, quên sạch sành sanh những thứ

trong kiếp trước. Bất quá lợi căn và đốn căn đích xác là rất rạch ròi. Trong đời quá khứ, nếu vun bồi căn cơ chẳng sâu, một đời này sẽ tỏ ra rất chậm lụt. Đời đời kiếp kiếp trong quá khứ vun bồi căn cơ sâu dầy, nay sẽ cảm thấy căn cơ rất nhạy bén, vừa nghe bèn hiểu rõ, thông đạt, thuộc loại lợi căn. Do vậy, nhất định là phải tự mình biết căn tánh của chính mình, chẳng có một ai không thành công. Căn tánh độn chẳng sợ. Thật đấy! Thiền sư Không Cốc nói: *"Chỉ cần quý vị niệm một câu Phật hiệu đến cùng, quý vị sẽ có ngày khai ngộ"*. Tiêu nghiệp chướng chẳng có gì khác, chính là chuyên tâm, chuyên nhất [mà thôi]! Nghiệp chướng tiêu trừ. Tiêu trừ nghiệp chướng thì sợ nhất là làm quá nhiều, quá tạp, tâm chẳng thanh tịnh, nghiệp chướng sẽ chẳng tiêu được! Hễ *"nhất"*, tâm bèn thanh tịnh. Vì thế, *"nhất"* quá trọng yếu.

Trong Ảnh Trần Hồi Ức Lục, [pháp sư Đàm Hư có nhắc tới] vị sư trông coi đèn nến [trong chánh điện] đã đem phơi đèn cầy[74] chính là một người độn căn. Lão hòa thượng của vị ấy rất tinh tế, nhận biết người ấy thật thà, người thật thà thì có thể dạy được! Ngài dạy vị sư ấy chẳng cần làm gì cả, hãy đến chùa Dục Vương lạy xá-lợi. Nơi ấy có thờ xá-lợi của Thích Ca Mâu Ni Phật, mỗi ngày lạy ba ngàn lạy. Vị sư ấy thật thà! Lễ bái chẳng thiếu sót, mỗi ngày lễ ba ngàn lạy. Lạy suốt ba năm, vị ấy khai ngộ, người thật thà có thể khai ngộ. Đối với người đồ đệ làm thợ vá nồi của pháp sư Đế Nhàn, Sư dạy ông ta hãy niệm một câu Nam-mô A Di Đà Phật, hãy thật thà niệm. Lão nhân gia bèn thật thà niệm. Niệm ba năm, đứng vãng sanh, quý vị thấy có lỗi lạc hay chăng? Phiền phức nhất là bọn người chúng ta, người xưa chê [chúng ta] là "hạng người dở dở ương ương", thượng không ra thượng, hạ chẳng thành hạ, loại người khó tu hành nhất. Thích Ca Mâu Ni Phật rát miệng buốt lòng thuyết pháp bốn mươi chín năm chính là vì lũ người chúng ta. Còn như người thật thà thì có cần phải đổ công tốn sức [dạy bảo nhọc nhằn] như thế hay chăng? Do mấy câu bèn giải quyết vấn đề, người ấy bèn thành công. Chúng ta là lũ người phiền toái nhất, là bọn người khiến Thích Ca Mâu Ni Phật đau đầu nhất, nhưng Ngài vẫn phải hóa độ. Hôm nay chúng tôi nói tới chỗ này!

---

[74] Vị này quá thật thà đến nỗi ngốc nghếch. Tại miền Bắc Trung Hoa, khi chuyển từ mùa Đông sang mùa Xuân, hoặc từ Xuân sang Hạ, đồ đạc dễ bị ẩm mốc; do đó người ta thường đem mền, đệm, quần áo, màn cửa ra phơi nắng cho khỏi bị mốc. Có người đùa bỡn bảo Sư: "Nến không phơi cũng bị mốc". Sư tưởng thật, đem nến ra phơi, sáp bị chảy hết, chỉ còn tim đèn!

***Tập 246***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm bảy mươi chín:

***(Sao) Tiệm tấn giả, căn sảo độn nhân, tiên cần Sự trì, hậu tiệm cứu Lý. Nhược căn tánh đại lợi, kính tựu Lý trì, cố danh "đốn nhập", tác dụng tiểu thù, cập kỳ thành công, nhất dã.***

**(鈔)漸進者，根稍鈍人，先勤事持，後漸究理；若根性大利，徑就理持，故名頓入；作用小殊，及其成功，一也。**

*(**Sao**: Tiệm tấn là người căn tánh hơi độn, trước hết bèn siêng năng Sự trì, sau đó dần dần tham cứu Lý. Nếu là căn tánh rất bén nhạy, sẽ nhanh chóng hành theo Lý trì, nên gọi là "đốn nhập". Tác dụng khác biệt đôi chút, nhưng xét đến sự thành công thì là một).*

Chúng ta phải hiểu rõ ràng, minh bạch đạo lý và sự thật này; sau đấy, chúng ta niệm Phật thì tâm mới có thể định được. Ở đây, đại sư đã nói rất rõ ràng, bất luận là Sự trì hay Lý trì, căn tánh của chính mình nhạy bén hay chậm lụt khác nhau, nhưng sau khi đã niệm đến mức công phu thuần thục, hiệu quả như nhau. *"Tiệm tấn"* (漸進: tiến từ từ) là tùy thuận căn tánh của chính mình. Nếu chẳng phải là kẻ thượng thượng lợi căn, chúng ta tu tập theo đường lối Sự trì. Sự trì cũng do kinh dạy, chúng ta tin sâu xa từ phương Tây của thế giới Sa Bà qua khỏi mười vạn ức cõi Phật, xác thực là có thế giới Cực Lạc. Trong thế giới Cực Lạc, xác thực là có A Di Đà Phật. *"Hữu Phật hiệu A Di Đà, kim hiện tại thuyết pháp"* (Có Phật hiệu A Di Đà, nay đang thuyết pháp). Tín nguyện trì danh, một câu danh hiệu niệm đến cùng, đó là Sự trì. Đến khi nào chúng ta mới từ Sự trì tiến nhập Lý trì? Chẳng cần lo lắng chuyện này, cũng chẳng cần phải hỏi tới, ngày nào niệm đến Lý nhất tâm, khi ấy, quý vị niệm câu A Di Đà Phật sẽ từ Sự trì biến thành Lý trí. Vì sao? Lý nhất tâm sẽ kiến tánh. Lý là kiến tánh; chẳng kiến tánh, sẽ chẳng gọi là Lý trì. Bất luận Sự trì hay Lý trì, cảnh giới nơi Sự nhất tâm bất loạn đều gọi là Sự trì. Sau khi đã kiến tánh, bất luận là Lý trì hay Sự trì, đều gọi là Lý trì. Do vậy, tuy tác dụng chẳng giống nhau, phương pháp tu học nơi Lý và Sự khác nhau, thành tựu như nhau, đều là công phu thành phiến, Sự nhất tâm bất

loạn hay Lý nhất tâm bất loạn, hoàn toàn giống nhau. Đối với người căn tánh nhạy bén, Lý trì tốt lắm, do Lý trì sẽ khai ngộ nhanh chóng. Nhưng phải ghi nhớ, căn tánh chúng ta có phải rất nhạy bén hay chăng? Nếu chính mình xác thực là căn tánh trung hạ, lầm tưởng là căn tánh thượng thượng, quý vị dụng công từ Lý trì, chỉ sợ một đời này ngay cả hạ hạ phẩm cũng chẳng đạt được, đáng tiếc lắm! Chẳng bằng Sự trì, người thật thà niệm một câu Phật hiệu đến cùng, thường là đều có thể vãng sanh. Đã có thể vãng sanh, phẩm vị sẽ chẳng rất thấp, đại khái là từ trung phẩm trở lên.

***(Sớ) Hựu nhất tâm bất loạn hạ, hữu bổn gia "chuyên trì danh hiệu" nhị thập nhất tự, kim sở bất dụng, dĩ văn nghĩa bất an cố, nhưng y cổ bổn bất gia.***

**(疏)又一心不亂下，有本加專持名號二十一字，今所不用，以文義不安故，仍依古本不加。**

*(**Sớ**: Lại nữa, sau chữ "nhất tâm bất loạn", có phiên bản thêm vào hai mươi mốt chữ "chuyên trì danh hiệu…" nay tôi chẳng dùng theo cách ấy, bởi văn và nghĩa chẳng ổn thỏa, vẫn y theo bản xưa, chẳng thêm vào).*

Đoạn này nói tới *"Tương Dương thạch kinh"*, Tương Dương thuộc tỉnh Hồ Bắc, [ở đây nói tới] là kinh văn kinh A Di Đà được khắc trên đá [tại Tương Dương][75]. Bản ấy so với bản kinh Di Đà được lưu thông hiện thời nhiều hơn hai mươi mốt chữ. Có người chủ trương hai mươi mốt chữ ấy do người đời sau thêm vào, có người quan niệm [hai mươi mốt chữ ấy] có thể là nguyên văn lời dịch kinh Di Đà trong thuở ấy. Có thể là hai mươi mốt chữ ấy bị bỏ sót khi sao chép. Có hai cách

[75] Bản khắc kinh này đã có rất lâu đời, được khắc trên bia đá tại chùa Long Hưng, do Triêu Tán Lang Trần Nhân Lăng viết vào đời Tùy, nét chữ cực đẹp, ai nấy đều ưa thích. Ngài Linh Chi Nguyên Hiểu khi có được bản rập của bản kinh này, hết sức trân quý, nhờ người khắc vào đá dựng trong chùa Linh Chi Sùng Phước tại Tiền Đường, nhưng tấm bia ấy đã bị hủy hoại trong chiến tranh. Tương Dương là một địa danh nổi tiếng trong lịch sử Trung Hoa, nằm ở phía Nam sông Tương (chi lưu chính của sông Dương Tử) là nơi hợp lưu của Hán Thủy, Đan Giang và Tích Thủy. Đây là nơi đã xảy ra cuộc chiến lớn giữa Tôn Kiên và Lưu Biểu thời Tam Quốc. Do vị trí chiến lược, nơi này đã xảy ra cuộc tấn công dữ dội của quân Mông Cổ kéo dài suốt sáu năm (1267-1273) trong nỗ lực tiêu diệt nhà Nam Tống.

nói như vậy. Liên Trì đại sư cũng thấy bản ấy. Hai mươi mốt chữ là: *"Chuyên trì danh hiệu, dĩ xưng danh cố, chúng tội tiêu diệt, tức thị đa thiện căn, phước đức, nhân duyên"* (Chuyên trì danh hiệu, do xưng danh nên các tội tiêu diệt. Đấy chính là nhiều thiện căn, phước đức, nhân duyên). Bản kinh khắc đá ở Tương Dương có hai mươi mốt chữ ấy, ý nghĩa của kinh đúng là rõ rệt hơn rất nhiều. Liên Trì đại sư chẳng chọn dùng, vì sao? *"Dĩ văn nghĩa bất an"* [ý nói] văn tự và ý nghĩa [của những chữ ấy] so với toàn bộ kinh Di Đà chẳng thỏa đáng cho lắm, *"bất an"* là chẳng thỏa đáng cho mấy. Theo cách nhìn của Liên Trì đại sư, [những chữ ấy] có thể là do người đời sau thêm vào, cho nên *"nhưng y cổ bổn bất gia"* (vẫn tuân theo bản xưa chẳng thêm vào). Bản được truyền lại từ xưa chính là bản dịch kinh Di Đà của Cưu Ma La Thập đại sư mà nay chúng ta đang đọc. Vào những năm cuối đời Thanh, thời đầu Dân Quốc, có chẳng ít vị đại đức cho rằng hai mươi mốt chữ ấy đã làm sáng tỏ kinh nghĩa hết sức trọng yếu! Lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập hai bản dịch của kinh Di Đà, cũng thêm hai mươi mốt chữ ấy vào; thoạt nhìn, ý nghĩa càng thêm sáng tỏ, rõ rệt. Kinh dạy chúng ta: *"Chẳng thể do chút thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy"*. Hai mươi mốt chữ ấy đã nói rõ ràng: Chuyên tâm trì danh là nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên, đã ban cho chúng ta một câu trả lời hết sức khẳng định đối với tín nguyện trì danh, khiến cho chúng ta có thể kiên định tín tâm.

***(Sớ) Nhi dĩ tức thị thiện phước chi ý, ngôn ngoại bổ nhập, tư vi doãn đáng.***

**(疏)而以即是善福之意，言外補入，斯為允當。**

*(**Sớ**: Coi [những chữ ấy] chính là những lời [do người đời sau] thêm vào nhằm bổ sung ý nghĩa cho [câu kinh] "nhiều thiện căn, nhiều phước đức" thì sẽ thích đáng).*

Ý của Liên Trì đại sư là: Hãy nên coi hai mươi mốt chữ ấy là chú giải của kinh Di Đà. Đó là thích hợp, xác đáng nhất, chứ coi chúng là kinh văn sẽ hoàn toàn chẳng thỏa đáng.

***(Sao) Văn nghĩa bất an giả, thượng văn dĩ hữu chấp trì danh hiệu tứ tự, bất khả cánh trước chuyên trì danh hiệu nhất cú, thượng hạ trùng phục, bất thành văn nghĩa.***

**(鈔)文義不安者，上文已有執持名號四字，不可更著專持名號一句，上下重復，不成文義。**

*(**Sao**: "Văn nghĩa bất an": Trong đoạn kinh văn trước đó đã có bốn chữ "chấp trì danh hiệu", không thể lại có câu "chuyên trì danh hiệu", trên dưới trùng lặp, chẳng thành văn nghĩa!)*

Vì sao nói là kinh văn và ý nghĩa chẳng ổn thỏa, xác đáng? Trong đoạn văn trước đó đã có câu *"chấp trì danh hiệu"*, đoạn sau lại có *"chuyên trì danh hiệu"*, xét theo kinh văn và ý nghĩa, hãy còn có chỗ chẳng ổn thỏa, thích đáng. Văn chương thời cổ rất kỵ trùng lặp, nhắc đi nhắc lại, vì [viết như thế] sẽ chẳng phải là văn chương hay! Văn tự trên dưới trùng lặp, [tức là không phù hợp với cách hành văn, nhất là mỗi bản dịch kinh đều đã được gọt giũa bởi người đảm trách vai trò Bút Thọ và Nhuận Văn trong đạo tràng dịch kinh, cho nên khó thể có chuyện trùng lặp trong câu chữ]. Cách nói và cách nhìn của Liên Trì đại sư là như vậy đó. Cũng có vị cổ đại đức có cách nhìn khác, họ cũng lập luận rất hợp lý: Vì sao văn nghĩa trùng lặp? Tức là khi đức Phật giảng kinh, thuyết pháp, nhằm tỏ ý nhấn mạnh, đối với chỗ trọng yếu, Ngài chẳng ngại lặp đi, lặp lại. Nói theo kiểu này thì cũng suông sẻ! Rốt cuộc [hai mươi mốt chữ ấy] là kinh văn, hay là lời chú giải của cổ nhân? Chỉ có thể đánh dấu hỏi, xếp vào loại "tồn nghi" (còn đang nghi ngờ, chẳng đoan quyết). Cả hai cách nói đều hay, đều có lý, chúng ta dùng chúng để làm tham khảo là được rồi!

***(Sao) Cựu truyền thử nhị thập nhất tự, thị Tương Dương thạch khắc, đương tri thị tiền nhân giải kinh chi ngữ. Tương bổn ngoa nhập chánh văn, hỗn thư bất biệt nhĩ.***

**(鈔)舊傳此二十一字，是襄陽石刻，當知是前人解經之語，襄本訛入正文，混書不別耳。**

*(**Sao**: Có lời truyền tụng từ xưa rằng: "Hai mươi mốt chữ ấy xuất phát từ bản khắc đá tại Tương Dương". Hãy nên biết đó là lời chú giải kinh văn của tiền nhân, bản khắc ở Tương Dương đã đưa nhầm vào chánh văn, viết lẫn lộn chẳng phân biệt).*

Liên Trì đã nêu rõ lý do vì sao Ngài không dùng những chữ ấy. Lão nhân gia cho những chữ ấy là mấy câu giải thích kinh Di Đà của cổ

nhân, chẳng phải là kinh văn. Bản khắc đá ở Tương Dương đã hiểu lầm, coi chúng là kinh văn rồi khắc lẫn vào kinh văn.

***(Sao) Nghĩa văn nghĩa giả, đương tự kiến đắc.***
**(鈔)義文義者，當自見得。**
*(**Sao**: Những người thông thạo văn nghĩa sẽ tự thấy rõ).*

Đối với những người thông hiểu văn chương, trong pháp tắc hành văn, hai mươi mốt chữ ấy quá dư thừa. Có những người quan niệm khác với Liên Trì đại sư, họ cho rằng hai mươi mốt chữ ấy xác thực là kinh văn.

***(Sớ) Xứng Lý.***
**(疏)稱理。**
*(**Sớ**: Tương xứng với Lý).*

Xứng Lý là *"tiêu quy tự tánh"*. Đoạn văn Xứng Lý trong bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư là điểm đặc sắc của Ngài, cũng là một đoạn rất tinh túy.

***(Sớ) Tắc tự tánh phi ức, phi vong, thị chấp trì nghĩa.***
**(疏)則自性非憶非忘，是執持義。**
*(**Sớ**: Tự tánh chẳng phải nhớ, chẳng phải quên, chính là ý nghĩa "chấp trì").*

*"Tự tánh"* là Chân Như bản tánh. Trong Chân Như bản tánh, chẳng có Ức, chẳng có Vong. Ức và Vong là đối lập: Ức niệm (nghĩ nhớ) bèn chẳng quên. Đã quên bằng sẽ chẳng có nghĩ nhớ. Hai điều ấy là đối lập. Đối lập là hai pháp, Lục Tổ nói: *"Hai pháp chẳng phải là Phật pháp"*. Phật pháp như Lục Tổ đã nói là gì? Phật pháp là Chân Như bản tánh. Trong Chân Như bản tánh, chẳng lập một pháp, chẳng bỏ một pháp. Đó là tướng trạng của Tánh Đức. Nếu có thứ gì đối lập, sẽ trái nghịch Tánh Đức, chẳng phải là tự tánh. Ở đây nói có nhớ, có quên; nhưng nếu nói theo tự tánh thì chẳng có nghĩ nhớ, mà cũng chẳng có quên mất. Đó mới là ý nghĩa *"chấp trì"* thật sự.

***(Sớ) Phi kim, phi tạc, thị thất nhật nghĩa.***

**(疏)非今非昨，是七日義。**

*(**Sớ**: Chẳng phải nay, chẳng phải xưa, chính là ý nghĩa "bảy ngày").*

*"Thất nhật"* là nói theo Sự, bèn có một ngày, hai ngày, ba ngày. Kinh Di Đà nói bảy ngày, vì sao chẳng nói sáu ngày, chẳng nói tám ngày, chẳng nói chín ngày, cứ khăng khăng nói bảy ngày? Nói theo Lý, *"bảy"* biểu thị sự viên mãn, biểu thị pháp, chẳng phải là một con số. Nói theo Sự trì, bèn coi nó như một con số. Nói theo Lý, nó chẳng phải là một con số, mà nhằm biểu thị đại viên mãn. Bảy do đâu mà có? Bốn phương, trên, dưới và chính giữa, bèn viên mãn. Vì thế, Bảy tượng trưng cho sự viên mãn. *"Phi kim, phi tạc"*: Chẳng có quá khứ, chẳng có vị lai thì mới là viên mãn.

***(Sớ) Phi nhất, phi đa, thị nhất tâm nghĩa.***

**(疏)非一非多，是一心義。**

*(**Sớ**: Chẳng một, chẳng nhiều là ý nghĩa "nhất tâm").*

Nói *"một"* thì đối lập của nó là *"nhiều"*. Tương phản của *"nhiều"* là *"một"*. Thảy đều là tương đối, đều là đối lập, nói cách khác, đều là hai pháp. Hai pháp thì đức Phật mới có thể nói được. Hễ là một pháp, Phật chẳng thể thốt nên lời! Đức Phật đã hình dung trạng huống *"nhất pháp"* như sau: *"Ngôn ngữ dứt bặt, tâm hành xứ diệt"*, ngôn ngữ bèn thốt chẳng nên lời. Không chỉ là ngôn ngữ chẳng nói năng gì được, mà ngay cả suy nghĩ cũng chẳng thể được! Điều gì cũng chẳng nghĩ tưởng, hết thảy ý niệm đều dứt bặt, đều chẳng có, một câu cũng chẳng nói được, đó mới là Nhất. Hễ động niệm, hễ mở miệng, cổ nhân bảo là đã rớt trong hai, ba, thường nói là: *"Mở miệng liền trật, động niệm bèn sai"*. Hễ có nói năng, động niệm, là đã rớt vào hai, ba, đã chẳng phải là một! Nếu chúng ta chú tâm thấu hiểu những điều này, sẽ biết những điều ấy là chánh lý, tức là những đạo lý hết sức chánh xác, là chân tướng sự thật. Nay chúng ta chẳng làm được, suốt ngày từ sáng đến tối luôn dấy vọng tưởng, cho nên đức Phật dạy chúng ta một phương pháp rất xảo diệu: Chẳng phải là quý vị đang dấy vọng tưởng ư? Hễ dấy vọng tưởng bèn nghĩ tới A Di Đà Phật, phương pháp này rất nhiệm mầu! Chuyên tưởng A Di Đà Phật, những vọng tưởng khác đều buông xuống. Chuyên niệm A Di Đà Phật, những ý niệm khác cũng đều buông xuống. Dùng một

niệm để đoạn hết thảy vọng niệm, dùng một tưởng để đoạn hết thảy vọng tưởng. Tịnh Tông dùng phương pháp này, đó gọi là Sự trì, là Sự nhất tâm bất loạn. Sự trì sau khi đã thuần thục, đã khai ngộ, niệm ấy cũng trừ sạch, bèn nhập Lý trì, công đức viên mãn, thật sự đạt tới nhất tâm bất loạn. Do vậy có thể biết: Sự trì là phương tiện để tu hành, là giai đoạn tu học thứ nhất. Chẳng tuân theo thứ tự ấy, không đổ công dốc sức nơi giai đoạn này, vĩnh viễn chẳng đạt được minh tâm kiến tánh.

***(Sớ) Phi định, phi loạn, thị bất loạn nghĩa.***
**(疏)非定非亂，是不亂義。**
*(**Sớ**: Chẳng định, chẳng loạn chính là ý nghĩa "bất loạn").*

Kinh nói *"nhất tâm bất loạn"*, ý nghĩa thật sự là nói lên điều này. Đoạn giải thích Xứng Lý này hoàn toàn là cảnh giới Thiền Tông. Đại sư chú giải bộ kinh này, cuối mỗi đoạn đều có cách nói Xứng Lý như vậy. Ngài khổ tâm nhằm dụng ý bảo cho người ta biết *"Thiền, Tịnh bất nhị"*. Niệm Phật là tham Thiền, chỉ là phương thức khác nhau, nhưng thành tựu chẳng khác gì nhau, dụng ý ở chỗ này!

***(Sao) Bổn vô sanh diệt, hà hữu ức vong.***
**(鈔)本無生滅，何有憶忘。**
*(**Sao**: Vốn chẳng sanh diệt, có gì là quên và nhớ?)*

Tự tánh chẳng có sanh diệt, có gì là nhớ và quên? Vì nhớ và quên là tướng sanh diệt. Bản thể của tự tánh là bất sanh, bất diệt, làm sao có thể có hiện tượng này cho được? Hiện tượng ấy nẩy sanh, hoàn toàn là sanh từ ý thức. Tám thức, năm mươi mốt Tâm Sở là pháp sanh diệt, có nhớ, có quên. Do vậy, tám thức là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Trong vọng tâm có hiện tượng ấy. Trong Bách Pháp Minh Môn, cổ đại đức đã quy nạp hết thảy vạn pháp thành một trăm pháp. Chín mươi bốn pháp trước gọi là pháp hữu vi. Sáu pháp cuối gọi là pháp vô vi. Pháp hữu vi có sanh, có diệt, pháp vô vi chẳng có sanh diệt. Loại thứ nhất trong pháp hữu vi là Tâm Pháp, tức tám Tâm Vương, gồm A Lại Da, Mạt Na, Ý Thức, và năm thức trước. Kế đó là năm mươi mốt Tâm Sở Pháp, cũng đều là có sanh, có diệt. Tự tánh chẳng có sanh diệt, tự tánh là pháp vô vi. Trong một trăm pháp, nó thuộc về pháp cuối cùng, tức là Chân Như vô vi. Ở đây, chúng ta gọi Chân Như vô vi là "tự tánh", bất sanh, bất diệt.

Trong ấy, chẳng có nghĩ nhớ.

***(Sao) Thể tuyệt khứ lai, thùy thành kim tạc.***
**(鈔)體絕去來，誰成今昨。**
*(**Sao**: Thể trọn chẳng có đến, đi, lấy đâu ra xưa và nay).*

*"Thể"* là nói tới tự tánh, hoặc bản thể, bản thể là tự tánh. Tự tánh trọn khắp hết thảy mọi nơi, há có đến đi? Đến và đi cũng là hai pháp; chẳng có đến đi thì mới là thật sự Một! Chẳng có đến đi, lấy gì làm xưa, nay? Ngày hôm qua đã qua, ngày hôm nay đưa đến, có tướng đến đi. Trên thực tế, trong tự tánh bản thể, chẳng có hiện tượng này. Vì thế, tướng đến đi cũng là pháp sanh diệt. Chúng ta gọi điều này là *"thời gian"*. Trong trăm pháp, thời gian thuộc loại Bất Tương Ứng Hành Pháp (Citta-viprayukta-saṃskāra). Nói theo cách hiện thời, Bất Tương Ứng Hành Pháp là khái niệm trừu tượng, trọn chẳng phải là sự thật, chỉ là khái niệm trừu tượng mà thôi.

***(Sao) Nhất diệc bất vi nhất, đa thượng hề tồn.***
**(鈔)一亦不為一，多尚奚存。**
*(**Sao**: Một cũng chẳng phải là một, làm sao có nhiều cho được).*

*"Một"* đã chẳng thể nói được. Nói Một thì đối lập của nó là Nhiều! Đã chẳng thể nói Một được, còn lấy đâu ra Nhiều tồn tại? Trước khi kiến tánh, xác thực là có một, có nhiều, có sanh, có diệt, có đến, có đi, những điều ấy thảy đều tồn tại, đều bày ra trước mặt. Sau khi đã kiến tánh, chúng đều chẳng có. Đấy là tiêu chuẩn. Hễ có thể lấy ra từng cặp tương đối, bèn biết là bản thân chúng ta chưa kiến tánh. Chúng ta còn có thị phi, nhân ngã, còn có các thứ phân biệt, chấp trước, [tức là] chưa kiến tánh. Đối với người kiến tánh, những thứ ấy hoàn toàn đều chẳng có. Còn có một hạng người, ý niệm gì cũng chẳng có, bèn nhập Vô Tưởng Định. Người nhập Vô Tưởng Định cũng chẳng có phân biệt, chấp trước, tâm địa thanh tịnh, chẳng sanh một niệm. Vô Tưởng Định và kiến tánh có gì khác nhau? Nếu xét theo phương diện *"chẳng lập một pháp"*, Vô Tưởng Định và kiến tánh rất giống nhau. Nếu xét theo phương diện *"chẳng bỏ một pháp"*, hai bên hoàn toàn chẳng giống nhau! Người kiến tánh thông đạt, hiểu rõ hết thảy vạn pháp. Người nhập Vô Tưởng Định, tâm tuy rất thanh tịnh, buông xuống hết thảy, nhưng điều gì cũng chẳng biết! Người

kiến tánh tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, đối với quá khứ, hiện tại, vị lai, cõi này, phương khác, chẳng có gì không hiểu rõ ràng. Nói cách khác, người kiến tánh có trí huệ viên mãn; người Vô Tưởng Định chẳng có trí huệ. Đó là tướng trạng khác biệt vời vợi [giữa Vô Tưởng Định và kiến tánh].

***(Sao) Định thả vô định hình, loạn tương an ký?***

**(鈔)定且無定形，亂將安寄。**

*(**Sao**: Định còn chẳng có hình trạng nhất định, loạn nương vào đâu?)*

Tương phản của Định là loạn. Trong Lục Độ của Bồ Tát, Thiền Định nhằm độ tán loạn. Định có hình tướng như thế nào? Định chẳng có hình tướng. Phàm phu chúng ta nhập Định bèn có hình tướng, ngồi xếp bằng nhìn vào vách. Chúng ta tạc hình tượng Phật, Bồ Tát ngồi trên đài sen, đó là hình tướng nhập Định. Tự tánh vốn Định thật sự chẳng có hình tướng, như trong kinh Đại Thừa thường nói: *"Na Già thường tại Định, vô hữu bất định thời"* (Bậc long tượng thường ở trong Định, chẳng có lúc nào không định). Ngài đi, đứng, ngồi, nằm đều ở trong Định, chúng ta chẳng nhìn ra Định ấy. Đấy mới là đại định! Thủ Lăng Nghiêm Đại Định được nói trong kinh Thủ Lăng Nghiêm chính là tự tánh vốn định. Nếu Định chẳng có hình tướng, lấy đâu ra loạn? Định thật sự thì Định và loạn là một chuyện, chẳng phải là hai chuyện. Đấy mới là tánh định.

***(Sao) Như tư hội đắc, chung nhật niệm Phật, chung nhật niệm tâm.***

**(鈔)如斯會得，終日念佛，終日念心。**

*(**Sao**: Hiểu như vậy thì suốt ngày niệm Phật chính là suốt ngày niệm tâm).*

*"Chung nhật niệm Phật"* (Suốt ngày niệm Phật) là chuyện trong Tịnh Độ Tông. *"Chung nhật niệm tâm"* (Suốt ngày niệm tâm) là chuyện trong Thiền Tông. Thiền Tông tham thoại đầu, quán tâm, đều là niệm tâm. Điều này cho thấy: Chúng ta niệm Phật và quán tâm, hoặc tham thoại đầu chẳng khác gì cả, là cùng một chuyện. Hợp Thiền và Tịnh thành một Thể, Tịnh là Tịnh của Thiền, Thiền là Thiền của Tịnh, là một, không hai, chỉ là phương pháp tu hành và cách thức khác nhau. Phương

pháp và cách thức của chúng ta dễ hơn [phương pháp] tham cứu của nhà Thiền.

***(Sao) Chung nhật niệm tâm, chung nhật vô niệm.***

**(鈔)**終日念心，終日無念。

*(**Sao**: Suốt ngày niệm tâm, suốt ngày vô niệm).*

Trong phần chú giải, đã giảng hai câu này rất rõ ràng, tôi chẳng nói nhiều!

***(Sao) Tức tâm, tức Phật, phi Phật, phi tâm, thị tắc danh vi chân niệm Phật giả.***

**(鈔)**即心即佛，非佛非心，是則名為真念佛者。

*(**Sao**: Chính là tâm, chính là Phật, chẳng phải là tâm, chẳng phải là Phật, do vậy gọi là thật sự niệm Phật).*

Chúng ta chớ nên học điều này. Học rồi, chắc chắn sẽ chẳng thể vãng sanh, sẽ thất bại. Chúng ta vẫn là Sự niệm, thật thà chấp trì danh hiệu cầu sanh Tịnh Độ, đó là đúng. Chẳng vất vả tham cứu! Trong đoạn này, đại sư bảo chúng ta: [Cảnh giới chứng đắc của Tịnh Độ Tông] và cảnh giới thượng thượng thừa của Thiền Tông bằng nhau. Chúng ta dùng phương pháp *"lập phương, chấp tướng"* để đạt tới cảnh giới thượng thượng Thiền. Dụng ý của đoạn này là ở chỗ này!

Kinh văn giảng đến chỗ này là đã giới thiệu xong bốn chữ *"nhất tâm bất loạn"*. Đoạn này chiếm đến một phần tám toàn bộ lời văn trong Sớ Sao. Sớ Sao có tất cả bốn quyển, nhất tâm bất loạn chiếm mất nửa quyển, tức là nửa quyển ba. Lại xem tới quyển bốn, đây là quyển cuối cùng. Kinh văn như sau:

***(Kinh) Kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật, dữ chư thánh chúng, hiện tại kỳ tiền.***

***(Sớ) Kỳ nhân, chỉ trì danh giả, thừa thượng đản năng nhất tâm bất loạn, mạng chung chi thời, Phật tất hiện tiền dã.***

**(經)**其人臨命終時。阿彌陀佛。與諸聖眾。現在其前。

**(疏)**其人，指持名者，承上但能一心不亂，命終之

**時，佛必現前也。**

*(**Kinh**: Người ấy khi lâm chung, A Di Đà Phật và các thánh chúng hiện ra trước mặt.*

***Sớ**: "Người ấy" là nói tới người trì danh, nối tiếp ý trong đoạn kinh văn trước đó: Chỉ cần có thể nhất tâm bất loạn, khi mạng chung, Phật ắt hiện tiền).*

*"Trì danh"*: Tịnh Tông có ba điều kiện, đây là điều kiện thứ ba. Điều kiện thứ nhất là *"thâm tín"* (tin sâu), quyết định chớ nên hoài nghi. Điều kiện thứ hai là *"thiết nguyện"* (nguyện thiết tha), nguyện vọng hết sức khẩn thiết, mong sanh về Tây Phương, mong thấy Di Đà. Điều kiện thứ ba là nhất tâm trì danh. Đó là ba tư lương của Tịnh Độ. Nói đến *"tư lương"* (資糧), rất nhiều người hiện thời chẳng hiểu, chúng tôi nói [ba tư lương] là ba điều kiện để được vãng sanh Tịnh Độ. Ba điều kiện ấy, hễ thiếu một sẽ chẳng thể vãng sanh. Đã nói tới trì danh, đương nhiên là trọn đủ hai điều kiện trước đó. Vì sao? Đã tin, chưa chắc đã muốn vãng sanh. Muốn vãng sanh, chưa chắc đã chịu niệm Phật. Đã niệm Phật thì đương nhiên là có tín, có nguyện. Do vậy, hễ nói tới trì danh, bèn trọn đủ ba điều kiện *"tín, nguyện, trì danh"*. *"Thừa thượng"* (承上) là tiếp theo ý của đoạn kinh văn trong phần trước. Trong đoạn kinh văn trước đó đã nói tới nhất tâm bất loạn. *"Đản năng nhất tâm bất loạn"*, [nghĩa là] chỉ cần có thể đắc nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn ở đây bao gồm Sự nhất tâm và Lý nhất tâm, tức là *"công phu trì danh cạn hay sâu"* như Ngẫu Ích đại sư đã nói. Công phu sâu là Lý nhất tâm, công phu cạn là Sự nhất tâm. Trong đạo tràng, thông thường chúng ta cũng nói tới công phu thành phiến. Công phu thành phiến là cảnh giới gì? Là Sự nhất tâm ở mức độ nông cạn, chẳng sâu. Nhất tâm cạn hay sâu, nói thật ra, sai khác rất lớn. Nói tới Lý nhất tâm thì Lý nhất tâm là đã minh tâm kiến tánh. Nói theo Viên Giáo, Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh, đó là Lý nhất tâm. Vô minh có bốn mươi mốt phẩm, bốn mươi phẩm vô minh đều phá sạch, bèn đạt đến Đẳng Giác Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát vẫn là Lý nhất tâm. Nói cách khác, trong Lý nhất tâm chia thành bốn mươi mốt đẳng cấp. Đó là đẳng cấp cạn hay sâu sai khác. Sự sai biệt trong Lý nhất tâm rất lớn, Sơ Trụ của Viên Giáo là Lý nhất tâm, Đẳng Giác Bồ Tát cũng là Lý nhất tâm. Sự nhất tâm cũng chẳng phải là ngoại lệ. Nói theo Tiểu Thừa, từ Sơ Quả tới Tứ Quả đều thuộc về Sự nhất tâm. Chưa đạt được Sơ Quả, trước Sơ Quả bèn gọi

là Sơ Quả Hướng, [hàm ý] hướng theo phương hướng của Sơ Quả, chưa đạt tới Sơ Quả. *"Công phu thành phiến"* như chúng ta thường nói thuộc vào địa vị này. Có chứng đắc Sơ Quả hay chưa? Chẳng có! Vì chứng đắc Sơ Quả là đã đoạn sạch tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, chúng ta chưa đoạn! Chúng ta chỉ là công phu đắc lực nơi một câu Phật hiệu, *"đắc lực"* là đã chế phục các phiền não ấy. Phiền não vẫn còn, tạm thời chúng nó chẳng khởi tác dụng, tâm địa đạt được tương tự thanh tịnh. Đó gọi là *"công phu thành phiến"*. Chư vị phải biết, có thể nói là trong các tông phái khác, công phu như vậy chẳng có mảy may thành tựu nào, vẫn phải sanh tử luân hồi y như cũ! Trong các tông phái khác, mức độ thấp nhất là phải đạt tới cảnh giới Sơ Quả thì mới coi như thành tựu. Cũng có thể nói là quý vị học Thiền cũng thế, mà học Mật cũng thế, học Giáo cũng thế, nhất định là phải đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, chứng Vị Bất Thoái trong ba món Bất Thoái, đó là đã thành tựu, địa vị đã chẳng bị thoái chuyển. Vị Bất Thoái tuyệt đối sẽ chẳng lui sụt thành phàm phu. Nói cách khác, tuy chưa thể thoát tam giới, vẫn luân hồi trong tam giới y như cũ, nhưng quyết định là người ấy chẳng đọa trong ba ác đạo. Do vậy, trong lục đạo, người ấy chỉ luân hồi trong hai đường nhân, thiên, tuyệt đối chẳng đọa lạc trong những đường khác, chẳng đọa trong ba ác đạo, cũng chẳng thể biến thành A Tu La. Vị ấy thọ sanh tu hành trong hai đường trời, người, coi như là có thành tựu. Khi nào đoạn hết sạch tám mươi mốt phẩm Tư Hoặc thì mới có thể chẳng luân hồi, vượt thoát nhân, thiên, cũng là từ cõi Phàm Thánh Đồng Cư siêu sanh cõi Phương Tiện Hữu Dư. Cõi Phàm Thánh Đồng Cư là lục đạo, vị ấy chẳng thuộc trong lục đạo. Quý vị mới biết chuyện ấy khó lắm! Quá ư là khó! Chỉ có Tịnh Độ là chỉ cần có thể chế phục phiền não [bèn có thể vãng sanh, chẳng thuộc trong lục đạo]. Do vậy, công phu thực tế của người ấy là Sơ Quả Hướng, chưa đạt tới Sơ Quả. Sơ Quả Hướng chỉ có chút khí phận của Sơ Quả mà thôi; người ấy có thể đới nghiệp vãng sanh, sanh về cõi Phàm Thánh Đồng Cư trong thế giới Tây Phương, đó là chỗ thù thắng của Tịnh Độ. Cổ đức nói pháp môn này *"vạn người tu, vạn người đến"*, vì sao mọi người đều có thể đến [Cực Lạc]? Vì bất cứ người nào cũng đều có thể thành tựu loại công phu này! Sợ là quý vị chẳng chịu hành. Nếu quý vị chịu hành, ai nấy đều có thể đạt được! Nói cách khác, ai nấy đều có thể vãng sanh, đó là sự thù thắng trong Tịnh Độ.

*"Mạng chung chi thời, Phật tất hiện tiền"* (Khi lâm chung, Phật ắt hiện tiền): Phật đến tiếp dẫn là bổn nguyện của Phật. Ngài đã từng phát

lời thề này, lập nguyện này; nếu Ngài chẳng đến tiếp dẫn, sẽ trái nghịch bổn nguyện. Do vậy, Phật nhất định đến tiếp dẫn. Có những kẻ hoài nghi, người niệm Phật trên thế giới quá đông! Lại nghe nói không chỉ là thế giới này niệm Phật, mà người niệm Phật trong mười phương vô lượng vô biên chư Phật thế giới đông đảo ngần ấy, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn từng người một, há Ngài có lắm thời gian dường ấy? Cho đến lúc ấy có thể quên mất ta hay chăng? Người ôm mối nghi hoặc ấy rất nhiều, tôi thường gặp lắm! Cứ ngỡ đầu óc Phật chẳng khác chúng ta cho mấy, rất dễ quên mất chuyện này việc nọ! Coi Phật như phàm phu, cứ ngỡ Ngài chẳng khác ta cho mấy, tội lỗi ấy rất to! Trí huệ, thần thông và đạo lực của Phật viên mãn, Pháp Thân của Phật tận hư không khắp pháp giới. Mười phương vô lượng vô biên chúng sanh, bất cứ một chúng sanh nào có cảm, Phật lập tức có ứng, cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn, quyết định chẳng sai lầm, quyết định chẳng bỏ sót một ai! Chúng ta nhất định phải tin tưởng điều này, chớ nên nghi hoặc. Niệm Phật, khi lâm chung, Phật nhất định hiện tiền.

Người phước báo to, thật sự vãng sanh. Vì sao? Chúng tôi đã trông thấy. Người phước báo to, khi lâm chung, đầu óc sáng suốt, bảo người bên cạnh: "Phật đã đến, ta trông thấy. Phật đến tiếp dẫn ta, ta theo Phật ra đi". Đó là quyết định vãng sanh. Phước báo kém hơn, nghiệp chướng nặng hơn, khi lâm chung, người ấy bị bệnh khổ. Phật đến tiếp dẫn, người ấy trông thấy, cũng muốn nói cho người nhà biết, miệng mấp máy, muốn nói mà chẳng thốt ra tiếng, miệng máy động là muốn bảo người nhà: "Ta thấy Phật đến tiếp dẫn ta". Thường là khi chúng ta trợ niệm, dường như thấy người ấy mấp máy miệng niệm theo chúng ta. Thật ra, trong sát-na cuối cùng, người ấy chẳng phải là niệm Phật, mà là thấy Phật đến tiếp dẫn, [cố gắng] nói mà chẳng phát ra âm thanh, những tướng trạng này đều là quyết định vãng sanh. Sợ nhất là trong một sát-na lâm chung, thần trí chẳng sáng suốt, mê hoặc, điên đảo, người trong trạng huống ấy, thông thường là lưu chuyển theo nghiệp, bị nghiệp lực lôi đi, đó là chuyện rất đáng sợ. Đây là chuyện thật sự then chốt trong cả một đời chúng ta, đại sự bậc nhất trong cả một đời ở ngay trong lúc ấy! Nếu chúng ta muốn hoàn thành viên mãn đại sự bậc nhất này, nhất định phải hiểu: Trong một đời này, chúng ta đối với khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác phải biết tu phước, đoạn hết thảy ác, tu hết thảy thiện. Tu thiện đắc phước báo, quyết định chẳng hưởng thụ phước báo, lưu lại phước báo để dùng trong một sát-na lâm chung. Trong sát-na ấy, chẳng

sanh bệnh, biết trước lúc mất, biết chính mình sẽ ra đi vào hôm nào, ra đi rất tự tại, ra đi rất tiêu sái, đấy là phước báo! Người ra đi như vậy, trong hơn bốn mươi năm nay, chúng tôi thấy rất nhiều tại Đài Loan. Đài Loan xác thực là phước địa, là đảo báu! Trong lịch sử Trung Hoa, từ xưa tới nay, trong một khu vực như vậy, trong vòng bốn mươi năm ngắn ngủi, người niệm Phật vãng sanh đông ngần ấy, vẫn là chưa hề nghe nói tới. Đứng mất, ngồi mất, chẳng sanh bệnh!

Thành phố Đài Bắc, vào năm Dân Quốc 51-52 (1962-1963), Liên Hữu Niệm Phật Đoàn [đặt trụ sở] tại đường Long Giang. Người sáng lập Liên Hữu Niệm Phật Đoàn là lão cư sĩ Lý Tế Hoa vãng sanh, vị này cách chúng ta chẳng quá lâu! Hai vợ chồng lão cư sĩ tham gia hội Niệm Phật. Hội Niệm Phật của họ [cộng tu] theo phương thức giống như chúng ta thường niệm một cây hương (một tiếng rưỡi) trong khi đả Phật Thất. Khi chỉ tĩnh bèn giảng khai thị. Thông thường, giảng khai thị nửa tiếng. Hôm ấy, lão cư sĩ cao hứng giảng khai thị tới một tiếng rưỡi. Giảng xong, từ tạ mọi người: "Tôi phải về nhà". Cụ đã tám mươi mấy tuổi. Sau khi bước xuống giảng tòa, đến phòng khách nhỏ ở bên cạnh Niệm Phật Đường, ngồi trên sofa, ngồi xong bèn tịch, đã vãng sanh. Quý vị thấy có tự tại lắm hay không? Về sau, chúng tôi hỏi dò, lão nhân gia biết trước hai tháng sẽ ra đi vào ngày nào, cho nên vào ngày nghỉ mỗi tuần đều đến thăm và chào từ biệt bạn cũ. Hôm lão nhân gia vãng sanh, cư sĩ Từ Tỉnh Dân cũng có mặt tận nơi. Hôm đó, ông Từ cũng tham gia niệm Phật hội. Thuở ấy, ông Từ là ký giả của báo Tân Sanh (đời sống mới), đích thân tận mắt thấy chuyện này, hôm sau viết một bức thư bảo đảm gởi cho tôi, tôi ở Đài Trung, cho tôi biết niệm Phật vãng sanh là thật, chẳng giả tí nào, ông ta đích thân trông thấy mà! Phước báo của chúng ta phải dành để hưởng khi ấy. Hiện thời có phước báo bèn hưởng hết sạch, lúc lâm chung sẽ chẳng có phước, đúng là chẳng có phước! Hiện tiền có phước, phước báo của chúng ta để cho mọi người hưởng, chính mình chẳng cần hưởng, phước báo của chúng ta vĩnh viễn còn tại đó. Lâm chung biết trước lúc mất, chẳng ngã bệnh, đứng mất, ngồi mất, tùy thuộc ý nghĩ của chính mình, đó là đúng. Đấy mới là người thông minh thật sự.

***(Sớ) Dĩ tự lực, Phật lực, cảm ứng đạo giao cố. Như nhị bộ kinh, cập chư kinh trung thuyết.***

**(疏)以自力佛力，感應道交故。如二部經，及諸經中說。**

*(**Sớ**: Do tự lực và Phật lực cảm ứng đạo giao, như trong hai bộ kinh và các kinh đã nói).*

Hai bộ kinh là kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. trong ấy đều có nói rất rõ ràng.

***(Sao) Tự lực giả, phàm nhân mạng chung, tiền hữu tương tạ, hậu hữu vị sanh, bình sanh thiện ác, tự nhiên hiện tiền.***

**(鈔)自力者，凡人命終，前有將謝，後有未生，平生善惡，自然現前。**

*(**Sao**: Tự lực là phàm nhân khi mạng chung, tiền hữu sắp tan, hậu hữu chưa sanh, những điều thiện ác trong đời này tự nhiên hiện tiền).*

Nếu chúng ta hơi lưu ý, sẽ có thể thấy hiện tượng này, đúng là sự thật. Chúng ta thấy người bệnh nặng, nhìn vào hiện tượng lúc sắp chết của người ấy, quý vị sẽ thấy được. Trong thời gian sót lại ấy, trước khi tắt hơi, *"tiền hữu tương tạ, hậu hữu vị sanh"* (tiền hữu sắp tan, hậu hữu chưa sanh): *"Tiền hữu"* (前有) là nói tới thần thức của chúng ta (người Hoa gọi [thần thức] là "linh hồn") vẫn chưa rời khỏi thân thể, sắp phải tách lìa thân thể. *"Tạ"* (謝) là rời khỏi, [*"tương tạ"* là] sắp phải rời khỏi, nhưng còn chưa rời khỏi, ở trong lúc ấy. *"Hậu hữu"* (後有) là đã tách lìa, đã rời khỏi thân thể, chúng ta nói là "sau khi đã chết". Khi sắp chết, hãy còn chưa chết, trước khi tắt hơi, *"bình sanh thiện ác, tự nhiên hiện tiền"*, những việc thiện ác do quý vị đã tạo trong một đời này, khi ấy thảy đều hiện tiền. Người thiện tâm, người bình sanh làm chuyện tốt đẹp, sẽ thấy Phật, Bồ Tát, thấy thiên thần, thấy thụy tướng rất tốt đẹp. Kẻ chẳng học Phật bèn thấy chư thiên đến tiếp dẫn, trông thấy hảo tướng. Khi ác nghiệp hiện tiền, bèn thấy oán gia trái chủ, những oán gia trái chủ nào vậy? Kinh Địa Tạng đã nói rất minh bạch, thấy người nhà quyến thuộc của quý vị, đều là những người đã chết, hoặc thấy tổ phụ, cha mẹ đã qua đời, hoặc thấy những hiện tượng hết sức kinh sợ, vậy là chẳng tốt đẹp! Những người nhà quyến thuộc ấy là thật hay giả? Trong kinh Địa Tạng, đức Phật đã dạy chúng ta: Đó là giả, chẳng thật. Sau khi chúng ta đã chết, người nhà quyến thuộc ở trong quỷ đạo cũng chẳng thể đến tiếp dẫn chúng ta, ngàn muôn phần đừng lầm lẫn! Những người đó là ai? Oán gia trái chủ! Nếu họ dùng bộ mặt thật của chính họ để đến, quý vị trông thấy sẽ sợ hãi, sẽ chẳng theo họ! Họ biến thành hình dạng người nhà quyến

thuộc của quý vị để dụ dỗ, mê hoặc quý vị, quý vị bèn đi theo họ. Khi họ chuyển lại mặt thật, oán gia đối đầu sẽ tính toán nợ nần với chúng ta. Đó gọi là *"thiếu mạng phải đền mạng, thiếu nợ phải đền tiền"*. Họ đến báo thù quý vị. Khi ấy, nghiệp báo thiện ác hiện tiền, sẽ là hiện tượng hết sức đáng sợ. Dưới đây là nêu thí dụ.

***(Sao) Như Thập Ác, Ngũ Nghịch, địa ngục hiện tiền.***
**(鈔)**如十惡五逆，地獄現前。
*(**Sao**: Như [phạm tội] Thập Ác, Ngũ Nghịch, địa ngục hiện tiền).*

Tạo ác nghiệp quá nặng; khi ấy, sẽ thấy tướng địa ngục. Thấy ngưu đầu mã diện, thấy núi đao, vạc dầu, thấy những tướng ấy.

***(Sao) Xan, tham, tật đố, ngạ quỷ hiện tiền.***
**(鈔)**慳貪嫉妒，餓鬼現前。
*(**Sao**: [Phạm thói] keo kiệt, tham lam, ganh tỵ, ngạ quỷ hiện tiền).*

Đại khái là trông thấy người nhà, quyến thuộc biến hiện. Khi loại này biến hiện, quá nửa là rớt vào trong ngạ quỷ đạo. Trong ngạ quỷ đạo, họ cũng trước hết phải tính sổ với quý vị, trước hết [quý vị] phải tiếp nhận sự báo thù của oán gia trái chủ. Đấy là quả báo trong ác đạo hiện tiền.

***(Sao) Nãi chí Ngũ Giới, Thập Thiện, nhân thiên hiện tiền.***
**(鈔)**乃至五戒十善，人天現前。
*(**Sao**: Cho đến năm giới, mười thiện, nhân thiên hiện tiền).*

Đây là người chẳng niệm Phật, tu phước, tích đức, thiện tâm, thiện hạnh, quả báo trong đời sau thuộc vào đường nhân, thiên. Đại phước báo, sẽ lên cõi trời hưởng thiên phước. Người ấy có thể sanh lên cõi trời cao nhất là Đao Lợi Thiên. Vì sao? Cậy vào tu thiện, tích đức, sanh thiên bằng phước báo. Do phước báo sanh thiên thì sanh trong hai tầng trời Tứ Thiên Vương Thiên và Đao Lợi Thiên. Lên cao hơn, chỉ cậy vào phước báo sẽ chưa đủ, còn phải có thêm công phu định lực. Người ấy đã từng tu hành, từng tu Định, nhưng do tu Định chẳng thành, [nên sanh trong Dục Giới]. Nếu tu Định thành công, sẽ sanh lên Sắc Giới Thiên, chẳng ở trong Dục Giới. Do Định chưa tu thành, tùy thuộc công phu định lực sâu

hay cạn: Công phu cạn sanh vào Dạ Ma Thiên. Sâu hơn một chút, sanh vào Đâu Suất Thiên, lên cao hơn nữa là Hóa Lạc Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên, đều là chưa đắc Định, tu Định chưa thành công. Tu Định thành công, sẽ sanh lên Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền, đạt tới Sắc Giới Thiên. Những nhân quả này chúng ta đều phải hiểu rõ ràng, rành rẽ. Do vậy, người ấy lâm chung thấy người hoặc trời đến đón tiếp, đó là hưởng phước báo trong nhân, thiên.

***(Sao) Kim chuyên niệm Phật, nhất tâm bất loạn, tắc tịnh niệm thành tựu.***

**(鈔)**今專念佛，一心不亂，則淨念成就。

*(**Sao**: Nay chuyên niệm Phật, nhất tâm bất loạn, tịnh niệm thành tựu).*

Đời này chúng ta hết sức may mắn, gặp gỡ Đại Thừa Phật pháp, gặp được đại pháp thù thắng nhất của Đại Thừa, tín nguyện trì danh, công phu thành tựu. *"Nhất tâm bất loạn"* ở đây bao gồm công phu thành phiến. Công phu thành phiến là nhất tâm bất loạn thuộc mức độ nông cạn nhất, là tương tự nhất tâm bất loạn, chẳng thật. Tương tự là được rồi, có thể vãng sanh. Điều này hoàn toàn phải bồi dưỡng, tu hành trong cuộc sống hằng ngày. Tu hành là sửa đổi những hành vi sai lầm của chúng ta. Ở đây, hành vi sai lầm được nói tới chính là ác nghịch (Thập Ác, Ngũ Nghịch), keo kiệt, tham lam, ganh tỵ, thị phi, nhân ngã, đều chẳng bình thường. Đó đều là những tập khí ác, phải diệt trừ những thứ ấy, vun bồi thiện tâm, thiện hạnh. Tu hành ngay trong cuộc sống hằng ngày, tu hành ngay trong ý niệm đối xử với người, đối xử với sự, đối xử với vật, đó gọi là tu hành thật sự. Ngàn muôn phần đừng hiểu lầm tu hành là rất thành tâm tụng niệm công khóa sáng tối, niệm cho Phật, Bồ Tát nghe; Phật, Bồ Tát trông thấy sẽ ưa thích ta, nói "đây là một đồ đệ tốt, đồ đệ rất ngoan ngoãn". Tụng niệm công khóa xong xuôi, tham, sân, ganh tỵ, hết thảy đều dấy lên, chẳng có lợi ích tí ti nào! Giả trất! Công khóa sáng tối kiểu đó, tôi đã từng nói rất nhiều lần: "Tạo tội nghiệp". Cớ sao gọi là tạo tội nghiệp? Sáng sớm lừa Phật, Bồ Tát một lần, buổi tối lại lừa lần nữa. Mỗi ngày lừa hai lần, lừa suốt một đời, quý vị hãy ngẫm xem: Tiền đồ trong tương lai sẽ đi về đâu? Trong xã hội Trung Hoa có câu tục ngữ: *"Trước cửa địa ngục, tăng, đạo đông"*. Tăng là người xuất gia. Tục ngữ nói tới hòa thượng và đạo sĩ. Hòa thượng và đạo sĩ đều là người tu hành, vì sao

vào địa ngục? Hòa thượng lừa Phật, Bồ Tát, đạo sĩ lừa thần tiên; tạo tội nghiệp nặng nề như vậy bèn đọa địa ngục. Chúng ta nhất định phải hiểu điều này. Do vậy, tu hành chẳng do hai khóa tụng sáng tối, mà là nơi khởi tâm động niệm trong cuộc sống hằng ngày. Khóa sáng có dụng ý nhắc nhở chúng ta, chúng ta đọc những kinh luận ấy, khóa sáng đọc kinh nhằm nhắc nhở chúng ta: Kinh điển là giáo huấn của Phật, Bồ Tát. Ngày hôm nay ta xử sự, đãi người, tiếp vật phải tuân thủ giáo huấn của Phật, Bồ Tát, đó là công khóa buổi sáng. Khóa tối nhằm phản tỉnh, sám hối, nghĩ xem ngày hôm nay từ sáng đến tối, ta có thật sự làm được lời giáo huấn của Phật, Bồ Tát hay không? Làm được thì ngày mai càng nỗ lực. Chẳng làm được, ngày mai nhất định phải làm. Phải gìn giữ thiện hạnh, phải biết sửa đổi ác hạnh. Đó là tu hành. Nhất định phải hiểu! Chớ nên lừa mình, dối người, đương nhiên càng chớ nên tự lừa mình, dối gạt Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát chẳng ngự tại đó, đắp hình tượng [các Ngài thờ phụng] ở đây, đối với tượng thờ mà còn nhẫn tâm lừa gạt, quý vị nghĩ xem hạng người có cái tâm ấy đáng nên tru lục! Vì thế, người niệm Phật chúng ta tu điều gì? Chính là tu tâm thanh tịnh; tựa đề của kinh Vô Lượng Thọ đã nêu bày rất rõ ràng: Thanh tịnh, bình đẳng, giác. Khóa tối mỗi ngày, chúng ta phản tỉnh: Tâm chúng ta có thanh tịnh hơn ngày hôm qua mấy phần hay không? Có bình đẳng hay không? Có giác ngộ hay không? Mỗi ngày niệm "thanh tịnh, bình đẳng, giác", mà chẳng học thanh tịnh, bình đẳng, giác, đó gọi là niệm uổng công, niệm vô dụng. Cổ nhân nói: *"Gào toạc cổ họng vẫn uổng công"*, chẳng làm được! Biết mà không thể hành thì cũng như chẳng biết! Nhất định phải thật thà thực hiện, như vậy thì cái tâm thanh tịnh của chúng ta sẽ thành tựu.

***(Sao) Tắc tịnh niệm thành tựu, thanh tịnh tâm trung, ninh bất Phật hiện tiền hồ?***

**(鈔)則淨念成就，清淨心中，寧不佛現前乎。**

*(**Sao**: Tịnh niệm thành tựu, trong tâm thanh tịnh, lẽ nào Phật chẳng hiện tiền ư?)*

Trong cái tâm thanh tịnh, chẳng có giới hạn, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có hoài nghi. Khi ấy, tâm bèn hoàn toàn tương ứng với tâm Phật. Tâm Phật thanh tịnh, chẳng có hoài nghi, chẳng có vọng tưởng, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, tâm chúng ta cũng chẳng có, đó gọi là cảm ứng đạo giao. Tâm chúng ta có cảm, tâm

Phật bèn có ứng. Chúng ta một niệm cầu sanh, Tịnh Độ của Phật lập tức hiện tiền, đó là *"hiện tại kỳ tiền"*. Do vậy, đây là thật, chẳng giả.

***(Sao) Lăng Nghiêm vân: "Ức Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật", thị dã.***

**(鈔)楞嚴云：憶佛念佛，現前當來必定見佛。是也。**

*(**Sao**: Kinh Lăng Nghiêm nói: "Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật", chính là ý này).*

Đây là hai câu khai thị quan trọng nhất trong Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương. *"Ức"* là trong tâm nghĩ nhớ, *"niệm"* là trong tâm có. Trong Lục Thư[76], chữ Niệm (念) thuộc loại Hội Ý, phía trên là chữ Kim (今), phía dưới là chữ Tâm (心), tức *"kim tâm"* (cái tâm hiện tại), trong cái tâm hiện tại bèn thật sự có, đó là Niệm, chẳng phải là miệng niệm. Miệng niệm, mà trong tâm chẳng có, không gọi là niệm Phật. Trong tâm thật sự có, miệng chẳng niệm, vẫn gọi là niệm Phật. Ở đây, *"ức Phật, niệm Phật"*, chẳng nói là miệng niệm, đều là trong tâm thường nghĩ tưởng. Thường nghĩ tưởng, đó là Ức. Trong tâm thật sự có, đó là Niệm. Như vậy thì tịnh nghiệp rất dễ dàng thành tựu, sẽ có cảm ứng. *"Hiện tiền"* là nói chúng ta trong hiện tại, duyên của mỗi người khác nhau. Nếu duyên đặc biệt thù thắng, Phật hiện đang ở trước mặt chúng ta, chúng ta thấy rõ ràng, rành rẽ, mở mắt thấy Phật hiện đang ở trước mặt, *"hiện tiền thấy Phật"*. Kém hơn một bậc là trong Định, giống như khi chúng ta chỉ tĩnh trong lúc niệm Phật, khi tĩnh tọa, nhắm mắt, chẳng mở mắt, Phật hiện tiền, rành mạch, rõ ràng, đó là *"định trung kiến Phật"* (trong Định thấy Phật). Loại thứ ba là *"mộng trung kiến Phật"* (trong mộng thấy Phật), những điều này đều là *"hiện tiền kiến Phật"*. Hiện tiền còn có loại thứ tư là khi vãng sanh, khi hơi thở chưa dứt, người ấy còn có thể nói năng. Người còn có thể nói năng, đương nhiên là người sống! Thấy Phật hiện đến, khi ấy là *"hiện tiền kiến Phật"*, thấy Phật đến, theo Phật ra đi, chẳng cần thân thể này nữa, buông bỏ!

Chư vị ắt cần phải biết, pháp môn này xác thực là pháp môn bất tử, vãng sanh là vãng sanh trong khi còn sống, chẳng phải là chết rồi mới vãng sanh! Đã chết rồi mới vãng sanh thì là đã qua đời thứ hai, chẳng

---

[76] Lục Thư: Sáu cách cấu tạo chữ Hán, tức tượng hình, chỉ sự, hội ý, hình thanh, chuyển chú và giả tá.

phải là thành tựu ngay trong đời này! Pháp môn này là pháp môn thành tựu ngay trong đời này. Vì thế, thấy Tây Phương Tam Thánh, tức là [trông thấy] A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí đến đón tiếp, còn có nhiều vị Bồ Tát, La Hán theo Phật cùng đến tiếp dẫn. Phàm là những vị theo Phật cùng đến tiếp dẫn đều có nhân duyên rất sâu với người vãng sanh ấy. Nếu chẳng có duyên, sẽ không theo đến. Có duyên gì vậy? Nói chung là người nhà, quyến thuộc, bạn bè trong quá khứ, là những người rất thân thuộc. Trước kia, họ đã niệm Phật sớm vãng sanh từ trước, đã ở trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, lần này thấy quý vị niệm Phật thành công, nay cũng sắp đến thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật nghênh tiếp, chúng ta trước kia quen biết nhau, đều theo A Di Đà Phật cùng đến nghênh tiếp quý vị. Vì thế, những người theo A Di Đà Phật đến nghênh tiếp đều là người quen, cho thấy quý vị đến Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng tịch mịch, người quen thân cố nhiên rất nhiều! Chẳng đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải luân hồi trong lục đạo, đó mới là tịch mịch. Vì sao? Người nhà, quyến thuộc do nghiệp lực bất đồng, thảy đều phân tán, vĩnh viễn chẳng thấy mặt. Chỉ có đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, người nhà, quyến thuộc thường gặp mặt, thường ở cùng một chỗ. Quý vị nếu hiểu sự thật này, há có lẽ nào chẳng vội vã đến thế giới Cực Lạc? Vì thế, đây là *"hiện tiền kiến Phật"*. Sau khi đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ là *"đương lai kiến Phật"*, *"đương lai"* là cùng với A Di Đà Phật thời thời khắc khắc đều ở cùng một chỗ. Không chỉ là thấy A Di Đà Phật, mà mười phương hết thảy chư Phật Như Lai quý vị đều thường xuyên trông thấy, hằng ngày đến bái phỏng, dâng một chút cúng dường, nghe Phật, giảng kinh, thuyết pháp. Mười phương thế giới hết thảy các cõi Phật, muốn đến chỗ nào tham học, bèn đến đó tham học, đắc đại tự tại! Đó là *"hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật"*. Hôm nay, chúng tôi giảng tới chỗ này!

***Tập 247***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm tám mươi tư:

***(Sao) Phật lực giả, Đại Bổn Pháp Tạng nguyện vân: "Ngã tác Phật thời, thập phương vô ương số thế giới, chư thiên, nhân dân, hữu phát Bồ Đề tâm, tu chư công đức, nguyện sanh ngã sát, lâm thọ chung***

***thời, ngã dữ đại chúng, hiện kỳ nhân tiền". Tam Bối Vãng Sanh trung hựu vân: "Kỳ nhân mạng dục chung thời, Phật dữ thánh chúng, tất lai nghênh trí". Quán Kinh cửu phẩm, hoặc ngôn "A Di Đà Phật chí hành giả tiền", hoặc vân "chí kỳ nhân sở", giai hiện tiền ý dã.***

**(鈔)**佛力者，大本法藏願云：我作佛時，十方無央數世界，諸天人民，有發菩提心，修諸功德，願生我剎，臨壽終時，我與大眾現其人前。三輩往生中又云：其人命欲終時，佛與聖眾，悉來迎致。觀經九品，或言阿彌陀佛至行者前，或云至其人所，皆現前意也。

*(**Sao**: "Phật lực": Trong kinh Đại Bổn, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: "Khi ta thành Phật, chư thiên, nhân dân trong mười phương vô ương số thế giới, có người phát tâm Bồ Đề, tu các công đức, nguyện sanh về cõi ta, khi lâm chung, ta và đại chúng hiện trước người ấy". Trong phần Ba Bậc Vãng Sanh lại nói: "Khi người ấy lâm chung, Phật và thánh chúng đều đến đón tiếp". Phần chín phẩm trong Quán Kinh hoặc nói "A Di Đà Phật tới trước hành giả", hoặc nói "tới chỗ người ấy", đều là ý nghĩa "hiện tiền" vậy).*

Trong đoạn Sao này, đại sư giải thích Tự Lực và Phật Lực. Trong phần trước đã nói về Tự Lực, tiếp theo đó bèn giảng rõ về Phật Lực. *"Phật"* là A Di Đà Phật. Ở đây, chúng ta ắt cần phải biết, phải hiểu rõ, thì mới có thể trân quý nhân duyên hết sức tốt đẹp trong một đời này. Hết thảy chúng sanh từ vô thỉ kiếp tới nay, sanh tử luân hồi là chuyện đáng buồn nhất, là chuyện đau đớn nhất, thê thảm nhất, mà cũng là chuyện đáng hổ thẹn nhất. Tuy trong quá khứ, chúng ta cũng đã đời đời kiếp kiếp học Phật, niệm Phật, nhưng đều chẳng thể thành công, cũng có nghĩa là chúng ta chẳng thể vượt thoát luân hồi, nguyên nhân rốt ráo là gì? Trước hết, chúng ta phải hiểu: Do đâu mà có luân hồi? Trong kinh luận, đức Phật đã dạy rất minh bạch: Luân hồi do nghiệp lực biến hiện. *"Nghiệp lực"* là nói tới Kiến Tư phiền não; do vậy, đoạn Kiến Tư phiền não bèn vượt thoát luân hồi. Kinh luận cho chúng ta biết: Thánh giả Tiểu Thừa chứng đắc Tứ Quả La Hán, đoạn hết Kiến Tư phiền não, thoát khỏi luân hồi. Nói cách khác, chúng ta đời đời kiếp kiếp tu hành nhưng đều chẳng thể đạt tới tiêu chuẩn ấy.

Đời này tuy được làm thân người, lại còn gặp gỡ Phật pháp, hết thảy đều phải làm lại từ đầu. Hãy thử hỏi đời này có năng lực đoạn phiền

não hay không? Đoạn phiền não cần có Định Huệ kha khá, đó là [xét theo] các pháp môn theo đường lối thông thường. Chúng ta chẳng có công phu định lực sâu như thế, đoạn một phẩm phiền não chẳng xong. Nói cách khác, tu học các pháp môn khác sẽ gặp khó khăn, hết sức khó khăn. Pháp môn Tịnh Tông thuận tiện nhất trong hết thảy các pháp môn, mà cũng là thù thắng nhất, vì nó chẳng cần đoạn phiền não, chỉ cần chế phục phiền não là được rồi. Chế phục phiền não thì mỗi người chúng ta nếu thật sự chịu dụng công đều có thể làm được. Đoạn phiền não thì không nhất định, khó lắm! Nhưng quý vị phải chịu chế phục thì mới được! Vì sao chế phục phiền não có thể vượt thoát luân hồi? Do bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, tiếp dẫn chúng ta vãng sanh; do vậy, pháp môn này được gọi là *"nhị lực pháp môn"*. Bản thân chúng ta có đủ những điều kiện ấy, A Di Đà Phật bèn lôi kéo, dẫn dắt chúng ta vãng sanh, nguyên nhân là như thế đó. Pháp môn này tuy dễ dàng, đơn giản, nhưng nhất định là phải trọn đủ tín nguyện.

Trong phần trước đã nói sức mạnh của chính mình là tín nguyện, sức mạnh của Phật Di Đà là tiếp dẫn. Chúng ta có tín tâm hết sức thanh tịnh, có nguyện vọng vãng sanh thế giới Cực Lạc mạnh mẽ, đó gọi là *"tin sâu, nguyện thiết"*, sức mạnh tín nguyện ấy nhất định phải vượt trỗi nghiệp lực, quý vị quyết định vãng sanh. Do vậy, chúng ta thấy có rất nhiều người niệm Phật, thời gian niệm Phật chẳng nhất định là rất lâu, đương nhiên chúng ta thấy có người niệm vài chục năm, [có kẻ] niệm ba năm, năm năm, cũng thấy có người niệm mấy tháng, đều có thể đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh, biết trước lúc mất, thậm chí còn có người [chỉ niệm Phật] vài ngày, phù hợp với điều được nói trong kinh này: *"Hoặc một ngày cho đến bảy ngày"*. Bảy ngày có thể vãng sanh, do nguyên nhân nào? Do tín nguyện vô cùng mạnh mẽ! Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói: *"Có thể vãng sanh hay không, hoàn toàn do có tín nguyện hay không"*. Tin sâu, nguyện thiết bèn quyết định được vãng sanh! Sức mạnh gia trì và oai thần của Phật Di Đà hết sức rõ rệt, phân minh, rành rẽ. Phẩm vị vãng sanh trong thế giới Tây Phương tùy thuộc công phu niệm Phật của chúng ta cạn hay sâu, tức là phải nói tới niệm lực. Trong phần sau, chúng tôi sẽ bàn đến.

Đoạn này trích dẫn kinh văn từ kinh Vô Lượng Thọ và Quán Kinh để chứng minh: Khi người niệm Phật vãng sanh, đức Phật nhất định đến tiếp dẫn. Khi Phật đến tiếp dẫn, chính là *"hiện tiền kiến Phật"* (thấy Phật trong hiện tại). Vì sao? Người ấy vẫn chưa chết, còn sống nhăn! Còn

sống mà thấy Phật đến tiếp dẫn người ấy, theo Phật ra đi như thế đó. Thông thường, nói đến "hiện tiền thấy Phật" thì có ba loại trạng huống:

1) Có một loại là thấy trong Định. Thường thấy nhất là khi chúng ta chỉ tĩnh trong lúc niệm Phật, hoặc là niệm một mình, hoặc niệm Phật cùng với đại chúng, giống như lúc chỉ tĩnh trong Phật Thất, thấy Phật khi ấy thì đều thuộc về *"Định trung kiến Phật"* (thấy Phật trong Định).

2) Loại kế tiếp là thấy Phật trong giấc mộng khi ngủ, loại này được coi như *"hiện tiền kiến Phật"*.

3) [Loại thứ ba là] lâm chung, Phật đến tiếp dẫn. Người phước báo to lớn, tự mình biết sẽ mất ngày nào, chẳng ngã bệnh, tỉnh táo, sáng suốt. Do vậy, trong kinh luận, chư Phật, chư tổ sư thường khuyên dạy chúng ta hãy tu phước, tu phước nhưng đừng hưởng phước. Quý vị tu được một tí phước báo, hưởng hết sạch trong cuộc sống hằng ngày, sẽ chẳng có phước, khi lâm chung phải ngã bệnh. Khi bệnh nặng bèn mê hoặc, điên đảo, bất tỉnh nhân sự, vậy thì khó lắm; khi ấy, Phật chẳng gia trì được! Phật có thể gia trì quý vị thì nhất định là thần trí của quý vị phải hết sức tỉnh táo, chẳng điên đảo thì Phật Lực mới gia trì được. Đến lúc đó, hễ mê hoặc, điên đảo, thậm chí người nhà, quyến thuộc đều chẳng nhận ra, chắc chắn là khi ấy Phật chẳng thể gia trì được. Người ấy nhất định lưu chuyển theo nghiệp, đó là chuyện đáng sợ nhất, mà cũng là chuyện kinh hãi nhất. Do vậy, một sát-na lâm chung đúng là *"sanh tử sự đại"* (sanh tử là chuyện lớn).

Chư vị nhất định phải hiểu: Trong một đời này, thời gian mấy chục năm, chỉ một sát-na đã qua mất rồi, thời gian rất ngắn ngủi! Hễ luân hồi, phải sanh trong đường khác, thời gian [thọ sanh trong ấy] rất dài. Thọ mạng của ngạ quỷ đạo rất dài, một ngày trong ngạ quỷ đạo là một tháng trong nhân gian. Nếu cũng dùng một năm ba trăm sáu mươi ngày để tính toán, một năm trong quỷ đạo là ba trăm sáu mươi tháng trong nhân gian! Đối với thọ mạng của họ, đoản mạng cũng sống đến một ngàn năm, quý vị nghĩ xem: Điều này đáng sợ lắm! Cuộc sống trong ngạ quỷ đạo rất khổ, chẳng thấy ánh sáng mặt trời. Trong nhân gian, chúng ta thấy mặt trời, ngạ quỷ đạo vĩnh viễn chẳng thấy mặt trời, trạng huống giống như khi trời âm u. Vì thế, chúng ta gọi nó là *"âm gian"* (陰間: cõi tối tăm, cõi âm) là có đạo lý. Đừng thấy súc sanh đạo thọ mạng rất ngắn [mà tưởng lầm], hễ đọa trong súc sanh đạo, rất khó thoát khỏi! Súc sanh ngu si, hễ có cái thân ấy, chúng bèn vĩnh viễn ghi nhớ thân đó, chẳng có cách nào thoát lìa! Trong kinh, đức Phật có nói: Thuở ấy, khi

xây phòng ốc tại tinh xá Kỳ Viên, trên mặt đất có tổ kiến, đức Phật trông thấy bèn cười. Các đệ tử hỏi đức Phật cười gì thế? Đức Phật bảo họ: "Các ông xem bọn kiến này, chúng nó làm thân kiến. Bảy đức Phật đã xuất thế rồi mà chúng nó vẫn còn làm kiến". Chẳng phải là kiến có thọ mạng dài như thế, mà là chết đi, lại sanh làm kiến, sanh sanh tử tử đều chẳng lìa khỏi cái tổ ấy, chấp trước kiên cố! Do vậy, trong súc sanh đạo, rất khó thoát khỏi thân hình ấy. Địa ngục đạo lại càng chẳng cần phải nói nữa, rất khổ! Trong [Phật Học Giảng Tòa] Thập Tứ Giảng, cụ Lý Bỉnh Nam đã bảo: Một ngày trong địa ngục bằng hai ngàn bảy trăm năm trong nhân gian. Người Hoa tự xưng là đã có lịch sử lâu tới năm ngàn năm, trong địa ngục chưa tới hai ngày! Thọ mạng trong địa ngục đúng là vạn vạn năm, chẳng giả tí nào! Quý vị bèn hiểu là đáng sợ lắm! Kinh hoàng lắm! Vì thế, một niệm lúc lâm chung sai lầm sẽ phải đọa trong ba ác đạo, hết sức bất hạnh!

Như thế nào thì mới có thể bảo đảm đời sau chúng ta sẽ chắc chắn vãng sanh Tây Phương, thấy A Di Đà Phật? Vậy thì quý vị nhất định phải tu phước. Kinh dạy: *"Chẳng thể do chút thiện căn, phước đức, nhân duyên, mà được sanh về cõi ấy"*. Tu phước, nói thật ra, người chẳng có phước báo vẫn chẳng tu phước được. Vì sao? Phước báo do kẻ ấy đã tu là giả. Trong Liễu Phàm Tứ Huấn có nói, phước báo có thật, có giả, có thiên (偏: lệch lạc, chẳng trọn vẹn), có viên (圓: viên mãn). Vì vậy, phải có phước báo, phải có trí huệ, quý vị mới gieo phước điền thật sự. Giống như chúng ta gieo trồng thực vật, trồng nơi cuộc đất phì nhiêu, sẽ sanh trưởng xum xuê! Trồng nơi cát đá, ngay cả hạt giống cũng bị hư nát, chẳng thể thâu hoạch. Do vậy, nhất định phải biết phân biệt chân, vọng, tà, chánh, đúng, sai, thiện, ác thì phước điền mới chân thật. Điều này cần đến trí huệ. Chính mình quyết định chẳng hưởng phước báo, ta có phước bèn nhường cho đại chúng hưởng, để dành phước báo đến lúc lâm chung, khi lâm chung sẽ tỉnh táo, sáng suốt. Giống như năm xưa, lão cư sĩ Lý Tế Hoa thuộc Niệm Phật Đoàn tại đường Long Giang, thành phố Đài Bắc, biết trước ngày vãng sanh hai tháng. Ngày cụ vãng sanh bèn giảng kinh A Di Đà cho mọi người suốt một tiếng rưỡi. Sau khi đã nói xong, bèn từ tạ mọi người: "Tôi phải về nhà", bước xuống bục giảng, ngồi trên ghế sofa vãng sanh. Quý vị thấy tự tại lắm! Cụ đã nêu tấm gương tốt nhất cho người niệm Phật chúng ta: Cụ đã tám mươi mấy tuổi, tuổi thọ cũng dài, lúc ra đi tiêu sái dường ấy! Cụ tu như thế nào, chúng ta phải lưu ý điều ấy, phải nên học tập theo. Chính mình hội đủ những điều

kiện ấy, khi lâm chung nhất định Phật đến nghênh tiếp. Chớ nên hoài nghi, Phật nhất định đến nghênh tiếp, có đáng tin cậy hay chăng? Ba kinh đều nói như vậy, kinh Di Đà nói như vậy, mà kinh Vô Lượng Thọ cũng nói giống như vậy!

Trong kinh Vô Lượng Thọ, phần bổn nguyện của A Di Đà Phật có nói như vậy. *"Pháp Tạng nguyện"* chính là bổn nguyện của A Di Đà Phật: *"Ngã tác Phật thời, thập phương vô ương số thế giới"* (Khi ta thành Phật, mười phương vô ương số thế giới), *"vô ương"* (無央) là con số vô lượng. Câu này đã bao quát mười phương tất cả hết thảy thế giới của chư Phật, chẳng sót cõi nào, đương nhiên là thế giới của chúng ta cũng được bao gồm trong bổn nguyện của Phật Di Đà. *"Chư thiên nhân dân"*: Câu này rất quan trọng, hoàn toàn nói đến phàm phu trong lục đạo, trọn chẳng phải là thánh nhân, chẳng nói là Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác. Có thể thấy thế giới Tây Phương xác thực là vì bọn phàm phu sanh tử chúng ta mà kiến lập, thánh nhân vãng sanh là chuyện kèm thêm! Thiện Đạo đại sư nói theo kiểu này. Ngài nói rất chánh xác, kinh văn dạy như vậy đó. *"Hữu phát Bồ Đề tâm, tu chư công đức"* (Có kẻ phát tâm Bồ Đề, tu các công đức), phát Bồ Đề tâm là tâm thật sự giác ngộ, giác ngộ gì vậy? Giác ngộ thế gian này là khổ. Người trong thế gian này rất khổ, nhất tâm nhất ý mong lìa khỏi thế giới này, chúng ta dời sang một thế giới tốt đẹp hơn, cái tâm ấy là Bồ Đề tâm. Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã bảo: *"Thật sự phát tâm cầu nguyện vãng sanh, tâm ấy là vô thượng Bồ Đề tâm"*. Bồ Đề (Bodhi) dịch sang tiếng Hán là "giác ngộ". Tâm Bồ Đề là thật sự giác ngộ. *"Tu chư công đức"* (Tu các công đức): Nếu nói theo pháp môn thông thường, công đức là nói tới Giới, Định, Huệ. Nói theo pháp môn Niệm Phật, tín nguyện trì danh là công đức. Nhưng bất luận là các tông hay là Tịnh Độ, ắt đều cần phải tu Tam Phước và Lục Hòa. Đấy là cơ sở của hết thảy Phật pháp, giống như xây nhà: Bất luận quý vị xây nhà theo hình thức nào, xây nhà cao hay xây nhà thấp, nhất định phải xây nền móng cho vững. Mọi người đều biết: Người niệm Phật rất đông, người vãng sanh rất ít, nguyên nhân ở chỗ nào? Tuyệt đối chẳng phải là họ niệm Phật không nỗ lực, [chẳng phải là do] niệm Phật chẳng dụng công! Chúng ta thấy họ tín nguyện hạnh đều trọn đủ, và cũng hết sức nỗ lực tinh tấn, đến cuối cùng chẳng thể vãng sanh! Nói thật ra, nguyên nhân là do họ chẳng nghiêm túc tu nơi cơ sở, cơ sở chính là Tam Phước. Chuyên tu Tam Phước mà chẳng có tín nguyện trì danh, Tam Phước sẽ biến thành phước báo nhân, thiên, tuyệt

đối chẳng đọa trong tam đồ, đời sau hưởng phước báo nhân, thiên. Nếu dùng cơ sở Tam Phước, lại còn có tín nguyện trì danh, người ấy nhất định vãng sanh. Phước đức cộng thêm tín nguyện trì danh, phước đức sẽ biến thành công đức. Đó là *"tu chư công đức"*.

*"Nguyện sanh ngã sát"* (Nguyện sanh về cõi ta), [nghĩa là] mong sanh về Tây Phương Tịnh Độ. *"Lâm thọ chung thời, ngã dữ đại chúng hiện kỳ nhân tiền"* (Khi lâm chung, ta và đại chúng hiện trước người ấy). *"Ta"* là A Di Đà Phật tự xưng, *"đại chúng"* là Quán Âm, Thế Chí, còn có những người theo Tam Thánh cùng đến nghênh tiếp quý vị. Trong các buổi giảng, chúng tôi đã nói rất nhiều lần: Những người ấy đều là người quen biết của quý vị trong đời quá khứ, hoặc trong đời hiện tại, là người nhà quyến thuộc, hoặc đồng tham đạo hữu của chúng ta. Họ đã vãng sanh trước, [hiện thời], duyên của chúng ta chín muồi, họ cũng đến, theo A Di Đà Phật cùng đến tiếp dẫn chúng ta. [Là người quen hoặc thân thuộc] trong đời quá khứ, chúng ta chẳng nhận biết, nhưng khi ấy, mọi người vừa giới thiệu, vừa nói ra, ta đều nhận biết. Vì sao? Năng lực thần thông của quý vị hiện tiền, những chuyện trong đời đời kiếp kiếp quá khứ đều nghĩ tới, đều nhớ tới, vừa thấy liền nhận ra. Trong một đời này, ví như cụ Lý Bỉnh Nam tại Đài Trung Liên Xã đã vãng sanh. Khi chúng ta vãng sanh, cụ Lý Bỉnh Nam nhất định theo A Di Đà Phật cùng đến tiếp dẫn chúng ta. Chúng ta rất thân thuộc với cụ, cụ nhất định đến tiếp dẫn chúng ta. Tại Đài Loan, hoặc là nơi nào khác, chúng ta nghe người nào đó vãng sanh, nghe tên người ấy bèn sanh tâm hoan hỷ, [tức là] có duyên với người ấy, người ấy cũng sẽ theo A Di Đà Phật đến, bảo: "Ta là người nào đó". Khi ấy, ta mới nhớ tới: "Chúng tôi rất kính phục Ngài". Như lão cư sĩ Lý Tế Hoa, rất nhiều người tuy chẳng gặp cụ, nhưng tên tuổi cụ rất thân thuộc, cho đến khi ấy: "Ta là Lý Tế Hoa", cụ bèn trở thành rất thân thuộc. Người theo A Di Đà Phật tới nghênh tiếp đều là người quen. Điều này cho thấy: Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ chẳng tịch mịch, chẳng xa lạ, người quen rất nhiều, đồng tham đạo hữu trong đời đời kiếp kiếp, [đó là] chư thượng thiện nhân, những người ấy đều theo Phật đến tiếp dẫn. Đấy là *"ngã dữ đại chúng hiện kỳ nhân tiền"* (ta và đại chúng hiện trước người ấy). Khi [Phật và thánh chúng] hiện ra trước mặt, chúng ta trông thấy rõ ràng, rành rẽ, trong tâm hiểu rõ, hoan hỷ theo Phật ra đi.

Do vậy, chư vị nhất định phải ghi nhớ: Vãng sanh là ra đi trong khi còn sống! Theo Phật ra đi, chẳng cần đến cái đãy da hôi thối này, vứt

bỏ! Ra đi như thế đó. Chẳng phải là đã chết rồi mới vãng sanh. Do vậy, pháp môn này là pháp môn bất tử, ra đi ngay trong khi còn sống. Phước báo to lớn, thần trí tỉnh táo, bảo với đại chúng bên cạnh: *"Phật đến rồi, ta đã thấy, ta sẽ theo Ngài ra đi"*, người ấy quyết định vãng sanh. Phước báo kém hơn một chút, có bệnh khổ, khi bệnh nặng hơn, lúc lâm chung, thân thể hết sức suy yếu, tuy thần trí rất sáng suốt, nói chuyện chẳng phát ra tiếng được. Có rất nhiều đồng tu trợ niệm, thấy người ấy vãng sanh trong tiếng niệm Phật, quan sát cặn kẽ, khi người ấy sắp ra đi, miệng máy động, nhưng chẳng có âm thanh. Người ấy khi lâm chung, miệng mấp máy, chẳng phải là niệm Phật, mà là muốn bảo với mọi người: *"Phật đã đến, ta sẽ theo Ngài ra đi"*, nhưng nói chẳng ra tiếng. Đó là phước báo của người ấy còn kém hạng người trước rất xa!

Nói chung, thời gian trong đời này ngắn ngủi, đối với sự hưởng thụ vật chất và tinh thần, xác thực là chúng ta phải bỏ bớt, tu phước cho nhiều, sẽ thật sự có lợi ích, sẽ có lợi ích thật sự, sẽ có điều tốt đẹp thật sự và to lớn cho quý vị. Tham cầu đôi chút hưởng thụ trước mắt, nói thật ra, sẽ có hại to lớn! Đức Phật thường nói người thế gian điên đảo, chẳng biết đến lợi ích thật sự, nhìn sự việc sai lầm, hoàn toàn thấy điên đảo, chẳng nhận ra lợi ích chân thật, chẳng biết những điều tổn hại thật sự! Chỉ có học Phật, thật sự thông hiểu những giáo huấn chân thật của đức Phật trong kinh điển thì chúng ta mới có thể giác ngộ lợi ích thật sự là gì, tai hại thật sự là gì; [do đó] khởi tâm động niệm và hành vi của chúng ta sẽ tự nhiên khác hẳn! Một người thật sự phát Bồ Đề tâm, tức là đã thật sự giác ngộ, nhất tâm nhất ý hướng tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, trước khi ra đi, thời thời khắc khắc dường như luôn gìn giữ mối liên hệ mật thiết với A Di Đà Phật, tín tâm mạnh mẽ! Cuộc sống tinh thần vui sướng lắm! Người chân tín, nguyện thiết đạt được [niềm vui sướng ấy]. Đấy là những điều được nói trong bốn mươi tám nguyện.

Kế đó, trích dẫn những điều được nói trong chương Tam Bối Vãng Sanh [của kinh Vô Lượng Thọ]: *"Kỳ nhân mạng dục chung thời, Phật dữ thánh chúng tất lai nghênh trí"* (Người ấy lúc sắp mất, Phật và thánh chúng đều đến đón tiếp), đến đón tiếp giống như trong phần bổn nguyện đã nói. Trong chương Cửu Phẩm Vãng Sanh của kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, phép Quán thứ mười sáu trong mười sáu phép Quán nói về chín phẩm vãng sanh: *"Hoặc ngôn A Di Đà Phật chí hành giả tiền, hoặc vân chí kỳ nhân sở"* (Hoặc nói "tới trước hành giả", hoặc nói "tới chỗ người ấy"), không chỉ là nói một lần, mà nói rất nhiều lượt.

*"Giai hiện tiền ý"* (Đều là ý nghĩa "hiện tiền"): Những phần kinh văn ấy đều nói đến chuyện thấy Phật trong hiện tiền. Đại Thế Chí Bồ Tát bảo chúng ta: *"Hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật"* (Trong hiện tại và tương lai, nhất định thấy Phật), những điều được nói ở đây đều thuộc loại *"hiện tiền thấy Phật"*, đều là nói khi lâm chung Phật đến tiếp dẫn.

***(Sao) Ngôn chư kinh giả.***

**(鈔)**言諸經者。

*(**Sao**: Nói "các kinh" nghĩa là...).*

Trong phần trước, đã trích dẫn Tịnh Độ Tam Kinh, ngoài Tịnh Độ Tam Kinh, [các kinh luận khác] có nói [đến chuyện tiếp dẫn] hay không? Có chứ! Các kinh nói kèm theo rất nhiều! Trong quá khứ, người Hoa ít đổ công dốc sức khảo cứu, nhưng người Nhật làm rất nhiều. Người Nhật đã tra cứu trong hết thảy các kinh, tra thấy có gần hai trăm năm mươi, hoặc hai trăm sáu mươi loại kinh luận, trong ấy, đức Phật đều có nói đến Tây Phương Tịnh Độ. Vì thế, cổ nhân nói: *"Ngàn kinh vạn luận, chỗ nào cũng chỉ quy"* chẳng giả, xác thực là sự thật. Dưới đây cũng chỉ nêu mấy thí dụ, chứ nếu mỗi kinh luận đều trích dẫn, sẽ quá nhiều, mà cũng quá rườm rà! Nêu lên mấy thí dụ [như dưới đây]:

***(Sao) Xưng Dương Chư Phật Công Đức Kinh vân: "Nhược hữu đắc văn Vô Lượng Thọ Như Lai danh giả, nhất tâm tín nhạo, kỳ nhân mạng chung, A Di Đà Phật dữ chư tỳ-kheo trụ kỳ nhân tiền, ma bất năng hoại bỉ chánh giác tâm".***

**(鈔)**稱揚諸佛功德經云：若有得聞無量壽如來名者，一心信樂，其人命終，阿彌陀佛與諸比丘住其人前，魔不能壞彼正覺心。

*(**Sao**: Kinh Xưng Dương Chư Phật Công Đức nói: "Nếu có kẻ được nghe danh hiệu của Vô Lượng Thọ Như Lai, nhất tâm tin ưa, người ấy mạng chung, A Di Đà Phật và các tỳ-kheo ở trước mặt người ấy, ma chẳng thể phá hoại tâm Chánh Giác của người ấy").*

Đây là một đoạn trích từ kinh Xưng Dương Chư Phật Công Đức, nhắc cho chúng ta biết một sự thật, giống như trong kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện đã nói: Người bình phàm khi lâm chung, chắc chắn sẽ

có ma đến nhiễu loạn. Trừ phi trong đời này, quý vị tu phước đức rất lớn. Do đại phước đức ấy, có thiện thần đến bảo hộ quý vị, ma chẳng thể nhiễu loạn quý vị, quý vị nhất định sanh lên cõi trời. Nếu đời sau sanh làm thân người, cũng là bậc đại phú, đại quý, có thần hộ pháp che chở quý vị. Quý vị thật sự tu đại phước, tích lũy đại đức, cho nên mới được thiện thần che chở quý vị. Những kẻ bình phàm chắc chắn là chẳng được, nhất định sẽ có ma đến nhiễu loạn. Ma là gì? Oán thân trái chủ. Khi quý vị được hồng vận cao chiếu[77], họ chẳng có cách nào làm gì quý vị được, chẳng dám bén mảng tới bên cạnh quý vị. Khi người sắp chết, vận đã suy, gần như suy đến zero; khi ấy, những oán gia trái chủ đó muốn là suy tính cách báo thù quý vị, có thể tìm đến gây khó dễ. Vì vậy, khi lâm chung, vào lúc ấy, sẽ thấy khá nhiều người nhà quyến thuộc, đều là những kẻ đã chết; khi đó, quý vị sẽ thấy [như thế]. Chúng ta đến bệnh viện thường nghe người vào lúc thoi thóp [kêu lên]: "Người nào đó đứng ở cửa, người nào đó tiến vào", toàn nhắc đến người nhà quyến thuộc. Có phải là người nhà quyến thuộc thật sự hay chăng? Chẳng phải! Kinh Địa Tạng đã dạy: Họ chính là oán gia trái chủ biến hiện thành hình tướng người nhà, quyến thuộc đến dụ dỗ, mê hoặc, bảo người ấy (người sắp chết) đi theo họ. Sau khi theo đi, sẽ tính toán nợ nần. Nói cách khác, thiếu mạng phải đền mạng, thiếu nợ phải đền tiền, sẽ phải báo đền! Chúng ta đọc kinh Địa Tạng, ít nhiều có thể hiểu rõ đôi chút chân tướng sự thật này. Biết chân tướng sự thật, cái tâm xử sự, đãi người, tiếp vật của chúng ta tự nhiên sẽ có cảnh giác. Phải biết là đối với người khác như thế nào, trong tương lai sẽ có người đối xử với ta y hệt, nhân quả báo ứng chẳng sai sót mảy may. Chúng ta có thể lừa người một lúc nào đó, chẳng thể lừa gạt mãi mãi! Lừa gạt họ một đời này, sau khi đã chết, quỷ sẽ có Ngũ Thông (năm thứ thần thông), chúng ta chẳng lừa họ được! Vì thế, báo oán là đời đời kiếp kiếp chẳng hết, chẳng xong, quý vị mới biết chuyện này đáng sợ lắm! Người niệm Phật nhất tâm niệm Phật, được chư Phật hộ niệm, có thần hộ pháp che chở; cho nên lâm chung ma chẳng có dịp thuận tiện ra tay. Vận của chúng ta tuy đã suy, nhưng được Phật quang gia trì. Chỗ khẩn yếu trong kinh văn là một câu này, điều kiện là *"nhất tâm tín nhạo"* (một lòng tin ưa). *"Nhất tâm tín"* là tin sâu, *"nhạo"* (樂) là ưa thích, mong được thấy A Di Đà Phật, mong vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhất tâm mong mỏi chính là *"thiết nguyện"* (nguyện thiết tha). Do vậy, câu này chính là tin sâu, nguyện

[77] Ý nói đang lúc rất may mắn.

thiết, sẽ được A Di Đà Phật gia trì, khi lâm chung Phật và đại chúng đến tiếp dẫn.

***(Sao) Hựu Cổ Âm Vương Kinh vân: "Nhược hữu tứ chúng, năng chánh thọ trì bỉ Phật danh hiệu, lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật, tức dữ đại chúng, trụ kỳ nhân tiền, linh kỳ đắc kiến".***

**(鈔)又鼓音王經云：若有四眾，能正受持彼佛名號，臨命終時，阿彌陀佛，即與大眾，住其人前，令其得見。**

*(**Sao**: Kinh Cổ Âm Vương lại nói: "Nếu có tứ chúng có thể chân chánh thọ trì danh hiệu đức Phật ấy, khi lâm chung, A Di Đà Phật liền cùng đại chúng trụ trước người ấy, khiến cho người ấy trông thấy").*

*"Tứ chúng"* (四眾) được nói trong kinh Cổ Âm Vương chính là tại gia nam chúng, tại gia nữ chúng, xuất gia nam chúng, và xuất gia nữ chúng, thật sự phát tâm tu Tịnh Độ. *"Năng chánh thọ trì"* (Có thể chân chánh thọ trì), lời tiểu chú [trong sách Diễn Nghĩa] có ghi: *"Ly hồ tứ cú, bất tạp dư duyên, thị danh chánh thọ trì"* (Lìa khỏi bốn câu[78], chẳng xen tạp các duyên khác thì gọi là chánh thọ trì), kẻ bình phàm chúng ta chẳng thể làm được điều này. Chúng ta hạ thấp tiêu chuẩn một chút, kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta *"phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm"*, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật dạy chúng ta *"nhất tâm hệ niệm"*, đó đều là chánh thọ trì. Đối với nhất tâm hệ niệm và một mực chuyên niệm, chúng tôi nói rõ ý nghĩa này đôi chút. Trong tâm kẻ bình phàm, luôn có những nỗi vướng mắc, những nỗi vướng mắc ấy chính là *"hệ niệm"* (繫念). Trong thế gian này, có chuyện nào quý vị chẳng buông xuống được? Hết thảy đều có thể buông xuống, nhưng có một chuyện không thể buông xuống, thời thời khắc khắc ghim trong lòng, đó là *"hệ niệm"*. Chúng ta đổi chuyện ấy thành A Di Đà Phật là được rồi. Người thế gian thường chẳng thể buông xuống tình thân thuộc, không bỏ con cháu được, quý vị hãy đổi [lòng quyến luyến] con cháu thành [quyến luyến] A Di Đà Phật, đó chính là nhất tâm hệ niệm, là một mực chuyên niệm. Chẳng bỏ tài sản xuống được, quý vị hãy đổi tài sản thành thế giới Cực Lạc, nhất tâm nhất ý vương vấn thế giới Cực Lạc; đó là nhất tâm hệ niệm,

---

[78] Bốn câu là *"có, không, cũng có cũng không, chẳng phải có chẳng phải không"*. Bốn câu này chính là sự khái quát các quan niệm chấp trước, tương đối của con người.

hoặc một mực chuyên niệm. Ý nghĩa này liền [trở nên] dễ hiểu. Chư vị phải biết: Hết thảy mọi thứ trong thế gian đều là mây khói trôi qua trước mắt, để cho quý vị ngắm nghía trong thoáng chốc, chẳng có thứ gì để có thể đạt được! Đó là sự thật, chẳng có gì để quý vị có thể đạt được, kể cả thân thể của chính mình đều chẳng đạt được. Quý vị ban đêm đã ngủ say vùi, người ta khiêng quý vị đi cũng chẳng biết. Đúng hay không? Thân thể này chẳng phải là của chính mình, huống hồ vật ngoài thân! Do vậy, vướng mắc điều gì cũng là uổng công nắm níu, chẳng hữu dụng tí ti nào! Quý vị vướng mắc thế giới Cực Lạc, vấn vương A Di Đà Phật, sẽ thật sự hữu dụng. Vì sao? Tới khi mạng chung, A Di Đà Phật thật sự ở trước mặt, tiếp dẫn quý vị. Sanh về thế giới Tây Phương, quý vị đã đọc Tịnh Độ Tam Kinh, đối với sự phú quý hưởng thụ vật chất trong thế giới Tây Phương, [tất cả những hưởng thụ trong thế gian] làm sao có thể sánh bằng? Nay quý vị coi vàng ròng, đá quý là báu vật vô giá, cất chứa kỹ càng, đeo ở trên thân bèn cảm thấy đẹp đẽ khôn xiết! Trong thế giới Tây Phương, vàng ròng lót đất, bảy báu là vật dụng để xây dựng giống như xi-măng cốt sắt. [Người trong] Tây Phương Cực Lạc thế giới thấy quý vị đem những thứ ấy đeo giắt khắp người, sẽ cười rụng răng! Vì thế, phải hiểu rõ: Thời gian [sống trong thế gian này] ngắn ngủi, tạm bợ, đừng nên ngu si, mê hoặc như vậy. Những vật ấy là đồ hại người, khiến cho chúng ta tham luyến thế giới Sa Bà, vĩnh viễn chẳng thể xuất ly. Những thứ ấy đều gọi là *"ma chướng"*, hễ thật sự giác ngộ, sẽ vứt bỏ sạch sành sanh. Đời đời kiếp kiếp trong quá khứ, chúng ta đã bị nó hại, đời này vẫn chịu để nó hại nữa ư? Thấy rõ ràng, thấy minh bạch, bèn thảy đều vứt bỏ, chẳng bị nó hại nữa, đời này chúng ta mới có thể thật sự thoát ly. Người học Phật đông đảo, người nghe kinh cũng thật nhiều, nhưng nghe hiểu, nghe xong bèn hiểu rõ rất ít. Trong một trăm, hai trăm người nghe kinh ở nơi đây, có thể có được hai, ba người hiểu rõ, hai ba người thật sự giác ngộ, chẳng uổng công giảng kinh này! Vì sao? Hai ba người ấy đến thế giới Tây Phương làm Phật. Tuy chẳng nghe hiểu, chẳng thể buông xuống, nhưng cũng có lợi ích nho nhỏ là huân tập một chủng tử trong A Lại Da Thức, đời này chẳng thể thành tựu, đến đời sau, hoặc trong vô lượng kiếp sau, lại có duyên phận gặp gỡ pháp hội này, trở lại! Chỉ đành là như vậy, đó là chuyện chúng ta đã làm đời đời kiếp kiếp trong quá khứ. Đã thật sự giác ngộ, đời này hãy nên vượt thoát, đấy mới là thật sự đáng quý. Chúng ta phải hiểu rõ ràng, minh bạch câu *"chánh thọ trì"* này.

***(Sao) Hựu Hoa Nghiêm tứ thập lục kinh vân.***

**(鈔)又華嚴四十六經云。**

*(**Sao**: Kinh Hoa Nghiêm, quyển thứ bốn mươi sáu, lại nói).*

Trích dẫn quyển bốn mươi sáu của Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh.

***(Sao) Như Lai hữu thập chủng Phật sự, nhất giả, nhược hữu chúng sanh chuyên tâm ức niệm, tắc hiện kỳ tiền đẳng.***

**(鈔)如來有十種佛事，一者若有眾生專心憶念，則現其前等。**

*(**Sao**: Như Lai có mười thứ Phật sự. Một là nếu có chúng sanh chuyên tâm ức niệm, ắt hiện trước người ấy v.v...).*

*"Đẳng"* (等) là nói sau đó còn có những câu khác, nhưng tỉnh lược[79]. Trong mười thứ Phật sự của Như Lai, thứ nhất là niệm Phật, mới biết pháp môn Niệm Phật được hết thảy chư Phật Như Lai coi trọng, xếp vào hàng đầu. Nếu có chúng sanh chuyên tâm ức niệm, *"Phật hiện tiền"* cũng có nghĩa là Phật lực gia trì, hiện tiền thấy Phật. Hai câu dưới đây là tổng kết.

---

[79] Đoạn này trích từ phẩm Phật Bất Tư Nghị Pháp (các pháp chẳng thể nghĩ bàn của Phật) trong Bát Thập Hoa Nghiêm. Khi ấy, các vị Bồ Tát dự hội chợt nghĩ về các điều chẳng thể nghĩ bàn nơi Phật quốc độ, Phật bổn nguyện, Phật chủng tánh, Phật xuất hiện, Phật thân, Phật âm thanh v.v… Do được thần lực của Tỳ Lô Giá Na Phật gia trì, Thanh Liên Hoa Tạng Bồ Tát trụ trong sự vô úy của Phật, nhập Phật pháp giới, được hưởng oai đức của Phật, thần thông tự tại, đắc sự quán sát quảng đại vô ngại của Phật, bèn giảng giải các pháp chẳng thể nghĩ bàn của đức Phật cho các vị Bồ Tát trong thế giới Hoa Tạng. Xin trích đoạn nói về mười thứ Phật sự như sau: *"Các Phật tử! Chư Phật Thế Tôn trong hết thảy thế giới, hết thảy thời, có mười thứ Phật sự. Những gì là mười? Một là nếu có chúng sanh chuyên tâm ức niệm bèn hiện trước người ấy. Hai là nếu có chúng sanh tâm chẳng điều thuận, bèn vì kẻ ấy thuyết pháp. Ba là nếu có chúng sanh có thể sanh lòng tin thanh tịnh, ắt khiến cho người ấy có được vô lượng thiện căn. Bốn là nếu có chúng sanh có thể nhập pháp vị, thảy đều làm cho người ấy chứng nhập trong hiện tại, không gì chẳng hiểu rõ. Năm là giáo hóa chúng sanh chẳng mỏi mệt. Sáu là dạo các cõi Phật, qua lại vô ngại. Bảy là đại bi chẳng bỏ hết thảy chúng sanh. Tám là hiện thân biến hóa, hằng chẳng đoạn tuyệt. Chín là thần thông tự tại, chưa từng ngơi nghỉ. Mười là an trụ pháp giới, có thể quan sát trọn khắp".*

***(Sao) Sở vị "niệm Phật chúng sanh, nhiếp thủ bất xả", thị dã.***

**(鈔)所謂念佛眾生，攝取不捨，是也。**

*(**Sao**: Nói "nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật chẳng bỏ" chính là ý này).*

Từ hết thảy các kinh luận, đối với chuyện niệm Phật, chúng ta đạt được một kết luận: Quả thật là chư Phật Như Lai chiếu cố chúng sanh niệm Phật chu đáo nhất! Nói theo cách hiện thời, *"nhiếp thủ"* (攝取) là chiếu cố. Chúng sanh niệm Phật, Phật niệm chúng sanh, kinh Lăng Nghiêm nói *"như mẫu ức tử"* (như mẹ nhớ con). Phật nghĩ tới chúng sanh chưa hề gián đoạn, chúng sanh niệm Phật có lúc đứt đoạn, có lúc nối tiếp. Nếu cũng có thể giống như Phật nghĩ tới chúng sanh niệm niệm tiếp nối, chẳng gián đoạn, sức mạnh gia trì của Phật sẽ viên mãn, trong một đời này chúng ta mới thật sự có thể thoát lìa tam giới, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, viên thành Phật đạo.

***(Sao) Nhược y Bát Nhã, tắc tự lực phục nhị: Nhất giả niệm lực, nhị giả bổn hữu Phật tánh lực.***

**(鈔)若依般若，則自力復二：一者念力，二者本有佛性力。**

*(**Sao**: Nếu dựa theo Bát Nhã, tự lực lại gồm có hai thứ: Một là niệm lực, hai là Phật tánh lực vốn sẵn có).*

Đức Phật nói chuyện này trong hội Bát Nhã. Cách nói này cặn kẽ hơn. Trong phần trước chỉ nói mơ hồ là tự lực, nay tách tự lực thành hai phương diện để quan sát:

1) Một là *"niệm lực"*, chúng ta phải chú ý chữ Niệm. Chúng ta hằng ngày miệng niệm *"nam-mô A Di Đà Phật"*, đấy có phải là niệm hay không? Chẳng phải là niệm; mọi người xem kỹ kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật sẽ biết, đó là gì? Đó là *"xưng danh"*. Niệm và xưng danh có sai biệt, niệm là gì? Trong tâm quý vị thật sự có, đó là Niệm, chẳng nhất định phải xưng danh. Hoặc là trong tâm nghĩ tới một người nào, hoặc nghĩ tới một chuyện nào đó, bất luận khi nào, trong tâm người ấy luôn có [chuyện ấy, hoặc kẻ đó]. Chữ Niệm thuộc loại Hội Ý [trong Lục Thư], là *"kim tâm"* (tức là Niệm (念) gồm Kim (今) và Tâm (心) ghép lại), [nghĩa là] cái tâm hiện tại, trong tâm có [chuyện ấy, có ý niệm

ấy]. Đó là Niệm. Đấy là điểm sai khác với xưng danh. Nếu quý vị thật sự có niệm, niệm sẽ sanh ra sức mạnh; có thể thấy là niệm ấy sâu xa, chẳng nông cạn. Nếu nông cạn, sẽ chẳng có ấn tượng sâu đậm như vậy. Có ấn tượng sâu đậm, tức là niệm có sức mạnh, quyết định được vãng sanh. *"Ức Phật, niệm Phật"*: *"Ức"* (憶) là tưởng, có lúc tưởng, có khi chẳng tưởng, còn Niệm là chẳng gián đoạn. Ức là đứt nối, Niệm là chẳng gián đoạn. Vì thế, Niệm bèn có sức mạnh. Đó là công phu của người tu Tịnh Độ chúng ta. Tới khi quý vị có niệm lực, công phu niệm Phật bèn thành tựu. Kinh Di Đà nói *"nhất tâm bất loạn"*, niệm lực là nhất tâm bất loạn, trong tâm người ấy thật sự có.

2) Thứ hai là *"bổn hữu Phật tánh lực"*, vì niệm Phật là niệm cho ra Phật Tánh trong Chân Như bản tánh của chính mình. Đó là cái vốn sẵn có. Phật Tánh vốn sẵn có của chúng ta bị phiền não, vọng tưởng che lấp, từ vô lượng kiếp cho tới nay, Phật tánh chẳng thể hiện tiền. Nay chúng ta dùng niệm lực để niệm cho ra Phật Tánh của chính mình.

Kinh Bát Nhã nói đến hai thứ sức mạnh ấy. [Nay ta đã] có niệm lực, nhưng Phật Tánh lực còn chưa hiện tiền, kinh Di Đà gọi tình trạng này là Sự nhất tâm bất loạn. Đến khi Phật Tánh lực cũng hiện tiền, chính là Lý nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm, kiến tánh, Phật Tánh lực vốn sẵn có bèn hiện tiền thì là kiến tánh, đúng như Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói: *"Chẳng cậy vào phương tiện, tự được tâm khai"*. Do sức mạnh ấy hiện tiền, tâm được tự khai.

***(Sao) Kiêm dĩ Phật nhiếp thủ lực.***

**(鈔)兼以佛攝取力。**

*(**Sao**: Lại kèm thêm sức nhiếp thủ của Phật).*

Đấy là Tha Lực, tức là sức mạnh gia trì từ bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật. Vì thế, niệm Phật vãng sanh gồm ba thứ lực. Trong phần trước, chúng ta đã nói là [pháp môn Niệm Phật] là pháp môn nhị lực; nói theo kinh Bát Nhã, sẽ biến thành pháp môn tam lực. Do ba thứ sức mạnh này, quý vị chắc chắc được vãng sanh.

***(Sao) Bổn hữu như châu thuyền.***

**(鈔)本有如舟船。**

*(**Sao**: [Sức mạnh] vốn sẵn có [trong bản tánh] giống như thuyền ghe).*

*"Bổn"* (本) là sức mạnh từ bản tánh, giống như một chiếc thuyền.

***(Sao) Niệm Phật như phàm tiếp.***
**(鈔)念佛如帆楫。**
*(**Sao**: Niệm Phật giống như buồm và mái chèo).*

Niệm lực giống như cánh buồm, hoặc mái chèo. Đương nhiên tàu thuyền hiện thời chẳng dùng những thứ này. Nói cách khác, nó giống như động lực, [tức sức mạnh] thúc đẩy khiến cho thuyền chuyển động.

***(Sao) Phật nhiếp thủ như tiện phong.***
**(鈔)佛攝取如便風。**
*(**Sao**: Sự nhiếp thủ của Phật giống như thuận gió).*

Thuận gió, thuận nước, thuyền đi với tốc độ hết sức nhanh chóng.

***(Sao) Tam sự châu viên, tất đăng bỉ ngạn hỹ.***
**(鈔)三事周圓，必登彼岸矣。**
*(**Sao**: Ba sự đều trọn vẹn, ắt lên được bờ kia).*

Đây là nói theo tỷ dụ. Chúng ta trọn đủ Niệm lực, Phật Tánh lực, Phật gia trì lực, quyết định được sanh về Tịnh Độ.

***(Sớ) Phật cập thánh chúng giả, Phật kiêm Báo, Hóa, thánh chúng kiêm Bồ Tát, Thanh Văn đẳng.***
**(疏)佛及聖眾者，佛兼報化，聖眾兼菩薩聲聞等。**
*(**Sớ**: "Phật và thánh chúng": Phật kiêm Báo Thân và Hóa Thân, thánh chúng bao gồm Bồ Tát và Thanh Văn).*

Khi đến nghênh tiếp, chúng ta thấy Phật [như thế nào] thì cũng phải tùy thuộc công phu của chính mình. Kinh Đại Thừa đã nói rất nhiều, nói rất cặn kẽ, Phật chẳng có tướng nhất định. Phật tướng hiển lộ như thế nào? Chính là *"tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng"* (thuận theo tâm của chúng sanh mà ứng với khả năng nhận biết của họ). Kinh Lăng Nghiêm đã nói thấu triệt: Tùy theo tâm của chính chúng ta mà hiện. Nếu chúng ta niệm Phật đến mức Lý nhất tâm bất loạn, công phu niệm Phật

sâu xa, lâm chung sẽ thấy Báo Thân Phật. Phật tướng ấy rất cao lớn, thân tướng của những vị thánh chúng Bồ Tát theo Phật cùng đến nghênh tiếp cũng đều rất cao lớn, giống như đầy ắp khắp hư không. Phẩm vị ấy nhất định là hết sức cao, sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Chúng ta mới vừa có thể chế phục phiền não, cũng là như chúng ta thường nói *"công phu thành phiến"*, đó là kẻ có công phu nông cạn, khi vãng sanh bèn sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, chúng ta sẽ thấy thân tướng của Phật là kim thân trượng sáu, hoặc là thấy thân tướng cao tám thước. Thân tướng tám thước thì chiều cao chẳng sai biệt lắm so với người bình phàm. Kim thân trượng sáu thì lớn gấp đôi người bình thường. Những người ấy đều vãng sanh về cõi Phàm Thánh Đồng Cư, hoặc vãng sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư, nên thấy thân tướng khác nhau. Thân tướng của đại chúng theo Phật cùng đến cũng chẳng giống nhau, thảy đều là *"tùy tâm ứng lượng"*, [nghĩa là] những tướng ấy thuận theo tâm của chính chúng ta mà hiện, hoàn toàn phù hợp khít khao với tâm lượng của chúng ta theo tỷ lệ thuận.

***(Sao) Kiêm Báo Hóa giả, Quán Kinh minh Phật, tiên ngôn lục thập vạn ức, hậu khai trượng lục, thứ ngôn "hạ phẩm Hóa Phật lai nghênh", tắc tri cửu phẩm sở kiến bất nhất.***

**(鈔)兼報化者，觀經明佛，先言六十萬億，後開丈六，次言下品化佛來迎，則知九品所見不一。**

*(**Sao**: "Kiêm Báo Thân và Hóa Thân": Quán Kinh nói về [thân tướng của] Phật, trước hết là nói thân cao sáu mươi vạn ức, sau đó, nói thân trượng sáu; kế đó, trong phần Hạ Phẩm nói "Hóa Phật đến nghênh tiếp", cho nên biết chín phẩm thấy Phật chẳng giống nhau).*

Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói rõ thân tướng Phật mà chúng ta sẽ được thấy khi vãng sanh. *"Sáu mươi vạn ức"* [do-tuần] chính là Báo Thân, đó là thân to lớn; người đắc Lý nhất tâm bất loạn, sanh về cõi Thật Báo trông thấy [thân ấy]. Khi vãng sanh, người ấy thấy A Di Đà Phật hiện đến, Quán Âm và Thế Chí cầm đài sen đến tiếp dẫn. Hóa sanh trong hoa sen, bốn cõi ba bậc chín phẩm thảy đều là hóa sanh trong hoa sen, kể cả vãng sanh nơi Biên Địa cũng là hóa sanh trong hoa sen. Quyết định thấy [Phật và thánh chúng] cầm đài sen đến tiếp dẫn, thấy chính mình được Phật quang chiếu gội, tự mình rũ bỏ thân thể này, thân thể giống như một bộ quần áo, vứt bỏ, chẳng cần nữa! Thân thể của chính

mình theo Phật quang vào trong đài sen. Vừa vào trong đài sen, thân tướng của chính mình giống hệt như thân tướng của Phật và Bồ Tát. Trong thế giới Tây Phương, chẳng có sanh ra rồi từ từ trưởng thành, chẳng có chuyện ấy. [Vì nếu có] như vậy, sẽ biến thành tướng sanh diệt! Thế giới Tây Phương chẳng có tướng sanh diệt, bất sanh, bất diệt. Hễ sanh về đó đều là hóa sanh, thân tướng to bằng thân tướng của Phật, Bồ Tát. *"Trượng sáu"* là Ứng Thân. Trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư và cõi Phương Tiện Hữu Dư trông thấy Ứng Thân của Phật. Tùy thuộc công phu của chính mình sâu hay cạn khác nhau, mà thấy tướng hảo thù thắng nơi thân tướng của Phật khác nhau. Chẳng phải là Phật có biến hóa, mà là do tâm chúng ta khởi biến hóa. Do vậy, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, có thể chứng thực hết sức rõ rệt: *"Tướng chuyển theo tâm"*. Tâm chúng ta càng thanh tịnh, càng rộng lớn, càng chân thật, sẽ thấy tướng Phật, tướng Bồ Tát cũng càng thù thắng, càng trang nghiêm. Tu tâm trọng yếu lắm! Vì thế, đối với sự tu học Phật pháp, chúng tôi đặc biệt nêu ra, khuyên lơn, khích lệ mọi người phải giữ tấm lòng tốt đẹp, làm chuyện tốt đẹp, nói lời tốt lành, làm người tốt đẹp, tu cái tâm tốt lành! Lâm chung thấy hảo tướng của Phật, đấy là chân thật. Những điều khác, nói thật ra, đều là giả trất.

*"Thứ ngôn hạ phẩm Hóa Phật lai nghênh"* (Kế đó, nói Hạ Phẩm được Hóa Phật đến đón), ba phẩm vãng sanh thuộc bậc Hạ do Hóa Phật đến nghênh tiếp. *"Tắc tri cửu phẩm sở kiến bất nhất"* (Nên biết là chín phẩm thấy [thân tướng Phật] chẳng giống nhau). Đối với Hóa Phật và Ứng Thân Phật, nói thật thà, bọn phàm phu chúng ta chẳng có năng lực phân biệt. Hóa Phật và Chân Phật chẳng khác nhau, [Hóa Phật] là Hóa Thân của Phật. Sanh về thế giới Tây Phương, hóa sanh trong hoa sen, thượng thượng phẩm vãng sanh, sanh đến nơi ấy, hoa sen liền nở. *"Hoa nở, thấy Phật"* chính là thấy Báo Thân của Phật, thân thể của chính mình cũng to như thân Phật. Phẩm vị càng thấp, thời gian hoa nở càng trễ. Ở trong hoa có thấy Phật hay không? Thấy Phật, thấy Hóa Thân của Phật. Vì thế, mọi người đừng cho rằng: "Hoa này chẳng nở, ở trong hoa sen tịch mịch lắm, khổ não lắm". [Nghĩ như vậy] là quý vị sai mất rồi, trong hoa náo nhiệt khôn cùng! Hoa chẳng nhỏ đâu nhé! Kinh nói hoa sen ấy bé nhất là một do-tuần (yojana). Một do-tuần to cỡ nào? Kinh tuyệt đối chẳng nói một tiểu do-tuần. Hễ nói "một do-tuần", chắc chắn là một đại do-tuần, một đại do-tuần là tám mươi dặm. Chúng ta nói đường kính là tám mươi dặm, quý vị cứ vẽ một vòng tròn, coi nó lớn cỡ nào! Còn to

hơn thành phố Đài Bắc! Tây Phương Tam Thánh cũng thuyết pháp trong đó. Hóa Bồ Tát, hóa thân của A La Hán và trời, người cũng ở trong đó bầu bạn với chúng ta. Tuy chẳng thấy Báo Thân, nhưng thấy Hóa Thân, cùng sống chung với Hóa Thân. Từa tựa như chúng ta trong hiện tại, tuy chúng ta chẳng thấy [sự việc] ở ngay hiện trường, nhưng TV chiếu trọn trước mắt, bất quá TV là [hình ảnh] lập thể. Vì thế, chẳng khác gì thật. Dụng công tu hành ở trong hoa ấy.

Hạ hạ phẩm vãng sanh phải mất mười hai kiếp hoa mới nở, đương nhiên *"mười hai kiếp"* là [tính theo] đại kiếp, hoa nở, thấy Phật. Chúng ta thoạt nghe "mười hai kiếp", [bèn cảm thấy] thời gian ấy dài quá! Nhưng quý vị phải suy ngẫm, trong kinh, đức Phật thường nói: Chúng ta tu hành trong thế gian này, nếu muốn tu đến cảnh giới ấy, phải mất bao lâu? Ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Thế giới Tây Phương chỉ cần mười hai kiếp, quý vị mới biết người ta ở nơi ấy nhanh chóng hơn nhiều lắm! Hạ phẩm trung sanh là sáu kiếp. Do vậy, trong mười phương thế giới, hết thảy Bồ Tát, Thanh Văn, Bích Chi Phật, chẳng có vị nào không mong vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ, nhằm rút ngắn thời gian tu hành thành Phật trên một mức độ lớn. Vì thế, có những người hỏi tôi: "Vì sao bậc Đẳng Giác Bồ Tát trong thế giới Hoa Tạng như Văn Thù, Phổ Hiền còn phải cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới?" Quý vị đọc kỹ lưỡng ba kinh này một lượt, sẽ biết: Câu trả lời ở ngay trong ấy. Tu hành trong thế giới Hoa Tạng muốn đoạn một phẩm sanh tướng vô minh cuối cùng để viên thành Phật đạo, phải tốn thời gian rất lâu! Nếu vị ấy sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ là thượng thượng phẩm vãng sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, sanh sang bên ấy bèn hoa nở thấy Phật, đã thành công, cũng là rút ngắn thời gian. Văn Thù, Phổ Hiền là bậc thông minh, nên đã làm chuyện của người thông minh! Do vậy, quý vị phải hiểu: Thành Phật nhanh chóng nhất là Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng có nơi nào thuận tiện, nhanh chóng hơn được. Vì sao? Trong thế giới ấy, hết thảy các chướng ngại đều chẳng có. Do vậy, thành tựu hết sức nhanh chóng. Cũng chính vì sự thật này mà hết thảy chư Phật Như Lai trong mười phương thế giới, chẳng có vị Phật nào không khuyên người ta cầu sanh Tịnh Độ, đạo lý ở chỗ này!

Kinh nói *"mười thứ Phật sự"* của Như Lai, *"Phật sự"* là giáo học. Phật chẳng có chuyện gì khác, Phật là giáo hóa chúng sanh. Giáo hóa chúng sanh chính là sự nghiệp của Phật. Trong mười loại giáo học, dạy người ta niệm Phật là bậc nhất, là pháp môn bậc nhất để hết thảy chư

Phật độ chúng sanh thành Phật đạo. Có người hỏi tôi: Pháp môn bậc nhất này do ai nói? Họ cứ tưởng tôi bịa chuyện đơm đặt ở nơi đây, [cứ tưởng] ở nơi đây tôi học theo thói *"lão Vương bán dưa, tự bán tự khoe"*. Nay từ chỗ này, đã thấy: Điều ấy được nói trong kinh Hoa Nghiêm, đó là pháp môn bậc nhất. Do vậy, pháp môn Niệm Phật được hết thảy chư Phật niệm niệm chẳng quên, niệm niệm gìn giữ, bảo vệ. Đấy chính là *"được chư Phật hộ niệm"*. Chư Phật đều hộ niệm quý vị, há lẽ nào long thiên thiện thần chẳng che chở? Do vậy, trong hết thảy các tai nạn, quý vị đều có thể gặp dữ hóa lành, đều có thể tránh khỏi kiếp nạn. Hiện thời có nhiều người lo lắng về kiếp nạn trong thế gian này! Mấy vị đồng tu tại Hương Cảng kể với tôi, pháp sư Thánh Nhất đã khuyên dạy họ hãy nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, lỡ tai nạn xảy đến, chúng ta sẽ có chỗ tốt đẹp để sanh về. Chẳng đến nỗi luống cuống chân tay, xoay sở chẳng kịp, vấn đề bèn nghiêm trọng. Do vậy, trong tâm phải có chuẩn bị, nơi hành vi, chúng ta phải tận tâm nỗ lực tu phước; hễ kiếp nạn xảy đến, quý vị có muốn tu phước cũng chẳng kịp. Vì thế, tu phước phải kịp thời, phải là tu mau lên! Khi họa đã xảy đến, muốn tu phước cũng chẳng thể được, làm chẳng được! Vì thế, phải biết tích cực, nghiêm túc nỗ lực thực hiện, phải làm ngay trong hiện thời!

Đối với bốn cõi, chín phẩm, mỗi người vãng sanh thấy Phật khác nhau, xác thực là tùy thuộc công phu tu hành của chính mình cạn hay sâu, chúng ta thấy tướng hảo và sự trang nghiêm của Phật khác nhau, nhưng [những thân tướng khác nhau ấy] thảy đều là A Di Đà Phật. A Di Đà Phật có Báo Thân, Ứng Thân và Hóa Thân. Nhưng sau khi đã tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, thưa cùng chư vị, nhất định là bình đẳng, đấy mới là phù hợp bổn nguyện của Phật Di Đà. Chúng ta xem bốn mươi tám nguyện, [sẽ biết] sau khi đã tới Tây Phương bèn bình đẳng. Trong khi tiếp dẫn thì còn có sai khác, đã tới thế giới Tây Phương bèn bình đẳng.

***(Sao) Nhiếp Luận diệc vân đăng địa phương kiến Báo Thân, triển chuyển tế diệu.***

**(鈔)攝論亦云登地方見報身，展轉細妙。**

*(**Sao**: Nhiếp Đại Thừa Luận[80] cũng nói: Từ Sơ Địa trở lên mới thấy Báo Thân, lần lượt [càng chứng lên địa vị cao hơn sẽ thấy thân*

[80] Nhiếp Đại Thừa Luận (Mahāyāna-samgraha) thường được gọi tắt là Nhiếp Luận, do Vô Trước Bồ Tát biên soạn nhằm giải thích phẩm Nhiếp Đại Thừa trong A Tỳ

*Phật] vi tế, mầu nhiệm hơn).*

Câu này cũng nói lên sự thật, đặc biệt là sự thật về tu hành trong các tông phái thông thường. Người tu hành thông thường, nhất định phải là *"đăng địa"* (chứng nhập từ Sơ Địa trở lên), đây là nói tới Biệt Giáo, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, đó là *"đăng địa"*. Sơ Địa trong Biệt Giáo bằng với Sơ Trụ của Viên Giáo, phá một phẩm vô minh, chứng một phần tự tánh, bèn thấy Báo Thân của Phật, thấy Báo Thân là đã thấy Pháp Thân. Từ Sơ Địa đến Thập Địa gồm mười giai tầng công phu cạn hay sâu khác nhau. Bồ Tát có địa vị càng cao, thấy tướng hảo của Phật càng thù thắng. Nếu nói theo Viên Giáo, từ Sơ Trụ đến Đẳng Giác là bốn mươi mốt giai cấp. Tuy mỗi tầng cấp đều ở cùng một chỗ với A Di Đà Phật, nhưng sự cảm nhận của mọi người đối với tướng hảo được thấy [nơi thân tướng của] A Di Đà Phật khác nhau. Quý vị có thể tin tưởng chuyện này hay không? Người tâm tư tinh tế, kỹ lưỡng sẽ có thể tin tưởng. Vì sao? Sự cư xử giữa lũ phàm nhân chúng ta cũng giống như vậy. Nếu chúng ta nhận biết một người càng rõ ràng, chúng ta gặp mặt người ấy và gặp người khác sẽ có cảm nhận khác nhau, sẽ có cảm nhận rất mạnh mẽ về phẩm đức, tu dưỡng và phong độ của người ấy. Đối với kẻ chẳng có mảy may nhận thức nào, sẽ thấy kẻ ấy giống như kẻ bình phàm, cũng chẳng có một tí cảm nhận [đặc biệt] nào, đạo lý là như vậy đó! Chúng tôi đã được gặp một vị thầy tốt; thuở ấy, tôi thân cận Chương Gia đại sư, đặc biệt có sự cảm nhận này. Dẫu ở cùng một chỗ với Chương Gia đại sư, chẳng nói câu nào, tôi ngồi bên Ngài cảm thấy hết sức thoải mái, hết sức thanh lương, tự tại. Nếu ở chung với những kẻ bình phàm, chẳng có hiện tượng ấy. Vì thế, tôi rất thích thân cận Ngài. Lão nhân gia cũng hết sức từ bi, cũng chẳng cự tuyệt tôi. Bất cứ khi nào tôi tìm đến Ngài, chỉ cần Ngài có thời gian rảnh rỗi, nhất định sẽ tiếp kiến tôi, trước nay chưa hề cự tuyệt. Trừ phi Ngài bận chuyện gì, có

---

Đạt Ma Đại Thừa Kinh. Khi truyền sang Trung Hoa, bộ luận này được phiên dịch ba lần bởi các vị Phật Đà Phiến Đa (thời Bắc Ngụy), Chân Đế (thời Trần), và Huyền Trang (đời Đường). Bản dịch của ngài Huyền Trang được sử dụng phổ biến nhất. Hiện thời còn có một bản dịch nữa do Lữ Trừng dịch từ tiếng Tây Tạng sang tiếng Hán có nhan đề là Tây Tạng Truyền Bổn Nhiếp Đại Thừa Luận. Nội dung của luận này rất phức tạp, luận định về bản thể của danh tướng, A Lại Da, Tướng Phần, Kiến Phần, Vô Phân Biệt Trí, Duy Thức Tánh v.v… nhưng đều lấy A Lại Da làm khởi điểm.

khách đặc biệt phải họp mặt thì chẳng có cách nào. Nếu không, Ngài nhất định tiếp tôi! Do vậy nói là trong [việc tiếp xúc với] những người bình phàm, chúng ta luôn có cảm nhận bất đồng. Cũng có khi tôi cũng dẫn theo mấy người bạn, dẫn họ đến gặp Chương Gia đại sư, họ chẳng có cảm nhận mạnh mẽ như tôi. Đạo lý ở chỗ này.

Cùng một đạo lý như vậy, chúng ta đọc kinh, văn tự trong kinh trước nay chẳng thay đổi, nhưng tâm chúng ta càng thanh tịnh, công lực tu hành càng sâu, đọc kinh sẽ có cảm nhận khác hẳn. Tôi tin là rất nhiều đồng tu đều có sự thể nghiệm này: Quý vị đọc kinh, mỗi lượt bèn cảm nhận khác nhau. Tôi giảng bộ kinh này ba lần, mỗi lần giảng, cảnh giới đều khác nhau, càng xem càng hoan hỷ, càng giảng càng thấy ý vị, hoàn toàn tương đồng với cảnh giới của chính mình. Cảnh giới sâu, quý vị có thể thấy được chỗ sâu xa; công phu nông cạn bèn thấy nông cạn. Vì thế, quyết định chớ nên hoài nghi, quyết định đừng phân biệt, đừng chấp trước. Lâm chung Phật đến tiếp dẫn, chúng ta hoan hỷ theo Ngài ra đi là đúng. Đấy là chánh xác, chớ nên dấy tâm phân biệt. Hôm nay, chúng tôi giảng tới chỗ này.

***Tập 248***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm tám mươi sáu:

***(Sao) Kiêm Bồ Tát, Thanh Văn giả, như Quán Kinh thượng phẩm thượng sanh vân: "Phật dữ Quán Âm, Thế Chí, vô số hóa Phật, bách thiên tỳ-kheo, Thanh Văn đại chúng, vô lượng chư thiên, hiện kỳ nhân tiền, nhi diệc hữu Phật bất lai nghênh, Bồ Tát lai giả, kim tùng đa phần.***

**(鈔)**兼菩薩聲聞者，如觀經上品上生云：佛與觀音勢至，無數化佛，百千比丘，聲聞大眾，無量諸天，現其人前；而亦有佛不來迎，菩薩來者，今從多分。

*(**Sao**: "Kiêm Bồ Tát, Thanh Văn": Như trong phần thượng phẩm thượng sanh của Quán Kinh có nói: "Phật và Quán Âm, Thế Chí, vô số hóa Phật, trăm ngàn tỳ-kheo, Thanh Văn đại chúng, vô lượng chư thiên, hiện trước người ấy". Cũng có trường hợp, Phật chẳng đến đón, Bồ Tát đến đón, nay nói theo đa số).*

Tiếp tục nói về trạng huống *"kỳ nhân lâm mạng chung thời"* (khi người ấy sắp lâm chung) Phật đến tiếp dẫn. Trong kinh có nói Bồ Tát, Thanh Văn, đại chúng theo A Di Đà Phật cùng đến tiếp dẫn. Ở đây, đại sư trích dẫn kinh văn trong phần Thượng Phẩm Thượng Sanh của kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật: *"Phật và Quán Âm, Thế Chí"*, đấy là Tây Phương Tam Thánh, *"vô số Hóa Phật"* đó là thượng phẩm thượng sanh, *"bách thiên tỳ-kheo, Thanh Văn đại chúng, vô lượng chư thiên"* (trăm ngàn tỳ-kheo, Thanh Văn đại chúng, vô lượng chư thiên). Vãng sanh, Phật đến nghênh tiếp, Bồ Tát, Thanh Văn bao nhiêu, gần như là mỗi người mỗi khác. Có người được Phật, Bồ Tát đến rất đông, có người thì Phật, Bồ Tát tới rất ít. Đấy chẳng phải là Phật, Bồ Tát không công bằng, mà là do chính bản thân người niệm Phật chúng ta cảm ứng đạo giao khác nhau. Chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát có ứng. Sức năng cảm có cạn hay sâu khác nhau, chư Phật, Bồ Tát ứng hiện cũng có thù thắng hay kém cỏi chẳng bình đẳng; trong ấy, tuân theo tỷ lệ thuận khít khao. Nếu chúng ta lắng lòng suy nghĩ những chuyện này, [sẽ thấy] chẳng khó lý giải.

Trong thế gian này, chúng ta nói tới chuyện hoằng pháp lợi sanh thì pháp duyên cũng là mỗi người một khác. Vì sao? Chính là vì trong kiếp quá khứ và đời này, mỗi cá nhân kết duyên cùng hết thảy chúng sanh khác biệt. Nếu chúng ta kết duyên rất sâu, rất rộng, pháp duyên sẽ hết sức thù thắng. Kết duyên cạn, kết duyên rất ít, pháp duyên chẳng thù thắng! Do vậy có thể biết: Phải tự hỏi chính mình, chẳng cần hỏi ai khác. Mạnh Tử nói là *"phản cầu chư kỷ"* (quay lại cầu nơi chính mình). Cũng có trường hợp *"Phật bất lai nghênh"* (Phật chẳng đến đón). Chúng ta xem phần Hạ Phẩm Hạ Sanh trong Quán Kinh, [sẽ thấy] Phật chẳng đến, mà là Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát đến nghênh tiếp, cũng có tình hình ấy. Quá nửa tình hình ấy là do người đó có duyên rất sâu với Bồ Tát, có duyên khá nhạt mỏng đối với Phật. Có những người trong nhà thờ phụng Quán Thế Âm Bồ Tát, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, quên bẵng A Di Đà Phật. Khi lâm chung, đương nhiên là Quán Âm Bồ Tát đến tiếp dẫn, đúng như kinh Lăng Nghiêm đã dạy: *"Thuận theo cái tâm của chúng sanh, ứng với khả năng nhận lãnh của họ"*, đúng là cảm ứng đạo giao!

***(Sớ) Vấn: Lâm chung Phật hiện, diệc hữu ma phủ?***

**(疏)問：臨終佛現，亦有魔否。**

*(**Sớ**: Hỏi: Lâm chung Phật hiện, cũng có trường hợp là ma hóa hiện hay chăng?)*

Đây cũng là một đại sự được khá nhiều người quan tâm. Khi lâm chung, nếu ma biến thành A Di Đà Phật đến tiếp dẫn chúng ta, chúng ta có thể bị mắc lừa to lớn! Có thể nào khi lâm chung sẽ có tình hình này hay chăng? Ở đây, Liên Trì đại sư đã giải đáp.

***(Sớ) Cổ vị vô ma, thoát hoặc hữu chi, quý tại biện thức.***

**(疏)古謂無魔，脫或有之，貴在辨識。**

*(**Sớ**: Cổ nhân nói 'chẳng có ma'. Nếu như là có thì cốt yếu là phân biệt để nhận biết).*

Từ thời cổ tới nay luôn nói như vậy, người niệm Phật chẳng bị ma đến quấy nhiễu. Người thật sự niệm Phật, xác thực là chẳng có ma đến quấy nhiễu. Nếu người niệm Phật còn có ma đến quấy nhiễu, nhất định là có nguyên nhân khác, nguyên nhân gì vậy? Tín tâm đối với Tây Phương Tịnh Độ A Di Đà Phật chẳng kiên định, nguyện tâm chẳng thiết tha, sẽ có thể gặp phải ma sự. Nếu là chân tín, nguyện thiết, chắc chắn là chẳng có ma sự. *"Thoát hoặc hữu chi"*: *"Thoát"* (脫) là giả thiết, [*"thoát hoặc hữu chi"*] là giả sử, nếu như là có, *"quý tại biện thức"* [nghĩa là] quý vị có thể nhận biết, điều này hết sức quan trọng. Trong lời Sao dưới đây, đại sư dạy chúng ta làm thế nào để phân biệt cảnh giới Phật và cảnh giới ma.

***(Sao) Vô ma giả, đơn tu Thiền Định, hoặc khởi Ấm Ma, như Lăng Nghiêm Chỉ Quán chư kinh luận trung biện chi thậm tất.***

**(鈔)無魔者，單修禪定，或起陰魔，如楞嚴止觀諸經論中辨之甚悉。**

*(**Sao**: "Chẳng có ma": [Hành nhân] chỉ tu Thiền Định, có lẽ bị Ấm Ma dấy lên, như trong Lăng Nghiêm, Chỉ Quán, và các kinh luận đã biện định rất tường tận).*

Ma đến quấy nhiễu, nói thật ra, người học Thiền dễ gặp phải, người học Mật cũng rất dễ gặp phải. Trong Sớ Sao, đại sư nhắc tới Thiền rất nhiều, nhắc tới Mật rất ít, chúng ta đọc lịch sử bèn hiểu: Vào thời đại nhà Minh, Mật bị chánh quyền cấm đoán, cho nên trong xã hội chẳng có

người học Mật, chỉ có học Thiền. Cơ hội Mật bị ma dựa còn nhiều hơn Thiền, chúng ta phải đặc biệt chú tâm cẩn thận điều này.

***(Sao) Kim vị niệm Phật giả, Phật oai thần lực, Phật bổn nguyện lực, đại quang minh trung, tất vô ma sự.***

**(鈔)**今謂念佛者，佛威神力，佛本願力，大光明中，必無魔事。

*(**Sao**: Nay nói: Người niệm Phật do sức oai thần, sức bổn nguyện của Phật, ở trong đại quang minh [của Phật], ắt chẳng có ma sự).*

Nói rõ vì sao người niệm Phật chẳng bị ma dựa. Chúng ta niệm Phật bất luận hữu tâm hay vô tâm, bất luận nhất tâm hay tán tâm, chỉ cần niệm Phật, nhất định sẽ được Phật quang chiếu gội. Quang minh của đức Phật chiếu đến chúng ta, bản thân chúng ta chẳng thể nhận biết; đặc biệt là tán tâm niệm Phật, niệm kiểu ấy sức lực rất mỏng yếu, và sức lực chiếu gội của Phật quang cũng chẳng mạnh, rất khó cảm nhận! Nếu là nhất tâm niệm, dùng tâm chân thành, tâm cung kính để niệm, sức gia trì của Phật quang rất mạnh, gần như chính mình luôn có thể cảm nhận được. Vì thế, chắc chắn là ma chẳng có cơ hội giở trò, chẳng thể nào tiếp cận. Đấy là nguyên nhân khiến [hành giả niệm Phật] chẳng bị ma dựa. Tiếp theo đây, [sẽ nói đến] trường hợp cũng có thể bị ma dựa.

***(Sao) Nhiên diệc hữu túc chướng thâm hậu, hoặc bất thiện dụng tâm.***

**(鈔)**然亦有宿障深厚，或不善用心。

*(**Sao**: Nhưng cũng có kẻ do nghiệp chướng đời trước sâu dày, hoặc chẳng khéo dụng tâm).*

*"Túc chướng thâm hậu"* nghĩa là đời quá khứ tạo tác tội nghiệp rất nặng. *"Bất thiện dụng tâm"* (Chẳng khéo dụng tâm) là Tín, Nguyện, Hạnh của chúng ta đều chẳng đắc lực. Trong Tín có hoài nghi, trong Nguyện có xen tạp, trì danh lúc đứt, lúc nối, đó là công phu chẳng đắc lực, chẳng được bổn nguyện và oai thần của Phật gia trì, có thể bị ma sự hiện tiền.

***(Sao) Dung hữu ma khởi, cố vị khả định, tu dự biện thức.***

**(鈔)**容有魔起，固未可定，須預辨識。

*(**Sao**: Cho nên có thể gặp ma sự dấy lên. Do đó, chẳng thể nói nhất định [là có bị ma dựa hay không], cần phải chuẩn bị nhận biết sẵn).*

Đây là nói chẳng nhất định, nhưng nhất định phải chuẩn bị biết sẵn, hãy nhận biết nó.

***(Sao) Như kinh luận thuyết: Hành nhân kiến Phật, biện chi hữu nhị.***

**(鈔)**如經論說：行人見佛，辨之有二。

*(**Sao**: Như trong kinh luận nói: Biện định về chuyện người tu hành thấy Phật thì có hai điều).*

Dạy chúng ta một nguyên tắc để phân biệt, ở đây, nói là có hai chuyện.

***(Sao) Nhất, bất dữ Tu Đa La hợp giả, thị vi ma sự.***

**(鈔)**一、不與脩多羅合者，是為魔事。

*(**Sao**: Một là nếu chẳng phù hợp Khế Kinh thì là ma sự).*

Trong khi niệm Phật mà thấy cảnh giới, cảnh giới ấy chẳng giống như kinh dạy, đó là ma sự. Bất luận là thấy trong hiện tiền, hoặc thấy trong Định, hoặc thấy trong mộng, hễ thấy khác với kinh dạy, quý vị chẳng quan tâm tới là được rồi. Quyết định chẳng bị dao động bởi nó, ma chẳng thể tổn hại quý vị. Sợ nhất là quý vị bị nó ảnh hưởng, hoặc là sanh tâm hoan hỷ, tâm tham ái, hoặc tâm kinh hãi, tâm kiêng sợ, tức là bị nó lừa. Khi nó hiện tiền, quý vị như như bất động, sẽ chẳng có chuyện gì. Hãy nhớ kinh Kim Cang đã dạy: *"Phàm những gì có hình tướng, toàn là hư vọng"*, chúng ta phải dùng thái độ như vậy để đối phó. Nghe nói ngoài thị trường có một cuốn sách nhỏ, nói là do một kẻ nào đó từng đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, có viết thành bài Du Ký ghi chép chuyến viếng thăm Tây Phương Cực Lạc thế giới. Những điều nói trong sách ấy *"bất dữ Tu Đa La hợp"* (chẳng phù hợp Khế Kinh). Tu Đa La (Sūtra, Khế Kinh) là Tịnh Độ Tam Kinh. [*"Bất dữ Tu Đa La hợp"*] là thấy nói khác với ba kinh, so sánh những điều kẻ ấy nói sẽ thấy chẳng giống như trong kinh điển. Chư vị phải biết: Hễ khác nhau thì là giả, chẳng thật! Từ Cao Tăng Truyện, chúng ta thấy: Thuở Huệ Viễn đại sư sanh tiền, từ trong Định, chúng ta gọi là *"chỉ tĩnh khi niệm Phật"*, Ngài từng ba lần

trông thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới. Ngài hé lộ tin tức, cảnh giới Ngài trông thấy hoàn toàn giống như kinh Vô Lượng Thọ đã nói, giống nhau thì là thật. Chẳng giống nhau thì là giả trất, là ma sự.

***(Sao) Nhị, bất dữ bổn sở tu hợp giả, thị vi ma sự.***

**(鈔)二、不與本所修合者，是為魔事。**

*(**Sao**: Hai là chẳng phù hợp với những gì ta vốn tu tập thì là ma sự).*

*"Bổn sở tu"*: Chúng ta tu trì danh niệm Phật, hy vọng thấy A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí. Trong phần tiểu chú [trong sách Diễn Nghĩa] có nói: A Di Đà Phật quyết định thị hiện tại phương Tây, nay A Di Đà Phật ở phương Đông, hoặc A Di Đà Phật ở phương Nam, chẳng tương ứng với điều chúng ta đang tu tập. Đó là giả! Ma thị hiện cảnh giới Phật để gạt người là chuyện có thật. Ma hiện cảnh tương ứng với những gì chúng ta ham thích để dụ dỗ, mê hoặc quý vị; nhưng ma quyết định chẳng thể biến hiện hình dáng Bổn Tôn để lừa gạt quý vị, đó là phạm pháp. Giống như nay chúng ta nói là giả mạo thương tiêu (商標: nhãn hiệu cầu chứng, trademark), giả mạo là phạm tội! Quý vị cầu A Di Đà Phật, ma hiện thành Thích Ca Mâu Ni Phật đến tiếp dẫn quý vị, chẳng phạm pháp. Hắn chẳng thể hiện thành Bổn Tôn. Bổn Tôn của quý vị là A Di Đà Phật. Hắn hiện hình dáng Dược Sư Phật để tiếp dẫn quý vị, chắc chắn là giả. Chúng ta niệm niệm cầu sanh Tây Phương, lâm chung nhất định là Tây Phương Tam Thánh đến tiếp dẫn, quyết định chẳng phải là các vị Phật, Bồ Tát khác. Vì thế, khi ấy, nếu thấy Phật, Bồ Tát khác, đều là giả, đều chẳng thật. Từ chỗ này, chúng ta phân biệt chẳng khó!

***(Sao) Sở dĩ nhiên giả? Dĩ đơn tu Thiền nhân, bổn sở tu nhân, duy tâm vô cảnh cố. Ngoại hữu Phật hiện, tất trí bất luận, dĩ quả bất hiệp nhân cố.***

**(鈔)所以然者，以單修禪人，本所修因，唯心無境故。外有佛現，悉置不論，以果不協因故。**

*(**Sao**: Vì lẽ nào? Người chỉ tu Thiền, vốn tu cái nhân "chỉ là tâm, chẳng có cảnh". Bên ngoài có Phật hiện, bèn bỏ mặc chẳng hỏi tới, do quả chẳng tương ứng nhân vậy).*

Do vậy, Thiền Tông gặp cảnh giới, chỉ cần là người tu hành có thể

tự mình nắm chắc. Thiền cầu cái tâm thanh tịnh. Trong tâm thanh tịnh, chẳng có mảy may tham nhiễm, chẳng có mảy may tốt xấu; vì lẽ đó, Thiền Tông nói: *"Ma đến phải chém, Phật đến cũng chém"*, thảy đều chẳng cần, *"duy tâm vô cảnh"* (chỉ có tâm, chẳng có cảnh). Nếu đối với ngoại cảnh, dấy lên một tí ý niệm tham, sân, sẽ bị ma dựa. Tôi vừa mới nói: Mật càng dễ bị ma dựa hơn Thiền! Mật có cảnh giới, có cảnh giới Phật, có cảnh giới của hộ pháp minh vương[81], có cảnh giới quỷ thần. Cảnh giới của họ quá nhiều, quá phức tạp. Nói cách khác, ma rất dễ dàng thừa cơ xâm nhập. Nếu quý vị chẳng có năng lực phân biệt, muốn chẳng bị lừa sẽ khá khó khăn. Do vậy, chúng ta thấy rất nhiều người học Mật bị ma dựa, tại Đài Loan và ngoại quốc thường gặp chuyện này. Đó là chẳng khéo dụng tâm, chẳng có năng lực phân biệt là Phật hay là ma!

***(Sao) Kim niệm Phật nhân, nhất sanh ức Phật, lâm chung kiến Phật, nhân quả tương phù.***

**(鈔)今念佛人，一生憶佛，臨終見佛，因果相符。**

---

[81] Minh Vương (Vidyā-rāja), còn gọi là Kim Cang Minh Vương, Trì Minh Vương, Phẫn Nộ Tôn, hoặc Phẫn Nộ Vương, là thần hộ pháp của Phật giáo trong Mật Tông. Những vị này thường là hóa thân của Phật, Bồ Tát, có hình dạng phẫn nộ, hung ác, mang ý nghĩa chuyển hóa tam độc thành từ bi, trí huệ. Kinh điển Mật Tông thường gọi những vị này là Giáo Lệnh Luân Thân (教令輪身) chủ yếu nhằm hóa độ chúng sanh căn tánh ương ngạnh. Các Ngài khéo sử dụng oai lực và phẫn nộ khiến cho chúng sanh kính sợ, hàng phục, quy y Phật pháp. Tương ứng với các vị Minh Vương là Minh Phi, thông thường là phối ngẫu của Minh Vương. Các vị Heruka (Hách Lỗ Ca, Đại Lực Kim Cang Thần) trong Phật Giáo Tây Tạng cũng là một dạng Minh Vương. Theo truyền thống Đông Mật có ba mươi bốn vị Minh Vương, nhưng năm vị sau đây quan trọng nhất (do các ngài là hóa thân của Ngũ Trí Như Lai): Bất Động Minh Vương (Acalanātha, hóa thân của Tỳ Lô Giá Na Như Lai), Hàng Tam Thế Minh Vương (Trailokya-vijaya-rāja, hóa thân của Bất Động Như Lai), Quân Trà Lợi Minh Vương (Kuṇḍali Vidyārāja, hóa thân của Bảo Sanh Như Lai), Đại Oai Đức Minh Vương (Yamāntaka Vajrabhairava, Diễm Man Đắc Ca, hóa thân của A Di Đà Như Lai. Tạng Truyền Phật giáo lại coi vị này là hóa thân của Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát), và Kim Cang Dạ Xoa Minh Vương (Vajra Krodha Mahābala Ucchuṣma, còn gọi là Hỏa Thủ Kim Cang, Trừ Uế Kim Cang, Uế Tích Kim Cang, hoặc Ô Sô Sắt Ma, hóa thân của Bất Không Thành Tựu Như Lai). Ngoài ra, những vị sau đây cũng thường được Đông Mật thờ phụng, hành trì nghi quỹ khá phổ biến là Ái Nhiễm Minh Vương (Rāgarāja), Khổng Tước Minh Vương (Mahamayuri), Mã Đầu Minh Vương (Hayagrīva, hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát), Đại Luân Minh Vương (Mahā-cakra), Đại Nguyên Soái Minh Vương (Āṭavaka) v.v…

*(**Sao**: Nay người niệm Phật suốt đời nhớ Phật, lâm chung thấy Phật, nhân quả phù hợp).*

Người niệm Phật thấy cảnh giới Tây Phương, thấy Phật Di Đà, Quán Âm, Thế Chí, đó là bình thường. Trong khá nhiều luận điển, cổ đức đã khai thị: Phật, Bồ Tát hiện tiền nhằm chứng minh, hòng tăng trưởng tín niệm của chúng ta. Ma cảnh hiện tiền nhằm lừa gạt, dụ dỗ, mê hoặc quý vị, hòng phá hoại đạo tâm. Mục đích và dụng ý khác nhau. Do vậy, thời gian Phật cảnh hiện tiền nhất định là sẽ rất ngắn. Sau khi hiện tiền, quý vị sẽ chẳng còn thấy nữa. Đó là Phật, Bồ Tát thị hiện cảnh giới theo lẽ thông thường, chẳng phải là thường xuyên trông thấy. Suốt một đời Viễn công đại sư (Sơ Tổ Huệ Viễn), chỉ thấy ba lượt! Nếu thời gian hiện cảnh giới rất dài, sau khi cảnh giới biến mất, cách một thời gian chẳng lâu sau lại hiện, sẽ là bất bình thường, có thể đoán định nó là ma cảnh, chẳng phải là Phật cảnh. Thường thấy cảnh giới ấy, chắc chắn chẳng phải là chuyện tốt đẹp! Có các đồng tu từng nói với tôi: Lúc họ mới học Phật, có rất nhiều thụy tướng, ngửi thấy mùi hương lạ, trong mộng thấy Phật, Bồ Tát đến thuyết pháp, xoa đầu. Sau khi đã niệm Phật nhiều năm, chẳng còn thấy nữa. Họ hỏi: "Có phải là tôi ngã lòng hay chăng? Có phải là công phu chẳng đắc lực hay không?" Tôi nói: "Các vị thường mong trông thấy ư? Thường trông thấy thì hỏng bét! Sở dĩ Phật, Bồ Tát chẳng thường hiện tiền, nói thật ra, cũng là do đại từ đại bi đối với chúng ta, chân thật hộ niệm chúng ta. Thường trông thấy, chúng ta chẳng tiếp nhận được! Phiền não tập khí nhất định sẽ hiện hành, tự nghĩ: "Các ngươi xem đó, ta thường thấy Phật, các ngươi đâu có thấy! Công phu của ta tốt đẹp hơn bọn ngươi!" Phiền não kiêu căng ngã mạn đã sanh khởi! Đức Phật dạy quý vị đoạn phiền não, kẻ giúp quý vị tăng trưởng phiền não là ma, chắc chắn chẳng phải là Phật. Do vậy, nếu chẳng phải là lúc tất yếu, Phật sẽ chẳng đến quấy nhiễu, chẳng đến nhiễu loạn quý vị. Chúng ta học Phật, niệm Phật, điều quan trọng nhất là chúng ta mong cầu nhất tâm bất loạn, mong cầu tâm thanh tịnh, chẳng phải là cầu hằng ngày thấy Phật. Vì thế, kinh chỉ nói *"khi lâm chung, Phật đến tiếp dẫn"*, chẳng có nói: Thường thị hiện cho quý vị trông thấy.

***(Sao) Vấn: Ký viết phi ma, đương thị chân Phật, nhi cổ vị Phật vô khứ lai, vân hà hữu Phật hiện tại kỳ tiền?***

**(鈔)**問：既曰非魔，當是真佛，而古謂佛無去來，云

何有佛現在其前。

*(**Sao**: Hỏi: Đã nói chẳng phải là ma, thì phải là Phật thật sự, nhưng cổ nhân nói "Phật chẳng đến đi", sao lại có Phật hiện ra trước người ấy?)*

Câu hỏi này hay lắm! Đích xác cũng là sự thật. Cổ đức nói về chuyện vãng sanh Tịnh Độ, đã bảo: *"Sanh tắc quyết định sanh, khứ tắc thật bất khứ"* (Sanh thì quyết định sanh, đi thì thật sự chẳng đi). Nếu chẳng phải là thật sự thấy chân tướng sự thật, sẽ chẳng thốt lên câu này! Sanh thì quyết định sanh, nhưng đi thì chẳng đi, lời này nên nói ra sao? Cổ nhân muốn thấu hiểu ý này, đúng là chẳng dễ dàng. Người hiện thời cậy vào tỷ dụ trong khoa học kỹ thuật bèn có thể lãnh hội dễ dàng. Ví như chúng ta xem TV, màn hình TV ở ngay trước mặt chúng ta. Ở đây, chúng ta nhấn nút xem chương trình TV của Mỹ, nước Mỹ xác thực ở ngay trước mắt chúng ta. Chúng ta có đi hay không? Chúng ta chẳng đi, nó (người và cảnh nước Mỹ) cũng chẳng đến [chỗ chúng ta]. Chẳng đến chẳng đi mà ở ngay trước mặt. Trong tương lai, khoa học kỹ thuật lại tiến thêm một bước nữa, chỉ sợ có thể cùng người trong màn hình TV đối diện chuyện gẫu. Người ấy cũng chẳng đến, chúng ta cũng chẳng đi, chúng ta gặp mặt nói chuyện phiếm dường như ở cùng một chỗ. Nếu dùng thuật ngữ khoa học để giải thích, nói thật ra là thuộc vào các không gian có kích thước khác nhau. Các nhà khoa học công nhận chúng ta đang ở trong không gian ba chiều, [ngoài ra còn có] không gian bốn chiều, không gian năm chiều, không gian sáu chiều, không gian vô hạn chiều! Đúng là chẳng có đến đi, mà là tiến nhập một không gian khác. Do vậy *"sanh thì quyết định sanh, đi thì thật sự chẳng đi"*. Khoa học hiện đại đã phát hiện sự thật này.

***(Sao) Đáp: Cảm ứng đạo giao, bất phương bất lai nhi lai, vô kiến nhi kiến.***

**(鈔)**答：感應道交，不妨不來而來，無見而見。

*(**Sao**: Đáp: Cảm ứng đạo giao, chẳng ngại gì không đến mà đến, chẳng thấy mà thấy).*

Chính là nói tới đạo lý mà tôi vừa mới đề cập. Liên Trì đại sư là người sống vào đời Minh. Thuở ấy, khoa học kỹ thuật trong thế gian này chẳng bàn tới [đạo lý ấy] được! Vì thế, cảnh giới này hết sức khó hiểu,

chỉ có người thật sự tu hành có công phu định lực mới có thể lý giải. Cảnh giới trong Định xác thực là chuyển biến chúng ta đến không gian vô hạn chiều. Đó là cảnh giới trong Định, người ấy có thể tự do qua lại. Vì thế, thấy rất nhiều thế giới bất đồng.

***(Sao) Cố Vĩnh Minh vị "như huyễn, phi thật, tắc tâm Phật lưỡng vong, nhi bất vô huyễn tướng, tắc bất hoại tâm Phật".***

**(鈔)**故永明謂如幻非實，則心佛兩忘，而不無幻相，則不壞心佛。

*(**Sao**: Vì thế, ngài Vĩnh Minh bảo là "như huyễn, chẳng thật, cho nên tâm và Phật cùng mất. Do huyễn tướng chẳng không, cho nên chẳng hoại tâm và Phật").*

Những lời này do Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư nói. Chúng ta biết Ngài là Hóa Thân của A Di Đà Phật, những điều Ngài nói đương nhiên là có đạo lý rất sâu, mà cũng thật sự là chân tướng sự thật. *"Tâm Phật lưỡng vong"* (Tâm và Phật cùng mất) chính là năng cảm, tâm đã thanh tịnh, chẳng có phân biệt. Tâm và Phật là hai pháp; nay chúng ta gọi hai pháp là "tương đối". Sau khi đã bỏ sạch tương đối, tuyệt đối cũng chẳng có. Hễ nói tuyệt đối và tương đối, lại biến thành một cặp [đối lập]. Vì thế, trong Phật pháp có nói: *"Nhị biên bất lập, Trung Đạo bất tồn"* (Hai bên chẳng lập, Trung Đạo chẳng tồn tại). Trung Đạo cũng chẳng có, cái tâm ấy mới là chân tâm, mới là tâm thật sự thanh tịnh. Lục Tổ nói: *"Vốn chẳng có một vật"*. Thế là tất cả hết thảy chướng ngại đều chẳng có. Chẳng có giới hạn thì mới có thể vượt thoát thời gian và không gian vô hạn chiều! Nay chúng ta chẳng thể vượt thoát là vì có phân biệt, có chấp trước. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói: *"Hết thảy chúng sanh chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc"*. Nếu trừ bỏ vọng tưởng, chấp trước, sẽ giống như chư Phật Như Lai, không gian vô hạn thảy đều hiện ở trước mắt. Tất cả hết thảy sâm la vạn tượng, kinh Đại Thừa nói *"duy tâm sở hiện, duy thức sở biến"*, cũng có nghĩa là: Y báo và chánh báo trang nghiêm như trong Phật pháp đã nói, kẻ bình phàm chúng ta nói là *"vạn hữu trong vũ trụ"* do đâu mà có? Do tự tánh biến hiện. Tự tánh là cái có thể biến (năng biến), vạn tướng là cái được biến (sở biến). Năng biến là thật, sở biến là huyễn tướng. Do vậy, kinh Kim Cang nói hết thảy các tướng, tướng là pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng. Trong tâm chúng ta nghĩ gì sẽ biến ra nấy. Chúng ta

tưởng Phật, Phật tướng liền hiện tiền. Tưởng Bồ Tát, tướng Bồ Tát liền hiện tiền. Kinh Lăng Nghiêm cũng gọi điều này là *"tùy tâm ứng lượng"*, chẳng sai tí nào!

***(Sao) Hựu vân: "Pháp Thân chân Phật, bổn vô sanh diệt".***

**(鈔)又云：法身真佛，本無生滅。**

*(**Sao**: Lại nói: "Vị Phật chân thật nơi Pháp Thân vốn chẳng có sanh diệt").*

Pháp Thân là bản thể, là Chân Như bản tánh. Triết học hiện thời gọi nó là *"bản thể của vạn hữu trong vũ trụ"*, trong Phật pháp gọi nó là Pháp Thân. Pháp Thân nghĩa là hết thảy vạn pháp đều nương vào nó để sanh khởi, có ý nghĩa hoàn toàn giống như Bản Thể đang nói trong hiện tại, bất quá danh xưng khác nhau. *"Pháp Thân chân Phật, bổn vô sanh diệt"*, [nghĩa là] từ Pháp Thân biến hiện ra đức Phật, chúng ta gọi [đức Phật ấy] là Báo Thân Phật. Báo Thân Phật hữu sanh, vô diệt.

***(Sao) Từ Chân khởi Hóa, tiếp dẫn mê căn.***

**(鈔)從真起化，接引迷根。**

*(**Sao**: Từ Chân Phật sanh khởi Hóa Phật để tiếp dẫn những căn cơ đang mê muội).*

Xác thực là Pháp Thân có bản năng này, nghĩa là năng lực ấy vốn sẵn có, chẳng do tu được. Chúng sanh ở nơi đâu có cảm, Ngài bèn hiện thân nơi ấy, tức là Ứng. *"Tiếp dẫn mê căn"* tức là vì lục đạo phàm phu mà nói. Vì lục đạo mê hoặc, điên đảo, người thuộc loại căn tánh này được gọi là lục đạo phàm phu.

***(Sao) Thử nãi Như Lai bổn nguyện công đức, linh bỉ hữu duyên chúng sanh, chuyên tâm tưởng niệm, năng ư tự tâm kiến Phật lai nghênh, bất thị chư Phật thật khiển Hóa Thân nhi lai nghênh tiếp.***

**(鈔)此乃如來本願功德，令彼有緣眾生，專心想念，能於自心見佛來迎，不是諸佛實遣化身而來迎接。**

*(**Sao**: Đây chính là bổn nguyện công đức của Như Lai, khiến cho chúng sanh hữu duyên chuyên tâm tưởng niệm, có thể từ tự tâm thấy Phật đến đón tiếp, chẳng phải là chư Phật thật sự sai Hóa Thân đến đón tiếp).*

Hãy nên biết sự thật này! Chúng ta hằng ngày tưởng Phật, đến khi lâm chung, quý vị sẽ thấy Phật. Do đâu mà có Phật? Phật do tự tánh của chúng ta biến hiện, biến hiện như thế nào? Do bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì mà biến hiện. Do vậy, đấy là Hóa Thân của Phật, chẳng phải là đức Phật từ Tây Phương Cực Lạc thế giới biến ra một thân, vội vã đến đây. Chẳng phải là ý nghĩa ấy, nếu nói [Phật từ Cực Lạc đến tiếp đón] theo kiểu như vậy thì sai mất rồi! Hóa Thân của Phật ở chỗ nào? Hóa hiện từ ngay trước mặt. Do vậy, Phật thật sự chẳng có đến hay đi. Nhưng thân tướng của Phật xác thực là hiện diện ngay trước mặt chúng ta; chính chúng ta cũng cảm thấy ta theo Phật tới Tây Phương. Chỉ cần quý vị theo Phật, bèn lập tức đến Tây Phương. Vì vậy, kinh thường nói *"đàn chỉ khoảnh"* (彈指頃: trong khoảng khảy ngón tay). Thời gian khảy ngón tay hết sức nhanh chóng! Trong một cái khảy ngón tay đã đến nơi, đã tới Tây Phương! Do đó, mười vạn ức cõi Phật chẳng xa, khảy ngón tay một cái đã tới, như tôi vừa mới nói, chỉ là chuyển biến không gian trong chốc lát, từ trong không gian ba chiều của chúng ta chuyển sang không gian vô hạn chiều của A Di Đà Phật. Hễ chuyển biến sẽ chính là [Cực Lạc], có ý nghĩa như vậy đó.

***(Sao) Tắc Phật thân trạm nhiên thường tịch, chúng sanh kiến hữu khứ lai.***

**(鈔)則佛身湛然常寂，眾生見有去來。**

*(**Sao**: Phật thân trong lặng, thường tịch, mà chúng sanh thấy có đến đi).*

Hai cảnh giới khác nhau. Phật là tâm tánh viên mãn hiển lộ, nhưng bọn phàm phu chúng ta chẳng đoạn một phẩm phiền não. Trình độ chênh lệch quá lớn. Trong cảnh giới của Phật, tận hư không khắp pháp giới là một Thể, nhưng trong tâm chúng ta có quá nhiều phân biệt, chấp trước, nên giống như có đến, có đi. Nói cách khác, chúng ta đã thấy Phật, nhưng tập khí phân biệt, chấp trước vẫn còn. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, các tập khí ấy có gây trở ngại hay chăng? Chẳng trở ngại, đó gọi là *"đới nghiệp vãng sanh"*, mang qua đó cũng chẳng gây trở ngại! Giống như trong kinh đã nói: Chúng ta mặc áo, ăn cơm. Mặc áo, ăn cơm là tập khí, đến khi đó, sẽ tự nhiên nghĩ tưởng. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới có còn phải ăn uống hay không? Chẳng cần thiết! Không cần, nhưng đôi khi bỗng nhớ tới: "Khá lâu rồi mà chưa ăn uống gì!" Nghĩ đến

chuyện ăn uống, vật dụng để ăn uống và cơm nước bèn bày ra trước mặt. Chỉ cần dấy lên ý niệm, chúng bèn hiện tiền. Một chốc sau, do chúng đã hiện ra trước mặt, bèn nghĩ: "Ta đang ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, nay đã thành Bồ Tát, chẳng cần những thứ này", những thứ ấy bèn chẳng còn nữa! Đó là tập khí biến hiện huyễn tướng (幻相: hình tướng hư huyễn) tại đó. Do vậy, cảnh giới của Phật và chúng sanh khác nhau, nhưng đôi bên chẳng trở ngại lẫn nhau. Tại Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ dần dần chẳng ngừng nâng cao cảnh giới của chúng ta.

***(Sao) Như kính trung hình, phi nội, phi ngoại, như mộng trung sự, bất hữu, bất vô.***

**(鈔)如鏡中形，非內非外，如夢中事，不有不無。**

*(**Sao**: Như hình trong gương, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài; như chuyện trong mộng, chẳng có, chẳng không).*

Tỷ dụ này rất hay, chúng ta dùng màn hình TV để so sánh cũng có ý nghĩa này. Chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, chẳng có, chẳng không, đó là chân tướng sự thật. Thế giới trước mắt chúng ta cũng là tình trạng này, đáng tiếc là có rất nhiều người chẳng thể cảm nhận, ngỡ huyễn tướng là chân tướng, coi huyễn hữu là chân hữu, phân biệt, chấp trước trong ấy, lại còn mong chiếm hữu, khổ sở thay! Đã dùng hết tâm cơ, chịu hết mọi nỗi khổ sở, có đạt được hay chăng? Thứ gì cũng chẳng đạt được. Vì sao chẳng đạt được? Vì sự thật là "chẳng phải có, chẳng phải không", cho nên quý vị chẳng thể đạt được! Kể cả thân thể của chúng ta, chúng ta đều không thể đạt được thân thể! Người thật sự giác ngộ điều này, coi thân thể như y phục. Y phục đã bẩn thỉu, cởi ra giặt giũ, lại bẩn thỉu, bèn cởi ra vứt đi, chẳng cần nữa, thay một bộ khác! Người thật sự giác ngộ có cách nhìn như thế đối với thân thể, thân thể chẳng đáng coi trọng cho lắm. Chúng ta cần sử dụng nó, chớ nên chấp trước nó. Giống như y phục, chúng ta phải sử dụng chúng, chớ nên chấp trước, khi nên quăng đi bèn vứt bỏ. Khi vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quần áo bên thế giới Cực Lạc tốt hơn nơi này quá nhiều, những thứ dơ bẩn chớ nên mang đi, phải vứt bỏ! Đến thọ sanh trong thế giới Cực Lạc, quý vị thấy kinh nói là thể chất của cái thân là *"tử ma chân kim"* (vàng ròng được trau giồi sáng bóng), tướng hảo, quang minh. Chúng ta mang cái đãy da thối này qua đó, chẳng có ai ưa thích! Vì thế, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới phải vứt bỏ, phải quăng nó đi, quý vị sẽ đạt được một

thân thể mới hoàn toàn giống hệt như A Di Đà Phật. Phần bốn mươi tám nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ đã nói rất rõ ràng: Thân Phật có vô lượng tướng hảo, quang minh. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân tướng của chúng ta giống hệt như A Di Đà Phật, thế giới ấy là một thế giới bình đẳng. Vì thế, đối với hiện tiền, thân thể và hoàn cảnh sống của chúng ta, hết thảy đều phải xem nhạt một chút, chớ nên xem chúng rất thật, chớ nên chấp trước, đó là đúng, chúng ta niệm Phật mới có thể đắc nhất tâm, mới có thể đạt được tâm thanh tịnh.

***(Sao) Hựu kinh vân: "Ưng dĩ Phật thân đắc độ giả, tức hiện Phật thân nhi vị thuyết pháp", diệc thử ý dã.***

**(鈔)又經云：應以佛身得度者，即現佛身而為說法。亦此意也。**

*(**Sao**: Kinh lại nói: "Nên dùng thân Phật để đắc độ, bèn hiện thân Phật để thuyết pháp" cũng là ý này).*

Chúng ta thấy Phật, thấy Bồ Tát, hai ba người cùng tu với nhau, mỗi người thấy mỗi khác. Tại Phạm Âm Động ở núi Phổ Đà bên Đại Lục, có người kiền thành lễ bái ngoài động, Quán Âm Bồ Tát bèn hiện tướng. Cũng có người đến lễ rất lâu, chẳng thấy gì cả. Có người lạy mười mấy phút, hoặc nửa giờ, bèn thấy Quán Âm Bồ Tát hiện thân. Pháp sư Thánh Nhất ở Hương Cảng kể với tôi: Ba người bọn họ tới Phạm Âm Động ở núi Phổ Đà để lễ bái Quán Âm Bồ Tát. Lạy nửa tiếng đồng hồ, Bồ Tát hiện thân, ba người đều hết sức hoan hỷ. Khi trở về, hỏi han lẫn nhau: "Ông thấy Quán Âm Bồ Tát có hình dạng ra sao?" Kết quả là ba người đều nói khác nhau. Pháp sư Thánh Nhất thấy tướng thù thắng: Bồ Tát hiện thân nam tử, toàn thân kim sắc, đội mão Tỳ Lô. Vị pháp sư kia thấy Ngài dưới hình tướng nữ nhân, là hình dạng Bạch Y Đại Sĩ. Vị khác nữa thấy Ngài có hình tướng xuất gia, mặc áo hải thanh, đắp y. Ba người đồng thời thấy, nhưng thấy hình tướng khác nhau. Đúng như phẩm Phổ Môn đã nói: *"Nên dùng thân gì để độ bèn hiện thân tướng ấy"*. Có thể thấy ba vị ấy tâm địa thanh tịnh khác nhau, công phu tu hành cạn hay sâu khác nhau, nhưng toàn là tâm chính mình có thể cảm, Bồ Tát có thể ứng, do cảm ứng đạo giao mà hiện tướng. Vì vậy, đáng nên dùng thân Phật để độ bèn hiện thân Phật.

Hôm qua, có một người đến hỏi tôi. Người ấy hỏi giùm một đồng tu khác, là một vị nam cư sĩ, ông ta hỏi: Có một vị nữ đồng tu, bà ta vẫn

mong dùng thân nữ để vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, hỏi xem có thể hay không? Tôi nói: "Đại khái là chẳng thể được! Kinh chẳng có cách nói như vậy". Ông ta nói: "Nếu đến thế giới Tây Phương, chẳng phải là dùng thân nữ để đến thì chính là rất bất bình đẳng! Vì sao nhất định phải là thân nam? Vì sao thân nữ chẳng thể đến Tây Phương Cực Lạc thế giới?" Nói thật ra, chẳng phải là người ta bất bình đẳng, mà là quý vị phân biệt, chấp trước quá nặng! Quý vị hằng ngày dấy vọng tưởng. Dùng cái tâm vọng tưởng, chấp trước ấy để niệm Phật, chắc chắn là chẳng thể vãng sanh. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị thích thân nữ. Quý vị hãy xem chỗ này: *"Đáng nên dùng thân nữ để đắc độ, bèn hiện thân nữ để thuyết pháp"*. Quý vị đến mười phương các cõi nước trong tận hư không khắp pháp giới, chẳng biết là có thể hiện bao nhiêu thân nữ, tự tại lắm! Nếu quý vị chẳng đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân gì cũng chẳng thể hiện, mà phải thuận theo nghiệp lực để biến hiện, đấy mới là khổ! Bởi lẽ, thế giới Tây Phương là nguyện lực, nhất định phải hiểu điều này. Nhưng trong thế giới Tây Phương, quyết định là bình đẳng, hễ có nam nữ sẽ là bất bình đẳng. Từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta cũng đã đọc và thảo luận, vì sao A Di Đà Phật phát nguyện trong thế giới Tây Phương toàn là thân nam, lại còn là thân tướng giống hệt như nhau? Nhằm tránh phân biệt, tránh được khá nhiều phiền não. Khá nhiều kinh đã nói, thế giới nào có nam nữ sống lẫn lộn với nhau, thế giới ấy quyết định có địa ngục. Nếu thế giới ấy thuần nhất là nam giới, hay thuần nhất là nữ giới, thế giới ấy chẳng có địa ngục!

Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có ba ác đạo! Không chỉ hoàn toàn là nam chúng, mà vóc dáng, tướng mạo đều như nhau, đó mới là thật sự bình đẳng. Vì sao? Người thế gian, thân thể tráng kiện, tướng mạo đẹp đẽ bèn kiêu ngạo. Thể chất yếu đuối, diện mạo, hình thể kém cỏi hơn một chút, trong tâm sẽ có mặc cảm tự ty! Đó là bất bình đẳng. A Di Đà Phật thấy rất rõ ràng, chẳng cần sự bất bình đẳng đó, hễ đến thế giới Tây Phương của ta đều là bình đẳng, mọi người sống chung với nhau đều chẳng có tự ty, mà cũng chẳng có ngạo mạn. Vì vậy, thế giới ấy chẳng có ba ác đạo. Nếu quý vị chẳng mong đến đó, trong những thế giới ở phương khác, có những chỗ là ba ác đạo rất nhiều, quý vị cứ mặc tình mà đến! Đã vậy, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, còn có năng lực hóa thân theo từng loài. Hóa thân theo từng loài, chẳng phải là trong thế giới Tây Phương, mà là đến những thế giới phương khác. Quý vị đến mười phương thế giới cúng dường Phật, tùy tiện quý vị hóa thân gì, thích

hóa thân nào cũng đều có thể. Đến độ chúng sanh, đương nhiên là hóa thân thuận theo tâm lượng của chúng sanh, chính là *"nên dùng thân Phật để độ bèn hiện thân Phật, nên dùng thân Bồ Tát để độ bèn hiện thân Bồ Tát"*. Nên dùng thân gì để độ, bèn hiện thân ấy. Đúng là đắc đại tự tại! Trở về Tây Phương Cực Lạc thế giới, vẫn có thân tướng giống như A Di Đà Phật, quyết định là bình đẳng, thân tướng bình đẳng trong thế giới Tây Phương. Tiếp theo đây, dùng một tỷ dụ để nói.

***(Sao) Thị cố thủy thanh tắc nguyệt tự lai, tâm tịnh tắc Phật tự hiện, sở vị cảm ứng đạo giao nan tư nghị dã.***

**(鈔)是故水清則月自來，心淨則佛自現，所謂感應道交難思議也。**

*(**Sao**: Do vậy, nước trong nên trăng tự hiện bóng, tâm tịnh ắt Phật tự hiện. Đó gọi là "cảm ứng đạo giao khó thể nghĩ bàn" vậy).*

*"Nan tư nghị"* là chẳng thể nghĩ bàn! Nước trong liền hiện bóng trăng, Vầng trăng có vào trong nước hay không? Chẳng vào! Chẳng vào mà hiện, đó là "chẳng đến mà đến". Tâm chúng ta thanh tịnh, Phật bèn hiện. Trong tâm thanh tịnh, không chỉ hiện cảnh giới của chư Phật, mà y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới thảy đều hiện tiền, lại còn đều là cảnh giới Hiện Lượng, chân thật nhất, chẳng có tí ti sai lầm nào! Trước kia, có một quyển sách tên là Tạo Hóa Thông, người viết sách ấy rất có học vấn, xác thực là học rộng nghe nhiều. Trong ấy có hai thiên sách thảo luận về những lời tiên đoán. Tiên đoán do đâu mà có? Tác giả nêu ra hai nguồn gốc:

1) Một là từ suy luận Toán Học. Trung Hoa có rất nhiều tác phẩm tiên đoán, như tác phẩm nổi tiếng nhất là bộ Hoàng Cực Kinh của Thiệu Khang Tiết[82]. Ông ta suy tính, chẳng phải là tính toán các triều đại của một quốc gia, mà còn suy tính mạng vận của toàn thể địa cầu. Suy tính

[82] Hoàng Cực Kinh có tên gọi đầy đủ là Hoàng Cực Kinh Thế (皇極經世) do Thiệu Ung (Thiệu Khang Tiết) soạn vào đời Bắc Tống. Những suy luận và dự đoán dựa trên thuật Hà Lạc (Hà Đồ, Lạc Thư) và Tượng Số. Sách gồm mười hai quyển, sáu mươi bốn thiên, chia thành các phần Nguyên Hội Vận Thế, Thanh Âm Luật Phẩm, Quán Vật Nội Thiên, và Quán Vật Ngoại Thiên. Nổi tiếng nhất là phần Nguyên Hội Vận Thế gồm rất nhiều lời luận đoán về các triều đại. Ông là người đầu tiên đã đưa ra khái niệm chu kỳ diễn biến lịch sử như sau: Cứ hết một Nguyên, mọi việc sẽ lặp lại từ đầu. Một Nguyên gồm mười hai Hội, một Hội gồm ba mươi Vận, một Vận là

cũng khá chuẩn xác, nhưng cũng có khi chẳng chuẩn xác. Do nguyên nhân nào? Ông ta suy luận bằng Lý Số. Lý Số có khi biến hóa, lại có mức độ tăng giảm, nhân chia quá lớn, sẽ thay đổi, chẳng hoàn toàn đáng tin cậy được, nhưng phần lớn có thể tin tưởng được!

2) Một nguồn gốc khác là cảnh giới Hiện Lượng do thánh nhân đã thấy trong Định. Điều này quyết định đáng tin cậy, vì ở trong Định, quá khứ, hiện tại, vị lai các Ngài đều thấy, quyết định chẳng có sai lầm. Tâm thanh tịnh, những hiện tượng trong quá khứ, hiện tại, vị lai đều ở trước mắt, quý vị bèn trông thấy.

Tại cõi này, hay nơi phương khác, không chỉ là Phật pháp giới, *"tâm tịnh tắc Phật tự hiện"* (tâm tịnh ắt Phật tự hiện). Tâm tịnh thì y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới muốn hiện bèn hiện, mong thấy bèn thấy. Đó là cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn! Thông thường, muốn đạt tới cảnh giới này, mức độ thấp nhất phải là từ Sơ Quả trở lên. Sơ Quả có công phu định lực kha khá, Định có thể phục đoạn[83] phiền não, phục đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới. Trong sáu loại thần thông, Ngài đã đắc hai loại tức là Thiên Nhãn Thông và Thiên Nhĩ Thông. Đạt đến Nhị Quả, bèn có Túc Mạng Thông, biết chuyện trong đời quá khứ của chính mình, có Tha Tâm Thông biết người khác trong tâm nghĩ gì. Tam Quả có Thần Túc Thông, tức là phi hành biến hóa. Bảy mươi hai phép biến hóa của Tôn Ngộ Không thuộc loại Thần Túc Thông. Năng lực của Tam Quả không chỉ là bảy mươi hai phép biến hóa, Ngài có thể biến hóa, có thể phân thân. Tứ Quả đắc Lậu Tận Thông, đoạn hết tám mươi mốt phẩm Tư Hoặc, vượt thoát tam giới. Có thể thấy: Để đắc tâm thanh tịnh, định lực hết sức trọng yếu! Đức Phật nói những năng lực ấy đều là bản năng (năng lực sẵn có), chẳng do từ bên ngoài. Tâm thanh tịnh, những năng lực vốn sẵn có của chúng ta bèn khôi phục. Hiện thời, các năng lực ấy mất đi, bị những phiền não vọng

---

mười hai Thế. Mỗi Thế là ba mươi năm. Do vậy, một Nguyên là mười hai vạn chín ngàn sáu trăm năm.

Thiệu Ung (1011-1077), tự là Nghiêu Phu, tự xưng là An Lạc Tiên Sinh, hoặc Bách Nguyên Tiên Sinh, thụy hiệu là Khang Tiết, là một nhà Dịch Học và tư tưởng nổi tiếng sống vào thời Bắc Tống. Ông giao du thân thiết với Tư Mã Quang, Châu Đôn Di và Trương Tải, Trình Hạo và Trình Di (là những nhà Lý Học nổi tiếng thời ấy), nên người đời thường gọi gộp chung là Bắc Tống Ngũ Tử. Ông viết rất nhiều, nhưng chỉ có bộ Hoàng Cực Kinh Thế là nổi tiếng nhất.

[83] Phục đoạn: Chế phục, chế ngự, hàng phục, chẳng cho phiền não dấy lên hiện hành, hoàn toàn chưa đoạn trừ.

tưởng, phân biệt, chấp trước chướng ngại bản năng của chúng ta, [khiến chúng] chẳng thể hiện tiền. Đạo lý như thế đó.

***(Sớ) Cố tri lâm chung thiết tượng trợ niệm, văn tải thánh kinh, pháp truyền Tây Vực, bất ưng nghi trở.***

**(疏)故知臨終設像助念，文載聖經，法傳西域，不應疑阻。**

*(**Sớ**: Vì thế, biết là "lâm chung, bày tượng Phật để trợ niệm", kinh văn đã được ghi chép trong thánh kinh, pháp ấy được lưu truyền tại Tây Vực, chớ nên nghi ngờ, ngăn trở).*

Nói tới lúc lâm chung. Đối trước người lâm chung, chúng ta trần thiết tượng A Di Đà Phật, hoặc tượng Tây Phương Tam Thánh để người ấy quán tưởng. Kinh Hoa Nghiêm có nói chuyện này. Lâm chung làm như thế nào, cũng là từ Ấn Độ truyền tới. Chúng ta chớ nên hoài nghi, chớ nên ngăn cản, quấy nhiễu những phương pháp ấy, hãy hành theo phương pháp ấy, nhất định có lợi ích.

***(Sao) Hoa Nghiêm thập ngũ kinh tụng vân.***

**(鈔)華嚴十五經頌云。**

*(**Sao**: Trong quyển mười lăm của kinh Hoa Nghiêm có bài kệ tụng như sau).*

Kệ tụng trong quyển mười lăm của kinh Hoa Nghiêm.

***(Sao) Kiến hữu lâm chung khuyến niệm Phật.***

**(鈔)見有臨終勸念佛。**

*(**Sao**: Thấy kẻ lâm chung, khuyên niệm Phật).*

Nay chúng ta nói là *"lâm chung trợ niệm"*, khuyên người ấy niệm Phật.

***(Sao) Hựu thị tôn tượng linh chiêm kính.***

**(鈔)又示尊像令瞻敬。**

*(**Sao**: Lại bày tôn tượng để người ấy chiêm ngưỡng, tôn kính).*

Tượng Phật thì tượng đắp cũng được mà tượng vẽ cũng được, nhất

định phải làm cho người lâm chung thấy rõ ràng. Khi lâm chung, tình hình rất đặc thù, người bệnh nằm ở trên giường, tượng đặt ở phía trên chân người bệnh, người đó nằm đấy có thể trông thấy. Khi ấy, chẳng có cung kính hay không cung kính, nhất định phải rất thuận tiện cho người bệnh, hễ mở mắt bèn thấy, phải đặt ở vị trí ấy, giúp cho người ấy quán tưởng, nhắc nhở người ấy niệm Phật, điều này hết sức trọng yếu. Hai câu kế đó nói lên mục đích.

***(Sao) Tỷ ư Phật sở thâm quy ngưỡng, thị cố đắc thành thử quang minh.***

**(鈔)俾於佛所深歸仰，是故得成此光明。**

*(**Sao**: Khiến cho quy ngưỡng Phật sâu xa, nên được thành tựu quang minh này).*

Khiến cho người ấy có thể sanh tín tâm đối với Phật, có thể sanh khởi nguyện tâm, thật sự quy mạng, thật sự cầu sanh, người ấy quyết định được vãng sanh.

***(Sao) Sớ vân.***

**(鈔)疏云。**

*(**Sao**: Lời Sớ ghi).*

Sớ là lời chú giải [kinh Hoa Nghiêm] của Thanh Lương đại sư. Bộ Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao do Thanh Lương đại sư soạn.

***(Sao) Tây Vực pháp.***

**(鈔)西域法。**

*(**Sao**: Pháp tắc bên Tây Vực).*

Từ Ấn Độ truyền sang phương pháp này.

***(Sao) Hữu dục xả mạng giả, linh diện Tây.***

**(鈔)有欲捨命者，令面西。**

*(**Sao**: Hễ có người sắp xả mạng, bèn bảo họ hướng về phương Tây).*

Người ấy khi lâm chung, nhất định phải ngoảnh mặt về phương

Tây để cầu cảm ứng.

***(Sao) Ư tiền an nhất lập tượng.***

**(鈔)**於前安一立像。

*(**Sao**: Trước mặt, đặt một tượng đứng).*

*"Tượng đứng"* là tượng A Di Đà Phật tiếp dẫn. Lâm chung, Phật đến tiếp dẫn, cho nên dùng tượng đứng.

***(Sao) Tượng diệc diện Tây.***

**(鈔)**像亦面西。

*(**Sao**: Tượng cũng ở phương Tây).*

Tượng Phật đặt ở phương Tây, khiến cho người bệnh hướng mặt về phương Tây.

***(Sao) Dĩ phan đảnh quải tượng thủ chỉ, linh bệnh nhân thủ tróc phan cước.***

**(鈔)**以旛頂掛像手指，令病人手捉旛腳。

*(**Sao**: Treo đỉnh lá phan nơi ngón tay của tượng, bảo bệnh nhân nắm lấy đuôi lá phan).*

Khi người ấy đang lâm chung thì Phật sự trợ niệm thù thắng nhất là Tam Thời Hệ Niệm. Đức Phật xòe tay tiếp dẫn, trên tay treo một lá phan dài, biểu thị ý nghĩa tiếp dẫn. Để cho người bệnh nắm lấy đuôi phan, Phật đến tiếp dẫn, theo Phật ra đi, mang ý nghĩa này.

***(Sao) Tác tùy Phật vãng sanh tưởng, kiêm dữ thiêu hương, minh khánh, trợ xưng Phật danh.***

**(鈔)**作隨佛往生想，兼與燒香鳴磬，助稱佛名。

*(**Sao**: Tưởng theo Phật vãng sanh, kèm thêm thắp hương, gõ khánh, xưng danh hiệu Phật trợ niệm).*

Niệm Phật nhằm giúp đỡ người ấy. Đó là trợ niệm, giúp người ấy cầu sanh Tịnh Độ.

***(Sao) Phi trực vong giả đắc sanh Phật tiền, diệc chung thành***

***kiến Phật quang dã.***

**(鈔)非直亡者得生佛前，亦終成見佛光也。**

*(**Sao**: Dẫu chẳng thể trực tiếp làm cho người chết được sanh về trước Phật, thì rốt cuộc cũng trở thành trông thấy quang minh của Phật).*

Lâm chung, khi ấy, nghiệp lực trong cả một đời thảy đều hiện tiền. Nếu chúng ta chú tâm quan sát, sẽ phát hiện chuyện này chẳng khó. Trong số người nhà, quyến thuộc, bằng hữu của chúng ta, khi họ lâm chung, hãy chú ý quan sát, [sẽ thấy] học Phật và chẳng học Phật sai biệt rất lớn. Học Phật, mà học các pháp môn khác và học pháp môn Niệm Phật lại hoàn toàn bất đồng. Người niệm Phật, công phu tu hành cạn hay sâu cũng khác nhau, trong khi ấy đều có thể trông thấy [rõ rệt]. Công phu niệm Phật tốt đẹp, lâm chung có thụy tướng hết sức tốt đẹp. Công phu bình thường kém một chút, nếu trong khi lâm chung gặp duyên thù thắng, cũng có thể có thụy tướng rất tốt đẹp. Đó là lâm chung trợ duyên đắc lực. Khi ấy, người đó thật sự buông xuống, thật sự phát nguyện cầu sanh. Vì thế, lúc người ấy ra đi, tướng trạng hoàn toàn khác hẳn. Hoặc là sau khi đã mất, diện mạo tươi tắn, rạng rỡ, thân thể mềm mại, còn dễ coi, còn thù thắng hơn lúc đang bị bệnh. Điều này có thể chứng tỏ người ấy quyết định vãng sanh, chứng tỏ trợ niệm thật sự đắc lực. Do vậy, nói thật ra, trợ niệm là chuyện rất cần phải có, công đức trợ niệm cũng chẳng thể nghĩ bàn. Phương pháp này xác thực là có căn cứ, chẳng phải do các vị đại đức tại Trung Hoa tự chế ra, mà là từ Ấn Độ truyền sang.

***(Sao) Nhược thần du đại phương, khứ lưu vô ngại giả, trí chi ngôn ngoại.***

**(鈔)若神遊大方，去留無礙者，置之言外。**

*(**Sao**: Nếu là bậc thần thông dạo chơi khắp các cõi, đi, ở vô ngại, thì hãy để đó, chẳng bàn tới nữa).*

Thần thông du ngoạn khắp các cõi, đến đi vô ngại là đã đắc tự tại. Đối với lời tiểu chú cho bài kệ tụng này trong kinh Hoa Nghiêm, quý vị tự xem lời tiểu chú là được rồi[84], có thể thấy điều này xác thực là có căn

[84] Đối với phần này, sách Diễn Nghĩa chú giải rất sơ sài: *"Từ chữ 'thần du đại phương' trở đi nhằm giải thích sự chẳng trở ngại. Bài tụng trong kinh Hoa Nghiêm như sau: 'Hựu phóng quang minh danh kiến Phật, thử quang giác ngộ tương một giả, linh bỉ tùy niệm kiến Như Lai, mạng chung đắc sanh kỳ tịnh quốc' (Lại phóng*

cứ. Đến đi vô ngại là bậc tùy nguyện vãng sanh, [nghĩa là] tùy thuộc nguyện vọng của người ấy khi lâm chung, mong sanh về cõi Phật nào, nhất định vãng sanh cõi Phật ấy. Mong sanh lên trời cũng quyết định được sanh. Người ấy mong đời sau hưởng phú quý trong nhân gian cũng nhất định đạt được. Vì sao? Người ấy đắc đại tự tại, nên đến đi vô ngại. *"Trí chi ngôn ngoại"* là chẳng cần phải bàn tới nữa!

***(Sao) Bất nhĩ.***

**(鈔)不爾。**

*(**Sao**: Nếu chẳng phải vậy).*

Nói cách khác.

***(Sao) Miễn chiên tư hạnh, như thượng, tắc đặc vị thiết tượng, dĩ trợ vãng sanh. Hà huống nhất tâm bất loạn, cảm Phật hiện tiền, nãi lự vi ma, tự sanh nghi trở.***

**(鈔)勉旃斯行，如上，則特為設像，以助往生。何況一心不亂，感佛現前，乃慮為魔，自生疑阻。**

*(**Sao**: Hãy gắng sức làm theo hạnh ấy, [tuân theo những điều đã nói] như trên đây, đặc biệt vì [người lâm chung ấy] mà bày tượng, hòng giúp cho người ấy vãng sanh. Huống hồ là đối với người đã đắc nhất tâm bất loạn, cảm Phật hiện tiền, lại lo là ma hiện, để rồi tự sanh nghi hoặc, chướng ngại ư?)*

Đó là hiện tượng xấu nhất khi lâm chung, cũng có thể nói là ma chướng lớn nhất. Tức là khi lâm chung, hoặc là chính mình nghi hoặc, hay là người nhà chẳng tin tưởng. Không chỉ chẳng thể giúp đỡ quý vị, ngược lại, còn ngăn trở, quấy nhiễu, chuyện này phiền phức, là chuyện rất đáng sợ. Do vậy, đều phải là công phu tu tập thường nhật. Thường ngày, chính mình và người nhà phải bàn bạc, phải nói rõ với họ, khi lâm chung phải nên làm theo cách nào thì mới đúng pháp, mới chẳng khởi chướng ngại. Giống như mấy giờ trước có một đồng tu đến hỏi tôi: Cả nhà người ấy chỉ có một mình người ấy niệm Phật, người già trong nhà người ấy vãng sanh, trong các anh em trai, chị em gái, có người theo

---

*quang minh tên thấy Phật, quang ấy giác ngộ kẻ sắp chết, khiến cho tùy niệm thấy Như Lai, mạng hết được sanh cõi tịnh ấy)".*

Đạo Giáo, có kẻ theo Cơ Đốc Giáo, mỗi người chủ trương khác nhau, đều nghĩ chính mình làm đúng, người chết sẽ khổ lắm! Một mình người ấy học Phật, lại còn là kẻ nhỏ tuổi nhất trong các anh chị em, đến hỏi tôi làm như thế nào? Tôi nói: Chẳng có cách nào khác. Trong nhà, tiếng nói của quý vị chẳng có trọng lượng, chỉ đành niệm Phật hồi hướng cho người ấy là được rồi. Những chuyện khác quý vị chẳng làm chủ được, vẫn để cho anh chị em lo liệu. Đó là khó khăn nhất, đúng là ma chướng! Đương nhiên tốt đẹp nhất là chính mình niệm Phật thật sự có công phu, giống như trong phần trước đã nói: *"Thần du đại phương, khứ lưu vô ngại"* (Thần thức đi khắp nơi, đến đi vô ngại) thì được rồi. Giống như Hà Đông tước sĩ phu nhân tại Đông Liên Giác Uyển ở Hương Cảng đã thực hiện một chiêu rất cao minh. Khi lâm chung, bà biết trước lúc mất, bị bệnh đôi chút, nhưng căn bệnh ấy chẳng gây trở ngại, bà vẫn ngồi ra đi, thần trí rất sáng suốt. Hôm bà ra đi, mời hết thân thích, bằng hữu tới, mở đại hội vãng sanh trong nhà, khiến cho các thân thích bằng hữu thấy bà ta vãng sanh. Vì cả nhà chỉ có mình bà niệm Phật, cả nhà đều là tín đồ Cơ Đốc kiền thành, bà dùng chiêu ấy để độ cả nhà. Người nhà thật sự trông thấy, niệm Phật ra đi như vậy, bèn tin tưởng. Do đó, con cái và con dâu đều quay đầu, còn đem nhà họ quyên tặng làm đạo tràng, chẳng dễ dàng! Bà cụ ấy rất thông minh, rất cao minh: "Thời tiết nhân duyên chưa chín muồi, các ngươi cứ đi nhà thờ của các ngươi, căn bản là chẳng hỏi tới". Đến lúc đó, biểu hiện một chiêu này, toàn bộ đều quay đầu, độ rất nhiều người! Vì chuyện này được đăng tải trên báo chí, rất nhiều người thấy hiện tượng ấy, biết niệm Phật thật sự vãng sanh, chẳng phải là giả, là thật. Ở Đài Loan, người có công lực giống như bà ta chẳng ít! Chúng ta thường nghe nói, còn có vị đứng mất, công phu còn cao hơn bà ta. Tôi nghe nói tại Đài Loan có mấy vị đứng ra đi! Gần đây nhất, tôi nghe nói ở Cao Hùng còn có một vị đứng vãng sanh, biết trước lúc mất, người ấy chỉ niệm Phật bảy tháng. Chẳng phải là giả, xác thực là thật. Vậy là chẳng sao cả, khi lâm chung người nhà bất đồng ý kiến cũng chẳng thể chướng ngại người ấy, người ấy đến đi tự do!

***(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh vọng cùng chân lộ, thị lâm chung Phật hiện nghĩa.***

**(疏)稱理，則自性妄窮真露，是臨終佛現義。**

*(**Sớ**: Xứng Lý thì tự tánh vọng hết, chân tánh tỏ lộ, đó là ý nghĩa "lâm chung, Phật hiện").*

Trong tiết này, đoạn kinh văn này bàn luận xứng tánh, cũng nhằm nêu bày nguyên cớ vì sao khi lâm chung, Phật hiện tiền. *"Tự tánh vọng cùng"* (Tự tánh hết sạch vọng), *"cùng"* (窮) có nghĩa là hết sạch. *"Chân"* là chân tánh, chân tánh đã hiển lộ. Trong một câu này, có cảnh giới cạn hay sâu sai khác. Sự nhất tâm thì vọng tưởng và phiền não bị chế phục, chưa đoạn, chân tánh chẳng hiển lộ, chỉ là khuất phục phiền não mà thôi, chẳng khởi tác dụng. Phật, Bồ Tát đại từ đại bi, trong các pháp môn khác, đối với cảnh giới này sẽ chẳng thấy Phật, vô dụng. Đối với pháp môn Tịnh Độ, ở trong cảnh giới này là được rồi, có thể cảm ứng Phật hiện thân, gọi là *"đới nghiệp vãng sanh"*, sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Đấy là chỗ thù thắng bậc nhất của Tịnh Tông. Nếu [chân tánh] thật sự hiển lộ, lộ một phần, đó là Lý nhất tâm bất loạn. Đích xác là đoạn một phần vọng, bèn hiển lộ một phần chân, chân tâm hiển lộ một phần. Trong các tông phái khác, đó là Sơ Trụ Bồ Tát của Viên Giáo, hoặc Sơ Địa Bồ Tát của Biệt Giáo, xác thực là khác nhau. Đạt đến cảnh giới này, trong phần trước đã nói là *"đi, ở vô ngại"*, đó là đắc đại tự tại. Tịnh Tông thù thắng chẳng phải là thù thắng ở chỗ này, mà thù thắng ở chỗ chế phục phiền não, chẳng đoạn, mà đới nghiệp vãng sanh, thù thắng ở chỗ này. Công phu như vậy, trong một đời này, mỗi người chúng ta thảy đều làm được. Nếu nói đoạn phiền não, phải đoạn trừ vọng, phải hiển lộ chân, đích xác là chẳng phải ai nấy đều có thể làm được trong một đời, quá khó khăn! Nếu chỉ khuất phục, chẳng đoạn, đích xác là ai nấy đều có thể làm được. Đương nhiên chúng ta thấy Phật, [hoặc thấy] Tây Phương Tam Thánh, đều là Hóa Thân. Hóa Thân hay Ứng Thân, chư vị nhất định phải ghi nhớ, đều là chân Phật. Ngàn muôn phần đừng nghĩ Pháp Thân hay Báo Thân mới là chân Phật, Ứng Hóa Thân là giả Phật. Nếu quý vị có mối nghi hoặc ấy, phiền phức to lớn! Nếu nghi hoặc nặng nề, đời này chẳng thể vãng sanh. Dẫu nghi hoặc chẳng nặng, có nỗi nghi hoặc nông cạn, cũng bị vãng sanh trong Biên Địa, chẳng thể dự vào phẩm vị vãng sanh. Kinh Đại Thừa thường nói: *"Nghi vi Bồ Tát trọng chướng"*, [nghĩa là] nghi hoặc là chướng ngại trọng đại trong sự tu hành của hàng Bồ Tát, chúng ta nhất định phải đoạn nghi sanh tín. Bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư nói thật sự hết sức tường tận, mục đích của Ngài là giúp chúng ta đoạn nghi, sanh tín. Từ xưa tới nay, những chỗ có thể gây nên nghi hoặc, Ngài đều nêu ra, đều giải đáp rất tường tận cho chúng ta. Do vậy, mục đích hết sức hiển nhiên là giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín, kiên cố nguyện vọng cầu sanh. Qua Sớ Sao, đại sư đã thật sự hiển thị

lòng từ bi chân chánh, thật sự tạo lợi ích, thật sự giúp đỡ chúng ta. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này!

***Tập 249***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm tám mươi chín. Đoạn này bàn luận xứng tánh, đương nhiên là kinh nghĩa sâu hơn đôi chút, có thể hiểu thì càng tốt, chẳng hiểu cũng không sao! Điều khẩn yếu là phải thật thà niệm Phật, đấy mới là điều quan trọng nhất.

***(Sao) Vọng tâm vị tận, u u miên miên, thị vi mạng căn vị đoạn, Hoặc đoạn, chấp Không, tình tiêu, kiến tạ, nhân vong, gia phá, yên diệt, hôi phi, mạng chung chi vị dã. Chư vọng tận trừ, bất trực chân hà đãi? Cầu Phật bất hiện tiền, bất khả đắc dã.***

**(鈔)妄心未盡，幽幽綿綿，是為命根未斷，惑斷執空，情消見謝，人亡家破，煙滅灰飛，命終之謂也。諸妄盡除，不直真何待，求佛不現前，不可得也。**

*(**Sao**: Vọng tâm chưa hết, mờ mờ mịt mịt, đó là "mạng căn chưa đoạn". Hoặc đã đoạn, nhưng chấp trước nơi Không, tình chấp tiêu trừ, kiến chấp rơi rụng, người chết, nhà tan, khói tắt, tro bay, chính là ý nghĩa "mạng chung". Trừ sạch các vọng, há còn chẳng phải là chân ư? [Khi ấy], cầu Phật chẳng hiện tiền, trọn chẳng thể được).*

Trong hai chữ *"vọng tâm"* còn có [mức độ] cạn hay sâu sai khác rất lớn. Trong lục đạo, đối với những vọng tâm thô hay tế, phàm phu thảy đều trọn đủ. Đức Phật dạy có hai loại sanh tử:

- Một loại rất thô, được gọi là Phần Đoạn sanh tử.
- Loại kia vi tế hơn, gọi là Biến Dịch sanh tử.

Đối với Phần Đoạn sanh tử, chỉ cần đoạn cái vọng tâm Kiến Tư (chúng ta thường nói là Kiến Tư phiền não, hoặc nói là Kiến Tư Hoặc), Phần Đoạn sanh tử sẽ chẳng còn nữa, nhưng Biến Dịch sanh tử hãy còn. Biến Dịch (變易: biến đổi) là như chúng ta mỗi năm tuổi một cao hơn, mỗi năm sẽ từ trẻ trung biến thành già nua hơn, đó là Biến Dịch. Biến (變) là biến hóa, Dịch (易) là thay đổi, chẳng giống như trước. Sự biến dịch ấy tuyệt đối chẳng phải là mỗi năm một thay đổi; nói thật ra, nó

biến đổi trong từng sát-na. Nay chúng ta hai thứ sanh tử ấy đều có. Đoạn hết vọng tâm thô thì gọi là Tận. Phần Đoạn sanh tử trong tam giới lục đạo là từng giai đoạn [sanh tử] một; đối với mỗi giai đoạn, [hãy xét như sau để hiểu]: Giống như cả một đời này của chúng ta là một đoạn lớn. Nếu chia nhỏ hơn và cũng chia rất vi tế, mỗi ngày là một giai đoạn, mỗi giờ cũng là một giai đoạn. Vì thế, phân biệt thành thô hay tế sẽ là rất nhiều, [mỗi giai đoạn ấy đều là Phần Đoạn sanh tử]. Sau khi đã giải quyết xong Phần Đoạn sanh tử trong tam giới, người ấy vẫn có Biến Dịch sanh tử. Từ Tiểu Thừa A La Hán cho đến Đẳng Giác Bồ Tát đều có Biến Dịch sanh tử[85]. Đại Thừa Viên Giáo Bồ Tát có năm mươi mốt địa vị, cứ mỗi địa vị biến hóa bèn gọi là một lần biến dịch. Biến Dịch, nói thật ra là "chẳng có sanh tử". *"Sanh tử"* là hình dung từ, [chứ chẳng phải là sanh tử thật sự], [dùng chữ] *"sanh tử"* [nhằm hình dung] nỗi khổ sở [trong mỗi lần biến dịch]! Mỗi lần thay đổi là một lần khổ nạn, giống như chúng ta học hành trong nhà trường, học từ lớp Một rất vất vả, sau đấy phải trải qua thi cử, sang năm lên lớp Hai. Từ lớp Một biến thành lớp Hai được gọi là Biến Dịch sanh tử. Lớp Một đã "chết", lớp Hai "sanh" ra, có ý nghĩa này. Quả vị của Bồ Tát cũng giống như thế, từ địa vị Thập Tín Bồ Tát biến thành Thập Trụ, từ Thập Trụ biến thành Thập Hạnh, từ Thập Hạnh biến thành Thập Hồi Hướng, lại biến thành Thập

---

[85] Do lời giải thích trong đoạn này dường như không rõ ràng cho lắm, chúng tôi mạn phép nói thêm như sau: Đối với người chưa đoạn Kiến Tư Hoặc, Phần Đoạn sanh tử chính là thọ mạng. Chúng ta có thọ mạng nhất định, tức là có một khoảng thời gian tồn tại nhất định từ lúc sanh ra cho đến khi chết. Do có một khoảng thời hạn nhất định, nên gọi là Phần Đoạn. Thật sự có sanh tử để khởi đầu và chấm dứt một giai đoạn thọ mạng. Khi đã đoạn Kiến Tư Hoặc, không còn sanh tử, sanh tử chỉ là tùy nguyện tái lai, không phải là sanh tử do nghiệp lực quyết định nữa, nên bảo là "không còn Phần Đoạn sanh tử". Chẳng hạn các vị Phật, Bồ Tát khi thân phận bại lộ hoặc chúng sanh hữu duyên đáng được hóa độ đã hết, các Ngài bèn xả thân, muốn đi lúc nào bèn đi lúc ấy. Do vì thọ mạng bất định nên gọi là chẳng còn Phần Đoạn sanh tử.

Trừ phi đạt đến Phật Quả viên mãn rốt ráo, cảnh giới của chúng ta thay đổi liên tục, đó là Biến Dịch. Chẳng hạn phàm nhân có sanh, già, bệnh, chết, ba khổ, tám khổ, quả báo hiện hành, vận mạng có thịnh hay suy, có thăng lên, đọa xuống trong lục đạo. Đó là Biến Dịch hiển nhiên. Đối với thánh nhân từ Tiểu Thừa trở lên, vẫn có thể bị thoái đọa (chỉ từ Bát Địa trở lên là không thoái đọa), hoặc cảnh giới tăng tấn do tu tập, nên luôn có sự Biến Dịch. Nhưng để đạt đến cảnh giới cao hơn, phải siêng khổ dụng công, cho nên sự vất vả nhọc nhằn ấy được gọi là "sanh tử", nhằm sánh ví cảnh giới cũ mất đi (tử), cảnh giới mới hiện ra (sanh).

Địa, đó gọi là Biến Dịch. Sự biến dịch này xác thực chẳng phải là thân thể này có sanh tử, mà là trải qua một phen nỗ lực, nỗ lực cũng rất vất vả để tiến lên một tầng cấp cao hơn, có ý nghĩa này. Những điều này đều gọi là *"vọng tâm vị tận"* (vọng tâm chưa hết sạch). Do vậy có thể biết: Nếu vọng thật sự đã hết, sẽ là hạng người nào? Là Phật. Phật chẳng có Biến Dịch, đương nhiên là đã chẳng có Phần Đoạn từ lâu. Đó mới là *"liễu sanh tử"*, thật sự thoát ly, vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử. Hai thứ sanh tử thảy đều giải quyết xong xuôi! *"Vọng tâm vị tận"* (Vọng tâm chưa hết) có phạm vi bao hàm rất lớn, hai loại sanh tử đều được bao hàm trong đó.

*"U u miên miên, thị vi mạng căn vị đoạn"* (Mờ mờ mịt mịt, đó là mạng căn chưa đoạn), hai câu này là cách nói hình dung, cũng là nói phàm phu không ngừng sanh tử trong lục đạo! Sau khi đã chết, theo như kinh Địa Tạng đã dạy, đa số là trong vòng bốn mươi chín ngày, lại đầu thai thọ sanh, luân hồi trong lục đạo. *"Mạng căn chưa đoạn"* là nói tới tình hình trong tam giới lục đạo, tuyệt đối chẳng phải là nói tới thân thể này. Mạng căn chẳng phải là thân thể, nó chẳng đoạn, nó phải luân hồi trong lục đạo, xả thân, thọ thân từ vô lượng kiếp tới nay vẫn chẳng xong! Trong kinh, đức Phật thường cảm thán: *"Sanh tử bì lao"* (Sanh tử nhọc nhằn). Xác thực là hiện tượng này, bản thân chúng ta chịu đựng nỗi khổ này, chính mình chẳng giác ngộ, chính mình chẳng hiểu biết! Đó là tướng trạng *"mạng căn chưa đoạn"*. Ở đây nói: Nếu mạng căn đã đoạn, sẽ bất sanh bất diệt, [tức là] đã giải quyết xong sanh tử thì mạng căn mới được gọi là đoạn. Do vậy, *"mạng căn"* (命根) chẳng phải là nói tới thọ mạng, chẳng phải là nói tới điều ấy!

*"Hoặc đoạn, chấp Không"* (Đã đoạn Hoặc, chấp trước Không), Hoặc (惑) là nói tới Kiến Tư phiền não. Hàng Tiểu Thừa đã đoạn Kiến Tư phiền não, chẳng còn sanh tử trong tam giới lục đạo, [tức là] chẳng còn Phần Đoạn sanh tử, nhưng họ chấp trước cái Không. Chấp trước nơi Không thì người Tiểu Thừa gọi là Thiên Chân Niết Bàn. Đó là *"chấp Không"*. Trong kinh luận Đại Thừa, đức Phật thường quở trách họ là *"tiêu nha bại chủng"* (mầm hư, hạt lép). Phàm phu chấp trước Hữu, người Tiểu Thừa chấp trước Không, đều là chấp trước hai bên. Đương nhiên là Tiểu Thừa cao minh hơn phàm phu chúng ta nhiều! Phàm phu chấp Hữu, nên có nỗi khổ luân hồi trong lục đạo; Tiểu Thừa chấp Không, nên có nỗi khổ "chẳng thể kiến tánh". Họ chẳng có nỗi khổ luân hồi trong lục đạo, nhưng do chẳng thể kiến tánh, vô lượng trí huệ và vô

lượng đức năng trong bản tánh chẳng thể hiện tiền, chẳng thể hưởng thụ, đó là nỗi khổ của người Tiểu Thừa. Nỗi khổ của người Tiểu Thừa chẳng giống bọn phàm phu. *"Tình tiêu kiến tạ"*: *"Tình"* (情) là phiền não, [*"tình tiêu"*] là đã đoạn Kiến Tư phiền não, *"kiến"* là Kiến Hoặc, cũng chẳng có. Tình và Kiến đều thuộc loại vọng tưởng, chấp trước, hai thứ ấy đều chẳng có. *"Nhân vong, gia phá, yên diệt, hôi phi"* (Người mất, nhà tan, khói tắt, tro bay), đây là nói theo thời cổ. Người xuất gia học Phật tại Ấn Độ, sau khi mạng chung đều được hỏa táng. Khi hỏa táng, khói đã tắt, [tức là] đã hỏa thiêu xong, tro cũng được rải rắc, tỷ dụ sự mạng chung.

Người ấy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng thảy đều chẳng có, giống như khói tắt, tro bay, chẳng có, đều đoạn sạch. *"Chư vọng tận trừ, bất chân hà đãi"* (Các vọng đã trừ sạch, há còn gì chẳng phải là chân), chân tâm hiển lộ. Cảnh giới này, mức độ thấp nhất sẽ là Sự nhất tâm bất loạn. Nếu nói nghiêm ngặt, sẽ thuộc về Lý nhất tâm bất loạn. Vì sao? Xứng Lý, xứng tánh. Tánh Đức chẳng hiển lộ, làm sao có thể gọi là xứng tánh? Do vậy, đây là cảnh giới Lý nhất tâm bất loạn, cao hơn A La Hán quá nhiều, chân tâm hiển lộ. *"Cầu Phật bất hiện tiền, bất khả đắc dã"* (Cầu Phật chẳng hiện tiền, trọn chẳng thể được). Nếu chúng ta hỏi vì sao ư? Nhà Thiền nói hay lắm: *"Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật"*, chính là cảnh giới này, kiến tánh thành Phật. Thành Phật đương nhiên là thấy Phật, thấy Phật nhất định thành Phật. Khi ấy, sẽ thấy hết thảy chúng sanh trong đại địa cùng thành Phật đạo, kinh Hoa Nghiêm nói như vậy. Khi nào cảnh giới này hiện tiền? Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo bèn thấy, tức là kiến tánh. Vì thế, những điều đang nói ở đây chính là cảnh giới của bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo.

***(Sao) Nhiên nhi Phật từ vô hạn, khởi tất lâm chung.***

**(鈔)然而佛慈無限，豈必臨終。**

*(**Sao**: Nhưng lòng Từ của Phật là vô hạn, há cứ phải là khi lâm chung [mới thấy Phật]).*

Câu này nói hết sức hay, chư Phật Như Lai đại từ đại bi, xác thực là có năng lực giúp chúng ta chứng thực cảnh giới ấy tồn tại, chứng thực cảnh giới ấy là chân thật. *"Hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật"*: *"Hiện tiền thấy"* bao gồm thấy trong Định, hoặc thấy trong mộng, hoặc lâm chung Phật đến tiếp dẫn. *"Thấy trong tương lai"* là khi đã sanh về

Tây Phương Cực Lạc thế giới, hoặc là sau khi đã lìa khỏi lục đạo luân hồi bèn trông thấy. Đức Phật từ bi vô hạn, không nhất định là khi lâm chung thấy Phật. Trong khi chúng ta tu học bình thường, nếu duyên đã chín muồi thì cũng có thể thấy Phật. Dưới đây là nêu một thí dụ:

***(Sao) Thị cố, thời thời thị thời nhân, thời nhân tự bất thức.***

**(鈔)是故時時示時人，時人自不識。**

*(**Sao**: Vì thế, "luôn luôn hiện trước người đời, người đời nào có biết hay chút gì").*

*"Thời thời"* (時時) là thời thời khắc khắc, nơi nơi chốn chốn cũng không chừng Phật luôn ở trước mặt chúng ta, nhưng chúng ta chẳng nhận biết. Ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, tình hình ấy xác thực là rất nhiều. Hai câu này do Bố Đại hòa thượng nói. Trong lịch sử, Bố Đại hòa thượng được ghi chép rất chi tiết, nhưng chẳng ai biết tên họ của Ngài, cũng chẳng biết Ngài quê quán nơi đâu. Điểm đặc trưng của Ngài là thân thể mập mạp, mặt luôn tươi cười, mỗi ngày quảy một cái túi vải to đi khắp nơi hóa duyên. Người ta cho thứ gì, Ngài bỏ ngay vào túi, bước đi, là một người xuất gia như thế. Ngài xuất hiện vào triều đại Nam Tống đời vua Cao Tông[86], cùng thời đại với Nhạc Phi, xuất hiện tại vùng Phụng Hóa, tỉnh Chiết Giang. Theo ghi chép trong gia phả của lão tổng thống (Tưởng Giới Thạch), vào triều đại Nam Tống, họ (tổ tiên của Tưởng Giới Thạch) từng thỉnh Bố Đại hòa thượng về nhà cúng dường

[86] Tống Cao Tông (Triệu Cấu) làm vua từ năm 1127 đến năm 1279. Ông là con của Tống Huy Tông (Triệu Cát). Khi cha và anh (Tống Khâm Tông, tức Triệu Đản) bị quân Kim cầm tù, giải về kinh đô nhà Kim, ông được quần thần tôn lên làm vua. Thoạt đầu, ông tỏ ra có bản lãnh, trọng dụng hiền tài, áp dụng một loạt cải cách, thế nhưng vẫn do dự, chẳng dứt khoát loại trừ bọn đại thần cấu kết với quân Kim bán nước cầu vinh như Trương Bang Xương, Vương Thời Ung v.v… Càng về sau, ông càng trở thành nhu nhược đến nỗi bị Miêu Phó và Lưu Chánh Ngạn ép thoái vị nhường ngôi cho thái tử Phu mới ba tuổi. May mà được các vị trung thần như Trương Tuấn, Hàn Thế Trung phù tá mới được khôi phục ngôi vua. Càng ngày ông càng nhu nhược, tối tăm đến nỗi chủ động cầu hòa với quân Kim khi chiến sự bất lợi, tuy vẫn có những dũng tướng lỗi lạc như Nhạc Phi, Hàn Thế Trung, Trương Tuấn xả thân chống giữ nhà Nam Tống. Vết nhơ lớn nhất là ông nghe lời xu nịnh, trọng dụng Tần Cối đến nỗi hại chết Nhạc Phi, tuy trước đó Nhạc Phi đã giành thắng lợi vẻ vang khiến tướng Ngột Truật của quân Kim phải tháo chạy nhục nhã. Cái chết của Nhạc Phi là giọt nước đầy ly dẫn đến sự diệt vong tất yếu của nhà Nam Tống.

hai tháng. Khi Bố Đại hòa thượng sắp tịch, đương nhiên là Ngài biết trước lúc mất, ngồi mất, nói một bài kệ rồi mới mất. Bài kệ ấy là: *"Di Lặc, chân Di Lặc. Hóa thân thiên bách ức, thời thời thị thời nhân, thời nhân tự bất thức"* (Di Lặc, thật Di Lặc. Hóa thân trăm ngàn ức. Luôn hiện trước người đời, người đời nào hay biết). Tức là bảo cho mọi người biết: Ngài thật sự là Di Lặc Bồ Tát. Nói xong bài kệ ấy, Ngài tọa hóa. Về sau, người Hoa tạo tượng Di Lặc Bồ Tát, đều tạc tượng Bố Đại hòa thượng. Một vị khác là Phó Đại Sĩ đời Đường, mang thân phận cư sĩ, cũng là hóa thân của Di Lặc Bồ Tát. Vì thế, Phật, Bồ Tát hóa thân trong thế gian này, thường ở cùng một chỗ với chúng ta, nhưng chúng ta chẳng nhận biết. Điều này nói rõ: Chư Phật, Bồ Tát luôn luôn thị hiện, cũng là nêu rõ một thí dụ về thấy Phật trong hiện tiền và tương lai.

***(Kinh) Thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ.***

**(經)是人終時。心不顛倒。即得往生阿彌陀佛極樂國土。**

*(**Kinh**: Người ấy lúc mất, tâm chẳng điên đảo, bèn được sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật).*

Chúng ta không chỉ phải thuộc kinh văn, mà còn phải chú tâm thấu hiểu. Trong đoạn kinh văn trước đó, có nói: Người niệm Phật khi lâm chung, Phật, Bồ Tát đến tiếp dẫn, tức là nói Phật lực chẳng thể nghĩ bàn; đoạn này nói về tự lực. Nếu chẳng có tự lực, Phật lực cũng chẳng gia trì được, pháp môn này được gọi là pháp môn Nhị Lực. Chính mình ắt cần phải có nhất tâm bất loạn như đã nói trong phần trước, đó là khi bình thường; ở đây nói tới *"tâm chẳng điên đảo"* [là nói về] lúc lâm chung. Đọc kỹ các phần kinh văn trước và sau, quý vị sẽ hiểu rõ: Điều kiện quan trọng nhất trong khi lâm chung là *"tâm chẳng điên đảo"*. Dẫu lúc bình thời chưa thể "nhất tâm bất loạn", chẳng sao cả, hễ lâm chung tâm chẳng điên đảo, nhất định được vãng sanh. Chúng ta xem phần Hạ Bối Vãng Sanh trong Quán Kinh, tức là phần quán ba phẩm Hạ trong mười sáu phép Quán, gồm hạ thượng phẩm, hạ trung phẩm, hạ hạ phẩm, [sẽ thấy những người vãng sanh trong ba phẩm Hạ] đều là chúng sanh làm ác.

Quán Kinh nói chín phẩm rất cặn kẽ. Ba phẩm thượng là phàm phu đại tâm, [tức là những người] phát tâm Đại Thừa. Ba phẩm trung là

phàm phu trì giới, tu thiện. Có thể thấy: Trong Phật pháp, đại tâm là bậc nhất. *"Đại tâm"* là phát Bồ Đề tâm, trì giới tu thiện là bậc trung. Ba phẩm hạ là chúng sanh tạo tội nghiệp. Hạ thượng phẩm tạo tội nghiệp nhẹ một chút, hạ hạ phẩm tạo tội nghiệp cực nặng. Tạo tội nghiệp cực nặng, suốt một đời chưa hề nghe Phật pháp, lâm chung gặp gỡ thiện tri thức, khuyên người ấy niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ. Nếu thần trí người ấy chẳng sáng suốt, sẽ chẳng có cách nào, khuyên người ấy, người ấy chẳng thể tiếp nhận, nghe mà chẳng hiểu! Nếu thần trí tỉnh táo, tâm chẳng điên đảo, sáng suốt, phân minh, người ấy sẽ tiếp nhận lời khuyên bảo; khi ấy bèn nhất tâm niệm Phật, cầu nguyện vãng sanh, Phật cũng đến tiếp dẫn, người ấy cũng có thể vãng sanh. Do vậy có thể biết: Lâm chung tâm chẳng điên đảo chính là nhân tố quyết định vãng sanh. Vì sao chúng ta cần phải cầu nhất tâm trong lúc bình thường? Hễ lúc thường ngày đã đắc nhất tâm, khi lâm chung, tâm không điên đảo sẽ nắm rất chắc, đó là điều nhất định. Trong thường nhật mà chẳng thể đắc nhất tâm, sẽ chẳng chắc chắn khi lâm chung tâm chẳng điên đảo! Chúng ta ắt cần phải biết điều này. Nếu chúng ta mong trong tương lai, khi lâm chung, tâm thật sự chẳng điên đảo, Phật đến tiếp dẫn, tự tại vãng sanh, hiện thời chúng ta phải thực hiện công tác thứ nhất là tự mình tu nhất tâm bất loạn. Đó là đối với chính mình. Nhất tâm bất loạn là Định Huệ. Trong cuộc sống hằng ngày, nếu chúng ta còn có sức, bèn tu phước tích đức, như vậy là phước huệ song tu! Phù hợp với *"nhiều thiện căn, nhiều phước đức"* như kinh đã dạy. Đối với nhân duyên, chúng ta đã gặp gỡ, không cần phải bận lòng về nhân duyên. Nói thật ra, nhân duyên rất thù thắng, ba điều kiện ấy trọn đủ, nhất định vãng sanh! Chúng ta hãy xem phần chú giải:

***(Sớ) Thượng ngôn lâm giả, thị tương dục mạng chung.***

**(疏)上言臨者，是將欲命終。**

*(**Sớ**: Chữ "lâm" nói [trong phần chánh kinh] trên đây chính là khi mạng sắp hết).*

Trong phần trên, [kinh văn đã nói tới tình hình] khi Phật đến tiếp dẫn. Quý vị xem xét những lời lẽ ấy ở đây, chúng ta càng hiểu rõ ràng, minh bạch hơn, Phật đến tiếp dẫn là hiện tiền. Vì sao? Người ấy chưa chết, hãy còn sống, *"tương dục mạng chung"* (mạng sắp chấm dứt), [nghĩa là] còn chưa chết, bèn thấy Phật đến tiếp dẫn.

***(Sớ) Kim ngôn "chung thời", chánh noãn tận, thức khứ.***

**(疏)今言終時，正煖盡識去。**

*(**Sớ**: Nay nói là "chung thời" tức là khi hơi ấm đã hết, thần thức đã rời đi).*

Ở đây nói là *"chung thời"* (終時), tương ứng với chúng ta nói *"khi tắt hơi"*. Thần thức của người ấy rời khỏi thân thể, tâm chẳng điên đảo, hiểu biết rành mạch, phân minh.

***(Sớ) Tâm bất điên đảo giả, dĩ nhất tâm bất loạn, cố bất điên đảo. Dĩ bất điên đảo, cố bất sanh tha xứ.***

**(疏)心不顛倒者，以一心不亂，故不顛倒。以不顛倒，故不生他處。**

*(**Sớ**: "Tâm chẳng điên đảo": Do nhất tâm bất loạn, nên chẳng điên đảo. Do chẳng điên đảo, nên chẳng sanh vào nơi khác).*

Người ấy niệm Phật suốt đời, niệm nào cũng hướng đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nay đã thấy Phật, mục đích hướng tới trong cả một đời đã đạt được, quý vị nói xem: Khi ấy có hoan hỷ lắm không? May mắn lắm thay! Đã đạt được mục đích, theo Phật ra đi, nói tới khi ấy. Vì thế, sợ nhất là khi lâm chung thần trí chẳng sáng suốt, đó là điều đáng sợ nhất. Bất luận tu học pháp môn nào, nếu lúc lâm chung thần trí chẳng sáng suốt, mê hoặc, điên đảo, chúng tôi thấy tình hình ấy rất nhiều, có thể nói là khá nhiều người gặp phải tình hình ấy. Chẳng cần nói tới lúc lâm chung, khi bệnh nặng, thậm chí người nhà, quyến thuộc, kẻ ấy đều chẳng nhận biết. Trong quá khứ, chúng tôi đã gặp một vị lão cư sĩ, cụ bị bệnh mất trí lúc tuổi già, đã bị bệnh bảy, tám năm. Vào hai năm cuối, chỉ nhận biết người trong nhà, chẳng biết đến người khác. Nửa năm trước khi lâm chung, chẳng nhận ra một ai. Chắc chắn là hạng người ấy lưu chuyển theo nghiệp, chính mình chẳng thể làm chủ. Đó là sự thật. Chúng ta trông thấy tình hình ấy rất nhiều, đấy chính là điều cảnh cáo thật sự: Trong tương lai, có thể nào chúng ta sẽ giống như họ hay chăng?

Nếu chúng ta hy vọng khi mất sẽ tỉnh táo, sáng suốt, hãy nên nghiêm túc nỗ lực tu học ngay từ hiện thời. Phật, Bồ Tát là những người đã tu thành, lục đạo cũng do con người biến hiện, vấn đề là tùy thuộc chúng ta ra đi như thế nào. Mười pháp giới là mười con đường, chúng ta

đi như thế nào? Muốn đi đến nơi đâu? Như thế nào thì mới có thể khiến cho chúng ta thật sự đạt tới mục tiêu ấy? Suốt một đời này, coi như là chúng ta có thành tích rất tốt đẹp, hãy lắng lòng quan sát kỹ càng, những người thành tựu từ xưa đến nay đã thành tựu như thế nào? Những người tu hành thất bại thì đã thất bại như thế nào? Từ đó, hấp thu những giáo huấn, hấp thu các kinh nghiệm, đó là trí huệ. Phàm hễ thành công, đều là do hai chữ *"chuyên ròng"* mà đắc lực. Phàm là kẻ thất bại, nói thật ra, cũng do hai chữ *"tán loạn"* đã thâu gồm trọn hết. Tán loạn đáng sợ thay! Vì thế, sau khi Phật pháp được truyền đến Trung Hoa, các vị tổ sư đại đức các tông Trung Hoa, người đời sau gọi họ là *"tổ sư"*, những vị ấy nói thật ra đều là bậc hữu tu, hữu chứng, trọn đủ trí huệ chân thật, đều đề xướng "chuyên ròng". Mỗi một tông phái là do các Ngài đã từ kinh điển Đại Thừa lấy ra một phần có tánh chất giống nhau để kiến lập một phương hướng tu hành nhằm hướng tới một mục tiêu tu hành. Vì thế, phân tông chia phái, đó là *"chuyên ròng"*. Căn tánh nhạy bén gần như là [bất luận chuyên ròng hay tán loạn] đều có thể thành tựu, chứ căn tánh chậm lụt mà lại còn tán loạn, ít có kẻ thành tựu! Cổ đại đức thường nói, pháp môn Tịnh Tông là *"thích hợp khắp ba căn, gồm thâu lợi căn lẫn độn căn"* (tam căn phổ bị, lợi độn toàn thâu) chỉ rõ [để hành] Thiền phải là bậc thượng thượng căn. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ Huệ Năng đại sư đã dặn dò rất minh bạch: Ngài tiếp dẫn bậc thượng thượng căn. Cao hơn Đại Thừa thì mới có tư cách để thành tựu trong pháp môn của Ngài. Thông thường, Giáo Hạ tiếp dẫn kẻ trung thượng căn. Kẻ trung căn học Giáo phát phẫn, nỗ lực vất vả học tập bèn có thể thành tựu; người thượng căn chính là bậc lợi căn học Giáo, đương nhiên chẳng cần phải nói nữa. *"Đại khai viên giải"* tương đương *"minh tâm kiến tánh"* của Thiền Tông. Từ [hành trạng của] lịch đại cao tăng, chúng ta cũng thấy không ít. Còn như kẻ hạ căn, hoặc kẻ độn căn tu học các pháp môn khác thì thành tựu ít ỏi, rất ít thấy; nhưng người thuộc loại căn tánh này hễ niệm Phật, thành tựu thường là phi phàm, có thành tựu đặc biệt thù thắng.

Trong Niệm Phật Luận, pháp sư Đàm Hư đã nêu ra tấm gương của thầy Tu Vô, mọi người đều thấy. Chuyện này xảy ra tại chùa Cực Lạc ở Cáp Nhĩ Tân[87]. Sư Tu Vô xuất thân là thợ nề, chẳng biết chữ. Nếu quý vị

---

[87] Cáp Nhĩ Tân (Harbin) là thành phố đóng vai trò tỉnh lỵ của tỉnh Hắc Long Giang, được coi là trung tâm văn hóa, kinh tế, và giao thông của vùng Đông Bắc Trung Hoa. Mùa Đông lạnh và rất dài, mùa Hạ ngắn ngủi, nên còn có tên gọi là Băng Thành. Thành phố này đã có từ rất lâu, từng là trọng trấn của những quốc gia cổ như Phù Dư

hỏi Sư kinh giáo, Sư chẳng biết chút gì, chỉ biết niệm Phật, tức là niệm một câu *"nam-mô A Di Đà Phật"*. Quý vị thấy Sư vãng sanh tự tại lắm! Biết trước lúc mất, chẳng ngã bệnh. Khi ấy, chùa Cực Lạc [tổ chức lễ] truyền giới, Giới Hòa Thượng là lão pháp sư Đế Nhàn. Lão pháp sư Đế Nhàn thấy chuyện ấy bội phục cực điểm, công nhận đấy mới là tấm gương tốt nhất cho người xuất gia tu hành. Sư thành tựu nhờ vào đâu? Chuyên ròng. *"Chuyên"* là chuyên nhất, *"ròng"* là tinh thuần, trọn chẳng xen tạp, Sư bèn thành công. Cụ Đàm Hư còn kể: Thuở trước, pháp sư Đế Nhàn còn có một đồ đệ làm thợ vá nồi. Người ấy căn khí càng kém cỏi hơn, cũng là niệm một câu A Di Đà Phật suốt ba năm, người ta đứng vãng sanh, là một tấm gương tốt nhất cho chúng ta. Do vậy, kinh giáo chẳng thông không sao cả, chẳng phải là điều sỉ nhục! Chẳng thể vãng sanh mới là nỗi sỉ nhục thật sự. Ngàn muôn phần đừng nên làm cho đẹp mặt bề ngoài, chúng ta bị những hình tượng hư giả ấy lừa gạt chính mình. Chúng ta biết chính mình thuộc căn tánh như thế nào, biết căn tánh chẳng nhạy bén, bèn tu pháp môn này. Pháp môn này thường bị nói là pháp môn hạ hạ, nhưng nó có thành tựu thượng thượng; vì thế nói là chẳng thể nghĩ bàn, là pháp khó tin, đúng là thành tựu thượng thượng. [Đã là] thành tựu thượng thượng thì thượng thượng quả đương nhiên là có thượng thượng nhân. Vì thế, pháp môn Niệm Phật là pháp môn bậc nhất để mười phương ba đời hết thảy chư Phật, Bồ Tát độ chúng sanh thành Phật đạo. Những kẻ vô tri thấy pháp môn này là pháp môn hạ hạ, dùng để độ những bà cụ già chẳng hiểu biết gì cả. Đó là [pháp môn này đã] bị họ hiểu lầm. Nếu quý vị nói đây là pháp để độ những bà cụ già chẳng hiểu biết gì, [vậy thì] trong hội Hoa Nghiêm, Văn Thù và Phổ Hiền cũng là những bà lão chẳng hiểu biết gì hết hay sao? Các Ngài

---

(Buyeo), Bột Hải. Nơi này cũng từng là một phần của cố đô Thượng Kinh Hội Ninh Phủ của nhà Kim, trước khi Kim Hải Lăng Vương (Hoàn Nhan Lượng) thiên đô về Yên Kinh (Bắc Kinh hiện thời), và hạ lệnh phá hủy Cáp Nhĩ Tân. Theo nguyên nghĩa, Harbin là tiếng Mãn Châu, có nghĩa là "nơi phơi lưới đánh cá". Cáp Nhĩ Tân trở thành thịnh vượng khi công ty đường sắt Đông Hoa ra đời với sự tài trợ của đế quốc Nga, nhất là khi tuyến đường sắt được phát triển thành tuyến đường xuyên Tây Bá Lợi Á, nối liền thành phố Đại Liên và hải cảng Lữ Thuận (nơi hải quân Nga đóng quân). Chùa Cực Lạc được xây dựng tại khu vực Nam Cương của Cáp Nhĩ Tân, xây dựng từ năm 1921 đến năm 1924 mới xong, diện tích toàn chùa lên đến 27.186 $m^2$. Theo tự chí, chùa đã có từ đời Đường, nhưng đã bị hủy hoại qua nhiều lần chiến tranh. Năm 1921, chùa được trùng kiến bởi hội trưởng hội Phật Giáo Trung Quốc thời ấy là pháp sư Viên Anh với sự phụ tá của cư sĩ Hồ Chấn.

cũng phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, cũng là mỗi vị đều thực hiện viên mãn [chí nguyện thành Phật độ sanh].

Do đó, trong Tứ Thiếp Sớ, đúng là Thiện Đạo đại sư đã rát miệng buốt lòng khuyên dạy chúng ta phải tin Phật, tin lời A Di Đà Phật đã nói, tin Thích Ca Mâu Ni Phật đã vì chúng ta giới thiệu [pháp môn này], tin mười phương hết thảy chư Phật Như Lai đã vì chúng ta mà đề cao. Nếu thật sự tin sâu đậm, nguyện thiết tha, chẳng cần nói đến đại lợi ích được vãng sanh trong tương lai, ngay trong hiện tại đã đạt được lợi ích! Đạt được lợi ích gì? Tâm trong sạch, ít ham muốn, sống cuộc đời hạnh phúc mỹ mãn tự tại, thật đấy, chẳng giả đâu nhé! Người chẳng học Phật mỗi năm một già suy hơn, người niệm Phật mỗi năm một trẻ trung hơn. Vì sao? Do tâm địa thanh tịnh. Tâm địa thanh tịnh bèn chuyên ròng một môn. Tâm địa quý vị thanh tịnh, sẽ chẳng thể xen tạp, chẳng thể tạp loạn. Trong một đời này, chúng ta chẳng có nhiều thời gian cho mấy, dẫu quý vị sống tới trăm tuổi, tính ra cũng chẳng quá ba vạn sáu ngàn ngày. Cuốn nhật lịch ấy có ba vạn sáu ngàn tờ, đảo qua đảo lại bèn chẳng còn nữa! Hai năm nữa, tôi bảy mươi tuổi, ba vạn sáu ngàn ngày đã trôi qua quá nửa. Chúng ta mới biết pháp môn này thù thắng, mới biết pháp môn này tốt đẹp! Căn tánh của tôi hết sức thích hợp pháp môn này, tu rất sung sướng, rất được thọ dụng. Có người hỏi tôi: "Khai ngộ là gì? Chứng quả là gì?" Tôi giải đáp rất đơn giản, họ nghe xong cũng thấy rất dễ hiểu. Đã thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật thì gọi là khai ngộ. Chúng ta nương theo phương pháp ấy để tu hành, thật sự đạt được lợi ích, đó là chứng quả. Quả trong Phật pháp là lìa khổ được vui. Ta thật sự lìa khổ được vui. "Phá mê khai ngộ" là khai ngộ, "lìa khổ được vui" là chứng quả. Hoa báo trước mắt thù thắng, quả báo vãng sanh trong tương lai tất nhiên là thù thắng, đó là đạo lý nhất định! Do vậy, mọi người phải ghi nhớ: Chuyên ròng, quyết định chẳng tạp!

Hôm nay có đồng tu đến tìm tôi, bảo là bị ma chướng hiện tiền, có oán quỷ bám theo, tinh thần hoảng hốt, đứng ngồi không yên, đến cầu tôi. Trước khi cầu tôi, ông ta đã từng cầu cạnh rất nhiều pháp sư, đến rất nhiều đạo tràng, mỗi vị pháp sư dạy ông ta một phương pháp, phương pháp rất loạn. Có nhiều pháp sư dạy ông ta niệm kinh Địa Tạng, dạy ông ta lạy Lương Hoàng Sám, dạy ông ta làm pháp hội Thủy Lục, dạy ông ta siêu độ oán thân trái chủ, lại dạy ông ta niệm kinh Kim Cang, niệm chú Lăng Nghiêm, niệm chú Đại Bi, ông ta choáng váng luôn! Ông ta đến kể với tôi tình hình ấy. Tôi nói: "Tôi đã biết". Tôi bảo: "Ông vĩnh viễn

chẳng thể lành bệnh được, bệnh sẽ mỗi ngày một nghiêm trọng hơn, đến cuối cùng chẳng có thuốc gì chữa được. Do nguyên nhân gì? Tán loạn quá mức!" Ông ta hỏi: "Có cứu được hay không?" Tôi nói: "Có cách cứu, nhưng ông có nghe theo hay không?" Ông ta hỏi: "Phương pháp gì vậy?" Tôi nói: "Từ nay trở đi, ông hãy thật thà niệm một câu nam-mô A Di Đà Phật, tất cả hết thảy kinh chú đều chẳng cần niệm. Tất cả hết thảy đạo tràng chẳng cần phải tới. Ông hãy về nhà thật thà niệm Phật". Ông ta hỏi: "Tôi có cần phải đến đạo tràng này hay không?" Tôi nói: "Ông chẳng cần tới đạo tràng này". Ông ta nói: "Tôi phải bỏ ra một chút công đức". Tôi nói: "Tôi cũng chẳng cần ông đến, cũng chẳng cần ông bỏ ra chút tiền làm công đức. Ông hãy quay về thật thà niệm Phật nửa năm, bệnh sẽ lành". Ông ta lại băn khoăn: "Vị pháp sư nọ bảo tôi niệm kinh Địa Tạng, tôi không niệm có được hay không? Vị khác lại bảo tôi niệm kinh Kim Cang, chẳng niệm không phải là lại mắc tội ư?" Tôi nói: "Thôi rồi! Chẳng có cách nào giải quyết xong!" Vì thế, phải hiểu chuyên ròng đáng quý, tán loạn là hỏng, là sai lầm!

Lấy chuyện học kinh để nói, quý vị bỏ thời gian mười năm học mười bộ kinh, bình quân là mỗi năm học một bộ, thành tích của quý vị tầm thường, rất khó ngoi cao hơn kẻ khác được! Mười năm chuyên nhất, học một bộ kinh, quý vị bèn vượt trỗi người khác. Vì sao? Hãy nhìn vào thế giới hiện thời, người chuyên học một bộ kinh chẳng có mấy! Quý vị là chuyên gia của bộ kinh ấy! Quý vị đem một bộ kinh ấy [đi giảng] khắp thế giới, nhất định sẽ được người ta hoan nghênh. Vì sao? Chuyên gia mà. Cả đời chuyên đổ công dốc sức nơi kinh A Di Đà, chuyên hoằng dương kinh A Di Đà, làm suốt mười năm, người ta trông thấy quý vị sẽ chắp tay: "Quý vị là A Di Đà Phật tái lai!" Người trên cả thế giới muốn nghe kinh A Di Đà, nhất định là đầu tiên sẽ nghĩ tới quý vị, chẳng tìm người khác. Vì sao? Người khác chẳng phải là chuyên gia. Hiện thời, thông tin phát triển, giao thông nhanh chóng, tiện lợi, mời quý vị đến giảng kinh chẳng khó! Trước kia, từ Trung Hoa sang Mỹ ngồi thuyền phải mất một, hai tháng, đích xác là chẳng dễ dàng! Nay thì mười tiếng đồng hồ đã đến nơi, hết sức dễ dàng. Vì vậy, học một bộ kinh, hoằng dương khắp toàn thể thế giới. Chuyên ròng, không chỉ là có thể lợi tha, mà chắc chắn là tự lợi, chính mình đắc nhất tâm, chính mình đắc nhất tâm bất loạn. Cùng học rất nhiều thứ như vậy, nói thật ra, chẳng thể đắc nhất tâm! Tâm quý vị vẫn là tán loạn; nói cách khác, khi vãng sanh, tâm không điên đảo rất khó! Người tâm chẳng điên đảo nhất định là có

phước, có huệ; chẳng có phước huệ sẽ không làm được! Vì chẳng điên đảo, cho nên người ấy sẽ chắc chắn chẳng thể sanh về nơi khác, sẽ thuận theo nguyện vọng của chính mình mà vãng sanh, mong thấy A Di Đà Phật bèn chắc chắn thấy Phật, mong sanh về Tịnh Độ, quyết định được sanh.

***(Sớ) "Tức đắc" giả, ngôn kỳ tốc dã.***

**(疏)即得者，言其速也。**

*(**Sớ**: "Liền được" ý nói: Nhanh chóng).*

Ý nói rất nhanh chóng.

***(Sao) Điên đảo giả, diêu kỳ bình nhật tùy thuận vọng tưởng, bất tu chánh niệm, tâm đa tán loạn. Như tiền sở vị tương xả noãn xúc, nhất sanh sở tác, câu thời hiện tiền, tâm thần hoàng bố, động chỉ huy hoắc.***

**(鈔)顛倒者，繇其平日隨順妄想，不修正念，心多散亂。如前所謂將捨煖觸，一生所作，俱時現前，心神惶怖，動止揮霍。**

*(**Sao**: "Điên đảo": Do thường ngày tùy thuận vọng tưởng, chẳng tu chánh niệm, tâm lắm nỗi tán loạn. Như trong phần trên đã nói: Lúc hơi nóng [trong thân thể] sắp mất đi, những việc đã làm trong suốt một đời đều cùng hiện tiền, tâm thần hoảng sợ, động tác quýnh quíu).*

Giảng rõ *"điên đảo"* là gì, chúng ta phải hiểu rõ những Lý và Sự này. Bộ kinh này, từng câu từng chữ trong kinh văn có mối liên quan mật thiết với cuộc sống hạnh phúc trong cả một đời này, cũng như liên quan mật thiết đến mục tiêu viên mãn mà chúng ta mong đạt được trong tương lai. Bộ Sớ Sao của ngài Liên Trì và bộ Yếu Giải của ngài Ngẫu Ích giống như người hướng dẫn du lịch. Chúng ta ra đi mà rất lơ mơ, chẳng nhận biết [phương hướng, lộ trình], hai vị đại sư là hướng dẫn viên du lịch, nói rõ cặn kẽ từng thứ một, giới thiệu trạng huống trong Tây Phương Cực Lạc, cũng như trạng huống trong cuộc sống hiện tại của một người tu Tịnh Độ, hết sức khó có. Từ đây, chúng ta lãnh hội, học tập, đó là thật sự tu hành. Vì thế, trước hết phải nhận biết điên đảo là gì, sau đấy mới nghiêm túc phản tỉnh đối với cuộc sống hằng ngày của

chính chúng ta [xét coi chính mình] có phạm phải những lỗi lầm ấy hay không? [Như thế thì] chẳng uổng công niệm kinh này, chẳng phí công nghe kinh này.

*"Diêu kỳ bình nhật tùy thuận vọng tưởng, bất tu chánh niệm"* (Là do thường ngày tùy thuận vọng tưởng, chẳng tu chánh niệm), hai câu này quan trọng nhất. Thường nhật, có phải là chúng ta tùy thuận vọng tưởng hay không? Tùy thuận vọng tưởng, [là do] chẳng biết tùy thuận vọng tưởng đáng sợ, chẳng biết kết quả do tùy thuận vọng tưởng. Đó gọi là mê hoặc. Phật pháp thường nói tới mê và ngộ, mê là gì? Ngộ là gì? Vọng tưởng hiện tiền bèn có thể lập tức nhận biết, đó là Ngộ. Do vậy, Tông Môn thường nói: *"Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm"*. Niệm là gì? Vọng tưởng. Nếu bất giác, sẽ tùy thuận vọng tưởng. Một niệm giác, sẽ chẳng tùy thuận. Vì thế, một niệm giác thì sự giác ấy chính là *"chánh niệm"*, điều này rất khẩn yếu. Trong các tông khác, định nghĩa của *"chánh niệm"* có tầng cấp cạn hay sâu khác nhau. Người sơ học như chúng ta, người căn tánh trung hạ rất khó nắm vững [định nghĩa ấy]. Chánh niệm trong Tịnh Tông hết sức dễ nắm vững. Chánh niệm là gì? Chính là sáu chữ hồng danh. Giác của chúng ta chính là *"Nam-mô A Di Đà Phật"*, đã giác. Vọng niệm vừa dấy lên, vọng niệm thứ nhất khởi lên, niệm thứ hai bèn là Nam-mô A Di Đà Phật, dùng một câu Phật hiệu để trừ bỏ vọng niệm. Giữ sao cho một câu A Di Đà Phật niệm niệm liên tục, đó là gìn giữ chánh niệm. Đó là chỗ tu học dễ dàng của Tịnh Tông so với các tông khác. Vì thế, nó đơn giản, dễ dàng, ổn thỏa, thích đáng, nhanh chóng. Người dẫu ngu si đến mấy, hoặc là kẻ hạ hạ căn, dạy họ niệm một câu A Di Đà Phật, họ đều làm được! *"Đề khởi chánh niệm"* chính là dấy lên một câu Phật hiệu. Chúng ta là người niệm Phật, Phật hiệu là chánh niệm. Chánh niệm duy nhất, quyết định chẳng có niệm thứ hai nào khác, tâm chúng ta sẽ chẳng tán loạn, tâm lực bèn tập trung.

Chư vị phải hiểu: Tập trung ý chí tinh thần, nói theo người hiện thời, cái được coi là hợp mode nhất, lưu hành nhất, được hướng tới nhiều nhất, chính là biến hóa thể chất! Chúng ta tuổi già, làm thế nào để có thể biến hóa thể chất giống như kẻ trẻ tuổi, có phương pháp nào hay chăng? Có chứ! Phương pháp gì vậy? A Di Đà Phật. Nhưng có người hỏi tôi: "Có hay không?" Tôi nói có! Phương pháp gì vậy? Tôi nói niệm A Di Đà Phật. Người ấy hoàn toàn không hiểu, chẳng lãnh hội được! Chính là nhất tâm niệm A Di Đà Phật, trong tâm thứ gì cũng đều chẳng có, chỉ cần nửa năm, thể chất quý vị liền biến hóa, chẳng giả tí nào! Trên thân

vốn có rất nhiều bệnh tật; sau nửa năm, tâm đã thanh tịnh. Kinh giáo Đại Thừa thường nói: *"Y báo chuyển theo chánh báo"*. Tâm niệm là chánh báo. Niệm đã thanh tịnh, tâm bèn thanh tịnh; về phương diện sinh lý, các cấu trúc tế bào tự nhiên điều chỉnh, khôi phục bình thường. Hiện thời, các nhà khoa học vẫn chưa thể quan sát sự thật này. Không đi khám bác sĩ, chẳng cần uống thuốc. Thuốc chẳng phải là thứ tốt đẹp, thuốc có tác dụng phụ, chẳng lợi ích! Tốt nhất là điều phục cái tâm! Tôi thuốc gì cũng chẳng uống. Tôi giảng kinh ở Tân Gia Ba, hằng năm tôi đều sang Tân Gia Ba, các đồng tu bên ấy gặp tôi, bèn hỏi: "Thưa pháp sư! Làm sao mà mỗi năm thầy một trẻ trung, chẳng già. Thầy dùng phương pháp bảo dưỡng nào vậy?" Tôi bảo họ: "Có chứ!" Họ nói: "Thầy uống thuốc bổ gì vậy?" Tôi nói: "Nước máy từ công ty nước máy của Đài Loan". Tôi chẳng dùng thuốc gì khác. Quý vị thấy tôi rửa mặt, cả năm chưa dùng hết một bánh xà-bông. Bánh xà-bông ấy dùng để rửa mặt lẫn tắm rửa, cả năm chưa xài hết một bánh. Tâm thanh tịnh, đó là điều trọng yếu!

Do vậy, tán loạn không chỉ là đại chướng ngại cho tu đạo, mà còn là đại chướng ngại không gì lớn bằng đối với sức khỏe, phải hiểu điều này. Do đó, học Phật, bất luận học tông nào, bất luận học theo pháp môn nào, chỉ là phương pháp và cách thức khác nhau, phương hướng và mục tiêu đều như nhau, bí quyết là chuyên ròng. Nếu quý vị tham Thiền, hãy chuyên ròng tham cứu. Nếu quý vị trì chú, hãy chuyên ròng niệm chú. Quý vị muốn học Giáo, hãy chuyên ròng học kinh. Chẳng có gì khác, chuyên ròng bèn thành công. Vì lẽ đó, chúng ta niệm Phật, phương pháp niệm Phật đơn giản, so với tham Thiền, trì chú, hoặc niệm kinh đều đơn giản hơn, dễ dàng hơn! Người thông minh chọn lựa phương pháp đơn giản nhất, nhẹ nhàng, thoải mái, chẳng tốn sức! Cổ nhân nói: *"Niệm kinh chẳng bằng niệm chú"*, do nguyên nhân gì? Chú ngắn, kinh dài. Lại nói: "*Niệm chú chẳng bằng niệm Phật"*, Phật hiệu càng ngắn hơn, càng đơn giản hơn. Càng lúc càng đơn giản hơn, càng đơn giản thì càng thù thắng hơn, càng đơn giản thì càng là bậc nhất, phải biết điều này. Do vậy, ngàn muôn phần phải ghi nhớ, trong cuộc sống hằng ngày, quyết định chớ nên tùy thuận vọng tưởng. Nói cách khác, niệm dấy lên, bất luận là thiện niệm hay ác niệm, chẳng cần quan tâm tới, thiện niệm cũng là vọng tưởng. Hễ ý niệm dấy lên, bèn niệm A Di Đà Phật, chuyển càng nhanh càng hay, chớ nên tùy thuận vọng tưởng. Đó là nói kẻ bình phàm "*tùy thuận vọng tưởng, chẳng tu chánh niệm"*.

*"Tâm đa tán loạn"* (Tâm nhiều tán loạn), rất khổ! Tất cả hết thảy

phiền não đều do tán loạn lưu xuất. Người đang lúc lâm chung; khi ấy, sức mạnh của tinh thần ý chí bạc nhược nhất, chẳng thể khống chế tâm niệm được. Nói cách khác, khi ấy, chủng tử của nghiệp chướng tập khí chứa đựng trong A Lại Da thảy đều dấy lên. Vì thế, trước khi lâm chung, thấy thần, thấy quỷ; chúng ta tới bệnh viện coi sẽ biết ngay. Do đó, bác sĩ và y tá trong nhà thương đều tin có quỷ, họ đã thấy quá nhiều. Những người bệnh nhìn thấy người nhà, quyến thuộc, đều là những người đã chết, còn có người thấy rất nhiều ác tướng, những tướng hết sức khó coi, đúng như kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện đã nói. Có đúng là người nhà quyến thuộc của họ hay không? Chẳng phải, đều là oán gia trái chủ biến hiện hình dạng người nhà quyến thuộc, giả mạo hòng lôi kéo người ấy. Nếu người bệnh đi theo họ, sẽ mắc lừa. Họ đến báo thù, chuyện là như vậy đó. Khi ấy, nghiệp thiện hoặc ác đã làm trong một đời thảy đều hiện tiền.

*"Tâm thần hoàng bố, động chỉ huy hoắc"* (Tâm thần hoảng sợ, động tác quýnh quíu). Chúng ta thường nói là kinh hãi, tâm thần bất an, tiền đồ mờ mịt, đó là người khổ sở nhất. Trong một đời này, người như thế nào hạnh phúc nhất? Người như thế nào sung sướng nhất? Trong một đời này, người ấy có phương hướng nhất định, có mục tiêu nhất định, người ấy hạnh phúc, sung sướng nhất. Giả sử người ấy chỉ có một đời, đến khi người ấy chết là xong, là thôi. Trong sát-na sắp chết, người ấy cảm thấy tiền đồ mờ mịt. Nếu trong một đời này, người ấy có phương hướng, có mục tiêu, có sự nghiệp, suốt một đời thực hiện hoan hỷ, vui thích, sung sướng, đạt được [kết quả] mỹ mãn. Nếu người ấy có thể niệm Phật, lại lấy cầu sanh Tịnh Độ làm mục tiêu nối tiếp cho mai sau, sẽ thật sự sung sướng, thật sự tự tại, trong một đời này sẽ sống rất vui sướng, rất hạnh phúc. Đời sau sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới càng sung sướng, càng mỹ mãn hơn. Đó gọi là hạnh phúc thật sự. Đúng vậy! Quả thật là nếu chẳng cầu sanh Tịnh Độ, đới nghiệp vãng sanh, tu học các pháp môn khác cậy vào tự lực, quá ư là khó khăn! Đây là một con đường lớn quang minh, mười phương hết thảy chư Phật đều tán thán. Nếu chẳng tu pháp môn này, hoặc chẳng chuyên ròng tu học pháp môn này, chẳng tu thành công pháp môn này, đời sau tất nhiên là theo nghiệp thọ báo.

***(Sao) Ưng nhập địa ngục giả, đao sơn, kiếm thụ, thị tác viên lâm.***

**(鈔)應入地獄者，刀山劍樹，視作園林。**

*(**Sao**: Kẻ đáng vào địa ngục, sẽ thấy núi đao, rừng gươm là vườn rừng).*

Thấy hoa viên rất xinh đẹp, tiến vào dạo chơi. Sau khi đã bước vào mới biết là địa ngục, là núi đao, rừng gươm. Quý vị đã nhìn trật rồi, đã thấy sai mất rồi!

***(Sao) Ưng đọa súc sanh giả, mã phúc, lư thai, nhận vi đường vũ.***

**(鈔)應墮畜生者，馬腹驢胎，認為堂宇。**

*(**Sao**: Kẻ đáng đọa súc sanh, sẽ ngỡ bụng ngựa, thai lừa là nhà to, điện lớn).*

Đây là kẻ đến đầu thai trong loài súc sanh, thấy hiện tượng gì? Thấy cung điện hoa lệ, chỗ ở rất hào nhoáng, xa hoa. Đã trông thấy bèn hết sức yêu thích, tiến vào đó để ngắm nghía. Hễ tiến vào bèn nhập thai, biến thành súc sanh. Chuyện này trong bút ký hoặc tiểu thuyết của cổ nhân, hoặc trong những ghi chép về nhân quả báo ứng cũng có nói rất nhiều. Chúng ta hãy dành thời gian để đọc, xác thực là có tác dụng cảnh giác rất lớn đối với chính mình.

***(Sao) Tựu linh tác thiện, hợp sanh nhân thiên, vị miễn tăng ái phụ mẫu.***

**(鈔)就令作善，合生人天，未免憎愛父母。**

*(**Sao**: Dẫu cho người làm lành, đáng sanh vào cõi trời, người, chưa khỏi yêu ghét cha mẹ).*

Trong kinh Lăng Nghiêm đã nói chuyện này rất rõ ràng. Cha mẹ và con có bốn loại duyên phận: Báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ. Bốn thứ ân oán ấy nặng nhất bèn biến thành người một nhà, hơi kém hơn một chút bèn biến thành thân thích, bằng hữu. Cổ nhân thường nói: *"Một hớp uống, một miếng ăn, không gì chẳng định sẵn"*. Do vậy, tôi khuyên các đồng tu hãy đọc Liễu Phàm Tứ Huấn cho nhiều, nhằm dạy quý vị biết chuyện gì? Dạy quý vị biết nhân duyên quả báo là nhất định. Một hớp uống, một miếng ăn, không gì chẳng được định sẵn. Chúng ta đi đường, gặp kẻ hoàn toàn xa lạ, có người thấy quý vị bèn gật đầu cười, có người thấy quý vị rất ngứa mắt, chúng ta thường gặp chuyện này. Trong đời

quá khứ, chúng ta có duyên với họ. Họ gật đầu cười với ta, tức là trong quá khứ, chúng ta cũng có chút thiện duyên, hảo duyên. Họ nhìn ta bèn thấy ta ngứa mắt, tức là đại khái trong đời quá khứ, ta đã làm một hai chuyện có lỗi với họ. Nhân quả ba đời, trong cuộc sống hằng ngày, xử sự, đãi người, tiếp vật, những sự thật bày ra ngay trước mặt chính là chứng minh, người nhà quyến thuộc cũng chẳng phải là ngoại lệ.

Cũng có nghĩa là dẫu chúng ta suốt đời hành thiện (Thiện nói theo kinh Phật sẽ là Ngũ Giới, Thập Thiện. Nói theo Nho gia sẽ là luân lý đạo đức), chúng ta sanh trong cõi trời, người, cũng chẳng tránh khỏi vẫn có tâm yêu ghét đối với thân nhân. Huống hồ còn có phiền não tập khí từ vô thỉ kiếp đến nay! Có nghĩa là người thật sự thông minh, kẻ thật sự giác ngộ, chẳng còn tu tiểu quả nhân thiên, chẳng tu tập nữa! Nhất định sẽ cầu sanh Tịnh Độ. Nhất định là phải biết ưu điểm và lợi ích của việc cầu sanh Tịnh Độ, quý vị mới có thể phát tâm khẩn thiết.

Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thành tựu cực nhanh chóng, các thế giới phương khác đều chẳng sánh bằng. Chúng ta xem phần chín phẩm vãng sanh trong Quán Kinh, nhìn từ phần Hạ Hạ Phẩm, hạ hạ phẩm sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Hạ hạ phẩm làm gì? Ngũ Nghịch, Thập Ác, người tạo tội nặng nề dường ấy, lúc lâm chung, một niệm hay mười niệm vãng sanh. Đương nhiên chúng ta vãng sanh, quyết định chẳng thuộc vào hạ hạ phẩm. Vì sao? Chúng ta chẳng tạo tội nghiệp nặng nề ngần ấy. Tuy tạo tội nghiệp không ít, nhưng chẳng nặng ngần ấy, có lẽ sẽ thuộc trong hạ phẩm trung sanh. Hạ phẩm trung sanh, sau sáu kiếp hoa nở thấy Phật. Hoa nở thấy Phật là địa vị gì? Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo. Quý vị phải ghi nhớ: Sáu kiếp bèn thành Sơ Địa! Nếu ở trong thế giới Sa Bà, phải tu trong thời gian bao lâu thì mới có thể đạt đến Sơ Địa? Hai A-tăng-kỳ kiếp mới đạt đến Sơ Địa. Trong thế giới này, tu hai A-tăng-kỳ kiếp; đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, sáu kiếp! Làm sao có thể so sánh cho được? Nếu chúng ta làm lành, chẳng phải là làm ác, chúng ta tu thiện pháp vãng sanh, chiếu theo điều kiện của chín phẩm, ắt phải nên thuộc vào trung phẩm thượng sanh, hoặc là trung phẩm trung sanh. Sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, thời gian bao lâu hoa sẽ nở? Bảy lần bảy tức bốn mươi chín ngày. Ở cõi này phải tu hai A-tăng-kỳ kiếp, đến thế giới Tây Phương, chỉ cần bốn mươi chín ngày! Bốn mươi chín ngày là tính theo thời gian ở bên này. Trong thế giới Tây Phương chẳng có năm, tháng, ngày, giờ, mọi người hãy hiểu điều này! Do vậy, hễ đức Phật nói đến đơn vị thời gian đều là tính theo

thời gian của chúng ta ở nơi đây. Bốn mươi chín ngày, chưa đến hai tháng, quý vị đã thành Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo.

Nếu quý vị hỏi, trong hội Hoa Nghiêm, vì sao Văn Thù, Phổ Hiền phải cầu nguyện vãng sanh ư? Văn Thù và Phổ Hiền là Đẳng Giác Bồ Tát trong thế giới Hoa Tạng. Các Ngài thành Phật trong thế giới Hoa Tạng, phá một phẩm sanh tướng vô minh cuối cùng, vẫn phải mất thời gian khá lâu. Tu hành càng đến địa vị cao hơn càng khó khăn. Trong A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất, đây là nói theo Biệt Giáo, chẳng nói theo Viên Giáo, A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất bèn tu viên mãn địa vị Tam Hiền, tức là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng. A-tăng-kỳ kiếp thứ hai, từ Sơ Địa cho đến Thất Địa. A-tăng-kỳ kiếp thứ ba là Bát Địa, Cửu Địa và Thập Địa, ba địa vị. Nói cách khác, Đẳng Giác Bồ Tát phải phá một phẩm sanh tướng vô minh cuối cùng, quý vị nghĩ xem, Ngài phải tốn bao nhiêu thời gian? Chuyện khó khăn dường ấy! Sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, vừa đến Tây Phương liền hoa nở thấy Phật, đoạn ngay một phẩm sanh tướng vô minh, bèn thành Phật. Có vị Đẳng Giác Bồ Tát nào chẳng hy vọng đến thế giới Cực Lạc? Chẳng cần phải lãng phí thời gian nhiều như vậy, chẳng cần hứng chịu vất vả ngần ấy, hễ thấy A Di Đà Phật bèn thành tựu. Nếu chúng ta thảy đều hiểu rõ, thông hiểu những đạo lý và chân tướng sự thật này, thì mới hoảng nhiên đại ngộ vì sao mười phương ba đời hết thảy Như Lai cứ đặc biệt ca ngợi Tịnh Độ, đạo lý ở ngay chỗ này. Vì thế, pháp môn này nhằm tiếp dẫn chúng sanh căn cơ thuần thục. Nói *"căn cơ thuần thục"* tức là thiện căn, phước đức đã gieo từ vô lượng kiếp, đến nay đã chín muồi. Đã chín muồi thì vừa tiếp xúc, người ấy bèn hoan hỷ, tin tưởng, chịu phát tâm, chịu niệm Phật, đó là tướng trạng chín muồi! Chẳng chín muồi, sau khi tiếp xúc, chẳng thể sanh khởi tâm hoan hỷ, chẳng thể tin nhận, phụng hành. Chẳng chín muồi, đức Phật bèn dạy họ hết thảy các pháp môn Đại Tiểu Thừa, giúp cho họ chín muồi. Do vậy, phải biết: Pháp môn này chuyên nhằm tiếp độ chúng sanh căn cơ đã chín muồi. Nói theo cách hiện thời, chúng sanh căn cơ chín muồi là "trong một đời này, cơ hội thành Phật của người ấy đã đến", nhằm tiếp dẫn loại này. Nếu cơ hội thành Phật của người ấy chưa đến, pháp môn này chẳng có tác dụng gì đối với họ. Nếu đời này họ muốn thành Bồ Tát, thành A La Hán, đó là do các pháp môn khác tiếp dẫn. Pháp môn này chuyên tiếp dẫn kẻ thành Phật; vì thế, gọi là *"pháp môn thành Phật trong một đời"*, pháp môn thành tựu trong một đời!

***(Sao) Nãi chí tiểu thánh sơ tâm.***
**(鈔)乃至小聖初心。**
*(**Sao**: Cho đến hàng tiểu thánh, sơ tâm).*

*"Tiểu thánh"* chỉ A La Hán, *"sơ tâm"* là Quyền Giáo Bồ Tát.

***(Sao) Do bất năng chánh tri xuất nhập.***
**(鈔)猶不能正知出入。**
*(**Sao**: Còn chưa thể biết xuất thai, nhập thai đúng thật).*

*"Chánh tri xuất nhập"* là nói tới chuyện nhập thai và xuất thai. A La Hán và Quyền Giáo Bồ Tát đều bị mê khi cách ấm. Họ đến đầu thai rất rõ ràng, dùng Ứng Hóa Thân đến thế gian này để độ chúng sanh hữu duyên. Họ nhập thai, ở trong bào thai chẳng chịu khổ, giống như ở trong cung điện, rất thoải mái. Ra khỏi thai bèn mê, chuyện quá khứ lại quên tuốt. Bất quá những vị thánh nhân ấy, dẫu sao cũng có căn bản công phu sâu dày, chỉ mê muội nhất thời, chẳng bị mê suốt đời. Do vậy, trong kinh Kim Cang, đức Thế Tôn dặn dò các đại Bồ Tát phải hộ niệm các vị Bồ Tát, tức là hộ niệm những vị tiểu Bồ Tát, tức là nói đến hàng tiểu thánh và sơ tâm, tới lúc đó phải đến nhắc nhở họ. Được cảnh tỉnh, họ ngay lập tức giác ngộ, khôi phục. Vì vậy, La Hán và Quyền Giáo Bồ Tát đều bị mê khi cách ấm, chẳng thể biết xuất thai, nhập thai đúng thật.

***(Sao) Giai sở vị điên đảo dã.***
**(鈔)皆所謂顛倒也。**
*(**Sao**: Đều gọi là điên đảo vậy).*

Có thể thấy điên đảo không chỉ là phàm phu, mà cả thánh nhân trong tam thừa vẫn chẳng tránh khỏi!

***(Sao) Thừa thử điên đảo, tam giới thất thú.***
**(鈔)乘此顛倒，三界七趣。**
*(**Sao**: Do sự điên đảo ấy mà sanh vào bảy đường trong ba cõi).*

*"Thất thú"* là nói theo kinh Lăng Nghiêm. Thông thường, chúng ta nói *"lục thú"* (sáu đường), tức là lục đạo. Bảy đường là [lục đạo] cộng

thêm tiên đạo, tức những vị thần tiên[88].

***(Sao) Tùy nghiệp thọ sanh.***
**(鈔)隨業受生。**
*(**Sao**: Theo nghiệp thọ sanh).*

Đây là luân hồi trong lục đạo, thuận theo nghiệp lực của chính mình mà đi đầu thai, thọ sanh. Đại khái là chúng ta quan sát, [sẽ thấy] thông thường là kẻ theo nghiệp thọ sanh, đa số là ở trong ba ác đạo, [sanh vào] ba thiện đạo là thiểu số. Chư vị nhất định phải biết điều này. Đối với nghiệp lực, bản thân chúng ta phải lắng lòng phản tỉnh, đừng nhòm ngó kẻ khác, hãy tự mình phản tỉnh: Chúng ta từ sáng đến tối, từ mồng Một Tết cho đến Ba Mươi tháng Chạp, khởi tâm động niệm là ác niệm nhiều hay thiện niệm nhiều? Sẽ biết trong tương lai, chính mình phải theo nghiệp lưu chuyển đến chỗ nào! Thiện niệm là gì? Niệm nào cũng đều mong lợi ích hết thảy chúng sanh, đó là thiện niệm. Phải tạo lợi ích chân thật cho hết thảy chúng sanh; đó là thiện niệm. Niệm nào cũng đều suy tính vì chính mình, đó là ác niệm. Có ai chẳng vì chính mình? Vì chính mình, chẳng có ai không đọa trong ba ác đạo. Vì người khác thì mới có thể được làm trời, người. Người tu hành rất khá, giới luật tinh nghiêm, tâm địa thanh tịnh, nếu chẳng cầu sanh Tịnh Độ, đại đa số đều ở trong Dục Giới. Sắc Giới rất thưa thớt, vì sao? Điều kiện của Sắc Giới Thiên là đoạn hết Ngũ Dục, tức là đối với tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, xác thực là chẳng động tâm thì mới có thể sanh vào Sắc Giới. Nếu đối với tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, ta đã lìa khỏi về mặt Sự, nhưng tâm vẫn còn có lúc dấy động, sẽ sanh trong Dục Giới, chẳng thể đạt đến Sắc Giới. Vì sao? Dục niệm chưa đoạn, thật đấy! Vì thế, những chuyện này chẳng cần hỏi ai khác, chính mình niệm kinh cho nhiều sẽ biết ngay! So sánh, đối chiếu, tiêu chuẩn của ta là ở nơi đâu? Ta đối với ngũ dục, lục trần vẫn còn khởi tâm động niệm; nói cách khác, chẳng có phần trong Sơ Thiền! Tu cao tới mấy đi nữa, cũng bất quá là sanh lên Tha Hóa Tự Tại Thiên, chẳng thể thoát khỏi tam giới. Do vậy,

[88] Ở đây, không có nghĩa là thần tiên ở ngoài lục đạo. Do thần tiên của Đạo Giáo vẫn thuộc về Dục Giới, hoặc cao nhất là thuộc về Sắc Giới (do thần tiên Đạo Giáo có sắc thân, vẫn mong hưởng lạc trong tiên cảnh), nên họ chẳng thể thoát khỏi tam giới. Thông thường, nói lục đạo tức là đã gộp thần tiên vào các đường thiên đạo, A Tu La đạo và ngạ quỷ đạo (tùy theo phước báo của thần tiên nhiều hay ít).

theo nghiệp thọ sanh là chuyện rất đáng sợ!

***(Sao) Kim ký nhất tâm bất loạn.***
**(鈔)今既一心不亂。**
*(**Sao**: Nay đã là nhất tâm bất loạn).*

Nói tới công phu của người niệm Phật bình phàm, chúng ta tu tâm thanh tịnh. *"Bất loạn"* là quyết định chẳng bị cảnh giới bên ngoài dao động. Trước hết, chúng ta cầu *"bất loạn"*.

***(Sao) Tắc nội ngưng chánh niệm.***
**(鈔)則內凝正念。**
*(**Sao**: Tức là bên trong chánh niệm ngưng đọng).*

*"Chánh niệm"* là một câu Phật hiệu. Một câu Phật hiệu niệm đến cùng, trong tâm xác thực có A Di Đà Phật, đấy là chánh niệm. Niệm (念) là *"kim tâm"* (今心), tức là trong tâm quý vị thật sự có, đó là niệm, chẳng phải là nói leo lẻo đằng mồm! Miệng chúng ta niệm *"A Di Đà Phật, A Di Đà Phật"*, đó là xưng danh. Trong Thập Lục Quán Kinh, pháp Niệm Phật được nói cuối cùng: Người bệnh ấy nghiệp chướng rất nặng, khi lâm chung chẳng thể ức niệm, bèn bảo người ấy xưng danh. Có thể thấy là xưng danh và niệm Phật khác nhau. Ức niệm chẳng nhất định là xưng danh. Tuy chúng ta chẳng niệm A Di Đà Phật ngoài miệng, trong tâm thời thời khắc khắc ghim A Di Đà Phật trong lòng, đó là "niệm", tức là trong tâm quý vị thật sự có A Di Đà Phật, quyết định vãng sanh, cảm ứng đạo giao.

***(Sao) Ngoại cảm Phật nghênh.***
**(鈔)外感佛迎。**
*(**Sao**: Bên ngoài cảm Phật đón tiếp).*

Bên ngoài cảm ứng A Di Đà Phật khi lâm chung đến tiếp dẫn.

***(Sao) Xả thử báo thân, kính sanh bỉ quốc, như Phật ngôn, tùy kỳ tâm tịnh tắc Phật độ tịnh.***
**(鈔)捨此報身，徑生彼國，如佛言，隨其心淨則佛土**

淨。

*(**Sao**: Bỏ báo thân này, nhanh chóng sanh về nước kia, như đức Phật nói: "Do cái tâm tịnh mà cõi nước Phật thanh tịnh").*

Thế giới Tây Phương có bốn cõi, ba bậc, chín phẩm, mức độ thanh tịnh khác nhau. Tùy thuộc mức độ thanh tịnh nơi tâm địa của chúng ta mà vãng sanh. Thanh tịnh tột bậc là thượng phẩm thượng sanh. Mới được một hai phần thanh tịnh thì là hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, đạo lý là như vậy đó. Vì thế, Ngẫu Ích đại sư nói phẩm vị cao hay thấp là do công phu niệm Phật của chúng ta cạn hay sâu. Công phu là gì? Là mức độ thanh tịnh trong tâm. Công phu là nói tới điều này, chẳng phải là nói mỗi ngày ta niệm Phật bao nhiêu câu Phật hiệu mà gọi là công phu, chẳng phải là nói tới điều ấy! Nếu một ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu mà tâm chẳng thanh tịnh, sẽ như cổ nhân đã nói: Quý vị gào toạc cổ họng cũng uổng công! Tuy mỗi ngày tôi niệm Phật hiệu rất ít, nhưng tâm xác thực là thanh tịnh, công phu liền sâu. Vì thế, nói tới công phu cạn hay sâu, chứ không phải là niệm Phật hiệu nhiều hay ít. Thế nhưng cổ đức thường khuyên chúng ta phải niệm Phật hiệu cho nhiều, niệm nhiều sẽ có lợi, vì chúng ta là phàm phu, tập khí rất nặng, chẳng niệm Phật bèn dấy vọng tưởng. Vì thế, niệm Phật nhằm thay thế vọng tưởng [bằng Phật hiệu], dụng ý ở chỗ này. Thật sự nói đến công phu là nói tới cái tâm thanh tịnh. A! Chúng ta niệm Phật hồi hướng!

***Tập 250***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm chín mươi mốt.

***(Sao) Hựu ngôn "nhất thiết quốc độ, duy tưởng sở trì". Tịnh tưởng thành tựu, tất đắc vãng sanh; cố vô nghi dã.***

**(鈔)又言一切國土，唯想所持，淨想成就，必得往生，固無疑也。**

*(**Sao**: Lại nói "hết thảy các cõi nước chỉ do tưởng mà được duy trì". Tịnh tưởng thành tựu, ắt được vãng sanh, cho nên chẳng nghi ngờ).*

Câu này do đức Phật dạy trong kinh. Chúng ta hãy đọc nguyên văn lời chú giải một lượt.

***(Diễn) Nhất thiết quốc độ duy tưởng sở trì giả, Khởi Tín Luận vân: "Nhất thiết chư pháp, duy y vô minh vọng tâm nhi đắc trụ trì. Nhược ly vọng tâm, tắc vô nhất thiết chư pháp tự tướng khả đắc". Lăng Nghiêm kinh vân: "Tưởng trừng thành quốc độ, tri giác nãi chúng sanh" đẳng.***

**(演)一切國土唯想所持者，起信論云：一切諸法，唯依無明妄心而得住持，若離妄心，則無一切諸法自相可得。楞嚴經云：想澄成國土，知覺乃眾生等。**

*(**Diễn**: "Hết thảy các cõi nước chỉ do tưởng mà duy trì": Khởi Tín Luận ghi: "Hết thảy các pháp chỉ nương vào vô minh vọng tâm mà tồn tại. Nếu lìa vọng tâm thì chẳng có tự tướng của hết thảy các pháp để có thể được". Kinh Lăng Nghiêm dạy: "Tưởng lắng đọng thành cõi nước, do tri giác mà có chúng sanh" v.v…).*

Hai câu này đã nêu ra đơn giản nhưng minh bạch chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Đấy mới là tướng chân thật. Những điều Mã Minh Bồ Tát đã nói trong Đại Thừa Khởi Tín Luận đều căn cứ trên các lời dạy trong kinh điển nhà Phật, tổng hợp cách giảng của đức Phật. *"Nhất thiết chư pháp"* (Hết thảy các pháp), trong Phật pháp thường nói *"y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới"*, đó là hết thảy các pháp. Nếu nói theo cách hiện thời, [sẽ là] *"vạn hữu trong vũ trụ"*, bao gồm không gian vô hạn, bao gồm vô lượng tinh cầu, cùng với tất cả hết thảy sinh vật, thực vật, khoáng vật, đất đai trong các tinh cầu, thảy đều được bao gồm trong ấy. Những thứ ấy rốt ráo là do đâu mà có? Chúng "có" như thế nào? Từ xưa tới nay, khá nhiều nhà khoa học Trung Hoa và ngoại quốc đã thăm dò, nghiên cứu. Cận đại, có thuyết được gọi là Tiến Hóa Luận. Thật ra, Tiến Hóa Luận là do chẳng có cách nào giải thích viên mãn, cũng có nghĩa là trong thuyết ấy có rất nhiều lỗ hổng. Nói cách khác, đấy chỉ là sự phỏng đoán, tưởng tượng của một số người mà thôi, có phải là chân tướng sự thật hay không? Chẳng phải! Những điều đức Phật đã dạy trong kinh mới là chân tướng sự thật. Đối với chân tướng sự thật ấy, trong kinh luận thường nói là *"bất khả tư nghị"*. *"Tư"* (思) là gì? Tư duy, tưởng tượng. Vì sao nói là chẳng thể tư duy, tưởng tượng? Tư duy, tưởng tượng chẳng đạt được, quyết định là chẳng thể hiểu rõ. Chẳng thể dùng tư duy, tưởng tượng để có thể hiểu rõ chân tướng này, mà cũng chẳng có cách nào dùng ngôn ngữ để nói rành rẽ,

hoặc dùng văn tự để viết ra, đều là chẳng có cách nào! Vì thế, gọi là *"bất khả tư nghị"*. Như thế nào thì mới có thể chứng đắc, mới có thể hiểu rõ? Đức Phật dạy: Chỉ có tâm thanh tịnh. Khi tâm đạt đến thanh tịnh, thường nói là *"tâm như nước lặng"*, một niệm chẳng sanh; khi ấy, tác dụng của tâm hết sức rộng lớn. Bát Nhã Tâm Kinh nói *"chiếu kiến"*, tâm thanh tịnh khởi tác dụng là chiếu kiến. Quý vị đã trông thấy, hoàn toàn hiểu rõ chân tướng. Quý vị hiểu rõ chân tướng ấy hoàn toàn giống hệt như đức Phật đã dạy trong kinh. Đức Phật thấy chân tướng ấy, quý vị cũng thấy chân tướng ấy, đối chiếu những điều đức Phật đã thấy với những điều quý vị thấy, có thể thấy là những điều [bản thân chúng ta] trông thấy quyết định chẳng có sai lầm. Hễ có sai lầm, sẽ chẳng phải là chân tướng. Chân tướng thì nhất định là ai nấy đều thấy như nhau, đó chính là chân tướng. Tôi thấy khác với quý vị, đó chẳng phải là chân tướng. Tức là như trong câu tôi vừa mới nói, hết thảy vạn hữu trong thế gian này chẳng phải là chân tướng. Vì sao? Tôi thấy khác với quý vị, quý vị lại chẳng thấy giống như kẻ khác! Sự thật bày ra trước mắt chúng ta, mỗi người nhìn rồi cảm nhận khác nhau, đó chẳng phải là chân tướng.

Những hiện tượng ấy phát sanh như thế nào? *"Duy y vô minh vọng tâm"* (Chỉ nương vào vô minh vọng tâm). Pháp Tướng Duy Thức Tông đã nói về chuyện này rất rõ ràng, rất thấu triệt, rất minh bạch, chỉ rõ chân tướng của vạn hữu trong vũ trụ, nhưng bộ phận kinh luận ấy hết sức phức tạp, rắc rối. Vì sao? Muôn vàn hình tượng trong vũ trụ quá phức tạp, quý vị muốn nói rõ ràng, nói minh bạch, đương nhiên là phức tạp, chẳng thể nào bằng mấy câu đơn giản mà có thể trao đổi rành rẽ được! Vì thế, [Duy Thức] phân tích từng chuyện một hết sức chi ly. Nói tổng quát, [vạn tượng trong vũ trụ] do vọng tưởng biến hiện. Ở đây, [sách Diễn Nghĩa] gọi vọng tưởng, chấp trước là *"vô minh vọng tâm"*. Vọng tâm có thể biến, cảnh giới được biến hiện giống hệt như nằm mộng. Cảnh giới trong mộng rất ngắn, vừa tỉnh giấc bèn biết là mới vừa nằm mộng, suy nghĩ chuyện trong mộng vẫn nhớ rất rành rẽ. [Thế nhưng, phàm nhân] trọn chẳng biết cảnh giới hiện thực của chúng ta chính là mộng cảnh! Lại còn nằm mộng trong mộng, quý vị có kinh nghiệm này hay không? Khi nằm mộng, trong giấc mộng lại nằm mộng. Hoàn cảnh hiện tiền của chúng ta là ở trong mộng. Vì thế, cổ đức thường nói: *"Đại tác mộng trung Phật sự, kiến lập thủy nguyệt đạo tràng"* (Làm Phật sự to lớn trong mộng, tạo dựng đạo tràng như bóng trăng trong nước); làm Phật sự to lớn trong giấc mộng, xác thực là một mộng cảnh. Biết đấy là

mộng cảnh, bèn giác ngộ. Biết mộng cảnh là gì? Nguyên lai, hết thảy đều chẳng thật. Tuy là có, nhưng cái Có ấy được gọi là Huyễn Hữu, hoặc được gọi là Giả Hữu, trong Phật pháp thường nói tới Diệu Hữu. Diệu Hữu là chẳng thật, rất kỳ diệu, tuy chẳng phải thật sự, nhưng nó có! Tuy có, nó chẳng phải là thật, chẳng thật sự tồn tại, nên cái Có ấy được gọi là Diệu Hữu. Vì vậy, thức có thể biến, biến hiện y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Thức có thể trì, Trì (持) là gìn giữ, gìn giữ cho nó tồn tại trong một giai đoạn. Trong Duy Thức Học, sự gìn giữ ấy được gọi là Tương Tục Tướng (相續相: tướng liên tục), sanh diệt trong từng sát-na. [Tướng ấy sanh và diệt] trong từng sát-na một, [tướng trong sát-na trước không phải là tướng trong sát-na sau], nhưng chúng có hình trạng rất gần gũi, thuộc loại Tương Tự Tương Tục Tướng (gần như là tướng liên tục. Do sanh diệt rất nhanh, nên có cảm giác là liên tục), chuyện là như vậy đó. Do vậy, chính là *"vô minh vọng tâm nhi đắc trụ trì"* (do vô minh vọng tâm mà tồn tại).

*"Nhược ly vọng tâm"* (Nếu lìa vọng tâm), quý vị vừa giác ngộ, vọng tâm bèn chẳng còn! Vọng tâm chẳng có, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, hết thảy vạn hữu trong vũ trụ cũng chẳng có, giống như tỉnh mộng. Sau khi tỉnh giấc, mộng cảnh chẳng còn! Nay chúng ta tu hành phải đoạn vọng tưởng. Nếu thật sự đoạn hết vọng tưởng, thế giới này chẳng có, hết thảy đều chẳng có. Vì sao? Đã tỉnh mộng. Do vậy, Vĩnh Gia đại sư nói: *"Giác hậu, không không vô đại thiên"* (Giác rồi ba cõi rỗng toang hoang). *"Đại thiên"* (大千) là một [tam thiên] đại thiên thế giới, tức là y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới chẳng có. Vì thế nói: *"Mộng lý minh minh hữu lục thú"* (Trong mộng rành rành phô sáu nẻo), *"lục thú"* (六趣: sáu đường) là tam thiên đại thiên thế giới. Tam thiên đại thiên thế giới là lục đạo luân hồi. Nói theo nhà Phật, tam thiên đại thiên thế giới là vũ trụ quan, lục đạo luân hồi là nhân sinh quan. Chúng sanh luân hồi trong lục đạo, phạm vi nương tựa của lục đạo là tam thiên đại thiên thế giới. Do vậy, chẳng có vọng tưởng bèn chẳng có lục đạo. Người nào chứng đắc? A La Hán chứng đắc. A La Hán chẳng có vọng tưởng, chẳng có Kiến Hoặc và Tư Hoặc, đã đoạn hết. Vì thế, A La Hán chứng thực *"giác rồi ba cõi rỗng toang hoang"*. Nhưng Ngài chẳng có lục đạo, vẫn còn có tứ thánh pháp giới, tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật. Cũng có thể nói là Ngài chẳng có vọng tưởng lục đạo, chẳng có nhân, mà cũng chẳng có quả. Do đâu mà có tứ thánh pháp giới? Từ căn bản vô minh mà có. Đẳng Giác Bồ

Tát còn sót lại một phẩm sanh tướng vô minh cuối cùng, nó vi tế nhất. Những hiện tượng thuộc vạn hữu trong vũ trụ sanh từ vô minh. *"Vô minh vọng tâm"* được nói ở đây chính là hai chuyện. Vô minh là tứ thánh pháp giới; vọng tâm là lục phàm pháp giới. Có tứ thánh và lục phàm là do như vậy đó.

Trong vọng tâm có vô minh, trong vô minh chẳng nhất định có vọng tâm. Đẳng Giác Bồ Tát thì một phẩm sanh tướng vô minh cũng đoạn hết, ngay cả Phật pháp cũng chẳng có. Không chỉ là chẳng có lục phàm, mà tứ thánh cũng chẳng có, rốt cuộc là tình trạng nào? Trong kinh, đức Phật lại bất đắc dĩ đặt ra một danh từ mới là Nhất Chân pháp giới. Chư vị phải biết, Nhất chẳng phải là một con số. Nhất chẳng phải là đối ứng với mười pháp giới mà nói Nhất. Nếu quý vị hiểu theo kiểu đó, sẽ chẳng có cách nào khế nhập Nhất Chân. Nhất Chân là bất đắc dĩ nói ra một danh từ như thế, quyết định chớ nên chấp trước. Lời này chỉ có thể hiểu ý, chứ không thể diễn tả, truyền đạt được. Quý vị phải thấu hiểu: Nó là chân thật, là cảnh giới nơi quả địa Như Lai, là *"diện mạo vốn có của hết thảy chúng sanh trước khi được cha mẹ sanh ra"* (nhất thiết chúng sanh phụ mẫu vị sanh tiền bản lai diện mục) như Thiền Tông đã nói, chính là như vậy đó. Trong ấy, chẳng có mười, lấy đâu ra một? Một cũng chẳng có thì mới gọi là Nhất Chân. Hễ có ý niệm Nhất Chân, sẽ chẳng phải là Nhất Chân. Trong Nhất Chân mà vẫn còn xen tạp vọng niệm "có một cái Nhất Chân" trong ấy thì sai mất rồi! Đấy chính là nguyên nhân thật sự vì sao chúng ta chẳng thể chứng nhập pháp giới của Phật.

Cũng có nghĩa là: Nói chung, chúng ta chẳng thể đoạn trừ vọng tưởng, chấp trước. Nghe đức Phật thuyết pháp mà chẳng biết nghe, nghe thành một đống vọng tưởng, chấp trước, biến những lời Phật dạy thành vọng tưởng, chấp trước, đó là chẳng biết nghe! Do vậy, trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã dạy chúng ta ba nguyên tắc lớn để nghe pháp, ắt cần phải tuân thủ, quý vị mới có thể hiểu nghĩa chân thật của Như Lai. Ba nguyên tắc lớn là:

1) [Thứ nhất là] *"lìa tướng ngôn thuyết"*. Đức Phật giảng kinh, thuyết pháp sử dụng ngôn ngữ. Ngôn ngữ được ghi chép lại thành văn tự. Kinh điển là văn tự, chớ nên chấp trước tướng ấy. Chúng ta phải nghe ra ý nghĩa trong ấy, chớ nên chấp trước nơi tướng (ngôn ngữ, văn tự). Vì quý vị chấp tướng, Phật pháp lại biến thành vọng tưởng, chấp trước. Đúng là Phật rất oan uổng. Vốn là Phật muốn cứu quý vị, quý vị thấy đó,

[do quý vị chấp trước], lại tăng thêm nhiều nỗi phiền toái cho quý vị. Quý vị vọng tưởng, chấp trước đã nhiều, nay lại cho thêm, lại tăng thêm, Phật chẳng nhẫn tâm! Do vậy, quý vị phải biết nghe, chớ nên phân biệt, chớ nên chấp trước.

2) Thứ hai là *"lìa tướng danh tự"*. Đức Phật thuyết pháp, nhằm thuận tiện thuyết pháp, đã giả lập rất nhiều danh từ, thuật ngữ. Danh từ, thuật ngữ đã giảm bớt rất nhiều chuyện trong việc biểu đạt bằng ngôn thuyết. Những danh từ, thuật ngữ ấy cũng là giả lập. Rất đáng tiếc là Lão Trang của Trung Hoa chưa được nghe đức Phật thuyết pháp. Nếu họ nghe đức Phật thuyết pháp, nhất định sẽ ngay lập tức đại triệt đại ngộ, cũng thành Phật, thành Bồ Tát. Vì sao? Thái độ của Lão Tử hoàn toàn tương ứng với những gì đức Phật đã dạy. Lão Tử nói: *"Đạo khả đạo, phi thường đạo. Danh khả danh, phi thường danh"* (Cái đạo có thể nói thì chẳng phải là đạo thường hằng. Cái tên có thể gọi được thì chẳng phải là cái tên thường hằng). Cái gì có thể nói được thì đều chẳng chân thật. Tất cả các danh tướng đều là giả lập, đều chớ nên chấp trước. Hễ chấp trước chúng, sẽ biến thành sai lầm to lớn.

3) Thứ ba là *"lìa tướng tâm duyên"*, quyết định chớ nên suy lường. Chớ nên nói "ta suy nghĩ chuyện này", hễ suy nghĩ bèn trật rồi! Suy nghĩ là gì? Rớt vào thức thứ sáu, tức ý thức, đấy chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Căn bản là chẳng rớt vào tâm ý thức, đấy là khai ngộ, là trí huệ chân thật.

Do vậy, nghe kinh phải biết nghe. Biết nghe là gì? Chẳng chấp trước văn tự, chẳng chấp trước ngôn thuyết, chẳng chấp trước danh từ. Chẳng khởi tâm, không động niệm, đó là *"biết nghe"*, mới có thể thật sự hiểu nghĩa chân thật do đức Như Lai đã nói.

Tuy vậy, kinh Lăng Nghiêm chỉ có hai câu nói hoàn toàn giống như Đại Thừa Khởi Tín Luận. *"Tưởng trừng thành quốc độ"* (Tưởng lắng đọng bèn thành cõi nước): *"Tưởng"* (想) là vọng tưởng, *"trừng"* (澄) [ở đây phải hiểu] là chấp trước kiên cố, *"quốc độ"* nay được gọi là "vạn hữu trong vũ trụ". Vạn hữu trong vũ trụ do như thế mà có. Hết thảy động vật do đâu mà có? Động vật là *"tri giác nãi chúng sanh"* (do có tri giác bèn là chúng sanh). Chính mình cảm thấy "có biết, có cảm nhận", đó là chúng sanh. Có biết, có cảm nhận thì chẳng phải là chân tri, chân giác, chẳng phải là chánh tri, chánh giác. Trong kinh Bát Nhã, đức Phật đã nói *"Bát Nhã vô tri"*. Chư Phật Như Lai, Bồ Tát, La Hán, hết thảy thánh nhân đều như nhau, vô tri! Tâm các Ngài thanh tịnh, chẳng khởi

tâm, không động niệm, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, đó là vô tri. Vô tri là trí huệ thật sự. Quý vị hỏi các Ngài, thứ gì các Ngài cũng đều biết, chẳng có gì không biết. [Khi] quý vị hỏi, các Ngài khởi tác dụng; hễ khởi tác dụng thì không gì chẳng biết. Khởi tác dụng bèn không gì chẳng biết; khi chẳng khởi tác dụng bèn vô tri. Tâm vĩnh viễn thanh tịnh, vĩnh viễn là định. Tuy khởi tác dụng, vẫn là định, vẫn là tĩnh, Dụng chẳng ngại Thể, Thể chẳng ngại Dụng. Phải biết: Nay chúng ta Thể lẫn Dụng đều chẳng có. Đó là bị vô minh phiền não chướng ngại tự tánh, khởi lên tác dụng hư huyễn, chẳng thật, biến thành luân hồi trong lục đạo. Đã hiểu đạo lý này, đã hiểu rõ sự thật này, đương nhiên là chúng ta chẳng hoài nghi chuyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thế giới Tây Phương do đâu mà có? Cũng từ Tưởng của chính chúng ta lắng đọng mà thành tựu, cũng do vô minh vọng tâm của chính chúng ta duy trì. Vì thế, Tịnh Tông nói: *"Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ"*. A Di Đà Phật là tri giác, thế giới Cực Lạc chính là *"tưởng trừng"*.

Hằng ngày chúng ta tưởng thế giới Cực Lạc, hằng ngày tưởng A Di Đà Phật, vô minh vọng tưởng của chúng ta bèn biến hiện Tây Phương Cực Lạc thế giới, biến hiện A Di Đà Phật, tưởng gì biến nấy. Hết thảy vạn pháp do từ tưởng tượng mà biến hiện, chẳng có pháp nào là ngoại lệ, pháp nào cũng đều là như vậy. Chúng ta tưởng thiện bèn biến hiện cảnh giới thiện. Tịnh Độ của chư Phật, cõi vui sướng của chư thiên, [đều do] thiện niệm biến hiện. Chúng ta tưởng ác, ác là tham, sân, si, mạn, tổn người, lợi mình. Tưởng ác bèn biến hiện cõi nước ác, ba ác đạo. Vì vậy, lục đạo luân hồi, Tịnh Độ của chư Phật, quyết định là chẳng có ai làm chủ tể, chẳng có! Đều do chính mình biến hiện, [tùy thuộc] quý vị dùng cái tâm gì mà biến đổi thành cảnh giới ấy. Chư Phật, Bồ Tát tâm địa thanh tịnh, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều chẳng có, cho nên hiện ra cõi nước thanh tịnh tột bậc, xác thực là các Ngài chẳng có vọng niệm. Mười pháp giới đều còn kèm theo vọng. Tứ thánh pháp giới tuy thanh tịnh, vẫn chưa đoạn sạch vọng, vẫn kèm theo vọng biến hiện. Nay chúng ta nói *"đới nghiệp vãng sanh"*, đấy chẳng phải là biến hiện Tịnh Độ còn kèm theo vọng ư? Bản thân chúng ta chẳng thể biến, chẳng thể biến là vì tâm lực còn chưa đạt tới, có khá nhiều chướng ngại chưa thể đột phá, chẳng thể khắc phục, tâm chẳng thể coi là thanh tịnh; nhưng chúng ta kết hợp cùng tâm của A Di Đà Phật, cậy vào phước của Ngài, do Ngài thanh tịnh, tuy chúng ta chẳng thanh tịnh, nhưng hưởng ké sự thanh tịnh của Ngài, mà sanh vào cõi nước của Phật Di Đà, là chuyện như thế đó. Quý

vị hiểu rõ sự thật và đạo lý này, sẽ chẳng hoài nghi chuyện vãng sanh Tịnh Độ!

*"Tịnh tưởng thành tựu, tất đắc vãng sanh"* (Tịnh tưởng thành tựu, ắt được vãng sanh), há còn có nghi hoặc ư? Hễ có nghi, tức là chưa liễu giải đạo lý và sự thật này. Nói thật ra, người chẳng liễu giải thật sự chiếm đa số! Người niệm Phật hiểu rõ ràng đạo lý này cũng chẳng nhiều! Tuy chẳng nhiều, chỉ cần người ấy có chân tâm, cũng có thể vãng sanh, chỗ thù thắng của pháp môn này là ở ngay chỗ này. Quý vị hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch, quý vị niệm câu A Di Đà Phật sẽ là Lý niệm. Quý vị không hiểu rõ ràng, chẳng hiểu minh bạch, thứ gì cũng đều chẳng biết, thế nhưng nghe nói tới A Di Đà Phật, nghe nói thế giới Cực Lạc tốt đẹp lắm, bèn nhất tâm niệm, nhất tâm hướng tới, quyết định được vãng sanh. Đó là Sự niệm. Sự niệm và Lý niệm, một đằng là hiểu rõ chân tướng sự thật, một đằng là chẳng hiểu rõ, chuyện là như vậy đó, niệm đều như nhau.

Bất luận là Sự niệm hay Lý niệm, niệm đến mức đoạn Kiến Tư phiền não, đều gọi là Sự nhất tâm. Lý niệm mà niệm đến mức đoạn Kiến Tư phiền não vẫn gọi là Sự nhất tâm. Do Sự niệm mà phá một phẩm vô minh thì cũng gọi là Lý nhất tâm, chẳng phải là Sự niệm, niệm đến cuối cùng vẫn là Sự nhất tâm, chẳng phải là như vậy. Sự niệm và Lý niệm là nói đến sự dụng công trong lúc thường nhật, hai loại cảnh giới khác nhau, công phu là như nhau. Điều đáng quý là đoạn nghi sanh tín. Người Lý niệm đoạn nghi sanh tín, quá nửa là do có trí huệ, hiểu rõ ràng, minh bạch chân tướng sự thật này, chẳng hoài nghi, tín tâm thanh tịnh. Sự niệm thì đổ công dốc sức, tuy chẳng hiểu rõ đạo lý này, chẳng hiểu rành chân tướng, nhưng người ấy có thiện căn, có đại phước đức; đại phước đức là người ấy chẳng hoài nghi, thật sự tin tưởng, thật sự chịu niệm. Tuy là Sự niệm vẫn có thể đắc Lý nhất tâm, rất chẳng thể nghĩ bàn!

***(Sao) Tha xứ giả hữu tam: Nhất giả, Sa Bà thế giới, nhị giả, dư Phật quốc độ, tam giả, bỉ quốc Biên Địa. Kim giai giản chi.***

**(鈔)他處者有三：一者娑婆世界，二者餘佛國土，三者彼國邊地。今皆揀之。**

*(**Sao**: "Nơi khác" có ba chỗ: Một là thế giới Sa Bà; hai là các cõi Phật khác; ba là Biên Địa của cõi ấy (Biên Địa của Cực Lạc). Nay [do tâm chẳng điên đảo lúc lâm chung nên] đều loại trừ [người mất sẽ sanh vào những nơi đó]).*

Giải thích câu *"dĩ bất điên đảo, cố bất sanh tha xứ"* (do chẳng điên đảo, nên chẳng sanh vào nơi khác) trong lời Sớ. Do vậy có thể biết:

1) Nếu lâm chung mà điên đảo, đương nhiên khả năng lớn nhất, gần như một trăm phần trăm, là sanh trong thế giới Sa Bà, lại còn phải luân hồi trong lục đạo của thế giới Sa Bà. Đấy là nói tới *"tha xứ"*.

2) Còn có một loại khác, tức là người tu hành thật sự có công phu, người ấy tu học các pháp môn khác, chẳng phải là pháp môn Tịnh Độ, bèn vãng sanh trong Tịnh Độ của các vị Phật khác, chẳng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nhưng chư vị nhất định phải hiểu: Sanh về thế giới chư Phật ở phương khác, trong tương lai tiếp tục tu hành thành Phật, thì cũng như kinh Hoa Nghiêm đã nói, phải trải qua vô lượng kiếp, nói chung là chẳng nhanh chóng như Tây Phương. Sanh *"dư Phật quốc độ"* (các cõi Phật khác) là chuyện tốt, nhưng còn có một chút đáng tiếc là phải mất một thời gian rất dài, tu hành còn phải hứng chịu rất nhiều nỗi khổ sở.

3) Loại thứ ba trong ba loại, kể ra còn may mắn, sanh vào Biên Địa của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì sao có thể sanh vào Biên Địa? Kinh Vô Lượng Thọ đã nói rất rõ ràng. Vì sao nói là sanh vào Biên Địa tốt đẹp hơn hai loại trước, vẫn tốt hơn các cõi Phật ở phương khác? Sanh vào Biên Địa bất quá là lỡ làng năm trăm năm mà thôi! Cổ đại đức đã nói rất rõ ràng, "năm trăm năm" chính là năm trăm năm trong thế gian này! Sanh vào Biên Địa cũng là vô lượng thọ, năm trăm năm ấy thấm vào đâu! Sau năm trăm năm, người ấy vẫn có thể hồi tâm chuyển ý, vẫn có thể thấy Phật, dự vào phẩm vị vãng sanh. Vì thế, xác thực là thù thắng hơn vãng sanh Tịnh Độ của các vị Phật khác rất nhiều!

***(Sao) Tốc giả, bất kinh Trung Ấm, bất cách thời nhật, Quán Kinh sở vị "như đàn chỉ khoảnh, sanh Cực Lạc quốc dã".***

**(鈔)速者，不經中陰，不隔時日，觀經所謂如彈指頃，生極樂國也。**

*(**Sao**: "Nhanh chóng" là chẳng trải qua Trung Ấm, chẳng cách biệt ngày giờ. Quán Kinh nói là "như trong khoảng khảy ngón tay bèn sanh vào cõi Cực Lạc").*

Đây là nói rõ vãng sanh thành tựu rất nhanh chóng. Kẻ bình phàm sau khi đã chết, nói thông tục là *"linh hồn lìa khỏi thân thể"*, sẽ theo nghiệp lưu chuyển, lại đi đầu thai, phần lớn là đều trong vòng bốn mươi

chín ngày, đức Phật đã nói như vậy trong kinh Địa Tạng. Nhưng cũng có một số ít là ngoại lệ, đợi đến vài năm, vài chục năm chẳng đầu thai. Trong bốn mươi chín ngày ấy, gọi là Trung Ấm (Antarābhava). Do linh hồn rời khỏi thân thể này, hễ đầu thai sẽ lại có được một thân thể khác, ở trong trạng huống [lưng chừng] chưa có được [một thân thể mới, mà thân thể cũ đã hư hoại] thì gọi là Trung Ấm. Người Hoa gọi là *"linh hồn"* (靈魂), Phật môn gọi là *"thần thức"* (神識), còn Khổng Tử nói là *"du hồn"* (游魂). Trong phần Hệ Từ Truyện của kinh Dịch, Khổng Tử giảng giải về cội nguồn của thế giới này, đã nói rất gần với cách nói trong Phật pháp: *"Tinh khí vi vật, du hồn vi biến"* (Tinh khí[89] tạo thành vật chất, cái hồn bềnh bồng biến hóa). *"Vật"* (物) là vạn hữu trong vũ trụ. Vạn hữu trong vũ trụ vì sao mà có? Do tinh khí biến hiện. Phật pháp nói là do vô minh vọng tưởng biến hiện. *"Du hồn vi biến"*: Thần thức có tốc độ hết sức lớn, gần như đối với tam giới trong một đại thiên thế giới này, vừa dấy một niệm, bèn có thể đạt đến [trọn khắp]. Nó là một hiện tượng động (chẳng phải là tĩnh), có tốc độ chuyển động rất lớn, giống như làn sóng điện được nói trong hiện thời. Thật ra, tốc độ của nó còn cao hơn sóng điện nhiều lắm thì nó mới có thể đi đầu thai, xả thân, thọ thân để luân hồi trong lục đạo của tam giới. Người thế gian gọi nó là *"linh hồn"*, trên thực tế, nó đúng là chẳng linh. Nếu nó thật sự linh, làm sao có thể đầu thai trong ba ác đạo? Chẳng thể nào! Linh thì nó sẽ biết chọn lựa, sẽ chẳng chọn lấy hoàn cảnh rất tệ hại. Vì thế, nó rất hồ đồ, đáng gọi là *"mê hồn"* (cái hồn mê muội), thật sự mê. Phu Tử gọi nó là *"du hồn"* cũng rất đúng, vì nó không ổn định, tốc độ rất lớn. Do vậy, nó được gọi là Trung Ấm. Niệm Phật vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, *"bất*

---

[89] *"Tinh khí"* (精氣) là một khái niệm trừu tượng trong cổ Triết Học Trung Hoa. Khổng Dĩnh Đạt chú giải: *"Có nghĩa là khí tinh túy, linh thông của Âm Dương, do được hun đúc, tích tụ mà thành vạn vật"*. Sách Quản Tử lại giảng: "*Dưới là sanh thành ngũ cốc, trên là trở thành các tinh tú"*. Nói cách khác, cái được gọi là "*tinh khí"* chính là động lực tự nhiên cội nguồn của vạn vật trong vũ trụ. Từ điển Bách Độ giảng: *"Tinh khí hiểu theo nghĩa hẹp là cơ sở vật chất cấu tạo thành thân thể con người, là cơ sở của các công năng sanh trưởng, phát dục, và hoạt động của con người. Lại còn chia thành tiên thiên chi tinh và hậu thiên chi tinh. Tiên thiên chi tinh là vật chất cơ bản của thân thể, là tinh khí được bẩm thụ từ tinh khí của cha mẹ, tạo thành vật chất nguyên thủy hình thành bào thai, có công năng sanh trưởng, quyết định thể chất của mỗi cá nhân, cũng như các hoạt động tâm sinh lý, thọ mạng, tàng trữ tại thận tạng. Hậu thiên chi tinh là tinh khí được hấp thụ từ hoàn cảnh chung quanh qua ẩm thực, hoạt động, tập luyện, bồi dưỡng…"*.

*kinh Trung Ấm"*, [nghĩa là] chẳng có Trung Ấm, Phật đến tiếp dẫn, theo Phật ra đi. Trong khi ấy, đúng là chẳng chậm trễ một phút, một giây nào. Do vậy, người ấy chẳng có Trung Ấm. *"Bất cách thời nhật"* nghĩa là chẳng cách biệt mấy giờ hoặc cách biệt mấy ngày. Chúng ta nói *"thời nhật"* thông thường là bảy lần bảy, bốn mươi chín ngày. Đó là nói theo lẽ thông thường, người niệm Phật chẳng có chuyện ấy. Tiếp đó, trích dẫn Quán Kinh để tỷ dụ: *"Quán Kinh sở vị như đàn chỉ khoảnh, sanh Cực Lạc quốc dã"* (Quán Kinh nói là "như trong khoảng khảy ngón tay sanh về cõi Cực Lạc"), *"đàn chỉ"* (彈指) là thời gian ngắn ngủi, trong một cái khảy ngón tay đã đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, hình dung rất nhanh chóng!

***(Sao) Hựu Trí Giả vân.***
**(鈔)又智者云。**
*(**Sao**: Ngài Trí Giả lại nói).*

Dưới đây lại dẫn lời Trí Giả đại sư, vị này là tổ sư của tông Thiên Thai.

***(Sao) Lâm chung tại Định chi tâm, tức thị Tịnh Độ.***
**(鈔)臨終在定之心，即是淨土。**
*(**Sao**: Lâm chung, tâm ở trong Định thì chính là Tịnh Độ).*

Câu này nói hết sức hay, nêu rõ cái nhân thật sự của Tịnh Độ, thường nói là *"tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh"*. Đặc biệt là khi lâm chung, tâm địa hết sức thanh tịnh, một niệm cầu sanh, Phật bèn hiện tiền, quyết định được vãng sanh. Bản thân chúng ta nhất định phải chú ý câu này. Công phu tốt nhất là phải dưỡng thành ngay trong thường ngày, thời thời khắc khắc gìn giữ cái tâm thanh tịnh. Nói cách khác, giữ lấy Tịnh Độ nói thật ra là dễ như trở bàn tay, chẳng khó! Làm thế nào để gìn giữ cái tâm thanh tịnh? Ắt cần phải buông xuống vạn duyên, đó là đúng.

Nhất định phải biết Liên Trì, Ngẫu Ích đại sư đều là bậc tái lai, chẳng phải là phàm nhân! Trí Giả đại sư là Thích Ca Mâu Ni Phật tái lai, hóa thân đến. Tuy các vị Liên Trì và Ngẫu Ích chẳng bộc lộ thân phận, quyết định phải là những nhân vật từ Đẳng Giác trở lên. Ấn Quang đại sư khi đến tuổi già, bị người khác biết đến thân phận, Ngài là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai. Ngài tán thán bộ Di Đà Kinh Yếu Giải của Ngẫu Ích

đại sư như sau: *"Dẫu cổ Phật tái lai viết chú giải cho kinh Di Đà, cũng chẳng thể hay hơn tác phẩm này được!"* Lời ấy do Đại Thế Chí Bồ Tát nói. Như thế thì Ngẫu Ích đại sư soạn bản chú giải Di Đà Yếu Giải là người nào vậy? Nếu chẳng phải là A Di Đà Phật, quyết định là Quán Thế Âm Bồ Tát. Nếu không, làm sao có thể được Đại Thế Chí Bồ Tát tán thán như vậy? Chúng ta phải hiểu điều này. Trong tâm mục, Ngẫu Ích đại sư coi Liên Trì đại sư là thần tượng, là người được Ngài tôn kính nhất đời. Liên Trì là người nào? Liên Trì là vị đã viết bộ Sớ Sao này! Ngài là nhân vật như thế nào? Từ những lời dạy của các vị đại đức ấy, Tịnh Tông chúng ta biết Thiện Đạo đại sư và Vĩnh Minh Diên Thọ đều là A Di Đà Phật tái lai. Chúng ta đọc Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ Sao, tức Tứ Thiếp Sớ, chính là học trực tiếp với A Di Đà Phật. Những vị đại đức ấy dạy chúng ta nguyên tắc và cương lãnh đều là tâm thanh tịnh. Lại còn hết sức đơn giản là *"dùng một câu Phật hiệu để đạt tới thân tâm thanh tịnh"*. Trong các lời khai thị về pháp Niệm Phật của Ngẫu Ích đại sư, thật sự là tổng hợp pháp ngữ của Liên Trì đại sư rồi qua một phen chỉnh lý, quy nạp, cuối cùng tổng kết thành *"nhất cú A Di Đà Phật, cai la bát giáo, viên nhiếp ngũ tông"* (một câu A Di Đà Phật, bao trùm tám giáo, nhiếp trọn năm tông), còn gì để bàn cãi nữa đây? *"Tám giáo"*: Tông Thiên Thai nói *"năm thời, tám giáo"*, tức là hết thảy các pháp môn do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm đều gộp trong một câu danh hiệu Di Đà, thảy đều bao gồm. *"Năm tông"* là [năm tông phái của] Thiền Tông. Từ sau Lục Tổ đại sư, Thiền Tông chia thành năm phái, tức Tào Động, Lâm Tế, Quy Ngưỡng, Vân Môn, và Pháp Nhãn. *"Bao trùm tám giáo, nhiếp trọn năm tông"* nghĩa là bao gồm trọn vẹn hết thảy các pháp môn do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm. Phật hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn! Người biết học nắm được cương lãnh ấy, niệm một câu Phật hiệu đến cùng, chẳng cần phải tìm cành vặt lá nữa! Một câu Phật hiệu là căn bản của căn bản, thật sự tu từ căn bản.

Chúng ta chẳng cần nhìn vào thời cổ, hãy xem trong thời cận đại. Cận đại, những người vãng sanh chúng ta đã nghe đến nỗi hết sức nhàm tai: Đứng mất, ngồi mất, gần như đều là chẳng biết chữ, đều chưa từng đi học, Tông Môn lẫn Giáo Hạ đều chẳng hiểu, thứ gì cũng chẳng biết. Người đồ đệ làm thợ vá nồi của pháp sư Đế Nhàn, được Ngài cho quy y xuất gia, chẳng thọ giới nào hết, điều gì cũng chẳng hiểu. Sư dạy ông ta một câu Nam-mô A Di Đà Phật, người ta niệm ba năm, đứng vãng sanh!

Ông ta là Sự trì, chẳng hiểu Lý, nhưng có tín tâm, có nguyện tâm, tinh tấn chẳng biếng nhác, trọn chẳng thoái chuyển. Lão pháp sư dạy ông ta một phương thức tuyệt diệu, chẳng khó, mỗi người trong chúng ta đều có thể làm được! Ngài dạy ông ta thật thà niệm một câu Phật hiệu, niệm đã mệt bèn nghỉ ngơi, nghỉ khỏe khoắn rồi lại niệm tiếp. Quý vị thấy [cách niệm ấy] có sống động, tự tại lắm hay không? Chẳng bảo quý vị mỗi ngày phải nhất định niệm trong thời gian bao lâu, chẳng có! Niệm Phật, bất luận ở nơi đâu, bất luận khi nào, bất luận công việc bận rộn như thế nào, đều có thể dùng; hễ mệt liền nghỉ ngơi, nghỉ khỏe khoắn xong, lại niệm tiếp! Nghiệp chướng gì cũng đều tiêu mất, tội nghiệp gì cũng đều bị niệm mất sạch. Vãng sanh có thụy tướng thù thắng như vậy. Sư Tu Vô vãng sanh tại chùa Cực Lạc, lão pháp sư Đàm Hư chính mắt trông thấy. Trước khi xuất gia, sư Tu Vô làm thợ nề, cũng chưa hề học hành, quý vị hỏi Sư điều gì, Sư đều chẳng biết. Tuy đã thọ giới, nhưng giới là gì Sư cũng chẳng nói được, mà cũng chẳng biết. Một câu A Di Đà Phật, tâm địa thanh tịnh, đó gọi là Định Cộng Giới. Trong tâm thanh tịnh, chẳng có một niệm đúng sai, giới ấy bèn thanh tịnh. Giới luật tuy nhiều như vậy, tinh thần của giới là hai câu: *"Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện"*. Một người thật sự chẳng hề có một ý niệm ác nào, niệm nào cũng đều mong giúp đỡ người khác, khuyên người khác niệm Phật vãng sanh, chính là *"vâng làm các điều thiện"*. Trong các điều thiện, đại thiện bậc nhất là khuyên người khác niệm Phật vãng sanh, chẳng có gì thiện hơn. Thật vậy, hết thảy các giới luật Đại Thừa, Tiểu Thừa, một câu Phật hiệu, một tâm thanh tịnh thảy đều trọn đủ, thọ trì viên mãn, há cần phải phiền phức thọ từng điều một! Đó là sự thù thắng trong pháp môn Đại Thừa, pháp môn Tịnh Tông chẳng thể nghĩ bàn nhất, chúng ta phải hiểu rõ! Sau khi đã hiểu rõ, sẽ biết chính mình có phương pháp tu học chánh xác.

Trong cuộc sống hằng ngày, chẳng có gì khác, [chỉ là] vun bồi cái tâm thanh tịnh. Hình trạng của tâm thanh tịnh là gì? Lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần chẳng phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm, tâm tự nhiên thanh tịnh. Đó là *"tại Định chi tâm, tức thị Tịnh Độ"* (cái tâm ở trong Định chính là Tịnh Độ), lập tức tương ứng với Tây Phương Tịnh Độ, quý vị sẽ đạt được pháp hỷ, ngay lập tức tương ứng với A Di Đà Phật. Tuy vẫn chẳng thấy Phật, cũng là đã trao đổi tin tức, có cảm ứng với Phật. Quý vị có tín tâm vẹn mười, thật sự đắc pháp hỷ sung mãn, tâm thanh tịnh. Đối với hết thảy mọi chuyện, nhất

định là thông đạt, hiểu rõ. Thông đạt, hiểu rõ là Huệ. Tuy thông đạt, hiểu rõ, quyết định chẳng có phân biệt, chấp trước, đó là Định, là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng. Kinh nói thông đạt, hiểu rõ hết thảy là *"thanh tịnh, bình đẳng, giác"*. Hiểu rõ hết thảy là giác, trong giác tâm là thanh tịnh, là bình đẳng. Do vậy, chẳng sanh phiền não. Đối với thế giới này, đối với cõi đời đại loạn này, quý vị ứng phó ung dung, thanh tịnh, sung sướng, đương nhiên là sanh về Tịnh Độ.

***(Sao) Động niệm, tắc vãng sanh Tịnh Độ thời. Sở vân "tại Định" giả, kim tâm bất điên đảo thị. Sở vân "động niệm" giả, hậu nguyện sanh bỉ quốc thị.***

**(鈔)**動念，則往生淨土時。所云在定者，今心不顛倒是；所云動念者，後願生彼國是。

*(**Sao**: "Hễ động niệm thì là lúc vãng sanh". Nói "ở trong Định" chính là "hiện thời cái tâm chẳng điên đảo". Nói "động niệm" tức là sau đó, nguyện sanh về cõi ấy).*

*"Động niệm"* như đang nói ở đây chính là ý niệm dấy động, có ý niệm cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. *"Tại Định chi tâm"* (Cái tâm trong Định) là căn bản, từ cái căn bản ấy bèn dấy động một niệm, cảnh giới ấy nhất định hiện tiền. Khi ấy, đáng quý nhất là nhất niệm, nhất niệm đầy ắp trí huệ là cầu sanh Tịnh Độ. Do cái tâm ở trong Định, mà có thể thuận theo ý niệm vãng sanh các cõi Phật trong mười phương. Quý vị mong sanh về Đông Phương Lưu Ly thế giới bèn được sanh. Quý vị mong sanh về Di Lặc Tịnh Độ cũng được sanh. Quý vị mong đạt được phước báo nhân, thiên thì cũng đạt được. Chẳng có gì không như ý! Vì quý vị đã hội đủ điều kiện. Điều kiện là *"tại Định chi tâm"* (cái tâm ở trong Định), quý vị trọn đủ điều kiện ấy. Một niệm trong khi lâm chung của chúng ta là Tây Phương Cực Lạc thế giới, cho nên hễ động niệm, *"tắc vãng sanh Tịnh Độ thời"* (chính là lúc vãng sanh Tịnh Độ), vừa động niệm bèn vãng sanh. Mau chóng, vừa niệm bèn vãng sanh. *"Sở vân tại Định giả, kim tâm bất điên đảo thị. Sở vân động niệm giả, hậu nguyện sanh bỉ quốc thị"* (Nói "ở trong Định" chính là "hiện thời, tâm chẳng điên đảo". Nói "động niệm" tức là sau đó nguyện vãng sanh cõi kia). Từ đoạn khai thị này, chúng ta có thể thật sự thấu hiểu: Quý vị biết lúc bình thời phải nên dụng công như thế nào, hiểu rõ công phu niệm Phật cạn hay sâu là như thế nào? Ngẫu Ích đại sư nói: Vãng

sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, phẩm vị cao hay thấp là do công phu niệm Phật sâu hay cạn. Đấy chính là công phu Niệm Phật.

***(Sớ) Đại Bổn vân: Kỳ thân thể phi thế nhân chi thân thể, diệc phi thiên thượng nhân chi thân thể dã. Giai tích chúng thiện chi đức, tự nhiên hư vô chi thể, liên hoa trung hóa sanh, diệc vô nhũ dưỡng chi giả.***

**(疏)大本云：其身體非世人之身體，亦非天上人之身體也。皆積眾善之德，自然虛無之體，蓮華中化生，亦無乳養之者。**

*(**Sớ**: Kinh Đại Bổn nói: Thân thể ấy chẳng phải là thân thể của người trong cõi đời, cũng chẳng phải là thân thể của người trong cõi trời, mà là [cái thân] có phẩm đức đều [được tạo thành bởi] các điều thiện tích tập, có bản thể tự nhiên hư vô, hóa sanh trong hoa sen, mà cũng chẳng do bú mớm, nuôi nấng).*

Mọi người niệm kinh Vô Lượng Thọ rất thuần thục, [đều biết] sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ là *"thanh hư chi thể, Kim Cang Na La Diên thân"* (bản thể thanh hư, thân như Kim Cang Na La Diên). Chẳng phải là thân thể trong nhân gian do các tế bào hợp thành, yếu ớt, mong manh khôn cùng, hễ vướng một tí gió máy, lạnh lẽo, bèn sanh bệnh cảm mạo. Cũng chẳng phải là thân thể chư thiên, tuy thân tướng chư thiên thù thắng hơn thân loài người. Có lẽ sẽ có người hỏi: "Vì sao thân thể con người chẳng giống chư thiên?" Tâm chư thiên thanh tịnh hơn chúng ta, [cái tâm của] chúng ta phức tạp hơn chư thiên. Hết thảy các pháp đều do tâm biến hiện. Thế giới Tây Phương là do tâm thanh tịnh tột bậc [cảm vời], đương nhiên hiện ra cảnh giới khác hẳn, do có mức độ thuần khiết thanh tịnh khác nhau. Hết thảy các cõi Phật chẳng tinh thuần bằng cảnh giới Tây Phương; thế giới Tây Phương tinh thuần đến tột cùng! Huống hồ, phàm những người vãng sanh thế giới Tây Phương đều là *"tích chúng thiện chi đức"* (có phẩm đức tích tập các điều thiện), chúng ta thường nói là *"đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức"*. Đối với hai câu ấy, chúng ta thời thời khắc khắc chớ nên rời lìa, đoạn hết thảy ác, tu hết thảy thiện. Tiêu chuẩn thiện ác tuy rất nhiều, người niệm Phật chúng ta chỉ cần nắm vững một nguyên tắc lớn là đủ rồi. Nguyên tắc ấy chính là: *"Phàm là ý niệm, tâm lý, hay hành vi mà tự tư tự lợi thì đều là ác, chúng ta nhất định phải đoạn. Phàm là tư tưởng, kiến giải,*

*ngôn ngữ, tạo tác mà gây lợi ích cho hết thảy chúng sanh thì đều là thiện"*. Như trong Liễu Phàm Tứ Huấn đã nói, trong thiện có đại, có tiểu, có chân, có giả, có thiên lệch, có viên mãn, có chẳng trọn vẹn, có trọn vẹn, chớ nên không biết! Đại thiện rốt ráo viên mãn chân thật là gì? Khuyên người khác niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, thường ghim chuyện này trong lòng, những ý niệm khác thảy đều bỏ hết. Niệm nào cũng nghĩ giúp đỡ người khác, khơi gợi cho người ta tin tưởng Tịnh Độ, cầu nguyện vãng sanh. Cái tâm ấy cực thiện, là chân thiện, là viên thiện. Giới thiệu các pháp môn khác, đó là bán thiện (tốt lành chẳng trọn vẹn), chẳng rốt ráo, chẳng viên mãn. Trong các điều thiện ấy đều có khiếm khuyết, vì sao? Chẳng thể khiến cho người ta thành Phật rất nhanh chóng ngay trong một đời. Có người hỏi tôi: "Vì sao nhất định phải nhấn mạnh Tịnh Độ?" Kẻ ấy chẳng biết! Kẻ ấy nghe chúng tôi nói theo kiểu này, bèn chê chúng tôi ăn nói quá lố, dường như chúng tôi luôn có thiên kiến, có chấp trước. Nói thông tục sẽ là *"lão Vương bán dưa, tự bán, tự khoe"*. Kẻ ấy chẳng biết chúng tôi nói lời chân thật, câu nào cũng chân thật, chẳng quá lố tí nào! Chúng ta có được pháp môn này chẳng dễ dàng! Thật sự hiểu rõ, minh bạch, thì chúng ta mới tiếp nhận được. Nhất định phải là thời thời khắc khắc giữ cái tâm khuyên dạy người khác, đó là tu hết thảy thiện, đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức.

Công đức phải do chính mình tu, công đức là gì? Đối với Công (功), chúng tôi dùng ngay tựa đề kinh Vô Lượng Thọ để nói, mọi người sẽ rất dễ hiểu. Công là *"thanh tịnh, bình đẳng, giác"*, là công phu này! Tâm chúng ta xác thực là mỗi năm một thanh tịnh hơn, mỗi năm một bình đẳng hơn, mỗi năm một minh bạch hơn. Giác là minh bạch, chẳng mê, đó là Công. Đức (德) là gì? Trước đó, tựa đề kinh có ghi Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm. Chúng ta sẽ đạt được. Đức và Đắc (得: đạt được) có cùng một ý nghĩa. Chư vị phải hiểu: Công đức chẳng thể dùng tiền bạc để mua được. Trong đạo tràng, chùa chiền, chúng ta bỏ ra một chút tiền [cúng dường], đó chẳng phải là công đức, mà là phước đức. Công là chính quý vị phải tu hành, tâm địa một phần thanh tịnh bèn có một phần thâu hoạch. Mười phần thanh tịnh bèn có thâu hoạch mười phần, thâu hoạch chính là Đức.

Đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức, cảm được cái thân thanh tịnh, hư vô, thân tướng mầu nhiệm tột bậc. Đối với hoàn cảnh y báo, kinh Vô Lượng Thọ nói hết sức rõ ràng: Hóa sanh trong hoa sen là chỗ sanh về trong thế giới Tây Phương. Thế giới Tây Phương là hóa sanh, chẳng phải

là thai sanh. Tới thế giới Tây Phương, thân tướng của chúng ta giống như Phật, hoàn toàn giống nhau. Chẳng thể nói là kẻ vừa mới sanh vào thế giới Tây Phương sẽ như đứa trẻ từ từ trưởng thành, [nếu vậy] thế giới Tây Phương còn có tướng sanh diệt, chẳng phải là như vậy! Vì thế, hễ đến thế giới Tây Phương, sẽ hiện tướng hoàn toàn giống như Phật. Tướng ấy cũng sanh từ tâm tưởng. Trong thế gian này, người hiện thời nói là *"di truyền"*, tướng mạo của con cái hơi giống cha mẹ. Thật ra, có phải là di truyền hay chăng? Chẳng phải vậy, mà là do khi thần thức đầu thai, do có duyên với cha mẹ, nên con mới đến đầu thai. Chẳng có duyên, sẽ không đến! Có duyên bèn sanh tâm hoan hỷ, thấy tướng ấy bèn ưa thích; khi ấy, ý niệm bèn phân biệt, bèn chấp trước, sẽ biến thành tướng ấy, tướng chuyển theo tâm mà! Trong sát-na đầu thai, tướng ấy do tâm của chính mình biến hiện, thấy tướng của cha mẹ bèn hoan hỷ, kẻ ấy bèn suy tưởng tướng ấy, biến thành tướng ấy, nguyên do là như vậy đó. Sau khi chúng ta được sanh ra, khôn lớn trong một đời này, tướng mạo sẽ biến đổi, vì sao biến đổi? Vì tâm của chúng ta biến, đó là [lý do vì sao] kẻ xem tướng thường nói là *"tướng chuyển theo tâm"*. Chúng ta tiếp nhận sự giáo dục tốt đẹp, tâm địa thiện lương, thuần hậu, tướng mạo ngày càng đoan nghiêm, phước tướng, có phước! Phước ấy cố nhiên có những điều do tu tập từ đời trước, có rất nhiều điều tu trong đời này. Quý vị đọc Liễu Phàm Tứ Huấn sẽ hiểu: Có rất nhiều người đời trước khiếm khuyết, đời này đã hiểu rõ, bèn đặc biệt nghiêm túc tu học, có thể bổ cứu! Đời trước chẳng có phước báo, hãy tu nhiều, đến tuổi già, phước báo cũng rất lớn. Đời trước đoản mạng, [đời này do] tích lũy công đức sẽ có thể kéo dài, tăng thêm tuổi thọ, thảy đều dấy lên sự biến hóa. Có thể thấy chủ tể của hết thảy chính là cái tâm của chúng ta, chẳng phải do sức mạnh bên ngoài. Tâm là chúa tể thật sự. Thân thể khỏe mạnh, trường thọ, hạnh phúc hay không đều do tâm làm chủ. Đó là chân lý, đấy là sự thật, nhất định phải tin tưởng, nhất định phải hiểu rõ: Tu hành là tu từ tâm địa.

Người trong thế giới Tây Phương vâng theo giáo huấn của đức Phật để tu hành. Giáo huấn của đức Phật ở ngay trong ba kinh. Trong ba kinh, đặc biệt là kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, hai bản kinh ấy quan trọng nhất. Kinh Di Đà khuyến Tín, khuyến Nguyện, khuyên niệm Phật, trọng điểm ở chỗ này. Do vậy, kinh Di Đà là kinh được nói cuối cùng trong ba kinh. Đối với Tây Phương Cực Lạc thế giới đã được giới thiệu trước đó [trong hai kinh Vô Lượng Thọ và Quán Vô Lượng Thọ Phật], do đã hiểu rõ, nay lại khuyên lơn quý vị. Nếu

chẳng giảng hai kinh trước đó, chỉ giảng kinh này, khó giảng lắm! Quý vị bảo người ta tin, người ta điều gì cũng chẳng biết, làm sao tin cho được? Tín Căn sanh từ chỗ nào? Do vậy, thứ tự giảng ba kinh của đức Phật là trước hết giảng kinh Vô Lượng Thọ, thứ hai là giảng kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, [tức là] giảng phương pháp vãng sanh. Cuối cùng, giảng kinh Di Đà nhằm khuyên lơn chúng ta, khuyên hãy tu tập.

Do trong thế giới Tây Phương là hóa sanh, tình hình hoàn toàn khác hẳn chúng ta bên này: Y báo và chánh báo đều từ tự tánh biến hiện. Vì thế, chúng là chân thật, chẳng phải là hư vọng. Thế giới này của chúng ta là hư vọng, [vì] biến hiện từ tình thức, vô minh, vọng tưởng, còn nơi kia chẳng phải là vô minh, vọng tưởng. Tuy chúng ta đến đó, chúng ta là đới nghiệp, [tức là] mang theo vô minh, vọng tưởng, nhưng vô minh và vọng tưởng đem sang bên kia chẳng khởi tác dụng. Nguyện lực của A Di Đà Phật quá mạnh mẽ; vì thế, Ngài khởi tác dụng, chúng ta chẳng khởi tác dụng. Ví như chúng ta cầm theo một ngọn đèn nhỏ mà thôi, cũng rất sáng! Bổn nguyện của A Di Đà Phật giống như mặt trời. Ngọn đèn của chúng ta dưới ánh mặt trời chẳng tỏa sáng chút nào, hoàn toàn nương cậy vào Ngài, có ý nghĩa như vậy đó. Vì vậy, đừng sợ mang theo nghiệp vãng sanh! Nghiệp của chúng ta chẳng khởi tác dụng. Khởi tác dụng là bổn nguyện công đức của A Di Đà Phật. *"Diệc vô nhũ dưỡng chi giả"* (Cũng chẳng có bú mớm, nuôi nấng). *"Nhũ dưỡng"* (乳養) là trẻ thơ phải bú sữa để lớn lên từ từ. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có hiện tượng này!

***(Sao) Tích thiện giả, tức thị thiện căn phước đức thành tựu chi thân.***

**(鈔)積善者，即是善根福德成就之身。**

*(**Sao**: "Tích thiện" là cái thân được thành tựu bởi thiện căn, phước đức).*

Thiện căn và phước đức của A Di Đà Phật thành tựu cái thân của chúng ta, mà cũng là do một chút thiện căn phước đức nhỏ nhoi do chính chúng ta tu tập, được đại thiện căn và đại phước đức của A Di Đà Phật [gia trì]. Thân Kim Cang Na La Diên, bản thể thanh hư bất hoại do vậy mà có!

***(Sao) Phi dĩ dục ái vi nhân, Tứ Đại vi Thể, cố bất diêu thai ngục,***

***thác chất hoa trì dã.***

**(鈔)非以欲愛為因，四大為體，故不繇胎獄，託質華池也。**

*(**Sao**: Chẳng phải là do dục ái làm nhân, Tứ Đại làm Thể, nên chẳng do thai ngục sanh thành, gởi thể chất nơi ao hoa vậy).*

Thân của lục đạo phàm phu đều do dục ái làm nhân. Lời tiểu chú có nói:

***(Diễn) Kinh vân: Nhất thiết chúng sanh giai dĩ dâm dục nhi chánh tánh mạng.***

**(演)經云：一切眾生皆以婬欲而正 性命。**

*(**Diễn**: Kinh dạy: "Hết thảy chúng sanh đều do dâm dục mà có tánh mạng").*

Lục đạo phàm phu nói chung chẳng lìa khỏi dâm dục. Kinh Lăng Nghiêm có nói: *"Nếu dâm tâm đã đoạn, tánh đoạn cũng không". "Tánh đoạn cũng không"* có nghĩa là chẳng có ý niệm [dâm dục] ấy. Chúc mừng quý vị, không chỉ quý vị chẳng còn luân chuyển trong lục đạo luân hồi, mà lục đạo luân hồi cũng chẳng có. Quý vị đã tỉnh mộng trong lục đạo, lục đạo luân hồi bèn chẳng có. Do vậy có thể biết: Đã đoạn sự dâm dục, mà còn có ý niệm, quý vị vẫn phải sanh tử luân hồi trong lục đạo. Dục Giới càng lên cao, ý niệm ấy càng nhạt mỏng, đến tầng trời thứ sáu trong Dục Giới, tức là Tha Hóa Tự Tại Thiên, ý niệm dâm dục hết sức nhạt mỏng. Lên cao hơn một tầng nữa, ý niệm ấy chẳng có, sanh vào Sắc Giới Thiên. Tham Thiền, thật sự đắc Thiền Định, sẽ chẳng có dục. Hễ còn dục tức là chẳng đắc Thiền Định. Nói cách khác, dẫu công phu định lực sâu đến mấy, mỗi lần ngồi xếp bằng nhìn vách, có thể nửa năm chẳng xuất Định, tương lai sẽ đến nơi đâu? Dục Giới Thiên, vì Định chưa thành tựu! Định đã thành tựu, chẳng sanh vọng niệm, tham, sân, si, mạn, phân biệt, chấp trước đều chẳng có, tâm địa thật sự thanh tịnh, bình đẳng thì mới có thể sanh vào Sắc Giới. Công phu định lực cao hơn, sanh trong Vô Sắc Giới. Quý vị bèn biết chuyện này khó lắm! Tham Thiền, há dễ dàng ư? Công phu chẳng cần phải hỏi ai khác, hãy hỏi chính mình. Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, đã đoạn được niệm nào, thật sự là một niệm chẳng sanh hay chưa? Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, ngũ dục, lục trần, hễ có một điều nào tham ái, còn chưa buông

xuống được, thì chẳng được rồi! Nói cách khác, trong những người tu hành, quý vị chẳng thể vượt thoát Dục Giới, quý vị còn có dục vọng, dục vọng nặng nhất là dâm dục.

Tham ái là dục vọng, tham tài là dục vọng, tham danh cũng là dục vọng, tham quyền lực cũng là dục vọng. Người niệm Phật khi dâng hương, ta muốn được dâng nén hương đầu tiên, đấy cũng là dục vọng, cũng không được rồi! Tham cầu Phật pháp, tham cầu công đức, quý vị ngẫm xem: Chính là thay đổi đối tượng tham, chứ tham, sân, si, mạn chẳng biến đổi mảy may! Vậy thì có tác dụng gì chăng? Học Phật kiểu đó, trong tương lai vẫn phải luân hồi trong lục đạo. Kẻ ấy tu tập phước báo, tức là phước báo hữu lậu trong lục đạo. *"Phước báo hữu lậu"* chính là thuật ngữ trong Phật môn, thuật ngữ thế gian cũng nói như vậy. Người thế gian nói là *"phước khí"*, *"phước"* (福) là phước báo, *"khí"* (氣) là hữu lậu, [ý nói] hưởng phước vẫn bị vận khí (vận may, vận số) chi phối. Vì thế, nói gộp lại, phước ấy chẳng viên mãn, chẳng thanh tịnh, trong ấy còn kèm theo rất nhiều phiền não. Những thuật ngữ sử dụng trong cuộc sống hằng ngày, có ý nghĩa rất sâu! Hễ nghe nói, người thông minh bèn giác ngộ. Những thuật ngữ, văn tự ấy đầy ắp trí huệ, khiến cho quý vị thấy sắc nghe tiếng thường nhắc nhở chính mình hãy cảnh giác. Vì vậy, khác hẳn lục đạo, trong lục đạo chẳng lìa khỏi dục. Công phu định lực sâu bèn chẳng có dục. [Tuy thế], họ là phục đoạn, chẳng phải là diệt đoạn, chỉ là do công phu định lực sâu xa, dục chẳng khởi tác dụng, người ấy sanh lên Sắc Giới Thiên, hoặc Vô Sắc Giới Thiên. Sau một thời gian lâu dài, dục lại phát tác, chẳng thể khống chế được, lại dấy lên ý niệm dục vọng. Hễ động niệm, công phu định lực mất đi, lại đọa xuống. Vì thế, thọ mạng trong Sắc Giới và Vô Sắc Giới Thiên do công phu định lực duy trì; hễ Định mất đi, ngay lập tức bị đọa lạc, chẳng thoát khỏi tam giới, chẳng thoát khỏi luân hồi, đạo lý ở chỗ này.

Tây Phương Cực Lạc thế giới hoàn toàn là do tịnh niệm mà vãng sanh, Phật lực giúp đỡ, tiếp dẫn chúng ta, *"cố bất diêu thai ngục"* (nên chẳng do thai ngục), ở bên kia là hóa sanh trong hoa sen, chẳng phải là thai sanh. Thai sanh khổ lắm! Vào trong thai mẹ, chờ đợi mười tháng ở trong ấy. Mười tháng ấy đúng là "sống một ngày bằng cả năm". Mười tháng trong nhân gian, đối với cảm nhận của người ấy, chỉ sợ là như mấy ngàn năm, mấy vạn năm. Ở trong ấy, bị đày đọa, chịu đau khổ, nên gọi là *"thai ngục"*. Ở trong thai, chẳng khác chịu tội trong địa ngục cho mấy. Mẹ uống một chén nước lạnh, con như ở trong hàn băng địa ngục. Mẹ

uống một chén trà nóng, con như đang trong hỏa thiêu địa ngục. Mẹ tâm tình chẳng thoải mái, con ở trong bụng khó chịu. Tâm tình của mẹ có ảnh hưởng rất nghiêm trọng đối với thai nhi. Cổ nhân biết đạo lý này, nên coi trọng thai giáo. Vì thế, trong mười tháng mang thai, phải giữ cho tâm bình khí hòa, cử chỉ an tường, hy vọng đứa nhỏ sẽ được ảnh hưởng tốt đẹp. Người hiện thời chẳng hiểu! Nay chúng ta thường nghe nói "trẻ nhỏ khó dạy", tôi nghe toàn là những nỗi lo âu về con cái, khó dạy bảo! Do nguyên nhân nào? Quý vị chẳng biết thai giáo! Huống hồ xã hội hiện thời là một cái vò nhuộm lớn, bỏ vào đó mà chẳng bị nhuốm bẩn, sẽ chính là Phật, Bồ Tát tái lai, tuyệt đối chẳng phải là phàm nhân. Những nỗi khó khăn ấy cứ suy ra sẽ biết. Hôm nay, chúng tôi giảng tới chỗ này!

***Tập 251***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm chín mươi hai:

***(Sao) Diệc vô nhũ dưỡng giả, minh tự nhiên tăng trưởng, phi như Bắc Châu, do đãi chỉ đoan xuất nhũ nhi vi dưỡng dã.***

**(鈔)亦無乳養者，明自然增長，非如北洲，猶待指端出乳而為養也。**

*(**Sao**: "Cũng chẳng có bú mớm, nuôi nấng", nói rõ [trong cõi Cực Lạc] tăng trưởng tự nhiên, chẳng như Bắc Câu Lô Châu còn phải đợi đầu ngón tay tiết ra sữa nuôi dưỡng[90]).*

Đây là nói rõ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, ở bên ấy là hóa sanh trong hoa sen, quả báo hết sức thù thắng. Trong thế giới này, đức Phật nói có bốn đại bộ châu[91]. Bắc Châu có phước báo lớn nhất. Ở

---

[90] Sách Diễn Nghĩa giảng điều này như sau: *"Nam nữ ở Bắc Câu Lô Châu phân ra bên trái và bên phải đi riêng rẽ. Người nam và kẻ nữ có duyên với nhau từ trước, cây bên đường bèn rủ bóng xuống che khuất để họ làm chuyện vợ chồng. Xong chuyện, cây lại đứng thẳng lên, bèn chia tay nhau, chẳng còn nhận biết nhau nữa. Vợ bèn có thai, sanh con, đặt bên đường, chẳng nhìn tới nữa, bỏ đi. Người qua kẻ lại, đặt đầu ngón tay vào miệng đứa bé, đầu ngón tay bèn tiết sữa, trong khoảnh khắc đứa bé bèn trưởng thành".*

[91] Tứ đại bộ châu, gọi chung là Tứ Thiên Hạ, tức nhân gian, do ở dưới tầng trời của Tứ Vương Thiên nên gọi là Tứ Thiên Hạ. Theo kinh A Hàm, trong biển nước mặn

đây, nêu thí dụ để thuyết minh. [Phước báo của] người trong Bắc Câu Lô Châu (Uttarakuru) tuyệt đối chẳng thể sánh bằng phước báo trong thế giới Tây Phương.

***(Sớ) Kỳ vãng sanh giả, diêu thượng nhất tâm bất loạn, tác tam cửu nhân. Cánh tế phân chi, diệc ưng vô lượng.***

***(Sao) Tam cửu giả, Đại Bổn tam bối, Quán Kinh cửu phẩm dã.***

**(疏)其往生者，繇上一心不亂，作三九因；更細分之，亦應無量。**

**(鈔)三九者，大本三輩，觀經九品也。**

*(**Sớ**: Người vãng sanh do nhất tâm bất loạn như đã nói trong phần trên mà chia thành ba hoặc chín cái nhân. Nếu chia tỉ mỉ, cũng phải là vô lượng.*

***Sao**: "Ba, chín": Ba bậc trong kinh Đại Bổn, chín phẩm trong Quán Kinh).*

*"Ba, chín"* chính là *"tam bối"* (ba bậc) được nói trong kinh Vô Lượng Thọ, Quán Kinh nói là *"chín phẩm"*. Ba bậc hoặc chín phẩm đều là phân chia đại lược; trên thực tế, vãng sanh thế giới Tây Phương, do trình độ của mỗi người khác nhau, sai biệt hết sức to lớn.

---

vây quanh núi Tu Di, có bốn châu lục lớn. Quả địa cầu của chúng ta thuộc về Nam Diêm Phù Đề. Bốn đại châu ấy là:

1) Đông Thắng Thần Châu (Pūrvavideha, còn phiên âm là Phất Vu Lệ, Phất Bà Đề), dịch nghĩa là Thắng Thân (thân thù thắng), ở phía Đông núi Tu Di. Châu lục này phía Đông hẹp, phía Tây rộng, hình như nửa vầng trăng, kích thước là chín ngàn do-tuần. Con người thọ hai trăm năm mươi tuổi.

2) Nam Diêm Phù Đề (Jambudvīpa, còn gọi là Nam Thiệm Bộ Châu, Diêm Phù), dịch nghĩa là Thắng Hoàng Kim. Danh xưng này do đặt theo cây Diêm Phù. Châu lục nằm ở phía Nam núi Tu Di, Nam hẹp Bắc rộng, hình như cái kho, kích thước là bảy ngàn do-tuần. Tuổi thọ bình quân là một trăm năm, người chết yểu rất nhiều.

3) Tây Cù Gia Ni (Aparagodaniya, còn gọi là Tây Ngưu Hóa Châu). Có sách giải thích vì cõi ấy có nhiều trâu bò, thường dùng làm hàng hóa, nên gọi như vậy. Châu lục này ở phía Tây núi Tu Di, hình dáng như trăng rằm, rộng tám ngàn do-tuần. Con người thọ năm trăm năm.

4) Bắc Câu Lô Châu (Uttarakuru, còn phiên âm là Uất Đan Việt), dịch nghĩa là Thắng Xứ, ở phía Bắc núi Tu Di. Hình dáng châu lục như cái ao, rộng một vạn do-tuần. Con người thọ đến một ngàn năm, không có ai chết yểu, cuộc sống sung sướng, không phải lo lắng ăn mặc. Sinh con đẻ cái không cần nuôi dưỡng, mẹ chỉ mang thai bảy ngày.

***(Sao) Dĩ nhất tâm phân Sự Lý, Sự Lý diệc phục các phân thắng liệt, hậu đắc vãng sanh, như kỳ bổn nhân nhi vi phẩm vị dã.***

**(鈔)以一心分事理，事理亦復各分勝劣，後得往生，如其本因而為品位也。**

*(**Sao**: Do nhất tâm được chia thành Sự và Lý, Sự và Lý [nhất tâm] cũng đều chia thành thù thắng và kém cỏi, cho nên sau khi được vãng sanh cũng tùy thuộc cái nhân ấy mà chia thành phẩm vị [khác biệt]).*

Đây là nói đại lược nguyên do của phẩm vị. Trên thực tế, chuyện phẩm vị xác thực là có, nhưng xét theo cái tâm của người trong thế giới Tây Phương thì thưa cùng chư vị, xác thực là chẳng có! Vì sao? Người ta tâm địa thanh tịnh, trước nay chưa từng nghĩ ta là thượng phẩm hay trung phẩm, chẳng có ý niệm ấy. Nếu có ý niệm ấy, người ấy đã xen tạp, tâm chẳng thanh tịnh. Do vậy, người trong thế giới Tây Phương xác thực là chẳng có quan niệm này. Hạ hạ phẩm vãng sanh cũng chẳng có ý niệm ấy, mà thượng thượng phẩm vãng sanh cũng chẳng có ý niệm ấy. Thế giới Tây Phương là một thế giới bình đẳng. Thật ra là có, nhưng họ chẳng khởi ý niệm ấy; xét theo mức độ thì thật sự có, giống như học trò đi học. Chúng ta mở một khóa giảng về Phật học, người tham dự khóa giảng ấy có kẻ trình độ Tiểu Học, có người trình độ Trung Học, có kẻ trình độ Đại Học, có người thuộc trình độ nghiên cứu sinh, nhưng trong khóa giảng ấy, mọi người quên khuấy các cấp độ trong nhà trường, cùng nhau học Phật ở nơi đây. Thế giới Tây Phương có tình hình giống như vậy, nhất định phải biết điều này. Do trình độ bất đồng, cho nên đến thế giới Tây Phương tu hành thành Phật có sớm hay muộn khác nhau. Có người đến đó, chẳng bao lâu đã thành Phật, có kẻ phải mất một thời gian rất dài mới có thể thành Phật. Từ chỗ này, chứng tỏ thật sự là có trình độ khác nhau. Từ chỗ thành Phật sớm hay muộn mà chia rõ ràng thành ba bậc hoặc chín phẩm. Nếu chẳng nhìn từ chỗ này, thế giới Tây Phương xác thực là bình đẳng.

*"Nhất tâm phân Sự Lý"* (Nhất tâm chia thành Sự và Lý) cũng là chia đại lược. Nếu chia tỉ mỉ, chẳng hạn như đối với Lý nhất tâm bất loạn, bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, đó là Lý nhất tâm. Đấy là người thuộc về Lý nhất tâm ở mức độ nông cạn. Đẳng Giác Bồ Tát vẫn là Lý nhất tâm, nhưng là Lý nhất tâm cao nhất. Thập Trụ Bồ Tát, Thập Hạnh Bồ Tát, Thập Hồi Hướng Bồ Tát, Thập Địa Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát, có thể thấy là trong

Lý nhất tâm bất loạn chia thành bốn mươi mốt đẳng cấp, đó là thù thắng và kém cỏi khác nhau. Sự nhất tâm đương nhiên cũng chẳng phải là ngoại lệ. Sự nhất tâm khởi đầu từ phá Kiến Hoặc, mãi cho đến khi đoạn Tư Hoặc, dùng quả vị Tiểu Thừa để tỷ dụ thì Tứ Quả Tứ Hướng cũng có tám tầng cấp bất đồng. Chúng ta niệm Phật rốt ráo có thể niệm đến trình độ gì? Nói thật thà, chúng ta chẳng đạt được Sơ Quả, Sơ Quả Hướng (Srota-āpatti-phala-pratipannaka) thì được! Phương hướng rất chánh xác, hướng tới Sơ Quả, nhưng vẫn chưa đạt đến, công phu của chúng ta bất quá chỉ như thế mà thôi! Chúng ta thường nói Sơ Quả Hướng là công phu thành phiến, chưa chứng đắc Sơ Quả. Công phu thành phiến là người đắc Sự nhất tâm ở mức độ nông cạn. Sự nhất tâm sâu chính là Tứ Quả La Hán, Kiến Tư phiền não thảy đều đoạn hết. Đấy là sự thù thắng hay kém cỏi bất đồng xét theo Sự nhất tâm. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhất định là căn cứ trên thành tích tu hành mà có phẩm vị sai biệt. Ba bậc chín phẩm là do chính đức Phật nói, ở bên ấy (cõi Cực Lạc) thật sự có, nhưng ở bên ấy chẳng nói tới, vì mọi người chẳng có khái niệm ấy. Trong cõi này, do con người tâm phân biệt nặng nề, tâm chấp trước nặng nề; vì thế, khái niệm ba bậc chín phẩm hết sức mạnh mẽ.

***(Sao) Tam bối giả, như Đại Bổn.***

**(鈔)三輩者，如大本。**

*(**Sao**: "Ba bậc" là như Đại Bổn).*

Đại Bổn là kinh Vô Lượng Thọ.

***(Sao) Vị thượng bối giả, phát Bồ Đề tâm, chuyên niệm A Di Đà Phật, tu chư công đức, nguyện sanh bỉ quốc.***

**(鈔)謂上輩者，發菩提心，專念阿彌陀佛，修諸功德，願生彼國。**

*(**Sao**: Có nói: Bậc thượng là phát Bồ Đề tâm, chuyên niệm A Di Đà Phật, tu các công đức, nguyện sanh về cõi ấy).*

Đoạn này nói tới cái nhân vãng sanh của *"thượng bối"*. Trong chú giải Quán Kinh, Thiện Đạo đại sư đã đặc biệt nói rõ ràng: Do vì chín phẩm, ba phẩm thượng là *"thượng bối"* của kinh Đại Bổn, ba phẩm trung là trung bối trong Đại Bổn, ba phẩm hạ là hạ bối của kinh Đại Bổn, chúng ta phải ghi nhớ khai thị của Thiện Đạo đại sư. Thiện Đạo đại sư

bảo ba phẩm thượng vãng sanh là phàm phu có đại tâm, tức là nói chúng ta đều có phần. Chúng ta là phàm phu, xét xem tâm lượng của chúng ta có lớn hay không? Nếu tâm lượng của chúng ta rất lớn, chúng ta vãng sanh sẽ thuộc vào ba phẩm thượng. Trung phẩm thượng sanh và trung phẩm trung sanh là trì giới; trung phẩm hạ sanh còn chưa phải là trì giới, tu thiện pháp thế gian, khi lâm chung nghe pháp môn này, người ấy trọn chẳng phải là học Phật, nhưng là thiện nhân trong thế gian, lâm chung gặp thiện tri thức chỉ dạy bèn phát nguyện vãng sanh, người ấy có thể đạt đến trung phẩm hạ sanh. Ba phẩm hạ là phàm phu tạo tác tội nghiệp. Cũng có nghĩa là: Ba phẩm thượng là đại tâm phàm phu, ba phẩm trung là phàm phu trì giới tu thiện, ba phẩm hạ là phàm phu không điều ác nào chẳng làm. Chín phẩm xác thực là *"thích hợp khắp ba căn, gồm thâu lợi căn lẫn độn căn"*, đúng là độ hết thảy chúng sanh, điều này rất chẳng thể nghĩ bàn!

Cực Lạc thù thắng, thù thắng bậc nhất, đặc biệt thù thắng, nói thật ra là do ba phẩm hạ, vì các pháp môn khác chẳng thể độ [người thuộc ba phẩm hạ], họ quyết định đọa ác đạo. Chúng sanh [đáng phải] đọa ác đạo mà còn có thể vãng sanh, những kẻ khác vãng sanh há còn có vấn đề gì nữa ư? Dẫu là kẻ tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác, trong một đời này quyết định sẽ đọa vào địa ngục A Tỳ, người như vậy nếu có thể thật sự sám hối, thật sự quay đầu niệm Phật thì cũng có thể vãng sanh. Đó là chỗ thù thắng vượt trỗi của Tịnh Độ, hết thảy các pháp môn khác đều chẳng thể sánh bằng, đạo lý ở chỗ này! Do đó, chúng ta phải ghi nhớ lời Thiện Đạo đại sư; sau đấy, đọc đoạn văn này, sẽ chẳng có vấn đề gì!

Theo Đại Bổn, người vãng sanh thuộc thượng bối *"phát Bồ Đề tâm, chuyên niệm A Di Đà Phật"*. *"Bồ Đề tâm"* chỉ đại tâm, tâm lượng rộng lớn, Phật môn chúng ta thường nói là *"chúng sanh có căn tánh Đại Thừa"*. Phát Bồ Đề tâm thì Bồ Đề tâm là tâm giác ngộ chân thật, tâm triệt để giác ngộ. Giác ngộ là gì? Thật sự hiểu rõ đời người khổ sở, lục đạo khổ sở. Đó là đã thật sự giác ngộ. Nghe tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, bèn thật sự tin tưởng, thật sự mong sanh về đó, đó là giác ngộ triệt để. Bất luận nam, nữ, già, trẻ, cũng chẳng cần biết trình độ học thuật, giáo dục của quý vị cao hay thấp, đều không quan tâm tới, chỉ cần quý vị biết tam giới lục đạo khổ sở, Tây Phương Cực Lạc tốt đẹp, ta thật sự mong đến đó, thế là được rồi. Vì thế, trong phát Bồ Đề tâm, bao gồm tin sâu, nguyện thiết, căn bản là nhất tâm *"chuyên niệm A Di Đà Phật"*, vậy là được rồi! *"Tu chư công đức"* là nói tới tín nguyện trì danh. Trong quá

khứ, chúng ta chẳng hiểu, trước nay chẳng hề làm như vậy, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều là tội nghiệp, giống như kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện đã nói: *"Chúng sanh trong Diêm Phù Đề khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là tội"*, đều đang tạo tội nghiệp. Nay chúng ta xoay chuyển tội nghiệp, niệm A Di Đà Phật, khởi tâm động niệm đều niệm A Di Đà Phật. Đấy là chúng ta uốn nắn, sửa đổi cái tâm, ngôn ngữ lẫn hành trì đều xoay chuyển toàn bộ, niệm niệm tiếp nối, giống như Phổ Hiền Bồ Tát đã nói: *"Vô hữu bì quyện"* (Chẳng có chán nản, mệt mỏi). Đó là tu các công đức, thật sự hành! *"Nguyện sanh bỉ quốc"* (Nguyện sanh về cõi ấy): Có một nguyện vọng hết sức mạnh mẽ, hy vọng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Trong xã hội hiện tại, trên toàn thể địa cầu, quý vị ngẫm xem có nơi nào an toàn? Nơi nào có thể yên ổn? Chẳng có! Trên thế giới này chẳng có chỗ an ổn, đó là do cộng nghiệp của chúng sanh trên toàn thế giới cảm vời. Mấy năm gần đây, nếu chư vị lắng lòng quan sát, [sẽ thấy] chúng sanh tạo tội nghiệp, hiện thời có thể nói là chẳng kiêng dè mảy may, hoàn toàn chẳng thể tiếp nhận nhân quả báo ứng, vì lòng ham muốn chi phối mà hành động, còn thế nào được nữa! Xã hội này bất bình thường một trăm tám mươi độ, chuyện này quá đáng sợ! Trong quá khứ, tuy có những chuyện trái nghịch lẽ thường, nhưng mức độ rất nhỏ, thỉnh thoảng trông thấy một, hai chuyện, hiện thời là phổ biến. Nói thật ra, hiện tượng này là điềm báo trước đại tai nạn. Chúng ta hãy tỉnh táo đôi chút, chú tâm quan sát, sẽ thấy điềm báo trước ấy chẳng phải là một chuyện tốt lành. Làm thế nào thì mới có thể may mắn tránh khỏi? Nhất định là phải thật thà niệm Phật, tu các công đức, thì trong đại kiếp nạn, chúng ta mới có thể bảo toàn. Cổ nhân có một câu nói cũ mèm: Chúng ta sanh trong thế giới này, nếu do *"ứng kiếp mà sanh"*, sẽ khó trốn khỏi kiếp số. [Nghĩa là] quý vị sanh đến [thế giới này] là để gặp phải kiếp nạn. Nếu là *"ứng vận mà sanh"* thì nhất định có thể miễn trừ kiếp nạn ấy, vì sao? Sau khi đã qua cơn kiếp nạn, thế giới này sẽ khôi phục trật tự bình thường, quý vị vẫn phải trọn hết một phần tâm lực. Quý vị có trách nhiệm ấy, có nghĩa vụ ấy, nhất định sẽ có thể may mắn tránh khỏi kiếp nạn ấy. Chúng ta rốt cuộc có thể làm những chuyện gì? Tư tưởng, kiến giải, và ngôn hạnh của chúng ta có thể nêu gương tốt cho xã hội; đó là *"ứng vận mà đến"*. Nếu thuận theo sự nhiễu loạn mà gây rối ren thêm, quý vị chính là *"ứng kiếp mà đến"*, khi kiếp nạn xảy ra, quý vị sẽ chẳng thể trốn thoát được!

Nếu chúng ta muốn tránh khỏi kiếp nạn này, nếu mong còn có thể giúp đỡ chúng sanh khổ nạn trong cơn kiếp nạn ấy, còn có thể khôi phục trật tự tốt đẹp lần nữa, quý vị thực hiện ba câu sau đây là được rồi. [Tức là] *"phát Bồ Đề tâm, chuyên niệm A Di Đà Phật, tu các công đức"*. Công: Trì giới là Công, trì giới là vâng giữ pháp tắc. Người khác chẳng tuân thủ pháp tắc, ta tuân thủ pháp tắc. Kẻ khác chẳng trì giới, ta trì giới. Quý vị chớ nên thấy kẻ khác không làm, ta cũng không làm; nếu vậy, quý vị là ứng kiếp mà đến, quyết định chẳng tránh khỏi kiếp nạn, phải thật sự hành! Vâng giữ pháp tắc, vâng giữ lễ, trì giới; đó là Công, cái quý vị đạt được là Định. Để tu Định thì người niệm Phật chúng ta tu nhất tâm bất loạn. Tu Định là Công, khai trí huệ là Đức. Giới, Định, Huệ là từng tầng một [nối tiếp nhau], điều trước là tu công phu, [điều sau là kết quả của việc tu tập công phu ấy]. Trì giới là Công, Thiền Định là Đức; Thiền Định là Công, trí huệ là Đức. Quý vị tu công, nhất định sẽ có thu hoạch; đó gọi là *"tu chư công đức"*. Vì thế, Công rất nhiều, Đức cũng rất nhiều. Tu thiện, đắc thiện quả; tu thiện là Công, thiện quả là Đức. Tạo ác, nhất định đắc ác báo. Nhân duyên quả báo chẳng sai sót mảy may! Đặc biệt là trong thời đại tai nạn dồn dập này, chúng ta phải nắm lấy cơ hội "đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức". Bỏ lỡ cơ hội, chúng ta mong tu, tâm có thừa mà chẳng có sức, tu chẳng được! Phải nắm lấy cơ hội, phải có trí huệ cao độ. Trong Phật pháp thường nói *"gieo phước điền"*, quý vị có phải là thật sự gieo phước điền hay chăng? Quý vị phải nhận thức đâu là phước điền thật sự, đâu là phước điền giả trất, chính quý vị phải dùng trí huệ để phân biệt, biện định. Đạo tràng của chúng ta tín chúng rất ít, phàm những đồng tu đến nghe kinh đều là tài lực rất hữu hạn. Thời đại này kỳ quái thay! Đúng là những kẻ quyền cao chức trọng, lắm tiền nhiều của, chẳng cần nghe kinh. Họ học Phật theo kiểu đối trước Phật thắp một nén hương, họ đã đạt được đại phú đại quý rồi, chẳng giống như chúng ta, chúng ta phải tích lũy công đức thì mới có được một chút quả báo nhỏ nhoi, khác hẳn! Ở đây, điều gì rốt cuộc là chân, giả, tà, chánh? Chúng ta phải có năng lực phân biệt. Vì thế, tu các công đức mà nếu chẳng có trí huệ thật sự, chẳng có phước báo, mong tu vẫn chẳng thể tu được! Những gì đã tu tập đều sai trật, những phước đã gieo về sau đều trở thành phí công, đúng là đáng tiếc quá! *"Nguyện sanh bỉ quốc"* (Nguyện sanh về cõi ấy), đó là trí huệ rốt ráo viên mãn. Vì sao? Đấy mới là thật sự giải quyết vấn đề. Nếu chẳng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, hết thảy công đức do chúng ta đã tu đều biến thành

phước báo hữu lậu, hưởng phước trong lục đạo. Đó là chẳng rốt ráo, chẳng viên mãn, nhất định phải cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đấy là nói đến chuyện tu nhân. Có nhân, đương nhiên là có quả. Quả báo là…

***(Sao) Mạng dục chung thời, Phật dữ thánh chúng, hiện kỳ nhân tiền.***

**(鈔)**命欲終時，佛與聖眾，現其人前。

*(**Sao**: Khi mạng sắp chấm dứt, Phật và thánh chúng hiện ra trước người ấy).*

Câu này nói tới lúc lâm chung, Phật đến tiếp dẫn. Phật nhất định đến, vì Phật đã từng phát nguyện ấy. Từ bốn mươi tám nguyện, chúng ta thấy [điều ấy]. Hư không to dường ấy, nói ở Tây Phương thì Tây Phương cũng quá to, rốt cuộc cõi nào là thế giới Cực Lạc, chúng ta cũng chẳng hiểu rõ cho lắm! Quý vị hãy yên tâm, phàm là người niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, khi lâm chung, A Di Đà Phật sẽ tới dẫn chúng ta đi.

***(Sao) Tiện ư thất bảo trì nội, liên hoa hóa sanh.***

**(鈔)**便於七寶池內，蓮華化生。

*(**Sao**: Liền hóa sanh trong hoa sen nơi ao bảy báu).*

Câu này nói đến chỗ sanh, tới thế giới Tây Phương bèn hóa sanh trong hoa sen. Kinh đã nói rất rõ ràng, nói rất rành rẽ: Nay chúng ta thật sự phát một niệm tâm cầu sanh Tịnh Độ, trong ao bảy báu trước giảng đường của A Di Đà Phật bèn trổ một đóa sen. Hoa sen ấy còn rất kỳ quái, có tên chúng ta ghi trên đó, tuyệt đối chẳng sai lầm! Ở đây, chúng ta niệm Phật rất siêng năng, công phu niệm đắc lực, hoa sen ấy càng tăng trưởng to hơn, quang minh và màu sắc càng ngày càng đẹp đẽ. Khi chúng ta lâm chung, A Di Đà Phật cầm hoa ấy đến tiếp dẫn chúng ta, quyết định chẳng sai lầm. Đấy là chuyện chân thật, ngàn muôn phần đừng nghĩ đó là chuyện cổ tích dành cho trẻ con nghe. Nếu nghĩ như vậy, quý vị sẽ lầm lỡ đại sự.

***(Sao) Trụ bất thoái chuyển, trí huệ dũng mãnh, thần thông tự tại.***

**(鈔)住不退轉，智慧勇猛，神通自在。**

*(**Sao**: Trụ bất thoái chuyển, trí huệ dũng mãnh, thần thông tự tại).*

Nói tới trạng huống khi đã sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, kinh nói rất cặn kẽ. *"Bất thoái chuyển"* là ba món Bất Thoái đều đồng thời đạt được, chẳng thể nghĩ bàn! Hạ hạ phẩm vãng sanh cũng là viên chứng ba món Bất Thoái. Ở đây, phải đặc biệt chú ý *"viên chứng"*: *"Viên"* (圓) là chứng đắc viên mãn, chẳng phải là chứng đắc đôi chút, hoặc chứng đắc một phần. Người ấy thảy đều chứng đắc viên mãn Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái và Niệm Bất Thoái. Viên chứng ba món Bất Thoái, nói thông thường, phải là Bát Địa Bồ Tát thì mới thật sự viên chứng ba món Bất Thoái. Chúng ta là hạ hạ phẩm vãng sanh, tức là đới nghiệp vãng sanh, nhất tâm bất loạn chỉ bằng với một vị đắc Sơ Quả Hướng, còn chưa đắc Sơ Quả, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta có thể thọ dụng giống như Bát Địa Bồ Tát. Điều này chẳng thể nghĩ bàn, rốt cuộc là chuyện như thế nào? Đó là do bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, chứ cậy vào chính mình, chắc chắn sẽ chẳng làm được. Dựa vào bổn nguyện của A Di Đà Phật gia trì, bốn mươi tám nguyện sẽ khiến cho chúng ta tới Tây Phương Cực Lạc bằng với Bát Địa Bồ Tát, chúng ta đều có trí huệ, thần thông và năng lực của Bát Địa Bồ Tát. Đương nhiên là trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, vẫn phải tu hành chẳng gián đoạn. Khi tu đến một thời gian kha khá, bản năng (năng lực sẵn có) của chúng ta sẽ thấu lộ, chẳng cần A Di Đà Phật gia trì nữa. Trước khi bản năng của chúng ta thấu lộ, bèn cậy vào Phật lực gia trì; do đó, ngay lập tức được thọ dụng. Tình hình này ví như là đối với nhà cửa tráng lệ, quý vị chỉ cần đóng một chút tiền [đặt cọc] liền mua được, bèn sống ở đó để hưởng thụ. Sau đấy, mỗi tháng trả góp, trả tới ba mươi năm bèn sạch nợ, biến thành [nhà cửa] của chính mình. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng giống như vậy, chúng ta vừa đến đó bèn ngay lập tức có căn nhà tráng lệ ấy, từ từ trả góp mỗi tháng. Đó là do được A Di Đà Phật ban cho, chờ chúng ta tu hành bên đó một khoảng thời gian, chính mình chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn, thật sự biến thành của chính mình, sẽ thuộc về Tự Lực. Sức của chính mình chưa đạt được, Phật lực bèn gia trì chúng ta. Vì thế, vừa đến nơi đó bèn hưởng thụ như Bát Địa Bồ Tát, thuộc về cảnh giới của Bát Địa, chẳng thể nghĩ bàn! Trụ bất thoái chuyển, viên chứng ba món Bất Thoái, trí huệ dũng mãnh, thần thông tự tại.

***(Sao) Sở cư thất bảo cung vũ.***

**(鈔)所居七寶宮宇。**

*(**Sao**: Chỗ ở là cung điện bảy báu).*

*"Cung vũ"* (宮宇) là cung điện, do bảy báu hợp thành.

***(Sao) Tại hư không trung, khứ Phật vi cận.***

**(鈔)在虛空中，去佛為近。**

*(**Sao**: Ở trong hư không, rất gần với Phật).*

Ở gần A Di Đà Phật giống như láng giềng, rất gần. Cung điện trên không trung, đấy là quả báo hết sức thù thắng. Có những cung điện ở trên mặt đất; nói thật ra, những nơi ấy chính là thuận theo lòng mong muốn. Thích ở trên không trung, cung điện ở ngay trên không trung. Thích ở trên mặt đất, cung điện ở ngay trên mặt đất, thứ gì cũng đều vừa lòng xứng ý. Người đông ngần ấy, làm như thế nào để ai nấy đều tiếp cận A Di Đà Phật, làm xóm giềng của A Di Đà Phật? Trong thế giới Tây Phương, Ứng Hóa Thân của Tam Thánh vô lượng vô biên. Vì thế, ai nấy mỗi ngày đều gặp mặt A Di Đà Phật, đều chẳng lìa khỏi Tây Phương Tam Thánh. Đức Phật có thể phân thân vô lượng, phân thân và chân thân của Phật hoàn toàn giống hệt như nhau, quý vị thời thời khắc khắc chẳng lìa khỏi Phật.

***(Sao) Thị danh thượng bối sanh giả. Phối tiền, tắc song đắc Sự Lý nhất tâm giả dã.***

**(鈔)是名上輩生者，配前，則雙得事理一心者也。**

*(**Sao**: Đó gọi là người sanh trong bậc thượng, phối hợp với [những điều đã nói] trong phần trước thì là người đã cùng đắc Sự nhất tâm và Lý nhất tâm).*

Tương ứng với những điều đã nói trong phần trước, người này đồng thời tu được Sự nhất tâm và Lý nhất tâm. Đại Kinh nói như vậy, đối chiếu với Quán Kinh để xem, ý nghĩa càng rõ rệt.

***(Sao) Trung bối giả, bất năng đại tu công đức.***

**(鈔)中輩者，不能大修功德。**

*(**Sao**: Trung bối là chẳng thể tu công đức to lớn).*

Hoặc là người ấy có chướng duyên, hoàn cảnh chẳng cho phép, chẳng thể toàn tâm toàn lực tu công đức to tát.

***(Sao) Nhi diệc phát Bồ Đề tâm, chuyên niệm hồi hướng.***
**(鈔)**而亦發菩提心，專念迴向。
*(**Sao**: Nhưng cũng phát Bồ Đề tâm, chuyên niệm hồi hướng).*

Ở đây, phải ghi nhớ: Chẳng thể tu hạnh lớn lao thì cũng tu hạnh nhỏ. Ngàn muôn phần đừng nói: "Chẳng thể tu hạnh to lớn thì hạnh nhỏ cũng không tu". Như vậy là sai mất rồi! Vẫn là phải tận tâm tận lực tu tập. Bất quá người ấy nghiệp chướng rất nặng, chẳng thể tu học xứng tâm vừa ý, cho nên kém hơn một bậc. Nhưng người ấy vẫn phát Bồ Đề tâm y hệt, chuyên niệm A Di Đà Phật, hồi hướng cầu sanh Tây Phương, gần như chẳng sai khác bậc thượng cho mấy, đều là tín nguyện trì danh.

***(Sao) Mạng chung sanh bỉ.***
**(鈔)**命終生彼。
*(**Sao**: Mạng chung sanh về cõi kia).*

Mạng chung, Phật cũng đến tiếp dẫn.

***(Sao) Công đức trí huệ, thứ ư thượng bối.***
**(鈔)**功德智慧，次於上輩。
*(**Sao**: Công đức, trí huệ, kém hơn bậc thượng).*

Cũng giống hệt như vậy, người ấy có công đức và trí huệ, cũng đều là được Phật lực gia trì, tuy hơi kém hơn bậc thượng đôi chút, nhưng nếu nói theo phương diện Phật lực gia trì thì chẳng kém bậc thượng. Giống như chúng ta đến ngân hàng vay tiền mua nhà, người bậc thượng công đức thù thắng hơn một chút, khoản nợ vay tiền mua nhà mười năm đã trả xong. Bậc trung, thâu nhập kém hơn, ắt cần phải hai mươi năm mới có thể trả hết nợ. Bậc hạ phải mất ba mươi năm mới có thể trả xong nợ, nhưng xét theo sự hưởng thụ, chẳng có sai khác. Xét theo chuyện trả nợ thì có sai biệt, từa tựa như ý nghĩa này. Do vậy, phải hiểu: Thế giới

Tây Phương là một thế giới bình đẳng, trong bình đẳng có sai biệt. Ba bậc chín phẩm là một pháp sai biệt như thế đó.

***(Sao) Phối tiền, tắc đắc Sự hữu dư, đắc Lý bất túc giả dã.***

**(鈔)**配前，則得事有餘，得理不足者也。

*(**Sao**: Phối hợp với điều trên, thì đạt được Sự nhất tâm có dư, nhưng với Lý nhất tâm thì chưa đạt đủ).*

Đối với Sự nhất tâm, người ấy rất viên mãn, nhưng Lý nhất tâm vẫn chưa đủ, đó là nói theo công phu tu hành. Chúng ta thường nói phẩm vị cao hay thấp là do công phu niệm Phật sâu hay cạn.

***(Sao) Hạ bối sanh giả, bất năng tác chư công đức.***

**(鈔)**下輩生者，不能作諸功德。

*(**Sao**: Kẻ sanh trong bậc hạ, chẳng thể làm các công đức).*

*"Hạ bối"* (Bậc hạ) là nói tới ba phẩm hạ trong chín phẩm, là chúng sanh tạo ác nghiệp. Do tạo nhiều ác nghiệp, đương nhiên là chẳng có công đức. Vì thế nói là *"bất năng tác chư công đức"* (chẳng thể làm các công đức). Người hạ phẩm vãng sanh, quá nửa là trong khi lâm chung, hoặc trước khi lâm chung chẳng bao lâu, mới gặp gỡ thiện tri thức, nghe tới Phật pháp. Đây cũng chẳng phải là ngẫu nhiên, mà cũng chẳng phải là may mắn. Vì sao? Khá nhiều người chúng ta khuyên họ, họ đều chẳng tiếp nhận. Khi lâm chung khuyên họ, họ vẫn lắc đầu, vẫn chẳng tiếp nhận. Kinh có nói [những người lúc lâm chung tiếp nhận pháp môn Tịnh Độ] là do thiện căn và phước đức đã tu tập, tích lũy trong vô lượng kiếp trước, vào lúc lâm chung mới chín muồi, gặp nhân duyên bèn có thể tin, có thể nguyện, có thể hành. Ba điều kiện Tín, Nguyện, Hạnh người ấy đồng thời trọn đủ, đương nhiên là vãng sanh. Do vậy, người ấy chẳng phải là may mắn, chẳng phải là ngẫu nhiên. Vì sao người ấy suốt đời tạo tác ác nghiệp? Do sanh trong thế gian này chẳng gặp thiện duyên, kẻ ấy thuộc loại chúng sanh có căn tánh bất định. Đó gọi là *"gần son thì đỏ, gần mực thì đen"*, bị ảnh hưởng bởi hoàn cảnh. Sanh trong hoàn cảnh tốt đẹp, người ấy bèn học theo điều tốt. Sanh trong hoàn cảnh chẳng tốt đẹp, người ấy sẽ học theo thói xấu. Suốt một đời tạo tác tội nghiệp, may mắn là trong đời quá khứ thiện căn phước đức sâu dầy, lâm chung gặp gỡ thiện tri thức. Niệm Phật vãng sanh như vậy chính là

ba phẩm hạ.

***(Sao) Nhi diệc phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, nãi chí thập niệm.***

**(鈔)**而亦發菩提心，一向專念，乃至十念。

(***Sao***: *Nhưng cũng phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm, cho đến mười niệm).*

Điều kiện vãng sanh của người ấy hoàn toàn giống như những người trước. *"Phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm A Di Đà Phật"*, đấy chính là ba tư lương Tín, Nguyện, Hạnh được nói trong kinh Di Đà, ba điều kiện ấy. Khi người ấy lâm chung, tuy thời gian rất ngắn, ba điều kiện ấy đều trọn đủ, vãng sanh như vậy đó. Nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện đã cho chúng ta biết: Khi lâm chung, gặp thiện tri thức mà có thể tin, có thể nguyện thì mười niệm hay một niệm đều có thể vãng sanh, lâm chung niệm mười câu Phật hiệu đều có thể vãng sanh.

***(Sao) Sanh bỉ cung vũ, duy tại ư địa.***

**(鈔)**生彼宮宇，惟在於地。

(***Sao***: *Sanh trong cung điện ấy, chỉ ở trên mặt đất).*

Hạ hạ phẩm vãng sanh sống trong cung điện hoàn toàn giống như thượng phẩm và trung phẩm, nhưng cung điện của thượng phẩm vãng sanh có thể bay lên. Cung điện của người vãng sanh trong ba phẩm hạ tuy hoa lệ y hệt, nhưng chẳng thể bay lên được, ở ngay trên mặt đất. Sai biệt một chút như vậy đó.

***(Sao) Hựu thứ trung bối, thị danh hạ bối sanh giả.***

**(鈔)**又次中輩，是名下輩生者。

(***Sao***: *Lại kém bậc trung, gọi là người sanh trong bậc hạ).*

Trí huệ và đức năng kém hơn bậc trung là thua kém về thực chất, nhưng xét theo phương diện hưởng thụ thực tế thì là bình đẳng. Đó là do oai thần của A Di Đà Phật gia trì, cho nên bình đẳng.

***(Sao) Phối tiền, tắc cẩn đắc hồ Sự, vị đắc hồ Lý giả dã.***

**(鈔)**配前，則僅得乎事，未得乎理者也。

*(**Sao**: So với những điều đã nói trong phần trước, thì [hạng người vãng sanh này] chỉ đắc Sự nhất tâm, chưa đắc Lý nhất tâm).*

Đương nhiên chẳng thể nói tới Lý nhất tâm! Người ấy do thời gian ngắn ngủi, thời gian gấp rút, bèn chuyên đổ công dốc sức nơi Sự. Đấy là giới thiệu đơn giản ba bậc vãng sanh trong Đại Kinh.

***(Sao) Cửu phẩm giả, Quán Kinh sở vân thượng chi tam phẩm, hữu sanh bỉ, tức đắc bách thiên đà-la-ni môn giả, hữu kinh nhất tiểu kiếp, đắc Vô Sanh Nhẫn giả, hữu kinh tam tiểu kiếp, đắc Bách Pháp Minh Môn, trụ Hoan Hỷ Địa giả. Phối tiền, tắc song đắc Sự Lý nhất tâm, nhi hữu thâm thiển, cố thành tam phẩm, lệ thượng bối dã.***

**(鈔)**九品者，觀經所云上之三品，有生彼即得百千陀羅尼門者，有經一小劫，得無生忍者；有經三小劫，得百法明門，住歡喜地者。配前，則雙得事理一心，而有深淺，故成三品，例上輩也。

*(**Sao**: "Chín phẩm": Quán Kinh nói ba phẩm thượng, có người sanh về cõi đó bèn đắc trăm ngàn môn đà-la-ni, có người trải qua một tiểu kiếp bèn đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, có người trải qua ba tiểu kiếp bèn đắc Bách Pháp Minh Môn, trụ Hoan Hỷ Địa. Phối ứng với những điều đã nói trong phần trước thì tuy cùng đắc Sự nhất tâm và Lý nhất tâm [như nhau], nhưng do có sâu hay cạn mà thành ba phẩm, cũng giống như trong phần nói về bậc thượng [vãng sanh trong kinh Vô Lượng Thọ]).*

Nói về ba phẩm thượng vãng sanh, [tức là] thượng thượng phẩm, thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm. Mỗi cõi trong bốn cõi [Tịnh Độ] đều có ba bậc, chín phẩm, trình độ cao thấp chênh lệch chẳng đều, chúng ta phải hiểu rõ, phải nghiêm túc nỗ lực niệm Phật. Nếu chúng ta có ý niệm nhất định tranh thủ sao cho đạt được thượng thượng phẩm vãng sanh, như thế thì có được hay không? Vậy thì quý vị hãy suy nghĩ kỹ càng, cái tâm ấy là tâm gì vậy? Tâm hiếu thắng. Hiếu thắng là phiền não, kiêu căng, ngã mạn. Do cái tâm ấy, không chỉ là chẳng thể giành được phẩm vị cao, chỉ sợ là còn chướng ngại vãng sanh! Vì lẽ này, chư vị nhất định phải hiểu: Nói là "Sự hay Lý nhất tâm" thì bất luận là cạn hay sâu đều là tâm thanh tịnh, [chỉ là] mức độ tinh thuần thanh tịnh khác nhau.

Hễ có một niệm "ta phải tranh lấy thượng thượng phẩm", có ý niệm ấy là thôi rồi, chỉ sợ sẽ chẳng thể vãng sanh. Dẫu vãng sanh, rất có thể sanh vào Biên Địa, vì sao? Tri kiến bất chánh. Trong thế gian, có thể tranh giành cùng kẻ khác, chứ đối với Tây Phương Cực Lạc, ý niệm ấy chớ nên có! Vì thế, nhất tâm nhất ý thật thà niệm Phật, như vậy thì tâm quý vị càng thanh tịnh, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới phẩm vị càng cao, đó là đạo lý nhất định. Phẩm vị không cao cũng chẳng sao cả, vì sao? Tới nơi đó, hưởng thụ giống hệt. Trí huệ và đức năng của chính mình chưa thể hiện tiền, nhưng hưởng thụ so với A Di Đà Phật, có khác nhau chăng? Có gì đáng để tranh giành? Hiểu rõ đạo lý này, tâm quý vị mới có thể thanh tịnh. Nếu không, sẽ nẩy sanh hiểu lầm, biến thành trở ngại rất lớn.

*"Hữu kinh nhất tiểu kiếp, đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. Hữu kinh tam tiểu kiếp, đắc Bách Pháp Minh Môn, trụ Hoan Hỷ Địa giả"* (Có người qua một tiểu kiếp đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. Có người qua ba tiểu kiếp, đắc Bách Pháp Minh Môn, trụ Hoan Hỷ Địa). Đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn và đắc Bách Pháp Minh Môn, cảnh giới tương đồng, địa vị như thế nào? Chính là Sơ Địa Bồ Tát, tức Hoan Hỷ Địa (Pramuditā-bhūmiḥ). Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói theo Biệt Giáo, chẳng phải là Viên Giáo. Sơ Địa của Biệt Giáo bằng với Sơ Trụ trong Viên Giáo. Nói cách khác, Lý nhất tâm bất loạn được nói trong kinh thuộc về tầng cấp này. Đối với hàng Bồ Tát thuộc tầng cấp này, nếu tu hành trong thế giới Sa Bà, đức Phật bảo người ấy phải tu trọn một A-tăng-kỳ kiếp, đến A-tăng-kỳ kiếp thứ hai mới có thể đạt tới Hoan Hỷ Địa. Ba đại A-tăng-kỳ là nói tương ứng với Biệt Giáo, chẳng phải là Viên Giáo. Trong A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất, chứng đắc quả vị Tam Hiền, tức Thập Trụ, Thập Hạnh, và Thập Hồi Hướng gồm ba mươi địa vị. Trong A-tăng-kỳ kiếp thứ hai, chứng bảy địa vị, từ Sơ Địa cho đến Thất Địa. Trong A-tăng-kỳ kiếp thứ ba, chứng ba địa vị, tức Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa. Tu mãn ba đại A-tăng-kỳ kiếp sẽ là địa vị nào? Là Pháp Vân Địa (Dharma-meghā bhūmiḥ) Bồ Tát, chúng ta thường nói là Thập Địa Bồ Tát. Từ Thập Địa trở lên là Đẳng Giác, Đẳng Giác là Hậu Bổ Phật, vẫn còn phải tiến cao hơn một bậc nữa. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong một tiểu kiếp hoặc ba tiểu kiếp bèn đạt tới địa vị ấy, trong cõi [Sa Bà] này, phải tu một A-tăng-kỳ kiếp. Tây Phương Cực Lạc thế giới, thượng phẩm hạ sanh cũng chẳng quá ba tiểu kiếp! Quý vị thấy thời gian rút ngắn bao nhiêu! Đó là ba phẩm thượng được nói trong Quán Kinh.

***(Sao) Trung chi tam phẩm, hữu sanh bỉ quốc, tức đắc A La Hán giả, hữu sanh bỉ bán kiếp, đắc A La Hán giả, hữu sanh bỉ nhất kiếp, đắc A La Hán giả.***

**(鈔)**中之三品，有生彼國，即得阿羅漢者；有生彼半劫，得阿羅漢者；有生彼一劫，得阿羅漢者。

*(**Sao**: Đối với ba phẩm trung, có người sanh về cõi ấy, liền đắc A La Hán. Có người sanh về đó nửa kiếp, đắc A La Hán. Có người sanh về đó một kiếp mới đắc A La Hán).*

Đối với *"kiếp"*, nếu chẳng nói [tách bạch] là tiểu kiếp, thông thường đều là tính bằng đại kiếp. Người thuộc ba phẩm trung quá nửa là người trì giới tu thiện. Người trì giới rất cố chấp; do vậy, chẳng thể sánh bằng thượng phẩm. Thượng phẩm là đại tâm phàm phu. Nói theo cách hiện thời, đại tâm phàm phu là phóng khoáng, tự do. Tiểu Thừa phàm phu bảo thủ, rất cố chấp. Vì thế, họ vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, tình kết chẳng cởi gỡ được, tập khí rất nặng, sanh về bên ấy bèn ở trong cõi Phương Tiện Hữu Dư, rất chấp trước. Trung phẩm thượng sanh, sanh về cõi ấy, liền đắc A La Hán. Trung phẩm trung sanh, tới đó nửa kiếp bèn chứng A La Hán. Trung phẩm hạ sanh, tới đó một kiếp bèn chứng A La Hán. Chứng A La Hán là đã đoạn Kiến Tư phiền não, nhưng chẳng phá vô minh, chẳng kiến tánh!

***(Sao) Phối tiền, tắc Sự doanh Lý khiếm, diệc dĩ thâm thiển, cố thành tam phẩm, lệ trung bối dã.***

**(鈔)**配前，則事盈理歉，亦以深淺，故成三品，例中輩也。

*(**Sao**: Phối ứng với phần trên, thì [ba phẩm trung] Sự nhất tâm trọn đủ, Lý nhất tâm thiếu khuyết, cũng do sâu hay cạn mà thành ba phẩm, giống như bậc trung [nói trong kinh Vô Lượng Thọ]).*

Trung phẩm thượng sanh là người đắc Sự nhất tâm bất loạn ở mức độ sâu, đến cõi ấy bèn chứng quả A La Hán, xác thực là tiết kiệm thời gian rất nhiều.

***(Sao) Hạ chi tam phẩm, hữu vãng sanh bỉ quốc, kinh thập tiểu kiếp, đắc nhập Sơ Địa giả.***

**(鈔)下之三品，有往生彼國，經十小劫，得入初地者。**

*(**Sao**: Ba phẩm hạ: Có người vãng sanh cõi ấy, trải qua mười tiểu kiếp được nhập Sơ Địa).*

Có lẽ chúng ta xem tới chỗ này cũng sẽ nẩy sanh nghi vấn. Hạ phẩm thượng sanh qua mười tiểu kiếp bèn dự vào ngôi Sơ Địa trong Biệt Giáo (tức Sơ Trụ trong Viên Giáo), hoa nở, thấy Phật. Trung phẩm hạ sanh phải mất một đại kiếp, thời gian mười tiểu kiếp ngắn hơn một đại kiếp. Vì sao hạ phẩm vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới lại ngược ngạo có thành tựu nhanh chóng hơn trung phẩm? Sách Diễn Nghĩa chú giải: *"Vấn: Hà trung tam phẩm sanh, giai thị tiểu thánh, hạ tam phẩm sanh, nãi vân đắc nhập Sơ Địa? Phát Vô Thượng Đạo Tâm, phát Bồ Đề tâm giả, khởi trung phẩm nãi giai liệt khí, hạ phẩm phản giai đại căn da?"* (Hỏi: Cớ sao ba phẩm trung vãng sanh đều là tiểu thánh, [thế mà] ba phẩm hạ vãng sanh bèn nói là nhập Sơ Địa? Phát Vô Thượng Đạo Tâm, chính là phát Bồ Đề tâm. Há chẳng phải là trung phẩm thuộc hạng căn khí kém cỏi, đâm ra hạ phẩm đều là bậc đại căn ư?). Nghi vấn ở chỗ này, vì sao hạ phẩm vãng sanh có thành tựu vượt trỗi trung phẩm? Phần chú giải trả lời rất hay, chư vị hãy tự xem[92]. [Sách Diễn Nghĩa] nói đến *"thừa giới"*, Thừa (乘) là nói tới kiến giải, Giới (戒) là nói tới tu trì. Người Tiểu Thừa coi trọng tu trì, trì giới rất nghiêm, đối với việc suy xét lý luận hoàn toàn chẳng bận lòng, thường là coi nhẹ chuyện này. Vì thế, họ có thành kiến rất sâu. Về căn bản, họ chẳng xem kinh điển Đại Thừa, chê *"Đại Thừa chẳng phải do đức Phật nói"*. Người Tiểu Thừa chẳng thừa nhận trong các thế giới phương khác có Phật tồn tại, họ thừa nhận trong vũ trụ chỉ có mình Thích Ca Mâu Ni Phật. Trừ Thích Ca Mâu Ni Phật ra, trọn chẳng có vị Phật thứ hai. Đó là *"thừa hoãn"* (乘緩: lơi lỏng

---

[92] Sách Diễn Nghĩa viết: *"Hành nhân trung phẩm vãng sanh đức lẫn hạnh có thừa, trí lực chẳng đủ, đều là do ở trong cõi này siêng tu Giới, Định, chẳng phát đại tâm, chỉ riêng trong lúc lâm chung do phát tâm Đại Thừa, bèn được vãng sanh. Vì thế, thuận theo sự tu tập trước đó, chỉ chứng Tiểu Quả. Còn như hành nhân thuộc hạ phẩm, chính là phàm phu Ngũ Nghịch, Thập Ác, thừa cấp, giới hoãn, đặc biệt vì trong lúc lâm chung, được bạn lành khai phát, bèn được vãng sanh. Do giới hoãn nên sanh vào hạ phẩm. Do thừa cấp, nên sau đó đều chẳng trải qua Tiểu Quả, tiến thẳng vào Đại Thừa. Như long nữ tám tuổi thành Phật, hoặc người đồ tể tên Quảng Ngạch buông dao mổ xuống, trở thành một vị trong một ngàn vị Phật".*

giáo pháp), tức là đối với việc nghiên cứu giáo lý, tìm tòi chân lý, họ chẳng chú trọng cho mấy, mà chú trọng nơi Giới và Định. Giới Định Huệ của Tiểu Thừa chẳng giống Giới Định Huệ của Đại Thừa, tâm lượng họ nhỏ hẹp, thành kiến rất sâu, cho nên đến Tây Phương Cực Lạc thế giới tu hành, thành tựu chẳng nhanh chóng như ba bậc hạ. Ba bậc hạ tuy tạo tội nghiệp, nhưng tâm lượng lớn hơn họ, chẳng chấp trước giống như họ. Vì thế, đến bên ấy, tiến bộ lại đâm ra vượt trỗi Tiểu Thừa. Hiểu chân tướng sự thật này, không chỉ là chẳng hoài nghi, mà cũng biết chính mình phải nên tu học như thế nào.

***(Sao) Tế phân giả, như tiền giai phẩm trung, phân chi hựu phân, tắc bách thiên vạn ức vô tận bối phẩm, giai dĩ Sự Lý sở đắc thâm thiển, nhi vi thứ đệ dã.***

**(鈔)**細分者，如前階品中，分之又分，則百千萬億無盡輩品，皆以事理所得深淺，而為次第也。

*(**Sao**: Phân chia nhỏ ra thì như đối với các tầng cấp, phẩm vị đã nói trên đây, nếu lại chia nhỏ ra, sẽ là trăm ngàn vạn ức vô tận cấp bậc, phẩm vị, đều là dựa trên sự chứng đắc Sự nhất tâm hay Lý nhất tâm sâu hay cạn mà phân định thứ tự).*

Thật sự chia tỉ mỉ thì trình độ của mỗi người đều khác nhau, há có bình đẳng! Chia đại lược, giống như hiện thời chúng ta học hành, chia thành Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, giống như ba loại ấy. Lại chia nhỏ thì mỗi một lớp trong bậc Tiểu Học từ lớp Một đến lớp Sáu, đó là chia cặn kẽ. Lại chia cặn kẽ hơn nữa, thi cử trong mỗi lớp từ đứa học trò đứng hạng nhất đến đứa đội sổ đều khác nhau! Tình hình trong thế giới Tây Phương cũng là như vậy. Chia cặn kẽ nhất, thì mỗi cá nhân đều khác nhau. Vì thế, đức Phật giảng kinh, thuyết pháp, luôn dùng cách quy nạp, dùng cách phân chia đại lược để tiện giải nói.

***(Sớ) Như Quán Kinh dĩ thượng phẩm thượng sanh vi đắc Vô Sanh Nhẫn, Thiên Thai phán thuộc Sơ Địa, nhi Hoa Nghiêm minh Vô Sanh Nhẫn, tự hữu thiển thâm, tắc thượng thượng phẩm trung, tín hữu đa phẩm, huống phục dư phẩm.***

**(疏)**如觀經以上品上生為得無生忍，天台判屬初地；而華嚴明無生忍 ，自有淺深，則上上品中 ，信有多品，況

復餘品。

*(**Sớ**: Như Quán Kinh nói thượng phẩm thượng sanh đã đắc Vô Sanh Nhẫn, ngài Thiên Thai phán định địa vị ấy thuộc về Sơ Địa; nhưng kinh Hoa Nghiêm nói rõ Vô Sanh Nhẫn có mức độ sâu hay cạn [khác nhau], như vậy thì trong thượng thượng phẩm, chắc chắn là bao gồm nhiều phẩm, huống hồ là các phẩm khác).*

Từ kinh điển, chúng ta đã tìm ra một chứng cớ có sức thuyết phục mạnh mẽ, chứng tỏ phẩm vị trong Tây Phương Cực Lạc thế giới nếu chia cặn kẽ, sẽ quá ư là nhiều, xác thực là có nói cũng chẳng trọn hết, cho nên chỉ dùng Đại Kinh để nói [tổng quát]. Ngài Thiên Thai căn cứ trên kinh Pháp Hoa để phán định. Hiền Thủ đại sư phán định dựa trên kinh Hoa Nghiêm. Hai cách phán định của hai Ngài cũng rất hiển nhiên là có thứ lớp cạn hay sâu khác biệt.

***(Sao) Thiển thâm giả, Bát Địa Tịnh Nhẫn phần trung sớ vân: "Vô Sanh Nhẫn, lược hựu nhị chủng: Nhất ước pháp, nhị ước hạnh".***

**(鈔)淺深者，八地淨忍分中疏云：無生忍，略有二種：一約法，二約行。**

*(**Sao**: "[Kinh Hoa Nghiêm nói Vô Sanh Nhẫn có mức độ] cạn, hay sâu": Trong phần sớ giải về Tịnh Nhẫn của Bát Địa, đã nói: Vô Sanh Nhẫn đại lược lại có hai loại, một là xét theo pháp, hai là xét theo hạnh).*

*"Pháp"* là tiêu chuẩn nói theo kinh điển. *"Hạnh"* là tiêu chuẩn nói theo sự thành tựu trong tu hành.

***(Sao) Ước pháp, tắc chư vô khởi tác chi Lý, giai viết Vô Sanh. Huệ tâm an thử, cố danh vi Nhẫn.***

**(鈔)約法，則諸無起作之理，皆曰無生；慧心安此，故名為忍。**

*(**Sao**: Xét theo pháp, thì hễ chẳng có các Lý để phát khởi tạo tác, đều gọi là Vô Sanh. Huệ tâm an trụ nơi ấy, nên gọi là Nhẫn).*

*"Vô Sanh"*: Sanh là sanh diệt. Vô Sanh là nói bất sanh, bất diệt. Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật dạy chúng ta: *"Pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ"* (Pháp trụ nơi pháp vị, tướng thế gian thường trụ).

*"Thường trụ"* là chẳng có sanh diệt. Nay chúng ta quan sát thấy vạn pháp vô thường, nhưng trong kinh Pháp Hoa, ý nghĩa này được đức Phật nói là: *"Vạn pháp đều là thường, bất sanh, bất diệt"*. Chúng ta có cách nhìn hoàn toàn khác đức Phật. Rốt cuộc cách nhìn của chúng ta có chánh xác hay không? Hay là cách nhìn của đức Phật là chánh xác? Đức Phật dạy chúng ta: Ngài trông thấy chân tướng, chúng ta thấy huyễn tướng. Cũng có nghĩa là: Chúng ta trông thấy vọng tướng, giả tướng. Trong giả tướng có sanh, có diệt. Đức Phật thấy Thật Tướng, tướng chân thật. Tướng chân thật bất sanh, bất diệt. Vì sao? *"Pháp trụ pháp vị"*. Chúng tôi nói theo tỷ dụ. Phàm là tỷ dụ, đều chẳng có cách nào so sánh thật khít khao, chỉ có thể sánh ví phảng phất, nhưng từ sự phảng phất ấy, quý vị chú tâm lãnh hội, sẽ có thể nắm được ý nghĩa ấy. Ví như chúng ta dùng gạch xây nhà, coi gạch như là Pháp thì *"pháp trụ pháp vị"* nghĩa là: Nó là một viên gạch, đặt trên mặt đất, nó là một viên gạch, nhưng lắp vào tường, nó vẫn là một viên gạch, trọn chẳng biến thành gì khác. Trong tương lai, dỡ bỏ, phá sập nhà đi, nó vẫn là một viên gạch. Trong viên gạch ấy, có sanh diệt hay chăng? Chẳng có! Từ đầu đến cuối là một viên gạch, bất luận quý vị đặt ở nơi đâu, nó vẫn là một viên gạch! Quý vị hãy nhìn cặn kẽ từ chỗ này để lãnh hội. Hết thảy các pháp có bổn vị của chính mình, bổn vị ấy trước nay chẳng biến đổi. Do vậy, đối với căn nhà, chúng ta thấy căn nhà có sanh, có diệt. Dỡ căn nhà đi, phá sập nó, [nhà bị tiêu diệt], viên gạch ấy chẳng có sanh diệt. Tất cả vật liệu để xây nhà cũng đều chẳng có sanh diệt, [đấy là] *"pháp trụ pháp vị"*.

Cùng một đạo lý giống y hệt, các nhà khoa học đã phát hiện, đã hiểu rõ. Vì thế nói là *"vật chất chẳng sanh diệt"*, hết sức gần với ý nghĩa được nói trong kinh Pháp Hoa. Nhất là kinh Kim Cang đã nói chân tướng của hết thảy vạn vật trong vũ trụ và thế giới này chính là gì? Là *"nhất hợp tướng"*. *"Hợp"* (合) là tổ hợp. *"Nhất"* (一): Pháp được nói trong kinh Pháp Hoa chính là nói tới cái Nhất ấy. Cái Nhất ấy từ đầu đến cuối chẳng biến đổi. *"Nhất"* là gì? Các nhà khoa học hiện thời đã phát hiện vật chất cơ bản. Hiện thời, người ta hiểu từ vật chất cơ bản mà kết hợp thành điện tử, điện tử lại kết hợp thành nguyên tử, nguyên tử lại kết hợp thành phân tử. Công thức cấu tạo khác nhau, cách thức xếp đặt, hình thức khác nhau, nhưng từ phân tử mà kết hợp thành động vật, thực vật, khoáng vật, đều là những thứ ấy. Tất cả hết thảy các cách kết hợp biến hóa trong ấy, giống như một căn nhà, chúng ta xây cất bèn thành căn nhà, phá dỡ thì nó chẳng còn, nhưng những thứ vật chất trong ấy về căn bản

là chẳng biến đổi. Vì thế, hết thảy các pháp là nhất hợp tướng; do cùng một loại vật chất được kết hợp khác nhau mà hiện ra những hiện tượng ấy. Quý vị đã hiểu rõ đạo lý này, mới biết trong kinh đức Phật đã dạy chân tướng sự thật. Vì thế, nói là *"hết thảy các pháp bất sanh, bất diệt"*. Loài người chúng ta có sanh tử hay không? Chẳng có! *"Sanh"* là duyên tụ hội, duyên gì vậy? Chính là các phần tử và điện tử kết hợp, tụ tập kết hợp lại. Giống như căn nhà này, chúng ta đã xây xong, nó hiện ra tướng nhà. Chẳng thích căn nhà ấy, phá đi, nhà chẳng còn nữa. Chúng ta nhìn theo tướng thì có sanh diệt, thực chất là chẳng có sanh diệt. Quý vị hãy thấu hiểu ý nghĩa này.

Vật chất chẳng có sanh diệt, tinh thần càng chẳng có sanh diệt. Quý vị thấy rõ sự thật này: Hết thảy các pháp bất sanh, hết thảy các pháp bất diệt. Ta đồng ý, đức Phật nói chẳng sai, ta khẳng định, ta có thể tiếp nhận. Đấy gọi là Nhẫn. *"Nhẫn"* (忍) là thừa nhận, ta thừa nhận điều đức Phật dạy. Nếu quý vị có thể thừa nhận, chúc mừng quý vị, quý vị đã đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. Hết thảy chúng sanh đều nghĩ vạn pháp vô thường. *"Vạn pháp vô thường"* là đức Phật đã tùy thuận chúng sanh mà nói. [Thật ra], hết thảy vạn pháp bất sanh, bất diệt, đức Phật đích thân thấy điều ấy, điều ấy chẳng phải là tùy thuận chúng sanh. Vì thế, đức Phật thuyết pháp bèn nương vào Nhị Đế để nói:

1) Nương vào Tục Đế nhằm tùy thuận chúng sanh; nói ra quý vị sẽ dễ hiểu, quý vị sẽ gật đầu.

2) Nương vào Chân Đế. Chân Đế do chính đức Phật đích thân chứng đắc, chẳng dễ khiến cho quý vị gật đầu cho lắm. Nói ra, quý vị chẳng tin tưởng, nhưng đó là thật, chẳng giả! Đạt đến Vô Sanh Pháp Nhẫn (Anutpattika-dharma-kṣānti), thuộc vào các địa cao là Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa như kinh Nhân Vương đã nói, họ đã thấy sự thật này, đức Phật nói, họ sẽ chẳng phản đối, mà hoàn toàn thừa nhận. Nếu chúng ta hạ thấp tiêu chuẩn một chút, vậy thì cũng thuộc vào địa vị Sơ Trụ Bồ Tát, Ngài cũng đã thấy. Đương nhiên là Ngài thấy chẳng rõ ràng, minh bạch như hàng Địa Thượng Bồ Tát[93], nhưng Ngài cũng thấy. Vì vậy, nghe đức Phật nói, Ngài cũng chẳng phản đối, cũng có thể tiếp nhận.

Chư pháp *"vô khởi tác chi Lý"* (chẳng có Lý để phát khởi, tạo tác), nhưng phải biết là có Sự phát khởi, tạo tác. Chẳng có Lý phát khởi, tạo tác, *"giai viết Vô Sanh"* (đều gọi là Vô Sanh), vạn pháp bất sanh, bất

[93] Địa Thượng Bồ Tát, còn gọi là Đăng Địa Bồ Tát, tức là các vị Bồ Tát đã chứng đắc tối thiểu từ Sơ Địa trở lên.

diệt. *"Huệ tâm an thử"* (Huệ tâm an trụ nơi đây), *"thử"* (此) là cách nói này, đạo lý này, sự thật này. Quý vị có trí huệ, khi đức Phật nói, quý vị có thể an trụ trong cơ sở lý luận ấy, có thể khẳng định, có thể đồng ý, bèn gọi là Nhẫn. Đấy là nói theo Pháp. Xét theo Pháp, chúng ta cũng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. Vô Sanh Pháp Nhẫn mà chúng ta đã đắc, nói theo Lục Tức của tông Thiên Thai, sẽ là Danh Tự Tức. Thật sự dụng công quan sát nơi ấy thì là Quán Hạnh Tức, vẫn chưa đạt đến Tương Tự Tức. Vì thế, hiện thời, nói hết mức thì chúng ta thuộc địa vị Quán Hạnh Tức, đang còn tu học, nói theo Lý thì thông suốt, nhưng xét theo Sự thì hãy còn chênh lệch rất lớn, chúng ta còn chưa kiến đạo!

***(Sao) Ước Hạnh, tắc báo hành thuần thục, trí minh ư Lý, vô tướng, vô công, khoáng nhược hư không, trạm như đình hải, tâm thức vọng hoặc tịch nhiên bất khởi, phương viết Vô Sanh.***

**(鈔)**約行，則報行純熟，智冥於理，無相無功，曠若虛空，湛如渟海，心識妄惑寂然不起，方曰無生。

*(**Sao**: Xét theo Hạnh thì báo hành thuần thục, trí ngầm hợp Lý, chẳng có hình tướng, chẳng có công năng, thênh thang như hư không, êm ả như biển lặng, vọng hoặc trong tâm thức lặng yên chẳng dấy lên thì mới gọi là Vô Sanh).*

Trong hai đoạn này, điều rất hiển nhiên là phần trước thuộc về *"giải ngộ"*, phần sau là *"chứng ngộ"*. Chúng ta cũng có thể hiểu, [cái hiểu ấy] có thể coi là giải ngộ hay không? Chẳng thể. Vì sao chẳng thể coi là [giải ngộ]? *"Giải"* của chúng ta là dường như hiểu, chứ chẳng hiểu, quan niệm ấy lúc có, lúc không! Nếu thật sự đã hiểu rõ, lý giải, quý vị sẽ có cách nhìn khác hẳn đối với nhân sinh và vũ trụ, hoàn toàn chẳng tương đồng, biết hết thảy các pháp chẳng có sanh diệt. Nói cách khác, trong hết thảy các pháp, quyết định chẳng có được hay mất. Chẳng có được mất, quý vị sẽ chẳng có phiền não! Nay quý vị còn lo được, lo mất, còn có tham, sân, si, mạn, cho nên nói đến chuyện này, quý vị thật sự chẳng hiểu! Thật sự đã hiểu, nó sẽ khởi tác dụng. Vì thế, tôi vừa mới nói: [Chúng ta] ngừng nơi danh tự Trung Đạo, hữu danh vô thực, chẳng đạt đến Quán Hạnh Đạo. [Đã là] Quán Hạnh thì quan niệm của chúng ta bèn khởi biến hóa, chẳng có sanh diệt, chẳng có được mất, sẽ hữu ích rất lớn đối với công phu niệm Phật hòng đắc nhất tâm bất loạn. Vì sao chúng ta niệm Phật chẳng thể đắc nhất tâm? Chẳng biết chân tướng sự thật này;

cứ ngỡ hết thảy các pháp có sanh, có diệt, ngỡ ta có thể đạt được hết thảy các pháp. Vì thế, ở trong hết thảy các pháp, bèn dấy lên vô minh, dấy lên tham, sân, si, mạn, chướng ngại cái tâm thanh tịnh. Nhất tâm bất loạn là tâm thanh tịnh. Do vậy, bất luận niệm Phật như thế nào, tâm chẳng đạt được thanh tịnh, chẳng thể hiện tiền, đạo lý ở ngay chỗ này.

Do vậy có thể biết: Sau khi đã hiểu rõ lý luận, nhất định là công phu phải tương ứng với lý luận. Ở đây nói là *"báo hành thuần thục"*. Đối với báo hành, Báo (報) là quả báo. Chẳng nói tu hành mà nói là *"báo hành"*, ý nghĩa này rất sâu! Tu hành là chúng ta hữu tâm thực hiện, còn báo hành là đạt được quả báo, nhưng chẳng có tâm thực hiện. Tôi vừa mới nói với mọi người: Hễ có tâm cầu nhất tâm bất loạn, hoặc cầu thượng phẩm thượng sanh, hỏng bét! Vô tâm, nghiêm túc nỗ lực tu, nỗ lực niệm, chẳng có tâm mong cầu. Đó gọi là *"chỉ vấn canh vân, bất vấn thâu hoạch"* (chỉ quan tâm cày bừa, chẳng màng tới thâu hoạch), sẽ có đôi chút tương ứng cùng báo hành. Ở đây nói "thuần thục", chẳng phải là "tiểu thục" (chín muồi đôi chút), đã thuần thục! Kiến tánh bèn được coi là thuần thục; chẳng kiến tánh sẽ không coi là thuần thục. Công phu của A La Hán không tính là thuần thục, ắt phải là Sơ Địa trong Biệt Giáo hay Sơ Trụ trong Viên Giáo thì mới có thể nói là "đã thuần thục". Khi ấy, *"trí minh ư Lý"* (trí ngầm hợp Lý), Lý là chân lý, là sự thật. Trí huệ, tư tưởng và kiến giải của người ấy hoàn toàn tương ứng với chân tướng sự thật.

*"Vô tướng, vô công"*: Có dụng công hay không? Có dụng công! Vì sao nói là *"vô công"*? Chẳng chấp tướng! Giống như chúng ta niệm Phật thường nói: *"Niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm"*, đã đạt tới cảnh giới ấy. Ngàn muôn phần chớ nên hiểu lầm, [nghe nói] *"vô niệm là niệm"*, vậy thì ta suốt ngày từ sáng đến tối chẳng niệm, [cứ nghĩ] ta chẳng niệm chính là niệm. Thế thì quý vị đã lầm mất rồi, sai lầm đặc biệt to tát! Người vô niệm là suốt ngày từ sáng đến tối Phật hiệu chẳng hề gián đoạn. Cớ sao nói là vô niệm? Giống như kinh Bát Nhã đã nói *"tam luân thể không"*, người ấy chẳng chấp Ngã Tướng, chẳng chấp Phật Tướng, mà cũng chẳng chấp tướng danh tự nơi Phật hiệu được niệm. Đó gọi là *"tam luân thể không"*, thế nhưng Phật hiệu chưa hề gián đoạn; chẳng như chúng ta trong hiện thời, *"niệm mà có niệm"*. Hôm nay ta niệm mấy ngàn câu, mấy vạn câu bèn nhớ rành rành. Nhưng niệm Phật thật sự phải là từ hữu niệm đạt tới vô niệm, công phu mới là thực tiễn. Vừa bắt đầu bèn học đòi vô niệm, sẽ vướng phải phiền phức rất lớn,

thường là sẽ bị thất bại. Do vậy, người mới niệm Phật, nhất định phải là niệm từ hữu niệm, niệm cho đến khi công phu thành thục. Nói là *"thành thục"* nghĩa là trong tâm quý vị thật sự có Phật, tâm thật sự có. Cho đến khi ấy, tính số hay không, chẳng quan trọng!

*"Trong tâm thật sự có"* là cảnh giới gì vậy? Thông thường, trong tâm hết sức ưa thích chuyện gì, hết sức ưa chuộng ai, tuyệt đối sẽ chẳng quên mất, bất luận khi nào, [ngay cả] đêm nằm mộng cũng mộng thấy, trong tâm phải thật sự có! Có thể đem điều ấy đổi thành A Di Đà Phật, vậy là được rồi! A Di Đà Phật thật sự biến thành một niệm duy nhất trong tâm chúng ta, bèn thành công, quyết định được vãng sanh. Bất luận khi nào, bất luận trong hoàn cảnh nào, niệm nào cũng đều chẳng quên điều ấy, đó chính là trong tâm quý vị thật sự có. Đó gọi là *"vô tướng, vô công"*.

*"Khoáng nhược hư không, trạm như đình hải"* (Thênh thang như hư không, êm ả như biển lặng): Hai câu này là tỷ dụ, sánh ví tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần. *"Tâm thức vọng hoặc"* là vọng tưởng, chấp trước. *"Vọng"* (妄) là vọng tưởng, *"Hoặc"* (惑) bao gồm vô minh và phiền não. Chúng đều chẳng có, đó là thật sự đắc Vô Sanh. Tâm thanh tịnh, *"tâm tịnh, tắc quốc độ tịnh"* (tâm thanh tịnh ắt cõi nước thanh tịnh), tâm tịnh ắt vạn pháp đều tịnh. Quý vị thật sự chứng đắc điều đức Phật đã nói trong kinh: *"Hết thảy các pháp bất sanh, bất diệt"*. Hôm nay, chúng tôi nói tới đây!

***Tập 252***

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm chín mươi sáu:

***(Sao) Ước Hạnh, tắc báo hành thuần thục, trí minh ư Lý, vô tướng, vô công, khoáng nhược hư không, trạm như đình hải, tâm thức vọng hoặc tịch nhiên bất khởi, phương viết Vô Sanh.***

**(鈔)約行，則報行純熟，智冥於理，無相無功，曠若虛空，湛如渟海，心識妄惑寂然不起，方曰無生。**

*(**Sao**: Xét theo Hạnh thì báo hành thuần thục, trí ngầm hợp Lý, chẳng có hình tướng, chẳng có công năng, thênh thang như hư không, êm ả như biển lặng, vọng hoặc trong tâm thức lặng yên chẳng dấy lên thì mới gọi là Vô Sanh).*

Lần trước, chúng tôi đã giảng đến chỗ này. Trong đoạn này, chúng ta hãy nên chú ý *"báo hành thuần thục"*. Đó là cảnh giới của Bát Địa Bồ Tát, chẳng phải là cảnh giới của bọn phàm phu chúng ta. Không chỉ là minh tâm kiến tánh, mà còn là kiến tánh ở mức độ khá sâu. Theo kinh Nhân Vương, đó là Vô Sanh Nhẫn Bồ Tát, ở đây nói đến cảnh giới của các Ngài. Chúng ta lại xem phần kinh văn tiếp theo:

***(Sao) Tiền thuyết do thông chư địa.***

**(鈔)前說猶通諸地。**

*(**Sao**: Những điều nói trong phần trước còn áp dụng cho các địa).*

*"Tiền thuyết"* là [luận định Vô Sanh Pháp Nhẫn] xét theo Pháp. Xét theo Pháp thì có thể nói từ Sơ Địa trở lên. Những điều được nói ở đây cũng đều là cảnh giới của hàng Bồ Tát thuộc các địa.

***(Sao) Hậu duy Bát Địa sở chuyên.***

**(鈔)後唯八地所專。**

*(**Sao**: Những điều nói trong loại sau chuyên về Bát Địa).*

Xét theo Hạnh, báo hành thuần thục là từ Bát Địa trở lên, từ Thất Địa trở xuống đều chẳng đạt tới cảnh giới này. Có thể thấy là cảnh giới này khá cao.

***(Sao) Dư như tiền Tự trung biện, cố tri Vô Sanh Nhẫn vị, tự hữu thiển thâm, tắc thượng thượng phẩm trung, tùng Nhất Địa dĩ thượng chí Bát Địa, dĩ dung đa phẩm, dư khả tri hỹ. Cố tế phân chi, diệc ưng vô lượng.***

**(鈔)餘如前序中辨，故知無生忍位，自有淺深，則上上品中，從一地以上至八地，已容多品，餘可知矣。故細分之，亦應無量。**

*(**Sao**: Những điều khác thì như đã biện định trong phần Tựa nơi các đoạn trước. Vì thế, biết là đối với địa vị Vô Sanh Pháp Nhẫn, sẽ có các [địa vị] sâu hay cạn. Cho nên trong thượng thượng phẩm, từ Sơ Địa cho đến Bát Địa đã bao gồm nhiều phẩm, [do vậy], đối với những phẩm khác, có thể suy ra mà biết. Vì thế, nếu phân chia tỉ mỉ, cũng phải là vô lượng).*

Đây là nói rõ [chia phẩm vị vãng sanh] thành ba bậc hoặc chín phẩm là phân chia đại lược, chẳng phải là chia cặn kẽ. Nếu chia cặn kẽ, thật sự là nói chẳng trọn hết. Chúng ta biết tình hình này là được rồi.

***(Sớ) Hựu tam bối, cửu phẩm, nhị kinh tương phối, chư thuyết sảo dị, như Phụ Chánh sở giải dung chi.***

**(疏)又三輩九品，二經相配，諸說稍異，如輔正所解融之。**

*(**Sớ**: Lại nữa, phối hợp giữa ba bậc và chín phẩm của hai kinh thì các thuyết sai khác đôi chút, như trong tác phẩm Phụ Chánh[94] đã giải thích dung thông).*

Kinh Vô Lượng Thọ nói *"tam bối"*, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói *"cửu phẩm"*. Chúng ta hợp hai kinh lại để xem, rồi lại coi những lời giải thích của cổ đức. Trong ấy, đúng là *"người nhân thấy là nhân, kẻ trí thấy là trí"*, có rất nhiều cách nhìn khác nhau. Sau khi Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ xuất hiện, đối với cách nhìn của cổ đức, xác thực là có khá nhiều biện định, chứng minh. Vì cổ đức thường cho rằng: Ba phẩm thượng vãng sanh là thánh nhân, là Bồ Tát vãng sanh. Vãng sanh trong ba phẩm trung là Tiểu Thừa Tứ Quả La Hán vãng sanh. Ba phẩm hạ mới là bọn phàm phu chúng ta. Nói cách khác, phàm phu chẳng có

---

[94] Đây chính là tác phẩm Quán Kinh Phụ Chánh Giải của ngài Thảo Am Đạo Nhân. Theo sách Thích Môn Chánh Thống, ngài Thảo Am Đạo Nhân là đệ tử của ngài Minh Trí Trung Lập (1064-1114) thuộc tông Thiên Thai. Ngài Thảo Am theo học Thiên Thai Quán Tâm với ngài Minh Trí, thâm đạt giáo tướng. Do đọc sách Thập Bất Nhị Môn Chỉ Yếu Sao của ngài Tứ Minh Tri Lễ bèn thâm nhập. Sư còn tinh thông Thiền học. Do thấy Thiền giả đương thời chấp trước, phế bỏ kinh luận, bèn viết bộ Quan Chánh Luận (luận định liên quan đến những điều chánh đáng) để phê phán, cảnh tỉnh. Cũng giống như ngài Tứ Minh, tuy thông hiểu Thiền và Giáo, ngài Đạo Nhân vẫn đặc biệt ngưỡng mộ Tịnh Độ. Trong Lạc Bang Văn Loại có ghi lại một số tác phẩm của Ngài về Tịnh Độ như Tịnh Độ Dư Thuyết, Khánh Sám Lễ Phật Hội Sớ, Niệm Phật Tâm Yếu Luận... Do Ngài rất tâm đắc bộ Quán Kinh Sớ Diệu Tông Sao của ngài Tri Lễ, nên đã viết bộ Quán Kinh Phụ Chánh Giải để giải thích thêm, đồng thời phê phán những điều Ngài cho là sai lầm trong bộ Quán Kinh Tân Sớ (tức bộ Quán Kinh Nghĩa Sớ) của ngài Linh Chi Nguyên Chiếu. Tác phẩm này thường được gọi tắt là Phụ Chánh Giải. Về sau, ngài Chuyết Am Giới Độ lại viết bộ Quán Kinh Phù Tân Luận nhằm bênh vực ngài Nguyên Chiếu, công kích luận điểm của ngài Thảo Am Đạo Nhân.

phần trong ba phẩm thượng. Đối với chuyện này, Thiện Đạo đại sư đã giải thích rất cặn kẽ, nêu ra khá nhiều chứng minh nhằm chứng tỏ chín phẩm đều là phàm phu vãng sanh. Lão nhân gia nói hết sức hay, vì sao phàm phu vãng sanh có nhiều phẩm vị ngần ấy? Lão nhân gia đã quy kết triệt để bằng một câu: *"Do gặp duyên khác nhau mà có chín phẩm sai biệt"*. Câu nói này hết sức hay, nêu ra sự thật chân chánh. Theo cách nói ấy, phàm phu chúng ta cũng có phần trong thượng thượng phẩm vãng sanh, chẳng nhất định là phải chứng đắc Tứ Quả, hoặc chứng đắc quả vị Bồ Tát, quả vị Bồ Tát ấy còn chẳng phải là Bồ Tát bình phàm, mà là từ Sơ Trụ Bồ Tát trở lên trong Viên Giáo! Chúng ta thấy ở đây, Liên Trì đại sư cũng nêu ra [ý kiến của] vài vị. Đó là xét theo cách nhìn bất đồng:

***(Sao) Quán Kinh Sớ vân: "Thử kinh cửu phẩm, vị linh thức vị cao hạ, tức Đại Bổn tam bối dã".***

**(鈔)**觀經疏云：此經九品，為令識位高下，即大本三輩也。

*(**Sao**: Quán Kinh Sớ nói: "Chín phẩm trong kinh này là để biết địa vị cao hay thấp, đấy chính là ba bậc trong Đại Bổn").*

Chín phẩm nhằm dạy chúng ta hiểu rõ phẩm vị cao hay thấp sau khi vãng sanh Tây Phương, hoàn toàn giống như ba bậc được nói trong kinh Vô Lượng Thọ, chỉ là nói cặn kẽ hơn đôi chút. Trong ba bậc, mỗi bậc đều có ba phẩm. Nếu suy luận tương tự như vậy, trong chín phẩm, mỗi phẩm lại có chín phẩm, sẽ là chín lần chín thành tám mươi mốt phẩm. Tám mươi mốt phẩm lại chia nhỏ ra nữa, sẽ là mỗi phẩm lại có tám mươi mốt phẩm. Với tình hình như vậy, quý vị có thể suy ra phẩm vị vô cùng nhiều, đó là chân tướng sự thật.

***(Sao) Cô Sơn vị Đại Bổn tam bối, chỉ tề Quán Kinh lục phẩm, dĩ tam bối thuần minh thiện hạnh, bất cập ác nhân dã.***

**(鈔)**孤山謂大本三輩，止齊觀經六品，以三輩純明善行，不及惡人也。

*(**Sao**: Ngài Cô Sơn cho rằng ba bậc của Đại Bổn chỉ bằng với sáu phẩm trong Quán Kinh, vì ba bậc thuần nói về thiện hạnh, chẳng nhắc đến kẻ ác).*

Đó là cách nhìn của pháp sư Cô Sơn. Cũng chẳng thể bảo cách

nhìn của Ngài vô lý. Vì trong chín phẩm của Quán Kinh, ba phẩm hạ là phàm phu tạo ác nghiệp, còn trong ba bậc của Đại Bổn chẳng nói *"tạo ác nghiệp"*. Nói cách khác, đã là chẳng nói "tạo ác nghiệp", mà trong Quán Kinh từ thượng thượng phẩm cho đến trung hạ phẩm đều là tu thiện, chẳng nói là tạo nghiệp, hãy nên coi những phẩm ấy tương đương [với ba bậc trong Đại Bổn], nói đến chuyện này.

***(Sao) Linh Chi phán tam bối chỉ đối thượng phẩm.***

**(鈔)靈芝判三輩止對上品。**

*(**Sao**: Ngài Linh Chi phán định ba bậc [trong kinh Vô Lượng Thọ] chỉ ứng với thượng phẩm [trong Quán Kinh]).*

Linh Chi thiền sư lão nhân gia có cách nhìn còn nghiêm ngặt hơn ngài Cô Sơn. Ngài nói ba bậc đem so với Quán Kinh, trên thực tế là ba phẩm thượng trong chín phẩm. Đây là cách nói khác nhau. Vì sao ngài Linh Chi chỉ coi ba bậc [trong Đại Kinh] là ba phẩm thượng [trong Quán Kinh]? Lời tiểu chú [trong sách Diễn Nghĩa] đã nói rất rõ ràng: Vì ba bậc của kinh Vô Lượng Thọ đều nói *"phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm"*, Ngài nhìn từ chỗ ấy. Sáu phẩm cuối trong chín phẩm của Quán Kinh chẳng nói "phát Bồ Đề tâm". Có thể thấy người ta nói cách này cũng có căn cứ! Một đằng là xét theo thiện ác, bèn có thể thấy [ba bậc trong Đại Kinh] chính là sáu phẩm [trong Quán Kinh]; một đằng do chỉ nói tới Bồ Đề tâm, nên chỉ thấy ba phẩm thượng phát Bồ Đề tâm. Rốt cuộc, cách nói nào chánh xác? Nói thật ra, người hiện thời còn có nhiều nghi vấn hơn cổ nhân! Hỏi toàn những chuyện kỳ quái! Có những đồng tu tới hỏi tôi: "Người niệm Phật chúng ta gặp những lời vấn nạn ấy thì làm sao?" Nói thật ra, gặp những kẻ đến cật vấn chuyện này, bất luận là kẻ ấy cố tình đến hỏi, hay là vô tình mà hỏi, hoặc thành tâm mong hiểu rõ chân tướng sự thật, hay là cố ý bắt nọn, tới làm khó dễ, những tình huống ấy đều có, chúng ta đều có thể gặp phải. Hễ gặp phải thì làm thế nào? Hễ gặp phải, hãy chắp tay *"A Di Đà Phật"*. Câu nói ấy đã gạt sạch [những kiểu bắt bẻ ấy]. Người ấy cứ hỏi riết, [bèn thưa]: "Nay chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới là khẩn yếu. Vấn đề ấy hãy đem qua Tây Phương Cực Lạc thế giới thỉnh giáo A Di Đà Phật". Chúng ta trút sạch câu trả lời qua A Di Đà Phật. Đã thấy A Di Đà Phật thì sẽ như cổ đức thường nói: *"Chỉ thấy Phật Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ"*. Chẳng phải là hết thảy vấn đề đều được giải quyết ư? Nay khởi tâm động niệm,

chắc chắn sẽ chướng ngại nhất tâm bất loạn. Nay chúng tôi luôn nói thật thà, hiện thời, đối với chúng ta, nhất tâm bất loạn là khẩn yếu, chớ nên lại đâm quàng chuyện khác. Hễ đâm quàng ngõ rẽ quá nhiều, sẽ chẳng thể vãng sanh được! Hiện thời phải tới Tây Phương; đấy mới là đại sự bậc nhất trong một đời này. Chúng tôi chẳng có nghi vấn, quý vị có nghi vấn, hãy đến thế giới Cực Lạc hỏi A Di Đà Phật, chẳng cần phải hỏi tôi. Tôi có nói, quý vị cũng chẳng tin tưởng, cần gì phải dây cà dây muống để làm chi nữa? Phương pháp [trả lời những câu vấn nạn] này đơn giản, minh bạch nhất, thảy đều cắt đứt hết. Nói thật ra, những kiểu biện luận ấy đều là lời lẽ thừa thãi!

***(Sao) Thảo Am Phụ Chánh Giải viết.***

**(鈔)草庵輔正解曰。**

*(**Sao**: Trong sách Phụ Chánh Giải của ngài Thảo Am có nói).*

Cách nói của thiền sư Thảo Am khá viên dung.

***(Sao) Thiên Thai dĩ cửu phẩm đồng tam bối giả, nãi ước vị thứ tương đồng, bất ước hạnh nhân nhi ngôn.***

**(鈔)天台以九品同三輩者，乃約位次相同，不約行因而言。**

*(**Sao**: Ngài Thiên Thai coi ba bậc tương đồng chín phẩm chính là xét theo địa vị giống nhau, chứ không xét theo nhân hạnh để nói).*

*"Ba bậc, chín phẩm"* xác thực là nói theo địa vị. Bậc thượng [trong Đại Bổn] tương ứng với ba phẩm thượng trong Quán Kinh; bậc trung tương ứng với ba phẩm trung trong Quán Kinh; bậc hạ tương ứng với ba phẩm hạ trong Quán Kinh. Thiên Thai đại sư đối chiếu tương xứng hai kinh là nói theo địa vị, chẳng chú trọng nhân hạnh trong sự tu hành. Cô Sơn và Linh Chi chẳng xét theo địa vị, mà xét theo cái nhân tu hành, một vị xét theo chuyện phát Bồ Đề tâm, vị kia xét theo chuyện tu thiện, đều là xét theo sự tu nhân để nói.

***(Sao) Tắc Cô Sơn, Linh Chi giai bất vi Thiên Thai.***

**(鈔)則孤山、靈芝，皆不違天台。**

*(**Sao**: Cho nên Cô Sơn và Linh Chi đều chẳng mâu thuẫn với ngài Thiên Thai).*

Đây là nói dung hòa, hai đằng trọn chẳng mâu thuẫn lẫn nhau cho mấy!

***(Sao) Sở dĩ nhiên giả? Dĩ Thiên Thai đản ước vị thứ, tắc bối phẩm chánh đồng. Nhị sư duy ước hành nhân, tắc chỉ tề trung thượng. Các hữu sở cứ, thủ nghĩa bất đồng, cố bất vi dã.***

**(鈔)**所以然者，以天台但約位次，則輩品正同；二師唯約行因，則止齊中上。各有所據，取義不同，故不違也。

*(**Sao**: Vì cớ sao vậy? Do ngài Thiên Thai chỉ xét theo địa vị, nên bậc và phẩm đúng là tương đồng. Hai vị kia (Cô Sơn và Linh Chi) chỉ xét theo nhân hạnh, nên [ba bậc trong Đại Kinh] chỉ tương ứng với trung phẩm và thượng phẩm. Mỗi vị đều có căn cứ để quyết đoán nghĩa lý khác nhau. Do vậy, chẳng mâu thuẫn).*

Cách nói này rất viên dung, chẳng mích lòng đôi bên. Dưới đây là quyết đoán.

***(Sao) Khắc thật nhi luận.***

**(鈔)**剋實而論。

*(**Sao**: Luận định theo sự thật).*

Nói lời chân thật.

***(Sao) Tắc phiền não bất dị Bồ Đề, thỉ ác hà phương chung thiện?***

**(鈔)**則煩惱不異菩提，始惡何妨終善。

*(**Sao**: Phiền não chẳng khác Bồ Đề, thoạt đầu là ác, há trở ngại cuối cùng là lành?)*

*"Phiền não"* và *"Bồ Đề"* có cùng một tự tánh, là cùng một chuyện. Đã giác ngộ bèn gọi là Bồ Đề, đã mê bèn gọi là phiền não. Chỉ là tên gọi giác hay mê khác nhau, chứ thể tánh hoàn toàn giống nhau. Thể là gì? Thể là chân tâm của chính mình. Mê mất chân tâm bèn thành phiền não, đã giác ngộ bèn gọi là Bồ Đề. Vì thế mê và ngộ chẳng hai! Mê là chuyện này, ngộ vẫn là chuyện này. Tâm tánh chẳng có mê hay ngộ, phải biết điều này. Nơi chân tâm bản tánh chẳng có mê hay ngộ. Mê,

ngộ là gì? "Mê, ngộ" là vọng chấp, là hư vọng, chẳng phải là thật. Trong vọng tâm có mê hay ngộ, trong chân tâm chẳng có mê hay ngộ. Do vậy, nói: *"Thỉ ác hà phương chung thiện"* (Sự ác ban đầu, nào trở ngại điều thiện cuối cùng). Khi mê tạo ác, lúc ngộ bèn biến thành thuần thiện, hễ ngộ bèn thiện. Khi ngộ, chúng ta thường nói là *"sám hối rốt ráo triệt để"*. Sám hối có phải là một phen nước mắt, nước mũi ròng ròng hay không? Chẳng cần thiết! Nước mắt, nước mũi ròng ròng chưa chắc đã là thật sự sám hối. Thật sự sám hối, phá vô minh, đoạn phiền não, đó là thật sự sám hối, thật sự giác ngộ. Đó là ác có thể biến thành thiện.

***(Sao) Ác nhân ký dĩ thành thiện, khởi bất hiền thánh đồng khoa?***

**(鈔)**惡人既已成善，豈不賢聖同科。

*(**Sao**: Kẻ ác đã trở thành thiện, há chẳng phải là cùng một loại với bậc thánh hiền?)*

Nếu kẻ ác đã sám hối, trở thành thiện nhân, lẽ đâu người ấy chẳng thể thượng phẩm thượng sanh? Vẫn có thể là thượng phẩm thượng sanh! Trong phần sau của kinh này sẽ lại nói đến chuyện này. Phần sau [của lời Sao trong đoạn này] nhắc đến vua A Xà Thế. Đó là kẻ đại nghịch bất đạo, người ta khi lâm chung sám hối, sám hối có sức mạnh thù thắng, vãng sanh Tây Phương với phẩm vị là thượng phẩm trung sanh. Quý vị xem đó: Tạo tác tội nghiệp Ngũ Nghịch, Thập Ác, khi lâm chung vãng sanh vẫn là thượng phẩm trung sanh. Chuyện này phù hợp với ý nghĩa trong câu *"thỉ ác hà phương chung thiện"* (thoạt đầu là ác, há trở ngại cuối cùng là lành). Hễ quay đầu bèn là đại thiện nhân, kẻ tiểu thiện bình phàm chẳng thể bằng được ông ta.

Tục ngữ Trung Hoa cũng thường nói: *"Lãng tử hồi đầu kim bất hoán"* (Lãng tử quay đầu, vàng chẳng đổi được). Hễ quay đầu sẽ là người tốt, những kẻ tốt đẹp bình phàm chẳng thể sánh bằng người ấy, thật sự quay đầu mà! Chính là đạo lý này! Do đó, [kẻ ác hồi đầu có] cùng một cấp bậc với thánh hiền.

***(Sao) Tam bối cửu phẩm, chánh tương phối hợp, hựu hà nghi yên?***

**(鈔)**三輩九品，正相配合，又何疑焉。

*(**Sao**: Ba bậc, chín phẩm, đúng là phù hợp khít khao, còn nghi chi nữa?)*

Hiểu đạo lý này, đối với cách nói coi ba bậc tương ứng với chín phẩm của ngài Thiên Thai, quý vị bèn đồng ý, trong ấy quyết định chẳng có vấn đề gì. Còn như nói đến chuyện *"phát tâm"* thì kinh văn có nói chi tiết hay đại lược, có khi tỉnh lược, văn tự chẳng nhắc đến, nhưng xét theo ý nghĩa thì có. Đối với những chỗ giống như vậy, chúng ta đọc kinh chớ nên không lưu ý. Dưới đây, đại sư lại dẫn kinh Hoa Nghiêm để làm chứng:

***(Sớ) Hựu Hoa Nghiêm minh niệm Phật giả, số dữ tâm đẳng, tức thị tam bối cửu phẩm tùy nhân bất đồng nghĩa.***

**(疏)又華嚴明念佛者，數與心等，即是三輩九品隨因不同義。**

*(**Sớ**: Lại nữa, kinh Hoa Nghiêm giảng về niệm Phật, [có nói] "số và tâm bằng nhau" chính là ý nghĩa ba bậc, chín phẩm là do cái nhân mà khác nhau vậy).*

Cách nói trong phần trước là suy luận theo Lý. Nếu chẳng có kinh điển để chứng minh, vẫn chưa thể khiến cho kẻ khác tâm phục, khẩu phục. Trong hết thảy các kinh, kinh lớn nhất, được đại chúng tôn kính nhất, không gì hơn Hoa Nghiêm. Do đó, trong phần chú giải, hễ trích dẫn kinh điển, đích xác là Liên Trì đại sư trích dẫn kinh Hoa Nghiêm nhiều nhất. Đấy là chứng cứ có sức thuyết phục mạnh mẽ nhất.

***(Sao) Số tâm đẳng giả, Hoa Nghiêm nhị thập tam kinh.***

**(鈔)數心等者，華嚴二十三經。**

*(**Sao**: "Số, tâm bằng nhau" là như trong quyển hai mươi ba kinh Hoa Nghiêm).*

*"Số tâm đẳng giả"*: Câu này trích từ quyển hai mươi ba trong bộ Bát Thập Hoa Nghiêm.

***(Sao) Ly Cấu Tràng Bồ Tát kệ vân: "Dĩ Phật vi cảnh giới, chuyên niệm nhi bất xả, thử nhân đắc kiến Phật, kỳ số dữ tâm đẳng".***

**(鈔)離垢幢菩薩偈云：以佛為境界，專念而不捨，此人得見佛，其數與心等。**

*(**Sao**: Bài kệ của Ly Cấu Tràng Bồ Tát[95] có câu: "Dùng Phật làm cảnh giới, chuyên niệm, chẳng buông xả. Người ấy được thấy Phật, số và tâm tương ứng").*

Đấy là kinh văn của kinh Hoa Nghiêm. Lời giải thích dưới đây là chú giải của Thanh Lương đại sư.

***(Sao) Thích văn: Số dữ tâm đẳng giả, vị tùy niệm tùy hiện.***

**(鈔)釋云：數與心等者，謂隨念隨現。**

*(**Sao**: Giải thích: "Số và tâm tương ứng", nghĩa là thuận theo ý niệm mà hiện).*

---

[95] Ly Cấu Tràng Bồ Tát là một trong mười vị Bồ Tát thượng thủ hiện diện khi đức Thế Tôn chẳng lìa cội Bồ Đề nơi Bồ Đề Tràng, đỉnh Tu Di, và cung trời Dạ Ma, mà thăng lên cung trời Đâu Suất, triệu tập chư vị Bồ Tát trong mười phương. Mười vị Bồ Tát thượng thủ khi ấy chính là Kim Cang Tràng Bồ Tát, Kiên Cố Tràng Bồ Tát, Dũng Mãnh Tràng Bồ Tát, Quang Minh Tràng Bồ Tát, Trí Tràng Bồ Tát, Bảo Tràng Bồ Tát, Tinh Tấn Tràng Bồ Tát, Ly Cấu Tràng Bồ Tát, Tinh Tú Tràng Bồ Tát, và Pháp Tràng Bồ Tát. Sau khi đức Phật từ hai đầu gối phóng ra trăm ngàn vạn ức na-do-tha quang minh chiếu khắp mười phương pháp giới, hiện các thần biến, khiến cho các chúng sanh đều được pháp ích, mười vị Bồ Tát ấy lần lượt nói kệ tán dương đức Phật. Để dễ hiểu bài kệ này hơn, chúng tôi mạn phép trích thêm vài đoạn trước và sau bốn câu đã được trích dẫn trong lời Sao: *"Như Lai đại trí quang, phổ tịnh chư thế gian, thế gian ký tịnh dĩ, khai thị chư Phật pháp, thiết hữu nhân dục kiến, chúng sanh số đẳng Phật, mị bất ứng kỳ tâm, nhi thật vô lai xứ, dĩ Phật vi cảnh giới, chuyên niệm nhi bất tức, thử nhân đắc kiến Phật, kỳ số dữ tâm đẳng, thành tựu bạch tịnh pháp, cụ túc chư công đức, ư bỉ Nhất Thiết Trí, chuyên niệm tâm bất xả, đạo sư vị chúng sanh, như ứng diễn thuyết pháp"*. Hòa Thượng Trí Tịnh dịch là: *"Như Lai đại trí quang, thanh tịnh khắp thế gian. Thế gian đã thanh tịnh, khai thị các Phật pháp. Như có người muốn thấy, Phật đồng số chúng sanh, đều ứng như tâm kia, mà thật không chỗ đến. Dùng Phật làm cảnh giới, chuyên niệm mà chẳng dứt, người này được thấy Phật, số đó cùng tâm đồng. Thành tựu pháp lành trong, đầy đủ các công đức. Đối với Nhất Thiết Trí, chuyên niệm tâm chẳng bỏ. Đạo Sư vì chúng sanh, tùy nghi mà thuyết pháp"*. Chư Bồ Tát nói kệ xong, Kim Cang Tràng Bồ Tát nương vào oai lực của Phật diễn nói cảnh giới và phương pháp tu hành của các địa vị Bồ Tát thuộc Thập Hồi Hướng. Theo đó, câu *"kỳ số dữ tâm đẳng"* phải hiểu là "người niệm Phật, dùng Phật làm cảnh giới để niệm, chuyên tâm nhất niệm, sẽ thấy số lượng chư Phật tương ứng với cái tâm mong cầu của chính mình". Hoặc nói rộng hơn, tâm niệm như thế nào, sẽ thấy Phật như thế đó. Tùy thuộc vào mức độ thanh tịnh và tâm lượng mà thấy Phật như thế đó. Đó chính là ý nghĩa *"tùy niệm tùy hiện"* trong lời giải thích của Thanh Lương đại sư, hay nói theo kinh Lăng Nghiêm sẽ là *"ứng sở tri lượng"*.

Lời này là thật, chẳng giả tí nào! Vì sao chúng ta niệm Phật, Phật chẳng hiện tiền? Chúng ta từng nghe nói Thiện Đạo đại sư niệm Phật, niệm Phật một tiếng, trong miệng phóng ra một tia sáng, trong ánh sáng có một vị Hóa Phật. Bài kệ này trong kinh Hoa Nghiêm nếu áp dụng vào Thiện Đạo đại sư rất thích hợp. Trên thực tế, chư vị phải hiểu, [điều này] áp dụng vào bản thân mỗi người chúng ta cũng rất thích hợp. Từng tiếng Phật hiệu của Thiện Đạo đại sư là từng tiếng Phật rõ ràng, rành rẽ dường như thấy được. Từng câu Phật hiệu của chúng ta [cũng là] từng tiếng Phật, chính mình chẳng thấy, mà người khác cũng chẳng thấy, thế nhưng thật sự có. Vì sao nói là thật sự có? Quán Kinh đã có dạy: *"Khi tâm tưởng Phật, tâm ấy chính là ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp"*. Người có Thiên Nhãn, khi chúng ta đêm ngủ nằm mộng, người ấy có thể trông thấy, [nghĩa là] trong mộng, quý vị mơ làm chuyện gì, người ấy thấy rõ ràng, rành mạch. Có thể thấy là: Trong mộng thật sự có hình tướng. Người bình phàm chúng ta chẳng thấy, nhưng người có công phu định lực, người có Thiên Nhãn trông thấy, biết quý vị làm chuyện gì trong mộng. Trong mộng có tướng, nay chúng ta đang cùng ngồi ở đây, tuy là đang nghe kinh ở đây, trong đầu nghĩ gì chẳng biết, nhưng quý vị nghĩ điều gì đều có một tướng. Quý vị nghĩ đến ai, nghĩ đến chuyện gì, nghĩ ta hôm nay đi chơi ngắm phong cảnh; hễ trong tâm quý vị vừa tưởng bèn có tướng, người có Thiên Nhãn thấy quý vị chẳng thật thà, lại rong chơi đến nơi nào rồi! Do vậy có thể biết: Trong tâm chúng ta niệm Phật, trong tâm tưởng Phật, lẽ nào chẳng có Phật tướng xuất hiện? *"Số dữ tâm đẳng"* (Số và tâm tương ứng), chẳng sai tí nào! Khi quý vị tưởng hình tướng đức Phật, tưởng A Di Đà Phật, cứ một niệm là một vị Phật. Người ta nói lời chân thật, chẳng giả tí nào, xác thực là như thế. Vì sao hình tướng Phật của Thiện Đạo đại sư rõ rệt dường ấy? Nói thật ra, là do tâm Ngài thanh tịnh, chẳng có ô nhiễm; vì thế, hiện quang, hiện tướng, mọi người thấy. Trong tâm chúng ta có quá nhiều vọng tưởng, quá nhiều tạp niệm, đục ngầu, dơ bẩn chẳng kham, dẫu hiện tướng, tướng chẳng hiện rõ ràng cho mấy, mọi người chẳng thấy được! Ắt cần phải là người có tâm thanh tịnh thì mới thấy được, đạo lý là như vậy. *"Tùy niệm tùy hiện"*, chư vị phải ghi nhớ điều này, niệm Phật hiện Phật, niệm Bồ Tát hiện Bồ Tát, niệm gì hiện nấy.

***(Sao) Tùy niệm hữu nhị: Nhất tùy niệm đa thiểu, Phật diệc như chi, như niệm Phật nhất thanh, hữu nhất hóa Phật tùng khẩu trung***

***xuất đẳng.***

**(鈔)**隨念有二：一隨念多少，佛亦如之，如念佛一聲，有一化佛從口中出等。

*(**Sao**: "Tùy niệm" có hai [ý nghĩa]: Một là tùy theo niệm nhiều hay ít, mà Phật [hóa hiện] cũng như thế. Như niệm Phật một tiếng, có một Hóa Phật từ trong miệng bay ra v.v...)*

Tùy theo niệm nhiều hay ít, mỗi tiếng Phật hiệu là một vị Phật, đó là "số và tâm tương ứng" [theo ý nghĩa thứ nhất]. Ý nghĩa thứ hai là…

***(Sao) Nhị tùy niệm thiển thâm, Phật ưng xứng chi, như lâm chung kiến Phật hữu thắng, hữu liệt đẳng. Đa, thiểu, thiển, thâm, tức bối phẩm phân biệt dã.***

**(鈔)**二隨念淺深，佛應稱之，如臨終見佛有勝有劣等。多少淺深，即輩品分別也。

*(**Sao**: Hai là tùy theo niệm cạn hay sâu, Phật sẽ ứng hiện tương xứng, như lâm chung thấy [hình tướng của] Phật có thù thắng hay kém cỏi v.v... [Do có cảnh tượng] nhiều, ít, cạn, sâu, cho nên có bậc và phẩm phân biệt).*

Nói kiểu này rất thông suốt.

***(Sao) Thử nhân đắc kiến Phật giả, tức A Di Đà Phật hiện tại kỳ tiền dã. Chuyên niệm giả, tức nhất tâm bất loạn dã.***

**(鈔)**此人得見佛者，即阿彌陀佛現在其前也。專念者，即一心不亂也。

*(**Sao**: "Người ấy được thấy Phật" tức là A Di Đà Phật hiện trước mặt người ấy. "Chuyên niệm" chính là nhất tâm bất loạn).*

Khai thị trong đoạn này hết sức quan trọng, bảo cho chúng ta biết sự thù thắng chân thật của niệm Phật. Niệm Phật, Phật liền hiện tiền! Thông thường, chúng ta giải thích sự gia trì của Phật có hai loại: Một loại là hiển gia (顯加), loại kia là minh gia (冥加). Hiển (顯) là rõ rệt, chính quý vị có thể cảm nhận, nhận biết sự gia trì này. Minh gia là gia trì ngấm ngầm, tuy bản thân quý vị chẳng thấy, chẳng nghe, mà cũng chẳng cảm thấy, nhưng Phật xác thực là ở trước mặt quý vị. Nếu quý vị thật sự

hiểu đoạn khai thị này, sẽ tin tưởng. Trong khi chúng ta niệm Phật, tâm tưởng Phật, Phật bèn hiện tiền, cảm ứng đạo giao rất nhanh chóng chẳng thể nghĩ bàn!

*"Chuyên niệm"* là nhất tâm niệm, nhất tâm niệm có sức cảm ứng đặc biệt mạnh mẽ, to tát; vì thế, ở đây nói là *"nhiều, ít, cạn, sâu"*. Tâm càng thanh tịnh, cảm ứng càng sâu. Do vậy có thể biết, tâm tư chúng ta tạp loạn, cảm ứng sẽ nông cạn. Tâm thanh tịnh, cảm ứng sâu xa.

***(Sớ) Hựu Chí Nhãn nhị chủng Tịnh nghiệp, diệc tam bối cửu phẩm nghĩa.***

**(疏)又志眼二種淨業，亦三輩九品義。**

*(**Sớ**: Lại nữa, hai thứ Tịnh nghiệp như ngài Chí Nhãn đã nói cũng là ý nghĩa ba bậc, chín phẩm).*

Pháp sư Chí Nhãn nói điều này.

***(Sao) Chí Nhãn pháp sư vân: "Vãng sanh nhất môn, hữu nhị Tịnh nghiệp, nhất viết chánh quán, mặc chiếu bổn tâm dã. Nhị viết trợ hạnh, bị tu vạn thiện dã. Nhị sự câu đắc, tắc liễu đạt tứ Tịnh Độ hỹ".***

**(鈔)志眼法師云：往生一門，有二淨業，一曰正觀，默照本心也；二曰助行，備修萬善也。二事俱得，則了達四淨土矣。**

*(**Sao**: Pháp sư Chí Nhãn nói: "Một môn vãng sanh có hai thứ Tịnh nghiệp. Một là chánh quán, thầm chiếu soi bổn tâm. Hai là trợ hạnh, tu trọn muôn điều thiện. Cả hai điều đều đạt được, sẽ thông đạt rành rẽ bốn cõi Tịnh Độ").*

Thuyết của pháp sư Chí Nhãn vẫn dựa trên giáo nghĩa Thiên Thai, phương pháp dụng công của tông Thiên Thai là dùng Chỉ Quán. Chỉ Quán có hai loại: Loại thứ nhất là Thứ Đệ Tam Quán, loại thứ hai là Nhất Tâm Tam Quán. Ở đây là nói…

***(Diễn) Dĩ Nhất Tâm Tam Quán, chiếu Tam Đế Nhất Cảnh.***

**(演)以一心三觀，照三諦一境。**

*(**Diễn**: Dùng Nhất Tâm Tam Quán để quán chiếu Tam Đế Nhất Cảnh).*

Tam Quán là Không, Giả, Trung, Không Quán, Giả Quán, Trung Quán. *"Không"* là quán thể tánh của hết thảy các pháp, vạn pháp đều không. *"Giả"* là quán hiện tướng (tướng biến hiện) của chúng, diệu hữu. *"Trung"* là quán tác dụng của chúng, dụng là Trung. Thể là Không, tướng là Hữu, tác dụng là Trung; do vậy, dùng Trung. Năng quán (chủ thể tác quán) có Không, Giả, Trung. Sở quán (đối tượng được quán) là cảnh giới bên ngoài. Trong cảnh giới có Thể, Tướng, Dụng, gọi là Tam Đế. Thể là Chân Đế, Tướng là Tục Đế, Dụng là Trung Đế. Nhất Tâm Tam Quán đối ứng với Tam Đế Nhất Cảnh, là một mà ba, tuy ba mà một, là một chuyện được quan sát từ ba phương diện thì mới thật sự hiểu rõ chân tướng, chẳng đến nỗi phạm sai lầm.

***(Diễn) Như Trí tương ứng.***
**(演)如智相應。**
*(**Diễn**: Như Trí tương ứng).*

*"Trí"* là năng quán, là Tam Quán. *"Như"* là Tam Đế, là cảnh giới. Vì sao gọi cảnh giới là Như? Tướng giống như tánh của nó; tánh giống như tướng của nó. Vì thế, Thiên Thai đại sư nói *"bách giới thiên như"*, chẳng có pháp nào không Như. Đức Phật nói kinh, câu đầu tiên là *"như thị ngã văn"*. Ngài Thiên Thai gọi cái Như ấy là Như và Trí. Trí là có thể hiểu rõ, trí huệ ấy chính là chân trí Bát Nhã, *"Như"* là vạn cảnh như như.

***(Diễn) Tùy lưu thức tánh dã.***
**(演)隨流識性也。**
*(**Diễn**: Tùy lưu thức tánh).*

*"Tùy lưu"* (隨流) là tùy duyên, thuận theo duyên của mười pháp giới. Trong tùy duyên, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, vì sao? Ngài đã nhận biết tánh, chẳng mê. Đấy là cảnh giới của hàng đại Bồ Tát. Trong Viên Giáo sẽ là Sơ Trụ Bồ Tát trở lên, đó gọi là *"minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật"*, kiến tánh bèn chẳng mê. Vì thế, Sơ Trụ Bồ Tát có năng lực giáo hóa chúng sanh trong mười pháp giới: *"Đáng nên dùng thân Phật để độ, bèn hiện thân Phật để thuyết pháp. Đáng nên dùng thân tỳ-kheo để độ, bèn hiện thân tỳ-kheo để thuyết pháp. Đáng nên dùng thân bé trai, bé gái để độ, bèn hiện thân bé trai, bé gái để thuyết pháp"*.

Pháp Thân đại sĩ có thân tướng hay không? Chẳng có thân tướng, tùy loại hiện thân, thuận theo tâm của chúng sanh mà ứng với khả năng tiếp nhận của họ, [đó là] *"tùy lưu thức tánh"*. Do vậy, Ngài có thể làm được! Phàm phu lục đạo chúng ta rất đáng thương, tùy lưu (tùy duyên) nhưng quên tánh, chẳng nhận biết tánh, phiền phức to lớn, ở trong lục đạo mà chính mình chẳng thể làm chủ tể. Trong lục đạo, đại Bồ Tát có thể tự làm chủ tể, nên tuy ở trong lục đạo, thưa cùng chư vị, cảnh giới của chính Ngài tuyệt đối chẳng bị hạ thấp. Ngài vào trong lục đạo để độ chúng sanh, đúng là đại từ đại bi. Chúng ta ca ngợi Ngài, thật ra Ngài căn bản là như như bất động, chẳng đến mà đến, thuận theo tâm của chúng sanh mà biến hiện. Cổ nhân có nói Tịnh Độ là *"sanh thì quyết định sanh, đi thì thật sự chẳng đi"*. Ngài thật sự hiện tướng, Ngài hiện đến, nhưng có đến, đi hay không? Chẳng có! Vì sao chẳng có đến đi? Vì tự tánh tận hư không khắp pháp giới, Ngài đến bằng cách nào? Do là tận hư không khắp pháp giới, nên chẳng có đến, đi! Đó đều là chân tướng sự thật. Tâm và cảnh như một, Trí là tâm, Như là cảnh, ở đây nói là *"Như Trí tương ứng"*.

***(Diễn) Cổ vân: "Tâm tùy vạn cảnh chuyển, chuyển xứ thật năng u, tùy lưu nhận đắc tánh, vô hỷ diệc vô ưu".***

**(演)古云：心隨萬境轉，轉處實能幽，隨流認得性，無喜亦無憂。**

***(Diễn**: Cổ nhân nói: "Tâm chuyển theo vạn cảnh, tĩnh lặng trước cảnh chuyển, nhận biết tánh tùy lưu, buồn vui đều chẳng có").*

Tâm phàm phu chuyển theo vạn cảnh. *"Chuyển xứ thật năng u"*: *"U"* (幽) là u tĩnh (幽靜), thường nói là Định. [Câu ấy có nghĩa là] đối với chỗ lưu chuyển, nếu tâm quý vị có thể Định, sẽ có thể tùy chuyển (tiếp xúc) vạn cảnh, chỉ cần tâm bất động là được. Do vậy, tu trì Phật pháp chẳng có gì khác, từ đầu đến cuối đều là tu Định. Tám vạn bốn ngàn pháp môn là tám vạn bốn ngàn loại phương pháp và phương thức bất đồng, đều nhằm tu Định. Phật pháp tới cuối cùng quy nạp thành Tam Học Giới, Định, Huệ, chẳng có gì khác. Trì giới là biện pháp giúp quý vị đắc Định; đã đắc Định, Định khởi tác dụng là Huệ, bèn khai trí huệ, ở đây nói là Trí. Định là then chốt trong tu hành, là mấu chốt trong tu hành. Bất luận trong cảnh giới nào, tâm như như bất động, bèn thành công. Trong Tịnh Độ Tông, chúng ta gọi nó là *"nhất tâm bất loạn"*, đó là Định,

quý vị phải thật sự có thể học được. Sau đấy, *"tùy lưu nhận biết tánh, không vui cũng chẳng buồn"*. Vui hay buồn là phiền não, là khởi tâm động niệm. Trong lục đạo, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, tâm người ấy vĩnh viễn bất động. Ba ngàn năm trước, Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện trong thế gian này, giảng kinh thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, Ngài có nói gì hay chăng? Chúng ta nói Ngài có thuyết, đức Phật chẳng thừa nhận, đức Phật phủ nhận. Chúng ta nói Ngài chẳng giảng, đức Phật cũng lắc đầu, cũng phủ nhận. Rốt cuộc là có giảng hay không? Xét theo Sự là giảng; xét theo Lý, chẳng giảng! Xét theo tướng là giảng, tâm Ngài thật sự chẳng giảng. Cho tới nay, tâm Ngài chưa hề động một niệm. Chẳng động niệm, vì sao có thể giảng? Nay chúng ta là phàm phu, động niệm thì mới có thể nói, chẳng động niệm sẽ không thể nói. Động niệm bèn có thể nói, đó là tạo nghiệp; chẳng động niệm mà có thể nói, chẳng tạo nghiệp. Nếu quý vị hỏi: "Chẳng động niệm? Vì sao có thể nói" ư? Cái chuông chẳng động niệm, quý vị gõ thử xem, nó có ngân vang hay không? Quý vị vừa gõ, nó liền ngân lên. Gõ mạnh, nó ngân to. Gõ nhẹ, nó ngân nhẹ. Tâm Bồ Tát giống như chuông, trống, bên trong rỗng tuếch như thế, chưa hề khởi tâm động niệm. Chúng sanh có cảm, Ngài tự nhiên có ứng, giống như chúng ta đánh trống, bên trong lòng trống cũng chẳng có gì cả, rỗng tuếch, hễ gõ nó bèn ứng. Đức Phật nói bụng lũ phàm phu chúng ta chứa đặc nghẹt, chẳng rỗng không. Trong tâm thánh nhân chẳng có thứ gì. Lục Tổ nói *"vốn chẳng có một vật"*. Do vậy, Ngài có thể cảm ứng đạo giao cùng hết thảy chúng sanh. Vì sao chúng ta chẳng thể dấy lên cảm ứng được? Là vì bên trong đã đầy ắp, có gõ cũng chẳng kêu được, chứa đặc nghẹt mất rồi. Chứa đặc nghẹt thứ gì vậy? Chứa đầy ắp vọng tưởng, chứa đầy tràn chấp trước. Kinh Hoa Nghiêm nói: *"Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc"*. Vì thế, trong tâm chúng ta đã bị vọng tưởng, phiền não chướng ngại, lấp đầy, bị thua thiệt ở chỗ này. Do vậy, làm sao Ngài có thể vui hay buồn cho được? Ngài chẳng khởi tâm động niệm.

Đây là nói tới *"chánh quán, mặc chiếu bổn tâm"* (chánh quán, thầm chiếu cái tâm của chính mình), xét theo phía người niệm Phật, nói thật ra, sẽ là nhất tâm bất loạn. Luôn luôn gìn giữ nhất tâm bất loạn chính là *"mặc chiếu bổn tâm"*. Điều thứ hai chính là *"trợ hạnh"*, điều trước là chánh hạnh, Quán là tu hành, còn trợ hạnh là *"bị tu vạn thiện"* (tu trọn muôn điều thiện). Tự tâm thanh tịnh, vốn chẳng có một vật, cần gì phải tu thiện? Vốn chẳng tạo ác, lấy đâu ra thiện để có thể nói? Có

thiện, có ác, Lục Tổ nghe như vậy, nhất định sẽ bảo chúng ta: *"Thiện và ác là hai pháp, hai pháp chẳng phải là Phật pháp"*; nhưng chẳng ngại đoạn ác, tu thiện, đó là đại từ đại bi, đó cũng là do chúng sanh cảm ứng mà hiện. Giống như trong xã hội hiện tại, kẻ tạo ác quá đông; cái tâm tạo ác ấy bèn cảm động chư Phật, Bồ Tát thị hiện biểu diễn cho chúng ta thấy: Chúng ta đang tạo ác, các Ngài đoạn ác. Chúng ta chẳng chịu tu thiện, các Ngài tu thiện cho chúng ta thấy, khiến cho chúng ta từ đó dần dần tỉnh giác. Bồ Tát thị hiện là do chúng sanh cảm ứng, người thế gian chúng ta nói điều này là *"tiềm di mặc hóa"* (潛移默化: ngấm ngầm thay đổi, lặng lẽ chuyển hóa). Các Ngài chẳng cần nói câu nào, suốt đời yên lặng làm như vậy, làm rất lâu, bị người khác phát hiện, được mọi người tuyên truyền: "Người ấy là người tốt. Người ấy là khuôn mẫu cho chúng ta, chúng ta hãy nên học tập theo". Không gì chẳng phải là do cảm ứng mà hiện! Chẳng phải do cảm ứng mà hiện, sẽ là do nghiệp báo mà hiện. Tất cả hết thảy hữu tình chúng sanh trong thế gian này, nhà Phật nói là *"mười pháp giới hữu tình chúng sanh"*, nếu chẳng phải là do nghiệp báo mà hiện, thì sẽ là do cảm ứng mà hiện. Bốn thánh pháp giới là cảm ứng, lục phàm là nghiệp báo. Trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, phàm phu là nghiệp báo, thánh nhân là cảm ứng. Đấy là lý do vì sao phải tu thiện, tu thiện là phương pháp để độ chúng sanh, là phương thức để độ chúng sanh, đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức. *"Nhị sự câu đắc"* (Hai chuyện đều cùng đạt được), *"hai sự"* chính là hai thứ chánh hạnh và trợ hạnh quý vị đều đạt được, chúng ta thường nói là *"chánh trợ song tu"*, sẽ *"liễu đạt"*, *"liễu"* (了) là hiểu rõ, *"đạt"* (達) là thông đạt, quý vị bèn hiểu rõ, thông đạt bốn loại Tịnh Độ của Tây Phương. Kể từ trên xuống dưới: Cõi Thường Tịch Quang, cõi Thật Báo Trang Nghiêm, cõi Phương Tiện Hữu Dư, cõi Phàm Thánh Đồng Cư, trạng huống của bốn loại Tịnh Độ ấy, quý vị đều hiểu rõ.

***(Sao) Như chỉ đắc Sự thiện giả, cận sanh Đồng Cư, viễn tác tam độ nhân nhĩ.***

**(鈔)如止得事善者，近生同居，遠作三土因耳。**

*(**Sao**: Nếu như chỉ đạt được điều thiện về mặt Sự thì gần là sanh trong cõi Đồng Cư, xa thì sẽ là cái nhân để sanh trong ba cõi kia vậy).*

Quý vị chẳng có cách nào tu chánh quán, chỉ tu nơi mặt Sự. Xưng danh là Sự, chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối lần tràng hạt niệm *"A Di*

*Đà Phật, A Di Đà Phật"*, đó là Sự. Vì sao? Có người niệm suốt cả đời, vẫn chẳng đắc nhất tâm bất loạn, nhưng người ấy thật sự vãng sanh, có thể thấy: Không thể nói Sự tu là chẳng có công đức, chẳng thể nói như vậy được! Nhưng người ấy chẳng đắc nhất tâm, cho nên sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư thì Đại Kinh đã nói rất rõ ràng: Viên chứng ba món Bất Thoái, cho nên chẳng mất thời gian bao lâu, cõi Phương Tiện, cõi Thật Báo, cõi Tịch Quang, người ấy đều chứng đắc. Vì vậy, sẽ là *"viễn tác tam độ chi nhân"* (xa thì là cái nhân của ba cõi Tịnh Độ). Do vậy có thể biết, quyết định phải cầu sanh về Tịnh Độ, hạ hạ phẩm vãng sanh cũng là thù thắng tột bậc, là chân thật. Vì sao? Vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, công đức so với A La Hán hoặc Quyền Giáo Bồ Tát chỉ có hơn chứ không thể nào kém được, phải hiểu điều này! Dưới đây là kết luận:

***(Sao) Cố tri Tịnh Độ, chánh cứu lý Bồ Tát sở đăng cảnh giới, nhi kiêm dung du du chúng sanh nhĩ.***

**(鈔)**故知淨土，正究理菩薩所登境界，而兼容悠悠眾生耳。

*(**Sao**: Vì thế biết Tịnh Độ chính là cảnh giới để đạt lên của bậc Bồ Tát thấu hiểu rốt ráo Lý, kèm thêm hàng chúng sanh ngu ngơ vậy).*

Liên Trì đại sư nêu ra kết luận này, có cách nói khác với Thiện Đạo đại sư. Dụng ý của đại sư trong lời lẽ này đã được sách Diễn Nghĩa giảng giải minh bạch hơn.

***(Diễn) "Cố tri Tịnh Độ" hạ, tầm thường dĩ Tịnh Độ nhất môn, duy nhiếp độn căn phàm phu.***

**(演)**故知淨土下，尋常以淨土一門，唯攝鈍根凡夫。

*(**Diễn**: Từ câu "vì thế biết Tịnh Độ" trở đi, [ý nói]: Thông thường người ta nghĩ pháp môn Tịnh Độ chỉ để nhiếp thọ hàng phàm phu độn căn).*

Kẻ bình phàm có cách nhìn như vậy.

***(Diễn) Thiền Tông viên đốn pháp môn, nãi cứu lý Bồ Tát cảnh giới.***

**(演)**禪宗圓頓法門，乃究理菩薩境界。

*(**Diễn**: Pháp môn Thiền Tông viên đốn chính là cảnh giới của bậc Bồ Tát thấu hiểu rốt ráo Lý).*

Mọi người luôn thấy Tịnh Độ thấp chủn, thấy Thiền cao, cao ngất ngưởng, Tịnh Độ thấp lè tè ở dưới, kẻ bình phàm luôn có cách nhìn như vậy. Thuận theo kiến giải của phàm phu, Liên Trì đại sư nói pháp môn Thiền Tông viên đốn *"nãi cứu lý Bồ Tát cảnh giới"* (là cảnh giới của bậc Bồ Tát thấu hiểu rốt ráo Lý), *"cứu"* (究) là thấu hiểu tột cùng, [tức là Thiền Tông] là cảnh giới của những vị đại Bồ Tát nghiên cứu Lý đến mức thấu hiểu triệt để tâm tánh.

***(Diễn) Nhược như thượng luận, tắc Tịnh Độ chánh cứu lý Bồ Tát cảnh giới, du du chúng sanh nãi kiêm dung nhĩ.***

**(演)若如上論，則淨土正究理菩薩境界，悠悠眾生乃兼容耳。**

*(**Diễn**: Nếu luận định như trên thì Tịnh Độ chính là cảnh giới của hàng Bồ Tát thấu hiểu Lý rốt ráo, hàng chúng sanh ngu ngơ chỉ là được hóa độ kèm thêm mà thôi).*

Như trong phần trước đã nói, Tịnh Độ có Chánh Quán, có thầm chiếu soi bổn tâm, chẳng khác gì Thiền, đó là cảnh giới của bậc Bồ Tát đã thấu hiểu rốt ráo Lý. Tiếp đó, nó lại có *"trợ hạnh, bị tu vạn thiện"* (trợ hạnh tu trọn muôn điều thiện), ngay cả kẻ căn tánh hạ hạ cũng được bao gồm, cũng được hàm nhiếp trong ấy, chẳng bỏ sót họ. Chúng ta nghĩ tới những điều Thiện Đạo đại sư đã nói trong Quán Kinh, Ngài chẳng nói theo cách này. Thiện Đạo đại sư bảo: Thượng thượng phẩm cũng là phàm phu vãng sanh, chỉ là do gặp duyên khác nhau [mà có phẩm vị vãng sanh sai khác. Nói cách ấy đã] nâng Tịnh Độ Tông lên địa vị so với bất cứ pháp môn nào cũng đều cao hơn, đều thù thắng hơn. Chư vị phải hiểu: Cả hai vị này đều là tổ sư của Tịnh Độ Tông, nhưng sanh vào các thời đại có bối cảnh khác nhau, cho nên phương tiện thiện xảo để tiếp dẫn đại chúng khác nhau. Từ chỗ này, chúng ta thấy trí huệ và thủ pháp (cách thức, kỹ xảo) để tiếp dẫn chúng sanh của các Ngài hết sức cao minh. Thời đại của Liên Trì đại sư gần giống như thời đại của Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư, tức là nhằm thời đại Thiền Tông vô cùng hưng vượng, Tịnh Độ Tông bị kẻ bình phàm khinh dễ. Vì [người đời thường nghĩ] Tịnh Độ Tông chỉ biết niệm Phật, ít suy khảo, giảng rõ giáo lý; xã

hội có sự hiểu lầm rất lớn đối với Tịnh Tông [như thế đó]. Do vậy, cách nói của các Ngài (Vĩnh Minh, Liên Trì) là vừa đề cao Thiền, vừa nâng cao Tịnh Độ, dùng phương thức ấy. Tình hình trong thời đại Thiện Đạo đại sư khác hẳn, Thiện Đạo đại sư là người đời Đường. Các tông phái được kiến lập còn chưa lâu lắm, vẫn chưa hình thành một thế lực rất lớn. Do vậy, thời Ngài chẳng có trạng huống Thiền Tông cường thịnh như sau này, Ngài nói toàn lời chân thật. Ngài bảo chúng ta: Không chỉ là phàm phu, mà còn là phàm phu tạo tác ác nghiệp, nếu thật sự triệt để sám hối, cũng có thể vãng sanh trong bậc thượng. Từ kinh điển, thật sự tìm được chứng cứ cho lời Ngài nói; trong kinh điển có [những chứng cứ ấy]. Có thể thấy là Thiện Đạo đại sư chẳng xử sự bộp chộp, chẳng nói tùy tiện, mà xác thực là có kinh luận để làm căn cứ. Chúng ta phải biết lưu ý những chỗ như thế này, hãy nên học tập.

***(Sao) Hựu vân: Viên cơ thể đạo, thị tối thượng tịnh nghiệp. Cẩu gia nguyện dĩ đạo chi, tức dự ưu phẩm.***

**(鈔)又云：圓機體道，是最上淨業，苟加願以導之，即預優品。**

*(**Sao**: Lại nói: Căn tánh Viên Giáo thấu hiểu đạo chính là tịnh nghiệp tối thượng. Nếu dùng thêm nguyện để hướng dẫn, sẽ dự vào phẩm vị thù thắng).*

*"Ưu"* (優) có nghĩa là ưu việt (優越). Phẩm vị ưu việt là nói tới thượng phẩm thượng sanh. *"Viên cơ"* (圓機) là căn cơ Viên Giáo, người ấy hết sức thông minh; nói theo Thiền Tông thì là bậc lợi căn, thượng căn lợi trí, vừa nghe Phật pháp bèn có thể ngộ nhập. *"Thể"* (體) là thấu hiểu, chúng ta thường nói là *"khai ngộ"*. Người ấy vừa nghe liền khai ngộ, người như vậy niệm Phật vãng sanh đương nhiên là thượng thượng phẩm vãng sanh. Tịnh nghiệp tối thượng, lại còn thêm nguyện, tin thì đương nhiên là người ấy có thể tin. Đã hiểu, lẽ đâu chẳng tin? Nếu người ấy phát nguyện vãng sanh, nhất định sẽ là thượng phẩm thượng sanh, lập tức đạt tới phẩm vị rất cao.

***(Sao) Ngu phác chi bối, đản xưng Phật phát nguyện giả diệc sanh.***

**(鈔)愚朴之輩，但稱佛發願者亦生。**

*(**Sao**: Kẻ ngu độn, chất phác, chỉ xưng danh hiệu Phật, phát nguyện, cũng được vãng sanh).*

*"Ngu"* (愚) là ngu si, chẳng có thông minh và trí huệ. Không chỉ là nghe pháp chẳng thể khai ngộ, dẫu quý vị giảng kinh cho kẻ ấy tỉ mỉ đến mấy đi nữa, kẻ ấy vẫn chẳng thể khai ngộ. Con người có hai loại căn tánh:

1) Bậc thượng căn dễ dạy; nghe một, ngộ cả ngàn, hết sức dễ dạy, người ấy có thể thành tựu. Kẻ hạ căn cũng rất dễ dạy, vì sao? Chẳng cần nói rườm rà, chẳng cần nói chi hết, cứ dạy kẻ ấy thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, người ấy bèn thật sự làm, trong tương lai cũng nhất định vãng sanh. *"Duy thượng trí dữ hạ ngu bất di"* (Chỉ có kẻ thượng trí và hạ ngu là chẳng lay chuyển ý chí). Hai hạng người ấy là căn khí, đều rất dễ thành tựu.

2) Còn ở giữa là hạng lơ lửng, thượng chẳng phải là thượng, hạ chẳng phải là hạ, loại người này phiền phức lắm! Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm chính là vì những kẻ nửa vời ấy (thượng căn và hạ ngu chẳng cần [phải giảng dạy nhiều], rất đơn giản, do mấy câu bèn hiểu rõ, đều đắc độ). Những kẻ [lơ lửng nửa vời] ấy hết sức rắc rối, lắm vọng tưởng, tri kiến phức tạp, phiền não, chấp trước, làm cho họ nghe rõ ràng, nghe xong thấu hiểu đều rất khó khăn. Phật còn cảm thấy [hóa độ những kẻ đó] khó khăn, huống hồ là những kẻ kém hơn Phật! Phàm phu chúng ta chẳng có cách nào đối với những kẻ ấy, muốn cho họ tin tưởng là chuyện quá khó thể xảy ra. Làm như thế nào? Quý vị cũng không cần phải lo lắng, cũng chớ nên xử sự theo cảm tình, từ bi quá lố.

Nhất định là phải dùng lòng nhẫn nại để độ chính mình trước, chính mình đã tới Tây Phương Cực Lạc thế giới trước, sau khi đã đến đó mới quay lại, trở lại độ họ. Trở lại sẽ khác hẳn! Trí huệ của quý vị khác hẳn, phương tiện độ chúng sanh thiện xảo hơn nhiều. Vì sao? Học từ chỗ A Di Đà Phật. Hết thảy chúng sanh, bất luận luân hồi trong đường nào, quý vị đều nhận biết, chỉ cần chính mình có trí huệ, có năng lực, quý vị thời thời khắc khắc đều có thể giúp đỡ họ. Vì vậy, độ chúng sanh không vội vã [phải độ ngay] trong một thời, phải nhận biết thời tiết nhân duyên. Thời tiết nhân duyên chưa chín muồi, [cứ khăng khăng độ họ] sẽ chẳng có tí ti hữu dụng nào. Ắt cần phải đến khi duyên đã chín muồi, họ mới có thể tiếp nhận.

***(Sao) Quán Tịnh Độ nhất môn, tắc thánh nhân vô khí vật dã.***

**(鈔)觀淨土一門，則聖人無棄物也。**

*(**Sao**: Nhìn vào pháp môn Tịnh Độ, biết là thánh nhân chẳng bỏ một chúng sanh nào).*

Chỉ rõ pháp môn Tịnh Độ rộng lớn, pháp môn Tịnh Độ thù thắng. Đối tượng chúng sanh được độ bởi pháp môn này, trên bao gồm bậc Đẳng Giác Bồ Tát, Văn Thù, Phổ Hiền đều phải phát nguyện vãng sanh, dưới là cho đến chúng sanh trong địa ngục, hoặc ba ác đạo. Trong ba ác đạo, khổ nhất là địa ngục, chỉ cần họ một niệm hồi tâm, bằng lòng cầu sanh Tịnh Độ, lâm chung mười niệm hoặc một niệm cũng nhất định được vãng sanh. Đó là nguyện thứ mười tám của A Di Đà Phật. Cổ đại đức tán thán A Di Đà Phật vĩ đại nhất là do nguyện thứ mười tám, mười phương hết thảy chư Phật Như Lai tôn kính A Di Đà Phật nhất cũng vì nguyện thứ mười tám. Vì sao? Vì có nguyện ấy mà hết thảy chúng sanh đều đắc độ, có thể nói là "chẳng sót một ai!" Chỉ cần quý vị chịu vãng sanh, chẳng chịu vãng sanh thì chẳng có cách nào cả! Chỉ cần chịu vãng sanh, sẽ [được vãng sanh] chẳng sót một ai. Cổ đức bảo: *"Vạn người tu, vạn người đến"*.

***(Sao) Án sở vân chánh quán, thông hồ thượng trung.***

**(鈔)按所云正觀，通乎上中。**

*(**Sao**: Xét ra, Chánh Quán như đã nói chính là áp dụng cho bậc thượng và bậc trung).*

Đối với bậc thượng và bậc trung thì phương pháp tu hành là Chánh Quán.

***(Sao) Sở vân trợ hạnh, thông hồ trung hạ.***

**(鈔)所云助行，通乎中下。**

*(**Sao**: Trợ hạnh như đã nói thích hợp cho bậc trung và bậc hạ).*

Từ kinh điển chúng ta đọc thấy, bậc thượng do Lý nhất tâm bất loạn mà sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, bậc trung đoạn Kiến Tư phiền não sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, bậc hạ đới nghiệp vãng sanh, sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Tuy có bốn cõi và chín phẩm sai biệt, nhưng quý vị nhất định phải hiểu rõ: Bốn cõi của thế giới Tây

Phương xếp hàng ngang, dung hợp cùng một chỗ. Vì thế, xác thực là bản thân người trong thế giới Tây Phương chẳng cảm nhận có sự tồn tại của phẩm vị trong bốn cõi, chẳng có ý niệm ấy. Trên sự thật, xác thực là có bốn cõi chín phẩm tồn tại, nhưng chẳng có giới hạn.

***(Sao) Hữu pháp sư thử luận cực thiện, quán giả vô hốt.***

**(鈔)有法師此論極善，觀者毋忽。**

*(**Sao**: Có luận định tốt lành tột bậc của vị pháp sư ấy, người xem [sách này] chớ nên sơ sót).*

Pháp sư Chí Nhãn nói như vậy, lời khai thị ấy hết sức trọng yếu, có thể giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín, tăng trưởng tín tâm.

***(Sớ) Hữu ngôn cửu phẩm, bát tùng liên sanh, dĩ đệ nhất phẩm vân kim cang đài cố. Kim tham hợp kinh luận, nhưng dĩ cửu phẩm giai thuộc liên sanh.***

**(疏)有言九品，八從蓮生，以第一品云金剛臺故。今參合經論，仍以九品皆屬蓮生。**

*(**Sớ**: Có kẻ nói trong chín phẩm, có tám phẩm là sanh trong hoa sen, vì [Quán Kinh] nói phẩm thứ nhất là đài kim cang. Nay tham chiếu, phối hợp các kinh luận, vẫn nói là chín phẩm đều sanh trong hoa sen).*

Điều khó khăn nhất [trong việc lãnh hội] kinh Phật là chấp trước văn tự. Kinh Phật chẳng thể lìa khỏi văn tự, nhưng cũng chớ nên chấp trước văn tự. Lìa khỏi văn tự, chính là ma thuyết; chấp trước văn tự sẽ hiểu lệch lạc ý kinh, hiểu sai be bét ý nghĩa của Phật. Do vậy, trước khi nhập diệt, đức Thế Tôn dạy người đời sau Tứ Y Pháp. Đấy là dạy chúng ta: Đức Phật chẳng còn tại thế, chúng ta học Phật nương cậy kinh điển, phải dùng tâm thái như thế nào thì mới chẳng hiểu sai ý Phật. Đức Phật dạy chúng ta Tứ Y (四依: bốn chỗ nương tựa):

1) Câu đầu tiên là *"y pháp, bất y nhân"*, Pháp là kinh điển, nói tách bạch: Kinh điển mới là chỗ quy y thật sự, là chỗ để chúng ta nương tựa tu hành trong suốt một đời. Trong Tứ Thiếp Sớ, Thiện Đạo đại sư cũng đặc biệt nhấn mạnh quan điểm này! Dẫu là La Hán, Bồ Tát hoặc Đẳng Giác Bồ Tát giảng giải cho chúng ta mà mâu thuẫn, chẳng giống với ý nghĩa trong kinh Phật, chúng ta đều chớ nên tuân thủ, đều chớ nên

nghe theo! Nhất định là phải lấy kinh làm căn cứ. Trong bản chú giải này, đại sư đặc biệt nhấn mạnh, chúng ta phải biết *"y pháp, bất y nhân"*.

2) Thứ hai, đức Phật dạy chúng ta *"y nghĩa, bất y ngữ"*, *"nghĩa"* là ý nghĩa do đức Phật đã giảng, quý vị phải hiểu rõ, còn ngôn từ Phật sử dụng chẳng quan trọng. *"Ngữ"* được ghi chép lại thành văn tự, nay ta gọi là "kinh điển". Văn tự bất quá là phù hiệu ngôn ngữ mà thôi, dùng phù hiệu để biểu thị, dùng ngôn ngữ ghi chép xuống. Vì thế, chúng ta phải y nghĩa, *"ngữ"* chẳng quan trọng! Nhiều thêm mấy câu, hay ít đi mấy câu, chẳng sao hết! Chỉ cần đúng ý nghĩa là được rồi, đấy là một tiêu chuẩn trọng yếu!

3) Điều thứ ba, càng quan trọng hơn nữa. So trong bốn câu, mỗi câu sau càng quan trọng hơn câu trước: *"Y liễu nghĩa, bất y bất liễu nghĩa"*. Như thế nào thì mới là *"liễu nghĩa"*? Có thể giúp chúng ta thật sự vượt thoát luân hồi, vĩnh viễn đoạn sanh tử, thành Phật, làm Tổ ngay trong một đời này, thì cách thức hoặc khai thị ấy được gọi là *"liễu nghĩa"*. Hết thảy các kinh Đại Thừa do đức Phật đã giảng đều nhằm vào mục tiêu này. Lý chẳng sai, nhưng bản thân ta có đủ trình độ hay không? Kinh liễu nghĩa rất nhiều, chúng ta hãy quan sát cặn kẽ một phen, kinh liễu nghĩa nào có thể phù hợp căn tánh của chúng ta? Đối với người khác, kinh này là liễu nghĩa, nhưng đối với căn tánh của chúng ta thì là bất liễu nghĩa, chẳng có tác dụng. [Nếu ta] học pháp môn khác mà chẳng thể liễu sanh tử, cũng chẳng thể thoát tam giới, đối với ta mà nói thì pháp môn ấy chẳng liễu nghĩa! Vì thế, vào thời kỳ Mạt Pháp, trong hết thảy các kinh, thật sự có thể giúp chúng ta liễu sanh tử, thoát tam giới ngay trong một đời này chính là ba kinh Tịnh Độ. Trừ ba kinh ấy ra, quý vị mong liễu sanh tử, thoát tam giới, sẽ chẳng đơn giản như vậy, chắc chắn là kẻ bình phàm chẳng thể làm được! Trừ phi quý vị là thiên tài, là bậc thượng thượng căn, hoặc là bậc tái lai thì chẳng cần phải nói năng chi nữa, có thể thành tựu! Kẻ căn tánh trung hạ căn chẳng có cách nào liễu sanh tử, chỉ còn cách niệm Phật đới nghiệp vãng sanh. Vì thế, kinh điển này là liễu nghĩa rốt ráo, là liễu nghĩa viên mãn. Vì sao gọi nó là viên mãn rốt ráo? Trong hội Hoa Nghiêm, Văn Thù, Phổ Hiền, bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ đều niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đó là những vị thượng thượng căn, các Ngài cũng học pháp môn này. Kẻ hạ hạ căn, ác đạo chúng sanh, không điều ác nào chẳng tạo, lâm chung gặp thiện tri thức, chí tâm sám hối, mười niệm cũng có thể vãng sanh, thích hợp khắp ba căn, gồm thâu trọn vẹn lợi căn và độn căn. Do đó, pháp môn này là

liễu nghĩa rốt ráo, là liễu nghĩa viên mãn. Chúng ta nhất định phải nhận thức rõ ràng: Chúng ta phải học kinh liễu nghĩa, chớ nên học kinh bất liễu nghĩa. Trong một đời này, chúng ta được làm thân người, thọ mạng chẳng dài! Đừng thấy thời gian mấy chục năm, hoặc thời gian một trăm năm [là lâu dài], khảy ngón tay một cái đã trôi qua! Tôi đã gần bảy mươi tuổi, ngẫm lại khi mười mấy tuổi, giống như chuyện mới [xảy ra trong] ngày hôm qua. Quý vị thấy [thời gian trôi qua] nhanh chóng lắm! Chẳng thể nào lại có bảy mươi năm nữa. Dẫu lại có bảy mươi năm nữa, cũng là khảy ngón tay một cái đã trôi qua! Thọ mạng của chúng ta quá ngắn, thời gian quá quý báu, lãng phí nơi kinh điển chẳng liễu nghĩa thì đáng tiếc quá! Vì thế, phải tập trung thời gian và tinh thần, chuyên tu, chuyên hoằng. Chuyên hoằng là chuyên tu, chuyên tu là chuyên hoằng, tự lợi và lợi tha là một, không hai. Đó là đúng. Vì thế nói: Y kinh liễu nghĩa, đừng y theo kinh chẳng liễu nghĩa.

4) Điều cuối cùng, đương nhiên càng quan trọng hơn. Đức Phật dạy chúng ta *"y trí, bất y thức"*. Đây là ban cho chúng ta một sự cảnh giác rất lớn, vì sao? Phàm phu cảm tình rất nặng, thường bị cảm tình lôi kéo! Biết rành rành chỗ này chẳng liễu nghĩa, nhưng vì mấy người bạn thân của quý vị tin tưởng, họ đã tin tưởng, hôm nay người này đến khuyên quý vị, ngày mai người kia đến chèo kéo, vì nể mặt, nể tình, chẳng thể nào không đi, hỏng bét! Do vậy, đức Phật dạy chúng ta phải y trí, bất y thức. *"Trí"* là lý trí, *"Thức"* là cảm tình. Nương theo cảm tình, chẳng có ai không bị đọa lạc; nương theo trí thì mới có thể vượt thoát. Do vậy, chúng ta phải lấy lý tánh làm chủ tể, chớ nên xử sự theo cảm tình, đó là đúng, quý vị sẽ đi theo con đường chánh xác.

Đấy chính là trước khi nhập Niết Bàn, đức Phật đã dặn dò chúng ta là lũ người đời sau bốn câu, gọi là Tứ Y Pháp. Bốn câu khai thị ấy, chúng ta thật sự hiểu rõ, xác thực là tuân thủ, sẽ chẳng khác gì có Phật bên cạnh, chẳng khác gì suốt ngày từ sáng đến tối theo sát bên Phật. Có thể thấy Thích Ca Mâu Ni Phật suy nghĩ rất chu đáo, đối với các thứ hoàn cảnh tao ngộ của bọn học sinh trong ngàn vạn năm sau, Ngài đều liễu giải, đều dạy cho chúng ta phương pháp và nguyên tắc rất tốt đẹp, có thể ở trong hết thảy cảnh duyên mà đạo hạnh chẳng bị chướng ngại, chúng ta luôn có thể thành tựu. Đây là nguyên tắc rất cao, nhất định phải nắm vững; sau đó xem nhiều vấn đề chi tiết, tự nhiên sẽ hiểu rõ.

Ở đây, Liên Trì đại sư viết nhiều như thế, cho thấy: Cảnh duyên trong thế gian này hết sức phức tạp. Hoàn cảnh hiện thời so với những

năm cuối triều Minh chỉ có [phức tạp, tệ hại] hơn, chứ chẳng có kém. Tuân thủ giáo huấn của tổ sư, tuân thủ nguyên tắc của Phật, Tổ, nay chúng ta vẫn có thể đột phá hoàn cảnh y như cũ. Đấy cũng là lý do vì sao chúng ta phải đọc Sớ Sao, vì sao phải giảng Sớ Sao? Tông chỉ và mục đích ở ngay chỗ này. Trong đoạn này, trước hết nêu ra một vấn đề, vấn đề này phát xuất từ Quán Kinh. Đối với chín phẩm trong Quán Kinh, thượng phẩm nói là *"kim cang đài"*, chẳng nói hoa sen. Từ thượng phẩm trung sanh xuống đến hạ hạ phẩm đều nói là *"hóa sanh trong hoa sen"*. Người ấy (kẻ nêu ra thắc mắc đó) chấp trước văn tự. Trong tám phẩm có hoa sen, thượng thượng phẩm chẳng có hoa sen, thắc mắc nẩy sanh từ chỗ này. *"Kim tham hợp kinh luận"* (Nay tham chiếu và phối hợp kinh luận), ở đây, hễ tổ sư nói Luận [mà chẳng nói là bộ luận nào] thì đều là nhắc tới Vãng Sanh Luận. Chúng ta hợp ba kinh và một luận để xem, quý vị bèn hiểu rõ: Thượng thượng phẩm vãng sanh cũng có hoa sen, chẳng phải là kinh không nói, bèn chẳng có! Vì thế, đức Phật dạy chúng ta *"y nghĩa, bất y ngữ"*, câu này trọng yếu lắm. Đoạn văn kế tiếp rất dài, đều là gộp kinh và luận lại để xem xét, nhằm chỉ rõ chín phẩm đều là hóa sanh trong hoa sen. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này.

# A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa
# Quyển VIII hết

**"Hoan nghênh ấn tống - công đức vô lượng"**

# NAME OF SPONSOR

## 助 印 功 德 芳 名

**Document Serial No** : 105081

委印文號：*105081*

Book Title: 越南文：阿彌陀經疏鈔演義 講記(卷八)
Book Serial No.,**書號**：VI308

**U.S.Dollars：**

**49,000：**

-Sa-môn Quang Minh Temple Chicago, USA
-Sa-môn và Phật tử Tam Bảo Phật Tổ Temple Long Beach, California USA
-Sa-môn và Phật tử Tam Bảo Lộc Uyển Temple West Palm Beach, Florida USA
-Phật tử Tam Bảo Amida Society Temple City, California USA
-Phật tử Tam Bảo Amitabha Buddhist Association of Queensland, AUSTRALIA
-Phật tử Tam Bảo Pure Land Learning College Toowoomba, Qld AUSTRALIA
-Phật tử Tam Bảo đạo tràng Nhất Tâm Garden Grove, California USA
-Phật tử Tam Bảo đạo tràng Bảo Liên Westminster, California USA
-Phật tử Tam Bảo đạo tràng Liên Trì San Diego, California USA
-Phật tử Tam Bảo đạo tràng Tịnh Nghiệp San Diego, California USA
-Phật tử Tam Bảo thành phố lân cận vùng Orange County, California USA
-Phật tử Tam Bảo Gilbert, Arizona USA
-Phật tử Tam Bảo Garland, Texas USA
-Phật tử Tam Bảo Houston, Texas USA
-Phật tử Tam Bảo Winnipeg, Manitoba CANADA
-Phật tử Tam Bảo East Bethel, Minnesota USA
-Phật tử Tam Bảo Cumming, Georgia USA
-Phật tử Tam Bảo Upper Darby, Pennsylvania USA
-Phật tử Tam Bảo North Charleston, South Carolina USA
-Phật tử Tam Bảo Haymarket, Virgina USA
-Phật tử Tam Bảo San Jose, California USA
-Phật tử Tam Bảo Palmetto, Florida USA
-Phật tử Tam Bảo Escondido, California USA
-Phật tử Tam Bảo Sicklerville, New Jersey USA
-Phật tử Tam Bảo Beltsville, Maryland USA
-Phật tử Tam Bảo Hawthorne, California USA
-Phật tử Tam Bảo Columbia, Missouri USA
-Phật tử Tam Bảo Lincoln, Nebraska USA
-Phật tử Tam Bảo Sydney, New South Wales AUSTRALIA
-Phật tử Tam Bảo Federal Way, Washington USA
-Phật tử Tam Bảo Koloa, Hawaii USA
-Phật tử Tam Bảo Montreal, Quebec CANADA
-Phật tử Tam Bảo Kattem, NORWAY
-Phật tử Tam Bảo Mississauga, Ontario CANADA
-Phật tử Tam Bảo Lake Oswego, Oregon USA
-Phật tử Tam Bảo Lunzenau, Sachsen GERMANY

Chúng con ấn tống kinh sách này để trang nghiêm Phật Tịnh Độ. Nếu có chút ít công đức nào, nguyện đem công đức này:

Hồi hướng cho thập phương pháp giới chúng sanh, trên đền tứ trọng ân, dưới cứu tam đồ khổ. Nguyện cầu chánh pháp trường tồn, thế giới hòa bình, tiêu tai giải nạn, chúng sanh an lạc.

Hồi hướng cho lịch đại kiếp số oán thân trái chủ, tất cả chúng sanh đã bị chúng con não loạn, hoặc giết hại vì bất cứ lý do gì! Hôm nay, chúng con xin thành tâm sám hối. Nguyện cầu chư vị xóa bỏ hận thù, hộ pháp cho nhau, đồng tâm niệm Phật, đồng nguyện vãng sanh, đồng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Hồi hướng cho tứ thân phụ mẫu, thân bằng quyến thuộc trong vô lượng kiếp, dù đang ở trong bất cứ cảnh giới nào, đều được cảm ứng, phát tâm Tín - Nguyện - Hạnh niệm Phật, siêu sanh Tịnh Độ.

Hồi hướng cho bậc ân sư đại đức, tứ thân phụ mẫu, thân bằng quyến thuộc đang hiện tiền, nghiệp chướng tiêu trừ, phước báu tăng trưởng, phát khởi tín tâm, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ và đều được thành tựu.

Hồi hướng cho tất cả chúng sanh có duyên hay không có duyên với chúng con, sau cùng đều được vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Hồi hướng về Tây Phương Trang Nghiêm Phật Tịnh Độ.

Hồi hướng cho ngày lâm chung của chúng con. Nguyện cầu A Di Đà Phật thọ ký, biết trước ngày giờ, tâm hồn tỉnh táo, lâm chung không chướng ngại. Nguyện A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng, tướng hảo quang minh, hiện thân tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Nguyện hoa nở thấy Phật ngộ Vô Sanh, nguyện chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề, nguyện độ vô biên chúng sanh trong thập phương pháp giới vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, viên thành Phật đạo.

**Nam Mô A Di Đà Phật**

31,800：佛陀教育基金會。

**Total: U.S.Dollars 4,900, N.T.Dollars31,800 ,1,200 copies.**
**以上合計:美金 4,900 元；台幣 31,800 元，恭印 1,200 冊。**

# DEDICATION OF MERIT

May the merit and virtue
accrued from this work
adorn Amitabha Buddha's Pure Land,
repay the four great kindnesses above,
and relieve the suffering of
those on the three paths below.
May those who see or hear of these efforts
generate Bodhi-mind,
spend their lives devoted to the Buddha Dharma,
and finally be reborn together in
the Land of Ultimate Bliss.
Homage to Amita Buddha!

## NAMO AMITABHA
## 南無阿彌陀佛

【越南文：阿彌陀經疏鈔演義 講記(卷八)】
財團法人佛陀教育基金會 印贈
台北市杭州南路一段五十五號十一樓
Printed and donated for free distribution by
**The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation**
11F., 55 Hang Chow South Road Sec 1, Taipei, Taiwan, R.O.C.
Tel: 886-2-23951198 , Fax: 886-2-23913415
Email: overseas@budaedu.org
Website:http://www.budaedu.org
Mobile Web: m.budaedu.org
**This book is strictly for free distribution, it is not to be sold.**
KINH ẤN TỐNG KHÔNG ĐƯỢC BÁN
Printed in Taiwan
1,200 copies; March 2016
VI308-13954